QUÂN SỬ 4

QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA trong giai đoạn hình thành 1946-1955



KÍNH GỬI QUÝ ĐỌC GIẢ THÂN MẾN
VÀ QUÝ CHIẾN HỮU THUỘC MỌI BINH CHỦNG Q.L.V.N.C.H.

Thưa Quý vị và quý chiến hữu,

Cho dù cuộc đời đã trải qua nhiều biến đổi, nhưng những hình ảnh xa xưa vẫn luôn chất chứa trong hồn, vẫn là những kỷ niệm không thể xóa nhòa, không thể trôi vào quên lãng. Riêng với tôi, vẫn luôn nhớ đến những chiến hữu của mình, nhớ đến những người lính đã cùng cầm súng sát cánh chiến đấu chống lại kẻ thù dân tộc: Cộng Sản. Chắc hẳn quý vị cũng đồng ý với tôi, trong cuộc sống lưu vong của chúng ta hiện nay, một trong những điều thích thú ý nghĩa nhất của mình là tìm đọc được những cuốn sách giá trị trung thực viết về Quân Đội thân yêu của chúng ta; viết về những Quân trường mà chúng ta đã được đào tạo; viết về những đồng đội, những chiến dịch, những trận đánh có chính chúng ta từng tham dự. Trong đó, những con đường, những thôn xóm, những thị trấn, những địa danh, những cái tên quen thuộc mà bước chân chiến trận của mình đã bước qua, được nhắc đến và gợi lại cho chúng ta những giây phút hào hùng chiến đấu bên bạn đồng đội chống quân thù. Những nhắc nhớ làm lòng nao nao xúc động và nhớ tiếc những kỷ niệm êm đẹp của thời niên thiếu trong đời quân ngũ mà mình đã trải qua, đã ghi nhận.

Với tâm trạng trên, khi được anh Nguyễn Quang Vinh, nguyên Trung Tá Không Quân, Phi đoàn trưởng Phi đoàn 518 Biên Hòa gửi cho cuốn Quân Sử 4 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tôi đã say mê đọc, bao nhiêu đêm tôi đã sống trong mộng mị, hồi tưởng lại tuổi 19, 20 của mình, khi mới bỡ ngỡ bước chân vào Quân Trường Đà Lạt vừa được thành hình (năm 1950). Ra trường cuối năm đó, tôi đã lần lượt ở những đơn vị với những cấp chỉ huy nổi tiếng như: T.T. Phan Trọng Vinh (thân phụ của Thiếu Tướng Phan Trọng Chinh), Đại Úy Nguyễn Khánh (sau này là Đại Tướng Nguyễn Khánh), Đại Úy Tôn Thất Xứng (sau này là Thiếu Tướng), Trung Úy Bernard De Lattre (con trai Thống Chế De Lattre) và sau cùng là Thiếu Tá Cao Văn Viên (sau này là Đại Tướng Cao Văn Viên).

Vì được ở với Tiểu đoàn và Liên đoàn Lưu động (Groupe Mobile) nên tôi đã có dịp tham dự nhiều trận đánh quan trọng và được đặt chân đến hay đi qua hầu hết các địa danh miền Trung Du và Thượng Du Bắc Việt. Từ vùng Nho Quan, Phát Diệm Lạc Quần, Yên Cư Hạ, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hưng Yên, Ninh Giang, Vĩnh Bảo, Kiến An, Tiên Lãng ngược lên đến Hương Canh, Phủ Lỗ, Vĩnh Phúc Yên và cả xứ Thái thuộc tỉnh Lai Châu mà những địa danh cùng những trận đánh này đều được ghi rõ ràng trong cuốn Quân Sử 4.

Đọc xong bộ Quân Sử, tôi nảy quyết định phải cho xuất bản lại để lưu giữ bộ sách vô cùng quý giá này. Tôi liên điện thoại hỏi ý kiến Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị và một số thân hữu khác, tất cả các vị này đều khuyến khích và mong muốn sớm thấy bộ Quân Sử Q.L.V.N.C.H. được tái bản để không những mình được đọc lại, con cháu mình đọc, mà còn để giới thiệu với người ngoại quốc công cuộc chiến đấu anh dũng của Quân Dân Việt Nam đã bền bỉ liên tục hàng thế kỷ trước đây trong cuộc chống xâm lăng từ phương Tây đến và bao nhiêu năm chống chủ thuyết Cộng sản vô thần, nay lại đang tiếp tục chiến đấu tiêu diệt chế độ này với quyết tâm giải phóng quê hương.

Cũng một lượt với việc tái bản bộ Quân Sử 4, tôi cũng cho tái bản bộ Quân Sử III viết về Quân Dân Việt Nam Chống Tây Xâm (1847 - 1945). Bộ Quân Sử III này do một thân hữu Toà Đại Sứ Việt Nam trước đây tại Phi Luật Tân gửi tặng.

Hai bộ Quân Sử này, theo tôi nghĩ không những rất quý báu và giá trị cho Quân Lực Việt Nam, mà còn là một tài liệu giá trị về lịch sử và khảo cứu, có thể gọi là những bộ Quốc Sử.

Bộ Quân Sử 4 do Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH thực hiện và ấn hành xong năm 1972. Tôi được biết không chắc chắn lắm, Bộ TTM đang soạn bộ 5 thì mất nước. Vậy nếu Bộ 5 đã được soạn xong mà quý vị nào may mắn mang theo được, xin vui lòng liên lạc với chúng tôi để hợp tác xuất bản hầu gìn giữ toàn vẹn pho Quốc Sử, một bảo vật của đất nước. Riêng về Bộ Quân Sử 1 và 2, chúng tôi sẽ thu xếp để có thể tái bản trong một ngày gần đây.

Nhân danh Nhà Xuất Bản Đại Nam, tôi kính xin phép Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH và quý vị Sĩ quan trong khối Quân Sử, đã có công biên soạn Pho Quân Sử này, để xin được phép tái bản tại Hải ngoại. Quý vị Sĩ quan trong khối Quân Sử, quý vị nào hiện sống tại hải ngoại, xin liên lạc với chúng tôi, để chúng tôi được trực tiếp xin phép và gửi sách kính biếu.

Đặc biệt, kính cẩn dâng lên anh hồn Đại Tá Phạm Văn Sơn, Trưởng Khối Quân Sử Phòng 5/ Bộ TTM năm 1971, một nén nhang. Đại Tá Phạm Văn Sơn, một sử gia, đã gục ngã trong trại tù Cộng sản miền Bắc sau hơn 8 năm bị đày đọa trong tay quân thù man rợ hèn hạ.

Câu nói của Đại Tá Sơn viết trong lời mở đầu bộ Quân sử 3 đã là động cơ thúc đẩy tôi cho tái bản bộ sách quý này:" Gương chiến đấu của tiền nhân ta sẽ được mãi mãi noi theo và những chiến thắng đầy vinh quang của cha anh chúng ta hôm qua sẽ là bó đuốc soi đường không bao giờ tắt cho thế hệ mai hậu".

Nhân dịp này, chúng tôi mong liên lạc với thân nhân Đại Tá Phạm Văn Sơn để xin phép được tái bản bộ Việt Sử Tân Biên vô giá do Đại Tá Sơn biên soạn, gồm 7 cuốn, từ thời Thượng cổ đến thời Cận kim. Bộ Việt Sử này hiện nay được coi như đầy đủ nhất và giá trị nhất.

Glendale ngày 16 tháng 10 năm 1983 (tức ngày 11 tháng 9 năm Quý Hợi)

ĐỖ ĐÌNH LÂM tự ĐỖ NGỌC TÙNG
Giám Đốc Nhà Xuất Bản ĐẠI NAM
(Cựu SVSQ Khóa 4 (Lý Thường Kiệt)
Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

Quân sử 4

QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA TRONG GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH 1946 – 1955

Do Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu (Khối Quân Sử) thực hiện :

- *Sưu khảo và biên soạn* : *Trung tá* LÊ VĂN DƯƠNG
- *Phụ biên* : *Thiếu úy* TÔN TÍCH ĐỨC
- *Họa đồ* : *Thiếu úy* NGUYỄN HOÀI NGHĨA
- *Trình bày* : *Chuyên viên* TRẦN VĂN ĐẠI
- *Sao hình* : TRUNG TÂM ĐIỆN ẢNH TRUYỀN TIN
- *Ấn loát* : TRUNG TÂM ẤN LOÁT * ẤN PHẨM (P.TQT/BỘ TTM).

với sự đóng góp hình ảnh của :

- THƯ VIỆN QUỐC GIA
- TRUNG TÂM VĂN KHỐ QUÂN ĐỘI
- TRUNG TÂM KHAI THÁC TÀI LIỆU HỖN HỢP
- *Ông* NGUYỄN CAO ĐÀM
- *và các chiến hữu.*

1972

CƠ SỞ DAINAM XUẤT BẢN

Printed in Taiwan, Republic of China.

Loại lịch sử chiến đấu và tổ chức

Phủ hiệu Lục-Quân và Không-Quân Việt-Nam thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa

Terre et Air

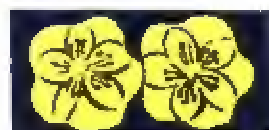

Général d'Armée


Colonel


Capitaine


Général de Corps d'Armée


Lieutenant-Colonel


Lieutenant


Général de Division


Commandant


S/Lieutenant


Général de Brigade


Aspirant


Elève-officier


Adjudant-Chef


Adjudant


Sergent-Chef


Caporal-Chef


Caporal


Sergent

Soldat 1re classe

CASQUETTES


MER


TERRE


AIR

VISIERES


Officiers Généraux


Officiers Supérieurs


Officiers


S/Off. + Hommes de troupe

TỰA

Viết lịch sử và viết quân sử có những điểm khác nhau :

Viết lịch sử gồm việc ghi chép khách quan sau khi đã thẩm định giá trị các dữ kiện và tài liệu liên quan đến công trình hoạt động và đấu tranh của dân tộc, trái lại, viết quân sử chỉ thu hẹp trong phạm vi các hoạt động của quân đội.

Ngoài ra còn có chiến sử. Chiến sử và quân sử cũng có những điểm khác nhau.

Chiến sử là tài liệu viết về chiến tranh trong một lịch sử Quốc Gia. Sự viết này thuộc về các sử gia, đôi khi nặng về các mục phiêu chính trị, và nhẹ về các sự kiện quân sự. Tỷ như việc xây đắp chiến lũy sông Cầu của Lý Thường Kiệt, việc đóng cọc hai lần trên sông Bạch Đằng chống quân Tàu của Ngô Quyền và Trần Hưng Đạo, đều là những công trình chiến đấu đáng chú ý của sử Việt. Thế mà ngày nay, ta chỉ mường tượng tới những công nghiệp oai hùng ấy, chứ chẳng biết tiền nhân ta đã thực hiện ra sao ?

Còn quân sử, không những chỉ viết riêng về chiến sử mà viết chung về các hoạt động quân sự. Đó là một sự đúc kết tất cả các thành quả trên mọi lãnh vực của một quân đội. Quân sử đòi hỏi sự nghiên cứu tỉ mỉ, chính xác và nếu viết được đầy đủ sẽ là những kinh nghiệm quý để cho quân nhân thuộc mọi ngành khai thác và thích dụng.

Với những ý niệm này, Phòng 5 Bộ Tổng-Tham-Mưu luôn luôn cố gắng để soạn thảo những cuốn quân sử sát với ý nghĩa nêu trên.

Nay cuốn Quân sử 4-viết về thời kỳ chiến tranh của nước ta giữa các năm 1945 — 1954 được hoàn tất và ấn hành.

Những nét đặc biệt của bộ sử này phát xuất từ các lý do sau :

Trong tiến trình lịch sử Quốc-gia Việt-Nam, thập niên 1945 — 1954, có thể xem là « giai đoạn bản lề », đóng mở hai thời kỳ hoàn toàn khác biệt : cao trào dân tộc giải phóng hậu đệ nhị thế chiến đã cùng lúc chôn vùi quá khứ nhược tiểu bị đô hộ.

Đồng lúc với sự xuất hiện trật tự mới quốc tế, Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa hình thành và canh tân để góp phần trọn vẹn thể hiện chủ quyền quốc gia đảm trách sứ mạng « Bảo Quốc An Dân ».

Viết về một quá trình gần gũi, trong khi các dữ kiện, nhân vật chủ chốt cũng như nhân chứng còn khá nhiều, bộ quân sử này ắt không tránh khỏi những thiếu sót. Tuy nhiên, nếu chờ thời gian qua lâu hơn nữa, e rằng một số chất liệu không còn giữ nguyên phẩm. Vì vậy, với tất cả những dè dặt cần thiết đối với một thời kỳ đặc biệt, việc ghi chép đã tiến hành và kết quả được đúc kết sơ khởi vào quyển Quân sử 4 này.

Sách gồm ba phần :

— *Phần đầu* : nêu các quan điểm chiến tranh của các tướng lãnh Pháp xuyên qua cuộc chiến với một vài trận đánh quan trọng được mô tả chi tiết.

— *Phần nhì* : nói về sự thành hình của quân đội Việt Nam với sự phát triển trong đủ mọi lãnh vực.

— *Phần ba* : ghi lại lý do và các sự phát động chiến tranh với Bình Xuyên và Giáo phái.

Sách dầy trên 450 trang với nhiều sơ đồ, biểu đồ và hình ảnh, và đã cố đáp ứng với kỹ thuật về bố cục, sưu tầm và trình bày. Người viết đã viết trên một tinh thần vô tư và đã chứng tỏ thiện tâm trong việc biên khảo.

Trong việc ghi lại sự nghiệp của QLVNCH, cơ quan biên soạn có một ước vọng khiêm tốn là góp một viên đá trắng vào việc xây dựng tòa nhà quân sử. Công trình dù có nhiều khe, niềm hy vọng vẫn tràn trề ở cao kiến các độc giả ưa thích quân sử để bổ túc và hoàn hảo các lần tái bản sau này.

KBC. 40.02, ngày 6 tháng 8 năm 1972

Đại-Tá HUỲNH-HỮU-BẠN
Trưởng Phòng 5 / Bộ Tổng Tham Mưu
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Phần 1

CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT – PHÁP (1945 - 1954)

- Chỉ đạo chiến tranh của Pháp tại Đông Dương từ 1945 đến 1954.
- Tóm lược các biến cố và tình hình chiến sự từ 1945 đến 1954.
- Các trận đánh quan trọng.

Chương

1

CHỈ ĐẠO CHIẾN TRANH CỦA PHÁP TẠI ĐÔNG DƯƠNG TỪ 1945 ĐẾN 1954

△ LỜI TỔNG QUÁT △ PHÁP CHUẨN BỊ TÁI CHIẾM ĐÔNG DƯƠNG △ ĐƯỜNG LỐI CHỈ ĐẠO CHIẾN TRANH CỦA THIERRY D'ARGENLIEU △ EMILE BOLLAERT △ LÉON PIGNON △ DE LATTRE DE TASSIGNY △ LETOURNEAU △ MAURICE DEJEAN △ PAUL ELY △ CUỘC BÌNH ĐỊNH CỦA PHÁP TẠI MIỀN NAM.

CHỈ ĐẠO CHIẾN TRANH CỦA PHÁP TẠI ĐÔNG DƯƠNG TỪ 1945 ĐẾN 1954

A. ĐẠI CƯƠNG

CUỘC đảo chính chớp nhoáng ngày 9-3-1945 của Nhật tại Đông Dương đã khiến chế độ thuộc địa của Pháp lung lay tận gốc rễ. Quân Pháp kháng cự yếu ớt và cuối cùng đã đầu hàng. Lúc nhận được tin này, tướng de Gaulle bèn chỉ thị cho các tướng lãnh bại trận tại Đông Dương phải lo cứu vãn và tổ chức chiến tranh chống Nhật.

Đến khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Pháp quyết định tái chiếm Đông Dương và tìm cách lập một chế độ cai trị rộng rãi hơn trước năm 1939, tuy chấp nhận căn bản này Pháp vẫn áp dụng chính sách chia để trị theo đường lối của tướng Lyautey, nghĩa là tìm cách biến mỗi miền thành một khu vực chính trị có quy chế riêng biệt.

Tuy nhiên, việc tái chiếm không dễ dàng như Pháp đã tưởng, họ gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân Việt Nam, khiến cho cường độ chiến tranh mỗi ngày một gia tăng mà ta có thể chia làm 3 giai đoạn

— Giai đoạn Pháp chuẩn bị tái chiếm (1945 — 1946) : Trong giai đoạn này, Pháp theo dõi tình hình tại Đông Dương, móc nối những Pháp kiều và các phần tử thân Pháp để chuẩn bị tái chiếm.

— Giai đoạn tái chiếm (1946 — 1949) Pháp trở lại Đông Dương sau khi Nhật đầu hàng. Trong giai đoạn này, tướng Navarre đã nhận xét là Pháp có thể thành công nếu có một đường lối chính trị rõ rệt và cởi mở đối với người Việt Nam.

— Giai đoạn chiến tranh khốc liệt (1949 — 1954) : Sau khi làm chủ Hoa lục, Trung cộng viện trợ cho Việt Minh, khiến chiến trường thay đổi, Pháp mỗi ngày một yếu thế và bị sa lầy.

Trong suốt thời gian chiến tranh, chính tình nước Pháp rối ren, thay đổi đến 19 chính phủ, và riêng tại Đông Dương đã 7 lần thay đổi các cấp chỉ huy chính trị và quân sự .

Cao ủy Đông Dương	Tổng tư lệnh
1. T. D ARGENLIEU (8.1945 - 3.1947)	1. LECLERC (8.1945 - 7.1946)
2. E. BOLLAERT (3.1947 - 9.1948)	2. VALLUY (7.1946 - 7.1949)
3. PIGNON (9.1948 - 12.1950)	3. BLAIZOT (7.1949 - 9.1949)
	4. CARPENTIER (9.1949 - 12.1950)
4. DE LATTRE (12.1950 - 1 1952)	5. DE LATTRE kiêm cả hai chức
5. LETOURNEAU (4 1952 - 7 1953)	6. SALAN (1 1952 - 5.1953)
6. DEJEAN (7 1953 - 6.1954)	7. NAVARRE (5.1953 - 6.1954)
7. PAUL ELY (6.1954 - 8.1955)	8. PAUL ELY

Vì thế, sự chỉ đạo chiến tranh của Pháp không liên tục, có tính cách chắp vá theo sáng kiến của các chính phủ, nhất là của các tướng lãnh có trách nhiệm, và tùy theo tình hình biến chuyển tại chiến trường. Do đó, sau 9 năm chiến tranh. Pháp phải nhận lấy thất bại tại Đông Dương.

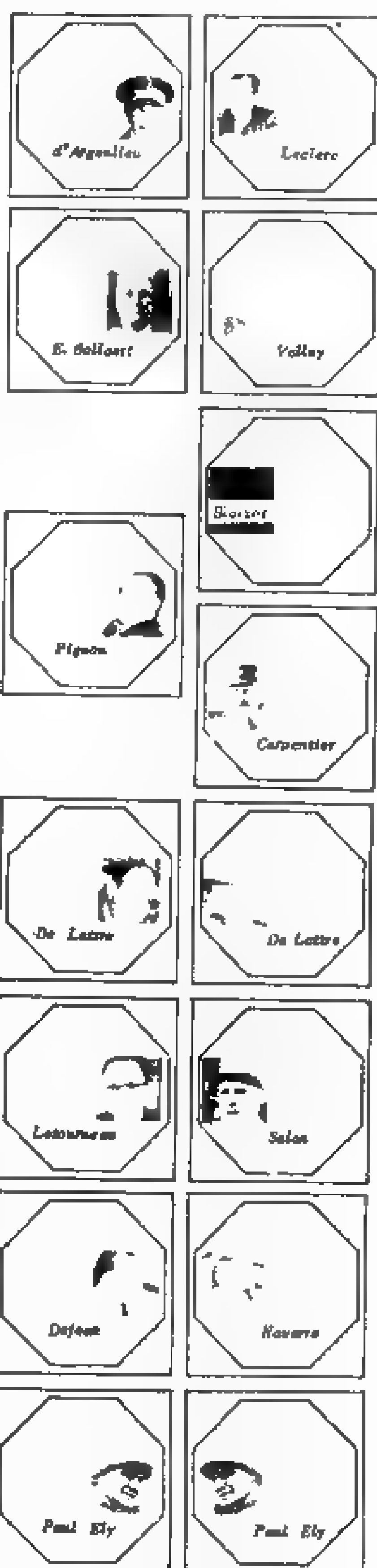
B. PHÁP CHUẨN BỊ TÁI CHIẾM ĐÔNG DƯƠNG

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Saigon bị quân Nhật đánh bất ngờ đã đầu hàng không chống cự. Huế và Hà Nội tuy biết trước cũng chỉ chống cự được vài tiếng đồng hồ rồi cũng đầu hàng, và viên toàn quyền Decoux bị bắt ngay giữa trưa ngày hôm đó.

Trong vài ngày, hàng ngàn quân Pháp bị giết, một số bị bắt làm tù binh. Các thường dân Pháp cũng bị bắt giữ làm con tin và được tập trung trong một vài thành phố. Chỉ có một vài trận đụng độ khá lớn, như ở Lạng Sơn quân Nhật tấn công giết tướng Lemonier và rất nhiều sĩ quan cùng binh sĩ Pháp. Tuy nhiên một đoàn quân Pháp đã chạy được sang Tàu, đó là đoàn quân của tướng Alessandri và Sabattier, khoảng 5.000 người.

Quân Pháp thất trận nhanh chóng ở Đông Dương vì tại đây Pháp có khoảng 38.000 quân, trong đó chỉ có 7.500 người gốc Pháp mà phải đương đầu với 70.000 quân Nhật.

Được tin, de Gaulle lúc đó đang cầm đầu nước Pháp chống Đức đã ban chỉ thị



cho hai tướng Alessandri và Sabattier lo cứu vãn tình thế, buộc các đơn vị Pháp còn lại với bất cứ giá nào phải lo tổ chức chiến đấu chống Nhật để chiếm lại lãnh thổ Đông Dương.

1. NHỮNG TRỞ NGẠI CỦA PHÁP.

Trong việc tổ chức chiến tranh chống Nhật, Pháp đã gặp nhiều trở ngại

a. Các nước đồng minh không giúp đỡ.

— Khi quân đội Nhật tấn công Pháp lúc 1g30 sáng ngày 9-3, Bộ tư lệnh thập tự không lực Mỹ do tướng Chennault chỉ huy đóng tại Côn Minh đã được thông báo, và người Mỹ không yểm trợ cho các đơn vị Pháp còn chống Nhật cũng như các đơn vị trên đường rút lui từ Bắc Việt sang Tàu. Tướng Chennault viện lẽ thời tiết xấu để từ chối, mặc cho quân Pháp bị thất bại nhục nhã. Sở dĩ ông không can thiệp vì ông không muốn giúp Pháp duy trì lại chế độ thuộc địa tại Đông Dương, và lại ông còn chịu ảnh hưởng bởi thái độ chống Pháp của chính phủ Trùng Khánh. Trong tập hồi ký viết sau này, ông đã thố lộ: « Chánh phủ Hoa Kỳ muốn thấy người Pháp bị đuổi khỏi Đông Dương để không còn thuận tiện trở lại chế độ thuộc địa...». Tướng Chennault rời khỏi chức vụ ngày 7-8-1945 có lẽ một phần vì lý do thiếu thiện cảm trên.

— Các quan chức Trung Hoa đã bộc lộ thái độ rõ rệt ghét Pháp. Khi đoàn hai binh Pháp tới lãnh thổ Trung Hoa, người Tàu đã không giúp đỡ thiết thực mà còn gây khó khăn như tước khí giới của nhiều đơn vị Pháp. Sau nhờ sự can thiệp của Mỹ nên các sự dàn xếp có vẻ ổn thỏa. Tuy nhiên, tướng Tàu Hà Ứng Khâm ngoài mặt tỏ vẻ bặt thiệp, nhưng không hiểu ông chỉ thị cho thuộc cấp ra sao mà họ thường gây rắc rối với quân Pháp. Các giới chức địa phương Tàu lại thường khiếu nại là quân Pháp hay gây xáo trộn, làm mất trật tự. Kết cục các đơn vị Pháp phải tập trung tại những khu riêng biệt mới được giữ khí giới.

b. Nước Pháp kiệt quệ.

Đệ nhị thế chiến đã làm nước Pháp kiệt quệ, tan nát. Pháp vừa mới được giải phóng nên không đủ phương tiện để tổ chức và phát triển quân đội. Tại Viễn Đông, Pháp đã vắng mặt trong lực lượng đồng minh Tây Phương tham chiến chống phát xít Nhật nên Pháp càng bị lép vế và mất tư thế.

Các trở ngại đó đã khiến Pháp gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức cũng như gây lại các hoạt động để chuẩn bị tái chiếm Đông Dương.

2. CÁC TỔ CHỨC CHỐNG NHẬT.

Các tổ chức chiến tranh chống Nhật để tìm cách chiếm lại Đông Dương đã được chính phủ lưu vong của Pháp thành lập kể từ năm 1943. Bởi vì trong thời gian này chính quyền Pháp tại Đông Dương do viên toàn quyền Decoux nắm giữ, lệ thuộc vào chính phủ của thống chế Pétain thân Trục. Decoux đã để cho quân Nhật vào Đông Dương tự do hoạt động nên uy quyền của Pháp tại đây đã yếu thế rõ rệt.

Các tổ chức đó được mệnh danh là Ban liên lạc của Pháp tại Viễn Đông (Section de liaison française en Extreme-Orient). Cơ quan này ít hoạt động và được đặt bên cạnh đồng minh Anh Mỹ. Cơ sở liên lạc được đặt ở hai nơi

— Một ban liên lạc chính giữ nhiệm vụ điều khiển tổng quát đặt tại Calcutta.

— Ban liên lạc chi nhánh tại Côn Minh, thường được gọi là Phái bộ quân sự Pháp tại Côn Minh (Mission militaire française de Kun-ming). Phái bộ này làm việc bên cạnh bộ tư lệnh của tướng Hà Ứng Khâm (Tham mưu trưởng quân lực Trung Hoa Dân quốc) cùng với các bộ tham mưu quan trọng khác của đồng minh như Bộ tư lệnh hành quân THDQ (Chinese combat command) - Cơ quan yểm trợ không lực Hoa Kỳ (Air ground Aid service) — Phòng dịch vụ chiến lược Hoa Kỳ (Office strategic services), một cơ quan phụ trách về tình báo chiến lược — Bộ tư lệnh thập tự không lực Hoa Kỳ v.v... Trên danh nghĩa là Phái bộ quân sự Pháp, nhưng thực tế người Pháp gọi là « Phái bộ 5 » (Mission 5) vì theo người Pháp ngành hoạt động thứ 5 trong quân đội là ngành gián điệp.

Sở dĩ Pháp phải đặt ra như trên vì lúc đó quân đội đồng minh chia Viễn Đông làm hai chiến trường

— Chiến trường quân Anh do huân tước Lord Louis Mountbatten chỉ huy, bản doanh đóng tại Calcutta bao gồm lãnh thổ các nước Ấn Độ, Nam Dương và Miến Điện.

— Chiến trường thứ hai đặt dưới quyền điều khiển của thống chế Tưởng Giới Thạch, với sự trợ giúp của tướng Mỹ Wedemeyer, gồm Trung Hoa và Đông Dương.

Trước ngày Nhật đảo chánh, cả hai tổ chức trên của Pháp không được Đồng minh chú ý. Riêng phái bộ Pháp tại Côn Minh đặt dưới quyền điều khiển đầu tiên của đại tá Emblanc, được chỉ định hoạt động yểm trợ cho chiến trường Đông Dương, nhưng chỉ thể hiện yếu ớt trong việc duy trì liên lạc bí mật với các Pháp kiều ở Bắc Việt để lấy tin.

Sau cuộc đảo chánh, phái bộ này được tăng cường thêm nhân viên từ Pháp sang, đa số là những sĩ quan từng ở Đông Dương, như thiếu tá Sainteny được cử sang thay Emblanc, mà sau này đóng một vai trò quan trọng trong cuộc tái chiếm.

Ngoài ra, tướng de Gaulle biết rằng thế nào phe Truc cũng thất bại, nên sau vụ đổ bộ thành công của Mỹ lên Phi Luật Tân vào tháng 10-1944, ông đã nghĩ ngay đến Đông Dương. Trong kế hoạch tái chiếm, ông dự trù thành lập một binh đoàn tiếp lực nhẹ (Corps léger d'intervention) để chiến đấu bên cạnh Bộ tư lệnh chiến trường Anh, ông giao cho tướng Blaizot chịu trách nhiệm thành lập. Nhưng vì thiếu phương tiện, không được Đồng minh giúp sức, nên mãi tới tháng 9-1945 nghĩa là sau khi Nhật đầu hàng, mới thành hình nhưng dưới một danh từ khác là binh đoàn viễn chinh (Corps expéditionnaire). Tuy nhiên, Pháp cũng không tích cực thành lập binh đoàn nhẹ trên, vì tin rằng họ sẽ trở lại Đông Dương rất dễ dàng.

3. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỐNG NHẬT

Trở lại các hoạt động nhằm thu hồi lại Đông Dương, Pháp phải linh động và tùy thuộc vào hoàn cảnh

— Pháp phải hoạt động dựa theo Đồng minh. Lúc đó Đông Dương được chia làm hai khu vực ảnh hưởng: phía Bắc vĩ tuyến 16 thuộc Mỹ, phía Nam vĩ tuyến 16 thuộc Anh. Sở dĩ chia như vậy vì tầm hoạt động của các căn cứ không quân của Bộ tư lệnh chiến trường Mỹ không thể tới quá vĩ tuyến 16, nên miền Nam vĩ tuyến này phải giao cho Bộ Tư lệnh chiến trường của huân tước Mountbatten.

— Khả năng Pháp rất yếu, lại không được sự yểm trợ sốt sắng của đồng minh Mỹ Hoa, nên Pháp chỉ thực hiện được vài hoạt động quấy rối và tình báo không đáng kể.

a. Hoạt động quấy rối.

Nhằm lập các chiến khu, các sĩ quan Pháp là đại tá Vicaire, Dampierre và Baudelaire đã mang 3 cánh quân từ biên giới Hoa-Việt về đánh chiếm miền Tây Bắc thượng du Bắc Việt. Các cánh quân này đã bị Nhật đánh bại và lại phải chạy sang Tàu vào tháng 7-1945.

Sở dĩ Pháp thất bại, vì người Việt thù ghét, đã không hợp tác lại còn chỉ điểm cho Nhật đánh các đơn vị này. Tuy nhiên có một vài đơn vị Pháp đã ẩn náu được tại miền Thượng Lào cho đến ngày Nhật đầu hàng.

Vài chiến hạm nhỏ dưới quyền chỉ huy của hải quân đại tá Commentery đã chạy thoát trong vụ đảo chánh và đến trú tại Bắc Hải (Pakhoi), một mặt khu Pháp trên đất Tàu, thường hoạt động lén lút bằng các thuyền buồm trá cờ để ngầm bắt các thuyền « đoàn » Nhật tại vịnh Hạ Long.

b. Hoạt động tình báo.

Pháp đã dùng « Phái bộ 5 » do Sainteny điều khiển để đảm trách các hoạt động tình báo. Sainteny đề ra phương sách hoạt động như sau

— Đặt thật nhiều những ổ tình báo trên đất địch để cung cấp tin tức cho Đồng minh chống Nhật.

— Liên lạc, tiếp xúc với Pháp kiều tại Đông Dương và giúp đỡ các phần tử bị theo dõi trốn ra hải ngoại.

— Theo dõi tình hình dân chúng Đông Dương để chuẩn bị tái chiếm.

— Thăm dò ý kiến của Đồng minh, nhất là Trung Hoa, liên quan tới các quyền lợi Pháp tại Đông Dương.

Tuy nhiên các hoạt động tình báo này không có kết quả mấy vì tinh thần chống Pháp của dân Việt Nam rất cao. Pháp không đặt được các ổ tình báo trong nội địa, mà chỉ đặt được vài trạm tình báo ở vòng đai biên thùy Bắc Việt để nghe ngóng tin tức.

Tóm lại cho đến ngày Nhật đầu hàng, các tổ chức chỉ thành công trong việc theo dõi tình hình để thông báo cho chính quốc qua hai hệ thống báo cáo là Calcutta do đại tá Roos điều khiển và tòa đại sứ Pháp tại Trùng Khánh.

4. KHÓ KHĂN ĐẦU TIÊN TRONG VIỆC TÁI CHIẾM

Tới tháng 7 năm 1945, một tin làm chính

phủ Pháp sửng sốt, đó là kết quả của hội nghị Postdam đã quyết định chia bán đảo Đông Dương làm hai phần

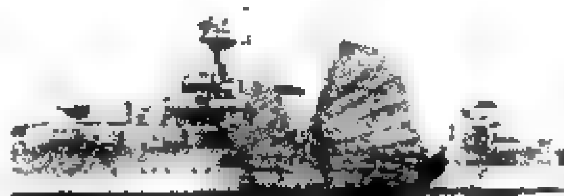
— Phần Bắc vĩ tuyến 16 giao cho quân Tàu.

— Phần Nam vĩ tuyến 16 giao cho quân Anh chiếm đóng.

Pháp cho đây là điều bất hạnh cho mình, vì người Tàu vốn ghét Pháp, nay có dịp tiến quân vào Bắc Việt sẽ gây khó khăn cho Pháp.



— Thủy thủ đoàn trên một chiếc thuyền Trà Cổ.



Chiếc tàu lịch sử Emile Bertin.

Bản đồ một khu Pakhoi.



C. THIERRY D'ARGENLIEU
(8-1945 — 3-1947)

— D'Argenlieu - Leclerc (8.1945 - 7.1946)
— D'Argenlieu - Valluy (7.1946 - 3.1947)

Cao ủy Đông Dương đầu tiên trong sứ mạng tái chiếm Đông Dương là Thierry d'Argenlieu. Ông giữ chức vụ này trong 20 tháng và làm việc liên tiếp với các tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương là tướng Leclerc và sau đó là tướng Valluy.

Thierry d'Argenlieu là thủy sư đô đốc, ông vốn là tu sĩ dòng Carme và cũng là sĩ quan hải quân cao cấp đầu tiên theo kháng chiến và được tướng de Gaulle rất tin cậy.

Đại tướng Leclerc de Haute Cloque là cựu tư lệnh Sư đoàn 2 thiết giáp, sư đoàn vượt trước cả quân đội Đồng minh vào giải phóng thành phố Balê đầu tiên. Ngoài tài khéo léo vận động đồng minh để tranh công đầu trong việc vào Balê, Leclerc còn chứng tỏ biệt tài cầm quân khi biết lợi dụng đường hẻm Ardennes tại dãy núi Alpes, là một vùng núi hiểm trở nhưng ngắn nhất, để đưa đoàn chiến xa của mình vào nước Đức trước cả quân Đồng minh.

Trung tướng Valluy là tướng có tài ăn nói, tính cứng rắn của một nhà quân sự luôn luôn tin tưởng ở sự tất thắng bằng quân sự nên có vẻ khinh thường kẻ địch, ông là tướng phục vụ dưới quyền tướng Leclerc trước khi thay thế ông này.

Trong việc tái chiếm Đông Dương hai tướng d'Argenlieu và Leclerc đã xích mích nhau, vì vậy tướng Leclerc đã xin từ chức tổng tư lệnh vào tháng 7-1946, tướng Valluy thay thế và vẫn giữ chức vụ này sau ngày D'Argenlieu bị thay thế.

1. KẾ HOẠCH VÀ SỰ THI HÀNH VIỆC TÁI CHIẾM ĐÔNG DƯƠNG.

a. Kế hoạch tái chiếm.

Thủy sư Đô đốc d'Argenlieu và tướng Leclerc được tướng de Gaulle đề cử vào ngày 17-8-1945 nghĩa là chỉ hai ngày sau khi Nhật đầu hàng.

Tướng de Gaulle lúc đầu tính chọn tướng Alessandri đang là trưởng phái bộ Pháp tại Trùng Khánh, hoặc là ông Jean de Raymond, một nhân vật cầm đầu phái bộ dân sự đang chờ tại Calcutta. Nhưng sau đó ông cho rằng trước tình hình quá phức tạp với cao trào đánh độc lập của dân chúng địa phương và việc giải giới quân Nhật ở cả hai miền Nam, Bắc, Pháp cần phải đề cử một nhân vật quân sự để dễ đối phó và nhân vật này cần phải mới lạ để tránh sự ngờ vực của dân bản xứ. De Gaulle còn khôn khéo thay danh từ « Toàn quyền Đông Dương » bằng danh từ « Cao ủy Đông Dương ».

D'Argenlieu và Leclerc sau khi được đề cử đã đóng tạm bản doanh tại Chandernagor, một nhượng địa của Pháp trên đất Ấn, và phối hợp với bộ tư lệnh chiến trường của huân tước Mountbatten ở Calcutta để trở lại Đông Dương. Kế hoạch trở lại căn cứ theo chỉ thị của de Gaulle: « Cao ủy Pháp tại Đông Dương có nhiệm vụ đầu tiên là tái lập chủ quyền Pháp trên toàn thể lãnh thổ Liên bang Đông Dương. Đại tướng tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở dưới thẩm quyền của cao ủy Đông Dương có nhiệm vụ dùng mọi biện pháp quân sự cần thiết để tái lập chủ quyền của Pháp tại đây ».

Trong khi đó ở Pháp, đoàn quân viễn chinh được cấp tốc xúc tiến thành lập. Những thành phần đầu tiên của đoàn quân này sẵn sàng xuống tàu sang Việt Nam là liên đoàn chiến xa của đại tá Massu, Sư đoàn 9 bộ binh của tướng Valluy.

Tại Chandernagor, d'Argenlieu và Leclerc hoạch định một kế hoạch tái chiếm vào ngày 24-8 gồm 5 điểm như sau:

1) Lợi dụng quân Anh, tái chiếm trước tiên miền Nam vĩ tuyến 16.

2) Cho nhảy dù cán bộ chính trị và quân sự xuống miền Bắc vĩ tuyến 16, nơi có quân Tàu kiểm soát.

3) Xác định và bảo vệ chủ quyền Pháp tại Đông Dương trong mọi trường hợp.

4) Tái chiếm vùng quân Tàu đóng theo đà của viện binh đưa tới.

5) Điều đình chính trị với tất cả mọi nhân vật bản xứ.

b) Thi hành kế hoạch 5 điểm.

Kế hoạch trên tạm gọi là kế hoạch 5 điểm Chandernagor, chỉ thi hành được phần nào mà thôi.

Trước hết Pháp đạt được thành công trong việc tái chiếm miền Nam vĩ tuyến 16. Trong việc tái chiếm này Pháp đã nhờ được sự giúp đỡ trắng trợn của quân Anh. Tướng Leclerc đã vận động với huân tước Mountbatten giúp Pháp, bằng cách can thiệp với tam cường, để tu chỉnh lại quyết định của hội nghị Postdam liên quan đến việc chia cắt Đông Dương, nhưng huân tước cho biết ông không thể nào can thiệp, ông chỉ giúp sức cho quân Pháp tháp tùng quân Anh đổ bộ xuống Saigon.

Ngày 11-9 quân Anh do tướng Gracey chỉ huy, đã đổ bộ xuống phi trường Tân Sơn Nhất và mang theo khoảng trên 300 quân Pháp. Với số quân ít ỏi này nhờ quân Anh giúp đỡ, quân Pháp đã chiếm Saigon để làm bàn đạp đưa quân từ Pháp sang. Từ đó, sau sáu tháng, Pháp đã kiểm soát tổng quát được Nam vĩ tuyến 16 và được quân Anh bàn giao ngày 28-1-1946.

Song song với nỗ lực quân sự, Pháp đặt viên cai trị Cédile làm ủy viên Pháp quốc tại Nam kỳ để thực hiện công cuộc bình định theo phương pháp Lyautey. Pháp còn chuẩn bị tái lập tại Nam Kỳ một chế độ thuộc địa bằng cách thành lập Hội đồng tư vấn Nam kỳ ngày 4-2-1946.

Ngược lại với miền Nam, Pháp đã gặp nhiều khó khăn tại miền Bắc vĩ tuyến 16. Quân Trung hoa do tướng Lư Hán là tỉnh trưởng Vân Nam cầm đầu, vào miền Bắc tước khí giới Nhật, đã cấm không cho các toán quân Pháp lưu vong theo về dù có sự vận động tích cực của tướng Alessandri. Còn tướng Gallagher trưởng phái bộ quân sự Mỹ tại Bắc Việt, cũng như dư luận Mỹ, không ủng hộ Pháp tái lập chế độ thuộc địa tại Đông Dương.

Theo kế hoạch nhảy dù xuống miền Bắc để thể hiện tiếng nói của Pháp, Messmer được cử làm ủy viên Pháp quốc tại Bắc Việt, cùng một số nhân viên tùy tùng nhảy dù xuống, nhưng đều bị Việt Minh bắt giao cho quân Tàu cầm tù, nên kế hoạch này bị bãi bỏ để thay bằng đường lối ngoại giao.

Sự hiện diện của Pháp tại Bắc Việt có được là nhờ sáng kiến cá nhân của Sainteny. Ông cùng vài đồng sự viên tháp tùng với Phái bộ liên lạc Mỹ đầu tiên tới Đông Dương do thiếu tá Patti cầm đầu, trên một chuyến phi cơ riêng của Mỹ, nên ông đã có mặt tại Hà Nội vào ngày 22-8-1945, trước khi người Tàu vào Bắc Việt. Ông được d'Argenlieu bổ làm ủy viên Pháp quốc tại miền Bắc vào thượng tuần tháng 10-1945, thay cho Messmer đang bị cầm tù, nhờ đó Sainteny đã làm được vài việc có ích để chuẩn bị cho Pháp đem quân lên miền Bắc. Đó là:

— Lần đầu tiên, qua sự giới thiệu của thiếu tá Patti, Sainteny đã gặp ông Võ Nguyên Giáp và Hoàng Minh Giám, ngày 27-8-45 để tạo điều kiện cho các cuộc tiếp xúc kế tiếp.

— Chăm sóc và tiếp tế thực phẩm, thuốc men cho tù binh Pháp và tìm cách bảo vệ Pháp kiều trước sự đe dọa của người Việt.

Chuẩn bị thiết lập guồng máy cai trị bằng cách nới rộng tổ chức tòa ủy viên với sự tham dự của nhiều nhân vật đã từng sống lâu ở Đông Dương như Léon Pignon, Bonfils, Varet, Vinay, Montheart, Cousseau, Faugere, Valeani. Sainteny còn cho thiết lập tại các thành phố lớn khác có nhiều Pháp kiều cư ngụ như Huế, Vinh, Thanh Hóa... những cơ sở tìm cách sử dụng lại những người thân Pháp để chờ thời cơ. Chính viên chánh văn phòng của Sainteny là viên cựu công sứ Hòa Bình Jacques Compain.

Về quân sự, Sainteny đã thành công khi hối thúc các chiến thuyền Crayssac và Frezouls

từ đảo Cát Bàn tiến vào Hải Phòng chiều ngày 15-8-1945 không gặp phản ứng nào. Nhưng ông đã thất bại khi cho các toán quân lưu vong ở biên giới tiến vào nội địa, phần bị người Tàu phản đối, phần bị các lực lượng không rõ là của Tàu hay của Việt Minh đón đánh gây thiệt hại nặng nên phải hủy bỏ việc tiến quân này.

Với những hoạt động trên, Sainteny đã trở thành một nhân vật khá quan trọng trong kế hoạch tiến chiếm miền Bắc của d'Argenlieu và Leclerc.

9. VẤN ĐỀ TÁI CHIẾM MIỀN BẮC

Kế hoạch Chandernagor tái chiếm miền Bắc đã không thể thực hiện được vì Mỹ và Trung Hoa đã gây nhiều trở ngại cho Pháp. Tướng Lư Hán công khai tuyên bố là sang Việt Nam để dành độc lập cho xứ này. Vì vậy, kế hoạch này của Pháp đã được kịp thời sửa đổi:

— Thương thuyết với Trung Hoa

— Tìm cách đặt chân lên các thành phố quan trọng tại miền Bắc để có ưu thế trong việc thương thuyết với Việt Minh.

Trong giai đoạn này, ta thấy rõ vai trò quan trọng của Leclerc, và sự xung khắc giữa ông và d'Argenlieu trong việc thi hành kế hoạch trên.



LECLERC

a. Vai trò của Leclerc.

Sau khi cử tướng Salan đi dò thuyết bên Tàu vào đầu năm 1946, tướng Leclerc rất hoài nghi về cuộc thương thuyết ấy, nhưng ông cũng không có cách nào giải quyết khác hơn. Trong khi tướng Salan đang công cán, ông làm tờ trình gửi chính phủ Pháp, trong đó đã tỏ bày quan niệm hành động của ông đối với miền Bắc như sau:

« Ý định của tôi là luôn luôn tìm cách ra miền Bắc khi nào có thời cơ thuận tiện. Trước hết tôi cho vấn đề tái chiếm Đông Dương chỉ có thể thành hình khi nào ta đặt quân vững vàng tại Hà Nội. Sau đó việc cần thiết là phải làm sao giải tỏa cho các Pháp kiều còn bị tập trung đang sống trong tình trạng bấp bênh và bị đe dọa sát hại ở một số thành phố. Tôi ấn định ba mục tiêu:

Thứ nhất là phải đặt chân lên một số các thành phố quan trọng để tạo cho chính phủ Pháp một ưu thế trong việc điều đình và đặt điều kiện.

— Thứ nhì tìm cách để cho các Pháp kiều kể cả quân sự lẫn dân sự được trả lại tự do.

— Thứ ba tìm cách làm cho quân đội Tàu rút khỏi xứ này.

Ý định của tôi là không muốn đưa quân đội Pháp vào một cuộc chiến tranh bằng quân sự tại miền Bắc, vì như kinh nghiệm tại Nam kỳ cho biết ta muốn làm như vậy cần mở liên tiếp các cuộc hành quân ta phải sử dụng một quân số rất to lớn, nhiều hơn quân số ta có thể có được. » (1)

Chính tướng Leclerc cũng cho rằng cần phải thỏa hiệp với Việt Minh thì mới có thể tránh được việc người Tàu chen lấn vào nội bộ Bắc Việt để gây chiến tranh với Pháp. Do đó đại diện Pháp tại Bắc Việt, Sainteny không ngớt tiếp xúc với Hồ Chí Minh kể từ thượng tuần tháng 2-1946. Pháp đã dựa trên tinh thần bản tuyên ngôn ngày 24-3-1945 của tướng de Gaulle nhân danh Pháp quốc đọc trên đài phát thanh Brazzaville, hứa cho các quốc gia Đông Dương tự trị (Tuy chính phủ de Gaulle đã đổ và chính phủ xã hội Felix Gouin lên thay kể từ tháng 1-1946), ông Hồ lại tỏ ra rất cởi mở, nên Pháp hy vọng là cuộc điều đình sẽ thành công.

(1) Le dossier secret de l'Indochine của Claude Paillat (trang 59)

Tại Trùng Khánh, cuộc điều đình giữa Pháp và Trung Hoa diễn ra vào ngày 7-2-1946. Leclerc đã chỉ thị cho Salan

« Ngoài mục tiêu chính, ưu tiên là phải tranh thủ được việc hồi hương các đơn vị của tướng Alessandri mà thực tế hiện coi như đang bị cầm tù tại Trung Hoa

Không thể tiết lộ chính xác cho người Tàu biết số quân và các địa điểm đổ quân cùng các sự chuyên vận quân đổ bộ.

Phải đề cập tới việc võ trang cho 3.000 quân Pháp bị giữ trong thành Hà Nội. Trong trường hợp có biến động, cần giúp đỡ họ tích cực. Khai thác tất cả những tin tức liên quan đến tù binh Nhật, các trại tập trung và vũ khí của họ v.v...

Vì thể diện của Pháp, phải đòi lại dinh toàn quyền » (2).

Salan báo cáo là cuộc điều đình có vẻ tiến triển nhưng còn nhiều phức tạp. Trong cuộc điều đình này, Pháp đã nhượng bộ và thỏa mãn các yêu sách của Trung Hoa như giao hoàn cho Trung Hoa các tô giới Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Đông và cả Quảng Châu Loan; Pháp lại còn bán rẻ cho Trung Hoa đường xe hỏa Vân Nam

Trong khi đó, cuộc thương thuyết với Hồ Chí Minh vẫn bế tắc. Ông Hồ đòi Pháp nhìn nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia « độc lập ». Sainteny không chịu hai chữ « độc lập » mà chỉ muốn Pháp nhìn nhận Việt Nam là một quốc gia tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp, có chính phủ, quốc hội, quân đội và tài chánh riêng v.v... còn số phận Nam kỳ sẽ được giải quyết bằng cuộc trưng cầu dân ý

Tuy nhiên, Leclerc định ninh thế nào cũng thỏa hiệp được, nên ông đã ra lệnh cho tướng Salan từ Tàu mới về, trở lại ngay Bắc Việt để chuẩn bị cho cuộc đổ bộ. Leclerc đã chỉ thị cho Salan tóm tắt như sau

— « Thông báo cho quân Tàu là quân Pháp sắp đổ bộ, nhưng phải khôn khéo. Chỉ cho họ biết trước 48 giờ cuộc đổ bộ và một giờ trước khi cho các toán quân nhảy dù xuống phi trường Gia Lâm. Điều cần thiết là phải làm chủ tình hình hải cảng Hải Phòng ngay sau khi đổ bộ.

— Can thiệp để quân Tàu triệt thoái và giao cho quân Pháp các tỉnh tại Lào, đồng thời giao các công thự tại Hà Nội để ta biểu tượng được sự phục hồi chủ quyền tại đây

— Phối hợp giữa Salan và Sainteny để thông báo cho ông Hồ là tướng Leclerc sẽ đích thân tới viếng ông ngay sau cuộc đổ bộ. Riêng vấn đề quân đội Việt, thông báo cho họ nên tránh xa quân đội Pháp

— Chỉ thị cho quân Pháp phải cẩn thận đề phòng các hành động trả thù của người Việt, cấm bắn phá các làng mạc một cách vô ích.

— In truyền đơn nêu những chỉ dẫn cần thiết cho Pháp kiều và khuyên nhủ dân chúng địa phương đừng tỏ ra sợ hãi, nếu họ không có những hành động chống lại quân Pháp.

— Chỉ thị cho Phái bộ Pháp tại Bắc Việt hãy cố gắng tiếp xúc với các quan lại cùng các thân hào địa phương và tìm cách thành lập một đoàn quân thân binh.

Ngoài ra, Leclerc còn phân phối nhiệm vụ cho cuộc hành quân đổ bộ « Ngày đổ bộ..., thiếu tá Ponchardier chỉ huy 30 toán nhảy dù xung kích xuống vùng hành quân X..., trung tướng Valluy chỉ huy đoàn quân đổ bộ, trung tướng Salan là phụ tá hành quân cho đại tướng Leclerc ». (3)

Đầu tháng 3 năm 1946, Leclerc nhất quyết cho quân đổ bộ lên Hải Phòng, mặc dù chính giới Ba Lê cho rằng cuộc hành quân không có lý do chính đáng, vì chưa thực hiện cụ thể các thỏa hiệp với phe địch. Ngày đổ bộ được ấn định là ngày 5-3 vì ngày này nước thủy triều lên cao, tàu có thể cập bến Hải Phòng dễ dàng. Tới giờ chót, lệnh hành quân được thay đổi một chi tiết là thiếu tá Ponchardier đáng lẽ cùng đơn vị sẽ nhảy dù, thì nay sẽ được chở bằng máy bay tới Gia Lâm để mang các vũ khí cần thiết tái võ trang cho các binh sĩ Pháp bị giam giữ tại thành Hà Nội.

Bắt đầu từ ngày 2-3, Leclerc cho xuất quân bằng tàu chiến từ Saigon ra Bắc. khi đoàn tàu tới Nha Trang, Leclerc mới bay từ Saigon ra, lên chiếc tuần dương hạm Emile Bertin để điều khiển cuộc tiến quân.

Tại miền Bắc, cuộc thương thuyết giữa Pháp và các tướng Tàu trở nên khó khăn vì người Tàu muốn dùng mọi cách để trì hoãn cuộc đổ bộ của Pháp lên miền Bắc. Nhưng các chiến hạm Pháp sau khi thao diễn để

(1) Le dossier secret de l'Indochine, trang 59, Claude Paillat.

(3) Le dossier secret de l'Indochine, trang 60.

đánh lạc hướng đối phương tại vùng bờ Qui Nhơn lại có mặt ngay trước cửa bể Hải Phòng vào đúng ngày 5 như đã ấn định và từ từ tiến vào Hải Phòng để dò phản ứng của quân Tàu.

Tướng Salan lúc đó đang ở trên bờ dàn xếp cuộc đổ bộ, bộ tham mưu của tướng Lư Hán cho ông biết là quân Tàu sẽ nổ súng vào đoàn tàu vì họ không được lệnh của Trùng Khánh thông báo việc ký kết hiệp ước với Pháp. Và tại sao Pháp đổ bộ lên miền Bắc mà không có sự thỏa thuận của chính phủ Việt Nam?

Tướng Salan cho biết cuộc điều đình Việt Pháp gần đi đến thỏa hiệp.

Tướng Chao thuộc bộ tham mưu của tướng Lư Hán cho biết sẽ tới gặp ông Hồ để được xác nhận sự thực, và trong trường hợp nếu được chính phủ Việt Nam đồng ý, người Tàu sẽ thỏa thuận cho quân Pháp đổ bộ.

Trong khi đó, phái đoàn thương thuyết Pháp gồm Sainteny và Pignon đến gặp ông Hồ, mãi đến 12 giờ khuya ngày 5-3 mới về và hai bên chưa đạt được thỏa thuận.

Bất ngờ, đến hừng đông 6-3, ông Hồ cho Hoàng Minh Giám hấp tấp tới tư dinh Sainteny cho hay chủ tịch Hồ Chí Minh bằng lòng các điều kiện. Hoàng Minh Giám và Sainteny hẹn gặp nhau để nghiên cứu bản thỏa ước và sẽ ký vào lúc 4 giờ chiều. Hai bên đã tìm ra chữ «tự do» để thay cho danh từ «độc lập» trong bản hiệp ước đã gây khó khăn cho hai bên.

Giữa lúc Hoàng Minh Giám đang thảo luận với Sainteny, chiến hạm Triomphant tiến vào bến Hải Phòng, tướng Wang Hu Han, người Mãn Châu, có nhiệm vụ giữ Hải Phòng, vì chưa được chỉ thị rõ ràng nên ra lệnh xả súng vào chiến thuyền Pháp, một chiếc tàu nhỏ bốc cháy, chiếc Triomphant trúng đạn đại bác bị thiệt hại nhẹ, lúc đó là 08g30. Lúc đầu, tướng Valluy bình tĩnh cho lệnh chưa bắn lại, một lát sau các tàu Pháp mở khai hỏa, một kho đạn của tướng Wang bốc cháy. Sau đó các tàu chiến Pháp tránh xa làn đạn đối phương. Đến 11 giờ trưa ngày 6-3, lệnh mới xuống tới tướng Wang và hai bên ngưng bắn. Quân Pháp bắt đầu lên bờ. Tuy nhiên tướng Leclerc vẫn lo ngại vì quân Tàu tăng cường thêm lực lượng. Họ ra lệnh thiết quân luật, cản đường và lập các vị trí hố phòng.

Đúng 4 giờ chiều ngày 6-3 như đã định, tại biệt thự tổng giám đốc ngân khố, hai ông Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh đã ký hiệp định sơ bộ với Sainteny. Thực ra đây chỉ là những giai đoạn chiến lược. Người Pháp dùng hiệp định này để đổ quân an toàn lên miền Bắc và tránh được sự xung đột với quân Tàu, còn Việt Minh lợi dụng để có thời gian tổ chức kháng chiến, củng cố nội bộ, và tiêu diệt các đảng phái đối lập. Tuy nhiên hai bên vẫn tiếp nối các cuộc thương thuyết với hy vọng là có thể đạt được thỏa hiệp, hầu tránh một cuộc chiến tranh đổ máu có thể xảy ra.

Ngày 18-3, Leclerc đem quân bằng đường bộ từ Hải Phòng lên Hà Nội không phải nổ một tiếng súng. Sau đó, Leclerc gặp ông Hồ. Ông Hồ đề cập đến tương lai Nam Việt và vấn đề thống nhất Nam Bắc là những điều tiên quyết, nếu Pháp không cải thiện chỉ thì viễn tượng một cuộc chiến tranh tiêu thổ tàn khốc với hàng triệu người Việt hy sinh sẽ không thể tránh được. Ngoài ra, ông còn đề cập đến ngày khai mạc hội nghị Bale để quyết định tương lai Việt Nam. Hai bên thảo luận trong bầu không khí cởi mở. Leclerc đề nghị tổ chức một buổi lễ duyệt binh Việt-Pháp để tỏ bày sự hợp tác thân thiện, nhưng ông Hồ chỉ bằng lòng tổ chức sau cuộc hành trình sang Bale.

Cũng vì vụ thương thuyết này mà d'Argenlieu coi như Leclerc đã đi quá trớn và bất đồng quan điểm. Leclerc chê d'Argenlieu cố chấp không chịu thương thuyết thành thử ông đã bày tỏ nỗi bất bình đối với tướng d'Argenlieu khi gặp tướng Juin, đại diện chính phủ Pháp bên cạnh chính phủ Tưởng Giới Thạch lúc đó đang công cán tại Saigon.

Vào ngày 27-3, ông thảo một tờ trình gửi chính phủ Pháp để minh thị lập trường của ông, đại để như sau:

« Nếu Pháp không chịu chấp nhận một cuộc thỏa hiệp với Việt Minh và cứ cho quân đội trở lại chiếm Bắc Việt thì thời cơ sẽ không thuận tiện để chiến thắng.

— Một vài con số chứng minh cho nỗ lực quân sự của đoàn quân viễn chinh Pháp trong 5 tháng này 600 chết và 1 000 bị thương. Bên Pháp không còn để dành một lực lượng trừ bị nào. Còn về sự thiệt hại của Việt Minh khó có thể ước lượng được.

— Địa thế lại rất thuận lợi cho Việt Minh, họ được trang bị rất nhiều súng và được các chuyên viên Nhật giúp đỡ.



Hồ chí Minh hội đàm cùng Leclerc và Sainteny.

— Việc chiếm Bắc Việt không thể thực hiện được vì Pháp chỉ có một sư đoàn, không thể nào đối địch với một xứ đang có cao trào dành độc lập nổi dậy, được trang bị đầy đủ và có một lãnh thổ bằng 2/3 nước Pháp.

— Trong những điều kiện như vậy, chẳng làm gì hơn là thực hiện cuộc thương thuyết. Những điều thỏa hiệp trong hiệp định 6-3 với Việt Minh đã trở nên quan trọng. Vì nhờ đó, ngoài vấn đề chống đối của người Tàu, nước Pháp trở lại Hà Nội không nổ một tiếng súng dù người Tàu rất căm tức. Còn về phía Việt Minh họ sẽ buộc lòng tự vệ nếu ta chơi xấu».

Và trước ngày từ giã Đông Dương theo đơn xin, Leclerc đã gửi lên chính phủ Pháp một báo cáo xem như nhiệm vụ của ông đến đây là chấm dứt

« Từ tháng 10-1945 đến tháng 6-1946, trong 9 tháng, đoàn quân viễn chinh đã tái chiếm được Đông Dương. Vấn đề an ninh và chủ quyền của Pháp đã được tái lập trên những vùng của dân tộc thiểu số. Phía Bắc mũi Varella, một phần lớn Bắc Việt và Trung Việt còn dưới sự kiểm soát hình thức hơn là thực tế của chính phủ Hà Nội (?). Sau khi ký hiệp định 6-3 với chính phủ này, ta đã đặt được quân tại những địa điểm trọng yếu Đà Nẵng, Huế, Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, Phủ Lạng Thương, Hòn Gay, Cẩm Phả, Cảng Vallut và đảo Cô Tô tại vịnh Hạ Long. Lạng Sơn cũng được tái chiếm đầu tháng 7 nhưng tất cả các đồn binh này hầu như bị cầm tù không thể ra ngoài được

— Tóm lại, chúng ta chỉ gặp một kẻ thù đó là người An Nam thuộc đảng Việt Minh được sự trợ giúp mạnh mẽ của người Nhật. Trong thời kỳ đầu, những người này còn được người Tàu kể cả các phái bộ Mỹ giúp đỡ. Còn tất cả các sắc dân khác đều tỏ ra rất trung thành với nước Pháp. Như thế, vấn đề phải giải quyết thực sự là vấn đề người « An Nam ».

Theo nhận xét của tôi, sự chống đối Pháp là hành động của một thiểu số. Nhưng thiểu số này đã quy tụ những thành phần tích cực nhất. Một vài giới trí thức được Pháp đào tạo, rất nhiều tiểu trí thức, nhiều nhà cách mạng lão thành và rất nhiều cán

bộ trẻ đã được huấn luyện và hoạt động kể từ khi còn trong bóng tối.

Đám thiểu số này phát triển được nhờ vào lúc chính quyền thuộc địa Pháp bị Nhật lật đổ và họ đã được Nhật giúp đỡ. Khi họ nắm được chính quyền trong tay, đám người này cũng có quyền lực bằng cách khủng bố không nương tay và bằng một đường lối tuyên truyền đại chúng rất khôn ngoan. Những người nào chống đối đều bị liệt vào loại phản động và bị thủ tiêu tức khắc, không thương tiếc gì. Nhiều gia đình quí tộc và thân Pháp bị thủ tiêu hay bị tận diệt, và con số nạn nhân không thể đếm được, ví dụ tại Trung Việt và Bắc Việt tính tới cuối năm 1945 có tới 50.000 người (?)

Chúng ta đang ở trong tình trạng trái ngược. Chúng ta đang hợp tác với chính phủ Hà Nội đang chính thức sống hòa bình với chính phủ này và họ vừa mới cử một phái đoàn sang điều đình tại Pháp. Nhưng đồng thời họ vẫn theo đuổi những hoạt động chiến tranh quân sự tại miền Nam Việt Nam. Họ vẫn kêu gọi các đồng chí của họ phải phấn đấu theo đuổi các cuộc hành quân du kích và những cuộc khủng bố. Như thế chính phủ Việt Minh đang hành động với hai bộ mặt, bộ mặt thân thiện bề ngoài với Pháp và bộ mặt thực sự chiến đấu chống Pháp.

Như vậy không thể cho rằng là chính phủ Hà Nội đang cùng có với họ, và sẽ có lập trường cương quyết đối với các sáng kiến thỏa hiệp với Pháp. Về chính phủ Nam Kỳ tự trị, tuy bao gồm những nhân vật có tâm tốt, nhưng thực ra không hiệu nghiệm và cần cải tổ trong tương lai gần đây.

- Về đoàn quân viễn chinh, là một đạo quân lành nghề, tuy trong mọi lãnh vực hoạt động đôi khi gặp những khuyết điểm do tuổi trẻ, nhưng họ nhiệt tình và hăng say. Đoàn quân đã thực sự tiêu biểu cho nước Pháp mới. Nếu ta quên đi những mặc cảm chủng tộc và hình ảnh chế độ thuộc địa xưa, các binh sĩ ta cởi mở với người Đông Dương để tiến tới sự hợp tác Việt-Pháp ngay thẳng trong tinh thần tôn trọng chủ quyền của Pháp..

— Còn nhiều vấn đề phải giải quyết, nhưng những vấn đề này đã vượt khỏi lãnh vực quân sự và thuộc thẩm quyền của chính phủ » (1).

---

(1) Sđd trang 91

Qua bản báo cáo, ta thấy Leclerc đã không có một thái độ dứt khoát đối với vấn đề thương thuyết và khi thương thuyết can nhượng họ ra sao. Ở đây, ông chỉ đưa ra các sự khó khăn về thương thuyết và những nhận xét khá xác thực về chính phủ Việt Minh. Và so với bản tường trình mà ông đã trình thượng cấp 27-3, các ý kiến đã khác xa, Leclerc không còn đề cập đến một cuộc điều đình thực sự mà lúc này ông đã bỏ ra ngoài. Leclerc xin từ chức và rời khỏi chức tổng tư lệnh vào tháng 7-1946.

b Vai trò của Cao ủy d'Argenlieu

Trong việc đổ quân ra Bắc Việt, d'Argenlieu đã có ý tưởng trái ngược lại với Leclerc là chủ trương một cuộc thương thuyết giữ tạo có lợi cho sự đổ bộ của Pháp.

Cho nên khi Leclerc đặt sự thương thuyết có tính cách thành thực với Hồ Chí Minh, d'Argenlieu tỏ ra bất bình và cho rằng Leclerc đã vượt quyền mình. Sau khi Leclerc gặp ông Hồ và được hoan hô tại Bắc Việt ca ngợi, d'Argenlieu đã tỏ sự bất bình nói với tùy viên của Leclerc rằng: « Anh nói lại đại tướng Leclerc coi chừng, ông ấy đang đi tới một cuộc đầu hàng kiểu Munich ». Ông phàn nàn là cái ưu của ông không được thi hành nghiêm chỉnh. Ông không bằng lòng những điều khoản Pháp đã dành cho Việt Minh trong hiệp định 6-3.

Tuy nhiên, d'Argenlieu vẫn bằng lòng gặp ông Hồ trên chiến hạm Emile Bertin vào ngày 24-3-1946 tại vịnh Hạ Long như sự thỏa thuận của tướng Leclerc với Việt Minh. Pháp vẫn dành cho cuộc gặp gỡ này những nghi thức đón tiếp các bậc quốc trưởng. Trong cuộc thảo luận, d'Argenlieu đưa ra đề nghị khác, là hãy mở hội nghị sơ bộ tại Dalat để chuẩn bị cho hội nghị chính thức tại Pháp và để một phái đoàn quốc hội Việt Nam qua viếng thăm quốc hội Pháp. Ông Hồ vui vẻ chấp thuận nhưng khi về đã tuyên bố « Cao ủy Pháp quốc đã bày vẽ ra nhiều chuyện ngoài ý muốn của tôi, trái với tinh thần của bản hiệp định hai bên đã ký ».

Hội nghị Dalat mở ngày 17-4-1946 và bị bế tắc ngay về vấn đề chế độ của Nam Việt. Phái đoàn Pháp tuyên bố không đủ thẩm quyền để thảo luận về vấn đề này. Ngược lại phái đoàn Việt cực lực phản đối.

Trong khi hội nghị Dalat đã lâm vào sự bế tắc, thì có đến hai phái đoàn khác nhau được đề cử sang Pháp.

— Một phái đoàn Bắc Việt mệnh danh là « phái đoàn nghị sĩ quốc hội Việt Nam » do ông Phạm văn Đồng hướng dẫn ngày 23-4-1946 viếng thăm thiện chí quốc hội Pháp.

— Một phái đoàn Nam Việt mệnh danh là « phái đoàn thông tin Nam kỳ » do đại tá Nguyễn văn Xuân sang Pháp cùng một ngày với phái đoàn Bắc Việt để vận động cho Nam Kỳ tự trị theo tuyên ngôn Brazzaville ngày 24-3-1945 của de Gaulle.

Hội nghị Đalat đã chấm dứt trong sự ngờ vực. Tuy nhiên, chính phủ Việt Minh vẫn thúc đẩy để tiến tới hội nghị chính thức.

Mặc cho sự chống đối của d'Argenlieu, phái đoàn Phạm văn Đồng sau khi thành công, đã trở về lại có thư mời của thủ tướng Félix Gouin, nhân danh chính phủ Pháp mời chủ tịch Hồ Chí Minh sang viếng thăm Pháp quốc. Ông Hồ đã nhân cơ hội nhận lời ngay và dự định lên đường cũng đi vào cuối tháng 5. Trong khi đó, phái đoàn của đại tá Nguyễn văn Xuân chỉ thu hoạch được vài kết quả không đáng kể.

D'Argenlieu đã bất bình khi nghe được tin này. Cao ủy Pháp muốn trì hoãn cuộc công du sang Pháp của Hồ cũng như trì hoãn hội nghị chính thức vì còn muốn gây một vài sự đã rồi trên lãnh thổ Việt Nam để nắm ưu thế khi thương thuyết. Nhưng làm sao cản được vì ông Hồ đã có lời mời của thủ tướng Pháp (chính phủ của thủ tướng Gouin thiên tả nên lời mời trên đã do sự vận động của đảng cộng sản Pháp). D'Argenlieu tìm cách làm trì hoãn cuộc thăm viếng của Hồ.

Ngày 19-5-1946, lần đầu tiên d'Argenlieu chính thức viếng thăm thủ đô miền Bắc. Chính phủ Việt Minh tổ chức đón tiếp rất trọng thể, từ cơ quan nhà nước đến tư gia tại thủ đô đều treo cờ và được cho biết là để mừng ngày sinh nhật Hồ chủ tịch, nhưng thực ra là để khéo léo đón tiếp d'Argenlieu (Bởi vậy người ta không biết ngày 19-5 có phải là ngày sinh nhật thực sự của Hồ Chí Minh không ?). Đây là cuộc đón tiếp ngoại giao long trọng nhất kể từ ngày thành lập chính phủ Việt Minh.

Nhưng khi đến Hà Nội, d'Argenlieu đã không thành công trong việc thuyết phục Hồ. D'Argenlieu nói rằng chính tình nước Pháp đang rối ren, các sinh hoạt chính trị đang dồn tất cả vào cuộc tổng tuyển cử ngày 2-6-1946, và sau cuộc tuyển cử phải mất một thời gian khá lâu mới có tân chánh phủ. Ông khuyên ông Hồ nên đình hoãn lại cuộc thăm viếng nước Pháp dời trễ vào cuối tháng 7. Vì nếu sang, ông Hồ phải đợi chờ vô ích và không có nghi lễ chính đạo trong việc đón tiếp.

D'Argenlieu thất bại trở về Saigon bàn tính với Cédile để ban hành một số biện pháp chính trị đã có mưu toan từ lâu.

Không đợi ngày trở về của cuộc hành trình viếng Pháp, ngày 31-5-1946, ông Hồ có một phái đoàn Việt Nam đi cùng với tướng Salan lên đường sang Pháp để dự hội nghị Fontainebleau. Ông Hồ coi đây là một cơ hội tốt để ông có dịp tới ngay nước Pháp vận động với các chính khách khuynh tả và có dịp đánh tan mọi ảnh hưởng của phái đoàn thông tin Nam kỳ.

Giữa lúc ông Hồ đang bay sang Pháp, d'Argenlieu đánh đòn chính trị:

Tách miền Nam Việt khỏi quốc gia Việt Nam bằng việc thành lập chính phủ Nam kỳ tự trị ngày 1-6-1946, thực ra chính phủ này được thành lập từ ngày 7-5 nhưng ngày 1-6 mới là dịp để thực hiện.

Thành lập ngay sau đó khối dân tộc thiểu số miền Nam Đông Dương gồm Pleiku, Kontum, Lang Biang gọi là Tây kỳ nhằm tách rời cả vùng Cao nguyên ra khỏi quốc gia Việt Nam.

D'Argenlieu cho rằng đây là một hành động đã rồi, nếu trong tương lai Pháp phải nhìn nhận Việt Nam là một nước « độc lập », thì chỉ có Bắc Việt và các tỉnh miền Trung. Như thế đối với chính phủ Pháp và các chính khách, ông Hồ không thể nhân danh đại chúng ba kỳ để tuyên bố hay đưa yêu sách. Hơn nữa sự ra đời của chánh phủ Nam kỳ sẽ làm chính giới Pháp hiểu rằng cái danh từ chính phủ Việt Nam trong hiệp định sơ bộ 6-3 chỉ có nghĩa trên thực tế là chính phủ Bắc Việt mà thôi. Như thế rõ ràng là d'Argenlieu đang tìm cách phủ nhận tinh thần sơ bộ 6-3.

Khi ông Hồ tới Pháp, nội các Félix Gouin đã từ chức. Phái đoàn của ông được đưa tới Biarritz, một thị trấn thuộc miền bờ bể Đại Tây Dương để chờ đợi tân chánh phủ. Ông Hồ đã nhân cơ hội này mở nhiều cuộc tiếp xúc với các chính khách và các Việt kiều để vận động cho mình.

Kể từ 22-6 tới 27-7-1946, Hồ Chí Minh mới chính thức thăm viếng nước Pháp. Tân chính phủ Pháp do ông George Bidault là thủ tướng, thuộc phong trào Cộng Hòa Bình Dân, tuy nhiên ảnh hưởng của đảng cộng sản Pháp vẫn còn rất mạnh với 7 ghế trong chính phủ.

Chính phủ Pháp đã tiếp đón ông Hồ rất

trịnh trọng, mở tiếp tân, mời thăm viếng các đền đài, đặt vòng hoa trước đài chiến sĩ v.v. Sự tiếp đón trịnh trọng này đã làm cho Leclerc khó chịu vì ông cho là quá đáng (?).

Ngày 6-7-1946 khai mạc hội nghị Fontainebleau dù trước khi họp đã có nhiều khó khăn do sự phản đối của phái đoàn Việt Nam về việc Pháp lập Nam Kỳ tự trị. Tuy nhiên hội nghị vẫn khai diễn trong không khí nặng nề và hai phái đoàn không thể nào sát gần quan điểm với nhau được. Những vấn đề then chốt được đem ra bàn cãi đều bị bế tắc. Hội nghị quay sang những vấn đề khác cũng không dung hòa được. Đại để sự bế tắc được thể hiện như sau

— Vấn đề thống nhất ba Kỳ, Pháp nhất định đòi tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam.

— Vấn đề quan thuế, Pháp không chịu nhượng bộ (Vì vậy mà 4 tháng sau xảy ra biến cố Hải Phòng).

— Vấn đề ngoại giao, Pháp chỉ chịu cho Việt Nam quyền ngoại giao trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp.

— Vấn đề sinh ngữ, Pháp muốn Pháp ngữ là sinh ngữ chính sau tiếng Việt.

— Vấn đề chuyên viên, và quyền lợi Pháp, hai bên không tiến tới một nhượng bộ thỏa đáng nào.

Rồi bỗng nhiên hội đàm tan vỡ, do phái đoàn Việt Nam bỏ ra về phản đối sự thiếu thành thực của Pháp trong việc Pháp vừa cho triệu tập hội nghị cấp liên bang gồm Cao Miên, Lào và cả Nam Kỳ tại Đalat vào ngày 1-8-1946.

Phái đoàn Việt Nam bỏ về nước, riêng ông Hồ ở lại. Sau đó ký với Moutet, bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại một bản tạm ước (modus vivendi) vào ngày 14-9-1946. Bản tạm ước này là một văn kiện có tính cách hoãn binh trong đó cam kết giữa Việt-Pháp một sự tin cậy lẫn nhau về những điểm đã được nêu trong bản sơ ước 6-3 hầu có thể nối tiếp các cuộc đàm phán trong tương lai, có thể vào tháng giêng năm 1947.

Tình hình giao hảo Việt-Pháp càng căng thẳng, thái độ thiếu thành thực của d'Argenlieu và tập đoàn viên chức cai trị thực dân Pháp đã gây ra làn sóng công phẫn trong dân chúng Bắc Việt, các phong trào chống đối đã biểu lộ công khai như việc tổ chức ngày Nam Bộ vào 9-6-1946 để kết án hành động thực dân của Pháp, hoặc bắn công khai như bắn vào các toán quân Pháp đi lẻ tẻ. Các vụ bắn lén xảy ra một ngày một nhiều kể từ tháng 6 trở đi. Một biến cố khá quan trọng xảy ra là quân đội Việt Minh tấn công một đoàn xe Pháp đương đi qua Bắc Ninh tới Phủ Lạng Thương. Trận đánh diễn ra gần tỉnh Bắc Ninh khiến Pháp bị chết 12 người và bị thương 21 người. Biến cố này đã gây chấn động trong chính giới Pháp, làm giới lãnh đạo Pháp tại Đông Dương công phẫn.

Tất cả những biến chuyển của tình hình này đã làm d'Argenlieu càng thêm quyết liệt trong chính sách của mình.

3. D'ARGENLIEU VỚI BIẾN CỐ HẢI PHÒNG (23-10-1946) VÀ NGÀY CHIẾN TRANH TOÀN QUỐC (19-12-1946).

Không hiểu d'Argenlieu nghĩ sao lại thúc thêm một đòn nữa vào tình hình đang rối ren tại Bắc Việt, ngày 13-10 ông ban hành một quyết định về quan thuế, ra lệnh cho tướng Morlière, tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại Bắc Việt, phải kiểm soát và thu thuế đoan tại hải cảng Hải Phòng. Quyết định của d'Argenlieu đã dẫn đến vụ rắc rối trầm trọng ngày 20-10, khi hải quân Pháp bắt một thuyền chở hàng của Việt Nam mà Pháp cho là lậu thuế. Việc này khiến nhà chức trách Việt Nam tại Hải Phòng can thiệp. Thuyền chở hàng trên vừa cập bến liền gây vụ nổ súng giữa các đơn vị Pháp và Việt. Nhân vụ này Pháp chiếm trọn Hải Phòng. Việc chiếm thành phố này khiến tình hình trên toàn cõi Bắc Việt căng thẳng, và cuộc chiến tranh toàn quốc bùng nổ ngày 19-12-1946.

Tới đây, người Pháp vẫn ôm tham vọng tái lập các quyền lợi trên toàn cõi Đông Dương. Người Pháp đưa ra chiêu bài thương thuyết chỉ để đem quân lên miền Bắc.

Các biến chuyển tại Hải Phòng, làm tình hình giao hảo Việt-Pháp căng thẳng, đã khiến chính phủ Pháp phải ra điều trần trước quốc hội. Nhân dịp này, thủ tướng Léon Blum đã trấn an dư luận Pháp như sau

« Tôi đã bày tỏ hy vọng là có thể một ngày gần đây mang đến cho quí vị những tin tức phấn khởi. Niềm hy vọng hiện nay bị đe dọa. Thực ra tình hình không lấy gì làm nguy cấp. Quốc gia ta phải đối phó một cách bình tĩnh. Tuy nhiên tình hình cũng nghiêm trọng... Tôi đã cử tướng Leclerc làm trưởng phái bộ thanh tra quân sự sang Đông Dương nghiên cứu tình hình. Đại tướng sẽ

đi ngay ngày mai ».

Nói về tướng Leclerc, từ sau ngày từ chức về Pháp, được coi như một chuyên gia về vấn đề Đông Dương, nên mặc dù ông được cử giữ chức tổng thanh tra quân đội Pháp tại Bắc Phi, ông vẫn chuyên trách theo dõi và nghiên cứu các vấn đề liên quan tới Đông Dương.

Ông được cử sang thanh tra Đông Dương ngày 18-12. Nhưng đã trễ vì ngày 19-12 chiến tranh toàn quốc đã bùng nổ từ Hà Nội. Tuy nhiên ông vẫn thi hành kế hoạch đã được vạch ra.

Chính Leclerc biết hơn d'Argenlieu, vì hiểu rõ các phương tiện quân sự của Pháp tại Bắc Việt chỉ vừa đủ để bảo vệ sinh mạng Pháp kiều chứ không đủ để thanh toán Việt Minh cũng như các phong trào quốc gia.

Leclerc vẫn luôn luôn tin rằng nước Pháp có thể hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh với điều kiện là phải khéo léo thỏa mãn các nguyện vọng của họ. Các quyền lợi của Pháp cũng phải làm sao dung hợp với các quyền lợi của Việt Nam. Ủy viên Pháp quốc Sainteny và đại tá Crepin hiện còn ở tại Bắc Việt là những người am hiểu vấn đề có thể nói chuyện với Việt Minh.

Trước khi sang Đông Dương, Leclerc có thỉnh cầu chính phủ Pháp công bố chính sách về Việt Nam dựa trên hai quan điểm như sau

— Nước Pháp thỏa thuận cho các xứ Đông Dương được hưởng tất cả những điều gì mà xứ này đã tỏ ra xứng đáng được hưởng theo đà tiến hóa và sự trưởng thành của họ.

— Ngược lại Pháp sẽ đàn áp thẳng tay những hành động phiến loạn.

Leclerc hy vọng rằng hai quyết định trên sẽ làm tăng uy quyền cho ông Hồ trước các đồng chí của ông. Và khiến cho những người Pháp có tư tưởng cực đoan về Việt Nam phải tỏ ra hiểu biết hơn về kẻ địch, không phải là bọn thảo khấu tầm thường hay là những người chỉ biết toan theo kỷ luật.

Leclerc ở lại Đông Dương hai tuần và đã cùng cao ủy d'Argenlieu, tướng Valluy ra tận Hà Nội để cùng với Sainteny quan sát tình hình tại chỗ. Tại Saigon, tướng Leclerc thảo luận với tướng Valluy, tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp về tình hình, về đường lối chiến tranh của Pháp, và đã cùng đi đến một nhận định như sau

1) Việt Minh là một đảng Cộng sản, linh hồn của cuộc kháng chiến. Tất cả các tổ chức quân sự đều ở trong tay họ. Tuy không đại diện cho hầu hết các từng lớp nhân dân, nhưng họ nắm giữ được tất cả, ý định của họ là quyết đánh bằng chiến tranh hao mòn và bằng du kích.

2) Mục đích của nước Pháp là tái lập trật tự, nhưng là một nền trật tự khác với trước năm 1939. Nước Pháp chủ trương bình định từ miền Nam ra miền Bắc, thành lập các chánh phủ tự trị có sự tin cậy lẫn nhau. Như vậy cuối cùng, ta phải đánh Việt Minh, giải giới và phân hóa họ, tiếp theo là việc thiết lập một trật tự mới. Để hỗ trợ cho hành động này, cần phải được sự tham gia song hành của các kỳ hào và các phong trào quần chúng người Việt. Nhưng ta chỉ thu lượm được sự hỗ trợ và sự tin cậy của họ khi ta bảo đảm được tính mạng cho họ. Tóm lại, đây là một vấn đề không phải thuần túy quân sự mà cũng không phải hoàn toàn dân sự.

3) Trước khi quyết định hành động, Balê phải bố trí một hệ thống cán bộ chính trị. Tuy nhiên phải đặt các cán bộ quân sự ở trên để lãnh đạo. Đó là một nguyên tắc bình định đã áp dụng từ một thế kỷ nay, vì quân đội là phương tiện điều hành một sự chuyển tiếp giữa dĩ vãng và tương lai. Phải tránh làm sao không gây ra một sự xúc động tâm lý trong các giới quần chúng bản xứ, làm họ hồi tưởng lại hình ảnh trước năm 1939.

4) Một cố gắng như vậy có thể kéo dài nhiều năm vì ta không có nhiều quân. Chiếm đóng các vùng đồng bằng chưa đủ. Việc bình định chỉ chấm dứt khi nào các chính quyền tự trị xua đuổi được Việt Minh và thiết lập chủ quyền trên toàn lãnh thổ. Kiểu chính trị này không phải là một cuộc chạy đua có thể định giờ mà sẽ gặp nhiều khó khăn.

5) Nếu quyết định một cuộc tấn công quân sự, ta sẽ dành ưu tiên vào chỗ nào dễ thành công nhất. Theo tướng Valluy, trước hết là Trung Việt, kế là Nam Việt, còn làm cùng một lúc cả Bắc, Trung và Nam thời quá chủ quan.

Kết luận: Nước Pháp cần phải biết rằng « đây là một vấn đề cần một thời gian lâu dài và đắt giá ».

Sau khi thu thập các dữ kiện về Đông Dương, Leclerc đã thảo một tờ trình với những đề nghị trình lên thủ tướng Pháp ngày 12-1-1947.

Các đề nghị của ông đã không còn hoàn toàn bảo thủ những ý niệm cũ, nghĩa là đặt

vấn đề thương thuyết với Việt Minh dễ dàng. Ông cho rằng có thể nối tiếp cuộc thương thuyết với Việt Minh, nhưng dựa trên một đường lối hành động khác, là phải làm sao khắc phục được đối phương về phương diện quân sự trước đã, sau đó mới có thể bàn tới việc giải quyết bằng chính trị, tuy giải pháp chính trị vẫn là chính yếu để có thể vãn hồi được trật tự tại Đông Dương.

Nội dung tờ trình của ông (5) đã được tóm lược như sau

« Biện pháp quân sự không thể nào thành công được, quân sự không thể dùng đơn phương hay tách rời khỏi chính trị

— Nhận xét đầu tiên của ông là ảnh hưởng của Hồ Chí Minh, đảng ông ta đã tăng trưởng trên toàn cõi Đông Dương. Do thái độ cứng rắn đối với Pháp, chính phủ Việt Minh đã được quần chúng ủng hộ tích cực. Hệ thống của họ phát triển. Ông có cảm tưởng nước Pháp không biết rõ những điều mà Việt Minh mong muốn.

Một hành động quân sự mạnh mẽ song song với một biện pháp chính trị nhằm phân hóa những thành phần quốc gia có thể làm cho Việt Minh mệt mỏi, phải chấp nhận việc tái thương thuyết. Nếu tiến tới việc như vậy, ta có thể tạo ra một chính phủ ít độc tài khác với chính phủ Việt Minh hiện nay và phù hợp với quyền lợi của xứ Đông Dương cùng Liên hiệp Pháp

- Trong chính phủ này, Việt Minh chỉ còn là một chính đảng. Ta cần tạo ra các đảng phái đối lập và nâng đỡ họ để chống lại Việt Minh

— Hành động đơn phương quân sự sẽ không thể chiến thắng. Đối với các miền Thượng du Bắc Việt, Nam Việt, Nam Trung Việt và miền giáp giới Tàu, nước Pháp có thể tranh thủ được dân thiểu số, kết nạp thân binh chống lại Việt Minh. Hơn nữa, tại Trung Việt có rất nhiều nhân vật sẵn sàng giúp ta nếu ta tạo được một khung cảnh hoạt động chống đối chính phủ Hà Nội

— Trên phương diện quân sự, trật tự phải được duy trì tại miền Nam, tái lập tại miền Bắc. Bản đạm ước 14-9 đã giúp cho Việt Minh củng cố các vị trí và buộc ta phải lùi bước. Những địa điểm trọng yếu tại Bắc Việt là Hà Nội và con đường chạy từ Hải Phòng đến thủ đô này (quốc lộ số 5). Tất cả nỗ lực của ta phải tập trung vào vùng này. Ta khó giữ được Nam Định. Việc rút khỏi nơi này phải được đề cập đến (1). Vấn đề cho viện quân đánh xuyên lên Cao Bằng không thể thi hành được vì ta cũng không đủ quân. Vấn đề cần thiết là phải tạo cho tình hình thêm sáng sủa trước khi dứt mùa mưa, tức là trước tháng 4 dương lịch. Giai đoạn của 10 tháng vừa qua đã không thành công. Đối với giai đoạn tới, phải làm cho hiệu nghiệm với các nỗ lực quân sự và chính trị song hành. Chắc chắn là thời gian sẽ kéo dài, cần phải phối trí và chuẩn bị các phương tiện đầy đủ để chiếm đóng các vị trí và sau đó, cũng cần phải còn nhiều thời gian nữa

— Chỗ sai lầm là đánh giá cuộc chống cự của Việt Minh không thể kéo dài — vì với quân số lớn, vũ khí rất nhiều được cung cấp thường xuyên bằng cách buôn lậu, kẻ địch được quân Nhật huấn luyện có thể chiến đấu rất lâu và rất hăng.

Việc tổ chức hệ thống chỉ huy của Pháp rất tốt, không cần chấn chỉnh. Tinh thần binh sĩ rất cao. Việc liên lạc giữa hải lục không quân tốt. Cán bộ tốt nhất là cấp ủy. Các cấp lãnh đạo tốt.

Trong phạm vi hành chánh, các công chức thường không rõ nguyện vọng của dân bản xứ và cứ tưởng như không có gì thay đổi kể từ 1939. Do đó, cần phải thay thế một số để tạo một tinh thần mới

— Kết luận : Không được làm nửa vời đối với nỗ lực quân sự. Cần nhớ, vấn đề Đông Dương trước hết là một vấn đề chính trị. Nếu nước Pháp không muốn bị rơi vào sự nhầm lẫn thì phải giải quyết vấn đề trong một thời gian ngắn và các biến cố tại Đông Dương đã có những phản ứng quan trọng trong Liên hiệp Pháp ».

Tờ trình này đã được thủ tướng Léon Blum rất tán thành. Ông Blum muốn cử ngay Leclerc sang làm tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương thay thế tướng Valluy và hứa trong tương lai để ông kiêm cả chức cao ủy thay thế đô đốc d'Argenlieu nữa.

D'Argenlieu nghe tin này có ý muốn xin từ chức vì chính sách quân sự cứng rắn của ông đã không phù hợp với đường lối của nước Pháp. Tuy rằng chính sách của ông dưới con mắt của đa số người Pháp lúc đó không có gì là sai lầm. Vì một khi Pháp đạt được những mục tiêu chiến lược quân sự, chiếm đóng thực sự các thành phố tại Bắc Việt thì đã có ưu thế để chuyển sang các mục tiêu chính trị mềm dẻo hơn.

(1) Tờ trình này được thiết lập sau ngày chiến tranh toàn quốc 19-12-1946, nên Leclerc đã đề nghị cả những biện pháp cấp thiết cần đối phó.

Trong cuộc gặp gỡ giữa Leclerc và tướng de Gaulle, điều ấy đã được chứng minh. Vì trước lời mời của thủ tướng Blum, Leclerc đã đến tham khảo ý kiến của tướng de Gaulle, tuy không còn tham chính, nhưng còn rất nhiều uy tín đối với các tướng lãnh Pháp. Tướng de Gaulle đã nói rằng

« Chính quyền phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về vấn đề gây ra tình hình nghiêm trọng tại Đông Dương chứ không phải d'Argenlieu. Nhắc tới đô đốc là một sự sai nhầm, mà ngược lại phải bênh vực ông ta. Tình hình quân sự sẽ được sáng sủa khi ta có viện binh tới, và lúc đó ta sẽ thiết lập một nền chính trị mới dựa trên một căn bản mới. Nếu chính phủ còn cần dùng tới Leclerc thời tốt hơn hết hãy cho viện binh sang Đông Dương đi... Theo tôi, đây là một thủ đoạn của bộ trưởng Marius Moutet muốn tìm một người chịu trận để che đậy tội lỗi của hắn ».

Leclerc nghe theo lời de Gaulle đến từ chối với Blum và nói rằng tướng Valluy rất xứng đáng với vai trò của ông, nên tăng thêm cho ông một sao nữa, và việc thay thế đô đốc d'Argenlieu trong tình thế này xét ra không thấy lợi. Ông đề nghị việc chọn lựa vị cao ủy tương lai phải là nhân vật hội đủ được sự ủng hộ của mọi giới và đảng phái, riêng cá nhân, ông xét thấy không xứng đáng theo tiêu chuẩn này.

Tuy nhiên, d'Argenlieu vẫn phải rời khỏi chức cao ủy Đông Dương vào tháng 3 năm 1947

4. MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ VAI TRÒ CỦA D'ARGENLIEU VÀ LECLERC.

D'Argenlieu và Leclerc thực ra đều giống nhau trong mục đích, nhưng mỗi người có một quan niệm hành động khác nhau.

a. D'Argenlieu có quan niệm cứng rắn muốn cậy vào sức mạnh quân sự để chiếm lại Đông Dương. Cuộc tái chiếm này được thực hiện từ Nam lên Bắc. Thành lập các chính phủ tự trị địa phương theo đường lối chia để trị. Vấn đề thương thuyết chỉ là giai đoạn. Mục tiêu cuối cùng vẫn là tái chiếm Đông Dương, bảo vệ các quyền lợi của Pháp. Tuy nhiên, chế độ thuộc địa sẽ được nới rộng hơn trước năm 1939.

Đường lối xâm lăng của d'Argenlieu được cả nước Pháp hỗ trợ vì chẳng người Pháp nào muốn mất Đông Dương, khiến cho nước Pháp suy yếu và mất hết các thuộc địa. Các kiều dân thuộc địa Pháp, những người có nhiều quyền lợi và các viên cai trị thuộc địa Pháp là những động cơ thúc đẩy cho chính sách thuộc địa của d'Argenlieu càng đi sâu vào chiến tranh

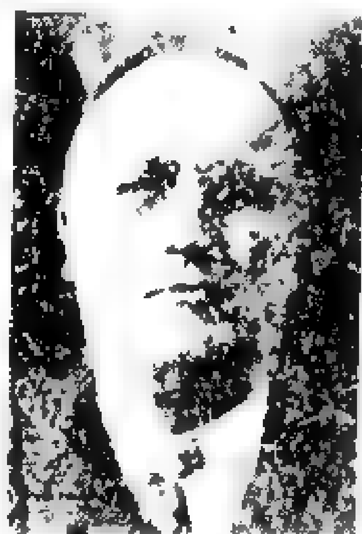
b. Còn Leclerc, ông là người có nhiều mưu lược và biết nhìn xa. Ông hiểu là cuộc chiến tranh này sẽ rất tốn kém và khó thắng bằng quân sự, nên chủ trương thương thuyết. Nhưng ông không thành thực mà chỉ coi thương thuyết như mưu xảo để lường gạt, thủ lợi cho Pháp. Vì thế, ông không có đường lối dứt khoát mà vẫn chủ trương dùng biện pháp quân sự để làm áp lực. Trước sau ông đã tự mâu thuẫn với ông từ sự phản bội của nước Pháp qua việc tạo ra Nam kỳ tự trị sau hiệp định sơ bộ 6-3 đến các quan niệm chiến lược khác nhau của ông trong các bản báo cáo được tường trình mỗi khi có một biến cố mới. Cuối cùng ông vẫn chủ trương một cuộc thương thuyết dựa trên sức mạnh quân sự. Chính chủ trương này đã được nước Pháp theo đuổi và sa lầy trong chiến tranh.

Cũng về vai trò của Leclerc đối với chiến tranh Đông Dương, sau này nhân cái chết của Hồ Chí Minh, dư luận Pháp lại nhắc đến và coi ông là người tiêu biểu cho giải pháp thương thuyết thực sự với Việt Minh hồi đó. Việc này khiến ông George Bidault đã phải lên tiếng phủ nhận trước dư luận Pháp vào cuối năm 1969. Ông Bidault lúc đó là thủ tướng Pháp quốc đã chứng minh với lá thư nhận được ngày 8-6-1946 của tướng Leclerc. Trong thư này có một đoạn Leclerc đã bộc lộ thái độ của ông rằng Việt Nam phải nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khuôn khổ Liên hiệp Pháp và ông cũng như mọi người Pháp đã nhận thấy sự quan trọng và sự phong phú của xứ này, không muốn rằng sự ngã gục của những người Pháp từ sáu tháng nay trở thành vô ích, ông còn quả quyết Hồ Chí Minh là kẻ thù lớn của nước Pháp.

Ta càng rõ Leclerc hơn. Chính lúc trước khi sang Đông Dương tham sát tình hình, nhân vụ biến cố Hải Phòng — Hà Nội, Leclerc đã đề nghị cất chức tư lệnh miền Bắc của tướng Morliere, người chịu trách nhiệm trực tiếp đã gây ra vụ Hải Phòng để làm dịu tình hình căng thẳng Việt — Pháp, hầu để nối tiếp lại cuộc thương thuyết. Nhưng khi sang Đông Dương tình hình không thể cứu vãn lại được và khi nghe de Gaulle, Leclerc lại đổi thái độ bênh vực các tướng lãnh Pháp tại Đông Dương như d'Argenlieu và Valluy. Ông còn yêu cầu duy trì các tướng lãnh trên ở lại,

chứng tỏ ông không có một đường lối thương thuyết dứt khoát.

D. EMILE BOLLAERT (3-1947 – 9-1948)


EMILE BOLLAERT

SAU biến cố Hà Nội, tình hình miền Bắc đã đưa đến chiến tranh toàn quốc, làm đổ vỡ tất cả các cuộc điều đình chính trị đã có từ trước với Việt Minh, và đã khiến họ phải tạo một cuộc kháng chiến lâu dài chống Pháp.

Các nhà lãnh đạo Pháp thực ra không muốn vậy. Họ chỉ muốn lấn át chính quyền Việt Nam bằng cách chiếm đóng thực sự các thành phố chiến lược tại miền Bắc để tạo ưu thế quân sự cho họ trong các cuộc mặc cả điều đình. Vì họ cũng thừa biết là không đủ quân để theo đuổi chiến tranh tới thắng lợi, nhất là cuộc chiến tranh mang tính chất thuộc địa vừa thất lợi cho họ đối với dư luận quốc tế lẫn dư luận nước Pháp.

Chính sách quân sự cứng rắn của d'Argenlieu tuy cần thiết nhưng đã sa lầy. Giới lãnh đạo Pháp muốn gỡ thế kẹt, xét thấy cần thiết phải đổi vai trò lãnh đạo tại Đông Dương.

Thủ tướng Léon Blum phải chịu một phần trách nhiệm về các biến cố Hải Phòng, Hà Nội, cũng như thủ tướng kế nhiệm Ramadier đã tỏ ra lo ngại và muốn thay đổi chính sách tại Đông Dương. Trong khi tại chức, cả hai ông này đều muốn cử tướng Leclerc làm cao ủy, một phần có lẽ cho rằng Leclerc còn có tình cảm với Hồ Chí Minh và một phần khác cho rằng Leclerc sẽ có những hành động thực tế qua những ý kiến trong tờ trình gửi chính phủ Pháp ngày 12-1-1947 sau khi đi thanh sát tình hình Đông Dương vào giữa lúc vừa xảy ra biến cố Hà Nội. Leclerc từ chối nên mới có vai trò Bollaert.

Ông Emile Bollaert được cử sang thay thầy sư đô đốc d'Argenlieu từ thượng tuần tháng 3-1947 mãi tới 1-4 mới tới Saigon để nhậm chức.

Tân cao ủy Bollaert là một chính trị gia thuộc đảng cấp xã, một đảng có nhiều hậu thuẫn với chính trường Pháp lúc bấy giờ. Ông đã từng tham gia kháng chiến và có nhiều thành tích về tù đày chính trị. Chính phủ Pháp tin tưởng rằng với các thành tích cách mạng của ông, có thể gây được nhiều cảm tình trong việc ngoại giao và với tài khôn ngoan chính trị, ông có thể thành công dễ dàng trong việc chuyển hướng chính sách Pháp tại Đông Dương. Chính Bollaert cũng tin tưởng là ông sẽ thành công nhanh chóng nên đã hứa chỉ sang Đông Dương thi hành sứ mạng trong một thời hạn là sáu tháng.

Trong việc chuyển hướng chính sách, chính phủ Pháp giao vai trò chính trị là vai trò chính cho Bollaert, còn vai trò quân sự giao cho tướng Valluy.

Như trên đã có dịp đề cập tới cá nhân của tướng Jean Etienne Valluy. Ông này là một nhà quân sự có hành động cứng rắn và là người đã ra lệnh cho tướng Morlière chiếm Hải Phòng và làm chiến tranh bùng nổ trên toàn quốc.

Để rõ hơn về nhân vật này, ta biết qua quá trình hoạt động của ông tại Đông Dương. Trong thời gian từ tháng 10-1945 đến đầu năm 1946, tướng Valluy là tư lệnh Sư đoàn 9 bộ binh thuộc địa, được chỉ định kiêm tư lệnh quân đội Pháp tại miền Nam đảm trách các cuộc hành quân bình trị tại đây. Tới tháng 3-1946, tướng Valluy được tướng Nyo tư lệnh Sư đoàn 3 thay thế tại miền Nam, và ông được cử ra miền Bắc. Chính tướng Valluy là người đảm trách mở cuộc hành quân đổ bộ lên miền Bắc. Valluy

thương hại lộ thái độ cứng rắn của một quân nhân tin tưởng ở sự tất thắng quân sự.

Thái độ tin tưởng này là nguyên nhân tạo ra các vụ khiêu khích của quân Pháp, và ngay sau khi đổ bộ lên Bắc Việt, tướng Valluy trong một chỉ thị đề ngày 6-4-1946 gửi cho các cấp chỉ huy Pháp đã viết: « ... Tới đúng lúc nơi nào phải lập ngay kế hoạch phòng thủ rồi biến dần các hoạt động thuần túy quân sự thành một cuộc cướp chính quyền... » Nghĩa là theo Valluy, quân đội Pháp đổ bộ lên theo sơ ước 6-3 lần lượt sẽ chiếm các tỉnh và quận để tái lập nền cai trị của Pháp.



VALLUY
(mặc áo trận)

Như thế, khi nhắm vào hai nhân vật trên ta thấy sự chỉ đạo chiến tranh của Pháp đã thầm kín biểu lộ dưới hai khía cạnh.

— Dùng Bollaert để nới rộng chánh sách thuộc địa bằng cách nối lại các cuộc thương thuyết với Việt Minh trong khi Pháp đã có ưu thế tại Bắc Việt, hoặc tìm một giải pháp chính trị khác do Pháp tạo nên.

— Valluy sẽ tạo áp lực quân sự hỗ trợ cho việc thương thuyết có lợi cho Pháp, hoặc giúp cho việc thành hình một giải pháp chính trị.

Người Pháp tin tưởng với chính sách thuộc địa xây dựng trên hai lãnh vực quân sự và chính trị hỗ trợ cho nhau, họ có thể thành công trong việc sớm chấm dứt chiến tranh vãn hồi trật tự tại Đông Dương mà Pháp ít tốn kém về nhân cũng như vật lực.

Vì thế khi qua Đông Dương, Bollaert tìm cách thương thuyết với Việt Minh và sau đó đã dời sang thương thuyết với ông Bảo Đại.

1. THƯƠNG THUYẾT VỚI VIỆT MINH

Trong diễn văn đọc trước quốc hội Pháp ngày 18-3-1947, thủ tướng Pháp Ramadier khi nói đến vấn đề Đông Dương đã cho rằng không thể giải quyết bằng vũ lực mà phải giải quyết bằng chính trị. Ông cho rằng sẵn sàng để cho dân tộc Đông Dương được hưởng độc lập, có quân đội và ngoại giao trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp. Còn nước Việt Nam, nếu toàn dân nước này muốn, họ sẽ được thống nhất. Ông còn giải thích sự có mặt của Pháp tại Đông Dương không phải là để đô hộ mà là để hợp tác với các nước trong Liên bang Đông Dương.

Ba ngày sau bài diễn văn cởi mở và nhiều hứa hẹn của thủ tướng Pháp, Việt Minh hưởng ứng ngay qua đại diện của họ tại Ba Lê là ông Trần Ngọc Danh, ông này đã ở lại Pháp sau khi ông Hồ ký thỏa ước 14-9-1946 để giữ liên lạc giữa Việt Minh và chính phủ Pháp. Ông Danh tuyên bố Việt Nam chỉ muốn độc lập và thống nhất, tất cả những vấn đề khác sẽ được giải quyết dễ dàng. Các quyền lợi Pháp sẽ được tôn trọng. Ông kêu gọi trước hết Pháp phải ngưng bắn ngay để nhiều người đỡ chết vô ích. Và ông cũng yêu cầu chính phủ Pháp tiếp xúc thẳng với chính phủ Việt Minh để mong tìm một giải pháp hòa bình tại Việt Nam.

Ngày 1-4-1947, Bollaert được cử sang thay thế d'Argenlieu và việc đầu tiên là tìm cách thương thuyết với chánh phủ Việt Minh. Để tạo một bộ mặt hòa bình cho chính quyền Pháp tại Đông Dương, ông cho thay cố vấn chính trị của d'Argenlieu là Pignon, và thay Albert Torel ủy viên Pháp quốc tại Nam kỳ, vì hai ông này là những nhân vật nòng cốt cho chính sách thuộc địa của cựu cao ủy. Để gây một bộ mặt mới khác, ông cho bãi bỏ kiểm duyệt báo chí tại Saigon.

Chánh phủ Việt Minh đã đáp ứng lời kêu gọi hòa bình của Pháp, và đã gửi một công hàm đề ngày 19-4-1947. Bức công hàm này đã do bộ trưởng ngoại giao Hoàng Minh Giám trao cho Pháp qua ngả Hà Nội và mãi tới 26-4 mới tới nơi. Trong đó, chính phủ Việt Minh xác nhận muốn là thương thuyết với Pháp và cho rằng chiến tranh kéo dài chỉ thêm hận thù chết chóc vô ích. Việc tân cao ủy đến Đông Dương đã chứng tỏ thiện chí chuyển hướng chính trị mới xứng đáng với nước Pháp mới. Chứng tỏ thiện chí hòa bình và tình thân thân hữu, Việt Minh yêu cầu

Pháp chấm dứt ngay các cuộc xung đột và mở ngay các cuộc điều đình.

Đối với đề nghị ngưng ngay xung đột, các giới thực quyền tại Saigon đều cho rằng cần có những bảo đảm, mới có thể ngưng bắn được.

Bollaert liền mạnh dạn thương thuyết bằng cách cử vị cố vấn Paul Mus là người từng quen biết Hồ Chí Minh. Paul Mus lên Bắc Việt ngày 1-5 để thăm dò các ý định của đối phương. Ông mang theo chỉ thị là sẽ chấp nhận sự ngưng bắn với điều kiện Việt Minh phải ngưng ngay các vụ xung đột, phải giao giới và giao cho Pháp 50% tổng số vũ khí, phải để quân Pháp được tự do đi lại để đóng trong khu vực Việt Minh và phải thả tù binh, con tin cùng binh sĩ đào ngũ lại cho Pháp.

Mãi ngày 9-5 Paul Mus mới tiếp xúc được với Hoàng Minh Giám và chủ tịch Hồ Chí Minh ở tại một địa điểm cách Bắc Hà Nội 60 cây số. Các điều kiện này đều không được Việt Minh chấp thuận. Paul Mus ra về với lời yêu cầu dành thẩm quyền quyết định cho chính phủ Pháp để trả lời chính thức đề nghị của Việt Minh. Ông về tới Hà Nội ngày 20-5.

Vào ngày 15-5 Bollaert đã minh định lập trường của Pháp trong bản diễn văn đọc tại Hà Đông, theo đó nước Pháp sẽ ở lại Đông Dương, và Đông Dương sẽ nằm trong Liên hiệp Pháp. Sự có mặt này không có nghĩa là áp bức và kỷ nguyên đế quốc đã cáo chung để thay thế bằng một kỷ nguyên của tình thân hữu. Nền hòa bình sẽ tới với dân tộc Việt Nam và nước Pháp sẽ đón nhận sự hợp tác với tất cả các đảng phái và không công nhận một đảng phái nào có thể độc quyền đại diện cho cả dân tộc Việt Nam.

Bài diễn văn này ám chỉ nước Pháp sẽ điều đình với mọi đảng phái không chỉ riêng với Việt Minh.

Vào những ngày đầu tháng 6, dư luận Việt Minh cũng ráo riết vận động cho sự thương thuyết. Dư luận này đã giải thích danh từ độc lập và thống nhất như sau: Một quốc gia độc lập phải được quan niệm là quốc gia đó có chính phủ, có quốc hội, có ngân hàng, có quan thuế, có quân đội, có công an cảnh sát và có liên lạc ngoại giao với các nước. Còn thống nhất đối với Việt Nam phải có sự hợp nhất của ba kỳ, có một chính phủ trung ương duy nhất và không thể mỗi kỳ có một chế độ chính trị riêng rẽ. Ngày 19-6, ông Hồ Chí Minh gửi công hàm cho chính phủ Pháp xác nhận sự mong muốn gia nhập khối Liên Hiệp Pháp.

Tới ngày 19-7, Việt Minh đáp ứng khéo léo vấn đề thương thuyết bằng cách cải tổ chính phủ của họ. Chính phủ cải tổ này gồm một thành phần 27 nhân vật trong đó có 3 nhân vật cộng sản thay vì 6 như trước, 2 quốc gia, 3 công giáo, 1 phật giáo, 8 độc lập và 2 của quân lực. Việt Minh rêu rao là chính phủ của họ bao gồm đủ mọi thành phần và khuynh hướng quốc gia. Còn trong chính phủ cải tổ này, Võ Nguyên Giáp đang giữ Bộ quốc phòng đã bàn giao cho Tạ Quang Bửu là một nhân vật không đảng phái, để giữ chức tổng tư lệnh quân đội nhân dân.

Không biết Bollaert sang có muốn liên hệ điều đình với Việt Minh không, bởi vì ông cảm thấy ... với họ ... mạnh. Nhưng phải công nhận là Bollaert đã gặp nhiều khó khăn. Khó khăn trước nhất là ngay khi ông sang, chính phủ Ramadier chủ trương thương thuyết với Việt Minh đã bị cải tổ, phe tả khuynh thân de Gaulle đã hoạt động trở lại từ ngày 14-4-1947 và rất mạnh trong chính phủ. Khó khăn khác của Bollaert là khi sang Đông Dương, ông đã bị vây quanh bởi những thành phần thực dân muốn duy trì các quyền lợi của họ tại Đông Dương, nhưng giới thực dân này không muốn chính phủ Pháp điều đình với Việt Minh và tìm mọi cách để cản trở. Ngoài ra, phe quốc gia do ông Bảo Đại cầm đầu cũng hoạt động mạnh để tranh lấy Việt Nam và có được một ảnh hưởng lớn lao trong vùng Pháp kiểm soát.

Tuy nhiên vào lúc đó, thủ tướng Ramadier còn tại chức nên ông vẫn tiến hành cuộc vận động cho thương thuyết của ông với Việt Minh. Một dự định của chính phủ Pháp là sẽ tiến đến ngưng bắn vào trưa ngày 15-8-1947 và tiếp đó trao trả nền độc lập cho Việt Nam. Vì với ngày 15-8 này, người Anh chính thức ban bố nền độc lập cho các nước thuộc địa của mình là Ấn Độ và Hồi quốc nên người Pháp cũng muốn noi theo. Nếu dự định này xảy ra đúng như vậy thì chính phủ Pháp sẽ phải điều đình và công nhận chính phủ Việt Minh.

Bollaert ở Đông Dương phân vân. Ngày 12-8 ông bay về Pháp để tham khảo ý kiến. Nước Pháp lúc đó đã không có một đường lối dứt khoát. Phe khuynh hữu lại mạnh và vì quyền lợi, không muốn điều đình với Việt Minh. Cuối cùng, chính phủ Pháp đã đi đến kết luận là hãy bỏ cuộc ngưng bắn đã được dự liệu này. Người Pháp cho rằng nếu ngưng

bàn về điều đình với Việt Minh, nước Pháp sẽ thất lợi. Vì Việt Minh là một đảng cộng sản rất mạnh, không để gì điều khiển được họ; nếu điều đình pháp lý với chính phủ này, các đảng phái quốc gia khác sẽ bị tiêu diệt, nước Pháp không nắm được họ sẽ bị mất dần hết các quyền lợi.

Tuy nhiên, Pháp vẫn không muốn cắt đứt mọi liên lạc với Việt Minh.

Ngược lại, Pháp làm sống lại các cuộc vận động chính trị bên cạnh ông Bảo Đại. Ngày 9-9 một phái đoàn quốc gia gồm 21 đại diện thuộc đủ mọi thành phần trong nước đã bay sang Hồng Kông để trình thỉnh nguyện của họ lên cựu hoàng Bảo Đại.

Vào ngày 10-9 cao ủy Bollaert đã đọc một bài diễn văn tại Hà Đông. Chính ra bài diễn văn này đã được dự liệu để công bố một chính sách mới cho Đông Dương. Dư luận lúc đó cho rằng bài diễn văn này đã được sửa chữa lại sau khi chính phủ Pháp bác bỏ việc điều đình với Việt Minh. Do đó, bài diễn văn trống rỗng, không có những quyết định quan trọng, chỉ chứa đựng những lời hứa hẹn với những câu như: « — Nước Việt Nam sẽ tự quyết định các cơ quan hành chính, không còn sự can thiệp của nước Pháp. Nước Việt Nam có thể tự mình thực hiện lấy sự thống nhất nếu tất cả dân Nam kỳ đều đồng thuận. Chỉ cũng có những sự hạn chế về tự do của họ là phải nằm trong khuôn khổ của Liên hiệp Pháp... ». Tuyệt nhiên không đề cập tới danh từ « độc lập ».

Thực ra, Bollaert đã sửa lại bài diễn văn này, rút bỏ danh từ « độc lập » để có thể mặc cả đối với ông Bảo Đại, sau khi bãi bỏ sự thương thuyết với chính phủ Việt Minh.

9. THƯƠNG THUYẾT VỚI ÔNG BẢO ĐẠI

Cuộc thương thuyết với Việt Minh không thành, Bollaert quay sang tìm một giải pháp chính trị khác. Giải pháp chính trị mới này nhằm vào ông Bảo Đại, vì Pháp thừa hiểu rằng muốn chấm dứt phong trào kháng chiến và muốn tách các nhóm kháng chiến quốc gia khỏi phe cộng sản thì phải dựng lên một nhân vật quốc gia đầy đủ uy tín mới có thể thành công được.

Sau bài diễn văn của Bollaert tại Hà Đông, nhiều cuộc biểu tình đã được tổ chức ở Huế, Hà Nội, Saigon để ủng hộ cựu hoàng. Nhiều đoàn thể dân chúng và chính trị đại diện sang Hồng Kông thỉnh cầu cựu hoàng về nước để đứng ra điều đình với Pháp.

Các hoạt động này đã được phát động mạnh kể từ tháng 8-1947. Mãi tới đầu tháng 9-1947, cựu hoàng Bảo Đại ở Hồng Kông mới bắt đầu ra mặt hoạt động. Ông tuyên bố với báo chí sẵn sàng về nước nếu quốc dân yêu cầu và sẵn sàng đón tiếp các đại diện dân chúng từ ở trong nước sang. Liền hôm sau, nhiều nhân vật Nam Trung Bắc đến Hồng Kông yết kiến cựu hoàng. Đến ngày 18-9 Bảo Đại tuyên bố lập trường rõ rệt: « Tôi vì hạnh phúc của dân mà thoái vị, nay nếu dân lại muốn tôi ra giúp nước và điều đình với Pháp thì tôi sẵn sàng chấp nhận để đòi hỏi độc lập và thống nhất cho hợp với nguyện vọng chung. »

Mặt khác, Bollaert đã được tổng tư lệnh Valluy hỗ trợ cho giải pháp chính trị mới của ông bằng một cuộc hành quân đại quy mô lên miền Việt Bắc. Cuộc hành quân này được nghiên cứu từ nhiều tháng, muốn đánh mạnh ngay vào đầu não của đối phương. Hành quân được mệnh danh là hành quân Léa mở ngày 7-10-1947 được giao phó cho tướng Salan thi hành. Pháp điều động 20 tiểu đoàn khoảng 15.000 quân chia làm ba lực lượng chính: — một lực lượng gồm lục quân và giang thuyền theo triền sông Nhị Hà tiến lên Việt Bắc lấy mục tiêu Phủ Đoan Hùng; — một lực lượng khác gồm bộ binh và cơ giới xuất phát từ Lạng Sơn chiếm quốc lộ số 4 mà mục tiêu là Cao Bằng; — và một lực lượng thứ ba nhảy dù xuống giữa hai gọng kìm trên để phá vỡ các cơ cấu đầu não của Việt Minh. Ngoài ra, trong khuôn khổ cuộc hành quân này, có nhiều cuộc hành quân nhỏ phụ thuộc cũng nhắm vào miền Việt Bắc để hỗ trợ cho nỗ lực chính là ba cánh quân trên.

Kết quả của chiến dịch quy mô này là Pháp đã đánh vào chỗ không người, chỉ gặp du kích kháng cự lẻ tẻ. Pháp không thực hiện được ý muốn tiêu diệt chủ lực quân của Việt Minh để hỗ trợ cho giải pháp Bảo Đại. Rút cục, Pháp phải rút khỏi miền Việt Bắc vì không có quân chiếm giữ và không đủ phương tiện tiếp tế cho đoàn quân rời xa căn cứ.

Tuy nhiên, cần phải đóng kín biên giới Hoa Việt để ngăn chặn sự tiếp tế của đối phương từ bên ngoài đến, Pháp đã lưu lại một số quân chiếm vùng Đông Bắc dọc quốc lộ 4 từ Lạng Sơn tới Cao Bằng. Chiếm đóng Cao Bằng, Pháp có ý định thiết lập một vòng

đai quanh biên giới Hoa Việt, ngoại trừ phố Hà Giang bị bỏ ngỏ. Chính vì chiếm đóng miền Đông Bắc, Pháp đã bị thất bại quân sự rất chua cay sau này.

Qua sự vận động của Pháp và các chính khách quốc gia, cựu hoàng Bảo Đại do đã không hiểu rõ lòng thành thực của Pháp tới mức nào, nên mới tới ngày 6-2-1947 ông mới tiếp xúc lần đầu tiên với cao ủy Bollaert trên soái hạm Duguay Trouin tại vịnh Hạ Long.

Sau cuộc tiếp xúc này, ông và Bollaert đã ký một bản nghị thức (protocole) để hai bên trao đổi quan điểm về một số vấn đề liên quan tới Việt Nam. Ngay sau khi ký kết, Bollaert trở về Pháp phúc trình, cựu hoàng Bảo Đại trở lại Hồng Kông rồi cũng sang Pháp ngay để vận động cho lập trường của mình.

Tại Pháp, Bollaert tìm cách ngăn không cho cựu hoàng gặp nhà lãnh đạo Pháp và hẹn cùng Bảo Đại gặp nhau tại Genève. Hai ông gặp nhau vào ngày 7-1-1948. Trong một thời gian kéo dài tới 7 ngày, hai ông đã hội kiến nhiều lần và được dư luận Pháp hết sức chú ý.

Vào lúc này các tả đảng bị loại khỏi chính quyền. Chính phủ của ông Ramadier đổ. Một chính phủ khuynh hữu do phong trào Cộng Hòa Bình Dân thay thế. Chính phủ này do ông R. Schuman làm thủ tướng quyết loại bỏ Việt Minh và ủy cho Bollaert phải theo đuổi những hoạt động thương thuyết lợi ích để thiết lập hòa bình tại Đông Dương.

Bollaert tiến hành cuộc thương thuyết với Bảo Đại. Nhưng một mặt vẫn duy trì liên lạc với Việt Minh để làm áp lực với Bảo Đại. Ông đã cử Louis Caput, một cố vấn riêng, khi tới Hồng Kông vào tháng 3-1948 để bắt liên lạc với Việt Minh. Nhưng Caput đã không gặp được.

Mãi tới ngày 5-6-1948 cũng trên tàu Duguay Trouin ở vịnh Hạ Long, Bảo Đại và Bollaert lại gặp nhau để cùng ký một bản [illegible] được gọi là hiệp định Hạ Long 5-6.

Với bản hiệp định này, Pháp nhìn nhận nền độc lập của Việt Nam và nước này thực hiện sự thống nhất của mình một cách tự do. Việt Nam ngược lại tuyên bố gia nhập Liên hiệp Pháp. Sự độc lập của Việt Nam không có giới hạn nào khác hơn là sự bắt buộc gia nhập Liên hiệp Pháp. Sau khi ký xong, cựu hoàng bay thẳng sang Pháp để [illegible] trực tiếp với chính phủ Pháp. Cũng kể từ trước khi ký kết hiệp định này, cựu hoàng giao cho thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân cựu thủ tướng chính phủ Nam kỳ, thành lập một chính phủ lâm thời Việt Nam để làm bước đầu giải quyết vấn đề Việt Nam đối với nước Pháp và dư luận quốc tế. Chính phủ này được thành lập kể từ 1-6-1948 nhưng ở trong tình trạng [illegible] chờ sự chấp thuận của quốc hội Pháp. Trong khi đó Pháp vẫn duy trì chính phủ Nam kỳ tự trị, vì các phần tử thực dân Pháp tại Đông Dương chống giải pháp Bảo Đại. Nhiều chính khách Việt Nam vẫn đứng hàng hai như ông Trần văn Hữu vừa làm thủ tướng chính phủ Nam kỳ tự trị, vừa làm phó thủ tướng chính phủ trung ương Việt Nam để chờ thái độ của Pháp.

Cũng trong thời kỳ này, Việt Minh hoạt động rất tích cực tại Nam Việt. Các hoạt động khủng bố và ám sát được dồn ngay vào giữa trung tâm Sài gòn và lần đầu tiên đã có một trận giao thông chiến xảy ra như vụ phục kích đoàn xe Pháp trên đường Saigon - Dalat (1-3-1948), và 3 hôm sau một đoàn xe khác lại bị phục kích trên khoảng đường từ bắc Mỹ Thuận về tỉnh lỵ Sa Đéc, khiến dư luận xôn xao không ít. Tại miền Bắc các trận đánh du kích xảy ra khắp nơi.

Tất cả những hoạt động có tính cách quân sự này đều mang nhiều ý nghĩa: quân đội Việt Minh đã hoàn thành được các tổ chức căn bản và đang trên đà phát triển — việc đánh là để đả phá giải pháp Bảo Đại đang được Pháp thành hình.

Còn cao ủy Bollaert sau khi cùng cựu hoàng ký hiệp định Hạ Long cũng trở về Pháp để vận động. Chính ông cũng lo ngại là giải pháp này sẽ thất bại, cho nên khi ông công xuất về Pháp đã công bố: « Tôi sẽ trở lại Đông Dương khi nào hiệp định Hạ Long được quốc hội Pháp phê chuẩn, trường hợp trái lại tôi xem nhiệm vụ tôi ở Đông Dương như đã chấm dứt... ».

Lúc bấy giờ chính tình Pháp lại rất phân hóa, các chính phủ thi nhau đổ nên không có chính sách nào lâu dài cho bất cứ vấn đề gì. Chính phủ Schuman đương quyền bị chi phối bởi ba khuynh hướng khác nhau:

— Khuynh hướng thứ nhất gồm các đảng cộng sản Pháp có uy thế mạnh nhất tại quốc hội cùng với phe đa số thuộc đảng xã hội đòi thương thuyết với Hồ Chí Minh là đối thủ trực tiếp đang tạo chiến tranh chống Pháp.

— Khuynh hướng thứ hai gồm phong

trào bình dân là đảng đang cầm quyền và một thiểu số cánh hữu của đảng xã hội lại ủng hộ giải pháp Bảo Đại, loại bỏ Hồ Chí Minh vì cho rằng cựu hoàng là đại diện tinh thần cho phe quốc gia Việt Nam.

— Khuynh hướng thứ ba quy tụ những phần tử cực hữu của quốc hội không chịu thương thuyết với ai và quyết đòi dùng vũ lực đánh mau đánh mạnh để chiếm toàn cõi Việt Nam, tái lập Nam Việt thành thuộc địa, còn Trung Việt và Bắc Việt sẽ trở lại là xứ bảo hộ như trước.

Do đó mà Schuman chưa muốn đưa hiệp định 5-6 ra trước quốc hội Pháp để biểu quyết vì sợ bị bác bỏ.

Trong khi đó, tổng trưởng Pháp quốc tại hải ngoại là Coste Floret lại tuyên bố là Việt Nam độc lập trong Liên Hiệp Pháp với ý nghĩa là cả hai lãnh vực ngoại giao và quốc phòng của Việt Nam sẽ do Pháp đảm nhận. Việt Nam không được hành động theo đường lối của mình. Còn vấn đề thống nhất ba kỳ, mặc dầu có hiệp định Hạ Long, Nam Việt vẫn là thuộc địa của Pháp, Trung, Bắc Việt vẫn là hai xứ được Pháp bảo hộ.

Coste Floret thuộc phong trào Cộng Hòa Bình Dân nhưng ở phe hữu khuynh nên chống đối giải pháp Bảo Đại. Ông là người phụ trách Bộ Pháp quốc hải ngoại nên việc hợp thức hóa hiệp định Hạ Long càng trở nên khó khăn.

Chính sách của nước Pháp đối với Việt Nam không rõ rệt. Chính Bollaert đã được tham khảo ý kiến của chính phủ Pháp trước khi ký hiệp định, thế mà vừa ký xong ở Việt Nam tới Pháp, các người Pháp đủ mọi khuynh hướng đã nhao lên phản đối. Sự kiện này làm cho dân chúng Việt Nam lúc đó không tin ở thiện chí của Pháp và đã tạo hoàn cảnh cho lực lượng Việt Minh thêm mạnh.

Mãi tới 19-8-1948, hiệp định Hạ Long mới được đưa ra quốc hội nhưng lại được biểu quyết bằng một bản tuyên ngôn của chính phủ về vấn đề Việt Nam, trong đó, ngợi khen hoạt động của cao ủy Bollaert với nỗ lực không ngừng nhằm vãn hồi hòa bình tại Việt Nam qua sự ký kết những hiệp định ngày 6-12-1947 và ngày 5-6-1948, là những văn kiện xác định các nguyên tắc mà nước Pháp dự trù dùng làm nền tảng cho sự liên hiệp với dân tộc Việt Nam.

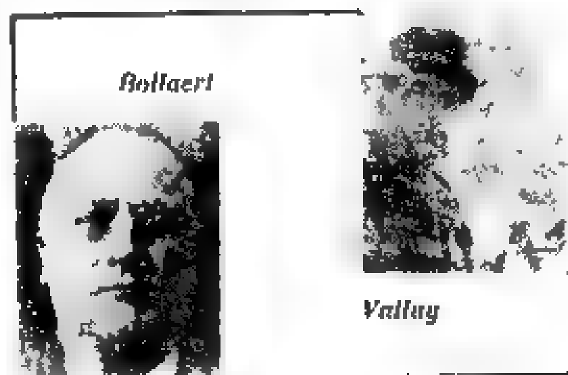
Việc đưa hiệp định Hạ Long ra quốc hội để thông qua cũng nhờ dịp chính phủ Schuman bị lật đổ, tân thủ tướng là ông André Marie một lãnh tụ của đảng Cấp Tiến Xã hội đã công nhận đưa ra vì cao ủy Bollaert vốn là đồng chí.

Nhưng ông André Marie lại không dám đem nguyên văn bản hiệp định Hạ Long ra trước quốc hội, mà lại khôn khéo soạn thảo một bản văn theo một hình thức tuyên ngôn kể trên, để quốc hội dễ dàng biểu quyết chấp thuận. Ông Bollaert không thỏa mãn, và không đồng ý thủ đoạn chính trị này.

Tuy nhiên, ông coi đây là một sự nghiệp chính trị của ông nhưng ông cũng rất buồn vì sự phân hóa của chính tình nước Pháp nhất là đối với vấn đề Việt Nam, Pháp đã không có một chính sách rõ rệt, không có một đường lối chỉ huy thống nhất khiến người đương đầu với sứ mạng không biết đâu mà lường.

Sau vụ hiệp định Hạ Long, Bollaert không sang Đông Dương, tướng Valluy đã hết sức vận động để được thay thế. Nhưng chính phủ Pháp đã chọn Léon Pignon.

5. VÀI NHẬN XÉT VỀ BOLLAERT VÀ VALLUY


Bollaert
Valluy

Ông Bollaert là một dân sự, có tư tưởng rộng rãi và muốn cải thiện lại mối bang giao với chính phủ Việt Minh đã bị bế tắc vì biến cố Hà Nội ngày 19-12-1946. Ông đưa sang Đông Dương một số cộng sự viên giỏi và có tư tưởng tiến bộ như giáo sư Paul Mus, viên chánh văn phòng Pierre Messmer người từ năm 1945 vẫn khuyên cáo nên thương thuyết với Việt Minh và Didier Michel để thay thế Léon Pignon trong chức cố vấn chính trị.

Nhưng khi sang Đông Dương, ông đã bị vây bọc bởi những người Pháp thuộc địa cũ, và từng lớp giai cấp Việt Nam được Pháp ưu đãi. Những người này không muốn Pháp điều

định với chính phủ Việt Minh và đã tìm mọi cách để cản trở ngay từ lúc Bollaert còn ở Pháp. Ngược lại, chính phủ Việt Minh đã để lộ với quốc tế từ 1945 bộ mặt cộng sản của họ. Cho nên, người Việt quốc gia không dám hợp tác với Việt Minh vì sợ bị tiêu diệt.

Tất cả những yếu tố đó đã làm cho Bollaert quay sang giải pháp quốc gia. Ông đã mất nhiều công để tiến tới hiệp định Hạ Long 5-6. Bollaert coi đó là kỳ công của ông. Thực ra vì quyền lợi chủ quan của nước Pháp, ông nhìn nhận Việt Nam độc lập và thống nhất trong Liên Hiệp Pháp, với hy vọng sẽ chấm dứt được chiến tranh mà Pháp không mất Việt Nam trọn vẹn. Nhưng cuộc chiến tranh đang biến từ hình thức giải phóng chống Pháp sang hình thái chiến tranh cách mạng cộng sản. Do đó, mà hiệp định Hạ Long không phải là mục tiêu tranh đấu cuối cùng. Dù Pháp trao trả thống nhất và độc lập thực sự thì chưa chắc cuộc chiến này đã chấm dứt vì chính phủ Việt Minh tuy với danh nghĩa chống Pháp, nhưng đã đặt thực chất của cuộc chiến vào sự khuynh đảo cả một nền tảng xã hội cũ tại Việt Nam và coi đó là mục tiêu chính của họ.

Hơn nữa, sự hãnh diện của ông đối với giải pháp chính trị áp dụng tại Việt Nam chỉ có tính cách lý thuyết, trên thực tế người Pháp không muốn giao thực quyền cho người Việt. Còn dân chúng Việt Nam đã tỏ ra nghi ngờ Pháp khi đưa ra giải pháp Bảo Đại, và lại với tinh thần bất khuất và lòng khao khát độc lập thực sự của dân Việt nên chiến tranh càng ngày càng mãnh liệt.

Còn đối với tướng Valluy từ những mục tiêu chiến lược trong trận Léa nhằm chiếm miền Việt Bắc để tiêu diệt các cơ sở đầu não của Việt Minh, hỗ trợ cho giải pháp Bảo Đại của Bollaert, Valluy đã phạm phải những nhầm lẫn quan trọng sau:

1) Đáng lý Pháp phải chuẩn bị quân để tốc chiến tốc thắng, chiếm trọn đồng bằng Bắc Việt ngay trong năm 1947 vì đây là nơi quy tụ nhân vật lực của miền Bắc, là nơi cung cấp lương thực để nuôi quân và nhân lực để thành lập đơn vị cho Việt Minh. Đằng này Pháp bỏ đồng bằng đánh lên rừng núi trước, vừa mất công và thời gian, Pháp còn bị thất bại về chiến thuật trước lối đánh du kích và tiêu thổ của Việt Minh dựa vào rừng núi. Pháp đã tiến vào một chiến trường rỗng không người, không nhà cửa, không còn thành thị, chỉ thấy toàn rừng núi hoang vu và những đống gạch đổ nát. Chính do thất bại chiến lược này của Pháp, Việt Minh mới kịp thời tổ chức quân đội và các tổ chức cơ sở hạ tầng để kháng chiến đúng như kế hoạch trường kỳ kháng chiến của ông Hồ.

2) Với chiến trường Đông Bắc, Pháp đã không phong tỏa được quốc lộ số 4, mà đã biến nơi đây thành mục tiêu cho Việt Minh tập đánh trận ngay từ năm 1948. Không những thế, Pháp còn gặp khó khăn về tiếp tế, bị hao tổn quân số, và vì xa căn cứ chính, chiến trường này đã mở đầu cho thất bại của Pháp tại Đông Dương sau này.

Mãi tới đầu năm 1948, tướng Valluy mới quay sang tấn công đồng bằng Bắc Việt, nhưng vì thiếu quân số nên tới cuối năm 1949 mới chiếm được Hưng Yên và Thái Bình là hai tỉnh lỵ chốt của miền này. Tướng Valluy đã mất hai năm và đã thất bại trong kế hoạch chiếm đồng bằng; các kế hoạch bình định đều bị Việt Minh bẻ gẫy, khiến đồng bằng Bắc Việt trở thành nơi tranh chấp rất sôi động.

E. LÉON PIGNON (9.1948 - 12.1950)

Léon Pignon — Valluy (9-1948 — 7-1949)
Léon Pignon — Blaizot (7-1949 — 9-1949)
Léon Pignon — Carpentier (9-1949 — 12-1950)



RLVERS

LÉON Pignon là một nhân vật dân sự đã từng làm cố vấn chính trị cho Sainteny và d'Argenlieu. Ông sang Đông Dương ngay từ khi chiến cuộc khởi sự. Khi cao ủy Bollaert sang nhậm chức, ông phải rời ghế cố vấn chính trị đi làm ủy viên Pháp quốc tại Cao Miên. Việc chỉ định ông thay thế Bollaert chứng tỏ chính phủ Pháp vẫn giữ vững lập trường theo đuổi chiến tranh vì Pignon là một người chủ trương chính sách thuộc địa quá khích.

Cao ủy Pignon làm việc liên tiếp với ba tổng tư lệnh quân đội viễn chinh, đó là:

— Tướng Valluy, ông này rút lui khỏi chức vụ vào tháng 7-1949 khi không cùng quan điểm với kế hoạch Revers trong đó dự liệu việc rút lui khỏi Cao Bằng mà ông không muốn, ngược lại cao ủy Pignon lại tán đồng việc rút lui này.

— Tướng Blaizot, ông này đã từng đứng ra tổ chức đoàn quân viễn chinh Pháp đầu tiên được đề cử qua sự giới thiệu của tướng Revers, người đặt ra kế hoạch rút khỏi Cao Bằng. Nhưng vì kế hoạch này bị tiết lộ mà chính quyền Pháp ngờ chính đại tướng Revers nên tướng Blaizot đã bị thay thế khi mới nhận chức được có hai tháng.

— Tướng Marcel Carpentier, người được coi là then chốt để chịu đựng các biến cố xảy ra trong thời Pignon.

1. TÌNH HÌNH BIẾN CHUYỂN TRƯỚC ĐÀ THẮNG LỢI CỦA TRUNG CỘNG

Cao ủy Pignon chỉ là một dân sự có kinh nghiệm hành chánh và lỗi lạc về phương diện tổ chức thuộc địa. Nay ông lại có giải pháp Bảo Đại trong tay thời tha hồ mà thao túng.

Nhưng ông không phải là một võ tướng nên không am tường rành mạch các vấn đề quân sự, nhất là tình hình Đông Dương lại đang ở trong thời kỳ biến động.

Vì vào giữa năm 1949, quân cộng sản Trung Hoa của Mao Trạch Đông chiến thắng mau lẹ trước quân đội quốc gia của Tưởng Giới Thạch. Chỉ còn vài tháng nữa quân Trung Cộng sẽ tới biên giới Việt Nam.

Trước biến chuyển này, chính phủ Pháp đã cử đại tướng Revers đang giữ chức tham mưu trưởng hội đồng quốc phòng Pháp cùng với sáu nghị sĩ thuộc các đảng Cấp xã và phong trào Bình dân sang nghiên cứu tình hình Đông Dương.

2. KẾ HOẠCH REVERS

Tướng Revers lúc sang thanh tra, được ủy thác quyền hành rất rộng rãi. Ông là người không được các tướng lãnh Pháp ưa thích lắm, vì quá khôn ngoan. Với kháng chiến ông cũng tham gia và có nhiều công. Nhưng các công trạng này được tạo ra do sự khôn ngoan hơn là thành tích. Tuy nhiên ai cũng phải công nhận là ông rất thông minh và biết nhìn xa.

Tới Hà Nội vào đầu tháng 6 năm 1949, Revers đã mang theo một sứ mạng hết sức trọng đại. Vì đã từ lâu, trước tình hình Đông Dương, các tướng lãnh Pháp mỗi người một ý, chọn lựa một đường lối chiến tranh thích hợp: người thì cho rằng phải đặt mọi nỗ lực chiếm giữ Nam Việt, người lại cho là muốn giữ Đông Dương thì phải chiếm Bắc Việt với bất cứ giá nào. Nhưng việc chiếm Bắc Việt cũng có rất nhiều ý kiến: ý cho rằng chỉ chiếm châu thổ là đủ, ý khác lại cho là phải chiếm toàn thể Bắc Việt và phải bảo vệ biên giới Hoa Việt là chính.

Tháng 4-1949, Phòng nhì Bộ tư lệnh Pháp báo cáo: « Bắc Việt là trọng tâm của chiến cuộc. Các cuộc hành quân diệt địch và bình định tiến triển được tại nơi đây sẽ gây ảnh hưởng tốt tới nơi khác. Việt Minh rất chú trọng tới việc bảo vệ các đường tiếp tế từ biên giới vào để chuyển vũ khí và đạn dược do Trung Hoa bán cho họ »

Tháng 5-1949 Bộ tư lệnh Pháp biết Việt Minh vừa phổ biến một kế hoạch trường kỳ kháng chiến, lấy Bắc Việt làm trọng điểm cho chiến cuộc. Để chuẩn bị cho giai đoạn tổng phản công, Việt Minh coi châu thổ Bắc Việt là chiến trường tranh chấp để lấy người và lúa gạo. Miền Trung và Thượng du là căn cứ để phát xuất cuộc tấn công. Bắc Việt và Trung Việt là chiến trường chính, các miền khác là chiến trường phụ chỉ cần cầm chân để Pháp không thể tăng cường được cho các chiến trường chính.

Hiểm họa mà Pháp lo ngại là Việt Minh sẽ nhận được viện trợ quân sự của Trung Cộng, và làn sóng đó sẽ đè nặng lên Đông Dương, một đe dọa không thể nào không chú ý được.

Sau khi thanh tra và trước khi về Pháp vào ngày 15-6, Revers đã trình bày quan điểm chiến lược với cao ủy Pignon trong một buổi hội cùng với các tướng Valluy, Kock, Alessandri và các cố vấn Bonfils, Digo, du Gardier.

Revers nói:

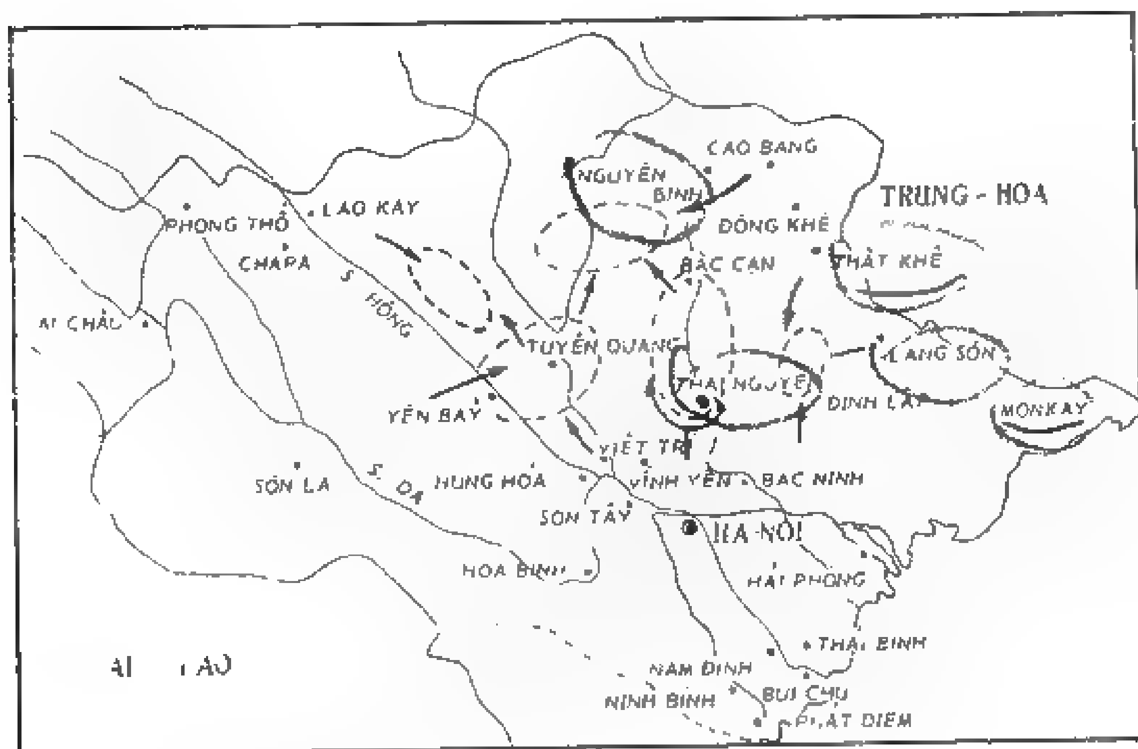
« Điều hiển nhiên là nỗ lực chính của chúng ta trước hết phải đặt tại Bắc Việt. Ta phải triệt để thực hiện trước cuối tháng 9 một phòng tuyến chặt chẽ, chiếm giữ các cửa ngõ sang Tàu. Đó là một điểm rất hệ trọng trên quan điểm quân sự. Và điều đó có thể quan trọng hơn trên phương diện quốc tế. Một thái độ chống lại Trung Cộng tại biên giới chỉ được tán thành khi Bắc Việt nằm trong kế hoạch phòng thủ của Đồng Minh. Vì nếu ta chống lại Trung Cộng, đơn một mình hay bên cạnh Đồng Minh là đã châm ngòi cho thế chiến thứ ba. Thế chiến chỉ có Hoa Kỳ mới có quyền quyết định. Như vậy làm thế nào ta có thể cầm cự tới khi Mỹ tham gia vào chiến cuộc. »

Tướng Revers sau đó đã đi sâu vào kế hoạch quân sự của ông, ông nói tiếp:

« Biên thùy cần phải phòng thủ từ Mong Cáy đến Thất Khê. Hệ thống phòng thủ phải đáp ứng một sự hoàn toàn tự do hành động trong khu vực ngũ giác Việt Trì — Thái Nguyên — Lạng Sơn — Hải Phòng — Hòa Bình. Để thực hiện được hai mục tiêu này, phải mở rộng khu vực chiếm đóng tới phần Nam châu thổ là Phát Diệm, một vùng chắc chắn sẽ thâu hoạch được những ảnh hưởng chánh trị. Để đổi lại các sự bành trướng về phía Bắc sông Hồng Hà ta có thể triệt thoái quân khỏi Cao Bằng vì có thể [illegible] hơn địa điểm này.

Đây là một quyết định quan trọng, vì sự tiếp tế cho Cao Bằng trong các điều kiện hiện tại thật bi đát. Muốn bảo đảm sự phòng thủ có hiệu quả ta phải tốn thêm nhiều quân nữa. Đó là điều không thể tán thành được. Việc tiếp tế bằng hàng không đã gây cho các phi đội vận tải một gánh nặng, đó là chưa kể tới việc ta phải dành một quân số tham chiến rất lớn tại đây.

Kế hoạch chiếm miền Đông Bắc Bắc Việt của Alessandri.



Hướng tiến quân của Pháp.
Các mục tiêu của Pháp

Riêng về khía cạnh quân sự tôi thấy không nên giữ Cao Bằng. Vì, với những phương tiện ít ỏi như hiện nay, ta sẽ bị thất bại trong trường hợp Trung Cộng tấn công.

Để tránh vào việc rút bỏ một nút giao liên quan trọng như trên, ngược lại ta phải kiểm soát một nút giao liên khác ở sâu trong nội địa để có thể ngăn chặn được các đường xâm nhập của đối phương vào châu thổ. Nút chặn này có thể là Thái Nguyên ».

Tướng Valluy e ngại cho việc bỏ Cao Bằng, vì sẽ gây nên những phản ứng quốc tế, nhất là phía Anh. Các cố vấn Dago, Bonfils và de Gardier lại tán đồng ý kiến Revers

Revers nhấn mạnh

« Việc giữ Cao Bằng sẽ gây cho ta một gánh nặng to lớn và rất nguy hiểm. Ta cần di tản ngay các cơ sở trọng yếu. Còn việc triệt thoái tỉnh lỵ Cao Bằng có thể không khẩn cấp lắm nhưng cũng tiến hành, bỏ phía trên khu vực Thất Khê trước, và có thể là tới Thất Khê khi ta giữ chắc được Thái Nguyên »

Tướng Kock cũng không chống đối kế hoạch này Ông cho rằng Pháp kiểm soát Đồng Đăng hay Na Chàm là có thể bảo vệ được Tây Bắc Lạng Sơn

Nhưng tướng Alessandri không tán đồng cho rằng

« Điều cần yếu là chúng ta phải biểu dương được ý chí chiến đấu. Tỉnh lỵ Cao Bằng chỉ nên di tản trong trường hợp bị tấn công bởi các lực lượng Trung Cộng từ biên giới sang.

Vì trước một cuộc tấn công của Trung Cộng được kèm theo một cuộc tiến quân vào các cửa ngõ của miền đồng bằng nằm trong tam giác Thất Khê — Hà Nội — Lao Kay, quân đồn trú của ta với sự tiếp viện của quân nhảy dù và bộ binh có thể trì hoãn đối phương bằng một cuộc điều quân hay đúng hơn là một cuộc trì hoãn chiến trên các trục này ở ngoài giới hạn phía Bắc của đồng bằng ».

Revers bèn cắt ngang nói

« Trong lúc đang thiếu thốn phương tiện thì bất cứ hành động nào ta cũng không nên tạo ra những bó buộc ngoại lệ đối với lực lượng tổng trừ bị, chẳng hạn như việc đưa quân tăng viện lên tiếp đón đoàn quân Cao Bằng. Còn nếu Trung Cộng không đe dọa, ta sẽ mang nỗ lực của ta vào một miền khác »

Cao ủy Pignon ủng hộ ý kiến Revers

« Hành động như trên nhiều nguy hiểm không thể theo được dù sự thiệt hại chỉ ở ngang cấp tiểu đoàn thời cũng là điều quan trọng do các hậu quả của nó về các phương diện tâm lý và chính trị ».

Valluy yêu cầu vấn đề triệt thoái Thất Khê nên dè dặt. Nhưng trái lại tướng Kock lại muốn cuộc triệt thoái phải được nới rộng tới những vị trí ở phía Bắc Lạng Sơn

Hội nghị bàn tới vấn đề phải đặt nỗ lực chiến tranh chính ở đâu ?

Theo quan điểm của Valluy, Bắc Việt ở trong một tình trạng không rõ rệt. Nam Việt ở trong một tình trạng sáng sủa tiến triển khả quan, việc tăng cường quân lính cho miền này là một điều chắc chắn thu được kết quả cụ thể. Valluy cho rằng không nên xao lãng đối với miền này

Tướng Revers lại e ngại có sự đe dọa của quân Tàu Cộng vào tháng 9 tới, nên tất cả sự tăng viện phải dồn cho miền Bắc vì miền Bắc mới là trọng điểm của chiến cuộc. Miền Nam trong lúc này chưa cần thiết lắm.

Pignon lại cho rằng trên phương diện chính trị nếu để vấn đề bình định miền Nam kém sút, thì phải trở lại một giai đoạn bình trị mới để rồi lại bỏ ngang xương thời không nên.

Cuộc bàn cãi trở nên sôi nổi khi đề cập tới việc chiếm đóng phía Nam châu thổ Bắc Việt. Tất cả các ý kiến đều dè dặt và thường đề cập tới sự giúp đỡ của chính phủ Bảo Đại. Một lần nữa tướng Valluy trở lại quan điểm là nên dành ưu tiên về nỗ lực chiến tranh cho Nam Việt.

Đây cũng là dịp để tướng Alessandri trở lại vấn đề Bắc Việt, ông cho rằng không chiếm đóng đồng bằng Bắc Việt là để cho Việt Minh tại miền Bắc sử dụng một kho lúa lớn, một kho tiếp tế vĩ đại và nhất là một kho người khổng lồ. Kinh nghiệm bình định tại tiểu khu Sơn Tây cho thấy là có thể bình định được cả miền đồng bằng. Trường hợp không còn sự đe dọa của Tàu Cộng, [illegible] những tiểu đoàn thuộc lực lượng tổng [illegible] sẵn có kể từ tháng 10 tới ta sẽ dùng [illegible] chiếm khu vực phía Nam miền đồng bằng Bắc Việt — để tăng cường cho Nam Việt [illegible] việc bình định — và để [illegible]

yểm trợ ».

Cố vấn Bonfils cho rằng các cuộc hành quân chiếm đóng miền đồng bằng chỉ có thể thực hiện được nếu chính phủ Bảo Đại tổ chức được một nền hành chánh và chánh trị mạnh mẽ.

Quan niệm chiến lược này của tướng Revers đã biến thành « kế hoạch Revers » khi được sự đồng ý của thủ tướng Queuille vào cuối tháng 6 năm 1949. Nhưng thực ra kế hoạch này mãi tới trung tuần tháng 7 năm 1949 mới được soạn thảo và hoàn tất.

3. VALLUY RÚT LUI VÀ BÀN GIAO CHỨC VỤ CHO BLAIZOT.

Trên nguyên tắc sau khi kế hoạch Revers được thủ tướng Pháp chấp thuận thì tướng Valluy, người đã từng phản đối kế hoạch này được thay thế bằng tướng Blaizot. Tướng Blaizot là người thân cận với tướng Revers, được cử sang Đông Dương tháng 7-1949 để thi hành kế hoạch. Nhưng ngày 26-8, đài phát thanh Việt Minh bỗng nhiên cho bình luận kế hoạch Revers trên làn sóng điện. Cao ủy Pignon đã sửng sốt, vội báo cáo ngay về Pháp. Lúc đó chính phủ Pháp mới biết kế hoạch bị tiết lộ. Kế hoạch Revers biến thành « vụ Revers ». Tướng Revers bị nghi ngờ là thủ phạm trong vụ tiết lộ này. Chính phủ Pháp cho là Revers đã bán kế hoạch cho đối phương, nên ngày 26-9 đã xét khám chương mục của ông nhưng không thấy gì thay đổi. Tướng Revers coi đây là điều sỉ nhục cho danh dự nên ông đã nộp đơn xin giải ngũ và được chấp thuận.

Vì kế hoạch bị bại lộ, tướng Blaizot bị thay thế bằng tướng Carpentier vào ngày 3-9-1949.

4. VAI TRÒ QUÂN SỰ CỦA CARPENTIER

Tướng Carpentier đang làm tham mưu trưởng cao đại tướng Juin, được thủ tướng Queuille chỉ định làm tân tổng tư lệnh Đông Dương.

Lúc đầu tướng Carpentier cáo bệnh từ chối, nhưng vì chính tướng Juin giới thiệu nên sự từ chối của ông không được chính phủ Pháp chấp thuận.

Tướng Carpentier cáo bệnh là vì có ý ngại vấn đề Việt Nam. Cho nên, khi sang Việt Nam ông đã có mặc cảm gặp nhiều khó khăn. Trong suốt thời gian tại chức ông không đưa ra một quyết định quan trọng nào. Ông thụ động và không có sáng kiến nên cuối cùng đã thi hành kế hoạch Revers, một kế hoạch đã bị bại lộ.

Sang tới Việt Nam, công việc đầu tiên của ông là cải tiến lại guồng máy chỉ huy: thay de Latour bằng Chanson tại miền Nam, bãi bỏ chức tư lệnh lục quân và dùng Alessandri đang ở chức vụ đó đặc trách hoàn toàn chiến trường miền Bắc.

Kế hoạch Revers lúc đó không được thi hành vì đã bị tiết lộ. Trong thời gian này Carpentier tiếp tục củng cố những vùng đã chiếm, nới rộng vòng đai bình định tại các miền đồng bằng và chịu đựng áp lực của đối phương trên miền rừng núi Bắc Việt. Việt Minh càng ngày càng gây áp lực trên quốc lộ 4, nhất là từ tháng 10-1949. Chính phủ Pháp trước tình hình này đã giục thi hành kế hoạch Revers.[1]

Cũng lúc đó, Bộ tư lệnh Pháp bắt được chỉ thị của Võ Nguyên Giáp. Trong chỉ thị này tướng Giáp đã vạch rõ đường lối chiến lược và chiến thuật trong thời gian này như sau:

« Pháp sẽ bỏ miền Thượng du và sẽ tấn công ta (Việt Minh) để chiếm miền Trung du lập thành hành lang phòng thủ cho miền đồng bằng. Sau đó Pháp sẽ chiếm đóng toàn diện miền đồng bằng Bắc Việt, cô lập ta với miền Nam.

Để đối phó lại, ta phải tích cực hoạt động tại Thượng du nhưng không nên đánh quá mạnh để Pháp phải rút bỏ vì Pháp càng phân tán mỏng bao nhiêu, ta càng có lợi bấy nhiêu. Tại miền châu thổ Bắc Việt, ta không nên chống mạnh để Pháp tin rằng chúng có thể kiểm soát bất cứ chỗ nào chúng muốn. Thỉnh thoảng ta chỉ cần tấn công một vài đồn binh hay phục kích một toán quân khi ta chủ động được phần thắng. Các Liên khu phải tự lực phát triển võ trang để tự mình chiến đấu riêng biệt dù phần lãnh thổ liên hệ có bị phân cắt thành nhiều mảnh. Bộ chỉ huy không được tập trung. »

Việt Minh ước tính về mục tiêu Cao Bằng như sau:

« Với quân số và phương tiện của đồn binh này chỉ trong vòng 24 giờ ta có thể hạ được. Nhưng ta nên để cho đồn binh này tồn tại, vì sự tiếp tế khó khăn sẽ gây cho Pháp nhiều thiệt hại về nhân mạng và vật liệu ».

Như trên đã nói, Chính phủ Pháp giục

Pignon và Carpentier phải rút quân khỏi Cao Bằng vào tháng 11-49 và trước đó phải chiếm Thái Nguyên. Trước vấn đề quan trọng này, cao ủy Pignon đã triệu tập Hội đồng phòng thủ Đông Dương để hỏi ý kiến. Hội đồng này do ông làm chủ tịch với thành phần hội viên tổng tư lệnh Carpentier, tướng Bodet tư lệnh không quân, đề đốc Ortoli tư lệnh hải quân và các tư lệnh lục quân các miền trong đó có tướng Alessandri. Hội đồng quyết định không rút khỏi Cao Bằng lúc này với các lý do viện dẫn như sau

« Hiện chưa có một đe dọa trực tiếp nào của Trung Cộng — Không nên bỏ trống biên thùy trước sự triệt thoái hỗn độn của quân Tưởng Giới Thạch — Địch chưa chủ trương đánh chiếm — Và hơn nữa (một lý do tiêu cực) không nên bỏ mất một mảnh đất nào của Liên bang Đông Dương mà theo sự ký kết với Bảo Đại ta đã cam kết chống giữ. »

Sau quyết định này, Carpentier chỉ cho nới rộng phi trường Cao Bằng để phi cơ có thể hạ cánh tiếp tế cho tỉnh lỵ. Công tác nới rộng phi trường hoàn tất ngày 15-1-1950. Tuy nhiên đồn Đông Khê vẫn phải tiếp tế bằng dù, đồn Thất Khê được tiếp tế bằng đường bộ và mỗi kỳ tiếp tế, đoàn xe từ Lạng Sơn vừa đi vừa về phải mất tới 18 ngày đường.

Không như tướng Valluy và tướng Alessandri luôn luôn chủ chiến, Carpentier ngược lại tỏ ra thiếu tin tưởng. Carpentier thổ lộ với bạn hữu là chiến tranh Đông Dương không có hy vọng thắng được. Bởi vậy vào tháng 12 trong một buổi hội nghị, tổng thống Vincent Auriol hỏi ý ông về Việt Nam, ông đã nói ngay

« Thưa tổng thống, không thể nào giải quyết được bởi vì chúng ta đã không chiến thắng về mặt quân sự ».

— Thế thì ta phải làm sao ?

— Chỉ có thể giải quyết bằng chính trị. Ta nên rút quân về các căn cứ : vịnh Hạ Long, Cam Ranh, Vũng Tàu theo thỏa ước Pau ».

Tổng thống Auriol cắt ngang, nói

« Không thể được, chúng tôi không muốn là người phải gánh chịu trách nhiệm về việc bỏ mất Đông Dương ».

Nhưng khi đưa ra ý kiến, tướng Carpentier đã không đưa ra được một giải pháp cụ thể nào để giải quyết chiến tranh hoặc tìm một lối thoát cho chiến cuộc. Trước thái độ tiêu cực của ông, các cộng sự viên thân tín khuyên ông nên từ chức nhưng ông không nghe theo.

Carpentier càng thêm lo ngại vì một vài khó khăn do Hội đồng các tham mưu trưởng Pháp họp ngày 4-2-1950 đã đưa ra các nhận định đối với vấn đề Đông Dương và cả đoàn quân viễn chinh Pháp nữa

Hội đồng các tham mưu trưởng đã nhận định rằng trong năm 1950 cũng như 1951 quân đội Pháp không thể luân phiên để cho đoàn quân viễn chinh giữ được mức độ như hiện nay vì các đơn vị tại Pháp đã bị thiếu hụt 85% sĩ quan, 75% hạ sĩ quan để bù đắp cho các đơn vị chiến đấu tại Đông Dương, việc lấy quân của các đơn vị tại Bắc Phi đã tới mức chót không thể lấy thêm được nữa. Hội đồng thấy rằng phải có một quyết định nhanh chóng về vấn đề Việt Nam để cứu vãn tình hình chung, phải chấp nhận thiệt hại, bỏ một vài chỗ. Sự triệt thoái này có thể giúp ta chiếm những vùng khác ích lợi và quan trọng hơn về phương diện chính trị. Về quan điểm chiến lược, hội đồng tán thành không giảm thiểu nỗ lực chiến tranh tại Nam Việt, nhưng đình chỉ cuộc bình định tại Bắc Việt, rút khỏi Cao Bằng và chỉ chiếm đóng mạnh mẽ trục Hà Nội — Hải Phòng và miền đồng bằng tới tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, ngân sách đài thọ cho đoàn quân viễn chinh không đủ, chỉ dự liệu cho quân số 125.000 người trong khi cần chi cho 150.000 người, mà số này cũng không cung ứng đủ cho nhu cầu.

Tướng Carpentier không giấu giếm được lo âu, và ông đã thẳng thắn trình với hội đồng chính phủ Pháp vào trung tuần tháng 2-1950 là các hoạt động của địch ngày càng mạnh, các thiệt hại của Pháp ngày càng gia tăng, quân Pháp chưa thể trông chờ ở sự giúp đỡ của quân đội Bảo Đại, do đó tiềm năng chiến tranh Pháp ngày càng sút giảm

Vào lúc này, chính phủ Pháp không có đường lối mới nào khác. Các nhà lãnh đạo lại sợ dư luận xôn xao ; đảng cộng sản sẽ lợi dụng tình hình khẩn trương tại Đông Dương để tổ chức các cuộc đình công tại bến tàu và ngăn cản thanh niên đăng lính

Carpentier trở lại Đông Dương. Trong tờ trình gửi chính phủ ngày 24-2-1950, ông đã nêu lại các ý kiến được trình bày ở Pháp và đề nghị

1) Xin nước Pháp tăng thêm cho một số tiểu đoàn để đề phòng Trung Cộng tấn công.

Nếu Trung Cộng không can thiệp, các tiểu đoàn này sẽ được gửi trả về chính quốc ngay. Việc gửi trả lại này sẽ là một cuộc rút quân trắc nghiệm mở đầu cho chính sách rút quân tại Viễn Đông. Và song hành với việc rút quân, nước Pháp nên công nhận Trung Cộng, chắc chắn là nhiều nước cũng sẽ tán thành.

2) Để quân đội viễn chinh Pháp tiếp tục bình định lãnh thổ tới hết năm 1950 vì không thể để cho quân đội quốc gia thay thế quân Pháp trước đệ nhất lục cá nguyệt 1950 được. Nhưng vì bình định không được bảo đảm vì trong tháng 12-1949 vừa qua không thấy tiến triển. Nếu tình trạng này tiếp tục xảy ra trong năm 1950 thì không thể có vấn đề thay quân để quân Pháp về đóng tại các căn cứ chiến lược. Theo [illegible] nếu hành động như vậy chính phủ quốc gia sẽ phân đổ, quân đội quốc gia sẽ sụp đổ ngay tức khắc. Các vùng chiếm giữ của Việt Minh sẽ nhảm vào các chiến bãi, thêm hứa của Pháp ngay tại thôn xã. Các đơn vị phụ lực sẽ ngả theo cộng phương. Các đường lộ sẽ bị gián đoạn và nền tảng hành chánh quốc gia sẽ bị tan rã.

Tướng Carpentier cho rằng ông có phận sự phải trình bày thực trạng lên chính phủ để mong được chính phủ giải quyết, vì chỉ có chính phủ mới đủ thẩm quyền đi thăm dò dư luận trong nước và vận động sự hỗ trợ của quốc tế. Ông mong sẽ được viện trợ nhanh chóng của Hoa Kỳ tại Saigon và Hải Phòng, nhằm tạo niềm phấn khởi cho chính phủ Bảo Đại và sự tin tưởng để các phần tử quốc gia kháng chiến trở về.

Để kết luận tờ trình, tướng Carpentier hỏi chính phủ Pháp liệu có đồng ý theo đuổi chiến tranh đến cuối năm 1950 hay không nên hy vọng có viện trợ của Đồng Minh. Vấn đề này vượt qua thẩm quyền của ông.

Ý kiến trên của Carpentier ít lâu sau đó không còn đứng vững. Trung Cộng đã công nhận ngay chính phủ Việt Minh vào đầu mùa xuân 1950 và Nga sau đó cũng công nhận theo. Việc công nhận này đã chính thức hóa Việt Minh thành một quốc gia đồng minh của khối Cộng. Nước Pháp chống Việt Minh được coi như gián tiếp chống Trung Cộng. Biến cố ngoại giao này khiến Pháp không thể thực hiện được chính sách rút quân, mà ngược lại phải tăng thêm quân để đối phó với tình thế mới. Khi đưa ra ý kiến nên công nhận Trung Cộng, thiết tưởng Carpentier đã quá thiển cận cho rằng chỉ các cường quốc mới có thể sánh vai nhau trên quan hệ bang giao quốc tế mà gạt bỏ các nước nhược tiểu ra bên lề.

Còn việc thay quân đội viễn chinh bằng quân đội quốc gia để quân viễn chinh về đóng tại những căn cứ lớn, điều khiển những người Việt bên này chống với người Việt bên kia, người Pháp đã có ý « Việt hóa » cuộc chiến tranh từ lúc này vì việc gửi quân từ Pháp sang sút giảm, và Pháp lại không dám công khai động viên sợ sự chống đối của dân chúng tại Pháp. Nhưng lúc đó làm gì có quân đội Việt Nam mà chỉ có những đơn vị thân binh người bản xứ được Pháp đào tạo, và do sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp chỉ huy. Bằng chứng là đầu năm 1950 người Pháp yêu cầu ông Bảo Đại tuyên chiến với Việt Minh, quốc trưởng Bảo Đại chẳng những không nghe mà còn không tích cực hợp tác với Pháp vì chưa tạo được chánh nghĩa quốc gia.

Cũng trong tờ trình trên, ta thấy Pháp đã chính thức vận động sự giúp đỡ của người Mỹ vào mùa hạ năm 1950 sau khi các cường quốc Mỹ, Anh, đã công nhận nền độc lập của quốc gia Việt Nam.

Trong đề nghị để quân đội viễn chinh Pháp tiếp tục bình định tới hết năm 1950, ta thấy sự giải thích của tướng Carpentier không [illegible] vì chẳng lẽ chính giới Pháp lại không theo dõi tình hình Đông Dương. Nhưng điều đáng chú ý là Pháp đã dựa vào yếu tố chủ quan nào để nghĩ đến việc thay quân, vì quân đội quốc gia chưa thành hình, người Việt quốc gia chưa có thực quyền để xây dựng đất nước, thì làm sao phát động được tinh thần chống Cộng. Như vậy để cập đến vấn đề thay quân rất sớm này, các nhà cầm quyền Pháp chắc là không biết rõ tiềm lực chiến đấu thực sự của Việt Minh vì trên thực tế chưa có một trận đánh quan trọng nào xảy ra. Người Pháp lúc đó cho rằng vấn đề Việt Nam không thể giải quyết bằng quân sự vì không có đủ quân số và tiền bạc để đài thọ nếu không được sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Điều mà họ tỏ ra lo ngại nhất không phải là Việt Minh mà là viễn ảnh một cuộc tham chiến của Trung Cộng.

Hội đồng các tham mưu trưởng vào cuối mùa hạ năm 1950 đã bi quan trong một chỉ thị mới:

« Cần phải thay đổi ngay chính sách quân sự tại Đông Dương và sự thực hiện chính sách này phải được hoàn tất trong năm 1950. Nhiệm vụ trước hết là phải « giá trị hóa » (valoriser) quân đội Việt Nam để quân đội

Pháp có thể trút gánh nặng về bình định và an ninh lãnh thổ, theo với đà tiến triển trong lãnh vực này các lực lượng Pháp sẽ được tập trung lại để tạo thành một khối chủ lực đặt căn cứ tại miền châu thổ Bắc Việt. Các lực lượng này chỉ tham chiến ở vị chiến đấu ở bên ngoài lãnh thổ được quy định theo các thỏa hiệp đã ký kết giữa các quốc gia liên kết. Sau hết, cần phải lưu ý sao tránh được các tai họa cụ thể, nếu Việt Minh nhận viện trợ ở bên ngoài ngày càng gia tăng ».

Cũng vào mùa hạ năm 1950, quân đội Pháp mở các cuộc hành quân nới rộng sự kiểm soát tới miền Tây đồng bằng Bắc Việt. Alessandri còn dự trù bình định toàn thể đồng bằng Bắc Việt và sẽ đánh lên Thượng và Trung du để làm rối loạn tổ chức của Việt Minh (6). Nhưng đúng vào lúc này, Việt Minh đã mở một cuộc công đồn dữ dội vào Đông Khê. Lần đầu tiên Việt Minh sử dụng pháo binh để hủy diệt các ổ đại bác 105 ly và 75 ly tại đồn Pháp này. Đồn Đông Khê thất thủ nhanh chóng. Pháp phải cho quân nhảy dù xuống chiếm lại. Đây cũng là lần đầu tiên Việt Minh dùng súng cao xạ và Pháp có tới 25 phi cơ yểm trợ cho cuộc trận này ở trung du.

Biến cố Đông Khê đã làm cho Carpentier phải suy nghĩ nhiều. Những tin tức về quân đội Việt Minh được huấn luyện ở bên Tàu, được trang bị tối tân, được tăng gia số lượng, được cố vấn Trung Cộng giúp đỡ, và tình hình bị đe dọa bởi Trung Cộng đã khiến tướng tổng tư lệnh ngày 18-8 phải ban hành một huấn thị tư mật cho các cấp lãnh đạo quân sự Pháp như sau

« Các cuộc hành quân tại Đại Hàn của quân đội Mỹ đã vấp phải những đơn vị Bắc Hàn được tổ chức và trang bị vũ khí Nga với một hỏa lực rất mạnh. Như vậy chứng tỏ là các đơn vị Việt Minh sẽ được Trung Cộng giúp đỡ để mở cuộc tổng phản công với sự can thiệp của các binh chủng bộ binh đông đảo được trang bị đầy đủ, binh chủng pháo binh, có thể có cả thiết giáp và khu trục cơ tối tân yểm trợ. Sự đe dọa chính vào Đông Dương sẽ là mặt trận Đông Bắc Bắc Việt. Tuy nhiên, ta không thể gạt bỏ giả thuyết là địch có thể từ phía Bắc tiến xuống Hà Nội hoặc qua thung lũng sông Hồng Hà, hoặc các trục Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên. Việc quan trọng là phải phối trí những lực lượng cần thiết tại các địa điểm trọng yếu và cửa ngõ then chốt ra vào miền đồng bằng với mức độ cao để đảm trách phòng thủ vòng đai ở phía Bắc và bảo vệ miền đồng bằng, mà tại đây ta sẽ chấp nhận các trận đánh có lợi cho ta.

Đồn Cao Bằng và hệ thống phòng thủ Lạng Sơn Đông Đăng sẽ được bảo vệ tới cùng, các đồn binh này chỉ được trao giữ với một số quân vừa đủ. Các đồn binh Thất Khê, Na Chàm, Lộc Bình, Đình Lập, Tiên Yên phải chiến đấu tại chỗ và chỉ được rút lui trong trường hợp bị tràn ngập. Các đồn khác trên quốc lộ 4 có thể được rút lui trong trường hợp bị tấn công để bảo toàn tối đa quân số ».

Huấn thị này được phổ biến là để trấn an binh sĩ sau thất bại Đông Khê hay là để đánh lạc hướng đối phương ?

Chỉ biết là cao ủy Pignon trở về Pháp ngày 31-8-1950, sau đó hai ngày có một cuộc họp tay ba Pignon, Carpentier và đại tá tham mưu trưởng Lennuyeux. Cuộc họp kết thúc bằng quyết định triệt thoái khỏi Cao Bằng. Như thế chỉ hai tuần sau lệnh giữ Cao Bằng đến cùng đã được thay đổi.

Lúc đó tướng Alessandri, tư lệnh quân đội Pháp tại Bắc Việt, nghỉ phép ở Pháp vừa về tới Đông Dương biết được quyết định này, ông liền cực lực phản đối.

Alessandri nói với Carpentier

« — Cao Bằng là hệ thống quân sự phòng thủ chủ đạo và kiên cố nhất tại miền biên giới. Việc đánh đồn này rất khó, nay ta bỏ đi là một điều tai hại rất lớn, ta phải giữ Cao Bằng đúng theo tinh thần huấn thị ngày 18-8-1950.

Trên bình diện tổng quát, trong lúc lực lượng đối phương tăng gia nhờ viện trợ của Trung Cộng, để mở các trận đánh quyết liệt khắp nơi. Chiến trường miền Bắc đã diễn ra dưới một chiều hướng mới, bắt buộc ta phải duyệt xét lại vấn đề chiến tranh tại đây. Nhưng trước hết vì lợi ích thực sự cho cuộc chiến đấu của chúng ta, ta phải đòi hỏi cho bằng được sự tăng viện thực dồi dào về mọi phương diện trong một thời gian tối thiểu. Sự tăng viện phải lấy từ các miền khác tại Đông Dương và kế đó là từ chính quốc sang. Tôi thiết nghĩ đại tướng nên về Pháp vận động cho biện pháp này đã, để có thể đối phó với tình hình mới tại Bắc Việt».

Carpentier vắn tắt trả lời

(6) Xem sơ đồ kế hoạch chiếm miền Đông Bắc của Alessandri.

« Các quyết định đã ban hành và các biện pháp thi hành đã được chuẩn bị kỹ càng. Tôi thấy việc lấy quân ở các miền khác không cần thiết nữa. Trước tình thế này tôi không thể về Pháp được. Hơn nữa, việc xin tăng viện ở chính quốc thực vô ích vì chính phủ đã không chấp thuận ».

Alessandri định trở lại vấn đề nhưng Carpentier cắt ngang

« Tôi biết ông nói gì, ông không cần phải nhắc lại nữa, tôi đã quyết định ».

Sự xung đột giữa Carpentier và Alessandri đã có từ lâu, đó cũng là lý do khiến Alessandri về Pháp nghỉ phép 2 tháng. Hết hạn này Alessandri còn muốn nghỉ thêm, vì trong thời gian nghỉ phép ông thường tiếp xúc với các chính khách để vận động cho quan niệm chiến lược của mình. Chính vì thế mà Carpentier đã viết thư trách khéo ông. Hai người ghét nhau nay lại càng ghét nhau hơn. Họ làm việc với nhau, lại hay chống đối nhau nên công việc không thể nào tiến hành tốt đẹp được. Đây cũng là một khuyết điểm lớn đối với đường lối quân sự của Pháp tại Bắc Việt.

Alessandri cũng không vừa, sau khi tranh luận với Carpentier, ông làm một tờ trình gửi lên cao ủy Pignon để bênh vực quan điểm của mình. Đại ý như sau

« Tôi thú thực với cao ủy là tôi hoàn toàn thất vọng đối với đường lối quân sự hiện đem áp dụng tại Bắc Việt. Chúng ta cứ tiếp tục chịu đựng hay là phải định lại đường lối với các phương tiện đầy đủ để lật ngược tình thế một cách nhanh chóng.

Chúng ta không biết khai thác những sơ hở của Cộng sản sau vụ thất bại của chúng tại Bắc Hàn, không biết lợi dụng tình hình trong những tháng tới bằng cách đánh một đòn mạnh để làm tiêu tan sự kiêu căng và làm mất tin tưởng chiến thắng bằng quân sự của chúng.

Chúng ta không trở lại kế hoạch hành quân đã được phác họa trong tháng 5 vừa qua nhưng phải đáp ứng cho chiến trường những phương tiện dồi dào hơn như đã hoạch định trước đây

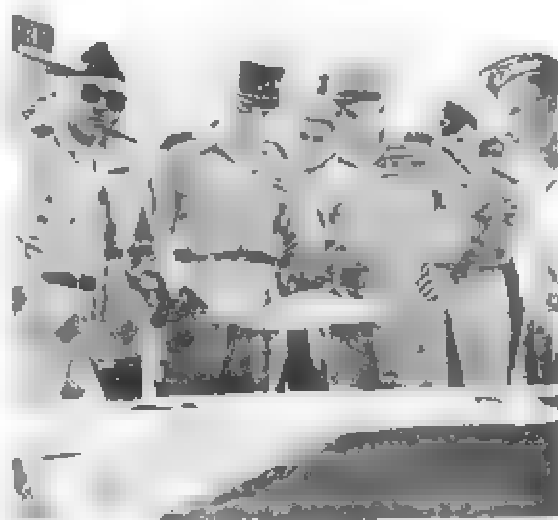
Để thi hành một kế hoạch quân sự hữu hiệu tại miền Bắc, ta phải tăng thêm cho miền này 10 tiểu đoàn. Lực lượng này do chính quốc gửi sang hay được tạo lập ngay tại Bắc Việt hoặc thành lập gấp các tiểu đoàn Việt Nam. Nếu đề nghị này khó thực hiện, ta có thể lấy các thành phần võ trang Cao Đài tại Nam Việt, nhất là các giáo phái hiện đang tích cực giúp ta.

Nếu cao ủy không tán đồng các ý kiến của tôi, xin ông hãy vui lòng tìm người khác thay thế tôi ».

Cao ủy Pignon đã trả lời ngay Alessandri vào ngày 5-10-1950, ông tỏ ý rất quan tâm đến các đề nghị của Alessandri, quan trọng nhất là vấn đề quân sự, nhưng ông cho rằng đây là một vấn đề rất khó làm lay chuyển ý định của chính phủ Pháp và ông sẽ đợi tướng Carpentier đang công xuất tại Bắc Việt về sẽ triệu tập Hội đồng phòng thủ Đông Dương, mà ông thú nhận là hội đồng này đã ít họp là để tránh các sự chống đối lẫn nhau giữa các tướng lãnh Hai ngày sau, Pháp thảm bại tại Cao Bằng.

5. Ý KIẾN CỦA TƯỚNG JUIN SAU THẤT BẠI CAO–BẮC–LẠNG

Sau vụ thất bại quan trọng ở Cao Bằng, dư luận Pháp chấn động không ít, chính phủ Pháp cử tướng Juin sang Đông Dương điều tra.



— Tướng Juin (cầm bản đồ) thảo luận cùng Salan.

Tướng Juin có ý che chở cho Carpentier, nên trong báo cáo ông đã đưa ra những lý lẽ nhiều người không đồng ý. Trong phần kết luận, ông không đả động tới vụ Cao Bằng, chỉ đưa ra quan điểm về Đông Dương

« Điều đáng chú ý nhất tại Đông Dương là các đơn vị Pháp đã phân tán rộng để bảo vệ các khu vực bình định. Một khi đã dành binh đội để đáp ứng cho nhu cầu bình định, điều bắt buộc là phải sử dụng các cán bộ từ cấp nhỏ để chỉ huy các thân binh và giữ các đồn bót hẻo lánh, đến sử dụng cả các tiểu đoàn, các pháo đội và chi đội thiết giáp để làm trừ bị cho các tiểu khu ; sự kiện này khiến ta phải ngạc nhiên vì chỉ thấy còn lại một số lượng binh đội ít ỏi để đối phó với làn sóng xâm lăng tại miền Bắc

Bởi vậy trên 91 tiểu đoàn hiện có tại Đông Dương, ta chỉ còn 8 hoặc 9 tiểu đoàn để thành lập khối hành quân tại phía Bắc đồng bằng Bắc Việt. Những tiểu đoàn này phải thực hiện những cuộc hành quân thật khó khăn

Một nhận xét khác, đó là trong sự phân tán rộng rãi này, ý nghĩa một đại đơn vị không còn nữa. Người ta chỉ còn kể tới sự hoạt động của những tiểu đoàn, còn các tiểu đoàn được ghép lại gọi là liên đoàn lưu động thì được thành lập do sự ngẫu nhiên của các biến cố với những số lượng không nhất định và hành quân phân phối tùy theo tình hình. Như vậy, ta cũng thấy tổ chức này chẳng bao giờ mang lại được một sự kết hợp mong muốn để đáp ứng thực sự cho nhu cầu của tình hình mới mà chúng ta phải đương đầu.

Vấn đề huấn luyện cũng bị tê liệt vì không có nhiều thì giờ Các phương pháp bình định và chống chiến tranh du kích không còn là những môn huấn luyện thích hợp để đối phó với một đoàn quân chính quy được tổ chức theo cách thức tân tiến.

Sự kiện mới mẻ hiện nay, là sự xuất hiện tại Bắc Việt một đoàn quân chính quy địch thành thạo với lối đánh vận động chiến.

Nay vấn đề cần biết là nước Pháp có còn tính đến sự tiêu tốn tiền bạc và nhân mạng trong 5 năm qua, để được bù đắp lại bằng những mối lợi tại Đông Dương không ? Nếu nước Pháp không quan tâm đến điều này, thì hãy nên cứu xét tới một trong hai giải pháp dưới đây

1) Điều đình với Hồ Chí Minh — Đây là công nhận sự bất lực của ta, như thế sẽ gây nên một tiếng vang lớn trên khắp đế quốc Pháp.

2) Đặt vấn đề trên bình diện quốc tế, nghĩa là mang ra trước Liên hiệp quốc. Đây cũng là một sự thua trên trên phương diện tinh thần.

Vấn đề này tùy thuộc nước Pháp định đoạt.

Chính phủ Pháp chẳng theo lời đề nghị của tướng Juin, và để cứu vãn tình thế chỉ chọn một tướng lãnh thay thế cặp Pignon — Carpentier

Riêng đối với vụ thảm bại Cao Bằng, chính phủ Pháp vẫn cho tiếp tục điều tra để quy trách nhiệm cho nhân vật có lỗi. Một ủy ban điều tra được thành lập do tướng Buisson cầm đầu. Sau nhiều năm làm việc âm thầm trong quên lãng, ủy ban này mới công bố kết quả. Tất cả những nhân vật chính trong vụ như tướng Carpentier, tướng Marchand (xử lý thường vụ cho Alessandri đi phép), đại tá Constans đều được gỡ tội, riêng chỉ có tướng Alessandri bị khép ba tội về kỷ luật : — tội thứ nhất phản đối lệnh cấp trên — tội thứ nhì làm trì chậm lệnh triệt thoái Cao Bằng đáng lý phải thi hành từ giữa năm 1949 — và tội thứ ba đã cẩu thả trong việc ban lệnh cho viên đại tá Charton để khiến lệnh này đã thi hành sai lạc. Alessandri bị khiển trách, cấm không được giữ các chức vụ chỉ huy. Sau đó mặc dầu đương sự khiếu nại nhưng vô hiệu quả.

Tướng Carpentier sau này được thăng lên năm sao. Viên đại tá Constans cũng được thăng lên cấp tướng.

Các hình phạt đã không được quy trách đối với các vai trò chính trong vụ Cao Bằng, ngoại trừ trường hợp vô kỷ luật của tướng Alessandri, chứng tỏ là chính phủ Pháp gánh chịu trách nhiệm trước sự thất bại trên. Như vậy, chính phủ Pháp đã biết rõ các sự khó khăn tại Đông Dương.

Thực ra nước Pháp vào lúc đó chưa biết rõ thực lực Việt Minh, không tin rằng họ có khả năng mở các trận đánh lớn. Nước Pháp chỉ biết là vấn đề Đông Dương khó khăn, khó có thể chiếm đóng bằng vũ lực và lo ngại trước hiểm họa Trung Cộng. Tuy nhiên Pháp tin tưởng có thể vận động Hoa Kỳ giúp đỡ vì Việt Minh đã tỏ ra thân khối Cộng rõ rệt.

Vì không thực sự hiểu rõ Việt Minh và trong thái độ chờ đợi phản ứng của Trung Cộng cũng như chờ đợi sự giúp đỡ của Mỹ, chính phủ Pháp đã do dự và thụ động, không có những biện pháp cụ thể để đáp ứng với tình hình Đông Dương.

6. NHẬN XÉT VỀ PIGNON VÀ CARPENTIER

Trước tình thế mập mờ và có nhiều triệu chứng [illegible] động tại Đông Dương, tướng Carpentier [illegible] đã không có [illegible] những [illegible] khó [illegible] sự [illegible] chính phủ Pháp. Ông đã không vạch ra [illegible] một đường lối [illegible] động rõ rệt nên ông [illegible] thiếu quyết đoán. Chỉ riêng vụ Cao Bằng, là [illegible] bị phối rõ rệt bởi Alessandri, một tướng lãnh chủ trương các biện pháp quân sự mạnh, khiến việc triệt thối khỏi đồn này bị trì hoãn nhiều lần.

Với nhiệm vụ tổng tư lệnh, Carpentier đã không đưa ra được một quyết định quan trọng [illegible], ông lại không nắm vững [illegible] để [illegible] người mỗi ý [illegible] hướng chống đối nhau.

Còn cao ủy Pignon là người chỉ chuyên về [illegible] khó [illegible] đó [illegible] với [illegible] sự [illegible] vượt quá khả năng [illegible].

Pignon [illegible] Carpentier [illegible] được thay thế bằng tướng [illegible] 12-1950.

G. DE LATTRE DE TASSIGNY (12-1950 — 1-1952)

T[illegible] Cao Bằng, kế tới là các vụ rút bỏ Lạng Sơn, Lao Kay, tổng thống Pháp Vincent Auriol với thủ tướng René Pleven đã quyết chọn một tướng lãnh có nhiều uy tín nhất sang Đông Dương. Công [illegible] kéo dài gần hai tháng [illegible] tướng Koenig rồi mới tới de Lattre.

Người được tham khảo trước nhất là [illegible] tướng Juin. Ông [illegible] không muốn mất danh dự tại Á Châu, và theo [illegible] Pháp [illegible] Đông Dương, vì quá xa xôi và tốn kém. Đối với ông, giải pháp tốt hơn là điều đình với Hồ Chí Minh hoặc quốc tế hóa. Đây là một xét đoán đúng đắn vì đại tướng Juin về [illegible] lược hơn hẳn de Lattre.

Người thứ nhì được chọn là tướng Koenig đã nổi danh trong trận Bir Hakeim nhưng tướng này đã đặt nhiều điều kiện quá tỉ mỉ như đòi động viên thanh niên Pháp đưa sang Đông Dương, gửi thêm quân, nên đã bị gạt ra.

Sau cùng mới chọn tới de Lattre. Như vậy người ta đã nhìn de Lattre không lấy gì làm thích thú lắm, nhưng vì không còn ai xứng đáng nữa nên phải chọn ông.



De Lattre và thủ tướng Trần văn Hữu.

Đại tướng Jean Marie Gabriel de Lattre de Tassigny lúc này đang làm tổng thanh tra quân lực Pháp, khi được chọn ông vui vẻ nhận lời ngay với điều kiện cho ông được rộng quyền chỉ huy. Ngày 7-12-1950 de Lattre được cử làm cao ủy kiêm tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, một mình nắm giữ cả hai quyền chỉ huy dân sự và quân sự. Đây là lần đầu tiên mà cả hai quyền này được giao cho một tướng lãnh.

Sở dĩ de Lattre nhận lời không chần chừ vì có nhiều lý do dưới đây.

Lý do thứ nhất là từ lâu ông và người vợ ông thường theo dõi các bức thư của người con trai độc nhất, trung úy Bernard de Lattre từ Đông Dương gửi về. Bernard là một thanh niên yêu nước, hăng say với nhiệm vụ nên trong các bức thư đã bộc lộ nỗi khao khát của tuổi trẻ và không ngớt mong cha sang lãnh nhiệm vụ lớn để cứu vãn tình thế. Đây là động lực chính khiến de Lattre đã nhận ngay trọng trách.

Lý do thứ hai là de Lattre vẫn bực tức trong lòng vì bị người ta tước mất quyền hành. Thoạt tiên bị de Gaulle, với tính kiêu kỳ của kẻ trên quyền, tước chức tư lệnh Quân đoàn 1 (Quân đoàn Rhin và Danube), kế đó bị giáng nhiệm chức tổng tham mưu trưởng, rồi sau đó có sự lấn át của tướng Anh Montgomery trong quyền chỉ huy các lực lượng trên bộ ở Tây Âu. Nay 61 tuổi, de Lattre tưởng cuộc đời binh nghiệp của mình hầu như đã chấm dứt, không còn cơ hội để thi thố sở năng nên khi được giao trách nhiệm lớn này ông đã tỏ ra mừng rỡ.

Lý do thứ ba là lòng kiêu hãnh của một thượng tướng thuộc dòng quý tộc bất chấp mọi thách đố đã khiến ông mạnh bạo nhận lãnh trách nhiệm không chút e ngại.

Chỉ 10 ngày sau khi chánh phủ quyết định, ngày 17-12-1950, tướng de Lattre đã sang tới Đông Dương với những quyền hành rộng rãi và cả một bộ tham mưu hùng hậu để làm cột trụ cho sứ mạng lớn lao của ông.

Ngoài viên đại tá Allard sẽ làm tham mưu trưởng, còn có tướng Cogny sẽ làm đổng lý văn phòng, Beauffre chiến lược gia, Goussault sẽ thi hành tất cả những việc nho nhỏ cần có sự tín nhiệm đặc biệt của ông.

Ngoài bộ tham mưu chính thức này, còn có Salan; de Lattre đã chọn Salan mang theo, dù sao cũng cần phải có một người thông thạo vấn đề bản xứ để hiểu biết xứ này. Sau chót còn có hai viên cựu toàn quyền thuộc địa là Gauthier và Aurillac để cố vấn các vấn đề cai trị.

Vào tháng giêng 1951, người ta định cử tướng Valluy, cựu tư lệnh quân đội Pháp tại đây sang làm tư lệnh phó để lo các vấn đề quân sự, các kế hoạch hành quân quan trọng nhưng sự trù định này phải bỏ vì tính de Lattre nóng nảy sợ không hợp. Ở đây ta thấy cách thức làm việc của người Pháp cũng có phần hay vì họ không quan tâm tới các chức vụ trước kia đã giữ, các cá nhân quan trọng có những chức vị danh vọng tương đương với nhau có thể ngồi làm việc cùng nhau để mang kinh nghiệm và sở đắc chuyên môn góp ích cho nước Pháp.

Ngoài ra, de Lattre đã sắp đặt lại bộ máy chiến tranh, không để các bộ tư lệnh không quân và hải quân đứng biệt lập như trước và tập trung vào quyền chỉ huy trực tiếp của ông.

Trước đó, tướng Alessandri bị thay thế bằng tướng de Latour. Tướng de Latour đã tạo được một dĩ vãng đáng chú ý tại miền Nam nhưng khi làm việc tại miền Bắc đã bị lầm lẫn trong việc rút bỏ địa điểm Đình Lập, lại còn chủ trương bỏ Hà Nội, Pháp kiều tản cư. De Lattre cho đây là một hành động gieo hoang mang tinh thần dân chúng nên đã thay thế ngay bằng Salan.

Tại miền Nam de Lattre lại hoán Chanson về tay là viên quan miền Nam để tăng cường cho miền Bắc mà không phiền hà vẫn tháo vát được các hoạt động.

Như vậy, bộ máy chiến tranh của de Lattre đã được thay đổi về phương diện nhân sự và cả tổ chức. Đường lối chiến tranh của ông được thể hiện trên nhiều lĩnh vực không những tác dụng trên cá tính chỉ huy đặc biệt của ông, trên các biện pháp chiến lược, chỉ huy chiến thuật mà còn bổ sung cả trên lĩnh vực chính trị và ngoại giao.

1. CÁ TÍNH CHỈ HUY ĐẶC BIỆT CỦA DE LATTRE

Cá tính chỉ huy đặc biệt của ông một phần lớn bị ảnh hưởng bởi người con duy nhất của ông là Bernard de Lattre, một cấp úy chiến đấu ngoài trận mạc. Ông thương yêu con và thông cảm với tuổi trẻ nên thương yêu các cấp úy và binh sĩ. Ông thường tỏ ra gần gũi và khích lệ họ. Ngược lại, ông có thái độ khá cứng rắn với các cấp tướng tá. Do đó, việc lãnh đạo chỉ huy của ông có

hiệu quả vì các cấp tướng tá sợ ông nên phải chăm lo công việc, các cấp ủy và binh sĩ đều phấn khởi hăng say tin tưởng ở cấp lãnh đạo.

Ông tuyệt đối công bằng vị pháp bất vị thân. Ông chức trọng quyền cao mà con ông vẫn chiến đấu ngoài mặt trận. Ông đã tận tụy hết sức mình và ông đã chết vì tận lực, vì chứng bệnh cũ tái phát sau khi đau đớn vì cái chết của người con thân yêu duy nhất.

Ông có tư thế chỉ huy rất mạnh. Các tướng tá dưới quyền răm rắp tuân theo lệnh. Tính nóng nhưng sau đó rất cởi mở nên các thuộc cấp của ông không oán trách và tận tâm hết mình với ông.

Ông có tính tự kiêu, nhiều khi thù qua như đã khinh bỉ ai thì không thèm gần gũi và chào hỏi (ông coi thường Carpentier bất tài bất tướng nên không thèm chào hỏi khi sang nhậm chức).

Ông lại cố chấp nên khi bàn cãi thì quyết bảo vệ lập trường của mình một cách triệt để. Với cá tính độc đáo này, chính phủ Pháp dù muốn hay không đã phải nhiều lần cử ông đại diện Pháp, như tham dự hội nghị Tân gia Ba bàn về việc phòng thủ Đông Nam Á, cũng như các cuộc công cán tại Mỹ và Anh trong thời kỳ làm cao ủy kiêm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh tại Đông Dương. Vì hay vượt quyền nên thường làm cho thượng cấp của ông ghét, do đó de Gaulle đã hạ chức ông khi đang làm tư lệnh Quân đoàn Rhin và Danube.

Là người học trực nóng nẩy, không nhìn xa nên khi quyết định ông không rụt rè như Carpentier. Đối với vấn đề Đông Dương ông quyết định đanh và phản đối tất cả những chủ trương chủ bại của chính phủ và hội đồng tướng lĩnh Pháp hồi bấy giờ.

Cá tính của ông hỗ trợ với nghệ thuật chỉ huy tuyệt hảo đã giúp cho ông thành công trong nghề làm tướng, tất cả ý nghĩ cơ mưu của ông đều biểu lộ ngay bằng các hành động và lời nói. Nước Pháp khi sử dụng ông trong vai trò trọng đại tại Đông Dương chắc chắn cũng hiểu như vậy. Người ta đã sử dụng ông trong một giai đoạn của thời cuộc cần dùng vũ lực hơn là dùng đến cơ mưu chính trị hầu rửa nhục cho Pháp sau những loạt thất bại ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lao Kay v.v

9. QUAN ĐIỂM CHIẾN LƯỢC CỦA DE LATTRE

a. Kế hoạch xin tăng viện binh

Vừa nhận quyền, de Lattre gửi một tờ trình đặc biệt để xin tăng thêm viện binh đại ý như sau :

« Kể từ ngày quân Tàu Cộng tới sát biên giới và làm tăng thêm tiềm lực chiến tranh cho Việt Minh, quân số của ta tại miền Bắc đã thiếu hụt.

Tại miền Bắc với quân số khoảng từ 22 đến 25 tiểu đoàn, ta không thể chống lại từ 60 đến 80 tiểu đoàn đối phương. Tại Trung Việt ta có 11 để chống với 18 và Nam Việt 9 chống với 14 tiểu đoàn.

Vì lý do tâm lý, không thể rút thêm một vài vùng ... được nữa. Còn quân đội quốc gia Việt Nam rất yếu kém.

Cấp thời, ta chỉ tin cậy ở những đơn vị Pháp nghĩa là vào lối một sư đoàn có 9 tiểu đoàn và 3 tiểu đoàn pháo binh.

Để phòng thủ khu Hải Phòng, cũng cần phải có phương tiện. Các công tác thiết lập pháo lũy đang được xúc tiến dưới sự chỉ huy của tướng Gazin.



GAZIN

Trong trường hợp xảy ra chiến tranh với Trung Cộng ta có thể chứa được 5 sư đoàn tập trung xung quanh pháo lũy Hải Phòng để bảo vệ tới khi quân Liên hiệp Quốc tới.

Tuy nhiên, nước Pháp phải chuẩn bị gửi một sư đoàn để tăng cường cho đoàn quân viễn chinh vì đó là giải pháp cốt yếu.

Ta cần phải đặt vấn đề phòng thủ Bắc Việt một cách chắc chắn, nếu không, ta sẽ thấy việc chính phủ Bảo Đại chạy theo điều đình với Việt Minh.

Để ngăn chặn trường hợp bất thường này xảy ra, ta phải thi hành một cách ngay thẳng các thỏa ước với quốc trưởng Bảo Đại, phục hồi nền độc lập thực sự công chính cho Việt Nam bằng cách bàn giao thẩm quyền các cơ quan và thành lập quân đội quốc gia.

Về phương diện quân sự, việc cần thiết là phải tăng cường thêm các phi cơ thuộc đủ mọi loại.

Về bộ binh, cần thêm — 11 tiểu đoàn bộ binh — 3 tiểu đoàn pháo binh — 1 đơn vị thám thính xa — các đại đội phòng không — và vũ khí nặng để trang bị bảo vệ các pháo lũy — 1 tiểu đoàn công binh để thiết lập các phi trường ».

Đối với trường hợp quân Tàu Cộng tham chiến, de Lattre dự trù thêm một sư đoàn bộ binh — 11 đại đội phòng không — 1 hàng không mẫu hạm — 1 hạm đội vận tải.

Chính phủ Pháp và cả hội đồng các tham mưu trưởng đều không tán thành các đề nghị của de Lattre. Vào lúc đó nước Pháp có trù liệu gửi sang Đông Dương thêm khoảng 8.000 quân bao gồm 7 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo binh và 1 trung đoàn chiến xa nhưng vẫn trù trừ không nhất quyết vì sợ Pháp sẽ thiếu quân ở chỗ khác. Muốn đủ quân, chỉ có cách là chính phủ Pháp phải động viên thanh niên với nhiệm kỳ hai năm, còn nếu vẫn giữ tình trạng tuyển mộ như hiện nay thì không thể nào có đầy đủ quân được. Ngoài ra, hội đồng các tham mưu trưởng không đồng ý với lập luận của de Lattre, cho rằng nếu mất Bắc Việt sẽ mất cả Đông Dương và chính phủ Việt Nam sẽ ngả theo Việt Minh. Hội đồng này không tán đồng chính sách mở rộng các sự chiếm đóng mới tại Bắc Việt, quan niệm rằng chính sách tốt hơn hết là củng cố các chỗ đã chiếm được ở miền Nam và phải tiếp tục dồn phần lớn các nỗ lực chiến tranh và chính trị cho miền Nam.

De Lattre không chịu, vẫn tiếp tục đòi tăng viện nhất là sau trận Vĩnh Yên xảy ra vào tháng giêng năm 1951.

Tổng trưởng quốc phòng lúc ấy là ông Jules Moch đã chống các đề nghị của de Lattre. Còn chủ tịch hội đồng các tham mưu trưởng là tướng Blanc thì cho rằng không thể tăng quân cho Đông Dương được nếu không động viên, mà về phương diện chính trị thì không thể ban hành lệnh động viên được. Ông tuyên bố trước hội đồng chính phủ rằng bổn phận của tướng tổng tư lệnh là phải làm sao tránh cho đoàn quân viễn chinh ở bên ngoài không bị tổn thất, bởi vậy tướng de Lattre chỉ cần thiết chống giữ Hải Phòng cùng các phòng tuyến pháo lũy được thiết lập xung quanh hải cảng này và tập trung nỗ lực giữ vững miền Nam Đông Dương tới vĩ tuyến thứ 16.

Người Mỹ lúc đó cũng hứa hẹn giúp Pháp nhiều hơn nhưng lại bảo rằng các sự giúp đỡ này chỉ có thể thực hiện được vào đầu năm 1952 vì hiện thời các đồ quân nhu đã hết.

Vào mùa xuân năm 1951, tình hình tại Đông Dương không lấy gì làm tốt đẹp, trong khi đó các quốc gia nhược tiểu trong khối Liên Hiệp Pháp tại Phi Châu bắt đầu chuyển mình chống Pháp. Chính phủ Pháp lại bị khủng hoảng, Pleven ra đi và được thay bằng thủ tướng Queuille.

Cuối tháng ba 1951, de Lattre trở về Balê để đích thân tranh đấu cho việc xin tăng viện. Phe phản đối vẫn giữ lập trường cố hữu là chỉ duy trì đoàn quân viễn chinh ở mức 143.000 người và chủ trương áp dụng chiến lược quân sự thích đáng với khả năng hiện có để cuối cùng giải quyết chiến tranh bằng một giải pháp chính trị. Ngược lại, de Lattre lại chủ trương chống giữ bằng quân sự tới khi quân đội quốc gia Việt Nam trưởng thành nghĩa là tới cuối năm 1951. Ông cho rằng giờ quan trọng đã điểm, ta không thể hành động bằng những thái độ rụt rè và không có chủ đích. Vấn đề hệ trọng là phải có ngay viện binh để chứng tỏ ý chí của nước Pháp. Người Mỹ đã coi Á Châu thuộc chính sách đối ngoại của họ nên đã sẵn sàng là đồng minh của ta. Trên bình diện chính trị, ta phải thẳng thắn thực hiện tất cả những cam kết đối với Việt Nam và phải thành thực chuyển giao thẩm quyền cho họ đúng theo tinh thần của thỏa ước Pau. Nhưng đồng thời ta vẫn phải giữ cho được vị thế xứng đáng của nước Pháp tại đây. Ông rất tán đồng giải pháp Bảo Đại, nhưng ông vua này đang tìm cách đặt người thân tín tại khắp nơi. Nếu ta để mặc ông làm, ảnh hưởng sẽ tai hại. Ta cần phải can thiệp nhà vua và hậu thuẫn cho thủ tướng Trần văn Hữu làm việc.

Cuối cùng nhờ được tướng Juin ủng hộ, de Lattre đã được chính phủ chấp thuận cho lấy ở Bắc Phi : 11 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu

đoàn kỵ binh thiết giáp, 4 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh và 1 tiểu đoàn truyền tin.

Chính phủ Pháp đã đặt điều kiện với de Lattre là phải giao hoàn các đơn vị này cho Bắc Phi vào đầu năm 1952. Nhưng sau này trong số các đơn vị trên chỉ được gửi trả về có 2 tiểu đoàn bộ binh mà thôi.

b. Bành trướng quân lực để dồn nỗ lực chiến tranh cho miền Bắc.

Với số đơn vị có từ trước, de Lattre tân tạo được thêm 11 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn nhảy dù, hợp với các đơn vị được tăng viện từ chính quốc sang đã nâng đoàn quân viễn chinh đang từ 143.000 người vọt lên 189.183 người. Trong số này, thực ra chỉ có 121.000 là quân gốc người Pháp, Bắc Phi và Lê dương, còn lại là gốc Đông Dương với thành phần là lính và hạ sĩ quan phân tán đều trong các đơn vị Pháp.

Nỗ lực chiến tranh được dồn cho miền Bắc. Tại đây số tiểu đoàn bộ binh đang từ 36 được tăng lên 56, số tiểu đoàn nhảy dù từ 1 lên 8 và thiết giáp từ 9 lên tới 21 chi đoàn (escadrons). Ngược lại tại miền Trung và miền Nam số quân Pháp lại bị giảm so với trước, nhưng được bù đắp bằng quân đội quốc gia Việt Nam.

Đoàn quân Pháp lúc đó được hỗ trợ bởi một tổ chức quân đội quốc gia đang phát triển. Tính tới giữa năm 1952, quân đội này đã có 131.881 người trong đó lực lượng chủ lực đã lên tới 44 tiểu đoàn được phân phối đồng đồn 24, lưu động 14 và 6 tiểu đoàn đang trong tình trạng huấn luyện.

Ngoài quân số trên, tiềm lực chiến tranh của Pháp trong năm 1951 được xác nhận như sau 18.000 quân xa đủ loại, 2.300 thiết giáp xa, 230 tàu bè, 106.000 tiểu liên, 468.000 súng trường, 22.000 trung liên và đại liên, 3.800 súng phóng hỏa tiễn, 7.500 súng cối, 718 đại bác đa số là loại 105 ly v.v... Tuy nhiên, phải công nhận là lúc đó Pháp rất thiếu thốn về tiếp liệu. Những vật liệu thông dụng hoặc thuộc loại chóng hư hỏng nếu tiếp tế với nhịp độ bình thường thế nào cũng thiếu hụt. Chẳng hạn như loại máy truyền tin bộ binh, phụ tùng quân xa, các loại đạn 30 ly, 57 ly, 75 ly, và đạn súng cối soi sáng, mìn và lựu đạn, kẽm gai và xuồng vượt sông. Lúc đó, Pháp muốn thiết lập các kho hàng hay kỹ nghệ quân nhu cần thiết nhưng không thực hiện ngay được.

Về phương diện tổ chức chiến đấu, de Lattre đặt tướng Gonzalès de Linarès làm phụ tá hành quân để đặc biệt phụ trách một số các lực lượng lưu động xung kích và nhảy dù. Lực lượng xung kích bộ binh của de Lattre được căn cứ trên 7 liên đoàn lưu động với các liên đoàn trưởng là các đại tá Edon, Blanckaert, de Castries, Erulin, Vanuxem, Clement và Thomazo.

De Lattre đã thành công trong việc thuyết phục Hoa Kỳ để nước này bắt đầu viện trợ quân sự và tài chánh cho chiến tranh Đông Dương, chính thức được thực hiện từ tháng 6 năm 1950 hạn chế vào các đồ tiếp liệu kinh tế và quân sự tuy nhiên tới tháng 9 năm 1951 mới có tính cách can thiệp mạnh mẽ bằng quân sự

Khi de Lattre công cán tại Mỹ quốc vào giữa tháng 9 năm 1951 ông đã được người Mỹ hứa giúp trong vòng 6 tháng tới 200 chiến đấu cơ, 300 đại bác, 1.000.000 viên đạn đại bác, 15.000.000 viên đạn thường 150 tầu xuống để đổ bộ và 100.000 súng trường, đồng thời cho cả viện trợ tài chánh bắt đầu từ năm 1952.

Ngày 28-9-1951 nghĩa là chỉ sau hai ngày de Lattre chấm dứt công du, chiếc tầu Mỹ Eartham Bay đã chở từ Manille tới Saigon rất nhiều vũ khí nhẹ và đạn dược đủ loại

Cũng trong ngày này, một loại chiến cụ quan trọng khác của Mỹ do chính người Mỹ mang tới để góp mặt vào chiến trường Đông Dương. Đó là 30 phóng pháo cơ B.26 của Mỹ đã từ Phi luật Tân bay thẳng tới trường bay Cát Bi gần Hải Phòng để trao cho Pháp.

Cuộc chuyển giao các phi cơ này đã diễn ra rất bí mật, không có lễ nghi, không có diễn văn, không được công bố và không chụp hình. Các phi công của hai nước bạn chỉ đối diện chào nhau, sau đó các dấu hiệu Mỹ trên phi cơ được sơn quét thay thế ngay bằng các dấu hiệu của Pháp.

Loại phi cơ B.26 này xuất hiện lúc ấy trên chiến trường Việt Nam cũng là một điều mới lạ. Vì loại B.26 bay nhanh, mang nhiều bom hơn loại JU.52 đã cũ, mỗi một B.26 có thể mang được những 8 trái bom, nặng mỗi trái 500 cân Anh và 6 hỏa tiễn. Trong số 30 máy bay này, người Mỹ biến cải 12 chiếc thành loại máy bay soi sáng gọi là « luciole » nghĩa là tàu bay đom đóm. Mỗi tàu bay đom đóm này có khả năng thả hỏa châu soi sáng trong một giờ đồng hồ liền và các máy bay có nhiệm vụ soi sáng đã thay phiên nhau bay thường

trực trên vòm trời Bắc Việt mỗi tối để sẵn sàng yểm trợ cho các đồn bót và đơn vị Pháp trước các cuộc tấn công đêm của Việt Minh. Lần xuất trận đầu tiên, các máy bay này đã tham gia để giải tỏa cho chiến trường miền Thái bị Việt Minh uy hiếp trong tháng 9-1951.

Về phương diện tài phí, ngân sách Pháp yểm trợ cho chiến tranh Đông Dương ở mức 196 tỷ quan trong năm 1950, tăng 261 tỷ quan trong năm 1951 và tăng tới 399 tỷ quan trong năm 1952. Nhưng trong năm 1952 Pháp chỉ tiêu có 359, còn bao nhiêu được viện trợ tài chánh Mỹ gánh chịu.

Nhìn vào sự chi tiêu với mức độ mỗi năm một gia tăng này, ta thấy chính phủ Pháp đã cương quyết theo đuổi cuộc chiến tranh tại Đông Dương vì đã lôi kéo được Mỹ vào để hậu thuẫn cho chiến cuộc và để biến chiến cuộc thành sự tranh chấp ý thức hệ.

Nhờ có nhiều tiền, nên ngoài các chi phí cho nỗ lực chiến tranh, de Lattre bắt đầu cho xây cất một số các doanh trại chính vào cuối năm 1951 như:

— Bộ tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Saigon được gọi là Camp Chanson (kỷ niệm viên tướng Pháp bị ám sát chết tại Nam Việt) sau này là Bộ tổng tham mưu của QLVNCH. Doanh trại này rộng khoảng 30 mẫu tây. Sơ khởi trại gồm có: — một tòa nhà chánh, một phòng thuyết trình ở giữa — hai khu nhà, mỗi khu có hai dãy nhà trệt và 6 dãy nhà lầu (80m×12m,5), mỗi bên có một dãy nhà bếp và nhà ăn liền nhau — một nhà thờ ở phía cánh phải và 7 dãy nhà lầu dùng làm cư xá cho sĩ quan.

— Một quân y viện 1 500 giường rộng 25 mẫu tại Gò vấp, nay là tổng y viện Cộng Hòa.

— Các kho chứa quân nhu và quân dụng tại Hạnh thông Tây được xây trên những khoảng đất rộng hàng trăm mẫu tây.

— Trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức với nhà cửa sơ khởi đủ chứa từ 400 tới 500 khóa sinh, nay là trường bộ binh Thủ Đức.

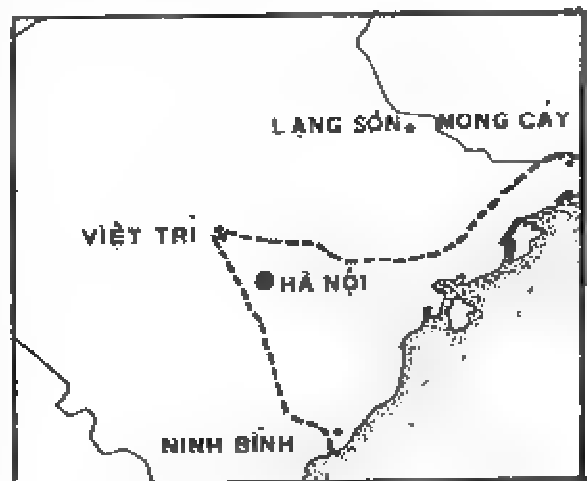
Nhiều cơ sở khác cũng được xây cất trong dịp này để đáp ứng nhu cầu phát triển quân đội quốc gia. Phần lớn các cơ quan và kho tàng chính đều được xây cất tại miền Nam. Người Pháp làm như vậy là muốn tạo miền Nam thành một hậu cứ lớn mạnh để yểm trợ cho chiến trường miền Bắc, và có thể yểm trợ cho cả chiến trường Đông Nam Á nếu có sự can thiệp của Trung Cộng. Ngoài ra, de Lattre còn dự tính bành trướng Đà Nẵng thành một hậu cứ trung độ để yểm trợ cho miền Bắc nhưng công tác xây cất đã không tiến mạnh được như dự định.

Trong thời gian này, tại miền Bắc, các nỗ lực của Pháp dồn dành cho các công tác xây dựng chiến đấu. Công tác được chú trọng nhất là tăng cường hệ thống chiến lũy Hải Phòng (redu Haiphong) với việc bành trướng phi trường Cat Bi và thành lập một phi trường mới tại Kiến An. Khi thành lập phi trường mới này, Pháp đã đuổi tất cả dân chúng và san bằng các làng mạc ở gần núi Phù Liễn để làm phi trường và đục cả núi này để làm những kho an toàn cho Pháp.

c. Thiết lập phòng tuyến de Lattre để bảo vệ đồng bằng Bắc Việt.

De Lattre đã quyết định lập một phòng tuyến chạy bao quanh vùng châu thổ để ngăn cách đồng bằng với miền rừng núi Bắc Việt. Quyết định này được ban hành sau trận đánh Vĩnh Yên. Công tác xây cất bắt đầu từ tháng 2-1951 và xúc tiến mạnh mẽ vào cuối tháng 3-1951 khi ông được tăng viện binh thêm từ chính quốc sang. Và công tác này lại càng được chú ý sau trận đánh tại Mạo Khê. Chiến lũy được gọi là « phòng tuyến de Lattre » chạy theo một hành lang trắng (no man's land) rộng 3 cây số bao quanh vùng châu thổ. Dọc theo hành lang này, các đồn binh canh gác được thiết lập để chống lại các sự xâm nhập của Việt Minh từ Việt Bắc xuống trong khi đó các cuộc hành quân tảo thanh cứ tiếp tục được mở tại vùng ruộng lúa đồng bằng để khai trừ các đơn vị Việt Minh và quân du kích.

Phòng tuyến De Lattre.



De Lattre dự trù sẽ thực hiện cả thảy 1.700 pháo đài. Các pháo đài này lập thành những tuyến kháng cự để chống lại trường hợp có quân Tàu Cộng tràn sang hay để ngăn cản các lực lượng lớn của Việt Minh vào trong vựa lúa. Tới tháng 8-1951 đã có *tới* 800 pháo đài được hoàn thành với các sự trang bị đầy đủ súng ống, vật dụng và cả người canh giữ.

Khác với những tháp canh tại miền Nam, các pháo đài này đều được xây nửa chìm xuống lòng đất. Các pháo đài còn được gọi là các điểm tựa (points d'appui), thường mỗi một khu phòng thủ gồm có 4 cái quây tụ trên một diện tích hình tam giác gồm một pháo đài chính có liên lạc truyền tin, bộ chỉ huy và ba pháo đài phụ có hỏa lực bắn chéo yểm trợ lẫn nhau. Phòng tuyến de Lattre gồm có nhiều khu pháo đài như trên, mỗi khu pháo đài cách nhau khoảng một cây số, ban đêm địch có thể lợi dụng các khoảng trống này ra vào hành lang một cách dễ dàng vì kẽm gai và mìn chỉ để dùng phòng hộ các khu pháo đài mà thôi. Các pháo đài hầu hết được xây bằng xi măng cho nên người ta đã gọi là các pháo đài bê tông. Các pháo đài được thiết lập dàn theo hành lang trắng không mở theo chiều sâu, nghĩa là những khu pháo đài nếu bị đánh thủng, đối phương cứ việc tràn sâu vào không gặp trở ngại nào khác nữa. Các đơn vị chiếm giữ pháo đài có nhiệm vụ vừa phòng thủ vừa mở các cuộc hành quân hạn chế trong khu vực trách nhiệm, để ruồng xét các đơn vị của đối phương. Theo tướng Henri Navarre sau này thuật lại thì de Lattre đã sử dụng tới 20 tiểu đoàn bị cầm chân bảo vệ phòng tuyến này.



Pháo đài bê tông (blockhaus)

Ngoài những tốn kém về vật liệu, tiền bạc và quân số dồn cho phòng tuyến, de Lattre còn ra sức thiết lập các pháo đài bê tông xung quanh Hải Phòng và Hà Nội để tạo thế phòng thủ vững chắc cho đồng bằng và các địa điểm chiến lược then chốt của Bắc Việt. Các hệ thống pháo đài và pháo lũy này không rõ có giá trị trên phương diện phòng thủ chiến lược hay không, vì các đơn vị chủ lực Việt Minh vẫn từ Việt Bắc xâm nhập qua các khe hở của phòng tuyến vào đánh phá trong miền đồng bằng Bắc Việt. Tướng Henri Navarre sau này khi xây dựng quan niệm chiến lược mới tại Bắc Việt đã cho rằng phòng tuyến này vô ích vì chẳng ngăn chặn được địch mà còn làm mất một số rất lớn các đơn vị bị cầm chân thụ động tại đây.

3. MỘT VÀI CHIẾN THUẬT ĐIỂN HÌNH CỦA DE LATTRE

Trong trận Vĩnh Yên, de Lattre đã hai lần đích thân dùng máy bay tới giữa mặt trận để chỉ huy. Ông có những quyết định táo bạo và rất mau lẹ như việc lấy viện binh từ Saigon ra. Ông đã lấy 3 tiểu đoàn miền Nam và giao ngay cho tướng Bailhé tư lệnh phó quân đội miền Nam đích thân chỉ huy. Thiếu máy bay chuyển vận, ông ra mật trưng dụng tất cả máy bay dân sự để chở quân cấp tốc ra Bắc. Tại mặt trận này ông làm như mình có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy để góp phần khích cho tinh thần binh sĩ. Ông đã đứng ra phối hợp các hành động và tự quyết định như việc ném bom napalm ngay vào mặt trận trong lúc có sự hỗn chiến giữa hai bên.

Quân Pháp cuối cùng đã thắng trận Vĩnh Yên, nhưng thắng được là nhờ phản ứng nhanh chóng, sự can đảm và lòng tự tin của ông.

Trong trận Mạo Khê, ông cũng đích thân theo dõi, đưa ra một chỉ thị kỳ lạ là bắt bay thám thính ban đêm. Sĩ quan trách nhiệm trình lại là theo luật ấn định máy bay thám thính không được bay khi trời tối. De Lattre bắt phải thi hành lệnh.

Máy bay quả nhiên thấy những chấm lửa quanh vùng Đông Triều, như vậy là có quân địch. Đêm sau, de Lattre lại cho bay nhưng không thấy ánh lửa. Bộ tham mưu cho rằng địch đã rút lui, và xin mở hành quân truy kích. Ông không nghe, lý do rằng địch quân chưa rút khỏi Đông Triều, họ đã ngụy trang và cấm các đơn vị rời bỏ đồn. Quả nhiên đêm hôm

sau địch mở cuộc tấn công rộng lớn vào miền này nhưng đã thất bại.

Trường hợp Mạo Khê chứng tỏ de Lattre đã biết dè dặt khác với trường hợp Vĩnh Yên ông đã quyết thắng với lòng tự chủ.

4. VẤN ĐỀ NGOẠI GIAO CỦA DE LATTRE

Đầu tháng 5-1951, hội nghị Tân Gia Ba nhóm họp với mục đích quy tụ các quốc gia thuộc vùng ảnh hưởng Đông Nam Á thành một khối để đối phó với sự bành trướng của Trung Cộng về phía Nam. Hội nghị này là đầu mối để biến thành hội nghị Liên Phòng Đông Nam Á sau này. Tại đây de Lattre đã bày tỏ thiện chí chống Cộng của nước Pháp tại vùng Đông Nam Á, nhất là đang biến Bắc Việt thành một tiền đồn chống Cộng với việc xây dựng phòng tuyến de Lattre bao quanh đồng bằng Bắc Việt. Hội nghị này chỉ có tính cách quảng cáo. Mấy tháng sau (9-1951) de Lattre sang Mỹ mới thực sự giúp ích cho chiến tranh Pháp tại Đông Dương.

Trở lại quá trình của nước Mỹ đối với vấn đề Đông Dương. Theo giáo sư người Mỹ Arthur Schlesinger thì từ năm 1941 tổng thống Roosevelt tin tưởng rằng đệ nhị thế chiến sẽ đưa đến cuộc cách mạng thế giới chống chế độ thực dân. Tổng thống Roosevelt lúc đó xem Đông Dương như một mắc xích yếu nhất của hệ thống đế quốc Âu Châu nên hồi tháng 3-1943 ông đề nghị với ngoại trưởng Anh Eden nên đặt Đông Dương dưới quyền giám sát quốc tế sau cuộc chiến tranh để chuẩn bị cho nền độc lập tương lai, thay vì trao trả lại cho Pháp. Ông cũng đã thảo luận ý kiến này với Tưởng Giới Thạch và Staline. Đầu năm 1944, ông được biết nếu tình hình chiến sự diễn tiến bình thường như đã định thì quân Pháp sẽ trở lại Đông Dương, ông đã tỏ vẻ không bằng lòng về dự định này của Pháp và cho rằng người Pháp đã cai trị một nước 30 triệu dân trong gần 1 trăm năm mà người bản xứ vẫn ở trong tình trạng tối tăm như hồi mới bắt đầu.

Lúc lên đường dự hội nghị Yalta hồi tháng 2-1945, ông Roosevelt vẫn nhớ tới vấn đề Đông Dương, ông tuyên bố:

« Trong khoảng hai năm sau này tôi vẫn lo nghĩ tới vấn đề Đông Dương. Tôi từng đề nghị với ông Tưởng Giới Thạch nên đặt Đông Dương dưới quyền giám sát quốc tế có 1 người Pháp, 1 hoặc 2 người Đông Dương, 1 người Trung Hoa và 1 người Nga, vì những người này có chung một bờ biển trên Thái Bình Dương, Staline chấp nhận, Trung Hoa cũng đồng ý, nhưng người Anh không thuận để nghị này vì có thể làm sụp đổ đế quốc của họ.

Dù đề nghị của tổng thống Roosevelt có nhiều sự vô lý nhưng nó vẫn được căn cứ trên thực tế và nếu nó được áp dụng theo tinh thần trên thì cục diện Việt Nam đã đổi khác. Nhưng ý kiến trên đã thành quên lãng theo tổng thống Roosevelt chết vài tháng sau.

Thế chiến thứ hai chấm dứt, người Pháp lại đặt chân lên Đông Dương. Đầu tiên chính phủ Mỹ không chú ý mấy đến cuộc chiến Đông Dương. Nhưng khi Trung Cộng đoạt toàn thể lục địa Trung Hoa vào năm 1949 và tiếp đến là cuộc xâm chiếm Nam Triều Tiên năm 1950 đã làm tổng thống Truman lo ngại trước sự bành trướng của cộng sản tại Á Châu. Trước viễn ảnh ấy, bộ ngoại giao Mỹ đã lên án Hồ Chí Minh là tay sai cộng sản thế giới và tuyên bố viện trợ của Pháp là một thành phần kháng cự của các quốc gia trong thế giới tự do chống lại sự chinh phục và phá hoại của cộng sản. Do đó, chính phủ Truman đã sẵn sàng viện trợ quân sự và kinh tế cho Pháp nếu có vài nhượng bộ tượng trưng với chính phủ Bảo Đại.

Sau cuộc chiến thắng của Trung Cộng, người Mỹ đầu tiên có ý nghĩ tổ chức các cơ cấu quân sự tại Việt Nam là ông Thibaut de Saint Phalle. Ông đến vào tháng 10-1951 dưới danh nghĩa là trưởng phái bộ kinh tế Mỹ tới để nghiên cứu về vấn đề viện trợ, nhưng thực ra ông là một trùm CIA (Central intelligence agency). Cơ quan tình báo CIA đã đặt chi bộ tại Đông Dương vào năm 1950 thay thế cho Phòng dịch vụ chiến lược của họ (O.S.S. Office strategic services) đã được đặt tại đây từ hồi kháng Nhật.

Ông Thibaut có ý muốn cùng với Pháp mở một trường đào tạo cán bộ chống chiến tranh du kích đưa vào các bộ lạc thiểu số tại Đông Dương và Bắc Trung Hoa để thành lập các chiến khu chống Cộng. Nhưng người Pháp lại đâm xem như người Mỹ nhúng tay vào nội bộ của mình, nhất là các mục sư truyền đạo người Mỹ có ý hăng hái như vừa ở bên người Việt lại gây cảm tình với người Pháp. Khi de Lattre sang Đông Dương tỏ ra không thích Thibaut nên ông này buộc lòng phải về nước. Lúc đó chỉ còn lại phái bộ quân sự Mỹ do tướng Brinks cầm đầu để nghiên cứu viện trợ cho Pháp.

Nhưng cũng cần phải kể trước đó, Mỹ đã chú ý đến vấn đề Đông Dương. Bằng cớ là

ngày 17-7-1950 đã có cuộc thảo luận ngay tại Saigon. Phía Mỹ có ông John Melby làm trưởng phái đoàn cùng các chuyên viên chính trị và kinh tế, phía Pháp có cao ủy Pignon cầm đầu cùng với tướng Carpentier, tướng Harteman tư lệnh không quân Pháp tại Viễn Đông và một số các chuyên viên quân sự chính trị, ngoại giao. Buổi họp bàn những cách đối đầu với tình thế mới. Ngoài ra, người Mỹ đã cử ông Donald Health làm đại sứ đầu tiên tại Việt Nam sau khi công nhận nền độc lập của Việt Nam để đối lại với sự công nhận Việt Minh của Trung Cộng và Nga Sô.

Tới Mỹ, de Lattre không được sự chú ý của chính giới trong lúc đầu, vì người Mỹ không bằng lòng với chính sách Pháp tại Đông Dương. Họ cho rằng người Pháp đang thực hiện chế độ thuộc địa, họ còn e ngại phải đưa thanh niên Mỹ đi chiến đấu như trường hợp Cao Ly. Nhưng nhờ sự hỗ trợ của tướng Eisenhower, de Lattre cuối cùng đã gặt hái được nhiều thắng lợi. Người Mỹ hứa sẽ viện trợ cho Pháp dồi dào để thành lập quân đội quốc gia Việt Nam. De Lattre còn được ông Cabot Lodge, thượng nghị sĩ giúp đỡ; ông Lodge trước kia là sĩ quan liên lạc cho Quân đoàn 1 của de Lattre.

Trong việc viện trợ này, người Mỹ cũng hiểu rằng nếu Đông Dương mất về tay Cộng sản thời thế giới tự do phải gánh chịu nhiều ảnh hưởng tai hại không thể lường được vì Đông Dương mất sẽ mở rộng đường cho cộng sản chiếm Miến Điện, Ấn Độ tới kinh Suez, Trung Đông, và tới tận cửa ngõ của Đại Tây Dương. Khối Đại Tây Dương sẽ bị nằm trong thế gọng kìm của các quốc gia cộng sản Đông Âu cùng các nước Á Rập. Và, như vậy một nửa dân số trên hoàn cầu sẽ bị đàn chim dưới chế độ cộng sản.

Thành công tại Mỹ về, de Lattre lại sang Anh. Nhưng người Anh khôn ngoan tìm cách thoái thác, viện cớ rằng tại Á Châu họ đã theo đuổi một chính sách trung lập như việc công nhận Trung Cộng, nên chỉ có thể giúp đỡ một cách khiêm nhượng để hỗ trợ cho tinh thần của quân đội Pháp. Sự giúp đỡ này đã được thể hiện bằng cách cho quân đội viễn chinh Pháp được sử dụng các xưởng máy, các kho hàng, các xưởng sửa tàu và phi trường tại Tân Gia Ba để yểm trợ cho chiến trường Đông Dương. Như vậy Tân Gia Ba trước đó chỉ là một trạm ghé cho các đoàn tàu trước khi tới Saigon nhưng nay qua sự thỏa thuận của người Anh đã trở thành một hậu cứ tiếp liệu yểm trợ cho chiến trường Đông Dương.

Trên phương diện ngoại giao, de Lattre còn được bệ kiến Đức Giáo Hoàng Pie 12 để thỉnh cầu ngài hỗ trợ cho nền độc lập của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của quốc trưởng Bảo Đại, và cầu xin ngài cho đặt liên hệ ngoại giao với Việt Nam. Vì nhờ sự ngoại giao này tinh thần giáo dân tại đây sẽ được phấn khởi để hậu thuẫn thêm cho chính phủ của họ. Cũng trong dịp bệ kiến này, de Lattre có đề cập tới vai trò của ông Ngô Đình Diệm và mong muốn được Đức Giáo Hoàng vận động cho ông này về giúp nước. Kết quả cuộc thăm viếng này là tòa thánh chấp thuận cử giám mục Dooley làm khâm mạng đầu tiên, đại diện cho tòa thánh tại Việt Nam, nhưng Đức Giáo Hoàng đã không can thiệp để cho ông Ngô Đình Diệm về nước như lời thỉnh cầu của de Lattre.

5. MỤC TIÊU CUỐI CÙNG CỦA DE LATTRE

Việt Minh mở trận tấn công vào Ninh Bình. Họ không giành được thắng lợi nhưng đã làm de Lattre đau lòng, vì người con duy nhất là Bernard de Lattre đã tử trận trên dãy núi đá vôi Ninh Bình vào đêm 29-5-1951.

Nghe tin, de Lattre lịm người đi. Người cha đau khổ sau bao nhiêu năm tháng làm việc mệt nhọc với vết thương cũ bắt đầu tái phát, ông đã trở nên tiều tụy trong lúc lặng lẽ đưa xác con về Pháp. Khi trở lại Đông Dương ông cảm thấy chán nản. Một người chiến sĩ quả cảm như ông đã phải thốt ra là ông muốn được trở về Pháp để sống âm thầm bên cạnh vợ ông đang quá đau thương, và ông cảm thấy đời sống không còn gì thú vị nữa. Nhưng trước tiếng gọi của bổn phận ông phải tiếp tục sứ mạng.

Vào mùa hạ 1951, chính phủ quốc gia bắt đầu thi hành lệnh tổng động viên. Các thanh niên không theo Việt Minh mà cũng không muốn đi lính nên thường trốn tránh hoặc phản đối trong khóa học (khóa 1 Nam Định). Quân đội quốc gia lúc đó rất thiếu cán bộ chỉ huy nên ngày 11-7-1951, lần đầu tiên de Lattre tới trường Chasseloup-Laubat để kêu gọi thanh niên Việt Nam nhập ngũ.

Trước đó vào tháng 6-1951, để kích động sự tin tưởng chiến thắng trong dân chúng nhất là đối với thanh niên Việt Nam sắp thi

hành lệnh gọi nhập ngũ, de Lattre phô trương lực lượng bằng một cuộc diễn binh rất lớn tại Hà Nội trước sự chứng kiến của quốc trưởng Bảo Đại. Nhưng trong thời gian này người ta thấy sức khỏe của de Lattre sút kém rõ rệt vì bệnh ung thư tại háng gây ra do vết thương xưa

De Lattre định trở về Pháp họp vào cuối tháng 7-1951 nhưng ông trì hoãn hành trình vì lúc đó ở Pháp lại khủng hoảng nội các. Kế đó ông nhận được hung tin ; viên tướng phụ trách miền Nam là Chanson bị ám sát chết ngày 30-7 tại Sa Đéc rồi lại hay tin Việt Minh đánh chiếm mất một đồn tại Cao Nguyên.

Khi ông trở về Pháp, nhiều cuộc bàn cãi liên tiếp về Đông Dương xảy ra. Người ta chỉ trích de Lattre đã thực hiện quân số vượt quá mức ấn định. Tướng Valluy không đồng ý về chính sách « Việt hóa » cán bộ, có nghĩa là ông không muốn cho sĩ quan Việt Nam toàn quyền điều khiển quân đội quốc gia Việt Nam. Hội đồng các tham mưu trưởng Pháp lại một lần nữa đưa ra một khuyến cáo tổng quát về tình hình Đông Dương

« — Giải pháp duy nhất là phải nhận viện trợ Mỹ thật rộng rãi và « giá trị hóa » quân đội Việt Nam.

— Phải trù tính việc triệt thoái dần dần các đơn vị Pháp và Bắc Phi về nguyên gốc. Việc này sẽ bắt đầu từ 1-7-1952 để thích nghi với kế hoạch Tây Âu.

— Mọi giải pháp khác cũng không thể cứu chữa được nếu kể từ năm 1952 ta không ổn định được phần còn lại của Liên Hiệp Pháp, không tái võ trang được quốc gia, nghĩa là ta sẽ mất dịp thành công trong chính sách liên minh phòng thủ cũng như là khó tránh được sự nổi dậy của quân đội Đức ».

Nói tóm lại, hội đồng này chủ trương nước Pháp phải lo cứu chính quốc trước đã, không nên vì Đông Dương mà quên điều đó.

Kế tới, de Lattre được cử sang công du Mỹ quốc và ông đã thành công. Khi về Đông Dương, ông trù tính các trận phản công vào đối phương. Mục tiêu đầu tiên ông chọn lựa là Hòa Bình. Vì cho rằng Hòa Bình là hành lang trung gian tiếp tế của đối phương giữa miền Việt Bắc với Thanh Nghệ, chiếm Hòa Bình là có thể cắt mạch giao liên quan trọng này, đồng thời dụ địch đánh ngay trong lòng các công sự phòng thủ

Vào giữa lúc mở cuộc hành quân này, bệnh tình của ông trở nên trầm trọng khiến các y sĩ đã khuyên ông phải trở về Pháp ngay để chữa bệnh trong vòng hai tháng.

De Lattre đã tới mặt trận Hòa Bình thăm viếng các chiến hữu trước khi về Pháp. Lúc này bệnh tình của ông đã nguy nan. Ông phải bước đi gượng gạo và cố gắng tươi tỉnh nét mặt để trấn an tinh thần binh sĩ

Về Pháp, ông chết trên giường bệnh ngày 11-1-1952. Trận Hòa Bình là mục tiêu cuối cùng của ông cũng thất bại ngay sau đó ít lâu

Tướng thay thế ông phải rút khỏi Hòa Bình vào ngày 22-2-52 vì Việt Minh với sở trường đánh rừng núi đã tạo áp lực mạnh vào các cứ điểm của Pháp, hơn nữa việc tiếp tế khó khăn và một khi dồn quân chủ lực vào đây thì phải bỏ trống đồng bằng khiến Việt Minh nhân cơ hội này đã mở rộng thêm địa bàn du kích.

Đây là một thất bại chiến lược của de Lattre và cũng là một điều chứng minh binh lực Việt Minh đã đủ mạnh để đánh thắng bất cứ trận nào trên rừng núi.

6. VÀI NHẬN XÉT VỀ DE LATTRE



De Lattre là người kéo dài thêm chiến tranh tại Việt Nam, vì theo như chính phủ và hội đồng các tham mưu trưởng Pháp quyết định, thì Pháp sẽ rút về Nam vĩ tuyến 16 và chỉ cố thủ tại các pháo lũy được thiết lập quanh Hải Phòng, thế mà de Lattre chủ trương cố thủ miền Bắc để đợi viện trợ Mỹ tới dồi dào hơn và đợi quân đội quốc gia tăng trưởng để thay thế quân Pháp chống giữ.

De Lattre đã thành công trong việc vận động xin tăng quân từ Pháp qua để đối phó với chiến trường sôi động tại miền Bắc. Với cá tính chỉ huy đặc biệt, de Lattre đã làm cho các chiến dịch lớn của Việt Minh mở xuống đồng bằng miền Bắc đều thất bại. Một thành công khác là nhờ có sự quyết tâm theo đuổi chiến tranh với vài trận thắng, de Lattre đã dành được cảm tình và sự giúp đỡ dồi dào của Mỹ để bành trướng quân lực.

Tuy nhiên, khi biến cuộc chiến tranh thuộc địa trở thành cuộc chiến tranh giữa tự do và cộng sản, de Lattre đã không thành thực, ông chỉ lợi dụng chiêu bài đó để thủ lợi cho Pháp. De Lattre không thành thực giúp đỡ người Việt quốc gia, không trả lại chủ quyền ngay cho dân tộc Việt, để tầng lớp này có đủ điều kiện, chính nghĩa trong việc vận động toàn dân chống Cộng. Bằng chứng ông không thực tâm với quốc trưởng Bảo Đại là người tượng trưng cho giới lãnh đạo Việt quốc gia lúc đó, vì Bảo Đại đã không hành động theo chỉ thị của Pháp.

De Lattre muốn hạ bệ Bảo Đại và dùng Trần Văn Hữu thay thế, nhưng các cố vấn chính trị như cựu toàn quyền Gauthier và Aurillac can gián. Họ khuyên ông là Bảo Đại có uy phong của một ông vua, được sự hậu thuẫn của dân chúng, nếu hạ ông, bản mệnh chính trị của quốc gia này sẽ nguy hiểm, chỉ bằng cứ giữ cả hai người, dùng người này chọi người kia để Pháp vẫn giữ được thế chủ động. De Lattre đã nghe theo, dùng Trần Văn Hữu thân Pháp làm thủ tướng và không giao cho ông Bảo Đại một thực quyền nào để Pháp tự do hành động.

Như vậy, ta thấy de Lattre vẫn chủ trương dùng vũ lực với đường lối chiến tranh thuộc địa kiểu d'Argenlieu, Pignon, và đã không có một đường lối giải quyết toàn bộ nào. Có lẽ vì là một võ tướng nên ông chỉ thấy trước mắt những hào quang chiến thắng mang quân sự mà không thấy những con đường khác. Bởi vậy de Lattre chỉ kéo dài thêm chiến tranh chứ không thể làm cho nước Pháp thoát khỏi cảnh sa lầy tại Đông Dương.

H. CUỘC BÌNH ĐỊNH CỦA PHÁP TẠI MIỀN NAM (1945-1954)

- Valluy (10-1945 — 2-1946)
- Nyo (3-1946 — 7-1947)
- De Latour (7-1947 — 10-1949)
- Chanson (10-1949 — 7-1951)
- Bondis (1951 — 1954)



DE LATOUR



CHANSON

BONDIS



THI hành kế hoạch tái chiếm Đông Dương, Pháp theo quân Anh đổ bộ xuống Saigon và từ đó Pháp chiếm miền Nam dễ dàng, chiếm thì dễ nhưng giữ mới là khó. Nên trong vấn đề tái lập an ninh và trật tự ngay khi đặt chân lên Đông Dương, người Pháp đã áp dụng sách lược bình định thuộc địa của tướng Lyautey và Gallieni. Sách lược này được áp dụng từ hồi năm 1863 khi Pháp sang chiếm Đông Dương để đặt nền thống trị. Sách lược bình định của Pháp trên nguyên tắc gồm 3 giai đoạn

— *Giai đoạn 1* Mở những cuộc tấn công chớp nhoáng vào thang sào huyệt đối phương trên khắp lãnh thổ với mục đích tiêu diệt chủ lực quân địch, chiếm đóng các địa điểm chiến lược

— *Giai đoạn 2* Thiết lập các công sự phòng ngự tại vùng chiếm đóng và tổ chức cơ quan hành chánh địa phương.

— *Giai đoạn 3*. Từ các vùng được kiểm soát, tung ra các cuộc hành quân để mở rộng khu vực bình trị, kế tiếp là những cuộc hành quân càn quét và bình định. Cũng trong giai đoạn này phát triển các đội bảo an, ban quân sự và các hội tề để củng cố sự kiểm soát thôn làng.

Cuộc bình định này đã thay đổi tùy theo tình hình chiến trường nhưng nói chung, mỗi ngày một khó khăn cho Pháp.

Sở dĩ Pháp đã thâu hoạch được nhiều kết quả trong việc bình định miền Nam vì Pháp chiếm miền Nam trong giai đoạn đầu quá dễ dàng.

Chính sách bình trị trên cũng được áp dụng tại miền Bắc, nhưng vì cường độ chiến tranh ở đây rất mạnh khiến Pháp không được hoàn toàn yên ổn, nên chỉ bình định cục bộ tại một vài tỉnh chứ không có một chính sách chung như tại miền Nam. Đối với miền Trung, ngoài các tỉnh Bình, Trị, Thiên thường là những chiến trường đẫm máu như miền Bắc, các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú thuộc sự kiểm soát của Việt Minh, chỉ còn các tỉnh ở Nam Trung Việt là được bình định nhưng không đáng kể vì nằm trong một địa thế khó cân nhỏ hẹp. Công cuộc bình trị của Pháp tại Cao Nguyên cũng không có gì đáng kể

Vấn đề bình định tại miền Nam được Pháp rất chú ý và đã đổ vào đây rất nhiều nỗ lực, vì Pháp cho rằng nếu không chiếm lại được toàn thể Đông Dương thì ít nhất cũng chiếm lại được miền Nam để biến nơi đây thành một quốc gia thuộc địa tách rời khỏi Việt Nam. Cho nên, việc bình trị tại miền Nam có thể là căn cứ để tìm hiểu chính sách bình định của Pháp tại Đông Dương trong thời gian 1945 - 1954

1. CUỘC BÌNH ĐỊNH MIỀN NAM CỦA TƯỚNG VALLUY (10-1945 — 2-1946)

Tướng Valluy trong thời này là tư lệnh Sư đoàn 9 bộ binh, được chỉ định kiêm tư lệnh quân đội Pháp tại miền Nam để đảm trách các cuộc hành quân bình trị tại đây

Chỉ trong vòng 5 tháng binh sĩ của Valluy đã kiểm soát tổng quát được miền Nam, Nam Trung Việt, và Cao Nguyên. Tới đây được coi là chấm dứt giai đoạn 1 của chiến lược bình trị, nghĩa là giai đoạn tấn công chớp nhoáng, chiếm các thành thị nhằm hủy diệt ý chí chiến đấu của người Việt

Phương pháp hành quân của Pháp được thể hiện như sau

— *Thời kỳ đầu* giải tỏa Saigon, các vùng phụ cận Saigon, Biên Hòa, Thủ Dầu Một để làm bàn đạp cho các cuộc hành quân thời kỳ hai. Quân kháng chiến Việt Nam lúc đó gồm đủ mọi thành phần quốc gia, giáo phái, Bình Xuyên, độ tứ, Việt Minh và kể cả những cán bộ từ miền Bắc tiếp viện vào đã chống lại quân Pháp rất hăng tại Saigon và các vùng phụ cận, nhưng bên quân Việt lại đánh theo kiểu dàn trận, hơn nữa trang bị lại phức tạp, kỹ thuật và chỉ huy còn kém, nên đã bị tổn thất nặng nề, phải bỏ đô thị, phân tán rút về các vùng quê

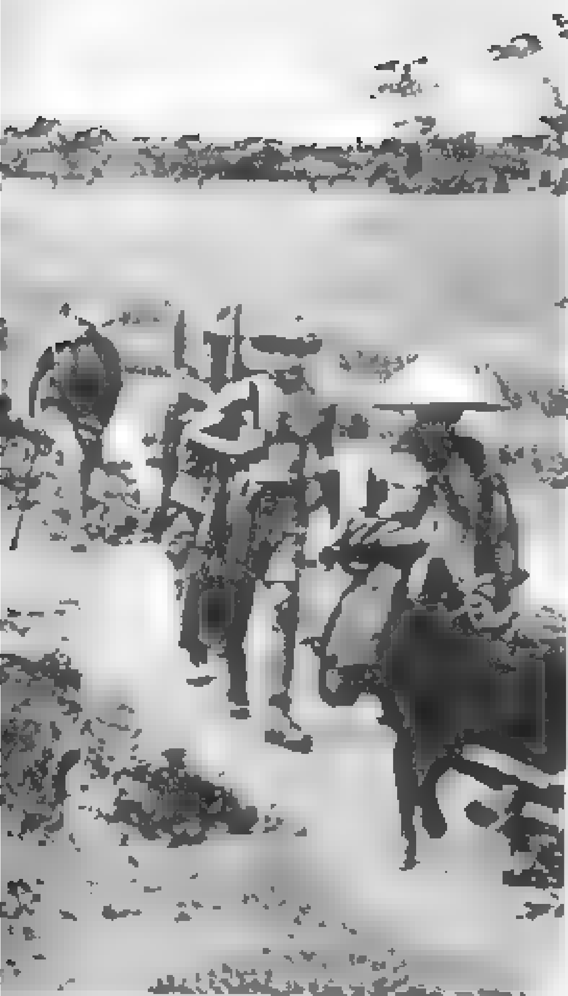
– *Thời kỳ tiếp* Pháp mở các mũi dùi chiếm thành thị. Mũi dùi đầu tiên của Pháp là hành quân Moussac bằng cơ giới tiến về Tiền giang chiếm Mỹ Tho. Tiếp đó dùng các thành phần bộ binh của Sư đoàn 9 bộ binh tiến dọc theo các quốc lộ và tỉnh lộ chiếm lần lượt các tỉnh Hậu Giang, đồng thời chiếm các tỉnh miền Đông, miền Nam Trung Việt và Cao Nguyên. Việc chiếm các tỉnh lỵ có phần dễ dàng. Pháp sở dĩ chậm trễ trong việc mở rộng các nơi chiếm đóng vì không có quân, viện binh từ Pháp đưa sang trễ vì thiếu tàu chuyên chở.

Mở đầu giai đoạn 2 trong chiến lược bình trị, Pháp chỉ mở các cuộc hành quân tảo thanh chớ không đủ quân để chiếm đóng tất cả những điểm then chốt. Vào lúc này tình hình an ninh rất tốt cho Pháp. Pháp đã phóng ra những cuộc hành quân rất xa và rất rộng

Dan chúng lam xâu.



Một toán tuần tiễu trở về đồn.





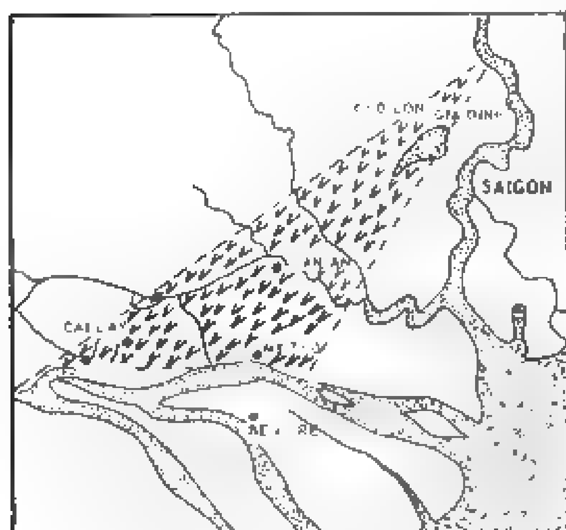


Quân Pháp hành quân men theo một con đường bị phá.

mà mỗi đơn vị hành quân chỉ là cấp trung đội. Mỗi trung đội khoảng 40 người thường hoạt động biệt lập trong vùng hành quân rộng tới 1.500 cây số vuông và hoạt động liên tục trong 60 ngày. Trong khi hành quân, đơn vị cứ tiếp tục tảo thanh từ địa điểm này tới địa điểm khác theo kế hoạch đã được ấn định trên bản đồ. Trung đội ít khi gặp bộ chỉ huy đại đội. Đại đội với các thành phần cơ hữu hoạt động trên một địa bàn rộng gấp 3 hay 4 lần trung đội.

Dưới đây là lời tường thuật của một sĩ quan trung đội trưởng Pháp đối với cuộc hành quân loại này

« Từ Saigon, trung đội của tôi đã mở cuộc hành quân về phía Nam. Đây là vùng ruộng lúa bao la nhiều kinh rạch, trung đội tôi lúc đi bộ lúc đi xuồng, đi đâu, dân chúng đều chạy trốn. Quang cảnh thực là hoang vắng. Chúng tôi chiếm mục tiêu này xong lại chiếm mục tiêu khác. Cuộc hành quân cứ thế tiến hành không gặp một sự chống cự đáng kể nào của đối phương. Trung đội của tôi hầu như không nổ súng. Thỉnh thoảng chúng tôi mới gặp bộ chỉ huy đại đội, nhưng rồi lại đi ngay. Trong khoảng hai tháng hành quân liên tiếp, trung đội tôi đã hoạt động trong một khu vực rộng lớn đến tận Cao Lãnh ». (7)



Khu vực hành quân của một đại-đội. Khu vực tam giác Gia-Định – Cai-Bè – Mỹ-Tho, diện tích khoảng 2000km²
Thời gian hoạt động từ 25/11 đến 24/12/1945

2. CUỘC BÌNH ĐỊNH MIỀN NAM CỦA TƯỚNG NYO (3-1946 — 7-1947)

Tướng Nyo tư lệnh Sư đoàn 3 được chỉ định kiêm nhiệm tư lệnh quân đội Pháp tại miền Nam thay thế tướng Valluy để tiếp tục sứ mạng vừa hành quân vừa bình định lãnh thổ.

Công cuộc bình trị miền Nam của Pháp rất dễ trong buổi đầu nhưng tới thời kỳ tướng Nyo đã trở nên khó khăn vì hoạt động của quân kháng chiến Việt Nam đã dần dần phục hồi.

Sự phục hồi hoạt động này là do ở tài lãnh đạo của tướng Nguyễn Bình. Nguyễn Bình và các cán bộ quân chính từ miền Bắc tiếp viện vào chẳng bao lâu đã nắm được quyền lãnh đạo kháng chiến tại miền Nam. Tướng Nguyễn Bình đã tổ chức nhiều chiến khu chống Pháp ở khắp nơi như các chiến khu Trảng Bàng, Hốc Môn, Đồng Tháp, Cà Mau v.v... Và mặt trận Việt Minh nhờ có tổ chức khéo, lý luận chính trị vững và cán bộ lãnh đạo giỏi đã phát động được một cuộc chiến phá hoại, du kích và khủng bố khắp trên toàn lãnh thổ miền Nam, tạo được sự hưởng ứng của dân chúng đang khao khát độc lập.

Hoàn cảnh lúc đó lại thuận lợi cho Nguyễn Bình vì binh đội của tướng Valluy đã kéo ra miền Bắc và binh đội của tướng Nyo mới sang chưa quen

Tiếp tục thực hiện các giai đoạn 1 và giai đoạn 2 bình trị, tướng Nyo một mặt mở rộng các cuộc hành quân tiêu diệt địch, một mặt củng cố các vị trí chiếm đóng. Việc thiết thực nhất là phải đặt ra các cơ quan lãnh thổ quân sự làm cơ sở căn bản cho nhiệm vụ bình định. Tướng Nyo đã tổ chức sơ khởi lãnh thổ Nam Việt thành ba tiểu khu như sau :

– Tiểu khu Vàm Cỏ Đông và Tây : Tỉnh Mỹ Tho, Chợ Lớn, Tân An và Gò Công.

— Tiểu khu Cần Thơ : Cần Thơ, Vĩnh Long và Long Xuyên.

— Tiểu khu Biên Hòa : Xuân Lộc, Bà Rịa, Thủ Đức.

Riêng khu đặc biệt Saigon – Chợ Lớn trực thuộc tướng tổng tư lệnh quân đội viễn chinh. Người Pháp ngay từ đầu đã nhận ra mức quan trọng của một thủ đô vừa phức tạp vì đông dân cư và vừa hệ trọng vì là đầu mối của một trung tâm lãnh đạo cả quân sự lẫn chính trị, nên đã đặc biệt đặt dưới quyền

(7) Les officiers français face au Vietnam, tác giả Jean Ferrandi.

của tổng tư lệnh

Các bộ tham mưu trung đoàn với phương tiện cơ hữu được tạm thời kiêm nhiệm các bộ tham mưu tiểu khu để tiện phối hợp với các công tác hành quân và bình định

Tướng tư lệnh quân Pháp tại miền Nam đã chỉ thị cho binh sĩ về đường lối hành quân và bình định như sau

« — Chiếm giữ những yếu điểm với một lực lượng tối thiểu.

— Luôn luôn dành một lực lượng trừ bị được trang bị thích hợp để lưu động hoàn toàn tùy theo tin tức.

— Tiếp xúc với các cựu hương chức, thân hào nhân sĩ.

— Chỉ đặt cấp hành chánh người Việt tại những nơi bình định xong, để tiếp tay quân đội Pháp trong nhiệm vụ an dân ».

Đối phó với tình hình ngày càng biến chuyển, lãnh thổ miền Nam được cải tổ vào cuối năm 1946 để tăng cường cho nỗ lực bình định Từ ba tiểu khu nay được nâng lên thành 6 như sau

— Tiểu khu Biên Hòa tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa.

— Tiểu khu Thủ Dầu Một · tỉnh Thủ Dầu Một.

— Tiểu khu Gia Định tỉnh Gia Định, Tây Ninh.

— Tiểu khu Vàm Cỏ tỉnh Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho.

— Tiểu khu Vĩnh Long khu Tiền Giang và tỉnh Bến Tre.

— Tiểu khu Nam khu Hậu Giang

Tổ chức lãnh thổ thay đổi như vậy cho thấy nỗ lực bình định của Pháp hướng nặng về miền Đông Nam Việt hơn là các miền Tiền và Hậu Giang, chứng tỏ các hoạt động của quân kháng chiến đang phát triển mạnh ở chiến khu D và Dương Minh Châu Các cấp tiểu khu không nhất thiết liên hệ tới các tỉnh lỵ hành chánh mà chỉ đặc biệt chú trọng vào những khu vực có hoạt động của đối phương.

Tổ chức lãnh thổ tại miền Nam cũng như các miền khác cứ thay đổi luôn theo đà tiến triển của tình hình và sự gia tăng hoạt động của phe kháng chiến. Trong thời kỳ làm việc của Nyo, lãnh thổ quân sự tại miền Nam lại thay đổi một lần nữa vào tháng 6-1947. Lần này, sự cải tổ được đặt theo chiều hướng « thống nhất lãnh đạo quân chánh, song chấp hành được phân quyền rõ rệt ». Và theo tổ chức này, lần đầu tiên các phân khu ra đời. Các phân khu được đặt ra để đáp ứng với sự phân phối lực lượng hợp lý hầu đối phó hữu hiệu với tình hình và để thích ứng với vấn đề lãnh đạo «quân chính». Tại mỗi cấp lãnh thổ phân khu đều được thành lập một ủy ban thu hẹp gồm có sự tham dự của các cấp điều khiển dân sự và quân sự thuộc tòa ủy viên cộng hòa Pháp miền Nam và bộ tư lệnh Pháp miền Nam để tiện phối hợp trong công cuộc bình định.

Sự phối hợp quân chính này nhằm kiện toàn việc thành lập các cơ quan hành chánh người Việt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Công cuộc này được thực thi ngay từ khi tướng Nyo mới tới Từ giữa năm 1946, người Pháp đã đặt ra được một chính phủ Nam Kỳ tự trị nhưng công tác vận động đã được đề cập từ trước đó nhiều tháng. Cho nên, ngay từ đầu năm 1946 trong khi làn sóng hồi cư của dân chúng về các thành phố, người Pháp đã thực hiện được việc thành lập nhiều chính quyền thân Pháp cấp tỉnh để làm đà cho việc thành lập các cấp hành chánh quận rồi tới xã.

Ngay từ khi mới sang Đông Dương, Leclerc đã nghĩ đến việc tổ chức một « đạo quân liên bang » để tăng cường củng cố các vùng lãnh thổ đã, đang, và sẽ chiếm. Đại khái, theo Leclerc, đạo quân này là đạo quân chung của 5 xứ Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao và Cao Miên, quân đội của mỗi xứ trong Liên bang đều thuộc quyền riêng của mỗi xứ , nhưng khi hữu sự, quân đội này có thể sử dụng khắp nơi thuộc liên bang Đông Dương dưới quyền điều động của Pháp

Đây chỉ là quan niệm mà trên thực tế chưa xảy ra và cũng không bao giờ người Pháp có thể thực hiện được Nhưng ngược lại, việc thành lập các đơn vị bản xứ không phải là một việc khó, một sáng kiến mới, mà chỉ là một trong những công tác căn bản trong chính sách thuộc địa như vấn đề chia để trị, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh... Không một giới lãnh đạo thuộc địa nào mà không biết điều đó.

Do đó mà Valluy cũng như Nyo đã tăng cường quân đội viễn chinh bằng cách tuyển mộ dân bản xứ. Tới giữa năm 1947, Pháp đã tuyển mộ được 9.000 vệ binh cộng hòa và trên 10.000 phụ lực quân. Các thân binh người bản



Một đơn vị hành quân bình định.

xứ được dùng trong việc bình định lãnh thổ như bảo vệ cơ sở, cầu, đường và thôn ấp. Tuy nhiên họ cũng được dùng trong công tác chiến đấu. Thường thường mỗi tiểu đoàn bộ binh Pháp hoặc Bắc Phi đều được tăng cường thêm một đại đội phụ lực quân người bản xứ.

Người Pháp còn đặt ra hương dũng. Cũng giữa năm 1947 lực lượng này đã phát triển và tướng Nyo quyết định võ trang cho các hương dũng nào được coi là trung thành, hầu hữu hiệu hóa việc bảo vệ nông thôn trước các đe dọa phá hoại của Việt Minh.

Ngoài ra, trong cuộc bình trị, tướng Nyo đã dành được một thắng lợi chính trị về phía Cao Đài. Lực lượng Cao Đài đã về hợp tác với Pháp kể từ ngày 8-1-1947 sau khi đã cùng Pháp thỏa hiệp, và các đơn vị giáo phái đầu tiên được thành lập tại Tây Ninh để chống Việt Minh. Kế đó, mấy tháng sau, tướng Nyo cũng đã thắng lợi trong việc đưa một thành phần của giáo phái Hòa Hảo về hợp tác.

Tuy nhiên, công cuộc bình định của Pháp đã không tiến triển, dù Pháp đã tung vào chiến trường miền Nam tới 47.000 quân chính quy cộng với khoảng trên 13.000 phụ lực quân và chiến binh giáo phái. Vì từ giữa năm 1947 trở đi quân lực của Việt Minh được phát triển mạnh. Chủ lực quân Việt Minh gồm khoảng 10.000 người võ trang, tổ chức thành 28 chi đội, hoạt động dưới sự chỉ huy của các Liên khu 7, 8 và 9.

Các hoạt động của Việt Minh đã gây ra tình trạng mất an ninh tại thôn ấp. Việt Minh chưa đủ thực lực để mở các trận đánh, nhưng với quân số trên, họ đã hoạt động tích cực và hữu hiệu dưới các hình thức len lỏi về võ trang tuyên truyền, đào đường, gài mìn, rào cản, khủng bố và ám sát nhân viên xã ấp và những người thân Pháp. Đây là giai đoạn đầu tiên phát động du kích chiến tại miền Nam. Bởi vậy Việt Minh còn né tránh các vụ đụng độ để bảo toàn lực lượng, họ chỉ dùng quân sự đủ để nắm dân hầu nâng cao uy thế tuyên truyền chính trị.

Quân Pháp quen đánh dàn trận không quen với lối đánh quấy rối này. Họ hành quân mà không tìm thấy địch, khí hậu nóng bức đã khiến lính Pháp thêm nóng nảy, phạm nhiều hành động thất nhân tâm. Một tên lính Pháp nổi nóng có khi cả làng bị đốt, đàn bà con gái bị hiếp.

Đó cũng là lý do khiến tướng Nyo rời chức vụ tư lệnh miền Nam nhường lại cho tướng de Latour vào tháng 6-1947, cũng là lúc Bollaert sang Đông Dương với nhiệm vụ và kế hoạch mới.

3. CUỘC BÌNH ĐỊNH MIỀN NAM CỦA TƯỚNG DE LATOUR (7-1947 — 10-1949)

Pierre Boyer de Latour du Moulin là một nhân vật lỗi lạc của Pháp về bình định lãnh thổ. Ông được đưa từ Maroc sang để nhờ ở kinh nghiệm và khả năng lãnh đạo có thể chóng vãn hồi được an ninh cho Nam Việt theo kỳ vọng của Pháp.

Ông là một trong những đệ tử trung thành của Lyautey, vì cuộc bình định tại miền Nam của ông không vượt khỏi các nguyên tắc căn bản với ba giai đoạn:

— Giai đoạn sơ khởi là thời kỳ đẩy lui tích (refoulement) nghĩa là các tiểu đoàn chính quy Pháp đẩy lui các đơn vị chủ lực Việt Minh, phá hủy các căn cứ địa.

— Giai đoạn hai là thời kỳ củng cố (armature) nhằm đặt các đồn bót trên một vòng đai an ninh hơn.

— Giai đoạn ba là thời kỳ bơm trữ (injection) nhằm tái lập sinh hoạt bằng việc xây dựng các cơ sở hành chánh xã ấp và tổ chức hương dũng để bảo đảm an ninh trên vùng chiếm đóng (8).

Các điểm đáng chú ý về đường lối hành động của de Latour tại miền Nam được thể hiện dưới các sự kiện như sau:

a. Rút bỏ những khu vực hẻo lánh.

Ngay khi nhận chức vào tháng 7, de Latour đã phải chấp nhận một sự thiệt thòi là phải đưa một số quân của miền Nam ra tăng cường cho mặt trận miền Bắc. Sự kiện này khiến de Latour phải rút bỏ những khu vực hẻo lánh đầu tiên để tạo khối tổng trừ bị cho tướng tổng tư lệnh, để tránh bị địch đánh tiêu hao vì phân tán quá mỏng, khó tiếp tế và dễ làm mồi ngon cho đối phương.

Nhưng chủ trương triệt thoái này không được thi hành triệt để vì de Latour bị các cấp hành chánh chống đối, họ cho rằng hành động như vậy sẽ làm lợi cho địch và còn làm mất lòng tin của dân chúng đối với Pháp.

b. Tổ chức đơn vị công giáo chống Việt Minh.

(8) La guerre d'Indochine — L'enlisement của tác giả Lucien Bodard.

Cũng trong tháng 7, de Latour trắc nghiệm việc thi hành chính sách thứ hai là giao cho một người Pháp lai Việt rất thông thạo miền Bến Tre, tổ chức các biệt kích đội công giáo chống Việt Minh ngay trong lòng các giáo khu.

Người Pháp lai này là Jean Le Roy, lớn lên đã theo võ nghiệp.

Khi gặp Le Roy, de Latour chỉ có ý định trắc nghiệm phương pháp du kích gián điệp để giúp dân công giáo tiễu trừ Việt Minh. Lúc đầu Le Roy chỉ được tổ chức 3 biệt kích đội gồm toàn thanh niên công giáo làng Bình Đại thuộc cù lao An Hóa và do các thân binh của Le Roy chỉ huy.

Sau một thời gian thí nghiệm có kết quả rõ rệt, vào cuối năm 1947 de Latour cho Le Roy tổ chức thêm 10 biệt kích đội nữa để bảo vệ các giáo khu thuộc hai tỉnh Mỹ Tho và Bến Tre.

Các biệt kích đội của Le Roy thâu đoạt được nhiều thành tích trong việc tảo thanh Việt Minh tại Bến Tre, và được tổ chức lan rộng ra khắp nơi. Le Roy nổi tiếng trong giới người Pháp. Bí quyết thành công của y là hoạch định một lề lối chỉ đạo bình định hữu hiệu.

Trong khu vực thuộc quyền y, lề lối bình định đã được quan niệm như sau:

« Bình định là một sự kết hợp hành động tàn bạo và hành động chính trị, chiến tranh chìm và nổi. Một mặt, cho biệt kích đội săn đuổi bám sát du kích quân, tích cực bành trướng hệ thống chỉ điểm mật vụ và thẳng tay đàn áp những làng hay người chứa chấp tiếp tế cho Việt Minh. Một mặt cho đắp đường, mở chợ, lập trường học, xây bệnh xá, giúp đỡ dân khẩn hoang v.v... ».

Nhiều hành động tàn bạo quá trớn đã xảy ra. Tuy nhiên nếu đứng vào phương diện bình định trong mục tiêu của nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ, Le Roy có thể nói đã chu toàn được nhiệm vụ. Các tổ chức Việt Minh hầu hết bị tan rã, quét sạch ra khỏi địa khu của y, và 500.000 dân được sống tương đối yên ổn và đầy đủ hơn các vùng khác nhờ ở vấn đề an ninh được đảm bảo và nhờ thủ đoạn chính trị của Le Roy (9).

c. Mua chuộc sự hợp tác của các giáo phái.

De Latour cũng thừa hiểu rằng việc kết nạp các giáo phái và phát triển võ trang cho họ là cả một vấn đề phức tạp, vì Pháp không thể kiểm soát và chi phối hoàn toàn được họ. Hơn nữa thu nạp giáo phái là tạo ra nạn bè phái làm cho lãnh thổ miền Nam mất cả tính cách thuần nhất. Nhưng để chống Việt Minh, dù muốn dù không Pháp phải dựa vào các phong trào giáo phái này. Do đó tướng de Latour cũng như các tư lệnh quân đội Pháp tại miền Nam sau này đều nuôi dưỡng các lực lượng giáo phái, tuy đôi khi Pháp phải bực mình vì sự tráo trở của giáo phái lúc ở lúc ly khai.

Tướng de Latour đối xử với các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo rất đặc biệt. Nhưng cuối năm 1947 vì sự lủng củng nội bộ và sự chống đối lại Pháp, nhiều đơn vị giáo phái Hòa Hảo đã ly khai ra bưng. Bộ tư lệnh Pháp mất công điều đình chẳng được, phải mang quân đến giữ những chỗ trống, mở hành quân đàn áp các toán ly khai. Việt Minh lợi dụng được những sơ hở bất ngờ này bèn tăng gia quấy rối và mở rộng khu vực ảnh hưởng.

Vào giữa năm 1948, de Latour thu được thắng lợi lớn là thu phục được Bảy Viễn. Vì xích mích với Việt Minh, Bảy Viễn trở về với Pháp. Nhờ có sự quy thuận của Bình Xuyên, Pháp kiểm soát chặt chẽ vùng kế cận Đông Nam Saigon kể từ năm 1949, nhưng Pháp phải nhượng bộ Bình Xuyên, cho mở sòng bạc, nhà điếm, gây ra nhiều tệ đoan xã hội.

Vào năm 1949, de Latour phải đối phó với quân đội Cao Đài lũng củng không chịu hợp tác với Pháp, nhưng lại tiếp nhận được một toán Hòa Hảo ly khai quay về. Tướng de Latour chỉ điều giải để mua chuộc các giáo phái ly khai chứ không có những biện pháp mạnh để làm tan vỡ các toán ly khai này.

Tại những vùng thiểu số, de Latour triệt để sử dụng các cấp hành chánh và các đơn vị gốc Miên làm những lực lượng chống đối người Việt kháng chiến, và làm ngơ trước sự chém giết tàn bạo của các đơn vị này.

d. Chủ trương chiến thuật đồn bót và tháp canh để bảo vệ các trục lộ giao thông.

Bắt đầu từ năm 1948, các hoạt động Việt Minh tại Nam Việt trở nên mạnh mẽ. Bộ đội của họ liên tiếp mở các trận đánh, phục kích, phá hoại các trục giao thông, bao vây kinh tế, tấn công các lực lượng võ trang, đe dọa hệ thống liên lạc tiếp tế của Pháp. Những trận phục kích giao thông chiến được tổ chức quy

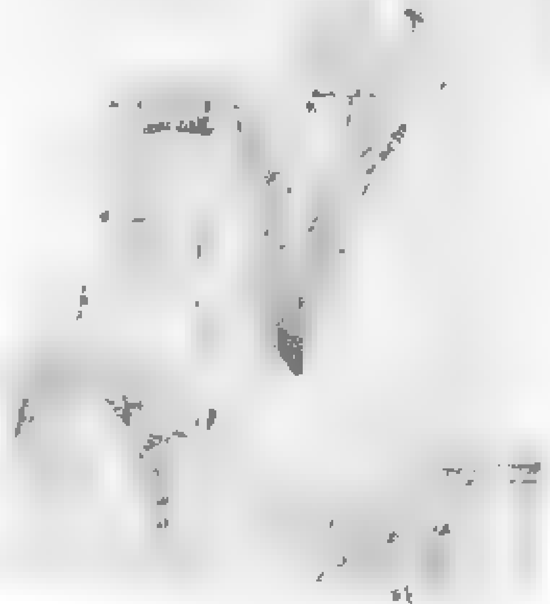
(9) Tập san Đại học quân sự số [illegible], bài của [illegible].

mô và chu đáo. Về phía quân đội Pháp từ trước tới nay hệ thống phòng ngự chỉ được tổ chức tạm bợ, không phải là một hệ thống mạch lạc phù hợp với một kế hoạch chiến lược, chiến thuật chung. Đồng thời do sự phát triển của bộ đội Việt Minh và sự rút bớt quân chính quy của Pháp để bổ xung cho chiến trường miền Bắc, bộ tư lệnh lục quân Pháp tại Nam Việt bắt buộc phải đề ra một biện pháp thích ứng mới.

Đại cương giải pháp được tướng de Latour chấp nhận là tổ chức phòng vệ vững chắc những trục lộ giao thông để tạo một hệ thống ô vuông khiến sự liên lạc tiếp tế chuyển quân của Việt Minh bị lũng đoạn và do đó khả năng lưu động của Việt Minh bị giảm tới mức tối đa

Để bảo đảm sự kiểm soát thường trực các trục lộ chính và sự bảo vệ các đoàn xe tiếp tế, những đoàn quân được đặt tại những địa điểm quan trọng, và giữa các đồn này là hệ thống các tháp canh.

Mỗi tháp canh có từ một bán đội đến một tiểu đội tăng cường. Tháp canh một bán đội thường có 1 trung liên, 1 phóng lựu, vũ khí cá nhân và nhiều lựu đạn. Tháp canh trên một bán đội thường có hai trung liên. Mỗi tháp canh cách nhau 1 cây số, nghĩa là trong tầm mắt và trong viễn độ thực dụng của các vũ khí. Tuy vậy ở giữa quãng đường quanh co khúc khuỷu thì có thể là hai, ba tháp canh được thiết lập gần nhau miễn sao tạo được thế liên hoàn để yểm trợ lẫn nhau trong sự kiểm soát các đường giao thông cả bộ lẫn thủy. Tháp canh hình vuông được xây bằng gạch, bằng đá hay bằng gạch khối khoảng 2 thước rưỡi mỗi chiều, cao khoảng 10 thước, nóc bằng tôn hay bằng ngói. Xung quanh mỗi tháp được bao một lũy đất dày, cao khoảng 2 thước làm thành vách bằng những cây cau, cây dừa hay tre có lỗ châu mai, và một vài khoảng trong bức vách đó được làm nơi nấu ăn, nơi ở của binh sĩ mang theo gia đình. Xung quanh được cắm chông tre và nhiều lớp hào lũy bao bọc. Ở bên ngoài được rào bởi nhiều lớp tre và kẽm gai, đôi khi được chôn xen kẽ ở giữa mìn sáng và mìn cóc. Cửa ra vào hẹp và quanh co, đóng kín bằng các ngựa trụ thường được gài kèm lựu đạn trong đêm tối. Ban ngày lính gác ngồi trên tháp cao co, được bốn phía, ban đêm lính vẫn ngồi cao để nghe động tĩnh trong khi đó các binh sĩ ngủ dưới đất ở các vị trí. Mỗi tháp canh do một hạ sĩ hay một trung sĩ chỉ huy.



Một tháp canh.

Những tháp canh này được dùng để theo dõi và báo cáo ngay mọi sự di chuyển của Việt Minh. Mỗi khi động, các tháp canh đều bắn súng, giật hỏa châu tùy theo tiêu lệnh cho mỗi trường hợp.

Mỗi tháp canh mẹ chỉ huy nhiều tháp canh con. Tháp canh mẹ là những đồn quân lớn đóng tại những địa điểm trọng yếu. Tháp canh mẹ thường có hỏa lực vòng cầu để yểm trợ cho các tháp canh con, sự phòng thủ tại tháp canh mẹ thường rất kiên cố, xung quanh chu vi phòng thủ đều có lô cốt chiến đấu, ở giữa có lô cốt chỉ huy trang bị máy truyền tin đầy đủ. Các lô cốt này thường được xây nửa ngầm dưới đất để có thể tiếp tục kháng cự mặc dầu địch quân vào được đồn

Chiến thuật đồn bót và tháp canh của de

Latour rất hữu hiệu để chống lại các cuộc phục kích giao thông. Nhờ bảo vệ các trục giao thông và dựa vào đó, de Latour đã áp dụng được chiến thuật bao vây chia cắt lãnh thổ thành những mắt lưới, những ô vuông để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc bình định, săn đuổi các đơn vị chính quy và địa phương, khám phá tiêu diệt những cơ sở bí mật đối phương và thiết lập chính quyền hợp pháp... Trọng tâm nỗ lực của Pháp trong giai đoạn này được đặt ưu tiên tại những vùng phì nhiêu rồi sau đó theo vết dầu loang tiến dần tới những vùng khác một cách chắc chắn.

e. Bao vây căn cứ Đồng Tháp.

Nỗ lực quân sự của de Latour trong năm 1948 được dồn vào khu Đồng Tháp Mười. Khởi sự vào tháng 2, quân Pháp tiến sâu vào miền Đông Bắc Đồng Tháp, tháng 3 vào vùng kế cận Cao Lãnh, rồi từ tháng 4 đến tháng 6 vào vùng Vàm Cỏ Đông và kế tiếp từ tháng 7 đến tháng 9 vào miền Bắc Cai Lậy. Qua chiến dịch càn quét này, de Latour thiết lập được một số các đồn bót mới bao quanh Đồng Tháp để ngăn sự ra vào của đối phương. Kết quả có tới 30 vạn dân chúng vì sợ bom đạn đã rời bỏ vùng Việt Minh về vùng Pháp kiểm soát, và các hoạt động của Việt Minh trong căn cứ này giảm sút rõ rệt.

g. Bao vây kinh tế Hậu Giang.

Kể từ tháng 1-1949, de Latour ban hành các biện pháp bao vây kinh tế miền Hậu Giang. Tất cả các sự chuyên chở lúa gạo đều phải có giấy phép, sự kiểm soát kinh tế chặt chẽ này đã khiến kinh tài Việt Minh thêm khó khăn.

Tới tháng 10-1949 cơ quan lãnh đạo quân sự Pháp tại Đông Dương bị xáo trộn về việc thay đổi liên tiếp các vị tổng tư lệnh. Tướng de Latour tỏ ý bất mãn và xin từ chức. Tân tổng tư lệnh, tướng Carpentier đề nghị chính phủ Pháp cử tướng Chanson một tướng trẻ và giỏi thay thế. De Latour hay tin bực mình bèn có phản ứng muốn ở lại, nhưng cuối cùng ông vẫn phải ra đi.

4. CUỘC BÌNH ĐỊNH MIỀN NAM CỦA TƯỚNG CHANSON (10-1949 — 31-7-1951)

Tướng Chanson tiếp tục lo bình định miền Nam. Khi de Lattre sang thay thế cặp Pignon — Carpentier, đã ca ngợi ông vì ông làm việc rất đắc lực.

Chanson được để ý đặc biệt ở hai điểm :

1) Điểm thứ nhất là quân của miền Nam cứ phải xén bớt để tăng cường cho miền Bắc Việt này Chanson không phàn nàn, nên chiếm được sự mến chuộng của de Lattre. Lần thứ nhất ông bị xén mất hai tiểu đoàn bộ binh trong tháng 4-1950, lần thứ hai 7 tiểu đoàn bộ binh và 1 tiểu đoàn pháo binh trong đầu năm 1951. Lúc đó tổng số đơn vị chính quy hoạt động tại Nam Việt chỉ còn có chừng 28 tiểu đoàn không kể những phương tiện tương xứng về pháo binh, thiết giáp, hải quân và không quân...

2) Điểm thứ nhì là mặc dầu vậy cuộc bình định tại Nam Việt vẫn xúc tiến khả quan, vì trong suốt thời kỳ làm việc của Chanson, hoạt động của Việt Minh tỏ ra bình thường tại Nam Việt và chỉ chú trọng ở vài trường hợp sau

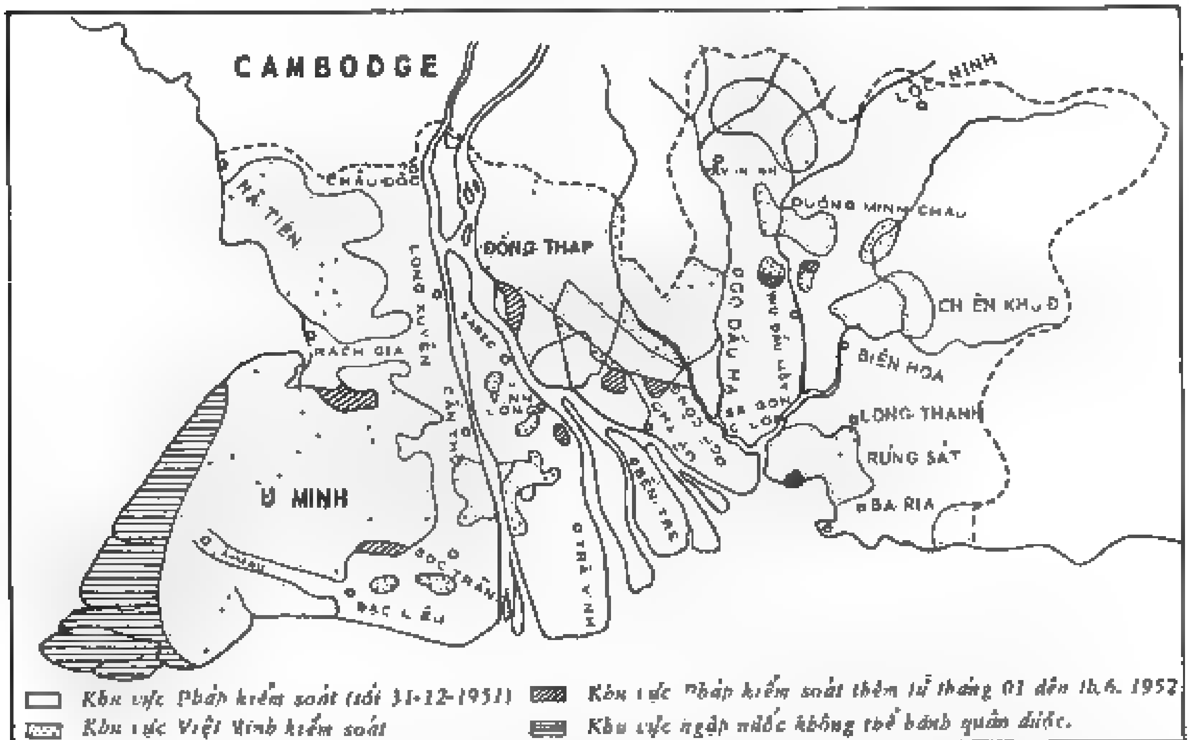
— Cuối năm 1949, vùng Rạch Giá — Trà Vinh và vùng Bắc Saigon bị quấy rối ráo riết nhất là tại Trà Vinh tất cả các đồn và tháp canh trên trục lộ Trà Vinh — Tiểu Cần đều bị công kích. Bộ tư lệnh Pháp đã phản ứng quyết liệt và gây cho Việt Minh nhiều tổn thất quan trọng. Đồng thời, nhiều cuộc hành quân quan trọng khác được mở vào phía Nam Cai Lậy trong vùng Cao Lãnh, Tân Uyên và Bến Cát. Đây là lần đầu tiên kể từ khi có chiến tranh, quân đội Pháp phải đương đầu với một hành động liên tục của Việt Minh đặc biệt chú trọng đến những khu vực hẻo lánh ở ngoại ô, hệ thống phòng thủ của Pháp, và cô lập triệt để vùng này bằng cách phá hoại cầu, đường và phục kích ; đồng thời cho dân quân du kích quấy rối tất cả các đồn bót trong vùng Tiền Giang. Chính lúc này ủy ban hành kháng Nam Bộ đang cho khai diễn giai đoạn đầu của cuộc chuẩn bị tổng phản công, nhưng rút cục chỉ gây được những tiếng vang

— Trong mùa xuân năm 1950, vùng Cần Ngan — Trà Cú — Tiểu Cần và vùng Sóc Trăng là trọng điểm các cuộc đánh phá của Việt Minh và các trục lộ giao thông từ Saigon đi Dalat và Ban Mê Thuột là trọng điểm của các cuộc phục kích. Các trận đánh cũng không giữ được sự liên tục lâu dài

— Trong mùa hạ năm 1950, hoạt động Việt Minh suy giảm. Lợi dụng thời gian này Pháp cho tăng cường công sự các đồn và tháp canh hầu đủ sức chịu đựng được đạn bazooka của Việt Minh và đồng thời mở một số cuộc hành quân vào Đồng Tháp và tảo thanh những vùng kế cận các trục lộ quan trọng.

— Trong chiến dịch Thu-Đông 1950, Việt Minh sau khi rút về các căn cứ để nghỉ ngơi và chỉnh quân đã mở các trận đánh vào vùng

Tình hình Nam Việt (30-6-1952)



Trà Vinh, Tri Tôn, miền rừng phan khu Đông. Các trận đánh này có tính cách phối hợp với chiến trường Cao-Bắc-Lạng miền Bắc, cường độ ác liệt nhưng chỉ diễn ra trong hai ba ngày thì chấm dứt, riêng tại rừng phan khu Đông kéo tới 6 tuần mà các địa điểm Lộc Ninh, Bến Cát, Dầu Tiếng là những nơi chịu áp lực nặng nề nhất. Một điều nhận xét là các tháp canh bị tấn công đều bị đánh sụp do khối lượng to lớn của bộc phá và bazooka.

Vào các mùa Xuân—Hạ năm 1951 nhờ sự mệt mỏi và bị tiêu hao nặng nề của Việt Minh sau chiến dịch Thu — Đông 1950, mặc dù bị rút đi 7 tiểu đoàn bộ binh, quân đội Pháp cũng đã hoạt động tích cực, dồn nỗ lực chính vào miền Tây, nhất là khu vực Tiền Giang để chia cắt lực lượng đối phương ra làm hai, hầu cô lập căn cứ Đồng Tháp. Nỗ lực phụ được nhắm vào sự nới rộng khu vực an ninh xung quanh Saigon—Chợ lớn. Sở dĩ Pháp duy trì được sự liên tục bình định như vậy một phần lớn là vì quân lực Pháp ở Việt Nam đã nhờ được sự gia tăng tham chiến của các đơn vị thuộc quân đội quốc gia Việt Nam.

Tướng Chanson vừa nhờ được các tướng giáo phái Trình Minh Thế và Ba Cụt bình định được khu Mỹ Đức Tây và Bắc Cai Nứa để đem lại an ninh cho trục Mỹ Tho – Vĩnh Long, thì khi đến viếng tỉnh lỵ Sa Đéc ông đã bất chợt bị ám sát chết (31-7-1951). Tướng Bondis đã được đề cử thay thế ông.

5. CUỘC BÌNH ĐỊNH MIỀN NAM CỦA TƯỚNG BONDIS (8-1951—7-1954)

Tướng Bondis thay thế Chanson làm tư lệnh lục quân Pháp tại Nam Việt vẫn tiếp tục đường lối bình định như cũ. Ông là người ở lâu nhất trên chức vụ này để cai trị một miền đất tương đối yên tĩnh.

a. Công việc bình định đối với các hoạt động của Việt Minh trong các năm 1952-53 và 54.

Trong các năm 1952-53, hoạt động của Việt Minh không có gì đáng kể vì tới cuối năm 1953 Pháp kiểm soát được khu Tiền Giang và dùng khu này để bao vây vùng Đồng Tháp, chia cắt lực lượng Việt Minh ra làm đôi mở rộng được các khu vực tại Hậu Giang, đặc biệt là các khu Cần Thơ, Rạch Giá, Long Xuyên và Sóc Trăng, đồng thời triệt hạ các căn cứ vùng Tân Uyên ở sâu trong vùng chiến khu D; trong khi đó lại gia tăng được quân lực Việt Nam và chuyển giao dần các

trách nhiệm lãnh thổ cho người Việt Nam.

Không những thu hẹp được các khu vực hoạt động của Việt Minh để họ phải bị kiệt quệ về kinh tế, giám sát việc tồn trữ lúa gạo. Pháp lại đánh về mặt tài chánh bằng cách lưu hành các giấy bạc giả cụ Hồ trong vùng Việt Minh để lũng đoạn tiền tệ. Ngoài ra trong các năm 1952-53 giá lúa gạo trên thị trường lại rẻ, Việt Minh lại bị lúng túng không thu hoạch được nhiều tiền bạc để đài thọ cho chiến phí.

Tướng Bondis trong một bản tổng kết vào tháng 10-53 đã nêu ra những nhiệm vụ và việc sử dụng quân lực cần thiết trong việc bình định miền Nam như sau

- Bảo vệ vùng Saigon - Cholon và những cơ quan đầu não mất 3 tiểu đoàn bộ binh

- Bảo đảm an ninh các trục lộ giao thông mất 4 tiểu đoàn, 10 chi đội thiết giáp.

- Bình định nông thôn mất 11 tiểu đoàn. Theo kinh nghiệm, muốn hoàn toàn quét sạch mọi lực lượng Việt Minh khỏi một vùng phải mất ba năm, như vậy các đơn vị chính quy chỉ rút đi sau khi lập được hương dũng và lực lượng địch suy yếu

- Hành quân triệt hạ các căn cứ địa mất 5 tiểu đoàn

Tất cả là 23 tiểu đoàn so với 28 tiểu đoàn chủ lực mà miền Nam hiện có

Vào đầu năm 1954, sơ khởi Pháp đã rút đi 3 tiểu đoàn chủ lực để lập ra Liên đoàn lưu động số 9 gửi lên Điện Biên Phủ. Tiếp đó bộ tư lệnh Nam Việt lại bị rút thêm 10 tiểu đoàn bộ binh trong đó có việc thành lập Liên đoàn 11 đưa lên Cao Nguyên và 5 tiểu đoàn khinh quân được đưa ra mặt trận Atlante cùng với những phương tiện tương xứng về pháo binh và thiết giáp v.v

Pháp, vì vậy, không mở được cuộc hành quân quan trọng nào từ cuối năm 1953. Nắm được tình hình này, ủy ban hành kháng Nam bộ ra sức đẩy mạnh các công tác tuyên truyền, tích cực hoạt động võ trang trở lại

Những tỉnh được Việt Minh đặt trọng tâm hoạt động là Gò Công, Mỹ Tho, Tân An, Biên Hòa. Trước phản ứng yếu đuối của quân Pháp, dân chúng lại dần dần ngả theo Việt Minh. Thóc lúa tiền bạc lại được nạp dồi dào và được chuyên vận nuôi dưỡng các căn cứ địa miền rừng núi

Tới cuối tháng 1-54 Việt Minh tổng phát động du kích chiến. Trong ba ngày từ 27 đến 30-1 không phải đánh lớn mà họ lấy được 40 đồn hương dũng ở Nam Gò Công. Tổng cộng trong tháng 2, số tháp canh Pháp bị hạ hoặc rút lên tới 200 chiếc. Và tới ngày đình chiến Việt Minh đã giành được phần nào thế chủ động tại miền Nam mà trong hai năm trước đã ở trong tay quân Pháp.

b. Công tác bình định tại những miền Pháp chuyển giao cho Việt Nam.

Tới cuối năm 1952 Pháp bắt đầu giao chủ quyền lãnh thổ quân sự cho quân đội Việt Nam. Công việc này khởi sự từ các khu Gò Công, Bến Tre rồi tới Mỹ Tho v.v

Tại những miền chuyển giao này, Pháp chú trọng vào công việc bình định, các bộ chỉ huy lãnh thổ quân sự Việt Nam được thiết lập để đặt nặng vào vấn đề bình định còn các cuộc hành quân diệt địch thời đặt trọng trách cho bộ tư lệnh lục quân Pháp. Các bộ chỉ huy lãnh thổ Việt Nam có nhiệm vụ bình định để tiêu diệt tất cả những đơn vị và cơ sở đối phương hãy còn trên lãnh thổ, đồng thời phải tuyển mộ và thành lập các đơn vị bán quân sự để thay thế các đơn vị chính quy được chuyển đi nơi khác

Những biện pháp được áp dụng là

— Kiểm tra và thanh lọc kỹ càng các tầng lớp dân chúng sống trong vùng kiểm soát

- Tăng gia lực lượng bán quân sự với số lượng đầy đủ để lực lượng này tự mình kiểm soát và giữ an ninh được thôn xóm

- Giao cho lực lượng này một số đồn bót phụ để giảm bớt gánh nặng cho lực lượng quân sự chính thức.

— Tập trung các lực lượng can thiệp đã sẵn có để giao phó cho nhiệm vụ lưu động.

Theo nguyên tắc, lực lượng can thiệp sẽ được tổ chức như sau

— Hoạt động trong liên phân khu 400 người

- Hoạt động trong mỗi phân khu 800 người.

- Hoạt động tại mỗi tiểu khu 300 người.

Riêng tại nhóm phân khu các tỉnh cũ (groupe de subdivisions des vieilles provinces) tại miền Gò Công và Bến Tre, hệ thống đồn bót bảo vệ công cuộc bình định đã lên tới 1.350 chiếc quy tụ một lực lượng quân sự và bán quân sự là 1.300 chính quy, 6.000 phụ lực quân và 7.500 hương dũng.

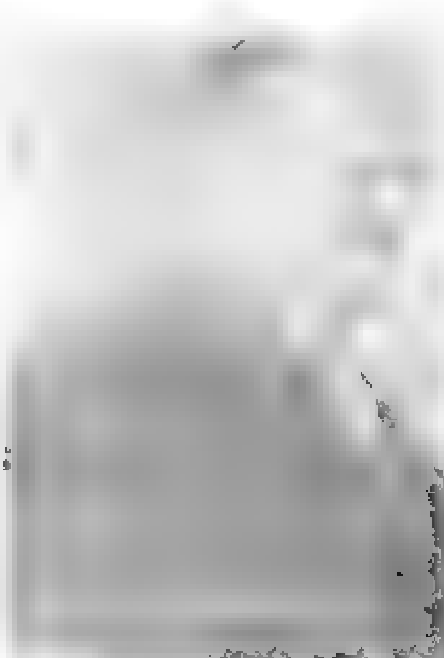
Bởi vậy, trong tờ Nhân dân miền Nam phát hành tháng 6-1952, Lê Duẩn chủ tịch ủy ban hành chánh Nam bộ đã viết : « Địch chủ động mà ta (Việt Minh) bị động, bởi vì địch đã chia cắt và bao vây ta thành nhiều khu vực với những hệ thống đồn bót và tháp canh chằng chịt dọc theo những đường giao thông và đóng sâu vào các làng mạc »

Thực vậy, công cuộc bình định của Pháp tại miền Nam đã gặt hái được khá nhiều thành công, tuy không đạt được mức tuyệt hảo vì không có chính nghĩa, nhưng ta phải công nhận là Pháp đã có nhiều phương pháp và sáng kiến, nhất là biết sử dụng những ảnh hưởng tâm lý và sự chống Cộng của giáo phái và dân chúng miền Nam để thiết lập ra các chính quyền địa phương khá mạnh, làm nền tảng cho công tác bình định. Chính việc bình định này đã giúp cho Pháp không những không suy sụp về kinh tế trong khi chiến tranh trở thành một gánh nặng, mà còn giữ được một mức sinh hoạt thăng bằng cho dân chúng tại đây để Pháp hưởng lợi, lấy chiến tranh nuôi dưỡng chiến tranh

I. LETOURNEAU (4-1952 — 7-1953)

— Gauthier — Salan (1-1952 — 3-1952)
— Letourneau — Salan (4-1952 — 7-1953)

Letourneau



SAU khi de Lattre chết, chính phủ Pháp cử tướng Raoul Salan làm tổng tư lệnh, cựu toàn quyền Gauthier xử lý chức vụ cao ủy Đông Dương.

Nội tình nước Pháp lại lục đục. Chính phủ Queuille đổ vào giữa tháng 3-1952. Trước đó, tình hình chiến sự tại Đông Dương không lấy gì làm tốt đẹp, vì cuối tháng 2-1952, quân Pháp phải rút khỏi Hòa Bình dù việc rút lui rất êm thắm. Chính phủ mới do ông Pinay làm thủ tướng vẫn giữ chính sách cũ cương quyết bảo vệ Đông Dương và đã dứt khoát chọn tướng Salan làm tổng tư lệnh. Chức vụ cao ủy được giao cho ông Letourneau, bộ trưởng các quốc gia liên kết, kiêm nhiệm kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1952.

Thành thử, tướng Salan được coi như đã nắm vai trò chủ yếu tại Đông Dương. Chính phủ Pháp tuy không giao cho ông một quyền hành rộng rãi như đối với tướng de Lattre nhưng chức cao ủy chỉ có tính cách kiêm nhiệm đối với một chính khách Pháp thì mọi công việc đều coi như ở ông.

Salan người nhỏ bé, có trí khôn của người Á Đông, như đã từng lấy vợ Việt, hút thuốc phiện và đi lễ đền đài v.v . Có thể nói ông là người thông thạo phong tục tập

Salan



quân của dân Đông Dương, thông thạo chiến trường tại đây và am hiểu lối đánh của Việt Minh. Ông sống ở đây rất lâu, đã chỉ huy chiến dịch Léa năm 1947, sau đó về Pháp nghỉ rồi lại theo de Lattre sang Đông Dương để lại được giao phó một nhiệm vụ quan trọng.

1. CHỦ TRƯƠNG CHIẾN LƯỢC CỦA SALAN

Tướng Salan đã đệ trình chính phủ Pháp một kế hoạch hành động như sau:

« Trong 7 năm qua, xứ Đông Dương làm mồi cho một cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt và mang tính chất một cuộc chiến tân tiến. Dù quân đội của ta đã hy sinh quá nhiều, ta vẫn không tiêu diệt được kẻ địch. Nếu để địch thắng thì cả miền Đông Nam Á sẽ bị nhuộm đỏ.

Đối phương của ta có những dấu hiệu chứng tỏ đang mệt mỏi, nhưng ta không dễ gì đánh ngã được họ nếu không thực hiện được một nỗ lực đặc biệt. Để đối phó với kẻ địch được Trung Cộng viện trợ dồi dào không những có khả năng đánh du kích mà còn đánh cả trận địa, ta phải có một đạo quân thiện chiến ít ra phải ngang địch và phải có một ưu thế tuyệt đối về quân số.

Đối với vấn đề quân số chỉ riêng có Việt Nam mới có đủ khả năng cung cấp nguồn nhân lực cần thiết. Mà việc thành lập các đơn vị Việt Nam đang trên đà phát triển nhanh chóng, nhưng cần phải có những nhu cầu mới về vật liệu và tài chính. Đó là mục tiêu của kế hoạch hành động. Kế hoạch này nhằm bành trướng các đơn vị Việt Nam, và sẽ được hoàn thành trong vòng hai năm rưỡi, bắt đầu kể từ tháng 3 năm 1953 ».

Salan đưa ra quan điểm chiến lược như sau:

« Sự chiến thắng duy nhất là phải đập tan các đơn vị chủ lực địch thì mới vãn hồi được trật tự lâu dài cho Đông Dương. Hiện chủ lực địch có 5 sư đoàn chính quy tại miền Bắc.

Một khi lực lượng chính này bị tiêu diệt, các cơ sở quân chính khác của địch sẽ bị tan rã nhanh chóng, các căn cứ của họ sẽ bị thanh toán không khó khăn gì.

Nhưng qua kinh nghiệm chiến dịch vào những năm 1951 và 1952 cho thấy thì với quân số hiện hữu ta không thể thắng được địch quân khi họ vẫn được cung cấp nhân vật lực sau mỗi trận đánh. Trong khi đó, ta vẫn chưa vãn hồi được an ninh ở hậu tuyến mà phải phân tán quân để giữ nhiều khu vực lãnh thổ bị uy hiếp.

Vì vậy, để chiến thắng kẻ địch, nhất là tại miền Bắc, ta phải áp dụng các biện pháp hành động sau đây:

– Bình định hữu hiệu tất cả những khu vực đã chiếm đóng, đồng thời kiểm soát tất cả các nguồn tài nguyên để không rơi vào tay địch.

– Tiếp tục mở chiến dịch phụ để chiếm đóng các khu vực kinh tế và đông dân, phá vỡ địa bàn hoạt động chính trị của địch.

– Tạo lập một binh đoàn chủ lực không bị ràng buộc bởi việc giữ đất.

Trong suốt thời gian thi hành các biện pháp này, ta phải giữ tại chỗ các đơn vị đang sử dụng tại miền Bắc, cần lắm ta mới lấy quân của miền này dùng cho việc khác nhưng chỉ trong một thời hạn rất ngắn. Ngược lại, ta phải hành động nỗ lực chiến tranh cho miền này ngay từ bây giờ.

Vì việc chiếm giữ các vùng đất « hữu ích » của miền Bắc và việc kiểm soát thực sự miền đồng bằng Bắc Việt sẽ là những mục tiêu chính yếu được dự trù hoàn tất vào mùa thu 1955.

Đối với miền Nam và Trung Việt ta sẽ liên tiếp mở các cuộc hành quân tảo thanh với quân số có sẵn tại mỗi miền để tiễu trừ các phần tử chính quy địch đang yểm trợ cho du kích hoạt động trong các vùng do ta kiểm soát. Sau đó, ta sẽ dần dần giao lại chủ quyền lãnh thổ cho chính phủ Việt Nam những miền đất này.

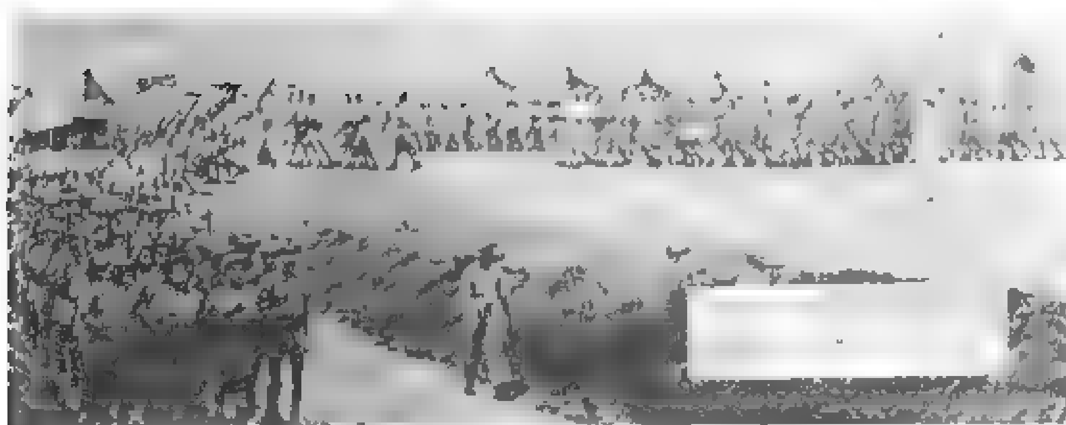
Nếu các tiểu đoàn « cơm măng đỏ » (10) đang được xúc tiến thành lập có thể đảm trách hiệu quả kể từ cuối năm 1953 thì việc bàn giao lãnh thổ sẽ được khởi sự ngay từ bây giờ, nhất là tại miền Nam. Nếu tới cuối năm 1954 đạt được sự tiến triển thích đáng, ta có thể thu hồi được một số quân cần thiết để mở hành quân chiếm vùng đất ở giữa miền Trung (Liên khu 5 Việt Minh).

Tại đây ta có thể lợi dụng các điều kiện thuận lợi về địa lý, nhân văn và tinh thần chống Cộng của giáo dân để dễ dàng đặt một đầu cầu, rồi từ đó ta tiến chiếm khu vực Nam, kế tới khu vực Bắc. Kế hoạch chiếm đóng Liên

(10) Các tiểu đoàn cơm măng đỏ là các tiểu đoàn khinh quân.



Một đơn vị khinh quân thành lập tại miền Nam.



khu 5 Việt Minh có thể hoàn tất vào cuối năm 1954, việc chiếm đóng này sẽ làm tiêu tan hết mọi đe dọa của địch như hiện nay đang nhắm vào miền Cao Nguyên.

Cũng trong trong năm 1954, ta thành lập một đợt khác các tiểu đoàn «cơm măng đô» dùng để bình định trọn vẹn những vùng vừa chiếm đóng, đồng thời chiếm miền Bắc

Tình hình chính trị và quân sự vào lúc đó sẽ khiến ta thích nghi hoạch định ra các phương thức hành động. Tuy nhiên, tôi dự trù vào đầu năm 1955 phải có một đạo quân chủ động gồm các đơn vị lưu động được huấn luyện và trang bị đầy đủ để sẵn sàng tung ra chiến trường vào mùa thu

Và trước khi tung đạo quân này vào trận cuối cùng, ta phải bít tất cả các cửa ngõ của địch trông ra biển để ngăn cản địch lấy người và thóc lúa tại miền Thanh – Nghệ – Tĩnh, có nghĩa là ta phải chiếm lấy miền này và tối thiểu phải chiếm được Thanh Hóa. Khả năng phát động các cuộc hành quân chiếm cứ này sẽ tùy thuộc ở đà tiến triển của ta trong lúc ấy và cũng tùy thuộc ở yếu tố sẵn sàng của binh đoàn lưu động kể trên. Việc thành lập các tiểu đoàn cơm măng đô đợt 3 tuy chỉ bằng nửa các đợt trước nhưng cũng rất cần thiết»

DƯỚI ĐÂY LÀ THỜI BIỂU HÀNH ĐỘNG :

Thời gian thi hành	Chương trình hành động
	1. THỜI KỲ HÀNH ĐỘNG SƠ KHỞI.
Tháng 4 và 5-1953	— Chuyển giao cho quân đội Việt Nam Phân khu Mỹ Tho (miền Nam) và tỉnh Phan Rí (Nam Trung Việt).
	— Đột kích thủy bộ vào miền duyên hải Trung Việt.
Tháng 1 đến tháng 10-1953	— Thành lập các tiểu đoàn com măng đô đợt 1 (40.000 người). — Bắc Việt : 19 tiểu đoàn. — Trung Việt : 14 tiểu đoàn. — Nam Việt : 21 tiểu đoàn
Tháng 7 và 8-1953	— Hành quân tiêu trừ chủ lực địch tại Bắc Trung Việt với sự tăng viện tạm thời của các đơn vị lấy tại Bắc Việt
Từ tháng 7 đến tháng 9-1953	— Chuyển giao cho quân đội Việt Nam các khu vực phía Nam sông Hậu Giang
Từ tháng 7 đến tháng 12-1953	— Hành quân vùng Long Mỹ (Nam Việt) sau đó chuyển giao cho quân đội Việt Nam nốt vùng này. Chuyển giao cho quân đội Việt Nam miền Nam Trung Việt và vùng Nam châu thổ Bắc Việt (Bùi Chu).
	2. THỜI KỲ MỞ RỘNG CÁC KHU VỰC BÌNH ĐỊNH.
Từ tháng 1 đến tháng 4-1954	— Thành lập các tiểu đoàn com măng đô đợt 2 (40.000 người) — Bắc Việt : 16.000 người. — Trung Việt : 18.000 » — Nam Việt : 6.000 »
Từ tháng 3 đến tháng 6-1954	— Hành quân chiếm Liên Khu 5 Việt Minh, sẽ sử dụng lối 20.000 quân lấy ở miền Nam và miền Trung.
Tháng 5 và 6-1954	— Chuyển giao một phần của khu vực Ket (Nam Việt) và phần chót của Nam Trung Việt cho quân đội Việt Nam.
Tháng 8 và 9-1954	—Hành quân chiếm giữ chắc chắn các khu vực Bắc thành phố Huế
Tháng 12-1954	— Hoàn tất việc bình định đồng bằng Bắc Việt.
	3. THỜI KỲ CHUẨN BỊ TỔNG TẤN CÔNG
Tháng 1-1955	— Thành lập các tiểu đoàn com măng đô đợt 3 (20 000 người) dành riêng cho Bắc Việt.
Tháng 3 đến tháng 5-1955	— Chuyển giao lãnh thổ miền Đông (Nam Việt) và chuyển giao vùng Quảng Trị, Đồng Hới cho quân đội Việt Nam.
Tháng 5 đến tháng 8-1955	— Chiếm đóng vùng Thanh — Nghệ — Tĩnh (không chắc lắm).
Tháng 6 đến tháng 9-1955	— Tập trung, tổ chức và huấn luyện binh đoàn chủ lực của ta tại miền Bắc.

Chương trình hành động này sẽ thay đổi tùy theo tình hình diễn biến của thời gian. Tuy nhiên, nhịp độ chung của các cuộc hành quân sẽ không mấy đổi khác để phù hợp với thời tiết.

Nhưng dù sao việc thực hiện kế hoạch cũng bị chi phối bởi hai điều quan trọng: trước hết là quân đội Việt Nam phải được bành trướng đúng theo thời biểu ấn định, các tiểu đoàn com măng đô phải được thành lập với đủ số quân 100.000 người vào mùa xuân 1955 — điều quan trọng kế tiếp là chính phủ Pháp phải duy trì đầy đủ số quân hiện hữu của đoàn quân viễn chinh tới mùa thu 1953. Nếu một trong hai điều này thiếu sót, kế hoạch không thể thực hiện theo đúng thời gian đã định được.

Như trên đã trình bày, chương trình hành động sẽ kéo dài trong 3 năm từ 1953 đến 1955 và gồm ba thời kỳ:

– Thời kỳ hành động sơ khởi, nhằm bình định 100% những khu đã kiểm soát làm đà cho việc mở rộng công cuộc bình định lan rộng ra khỏi các khu này.

– Thời kỳ mở rộng các khu vực bình định, nhằm chiếm đóng các khu vực ở Nam vĩ tuyến Đồng Hới và Liên khu 5 Việt Minh.

– Thời kỳ chuẩn bị tổng tấn công, nhằm tổ chức một binh đoàn chủ lực mạnh và hữu hiệu để đánh những đòn quyết định, mà mục tiêu trước nhất là vùng Thanh — Nghệ — Tĩnh.

Kế hoạch hành động «ba thời kỳ» chỉ sử dụng quân số miền Nam và miền Trung còn quân số miền Bắc vẫn giữ y nguyên tại chỗ để cầm chân các đại đơn vị Việt Minh và bình định châu thổ Bắc Việt».

Kể ra tính tới lúc phát động kế hoạch Salan, nghĩa là vào tháng 3-1953, quân Pháp tại Đông Dương chỉ còn 174.736 người (11) so với thời de Lattre có những 189.183 người, số quân Việt Nam tương đối tăng thêm nhưng người Pháp cho là chiến đấu kém.

Dù Salan từ giã Đông Dương vào tháng 5-1953 nhưng kế hoạch Salan vẫn được người kế nhiệm đem ra áp dụng và sự áp dụng đã khá sát với kế hoạch tiên khởi.

Chủ trương của Salan là tiến tới việc thành lập một binh đoàn chủ lực mạnh hơn đối phương. Nhưng công việc này so tới lúc chấm dứt chiến cuộc đã không thành tựu được như mong muốn. Tuy nhiên, kế hoạch của Salan về phương diện phát triển quân lực Việt Nam đã được thi hành sau này rất sát, như việc thành lập thêm 100.000 quân quốc gia, dù các tiểu đoàn khinh quân được đào tạo ra đã không đáp ứng được với nhu cầu của chiến trường vì còn non yếu.

Chính kế hoạch Salan đã mở đầu cho các việc bàn giao chủ quyền lãnh thổ giữa Pháp và Việt Nam, nhưng các việc bàn giao này cũng không mấy tốt đẹp, chỉ thực hiện được đôi phần rồi lại bỏ dở tới khi chấm dứt chiến cuộc mới bàn giao tiếp.

Về các mục tiêu hành quân, Salan trước sau cũng chẳng thực hiện được những gì đáng kể, ngoài một vài trận đánh quy mô tại đồng bằng Bắc Việt và một trận lớn tại liên ranh Trị—Thiên. Các trận đánh này chỉ có tính cách đánh loại trừ các phần tử chính quy địch ra khỏi đồng bằng nhất là đồng bằng Bắc Việt hầu như đã bị bỏ trống, nhân vụ Pháp tung quân lên Hòa Bình.

Nhưng một điều phải nhận rằng trước khi hoạch thảo kế hoạch đại quy mô để tấn công đối phương, thì chính ngay Salan đã mất sáng kiến chủ động qua trận tấn công thắng lợi của Việt Minh vào miền Thái.

9. CHIẾN THUẬT CỦA SALAN

Trong thời gian tại Đông Dương, Salan có hai quyết định đối phó với hai vấn đề quan trọng, đó là việc rút bỏ Hòa Bình và việc chống lại Việt Minh đánh vào miền Thái.

Salan đã quyết định cho quân rút khỏi Hòa Bình ngày 22, đến 25-2-1952 hoàn tất vô sự. Việc rút lui vô sự cũng là một thành công chiến thuật của Salan. Salan viện cớ với chiến trường rừng núi Pháp đã thụ động, các hoạt động không quân không hữu hiệu và Pháp không đủ khả năng yểm trợ cũng như tiếp vận cho các đoàn quân rời xa căn cứ. Salan còn viện cớ là đưa đoàn quân ra xa khỏi đồng bằng để hoạt động trên chiến trường rừng núi không thuận lợi, vì Việt Minh lợi dụng mặt trận Hòa Bình để làm ung thối đồng bằng. Nếu còn de Lattre và với thái độ khác biệt của ông này không hiểu cục diện chiến trường Hòa Bình sẽ ra sao? Đây có phải là một hành động khôn ngoan hay không? Vì bỏ Hòa Bình, Salan đã làm cho các mục tiêu của de Lattre không thể thực hiện được, và giúp Việt Minh kiểm soát được hành lang Thanh Nghệ — Việt Bắc. Nhân đà này,

(11) Trong số 174.736 người có 54.790 người Pháp — Xem bảng so sánh lực lượng tham chiến ở chương 1.

Việt Minh tạo thế chủ động trên khắp chiến trường rừng núi, quyết định việc mở chiến trường miền Thái sau này.

Cuộc tấn công của hầu hết các đơn vị chủ lực Việt Minh vào miền Thái diễn ra bất thình lình vào giữa tháng 10-1952, khiến ngay từ phút đầu tất cả các hệ thống phòng thủ của Pháp hầu như sụp đổ. Salan đã không có những biện pháp hiệu quả để ngăn cuộc tấn công này. Để cứu vãn tình thế, ông đã có hai quyết định chiến thuật:

— Thứ nhất là không ồ ạt tiếp quân vào chính mặt trận, chỉ từ từ chuyển dần quân đến tăng cường, thiết lập hệ thống pháo lũy Nasan để chặn sức tiến của Việt Minh vào Lai Châu và Lào. Chiến lũy này khá hữu hiệu đã gây cho Việt Minh nhiều tổn thất nặng nề khi định tấn công định vượt qua.

— Quyết định thứ hai là mở một cuộc hành quân đại quy mô vào một mặt trận khác đánh thọc sâu vào lòng Việt Bắc. Salan hy vọng là địch sẽ rút quân về bảo vệ hậu phương của họ. Nhưng trái với dự đoán, Việt Minh không chịu lui đại quân, họ chỉ lui một phần nhỏ về chống giữ vì rừng núi là chiến trường của họ. Salan lại vấp phải một thất bại tương tự như hành quân Lea mà ông đã chỉ huy trước kia (năm 1947). Quân Pháp cũng đi vào một chiến trường « rỗng». Vì trang bị cồng kềnh, vấn đề tiếp vận phiền phức, càng đi sâu, quân Pháp không quen càng mệt mỏi, lại phải chiến đấu với một đối phương vô hình, Salan không làm thay đổi được mục tiêu chiếm miền Thái của Việt Minh.

3. NHẬN XÉT VỀ SALAN.

Đường lối hành động của Salan chỉ là một sự tiếp tục chính sách của de Lattre.

Đường lối này đã được thể hiện trong các mục tiêu và kế hoạch hành động của ông nghĩa là tìm cách giữ vững châu thổ và những miền đất hữu ích của miền Bắc, bình định trọn vẹn miền Nam và miền Trung, sau đó dồn nỗ lực ra chiếm miền Bắc.

Để thực thi kế hoạch này, Salan đã dự trù một trung hạn là ba năm với sự hành động hữu hiệu của cả binh đoàn viễn chinh được duy trì đầy đủ tới cuối năm 1953 và với sự thành lập thêm 100.000 quân cho quân đội Việt Nam. Với kế hoạch này Pháp đã được người Mỹ bằng lòng viện trợ các đồ trang bị để tiến tới việc thành lập một binh đoàn chủ lực khả dĩ chiến thắng được chủ lực quân Việt Minh.

Sau này, tướng Navarre cũng không thay đổi mấy kế hoạch này, nhưng vì Navarre có trách nhiệm trước trận Điện Biên Phủ và là tác giả cuốn « L'agonie de l'Indochine » nên được dư luận chú ý tới.

Tóm lại kế hoạch Salan chỉ là một sản phẩm của một đường lối chiến tranh tích cực và được sự giúp đỡ của Mỹ. Bởi vậy, việc thi hành kế hoạch của Salan đã được theo sát tới lúc chấm dứt chiến tranh.

K. MAURICE DEJEAN (7.1953-6.1954)

— Navarre (5-1953 — 7-1953)
— Dejean — Navarre (7-1953 — 6-1954)

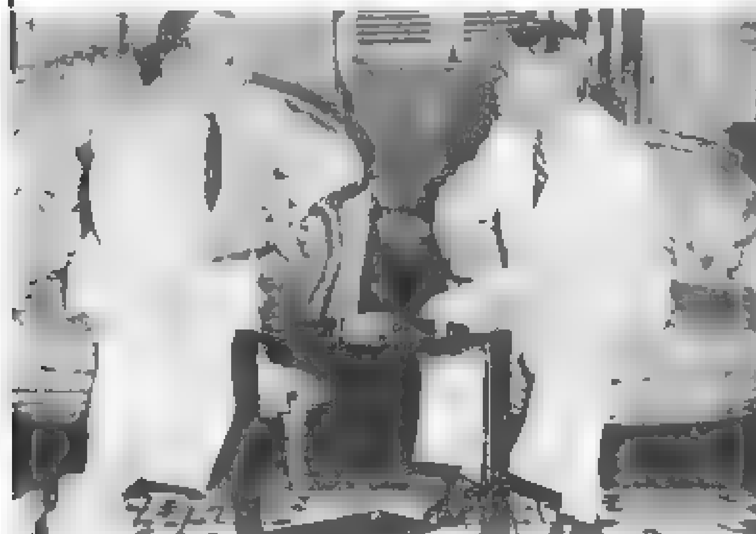
TÂN cao ủy Maurice Dejean tới Đông Dương tháng 7-1953. Chức vụ chính trị của ông rất quan trọng nhưng vì tình hình quân sự mỗi lúc một thêm khẩn trương nên tướng tổng tư lệnh Pháp đã đóng vai trò quyết định.

Tướng Henri Navarre thay thế tướng Salan nhận chức tổng tư lệnh ngày 28-5-1953 nghĩa là tới trước cao ủy Dejean những hai tháng. Tướng Salan lúc đó được trở về Pháp vì đã quá nhiệm kỳ. Và lại, thủ tướng Pháp René Mayer cũng muốn thay đổi người lãnh đạo quân sự để tìm một giải pháp hữu hiệu hơn vì tình hình quân sự tại Đông Dương không mấy tốt đẹp.

Thủ tướng Pháp đã chọn Navarre vì hai người đã quen biết và có cảm tình với nhau trước. Thủ tướng Mayer biết tướng Navarre khi ông này làm tổng thư ký cho Bộ tư lệnh Pháp, hành quân trên đất Đức trong lúc chính ông làm cao ủy Pháp trên phần đất chiếm đóng này.

Trước khi nhận trọng trách tại Đông Dương, tướng Navarre là tham mưu trưởng cho thống chế Juin tại Bộ tư lệnh các lực lượng Bắc Đại Tây Dương đóng tại Đức. Tuy ông không am tường vấn đề Đông Dương nhưng vẫn được thủ tướng chọn lựa và còn giao cho trách nhiệm tìm một đường lối chiến tranh mới để sớm giải quyết chiến cuộc.

Khi mới sang, Navarre có ý nhờ hậu thuẫn của thủ tướng Mayer xin chính phủ Pháp nới rộng quyền hành cho mình như đối với tướng de Lattre trước kia, nhưng ông đã đề nghị dưới một hình thức rất tế nhị. Đó



Maurice Dejean và thủ tướng Nguyễn văn Tâm



Navarre.

là giảm bớt quyền hành của cao ủy Đông Dương hay bãi bỏ hẳn chức này.

— Giảm bớt quyền hành bằng cách chỉ dành cho cao ủy giữ vai trò ngoại giao, quyền hành chính trị sẽ giao cho tướng tổng tư lệnh vì vai trò chính trị nằm trong sách lược chiến tranh của tướng cầm quân.

— Bãi bỏ hẳn chức này và giao thẩm quyền điều khiển cho bộ trưởng các quốc gia liên kết vì đây [illegible] cao ủy có tính cách trung gian này sẽ thất lợi về phương diện tâm lý với dân bản xứ.

Navarre có vẻ [illegible] sự chấp thuận của thủ tướng René Mayer nhưng nội các của ông này đổ. Thủ tướng kế nhiệm là ông Joseph Laniel không chấp thuận đề nghị của ông đã đề cử ông Dejean sang làm cao ủy Đông Dương.

I. NHẬN ĐỊNH VÀ PHÂN TÍCH CỦA NAVARRE VỀ TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG (12)

Ông Henri Navarre đã có những nhận định về tình hình Đông Dương để một phần nào biện minh cho các thất bại của ông tại Đông Dương. Khách quan mà nói, những nhận định này [illegible], vì để trút gánh nặng cho mình, Navarre đã chứng minh những sai lầm của chính sách Pháp và nêu lên hình ảnh [illegible] cuộc chiến tranh Việt – Pháp mà Pháp đã bị sa lầy và thất bại. Những nhận định này sẽ giúp một vài ý niệm và một cái nhìn chung về cuộc chiến và cho thấy những lý do khiến Navarre xây dựng quan niệm hành động tại Việt Nam. Navarre viết:

« Với bảy năm chiến tranh ròng rã, ở đây tôi chỉ phác họa một vài nét chính của cuộc biến cố này mà thôi.

Giai đoạn đầu có thể nói là trong các năm 1947, 1948 và 1949. Trong giai đoạn này, Việt Minh không lấy gì làm mạnh lắm, ta có thể chiến thắng được đối phương nếu ta có một đường lối chính trị rõ rệt, có một sự thống nhất chỉ huy và một số quân khá đầy đủ.

Đằng này ta không thực hiện được như vậy nên sự tái chiếm Đông Dương đã trở nên khó khăn. Tuy rằng đầu ta cũng chiếm được châu thổ Bắc Việt nhưng ta không loại bỏ được các hoạt động du kích của địch; còn tại miền Trung và Thượng Du, ta chỉ chiếm được

(11) Xem L'agonie de l'Indochine của chính Navarre là tác giả

các cửa ngõ chiến lược là Mong Cáy, Lạng Sơn, Cao Bằng và Lao Kay nhưng ta đã bất lực khiến Việt Minh thiết lập được các căn cứ rất mạnh tại miền này.

Cũng trong thời gian này, ta tìm cách giải quyết vấn đề Đông Dương bằng một giải pháp chính trị. Nước Pháp lại rối ren chia làm hai phái : phe Cộng sản đòi giải quyết với Việt Minh — phe hữu khuynh đòi hợp tác với cựu hoàng Bảo Đại. Để rồi mất nhiều thời gian, mãi tới tháng 4-1949 ta mới dứt khoát với giải pháp Bảo Đại mà ông này đòi hỏi những điều kiện cũng không kém

Như vậy mất tới những ba năm ta không đi tới một kết quả cụ thể nào, không đi tới một đường lối chính trị và quân sự minh bạch nào, và ta đã để lỡ cơ hội »

« Một giai đoạn chiến tranh khác là sự chiến thắng của quân Tàu Cộng vào cuối năm 1949, là dịp để đỡ tiếp tế quân nhu của Cộng sản xâm nhập làm đổi bộ mặt chiến tranh tại đây

Một quyết định rút lui khỏi biên thùy khiến ta thất bại ở Cao Bằng. Vấn đề rút lui này, không rõ trên phương diện chiến lược hành quân có đúng không, nhưng trên trách nhiệm chỉ đạo chiến tranh của quốc gia đó là điều sơ sót, vì nước Pháp vẫn có đủ sức để tăng viện nếu những người lãnh đạo có thiện chí đòi hỏi nước Pháp phải cố gắng. Vì mở rộng các cửa ngõ biên thùy, ta đã tạo cho kẻ địch có dịp nối liền các hệ thống giao liên của họ với Tàu để tiện tiếp tế hầu bành trướng quân lực

Về phía ta, trong khi đó, vì cần mở rộng các khu vực chiếm đóng tại đồng bằng Bắc Việt, ta đã phải mang nhiều đơn vị đi đóng đồn và làm cho các lực lượng lưu động bị suy giảm không ngừng.

Cũng trong thời gian này, bộ đội Việt Minh tăng thêm quân số vừa mạnh vừa lưu động. Ngược lại, chính phủ Pháp đối với tình hình khẩn trương này lại không tăng thêm viện binh cho toàn quân tại Đông Dương mà hoàn toàn thụ động.

Vì vậy mà tinh thần của Việt Minh càng phấn khởi do chiến thắng, còn quân đội ta bị giao động vì mặc cảm thua trận ».

« Qua vụ thảm bại Cao Bằng, tướng de Lattre được cử sang Đông Dương vào cuối năm 1950 để nắm cả hai quyền hành quân sự và chính trị.

Tình hình chính trị lúc đó khá sáng sủa vì vào tháng 6 năm 1951 thỏa ước Pau được ký kết để chính thức danh nền độc lập cho ba xứ Việt — Miên — Lào trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp.

Còn tình hình quân sự không được tốt đẹp. Các miền Trung và Thượng du đều phải rút hết quân, chỉ riêng xứ Thái (13) còn ở trong tay ta. Tất cả lực lượng trú đóng đều rút về đồng bằng Bắc Việt và đa số đã phải đóng đồn bót. Quân trừ bị của ta chỉ có khoảng 12 tiểu đoàn trong đó có 6 tiểu đoàn được tổ chức thành hai liên đoàn lưu động. Châu thổ Bắc Việt được coi như bỏ ngỏ trước sự xâm nhập của đối phương vì không có một hệ thống phòng thủ nào che chở

Ngược lại, về phía Việt Minh một binh đoàn chủ lực xuất hiện với 2 đại đoàn (14) đã tham chiến và 2 đại đoàn (15) khác đang thành lập, đó là chưa kể trên khắp lãnh thổ Đông Dương đều có những lực lượng địa phương địch xuất hiện với các cấp đại đội, tiểu đoàn và cả trung đoàn nữa.

Tướng de Lattre sang Đông Dương đã lấy lại được niềm tin. Ông rời bỏ Saigon, đặt bộ chỉ huy tại Hà Nội và lấy đồng bằng Bắc Việt làm trọng điểm chiến tranh. Thực vậy, nỗ lực chính của Việt Minh cũng tại đây. Trong cấp thời, quan niệm này là hiển nhiên nhưng sự chú trọng quá đáng tới đồng bằng Bắc Việt có lẽ chỉ là tạm thời đối với tướng de Lattre, do đó đã trở nên tai hại vì việc thường xuyên chú trọng này đã làm mất tính chất chung cho chiến cuộc và sẽ gây ra những hậu quả không tốt do sự sai lầm về chiến lược

Tướng de Lattre đã đánh thắng được hai cuộc tấn công của Việt Minh, một ở gần Hà Nội và một ở gần Hải Phòng. Sự chiến thắng này là nhờ ông đã tập trung được các lực lượng chiến đấu ở khắp miền lãnh thổ và đã thành lập được 4 liên đoàn lưu động (16) để cân bằng với quân lực của Việt Minh ở ngoài Bắc.

Tướng de Lattre đã quyết định bảo vệ châu thổ Bắc Việt bằng một vòng đai phòng thủ. Quyết định này đã đáp ứng theo sự suy

(13) Người Pháp gọi là xứ Thái (pays des Thaïs).

(14) Đại đoàn là sư đoàn. Chúng tôi sẽ gọi là sư đoàn cho dễ hiểu.

(15) Chính ra Việt Minh đã có tới 5 đại đoàn bộ binh và 1 đại đoàn pháo vào năm 1951

(16) Dưới thời de Lattre có cả thảy 7 liên đoàn lưu động.

nghĩ của ông trên hai mục đích thứ nhất là để chống binh đoàn chủ lực Việt Minh và quân Tàu xâm lược — thứ hai là để cấm đoán mọi sự giao dịch và tiếp tế của đối phương Nhưng khốn thay công trình này đã không đáp ứng các mục đích kể trên. Sự xây dựng này đã giống như một thứ chiến lũy Maginot thu hẹp, đã phải tiêu tốn rất nhiều tiền mà không gặt hái được kết quả mong muốn. Vì phòng tuyến de Lattre đã chẳng bao giờ gặp trường hợp chống lại một cuộc tấn công quy mô, và cũng đã tỏ ra bất lực trong việc ngăn chặn các vụ xâm nhập của Việt Minh. Thế mà sự chiếm đóng của quân đội trên phòng tuyến này đã choán mất một tổng số đơn vị khoảng 20 tiểu đoàn và làm cho ta phải luôn luôn thiếu quân trừ bị

Tuy nhiên, tướng de Lattre tưởng rằng địch đã bị cô lập trong đồng bằng nên ông đã mở những cuộc hành quân tảo thanh để tiễu trừ. Những cuộc hành quân này đã diễn ra trong Xuân Hạ năm 1951, kết quả không khả quan nhưng cũng làm cho tình hình châu thổ Bắc Việt thêm sáng sủa.

Tướng de Lattre còn định phát triển quân lực cho đoàn viễn chinh thêm nhiều đơn vị mới, nhưng điều này đã bị hạn chế vì không có ngân khoản và nhân số người Pháp. Do đó, đã chuyển sang dùng tài nguyên bản xứ để phát triển quân lực. Việc bản xứ hóa (17) các đơn vị càng nhanh càng làm giảm sút phẩm chất chiến đấu của đoàn quân viễn chinh vậy.

Tướng de Lattre còn nỗ lực phát triển quân lực các quốc gia liên kết, nhất là quân đội quốc gia Việt Nam. Việc phát triển này đã có từ trước, khi sang ông đã đẩy mạnh hơn.

Sau khi vãn hồi được tình thế, tướng tổng tư lệnh de Lattre đã phản công vào mùa thu năm 1951 với ý định tham lam là tiêu diệt binh đoàn chủ lực địch. Tìm đánh địch mà đặc tính chính là sự mềm dẻo sẽ rất khó, nên tướng de Lattre đã quyết định chọn lựa một chiến trường quan trọng, bắt buộc Việt Minh phải tham chiến. Chiến trường được chọn này là Hòa Bình.

Chiến trường này đã chấp nhận một cuộc chiến kéo dài trên 4 tháng, và chẳng may giữa lúc này tướng de Lattre bị bệnh mất, khiến ta phải cho rút quân về đồng bằng vào tháng 2-1952. Tổng kết chiến trường, địch chết rất nhiều và ta cũng bị hại không ít, trên phương diện chiến lược, ta không thu hoạch một kết quả cụ thể nào, nhưng có thể đây cũng là một điều lợi ích tránh địch mở một cuộc tấn công mới vào Hà Nội.

Nhưng cũng khốn thay chính vì chiến trường Hòa Bình mà các đơn vị chủ lực của ta phải xa đồng bằng, khiến địch đã lợi dụng được cơ hội, để làm ung thối.

Tóm lại, thống chế de Lattre đã làm sống lại mọi thứ nhưng sự làm sống lại này chỉ có thể bền bỉ trong mọi lãnh vực nếu ông còn sống. Nhưng ta đã không ở vào một trường hợp như thế!

«Một giai đoạn chiến tranh mới khác đã xảy ra sau cái chết của tướng de Lattre. Đây là giai đoạn thoái hóa.

Các quyền hành chính trị và quân sự không còn thống nhất trong tay một tướng lãnh. Trong châu thổ Bắc Việt, tình hình rất khó khăn, quân đội của ta phải chống một quân đội vô hình, linh hoạt và phân tán. Quân đội của địch ngày càng được trang bị tối tân, phẩm lượng lại gia tăng. Còn các đơn vị lưu động của ta mỗi ngày mỗi thu hẹp. Các đơn vị đồn trú bị khóa kín trong các đồn bót để chống lại những quân du kích địch trang bị thô sơ, còn nếu quân chính quy địch đánh có bazooka và súng không giật thì ít khi đồn được giữ vững. Tinh thần binh sĩ ta thụ động ít dám hoạt động xa đồn, nên đã để cho địch những vùng tự do rộng rãi, nhất là đêm đến, địch đã làm chủ hoàn toàn. Tuy rằng, ta đã thường xuyên mở các cuộc hành quân tảo thanh nhưng đó không phải là phương thuốc hữu hiệu để cứu chữa.

Trong những miền lãnh thổ khác, tình trạng không hiểm nguy nhưng cũng giống như trên, vì tại khắp nơi Việt Minh bám rễ làm vết dầu loang. Riêng tại Nam Việt và khu vực thuộc Trung Việt, tình hình an ninh tương đối tiến triển

Trong lúc đó, binh đoàn chủ lực Việt Minh tăng lên 6 sư đoàn nhưng từ sau trận đánh Hòa Bình, binh đoàn này án binh bất động. Bộ tư lệnh Pháp cho rằng Việt Minh vẫn muốn đánh vào đồng bằng nhưng trái lại họ đã đánh xứ Thái mùa thu 1952. Trận đánh này xảy ra bất chợt trong thượng tuần tháng 10, đặt trọng điểm vào đồn Nghĩa Lộ. Bên ta không khám phá kịp thời nên Việt Minh đã mặc sức hành động Họ đã cắt đôi quân ta làm hai khúc, dồn ta một phần lên Lai Châu và một phần khác dồn cố thủ trong thung

(17) Danh từ quen thuộc được dùng hiện nay là « Việt hóa ».

lũng Nasan. Các đơn vị ta trên chiến trường này vì quá mệt mỏi nên đã phải lập phòng tuyến kháng cự dựa quanh những sân bay hầu để tiện nhận tiếp tế và quân tiếp viện. Do đó, một phòng lũy hầm hố đã được cấp tốc tạo lập tại đây.

Bên ta đã mở một cuộc hành quân vào hậu phương của Việt Minh để giải tỏa áp lực cho mặt trận xứ Thái. Cuộc hành quân này phát xuất từ đồng bằng đánh vào các nút giao liên tại Yên Bái. Cuộc hành quân này chỉ phá được một vài kho tàng, không gây nên được một chút ảnh hưởng nào đối với diễn tiến chung của mặt trận xứ Thái. Do đó, quân đội ta đã phải rút lui với nhiều nỗi khó khăn khi chưa đạt tới mục tiêu chính

Vào cuối tháng 11 dương lịch, địch quân bỏ hướng Lai Châu tập trung đánh cứ điểm Nasan, nhưng địch đã bị tổn thất trầm trọng phải bỏ ý định chiếm căn cứ này. Mặt trận này vì vậy được yên tĩnh trong vòng 3 tháng.

Tới cuối tháng 3 dương lịch, binh đoàn chủ lực Việt Minh trực chỉ Thượng Lào. Quân đội họ chiếm Sầm Nưa. Quân đồn trú của ta không kịp chạy bị bắt gần hết. Bộ đội Việt Minh không trù liệu được đầy đủ đồ tiếp tế và vì sắp đến mùa mưa nên khi đã đầy cuộc tấn công đến tận mức, đã rút quân về. Họ rút về vào cuối tháng 4-1952 khi đã tới sát kinh đô Luang Prabang và cánh đồng Chum trước những phòng tuyến hầm hố của các đơn vị ta vừa được vội vàng tổ chức. Họ chưa tới bờ sông Mekong nhưng đã đến gần và đặt được những căn cứ xuất phát có lợi về phương diện chiến lược đối với chiến dịch sắp tới. Sự kiện này đã chứng tỏ rằng đồng bằng Bắc Việt không còn là chìa khóa của vùng Đông Nam Á bởi vì địch vẫn có thể vòng qua được dễ dàng

Vượt khỏi phạm vi Việt Nam, cuộc chiến đã thuộc vào lãnh vực của chiến tranh Đông Dương. Tuy nhiên sự biến chuyển này đã làm ta ngạc nhiên vô cùng.

Từ trước tháng 10-1952, không bao giờ ta ngờ rằng Việt Minh có thể mở được những trận đánh lớn như vậy, trừ những trận đánh vào đồng bằng Bắc Việt. Do đó, đã không có một sự chuẩn bị để đối phó ở bất cứ lãnh vực nào (tiếp vận, đường sá, sân bay v.v...) và cũng không có một biện pháp phòng hờ nào ngoài sự dự tính thanh toán địch ở những vùng nằm dài từ Đà Nẵng tới mũi Varella.

Sự biến thể của chiến cuộc đã có những phản ứng trên bình diện quốc tế, như việc Thái Lan đã kêu cứu trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc.

Về phương diện tổ chức quân lực, trải qua một thời kỳ ngưng trệ tới một thời kỳ hoạt động của thống chế de Lattre, quân đoàn viễn chinh và số đơn vị nay lại giảm sút. Quân đội của các quốc gia liên kết gia tăng nhưng vẫn trong những tỷ lệ thấp. Nếu tổng số chung của các lực lượng tham chiến gia tăng kể từ sau thời de Lattre thì sự gia tăng này lại bị giảm về phẩm do sự thiếu cán bộ trong các đơn vị

Một vấn đề rất trầm trọng khác, đó là khối lượng của binh đoàn lưu động không thay đổi, đến nỗi binh đoàn của ta so với địch còn kém. Không những vậy, địch mỗi ngày một thêm tiến bộ.

Còn về viện trợ, người Mỹ đã giúp ta tiền và chiến cụ để cải tiến đoàn quân viễn chinh và thành lập quân đội các quốc gia liên kết.

Nhưng chiến cụ Mỹ đã làm cho quân đội ta thêm cồng kềnh. Vì nhận không phải trả tiền các chiến cụ được chế tạo dùng cho hình thái một cuộc chiến tranh cổ điển đã không hợp với một chiến tranh có bản chất linh động và mềm dẻo.

Viện trợ Mỹ tai hại hơn ở trong địa hạt chính trị. Ảnh hưởng viện trợ sẽ xâm nhập vào các hoạt động nội bộ ta. Nhận viện trợ là ta đã để gần như mất Đông Dương, dù ta thắng trận đi nữa. Đây sẽ là một thảm họa cho nền chính trị của ta ».

Qua sự nhận định tình hình trên, ta thấy Navarre đã chuẩn bị những luận điệu biện minh cho đường lối hành động của ông sau này. Như ta thấy Navarre khéo léo chê de Lattre ở điểm đã đặt nỗ lực chiến tranh vào đồng bằng Bắc Việt mà không chú trọng đến những nơi khác cũng như ông cho rằng bộ đội Việt Minh có thể đánh vào miền Nam vòng qua ngả Lào chứ không phải cứ cố thủ được đồng bằng Bắc Việt là ngăn chặn được họ đánh vào miền Nam

Lý luận của Navarre hợp lý hay không? Thực tế đã cho biết trong quan niệm cố thủ miền Bắc, bình định miền Nam ông đã bị thua ở trận Atlante và cũng bị thua luôn tại Điện Biên Phủ khi ông lập ra cứ điểm này để bảo vệ Thượng Lào và ngăn chặn chủ lực quân địch không dám bỏ Việt Bắc để xâm nhập đồng bằng Bắc Việt.

Trước khi đưa ra kế hoạch hành động.

tướng Navarre còn phân tách nhiều lãnh vực khác của cuộc chiến. Riêng đối với tình hình quân sự trong lúc ấy, ông đã đưa những nhận xét và so sánh được tom tắt như sau đây

« Đây là một hình thái chiến tranh khác biệt với bất cứ cuộc chiến tranh nào khác, là mối cuộc chiến tranh không mặt trận, khác với chiến tranh cổ điển và là một cuộc chiến tranh được phối hợp dưới hai hình thức hình thức du kích chiến với sự hậu thuẫn của quần chúng và hình thức vận động chiến với sự mạnh mẽ của những đoàn quân chính quy.

Chiến cuộc Đông Dương được phân chia làm hai chiến trường chiến trường miền núi của cả ba quốc gia Việt—Miên—Lào đều thưa thớt dân cư, trùng điệp núi rừng và thiếu kém giao thông. Quân địch tại đây chỉ thường đánh lén các cứ điểm quân sự và phục kích đơn vị ta bằng những toán quân nhỏ võ trang thô sơ. Dân chúng còn thiếu ý thức quốc gia, phần đông không thích Việt Minh và sẽ theo ta nếu ta bảo đảm được an ninh cho họ. Do đó, trong những miền này, ta chỉ cần bình định an dân, không cần phải mở những cuộc hành quân to lớn. Các biện pháp cần ta nặng về chính trị hơn là quân sự

Ngược lại, chiến trường đồng bằng lại sôi động. Chiến trường này gồm các miền đồng bằng thuộc hạ lưu sông Hồng Hà, sông Cửu Long và các đồng bằng tại Trung Việt. Các đồng bằng thường là ruộng tốt. Dân cư đông đúc và nghèo đói Họ đã chấp nhận một cách tích cực lý thuyết cộng sản. Đây là chiến trường đầu mối cho sự tranh chấp giữa ta và địch. Địch muốn làm chủ để giành lấy tài nguyên người và lương thực vì chỉ ở các miền đồng bằng mới có để cung cấp. Ta cần làm chủ để bảo đảm sự an toàn cho các căn cứ chiến lược và giữ các miền đất thiết yếu cho chính quyền quốc gia

Đối với chiến trường đồng bằng, ta mở những cuộc hành quân theo lối cổ điển với mọi ưu thế về phương tiện. Để chống lại. địch chỉ đánh dưới hình thức du kích. Bộ đội họ tránh né để bảo toàn. Ta cứ tưởng sẽ tiêu diệt được, những cuộc hành quân của ta đã thất bại

Tuy nhiên để tranh thủ lấy các miền đồng bằng, ta cần phải đổ thêm quân, trong khi đó chiến trường miền núi không có bao nhiêu. Các phương tiện được dồn cho chiến trường đồng bằng còn chiến trường miền núi rất ít Ngoài ra, quân ta chỉ được tổ chức trang bị cho lối đánh đồng bằng không quen với lối đánh rừng núi, còn bộ đội Việt Minh quen lối đánh ở cả đồng bằng lẫn rừng núi.

Trong bảy năm chiến tranh, chính phủ ta không có đường lối chiến tranh duy nhất, do đó các kế hoạch quân sự của các tổng tư lệnh Đông Dương không liên tục. Còn Việt Minh có đường lối chiến tranh rõ rệt và trường kỳ.

Nói tóm lại, trong bảy năm chiến tranh nếu đem so sánh giữa ta và địch, thì địch có nhiều thuận lợi hơn ta

Sự phân tán và sự thụ động của lực lượng ta đã làm cho bộ tư lệnh chỉ còn những khả năng rất hạn chế để hoạt động. Ta không có một binh đoàn chủ lực khả dĩ đối phó được với các binh đoàn chủ lực của Việt Minh. Các lực lượng tổng trừ bị của ta không được điều hợp và hạn chế ở mức là mọi cuộc hành quân chiến lược có tính cách quy mô, đều không thể thực hiện được ».

2 QUAN NIỆM TỔNG QUÁT CỦA NAVARRE TRONG CÁC KẾ HOẠCH CHÍNH TRỊ.

Tướng Navarre đã đệ trình chính phủ Pháp một kế hoạch hành động gồm cả hai phần chính trị và quân sự.

Về chính trị, ông nhằm khuyến cáo chính phủ Pháp phải vạch ra một đường lối chiến tranh thực rõ rệt đối với vấn đề Đông Dương. Trong vấn đề này chính phủ Pháp phải xác định các mục đích chiến tranh, ấn định đường lối rõ rệt, rồi trong khung cảnh được ấn định này mới để tướng tổng tư lệnh soạn thảo các kế hoạch quân sự. Theo tướng Navarre, chính phủ Pháp phải có một thái độ dứt khoát với nền độc lập của các quốc gia liên kết để những nước này sẽ tích cực tham gia vào cuộc chiến. Dưới mắt Navarre, cuộc chiến tranh này hết sức phức tạp. Trước nhất là vấn đề giữa Pháp và Mỹ. Người Mỹ muốn Pháp chiến đấu để ngăn chặn Cộng sản quốc tế. Người Pháp chiến đấu với ít nhiều quyền lợi riêng tư. Còn người Việt, Miên, Lào chiến đấu để loại trừ kẻ nội thù là Việt Minh nhưng cũng chiến đấu để giành nền độc lập cho xứ sở của họ. Các mục đích chiến tranh của mỗi quốc gia đã khác biệt lại phức tạp, như vậy chính phủ Pháp phải làm sao minh thị rõ ràng thì mới thúc đẩy được động lực tinh thần của bộ máy chiến tranh.

Về quân sự, tướng Navarre đã chia các kế hoạch của ông làm hai phần rõ rệt. Đó là phần kế hoạch tổ chức và kế hoạch hành quân.

Các kế hoạch tổ chức gồm có những kế hoạch riêng biệt như sau

— Kế hoạch xin tăng cường quân lực từ chính quốc (Plan de renforcement par la Métropole).

— Kế hoạch phát triển quân lực các quốc gia liên kết (Plan de développement des armées nationales des états associés).

— Kế hoạch sắp xếp quân số hay còn gọi là kế hoạch cải thiện việc sử dụng quân số. (Plan d'aménagement des effectifs)

— Kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đồng đơn hay còn gọi là kế hoạch rút các đơn vị cố định thiện chiến ra khỏi đồn bót (Plan de désimplantation des unités à mission statique).

Tất cả các kế hoạch tổ chức này nhằm tiến tới việc xây dựng kế hoạch tạo lập một binh đoàn chủ lực lưu động (corps de bataille) mạnh mẽ để chiến thắng kẻ địch

Kế đó là các kế hoạch hành quân, các kế hoạch này bao gồm cả phạm vi chiến lược và chiến thuật

Về chiến lược, Navarre tạm chia chiến trường Đông Dương thành hai khu vực Nam và Bắc với chủ trương tạm thời phòng thủ miền Bắc, bình định miền Nam.

Về chiến thuật, ông tổ chức các trận đánh với các đơn vị lưu động được tạo ra và sẽ đánh ở bất cứ nơi nào địch tập trung.

Đại để, các kế hoạch của Navarre sẽ được đề cập rất chi tiết trong những phần tới đã không khác gì với các kế hoạch của tướng Salan đã vạch ra. Nhưng chỉ khác ở điểm là Navarre đã hệ thống hóa rõ ràng và mạch lạc hơn.

3. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC QUÂN SỰ CỦA NAVARRE

a. Kế hoạch xin tăng cường quân lực từ chính quốc.

Việc xin tăng viện của Navarre đã không được thỏa mãn như mong muốn và chỉ được thực hiện một phần. Lần đầu tiên, Navarre xin chính phủ Pháp gửi cho ông 2 sư đoàn lấy trong thành phần các lực lượng thuộc khối phòng thủ Bắc Đại Tây Dương. Đề nghị này không được chấp thuận. Navarre xin tăng viện ít hơn, hội đồng các tham mưu trưởng cũng không chấp thuận.

Mãi về sau này, Navarre qua nhiều lần thúc giục đã được chính phủ Pháp tăng viện nhỏ giọt nên mới thực hiện được một số đơn vị và bổ sung được một số nhân viên. Dưới đây là chương trình tăng viện cho ba quân chủng hải lục không quân dưới thời Navarre

△ *Lục quân*

Lần đầu tiên Navarre xin tăng viện hai sư đoàn không được chấp thuận. Lần sau, xin:

— Thành lập 12 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh nhảy dù và một tiểu đoàn công binh để tăng cường cho binh đoàn chủ lực.

— Bổ sung 750 sĩ quan, 2.500 hạ sĩ quan, 2.600 binh sĩ Bắc Phi và 800 binh sĩ Phi châu để bổ sung cán bộ và bù đắp quân số cho các đơn vị.

Navarre được thỏa mãn 8 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh và 1 tiểu đoàn công binh, nhưng tất cả đơn vị này đều không đầy đủ quân số

Về phần bổ sung nhân viên, chính phủ Pháp cũng không đáp ứng được nhu cầu trên. Do đó các tiểu đoàn Pháp đã thiếu từ 50 tới 60% cán bộ chỉ huy. Các đơn vị được thỏa mãn thuộc loại đơn vị tân lập, còn quân số bổ sung thuộc loại bù đắp (18) của năm 1954.

Mãi đến khi trận Điện Biên Phủ vào thời kỳ khốc liệt chính phủ Pháp mới tăng viện thêm cho Đông Dương

— Một lần tăng viện hai trung đoàn chuyển từ Tây Đức sang.

— Lần kế tiếp, chuyển tiểu đoàn « Corée » sang, nhưng khi tới nơi tiểu đoàn này được bổ sung quân số tại chỗ để tách ra làm hai tiểu đoàn.

— Lần chót (4-1954), chính phủ Pháp cho chuyển ba tiểu đoàn nhảy dù, 1 liên đoàn lưu động Bắc Phi và 3 thiết đoàn kỵ binh cùng bổ sung một số nhân viên sang nhưng khi tới nơi trận Điện Biên Phủ đã chấm dứt và chiến trường Đông Dương đã ngã ngũ.

(18) Quân số bù đắp có nghĩa là chính phủ Pháp không cho thêm mà chỉ ứng trước số quân dự trù dành cho năm 1954, và trong năm này sẽ không gửi cho đoàn quân viễn chinh ở Đông Dương nữa.

Xung quanh vấn đề viện binh, tướng Navarre đã nhận xét về các đơn vị lục quân như sau

Các đơn vị tân lập đều chiến đấu kém, các đơn vị nguyên gốc chiến đấu tốt.

— Cán bộ sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp bổ sung về sau này đều thiếu huấn luyện, già nua và không biết tác chiến nên giá trị chung của đoàn quân viễn chinh Pháp so với trước kém sút rất nhiều.

Nói chung, dưới thời Navarre, đoàn quân viễn chinh Pháp được tăng cường thêm một số đơn vị lục quân từ chính quốc nhưng các đơn vị này chỉ được đưa sang để đối phó với một tình thế khẩn cấp, chứ không được cung cấp theo kế hoạch trù liệu của Navarre

△ *Không quân*

Trong mục đích phát triển ngành không lực, Navarre mang hoài bão là với số phương tiện không quân được tăng cường, ông có thể yểm trợ hỏa lực cho tất cả các mặt trận song hành với chủ trương lưu động hóa đơn vị của ông. Nhưng thực ra, với sự phát triển như được trình bày dưới đây, khả năng của không quân Pháp tại Đông Dương cũng chẳng thêm được bao nhiêu để yểm trợ đắc lực cho các chiến trường càng ngày càng thêm quyết liệt vào đầu năm 1954

Tình trạng không quân của Pháp tại Đông Dương vào tháng 7 năm 1953 như sau

Pháp có 3 phi đoàn vận tải, mỗi phi đoàn có 25 máy bay C.47 (Dakotas), 2 phi đoàn phóng pháo gồm 48 phóng pháo cơ loại B. 26 và Privater, 4 phi đoàn phóng pháo chiến đấu cơ gồm 112 chiếc Hellcat và Bearcat, 19 phi cơ trực thăng (trong số này chỉ có 4 hoặc 5 chiếc tình trạng tốt).

Navarre xin thành lập thêm phi đoàn vận tải thứ tư và được chấp thuận vào lúc bắt đầu trận Điện Biên Phủ — xin tăng cường thêm phi cơ cho các phi đoàn phóng pháo từ 20 đến 30 chiếc và được chấp thuận giữa lúc xảy trận Điện Biên Phủ — xin thành lập thêm phi đoàn phóng pháo thứ ba và mãi gần xong trận Điện Biên Phủ mới được thực hiện. Phi đoàn này đã không hoạt động được mấy.

Riêng việc xin tăng thêm phi cơ trực thăng đã không có kết quả.

Để bành trướng không quân, Mỹ đã viện trợ các máy bay, còn Pháp cung cấp nhân viên và ngân sách. Pháp đã không thỏa mãn đầy đủ chuyên viên và phi công cho nhu cầu bành trướng. Chính Navarre đã quy trách bộ tư lệnh không quân Pháp về sự yếu kém này và là nguyên nhân đưa đến thất trận tại Điện Biên Phủ.

△ *Hải quân*

Navarre đã xin tăng cường thêm một số giang, hải thuyền để tăng thêm trọng lượng vận tải và hỏa lực cho hải quân tại Việt Nam, ông đã xin một hàng không mẫu hạm túc trực ngoài bể.

Tất cả những nhu cầu đòi hỏi đều được thỏa mãn tối đa. Tướng Navarre đã hài lòng về sự hoạt động của hải quân vào lúc bấy giờ.

b. Kế hoạch phát triển quân lực Việt Nam (19)

Navarre đã không thay đổi kế hoạch phát triển quân lực các quốc gia liên kết của tướng Salan đề lại. Kế hoạch này được đặt nặng vào việc thành lập các tiểu đoàn khinh quân (trước gọi là tiểu đoàn com măng đô).

Tuy không đặt kế hoạch, nhưng Navarre có đưa ra một số ý kiến. Những ý kiến này là những nhận xét, những tu chính của ông góp vào chương trình phát triển.

Nhận xét đầu tiên của Navarre là quân đội Việt Nam không được tạo ra để tự đảm trách lấy sự chiến đấu hầu giải phóng quê hương cho mình. Quân đội này được tạo ra như một lực lượng phụ thuộc của đoàn viễn chinh Pháp. Đây là một khuyết điểm đã làm quân đội quốc gia phát triển chậm trễ và không có lý do chiến đấu thực sự.

Ngoài ra việc thành lập quân đội quốc gia còn phạm vào những lỗi lầm khác.

Trước hết, ông nhận thấy không có một cơ quan chuyên biệt nào để lo thành lập và phát triển quân đội này.

Vào lúc đó sự phát triển đã được điều động như sau

— Các hội đồng cao cấp quân sự (hauts comités militaires) vạch chương trình phát triển tổng quát. Hội đồng này họp với thành phần hỗn hợp Việt — Pháp gồm các cấp lãnh đạo chính trị và quân sự của mỗi quốc gia liên kết liên hệ với các cấp lãnh đạo chính trị và quân sự Pháp tại Đông Dương.

— Các hội đồng quân sự thường trực (comités militaires permanents) chiếu quyết

(19) Ở đây chúng tôi không đề cập tới kế hoạch phát triển quân lực các quốc gia liên kết.

định tổng quát của các hội đồng trên vạch ra các quyết định chi tiết. Hội đồng này được họp với thành phần hỗn hợp Việt — Pháp gồm các sĩ quan và các giới chức dân sự của cả hai bên. Ở đây có một khuyết điểm là các hội đồng này chỉ vạch ra và ban hành các quyết định chi tiết chứ không phải là cơ quan thi hành các quyết định.

Bộ tổng tư lệnh Pháp lại là cơ quan phụ trách thi hành các quyết định chi tiết trên. Bộ này không có cơ quan riêng thi hành nhất là vấn đề này lại phức tạp đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều phủ bộ như Phủ cao ủy Đông Dương, Bộ tổng tư lệnh Pháp, các bộ thuộc chính phủ quốc gia và các nha sở liên hệ.

Để thi hành hiệu quả việc phát triển, Navarre đã đặt ra một tổ chức chuyên trách mệnh danh là phái bộ trợ giúp quân sự (mission d'assistance militaire) được thành lập bên cạnh Bộ tư lệnh Pháp. Phái bộ này có nhiệm vụ thi hành và phối hợp các quyết định phát triển quân lực các quốc gia địa phương. Trong việc phát triển quân lực này, Navarre đã đề cập tới thái độ của người Mỹ. Người Mỹ có quan niệm khác với Pháp và thường gây khó khăn cho Pháp. Người Pháp cho rằng quân đội quốc gia chưa được hưởng sự biệt lập ngay. Việc trao quyền quân sự cho người bản xứ phải được thực hiện từ từ để tạo một nền tảng vững chắc cho quân đội này. Người Mỹ ngược lại muốn Pháp phải sớm cho quân đội quốc gia đứng biệt lập để tạo không khí tâm lý và chính trị thuận lợi cho công cuộc chống Cộng.

Navarre đã đề cập tới chương trình phát triển gồm bốn mục tiêu và cũng là bốn hướng nỗ lực được nhắm vào những điểm sau đây (20):

1) Xúc tiến nhịp độ thành lập các tiểu đoàn khinh quân (21).

2) Tăng cường và hoàn bị việc đào tạo các cấp cán bộ.

3) Thành lập dần dần các đơn vị cấp quan trọng hơn (liên đoàn lưu động rồi sư đoàn).

4) Tăng thêm sự biệt lập hành quân cho quân đội Việt Nam bằng cách giao trách nhiệm thực sự cho một vài khu vực lãnh thổ.

Việc thành lập thêm các đơn vị đã không tiến triển theo đúng nhịp độ. Navarre cho là chính phủ Việt Nam đã bất lực trong việc tuyển mộ, vấn đề động viên chỉ có kết quả trong phạm vi ít đơn vị. Nhưng từ tháng 2-1954 khi có tin hội nghị Genève thành hình, việc động viên đã thất bại, chỉ có 10% trình diện, binh sĩ bỏ đào ngũ rất nhiều.

Việc đào tạo các cấp cán bộ chỉ được xúc tiến chậm chạp. Cán bộ hạ sĩ quan và sĩ quan trung cấp không được trường đào tạo đầy đủ để cung ứng cho nhu cầu. Cán bộ đại đội trưởng tuy được xúc tiến huấn luyện nhưng tới cuối năm 1954 mới tạm đủ. Cán bộ cao cấp để đảm trách chức vụ tiểu đoàn trưởng hoặc đơn vị cao hơn rất ít nên đã phải đẩy các sĩ quan cấp úy có chút ít kinh nghiệm lên nắm các chức vụ này.

Việc thành lập các đơn vị cấp quan trọng như liên đoàn cũng tiến triển khả quan, đã có 6 liên đoàn lưu động được thành lập trong suốt thời gian Navarre chỉ huy. Có 3 sư đoàn được dự trù thành lập vào trước mùa thu năm 1954 nhưng không thành tựu vì thiếu cán bộ có khả năng chỉ huy, các liên đoàn lưu động đa số do sĩ quan Pháp chỉ huy hoặc nắm các chức vụ tham mưu quan trọng.

Việc chuyển giao trách nhiệm lãnh thổ cho quân đội Việt Nam đã được thực hiện trước khi Navarre sang từ giữa năm 1952 tại các khu vực Hưng Yên và Mỹ Tho. Khi sang, ông tiếp tục chương trình đã định, ông chuyển giao tiếp các khu Bùi Chu, Phan Rang, Phan Thiết, Nha Trang và các khu Tây Nam Việt. Theo sự thỏa hiệp thì mỗi khi chuyển quyền các giới chức và đơn vị Việt Nam sẽ thay thế hoàn toàn. Navarre nhận thấy phương thức này đã hoàn toàn thất bại như trường hợp các tiểu đoàn khinh quân bị đánh tan tác tại khu Bùi Chu, khi khu chiến này vừa được giao về cho Việt Nam. Thế nên ông đã thay đổi kế hoạch giữ lại tại mỗi vùng chuyển giao một số sĩ quan tham mưu và đơn vị Pháp tạm thời dưới quyền chỉ huy của Việt Nam. Vì vậy tướng Navarre đã không xúc tiến nhanh chương trình chuyển giao, ông cho rằng chính phủ Việt Nam chưa đủ ý thức trách nhiệm về việc chuyển giao và đã tỏ ra bất lực. Một vài bộ lạc thiểu số và nhất là các giáo phái đã từ chối không chịu đặt mình dưới quyền của giới chức Việt Nam và muốn được người

(20) Thực ra những mục tiêu phát triển này của Salan, Navarre chỉ tu chỉnh đôi phần.

(21) Lúc đầu gọi là tiểu đoàn commando vì Pháp quan niệm rằng muốn chiến thắng tiêu diệt du kích phải tổ chức những đơn vị bộ binh nhẹ, không cồng kềnh, gọn ghẽ để hoạt động dễ dàng, hầu tiêu trừ du kích và hạ tầng cơ sở địch. Nhưng danh từ commando có thể làm cho những người lính động viên sợ hãi nên đổi là khinh quân.

Pháp chỉ huy (22).

Chương trình phát triển đơn vị Việt Nam được ấn định tới 30-6-1954. Trên phương diện lý thuyết chương trình đã được thi hành. Nhưng các đơn vị được thành lập vào những đợt cuối vì thiếu quân số, thiếu cán bộ, thiếu huấn luyện nên không thể hành quân trong các trận đánh quan trọng được. Còn các đơn vị cũ được thành lập từ trước lại không được bổ sung, vì bao nhiêu quân số tuyển mộ đều dành để thành lập các đơn vị mới.

Đợt thành lập đơn vị từ 1-7-1954 không thể thực hiện được vì kể từ ngày hội nghị Bá Linh thực sự thành hình ngày 17-2-1954 để bàn vấn đề đình chiến, tình hình Đông Dương trở nên cực kỳ giao động khiến việc tuyển mộ bị coi như ngưng đọng.

c. Kế hoạch sắp xếp quân số

Kế hoạch này nhằm rút tỉa những nhân viên không cần thiết thuộc các bộ tham mưu và các cơ quan trung ương để bù đắp cho các đơn vị chiến đấu. Kế hoạch này sở dĩ được đặt ra, vì trong dư luận báo chí và chánh giới Pháp cho rằng bộ tham mưu và các cơ quan trên đã thu hút nhiều người. Do đó tướng Navarre đã duyệt lại cấp số của các cơ quan trung ương, nhưng ông đã không rút ra được bao nhiêu, bởi vì các bảng cấp số đã bị hạn chế ngay trong thời tướng de Lattre nên không có phung phí theo như những tin đồn đại. Tuy nhiên ông đã áp dụng biện pháp tiết giảm 10% tổng số nhân viên của các bộ tham mưu lớn để bổ sung cho các tham mưu sư đoàn của binh đoàn chủ lực sẽ được thành lập.

d. Kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đóng đồn.

Tướng Navarre đã quan niệm về kế hoạch này như sau :

« Dù ta có một vài ưu thế quân số hơn địch, nhưng thất bại lớn nhất của ta trong việc hành quân là sự kém sút đích rất nhiều về khối lượng đơn vị lưu động để chống các cuộc hành quân lớn của binh đoàn chủ lực địch.

Vấn đề thiết yếu của ta là phải lập một binh đoàn chủ lực mạnh hơn của Việt Minh và có lưu động tính tương tự.

Để xây dựng binh đoàn chủ lực này, tướng Salan trong hồi còn làm tổng tư lệnh đã đề ra hai biện pháp :

— Thứ nhất là rút các đơn vị thuộc đoàn quân viễn chinh đóng cố định ra khỏi đồn bót để biến các đơn vị này thành lưu động.

— Thứ hai là phát triển quân lực các quốc gia liên kết.

Nhưng việc rút khỏi đồn bót sẽ đặt ta vào nhiều vấn đề khó khăn. Chỉ rút các đơn vị ra khỏi đồn bót mà không thay thế vào đó những đơn vị khác thì không thể được. Việc chiếm đóng cố định là một việc không tốt, nhưng thường đó lại là một sự « không tốt cần thiết » (un mal nécessaire). Một đơn vị đóng đồn không phải là vô ích, vì đơn vị đó chiếm giữ một địa điểm quan trọng và sự hiện diện của đơn vị đóng đồn này sẽ giữ dân chúng ở xung quanh. Như vậy thông thường mỗi đồn có hai tác dụng. Việc hủy bỏ các đồn bót thường gây ra những hậu quả tai hại. Ta phải thông cảm với các cấp địa phương về một vài trường hợp rút bỏ, như việc bỏ kiểm soát một con đường, một con sông và vài làng mạc nào đó. Những sự rút bỏ này sẽ dẫn tới sự phản đối của các giới chức trên. Và đối với cấp địa phương, sự phản đối này rất hợp lý. Bởi vì, không phải ở cương vị một cấp cao hơn là có thể đưa ra những chỉ thị chọn lựa để buộc các cấp dưới phải chấp nhận một vài hy sinh là vấn đề sẽ giải quyết được.

Thay thế các đơn vị rút khỏi đồn bót bằng một đơn vị khác kém hơn là một giải pháp có thể chấp nhận được, dầu giải pháp này thường khi tạo ra nhiều khó khăn trầm trọng. Phẩm lượng của các đơn vị địa phương của địch như du kích và chủ lực tỉnh mỗi năm càng gia tăng, trong số đó có nhiều đơn vị đã đạt được trình độ của các đơn vị chính quy. Không những họ quen địa thế, nay ta chống lại các đơn vị địch kể trên bằng việc thay vào những đơn vị kém của ta, như vậy có nghĩa là ta chấp nhận trước một vài thất bại tại địa phương. Giải pháp dùng các đơn vị yếu kém, tức những đơn vị Việt Nam mới thành lập vẫn còn là một khuyết điểm nên không có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị Pháp và Việt Nam.

Chỉ có một phương pháp tốt đẹp là săn đuổi các đơn vị chánh quy và địa phương Việt Minh ra khỏi khu vực lãnh thổ, tiêu diệt các hạ tầng của họ và một khi vùng nào được bình định thì ta mới có thể cho các đơn vị

(22) Ý kiến của Navarre thiên lệch đối với quân đội Việt Nam, vì còn nằm trong sự chi phối của Pháp nên không thể nói đến trách nhiệm của quân đội này.

chính quy Việt Nam hay phụ lực quân chiếm giữ. Khi đã rút một số đơn vị cố định Pháp ra khỏi một vùng nào, thì ta phải luôn luôn mở các cuộc hành quân thường xuyên theo kiểu bình định như trên. Vấn đề này phải có thời gian và phương tiện.

Kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đóng đồn còn phải tùy thuộc một phần trong kế hoạch bình định tổng quát được soạn thảo chung cho cả Đông Dương.

Để tạo các đơn vị dùng thay thế các đơn vị đóng đồn, có hai cách được đặt ra :

— Một là tuyển mộ thêm các binh sĩ phụ lực.

— Hai là phát triển quân lực các quốc gia liên kết.

Việc dùng phụ lực quân sẽ giúp ta một vài điểm lợi, vì đặc tính của phụ lực quân là mềm dẻo và di động nhanh, nhưng khốn thay ta chỉ có những đơn vị có giá trị chiến đấu rất tầm thường và thường bị đối phương tuyên truyền nên không thể tin cậy được hoàn toàn. Lực lượng phụ lực quân có thể giữ được những đồn nhỏ và với một chu vi hoạt động hạn chế. Những đơn này nặng về tính cách chính trị hơn là quân sự. Mặc dù biết những khuyết điểm đó, nhưng ta vẫn sử dụng ở tầm mức rộng rãi. Tuy nhiên, ta không thể sử dụng quá sức của họ.

Do đó, mà ta cần phải sử dụng một số lớn đơn vị chính quy đặt trong các vùng lãnh thổ trách nhiệm. Để có lực lượng chính quy này, ta phải phát triển quân đội các quốc gia liên kết. Việc phát triển này là một phần quan trọng trong kế hoạch của tôi ».

Đối với kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đóng đồn, tướng Navarre chỉ thực hiện được một phần mà thôi, ông đã bày tỏ kết quả với các khó khăn như sau :

« Sự phát triển ồ ạt và nhanh chóng quân lực các quốc gia liên kết không thể tạo ngay được những đơn vị tốt. Mục đích chính của sự phát triển này như tôi đã nhắc ... trình bày là tạo ra một số quân lớn nhằm chiếm đóng các khu vực ... để ta có thể lấy ra những đơn vị Liên Hiệp Pháp thiện chiến đưa vào thành phần binh đoàn chủ lực.

Như tôi đã trình bày ở trên về ... trợ ngại sẽ gặp phải ... kế hoạch rút khỏi đồn bót của các đơn vị Liên Hiệp Pháp cố định, và theo tôi chỉ ra những cuộc hành quân bình định thu hút nhiều quân số được duy trì liên tục mới giúp ta thu lượm được kết quả tốt đẹp.

Nhưng tiếc thay việc bình định đã không thu lượm được kết quả mong muốn vì sự bất lực của các giới chức quân sự cũng như dân sự người bản xứ. Theo quan niệm của tôi thì những vùng vừa bình định xong phải được giao ngay cho một guồng máy hành chánh bản xứ có thẩm quyền, vừa hoạt động tích cực và vừa phải làm việc nghiêm chỉnh. Nhưng guồng máy hữu hiệu hành chánh này đã không có, vì đã không có một cố gắng nào nên không tạo được đà tiến triển.

Dầu vậy, kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đóng đồn cũng được xúc tiến với sự kiên tâm và đã có những kết quả khác biệt đối với từng vùng lãnh thổ.

Xứ Lào đã lưu động hóa một phần lực lượng của họ. Xứ Cao Miên sau bao khó khăn mới lưu động được một số ít. Các miền Nam và Trung Việt cũng dành được một số lực lượng cho binh đoàn chủ lực, nhưng việc thay thế bằng những đơn vị động viên đã khiến cho các miền này thêm ung thối.

Còn tại miền Bắc, vấn đề lưu động hóa các đơn vị đóng đồn đã hết sức khó khăn vì các đơn vị Việt Minh vừa nhiều lại vừa thiện chiến đã áp dụng chiến tranh diện địa. Nhưng cũng tại nơi đây, việc lưu động hóa có thể rút ra một số quân cao hơn những nơi khác vì quân số đóng đồn có tới 100.000 người, nếu ta biết áp dụng một phương pháp sử dụng tiết kiệm, sẽ giúp cho Bộ tư lệnh Pháp có một khối lượng quân số hành quân đáng kể.

Một vấn đề đặc biệt được đặt ra liên quan tới phòng tuyến de Lattre. Phòng tuyến này bao gồm một hệ thống pháo đài tối tân được trang bị vũ khí khá hoàn hảo, do đó chiến lũy này bắt buộc phải để cho lực lượng chính quy trấn giữ. Nhưng thực ra phòng tuyến này không bao giờ thể hiện được một trong hai vai trò đã khiến de Lattre thành lập ra. Các vai trò này là sự bẻ gãy một cuộc tổng tấn công ồ ạt của địch vào đồng bằng và sự kiểm soát các cuộc xâm nhập của đối phương. Ta có thể tiết kiệm được một số đơn vị chính quy thiện chiến nếu ta hủy bỏ phòng tuyến này hay là ta dùng phụ lực quân để thay thế. Vì việc dùng phụ lực quân sẽ đáng hơn việc dùng chính quy để ngăn chặn sự xâm nhập của địch. Nhưng giải pháp này cần phải có thì giờ và tiền bạc để thi hành. Còn hủy bỏ một công trình vĩ đại và đắt giá của tướng de Lattre vừa được thành lập xong, sẽ gây nên

những phản ứng chống đối của một số người. Một trở ngại khác có thể xảy ra là hiện nay Việt Minh đã mạnh và có thể tấn công đại quy mô vào đồng bằng trong một ngày gần đây thì lúc đó phòng tuyến de Lattre lại trở nên cần thiết. Liệu lúc này đã nên hủy bỏ phòng tuyến hay chưa? Tất cả những điều suy nghĩ đó đã khiến tôi đi tới một giải pháp có tính cách chờ đợi bằng cách thay thế vào mỗi công sự phòng thủ một số lực lượng phụ lực quân tương xứng để rút ra một số các đơn vị chính quy.

Điều chắc chắn là nếu tại miền Bắc ta áp dụng chính sách cương quyết rút bỏ các đơn vị chính quy khỏi đồn bót thì ta sẽ có những phương tiện lưu động quan trọng có thể dùng để đánh vào các trục giao thông của đối phương trong vùng Điện Biên Phủ, nếu các lực lượng này được rút ra khỏi các đồn bót một cách kịp thời. Nhưng tiếc thay các điều này hầu như không thực hiện được bao nhiêu, vì bộ tư lệnh chiến trường tại đây đã không chịu khai thác triệt để những phương tiện cơ hữu của mình mà chỉ máy móc xin tăng viện ở bên ngoài vào. Đó là một sự đáng tiếc của tôi, đã không chú ý triệt để vấn đề này (23) ».

e. Kế hoạch thành lập binh đoàn chủ lực.

Tất cả những kế hoạch trên của Navarre đều nhằm mục đích xây dựng cho kế hoạch thành lập binh đoàn chủ lực này. Đây không phải là một sáng kiến mới của Navarre mà ông chỉ tiếp tục đường lối của Salan đã được chính phủ Pháp chấp thuận. Sự chấp thuận kế hoạch này đã được diễn ra trước khi ông nhậm chức. Tướng Salan đã nghiên cứu một cách tổng quát kế hoạch theo lời yêu cầu của bộ trưởng Letourneau và ông này đã được sự chấp thuận của chính phủ Pháp trình bày với Mỹ vào tháng 4-1953 tại hội nghị Hoa Thịnh Đốn. Kế hoạch thành lập binh đoàn chủ lực đã được chính phủ Mỹ đồng ý trên nguyên tắc và sẵn sàng tài trợ cho kế hoạch những đồ trang bị cần thiết.

Kế hoạch thành lập binh đoàn đã được xúc tiến một cách tích cực.

Theo như phúc trình của Navarre đề nghị lên thủ tướng Pháp tháng 7 1953 binh đoàn chủ lực sẽ gồm có

— 7 sư đoàn trong đó có một sư đoàn nhảy dù, mỗi sư đoàn gồm có một bộ tham mưu với một đại đội tổng hành dinh, một bộ chỉ huy pháo binh sư đoàn, và một đại đội truyền tin. Binh đoàn chiến đấu gồm 24 liên đoàn lưu động trong đó có 12 liên đoàn của quân đội Việt Nam, và 3 liên đoàn nhảy dù mà 1 của Việt Nam

— Ngoài ra còn có một lực lượng tổng trừ bị gồm 25 tiểu đoàn bộ binh, 6 trung đoàn kỵ binh thiết giáp, 3 liên đoàn thủy xa.

Việc thành lập binh đoàn có nhiều sự khó khăn, khó khăn trước nhất là các đơn vị và phương tiện cần thiết không thể nào tập trung được. Đối với dự án sơ khởi nhiều thay đổi đã xảy ra như 7 sư đoàn dự trù thành lập giảm xuống còn 6, đó là chưa kể tới những tiết giảm nhân sự vào các thành phần cơ hữu của mỗi sư đoàn, ngoài ra còn có sự tiết giảm cả những phương tiện dùng yểm trợ cho các liên đoàn lưu động. Sự tiết giảm này còn được chú trọng cả ở lực lượng tổng trừ bị.

Chương trình thành lập binh đoàn được dự trù như sau

— Đợt đầu phải xong trước ngày 1-4-1954 với 4 bộ tham mưu sư đoàn, 18 liên đoàn lưu động, trong đó 6 liên đoàn thuộc người Việt, và 2 liên đoàn nhảy dù,

— Đợt hai phải xong trước ngày 1-9-1954 với 1 bộ tham mưu sư đoàn nhảy dù, 3 liên đoàn lưu động Việt Nam và 1 liên đoàn nhảy dù Việt Nam

— Đợt ba phải xong trước đệ nhất lục cá nguyệt 1955 với 2 bộ tham mưu sư đoàn Việt Nam, 3 liên đoàn lưu động Việt nam. (24)

Đợt đầu đã hoàn thành trong thời gian hạn định. Trước lúc Navarre sang, binh đoàn chủ lực đã có 6 liên đoàn lưu động và 8 tiểu đoàn nhảy dù. Tới ngày 1-4-54 binh đoàn chủ lực đã tiến lên 18 liên đoàn lưu động và 10 tiểu đoàn nhảy dù. Dù tăng được số lượng nhưng các đơn vị mới chưa có khả năng chiến đấu. Và ngay trong đợt đầu này đã có những trở ngại lớn lao, như sự chậm trễ trong việc thành lập và huấn luyện các đơn vị Việt Nam hầu để thay thế các đơn

(23) Có nhiều tài liệu bằng tiếng Việt đã viết về kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đóng đồn của Navarre và hiểu nhầm là Navarre đã thực hiện được kế hoạch này một cách quy mô khá thành công. Không hiểu những tài liệu đó đã dựa vào đâu, nhưng chắc không phải là ý của Navarre vì những lời trích trên đây thuộc cuốn « l'Agonie de l'Indochine », cuốn sách do chính ông viết và ông đã thú nhận kế hoạch lưu động hóa các đơn vị đóng đồn gặp nhiều khó khăn, thực hiện không được bao nhiêu

(24) Đây là dự án thiết lập từ đầu chưa nói đến sau mới giảm cả thảy 7 sư đoàn thay vì đổi lại là 6

vì đồng đội Pháp thuộc thành phần chỉ định của binh đoàn chủ lực. Kể từ tháng 2-1954 các sự khó khăn lại càng trầm trọng hơn, vì chính phủ Việt Nam ban bố lệnh tổng động viên do ảnh hưởng của hội nghị Genève. Và cũng vì hội nghị này có mục đích tìm biện pháp sớm chấm dứt chiến tranh nên binh sĩ Việt Nam không còn ham chiến đấu, đào ngũ rất nhiều. Vả lại, không có tuyển mộ nên đợt hai coi như không thể tiến hành được.

4. KẾ HOẠCH HÀNH QUÂN CỦA NAVARRE.

a. Quan điểm chiến lược tổng quát của Navarre.

Căn cứ trên sự nhận định tình hình vào lúc mới sang và căn cứ vào tinh thần bản kế hoạch chiến lược của tướng Salan để lại, tướng Navarre đã đặt ra một kế hoạch hành động trung hạn.

Các sự kiện ước tính của ông dưới đây đã ảnh hưởng tới việc hoạch định kế hoạch. Ông cho rằng:

« Trong cấp thời, nghĩa là thời gian trước những tháng 10, 11-1953, Việt Minh sẽ không mở những trận đánh quan trọng vì họ bị trở ngại bởi mùa mưa, và lại, sau chiến dịch Xuân kéo dài trong nhiều tháng tại miền núi Tây Bắc Việt và Thượng Lào họ cũng bị mệt mỏi, nhọc nhằn và tổn thất. Như thế tình hình sẽ lắng dịu.

Vài ba tháng sau, nghĩa là mùa thu hay đầu mùa đông 1953 địch có thể sẽ tổng tấn công rất quy mô. Chiến dịch này với sự liên lạc nhiều hay ít sẽ kéo dài tới tháng 5-1954, nghĩa là tới giáp mùa mưa năm tới. Mục đích chiến dịch này của địch nếu không tiến đến một chiến thắng quyết định thì ít ra cũng đánh phá các địa điểm quân sự và chính trị quan trọng, để một hoặc hai ba năm tới sẽ tiến đến giai đoạn quyết định. Để chống lại cuộc tổng tấn công này, so ra lực lượng của ta yếu kém hơn địch.

Trong một tương lai xa hơn, nghĩa là khoảng hai năm sau, khi mà tương quan các lực lượng lưu động của ta trội hơn địch, nhờ việc tạo ra binh đoàn chủ lực, ta phản công lại được ».

Vì ước tính như trên, tướng Navarre đã phác họa kế hoạch chiến lược như sau:

Đặc điểm của kế hoạch

— Trong chiến dịch 1953-1954, tìm cách tránh né các trận đánh quyết định với binh đoàn chủ lực địch, xúc tiến việc thành lập binh đoàn chủ lực của ta.

— Trong chiến dịch 1954-1955, chấp nhận các trận quyết định với chủ lực địch khi mà binh đoàn chủ lực ta đã khá mạnh và được huấn luyện khá đầy đủ.

Đặc điểm về sự phân nhiệm chiến trường đối với kế hoạch

— Chiến trường Đông Dương được chia làm hai khu vực: khu vực Bắc và khu vực Nam, lấy vĩ tuyến 18 làm ranh giới. Vì tại vĩ tuyến 18 có một chướng ngại vật là dãy núi đá vôi chạy dài về phía Tây tới tận sông Mê Kông ở phía Thakhek. Chướng ngại vật này là một biên thùy thiên nhiên độc nhất phân cách miền Bắc và miền Nam Đông Dương.

— Trong khu vực Bắc, Việt Minh có thể tập trung nhiều đơn vị lưu động trội hơn Pháp rất nhiều. Bởi vì các đơn vị chủ lực Việt Minh đều được tập trung hầu hết tại nơi đây. Trong khu vực Nam, ngược lại Việt Minh chỉ có những lực lượng địa phương, ngoại trừ khoảng trên 1 sư đoàn chính quy thuộc Liên khu 5.

— Với sự phân nhiệm chiến trường trên, kế hoạch chủ trương: lúc đầu phòng thủ chiến lược miền Bắc, ngược lại phản công tại miền Nam.

Chú trọng tới yếu tố thời tiết

Thời tiết trong các miền lãnh thổ Đông Dương rất khác biệt nhau, đã ảnh hưởng sâu rộng tới việc ấn định các chiến dịch quân sự quan trọng. Do đó, việc thiết kế thời kỳ và giai đoạn của các chiến dịch đều phải lệ thuộc vào yếu tố này.

Với tất cả những đặc điểm đặc biệt nêu trên, việc ấn định các mục tiêu cho các kế hoạch hành quân đã được nghiên cứu và dự liệu. Các mục tiêu chính của kế hoạch tóm tắt như sau:

Thứ nhất: Trong suốt chiến dịch năm 1953-1954 giữ thái độ phòng thủ chiến lược ở miền Bắc vĩ tuyến 18 và tránh những trận đánh quyết định với chủ lực Việt Minh. Ngược lại, ở miền Nam vĩ tuyến 18 phản công để bình định các miền Nam và Trung Việt hầu tăng thêm tài nguyên cho ta. Đặc biệt phải thanh toán Liên khu 5 của Việt Minh.

Thứ hai: Một khi đã giành được ưu thế cho các lực lượng lưu động, nghĩa là vào khoảng mùa thu 1954 ta sẽ tấn công ra Bắc

vĩ tuyến 18 nhằm tạo một tình trạng quân sự thuận lợi cho một giải pháp chính trị và kết thúc chiến tranh ».

Navarre tiết lộ rằng kế hoạch khi soạn thảo đã không dự trù tới sự diễn biến của tình hình và khả năng địch trong tương lai nên khi kế hoạch được đưa ra thi hành, một vấn đề quan trọng khác đã được đề cập đến, đó là vấn đề phòng thủ Bắc Lào.

Nhiều câu hỏi đã được đặt ra, là trong chiến dịch 1953-1954, Việt Minh đã hành động ra sao? Ba giả thuyết đã được đề cập tới với Navarre như sau đây

«Giả thuyết thứ nhất Cho rằng Việt Minh sẽ tấn công vào đồng bằng Bắc Việt. Đối với vấn đề này ta (Pháp) đã có đường lối sẵn là phòng thủ tại chỗ và tập trung các nỗ lực của ta để cố thủ những vùng chính yếu của đồng bằng này

Giả thuyết thứ hai: Cho rằng Việt Minh từ miền tỉnh Vinh tấn công vào miền Nam hoặc dọc theo bờ bể hay theo triền sông Mêkông hoặc là trên cả hai trục này. Cuộc tấn công này sẽ được phối hợp với Liên khu 5 của đối phương và từ Liên khu này địch mở một nỗ lực phụ xuống miền Nam. Giả thuyết này rất đáng ngại vì nếu như vậy tất cả miền Trung và miền Nam Đông Dương đều bị đe dọa. Vấn đề hành quân của địch sẽ rất khó khăn nhưng cũng khiến ta phải điều động để đối phó.

Giả thuyết thứ ba. Cho rằng Việt Minh sẽ tiếp tục từ các căn cứ đã chiếm được trong chiến dịch 1952 - 1953 chẳng còn bao xa đối với mục tiêu mong muốn của họ để tiến về miền thượng lưu sông Mêkông là các tỉnh Luang Prabang, Vientiane, Paksane.

So sánh giữa ba giả thuyết, giả thuyết thứ ba là một vấn đề rất tế nhị. Navarre đã phân tách như sau

« Riêng trên phương diện quân sự, thoạt nhìn vấn đề không lấy gì làm quan trọng lắm khi ta để địch tiến tới thượng lưu sông Mêkông. Các lãnh thổ mà đối phương chiếm được đã không có một giá trị tuyệt đối, khi họ tới sát biên giới Xiêm La, một quốc gia trung lập, không lẽ họ lại công khai xâm chiếm xứ này mà không sợ những hậu quả quốc tế rất tai hại cho họ. Nhưng nếu ta nhìn gần hơn, việc bỏ miền Bắc Lào sẽ đặt ta trước những mối đe dọa to tát trên quan điểm quân sự. Bởi vì, một khi tới biên giới Xiêm La, Việt Minh dù không xâm chiếm bằng vũ lực nhưng cũng làm ung thối xứ này bằng chính trị. Họ sẽ xâm nhập xứ này và tiến vào hành lang của thung lũng sông Mêkông. Như thế đối phương sẽ đe dọa tất cả miền Nam Đông Dương. Không phòng thủ Thượng Lào, về mặt quân sự là một quyết định không thể không có những hậu quả trực tiếp rất trầm trọng nhưng ngược lại sẽ gieo mầm cho một tai họa lớn lao trong một vài tháng tới

Về phương diện chính trị, không phòng thủ miền Thượng Lào còn là một quyết định tai hại hơn, nhất là đối với xứ Lào thường tỏ ra trung thành với nước Pháp hơn các xứ khác. Nếu ta không chiến đấu để cho kinh đô xứ này, tượng trưng cho sự thống nhất quốc gia của họ, rơi vào tay đối phương là chứng tỏ ta bất lực trước sự tin cậy của quốc gia này Một khía cạnh chính trị quan trọng nữa là người Mỹ giúp ta tại Đông Dương để bảo vệ một khu vực thiết yếu của miền Đông Nam Á; nay ta để địch tới bờ sông Mêkông mà không có một phản ứng nào thì người Mỹ có chịu chấp nhận thái độ này hay không?

Tất cả những khía cạnh chính trị và quân sự đã ràng buộc đối với sự quyết định phòng thủ Thượng Lào. Nhưng việc phòng thủ để chống với một cuộc tấn công quy mô lại là một vấn đề rất khó giải quyết so với hình thể của xứ này, một xứ nhiều núi cao, nhiều rừng rậm, và ít trục lộ giao thông. Trong một địa thế như vậy, chiến tranh vận động không thể nào thích hợp được với những đạo quân trang bị, tiếp tế và huấn luyện theo tây phương như quân đội của chúng ta Vấn đề phòng thủ chỉ có thể bằng phương pháp đặt những tập đoàn cứ điểm xung quanh các sân bay và chi phối các đường xâm nhập chính. Phương pháp này đã được tướng Salan áp dụng trong những năm trước với việc tạo ra các tập đoàn cứ điểm chum như tại Nasan, Lai Châu và Cánh Đồng Chum Việc tạo ra những pháo đài chum này cũng rất nguy hiểm vì sẽ bị cô lập và rất khó giữ Việc bảo vệ còn đòi hỏi các phương tiện không quân to tát. Nhưng đó là giải pháp duy nhất để đối phó với một trận tấn công lớn ».

Kế hoạch của Navarre được hội đồng các tham mưu trưởng cứu xét, đến ngày 24-7-1953 Ủy ban quốc phòng Pháp được triệu tập để quyết định. Nhưng lúc đó những cơ quan chỉ đạo chiến tranh của Pháp không thống nhất quan điểm; nên đối với vấn đề phòng thủ Ai Lao cũng như các kế hoạch quân sự khác, các nhà lãnh đạo Pháp không có một thái độ

dứt khoát nào. Vì vậy kế hoạch của Navarre coi như được mặc nhiên công nhận và ông đã mang ra thi hành, khiến đã đưa tới trận Điện Biên Phủ.

Đại cương của kế hoạch chiến lược trên do chính Navarre trình bày một cách khéo léo là để biện minh cho các lý do thất bại của ông, nhất là đối với quyết định vì sao đã thiết lập ra tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

b- Các cuộc hành quân của Navarre.

Đề cập tới vấn đề hành quân, trước hết ta phải nói đến vài xáo trộn trong guồng máy chỉ huy của tướng Navarre. Sự kiện quan trọng nhất là thay tướng de Linarès đang ở chức vụ tư lệnh miền Bắc bằng tướng Cogny, lúc đó đang chỉ huy phân khu Bắc châu thổ. Việc chọn tướng Cogny (25) không được tướng Salan tán thành lắm, nhưng vì Cogny đã am tường tình hình Bắc Việt trong khi tướng Navarre chưa rõ vì mới sang. Vài tuần sau ông lại phải thay 3 trong số 5 tư lệnh phân khu châu thổ vì những người này đã hết nhiệm kỳ. Tướng Chassin phụ trách đặc biệt không quân về nước và được tướng Laurin là một người mới đến thay thế. Bộ tư lệnh đoàn quân viễn chinh cũng thay đổi rất nhiều vì các vị sĩ quan giữ các nhiệm vụ cao cấp như là tham mưu trưởng, chánh văn phòng, phụ tá hành quân và trưởng phòng 3, cũng đều về nước. Tướng Gambiez được chọn làm tham mưu trưởng Bộ tổng tư lệnh Pháp.

Khởi đầu tướng Navarre mở cuộc hành quân Hirondelle cho quân nhảy dù xuống phía sau Lạng Sơn đánh phá một kho quân nhu của Việt Minh. Trận này, Pháp thành công, gây được một tiếng vang. Rồi đến chiến dịch Camargue tại vùng bờ biển Quảng Trị. Chiến dịch này cũng tương đối thành công. Chiến dịch Tarentaise được mở tại Bùi Chu để sau đó giao thẩm quyền lãnh thổ cho chính phủ Việt Nam. Navarre ra lệnh triệt thoái Nasan bằng cầu không vận, cuộc triệt thoái này đã thực hiện rất chu đáo khiến Việt Minh không kịp có phản ứng. Việc rút lui này được Navarre giải thích là để thu hồi các lực lượng đồn trú khoảng 6 tiểu đoàn để tăng cường cho đơn vị lưu động tại đồng bằng. Navarre cũng nhận là bỏ Nasan rất bất lợi vì đã để trống Lai Châu và mở đường cho địch tiến qua Tuần Giáo, Điện Biên Phủ, cánh đồng Nam U để tới Luang Prabang (26). Cuối năm 1953, Navarre cho mở nhiều cuộc hành quân tảo thanh miền đồng bằng Bắc Việt.

Tất cả những chiến dịch này, kể cả một số trận đánh không quan trọng mấy, đã tạo cho Pháp một niềm tin. Nhưng những kết quả này đã đánh lừa dư luận, vì thực ra, các kết quả này đã không làm hao tổn tiềm lực của Việt Minh. Bởi vì binh đoàn chủ lực của họ mặc dầu trước đó bị thiệt hại nhẹ trong chiến dịch Đông-Xuân 1952-1953 đã không chịu xuất hiện kể từ đầu tháng 7-1953 để rèn cán chỉnh quân. Những tin tức được phối hợp cho biết Việt Minh đang chuẩn bị tỉ mỉ cho chiến dịch mùa Đông.

Nhưng tiếc rằng các kết quả mùa hạ của Pháp được báo chí thổi phồng và tạo trong chính giới Pháp một niềm tin, nhưng chính đây là một điều lo ngại vì ngoài tiểu tuyến tướng đánh giặc chỉ đánh để chứng tỏ cho địch biết là không thể thắng được chớ không phải đánh để giành thắng lợi. Navarre cho rằng cũng vì dựa trên sự thổi phồng giả tạo của dư luận này mà các nhà lãnh đạo Pháp đã từ chối không cho ông thêm viện binh.

Tới cuối tháng 9-53, Navarre được tin Việt Minh tập trung chủ lực xung quanh miền châu thổ Bắc Việt, định tấn công bằng hai mặt, mặt Bắc do các Sư đoàn 308, 312 và 351, mặt Nam do các Sư đoàn 320, 316 và 304. Để dự trù đối phó với cuộc tổng tấn công này, tướng Cogny đã tập trung tất cả các lực lượng lưu động gồm 8 liên đoàn lưu động, 2 chi đoàn thiết giáp, 2 liên đoàn thủy xa và các phương tiện tổng trừ bị khác để tiêu diệt Trung đoàn 42 Việt Minh. Sau trận khá thành công này, Cogny mở hành quân Mouette đánh thẳng vào Phủ Nho Quan (Thanh Hóa) vốn là một trung tâm tiếp tế quan trọng của Việt Minh. Quân Pháp cố gắng tiêu diệt Sư đoàn 320 của Việt Minh, nhưng sư đoàn này chỉ bị thiệt hại một phần. Quân Pháp chưa chạm với Sư đoàn 304 đã vội vã rút lui khỏi Nho Quan. Nhưng Pháp cũng tin là Việt Minh với những sự thiệt hại của Sư đoàn 320, sẽ không có thể tấn công vào đồng bằng Bắc Việt trong khoảng hai tháng. Pháp coi như phá vỡ được cuộc tấn công của đối phương ở đồng bằng.

Nhưng qua các trận đánh, Pháp thấy bộ đội Việt Minh tỏ ra rất thiện chiến nên rất lo ngại cho những cuộc đụng độ sau này, hơn

(25) Giữa Navarre và Cogny đã có sự bất đồng quan điểm, sau này viết sách Navarre đã nói như vậy.

(26) Theo Navarre, khi rút Nasan ông đã dự trù chiến Điện Biên Phủ.

nữa mỗi sư đoàn Việt Minh có một thành phần quân số rất cao, so binh đoàn chủ lực của họ cũng có quân số cao hơn Pháp rõ rệt.

Vào những ngày cuối tháng 10-1953, nhiều nguồn tin cho Pháp biết là Bộ tư lệnh Việt Minh thay đổi kế hoạch hành động. Việt Minh sẽ tạm thời bỏ tấn công đồng bằng. Về phương diện chiến lược, nếu quả thực Việt Minh thay đổi kế hoạch không đánh vào châu thổ Bắc Việt nữa thì họ có thể đánh Thượng Lào hoặc xuất phát từ Vinh đánh xuống miền Nam.

Giữa lúc ấy, một số lực lượng khá quan trọng Việt Minh kiểm soát miền Thượng du Bắc Việt, tại đây Pháp còn giữ Lai Châu và một số các mật khu. Từ khi rút lui khỏi Nasan để củng cố bảo vệ cho miền Bắc Lào, Pháp dự trù sẽ mở một cuộc hành quân xuất phát từ Lai Châu vào thung lũng Nam U vào đầu năm 1954 để kiểm soát miền Điện Biên Phủ được coi như một địa điểm chiến lược quan trọng. Vào những ngày đầu tháng 11-53 nhiều tin đáng tin cậy là Việt Minh đã cho di chuyển Sư đoàn 316 rời bỏ miền đồng bằng tiến ngược lên miền Lai Châu và có thể còn 2 sư đoàn nữa cũng đang tiến lên Việt Bắc, dường như Việt Minh sẽ đánh chiếm Lai Châu và Bắc Lào.

Trước sự đe dọa nặng nề này vào trung tâm kháng cự Lai Châu và Thượng Lào, Navarre đã quyết định chiếm Điện Biên Phủ để cản đường di chuyển của binh đoàn chủ lực Việt Minh và cuộc hành quân mệnh danh là Castor đã được mở ra ngày 20-11-1953 để chiếm khu lòng chảo Điện Biên Phủ.

Navarre nói là cuộc hành quân này không phải là một sự ngẫu nhiên, mà có kế hoạch dự trù từ trước. Ông không bảo vệ Lai Châu, thủ đô chính trị của xứ Thái, tuy rằng ở đây cũng có một phi trường nhưng căn cứ này ở quá xa đường tiến vào Lào mà ông cần chặn. Hơn nữa, cứ điểm Lai Châu không thể phòng thủ được vì phi trường ở trong một khu vực rất chật hẹp và máy bay không thể đáp được khi thời tiết xấu. Chỉ có Điện Biên Phủ cách xa Lai Châu 90 km là có giá trị về phương diện chiến lược. Tướng Navarre đã giải thích về việc phòng thủ xứ Lào cho rằng không thể bảo vệ trực tiếp xứ này được hay bảo vệ gián tiếp bằng cách tiếp viện quân từ miền châu thổ Bắc Việt lên vì lẽ xứ Lào rừng núi mênh mông mà quân Pháp không quen lối chiến tranh vận động như đã nói trên, vì vậy chỉ có cách là dùng một số các lực lượng đặt ra các cứ điểm phòng thủ để ngăn chặn. Navarre đã nghiên cứu địa hình miền Thái cho rằng các bộ đội Việt Minh muốn tiến tới thượng lưu sông Mekông phải đi theo hai ngả: ngả phía Đông sẽ đi qua Sầm Nứa, cao nguyên Trấn Ninh để tới Paksane, Luang Prabang và Vientiane, ngả tiến quân này của địch đã bị hệ thống phòng thủ chìm (enterrée) tại cánh đồng Chum chặn lại. Còn ngả tiến về phía Tây rất thuận tiện, xuất cứ từ Tuần Giáo qua Điện Biên Phủ và thung lũng Nam U để tới Luang Prabang rồi Vientiane. Do đó, mà ông đã chọn Điện Biên Phủ để làm nút chặn.

Ngoài ra sự chiếm cứ Điện Biên Phủ vừa yểm trợ cho các chiến khu Thái, cho sự triệt thoái Lai Châu, cho việc bảo vệ xứ Lào, lại còn cầm chân một số chủ lực Việt Minh ở xa đồng bằng Bắc Việt cũng như xa các chiến trường khác để ông có thể tảo thanh vùng châu thổ Bắc Việt và tiến hành cuộc bình định ở phía Nam vĩ tuyến 18, đồng thời có thể nhử Việt Minh vào một trận công kiên chiến để tiêu hủy một phần chủ lực của đối phương.

Nhưng tới khoảng 28-11-53 tình hình biến chuyển khá đột ngột khác hẳn những sự tiên liệu của Bộ tư lệnh Pháp. Navarre được tin nhiều sư đoàn chủ lực khác như Sư đoàn 304, 308, 312 và cả Sư đoàn pháo 351 cũng kéo lên miền Tây Bắc và đã lập một căn cứ tiếp vận quan trọng tại Tuần Giáo.

Để chấp nhận một trận chiến quyết liệt mà trung tâm điểm phòng ngự là Điện Biên Phủ, Navarre đã cho đồn quân ở Lai Châu (ngày 8-12-1953) về Điện Biên Phủ, trong thâm tâm của Navarre, ông đã cho rằng sẽ buộc Việt Cộng phải mở một trận công kiên chiến và kéo dài. Ông tăng cường viện quân lên Điện Biên Phủ đang từ 6 tiểu đoàn lên thành 12 tiểu đoàn để đương đầu với lực lượng đối phương rất đông đảo như trên.

Song song với nỗ lực phòng thủ này, nhiều cuộc hành quân Pháp diễn ra ở thung lũng thượng lưu sông Mêkông nhằm để củng cố sự phòng thủ đối với miền Bắc Lào.

Nhưng ngay tới lúc này, Navarre vẫn nghĩ chiến lũy Điện Biên Phủ cũng lắm chỉ phải đương đầu với một bộ phận chủ lực Việt Minh chừng 20.000 người và mấy chục ngàn dân công, ông coi Điện Biên Phủ là một vấn đề quan trọng nhưng vẫn có tính cách địa phương nên ông vẫn không rời ý định mở cuộc hành quân Atlante để tảo thanh miền Nam Trung Việt như đã định trong kế hoạch.

Ngày 20-1-1954 chiến dịch Atlante mở

màn đợt 1. Nhưng trong lúc đó Việt Minh đã chuẩn bị bao vây xong Điện Biên Phủ

Đầu mùa Xuân 1954, tình hình lắng dịu trên khắp chiến trường phụ, còn tình hình tại chiến trường Điện Biên Phủ có những điều kiện thuận lợi cho Pháp. Nhưng vào trung tuần tháng 2-1954 khi hội nghị Bá Linh nhóm họp thì tình hình bắt đầu biến chuyển.

Tướng Navarre đã ngỡ ngàng trước tinh thần của hội nghị này, còn phía Việt Minh đã tỏ ra rất phấn khởi. Cuộc tấn công của họ đã được mở màn vào đầu tháng 3-1954.

Ngày 13-3-1954, Việt Minh tổng tấn công vào Điện Biên Phủ, sau khi Sư đoàn 308 của họ đang uy hiếp Luang Prabang đã trở về bao vây cứ điểm này. Lúc bấy giờ Bộ tư lệnh Pháp mới biết chắc là Việt Minh quyết tâm đánh chiến lũy Điện Biên Phủ.

Cuộc tổng tấn công của Việt Minh đã diễn ra trên khắp các mặt trận, chỉ có tính cách phô trương vừa để làm mất tinh thần của Pháp và các quốc gia liên kết, vừa để tạo những điều kiện thuận lợi tại hội nghị Genève. Tất cả những chiến trường khác đều phối hợp hành động hỗ trợ cho chiến trường chính, để các lực lượng bộ binh cũng như không quân Pháp bị cầm chân không thể can thiệp vào trận Điện Biên Phủ. Cuộc tổng phản công của Việt Minh đã được diễn tiến như sau

Tại Nam Việt tăng gia đánh đồn bót khiến Pháp phải bỏ việc bình định và Việt Minh đã chiếm đóng vài khu vực Hậu Giang.

Tại Trung Việt tăng gia các hoạt động du kích và đã làm trở ngại các hoạt động bình định của Pháp.

Tại chiến dịch Atlante và miền Cao Nguyên, chiến trận đã diễn ra ác liệt quanh Pleiku và đèo An Khê, Việt Minh đã thắng thế và muốn cô lập các cứ điểm này. Pháp tuy chiếm được Qui Nhơn nhưng không liên lạc được với An Khê. Việt Minh còn đe dọa Tuy Hòa, Ban Mê Thuột và cả Dalat.

Tại Trung Lào, Việt Minh tấn công mạnh mẽ vào dãy núi đá vôi ở phía Đông Thakhet. Sau các trận đánh rất dữ dội, Pháp vẫn giữ được các vị trí, nhưng các đơn vị của họ bị cô lập.

Tại Nam Lào và Cao Miên, các đơn vị Việt Minh đã tiến rất mạnh về phía Nam Séno, đe dọa Saravane và Paksé, chiếm cứ Voeune Sai, xâm nhập vào lãnh thổ Cao Miên tiếp tay cho các phần tử thân họ.

Tại Bắc Lào, Việt Minh bao vây căn cứ Điện Biên.

Tại châu thổ Bắc Việt, chiến trận diễn ra thật dữ dội. Cùng lúc với trận tấn công Điện Biên, các lực lượng Việt Minh tấn công hệ thống thiết lộ và đường bộ Hải Phòng — Hà Nội, các đồn bót trong Phân khu Tây và nhất là Phân khu Nam Việt Minh đã làm tê liệt được trục lộ huyết mạch Hải Phòng — Hà Nội, có một lần gián đoạn tới 4 ngày

Nói tóm lại, cuộc tổng tấn công của Việt Minh ở các chiến trường phụ kể cả châu thổ Bắc Việt cầm chân một phần các lực lượng lục quân Pháp và làm suy giảm tiềm lực không quân trong việc yểm trợ chiến trường Điện Biên Phủ. Việt Minh áp dụng nhiều biện pháp như đánh các trục lộ giao thông, nhất là các trục Hải Phòng — Hà Nội và Saigon — Séno đã làm Pháp suy giảm năng lượng vận chuyển bằng đường bộ, khiến Pháp phải đặt ra các cầu không vận thay thế. Ngoài ra, Việt Minh còn tấn công các phi trường để phá hoại máy bay và vây hãm đồn bót để Pháp phải tiếp tế bằng không vận. Pháp thú nhận tiềm lực không quân của họ sút giảm nên chỉ yểm trợ cho mặt trận Điện Biên Phủ với một tỷ lệ rất khiêm nhượng. Pháp thú nhận các lực lượng của họ bất động vì một số các đơn vị phải dùng để bảo vệ các trục lộ giao thông, các phi trường và để mở hành quân giải tỏa các đồn bót bị vây. Những đơn vị này đã không thể dùng để tăng viện cho Điện Biên Phủ được. Tất cả các lý do đó đã biện minh cho sự thất bại của Navarre, vì sau 55 ngày, 55 đêm cầm cự, cứ điểm Điện Biên Phủ đã thất thủ ngày 7-5-1954.

5. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT MINH TRONG VIỆC PHẢN CÔNG BẺ GÃY KẾ HOẠCH CỦA NAVARRE.

Ở trên là đường lối chiến tranh và những lý lẽ của Navarre để biện minh cho sự thất bại của mình. Sau đây là kế hoạch của Việt Minh do bộ tư lệnh của họ đưa ra (27).

« — Khi thảo kế hoạch Navarre vào năm 1953, bọn đế quốc Pháp như đứng trước ngã ba đường. Thiếu quân số để đóng vai chủ động tấn công và tiêu diệt các đơn vị chính quy của ta (Việt Minh), chúng chú trọng ngay đến việc gây dựng quân lực tác chiến và quả thật chúng thành công trong việc tập trung các đơn vị lưu động khả quan trong trong lưu

(27) Chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân của Võ Nguyên Giáp.

vực sông Hồng Hà. Với quân lực tập trung được như thế, chúng muốn đánh các đơn vị chính quy của ta, buộc quân ta phải phân tán ở Trung Châu và các vùng Cao Nguyên để chúng có thể thực hiện dần kế hoạch bình định và chuẩn bị một cuộc tổng tấn công quyết định.

Trung ương đảng bộ biết rõ tình thế đó lắm, vì đã phân tích rõ ràng những dự tính của quân địch và phân tích rõ ràng tình hình chiến trường. Nhờ biết rõ ràng những mâu thuẫn cùng những quy luật của chiến tranh xâm lược mà chúng ta biết rõ yếu điểm của địch trong khi chúng tập trung lực lượng. Việc trọng yếu là tiêu hủy lực lượng địch, vì thế nên chúng ta dựa vào phân tách khoa học vừa kể để thảo ra kế hoạch hành động. Tập trung lực lượng để chuyển qua thế công trên các khu chiến lược trọng yếu nơi mà địch quân tương đối dễ bị đánh nhất, rồi tiêu hủy một phần lực lượng chúng, buộc chúng phải phân tán quân số để chặn những trận tấn công của ta tại những yếu điểm mà chúng cấp thời muốn giữ. Sự chỉ huy chiến lược của chúng ta như sau

1) Địch tập trung nhiều quân lực trong vùng lưu vực Hồng Hà, chúng ta không phân tán lực lượng trong khu tự do để bảo vệ phòng thủ.

2) Trái lại ta tập trung quân lực để mở cuộc tấn công về phía Tây Bắc và cùng lúc đó ta bao vây Điện Biên Phủ buộc địch đưa nhiều quân tiếp viện tới để tránh bị tiêu diệt. Ngoài vùng lưu vực, Điện Biên Phủ trở thành điểm tập trung thứ hai của địch.

3) Chúng ta mở cuộc tấn công thứ hai chống một khu vực quan trọng là mặt trận Trung Lào nơi mà địch quân tương đối yếu kém. Quân ta giải phóng thành phố Thakhek, nhiều đơn vị lưu động đối phương bị tiêu diệt. Quân ta tiếp tục tiến về phía Séno, căn cứ không quân quan trọng trong tỉnh Savanakhet. Địch quân cấp thời phải rút quân ở lưu vực Hồng Hà và ở các mặt trận khác để đưa đến tiếp viện mặt trận Séno, căn cứ Séno vì thế trở thành điểm tập trung thứ 3 của quân đội viễn chinh.

4) Quân địch mở hành quân Atlante khu tự do Liên khu V không thay đổi được kế hoạch của ta. Kế hoạch đó là chỉ để một phần nhỏ quân số của ta dự vào việc phòng vệ hậu phương vùng đó và tập trung lực lượng mở cuộc tấn công chống vùng Cao Nguyên, khu chiến lược quan trọng nơi mà địch tương đối yếu kém. Cuộc tấn công thắng lợi này đã tiêu diệt nhiều phần tử địch, giải phóng được tỉnh lỵ Kontum. Quân đội ta tiến tới Pleiku, địch phải lo bảo vệ đồn đó. Thành phố Pleiku và nhiều điểm tựa ở vùng Cao nguyên như vậy biến thành một điểm tập trung thứ 4 của quân đội Pháp.

5) Cùng lúc đó lực lượng ta từ Điện Biên Phủ mở một cuộc tấn công ở Thượng Lào (Sư đoàn 308) để làm lạc hướng địch và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị tấn công đồn lũy Điện Biên Phủ. Nhiều đơn vị địch bị tiêu diệt và khu tập trung rộng lớn Nam U được giải phóng. Địch quân phải tăng cường căn cứ Luang Prabang. Và Luang Prabang trở thành một điểm tập trung thứ 5 của lực lượng Pháp.

Trong giai đoạn đầu tiên của kế hoạch Đông — Xuân, quân ta mở một loạt tấn công các khu trọng yếu nhưng tương đối ít quân địch. Chúng ta tiêu diệt nhiều đơn vị địch và giải phóng nhiều lãnh thổ rộng lớn. Trong khi đó, ta buộc quân địch phải phân tán quân số. Chúng ta luôn luôn giữ thế chủ động trong các cuộc hành quân và buộc địch phải phòng thủ. Chính trong giai đoạn này mà trên chiến trường chính, lực lượng chính quy của ta đã bao vây chặt quân địch tại Điện Biên Phủ và tạo điều kiện thuận lợi cho quân đội ta trên những mặt trận khác.

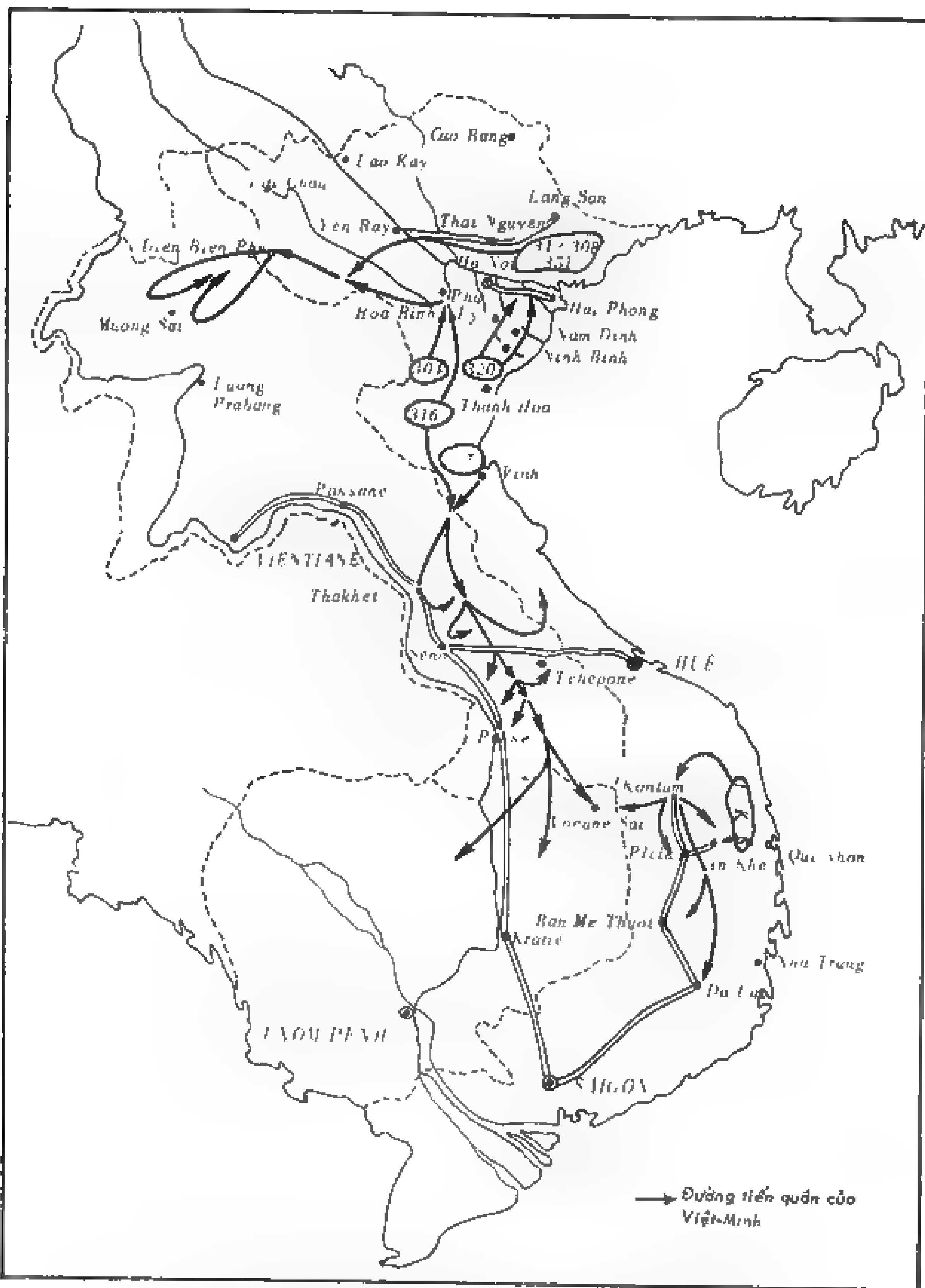
Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung quân lực mạnh nhất của địch và do đó nó là một trận tiền tuyến quan trọng nhất. Sự bao vây dũng đại chiến lũy đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc bành trướng du kích chiến, đưa đến nhiều thắng lợi tại Nam Trung bộ cũng như ở Nam bộ, nơi mà quân địch vì thiếu quân số không thể mở các cuộc hành quân tảo thanh bình định quan trọng được. Thế là chỉ trong phút chốc ta tránh được mối hăm dọa đè nặng các khu tự do của ta, dân chúng có thể làm việc ngay cả ban ngày mà không sợ phi cơ phiền nhiễu »

L. PAUL ELY (6.1954 - 8.1955)

SAU thất bại Điện Biên Phủ, dư luận Pháp rất hoang mang. Để trấn an dư luận, chính phủ Pháp đã đề cử một thượng tướng sang cứu vãn tình thế.

Paul Ely là đại tướng đang giữ chức vụ quan trọng: chức tổng tham mưu trưởng quân lực Pháp. Ông phải cấp tốc tới Đông

Chiến dịch phản công của Việt Minh (1953 - 1954).



(Sơ đồ này do NAVARRE vẽ và đã không khác kế hoạch chiến lược của Việt-Minh — xem mục 5)

Dương vào trung tuần tháng 6-1954 để thay thế Navarre với một quyền hạn rất rộng rãi chẳng khác gì de Lattre, vừa là cao ủy Đông Dương vừa kiêm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh.

Ely là cấp lãnh đạo chót của Pháp tại Đông Dương và là người đã được chứng kiến và chấp thuận sự thất bại chua cay của nước Pháp tại đây. Sự thất bại của Pháp đã tạo nên do một sự chỉ đạo chiến tranh sai lầm vì Pháp đã chủ trương một chính sách thuộc địa lỗi thời và theo đuổi một cuộc chiến tranh đế quốc phi lý.

Bởi vậy, vai trò của Ely, dù là một thượng tướng của nước Pháp, vừa mới xuất hiện đã lu mờ ngay. Vì sau khi thua trận tại Điện Biên Phủ, ý chí theo đuổi chiến tranh của người Pháp không còn nữa. Ely tới Đông Dương được mấy tuần thì cuộc chiến tranh Đông Dương ngã ngũ và đã chấm dứt bằng một giải pháp chính trị. Hội nghị Genève đã kết thúc bằng một bản văn đình chiến ký ngày 20-7-1954. Nước Việt Nam phải chia làm hai ở vĩ tuyến 17 và lấy sông Bến Hải để làm ranh giới.

Tuy vậy, tướng Ely cũng còn ở lại Đông Dương một thời gian khá lâu, mãi tới tháng 8-1956 mới được thay thế bằng ông Henri Hoppenot (28). Nhưng ảnh hưởng của nước Pháp thua trận cứ mất lần, nên sự hiện diện của ông chẳng còn có ý nghĩa dù người Pháp vẫn cố gắng muốn tạo lại một phần uy quyền xưa cũng như cứu vãn những mối lợi của Pháp ở trên những phần đất của người tự do cũng như ở trên những phần đất của người cộng sản.

Sau khi đình chiến, tướng Ely đã phụ trách một công cuộc di cư vĩ đại của non một triệu người Bắc Việt vào Nam trong số này kể cả quân đội Việt Nam cùng các thân nhân của họ. Đoàn quân viễn chinh Pháp cũng được đưa vào miền Nam để đợi tàu về Pháp. Các đơn vị Pháp được đóng dọc theo quốc lộ 15 trong những doanh trại được cấp thời xây cất, những doanh trại này phần lớn đã được dựng tại Tam Hiệp, Long Thành, Bà Rịa và Vũng Tàu. Các đơn vị Pháp đóng tại đây đã dần dần xuống tàu về nước, tới cuối năm 1955 thì hết hẳn. Bộ tư lệnh Pháp tại Đông Dương sau đó giải tán ngày 28-4-1956.



PAUL ELY

Tóm lại, nước Pháp đã thua trận, mất hết ảnh hưởng chính trị và quân sự tại Đông Dương. Với 9 năm chiến tranh, đoàn quân viễn chinh Pháp đã chết (tử trận, bệnh hoạn mất tích) 92.000 người trong đó có 19.000 người Pháp, 43.000 Lê dương, 30.000 Bắc Phi và Phi Châu. 114.000 bị thương và 28.000 bị bắt làm tù binh. Và nước Pháp đã chi phí trên 3.000 tỷ quan (29) trong đó 2.358,1 tỷ thuộc ngân sách Pháp, số còn lại do viện trợ Hoa Kỳ đài thọ.

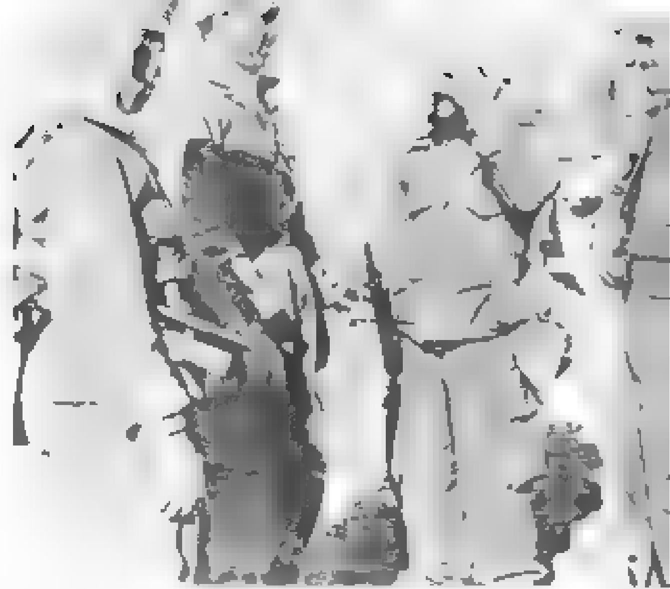


(28) Ông Henri Hoppenot sang Saigon với chức cao ủy nhưng thủ tướng Ngô đình Diệm không chấp nhận « danh từ cao ủy » nên phải đổi lại là « đại sứ ».

(29) Đồng Pháp [illegible]



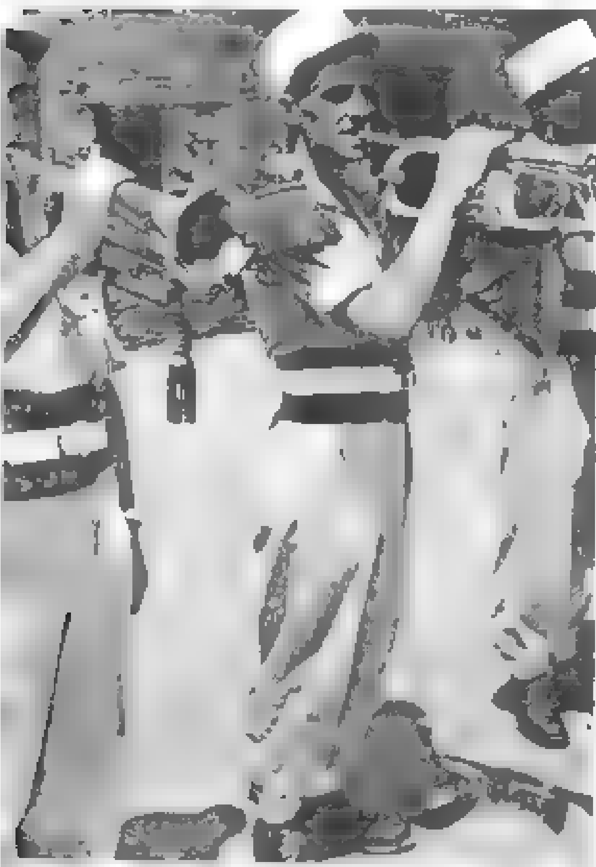
Một đơn vị thuộc Trung đoàn 21 bộ binh thuộc địa



HÌNH ẢNH ĐOÀN QUÂN LIÊN HIỆP PHÁP

Đoàn quân Liên Hiệp Pháp nói chung gồm năm loại lính : Pháp, Lê Dương, Bắc Phi, Phi Châu và bản xứ

Một toán lính kèn Lê Dương.



Lính Phi Châu





TÓM LƯỢC CÁC BIẾN CỐ VÀ TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ TỪ 1945 ĐẾN 1954



Hệ thống phòng thủ một cây cầu.

TÓM LƯỢC CÁC BIẾN CỐ VÀ TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ TỪ 1945 ĐẾN 1954

A. NĂM 1945

△ NHẬT ĐẦU HÀNG 15-8-1945

Nhật đầu hàng. Pháp chỉ định thủy sư đô đốc Thierry d'Argenlieu và đại tướng Leclerc de Haute Cloque làm cao ủy và tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương.

△ VIỆT MINH TỔNG KHỞI NGHĨA : 19-8-1945

Việt Minh tổng khởi nghĩa cướp chính quyền. Bảo Đại thoái vị ngày 25-8-1945 và chính phủ do ông Hồ Chí Minh lãnh đạo thành lập ngày 2-9-1945.

△ QUÂN PHÁP TỚI NAM VIỆT 11-9-1945

Toán quân Pháp đầu tiên tới Nam Việt khoảng trên 300 người gồm một đại đội người Pháp và hai đại đội Gurkhas người Ấn. Họ từ Miến Điện tới phi trường Tân Sơn Nhất bằng đường hàng không. Nhờ quân Anh — Ấn do tướng Gracey chỉ huy tiếp sức, toán quân Pháp này đã chiếm các cơ quan trọng yếu của Saigon ngày 23-9-1945. Mãi tới ngày 11-10-1945 quân viễn chinh từ chính quốc mới tới Nam Việt và gồm có Sư đoàn 9 bộ binh thuộc địa và một liên đoàn (groupement) thiết giáp được đổ bộ lên Vũng Tàu và Saigon.

△ QUÂN PHÁP CHIẾM MIỀN NAM 12-10-1945 — 5-2-1946

Sơ khởi, Pháp cho quân giải tỏa các vùng phụ cận Saigon, Chợ Lớn, chiếm nhanh chóng Biên Hòa, Thủ Dầu Một và kiểm soát quốc lộ 15.

Kế đó, đưa quân xuống miền Hậu Giang và chiếm

— Mỹ Tho ngày 25-10-1945 bằng cơ giới qua cuộc hành quân Moussac của đại tá Massu chỉ huy

— Gò Công ngày 28-10-1945 bằng một đơn vị đổ bộ từ chiến hạm Richelieu vào và trải qua một trận đánh khá dữ dội với quân Việt.

— Vĩnh Long ngày 29-10-1945

— Cần Thơ ngày 30-10-1945

— Tây Ninh ngày 8-11-1945

— Nha Trang ngày 12-11-1945 bằng đường thủy từ Saigon qua cuộc hành quân Major của viên thiếu tá Kergaravat chỉ huy

— Banmethuột ngày 2-12-1945

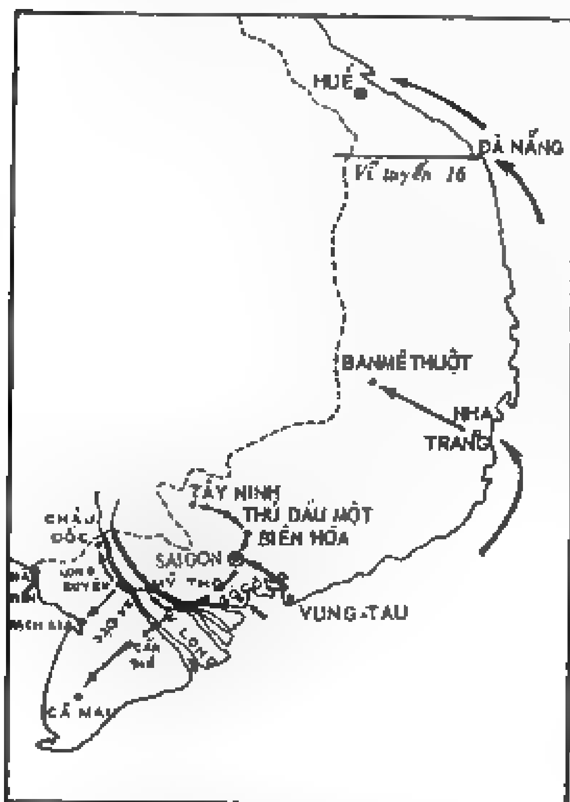
— Sa Đéc, Long Xuyên ngày 9-1-1946

Châu Đốc, Hà Tiên ngày 20-1-1946

— Rạch Giá ngày 26-1-1946

Cà Mau ngày 5-2-1946.

Tóm lại, Pháp mở đầu cuộc chiếm đóng lãnh thổ miền Nam từ tháng 10-1945 và tới tháng 2-1946 hoàn tất, trong đó có cả việc chiếm đóng Đà Nẵng và thành phố Huế. Tổng kết trong vòng năm tháng, Pháp kiểm soát tổng quát được Nam Việt, Nam Trung Việt, miền Cao Nguyên, toàn xứ Cao Miên và một phần xứ Lào bao gồm 275.000 cây số vuông, nghĩa là một diện tích bằng nửa nước Pháp. Cũng trong thời gian này, Pháp đã đưa vào Đông Dương được một quân số tham chiến 50.000 người, 7.425 xe đủ loại, 21.000 tấn quân nhu. Tổng kết thiệt hại của Pháp 630 vừa chết và mất tích, 1.037 bị thương (1).



Sơ đồ chiếm miền Nam vĩ tuyến 16 của Pháp (10-1945 — 2-1946).

(1) Trong báo cáo tháng 7-1946 của Leclerc, ghi [illegible] bị thương.

B. NĂM 1946

△ PHÁP ĐIỀU ĐÌNH VỚI TRUNG HOA 8-1-1946

Để chuẩn bị tiến quân ra Bắc, Pháp cử tướng Salan sang Trùng Khánh điều đình với chính phủ Trung Hoa về việc thay quân và đồng thời lo việc hồi hương đoàn quân Pháp thuộc địa của tướng Alessandri đang trú ngụ tại Vân Nam.

Cũng cần nhắc lại là miền Bắc vĩ tuyến 16 do quân Tàu tới giải giới quân Nhật

△ QUÂN PHÁP VƯỢT BIÊN GIỚI TÀU 31-1-1946

Một toán quân Pháp thuộc địa tá túc tại Tàu đã vượt qua biên giới chiếm vùng Lao Kay Toán quân này do viên đại tá Quilichini điều khiển.

△ QUÂN PHÁP ĐỔ BỘ RA BẮC 5-3-1946

Sau khi đã thỏa hiệp được với Tàu, Pháp cho quân đổ bộ vào Hải Phòng ngày 5-3-1946 nhưng đến 6-3 mới vào được. Trong cuộc đổ bộ này, giữa quân Pháp và quân Tàu đã có nổ súng. Nhưng sau đó được dàn xếp, và cuối cùng một hiệp định được gọi là « hiệp định sơ bộ 6-3 » được ký kết giữa Pháp và Việt Nam.

△ TIẾN QUÂN VÀO HÀ NỘI 18-3-1946

Quân Pháp dưới quyền chỉ huy của tướng Leclerc vào Hà Nội. Đi đầu là đơn vị chiến xa của Massu, kế là trung đoàn 6 của Sư đoàn 9 thuộc địa. Trên mỗi quân xa, Pháp đều cắm cờ Pháp và Việt.

△ THAY THẾ QUÂN TÀU · 1-4-1946

Kể từ 1-4-1946, quân Pháp lần lần thay thế quân Tàu trên miền Bắc vĩ tuyến 16.

△ ĐIỀU ĐÌNH CHÍNH TRỊ từ 4 đến 9-1946

Hội nghị Dalat ngày 17-4-1946 bế tắc ngay từ đầu.

Hội nghị Fontainebleau họp ngày 6-7-1946 bị tan rã.

Để củng cố lại các cuộc thương thuyết

đã thất bại, bản thỏa ước 14-9-1946 (modus vivendi) đã được ký kết giữa Hồ chí Minh và bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Marius Moutet.

△ BIẾN CỐ HẢI PHÒNG
23-11-1946

Quân Pháp chiếm Hải Phòng ngày 23-11-1946. Nhưng giữa quân Pháp và bộ đội Việt Minh đã nổ súng từ 20-11-1946 sau một vụ rắc rối quan thuế.

Viên đại tá Pháp Debès trấn đóng Hải Phòng đã dùng Trung đoàn 23/9 bộ binh do ông chỉ huy tấn công chiếm thị xã theo lệnh của các tướng Morlière và Valluy. Chiếm Hải Phòng xong, quân Pháp giải tỏa Đồ Sơn và đã hoàn thành nhiệm vụ sau hai tuần lễ. Bộ đội Việt Minh rút về giữ Kiến An.

△ CHIẾN TRANH TOÀN QUỐC
19-12-1946

Chiến tranh trên toàn diện lãnh thổ đã xảy ra qua vụ đánh úp của Việt Minh vào tối ngày 19-12-1946 tại Hà Nội. Thực ra, tình hình Việt — Pháp đã quá căng thẳng từ nhiều ngày trước và cả hai bên đều cho rằng không thể hàn gắn được mối giao hảo. Quân chủ lực của Việt minh được điều động về ngoại ô thành phố để tham chiến. Nhưng tới phút chót lại rút đi và chỉ để tự vệ thành chiến đấu. Lực lượng tự vệ thành được thành lập cấp thời thành một trung đoàn: Trung đoàn thủ đô, Trung đoàn này đã chiến đấu rất anh dũng tại khu chợ Đồng Xuân

C. NĂM 1947

△ PHÁP GIẢI TỎA CÁC VỊ TRÍ ĐÓNG QUÂN Ở BẮC VĨ TUYẾN 16.

Đệ 1 tam cá nguyệt 1947.

Trước biến cố Hà Nội, Pháp có trên một sư đoàn quân đóng vị trí tại một số các tỉnh lỵ và địa điểm thuộc Bắc vĩ tuyến 16. Ngay sau khi chiến tranh toàn quốc bùng nổ, quân Pháp từ các nơi này cố gắng đánh mở rộng và đã

— Làm chủ được Hà Nội 1-1-1947, nhưng các cuộc giao tranh với tự vệ thành mãi tới 19-2-1947 mới chấm dứt hẳn.

— Giải tỏa quốc lộ 5 tiếp nối giữa Hải Phòng—Hà Nội ngày 4-1-1947, chỉ ít ngày sau Pháp tái lập đường hỏa xa giữa hai thành phố này.

— Chiếm Phủ Lý 6-1-1947 nhưng không khai thông được quốc lộ 1 dẫn đến Nam Định tại đây quân Pháp đã bị bao vây trong khu nhà máy sợi và mãi tới ngày 11-3-1947 nhờ quân tăng viện mới giải tỏa được thành phố này.

— Từ Đà Nẵng ngày 2-2-1947 tiến ra và đã giải tỏa cho đơn vị tại Huế ngày 7-2-1947, nghĩa là sau 16 ngày bị vây hãm.

— Chiếm Quảng Trị ngày 18-2-1947, cánh quân ở đây tiếp giao được với một cánh quân khác từ Trung Lào đánh xuyên sang và chiếm Đồng Hới vào đầu tháng 3-1947.

— Chiếm nhanh chóng miền mỏ Hongay.

— Chiếm nhanh chóng miền Thái thuộc phạm vi các tỉnh Sơn La và Lai Châu.

Tuy nhiên Pháp đã bị thất bại tại thành phố Vinh với toàn quân trên 100 người bị cô lập phải đầu hàng ngay khi khởi chiến.

△ VẬN ĐỘNG TÁI THƯƠNG THUYẾT
1-4-1947

Tân cao ủy Bollaert tới Việt Nam ngày 1-4-1947 đã vận động tái thương thuyết với Việt Minh. Thương thuyết bất thành Pháp chuyển sang điều đình với ông Bảo Đại để thành lập mặt trận quốc gia chống Cộng. Ông Bảo Đại bắt đầu hướng các hoạt động chính trị về quốc nội kể từ tháng 9-1947.

△ HÀNH QUÂN LÉA LÊN MIỀN RỪNG NÚI VIỆT BẮC
7-10-1947

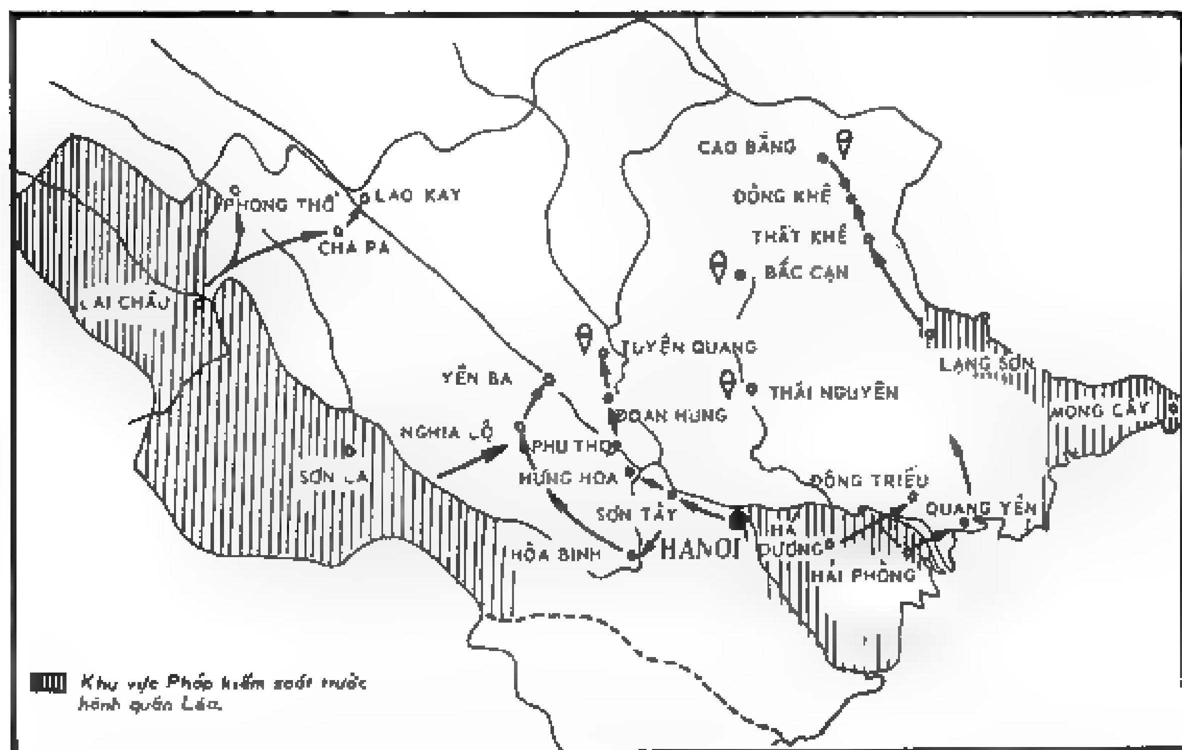
Đây là trận tổng tấn công quy mô nhất của Pháp trong năm 1947. Pháp muốn tiêu diệt chủ lực Việt Minh tại Việt Bắc nên đã huy động 20 tiểu đoàn vừa bộ binh vừa nhảy dù với các chiến xa yểm trợ

Chỉ huy tổng quát trung tướng Salan.

Trận tấn công mở đầu từ sáng sớm ngày 7-10-1947 bằng hai cánh quân lớn chia làm hai mặt tiến lên Việt Bắc.

Cánh thứ nhất do trung tá Communal chỉ huy xuất phát từ Hà Nội, theo triền sông Nhị Hà chiếm Sơn Tây, thẳng lên chiếm Hưng Hóa, Phủ Đoan Hùng.

Cánh thứ nhì do đại tá Beauffre chỉ huy



Sơ đồ hành quân Léa.

xuất phát từ Lạng Sơn dọc theo quốc lộ số 4 chiếm Thất Khê, Đông Khê

Giữa gọng kềm của hai cánh quân, những toán quân nhảy dù do đại tá Sauvagnac chỉ huy nhảy xuống chiếm Cao Bằng, Bắc Kạn, Chợ Chu, Thái Nguyên, Tuyên Quang ngày 13-10-1947. Các toán dù tại Cao Bằng và Tuyên Quang hành quân tiếp giao với các đơn vị bộ binh. Trong vụ nhảy dù xuống Bắc Kạn, Pháp đã bắt hụt Hồ Chí Minh.

Ngoài nỗ lực chính, cuộc hành quân này còn có những nỗ lực phụ xuất phát từ Hà Nội tới Hòa Bình (chiếm từ 15-4-1947) tiến lên miền Tây Bắc Việt Bắc tới Nghĩa Lộ (chiếm được từ tháng 9-1947 do một toán quân từ miền Thái xuống) rồi tới Yên Bái (20-10-1947).

Một nỗ lực phụ khác xuất phát từ Lai Châu chiếm Phong Thổ, Chapa (21-10) và tới Lao Kay (30-10-1947).

Một vài cánh quân xuất phát từ Hải Phòng và Hải Dương, hành quân vào vùng Đông Triều rồi tiến lên khu Yên Thế Thượng tức là căn cứ của ông Hoàng Hoa Thám trước kia.

Kết quả cuộc hành quân là các cánh quân lớn cũng như nhỏ của Pháp đã không thực hiện được ý định tiêu diệt chủ lực địch. Vì tới đâu, Việt Minh cũng né tránh nên không có một trận đụng độ quan trọng nào xảy ra.

Sau cuộc hành quân, Pháp rút về đồng bằng và chỉ để quân chiếm đóng vùng Đông Bắc Việt Bắc nằm trong tam giác Lạng Sơn-Cao Bằng - Bắc Kạn

D. NĂM 1948

▵ CHIẾN TRANH TẠI BẮC VIỆT.

a) Phía Pháp.

Từ các trung tâm Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và Nam Định, Pháp đánh mở rộng để kiểm soát các trục lộ giao thông quan trọng, củng cố an ninh và vãn hồi trật tự cho những vùng đã chiếm đóng.

Quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng, chiếm Quảng Yên, Kiến An, Hà Đông, Ninh Bình, mở hành quân Ondine 1 và 2 (tháng 11-1948) chiếm Xuân Mai, Hòa Bình, thiết lập giao thông trên đường số 6, chiếm Sơn Tây và Việt Trì.

b) Phía Việt Minh.

Tại đồng bằng, Pháp càng mở rộng vùng chiếm đóng, Việt Minh càng có cơ hội tạo địa bàn hoạt động cho du kích. Việt Minh thường phục kích, đánh quấy rối đồn bót, chống càn và đánh mìn bẫy. Các hình thức chống Pháp này bắt đầu xảy ra từ tháng 1-1948.



Một cuộc hành quân mở đường của bộ binh có thiết giáp yểm trợ đang tiến sâu vào vùng làng mạc tại Bắc Việt.



Một đoàn xe tại khởi điểm Thủ Dầu Một trước khi khởi hành đi Banmêthuột.

Từ tháng 3-1948, Việt Minh gây áp lực khá mạnh tại Bắc Kạn, Cao Bằng và mở rộng các trận đánh phục kích trên quốc lộ số 4.

Tháng 4-1948, Việt Minh gây áp lực tại NghĩaLộ thuộc miền Thái, đồn Tú Lệ bị thất thủ, mãi đến trung tuần tháng 5 quân Pháp mới giải tỏa cho Nghĩa Lộ và chiếm lại Tú Lệ.

Tháng 12-1948, Việt Minh đã chủ động chiến trường Đông Bắc, đánh thắng trận Phủ Thông Hoa trên đường Bắc Kạn — Cao Bằng : một đồn Lê Dương của Pháp bị hạ.

Việt Minh đã dồn quân tổ chức những đơn vị chính quy đầu tiên vào tháng 8 năm 1948. Những đơn vị lưu động đầu tiên này đã xuất trận tại chiến trường Đông Bắc, miền Thái, các đầu cầu quân sự Pháp tại tả ngạn sông Hồng Hà và các vị trí Pháp tại miền Hòa Bình.

A. CHIẾN TRANH TẠI NAM VIỆT.

a) Phía Pháp.

Quân Pháp dưới quyền điều khiển của tướng Boyer de la Tour du Moulin kiểm soát tổng quát được vùng này, ngoại trừ ba khu vực

— Đồng Tháp Mười

— U Minh Thượng và U Minh Hạ.

— Khu Tây Bắc Thủ Dầu Một (các chiến khu D và Dương Minh Châu)

b) Phía Việt Minh.

Tình hình Nam Việt yên tĩnh trong năm 1947 đã trở nên sôi động kể từ đầu năm 1948.

Ngày 1-3-1948, Việt Minh phục kích một đoàn xe Pháp khiến cả đoàn xe Pháp 70 chiếc bị tiêu hủy tại quốc lộ 20 gần La Ngà

Ngày 4-3-1948, phục kích một đoàn xe khác trên quãng đường từ Bắc Mỹ Thuận về tỉnh lỵ Sa Đéc.

Như vậy, Việt Minh đã hoàn thành được những tổ chức căn bản ở miền Nam và đang ở trên đà phát triển du kích chiến đến chỗ mở màn các trận giao thông chiến.

Trong năm 1948, các hoạt động khủng bố và ám sát của Việt Minh đã xảy ra rất mạnh tại trung tâm thành phố Saigon

Các vùng Cao Nguyên và Trung Việt tương đối yên tĩnh. Tại đây, Pháp không đủ quân số để chiếm đóng toàn thể lãnh thổ, nên đã để các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên ở trong tay Việt Minh.

E. NĂM 1949

△ HÀNH QUÂN POMONE
mùa hạ năm 1949

Pháp mở hành quân vào vùng Phú Thọ và Tuyên Quang, nhưng sau đó lại rút lui. Chỉ đụng độ trên sông Lô Giang khiến Pháp nhiều tổn thất.

△ ĐỒN PHO RANG THẤT THỦ .
tháng 6-1949

Tiền đồn Pho Rang của Pháp bảo vệ Lao Kay thất thủ, Việt Minh còn chiếm các địa điểm sông Kỳ Cùng và Đèo Cát trong vùng Thất Khê.

△ HÀNH QUÂN BASTILLE
tháng 7-1949

Với cuộc hành quân này, Pháp chiếm tỉnh lỵ Bắc Ninh. Tỉnh lỵ Bắc Ninh lúc đó chỉ là một đống gạch vụn do chính sách tiêu thổ kháng chiến của Việt Minh.

Tiếp đó, Pháp chiếm tỉnh lỵ Vĩnh Yên và Phúc Yên (8-1949).

△ HÀNH QUÂN JUNON VÀ BOURRICOT
tháng 9-1949

Phối hợp hải lục không quân, Pháp mở các cuộc hành quân này chiếm Phát Diệm và Bùi Chu.

△ VIỆT MINH MỞ CHIẾN DỊCH LÊ LỢI
tháng 10-1949.

Uy hiếp Hòa Bình ; đồn Chợ Bến bị thất thủ ngày 25-11-1949, đồn Tu Vũ phải di tản.

△ HÀNH QUÂN TONNEAU
tháng 12-1949.

Pháp mở các cuộc hành quân Tonneau 1 và 2 chiếm tỉnh lỵ Hưng Yên và Thái Bình.

△ TRUNG CỘNG LÊN ÁN QUÂN PHÁP .
24-12-1949.

Trung cộng tiến tới biên giới Bắc Việt và lên án quân Pháp tiếp tay với quân đội Trung Hoa Quốc Gia, trái với quốc tế công pháp.

Pháp đã phải từ chối các sự hợp tác với các nhóm tàn quân của Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới và chuyển họ đến đảo Phú Quốc và các đồn điền cao su Nam Việt để sinh sống.

Từ giữa năm 1949, hoạt động của Việt Minh đã bắt đầu lan tới các tỉnh Kontum, Pleiku, Đồng Nai Thượng và Lâm Đồng.

Tại miền Trung, Pháp mở các cuộc hành quân bình định vào tỉnh Quảng Bình.

G. NĂM 1950

△ TÌNH HÌNH BIẾN CHUYỂN
tháng 1-1950.

Các đồ tiếp tế vũ khí của Trung Cộng bắt đầu tới Bắc Việt đều đặn.

Các cố vấn Trung Cộng tới Bắc Việt.

Quân đội Việt Minh được đưa sang Hoa lục huấn luyện.

Các sư đoàn (1) đầu tiên số 304 và 308 của Việt Minh được thành lập. Việc thành lập này được kết hợp bởi các trung đoàn chủ lực tại Bắc Việt và Bắc Trung Việt. Cũng từ đầu năm, nhiều đơn vị chính quy khác được kết hợp với những đơn vị địa phương để sẵn sàng thành lập đại đơn vị.

Trong những tháng đầu năm 1950 tình hình chiến sự trên toàn quốc tương đối yên tĩnh.

(1) Việt Minh gọi sư đoàn là đại đoàn.

Chiến sự chỉ được ghi nhận tại

— Đông Bắc Việt Bắc với những trận đánh phục kích của Việt Minh trên quốc lộ 4.

— Bắc Trung Việt với các cuộc hành quân tảo thanh của Pháp tại tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình.

△ VIỆN TRỢ MỸ ĐẦU TIÊN . tháng 6-1950.

Trước mối hiểm họa của Cộng sản, trong mùa xuân năm 1950 sau một thời gian chần chừ, ngoại trưởng Mỹ Dean Acheson đã khuyến cáo viện trợ cho Pháp chống cuộc chiến đấu của Việt Minh được Nga—Hoa hậu thuẫn. Cuộc viện trợ này được thực hiện vào tháng 6-1950, hạn chế vào các đồ tiếp liệu kinh tế và quân dung, không có việc can thiệp bằng quân sự.

△ PHÁP RÚT LUI BẮC KẠN tháng 8-1950.

Việt Minh gây áp lực ở mặt trận Đông Bắc khiến Pháp phải rút lui khỏi Bắc Kạn

Việt Minh bước sang giai đoạn cầm cự, có nghĩa là họ đã khá mạnh để Pháp không thể đẩy lui được họ trên mặt trận toàn quốc. Việt Minh còn gọi giai đoạn này là « thời gian tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phản công» (3).

△ CHIẾN DỊCH LÊ HỒNG PHONG tháng 0-1950.

Việt Minh mở chiến dịch Lê Hồng Phong vào vùng Tam Đảo, quốc lộ số 2,gây nên tình trạng khá căng thẳng, đồng thời họ uy hiếp Lao Kay

△ CHIẾN DỊCH HOÀNG VĂN THỤ 18-9-1950.

Do chiến dịch này, Việt Minh tấn công chiếm Đông Khê trên quốc lộ số 4. Sự thất thủ thị trấn này đã đặt tỉnh lỵ Cao Bằng vào thế cô lập. Một cầu không vận đã được thiết lập để tiếp tế cho Cao Bằng.

△ TRẬN CAO — BẮC — LẠNG 29-9-1950 — 7-10-1950.

Việt Minh mở mặt trận tại chiến trường Đông Bắc. Pháp mất hai liên đoàn phải bỏ Cao Bằng và Lạng Sơn. Đây là chiến thắng quan trọng đầu tiên của Việt Minh được mệnh danh là chiến thắng « Cao-Bắc-Lạng ». Đây là một trận đánh quan trọng sẽ được mô tả trong chương 3.

△ PHÁP BỎ LAO KAY và HÒA BÌNH 15-10-1950.

Tại mặt trận Tây Bắc, Pháp rút bỏ Lao Kay, Hòa Bình và Vụ Bản. Quân Pháp ở Lao Kay rút về Lai Châu.

△ TƯỚNG DE LATTRE SANG ĐÔNG DƯƠNG . 17-12-1950.

Đại tướng Jean Marie Gabriel de Lattre de Tassigny sang Đông Dương giữ chức cao ủy kiêm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh thay thế cặp Pignon-Carpentier.

△ LỰC LƯỢNG CHỦ LỰC VIỆT MINH cuối năm 1950.

a. Thành phần tổng trừ bị :

— Các sư đoàn số 304 và 308

— 1 trung đoàn bảo vệ cơ quan lãnh đạo

b. Thành phần lãnh thổ :

1) Liên khu Việt Bắc :

Mặt trận Đông Bắc

— 2 trung đoàn chính quy

— 4 trung đoàn chủ lực khu

— 4 tiểu đoàn chủ lực khu

Mặt trận Tây Bắc

— 4 trung đoàn chính quy

— 3 tiểu đoàn chủ lực khu

2) Liên khu 3 (Châu thổ Bắc Việt + miền Hòa Bình).

— 5 trung đoàn chính quy

— 5 tiểu đoàn chủ lực khu

3) Liên khu 4 (6 tỉnh Bắc Trung Việt) :

— 3 trung đoàn chính quy

— 1 trung đoàn Trung Lào

4) Liên Khu 5 (Nam Ngãi-Bình-Phú)

— Trên giá trị 1 sư đoàn chính quy.

(3) Trong « Chiến lược trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi » của Việt Minh có ba giai đoạn là giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự và giai đoạn tổng phản công.

Tại các khu vực quân sự khác, Việt Minh chỉ có các đơn vị địa phương cấp tiểu đoàn hoạt động riêng rẽ hoặc đôi khi phối hợp.

c. Miền Nam Trung Việt :

— 9.500 người hoạt động trong điều kiện khó khăn vì tiếp tế.

d. Toàn xứ Nam Việt : (các Liên khu 7, 8 và 9)

— 40.000 người.

Nói chung vào cuối năm 1950 trên toàn quốc từ dân quân du kích tới các đơn vị địa phương, chủ lực khu, chính quy, Việt Minh có tới 220.000 người võ trang.

Trở lại quá trình thành hình của quân đội Việt Minh từ năm 1946. Trong năm này, bộ đội Việt Minh chỉ mới tổ chức những đại đội độc lập, lấy chiến tranh du kích làm nền tảng và kể từ năm 1947, những đại đội này hoạt động sau lưng địch để làm bào mòn tiềm lực quân đội đối phương. Tuy nhiên, cũng cần phải nói rằng quân đội Việt Minh dưới chiêu bài "quân giải phóng" đã quy tụ hầu hết những người yêu nước nên đánh rất hăng. Ngoài ra, những đội dân quân tự vệ và dân quân du kích mọc lên khắp nơi, được các ủy ban hành kháng địa phương huấn luyện nhanh chóng về chiến thuật du kích, cách phá hoại v.v... Cuối



Cán binh Việt Minh trước bữa ăn



Một đơn vị Việt Minh đang học tập.

năm 1948, Việt Minh đã tổ chức được các trung đoàn nhưng sự thật chỉ là những tiểu đoàn được tăng cường. Người ta nhận thấy

Trong vùng Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Cao Bằng có 6 trung đoàn — trong vùng Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên có 8 trung đoàn — hữu ngạn sông Hồng có 11 trung đoàn — giữa Thanh Hóa và Vinh có 5 trung đoàn. Tất cả những đơn vị chính quy này có một quân số không quá 40.000 người. Năm 1949-50 Việt Minh thu được một vài chiến thắng như trận đánh trên đường số 1 và lưu vực sông Mã, tiêu diệt đồn Châu Sơn và chiếm lại tỉnh Bắc Kạn và gần hết tỉnh Cao Bằng

Với những thành tích kể trên, bộ đội Việt Minh được tổ chức mỗi ngày một chu đáo và các binh chủng truyền tin, pháo binh, công binh bắt đầu xuất hiện. Các đơn vị nhỏ được tập trung lại để thành lập các đại đơn vị. Phía Bắc vớiTrung đoàn 308 là nòng cốt và tại Thanh Hóa vớiTrung đoàn 304 để thành lập ra các Đại đoàn 308 và 304.

H NĂM 1951

△ TRẬN VĨNH YÊN
13-1-1951 — 17-1-1951

Việt Minh tấn công Vĩnh Yên. Đây là trận đánh quan trọng được mô tả ở chương 3.

△ BINH ĐOÀN CHỦ LỰC VIỆT MINH XUẤT HIỆN
tháng 1-1951

Binh đoàn chủ lực Việt Minh đã xuất hiện trên chiến trường miền Bắc với 5 đại đoàn (sư đoàn) bộ binh và một đại đoàn pháo binh. Đó là Đại đoàn bộ binh số 304, 308, 312 316, 320 và Đại đoàn pháo 351 liên tiếp do các đại tá Hoàng Minh Thảo, Vương Thừa Vũ, Lê Trọng Tấn, Cao Văn Khánh, các thiếu tướng Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa chỉ huy

Tính tới tháng 1-1951, Việt Minh có

— 81 tiểu đoàn bộ binh.

— 12 tiểu đoàn pháo binh

— 8 tiểu đoàn công binh.

Trong thời gian này, đoàn quân viễn chinh Pháp có

— 108 tiểu đoàn bộ binh trong đó có 9 tiểu đoàn nhảy dù.

— 44 chi đoàn thám thính xa, thiết giáp và thủy xa.

— 17 tiểu đoàn pháo binh

— 06 tiểu đoàn công binh.

— Và các đơn vị Không, Hải quân.

△ PHÒNG TUYẾN DE LATTRE
tháng 2-1951

Phòng tuyến chạy theo một hành lang trắng (no man's land) bao quanh châu thổ Bắc Việt. Dọc theo hành lang có các đồn binh được thiết lập để chống các cuộc tấn công của đối phương từ Việt Bắc xuống và ngăn các sự tiếp tế từ đồng bằng ra.

△ VIỆT MINH TẤN CÔNG TỈNH LỴ SA ĐÉC
15-3-1951.

Việt Minh với 6 tiểu đoàn từ Đồng Tháp tấn công tỉnh lỵ Sa Đéc. Pháp phản công và dùng bom napalm tiêu diệt hai tiểu đoàn.

△ TRẬN MẠO KHÊ
24-3-1951.

Việt Minh tấn công Mạo Khê. Đây là trận đánh quan trọng được mô tả ở chương 3.

△ HÀNH QUÂN MÉDUSE
20-4-1951

Pháp mở hành quân Méduse tại vùng đầu rắn độc (tête de vipère) thuộc phía Nam tỉnh Hải Dương. Khoảng 12 tiểu đoàn bộ binh được các chiến hạm phong tỏa ngoài biển, đã mở cuộc càn quét. Chỉ có một trận đụng độ lớn tại Vĩnh Bảo. Cuộc hành quân kéo dài 12 ngày. Sau cuộc hành quân, Pháp cho quân chiếm đóng các huyện Thanh Hà, Tứ Kỳ và Ninh Giang thuộc tỉnh Hải Dương.

△ HÀNH QUÂN AQUARIUM
tháng 4-1951

Nhằm tổng càn quét Đồng Tháp Mười.

△ HÀNH QUÂN REPTILE
9-5-1951

Mở vào vùng Kẻ Sặt thuộc tỉnh Hải Dương.

△ HÀNH QUÂN CITRON VÀ MANDARINE
10-5-1951

Pháp mở hai cuộc hành quân này để tảo

thanh và bình định tỉnh Thái Bình. Trong những trận này, Pháp đã huy động một quân số đông đảo càn quét rất kỹ các làng mạc với chiến thuật « càn qua càn tới, càn đi càn lại ». Pháp đã bắt tất cả thanh niên về tập trung tại tỉnh lỵ Thái Bình để thanh lọc. Sau trận này, tỉnh Thái Bình được tạm yên khá lâu.

△ TRẬN BỜ SÔNG ĐÁY
29-5-1951—23-6-1951

Việt Minh gọi trận này là chiến dịch Hà-Nam-Ninh (Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình). Trong trận này, người con trai duy nhất của tướng de Lattre tử trận. Đây là một trận đánh quan trọng được mô tả ở chương 3.

△ TRẬN ĐÁNH ĐỒN NGHĨA LỘ
5-10-1951

Việt Minh tạm bỏ đồng bằng Bắc Việt chuyển cuộc tấn công vào miền Thái. Nếu miền Thái mất, Lào sẽ bị đe dọa. Cửa ngõ vào miền Thái là đồn Nghĩa Lộ. Từ cuối tháng 9-1951, Việt Minh đã âm thầm chuyển Sư đoàn 312 vượt qua sông Hồng Hà và tiến về phía đồn binh này, Pháp biết trước, vội vàng thả 3 tiểu đoàn nhảy dù xuống để trấn giữ. Ngày 5-10, sau nhiều lần dụng độ để vượt qua cửa ải này không thành công, Việt Minh bỏ ý định tiến vào miền Thái.

△ TRẬN ĐÁNH CHỢ CHÁY :
tháng 6-1951

Pháp mở trận đánh Chợ Cháy suýt bắt được hội đồng chính phủ của Việt Minh.

△ MỘT CUỘC HÀNH QUÂN CỦA PHÁP BỊ BÃI BỎ 26-10-1951

Pháp điều động một quân số rất lớn để đánh vào miền bờ biển Thanh Hóa nhưng bị bão nên cuộc hành quân này bị bãi bỏ.

Với cuộc hành quân này, Pháp đã huy động 10 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh, cùng chiến xa chuyển quân bằng đường thủy tới bờ biển Thanh Hóa theo hai ngả : một ngả từ Cát Bà tới — và một ngả từ Đà Nẵng ra.

△ HÀNH QUÂN GIẢI TỎA ĐÈO HẢI VÂN
tháng 10-1951.

Pháp hành quân giải tỏa đèo Hải Vân. Việt Minh gây áp lực mạnh tại Kontum và đèo An Khê.

△ CHIẾN DỊCH LOTUS
14-11-1951 — 24-2-1952.

Pháp mở chiến dịch Lotus tái chiếm tỉnh lỵ Hòa Bình. Đây là một trận đánh quan trọng được mô tả ở chương 3.

I. NĂM 1952

△ HÀNH QUÂN TOURBILLON 1, 2, 3, 4 : tháng 1 năm 1952.

Từ tháng giêng tới tháng 2-1952, Pháp mở liên tiếp các hành binh Tourbillon 1, 2, 3 và 4 dưới quyền điều khiển của tướng Baillif phụ tá của tướng Bondis tư lệnh lục quân Pháp tại Nam Việt vào Đồng Tháp Mười, các khu vực Mỹ Tho và Sa Đéc.

△ TƯỚNG DE LATTRE CHẾT :
11-1-1952

De Lattre bị bệnh mất ở Pháp, chức vụ tổng tư lệnh quân đội được giao cho tướng Raoul Salan.

△ HÀNH QUÂN CYBELE
14-2-1952

Pháp mở hành quân Cybèle càn quét khu vực Đồng Hới.

△ HÀNH QUÂN CRACHIN
15-2-1952

Tướng de Linarès, tư lệnh lục quân Bắc Việt, mở hành quân Crachin giữa khu sông Hóa và sông Trà Lý để chặn Sư đoàn 320 Việt Minh tiến vào đồng bằng. Cuộc hành quân này chấm dứt ngày 27-2-1952.

△ HÀNH QUÂN CARÈME :
24-2-1952

Dưới quyền điều khiển của viên đại tá Moissenet, tư lệnh lục quân khu Bắc Trung Việt, Pháp mở hành quân Carème giải tỏa khu Cầu Hai thuộc Thừa Thiên. Cuộc hành quân khá quy mô này có cả hải pháo yểm trợ.

△ HÀNH QUÂN BISSEXTILE
19-2-1952

Sau hành quân Reptile, Pháp lại mở hành quân Bissextile vào Kế Sặt.

△ HÀNH QUÂN SABLE
tháng 2 năm 1952

Hành quân Sable tại miền Nam Vĩnh Phúc Yên dưới quyền điều khiển của tướng Cogny để ngăn Sư đoàn 316 vào đồng bằng.

△ HÀNH QUÂN POISSON
tháng 2-1952

Hành quân Poisson càn quét khu vực Bản Yên Nhân gây nhiều thiệt hại cho đối phương.

△ HÀNH QUÂN OURAGAN
1-3-1952

Hành quân Ouragan càn quét Mỹ Lợi ở Phú Vang.

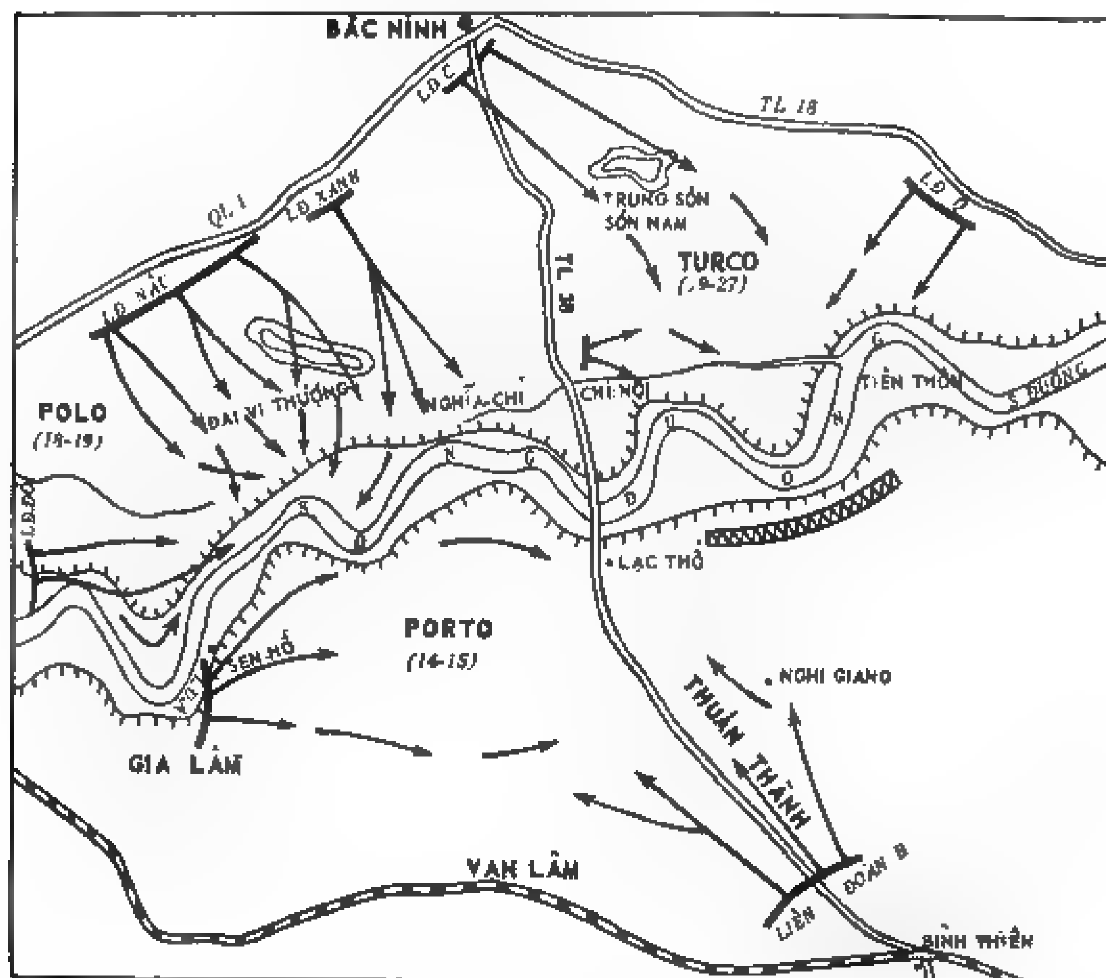
△ HÀNH QUÂN BRIGADE
tháng 3-1952

Hành binh Brigade bao vây và tiêu hao đoàn binh của ông Trịnh Minh Thế (Cao Đài ly khai) tại phía Nam tỉnh Tây Ninh.

△ HÀNH QUÂN AMPHIBIE
11-3-1952

Hành quân Amphibie là giai đoạn đầu của cuộc hành quân lớn Mercure — hành quân này chấm dứt ngày 23-3-1952

Sơ đồ hành quân Porto — Polo — Turco.



∆ HÀNH QUÂN MERCURE
26-3-1952 — 12-4-1952

Hành quân Mercure do đại tá Vanuxem chỉ huy đánh vào vùng ven bể của tỉnh Thái Bình. Vùng hành quân rộng tới 200 cây số vuông có thủy binh chiếm đóng cửa bể Diêm Hộ. Trong trận này, quân Pháp huy động tới 17 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo binh, 5 đại đội công binh và các xe thiết giáp, đã gây tán loạn và thiệt hại nặng cho Trung đoàn 48 thuộc Sư đoàn 320 Việt Minh với 1 500 tử thương, 400 bị bắt làm tù binh trong đó có 40 sĩ quan, quân Pháp bị thương vong trên 300.

∆ HÀNH QUÂN PORTO, POLO,TURCO.
từ 14-4 đến 27-4-1952.

Việt Minh với các Trung đoàn 98 và 174 đe dọa vùng tỉnh Bắc Ninh. Đồn Lạc Thổ thất thủ ngày 6-4-1952, nhiều đồn khác bị bao vây khiến Pháp phải rút lui về phía Tây. Pháp bèn mở tảo thanh đại quy mô với ba cuộc hành quân liên tiếp: Porto, Polo và Turco.

1) Hành quân Porto : 14 — 15-4-1952.

Lực lượng hành quân của Pháp :

— 8 tiểu đoàn bộ binh

— 1 trung đoàn thiết giáp

— 2 tiểu đoàn pháo binh

Mục tiêu : Vùng Tây Nam sông Đuống.

Diễn tiến : Ngày 14-4, Pháp chia quân làm hai cánh Liên đoàn A tiến theo trục từ vùng Sen Hồ ; Liên đoàn B tiến theo 4 trục dọc theo tỉnh lộ 38. Cuộc tiến quân dễ dàng ngoại trừ một cuộc giao tranh khá mạnh tại Nghi Giang.

Ngày 15-4, cuộc hành quân tiếp diễn không gặp trở ngại, vì Việt Minh tránh né không chịu giao tranh và phân tán mỏng để thoát khỏi vùng hành quân. Pháp thay đổi đội hình cho Liên đoàn A giữ vững khu Lạc Thổ, kiểm soát và bảo vệ tỉnh lộ 38. Còn Liên đoàn B giải tán để tham dự hành quân Polo.

2) Hành quân Polo . 18 — 19-4-1952

Lực lượng hành quân

— 8 tiểu đoàn bộ binh

— 1 trung đoàn thiết giáp

— 2 tiểu đoàn pháo binh

Mục tiêu : Vùng Tây Bắc sông Đuống

Diễn tiến : Pháp chia quân làm ba cánh : Liên đoàn Xanh, Liên đoàn Nâu và Liên đoàn Đỏ. Liên đoàn Xanh chạm địch mạnh mẽ tại Nghĩa Chỉ; Liên đoàn Nâu chạm địch tại làng Đại Vi Thượng. Nhưng hai cánh quân này tiến dễ dàng. Riêng Liên đoàn Đỏ tiến chậm vì gặp nhiều mìn và bị Việt Minh từ các ruộng ngô bắn dữ dội phải chờ pháo binh và không quân can thiệp. Các cánh quân thâu hẹp vòng vây. Việt Minh chạy về phía đông. Bộ chỉ huy Pháp mở ngay một cuộc hành quân khác là hành quân Turco sớm hơn dự liệu 24 giờ.

3) Hành quân Turco : 19 — 24-4-1952

Lực lượng hành quân

— 13 tiểu đoàn bộ binh

— 1 trung đoàn thiết giáp

— 4 tiểu đoàn pháo binh.

Mục tiêu Vùng Đông Bắc sông Đuống.

Diễn tiến : Pháp chia quân làm 4 cánh : các Liên đoàn C, B, Q và R. Liên đoàn B án ngữ dọc sông Đuống từ Lạc Thổ đến Tiên Thôn.

Ngày 19-4 các Liên đoàn C và Q từ tỉnh lộ 18 tiến về phía sông Đuống. Liên đoàn C chạm địch rất mạnh trên đồi Trung Sơn. Đêm đến, Việt Minh toan phá vòng vây tại Sơn Nam nhưng vô hiệu quả.

Ngày 20-4, Liên đoàn R mới xuất phát theo trục Đông Bình — Chi Nội. Liên đoàn Q tới vùng Mộ Đạo bị Việt Minh chặn đứng. Các đợt xung phong của Pháp đều bị đẩy lui. Pháp vẫn cố gắng thiết lập một vòng vây chặt chẽ. Đêm đến, Việt Minh tung các cuộc phản công phá vòng vây tại Trắc Nhiệt bị hỏa lực của pháo binh lẫn bộ binh Pháp bắn tán loạn, cuối cùng có một ít lọt khỏi vòng vây.

Các ngày kế tiếp, Pháp tiếp tục thắt chặt vòng vây gây cho Việt Minh tổn thất nặng nề.

Kết quả .

— Về phía Pháp : 76 tử trận, 261 bị thương, 37 mất tích.

— Về phía Việt Minh 898 tử trận, 1269 bị bắt làm tù binh.

Pháp tịch thu 558 súng trường, 76 tiểu liên, 5 các bin, 18 súng lục, 55 trung liên, 2 súng không giật, 11 súng chống chiến xa, 28 súng cối 60 ly, 3 súng cối 81 ly.

Pháp sở dĩ thắng vì nhờ địa thế thuận tiện, chuyển vận dễ dàng nên đã áp dụng được một chiến thuật rất mềm dẻo, nghĩa là đã tung ra nhiều cuộc hành quân liên tiếp khác nhau vừa nhanh chóng vừa có quân số dồi dào và vừa bất ngờ. Do đó Việt Minh không kịp né tránh, phải chấp nhận đụng độ và đã tạo cho Pháp phần thắng chắc chắn vì có hỏa lực trội hơn. Đây là một cuộc hành quân bình định điển hình của Pháp tại đồng bằng Bắc Việt

△ HÀNH QUÂN DROMADAIRE
28-4-1952

Hành quân tại vùng Thanh Miện, Phù Cừ thuộc Hải Dương và Hưng Yên



Hành quân Dromadaire tại một vùng thuộc tỉnh Hưng Yên

△ HÀNH QUÂN KANGOUROU, ANTILOPES
tháng 5 năm 1952

Tất cả những cuộc hành quân càn quét này trong khoảng Xuân—Hạ năm 1952 ở vùng đồng bằng Bắc Việt với tất cả những trận ném bom dữ dội Lạng Sơn, Chợ Mới, Chợ Chu và trên các quốc lộ số 1, số 2, số 3 và số 4 đã khiến bộ đội của Việt Minh tạm bỏ ý định xâm nhập miền đồng lúa.

△ HÀNH QUÂN BARNABÉ
13-6-1952

Hành quân Barnabé càn quét vùng suối Kỳ Tây Bắc tỉnh Tây Ninh.

△ HÀNH QUÂN QUADRILLE
8-7-1952

Hành quân Quadrille tại phía Đông Nam Huế kết thúc ngày 27-7-52.

△ HÀNH QUÂN CAI MANG
4-9-1952

Kế tục hành quân vào khu « dẫy phố buồn hiu » và Pháp đã gây cho Việt Minh thiệt hại nhiều.

△ VIỆT MINH CHIẾM MIỀN THÁI
11-10-1952 — tháng 3-1953

Việt Minh mở trận đánh vào xứ Thái. Đây là một trận đánh quan trọng được mô tả trong chương 3. Sau trận này Pháp mất miền Thái chỉ còn giữ được cứ điểm Na San đường liên tỉnh số 41 và Lai Châu. Trận miền Thái mãi tới đầu năm 1953 mới chấm dứt

△ HÀNH QUÂN SAUTERELLE
24-8-1952

Hành quân Sauterelle vào khu « dẫy phố buồn hiu » là khu Phong Lai ở giáp ranh hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Cuộc hành quân này do tướng Le Blanc tư lệnh lục quân miền Trung chỉ huy và đã tiêu diệt gần trọn Trung đoàn 101 Việt Minh. Trung đoàn này là một thành phần cơ hữu của Sư đoàn 325.

△ HÀNH QUÂN BRETAGNE
1-12-1952

Quân Pháp dưới quyền điều khiển của tướng Berchoux gồm 4 liên đoàn lưu động, 2 chi đoàn thủy xa với pháo binh và phi cơ yểm trợ đã hành quân trong vùng Bùi Chu để tiễu trừ Trung đoàn 9 và 18 Việt Minh. Các đơn vị Việt Minh đã bị thiệt hại khá nặng

1. PHÁP 233.826

— Đoàn quân viễn chinh 174.736

chia ra

Pháp 5[illegible].780

— Lê dương 19.07[illegible]

— Bắc Phi 29.542

Phi châu 18.153

— Bản xứ [illegible].182

- Phụ lực quân [illegible]9.090

2. QUÂN ĐỘI QUỐC GIA 117.800

chia ra

– Chính quy 91.[illegible]26

— Phụ lực quân 53.290

* Lực lượng chính quy

57 tiểu đoàn bộ binh

— 5 tiểu đoàn nhảy dù

— 3 tiểu đoàn pháo binh (1 tiểu đoàn và 8 pháo đội biệt lập)

- 6 chi [illegible]

* Không kể đơn vị yểm trợ

233.826 – 1[illegible].800 = 98.026

3. VIỆT MINH [illegible]25.000

– Đơn vị chủ lực và chính quy 270.000 trong đó có các đại đoàn chủ lực [illegible]

– 6 sư đoàn bộ binh 304, 308, 312, 316, 320 và 325

— 1 sư đoàn pháo 351

— 8 tiểu đoàn công binh

Lực lượng võ trang (dân quân + du kích), 150.000 trong đó

— Bắc Việt 60.000

— Trung Việt + Cao nguyên 25.000

— Liên khu 5 (Trung Việt)** 30.000

Nam Việt 40.000

** Trong số này có 18.000, Pháp coi như là một sư đoàn chính quy

TỔN THẤT PHÁP

Năm	Tổng số	Chết hoặc mất tích
1945	19.400	[illegible]
1946	68.400	2.828
1947	88.625	4.081
1948	86.[illegible]	1.821
1949	98.5[illegible]	4.872
1950	122.785	8.749
1951	112.068	[illegible]
1952	171.736	

* Trích trong Histoire 1940–1952 của Philippe Devillers

KẾT TOÁN THIỆT HẠI CỦA QUÂN ĐỘI QUỐC GIA TRONG BA THÁNG ĐẦU NĂM 1953

	Chính quy	Phụ lực quân
– Chết	389	15[illegible]
— Bị thương	[illegible]	228
Mất tích	81[illegible]	190
— Đào ngũ	263	221
— Vũ khí cá nhân mất	2.388	
— Vũ khí cộng đồng mất *	37	

* Chúng tôi không tìm được tổng số tổn thất của QĐQG.

Bảng so sánh tổng quát về quân số tham chiến (31-12-1952)

K. NĂM 1953

△ ĐỒN PHÚ MỸ THẤT THỦ
22-1-1953

Việt Minh nhờ có nội công đã chiếm đồn Phú Mỹ thuộc khu chiến Hưng Yên một cách dễ dàng.

△ HÀNH QUÂN HAUTES ALPES
17-3-1953

Pháp mở tấn công thăm dò Hòa Bình và tiếp theo là hành quân Hautes Alpes vào địa phận Bắc Thanh Hóa đe dọa căn cứ địa của Sư đoàn 304, cốt để trì hoãn cuộc tiến binh sang Lào của Việt Minh.

△ THIẾT LẬP TRUNG TÂM KHÁNG CỰ CÁNH ĐỒNG CHUM
20-3-1953

Pháp thành lập một trung tâm kháng cự kiểu pháo đài chìm tại cánh đồng Chum che chở thành phố Vientiane. Để thiết lập trung tâm kháng cự này Pháp đã phải chuyển vận quân và vật liệu bằng đường hàng không.

△ VIỆT MINH TỚI SẦM NỨA
1-4-1953

Việt Minh tới Sầm Nưa với 10 tiểu đoàn. Ngày 12-4-1953, Pháp bỏ Sầm Nưa rút lui về cánh đồng Chum trong số 1.700 người chỉ còn 120 người.

△ VIỆT MINH TẤN CÔNG ĐỒN MƯỜNG KHOA
13-4-1953

Việt Minh tấn công đồn Mường Khoa ở Lào. Đồn này thất thủ ngày 18-3-1953.

△ NAVARRE THAY THẾ SALAN
8-5-1953

Tướng Henri Navarre thay tướng Salan giữ chức vụ tổng tư lệnh Pháp tại Đông Dương ngày 8-5-1953.

△ QUÂN PHÁP CHỐNG GIỮ TRƯỚC THỦ ĐÔ LUANG PRABANG
9-5-1953

Quân đội Việt Minh tới trước thủ đô Luang Prabang của Vương quốc Lào. Vua Sivavong không chịu tản cư. Nhiều tiểu đoàn Lê dương và Bắc Phi do đường hàng không tới thủ đô Luang Prabang để hợp sức với quân hoàng gia Lào chống giữ kinh thành.

△ VIỆT MINH TẤN CÔNG ĐỒN YÊN PHỤ VÀ BẦN YÊN NHÂN
10-5-1953

Đồn Yên Phụ của Pháp thất thủ, đồn Bần Yên Nhân bị thiệt hại nặng. Trong khi tấn công các đồn này, bộ đội Việt Minh đã quấy rối các đồn Kênh Cầu, Vĩnh An, Như Quỳnh và Lạc Đạo để Pháp không thể tiếp viện được. Trong trận này, Pháp thiệt trên 20 người chết, 32 bị thương và mất tích. Pháp còn mất một kho súng gồm 185 khẩu kể cả cá nhân và cộng đồng.

△ VIỆT MINH RÚT KHỎI LAO QUỐC
18-5-1953

Sau thắng lợi Mường Khoa, Việt Minh tự động rút khỏi Lào quốc, chỉ để lại vài đại đội lẩn lút gây mầm du kích cho dân quân Néo Lao Issarak mới thành lập.

Trong trận đánh vào Lào này, Việt Minh sử dụng các Sư đoàn chủ lực 304, 308, 312, 316 được phụ lực thêm các Trung đoàn chủ lực địa phương 148, 136 và các đơn vị pháo binh. Mỗi trung đoàn bộ binh được tăng cường một tiểu đoàn phòng không. Bộ đội Việt Minh chia quân đánh bằng nhiều ngả

— Sư đoàn 316 và một phần Sư đoàn 308 tràn qua cánh đồng Nậm Hoa tiến lên thủ đô Luang Prabang.

— Sư đoàn 312 tràn qua Sầm Nưa thẳng tiến, uy hiếp khu vực cánh đồng Chum.

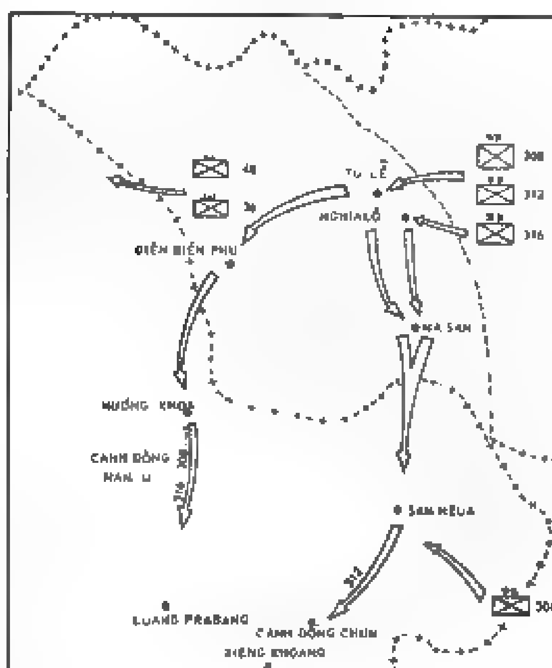
— Sư đoàn 304 xuất phát từ Bắc Trung Việt băng xuyên rừng vượt qua Nông Hét tiến đánh dọc theo đường « Hoàng hậu Astrid » tới trung tâm nước Lào.

— Một số trung đoàn kìm giữ không cho quân Pháp trong pháo lũy Nasan ra và phong tỏa đường liên tỉnh số 41 Sơn La — Lai Châu.

△ LỰC LƯỢNG HÒA HẢO LÊ QUANG VINH BỎ RA BƯNG
26-6-1953

Lực lượng Lê Quang Vinh khoảng trên 1200 người trong đó có 700 người được trả lương đóng tại Bắc Cái Bè và Thốt Nốt bỏ ra bưng sau khi đốt hết các đồn bót. Không hợp tác với Pháp, lực lượng này cũng không theo Việt Minh sống biệt lập tại vùng thôn quê quận Thốt Nốt.

Sơ đồ hành quân Thượng Lào (20-3 — 18-5-53).



A HÀNH QUÂN HIRONDELLE TẠI VÙNG ẢI NAM QUAN 17-7-1953

Hành quân Hirondelle tại vùng ải Nam quan do viên đại tá Ducourneau điều khiển với 5.000 quân. Một mặt cho quân nhảy dù xuống Kỳ Lừa đột kích vào một kho quân nhu của Việt Minh, mặt khác, một đoàn quân tiến quân tới Tiên Yên để tiếp đón cánh quân trên trở về. Trận này là một trận đánh điển hình theo chiến thuật lưu động của tướng Navarre. Pháp đã thành công trong việc phá hủy một kho quân nhu rất lớn.

SƠ ĐỒ HÀNH QUÂN HIRONDELLE

Cuộc hành quân Hirondelle ngày 17-7-53.

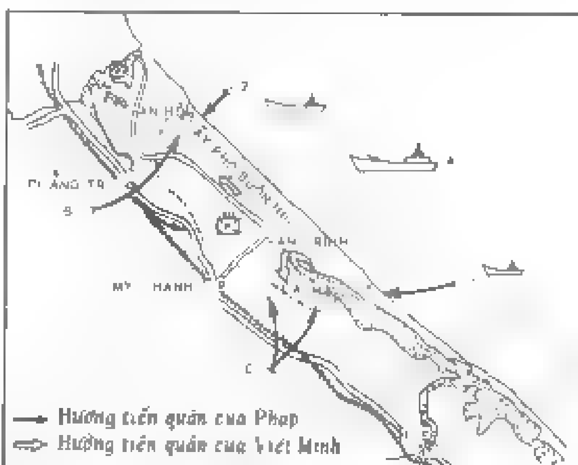
△ HÀNH QUÂN CAMARGUE
28-7-1953

Pháp mở hành quân Camargue vào khu « dãy phố buồn hiu ». Pháp huy động hải lục không quân gồm 5 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 7 đại đội com măng đô, 2 tiểu đoàn nhảy dù, 4 tiểu đoàn pháo binh cùng với 3 chi đoàn thiết giáp nhằm tiêu diệt Trung đoàn 95 Việt Minh.

Pháp chia làm 4 cánh A, B, C, và D. Các cánh B và C dùng chiến xa và bộ binh đánh từ quốc lộ 1 ra bể. Cánh D từ bể vào chia làm hai toán án ngữ phía Bắc và phía Nam khu « dãy phố buồn hiu ». Riêng cánh A gồm chiến xa và hai tiểu đoàn nhảy dù là lực lượng trừ bị ở trên tàu chiến ngoài khơi sẵn sàng can thiệp.

Cuộc hành quân không mang lại kết quả mong muốn vì các Tiểu đoàn 310 và 227 của Việt Minh đều chạy thoát. Riêng Tiểu đoàn 310 đụng độ và bị thiệt hại đáng kể. Cuộc hành quân Camargue là một trận điển hình theo chiến thuật lưu động của Navarre, chứng tỏ khả năng phối hợp giữa các lực lượng miền Bắc và miền Trung vì trong trận này một vài đơn vị được lấy từ miền Bắc.

Sơ đồ hành quân Camargue.

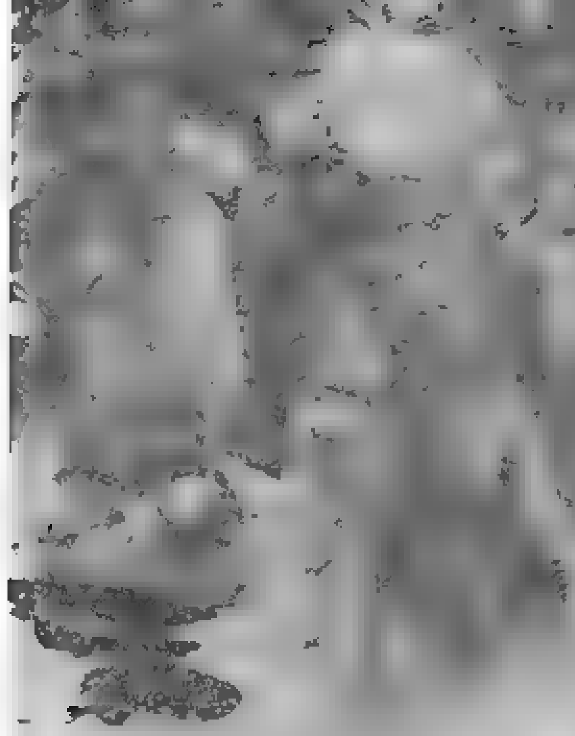




Một đơn vị Pháp nhảy xuống tuyến địch.



Bộ binh từng thiết thủy xa từ biển tiến vào để tiếp giao với nhảy dù.



— Dân chúng tự động tập trung khi quân Pháp vào làng (tại Vĩnh Bảo — Hải Dương 1953).



— Quân Pháp đang tiến qua đồng lúa trong cuộc hành quân Brochet tại Hưng Yên.

△ HÀNH QUÂN TARENTAISE · 5-8-1953

Hành quân Tarentaise tại vùng Bùi Chu, nhằm chiếm đóng khu vực Hải Hậu. Sau đó, Pháp chuyển giao quyền chỉ huy miền này cho Việt Nam.

△ RÚT LUI KHỎI PHÁO LŨY NASAN 9-8-1953

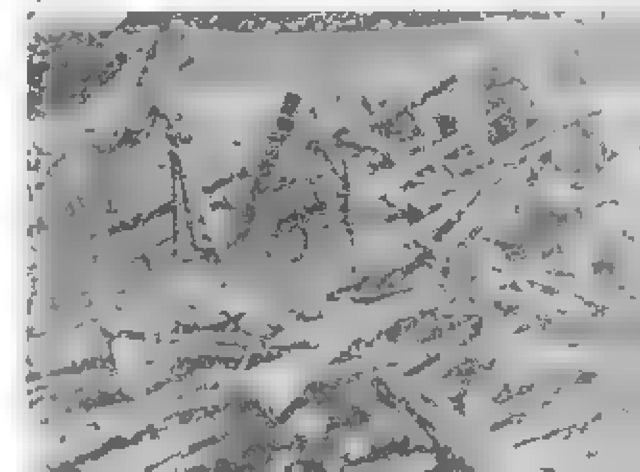
Quân Pháp rút khỏi pháo lũy Nasan. các tiểu đoàn Pháp rút bằng không vận một cách yên ổn. Pháp rút vì căn cứ trở nên vô ích không ngăn nổi đối phương tràn sang Lào. Hơn nữa Nasan ở cách quá xa Hà Nội và việc rút lui còn thu hồi được một lực lượng cần thiết để tăng cường cho việc lưu động đơn vị theo kế hoạch Navarre.

△ HÀNH QUÂN CLAUDE · 28-8-1953

Hành quân Claude tại vùng Tiên Lãng Hải Dương dưới quyền của viên đại tá Némo. Quân Pháp chiếm đóng vùng này sau hành quân.



— Chiến lợi phẩm tịch thu sau cuộc hành quân.



△ HÀNH QUÂN LÊ LỢI
tháng 9-1953

Quân đội Việt Nam mở hành quân Lê Lợi để bình định vùng Bùi Chu. Đây là cuộc hành quân riêng rẽ đầu tiên của các tiểu đoàn khinh quân Việt Nam khiến một số lớn tiểu đoàn này không chịu nổi áp lực Việt Minh bị tan rã.

△ HÀNH QUÂN FLANDRES
10-9-1953

Hành quân Flandres tại Trì Lễ thuộc Hà Đông.

△ HÀNH QUÂN BROCHET
23-9-1953

Hành quân Brochet tại phía Bắc Hưng Yên nhằm tiêu diệt Trung đoàn 42 Việt Minh trong khu đồng chiêm sình lầy. Trong trận này trước hết tướng Cogny đã nhử mồi để bộ đội Việt Minh lộ mục tiêu, bằng cách tung những cuộc hành quân nhỏ thăm dò xung quanh Hưng Yên và Hải Dương. Qua những vụ chạm súng, Pháp theo dõi được dấu vết Trung đoàn 42. Lúc đó mới thiết kế, tung ra 24.000 quân vào một trận đánh quy mô. Mặt trận này lan rộng tới ba bốn trăm làng xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Qua trận này, Trung đoàn 42 thiệt hại tới hàng ngàn người chết.

△ ĐỘT KÍCH CỐC LẾU
3-10-1953

Pháp cho 40 binh sĩ Mèo — Thái nhảy dù xuống Cốc Lếu tại Lào Kay phá sập cây cầu chiến lược rồi rút lui vô sự.

△ HÀNH QUÂN MOUETTE
15-10-1953

Hành quân Mouette đánh vào Thanh Hóa. Pháp huy động cả hải lục không quân đánh vào Phủ Nho Quan, dưới quyền chỉ huy của tướng Cogny với hai cánh quân.

— Một cánh do tướng Gilles tiến vào Bỉm Sơn, Yên Xá và dãy núi đá vôi trên bờ sông Đáy.

— Một cánh quân đổ bộ từ ngoài khơi Thanh Hóa, cuộc hành quân này gọi là Pélican. Trong khu Thanh Hóa (Liên khu 4) có hai Sư đoàn 304 và 320. Pháp chỉ chạm với Sư đoàn 320. Qua cuộc hành quân này, Việt Minh mất khoảng trên 1.000 người. Pháp thiệt hại khá nặng, chỉ tiến tới Phủ Nho Quan rồi rút lui.

△ HÀNH QUÂN CASTOR
20-11-1953

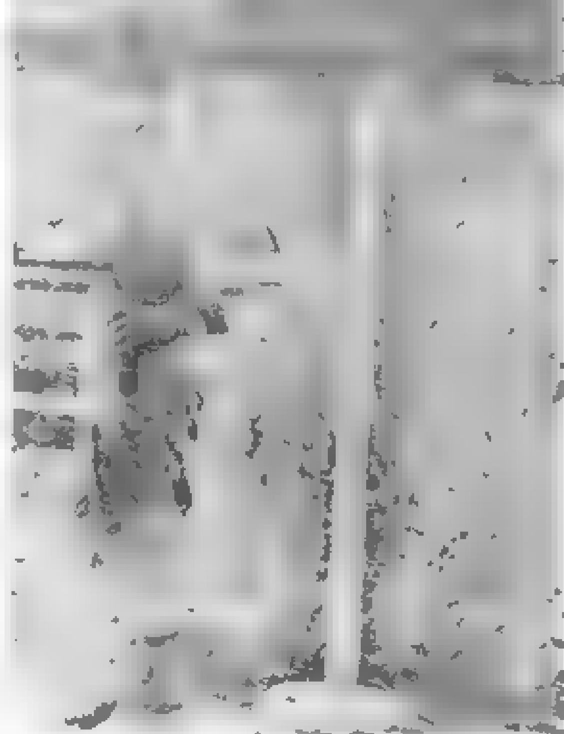
Hành quân Castor tái chiếm Điện Biên Phủ bằng nhảy dù. Pháp nỗ lực biến Điện Biên Phủ thành một pháo lũy phòng thủ kiên cố, ảnh hưởng cả về phương diện chính trị lẫn quân sự để thay thế cho thị trấn Lai Châu đang bị đe dọa. Mặt khác Điện Biên Phủ còn là bức bình phong nhằm ngăn chặn đường tiến quân của Việt Minh sang Lào và làm áp lực đe dọa bên hông miền Việt Bắc.

△ HÀNH QUÂN POLLUX
9-12-1953

Hành quân Pollux rút khỏi Lai Châu về Điện B. n Phủ.

△ HÀNH QUÂN QUEREY
22-11-1953

Hành quân Querey tại Nam Việt.



Một binh sĩ Lào tại Thakhek.

△ HÀNH QUÂN GERFAUT
16-12-1953

Hành quân Gerfaut tại khu vực Thái Bình Bắc Việt.

△ VIỆT MINH TẤN CÔNG TRUNG LÀO :
25-12-53 — 23-1-54

Việt Minh tấn công vào miền Trung Lào, khiến Pháp phải rời bỏ đồn bót tại đây để rút về Thakhek vào ngày 25-12-1953 sau đó lại bỏ Thakhek rút về Séno. Việt Minh cho trận này là chiến thắng thứ nhì trong chiến dịch Đông - Xuân, sau chiến thắng chiếm Lai Châu. Mãi tới 23-1-1954, Pháp mới chiếm lại Thakhet.

△ VIỆT MINH TỚI HẠ LÀO
31-12-1953

Việt Minh chiếm Attopeu thuộc Hạ Lào. Lợi dụng chiến thắng này, Việt Minh đã tiến về phía Saravane.

L. NĂM 1954

△ VIỆT MINH TẤN CÔNG SÉNO
5-01-1954

Việt Minh tấn công Séno và bị đẩy lui vì Pháp đã tập trung một số lực lượng lưu động tại Séno để phòng giữ.

△ CHIẾN DỊCH ATLANTE :
20-01-1954

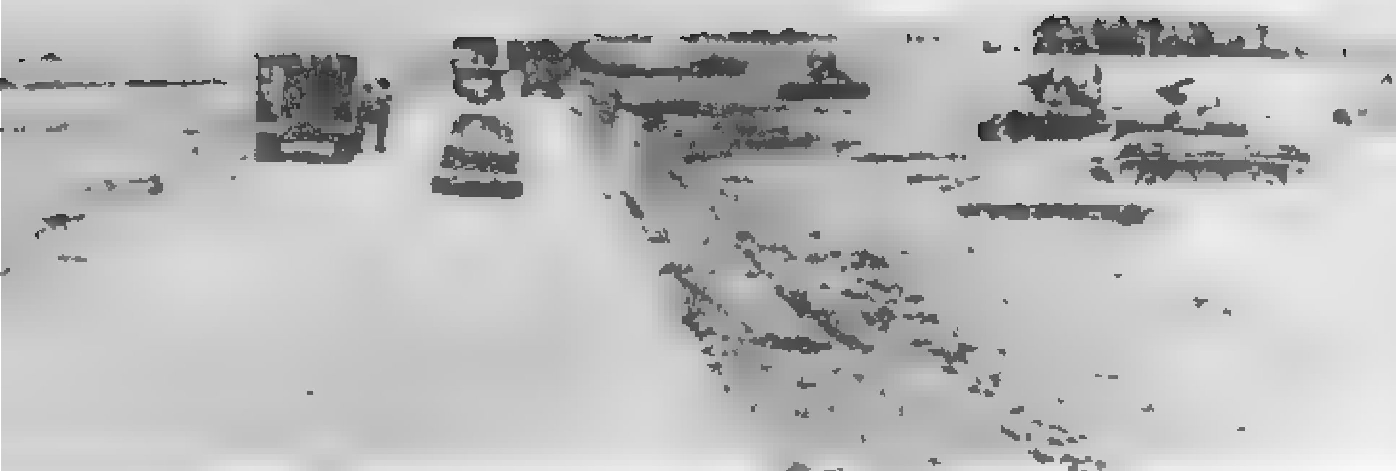
Pháp mở chiến dịch Atlante nhằm thanh toán Liên khu 5 của Việt Minh. Đây là trận đánh quan trọng được mô tả chi tiết trong chương 3.

△ HÀNH QUÂN ANJOU
20-01-1954

Pháp mở hành quân Anjou tại An Sơn Nam Việt.

— Quân nhảy dù từ Nam Việt tới tăng cường cho cứ điểm Séno.





Một cảnh bảo vệ quốc lộ số 5 Hà Nội — Hải Phòng

△ HÀNH QUÂN ROUSSILLON
25-01-1954

Hành quân Roussillon và Ariège ở khu vực Đồng Nai Nam Việt.

△ KONTUM THẤT THỦ
28-01-1954

Việt Minh phản công tại phía Bắc Cao Nguyên khiến thành phố Kontum phải tản cư về Pleiku và khiến các Liên đoàn lưu động 11, 41, và 42 bị thiệt hại nặng. Nhân đà thắng lợi, Việt Minh uy hiếp Pleiku, căn cứ An Khê và đường số 19 nối liền hai địa điểm này.

△ VIỆT MINH ĐỘT KÍCH PHI TRƯỜNG ·

Việt Minh đột kích vào phi trường Cát Bi ngày 7-3-1954, Gia Lâm ngày 8-3-1954.

△ GIAO THÔNG CHIẾN GIỮA BAN NGÀY ·
tháng 3-1954

Giao thông chiến phát triển trên các trục lộ Hải Phòng — Hà Nội và Hà Nội — Nam Định ngay giữa ban ngày.

△ VIỆT MINH ĐÁNH NGHI BINH SANG THƯỢNG LÀO
31-1-1954

Sư đoàn 308 Việt Minh rời bỏ hệ thống bao vây pháo lũy Điện Biên Phủ tiến xuống miền Nam Luang Prabang khiến quân Pháp đồn trú tại Bắc Luang Prabang phải lui về Mường Sai. Đây chỉ là chiến thuật nghi binh để đánh lạc hướng quân Pháp.

△ VIỆT MINH NHẬN LỜI VÀO HỘI NGHỊ
10-3-1954

Việt Minh nhận lời vào hội nghị ngày 10-3-1954, nhưng hội nghị thực sự khai diễn tại Genève ngày 24-4-1954

△ TẤN CÔNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
13-3-1954

Việt Minh bắt đầu tấn công dữ dội. Đây là một trận đánh quan trọng được mô tả chi tiết trong chương 3.

△ HÀNH QUÂN AUVERGNE .
29-6-1954

Đây là cuộc hành quân rút khỏi vùng Nam đồng bằng Bắc Việt. Với cuộc hành quân này, Bộ tư lệnh Pháp thu hẹp phòng tuyến đồng bằng Bắc Việt và cho triệt thoái các đơn vị tại Bùi Chu, Phát Diệm, Thái Bình, Nam Định, và Phủ Lý về bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng và quốc lộ số 5

Cuộc hành quân khai diễn ngày 29-6-1954, chia làm hai đợt

Đợt 1 — từ 29 đến 30-6

Triệt thoái bằng đường thủy các đơn vị Việt Nam tại các khu chiến Ninh Bình, Phát

Diệm và Bùi Chu.

Đợt 2 từ 1 đến 2-7

Triệt thoái [illegible] đơn vị Việt Nam [illegible] Bình [illegible] triệt thoái [illegible] Nam Định về Bình Lục, rồi từ Bình Lục về Phủ Lý và Hà Nội.

Các đơn vị Việt Nam tại miền Nam đồng bằng gồm có

- — Bùi Chu: BVN 16, TDKQ 701, 705, 707 và 719, ĐĐTP 751, pháo binh vị trí 306 và ba trung đội pháo binh bán lưu động 105 ly.
- — Phát Diệm: BVN 11, TDKQ 717, ĐĐTP [illegible]
- — Ninh Bình: BVN 4, 18 và TDKQ 711.
- — Thái Bình: BVN 22, 58 và pháo binh vị trí 305.
- — Nam Định: TDKQ 712, 718, pháo binh vị trí 403 [illegible] còn [illegible] Pháp
- — Phủ Lý: BVN 55, 56 và TDKQ 710.

Pháp cho rút quân hết [illegible]. Việt Minh cho [illegible] định đã xảy ra tại [illegible] Phủ Lý [illegible] hoàn tất. Trong [illegible] Việt Minh [illegible] thất nặng nề. Quân Việt Nam [illegible] nhưng rút an toàn về các cứ điểm mới. Đây là một cuộc triệt quân [illegible] quy mô sau thất bại Điện Biên Phủ.

△ VIỆT MINH HẠ ĐỒN BÓT PHÁP TRÊN ĐƯỜNG HẢI PHÒNG — HÀ NỘI
19-7-1954

[illegible] đồn nhỏ của Pháp trên đường xe lửa Hải Phòng — Hà Nội ở trong vùng tỉnh Hải Dương bị Việt Minh triệt hạ. Sự kiện này chứng tỏ là áp lực của Việt Minh tại trung tâm châu thổ đã rất mạnh.

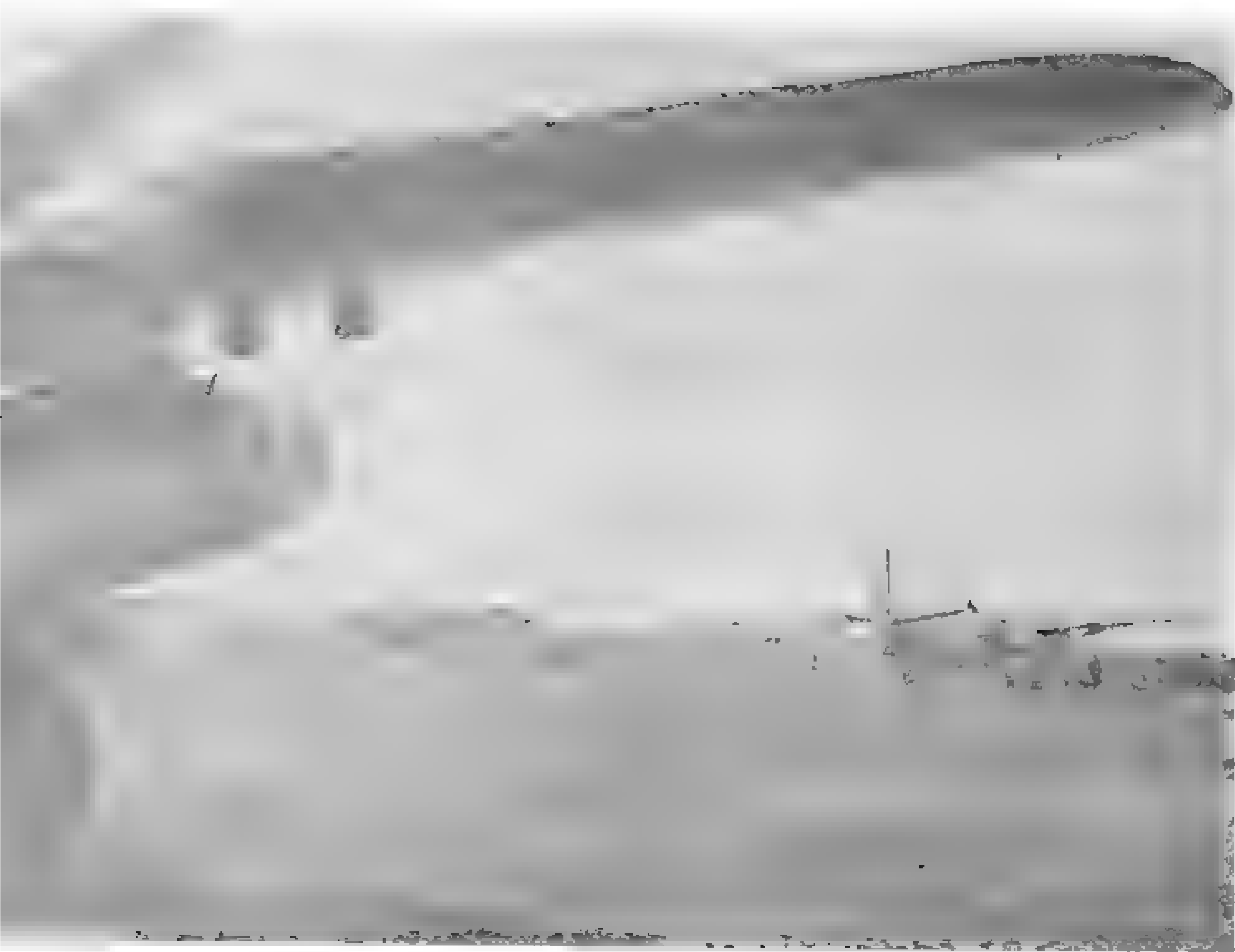
△ HIỆP ĐỊNH ĐÌNH CHIẾN GENÈVE
[illegible]

Hiệp định đình chiến Genève được ký kết để chấm dứt chiến tranh tại Đông Dương.

Một cảnh [illegible] của [illegible] chung [illegible] khỏi vùng hành quân Auvergne.



Phi trường Seno tại Hạ Lào.





CÁC TRẬN ĐÁNH QUAN TRỌNG

△ CAO-BẮC-LẠNG △ VĨNH YÊN △ MẠO KHÊ △ BỜ SÔNG ĐÁY
△ HÒA BÌNH △ MIỀN THÁI △ ĐIỆN BIÊN PHỦ △ ATLANTE

CÁC TRẬN ĐÁNH QUAN TRỌNG

A. TRẬN CAO - BẮC - LẠNG (16-9-1950 – 7-10-1950)

Từ 1945 đến 1948, Pháp liên tiếp mở các cuộc hành quân chiếm đất và nới rộng giao thông tại đồng bằng Bắc Việt. Các cuộc hành quân này tương đối dễ dàng.

Tại Việt Bắc, trong thời gian này vì không có đủ quân số chiếm đóng, Pháp vẫn để Việt Minh nắm giữ các miền then chốt.

Cũng trong thời gian này, bộ đội chủ lực của Việt Minh đang được thành lập nên cố tránh né các cuộc đụng độ lớn để bảo toàn lực lượng. Nhưng kể từ đầu năm 1948, phong trào chiến tranh du kích Việt Minh đã được phát triển mạnh, bằng những trận đánh nhỏ nhưng số lượng được tăng gia trên toàn quốc. Việt Minh đã làm quân đội Pháp bị tiêu hao không ít.

Tới tháng 1-1949, trước sự thắng thế của quân Trung Cộng ngày càng rõ rệt, khí thế của Việt Minh lại càng trở nên mạnh mẽ và đã có cơ hội tốt để tích cực bành trướng thêm quân lực nhất là về mặt chính quy.

Đứng trước sự biến chuyển của một tình thế mới, chính phủ Pháp vội cử tướng Revers sang Đông Dương để thanh sát và nghiên cứu một kế hoạch đối phó.

Kế hoạch của tướng Revers là đề nghị rút bỏ Cao Bằng và đã được chính phủ Pháp chấp thuận. Đáng lẽ kế hoạch này được thi hành từ cuối năm 1949, nhưng đã để tới cuối năm 1950 khiến xảy ra trận thất bại quan trọng đầu tiên của quân đội Pháp. Đó là trận Cao - Bắc - Lạng. Việt Minh cho đây là một trận chiến thắng đầu tiên mở đầu cho giai đoạn vừa cầm cự và vừa tích cực chuẩn bị tổng phản công.

1. QUÂN PHÁP CHUẨN BỊ RÚT KHỎI CAO BẰNG.

Đối với việc rút lui khỏi Cao Bằng, ngày 16-8-1950, tướng Carpentier, tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp đã ban hành một chỉ thị đặc biệt như sau :

« Để có thể phối hợp chặt chẽ việc phòng thủ toàn diện Bắc Việt và để bảo vệ vòng đai phía Bắc Hà Nội, tôi quyết định cho các đồn binh Cao Bằng và Đông Khê rút lui. Trước hết sẽ đưa thành binh vào Thái Nguyên khoảng đầu tháng 10, kế đó sẽ thực hiện cuộc

rút lui khỏi Cao Bằng khi ta đã chiếm xong vùng Thái Nguyên. Ngày giờ khởi sự cuộc triệt thoái sẽ do vị tư lệnh vùng hành quân ấn định tùy theo tình hình, chậm lắm là ngày 15-10-1950. Quân trấn Lạng Sơn sẽ được tăng cường 2 tiểu đoàn Tabors hoặc 1 tiểu đoàn Lê dương được chuyển tới bằng đường hàng không. Triệt thoái bằng đường hàng không theo nguyên tắc dành cho người già, đàn bà và trẻ con để về Lạng Sơn. Còn đàn ông phải rút lui theo đường bộ cùng với quân đội. Việc chuyển vận này cần được thực hiện càng sớm càng tốt. Quân đội tại Cao Bằng và Đông Khê sẽ rút theo đường số 4. Chỉ những đồ quân dụng quý giá và nhẹ nhàng mới được chuyển vận bằng đường hàng không. Tất cả lương thực, đạn dược và vật dụng khác đều được tiêu hủy tại chỗ. Nhà cửa và doanh trại đều được giữ nguyên vẹn».

Quân Pháp đang chuẩn bị, thì ngày 18-9-1950, trước sức tấn công mãnh liệt của Việt Minh, đồn Đông Khê của Pháp bị thất thủ. Việt Minh chiếm giữ luôn đồn này khiến quân đội Pháp ở Cao Bằng bị cô lập.

Carpentier vội vã từ Saigon bay ra Hà Nội, rồi bay lên ngay Cao Bằng để xem xét tình hình. Tại đây ông đã mang theo quyết định rút quân để thảo luận với viên đại tá Constans, tư lệnh khu biên thùy Đông Bắc.

Carpentier thấy cần phải rút càng nhanh càng tốt vì nghe tin sau trận Đông Khê, Việt Minh đang chuẩn bị đánh Cao Bằng rồi đến Lạng Sơn.

Trước hết, Carpentier cho lệnh di tản 3.500 thường dân Cao Bằng về Lạng Sơn bằng đường hàng không. Cuộc di tản này bắt đầu từ 21-9 và trong 6 ngày liền một cầu không vận được thiết lập giữa Lạng Sơn — Cao Bằng với loại máy bay Junker 52, ưu tiên dành cho thường dân đi trước và sau đó đến các máy truyền tin, vũ khí và quân dụng của bộ binh.

9. KẾ HOẠCH TRIỆT THOÁI CỦA PHÁP

Cuộc hành quân triệt thoái của quân Pháp được bắt đầu từ 29-9-1950. Nhưng chính ra cuộc hành quân này đã diễn tiến sớm hơn, vì sau khi Đông Khê thất thủ, viên đại tá Constans đã cho binh đoàn Lepage đang ở Lạng Sơn tới tăng cường cho đồn Thất Khê. Tại đồn Thất Khê, đại tá Lepage được lệnh hành quân ngay về phía đồn Đông Khê như có ý chiếm lại để đánh lạc hướng đối phương về một cuộc hành quân triệt thoái quy mô sắp tới và đồng thời để tìm kiếm những binh sĩ còn thất lạc. Trong cuộc hành quân này binh đoàn Lepage đã được tăng cường thêm 1 tiểu đoàn nhảy dù và nhờ ở tiểu đoàn này, Lepage đã khám phá được một số vũ khí nặng của Việt Minh. Đó là cuộc chiến thắng nhỏ duy nhất sau sự thất thủ của đồn Đông Khê.

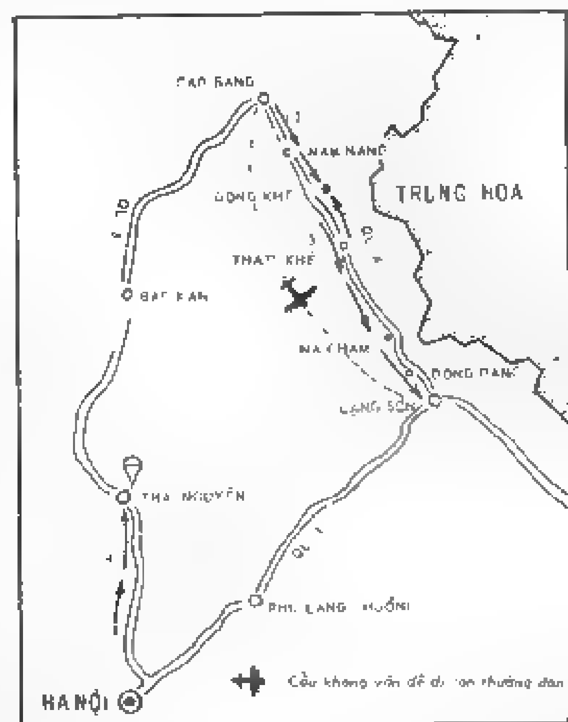
Cuộc triệt thoái khỏi Cao Bằng sẽ gồm có một quân số khoảng 7.000 người. Carpentier và Constans chia lực lượng này ra làm hai cánh chính : một cánh do Lepage chỉ huy và một cánh do đại tá Charton chỉ huy.

Binh đoàn Lepage gồm có : Tiểu đoàn 1 nhảy dù, Tiểu đoàn 1/8 R.T.M, các Tiểu đoàn 1 và 2 Tabors, các đơn vị pháo binh, chuyên môn với 200 nhân công khuân vác.

Binh đoàn Charton gồm có : Tiểu đoàn 3/3 R.E.I khoảng 600 người đa số là quân nhân mới tới, Tiểu đoàn 3 tabor, 1 tiểu đoàn thân binh có quân số đầy đủ, các đơn vị pháo binh, công binh và chuyên môn.

Cuộc hành quân triệt thoái được quan niệm như sau: «Từ Thất Khê, binh đoàn Lepage có nhiệm vụ giải tỏa Đông Khê và mở lối cho đoàn quân của Charton tại Cao Bằng rút lui. Hành quân này được đặt tên là Bayard. Điểm gặp nhau của hai đoàn quân sẽ là cây số 22 trên quốc lộ 4.

Kế hoạch triệt thoái Cao Bằng của Pháp.



(1) Hành quân Bayard của binh đoàn Lepage
(2) Hành quân Orage của binh đoàn Charton
(3) Hành quân Thérèse của cả hai binh đoàn
(4) Hành quân Phoque vào Thái Nguyên

Trong giai đoạn đầu, Lepage cho một cánh quân gồm 2 tiểu đoàn tiến chiếm Đông Khê, rồi từ mục tiêu này tiến tới cây số 22 để gặp các đơn vị của Charton

Trong giai đoạn kế, cả hai đoàn quân được đặt dưới quyền chỉ huy tổng quát của Lepage để cùng về Thất Khê rồi tuần tự rút lui. Kế hoạch lui binh được mệnh danh là Thérèse.

5. DIỄN TIẾN CUỘC HÀNH QUÂN TRIỆT THOÁI.

Đúng như dự định, sớm ngày 29-9-1950, Lepage cho xuất quân tái chiếm Đông Khê.

Lepage phân công như sau

— Tiểu đoàn 1 Tabor giữ an ninh trục lộ giữa Thất Khê và Đông Khê

— Tiểu đoàn 2 Tabor tiến theo quốc lộ 4 chiếm đồi 703 và đèo đá vôi

— Tiểu đoàn 1/8 R.M.T chiếm đồi Na Mọc.

— Tiểu đoàn 1 nhảy dù chiếm Na Keo và đồi 615

Lepage với ý định khi chiếm được Đông Khê sẽ để một tiểu đoàn giữ Thất Khê an ninh trục lộ giữa Đông Khê và Thất Khê, còn 2 tiểu đoàn sẽ tiến về hướng Bắc tiếp xúc với binh đoàn Charton.

Lại nói về quân đội Việt Minh từ khi hạ được đồn Đông Khê mở đầu cho chiến dịch Hoàng Văn Thụ đợt một, họ vẫn ở quanh quẩn trong khu vực này và đã phối hợp một lực lượng gồm có Sư đoàn 308, Trung đoàn 209 và 11 tiểu đoàn bộ binh khác cùng nhiều tiểu đoàn pháo binh, tổng cộng gần 30 tiểu đoàn. Các đơn vị này phần lớn được huấn luyện tại Trung Hoa và có tinh thần chiến đấu rất cao.

Để mở đầu cuộc tiến quân, Lepage cho Tiểu đoàn 1 nhảy dù đi đầu theo quốc lộ số 4. Khi gần tới Đông Khê, đơn vị nhảy dù mở rộng hàng ngang để tiến, khi còn cách mục tiêu khoảng 1 cây số quân nhảy dù bị hỏa lực của Việt Minh bắn cản dữ dội. Tiểu đoàn 1 nhảy dù không làm sao tiến lên được. Chính khi ra lệnh này, Lepage cũng không biết là phải chiếm thành ra sao nếu quân Việt Minh phòng thủ kiên cố.

Tại phía sau, bộ đội Việt Minh cũng bắt đầu nổ súng vào các đơn vị Pháp, nhất là Tiểu đoàn 1/8 R.T.M. đã phải chịu đựng một hỏa lực rất mạnh và đã bị tiêu diệt nửa đại đội.

Bên Pháp có phi cơ yểm trợ bắn phá vào những toán quân Việt-Minh đang di chuyển từ Bó Bách tới Na Pa và Đông khê

Suốt ngày 1-10-1950 chiến trận không tiến triển.

Cũng trong ngày 1-10, Pháp cho mở cuộc hành quân « Phoque » vào Thái Nguyên. Đây là một cuộc hành quân được dự liệu trong kế hoạch triệt thoái Cao Bằng. Cuộc hành quân này nhằm hai mục đích một là để hỗ trợ cho cuộc rút lui Cao Bằng, hai là để đánh lạc hướng Việt Minh để họ tưởng rằng Pháp sẽ rút lui theo quốc lộ số 3 từ Cao Bằng qua Bắc Kạn về Thái Nguyên, Pháp đã huy động tới 15 tiểu đoàn được hải và không quân yểm trợ, chia quân làm ba cánh

— Cánh bên phải tiến dọc theo sông Cầu có hải đoàn xung phong theo yểm trợ

— Cánh trái tiến theo các triền núi Tam Đảo.

— Cánh ở giữa là nỗ lực chính tiến theo quốc lộ số 3 để tiến thẳng tới Thái Nguyên.

Kết quả, Pháp đã tới mục tiêu Thái Nguyên sau khi đã cho một tiểu đoàn nhảy dù nhảy xuống địa điểm này mà không gặp một sức kháng cự nào của Việt Minh. Tỉnh lỵ Thái Nguyên đã được đối phương bỏ ngỏ - không còn một bóng thường dân cũng như một dấu vết đơn vị nào của Việt Minh. Cuộc hành quân đã trở nên vô ích, và chứng tỏ Việt Minh đã tập trung quân quanh vùng Đông Khê, chờ đánh đoàn quân Pháp từ Cao Bằng rút lui về.

Ngày 2-10, Lepage tiếp tục cho tấn công Đông Khê. Tiểu đoàn 1 nhảy dù do thiếu tá Secrétain chỉ huy đã tỏ ra bất lực trước hỏa lực mạnh mẽ của đối phương, không thể tiến lên được. Tiểu đoàn 1 Tabor tiến bọc về phía Tây Đông Khê bị thiệt hại khá nặng, cuối cùng cũng chiếm được ngọn đồn cũ ở đây Còn các Tiểu đoàn 1/8 R.T.M. và 2 Tabor được tập trung ở trên đồi Na Pa và tại Na Kéo.

Đêm 2 rạng ngày 3-10, Việt Minh tung một trận tấn công vào phòng tuyến Pháp. Địa điểm Na Keo bị pháo kích bằng súng cối. Suốt trong đêm, Việt Minh đã mở ba cuộc tấn công dữ dội khiến Lepage phải ra lệnh cho các đơn vị của ông sẵn sàng rời khỏi Na Kéo để tới tập trung trên cùng một phòng tuyến với Tiểu đoàn 1 Tabor ở phía Tây Đông Khê tức là vùng Cốc Xá. Cuộc di chuyển diễn ra rất chậm chạp vì các toán đi đầu thường phải ngừng lại nhiều lần

Ngày 3-10, Lepage vẫn cố gắng tìm hướng thuận lợi để tiến tới đồn Đông Khê nhưng không được. Các cuộc tấn công của Việt Minh cứ dồn dập từ Nà Keo vào các đơn vị Pháp. Các súng đại bác của Pháp bắn liên miên nên hết đạn. Pháp bắt buộc phải phá hủy các bộ phận cơ bẩm. Buổi chiều, quân Pháp được phi cơ tiếp tế, nhưng các dù ném xuống phần lớn thất lạc, những dù còn lại thiếu thốn như có lựu đạn lại không có ngòi nổ, có đạn súng cối lại không có ngòi và thuốc bồi nên không thể dùng được. Vào lúc sẩm tối, Việt Minh lại pháo kích vào vị trí Pháp, báo hiệu một cuộc tấn công đêm sẽ xảy ra. Lepage tuy bị vây nhưng vẫn ở lại tại chỗ cầm cự để chờ đoàn quân của Charton đến, và xem chừng như không chú trọng tới số phận của đoàn quân này. Mãi tới khuya, Lepage mới biết đoàn quân của Charton cũng bị chặn đánh và không thể tới mục tiêu như đã định. Ông cũng được biết thêm là Charton đã rút theo ngả những ngọn đồi ở phía Tây quốc lộ số 4 để tránh áp lực của địch.

Lepage bèn bỏ quyết định đánh Đông Khê và để rút khỏi áp lực địch, ông định rút theo ngả các ngọn đồi 703 hoặc 765. Ông tính chuyển quân vào chập tối, nhưng trời vừa tối, các làn sóng xung phong của Việt Minh ào ạt vào vị trí của Tiểu đoàn 1 nhảy dù khiến việc rút quân phải đình hoãn.

Nói về đoàn quân của đại tá Charton chuẩn bị rời khỏi Cao Bằng. Charton đinh ninh kế hoạch lui binh này sẽ tiến triển khả quan vì ông không biết Việt Minh đã vây Cao Bằng từ lâu.

Theo lệnh của tư lệnh phân khu biên thùy Đông Bắc, cuộc triệt thoái khỏi Cao Bằng sẽ khởi sự vào 0 giờ ngày 3-10.

Tin tình báo cho biết Việt Minh hoạt động từ khoảng 3 đến 5 cây số xung quanh Cao Bằng, và theo sự quan sát của phi cơ thì Việt Minh dường như tập trung trong khoảng từ cây số 13 đến 15 của quốc lộ 4. Charton cho rằng Việt Minh có thể phục kích ở quãng đường này.

Charton tuy thuộc địa thế vùng này nhưng các sĩ quan dưới quyền lại không rõ lắm. Ông biết quốc lộ 4, ngoài những quãng bị đào cắt, có thể lưu thông dễ dàng từ tỉnh lỵ tới cây số 18. Nhưng quốc lộ 4 chỉ là một con đường độc đạo hai bên đều có những vách núi dựng đứng. Nếu muốn di chuyển sâu hai bên, binh sĩ phải dùng những con đường mòn vừa đi vừa lách và phải đi hàng một băng qua những rừng cây rậm rạp rất khó định hướng.

Charton cho rằng không nên đi đêm vì rất khó khăn và nguy hiểm. Ngày 3-10 khởi sự cuộc triệt thoái và cuộc hành quân này được đặt tên là Orage, một tên chỉ sự bão táp, là một điềm rất gở cho số phận của đoàn quân này.

Việc phân công được ấn định như sau:

— Tiểu đoàn 3 Tabor đi đầu đến cây số 15 thì dừng lại.

— Tiểu đoàn thân binh vượt qua tiến thêm 10 cây số dừng lại.

— Tiểu đoàn 3/3 R.E.I có nhiệm vụ hộ tống một đoàn quân xa chở 500 thường dân, 2 khẩu đại bác 105 và 37 ly di chuyển ở giữa. Hai khẩu đại bác được mang theo do quyết định của Charton, dùng để bắn trực xạ chống lại các cuộc phục kích nếu xảy ra tại dọc đường.

Các toán binh sĩ của 15 pháo đài xung quanh Cao Bằng cũng rút theo.

Thành phố Cao Bằng kể từ lúc rút đi coi như bỏ ngỏ. Dọc đường Việt Minh chỉ bắn quấy rối.

Chiều ngày 4-10, khi tiến đến chỗ cây số 22 tức là chỗ hẹn, Charton mới được tin từ Lạng Sơn cho biết là đoàn quân của Lepage không vượt qua được Đông Khê. Lúc đó, ông mới ra lệnh phá hủy các quân xa và chỉ giữ lại cho mỗi chiến binh một nửa đơn vị hỏa lực và một ngày ăn. Charton không biết chọn đường nào để tiếp xúc với đoàn quân Lepage. Việt Minh bắt đầu bắn quấy rối ở phía sau khiến cuộc hành quân đã chậm trễ lại càng chậm trễ thêm vì các binh sĩ phụ lực đi theo làm mất trật tự.

Charton đã phải mất khá nhiều thì giờ mới tìm được hướng đi và một người dẫn đường.

Ngày 5-10, đoàn quân cố gắng đi mau, nhưng bộ tham mưu không thuộc đường nên rất lúng túng và đã mất cả giờ để tìm một cái đèo. Để có thể đi nhanh hơn, Charton đã chuyển quân Lê dương đang đi sau lên đi đầu. Nhưng đơn vị này vừa lên, đi được một quãng lại bị đối phương dùng hỏa lực đại liên và súng cối bắn chặn lại. Tiểu đoàn 3 Tabor có nhiệm vụ bảo vệ cạnh sườn cho đoàn quân cũng bị nhầm đường. Cuối cùng, đến lúc trời tối, đoàn quân Charton vẫn chẳng tiến thêm được bao nhiêu.

Ngày 6-10, Charton cho một trung đội tiến lên phía trước để bắt liên lạc bằng tay với Lepage, nhưng vừa di chuyển thì bị rơi ngay vào một ổ phục kích. Charton cho cả tiểu đoàn lên tiếp cứu. Cũng trong lúc đó, Việt Minh đã bám sát và bắn vào hàng quân của Charton gây nhiều thiệt hại. Hàng ngũ của Charton bị bối rối, càng bối rối thêm khi đám dân chúng mang theo ngồi ỳ một chỗ không chịu di chuyển nữa.

Ngày 7-10, Việt Minh, từ các rừng rậm và trong các khe núi, vây chặt, khiến Charton không còn một lối thoát nào. Binh đoàn Charton lúc đó ở khu Lan Hai, Na Phac cố thoát về những ngọn đồi hướng Đông, nhưng không làm sao di chuyển được nữa trước các làn đạn rất chính xác của đối phương mỗi lúc một siết chặt vòng vây và tiếp theo là các cuộc xung phong ồ ạt, tràn ngập.

Nói về đoàn quân của Lepage có ý định vượt theo ngả những ngọn đồi 703 và 765 vào chạp tối ngày 3-10, nhưng không thể đi được.

Ngày 4-10, viên thiếu tá Delcros, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1/8 R.T.M được lệnh rút theo hướng đồi 703, nhưng vừa tiến được 1 cây số, đơn vị này đã bị Việt Minh tấn công mạnh mẽ và bị thiệt hại nặng, khiến phải quay lại nhập chung với Tiểu đoàn 1 nhảy dù. Tiểu đoàn 1 nhảy dù cũng được lệnh tiến theo ngả này, đã đổi hướng và cho 1 đại đội quay sang chiếm ngọn đồi 765. Mãi tới 1 giờ chiều ngày 4-10, đơn vị nhảy dù trên mới tới được đỉnh đồi 765. Quân lính mệt nhoài lại không có nước uống ; ở phía sau, viên thiếu tá Secretain tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn này cho phá hủy tất cả những khẩu đại bác 105 ly còn lại và giết một phần lớn đàn lừa vận tải vì không thể mang theo được. Tiểu đoàn 1 dù còn phải tải thương nên di chuyển rất chậm. Tiểu đoàn 1/8 R.T.M lại bị hỏa lực mạnh mẽ của Việt Minh không thể ra khỏi vùng núi Cốc Xá.

Đã ba hôm liền, các binh sĩ thuộc binh đoàn Lepage phải chiến đấu liên miên không được ngủ, tỏ ra mệt mỏi nhất là binh sĩ Bắc Phi mất tinh thần rõ rệt.

Ngày 3-10, đoàn quân của Lepage không làm sao ra khỏi vùng đá vôi Cốc Xá. Lepage đánh điện xin Hà Nội tiếp cứu. Buổi chiều, phi cơ đến thả dù tiếp tế, nhưng các dù đều rơi sang phía Việt Minh.

Ngày 6-10, Việt Minh bám sát, bắn ngay vào vị trí đóng quân của Lepage. Tình hình rất rối ren. Quân Pháp chỉ còn một ít đồ hộp đem ra dùng nốt.

Sơ đồ trận đánh Đông Khê.

Buổi chiều, Việt Minh xâm nhập tới con suối của vùng đá vôi khiến toán lính gác tiền đồn tại đây phải rút vào vị trí đóng quân để tránh khỏi bị đánh bọc hậu.

Mãi đến 17 giờ ngày 6-10, Lepage và Charton lần đầu tiên liên lạc được bằng vô tuyến, nhưng cả hai đều thất vọng vì không làm sao tiếp xúc được với nhau. Đoàn quân của Lepage vẫn không thể nào ra khỏi vùng đá vôi Cốc Xá. Trong khi đó, đoàn quân Charton bị vây hãm ở vùng Lan Hai.

❖

Ngày 7-10, cả hai binh đoàn đều tuyệt vọng. Lepage cho phá vòng vây vào đêm ngày 7-10, nhưng cũng từ quyết định này mà đoàn quân bị tan rã.

Đoàn quân của Charton bị bao vây, quá mệt mỏi cũng cùng chung một số phận.

4. KẾT QUẢ TRẬN ĐÁNH.

Trong trận này, Pháp bị thiệt hại vừa chết và mất tích trên 7.000 người, mất 13 đại bác 105 ly, 125 súng cối, 480 quân xa, 3 chi đội thiết giáp, 940 đại liên, 1.200 trung liên và trên 8.000 súng trường (kể cả ở trong kho).

Với tất cả số vật liệu trên, Việt Minh có thể trang bị đầy đủ cho 5 trung đoàn bộ binh.

Kinh hoàng trước thất bại này, Pháp cho quân rút lui luôn khỏi cả Lạng Sơn, một thành phố không được dự liệu trong kế hoạch triệt thoái. Tại Lạng Sơn, Pháp đã bỏ lại 1.300 tấn đạn dược, quân dụng và các tiếp tế phẩm không kịp tiêu hủy.

5. NHẬN XÉT TRẬN ĐÁNH :

Trường Cao đẳng chiến tranh Pháp trong một bản nghiên cứu đã cho rằng các cấp chỉ huy Pháp đã quá chủ quan khinh địch nên mới bị thất bại như thế. Một đoạn của bài nghiên cứu này đã viết như sau

« Khi quân đội Trung Hoa dân quốc đầu hàng quân Trung Cộng tại Mãn Châu, các kho tại Moukden đã để lại nguyên vẹn 2.500 khẩu đại bác dã chiến và 400.000 súng trường Mỹ còn mới tinh ở trong bao. Trong tháng 9-1950, Việt Minh mở chiến dịch Lê Hồng Phong II đã gây thất bại nặng nề cho đoàn quân viễn chinh Pháp. Dù thế, Bộ tư lệnh Pháp tại Đông Dương không phải là nhà cầm quyền dân sự lại đánh giá quá thấp khả năng điều quân của các đơn vị Việt Minh, dù đã được biết rõ thành phần tổ chức cũng như các phương tiện của họ. Đáng lẽ người ta phải bối rối và lo âu, trái lại các người chỉ huy có trách nhiệm ở mọi cấp đã coi thường. Bộ tư lệnh Pháp lại không chú ý đến những dữ kiện thực tế, nghĩa là những tin tức xác thực liên quan đến khả năng tham chiến của Việt Minh, mà còn có thành kiến xem Việt Minh chẳng ra gì ».

Về cuộc triệt thoái khỏi Cao Bằng, một nhà bình luận Pháp cho rằng

« Cuộc triệt thoái này có lẽ chỉ thiệt hại trung bình nếu viên đại tá tư lệnh khu biên thùy Đông Bắc không tuyệt đối từ chối việc xin hủy các quân xa từ trước. Cái quyết định tàn nhẫn này buộc đoàn quân Charton vừa di chuyển vừa sửa đường có nhiều cầu bị phá hủy đã khiến đoàn quân của Charton trong ngày đầu chỉ đi được chừng 10 cây số. Đáng lý ra, nếu không vướng xe và sửa đường, họ có thể đi nhanh gấp đôi. Chính sự trì chậm này đã làm cho cuộc triệt thoái bị thất bại thê thảm.

Dư luận Pháp lúc đó còn chê Carpentier tại sao lại cho triệt thoái Cao Bằng qua ngả Đông Khê tức là rút theo quốc lộ số 4 về Lạng Sơn vì Đông Khê đã bị Việt Minh chiếm và bộ đội của họ lại tập trung đông đảo tại đây. Bộ tham mưu quân sự Pháp lúc đó có đề nghị 3 giải pháp rút quân khỏi Cao Bằng

— Giải pháp thứ nhất là dùng không vận để triệt thoái các đơn vị tại Cao Bằng về Lạng Sơn.

— Giải pháp thứ hai là rút theo quốc lộ 3 về Thái Nguyên

— Giải pháp thứ ba là rút theo quốc lộ 4 về Lạng Sơn.

Carpentier loại bỏ hai giải pháp đầu cho rằng nếu dùng cầu không vận thì chỉ có các đơn vị đầu tiên rút được an toàn, các đơn vị rút sau cùng sẽ bị nguy hiểm, và không thể mang theo tất cả những đồ chúng muốn theo Pháp về đồng bằng, nếu rút theo quốc lộ 3 về Thái Nguyên, quân đội Pháp có thể an toàn trong lúc đơn vị lực lượng Việt Minh đều tập trung tại quốc lộ 4 nhưng chỉ sau 36 tiếng đồng hồ, Pháp có thể bị đuổi kịp vì không quen di chuyển bằng chân ở trong rừng và ở trong một địa thế không thuận lợi

Carpentier chấp thuận giải pháp 3 rút theo quốc lộ 4 vì cho rằng được dựa vào một số đồn bót dựng theo lộ có thể yểm trợ cho việc rút quân một cách đắc lực. Việt Minh đoán biết Pháp sẽ rút theo con đường thuận tiện nhất nên đã tập trung quân đông đảo tại đây để đợi đánh.

B. TRẬN VĨNH YÊN (13-1-1951 — 17-1-1951)

TRẬN Vĩnh Yên có thể coi là một trận điển hình về địa chiến với lối đánh dàn trận ngay ban ngày của Việt Minh tại đồng bằng Bắc Việt. Sở dĩ tổ chức trận đánh này bởi vì Việt Minh đang say sưa với trận Cao-Bắc-Lạng mà họ vừa chiến thắng oanh liệt

Chọn chiến trường Vĩnh Yên để mở trận đánh quyết định, Việt Minh cho là họ có thể về thủ đô Hà Nội để kịp ăn tết vì đây là một chiến trường gần thủ đô nhất và có những đặc tính địa thế thuận lợi đối với họ, vì chiến trường được chọn lựa là một vùng đồi trọc bề ngang khoảng 12 cây số và bề dọc 10 cây số nằm ở phía Bắc tỉnh lỵ Vĩnh Yên. Vùng này nằm lọt vào giữa khu núi Tam Đảo và thị trấn Vĩnh Yên. Việt Minh đã lợi dụng vùng núi Tam Đảo để tập trung quân một cách kín đáo và đông đảo để có thể tự do lên

tiếp và ồ ạt mở cuộc tấn công vào các hệ thống phòng thủ của Pháp tại Vĩnh Yên. Các đồi ở phía Đông Bắc Vĩnh Yên mọc nối đuôi nhau xòe thành hình cánh quạt, ngọn đồi thấp nhất cao 47m và cao nhất 210m. Nếu chiếm được dãy đồi này thì thị trấn Vĩnh Yên coi như lọt về tay họ và như vậy họ đã tới sát và uy hiếp thủ đô Hà Nội.

1. LỰC LƯỢNG HAI BÊN.

Trong trận đánh này, Việt Minh đã huy động các Sư đoàn 308 và 312 và được tăng cường một thành phần quan trọng của Sư đoàn pháo 351.

Tại vùng Vĩnh Yên, Pháp có hai liên đoàn, đó là Liên đoàn lưu động Bắc Phi do đại tá Edon chỉ huy và Liên đoàn lưu động số 3 do đại tá Vanuxem điều khiển. Sở dĩ Pháp có một quân số phòng thủ khá đông vì cũng dự đoán được một phần về cuộc tấn công của đối phương vào đồng bằng sau chiến thắng Cao-Bắc-Lạng. Cả hai liên đoàn này chia nhau giữ các tiền đồn ở phía Tây Bắc Vĩnh Yên trên những địa thế không cao lắm.

2. DIỄN TIẾN TRẬN ĐÁNH.

Ngày 13-1-1951, Việt Minh mở cuộc tấn công rất sớm vào đồn Bảo Chúc nằm ở phía Tây Bắc Vĩnh Yên và cách thị trấn này 12 cây số. Đồn Bảo Chúc có khoảng 50 binh sĩ da đen và Việt Nam chống giữ. Mặc dầu có pháo binh yểm trợ nhưng Bảo Chúc vẫn thất thủ và quân sĩ trong đồn hoàn toàn bị tiêu diệt.

Cũng trong ngày này, Việt Minh mở một cuộc tấn công ở phía Nam Lục Nam vào đồn Cam Chi ở cách xa Bảo Chúc những 120 cây số. Đây là một cuộc tấn công nghi binh nhằm phân tán lực lượng của Pháp. Trong trận tấn công này, đồn Cam Chi không bị thất thủ nhưng trên 70 binh sĩ thủ đồn chỉ còn 7 người sống sót khi quân Pháp đến giải cứu.

Để giải vây cho đồn Bảo Chúc, Liên đoàn 3 của Vanuxem tiến theo tỉnh lộ 203 và đã rơi vào ổ phục kích của Việt Minh tại Đạo Tú, một tiểu đoàn Bắc Phi bị tiêu diệt gần trọn. Nhờ có pháo binh và không quân yểm trợ, liên đoàn của Vanuxem mới rút được về Vĩnh Yên.

Ngày 14-1-1951, hầu hết những ngọn đồi ở phía Tây Bắc Vĩnh Yên như đồi 63, 210, 101 đều bị Việt Minh chiếm. Quân xung phong Việt Minh tới sát một làng ở dưới châu thành Vĩnh Yên và làm nổ một kho xăng. Tại đây, một trận địa chiến đã thực sự xảy ra lần đầu tiên ở chiến trường Đông Dương. Quân của Vanuxem cùng các đơn vị Việt Minh xuất phát từ dãy núi Tam Đảo đánh nhau và tranh giành từng tấc đất ở ngay sát ngoại ô châu thành Vĩnh Yên. Vanuxem tổ chức một phòng tuyến vững chắc ở phía Tây Bắc thị trấn và giữ các đồi 47, 75 và 157 để chống cự.

Tại Hương Canh, một thị trấn nhỏ giữa Vĩnh Yên và Phúc Yên, một lực lượng rất hùng hậu của Việt minh đã tiến sát tới vị trí của đại tá Edon. Mặt trận phía bên phải của Edon bị lũng đoạn khiến đường Vĩnh Yên — Hà Nội bị uy hiếp trầm trọng.

Buổi trưa ngày 14-1, de Lattre thân hành dùng máy bay đáp xuống Vĩnh Yên quan sát mặt trận và tự đảm nhận quyền chỉ huy mặt trận này.

De Lattre đã vắn tắt ra lệnh như sau :

« Vanuxem giữ Vĩnh Yên — Edon cho liên đoàn tới phối hợp với Vanuxem — Redon bảo vệ khu nội thành Vĩnh Yên — Salan điều hợp các hoạt động — Beauffre bảo vệ phía Bắc Hà Nội — Clement tập hợp ba tiểu đoàn quanh cầu sông Đuống để sẵn sàng yểm trợ cho Edon về phía Đông và bảo vệ thủ đô Hà Nội ở phía Bắc — De Dannville tập trung tất cả những đơn vị ở quanh Phủ Lạng Thương để ngăn chặn phía này — Castries cho Liên đoàn Tabor tạm rời bỏ Lục Nam tới với Redon. Castries phải đi ngay trong đêm để có mặt ngày mai ở Vĩnh Yên (1). Phải chiếm lại những ngọn đồi đã mất không để địch chọc thủng vào Hà Nội ».

Sau khi ra lệnh, de Lattre về Hà Nội còn ra một quyết định khác : sai đại tá Allard, tham mưu trưởng, đi ngay miền Trung và miền Nam để lấy 5 tiểu đoàn viện binh, trưng dụng tất cả máy bay dân sự để lập một cầu không vận chở quân từ miền Trung và miền Nam ra.

Ngày 15-1-1951, từ sáng sớm liên đoàn lưu động Bắc Phi từ Hương Canh tiến theo quốc lộ 2 để tới Vĩnh Yên với Vanuxem. Dọc đường các trận đánh đã xảy ra dữ dội. Nhờ pháo binh và phi cơ can thiệp tối đa, cánh quân của Edon đã tới được Vĩnh Yên lúc 15 giờ, sau đó lập phòng tuyến ở bên phải Vanuxem.

Liên đoàn lưu động số 1 của Castries từ Lục Nam lên tăng cường cũng tới nơi hồi 15g30 và chiếm đóng phía ngọn đồi 157. Cùng

(1) Các đoàn xe Pháp từ trước đây không bao giờ đi đêm.

Sơ đồ trận Vĩnh Yên.

1 Liên đoàn Vanuxem phòng thủ Vĩnh Yên
2 Liên đoàn Edon phòng thủ bên phải Vanuxem.
3 Liên đoàn Castries chiếm đóng phía đồi 157.

trong buổi chiều này, Liên đoàn số 3 của Vanuxem vừa gần hết đạn đã được một đoàn quân xa từ Hà Nội tới tiếp tế đầy đủ. Vừa được tiếp tế, liên đoàn phải đánh nhau ngay và phải chiến đấu suốt cả đêm, đôi khi đã cận chiến nhưng cuối cùng vẫn giữ được các vị trí phòng thủ. Tướng de Lattre vào lúc 16g30 lại cùng tướng Le Coq đáp máy bay xuống Vĩnh Yên để thị sát mặt trận một lần nữa.

Ngày 16-1-1951, quân Pháp phản công lấy lại các đồi 101 và 210, Việt Minh chống cự yếu ớt. Trời về chiều, trong khi binh sĩ Lê dương đang đào công sự quanh đồi 210, lính Tabor lo phòng thủ ba ngọn đồi 101, 47 và 75, Việt Minh lại từ dãy núi Tam Đảo mở các cuộc tấn công mạnh mẽ vào những ngọn đồi trên. Trên 40 khẩu đại bác 105 ly của Pháp bắn dữ dội trước phòng tuyến, có khi phải bắn trực xạ.

Cuộc tấn công này thuộc Sư đoàn 308 Việt Minh. Các đơn vị của họ chia ra làm những toán nhỏ hết lớp này tới lớp khác xung phong biển người vào các vị trí Pháp. Các súng liên thanh Pháp bắn không xuể. Khối người này cứ tiến lên cùng với hỏa lực của súng liên thanh và súng cối hạng nặng

Để ngăn chặn biển người này, lần đầu tiên trong chiến tranh Đông Dương, de Lattre phải huy động tất cả máy bay phóng pháo và

vận tải để tham dự vào một trận thả bom thật kinh khủng. Vừa sẩm tối, trên 100 máy bay đủ loại đã bay khắp bầu trời Vĩnh Yên thả xuống mặt trận những bình thả óng ánh như những con cá trắng một biển lửa bùng lên bốc cháy rực trời. Đó là những quả bom napalm đầu tiên xuất hiện trên chiến trường Việt Nam. Những quả bom này mới được Pháp mang từ các căn cứ của Mỹ tại Nhật sang cách đó hai ngày đã làm cho Việt Minh hết sức hốt hoảng vì chưa có phương pháp và kinh nghiệm chống đỡ. Những quả bom này đã gây cho phía Việt Minh một sự thiệt hại rất đáng kể. Sự kinh khủng của cuộc ném bom đối với bộ đội Việt Minh lúc đó ra sao ? Ta hãy đọc qua một đoạn nhật ký của một cán binh Việt Minh dự trận

« .. Bỗng nhiên, một âm thanh tràn ngập không gian và những con chim lạ xuất hiện trên nền trời mới phát mới lớn. Máy bay ! Tôi ra lệnh cho các chiến hữu tìm chỗ ẩn nấp để tránh bom và các làn đạn, nhưng máy bay chỉ nhào xuống thấp thôi chứ không bắn. Một địa ngục không được báo trước đã hiện ra trước mắt tôi ! Một địa ngục mà trong nháy mắt trước đó chỉ là những kiện hàng hình quả trứng được ném xuống ở chiếc máy bay thứ nhất rồi thứ hai... Những làn lửa rộng mênh mông tỏa ra ngay một lúc hàng trăm thước và chạy tràn nhiều chiến hữu của tôi. Ôi ! Đó là bom lửa ! Lửa rơi từ trên trời xuống... ».

Tôi chạy trốn vào lũy tre và hét lên .

— Tập hợp lại ở phía sau đồi

Nhưng nào có ai nghe lệnh của tôi trong những trường hợp như vậy.

Đằng sau tôi, quân Pháp đang chuyển sang thế công. Tiếng hò hét của họ đã vang tới tôi. Các chiến hữu còn lại của tôi đã cố gắng chạy tới sát nhập vào một trung đội trừ bị. Tôi dừng lại bên viên sĩ quan trung đội trưởng bạn

— Đồng chí hãy cố gắng trì hoãn sức tiến quân của địch, để tôi có thì giờ tập trung trung đội của tôi ở phía sau đồi này.

— Đó là cái gì ? Bom nguyên tử hả ?

Anh bạn tôi đã ngơ ngác trả lời như vậy. Trong khi đó tôi thấy bộ đội của chúng tôi chạy tán loạn. Tôi cũng thấy một cán bộ chính trị đã giơ khẩu súng lục của anh để ra lệnh cho binh sĩ đừng chạy như vậy. Nhưng anh cán bộ đã thất vọng... ».

Mặc dầu hiệu quả của bom napalm như vậy, nhưng quân Pháp cũng bị thiệt hại phải rút lui ngay trong đêm khỏi các ngọn đồi 101 và 47 vì bom thả quá sát. Đến sáng hôm sau, quân Pháp chỉ còn hiện diện tại các ngọn đồi 201 và 157

Ngày 17, hai tiểu đoàn Bắc Phi và một tiểu đoàn nhảy dù là những lực lượng trừ bị cuối cùng của de Lattre đã được tung vào mặt trận. Các tiểu đoàn này lập phòng tuyến ở phía Tây Nam Vĩnh Yên, trong khi đó Liên đoàn 3 của Vanuxem được lệnh phản công để giải tỏa cho đồi 210. Quân Việt Minh chống lại rất mãnh liệt, một tiểu đoàn của Vanuxem bị tiêu diệt gần trọn. Các thành phần tham chiến của Việt Minh thuộc Sư đoàn 312 là lực lượng mới còn đầy đủ sức lực.

Hai bên đánh cận chiến giữa các ngọn đồi 63 và 210. Quân Pháp lại ném bom napalm. Bộ đội Việt Minh không chịu nổi phải tháo chạy về dãy núi Tam Đảo. Đến trưa trận đánh chấm dứt hẳn.

3. KẾT QUẢ TRẬN ĐÁNH :

Trận tấn công đầu tiên của Việt Minh này đã bị thất bại. Việt Minh bị chết 6.000 người và 500 bị bắt làm tù binh.

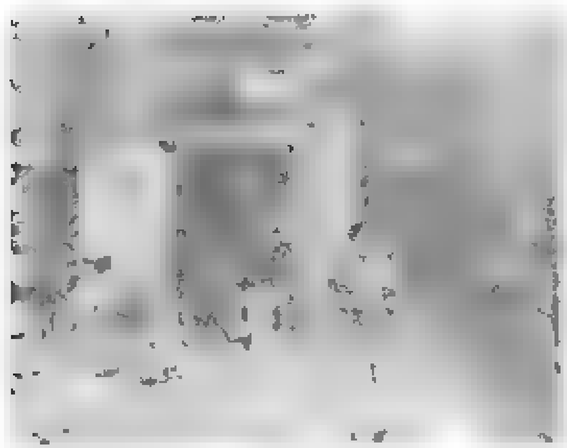
Quân Pháp bị tổn thất bằng nửa tổng số của Việt Minh.

4. NHẬN XÉT :

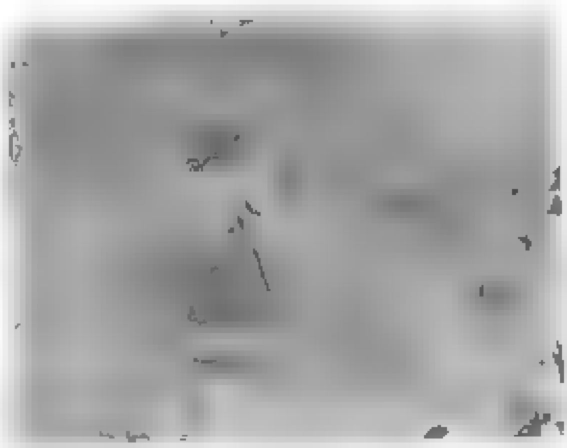
Qua một cuộc kiểm thảo, Việt Minh đã công nhận sự thất bại này. Họ thấy rằng bộ đội của họ chưa đủ khả năng đánh dàn trận tại đồng bằng.

Trước khi quyết định mở trận đánh, Việt Minh tin rằng nếu họ triệt để áp dụng một chiến thuật cận chiến nghĩa là tiến và bám sát vào quân Pháp để hỏa lực pháo binh và không quân không thể sử dụng được thì sẽ thành công vì nếu Pháp bắn thì sẽ bắn vào quân mình. Việt Minh cũng định ninh rằng có thể dùng miền rừng núi Tam Đảo hiểm trở để tập trung quân đông đảo và kín đáo hầu yểm trợ cho mặt trận Vĩnh Yên. Với lối đánh cận chiến này, Việt Minh suy diễn rằng sẽ mở các cuộc tấn công bằng bao vây các vị trí Pháp, thế tất quân Pháp phải tăng viện để giải vây và Việt Minh lại tung thêm quân bao vây trở lại quân Pháp để biến trận đánh diễn tiến thành những vòng vây liên tiếp của hai bên đối nhau, trùng lẫn với nhau và không còn duy trì được phòng tuyến rõ rệt. Chiến trường Vĩnh Yên đã xảy ra như vậy, được coi như một chiến trường « trộn trấu ».

Nhưng Việt Minh không ngờ là Pháp có



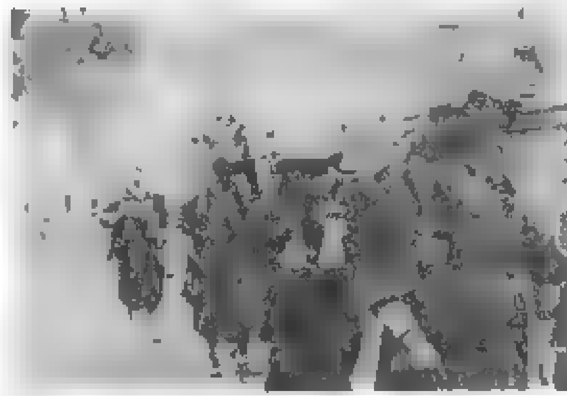
Một cổng đền đổ nát.



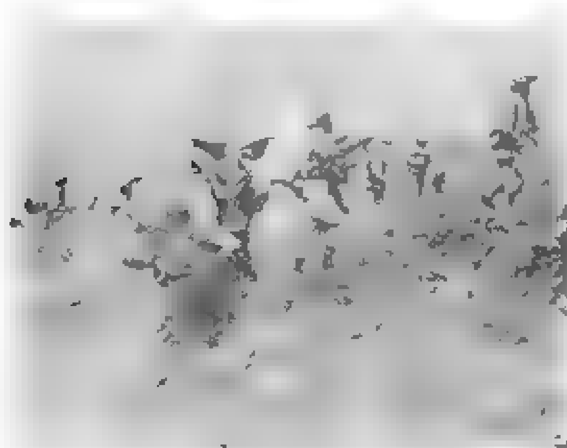
Vanuxem chỉ huy Liên đoàn số 3.

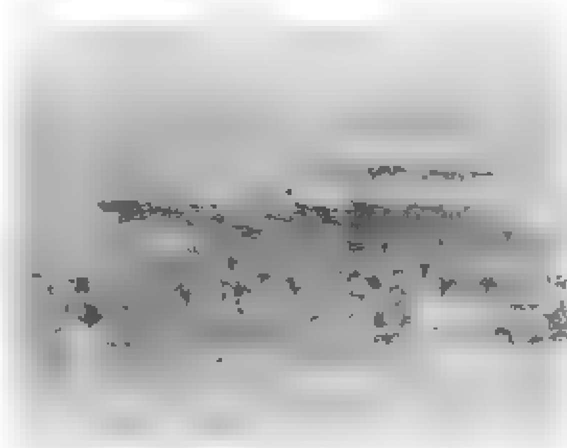


Khám phá một hầm chông Việt Minh.



Quân tiếp viện.





Cuộc tấn công tái chiếm các ngọn đồi.



Bộ binh bảo vệ đường cho chiến xa tiến.

Một cảnh điêu tàn



bom xăng đặc với mỗi quả bom có tác dụng đốt cháy mọi vật không được che chở trong một vòng lửa khoảng 100m. Với những quả bom này, de Lattre đã ra lệnh thả ngay vào những khu vực « trộn trấu » không những giết địch mà còn hy sinh ngay cả binh sĩ của mình để giải vây cho mặt trận.

Như vậy, Pháp thắng là nhờ bom napalm và nhờ ở sự thí quân liều mạng của họ. Còn Việt Minh thua là thua ở sự bất ngờ của bom napalm được sử dụng đầu tiên (2).

Đối với trận Vĩnh Yên, viên tư lệnh Pháp tại Đông Dương có thể khai thác chiến thắng tới mức tối đa bằng cách truy kích bộ đội Việt Minh khi đã kiệt quệ. Nhưng Pháp thú nhận không làm được vì các đơn vị của họ thiếu lưu động tính trên mọi địa thế, và lại cũng không có lực lượng trừ bị dồi dào về bộ binh cũng như phi cơ nên dù với một chiến thắng được coi như là bất ngờ tại Vĩnh Yên, quân Pháp đã chẳng làm gì hơn được.

Một chiến thuật gia của Pháp hồi đó cho rằng dù với tài cầm quân của de Lattre, các đơn vị Pháp tại Vĩnh Yên cũng chẳng làm thế nào khác hơn là củng cố bố phòng để đợi Việt Minh đến đánh.

C. TRẬN MẠO KHÊ (24-3-1951 — 5-4-1951)

SAU chiến thắng Vĩnh Yên, de Lattre tổ chức một cuộc diễn binh tại Hà Nội để biểu dương lực lượng và trấn an dân chúng. De Lattre lại gấp rút cải tiến quân đội thành lập nhiều liên đoàn lưu động tại miền Bắc để sẵn sàng đối phó với các cuộc tấn công của Việt Minh. Ngoài ra, ông còn tổ chức một phòng tuyến xung quanh châu thổ Bắc Việt để ngăn cản quân đội Việt Minh từ Việt Bắc đánh xuống.

Về phía Việt Minh, đại tướng Võ Nguyên Giáp chưa chuẩn bị đánh tiến xuống đồng bằng. Do đó, vào cuối tháng 3-1951 ông đã mở một trận tấn công khá đặc biệt, đưa chủ lực vào vùng dãy núi Đông Triều ở phía Tây Bắc Hải Phòng. Nếu chiếm được khu vực này, Việt Minh có thể đe dọa cảng Hải Phòng và đồng thời đe dọa cả các miền mỏ than của Bắc Việt. Nếu họ thực hiện được một trong hai ý định này thì nền kinh tế Bắc Việt sẽ bị suy sụp.

1. LỰC LƯỢNG HAI BÊN.

Khu quân sự Mạo Khê được Pháp bảo vệ bởi ba thành phần chiến đấu:

— Thành phần thứ nhất là một đồn quân đóng trên đồi của mỏ Mạo Khê. Đồn này có 95 phụ lực quân người Thổ.

— Thành phần thứ hai là một đơn vị chiến xa của trung đoàn bộ binh Bắc Phi đóng tại khu phố Mạo Khê cách xa đồn trên 800m về phía Nam. Đơn vị này đóng quân ngay trên tỉnh lộ 18.

— Thành phần thứ ba đóng trong nhà thờ Mạo Khê cách đường 100m và cách trung tâm khu phố 200 m. Đây là một đại đội gồm có lính Phi Châu và Thổ.

Tất cả có 400 người.

Về phía Việt Minh, theo như tin tình báo Pháp, gồm có các Sư đoàn 308, 312 và 316 được huy động về vùng Đông Triều để tham dự trận đánh.

2. DIỄN TIẾN TRẬN ĐÁNH :

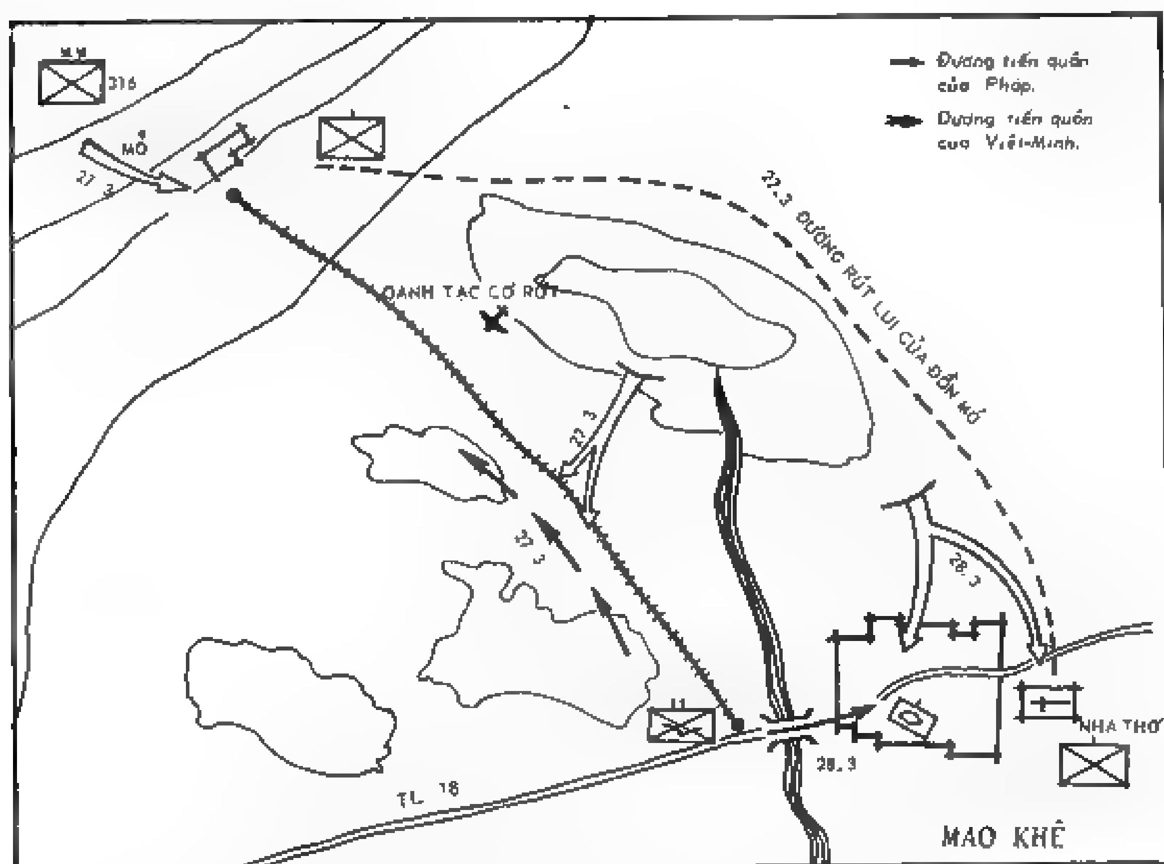
Đêm 23 rạng ngày 24-3-1951, Việt Minh đã hạ cùng một lúc 7 đồn canh Pháp thiết lập dọc theo tỉnh lộ 18. Họ thu được trên 200 súng đủ loại và cắt các ống nước ngọt tiếp tế cho Hải Phòng.

Pháp chưa có phản ứng vì còn đợi chỉ thị của de Lattre lúc đó đang ở Pháp. De Lattre hay tin vội vã trở về Hà Nội. Ông về tới ngày 26-3-1951.

De Lattre không cho quân tới chiếm lại những đồn đã bị mất mà cho quân tới phòng thủ khu mỏ Mạo Khê.

Ông cho rằng trận đánh sẽ lan tới đây và sẽ lan tới phía Đông vùng Đông Triều ở giữa Mạo Khê và Uông Bí. Nếu Việt Minh chiếm được khoảng giữa hai nơi này, họ có thể kiểm soát được tỉnh lộ 18 là con đường chạy dài theo chu vi phòng thủ bảo vệ vùng đồng bằng ; đây là một trục lộ huyết mạch vì bao gồm cả một hệ thống giao thông thủy bộ chằng chịt nối với cảng Hải Phòng. De Lattre đã hình dung chiến trận sẽ xảy ra dữ dội tại vùng Mạo Khê, và lần này cũng chính ông đảm nhận lấy quyền chỉ huy. Ông đã có ba quyết định vào đêm 26-2 để mở màn trận phản công.

(2) Sau này Việt Minh chống bom napalm rất dễ dàng, vì bom này chỉ có tác dụng của một ngọn lửa cháy bùng lên rồi tắt nên họ đã sử dụng các chất có nước, cách nhiệt như thân cây chuối phủ lên các hầm hố để che chở người núp ở dưới.



Trận Mạo Khê (24.3 — 5.4.1951).

— Quyết định thứ nhất : gửi 3 tiểu đoàn tới Mạo Khê và giao cho đại tá Sizaire điều khiển để tạm thời thành lập một liên đoàn chiến đấu

— Quyết định thứ hai : cho Hải đoàn xung phong số 1 đi sâu vào vùng sông Bạch Đằng để yểm trợ hải pháo cho cánh quân bộ tiến vào Mạo Khê.

— Quyết định thứ ba cho máy bay tức khắc lên thám sát ban đêm vùng mỏ.

Ngày 27-3-1951, quả nhiên vào lúc 1 giờ đêm, Việt Minh bắt đầu pháo kích, sau đó xung phong vào đồn mỏ Mạo Khê. Đồn này được xây bằng gạch. Sau nhiều đợt tấn công liên tiếp bằng súng không giật 57 và 75 ly, tới 5 giờ 15 sáng Việt Minh mang chất nổ vào sát chân tường và làm nổ tung một phần đồn. Sĩ quan chỉ huy đồn bị thương. Một số hạ sĩ quan có cả người Pháp tử trận. Các binh sĩ còn lại vẫn chống cự và đẩy lui các đợt xung phong của Việt Minh.

Tới sáng, các phóng pháo cơ B.26 và Hellcat tới thả bom xung quanh, nên đồn không bị thất thủ.

10 giờ sáng, Việt Minh lại tấn công. Lần này tấn công cả khu nhà thờ Mạo Khê. Tàu chiến Pháp từ cửa sông Bạch Đằng yểm trợ hải pháo hữu hiệu Từ trên phi cơ quan sát, Pháp thấy rõ Việt Minh ẩn núp trong những hầm hố đã được đào sẵn từ đêm trước.

14 giờ, tiểu đoàn đầu tiên của Sizaire tới tham chiến. Đây là Tiểu đoàn 6 nhảy dù. Tiểu đoàn này cố gắng giải vây cho đồn Mạo Khê nhưng không tiến được. Bộ đội Việt Minh nhờ chiếm những ngọn đồi cao ở sát khu phố, đã dùng hỏa lực đại liên và trọng pháo bắn chặn. Quân nhảy dù Pháp phải ngừng lại Phóng pháo cơ lại được gọi lên can thiệp. Một chiếc Hellcat bị bắn rơi.

Mãi đến gần tối quân nhảy dù Pháp phải nhọc nhằn lắm mới tiến tới khu phố Mạo Khê, tuy nhiên không giải tỏa được cho đồn.

Đêm tối, Việt Minh mải cầm chân quân tiếp viện nên bỏ lỏng đồn này. Nhờ vậy, toàn binh thân binh rút khỏi đồn vô sự Họ mang theo được tất cả những người bị thương và vợ con về khu nhà thờ Mạo Khê. Tất cả còn 60 người

Trong đêm 27 rạng 28-3 này, Việt Minh mở một cuộc xung phong dữ dội vào khu phố Mạo Khê lúc 1 giờ sáng.

Khởi đầu, bằng một cuộc pháo kích lâu 1 giờ. Rồi chiến trường im bặt tiếng súng trong 15 phút. Kế đó, bộ đội Việt Minh ồ ạt xung phong vào nhà thờ và khu phố Mạo Khê.

Họ đã phá hủy hai chòi canh và tiêu hủy được ba chiến xa bằng chất nổ ngay đợt xung phong đầu tiên. Quân xung phong Việt Minh còn lọt được vào nhiều công sự phòng thủ của Pháp. Quân nhảy dù Pháp phải cận chiến với Việt Minh. Quân Pháp được pháo binh và hải pháo yểm trợ suốt đêm. Nhà thờ Mạo Khê bị bắn mất mái và mất hai pháo đài xung quanh nhưng Việt Minh không lọt được vào bên trong.

Các trận đánh diễn ra đến sáng. Việt Minh không chiếm được các vị trí của Pháp đã rút lui vào lúc 6 giờ.

Ngày 28-3, Sizaire được thêm một tiểu đoàn nhảy dù thứ hai tới, liền mở cuộc truy kích về phía Mạo Khê mỏ. Binh sĩ Pháp tiêu diệt nhiều binh sĩ Việt Minh chưa kịp rời khỏi các hố chiến đấu. Nhiều Việt Minh bị kẹt trong các hầm than không chịu ra hàng. Pháp đã dùng mìn cho nổ tung các cửa hầm để chôn vùi đối phương.

Kết quả, Việt Minh thiệt chừng 300 người. Quân Pháp cả chết lẫn bị thương khoảng 200 người.

Mấy hôm sau, Việt Minh chỉ mở những trận tấn công nhỏ ở phía Tây Đông Triều nhắm vào các đồn Bến Tam, Hoang Xá và Hà Chiểu. Các cuộc tấn công này đều bị Pháp đẩy lui. Trận đánh được coi như chấm dứt.

Đây là trận đánh thứ hai của Việt Minh vào đồng bằng Bắc Việt trong thời de Lattre. De Lattre coi đây là một chiến thắng quan trọng trong ba chiến thắng của ông tại miền đồng bằng.

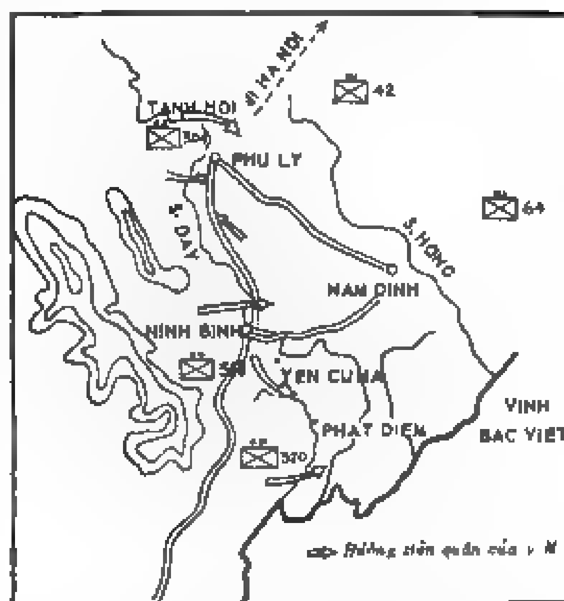
Trong các tài liệu viết về de Lattre, trận đánh này được kể như một chiến thắng quan trọng, nhưng theo như sự diễn tiến vừa kể thì đây chưa hẳn là một trận đánh có tầm mức quan trọng, vì thực ra, không có gì kiểm chứng để tỏ rằng Việt Minh sẽ mở một trận đánh với sự tập trung của những ba sư đoàn chủ lực tại đây. Sự quan trọng có lẽ chỉ thể hiện ở trên tính cách tâm lý vì trận đánh này đã xảy ra ở gần Hải Phòng, và đã làm cho thành phố này mất nước ngọt trong một thời gian khá lâu khiến cho dư luận lúc đó xôn xao không ít.

D. TRẬN BỜ SÔNG ĐÁY (29-5-1951 — 23-6-1951)

TƯỚNG de Lattre đến Đông Dương được trên 5 tháng và phải đối phó với Việt Minh hai trận lớn Vĩnh Yên và Mạo Khê. Pháp cho rằng hai trận này là hai chiến thắng của họ. Trận Cao-Bắc-Lạng khiến tinh thần quân đội viễn chinh Pháp sụp đổ, thì ngược lại từ khi de Lattre sang, đoàn quân này đã chiến đấu tốt hơn. De Lattre ngày đêm lo phòng thủ Bắc Việt, thiết lập phòng tuyến, tăng cường các địa điểm thiết yếu bằng các pháo đài bê tông kiên cố và chuyển các đơn vị cố định không cần thiết thành lưu động. Và từ sau ba trận trên, quân Pháp được coi như là đã sẵn sàng chờ những trận đánh mới.

Trận Bờ Sông Đáy đến, có thể coi là một trận quy mô, được Việt Minh chuẩn bị rất chu đáo và đáp lại, Pháp được coi như đã nhanh chóng huy động được một số quân to lớn ba liên đoàn lưu động, một liên đoàn thiết giáp, hai tiểu đoàn nhảy dù, ba hải đoàn xung phong cùng với hỏa lực của 4 tiểu đoàn pháo binh và 30 khu trục oanh tạc cơ ứng phó lại để làm cho trận đánh không bị nghiêng lệch.

Sơ đồ trận bờ sông Đáy.



1. Ý ĐỒ VIỆT MINH

Việt Minh mang vào trận đánh ba sư đoàn chủ lực 304, 308 và 320 cùng sự phối hợp của các đơn vị địa phương du kích tại miền Nam đồng bằng Bắc Việt.

Đây là một trận đánh lâu nhất kéo dài tới 26 ngày được chia làm nhiều giai đoạn trên một chiến tuyến dài 80 cây số.

Tình báo Pháp không biết trước trận đánh này vì sau trận Mạo khê, tình hình Bắc Việt trở lại yên tĩnh trong các tháng 4 và 5-1951.

Các sư đoàn Việt Minh về khu chính quân, bồi dưỡng theo như thường lệ sau những trận đánh lớn. Pháp chỉ biết Sư đoàn 308 và 312 đang nghỉ ngơi tại miền Trung du, Sư đoàn 316 tại Thượng du, Sư đoàn 320 ở vùng Phủ Nho Quan và Sư đoàn 304 ở Thanh Hóa.

Cuối tháng 5-1951, Pháp khám phá một trung đoàn Việt Minh mới xâm nhập phía Nam đồng bằng. Đây là Trung đoàn 64 của Sư đoàn 320. Trước đó, Trung đoàn 42 biệt lập là một đơn vị rất thiện chiến quen đánh trong vùng hậu tuyến đã từ vùng Hải Dương và Hưng Yên chuyển hướng hoạt động tới địa phận của các tỉnh Nam Định, Thái Bình.

Đây là dấu hiệu của một biến cố mà Pháp không đoán được trận đánh sắp xảy ra ở đâu.

Việt Minh đã dấu kín được ý định.

Việt Minh một mặt cho các Trung đoàn 42 và 64 vào phía sau trận tuyến để phối hợp với các đơn vị địa phương, dân quân và du kích quấy rối hậu phương nhằm ngăn cản quân tiếp viện của Pháp cho mặt trận chính khi xảy ra trận đánh.

Mặt trận chính Bờ Sông Đáy. Tại đây Việt Minh chia làm ba nỗ lực — Sư Đoàn 308 đánh vùng Ninh Bình — Sư đoàn 304 đánh vùng Phủ Lý — Sư đoàn 320 (–) tiến vào giáo khu Phát Diệm ở phía Nam Ninh Bình.

Việt Minh với ý định tấn công mặt trận chính để bẻ gãy hệ thống phòng thủ Pháp, tiến vào đồng bằng với sự hỗ trợ của các đơn vị đã có sẵn tại hậu phương Pháp để chiếm miền Nam châu thổ, và nếu không chiếm được thì cũng làm lung thối và gây cho Pháp nhiều tổn thất nặng nề.

Trận Bờ Sông Đáy đã được chia làm bốn trận quan trọng như sau:

— Trận Ninh Bình (29-5 — 30-5)

— Trận Yên Cư Hạ (4-6 — 18-6)

— Trận Phát Diệm (8-6 — 9-6)

— Trận Đông Bắc Phủ Lý (20-6 — 23-6)

2. TRẬN NINH BÌNH

Đêm 28 rạng 29, khởi sự Việt Minh chiếm đồn Cơ Đa do hai trung đội địa phương quân trấn đóng. Đồn thất thủ mau lẹ. Nỗ lực chính của Việt Minh đánh vào tỉnh lỵ Ninh Bình. Tỉnh lỵ này do một đại đội com măng đô đóng giữ. Cả đại đội này đều bị tiêu diệt. Tới sáng, bộ đội Việt Minh làm chủ tình hình Ninh Bình, đổ quân xuống chiếm Kỳ Cầu và Gián Khẩu. Các thành phần chính của Sư đoàn 308 vượt sông Đáy kiểm soát quốc lộ 1.

Viên đại tá tư lệnh phân khu Nam (zone Sud) Gambiez đã phản ứng cấp kỳ. Ông cho Tiểu đoàn xung kích số 1 dùng đường thủy tới tiếp viện. Tiểu đoàn này có 800 người được tăng cường một pháo đội 105 ly của Liên đoàn lưu động số 4, hai đại đội com măng đô (3).

Tiểu đoàn xuất phát từ Nam Định do Hải đoàn xung phong số 3 chuyên chở, gồm có 9 tàu chiến (4) di chuyển trên sông Nam Định, một con sông rất rộng nối liền sông Hồng với sông Đáy để tiến tới Ninh Bình trên một lộ trình dài 47 cây số.

Đây là thủy lộ duy nhất để tiếp cứu Ninh Bình vì các đường bộ đã bị Việt Minh cắt đứt, như quốc lộ 1 quãng từ Nam Định đi Phủ Lý đã bị cắt 110 chỗ và bị phá hai cây cầu.

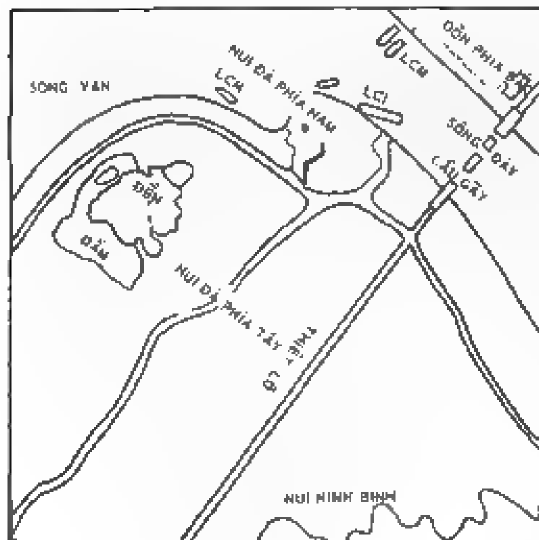
Đơn vị tiếp viện xuất phát sáng ngày 29-5, đoàn tàu đi rất yên ổn. Khi tới Yên Phúc cách Ninh Bình 4 cây số, Việt Minh mới nổ súng. Các tàu chiến Pháp nhả đạn dữ dội về phía Việt Minh. Đại đội com măng đô Romary được đổ bộ lên chiếm Yên Phúc 12g trưa, đoàn tàu đến phía Nam Ninh Bình thì dừng lại đổ quân lên.

Tiểu đoàn 1 xung kích tiến vào tỉnh lỵ dễ dàng. Việt Minh chiếm các dẫy núi đá vôi chỉ bắn ra lẻ tẻ. Quân Pháp tới khu nhà thờ do đại đội com măng đô giữ bị tiêu diệt, chỉ tìm lại được hai binh sĩ bị thương còn sống sót. Sau đó, đại đội com măng đô đổ lên Yên Phúc cũng tiến lên Ninh Bình vô sự.

Tiểu đoàn 1 đóng ngay tỉnh lỵ Ninh Bình để phòng thủ. Một đại đội chiếm núi đá phía Nam, một đại đội khác chiếm núi đá phía Tây. Còn bao nhiêu đóng ở chân núi phía Nam. Các tàu chiến cũng đậu ở chân núi này. Bộ chỉ huy hành quân ở trên tàu. Riêng đại đội Romary phải xuống tăng cường đồn Yên Cư Hạ từ ban chiều.

(3) Commandos Romary và Soffer

(4) 2 LCT, 1 LCI, 4 LCM, 5 LCVP



Sơ đồ vị trí đóng quân Pháp.

Tới 2g đêm 30-5, Việt Minh bắt đầu tấn công.

Sơ khởi, quân Việt tấn công núi đá phía Tây kế đó tấn công núi đá phía Nam. Việt Minh dàn quân dọc theo đường xe lửa mở các đợt xung phong mỗi lúc một dữ dội. Các đại bác của pháo đội thuộc Liên đoàn 4 và của Hải đoàn xung phong số 3 phải bắn trực xạ vì Việt Minh tiến tới quá gần.

Tới 3g30, đoàn tàu chiến Pháp bị đại bác 57 và 75 ly bắn tới tấp khiến nhiều thủy thủ Pháp bị thương vong. Đoàn tàu sau đó phải nổ máy dời sang bờ kia sông để tránh đạn địch mới yểm trợ cho bộ binh được.

Tới 4g50, Việt Minh mở một đợt xung phong khác rất dữ dội vào cả hai ngọn núi.

6 g 30, ngọn núi phía Nam bị quân Việt chiếm.

Tới 9g, quân Việt chiếm ngọn phía Tây. Tất cả các toán quân Pháp tại đây đều bị tiêu diệt.

10g, quân tiếp viện Pháp tới, toán quân đầu là đại đội com măng đô Vandenberghe phải đi suốt đêm từ Nam Định đến tiếp cứu. Tới bờ sông trước Ninh Bình, đơn vị này được tàu hải quân đưa qua dưới sự yểm trợ của 30 phóng pháo cơ. Đại đội này đã chiếm lại ngọn núi phía Nam lúc 10g40. Trong trận đánh này Vandenberghe đã bị thương và đại đội 200 người của y đã bị loại khỏi vòng chiến vừa chết vừa bị thương tới 64 người.

11g, Liên đoàn lưu động Bắc Phi số 4 của Edon từ Nam Định tới. Pháp phải dùng một hỏa lực rất mạnh để tái chiếm thành phố.

12g15 mặt trận chấm dứt. Việt Minh rút vào dãy núi đá vôi. Tiểu đoàn 1 xung kích lúc này chỉ còn 30 người sống sót. Trên mặt trận, Việt Minh để lại 350 xác chết, 153 súng trường, 40 tiểu liên, 12 trung liên, 2 đại liên và 9 súng cối. Ngược lại, trận này Pháp đã thua lớn chết và bị thương gần 1.000 người, nhiều đại bác bị phá hủy, nhiều tàu chiến bị hư hại cùng mất nhiều vũ khí.

Riêng đối với de Lattre, ông mất người con duy nhất là trung úy Bernard de Lattre.

✱ Trường hợp cái chết của Bernard de Lattre

Bernard de Lattre đang nghỉ phép tại Hà Nội, được tin Tiểu đoàn 1 xung kích là đơn vị của anh được lệnh hành quân tái chiếm tỉnh lỵ Ninh Bình, Bernard trở lại ngay Nam Định. Nhưng không kịp, tiểu đoàn đã đi từ sáng sớm ngày 29-5. Bernard bèn dùng tàu nhỏ để tới Ninh Bình và đến nơi lúc 17g30. Lúc đó, việc chiếm thành phố đã xong. Bộ chỉ huy tiểu đoàn đang chia quân bố trí đêm. Bernard xung phong nhận giữ ngọn núi phía Tây là một trong hai ngọn núi được chiếm giữ làm cao điểm phòng thủ.

Bernard đóng bộ chỉ huy ở một ngôi đền ở lưng chừng núi. Viên trung úy đại đội phó Mercier cũng cùng ở chung. Bernard rất tin tưởng ở đại đội của anh vì các đội viên đều là những thành phần chiến đấu được chọn lựa đích đáng.

Ngọn núi phía Tây được gọi là núi Thúy, một danh lam thắng cảnh của Ninh Bình. Quả núi này có một vòng nước rộng bao quanh gần hết chân, hình tam giác mặt Bắc và mặt Nam vách đá đứng thẳng có nước, mặt Đông Bắc chạy nơi khô ráo có thể tới leo lên được, nhưng vách đá lồi lõm và có nhiều hang hốc. Cách đỉnh núi chừng 20m mới có một con đường nhỏ gồ ghề dẫn tới ngôi đền, Bernard đã dùng để đặt bộ chỉ huy đại đội.

Việt Minh bắt đầu đánh Ninh Bình lúc 02g00, đã nhắm ngay cao điểm phía Tây này để mở nỗ lực tấn công. Họ dùng bích kích pháo bắn lên không ngớt. Bernard đang ngồi ở phía trước đền chỉ huy. Bỗng nhiên anh bị trúng đạn bích kích pháo, gục xuống chết ngay tại chỗ. Lúc ấy là 03g20. Viên trung úy Mercier



Đồn Bernard de Lattre, được đặt tên để kỷ niệm con tướng de Lattre tử trận tại đây.

ở gần anh cũng bị thương nặng và ít giờ sau chết hẳn. Việt Minh tiếp tục tấn công. Viên hạ sĩ quan Mellot nắm quyền chỉ huy đại đội.

Việt Minh thông thuộc đường, đã từ một đường hang ở phía Đông Bắc trèo lên ngọn núi. Quân bên dưới dùng hỏa lực rất mạnh mẽ để yểm trợ cho đám quân đang trèo lên. Việc chiến đấu của đơn vị Bernard hầu như tan rã. Những phần tử sống sót đã kịp chạy lại khu đền để chống cự, họ không chịu đầu hàng. Quân Việt Minh làm chủ ngọn núi lúc 6 giờ sáng nhưng chưa kịp tiêu diệt ổ kháng cự cuối cùng này thì quân tiếp viện Pháp tới.

Đến 7g00 máy bay Pháp lên, Việt Minh giảm hoạt động. Quân tiếp viện Pháp tới với hy vọng để cứu con của de Lattre nhưng chỉ tìm được một vài binh sĩ sống sót.

Khi nghe tin người con trai duy nhất không còn nữa, de Lattre đã lặng người đi.

Tới 17g00, ông mới nhìn thấy con là một xác chết được đưa về Hà Nội. Suốt đêm bên cạnh xác người con yêu quý, de Lattre đã nghĩ đến vợ và ngay trong đêm, ông đã tức tốc đánh một điện tín về Pháp cho vợ để xin tha tội vì đã không bảo vệ được mạng sống cho Bernard, người con duy nhất của vợ chồng ông.

Sáng hôm sau, de Lattre tạm giao quyền chỉ huy cho tướng de Linarès để đưa xác con về Pháp. Ông không quên mang theo thi hài hai người bạn của con là trung úy Mercier và thượng sĩ Mellot.

Hai ngày sau về tới Pháp; ông lặng lẽ dìu bà de Lattre theo đám tang. Trong khi đó, các thi hài được đưa quàng trên các xe thiết giáp và được hộ tống theo nghi lễ để diễn hành qua các đường phố của Ba Lê. Dân chúng ở đây đã nghẹn ngào đưa tiễn con ông. Họ đã xúc động trước cái chết của Bernard một thanh niên mới 23 tuổi và là con một đại tướng đang có uy quyền nhưng vì người cha đã trọng danh dự coi nhẹ tình riêng, khiến cho Bernard đã phải gục ngã một cách bi thảm.

3. TRẬN YÊN CƯ HẠ : 4-6-1951—18-6-1951

Yên Cư Hạ là tấm bình phong chắn trước Liên khu 4 Việt Minh. Đây là một đồn quân kiên cố gồm có một pháo đài chính bằng bê tông, ba pháo đài phụ bằng đá xây nửa ngầm dưới đất, xung quanh có tường phòng thủ và bên ngoài là hàng kẽm gai gài mìn. Các pháo đài đều được thiết trí súng tự động. Đồn do một đại đội đóng giữ. Sau ngày Việt Minh tấn công Ninh Bình đồn được tăng cường thêm đại đội com măng đô Romary.

Ngày 4-6, Việt Minh bất thần mở các đợt tấn công lớn vào đồn Yên Cư Hạ hòng tiêu

diệt đồn này. Để phân tán lực lượng Pháp cứu viện, Việt Minh cùng một lúc tấn công các tàu chiến Pháp tại Ninh Bình và đánh Yên Phúc ở chặng giữa Ninh Bình và Yên Cư Hạ

0g30 ngày 4-6, Việt Minh bắt đầu đánh Yên Cư Hạ. Lực lượng tham chiến của Việt Minh là Trung đoàn 88 thuộc Sư đoàn 308. Thoạt đầu, một trận pháo kích tới tấp bắn vào đồn, Việt Minh bắn cả trái phá lân tinh. Một pháo đài phụ của đồn bị bốc cháy.

02 giờ quân Việt Minh bò vào sát tường cho nổ bộc phá và sau đó là những làn sóng xung phong vào đồn qua những lỗ hổng. Quân trong đồn tập trung các hỏa lực tự động và đã ngăn cản được các làn sóng này

Bộ đội Việt Minh lại mở các cuộc xung phong khác. Hai bên dùng mã tấu và lưỡi lê xáp chiến ngay trước các pháo đài. Pháo binh của Liên đoàn lưu động Edon tại Ninh Bình bắn yểm trợ dữ dội và bắn ngay vào hàng rào kẽm gai đồn. Pháo binh bắn liên tiếp từ 3g30 tới 5g sáng. Pháo binh vừa dứt bắn, Việt Minh khai thác ngay sơ hở mở một đợt xung phong mạnh mẽ khác vào lúc 7g trong khi trời còn mù sương.

Qua cuộc tấn công này, Việt Minh chiếm được pháo đài chính và một trong hai pháo đài phụ còn lại. Quân trong đồn chỉ còn giữ được một pháo đài phụ và một mặt tường ở sát phía bờ sông, vẫn tiếp tục chống cự một cách tuyệt vọng.

Lại nói về Việt Minh tại Ninh Bình, tại đây, họ không dùng bộ binh mà chỉ dùng một đại đội pháo để tấn công các tàu chiến Pháp đậu trước tỉnh lỵ, trong đó có chiếc LSSL6 lớn nhất đậu phía bên kia sông tỉnh, cách cây cầu đổ khoảng 200m. Nhờ sườn núi và đêm tối, Việt Minh cho đơn vị trọng pháo của họ đưa 75 và 57 ly không giật tới sát bờ sông gần nơi tàu chiến đậu và đào công sự lập vị trí thành một hàng dài

Tới 5g, Việt Minh bắn bích kích pháo 120 ly dữ dội vào tỉnh lỵ, đồng thời các giàn súng không giật bắn thẳng vào tàu LSSL6. 10 phút sau, pháo binh Pháp mới phản ứng lại. Tàu chiến LSSL6 bị trúng tới bảy trái đạn nhưng không việc gì. Trên tàu chỉ có vài người bị thương.

Tại Yên Phúc, cũng trong đêm này, Việt Minh đánh yếu không đáng kể

Sau khi trời sáng đoàn tàu Pháp tại Ninh Bình được lệnh tiếp cứu cho đồn Yên Cư Hạ

9g, đoàn tàu Pháp tới nơi và dùng đại bác bắn trực xạ vào ngôi đồn đổ nát. Pháp cho một đại đội nhảy dù đổ bộ lên tiến vào đồn tiếp cứu những người sống sót.

Việt Minh bị bất ngờ vì cứ tưởng các tàu chiến Pháp đã bị tiêu diệt đêm qua, nên bỏ chạy.

Quân Việt Minh tại pháo đài chính không ra được vẫn cố thủ một cách dũng mãnh. Hải quân Pháp phải dùng súng Bofors 40 ly công phá pháo đài. Rút cục 55 Việt Minh đã đầu hàng và để lại 23 xác.

Trong trận tấn công biển người này, Việt Minh bỏ lại tất cả 200 xác. Hai đại đội giữ đồn chỉ còn vài chục người sống sót. Viên trung úy Romary bị thương nặng.

Sau khi chiếm lại đồn, Pháp giao cho đại đội nhảy dù kể trên đóng giữ. Quân nhảy dù tiếp nhận được thêm kẽm gai và đã phải đào bới trên đống gạch đổ nát để tổ chức phòng thủ.

Đêm đến, Việt Minh lại từ trong núi tấn công ra. Nhưng lần này nhờ có kỉ luật tác xạ của quân nhảy dù chỉ bắn khi địch tới gần, các đợt xung phong của Việt Minh đã thất bại.

Ngày 7-6, Pháp mở trận phản công. Tướng de Linarès tạm thay quyền chỉ huy cho de Lattre điều khiển trận đánh. Mục đích của Pháp là mở một cuộc hành quân tảo thanh đại qui mô nhằm tái chiếm những đồn bị mất và giải tỏa những đồn đang bị bao vây trong vùng sông Đáy khoảng giữa Phủ Lý và Ninh Bình. Pháp huy động trên 20.000 quân và đặt các cỗ đại bác 155 ly tại nhà máy sợi Nam Định để yểm trợ cho các mặt trận.

Sau cuộc hành quân này, tình hình Ninh Bình trở lại yên tĩnh. Nhưng Việt Minh vẫn lẩn quất trong vùng núi đá vôi.

Ngày 16-6 Việt Minh lại mở một cuộc tấn công mới quấy rối các đồn bót Pháp trên trục lộ Phủ Lý — Ninh Bình. Đặc biệt là Việt Minh đã tổ chức một cuộc phục kích có kết quả gần Thái Bình khiến một đoàn quân xa Pháp 13 xe bị phá hủy

Đến ngày 18-6, chiến trận Ninh Bình coi như chấm dứt.

4. TRẬN PHÁT DIỆM
8-6-1951 — 9-6-1951

Sư đoàn 320 đã bọc phía cực Nam Ninh Bình vào giáo khu Phát Diệm. 23g đêm ngày

8-6, Việt Minh tới nơi, chiếm bộ chỉ huy của Tiểu đoàn Phát Diệm. Các binh sĩ đã kịp bỏ chạy. Việt Minh chỉ phá hủy được các quân dụng. Bộ đội Việt Minh vào tận sân nhà thờ Phát Diệm nhưng không vào bên trong. Một cánh quân Việt Minh tới bộ chỉ huy chi khu Phát Diệm giết các sĩ quan Pháp ; riêng viên đại úy chi khu trưởng Pháp trốn vào chuồng heo nên thoát chết. Các đơn vị của Tiểu đoàn Phát Diệm đóng rải rác trong các thôn xóm nên không bị đánh.

Tới sáng hôm sau, Pháp huy động Liên đoàn lưu động Erulin tới tiếp viện. Nhưng khi đến nơi thì các đơn vị của Sư đoàn 320 Việt Minh đã rút lui.

Trận đánh vào Phát Diệm lần này của Việt Minh có tính cách phô trương lực lượng để uy hiếp tinh thần giáo dân hơn là tìm lấy một chiến thắng bằng quân sự

5. TRẬN ĐÔNG BẮC PHỦ LÝ : 20-6-1951 — 23-6-1951

Sau trận phản công đại quy mô ngày 16 của Pháp tại vùng Phủ Lý — Ninh Bình, Việt Minh đã bỏ trận đánh rút sâu vào núi. Pháp mở một cuộc hành quân tảo thanh khác ở phía Đông Bắc Phủ Lý vì được tin Việt Minh để lại trong miền Tảnh Hội nhiều đơn vị chính quy hầu làm ung thối miền này. Trong trận này, Pháp đã tập trung 3 liên đoàn lưu động, 1 liên đoàn thiết giáp, 5 chi đội thủy xa và nhiều đại đội com măng đô trang bị các súng phun lửa

Cuộc hành quân đại quy mô này khai diễn ngày 20-6. Ngày này là một ngày mưa bão và Pháp đã khai thác yếu tố thời tiết để đánh bất ngờ

Các đơn vị Pháp đã dùng thủy xa tấn công vào các làng chiến đấu do Việt Minh chiếm giữ. Trong khi đó, chiến xa bao vây vòng ngoài và bộ binh chia ra thành những vòng vây nhỏ ở bên trong. Pháp tính bủa một vòng lưới thật kỹ để Việt Minh không thoát được.

Trận này tới ngày 23-6 thì chấm dứt. Việt Minh bị thiệt hại rất nhiều

6. NHẬN XÉT

Trong năm 1951, Việt Minh mở ba trận tấn công vào miền đồng bằng.

Trận Vĩnh Yên là một trận quyết định. vì sau chiến thắng rừng núi Cao-Bắc-Lạng, Việt Minh tin tưởng sẽ chiến thắng cả tại đồng bằng, nên đã huy động một số lớn quân chủ lực áp dụng chiến thuật « trộn trấu » mở trận tấn công này. Trên thực tế, Việt Minh chưa đủ sức chiến thắng tại đồng bằng.

Trận Mạo Khê cũng nhằm đánh xuống miền đồng bằng. Nhưng lần này rút kinh nghiệm ở lần trước, Việt Minh dựa vào dãy núi Đông Triều, mở trận đánh hạn chế vào các mỏ than gần Hải Phòng. Trận đánh này rất ngắn, có tính cách phô trương và làm cho Pháp luôn luôn phải cảnh giác.

Trận thứ ba là trận Bờ Sông Đáy. Trận này chưa phải là trận quyết định, nhưng rất qui mô. Việt Minh biết chưa thể chiếm và tiến sâu vào đồng bằng vì Pháp có hỏa lực mạnh mẽ, nên đã dựa vào các dãy núi đá vôi vùng Ninh Bình để xuất phát các trận đánh. Việt Minh đã chuẩn bị rất kỹ và mở được một trận địa kéo dài trên 80 cây số dọc theo bờ sông Đáy.

Trong trận này Việt Minh đã có nhiều đặc điểm

1) Về phương diện chiến lược, họ đã chọn « điểm » cho trận đánh là vùng Ninh Bình. Tại đây Việt Minh mở ra những trận đánh lớn như hai lần chiếm tỉnh lỵ Ninh Bình và hai lần tấn công mạnh mẽ vào đồn Yên Cư Hạ. Các trận đánh đẫm máu xảy ra giữa Pháp và Việt Minh và cả hai bên đều tổn thất quan trọng. Trong khi đó, Việt Minh dùng « diện » là các mặt trận Phủ Lý, Phát Diệm với sự tham gia của địa phương quân, vây hãm hoặc tiêu diệt các đồn bót thuộc hệ thống phòng thủ của Pháp, đồng thời, các Trung đoàn 42 và 64 phối hợp với các đơn vị địa phương, du kích hoạt động tại các tỉnh Nam Định và Thái Bình, làm ung thối và phá vỡ các công cuộc bình định của Pháp. Về phương diện này Việt Minh đã thành công.

2) Về phương diện chiến thuật, khác với trận Vĩnh Yên, đôi khi Việt Minh tấn công ngay ban ngày, tại đây, chỉ có đánh đêm để tránh các tổn thất do phi pháo. Hơn nữa, các trận đánh không liên tục, như năm ngày sau các trận đánh tại tỉnh lỵ Ninh Bình, trận đánh Yên Cư Hạ mới xảy ra.

3) Về phương diện tâm lý, bộ đội Việt Minh tới giáo khu của Cha Lê Hữu Từ. Họ đã đến nhà thờ nhưng không xâm phạm vào Cha, nhằm không gây nên thù hằn mà chỉ uy hiếp tinh thần chống cộng của Cha và giáo dân.

4) Một đặc điểm khác là Việt Minh đã mở chiến dịch này về mùa hạ, tất nhiên chiến dịch không thể kéo dài quá 2 tháng. Theo kinh nghiệm, cả Pháp lẫn Việt, mỗi khi mở chiến dịch lớn thường mở vào Thu-Đông hay Đông-Xuân, vì các mùa này tại Bắc Việt khô ráo, còn mùa hạ tại đây viêm nhiệt, mưa nhiều không tiện cho các cuộc hành quân lâu dài.

Về phía Pháp cũng có vài đặc điểm

1) Pháp đã huy động rất nhanh chóng các lực lượng tiếp viện kể cả không quân và hải quân, đối phó kịp thời với tình hình. Bởi vậy, mặt trận đã quân bình.

2) Pháp đã thống nhất chỉ huy. Viên tướng de Linarès, tư lệnh lục quân Bắc Việt, đã tới ngay Nam Định để lập bộ chỉ huy hành quân, tạm thời đảm nhận cả quyền chỉ huy của viên đại tá Gambiez, tư lệnh phân khu Nam.

3) Pháp nhờ có Nam Định là trung tâm điểm chiến lược quan trọng của vòng đai phòng thủ phía Nam, vừa là nơi để tập trung đông đảo các lực lượng trừ bị, vừa có ưu thế về đường thủy bộ để tiếp cứu cho các mặt trận.

E. TRẬN HÒA BÌNH (9-11-1951 – 24-2-1952)

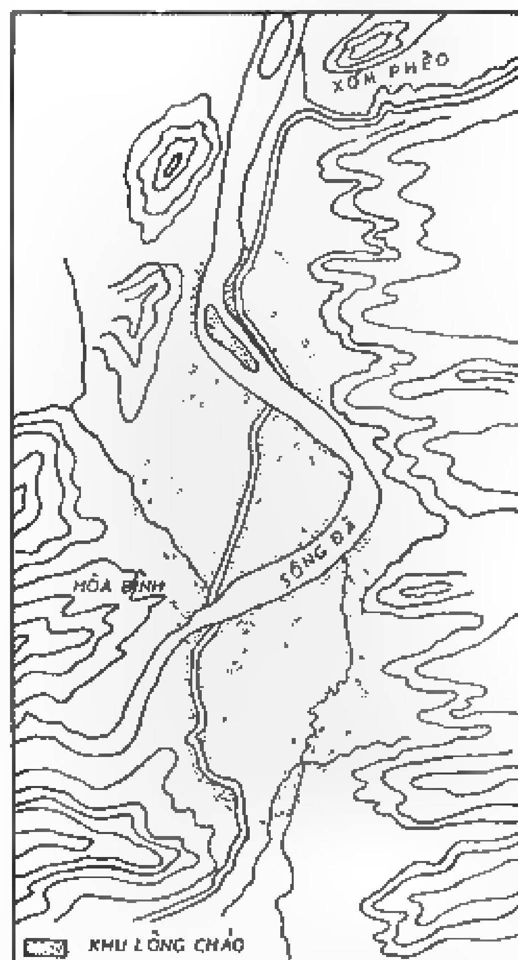
SAU ba lần tự cho là chiến thắng, de Lattre ôm mộng lớn sẽ đánh bật Việt Minh khỏi vùng họ đang chiếm giữ.

Trước tiên, de Lattre chọn Thanh Hóa, một tỉnh trù phú có tới 500.000 người công giáo mà Pháp cho rằng những người này đều có xu hướng chống cộng và thân Pháp. Chính Pháp đã nhiều lần dòm ngó vùng này nhưng chưa có cơ hội thuận tiện.

De Lattre đã chuẩn bị huy động tới 10 tiểu đoàn bộ binh và các binh chủng yểm trợ cùng một số quân trừ bị 8 tiểu đoàn nhảy dù để tham gia vào trận đánh Thanh Hóa. Cuộc chuyển quân bắt đầu bằng phương tiện hải quân vào cuối tháng 10-1951. Nhưng giữa đường đoàn tàu gặp bão trong 5 ngày liền khiến các binh sĩ trên tàu đều bị say sóng, nên phải quay về.

De Lattre bèn đổi ý định, chọn mục tiêu khác tương đối dễ hơn. Cuối năm 1951, ông chọn Hòa Bình làm mục tiêu cho cuộc phản công của Pháp.

Sơ đồ vị trí đồn Xóm Phèo và khu lòng chảo



Hòa Bình là một tỉnh lỵ ở sát hữu ngạn sông Đà nằm trong một khu lòng chảo dài 6 cây số, ngang 3 cây số và ở phía Tây Nam của Hà Nội khoảng 110 cây số.

Đây là một vùng đất sinh sống của người Mường. Vào năm 1945, lợi dụng sự hoang vắng của thị trấn, người Nhật lập tại nơi đây một trại an trí các tù chính trị người Việt. Tới năm 1948, người Pháp trở lại, theo chính sách chia để trị, họ dùng Hòa Bình làm một trung tâm ảnh hưởng chính trị cho sắc dân Mường. Do đó, họ gọi Hòa Bình là thủ phủ của xứ Mường (pays des Mường). Sau trận Cao - Bắc - Lạng, Pháp triệt thoái khỏi Hòa Bình để bảo toàn lực lượng. Và nay, de Lattre quyết định trở lại chiếm đóng vùng này.

1. HÀNH QUÂN CHIẾM ĐÓNG HÒA BÌNH

De Lattre tái chiếm Hòa Bình với nhiều lý do

— Về phương diện quân sự, Hòa Bình rất quan trọng vì là trung tâm điểm giao liên của miền Bắc và Bắc Trung Việt. Chính đường dây từ Việt Bắc tới Thanh Hóa phải qua Hòa Bình. Nếu chiếm được tỉnh lỵ Hòa Bình, Pháp không cắt được hẳn mạch giao liên này thì cũng kiểm soát và làm trở ngại cho các cuộc vận chuyển lớn của Việt Minh như vũ khí nặng, dụng cụ công binh xưởng.

— Về phương diện tâm lý, chiếm Hòa Bình, Pháp sẽ thu hút được ảnh hưởng của người Mường, vì theo Pháp sắc dân thiểu số này không thích Việt Minh.

— Một lý do khác, de Lattre cho rằng nếu ngăn chặn được mạch tiếp tế này, Việt Minh sẽ phải chấp nhận các trận đánh trong các hệ thống phòng thủ của Pháp, như vậy, Pháp có dịp tiêu diệt chủ lực địch. Hơn nữa, mở trận đánh này có thể làm giảm áp lực địch đối với các đơn vị Pháp tại Thượng du.

— Chiếm tỉnh lỵ Hòa Bình, Pháp phải kiểm soát vùng núi Ba Vì để nối liền với đồng bằng. Và như vậy, Pháp sẽ mở rộng thêm phòng tuyến đến tận hữu ngạn sông Đà và kiểm soát cả tỉnh lộ số 6 từ Xuân Mai tới tỉnh lỵ làm trục tiếp tế.

Pháp huy động 15 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn nhảy dù, 2 liên đoàn thiết giáp, 7 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh và hai hải đoàn xung phong đánh cho cuộc phản công này.

Trước khi khởi sự, Pháp cho một cánh quân xuất phát từ chợ Bến, vượt sông Đáy để tảo thanh sâu vào vùng núi đá. Với cuộc hành quân này, Pháp cố ý để Việt Minh không nghi ngờ và cho rằng những cuộc hành quân sau này của Pháp chỉ là hành quân tảo thanh hạn chế địa phương

Tới ngày 9-11-1951, cuộc hành quân Hòa Bình mới thực sự diễn ra, Pháp chia quân làm 3 lực lượng : — lực lượng phía Bắc có hải đoàn xung phong yểm trợ tiến vào dãy núi Ba Vì và theo sông Đáy — lực lượng phía Nam có thiết giáp tăng cường tiến theo tỉnh lộ số 6 — và lực lượng thứ ba gồm có quân nhảy dù và bộ binh trừ bị

Ngày 14-11-1951, lực lượng thứ ba mới lâm trận. Từ sáng sớm, Pháp cho 3 tiểu đoàn nhảy dù xuống khu lòng chảo Hòa Bình và chiếm tỉnh dễ dàng trong ngày Các cánh bộ binh tiếp tục tiến quân không gặp một sự chống cự quan trọng nào của Việt Minh

Việc chiếm Hòa Bình và việc nới rộng vòng đai tới sông Đà được coi như hoàn tất

Pháp cho thêm 7 tiểu đoàn bộ binh tới tỉnh lỵ để mở rộng khu vực, chiếm giữ các cao điểm xung quanh khu lòng chảo

Nhằm bảo vệ Hòa Bình Pháp cho tu bổ và mở rộng sân bay tại tỉnh lỵ, đồng thời thiết lập các hệ thống phòng thủ dọc theo sông Đà và đường số 6 để làm hai trục tiếp tế chính.

Trên các trục lộ này, Pháp thiết lập rất nhiều đồn, trong đó có những đồn lớn như Tu Vũ, Xóm Phèo, Kẽm

Ngay từ ngày đầu, Pháp cho các tiểu đoàn công binh và 2.000 công nhân ra sức sửa đường số 6, bắc lại 12 cây cầu và sửa lại trên 30 cây số đường dài. Đường số 6 trước khi tới Hòa Bình phải qua một hậu trạm là Xuân Mai, và từ Xuân Mai tới Hòa Bình đường dài trên 40 cây số, hai bên toàn bụi rậm và những vách núi rất thuận lợi cho các cuộc phục kích của đối phương. Còn thủy lộ sông Đà được căn cứ từ hậu trạm ở chân núi Ba Vì, rất tốt cho cuộc chuyển vận, nhưng cũng nguy hiểm cho các tàu bè vì hai bên sông toàn là đồi núi thuận lợi cho phục kích

Tóm lại, việc chiếm giữ khu lòng chảo Hòa Bình với các pháo đài phòng thủ dọc theo đường số 6 và sông Đà đã tạo cho Pháp phải cầm chân một số các đơn vị khoảng trên 10 tiểu đoàn thụ động trong đồn bót Đó là chưa kể tới việc tổ chức tiếp tế rất phức tạp cho mặt trận này

2. PHẢN ỨNG CỦA VIỆT MINH

Chỉ sau một thời gian ngắn. Việt Minh đã huy động tới mặt trận các Sư đoàn 304 308 và 312, được tăng cường thêm các dàn cao xạ và các đơn vị công binh để chuẩn bị phản công. Trong khi đó các sư đoàn chủ lực khác xâm nhập đồng bằng . Sư đoàn 316 vào vùng Vĩnh Phúc Yên và Sư đoàn 320 vào vùng Phủ Lý, Nam Định để khuếch trương các cơ sở hậu địch như phát triển du kích và phát huy ảnh hưởng trong dân chúng.

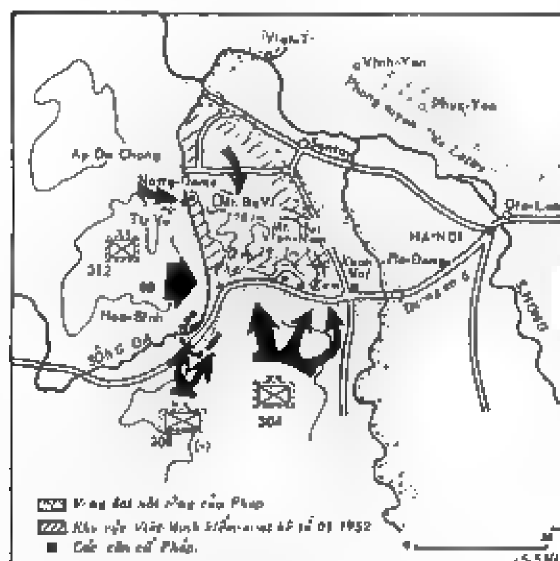
Tới đầu tháng 12-1951, Việt Minh bắt đầu gây áp lực xung quanh mặt trận Hòa Bình. Sư đoàn 312 hoạt động trước đồn Tu Vũ. Sư đoàn 308 với 2 trung đoàn hoạt động ở ngoài vòng đai của khu vực xóm Phèo

Còn Sư đoàn 304 uy hiếp đường số 6 ở về phía đeo Kẽm.

Ngày 10-12, Việt Minh bắt đầu tấn công đồn Tu Vũ, kế đó thường xuyên mở các cuộc phục kích trên cả hai trục giao thông thủy bộ.

Nhưng kể từ tháng giêng 1952, Việt Minh dồn tất cả nỗ lực uy hiếp đường số 6 với sự hiện diện của Sư đoàn 304 nói trên nhằm cắt đứt trục lộ này và cô lập Hòa Bình với miền đồng bằng. Đây là dấu hiệu của một trận đánh tiêu hao với những trận công đồn đẫm máu nhất bằng một chiến thuật biển người, chịu chấp nhận mọi thiệt hại để đạt được chiến thắng.

Sơ đồ trận Hòa Bình.



3. TRẬN TU VŨ : 10-12-1951.

Đồn Tu Vũ là một trong những địa điểm quan trọng ở tại hữu ngạn sông Đà và được phòng thủ rất kiên cố. Đồn có hai điểm tựa phía Nam và phía Bắc, được ngăn cách bởi một con lạch. Điểm tựa phía Bắc do một đại đội Bắc Phi đóng giữ, điểm tựa phía Nam cũng do một đại đội Bắc Phi và được tăng cường thêm một chi đội gồm 4 chiến xa M 24.

Đồn này bị các đơn vị của Sư đoàn 312 tấn công lúc 21g ngày 10-12 1951

Trước cuộc tấn công này một ngày, Pháp đã biết tin quân Việt Minh tới đánh đồn nên đã mở một cuộc hành quân cấp liên đoàn để tìm cách ngăn chặn cuộc tấn công. Nhưng không hiểu sao, Việt Minh đã tránh né khiến không có cuộc chạm súng nào xảy ra. Và chỉ ngày hôm sau, họ đã đưa được quân về tấn công rất dữ dội vào đồn Tu Vũ.

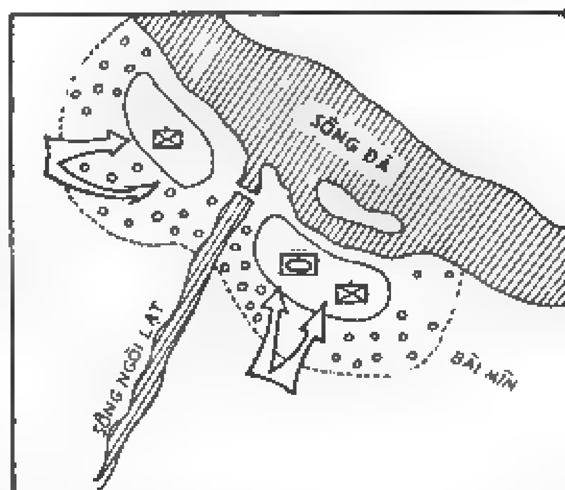
Thoạt tiên bằng pháo kích, kế đó Việt Minh sử dụng đại bác 75 ly bắn thẳng vào đồn. Tới 22g10, các đơn vị đầu tiên của Việt Minh bắt đầu xung phong vào điểm tựa phía Bắc. Họ cho nổ bộc phá loại dài để phá hủy hàng rào kẽm gai và các bãi mìn rồi áp dụng chiến thuật biển người xung phong vào đồn. Trước hỏa lực hùng hậu của quân phòng thủ, lớp này ngã, lớp khác tiến lên bất kể những thiệt hại về nhân mạng. Pháo binh Pháp phải bắn chặn vào hàng rào kẽm gai, nhưng các làn sóng xung phong cứ tiếp tục tiến lên.

Tới 23g40, điểm tựa phía Bắc bị mất. Tuy chiếm được điểm tựa này, Việt Minh đã để các xác chết nằm dày đặc trên hàng rào kẽm gai, khiến hệ thống phòng thủ không còn hữu hiệu nữa. Những binh sĩ Pháp còn sống sót rời bỏ vị trí chạy qua cầu để sang điểm tựa phía Nam.

Việt Minh lại bắt đầu tấn công điểm tựa phía Nam. Trận tấn công này cũng tương tự như cuộc tấn công trên nhưng kinh khủng hơn.

Vào lúc 3g, Việt Minh mở các đợt xung phong. Tại phần đồn này, Pháp nhờ 4 chiến xa phòng thủ bắn cản dữ dội. Các phần tử xung phong cứ liều mạng tràn vào, các chiến xa vừa di động vừa bắn, cán bừa vào đối phương. Cuối cùng các chiến xa bị tràn ngập và bị đốt cháy khiến không còn một người lính thiết giáp nào sống sót.

Sơ đồ trận Tu Vũ.



Đồn bị mất, một số binh sĩ Bắc Phi bỏ đồn chạy ra bờ sông Đà, lội ra núp trên một cồn cát giữa sông nên sống sót.

Tới sáng, khi quân Pháp tiếp viện tới, Việt minh đã rút mang theo hết những xác chết và chiến lợi phẩm mà họ tịch thâu được, ngoại trừ, vài xác con vướng trên các hải min.

4. CÁC TRẬN PHỤC KÍCH QUAN TRỌNG CÁC TRỤC LỘ TIẾP GIAO VỚI HÒA BÌNH.

Ngày 22-12-1951, một đoàn tàu tiếp tế do hải đoàn xung phong hộ tống đã bị rơi vào một ổ phục kích của Việt Minh trên sông Đà. Việt Minh dùng súng không giật bắn thẳng vào đoàn tàu khiến 4 xà lan bị đắm, 1 LSSL bị hỏng và 1 LCM bị trúng min.

Ngày 29-12-1951, một đại đội Lê dương Pháp bị phục kích trên đường số 6, bị chết 130 người trong tổng số 200.

Ngày 12-01-1952, một đoàn tàu Pháp bị Việt Minh phục kích tại vùng núi Notre dame, 1 tàu và 4 vơ det bị bắn chìm. Đoàn tàu phải quay trở lại không thể tiếp tục tới Hòa Bình được.

5. TRẬN XÓM PHÈO: 08-1-1952.

Đồn xóm Phèo của Pháp là một đồn quan trọng có nhiệm vụ bảo vệ đường số 6 tại chỗ dòng sông Đà và thiết lộ giao nhau để cùng song song tiến tới tỉnh lỵ Hòa Bình trên một quãng đường dài gần 6 cây số. Đồn xóm Phèo do 1 tiểu đoàn Lê dương đóng giữ và chia làm 4 khu vực đóng quân

– Hai đại đội chiếm 1 ngọn đồi hình thoi có thể kiểm soát dọc theo sông Đà.

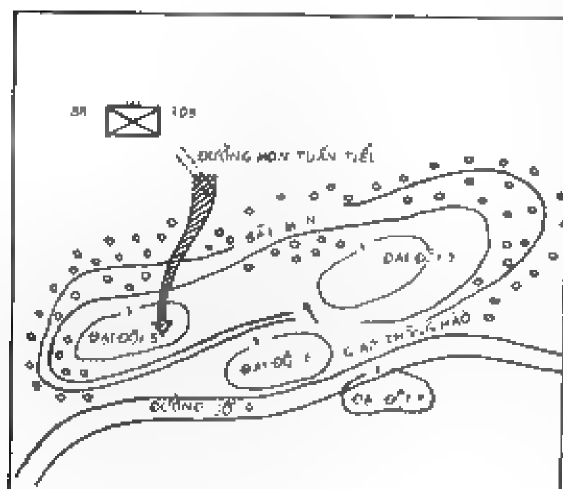
Hai đại đội khác đóng vắt ngang đường số 6

Việt Minh tham dự trận đánh với 1 trung đoàn được tăng cường 2 tiểu đoàn bộ binh và các đơn vị pháo binh. Đây là Trung đoàn 88 thuộc Sư đoàn 308 Việt Minh đang vây hãm khu lòng chảo Hòa Bình.

Để mở đầu trận đánh, vào lúc 0g30 ngày 8-1 1952, bộ đội Việt Minh dùng bộc phá phá hàng rào kẽm gai. Rồi tới 2g, mới pháo kích dữ dội vào đồn. Họ cũng mang sơn pháo 75 bắn thẳng vào các công sự phòng thủ của đồn.

Một vị trí pháo binh tại Hòa Bình yểm trợ cho đồn Xóm Phèo.





Sơ đồ trận Xóm Phèo.

Trận đánh xảy ra cũng như trận Tu Vũ. Khu đồn phía Tây bị đánh thủng, nhưng nhờ pháo binh tại tỉnh lỵ yểm trợ đắc lực, viên thiếu tá Roux tiểu đoàn trưởng đã mở được cuộc phản công chiếm lại vào lúc 4g.

Trong trận này, Việt Minh bị thiệt hại rất nhiều.

6. TRIỆT THOÁI HÒA BÌNH

Salan thay quyền de Lattre làm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh có ý định rút lui khỏi Hòa Bình sau ngày de Lattre chết.

Vì sau trận Tu Vũ, Việt Minh tạo áp lực và chiếm những cao điểm chế ngự khu lòng chảo kể cả sân bay bằng những dàn cao xạ bắn rất chính xác vào những máy bay khi hạ cánh. Trong khi đó, tại hai trục lộ thủy bộ tiếp tế cho Hòa Bình, các cuộc phục kích của Việt Minh thường xảy ra, mỗi khi di chuyển Pháp phải mở đường. Ngoài ra, binh sĩ Pháp đồn trú ở trong rừng lại bị bệnh, nhất là bệnh sốt rét.

Còn tại đồng bằng, các đơn vị chủ lực xâm nhập, phối hợp cùng các Trung đoàn 42 và 48 biệt lập và các đơn vị địa phương dân quân du kích hoạt động làm rung thối. Pháp tính ra có tới 40 tiểu đoàn đã hoạt động cho công tác này.

Tất cả sự kiện này là lý do khiến Salan rút quân. Vì giữ Hòa Bình bất lợi, quân sẽ bị tiêu hao, chiến trường rừng núi không thích hợp, rút về sẽ có thêm quân giải tỏa áp lực cho đồng bằng.

Salan có ý định này từ đầu tháng 1-1952, nhưng giữ rất bí mật vì rút một đoàn quân cồng kềnh ra khỏi trận địa rất khó, nhất là việc rút chỉ có hai trục lộ là đường số 6 và thủy lộ sông Đà.

Salan định rút theo ngả sông Đà thuận tiện hơn, nhưng các đoàn tàu thường bị tấn công bằng súng không giật rất nguy hiểm. Việc sử dụng trục lộ này để lui binh sẽ rất bất lợi.

Salan chọn đường số 6, và giao cho viên đại tá Gilles, chỉ huy trưởng lực lượng nhảy dù dùng các tiểu đoàn nhảy dù bảo vệ cho một số công nhân rất lớn và 2.000 tù binh khai quang hai bên con đường này. Việc khai quang diễn ra từ 4-1-1952. Pháp có ý để Việt Minh lầm tưởng rằng Pháp sẽ giữ lâu dài, nhưng thực ra làm công việc này là Salan đang chuẩn bị cho cuộc lui quân.

Mãi tới ngày 22-2-1952 cuộc triệt thoái mới thi hành. Vào lúc gần tối, quân Pháp đã rút khỏi khu lòng chảo Hòa Bình mang theo hàng nghìn dân Mường không muốn sống với chế độ Việt Minh. Cuộc hành quân này mệnh danh là hành quân Amarante. So với kinh nghiệm của cuộc triệt thoái Cao Bằng hồi năm 1950, Pháp cho đây là một thành công.

Bộ đội Việt Minh chỉ đuổi theo yếu ớt. Tới ngày 24-2-1952, cuộc triệt thoái coi như chấm dứt khi đoàn quân về tới Xuân Mai.

7. NHẬN XÉT

De Lattre tin ở tài làm tướng của mình. Thực ra, ông đã tạo cho binh sĩ dưới quyền đang ở trong một tình trạng chủ bại thành hăng hái, và tạo cho một quân đội đang ở trong một tình trạng thụ động thành hoạt động.

Vì thế mà tướng de Lattre mới có quyết tâm đánh lên vùng Hòa Bình.

Hòa Bình là một vùng rừng núi. Theo kinh nghiệm của cuộc chiến tranh này từ trước tới nay, hễ đánh rừng núi là Việt Minh thắng, và hễ đánh đồng bằng là Pháp thắng.

De Lattre không tiên liệu được việc này, bởi vì ông khinh khi khả năng địch và quá chủ quan, do đó, đã không phân biệt được các ưu điểm của mình và của đối phương.

Đưa quân ra rừng núi, Pháp đã để mất ưu điểm về không quân và đồng thời mất ưu điểm về binh sĩ không chịu khảm khổ và quen với lối đánh rừng rú. Ngược lại, Việt Minh,

từ địa thế, lối sinh hoạt và lối đánh có nhiều thuận lợi.

Kết quả Hòa Bình là một thất bại cho Pháp dù là Pháp chưa dám lao sâu vào miền Việt Bắc.

Nếu de Lattre còn sống, không hiểu trận này sẽ tới đâu? Lẽ tất nhiên với cá tính đặc biệt và lòng kiêu ngạo của một thượng tướng, de Lattre sẽ đưa trận đánh đến chỗ khốc liệt. Giả thử, Pháp có giữ được Hòa Bình thì lực lượng cũng bị tiêu hao, vì đây là một trận địa quá thực thích hợp với Việt Minh.

Việc Salan rút khỏi Hòa Bình có phải là một hành động khôn ngoan không? Nhưng việc rút lui này là [illegible] tiên tạo ý chí chiến thắng cuối cùng của quân Pháp. Đưa quân về cố thủ để giải tỏa áp lực cho đồng bằng tức là một hành động thu hẹp của Pháp, đã giúp cho Việt Minh được những yếu tố thuận lợi để xua quân vào chiếm miền Thái và miền Thượng Lào sau này.

G. TRẬN MIỀN THÁI (11-10-1952 – 1-12-1952)

NGƯỜI Pháp trở lại miền Thái dễ dàng từ năm 1946 nên các hoạt động của Việt Minh tại đây rất yếu ớt. Pháp đã gọi miền Thái là xứ Thái theo như đường lối chính trị của họ. Miền này gồm các tỉnh Sơn La và Lai Châu ở Tây Bắc Bắc Việt. Tại đây, có hai sắc tộc Thái sinh sống: Thái trắng và Thái đen. Dân số khoảng 685.000 người. Người Thái trắng ở Lai Châu và vùng giáp Lao Kay. Người Thái đen ở Sơn La và Điện Biên Phủ. Tuy là sắc tộc thiểu số, người Thái sinh hoạt như người Việt Nam.

Dân miền Thái mới thực sự biết chiến tranh kể từ tháng 10-1951. Đây là lần đầu tiên Việt Minh tấn công vào một vùng trù phú của miền Thái, đó là Nghĩa Lộ nằm đối diện với chiến khu Việt Bắc. Pháp kịp thời cứu viện nên Việt Minh bỏ ngay ý định tiến vào miền này.

Nhưng sau chiến dịch Hòa Bình, các đơn vị chủ lực Việt Minh dưỡng quân để chuẩn bị cho chiến dịch mùa Thu. Lần này Việt Minh lại chọn mục tiêu miền Thái và họ đã chiến thắng.

I. CUỘC TIẾN QUÂN CỦA VIỆT MINH

Lực lượng Việt Minh tiến vào miền Thái gồm các Sư đoàn 308, 312, 316 và Sư đoàn pháo 351, cùng các đơn vị công binh sửa chữa và bảo vệ các lộ trình tiến quân; ngoài ra, còn có Trung đoàn địa phương 148 quen đánh du kích. Tóm lại, Việt Minh tham dự trận đánh này với quân số gần 30.000 người.

Nỗ lực chính của Việt Minh là Sư đoàn 312 và 308 tập trung đánh vào khu trung tâm Nghĩa Lộ. Nỗ lực phụ là hai Trung đoàn của Sư đoàn 316 phối hợp với các đơn vị địa phương đánh bọc về phía Đông Nam. Trung đoàn 148 bảo vệ sườn Tây Bắc (bản Nam Sô, Quỳnh Nhai).

Khởi sự các đơn vị chủ lực Việt Minh vượt sông Hồng trên một mặt trận dài 60 cây số, uy hiếp và chiếm hầu hết những đồn bót nhỏ của Pháp lập dọc theo sông. Các quân đóng đồn phải bỏ chạy về tập trung tại Vạn Yên. Địa điểm này sau đó cũng bị uy hiếp vì quân chủ lực Việt Minh tiếp tục tiến quân vào miền Thái.

Sau 6 ngày vượt sông Hồng, Sư đoàn 308 đã tới trước mục tiêu chính là thị trấn Nghĩa Lộ. Tại đây Pháp có một đồn binh bố trí rất vững vàng. Đồn này chia làm hai nấc gồm một đồn ở trên và một đồn ở dưới. Đồn trên có thể kiểm soát bao quát được các vùng xung quanh và có hai khẩu đại bác 105 ly để yểm trợ cho các đồn nhỏ. Bởi vậy người ta đã ví đồn Nghĩa Lộ như là một đồn mẹ cho cả khu vực. Tuy nhiên, đồn Nghĩa Lộ rất khó giữ vì nằm trong khu lòng chảo đông dân cư. Tại đồn này Pháp có chừng 700 quân.

Theo lời kể của một cán binh Việt Minh thì khi tới Nghĩa Lộ các đơn vị của họ chưa đánh đồn ngay. Họ đưa quân vào các bản để chiêu dụ dân. Dân chúng ở đây đã tiếp đón họ rất vui vẻ.

Đồn Nghĩa Lộ do một viên thiếu tá Pháp chỉ huy. Vào ngày 17-10, viên sĩ quan này cho một toán quân ra thám sát. Khi về, toán này cho biết dân chúng ở các bản thôn kế cận đã đi đâu hết. Viên trưởng đồn lo ngại, cho lệnh báo động, lúc đó là 5g chiều. Chỉ một lúc sau khi trời gần tối, một trận pháo kích dữ dội bắn vào đồn, kế đó, Việt Minh mở các đợt xung phong, không đầy một giờ đồn phía trên thất thủ. Còn đồn phía dưới là một đồn nhỏ kém quan trọng lại chống cự được khá lâu vì Việt Minh coi đây là một mục tiêu phụ.

Được tin, [illegible] sáng hôm sau, Pháp

mới cho phi cơ lên quan sát và yểm trợ cho đồn. Các phi công chỉ còn thấy lửa bốc cháy ở hai đồn bỏ không, các tù binh Pháp bị giải đi từng hàng dài dưới sự canh gác của binh lính Việt Minh.

Trong ngày 18, Việt Minh còn tấn công cả Sầm Nưa, Lào Nhao, chiếm vùng Mường Hét, Mường Hin ở thượng lưu sông Mã, nghĩa là hầu hết các đồn bót tại miền này đều bị đánh hay bị uy hiếp.

Bộ tư lệnh Pháp không biết giải quyết ra sao. Cuối cùng, cho thả một tiểu đoàn nhảy dù xuống tăng cường cho đồn Tú Lệ. Đây là Tiểu đoàn 6 nhảy dù do viên thiếu tá Bigeard chỉ huy. Bigeard là một cấp chỉ huy lỗi lạc, thường binh đã được lựa chọn để giao cho nhiệm vụ nguy hiểm này. Pháp cho rằng tiểu đoàn này có thể bảo vệ hữu hiệu đồn Tú Lệ.

Tối ngày 20-10, khoảng 3 giờ đêm, Việt Minh tấn công đồn Tú Lệ, sơ khởi pháo kích dữ dội rồi mở các đợt xung phong vào đồn. Đến gần sáng, viên chỉ huy tiểu đoàn Pháp núng thế, được lệnh rút lui về phía Nam sông Đà mang theo cả những binh sĩ bị thương.

Chiếm được Nghĩa Lộ, Tú Lệ và cả đồn Văn Uyên, bộ đội Việt Minh đã làm tan rã hệ thống phòng thủ của Pháp dọc theo sông Hồng. Lúc này, tướng tổng tư lệnh Salan không dám tung quân thêm vào mặt trận này nữa.

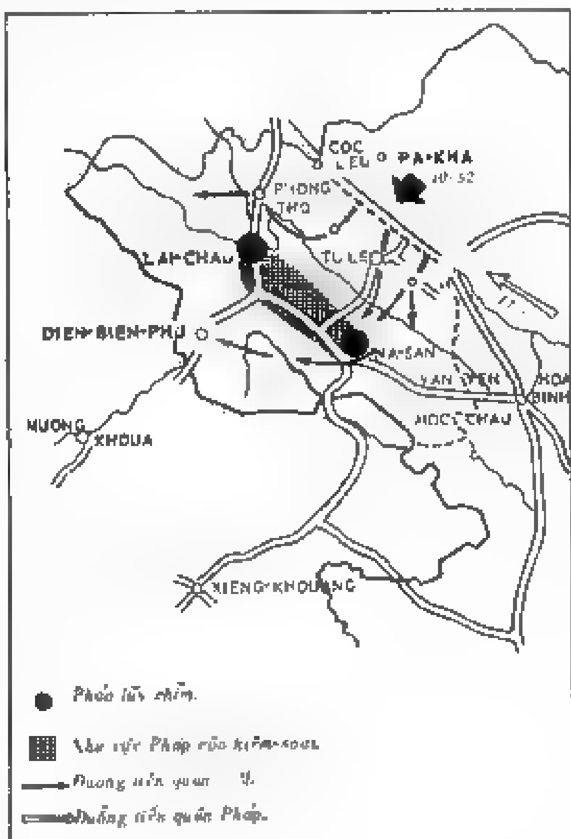
Ngày 21-10, các tướng Salan và de Linares bay trên trận địa quan sát tình hình đã tỏ ra thất vọng. Đám binh Bigeard rút lui về phía đồn Mường Chen được Salan dùng máy truyền tin khuyến khích. Đoàn quân này thoát ra khỏi cuộc truy kích của đối phương. Khi về tới tuyến sông Đà, tiểu đoàn nhảy dù chỉ còn 2/3 quân số. Tuy nhiên Bộ tư lệnh Pháp hết lời ca ngợi cho là đơn vị này đã làm trì chậm được cuộc tiến quân của Việt Minh, cứu vãn một số các đồn bót rút được về hậu tuyến bờ sông Đà.

Để đối phó với tình hình biến chuyển, Salan lần lượt hành động:

— Cho mở cuộc hành quân Lorraine vào hậu tuyến đối phương tại Việt Bắc để thu hút chủ lực Việt Minh phải quay về, và như thế sẽ làm giảm sức tấn công của đối phương vào miền Thái.

- Cho tổ chức một pháo lũy phòng thủ tại Nasan để cản ngăn sức tấn công của đối phương vào Lai Châu và Thượng Lào.

Sơ đồ hành quân của Việt Minh vào miền Thái 11-10-1952. *(Xem bổ túc sơ đồ hành quân Thượng Lào 20-3-53 — 18-5-53,*



2. HÀNH QUÂN LORRAINE : 29-10-1952

Ngày 29-10-1952, Pháp mở cuộc hành quân Lorraine nhằm đánh vào các tuyến giao thông và cơ sở Việt Minh tại Việt Bắc. Đây là một cuộc hành quân được chuẩn bị rất chu đáo. Salan giao cho tướng de Linares tạm thời rời bỏ chức tư lệnh lục quân miền Bắc để đích thân chỉ huy trận đánh này. Pháp huy động một lực lượng rất lớn tham dự để xứng với một tướng lãnh chỉ huy cấp quân đoàn như de Linarès.

Lực lượng này gồm có 4 liên đoàn lưu động, 3 liên đoàn nhảy dù, 2 tiểu đoàn bộ binh, 2 liên đoàn thiết giáp và thám thính xa, 2 hải đoàn xung phong và hai tiểu đoàn pháo binh. Tổng cộng 30.000 người.

Cuộc hành quân chia làm nhiều đợt, nhưng chỉ áp dụng được đợt đầu.

Với đợt đầu cũng là đợt chót, Pháp cho tạo thành một vùng rộng lớn nằm giữa sông Hồng và sông Đáy tới tận Phủ Đoan.

Cuộc hành quân gồm 3 cánh

— Cánh một do viên trung tá Bastinia chỉ huy lập một đầu cầu qua sông Hồng để tiến chiếm Phú Thọ.

— Cánh hai do viên đại tá Kergaravat chỉ huy tiến từ Việt Trì dọc quốc lộ 2 lên phía Bắc.

— Cánh ba do viên đại tá Bonichou chỉ huy lập đầu cầu qua sông Hồng ở phía Bắc Hưng Hóa cũng tiến lên phía Bắc.

Ngoài ra còn có lực lượng nhảy dù làm trừ bị.

Bộ chỉ huy hành quân của de Linarès đóng tại Việt Trì.

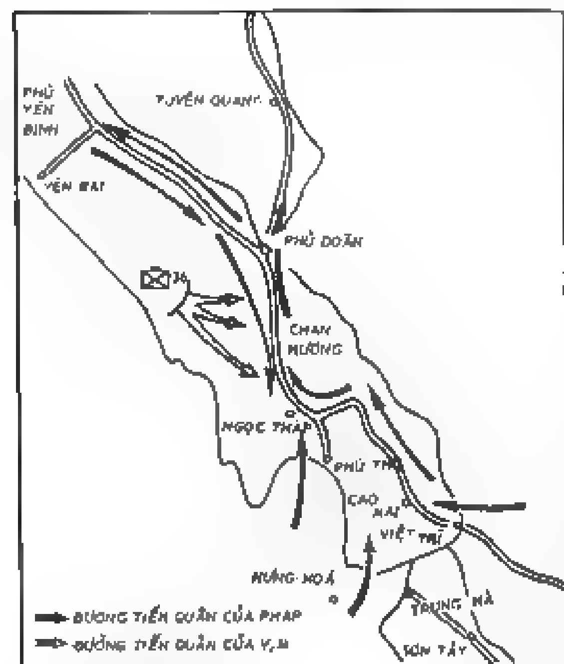
Ngày 3-11, Pháp chiếm Phú Thọ không gặp một phản ứng nào của Việt Minh.

Ngày 7-11, chiếm Ngọc Tháp cũng không gặp phản ứng nào.

Quân Pháp tiếp tục tiến quân lên Phủ Đoan với sự yểm trợ của hải và không quân của viên đại tá Dodelier.

Ngày 9-11, các tiểu đoàn nhảy dù của viên trung tá Du Courneau nhảy xuống bao vây Phủ Đoan và không gặp kháng cự nào của Việt Minh. Thị trấn đã được bỏ ngỏ không thấy bóng một người dân cũng như bóng một địch quân nào. Buổi chiều, bộ binh Pháp có thiết giáp yểm trợ cũng tới nơi. Sau khi lục soát,

Sơ đồ hành quân Lorraine.



Pháp khám phá được một kho quân nhu rất lớn, đây là chiến lợi phẩm duy nhất của hành quân Lorraine.

Pháp tiếp tục tiến quân.

Ngày 14-11, tới Phú Yên Bình cách Phủ Đoan 60 cây số về phía Bắc cũng không gặp một sự kháng cự và cũng không gặp một người dân nào.

Tới đây, tướng Salan cảm thấy nếu tiến quân sâu thêm cũng không ích lợi gì mà còn gặp nhiều nguy hiểm. Salan ra lệnh cho de Linarès rút lui dù mục tiêu Yên Bái chưa đạt tới.

Về phía Việt Minh, họ không chịu bỏ ý định, vẫn tiếp tục tiến sâu vào miền Thái. Khi nghe tin Pháp mở hành quân Lorraine, họ tiên liệu Pháp không đủ quân để chiếm đóng Việt Bắc lâu dài như Hòa Bình nên chỉ rút một ít lực lượng về để đối phó. Đó là Trung đoàn 36 thuộc Sư đoàn 308 và Trung đoàn 176 thuộc Sư đoàn sơn cước 316.

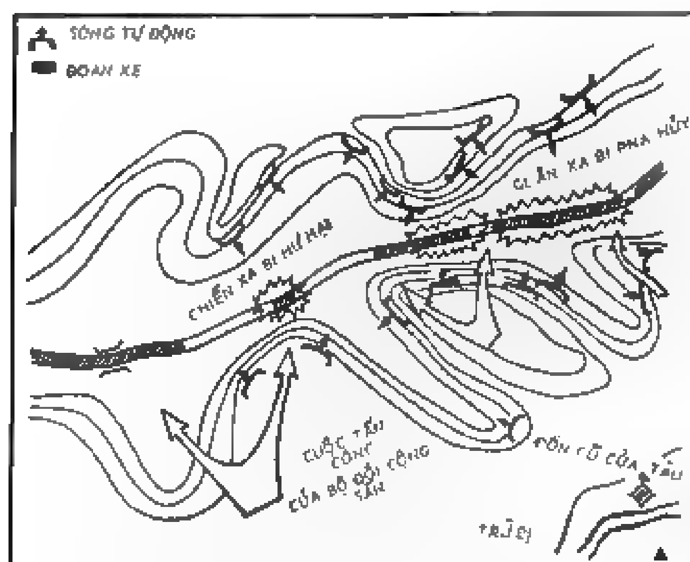
Tại Việt Bắc, Việt Minh cứ để mặc cho Pháp tiến quân mà không có một hành động cụ thể nào, vì vùng hành quân không phải là vùng đầu não quan trọng. Vùng này chỉ là vùng chuyển quân và dưỡng quân của Việt Minh mà thôi.

Pháp càng tiến sâu càng mệt mỏi, tiếp tế càng khó khăn. Trong khi đó, các trung đoàn Việt Minh có dân chúng làm tai mắt, không đánh chỉ theo dõi các trục tiến quân của Pháp.

Đến lúc Pháp mệt mỏi rút về, họ mới đánh, nhưng đánh theo lối tiêu hao, không ham trận và chọn lựa chiến trường sẵn để nắm chắc phần thắng.

Ngày 17-11, quân Pháp trên đường rút lui đã bị rơi vào ổ phục kích qui mô của Việt Minh tại thung lũng Chấn Mương.

Chấn Mương là một thung lũng chật hẹp có rừng cây rậm rạp, hai bên đường đều bị vách núi cao chế ngự. Với địa thế thuận lợi này, Trung đoàn 36 Việt Minh đã dàn trận phục kích dài trên 4 cây số. Khởi sự, Việt Minh dùng đại bác không giật và súng cối từ trên các mỏm núi bắn vào các toán quân Pháp bị kẹt trong đường hẻm ; sau đó, từ các khu rừng xung quanh xuất phát các trận đánh xáp lá cà bằng tiểu liên, lựu đạn và lưỡi lê. Trận đánh kéo dài từ 9g30 đến 16g30. Pháp nhờ không quân yểm trợ đắc lực nên mới thoát khỏi nơi này. Trong trận này, Pháp bị chết 56 người, 133 mất tích, 125 bị thương, 12 quân



Trận phục kích ở Chấn Mương.

xa và một chiến xa bị phá hủy. Thiệt hại Việt Minh không rõ.

Ngày 23-11-1952, quân Pháp mới về tới hậu tuyến. Cuộc hành quân đã không gây được ảnh hưởng cho mặt trận miền Thái và Pháp thiệt hại gần một tiểu đoàn.

3. PHÁO LŨY NASAN

Trong khi mở cuộc hành quân Lorraine, Salan cho thiết lập pháo lũy Nasan. Vì ông quan niệm rằng : Với sức tấn công ồ ạt của nhiều đơn vị chủ lực Việt Minh vào miền Thái, Pháp phải thay đổi các biện pháp đối phó tại miền rừng núi bằng cách thiết lập các tập đoàn cứ điểm mạnh mẽ dựa vào các sân bay. Như thế, có thể ngăn chặn địch hơn là mở các cuộc hành quân phiêu lưu.

Nasan là một thung lũng dài khoảng 2 cây số và ngang gần 1 cây số, xung quanh có 24 ngọn đồi bao bọc và có nhiều đặc điểm quân sự. Vì vậy Nasan trở thành một vị trí chiến lược quan trọng ở giữa các đường tiến quân từ mặt Đông và mặt Bắc qua mặt Tây và mặt Nam miền Thái. Nasan còn nằm trên đường liên tỉnh 41, và tại đây có một sân bay có thể dùng hạ cánh cho phi cơ vận tải, nên rất thuận lợi cho việc thiết lập một cầu không vận từ Hà Nội tới. Về phương diện chiến thuật, những ngọn đồi bao quanh là những trở ngại thiên nhiên để ngăn chặn sức tiến quân của đối phương.

Trước khi thành pháo lũy, Nasan là một đồn quân do một đại đội thân binh đóng giữ và do một hạ sĩ quan Pháp chỉ huy.

Đối với việc thiết lập pháo lũy này, Salan còn có ba mục đích

1) Thứ nhất là để đón các toán quân rút lui từ các đồn bót bị cô lập ở Tây Bắc và Đông Nam về hầu tránh khỏi bị tiêu diệt

2) Thứ hai là để cấp thời ngăn chặn các đơn vị Việt Minh đang khai thác chiến thắng Nghĩa Lộ tiến về Lai Châu và nếu việc ngăn chặn hữu hiệu thì Pháp có thể làm thay đổi được chiều hướng chiến lược và chiến thuật của Việt Minh đang tiến hành

3) Thứ ba là để nhờ có pháo lũy này được coi như một lực thành trì kiên cố mà trong đó quân Pháp có ưu thế chống giữ như ở các công sự vững chắc để nhân cơ hội này tiêu diệt một phần chủ lực của Việt Minh nếu tới tấn công.

Lại nói về Việt Minh, sau khi chiếm Nghĩa Lộ và Tú Lệ, họ chia quân vào hai mặt trận rõ rệt Khu Đông Nam và khu Tây Bắc

Tại khu Đông Nam, Sư đoàn 316 chiếm Vạn Yên (31 10) Balay và Mộc Châu (19-11). Quân Pháp bỏ Sơn La mặc dù vẫn cố gắng thiết lập một cầu không vận hoạt động liên tục đối với các đồn ở trên bờ sông Đà. Cuối cùng các đơn vị Pháp phải rút về Nasan theo ngả Balay

Tại mặt trận Tây Bắc, Trung đoàn 148 chiếm Quỳnh Nhai (6-11) cắt đứt giao thông của các đơn vị Pháp tại vùng này. Ngày 15-11 một tiểu đoàn bộ binh Pháp xuất phát từ Tuần Châu định bắt liên lạc với một tiểu đoàn dù khác phát xuất từ Lai Châu. Nhưng tiểu đoàn dù chạm súng ác liệt tại Tuần Giao và tiểu đoàn bộ binh cũng bị Việt Minh tấn công mạnh mẽ, nên hai tiểu đoàn này không thể tiếp giao được với nhau.

Trước tình hình này mặt trận Pháp bị chia làm hai mặt trận ở Nasan và mặt trận ở Lai Châu. Cả hai mặt trận này không liên lạc đường bộ được với nhau kể từ trung tuần tháng 11 năm 1952.

Pháo lũy Nasan được thiết lập từ đầu tháng 11 52 và Pháp đã có nhiều thì giờ để tổ chức cứ điểm này hoàn hảo vì chủ lực Việt Minh tiến chậm khi chuyển vận qua những ngọn núi cao, bị phi cơ Pháp theo dõi oanh kích

Pháo lũy được tăng cường quân số theo đà tiến triển của tình hình ngày 1-11 các đơn vị Thái được tập trung về cả đây, cùng ngày, một liên đoàn lưu động Việt Nam được không



Binh sĩ Pháp đang lập công sự trên một ngọn đồi — phía xa là phi trường và thung lũng Nasan



Công sự Pháp trên một ngọn đồi tại Nasan.

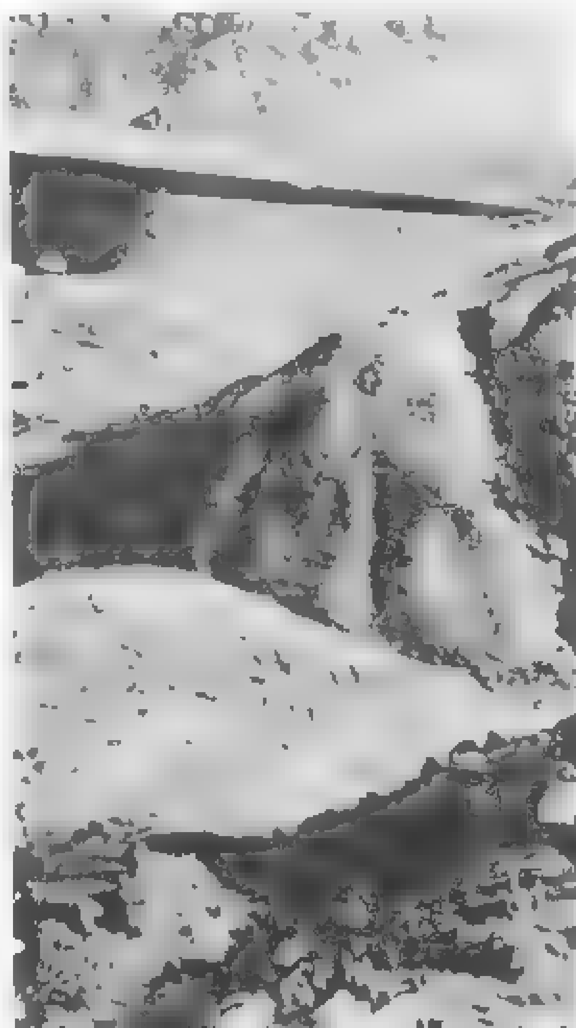


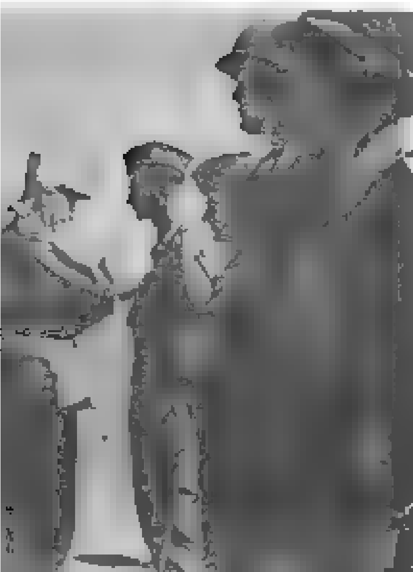
— Phi trường Nasan. Người đội mũ nồi là đại tá Gilles chỉ huy cứ điểm.



Một lính Pháp bên cạnh một ống sự kiến đấu.

Một cảnh thả dù tiếp tế





Tướng de Linarès gắn huy chương cho những người hữu công trong các trận đánh từ 30-11 đến 2-12-1952

vận tới (5), ngày 21-11 thêm 3 tiểu đoàn nhảy dù và các pháo đội được không vận tới. Cuối cùng vào cuối tháng 11-52 pháo lũy [illegible] thấy 10 tiểu đoàn gồm nhảy dù, bộ binh [illegible] các tiểu đoàn Thái vừa được thành lập [illegible] các đơn vị phụ lực quân kết hợp lại. Ngoài ra, còn có một tiểu đoàn công binh, một tiểu đoàn pháo binh với 5 pháo đội và [illegible] chi đoàn thiết giáp thám thính xa. Cầu không vận thiết lập với cả máy bay Bristol của hãng Air France để tải đại bác và quân xa (6). Vì vấn đề vận chuyển khó khăn và bị hạn chế, tất cả cứ điểm Nasan chỉ có trên 10 quân xa để đảm trách các việc tiếp tế và tải thương. Pháp đã giao cho viên đại tá Gilles thuộc binh chủng nhảy dù chỉ huy mặt trận này (7).

Đúng như sự tiên tính của Salan, các đơn vị chủ lực Việt Minh tiến tới cứ điểm Nasan và bắt đầu uy hiếp kể từ ngày 23-11-1952, khởi đầu bằng một cuộc tấn công đêm nhưng bị đẩy lui.

Thế rồi từ đó, ban đêm các toán quân Việt Minh đến quấy rối, quân Pháp chỉ phòng thủ. Nhưng ban ngày Pháp tung quân ra trong tầm pháo binh của họ để tảo thanh và thám sát.

Mãi tới đêm 30 rạng 1-12, Việt Minh mới thực sự mở một cuộc tấn công lớn khác, cuộc tấn công này đã thất bại. Nhưng cũng trong đêm này, họ đã chiếm một ngọn đồi tại Điện Biên Phủ do một đại đội đóng giữ.

Tình hình ban ngày yên tĩnh.

Đêm 1 rạng 2-12 tức là đêm hôm sau, Việt Minh mở một trận tấn công quyết liệt vào các điểm tựa 21 bis và 22 là hai điểm tựa quan trọng bảo vệ sân bay. Bộ đội Việt Minh liên tiếp mở các đợt xung phong suốt đêm và cuối cùng đã chiếm được các điểm tựa này. Pháo binh của Pháp bắn không ngớt và trận chiến kéo dài tới cả ngày hôm sau khi các binh sĩ Việt Minh còn cố gắng chống giữ trong các công sự của điểm tựa số 21. Ban ngày, nhờ có phi cơ, Pháp làm chủ được tình hình nhưng bộ binh cũng không làm sao giải tỏa được cứ điểm trên, đến nỗi Pháp phải cho thả một số quân nhảy dù ngay xuống đỉnh đồi để đánh xuống các công sự do Việt Minh chiếm giữ ở trên nầu mới giải tỏa được. Trong trận tấn công quyết liệt này, Việt Minh bị thiệt hại nặng [illegible]

Theo tài liệu Pháp, Việt Minh bỏ lại 635 xác chết, 47 bị bắt làm tù binh, Pháp thu hai đại liên, 2 SKZ, 1 súng cối 81 ly, 63 trung liên, 7 [illegible] tiểu liên và rất nhiều súng trường.

Sau trận này, Việt Minh bỏ ý định đánh Nasan. Vào những ngày tới, từ những đỉnh núi cao, Việt Minh chỉ còn pháo kích vào khu lòng chảo chứ không mở những trận đánh bằng bộ binh nữa. Tổng kết [illegible] trận Nasan Pháp cho biết Việt Minh thiệt tới 3.000 quân.

Ngày 20-12, Pháp mở hành quân thám thính tới tận Sơn La cũng không gặp một kháng cự nào của Việt Minh. Nhưng Pháp chỉ đánh thành rồi rút về.

Ngày 25-12, Pháp cho 3 tiểu đoàn nhảy dù thám thính tiến dọc theo tỉnh lộ 41 chiếm Cò Nòi. Sau khi chiếm địa điểm này, ngày 27-12 Pháp cho hai tiểu đoàn khác xuống [illegible] [illegible] để thiết lập một hệ thống bảo vệ đường 41 [illegible] ngăn chặn Việt Minh tiến sang Thượng [illegible] vào miền Thái đen. Đường 41 sau đó được [illegible] thông tới Lai Châu nhưng tại Tây Bắc [illegible] các lực lượng địa phương Việt Minh vẫn tạo áp lực khiến Pháp bỏ đồn Phong Thổ để về cố thủ tại đồn Lai Hồ.

Trận miền Thái được coi như chấm dứt vào thời gian này với việc Pháp còn giữ được Lai Châu, cứ điểm Nasan và kiểm soát được tỉnh lộ 41, còn những nơi khác đều mất về tay Việt Minh.

4. NHẬN XÉT :

Trong cuộc hành quân vào miền Thái, Việt Minh lại một lần nữa chứng tỏ : hành quân rừng núi là họ thắng. Trong trận này, ta thấy Pháp sau khi thăm dò bằng một tiểu đoàn nhảy dù bị thất bại, đã tỏ ra yếu ớt không dám tung thêm quân vào một trận chính. Sau đó, để cứu vãn mặt trận miền Thái, Pháp áp dụng các biện pháp gián tiếp bằng mở một cuộc hành quân vào miền Việt Bắc để đối phương phải rút về, đồng thời thiết lập pháo lũy Nasan nhằm ngăn chặn địch tiến về phía Tây Nam miền Thái. Đối với cuộc hành quân Lorraine trên, Pháp thất bại, tốn kém mà chẳng giải tỏa được áp lực cho miền Thái. Riêng đối với việc thiết lập pháo lũy Nasan, Pháp cho là một sáng kiến tốt, nên sau này được tiếp tục duy trì qua việc thiết lập các pháo lũy tại cánh đồng Chum, tại Seno, ở

(5) Đây là liên đoàn lưu động 7 có hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn pháo binh, một chi đoàn thám thính xa. Tất cả liên đoàn có trên 20 sĩ quan cấp úy người Việt.

(6) Vào lúc đó quân Pháp không có loại phi cơ quân sự nào có thể tải quân dụng nặng như đại bác và quân xa.

(7) Sau trận này, Gilles thăng lên thiếu tướng

quanh Luang Prabang cùng việc thiết lập pháo lũy Điện Biên Phủ.

Bởi vì, người Pháp quan niệm coi loại pháo lũy mới này có những ưu điểm để đánh đối phương, làm cho đối phương thiệt hại nặng. Những ưu điểm tóm lại là:

« Pháo lũy gồm có những công sự hầm hố được kết hợp bằng một hệ thống nhiều điểm tựa xây cất ngay tại chiến trường, hỗ trợ cho nhau, được thiết lập cạnh sân bay dùng để tiếp tế — và từ pháo lũy không rộng cũng như không chật này, quân trú phòng có thể đi ra được, thăm thính được, đi xa được, phản công được và đánh nhau ở ngoài được — khi quân đối phương tới đông và mạnh thì quân trú phòng sẽ dựa vào pháo lũy để đánh ra, [illegible] sẽ được tăng viện bằng không vận, thủy vận hay bằng bộ binh từ bên ngoài tới — với loại pháo lũy này đặt trên những vị trí chiến lược quan trọng sẽ khiến đối phương phải chấp nhận những trận đánh tại chỗ, những trận đánh lâu dài đắt giá, khó khăn, phải huy động những quân số lớn lao, mà huy động nhiều quân số thì không thể che [illegible] được không quân làm mồi ngon cho những cuộc oanh kích. »

Đó là tư tưởng của Pháp về việc xây loại pháo lũy kiểu này tại vùng rừng núi để chống lại Việt Minh, để dẫn đến việc thiết lập pháo lũy Điện Biên Phủ để đưa đến thất bại.

Trong mưu lược, Pháp đã quên rằng những gì là sáng kiến đầu tiên thì mới có thể gây bất ngờ cho đối phương và mới thắng được. Pháo lũy Nasan là một sáng kiến tốt đối với Pháp, [illegible] sáng kiến này chỉ có giá trị trong một giai đoạn nào đó, còn nếu sử dụng mãi thì lại là điều làm lợi cho Việt Minh, bởi vì Việt Minh đã học hỏi trên kinh nghiệm này để tìm biện pháp đối phó. Tại trận Điện Biên Phủ [illegible] Pháp vẫn chủ quan áp dụng sáng kiến trên để biến vùng này thành những tập đoàn cứ điểm mạnh [illegible] nhưng lần này Việt Minh đã khai thác được những sơ hở của Pháp [illegible] chiến thắng.

H. TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ (20-11-1953 — 7-5-1954)

TRẬN Điện Biên Phủ với sự thất bại của Pháp, là một trận đánh lớn nhất và quan trọng nhất trong chiến tranh Đông Dương, và chính trận đánh này đã một phần nào có ảnh hưởng đến hội nghị Genève để đưa đến chấm dứt chiến tranh và chia hai nước Việt Nam.

Điện Biên Phủ là một lòng chảo nằm trong miền Thái, dài 17 cây số, rộng 9 cây số, cách Hà Nội 300 cây số, cách Luang Prabang 180 cây và Lai Châu 80 cây. Ở trong khu lòng chảo có sông Nam Youm chảy theo chiều dài của thung lũng và bên bờ tả ngạn có một làng Thái cất đông dân cư. Dân làng này đã sống bằng nghề làm ruộng ở ngay thung lũng. Đồng ruộng tại đây cũng khá bao la, thoải theo chiều dài của khu lòng chảo và rộng ra chiều ngang tới 5 cây số. Các ruộng lúa bị ngập vào mùa mưa do nước sông Nam Youm dâng lên từ tháng 4 tới tháng 9 mỗi năm; về mùa nắng thì khô ráo.

Khu lòng chảo không thực sự bằng phẳng, có chỗ cao chỗ thấp, về phía Đông Bắc một khu đồi rõ rệt nhô lên, rồi xa xa tới các ngọn núi cứ dần dần cao lên. Thung lũng Điện Biên bị che ngợp bởi một vòng đai đồi núi cách khu trung tâm từ 10 đến 12 cây số. Tướng Navarre, người chịu trách nhiệm về việc thiết lập tập đoàn cứ điểm cho là dường kính này đã ở ngoài tầm hoạt động của pháo binh đối phương, nếu họ đặt ở bên kia sườn núi, còn nếu đặt ở bên này, [illegible] súng sẽ bị khám phá và sẽ làm mồi ngon cho pháo binh và phi cơ Pháp tiêu diệt.

1. MỤC ĐÍCH CHIẾM ĐÓNG ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA TƯỚNG NAVARRE

Tướng tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp Navarre cho rằng vì những chiến dịch mở ra liên tiếp tại đồng bằng Bắc Việt, Việt Minh có thể tạm thời rời bỏ chiến trường này chuyển quân lên chiếm nốt miền Thái và xua quân vào miền Thượng Lào, đe dọa các miền Trung và Nam Việt, nên ông đã lập ra tập đoàn cứ điểm Điện Biên, một loại cứ điểm quân sự mà cách thức tổ chức cũng như tác dụng đều tương tự như cứ điểm Nasan đã chống lại được chủ lực quân của đối phương vào cuối năm 1952 khi muốn chiếm [illegible] miền Thái.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được Pháp thiết lập kể từ ngày 20-11-1953 với những mục đích sau đây:

— Bắt đối phương là Việt Minh phải chấp nhận một trận công kiên chiến mà Pháp cho rằng họ sẽ có ưu thế hơn bởi về không quân

và trội hơn về tiếp liệu.

— Cầm chân chủ lực Việt Minh tại miền Bắc không cho tiếp sức miền Trung để Pháp thảnh thơi bình định miền trung và Trung Việt (chiến dịch Atlante) theo như kế hoạch.

— Thiết lập một phòng tuyến ngăn chặn Việt quân băng qua ngả Thượng Lào.

— Dùng Điện Biên Phủ làm căn cứ bàn đạp đánh vào hậu tuyến Việt Minh trong trường hợp đối phương rời hậu tuyến này là miền Việt Bắc đánh xuống đồng bằng.

9. CÁC CUỘC HÀNH QUÂN CASTOR — POLLUX — REGATE — ARDÈCHE

Hành quân Castor là hành quân tái chiếm Điện Biên Phủ đã bị mất vào tay Việt Minh từ cuối tháng 11 năm 1952. Đây là một cuộc hành quân bằng nhảy dù được diễn ra ngày 20-11-1953 với ba tiểu đoàn được nhảy xuống và hai ngày kế tiếp thêm ba tiểu đoàn nữa. Tất cả những tiểu đoàn này đã nhảy tương đối an toàn xuống khu lòng chảo mặc dù đã bị những đơn vị địa phương của Việt Minh chống cự lẻ tẻ. Đoàn quân nhảy dù này được đặt dưới quyền điều khiển của viên thiếu tướng Gilles, người đã được thăng cấp tướng trong việc chống giữ cứ điểm Nasan thành công. Đoàn quân được chia làm hai liên đoàn — Liên đoàn số 1 và Liên đoàn số 2, bao gồm một quân số tổng cộng là 4.500 người, trong đó, một phần ba là người Việt Nam.

Sau khi hoàn tất việc chiếm đóng, tướng Gilles đã được thay thế bằng viên đại tá de Castries, một sĩ quan thiết giáp xuất thân từ hàng binh sĩ đi lên và đã từng giữ những chức vụ chiến đấu quan trọng.

— Tướng Gilles vừa nhảy dù tới đất.



— Quân Pháp đang nhảy dù xuống Đ
Biên

Hành quân Pollux nhằm triệt thoái quân đồn trú khỏi Lai Châu, vì từ sau ngày quân Pháp chiếm Điện Biên Phủ, chiến trường miền Thái trở nên sôi động, Việt Minh không những tạo áp lực ngay tại Điện Biên Phủ mà còn tạo áp lực nặng nề vào Lai Châu. Khi đặt kế hoạch tái chiếm Điện Biên Phủ, tướng Navarre đã dự trù việc bỏ Lai Châu để tránh biến căn cứ này thành một căn cứ « chàm » vì địa thế không thuận lợi. Nhưng thực ra Navarre không rút ngay, vì muốn duy trì ảnh hưởng lâu dài đối với miền Thái mà chỉ bỏ khi nào không còn thuận tiện. Hành quân Pollux đã diễn ra ngày 7-12-1953 dưới quyền chỉ huy của viên trung tá Pháp Trancart là tư lệnh phân khu Tây Bắc với một số quân mang theo khoảng ba tiểu đoàn. Đoàn quân này đã tới Điện Biên Phủ vô sự, Việt Minh đã vào chiếm thành phố Lai Châu bỏ ngỏ ngày 14-12-1953. Ngoài đoàn quân trên, Pháp phải tập trung để rút các đơn vị biệt kích hoạt động trong miền rừng núi thuộc Lai Châu. Đây là một việc khó khăn và gây cho Pháp một thất bại nặng nề vì Việt Minh đã đủ thì giờ chặn đánh. Các đơn vị biệt kích là những đại đội com măng đô, binh sĩ người Thái, cấp chỉ huy là Pháp. Các đơn vị này có nhiệm vụ rút sau đoàn quân của Trancart để bảo đảm an toàn cho đoàn quân này vì Pháp cho rằng các đơn vị biệt kích được tổ chức nhẹ nhàng và quen thuộc với địa thế sẽ rút sau một cách dễ dàng. Nhưng trên các ngả đường, Việt Minh đều xuất hiện chặn đánh. Các toán com măng đô Thái đã bỏ trốn, một số ít bị bắt hoặc bị chết trong các cuộc đụng độ nên khi về tới Điện Biên Phủ, lực lượng biệt kích Lai Châu với số quân 2.101 người trong đó có 37 người Pháp chỉ còn vỏn vẹn 175 người Thái và 10 người Pháp.

Để yểm trợ và đón đoàn quân rút lui, từ căn cứ Điện Biên Phủ, Pháp cho một liên đoàn nhảy dù gồm ba tiểu đoàn tới Mường Pon, nhưng bị chặn đánh mạnh mẽ, quân nhảy dù Pháp không những không hoàn thành được nhiệm vụ giao phó mà còn bị thiệt hại với 43 người vừa chết vừa mất tích cùng 50 người khác bị thương. Cuộc hành quân triệt thoái chấm dứt ngày 22-12-1953, và những sự kiện xảy ra quanh vụ rút lui này chứng tỏ là chỉ trên hơn một tháng, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã bị phong tỏa bởi một lực lượng khá mạnh của Việt Minh.

Hành quân Regate — Ardèche là hai cuộc hành quân được tổ chức song hành bằng một cánh xuất phát từ Thượng Lào và một cánh khác từ Điện Biên Phủ tiến ngược chiều nhau để đến điểm hẹn Sop Nao, một địa điểm cách Điện Biên Phủ 80 cây số về phía Tây Bắc và cách thủ đô Lào Luan 800 cây số. Đây là những cuộc hành quân nhằm thám sát để khai thông và nối liền Điện Biên Phủ, một tập đoàn cứ điểm biệt lập với miền Thượng Lào do Pháp vẫn đang chiếm giữ. Các cuộc hành quân này không gặp trở ngại về tác chiến nhưng đã gặp trở ngại về di chuyển, vì trên hai tuần lễ băng qua rừng núi rất khó khăn, ngày 23-12-1953 các cánh quân mới tới được Sop Nao để viên trung tá Vandrey chỉ huy đoàn quân từ Lào sang cùng đứng chụp hình với viên trung tá Langlais chỉ huy Liên đoàn 2 nhảy dù từ Điện Biên Phủ tới. Việc chụp hình này không phải để đánh dấu một sự thành công mà chỉ mang ý nghĩa tuyên truyền, vì qua các cuộc hành quân này thực ra Pháp đã thấy những sự khó khăn về việc không thể nối liền Điện Biên Phủ với miền Thượng Lào bằng một đường giao liên chiến lược băng qua những khu rừng núi rậm rạp và nguy hiểm.

3. LỰC LƯỢNG PHÁP TẠI ĐIỆN BIÊN PHỦ.

Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm gồm có ba khu.

— Khu trung ương che chở cho một phi trường gồm có 5 trung tâm kháng cự là Anne Marie, Huguette, Claudine, Eliane và Dominique.

— Hai cứ điểm tiền tuyến là Béatrice và Gabrielle được thiết lập ở phía Bắc trên hai ngọn đồi nhìn xuống thung lũng.

— Và trung tâm kháng cự Isabelle ở phía Nam cách xa khu trung ương tới 6 cây số ; tại đây có một phi trường bằng đất không sử dụng được.

Tính tới ngày 13-3-1954 là khi khởi sự cuộc đánh lớn, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có cả thảy 12 tiểu đoàn bộ binh được phân chia chiếm đóng các vị trí như sau :

— Béatrice : 1 tiểu đoàn Lê dương.

— Gabrielle : 1 tiểu đoàn Bắc Phi.

— Năm trung tâm kháng cự trung ương : 6 tiểu đoàn gồm 2 Lê dương, 2 Bắc Phi và 2 Thái.

— Isabelle : 2 tiểu đoàn gồm 1 Lê dương và 1 Bắc Phi.

— Trừ bị : 2 tiểu đoàn nhảy dù đóng tại khu trung ương.



Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Về pháo binh, tập đoàn cứ điểm có 28 khẩu đại bác, 24 khẩu súng cối 120 ly và 4 cỗ cao xạ 4 nòng được phân phối như sau

— Cứ điểm Isabelle 12 khẩu đại bác 105 ly

— Khu trung ương 12 khẩu đại bác 105 ly, 4 khẩu đại bác 155 ly, 18 súng cối 120 ly, tức là 3 đại đội, 4 cỗ cao xạ bốn nòng 12 ly 7.

— Cứ điểm Gabrielle · 4 súng cối 120 ly.

Lực lượng pháo binh này do viên đại tá Piroth chỉ huy. Ở đây, ta thấy các vị trí pháo binh tại cứ điểm Isabelle đã không thể yểm trợ được cho hai cứ điểm tiền tuyến ở phía Bắc và Đông Bắc là Béatrice và Gabrielle vì xa tầm. Trong các trận đánh về sau này, pháo binh Pháp đã bị pháo binh của đối phương phản pháo rất chính xác làm cho pháo binh Pháp hầu như bị tê liệt khiến viên đại tá Piroth quá tin tưởng vào pháo binh của mình đã thất vọng về sự thất thủ quá mau chóng các cứ điểm Béatrice và Gabrielle; sự thất vọng này khiến cho Piroth phải tự tử để giải thoát trách nhiệm.

Về chiến xa, cứ điểm có một chi đoàn không đầy đủ với 10 chiến xa M 24 được phân chia như sau

— Khu trung ương · 7 chiếc được phân ra làm hai chi đội.

— Cứ điểm Isabelle 3 chiếc họp thành một chi đội

Về không quân, chỉ có phi trường ở khu trung ương sử dụng được. Đây là một phi trường đã có sẵn từ trước được tu bổ lại, lát vỉ sắt và nới rộng dài trên 1 000 thước. Pháp để tại sân bay này một phi đội 6 chiến đấu cơ Bearcat và hai phi đội phi cơ quan sát khoảng trên 10 chiếc. Các phi cơ này đã hoàn toàn tê liệt khi các trận đánh lớn xảy ra vào trung tuần tháng 3-1954, vì pháo binh Việt Minh bắn thường xuyên vào phi trường khiến các máy bay không thể cất cánh cũng như hạ cánh được. Các phi cơ thuộc dụng cứ điểm một phần bị phá hủy và một phần khác phải kịp thời cất cánh để rời về miền đồng bằng.

Về công binh, Pháp có một tiểu đoàn với ba xe ủi đất. Chính tiểu đoàn công binh này đã góp công rất nhiều trong việc xây dựng các cứ điểm, như việc thiết lập phi trường với những hầm chứa phi cơ và nhà máy, làm một cây cầu qua sông Nam Youm, làm các pháo đài chiến đấu, các hầm chỉ huy, các hầm chứa vật dụng và một nhà thương chìm rất lớn.

Về binh sở, Điện Biên Phủ có tới ba đại đội truyền tin, hai bộ phận giải phẫu lưu động và các phân sở quân nhu, quân cụ, sen đầm v.v...

Kể từ sau ngày 13-3-1954, lúc chiến cuộc chính thức bùng nổ, Pháp đã tăng viện cho Điện Biên Phủ

— 5 tiểu đoàn nhảy dù mà phần lớn phải nhảy nhỏ giọt ban đêm để tránh khỏi bị sát hại bởi pháo binh và cao xạ Việt Minh ở trong tầm nhìn và tầm bắn rất chính xác.

— Ba bộ phận giải phẫu.

— Và chừng 850 quân nhân lẻ tẻ.

Để tăng viện cho Điện Biên Phủ, Pháp đã phải kêu gọi các quân nhân tình nguyện, và đã có tới 680 người không phải là nhảy dù đã tình nguyện nhảy xuống Điện Biên Phủ sau khi chỉ được chỉ dẫn qua loa một vài động tác thiết yếu.

HONG CẢNH TỔNG QUÁT ĐIỆN IÊN PHỦ

ay trước mắt là sân bay Phía sau sông Nam um. Xa hơn là những dãy đồi núi từ đó Việt Minh ất phát các cuộc tấn công.

— Quân dù Pháp lên phi cơ để nhảy xuống Điện Biên.

DE CASTRIES



Vào ngày 13-3-1954, có 10.881 quân, cộng thêm 4.291 được nhảy dù xuống từ sau ngày này, tổng cộng là 15.172 người ; trong số này có 4.500 thuộc thành phần không chiến đấu, nghĩa là những quân nhân bịnh sợ và kể cả những binh sĩ khiếp đảm chỉ muốn đào ngũ và không còn thể chiến đấu được nữa. Ngoài ra, trong căn cứ Điện Biên Phủ còn có một số tù binh tới 2.400 người được mang từ đồng bằng lên để làm lao công chiến trường như tải nước uống, thực phẩm cho các trung tâm kháng cự

Về phương diện chỉ huy, de Castries thay Gilles ngày 8-12-1953. Viên tướng phụ tá không quân của Navarre là Pierre Bodet được chỉ định đặc trách yểm trợ không lực cho căn cứ Điện Biên Phủ. Căn cứ Điện Biên tuy được thiết lập do sáng kiến của Navarre nhưng đặt thuộc quyền điều khiển của tướng Cogny tư lệnh lục quân Bắc Việt



Hành quân Regate — Ardeche.

— Khuyết điểm của Pháp : thung lũng Điện Biên Phủ bị khai quang



4. LỰC LƯỢNG VIỆT MINH TẠI ĐIỆN BIÊN PHỦ.

Khi quân Pháp nhảy xuống Điện Biên Phủ thì Trung đoàn địa phương số 148 của Việt Minh đang đóng nghỉ ngơi tại đây. Sau khi chấp nhận vài cuộc đụng độ nhỏ, trung đoàn này đã tránh xa khỏi vòng đai của cứ điểm, chỉ để lại một ít đơn vị nhỏ thám sát và theo dõi. Tới 17-12-1953, Sư đoàn 316 với 7 tiểu đoàn bộ binh và 1 tiểu đoàn pháo đã tới vùng Điện Biên Phủ, sư đoàn này có thể tới sớm hơn nhưng vì phải săn đuổi để tiêu diệt các đơn vị biệt kích Thái triệt thối từ vùng Lai Châu về Điện Biên Phủ, nên đã tới trễ. Sư đoàn 308 với toàn bộ ba trung đoàn bộ binh 36, 88 và 102 tới vào cuối tháng 12-1953 sau khi xuất phát từ một nơi tại miền Trung du Bắc Việt vào cuối tháng 11-1953 và phải tròng ruồng một tháng ròng mới tới nơi vì dọc đường đã phải tránh né các cuộc không kích của máy bay Pháp. Cũng trong thời gian này, Sư đoàn pháo 351 của Việt Minh cũng lần lần tới. Sư đoàn này có ba trung đoàn cơ hữu : — Trung đoàn pháo 675 được trang bị 15 đại bác sơn pháo 75 ly và 20 súng cối 120 ly — Trung đoàn pháo 41 có 3 tiểu đoàn pháo 105 ly với mỗi tiểu đoàn gồm ba pháo đội, mỗi pháo đội có 4 khẩu đại bác 105 ly, tổng cộng là 36 khẩu — Trung đoàn phòng không 367 có 36 súng cao xạ kiểu Sô viết và một phần của trung đoàn này được trang bị súng cối loại nặng.

Vai trò pháo binh của Việt Minh đã tỏ ra cực kỳ quan trọng, là một yếu tố quyết định trong trận đánh vì ngoài khả năng hỏa lực sẵn có của sư đoàn pháo và của các sư đoàn bộ binh, Việt Minh đã tăng cường và dùng tới 144 khẩu đại bác dã chiến, 30 khẩu đại bác không giật 75 ly, 36 súng cao xạ phòng không, ngoài ra trong những ngày cuối của trận đánh còn có từ 12 tới 16 dàn hỏa tiễn kiểu Orgues de Staline chống máy bay, với mỗi dàn hỏa tiễn bắn đi cùng một lúc tới 6 hỏa tiễn địa không.

Sau sư đoàn pháo, một trung đoàn độc nhất của Sư đoàn 304 tới thung lũng ngày 24-1-1954. Đó là trung đoàn 57 xuất phát từ Phú Thọ phải vượt 320 cây số đường rừng trong khoảng trên 10 ngày đi khẩn cấp.

Cuối cùng là Sư đoàn 312 với toàn bộ là các Trung đoàn bộ binh 141, 165, và 209 đã tới vào tháng 3-1954 để tăng cường việc xiết chặt vòng vây, và chính các đơn vị của sư đoàn này đã mở trận tấn công quy mô đầu tiên chiếm cứ điểm Beatrice vào đêm 13-3-1954.

Nói tóm lại, để tham gia vào trận Điện Biên Phủ, Việt Minh đã cho lâm trận trọn vẹn hai Sư đoàn số 308 và 312, hai Trung đoàn 98 và 147 của Sư đoàn 316, một trung đoàn của Sư đoàn 304, Trung đoàn 148 địa phương. Đó là chưa kể tới Sư đoàn pháo 351 được tăng cường thêm nhiều thành phần pháo binh mới, các đơn vị công binh, đặc biệt là hai trung đoàn công binh, được mang từ Thanh Hóa tới để mở mang các trục tiến quân Tổng công. Việt Minh đã huy động vào chiến trường Điện Biên Phủ 63.000 quân chính quy, tức là một phần lớn chủ lực của họ, trong đó 50.000 nằm đối diện ngay với mặt trận, còn 13.000 người được sử dụng yểm trợ cho các đơn vị địa phương phụ trách các lộ trình chuyển vận. Đó là chưa kể tới việc sử dụng trên 30.000 dân công tại mặt trận để lo khuân vác đạn dược, lương thực và phụ vào công việc mở mang kiều lộ. Ngoài ra, Việt Minh còn phải huy động tới một số nhân viên lớn lao khác dùng bổ sung cho chiến trường này.

Việt Minh có tới 600 xe vận tải kiểu Molotova để chuyển vận trên những lộ trình dài trên 1.000 cây số từ Trung Hoa tới mặt trận Điện Biên Phủ. Họ còn dùng một số nhân lực rất lớn để gánh gồng và cả xe đạp để thồ tiếp tế hầu giải quyết những sự chuyển vận khó khăn từ hậu phương ra tiền tuyến.

5. DIỄN TIẾN TỔNG QUÁT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Chiến trường Điện Biên Phủ bắt đầu ngày 20-11-1953, nhưng chỉ thực sự được kể từ ngày 13-3-1954 để sau 56 ngày tác chiến liên tiếp đã kết thúc mang phần thắng lợi cho Việt Minh vào ngày 7-5-1954.

Vì mỗi bên tham chiến đều có những đặc điểm về chiến lược và chiến thuật được áp dụng theo từng giai đoạn, được thay đổi theo tính chất và mật độ của chiến trường, nên người ta có thể chia chiến trường thành 4 thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất (20-11-1953 — 12-3-1954) : Sự chuẩn bị cho các trận đánh — Trong thời gian này cả Pháp lẫn Việt Minh đều nỗ lực chuẩn bị, không có những trận đánh lớn.

Thời kỳ thứ hai (13-3-1954 — 28-3-1954) : Việt Minh mở trận tấn công lớn đầu tiên chiếm hai trong số bảy trung tâm kháng cự

quan trọng của Pháp; tiếp sau đó là các trận đánh bám sát về phía Việt Minh và các trận đánh có tính cách củng cố phòng tuyến về phía Pháp.

Thời kỳ thứ ba (29-3-1954 — 30-4-1954) : Việt Minh mở trận tấn công lần thứ hai — Thu hẹp khu phòng tuyến trung ương của Pháp. Trong thời kỳ này, nhiều trận tấn công của Việt Minh và phản công của Pháp đã diễn ra ác liệt tại phòng tuyến trung ương. Việt Minh đã thực sự dàn ra một mặt trận bao vây. Ngoài các dàn súng cao xạ và pháo binh uy hiếp khu lòng chảo mà không quân Pháp không làm sao tiêu diệt được, bộ binh Việt Minh xiết chặt vòng vây bằng cách đào các giao thông hào đâm sâu, chia cắt và cô lập các cứ điểm của Pháp.

Thời kỳ thứ tư (1-5-1954 — 7-5-1954) : Việt Minh mở trận tấn công lần thứ ba — Castries cùng thế đã cùng toàn bộ binh sĩ đầu hàng vô điều kiện.

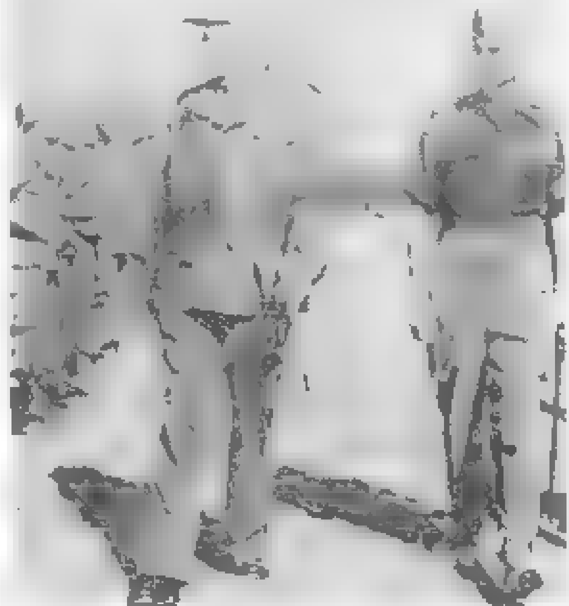
6. THỜI KỲ THỨ NHẤT (20-11-1953 — 12-3-1954). SỰ CHUẨN BỊ CHO CÁC TRẬN ĐÁNH

Pháp tung quân xuống khu lòng chảo, củng cố bố phòng tập đoàn cứ điểm thành một chiến lũy kiên cố. Một cầu không vận được thiết lập và Pháp đã phải nhờ vào trục hàng không duy nhất này để tiếp tế cho căn cứ Điện Biên.

Song song với sự bố phòng này, Pháp cho mở các cuộc hành quân hạn chế ra ngoài vòng đai để tuần thám và đã có một lần mở một cuộc hành quân xuyên tới Thượng Lào để thăm dò. Nhưng loại hành quân xa căn cứ này chỉ là một thí nghiệm sau đó không còn xảy ra nữa.

Trong những ngày đầu, quân Pháp hoạt động dễ dàng và đã có thì giờ đốn cây lấy gỗ để thiết lập các pháo đài cho tập đoàn cứ điểm. Với hai phi trường tại Điện Biên Phủ Pháp chỉ chú trọng sửa c[illegible] phi [illegible] tại khu trung ương, còn phi trường tại cứ điểm Isabelle thì bỏ không. Mo[illegible] cho rằng nếu phi trường thứ hai này được sử dụng thì chiến cuộc ở đây sẽ thay đổi vì tất nhiên Việt Minh sẽ phong tỏa và áp đảo ngay mạch lộ tiếp vận này.

Khi [illegible] đáp xuống Điện Biên Phủ, quân Pháp đ[illegible] rất lạc quan, bởi vậy đã cho khai quang [illegible] cả cây cối khiến các vị trí quân sự, các việc di chuyển của quân lính và các đồn pháo binh bị để lộ liễu, sau này không tài nào ngụy trang được. Do đó, địch ở trên các đỉnh núi đã quan sát dễ dàng mọi hoạt động của quân Pháp ở dưới đất. Các vị trí pháo binh Pháp sau này đã làm mồi ngon cho sự phản pháo của Việt Minh khi xảy ra những trận đánh quan trọng.



— *Tướng Navarre duyệt một đơn vị nhảy dù tại Điện Biên Phủ (17-12-53).*

Tại khu lòng chảo, hệ thống phòng thủ Pháp đã không nhất thiết được thiết lập trên những khu đất cao và thoát nước vì hệ thống này phải nối liền pháo đài nọ với pháo đài kia theo một thế liên hoàn, do đó theo nguyên tắc các pháo đài phải được thiết lập ở chỗ cao, mà nhiều pháo đài như các pháo đài thuộc cứ điểm Huguette và toàn khu pháo đài thuộc cứ điểm Claudine đã phải thiết lập tại những khu đất thấp, khiến những pháo đài này đã bị ngập nước và sình bùn trong [illegible] tháng [illegible] trận đánh xảy ra quyết liệt. Nhưng sự [illegible] sĩ Pháp [illegible] thần vào [illegible]

Về phía Việt Minh, [illegible] được [illegible] Điện Biên [illegible] tháng 12-1953 [illegible] Việt Minh không đánh ngay [illegible] một trận đánh quyết liệt. Trước tình hình khẩn trương này, Pháp cứ tưởng đối phương sẽ chấp nhận một trận đánh [illegible] 1-1954, nhưng Sư đoàn 308 của [illegible]

vậy Điện Biên Phủ bất ngờ lại rời khỏi vùng này tiến sang Thượng Lào, đánh lạc hướng quân Pháp.

Tướng Navarre lạc quan cho mở luôn một mặt trận mới, rất lớn như đã dự tính, đó là cuộc hành quân Atlante khai diễn ngày 20-1-1954 vào miền đất ở giữa Trung Việt, cuộc hành quân này đã thu hút rất nhiều quân lực và làm phân tán lực lượng trừ bị của Pháp.

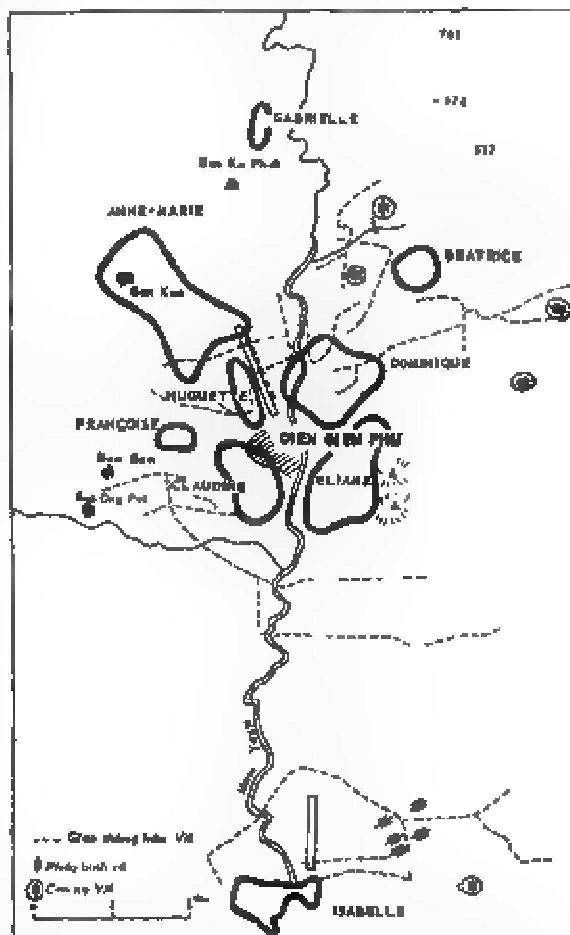
Tại căn cứ Điện Biên kể từ thượng tuần tháng 1-1954 trở đi, Việt Minh mỗi ngày một tạo thêm áp lực, chống lại các cuộc hành quân tuần thám của Pháp vì các đơn vị Việt Minh đã thiết lập được một số các dàn cao xạ, pháo binh 105 ly trên các ngọn núi cao xung quanh căn cứ. Để bảo vệ các vị trí này họ đã phải tích cực chống lại các cuộc hành quân của Pháp mở ra xa khỏi căn cứ. Pháp không làm sao tiêu diệt được những vị trí đối phương tuy được biết một số lượng các dàn cao xạ và pháo binh đã được thiết lập trên các sườn núi nhưng không biết rõ ở chỗ nào. Các máy bay Pháp liên tiếp ném bom vẫn không làm câm được những tiếng súng trọng pháo của Việt Minh vì các dàn súng đều được đề sâu trong các sườn núi với những công sự chắc chắn để bảo vệ, mỗi khi bắn thì súng được kéo ra và khi không bắn được kéo vào bên trong, hơn nữa các súng này lại được che dấu trong rừng cây rậm rạp làm máy bay Pháp không tài nào khám phá ra được. Để kéo những khẩu súng này lên núi, Việt Minh đã tốn mất biết bao công phu và đã dùng sức mạnh của nhân lực. Các khẩu đại bác và cao xạ đã được tháo rời ra từng mảnh để mang lên.

Từ thượng tuần tháng 1-1954, Việt Minh bắt đầu bắn lẻ tẻ trọng pháo vào khu lòng chảo và làm tê liệt các hoạt động tại nơi đây. Viên trung tá Guth tham mưu trưởng của de Castries đã bị tử thương vì pháo kích.

Nếu đem so sánh Điện Biên Phủ với Nasan thì Điện Biên Phủ khác cứ điểm Nasan ở chỗ là diện tích quá rộng khiến Pháp không có đủ quân để chiếm đóng và kiểm soát tất cả những quả núi cao ở xung quanh đã chế ngự thung lũng. Do đó mà Việt Minh đã chiếm các ngọn núi này dễ dàng để đặt pháo binh và các dàn cao xạ.

Một điểm tai hại cho Pháp là Việt Minh lại đặt được pháo binh ngay bên phía sườn núi trông thẳng xuống lòng chảo và điều này đã khác với sự ước tính của Pháp. Nhờ đặt súng bên phía này, Việt Minh đã quan sát dễ dàng và bắn trực xạ ngay vào các mục tiêu chọn lựa khiến các hoạt động tại căn cứ Pháp bị tê liệt, nhất là sự chuyển vận tiếp tế bằng máy bay càng tai hại, bị ngưng trệ tới mức tuyệt vọng. Nasan trước kia hẹp các hầm hố lại khô ráo, các cao điểm lại kiểm soát được nên Pháp đã bảo vệ được phi trường và pháo binh khi có đánh lớn, đồng thời vì giữ được các cao địa nên đã làm chủ được tình hình chiến trường, điều khiển pháo binh bắn chính xác vào những mục tiêu đối phương. Hơn nữa thắng ở Nasan, Pháp đã nhờ được ở chỗ Việt Minh không chuẩn bị và không có đầy đủ tiếp vận, vì vậy nên sau một cuộc tấn công rất mạnh mẽ nhưng thất bại, Việt Minh đã bỏ ngay chiến trường Nasan để rút về Việt Bắc.

Vào những ngày chót của thời kỳ này, Pháp muốn cố gắng tiêu diệt các ổ súng nặng của đối phương trên các ngọn núi, nhưng sự cố gắng đó không đến đâu. Cuộc hành quân chót ra khỏi Điện Biên Phủ vào ngày 11-3-1954 dưới quyền điều khiển của viên trung tá dù Langlais với cả Liên đoàn 2 nhảy dù đã không ra khỏi cứ điểm được tới 3 cây số.



Sơ đồ vị trí pháo binh và cao xạ Việt Minh (từ 20-11-53 — 12-3-54).



Pháo binh Việt Minh đặt ngay bên phía sườn núi trong thung lũng xuống lòng chảo.



— Việt Minh kéo súng đại bác lên núi bằng sức người.



Khai lộ.

Cao xạ Việt Minh.



Tiếp vận bằng xe đạp th



7. THỜI KỲ THỨ HAI (13-3-1954 — 28-3-1854) CUỘC TẤN CÔNG ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT MINH.

Kết quả cuộc tấn công này là Việt Minh đã chiếm gọn được hai cứ điểm tiền tuyến ở phía Đông Bắc và chính Bắc Béatrice và Gabrielle.

Cuộc tấn công chớp nhoáng này xảy ra trong các ngày 13-3 và 15-3-1954, nghĩa là trong 48 giờ, các Sư đoàn 308 và 312 do hai tướng Vương Thừa Vũ và Lê Trọng Tấn chỉ huy đã chiếm được hai cứ điểm trên, tiêu diệt trọn hai tiểu đoàn thiện chiến cùng với các cấp bộ chỉ huy của các cứ điểm này. Pháp hoảng sợ vì không ngờ sự việc lại xảy ra bi đát như vậy.

Thực vậy, từ buổi sáng ngày 13-3, Việt Minh đã tới sát cứ điểm Béatrice để đào công sự, quân Pháp ở trong đồn mở đường ra phía sông Nậm Youm để thăm dò và lấy nước đã bị đánh bật trở lại. Đến chiều tối, Việt Minh mở trận tấn công thật vĩ đại, hỏa lực trong pháo bắn tới tấp, bộ binh xung phong biển người, phá rào bằng bọc phá và bắn sập các lô cốt bằng đại bác không giật, trong khi đó pháo binh Việt Minh lại làm chủ tình hình bắn ngay vào các dàn pháo binh Pháp khiến Pháp không thể yểm trợ đắc lực cho đồn binh Béatrice được. Đồn này bị mất ngay vào chập tối.

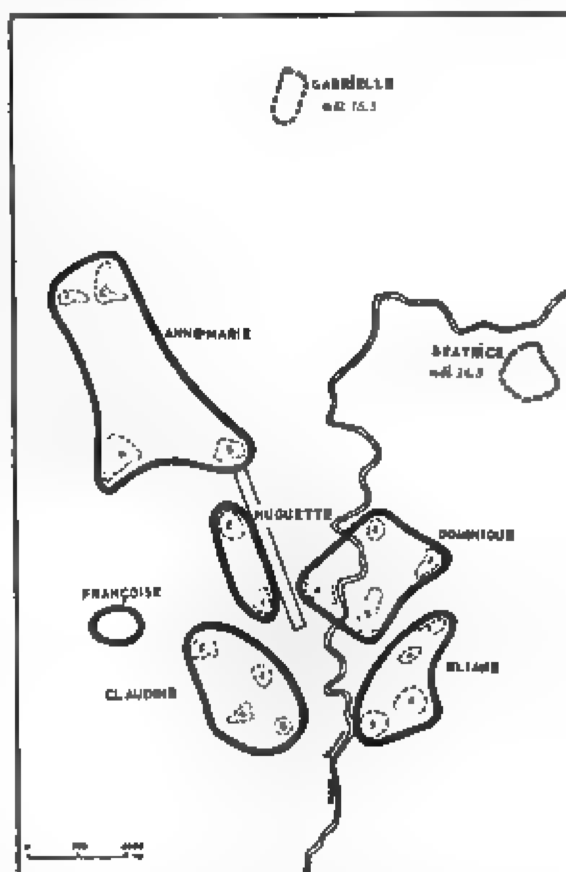
Còn đồn binh Gabrielle cũng mất trong trường hợp tương tự, nhưng quân Pháp đã chống cự mãnh liệt hơn trước các làn sóng xung phong của bộ đội Việt Minh suốt trong đêm 14-3 để tới mờ sáng ngày 15-3 mới mất đồn.

Theo như kế hoạch phòng thủ, Pháp đã trữ 2 tiểu đoàn dù làm lực lượng trừ bị, các tiểu đoàn này đã không được sử dụng để mở ngay tức khắc các cuộc phản công. Vì quân Pháp tại Điện Biên Phủ đã bị lúng túng không ít, sợ cả khu trung ương có thể bị sụp đổ nếu địch quân lại tiếp tục mở các trận tấn công mạnh mẽ. Các tiểu đoàn nhảy dù trên đã được dùng vào việc tăng cường cho cứ điểm trung tâm để tránh trường hợp bị đổ vỡ.

Ngày 14-3, ngay sau khi mất một tiểu đoàn tại cứ điểm Béatrice, Điện Biên Phủ được tăng cường một tiểu đoàn nhảy dù từ Hà Nội đến nhảy xuống.

Tiểu đoàn này vừa xuống ban trưa, đêm đến Việt Minh tấn công Gabrielle.

Đến sáng hôm sau, khi biết đồn binh này thất thủ, de Castries liền tức tốc tổ chức cuộc phản kích để tái chiếm lại cứ điểm Gabrielle. Trước hết ông dùng trọn vẹn tiểu đoàn nhảy dù mới tới, tăng cường chiến xa và một vài đại đội khác để tổ chức cuộc hành quân. Nhưng cuộc phản kích đã bất thành, vì khi tiến tới trước mục tiêu, bị cầm chân bởi một hỏa lực rất mạnh, đơn vị nhảy dù tuy được chiến xa bắn yểm trợ nhưng đã không chịu tiến lên.



Tình hình ngày 15-3-1954.

Đã thất bại trong việc phản kích mà Pháp còn bị bất ổn tại khu vực phòng thủ trung ương. Các tiểu đoàn Thái trấn đóng tại các đồn phía Tây Bắc cứ điểm Anne Marie nghe theo tuyên truyền đối phương rục rịch rã ngũ, nhiều đại đội đã bỏ trốn theo Việt Minh.

Pháp bắt buộc phải duyệt xét lại vấn đề phòng thủ, cho các binh sĩ Thái vào bên trong, đồng thời đưa binh sĩ Lê dương, Bắc phi và nhảy dù ra thế ở phòng tuyến.

Hệ thống phòng thủ của khu trung ương vì sự lũng cũng của binh sĩ Thái lại phải thu hẹp. Pháp bỏ nửa phía Bắc cứ điểm Anne Marie, còn nửa phía Nam sát nhập cứ điểm

Huguette. Do đó kể từ ngày 17-3 danh từ cứ điểm Anne Marie bị xóa trên bản đồ hệ thống phòng thủ trung ương của Pháp.

Ngày 16-3, Hà Nội tiếp viện thêm cho một tiểu đoàn thứ hai. Tiểu đoàn này chỉ được dùng để củng cố phòng tuyến trung ương cho được vững chắc hơn là để phản công. Đây là một tiểu đoàn thiện chiến vào bậc nhất của Pháp, dưới quyền điều khiển của thiếu tá Bigeard, người đã được tiêu biểu là chiến sĩ anh hùng của Pháp, đã cùng tiểu đoàn nhảy dù tiếp cứu đồn Tú Lệ năm xưa tại miền Thái. Đối với chiến trường Điện Biên, viên thiếu tá này cũng tạo được chú ý, được coi như vai trò thứ ba của chiến lũy này. Vì được tin cậy ở tài dũng binh, Castries đã phong cho ông chức tổng chỉ huy các cuộc phản kích. Sự phản kích của Pháp tại Điện Biên chỉ có tính cách man che để chiếm lại những đồn binh quan yếu do Việt Minh chiếm được. Nhưng chính có những vụ tấn công và phản kích này mà chiến trường Điện biên Phủ mới trở nên rùng rợn mà cả hai bên tham chiến đều phải chấp nhận các sự hy sinh về nhân mạng rất đáng kể.

Pháp tổ chức lại bộ máy chỉ huy: de Castries giao cho viên trung tá dù Langlais nắm quyền chỉ huy các binh sĩ, viên thiếu tá Bigeard đặc trách các cuộc phản kích. De Castries nắm quyền chỉ huy tổng quát, nhưng thực ra binh quyền đều giao trọn cho Langlais mà ông chỉ còn nắm vai trò trung gian giữa Langlais và Hà Nội.

Dù có không lực yểm trợ và hai tiểu đoàn nhảy dù tăng cường, Pháp đã để Điện Biên Phủ chìm đắm vào sự bị động, không mở được trận phản kích nào to tát và ở trong thế chờ đợi những biến cố của đối phương gây ra. Riêng ngày 22-3-1954, Pháp có mở một cuộc tấn kích nhỏ đánh vào một đơn vị địch phòng vệ các dàn cao xạ đặt tại bản Khó Lai ở phía Tây Bắc của trung tâm kháng cự Isabelle. Cuối cùng, Pháp đã tiêu diệt đơn vị trên và các dàn cao xạ, một chướng ngại vật rất nguy hiểm đã cản trở rất nhiều cho máy bay đến thả dù.

Về phía Việt Minh, sau những ngày tấn công dữ dội, bộ đội họ chấp nhận mọi tổn thất để bám chắc vào những phần đất mới chiếm được. Trọng pháo được mang lại gần hơn và được đặt ngay tại cứ điểm Beatrice có những vị trí gần hơn chỉ cách phi trường 1.500 thước, Việt Minh cố ý cô lập phi trường. Các máy bay Pháp kể từ thượng tuần tháng 3-1954 không thể đáp ban ngày. Pháp phải lợi dụng ban đêm liều lĩnh cho máy bay tải

— *Từ trái qua phải :*
thiếu tá de Seguins Pazzis, trung tá Langlais, đại úy Tourret, thiếu tá Bigeard, v.v.





giao thông hào và được đi tản khi phi cơ vừa đáp xuống để kịp thời cất cánh tránh pháo kích.

viện và tiếp tế đáp xuống nhưng chỉ vài ngày sau Việt Minh khám phá được do đạn chiếu sáng của súng cối làm lộ. Phi trường vì vậy bị pháo kích ngày đêm khiến sân bay hư hại rất nhiều mà không sửa chữa được. Kết cục, Pháp phải bỏ sân bay. Chuyến bay chót vào ngày 27-3-1954, kể từ đó, quân Pháp tại Điện Biên Phủ chỉ còn một phương cách tiếp xúc với bên ngoài bằng điện tín và thả dù.

8. THỜI KỲ THỨ BA (29-3-1954 – 30-4-1954) CUỘC TẤN CÔNG ĐỢT HAI CỦA VIỆT MINH

Sau chiến thắng của cuộc tấn công đợt một, Việt Minh lại tích cực chuẩn bị cho trận đánh tương lai. Chiến trường ngoài mặt lắng dịu nhưng thể hiện một sự căng thẳng đến tột độ vì bộ đội Việt Minh không rút đi, vẫn bám sát trận địa, rồi từ những nơi đã chiếm được ra công đào các giao thông hào như hình nan quạt đâm sâu vào phòng tuyến của Pháp. Tuy không có những trận đánh lớn, nhưng các trận đụng độ nhỏ diễn ra hàng ngày giữa các toán tuần tiễu, phục kích của Pháp với các quân tiền thám Việt Minh xuất phát từ các giao thông hào mới đào đánh lên.

Trận thế Điện Biên Phủ đã dàn ra trên những ưu điểm với mặt Đông và Tây Bắc do Việt Minh chiếm giữ dựa trên những thế đất cao có thể tổ chức công sự chiến đấu một cách kín đáo đối diện với phòng tuyến Pháp được thiết lập dựa trên năm ngọn đồi cao nhất của khu đất: đó là các pháo đài Dominique 1, 2, Eliane 1, 2 và Huguette 7. Cả năm pháo đài này nằm theo hình một nửa vòng cung bao bọc lấy phòng tuyến trung ương của Pháp. Ở đây cũng có nhiều cứ điểm và trung tâm kháng cự là một, mỗi trung tâm có pháo đài nhiều ít tùy theo cách phòng thủ và địa thế; mỗi pháo đài có nhiều lô cốt chiến đấu và hệ thống hầm hố. Cứ điểm thu hút từ một đến nhiều tiểu đoàn đặt dưới quyền chỉ huy tổng quát của một sĩ quan cao cấp.

Chiến trường mới đã diễn ra vào lúc 18g30 ngày 30-3-1954. Lúc đó, trời còn sáng, khi hai đơn vị Pháp thay nhau trên ngọn đồi Eliane 2 thì bị pháo binh Việt Minh bắn tới tấp. Pháo binh còn bắn vào các đồn binh Dominique, Huguette và vào cả các vị trí pháo binh Pháp tại khu trung ương và cứ điểm Isabelle để cô lập hỏa lực yểm trợ của Pháp.

Đến 18g45, các đơn vị của hai Sư đoàn 312 và 316 khởi sự mở cuộc công đợt hai, chia làm năm cánh quân đồng loạt tấn công vào năm ngọn đồi trên. Sức tấn công của bộ binh Việt Minh được yểm trợ bởi một hỏa lực mạnh mẽ không thể tưởng tượng được.

Pháo đài Eliane 1 bị mất nhanh chóng.

Các pháo đài Dominique 1 và 2 cũng mất vào lúc 21g. Những kẻ sống sót gồm gần một tiểu đoàn Bắc Phi đã bỏ chạy lại phía sau. Quân Việt Minh chiếm được đồn nhưng bị quân Pháp ở pháo đài Dominique 3 dùng pháo binh bắn trực xạ sang nên đã bị thiệt hại không ít.

Pháo đài Eliane 2 cũng bị quân Việt Minh xâm nhập. Đây là một pháo đài quan trọng, nếu để mất, cả hệ thống phòng thủ của Pháp sẽ bị lâm nguy. Ngay trong đêm, quân trừ bị Pháp dưới quyền chỉ huy của Bigeard mở cuộc phản kích vào Eliane 2 lúc 23g. Quân Pháp và Việt Minh đánh xáp lá cà suốt cả đêm. Cuối cùng quân Pháp phải chịu tổn thất nặng nề mới chiếm được ngọn đồi này. Phía Việt Minh vì cố gắng chiếm giữ nên đã xua những đợt tấn kích, cũng bị thiệt hại không kém. Quân Pháp chiếm lại ngọn đồn này là đã cứu được hệ thống phòng thủ thoát khỏi cảnh sụp đổ. Hơn nữa, nhờ có quân nhảy dù trấn giữ rất can đảm nên Huguette 7 vẫn còn nằm trong tay quân Pháp. Nhưng sau đó, đồn này bị cô lập Pháp đã phải rút bỏ.

Trận đánh ở Eliane 2 là cả một bài học quý báu. Lúc đầu Pháp định để đến mờ sáng mới mở cuộc phản công, nhưng sau cho phản công ngay đủ đêm tối. Vì lấy kinh nghiệm, nếu để trễ, Việt Minh sẽ kịp thời bố phòng như trường hợp Béatrice và Gabrielle thì không thể chiếm lại được. Để mở đầu cho cuộc tấn kích, Pháp đã tập trung hỏa lực pháo binh bắn trên mục tiêu này, sau đó dùng đạn súng cối soi sáng chiến trường cho bộ binh và chiến xa tiến lên tấn công.

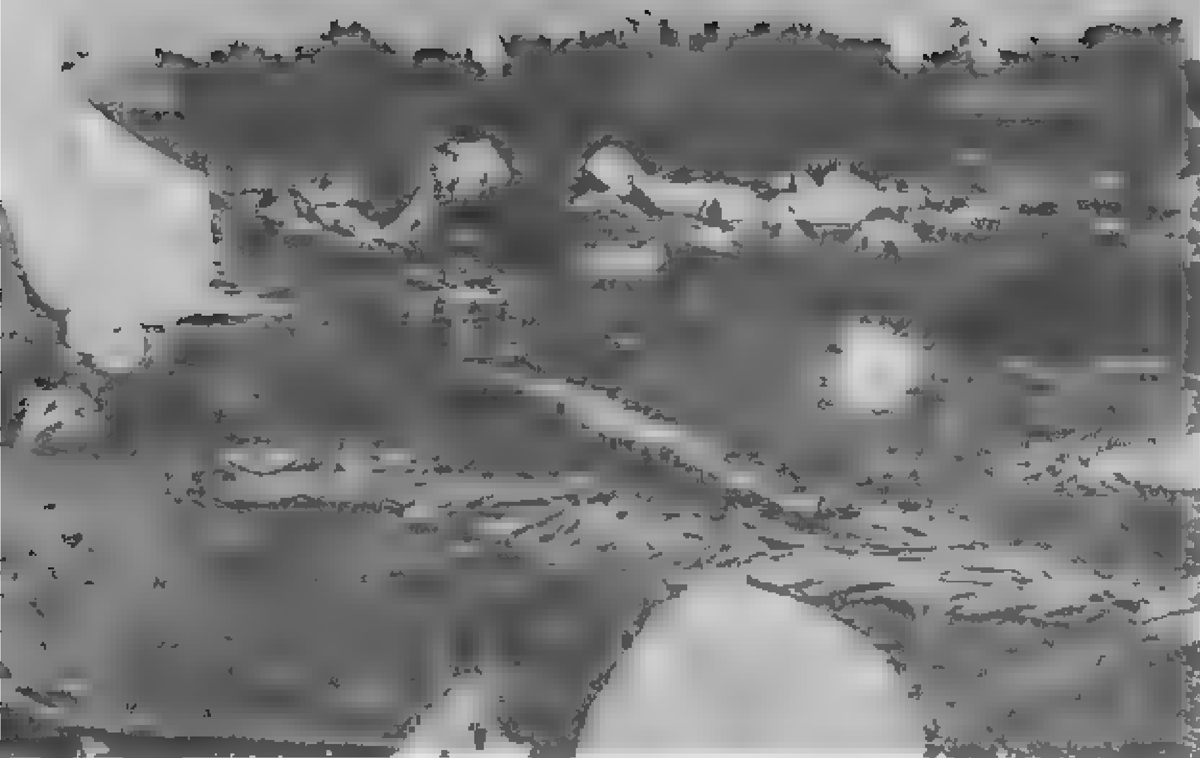
Đến sáng (31-3) Pháp định phản công chiếm lại các pháo đài Eliane 1 và Dominique 2 nhưng thất bại vì không thể đưa ba chiến xa và bộ binh tăng cường từ cứ điểm Isabelle lên được. Vì tuy được chiến xa bắn yểm trợ dữ dội, các đơn vị này không thể vượt qua khu vực bản Nong Nhai do Trung đoàn 57 chiếm giữ. Cứ điểm Isabelle cũng kể từ đây bị cô lập với khu trung ương.

Pháo đài Dominique 2 thất thủ khiến Pháp bối rối không ít. Vì đây là một vị trí rất quan trọng của hệ thống phòng thủ. Từ ngày mất vị trí Beatrice, vị trí này đã phải đảm trách vai trò ngăn chặn các sự xâm nhập từ hướng Đông Bắc, nay mất địa điểm này, Việt Minh có nhiều thuận lợi để tiến quân vào thung lũng và vượt sông Nam Youm tấn công thẳng vào những điểm tựa của khu trung ương cùng uy hiếp cạnh sườn pháo đài Eliane 4.

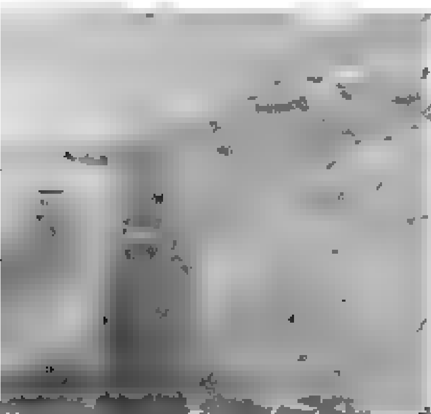
Qua cuộc tấn công đợt hai này, Saigon và Hà Nội đã rung động. Hai tướng Navarre và Cogny tìm cách đối phó, biện pháp đầu tiên là cho một tiểu đoàn nhảy dù thứ ba xuống tăng cường cho căn cứ Điện Biên Phủ.

COGNY



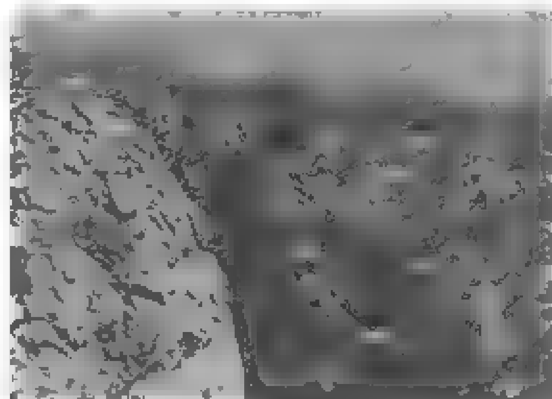


Tập trung các du tiếp tế



Phòng tuyến Pháp trên một ngọn đồi.

— Quân Pháp chiếm một giao thông hào của Việt minh



[illegible] hào [illegible] phẫu



[illegible] chôn cất [illegible] sĩ tử trận



Từ trước đó, để lo cho căn cứ chiến lược này, chính phủ Pháp đã cho cầu cứu Hoa Kỳ đem chừng mấy trăm oanh tạc cơ dội bom xuống những vùng xung quanh Điện Biên Phủ để giải quyết mặt trận. Trong khi chờ đợi, viên đô đốc Hoa Kỳ Radford đã nghiên cứu kế hoạch Vautour để can thiệp, và bộ tham mưu của Navarre đã tiếp xúc với phái bộ quân sự Mỹ tại Saigòn, nhưng sau cùng Hoa Kỳ không chịu can thiệp vì không có sự đồng ý của Anh. Trong đợt hai của cuộc tấn công, Hoa Kỳ chỉ giúp Pháp việc thả dù tiếp tế bằng các máy bay C.119 do nhân viên dân sự Mỹ lái. Các máy bay này thường bay cao để tránh cao xạ và thả dù bừa bãi các kiện hàng, đa số bị thất lạc ra vùng Việt Minh khiến Pháp đã phải lên tiếng phàn nàn. Tuy nhiên, đây cũng là sự giúp đỡ không thể chối cãi được của chính phủ Hoa Kỳ đối với chính phủ Pháp lúc ấy.

Trở lại mặt trận Điện Biên Phủ, lúc này vòng đai bố phòng của Pháp lại bị thu hẹp hơn. Vấn đề thả dù quân sĩ tăng viện cũng đặt thành một đề tài bàn cãi. Cuối cùng Pháp phải chấp nhận biện pháp thả dù quân sĩ tăng viện vào ban đêm để tránh thiệt hại vì địch tác xạ.

Cuộc thả dù đêm bắt đầu vào chiều tối ngày 1-4. Việc thả dù đêm rất phức tạp nên đã mất nhiều thì giờ. Tiểu đoàn thứ ba này cả đêm chỉ thả được có một đại đội và một phần của đại đội chỉ huy. Đêm hôm sau (2-4), lại tiếp tục thả và chỉ được một đại đội. Mãi tới ngày 5-4, nghĩa là liên tiếp trong ba đêm nữa, tiểu đoàn này mới nhảy xuống hết nhưng rất nhiều dù bị bay thất lạc sang phía Việt Minh. Pháp gọi đây là một cuộc nhảy dù nhỏ giọt, số lượng nhảy dù hàng ngày được tăng khoảng trên một trăm người chỉ đủ để bù đắp sự thiệt hại chiến trường trong ngày, khiến Pháp không lúc nào có một số quân trừ bị dồi dào để phản công.

Ngày 2-4, Việt Minh tạo áp lực rất mạnh vào pháo đài Huguette 6. Pháp đã dùng không quân oanh kích dữ dội xung quanh và hành quân giải vây.

Tính từ ngày 29-3 tới 2-4 vừa chết, bị thương và mất tích là 2.093 người, khả năng tham chiến của quân Pháp bị giảm sút rất nhiều. Theo một bản thống kê lúc đó, cứ điểm Isabelle còn 1.660 binh sĩ chiến đấu, khu trung ương 5 tiểu đoàn mỗi tiểu đoàn còn 300 người và hai tiểu đoàn nữa còn 600 người. Còn những đơn vị khác thì không thể giao phó nhiệm vụ chiến đấu được nữa.

Trong kỳ tấn công đợt hai này, Việt Minh chỉ đánh mạnh tới ngày 6-4, sau đó mặt trận trở lại bình thường. Kiểm điểm kết quả mặt trận trung ương của Pháp bị thu hẹp lại hơn, Việt Minh đã chiếm thêm được vài địa điểm quan trọng. Việc thả dù của Pháp lại thêm khó khăn vì phạm vi thả dù bị thu hẹp, cao xạ đối phương lại hoạt động dữ, phi cơ phải bay cao, các kiện hàng ném xuống theo nguyên tắc 295 tấn hàng ngày nhưng chỉ nhận được 175 tấn, phần còn lại đều sang khu vực Việt Minh. Trên phương diện chiến thuật, cứ điểm Isabelle hoàn toàn bị cô lập với khu trung ương.

Kể từ ngày 7-4, mặt trận trở lại yên lặng nghĩa là không có một trận tấn công mới nào của Việt Minh vào phòng tuyến Pháp, bởi Việt Minh đã lấy những kinh nghiệm vừa rồi qua những trận tấn công và phản công của cả đôi bên — chiến trường đã đẫm quá nhiều máu vì lối đánh cường kích với những đợt xung phong biển người — nên nay, một lối tác chiến mới được đem ra áp dụng, đó là chiến thuật tiếp tục đào các giao thông hào theo nan quạt sâu vào phòng tuyến Pháp để chia cắt và cô lập. Chiến dịch này được tích cực hoạt động cả ngày lẫn đêm. Ban đêm binh sĩ Pháp thường nghe thấy những tiếng đào xới gần mình. Hà Nội đã thả dù những máy do địa chấn loại nhỏ xuống mặt trận để kịp khám phá những đường hầm mà Việt Minh đào ngay vào căn cứ Pháp. Pháo binh Việt Minh tiếp tục làm chủ tình hình. Pháo binh Pháp hầu như bị tê liệt vì phản pháo. Nhân viên pháo thủ bị sát hại rất nhiều. Tổng cộng, Pháp chỉ còn 16 đại bác sử dụng được. Đối với Điện Biên Phủ, pháo binh là một vấn đề quan trọng cho sự sống còn. Từ Hà Nội Pháp đã chú ý tới việc bổ sung xạ thủ và các khẩu đại bác mới, nhưng nhu cầu này đã không đáp ứng được. Về chiến xa, ngoài chi đội Isabelle vẫn nguyên vẹn, số còn lại chỉ còn 1 chiếc sử dụng được. Đối với chiến trường Điện Biên, chiến xa cũng là một yếu tố quyết định, nhất là đối với các cuộc phản kích. Nhưng Pháp không làm sao có thể có hơn được. Việc mang 10 chiến xa xuống Điện Biên Phủ là cả một công trình vĩ đại vì những chiến xa này quá nặng không thể mang cả nguyên cái. Nên Pháp đã phải mang những chiến xa chưa ráp nghĩa là những bộ phận rời còn đóng trong thùng. Những thùng này không thể chở trên những vận tải cơ thường mà phải dùng đến máy bay Bristol của hãng

Air France chuyên chở, máy bay Bristol là một loại máy bay khổng lồ mà quân đội Pháp không có. Các thùng đồ chiến xa đến nơi mới đem ráp và việc ráp phải đòi hỏi một thời gian khá lâu với những chuyên viên thật giỏi.

Lúc này, Pháp dự trù phản công lấy lại pháo đài Eliane 1 để củng cố lại vòng đai phòng thủ. Để hỗ trợ, bên ngoài tướng Navarre ra lệnh cho đạo quân Pháp ở bên Lào với 4 tiểu đoàn phải tiến lên Điện Biên Phủ để giải vây. Đây chỉ là một đòn tâm lý để nâng cao tinh thần chiến đấu của binh sĩ Pháp tại Điện Biên và để thực hiện một cuộc hành quân theo công tác mà cả Navarre cũng như viên chỉ huy của cánh quân Lào đều không tin tưởng. Thực vậy, cuộc hành quân chưa tiến được bao xa, Việt Minh chặn đường phục kích, đã phải bỏ dở.

Sáng sớm ngày 10-4, Pháp mở một cuộc phản công để chiếm lại đồi Eliane 1. Có chiến xa yểm trợ, sau khi pháo binh và không quân oanh kích dữ dội, quân Pháp tiến lên ngọn đồi này. Một cuộc xáp chiến đã xảy ra và tới 14 giờ quân Pháp tới được đỉnh đồi chỉ còn là một chiến hoang tàn. Nhưng đến tối Việt Minh tấn kích lại quân Pháp bị thiệt hại rất nhiều không thể chịu đựng nổi phải rút lui. Tới sáng hôm sau, ngọn đồi nghi ngút, các xác chết của đôi bên, các công sự đều bị phá vỡ và đốt cháy. Trong pháo Việt Minh vẫn tiếp tục bắn một cách dữ dội.

Cuộc tấn công thất bại, Pháp mất thêm một số quân trừ bị nữa.

— Quân Pháp phản công chiếm lại đồi Eliane 1.



Ngày 10-4, Hà Nội tăng viện một tiểu đoàn nhảy dù thứ tư, cũng phải nhảy đêm theo phương pháp nhỏ giọt kéo dài hàng ba bốn ngày mới xong.

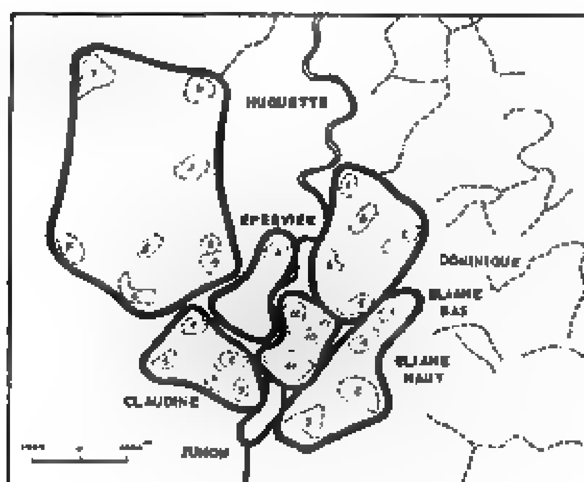
Ngày 16-4, một tin vui gây phấn khởi cho tinh thần chiến đấu của Điện Biên Phủ. Mỗi quân nhân được thăng một cấp. De Castries thăng thiếu tướng, Langlais thăng đại tá, Bigeard thăng trung tá v.v...

Ngày 18-4, Pháp phải bỏ pháo đài Huguette 6 trấn giữ bởi hai đại đội, vì đồn này gần như bị cô lập với khu trung ương. Mỗi lần tiếp tế lương thực, đạn dược và nước uống, trung ương phải mở đường tới, thường một tuần lễ một lần. Mỗi lần tiếp tế phải mở đường máu mới tới được, bởi vì bộ đội Việt Minh không những đã đào rất nhiều giao thông hào quanh đồn để vây hãm mà còn đào dọc theo những con lộ tiếp tế để nấp đánh các toán binh sĩ mở đường của Pháp. Mỗi lần tiếp tế, Pháp lại phải đổ máu. Ngược lại, để mất đồn này cũng tai hại vì khu vực thả dù lại bị thu hẹp thêm, các đồ và binh sĩ thả dù sẽ bị thất lạc sang khu Việt Minh.

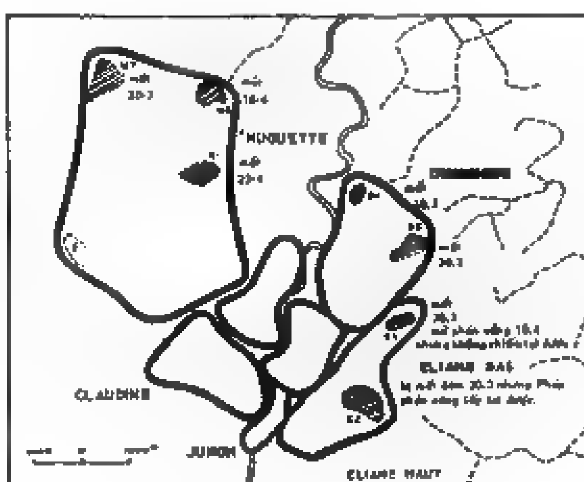
Thượng tuần tháng 4, thời tiết ẩm ướt bởi nhiều trận mưa to. Thung lũng Điện Biên đầy nước, các hầm hố chiến đấu của Pháp lầy lội khiến sức khỏe của binh sĩ Pháp suy kém. Hơn nữa những binh sĩ này phải chiến đấu liên miên không được nghỉ ngơi mà sự ăn uống lại thiếu thốn vì các dù tiếp tế một phần khá lớn lạc sang khu địch, một phần đồ khác bị đám binh sĩ ở sau chiến tuyến lấy cắp để đấu dự ăn dần.

Những sự thiếu thốn của binh sĩ tiền tuyến đã gây ra bởi, quân Pháp có 44 jeep, 47 dodge và 26 quân xa 2T5 bị trúng mảnh trọng pháo dần dần hư hết. Các dù thả xuống không còn đủ xe để đi nhặt. Hơn nữa, không có đủ người làm việc vì các dù tản mát khắp nơi rơi cả trong hệ thống hàng rào kẽm gai. Nên Pháp đã phải sử dụng cả tù binh, binh sĩ Thái và những binh sĩ khiếp đảm ở mặt trận được mang về, tập trung cả ở sau chiến tuyến để làm tạp dịch.

Những người này khi nhặt dù đã dấu những món ăn ngon để ăn dần với nhau vì sự tiếp tế cho cả trại binh đã thiếu thốn từ lâu. Nhưng đáng lẽ sự thiếu thốn chỉ nên hạn chế với những người không chiến đấu còn những người chiến đấu như binh sĩ tại tiền tuyến và thương binh phải được cung cấp đầy đủ thì ngược lại những người này lại bị thiếu thốn hơn những người khác.



Tình hình trước ngày 29-3-54.



Tình hình sau ngày 30-4-54.

Lúc đó các cấp chỉ huy Pháp ở Điện Biên Phủ cũng để ý đến vấn đề này nhưng họ đã không dám áp dụng những biện pháp gắt gao để trừng kẻ gian vì theo kinh nghiệm từ ngàn xưa, những đồn binh bị bao vây thường có những hiện tượng rối loạn, nay nếu đem áp dụng những biện pháp cứng rắn thì càng sinh ra sự thất nhân tâm đưa đến sự sụp đổ của căn cứ bị bao vây một cách nhanh chóng. Bởi vậy họ chỉ lấy lời để khuyên răn mà thôi.

Đêm 23-4, Pháp mất thêm pháo đài Huguette 1, Pháp lập tức mở cuộc phản công nhưng lần này đã bị thất bại nặng khiến một số quân trừ bị lại bị tiêu hao thêm.

Từ Hà Nội, Navarre và Cogny nghiên cứu kế hoạch Albatros dự định cho de Castries phá vòng vây thoát về phía Thượng Lào. Chánh phủ Pháp không muốn có sự đầu hàng. Lực lượng tiếp viện bằng nhảy dù không còn. Pháp tính mở một cuộc hành quân kiểu Lorraine từ đồng bằng đánh thọc lên Việt Bắc để giải tỏa. Cogny không tán thành vì cho rằng tổ chức hành quân này phải tập trung hầu hết quân chủ lực của Bắc Việt. Miền đồng bằng bị bỏ trống sẽ nhanh chóng sụp đổ với 9 triệu dân cư.

Vào những ngày cuối tháng 4-54, trời tiếp tục mưa làm thung lũng Điện Biên Phủ thêm lầy lội. Binh sĩ Pháp cũng như cấp chỉ huy không những mất tinh thần, còn bị thiếu ăn và mất sức vì ẩm ướt. Pháp chỉ còn hy vọng ở sự can thiệp của Mỹ mới có thể cứu vãn được tập đoàn cứ điểm này.

Ngược lại, Việt Minh tuy mệt mỏi và bị căng thẳng bởi các cuộc oanh tạc của Pháp, nhưng vẫn bám sát và tiếp tục đào các hệ thống giao thông đâm sâu vào phòng tuyến đối phương để chuẩn bị cho một trận đánh cuối cùng.

9. THỜI KỲ THỨ TƯ (1-5-1954 – 7-5-1954) TRẬN TẤN CÔNG ĐỢT BA CỦA VIỆT MINH

Trận tấn công đợt ba của Việt Minh thực sự xảy ra ngày 6-5 nhưng kể từ những ngày đầu tháng nhiều triệu chứng báo hiệu cho một sự sụp đổ toàn diện quân tăng viện đối phương tới gây áp lực càng nhiều – từ ngày 3-5, cứ điểm Isabelle bị tấn công khá ác liệt.

Đứng trước tình hình khẩn trương và trong những điều kiện khó khăn vì trời mưa, một tiểu đoàn nhảy dù thứ năm được thả xuống để tăng cường thêm cho thung lũng. Tiểu đoàn này được thả vào đêm 3-5 lúc 03g50, đợt đầu thả khoảng hơn một đại đội, và tiếp tục tới đêm 6-5 phải đình chỉ vì tình hình ở dưới đất trở nên rối loạn. Lúc đó sự nhảy mới thực hiện được 383 trên tổng số 876 của tiểu đoàn.

Trận đánh lớn vào đêm 6-5 được diễn tiến như sau

Mới đầu Việt Minh pháo kích khắp nơi một hỏa lực rất mạnh mẽ đã làm tê liệt những khẩu đại bác cuối cùng của Pháp. Pháp cho biết vào đêm chót này họ chỉ còn 1 khẩu

đại bác 105 ly tại cứ điểm Isabelle là còn sử dụng được với số đạn rất hạn chế.

Cuộc oanh kích được tập trung tiếp đó trên các pháo đài Eliane 4 và 4. Sau đó, quân xung kích Việt Minh xuất phát từ đồi Eliane 1 cũ khởi sự tấn công sang.

Pháo đài Eliane 2 cũng bị oanh kích trước, kế đó bộ binh đối phương từ ngay dưới chân đồi của pháo đài Eliane 4 mở cuộc tấn công.

Tại phía Tây Nam, không chịu nổi sức tấn công, cứ điểm Claudine bị tràn ngập vào nửa đêm.

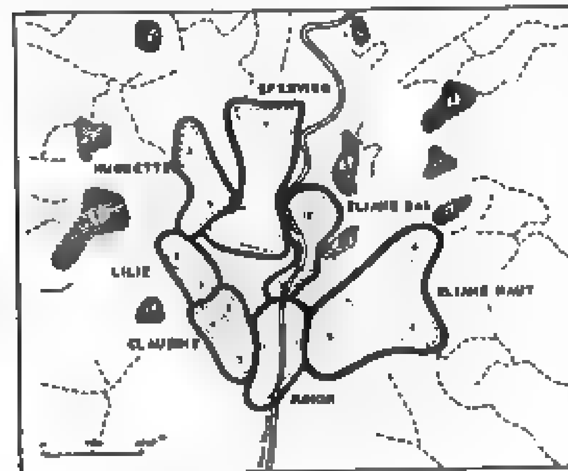
Cũng trong giữa đêm này, 5 máy bay vận tải Dakota bay trên vòm trời Điện Biên Phủ định thả quân xuống. Nhưng tình hình không cho phép khiến hơn một đại đội thuộc tiểu đoàn nhảy dù trở lại Hà Nội, thoát hiểm.

Pháo đài Eliane 3 cũng mất tiếp trong đêm.

Tới từ mờ sáng, Pháp thấy quân lính Việt Minh ở khắp nơi họ đang lố nhố dưới chân đồi Eliane 2 để tiến lên ngọn đồi không còn chống cự này. Pháo đài Eliane 10 cũng bị chiếm ban đêm nên trên ngọn đồi này binh lính đối phương đang tản mát trong các hầm hố chiến đấu.

Riêng pháo đài Eliane 4 tới sáng vẫn còn trong tay Pháp.

Khi trời sáng rõ, sương mù bắt đầu tan, các chiến đấu oanh tạc tới. Nhưng sự yểm trợ không quân của Pháp vô hiệu vì quân của hai bên không còn phân biệt được trận tuyến rõ rệt. Máy bay tiếp tế theo như thường lệ vẫn tiếp tục thả các dù quân nhu bình thản rơi xuống trận địa.



Tình hình vào ngày 7-5-54.

De Castries vẫn giữ được liên lạc với Hà Nội. Trước sự lâm nguy này, tướng Cogny đã không có một thái độ rõ rệt nào. Có lẽ ông sợ là sự quyết định của ông sẽ có một vài trách nhiệm trước lịch sử Pháp. Từ trước đến nay, giữa tướng Navarre, tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp và tướng Cogny, tư lệnh lục quân Bắc Việt đã có nhiều xích mích và bất đồng trên phương diện chỉ huy, nhất là đối với vấn đề thiết lập tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Cogny không tán thành và cho rằng đặt một cứ điểm chiến lược xa xôi ở ngoài vòng tiếp vận sẽ bất lợi, nhưng tướng Navarre đã quyết thì buộc lòng Cogny phải thi hành dù là trong miễn cưỡng. Bộ tư lệnh viễn chinh Pháp vẫn chủ trương không chiến đấu được thì rút và đã dự trù một cuộc hành quân lấy tên là Xénophon để triệt thoái trong trường hợp khẩn cấp. De Castries biết rõ tình hình căn cứ là không thể rút được chỉ còn cách cố thủ để chờ viện binh. Nhưng nay đứng trước tình thế không còn thuận lợi này, ông biết trước số phận nên đã chuyển về Hà Nội ý kiến cuối cùng là xin chấp nhận đầu hàng để khỏi phải hy sinh tính mạng binh sĩ một cách vô ích mà không đạt được mục đích nào cả. Hà Nội đã chấp thuận để de Castries tùy nghi. 15g chiều, de Castries thông cáo quyết định ngưng chiến nghĩa là đầu hàng cho tất cả các cấp chỉ huy dưới quyền chẳng có ai phản đối. Quyết định đầu hàng được thông báo cho Việt Minh. Tới 17g ngày 7-5-1954, Việt Minh bắt đầu tiếp nhận sự đầu hàng của Pháp.

Tại cứ điểm Isabelle, viên đại tá Lalande chưa chịu đầu hàng ngay và tiếp tục chiến đấu đến chiều tối để định lợi dụng màn đêm thoát khỏi vòng vây chạy sang Thượng Lào. Nhưng binh sĩ quá mệt mỏi, mất nhuệ khí chiến đấu nên vừa rục rịch chuyển, thì quân đã tan rã để chịu bị bắt làm tù binh. Chỉ có độ 100 người nhờ dân địa phương dẫn đường đã thoát chạy sang Lào được.

Cuộc chiến đến đây coi như chấm dứt. Tính từ 20-11-53 đến 5-7-54, Pháp bị loại khỏi vòng chiến 8.221 người, trong đó 1.571 chết, bị bắt làm tù binh 11.721 người. Về phía Việt Minh, theo một bản thống kê của Pháp số người bị chết khoảng 9.000 người.

10. NHẬN XÉT :

Sự thất trận của Pháp tại Điện Biên Phủ chẳng qua là hậu quả của những tính toán sai lầm của Pháp.

Về sự bố phòng, hai cứ điểm tiền tuyến Gabrielle và Beatrice quá yếu, ở xa tầm pháo



Tù binh Pháp sau trận Điện Biên Phủ.

binh của cứ điểm Isabelle. Việt Minh chiếm được các cứ điểm này đã chế ngự được phi trường làm cho việc tiếp tế bằng không vận bị bất lực. Điện Biên Phủ lại không có hầm trú ẩn bằng bê tông nên không chịu đựng được các cuộc pháo kích của Việt Minh. Còn trung tâm Isabelle lại đặt quá xa khu trung tâm nên sự phối hợp và yểm trợ không được hữu hiệu.

Song cái lầm to lớn nhất của Navarre là khinh địch, không [illegible] được lực lượng [illegible] chiến cũng như tiếp vận của địch. Navarre không ngờ Việt Minh đã tung vào Điện Biên Phủ tới trên 60.000 quân vì theo sự trù tính của Navarre Việt Minh chỉ có thể sử dụng tới 20.000 quân. Pháp không ngờ Việt Minh đem được nhiều đại bác đến mặt trận và lại đặt ngay phía sườn núi trong vòng đai để bắn trực xạ, Pháp không thể khám phá và tiêu diệt được. Với số trọng pháo đó, Việt Minh đã bắn phá dữ dội trong suốt thời gian công hãm.

Một sai lầm khác là trong khi Việt Minh sắp đánh Điện Biên Phủ thì Navarre lại theo đúng kế hoạch cũ mở màn chiến dịch Atlante làm phân tán chủ lực của mình khiến không thể cứu vãn Điện Biên Phủ một cách đắc lực.

Về phía Việt Minh, tuy thắng trận này nhưng vì chiến cuộc trong [illegible] họ cũng đã thấm mệt, nên nhân [illegible] thắng, cùng với [illegible] hiệp định [illegible] đứt chiến tranh, để nghỉ ngơi và [illegible] bất ngờ tham gia vào chiến cuộc của người Mỹ.

11. MỘT VÀI NHẬN XÉT CỦA BỘ TƯ LỆNH PHÁP VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP CHIẾN ĐẤU CỦA VIỆT MINH TẠI ĐIỆN BIÊN PHỦ

Một vài nhận xét của trung tá Guiraud, trưởng phòng 2 Bộ tư lệnh Pháp, được ghi trong một bản nghiên cứu viết sau trận đánh Điện Biên Phủ có lẽ khá bổ ích nên được ghi lại dưới đây.

a. Bộ binh

Mặc dầu có nhiều sự thay đổi về chi tiết phát xuất từ những tin tức nhận được, ta có thể xác định những phương pháp chiến đấu mà bộ binh VM đã dùng ở Điện Biên Phủ.

Những hoạt động tấn công của bộ binh thường như được điều hành theo thứ tự sau đây:

1) Pháo binh và các loại súng khác bắn chuẩn bị trong một thời gian ngắn.

2) Đợt xung phong đầu tiên bằng lựu đạn

và chất nổ để làm lộ vị trí các loại súng tự động của ta (Pháp) và tạo nên những lỗ hổng. Đợt xung phong này tiến cho tới tầm đạn của hỏa lực yểm trợ.

3) Sự can thiệp ồ ạt của các loại súng không giật và súng phóng hỏa tiễn (lance-roquettes), tập hợp từng 3 hay 4 khẩu chống lại các súng tự động của ta mới bị lộ mà không bị pháo binh hay các đợt xung phong bằng lựu đạn đầu tiên tàn phá.

4) Đợt xung phong do các đơn vị được võ trang hầu hết bằng súng liên thanh và với sự trợ lực của những binh sĩ ném lựu đạn, các đơn vị này tràn ngập vị trí tấn công.

5) Các loại súng trung liên và tiểu liên được sử dụng ồ ạt và tập hợp lại nhằm xạ kích các toán quân phản công ngay lúc đầu.

Ngày 31-3, trên ngọn đồi Eliane 1 đã bị Việt Minh chiếm một nửa, chừng 30 tay súng tiểu liên tập hợp đã can thiệp, phá vỡ hoàn toàn ngay từ lúc đầu mọi toan tính phản công của ta.

Điều đáng chú ý nhất là tổ chức chỉ huy hình như được phân quyền cho đến cấp tiểu tổ gồm ba người. Khi lâm trận, dường như các tiểu tổ hành động theo sáng kiến riêng của họ trong khuôn khổ nhiệm vụ được giao phó.

Đơn vị chiến đấu là tiểu đoàn mà bên trong được tổ chức thành những cấp hỏa lực và di động. Các tiểu đoàn phân biệt nhau bằng những miếng vải màu.

Bộ binh có nhiệm vụ tấn công chỉ lâm trận trong một thời gian ngắn. Nhịp độ sử dụng như sau: đơn vị lâm trận giao tranh trong vòng nửa ngày là tối đa, rồi được thay thế và được nghỉ ngơi lại ngay trong những vùng an toàn để tái tạo và chỉnh đốn lại.

Những kẻ bị thương chỉ được tải đi bởi các người khiêng cáng và y tá, trong số đó, có những nữ cứu thương thuộc thành phần của tiểu đoàn, đương nhiên không phải săn sóc những kẻ bị thương ở các đơn vị khác.

Những kẻ không được các người khiêng cáng đem đi phải tự mình tìm đến những trạm cấp cứu. Nhiều tù binh Việt Minh bị thương và bị bỏ rơi trong những điều kiện này đều xác nhận những chi tiết đó.

Bộ binh, khi tấn công, được hỗ trợ rộng rãi bởi các dân phu dự trận, nhất là với nhiệm vụ ném lựu đạn.

b. Pháo binh và các loại súng khác.

Chính sự lâm trận ồ ạt của pháo binh và các loại súng khác dường như đã là yếu tố quyết định sự chiến thắng của Việt Minh ở Điện Biên Phủ.

Dường như pháo binh được tổ chức với 2 nhiệm vụ thiết yếu được giao phó:

1) Một loại pháo binh mà người ta có thể định danh là « tác dụng của toàn khối » (action de masse), căn bản là súng đại bác 105 ly, được tổ chức thành từng pháo đội gồm từ 3 đến 4 khẩu và chỉ can thiệp trong dịp chuẩn bị tấn công. Lúc đó, pháo binh 105 ly được tăng cường bởi sự sử dụng các loại súng 81 ly và 120 ly.

2) Một loại pháo binh được phân tán mà căn bản là loại súng 75 ly và 105 ly, hoạt động thành những khẩu biệt lập, có nhiệm vụ duy trì việc quấy rối vào bên trong trung tâm kháng cự trên những mục tiêu như chiến xa, các vật di chuyển, phi cơ v. v..., và trong một phạm vi rộng lớn, nó có nhiệm vụ phản pháo ngay. Vào lúc kết thúc trận đánh, các súng đại bác 75 ly đặt trên đồi, nhất là đồi Dominique, đã nhận được những nhiệm vụ theo kiểu đó.

Dường như không phải loại pháo binh này đã thực hiện những vụ bắn phá tập trung lớn lao. Hoạt động của nó thường chỉ thể hiện dưới hình thức quấy rối theo một nhịp độ tương đối chậm.

Hiệu quả lớn lao trong việc bắn chuẩn bị thâu đạt được do sự tập trung hỏa lực của tất cả mọi loại súng nặng ở chiến trường.

Không bao giờ thấy có sự bắn chặn theo đúng nghĩa.

Những toán quân xung phong Việt Minh bám sát các tiếng nổ, đến nỗi đôi khi họ bị ngăn cản lại bởi chính pháo binh của họ, như vậy khi súng bắt đầu khai pháo, họ chỉ cách làn đạn có một khoảng cách ngắn.

Trong trường hợp phản công, lính pháo thủ Việt Minh không ngần ngại không che những khu vực đang có sự giao tranh bằng hỏa lực của súng nặng, không quan tâm đến số phận binh sĩ của họ đang lâm trận ở đó.

Kết luận.

— Hiệu quả tối đa của việc bắn chuẩn bị thâu đạt được do việc sử dụng các ngòi nổ chậm (à court retard) với đạn đại bác 105 ly và nhất là đạn đại bác 120 ly. Những viên đạn này tàn phá khủng khiếp những nơi ẩn náu và công sự chiến đấu của ta.

Đặc biệt trên đồi Eliane 1, đất đã bị xới tung, tan nát do chất nổ của đạn nổ chậm, và hoàn toàn không thể nào đào xới để thiết lập những công sự chiến đấu mới. Đó là nguyên do chính làm cho không còn có điểm tựa.

c. Súng phóng hỏa tiễn nặng (lance-roquettes lourds)

Loại súng này chỉ xuất hiện trong những giờ phút cuối trước khi trung tâm kháng cự của ta thất thủ.

Một quan sát viên độc nhất, đứng ở một chỗ thuận tiện, quả quyết rằng những súng phóng hỏa tiễn nặng được đưa vào mấy ngày trước, nhưng đạn dược được đem dần vào từng ít một

Sự lâm trận ồ ạt của súng phóng hỏa tiễn nặng đã xảy ra vào buổi chiều ngày 5-5.

Sự tàn phá ghi nhận được lúc đầu thực lớn lao.

Vùng tàn phá của một loạt đạn bắn đi là một khoảng hình vuông mỗi bề 50m.

Hiệu quả thực tiễn của các súng này không quan trọng, nhưng hiệu quả tâm lý rất lớn lao.

d. Phản pháo

Hoạt động chống pháo binh của ta dường như đã do những khẩu súng biệt lập 105 ly, 75 ly và 75 SR ; lợi dụng vị trí trọng yếu và để quan sát, các khẩu súng này đã trực xạ rất chính xác khi có hoạt động gì ở chung quanh. Hoạt động của chúng được thuận tiện bởi sự thu hẹp quá mức của các pháo đội chúng ta và sự che chở quá yếu cho các pháo đội này (vòng quanh kém sâu và quá lớn).

Những sự thương vong đối với lính pháo thủ ta quá nặng.

e. Các địa đạo

Việt Minh thành công trong việc bao vây trung tâm kháng cự của ta bằng một hệ thống đường hầm chằng chịt, không một phản biện pháp nào của bộ chỉ huy bạn có thể ngăn trở hữu hiệu được.

Các hầm được đào rộng và sâu (2 chiếc cáng có thể tránh nhau) được bao phủ ở một vài nơi. Các hầm này dẫn đến những vùng khuất tầm mắt và hỏa lực của ta. Với sự quan sát của một sĩ quan trên đồi Huguette 7 (tên cũ là Anne Marie 4) cho phép ta có một ý niệm về những phương pháp Việt Minh đã dùng như sau :

— Trong im lặng và bóng tối, một toán người cắm mốc đánh dấu vị trí hầm bằng những cái chốt tre dài độ 50 phân tây.

Một toán thứ hai đến tiếp sau và dọn sạch khoảng đất bên cạnh mỗi cái mốc để làm chỗ núp cho một người

Đất đào lên được chất đống về phía nguy hiểm nhất

– Một toán thứ ba tiếp đó đào sâu lỗ đã vạch sẵn cho đến chiều cao bằng đầu người rồi nối liền nơi này với lỗ bên cạnh bằng cách đào tiến tới trước

— Nhân công sử dụng phải nhiều đến mức để việc đào trong đêm được thật nhiều

— Sự thăm dò để vạch những đường giao thông được thực hiện cẩn thận ban ngày, đã giúp Việt Minh sử dụng những nơi trú ẩn này một cách tốt đẹp.

— Mặc dầu có hỏa châu soi sáng liên tiếp, bộ chỉ huy điểm tựa không bao giờ có thể trông thấy các dân phu chỉ ra hiệu với nhau bằng vài tiếng động.

— Súng cối hay pháo binh trở nên vô hiệu đối với các dân phu vì họ chạy trốn rất mau và được báo kịp thời bởi những phát súng hiệu.

Đất đào được tống ra phía sau trong ban đêm, đến nỗi về ban ngày việc lấp các giao thông hào này thực vô cùng khó khăn.

— Trong những đêm kế tiếp, hầm được đào đến hệ thống dây kẽm gai và trong một số trường hợp đã vượt quá cả hàng rào.

— Công tác đắp ụ và gài bẫy trong các hầm hố của ta tỏ ra vô hiệu quả vì ít dân công, ít mìn bẫy dự trữ, và vì sự mệt mỏi của binh sĩ phải thức đêm.

g. Vị trí pháo binh :

Pháo binh chính được chôn dưới đất, trong những đường hầm đào trên sườn các đồi cao chế ngự khu lòng chảo phía Đông.

Đường hầm được bịt ở phía trước bởi một mạng lưới quan trọng, chỉ để lộ miệng súng. Súng chỉ được đưa ra đặt ở vị trí lúc bắn. Khi xong xuôi, súng lại được kéo vào sâu trong đường hầm và miệng hầm được che một cách cẩn thận.

h. Nơi nghỉ ngơi

Bộ binh bố trí trên những ngọn đồi bao quanh Điện Biên Phủ, ẩn núp trong đường hầm đào ở sườn bên kia và được che đậy kỹ

càng (thuật lại do một số thương binh VM).

i. Sự ngụy trang

Công việc ngụy trang tất cả các cơ của rất tỉ mỉ và được bảo trì cẩn thận. Những cành cây dùng để ngụy trang được thay thế luôn. Đặc biệt, các thương binh phụ trách việc ngụy trang kỹ càng các xe cộ. Một tấm tôn được đục vừa vặn để phủ dưới xe, từ buồng máy đến mui xe, làm mất đi những góc nhọn. Cả chiếc xe hoàn toàn được che phủ bởi cành cây, đến độ một chiếc xe đậu sát lề đường mà các toán quân đi tới cũng khó lòng thấy được.

Một quan sát viên thuật lại rằng, ông ta đã trông thấy trong vùng Ban Na Tau một con đường hoàn toàn được che dấu bởi cành cây trồng trong những lỗ hẹp và sâu. Những cành cây này sẽ được nhổ lên khi con đường được sử dụng đến và được đặt lại chỗ cũ lúc trời sáng.

k. Vận chuyển và tiếp tế

Ngay khi thất thủ điểm tựa Beatrice, dường như các xe cam nhông đã tải lương thực đến bên kia con đường vòng. Từ những địa điểm này, một số lớn dân phu đã vận chuyển lương thực đến các đơn vị chiến đấu.

Một quan sát viên cho biết đã trông thấy một toán quân khoảng một tiểu đoàn dẫn những chiếc xe đạp thồ, mỗi chiếc chở 4 viên đạn 105 ly hoặc 81-82 ly, hay các trang đạn liên thanh.

Những thương binh được vấn hỏi đã cho biết về sự chạy chậm nhưng đều đặn của các xe cam nhông Việt Minh. Mỗi xe cam nhông thường gồm một toán 3 người, một tài xế và 2 phụ tài xế để phục dịch ở những quãng đường khó đi. Nguyên tắc tiểu tổ gồm 3 người dường như cũng được áp dụng trong việc chuyên chở.

I. CHIẾN DỊCH ATLANTE (20-1-1954 — 20-7-1954)

ATLANTE là một chiến dịch kéo dài từ 20-1-1954 đến ngày ngưng bắn vẫn chưa xong. Đây là một chiến dịch nhằm bình định Liên khu V Việt Minh bao gồm bốn tỉnh Quảng Nam – Quảng Ngãi – Bình Định – Phú Yên.

Khu vực hành quân rộng chừng 26.000 cây số vuông thoai thoải theo một chiều dài 370 cây số và một chiều ngang trung bình 70 cây số. Vùng hành quân này là một căn cứ địa chiến lược của Việt Minh đã được xây dựng từ 8 năm trước đó. Dân số khoảng 2,5 triệu người. Đây là một vùng khá màu mỡ của miền Trung, Việt Minh đã khai thác được nhân công mộ được binh và vẫn sử dụng được đường xe lửa để lấy gạo muối và thực phẩm. Đây là một đường giao liên rất quan trọng ở giữa miền Bắc và Nam. Ngoài ra khu này lại kế cận cao nguyên Bolovens ở Hạ Lào, tại đây Việt Minh đã đặt rất nhiều căn cứ địa, chứa các mũi dùi đe dọa thường xuyên xuống miền Nam Việt, Hạ Lào và Cao Miên.

Pháp muốn giải phóng khu này để giao lại cho chánh quyền Việt Nam nhằm gây một tiếng vang chánh trị kể cả trong những miền do Việt Minh kiểm soát. Do đó, cuộc hành quân này có tính cách bình định như sự tham gia của nhiều đơn vị Việt Nam và cuộc hành quân còn mang ý nghĩa của một cuộc trắc nghiệm tâm lý của Pháp đối với dân Việt được xem là quan trọng nhất lúc bấy giờ.

1. LỰC LƯỢNG VIỆT MINH TRONG VÙNG HÀNH QUÂN.

Lực lượng Việt Minh tại Liên khu V được ước lượng khoảng chừng 30.000 người trong đó có 12 tiểu đoàn chính quy, 5 hay 6 tiểu đoàn địa phương rất thiện chiến. Những đơn vị này được coi như luôn luôn ở tại một hậu phương an toàn nên đã có sự tự do hành động để mở các cuộc tấn công vào những miền khác. Nhờ có địa thế hiểm trở và có nhiều kho lương để rải rác nên các đơn vị này có khả năng tập trung dễ dàng và có thể chuyển vận các phương tiện tiếp tế tới gần mục tiêu mà không sợ bị lộ.

2. LỰC LƯỢNG PHÁP.

Pháp đã sử dụng 6 liên đoàn lưu động để mở cuộc hành quân này. Đó là các Liên đoàn 41, 42 thuộc miền Cao nguyên, Liên đoàn 21 thuộc Bắc Trung Việt, Liên đoàn 11 thuộc Nam Trung Việt, Liên đoàn 100 vừa ở Triều Tiên về được bổ xung binh sĩ đa số thuộc gốc Nam Việt và Liên đoàn 10 thuộc gốc Bắc Phi.

Trông vào thành phần các đơn vị kể trên ta thấy cuộc hành quân mang nhiều tính chất Việt Nam.

Ngoài ra Pháp còn lấy một số các tiểu đoàn khinh quân ở miền Nam và miền Trung để đưa vào chiến dịch làm công tác bình định. Các tiểu đoàn này lúc đầu có 9 tiểu đoàn, sau lên đến 14 cả thảy.

Song song với công tác bình định, Pháp đặt ra phân khu Duyên hải thuộc Đệ tứ quân khu (trước không đặt thuộc Đệ nhị quân khu) để chỉ huy và tiếp vận cho mặt trận. Việt Nam đặt một bộ chỉ huy tại Nha Trang và một căn cứ tiếp vận tiền phương tại Ninh Hòa.

Vùng lãnh thổ quân sự tùy thuộc Đệ tứ quân khu, nhưng Pháp lại giao trách nhiệm hành chánh của khu vực chiếm đóng cho ông Phan Văn Giáo là đương kim thủ hiến Trung Việt. Ông Giáo đã đưa Nghĩa dũng quân và đoàn quân thứ lưu động miền Bắc Trung Việt vào để xúc tiến việc bình định. Cùng với kế hoạch này, một công tác tuyển mộ phụ lực quân và hương dũng sẽ được thực hiện tại chỗ và chia làm hai giai đoạn :

— Tới 15-2-54, tuyển mộ 10.000 phụ lực quân và 10.000 địa phương quân.

— Tới 15-7-54, tuyển mộ 10.000 hương dũng ; và khi đã đặt được hương dũng thì công việc bình định được coi như hoàn tất.

3. DIỄN TIẾN CHIẾN DỊCH

Cuộc hành quân Atlante chia làm hai giai đoạn :

— Giai đoạn Aréthuse từ 20-1-1954 đến 3-3-1954, mục đích chiếm đóng khu vực Phú Yên.



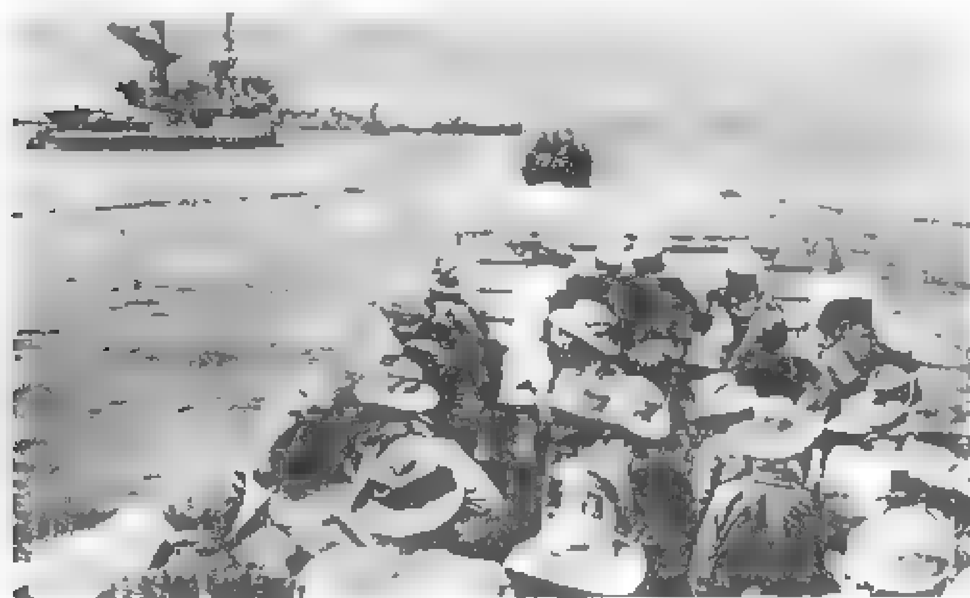
— Quân Pháp rút với nhiều dân chúng đi theo.

— Giai đoạn Axelle mở ngày 13-3-54 mục đích chiếm đóng khu vực Bình Định.

Trong giai đoạn Aréthuse, sau khi đổ bộ từ Hội An đến mũi Varella và Tuy Hòa vào ngày 20-1-54, liên quân Việt-Pháp chiếm cánh đồng Mỹ, rồi chiếm Lạc Mỹ vào ngày 3-2-54, tiếp đó chiếm cả tỉnh Phú Yên vào ngày [illegible] 1954. Trong vòng 6 tuần lễ, Pháp không gặp một sức kháng cự mạnh mẽ nào của Việt Minh và đã kiểm soát được 6.000 cây số vuông cùng [illegible] 150.000 người. Sau đó, đoàn quân liền bước sang giai đoạn thứ hai.

Vào giai đoạn hai, sau khi chiếm Bình Định, liên quân chiếm đèo Cù Mông và đồng bằng sông Giao.

Tổng kết theo thống kê của Pháp, Việt Minh có 400 người chết, 480 tù binh và tình nghi bị bắt. Pháp nói rằng chỉ thu được 125 vũ khí đủ loại.



— Các đơn vị Việt Pháp đổ bộ vào cửa bể Qui Nhơn.

Sau khi chiếm được miền này, Pháp giao cho Việt Nam bình định, Pháp đã chê các giới chức Việt Nam không có khả năng và thiện chí nên việc bình định sau này không thành công, nhất là tại Phú Yên coi như hoàn toàn thất bại. Thực vậy, các tiểu đoàn khinh quân được đưa từ miền Nam vào đã đào ngũ rất nhiều. Còn các giới chức như Nguyễn Hữu Đức là cháu ông Nguyễn Hữu Tiệp bị Pháp tố cáo là tham nhũng.

Mặt trận ở miền duyên hải lắng dịu vì chủ lực Việt Minh đã rời vùng này để uy hiếp Cao nguyên. Với cuộc tấn công vào phía Bắc để đáp lại cuộc tấn công vào Duyên hải của Pháp, Việt Minh chiếm thành phố Kontum ngày 28-1-1954. Các Liên đoàn lưu động 41 và 42 thuộc gốc Thượng do các viên đại tá Sockell và Jaud chỉ huy bị đánh tan tành. Liên đoàn 11 của trung tá Nguyễn Khánh cũng bị thiệt hại nặng. Sau khi bỏ Kontum, quân Pháp về cố thủ tại Pleiku và An Khê.

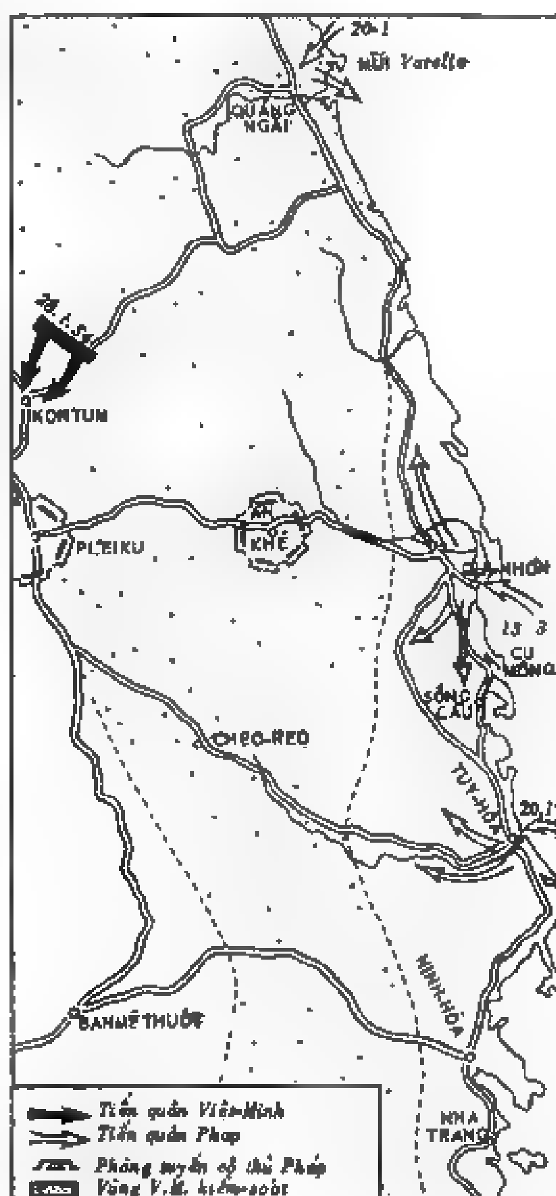
Trung đoàn 803 Việt Minh sau nhiều trận phục kích thành công trên **quốc lộ 19 đã bao vây và uy hiếp cứ điểm An Khê từ đầu tháng 3-1954. Ngày 30-3-1954, hai tiểu đoàn Pháp từ Qui Nhơn lên tăng viện đã bị trung đoàn này phục kích và tiêu diệt tại đèo Mang.**

An Khê lúc này do Liên đoàn 11 từ Kon-Tum về đóng giữ, lại bị cô lập. Vì vậy Liên đoàn 100 được lệnh di chuyển từ Pleiring tới Pleiku để tiến dọc theo quốc lộ 19 đến giải tỏa cho An Khê. Cuộc di chuyển này cũng chính là cuộc hành quân khai thông quốc lộ 19. Mặc dầu bị phục kích và bị thiệt hại trung bình, Liên đoàn 100 đã đến được An Khê. Tại đây Liên đoàn 100 được lệnh tổ chức lại hệ thống phòng thủ cho kiên cố hơn trước và mở mang phi trường để phi cơ vận tải có thể tiếp tế.

Tới giữa tháng 6-54, phấn khởi trước chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Minh gây tê liệt các hoạt động bình định tại miền Duyên hải Liên khu V và còn chuẩn bị lực lượng để mở chiến dịch mới mà mục tiêu là nhằm chiếm cứ điểm Pleiku để thâu hồi toàn miền Cao nguyên.

Nhận thấy áp lực của Việt Minh, Bộ tư lệnh Pháp phải ra lệnh cho Liên đoàn 100 rời An Khê về cố thủ Pleiku. Đây là một cuộc lui binh mạo hiểm vì quãng đường từ An Khê về Pleiku đã bị Trung đoàn 803 Việt Minh phong tỏa.

Nói đến Liên đoàn 100, người ta phải kể tới các trận Chupyong Ni, Wonju và Arrowhedd Ridge mà đơn vị này đã chiến thắng hiển hách tại Triều Tiên. Người Pháp cho đây là một đơn vị thiện chiến nhất. Liên đoàn này do viên đại tá Barrou chỉ huy.



Sơ đồ hành quân Atlante.

Cuộc triệt thoái bắt đầu lúc 3g sáng ngày 24-6-54. Ngoài thành phần cơ hữu, Liên đoàn còn được tăng phái một vài đơn vị khinh quân. Liên đoàn đã bị phục kích tại cây số 15, trên một địa thế gồm những cao điểm chế ngự một cánh đồng cỏ voi cao và dày đặc. Khi đoàn quân di chuyển vừa lọt vào cánh đồng này, quân Việt Minh liền khai hỏa súng cối,



Nơi Liên đoàn 100 bị phục kích.



Cảnh tan nát của Liên đoàn 100.

địch bắn khoảng giờ và liền sau đó tấn công ngay vào bộ chỉ huy của Barrou. Một vài thiết giáp dẫn đầu liên đoàn đã bị loại ngay từ phút đầu, không kịp phản ứng. Các xe vận tải đều bị quân xung phong Việt Minh đốt cháy, trong đó có cả xe truyền tin. Liên đoàn không thể liên lạc được với bên ngoài. Việt Minh đã lợi dụng những cao điểm ở phía Bắc để đặt súng cối bắn xối xả vào đoàn xe, nên quân Pháp rối loạn ngay không thể mở cuộc phản công về phía địch. Viên đại tá Barrou lại bị thương từ phút đầu, viên tham mưu trưởng thay thế lại bị tử thương, ngay làm cho Liên đoàn 100 trước sức tấn công vũ bão của đối phương đã rối loạn và tan rã. Lúc này, phi cơ Pháp mới bắt đầu đến thì đã trễ. Chiến trường không còn phân biệt được nữa, quân Việt Minh đã xâm nhập vào hàng ngũ của Pháp.

Kết quả Liên đoàn 100 coi như bị tiêu diệt, chỉ có một số ít chạy thoát. Kể từ đó, Trung đoàn 803 Việt Minh hoàn toàn làm chủ quốc lộ 19. Pháp phải bỏ An Khê và chỉ cố thủ tại Pleiku tới khi đình chiến.

Như vậy chiến dịch Atlante cũng như những chiến dịch tại miền Cao nguyên của Pháp đều thất bại.

Phần 2

QUÂN LỰC VIỆT NAM
(1946 — 1955)

- Những hoàn cảnh phát sinh ra quân đội quốc gia.
- Các diễn tiến trong việc hình thành quân đội quốc gia.
- Các cơ cấu đầu não.
- Các đơn vị bộ binh.
- Các quân binh chủng chiến đấu và yểm trợ chiến đấu.
- Các đơn vị quân trường.
- Tổ chức lãnh thổ với các chiến dịch tiếp thu và bình định.



NHỮNG HOÀN CẢNH PHÁT SINH RA QUÂN ĐỘI QUỐC GIA

△ NHỮNG CẢM NGHĨ VỀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI VIỆT NAM Ở GIỮA THẾ KỶ 20 △ CÁC CĂN NGUYÊN PHÁT XUẤT QUÂN ĐỘI QUỐC GIA △ CƠ HỘI KẾT HỢP CÁC VŨ LỰC CHỐNG CỘNG THÀNH MỘT QUÂN ĐỘI CÓ TỔ CHỨC △ SỰ THÀNH HÌNH CỦA QUÂN ĐỘI QUỐC GIA.

NHỮNG HOÀN CẢNH PHÁT SINH RA QUÂN ĐỘI QUỐC GIA

1 NHỮNG CẢM NGHĨ VỀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI VIỆT NAM Ở GIỮA THẾ KỶ 20

DẦU ở trong hoàn cảnh nào, việc phát sinh ra một tổ chức quân lực cũng là một dấu tích lịch sử, và việc ghi chép thành sử liệu là một điều cần thiết, để nhớ lại những gì đã xảy ra. Trên mảnh đất Việt Nam đầy gian go và thăng trầm này, công việc ghi chép lại sự hình thành tổ chức của quân đội quốc gia, dĩ nhiên, cũng là một nỗ lực hết sức hữu ích. Xét một cách sâu xa, một quân đội không thể tự nó phát sinh và tự tồn. Bởi vì, quân đội chỉ là một thứ vũ khí của chính trị và là thành trì bảo vệ cho chính trị.

Quân lực Việt Minh cũng như quân lực quốc gia đều thành hình trong hoàn cảnh ấy. Phải chăng, nếu có hoàn cảnh tốt, quân đội có khí thế hăng say, còn ngược lại, nếu phát sinh trong hoàn cảnh không tốt, phẩm chất của quân đội sẽ yếu kém và thiếu phần dũng mãnh. Sức mạnh yếu của quân đội không tùy thuộc tự nó mà còn do ở sự ảnh hưởng và sức yểm trợ từ bên ngoài đem lại.

Vào giữa thế kỷ 20, tại Việt Nam, chính trị là động lực của các tổ chức quân sự, chính đảng, [illegible] này từ sau cuộc chiến tranh thuộc địa bị sa lầy của Pháp, biến quốc gia Việt Nam thành hai phe, có hai chính quyền chịu theo ảnh hưởng tranh chấp của ngoại bang. Mỗi chính quyền này đều có một tổ chức quân đội riêng phù hợp với sắc thái chính trị của mình.

Từ năm 1954, tình trạng lại càng chua cay hơn khi Pháp thất bại và Việt Minh đã thỏa hiệp với diễn đàng một hội nghị tại Genève để ký một văn kiện ngày 20-7-54 chấm dứt chiến tranh và chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 17. Đây là một điều bất hạnh lớn cho đất nước chúng ta, không biết ngày nào mới thống nhất lại được.

Khởi nguồn từ một cuộc chiến đấu chống đế quốc Pháp, cốt giành lại độc lập và thống nhất cho xứ sở, mặt trận Việt Minh lại đã chiến đấu cho lập trường cộng sản, khiến dân tộc bị phân hóa, đất nước bị chia đôi, làm mồi cho sự lợi dụng tranh chấp của quốc tế với những hiểm họa tai hại đổ vỡ khôn lường.

Với một quốc gia có hai lực lượng quân sự đối nghịch, tất nhiên cuộc nội chiến sẽ phải xảy ra, và cũng tất nhiên, mỗi phe lâm chiến đều có riêng cho mình những lý do biện minh chính đáng, để tạo nên một chính nghĩa cho cuộc chiến đấu. Nhưng lạ đời thay! Cuộc nội chiến ở giữa thế kỷ thứ 20 này tại Việt Nam đã kéo dài trong suốt trên 25 năm, một cuộc chiến đã khiến hàng triệu thanh niên nước Việt lần lượt bị xô đẩy vào cảnh cốt nhục tương tàn, một cuộc chiến tàn khốc nhất từ trước đến nay và đã làm đảo lộn xã hội Việt Nam tới tận cội rễ.

Các tổ chức quân sự của các phe lâm chiến là những tập thể lớn lao gồm các thành phần thanh niên thuộc đủ mọi hạng, mọi giới, đã phải tiếp nối nhau phục vụ trong ngành quân sự với một tinh thần quân kỷ, dù ở bên này hay ở bên kia cũng chỉ là những thanh niên của thời đại, bị ràng buộc trong đời sống, bị xô đẩy vào quỹ đạo của một cuộc chiến tranh không thể tránh được, họ chỉ là nạn nhân của một thời ly loạn.

Bởi thế, trước phán xét lịch sử, những người thanh niên này đều vô can, vì trách nhiệm về cuộc chiến này không phải là những quân nhân, nghĩa là những thanh niên đã dốc cả đời mình vào nghiệp lính, mà chính là những chính trị gia. Những người làm chính trị đã nuôi dưỡng chiến tranh, vận dụng những lực lượng quân sự vào cứu cánh họ mong muốn đạt được. Trách nhiệm về cuộc chiến là của những người lãnh đạo, những người này mới có đủ thẩm quyền và hậu thuẫn chính trị, để tiến hành chiến tranh theo ý chí và tham vọng của họ. Những tổ chức quân đội, trong khi đó chỉ là những phương tiện nhằm đạt những mục tiêu cuối cùng mà thôi.

2. NHỮNG CĂN NGUYÊN PHÁT XUẤT QUÂN ĐỘI QUỐC GIA

Thế mới biết, một quốc gia khi có biến từ bên ngoài đưa vào, mà nội bộ của quốc gia này không được nhất trí, lại còn chia rẽ bằng nhiều xu hướng chính trị, bằng những thù hiềm riêng tư, bằng những quyền lợi khác biệt, thì đại họa phải xảy đến. Đây là một kinh nghiệm lịch sử chứng minh câu nói « đoàn kết là sống, chia rẽ là chết », một chân lý đơn giản nhưng vẫn là ánh sáng soi chiếu cho muôn đời.

Sự phát xuất của quân đội quốc gia có nhiều căn nguyên do hoàn cảnh tạo ra, thành hình sau quân đội Việt-Minh, đáp ứng cho những đòi hỏi của thời cuộc. Quân đội Việt Minh ra đời từ năm 1945, tuy nhiên chỉ là một lực lượng vũ trang do tinh thần yêu nước tạo nên, thiếu thốn mọi thứ, nên không đủ mạnh để ngăn chặn kịp thời đoàn quân xâm lăng tân tiến của Pháp.

Vì vậy, Pháp đã trở lại Việt Nam một cách dễ dàng.

a. Căn nguyên thứ nhất — Pháp lợi dụng những thành phần cộng tác viên cũ.

Pháp đã lợi dụng ngay những thành phần cộng sự cũ như quan lại, công chức, hương chức, kỳ hào v.v... để thiết lập nhanh chóng một chánh quyền thân Pháp. Đây là những thành phần dễ dàng theo Pháp vì Việt Minh nghi kỵ không dùng. Ngay khi cướp chính quyền, Việt Minh đã dùng đã chết một lớp cán bộ đảng để nắm các guồng máy chính quyền, khiến cho thành phần trên sợ sệt và bất mãn, nên đa số theo Pháp ngay. Chính thành phần này đã tạo nên những lực lượng đầu tiên chống lại Việt Minh. Những lực lượng này lúc đầu không đáng kể. Pháp chỉ quy tụ những cựu chiến binh thuộc địa bằng cách tạo nên những phụ lực quân, giao cho những nhiệm vụ phụ dịch. Vì lúc đó, Pháp tin rằng sẽ trở lại Việt Nam dễ dàng nên đã không nghĩ đến việc tổ chức một đội quân bản xứ quy củ.

Khi mới đổ quân lên, Pháp tin ở lực lượng vũ trang của mình có thể chiến thắng dễ dàng, nên chỉ đặt nặng vấn đề chính trị với dân bản xứ bằng cách thu phục bằng quyền lợi và kết giao với những nhân vật có uy thế ở trong xứ. Với chính sách này, Pháp muốn tạo nên một thế lực chính trị thân Pháp dưới hình thức phân rẽ để mà dễ xử trị.

Chẳng hạn như Pháp muốn biến xứ Nam Kỳ thành một quốc gia riêng biệt, biến miền Cao Nguyên thành xứ Tây Kỳ, miền Móng Cáy thành xứ Nùng và miền Lai Châu thành xứ Thái v.v... Tại những vùng đất này, để tăng thêm màu sắc chính trị địa phương với nhiều hứa hẹn về quyền lợi, Pháp đã đặt ra những biểu tượng riêng biệt nhằm tách rời các miền lãnh thổ của Việt nam, trong đó có việc tách rời các dân tộc thiểu số ra khỏi đại gia đình

dân Việt. Như đã đặt hiệu kỳ riêng cho xứ Nam kỳ, xứ Thái và xứ Nùng. Hiệu kỳ riêng của xứ Nam kỳ xuất hiện không được bao lâu nhưng các hiệu kỳ của xứ Thái và xứ Nùng đã xuất hiện rất lâu. Người ta còn nhớ biểu tượng cho xứ Thái là một lá cờ tam tài với màu xanh, trắng rồi xanh và một ngôi sao sáu cánh ở trên nền trắng tiêu biểu cho sáu bộ lạc. Và người ta cũng không quên lá cờ tiêu biểu cho miền Móng Cáy cũng là một lá cờ tam tài gồm ba màu xanh, trắng, đỏ, ở giữa màu trắng vẽ một cái thuyền buồm Trà Cổ để nhớ lại lúc từ đảo Cô Tô thuộc đảo Cát Bà, người địa phương theo quân Pháp về chiếm xứ này.

Tất cả những sự kiện trên là những âm mưu xảo quyệt của người Pháp. Họ muốn chia nước Việt Nam ra thành nhiều mảnh nhỏ, kỳ thị nhau, chia rẽ để mà dễ trị. Âm mưu của họ là sử dụng sức mạnh chính trị để thao đoạt chứ chưa cần dùng đến vũ lực quân sự. Tuy lúc đầu là vậy, nhưng dần dần trước những đòi hỏi của tình hình, họ đã phải sử dụng đến vũ lực quân sự bản xứ, và họ đã thành công không ít vì đã tạo được một lực lực chính trị để làm bàn đạp thuận cho sự phát triển các lực lượng quân sự.

Tóm lại trước tiên, người Pháp đã lợi dụng những thành phần cộng tác cũ bản xứ thành lập những lực lượng quân sự đầu tiên, phôi thai nhưng lại tiềm tàng một sức mạnh lợi hại vô cùng để chống lại Việt Minh.

b. Căn nguyên thứ hai — Việt Minh xô đẩy đảng phái quốc gia về phía Pháp.

Không những thế, một vũ lực khác chống lại Việt Minh cùng lúc đã được phát sinh, đây là những lực lượng thuộc các đảng phái quốc gia. Ban đầu các lực lượng này đã kết hợp với chính phủ Việt Minh để thành lập một chính phủ liên hiệp, nhưng Việt Minh bởi bản chất chỉ là một đảng cộng sản trá hình, nên đã không có lòng thành thực để tạo thế đại đoàn kết dân tộc trong việc chống giặc. Việt Minh chỉ tạo dựng một sự kết hợp giả tạo, theo giai đoạn, không những vậy còn tìm cách tiêu diệt các đảng phái đối lập bằng đủ mọi cách để nắm quyền lãnh đạo độc tôn, đảng trị.

Bởi vậy, giữa các đảng phái quốc gia và mặt trận Việt Minh đã có những sự chia rẽ trầm trọng, hiển nhiên của địch.

Từ những chia rẽ này, với những giải pháp đẫm máu của Việt Minh, những người quốc gia phải lui vào nương tựa vào những vùng đất kiểm soát của Pháp hay bôn ba ra hải ngoại ẩn náu, để tránh khỏi bị tiêu diệt và tìm cơ hội cứu quốc khác.

Sau này, khi giải pháp Bảo Đại ra đời, những người quốc gia đã kết hợp nhau lại thành một mặt trận chống Cộng rất mạnh. Đây là một vũ lực chính trị chính thức đã kết tạo nên quân đội quốc gia.

c. Căn nguyên thứ ba — Việt Minh đẩy các lực lượng tôn giáo đứng về hàng ngũ chống Cộng.

Một lực lượng khác nữa chống Việt Minh không kém phần quan trọng, đó là các lực lượng tôn giáo cho rằng mặt trận Việt Minh không phải là một tập đoàn cứu quốc, mà chỉ là một tập đoàn cộng sản có tôn chỉ trái ngược với tôn giáo, nhất là với những người công giáo ít ai theo Việt Minh, họ đã ra mặt chống đối bằng cách khuyến khích thanh niên công giáo gia nhập các lực lượng võ trang chống Cộng. Các giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo ở Nam Việt cũng rời khỏi mặt trận Việt Minh, vì Việt Minh được coi như một tổ chức vô thần, không thể chung sống và sát cánh với những người có tư tưởng hữu thần được.

Tất cả những lực lượng tôn giáo này đã bắt nguồn từ chính giữa lòng dân chúng và đã chống Cộng rất mạnh. Đây là một lực lượng tinh thần đáng kể, là một tiềm lực mạnh mẽ trong việc cấu tạo nên sức mạnh cho quân đội quốc gia.

d. Căn nguyên thứ tư — Việt Minh xô đẩy những kẻ thù của chế độ vào hàng ngũ quốc gia.

Chế độ Việt Minh áp dụng bạo lực để duy trì guồng máy lãnh đạo. Tất cả những thành phần như địa chủ, tiểu tư sản và trí thức không hợp tác, đều được coi như là những thành phần chống đối hay là phản động, bị theo dõi, cô lập, giam cầm hay thủ tiêu.

Bởi vậy những thanh niên thuộc các thành phần này dù có cảm tình với kháng chiến, trước sau cũng phải rời bỏ hàng ngũ Việt Minh.

Chính sách bạo lực của Việt Minh đã gây cảnh chém giết trong các chiến dịch diệt tề và diệt phản động. Sự kiện ấy đã sinh ra cho các thân nhân, con cháu của các nạn nhân do Việt Minh giết và thủ tiêu càm phẫn đến tột độ.

Tất cả những người này trở thành kẻ thù của chế độ vô sản bạo lực, trong đó kể cả những người không thích Việt Minh, nhưng

người đánh thuê vì mưu sinh. Tất cả hợp thành một vũ lực để cộng tác vào sự thành hình và sức mạnh của quân đội quốc gia.

3. CƠ HỘI KẾT HỢP CÁC VŨ LỰC CHỐNG CỘNG THÀNH MỘT TỔ CHỨC QUÂN SỰ DUY NHẤT.

Tất cả những vũ lực trên, từ những căn nguyên phát xuất đã được trình bày, chỉ chờ đợi cơ hội khả hữu kết hợp lại thành một tổ chức quân sự duy nhất, biến thành một sức mạnh tự tồn nếu không muốn bị cộng sản tiêu diệt, hơn thế nữa, để có thể chống Cộng một cách tích cực và hữu hiệu.

Tổ chức quân sự duy nhất nay được mệnh danh là quân đội quốc gia, là một vũ lực chống lại quân đội của Việt Minh được coi là tay sai của cộng sản quốc tế.

Như trên đã nói, những vũ lực này đã có cơ hội quy tụ xung quanh giải pháp Bảo Đại, một giải pháp được lộ dạng năm 1948, thành hình năm 1949. Giải pháp này do bàn tay của Pháp tạo dựng khi đã thất bại trong các kế hoạch quân sự tái chiếm thuộc địa và cũng như trong các cuộc điều đình với Việt Minh tiếp đó. Bảo Đại thoái vị vào mùa thu năm 1945 để sau đó làm cố vấn cho chính phủ Việt Minh. Ông đã thoát sang Tàu để rồi về cộng tác với Pháp chống lại Việt Minh. Bảo Đại cho rằng : « Việt Minh là một chế độ cộng sản quốc tế không phù hợp với truyền thống cổ truyền của dân tộc Việt Nam». Ông chủ trương kiến tạo một giải pháp quốc gia trong lập trường chống Cộng ; giải pháp Bảo Đại vì vậy là đầu mối kiến tạo quân đội quốc gia, một giải pháp tạm thời kết hợp với Pháp được xem là ít nguy hiểm để chống lại Việt Minh.

Viễn ảnh của một cuộc chiến tranh lâu dài được đánh dấu từ năm 1950, khi chính quyền quốc gia tổng động viên nhân lực bành trướng chiến tranh và khuếch trương quân đội. Việc khuếch trương quân đội quốc gia, ngoài sự yểm trợ của Pháp còn được sự hỗ trợ bằng viện trợ quân sự của Mỹ. Bởi vậy, ta không thể coi đây là một biến cố tầm thường, mà chính thực rất là quan trọng. Quả vậy, việc khuếch trương quân đội qua ngả tổng động viên đã làm cho tính chất bán thuộc của quân đội này tan biến và đã thể hiện lên tinh thần của một quân đội kết hợp bởi mọi thành phần trong xã hội quốc gia chống cộng.

4. SỰ THÀNH HÌNH CỦA QUÂN ĐỘI QUỐC GIA.

Quân đội quốc gia đã phát nguồn từ những căn nguyên hết sức phức tạp như ở trên, kể từ khi Pháp trở lại tái chiếm Đông Dương. Với những căn nguyên như thế, tổ chức quân đội quốc gia đã được thành hình dần, qua một tiến trình nhiều giai đoạn.

Vào đầu năm 1946, viên tướng Leclerc là tổng tư lệnh quân đội Pháp nghĩ đến việc tổ chức một quân đội cho liên bang Đông Dương, nhằm tăng cường và củng cố các vùng đang và sẽ chiếm. Liên bang Đông Dương theo Leclerc gồm 5 xứ : Bắc, Trung, Nam Kỳ, Ai Lao và Cao Mên. Mỗi xứ này sẽ có một quân đội riêng để giữ an ninh và khi hữu sự sẽ sử dụng chung trong khắp liên bang, nhưng đặt dưới quyền chỉ huy của sĩ quan cao cấp Pháp. Như vậy, có nghĩa là, lúc đầu Pháp chỉ muốn lập những đơn vị bảo an cho mỗi xứ vì cho rằng việc tái chiếm Đông Dương sẽ dễ dàng. Các đơn vị bảo an này cũng vì như những đơn vị lính khố xanh lúc trước, nhưng về mặt tổ chức, Pháp có thể nới rộng bằng việc đặt ra những sĩ quan người Việt để chỉ huy, hầu tạo một bộ mặt mới, che dấu chính sách thuộc địa mà Pháp vẫn muốn tái duy trì. Như vậy, từ khi khởi chiến tại Nam Việt vào mùa thu năm 1945 cho tới năm 1946 chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ rằng Pháp đã có thiện chí muốn lập quân đội quốc gia.

Đến đầu năm 1947, Pháp chiếm được Nam Việt, một phần lớn của Trung và Bắc Việt, cảm thấy chỉ chiếm đóng được tại các thành phố và thị trấn, còn các vùng nông thôn, Pháp không làm sao kiểm soát được và tại đây cuộc chiến đã diễn ra mỗi ngày một ác liệt.

Thủ tướng Pháp lúc bấy giờ là ông Ramadier thấy rằng nếu cứ tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh theo chính sách quân sự của cao ủy d'Argenlieu, sẽ tốn kém mà lại khó thành công trước cao trào kháng Pháp của dân tộc Việt Nam. Ramadier nghĩ tới phải dùng một giải pháp chính trị thực sự để giải quyết toàn bộ cuộc chiến tranh Đông Dương. Nói đến một giải pháp chính trị thì trước đó Pháp chủ trương thương thuyết với chính phủ Hồ Chí Minh. Nhưng Pháp không thực tâm trong việc thương thuyết, mà chỉ lấy đó làm một giải pháp để quan hòa miền Bắc ! Pháp vừa thương thuyết lại vừa tìm cách gây hấn để lấn át. Bởi vậy, cuộc chiến tranh toàn quốc ngày 19-12-1946 đã bùng nổ.

Tháng 4 năm 1947, tại Ba Lê, Ramadier

tuyên bố sẵn sàng cho các dân tộc Đông Dương được hưởng độc lập, có « quân đội» và ngoại giao trong khuôn khổ liên bang Đông Dương. Qua sự tuyên bố này, thủ tướng Pháp Ramadier tỏ ra ý muốn nối tiếp lại cuộc thương thuyết với Việt Minh.

Đây là lần đầu tiên, Pháp ý niệm hình thành một quân đội thuộc người Việt Nam xuyên qua một giải pháp chính trị.

Việt Minh đã hưởng ứng ngay, nên Pháp đã cử ông Bollaert sang thay thế thủy sư đô đốc d'Argenlieu ở chức vụ cao ủy Đông Dương, để tìm một giải pháp chính trị có lợi cả cho Pháp lẫn Việt. Các cuộc tiếp xúc với Việt minh không có kết quả vì hai bên nghi ngờ thiện chí của nhau, không chịu nhượng bộ.

Do đó, Bollaert quay sang kiếm một giải pháp quốc gia, tiếp xúc với cựu hoàng Bảo Đại tại Hồng Kông. Qua sự vận động của Pháp và các chính khách quốc gia Việt Nam, ông Bảo Đại chấp nhận việc thương thuyết với Pháp. Đây là thời kỳ lò dạng giải pháp Bảo Đại và là dấu đề cho việc thành lập một « quân đội quốc gia » chống Cộng.

Hiệp định Hạ Long ký ngày 5-6-1948 giữa Bollaert và cựu Hoàng trên tàu Duguay Trouin, trong đó, Pháp công nhận Việt Nam là nước độc lập và để nước này thực hiện lấy sự thống nhất của mình một cách tự do, và ngược lại, Việt Nam tuyên bố gia nhập Liên Hiệp Pháp. Xuyên qua hiệp định này, một chính phủ trung ương lâm thời Việt Nam thành lập ; các nhà lãnh đạo Việt-Pháp sẽ cùng nhau hợp tác thành lập các tổ chức thuộc mọi lãnh vực cho chính phủ trung ương, trong đó có việc *« tổ chức quân đội »*. Như vậy, với hiệp định này, việc tổ chức quân đội quốc gia được chính thức đề cập.

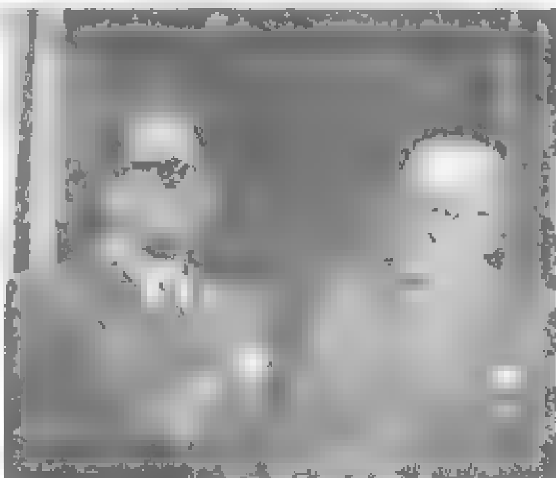
Lúc đó, ông Bảo Đại không về nước, lại sang Pháp lo điều đình trực tiếp với chính phủ Pháp. Chính phủ trung ương lâm thời do Ông Nguyễn văn Xuân được cựu hoàng chỉ định làm thủ tướng ra đời nhằm chuẩn bị cho việc thu hồi nền độc lập và sự thống nhất quốc gia.

Chính phủ trung ương lâm thời lúc đó không có quyền hành gì, vì các giới chức Pháp tại Đông Dương chỉ chấp thuận một chính phủ thống nhất sau khi có sự biểu quyết của quốc hội Pháp.

Chính phủ trung ương lâm thời cũng chỉ là [illegible] chuyển tiếp, phát xuất từ chính phủ Nam Kỳ [illegible] và thành phần nội các đều bao gồm những nhân vật quan trọng của chính phủ này. Nếu căn cứ từ chính phủ Nam Kỳ tự trị, thì một quân đội đối nghịch lại với Việt Minh đã được bắt nguồn từ khi chính phủ này thành lập do ông Nguyễn văn Thinh làm thủ tướng kể từ ngày 3-6-1946, ông Nguyễn văn Xuân, phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng. Nội các kế tiếp thành lập ngày 1-12-1946 do ông Lê văn Hoạch làm thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng. Trong quãng thời gian này, xứ Nam Kỳ tự trị được mệnh danh là nước Cộng Hòa Nam Kỳ. Do đó, vào năm 1946, trong việc thiết lập cơ chế mới, Pháp đã khai sinh ra một lực lượng võ trang gọi là vệ binh Cộng Hòa Nam Kỳ (Garde républicaine de la Cochinchine). Vào năm 1947, Pháp thiết lập được hội đồng an dân tại Bắc Việt và hội đồng chấp chánh tại Trung Việt. Và từ những hội đồng này, bắt nguồn khai sinh ra các lực lượng võ trang địa phương.

Tất cả những lực lượng này hết sức rời rạc, chỉ có vệ binh Cộng Hòa Nam Kỳ là được tổ chức khá quy củ. Tóm lại, từ trước khi có chính phủ trung ương lâm thời, Pháp đã tạo ra những lực lượng võ trang bản xứ rất phức tạp.

Hiệp định Hạ Long chỉ là để tiến tới một thỏa hiệp chính thức với Pháp. Mãi tới ngày 8-3-1949, hiệp định Auriol — Bảo Đại mới được ký kết giữa tổng thống Pháp và cựu hoàng Bảo Đại, để chính thức công nhận nước Việt Nam độc lập và thống nhất.



Cựu hoàng Bảo Đại và tổng thống Pháp Vincent Auriol.

Với hiệp định này, việc thành lập *« quân đội quốc gia »* mới được chính thức bắt đầu.

Cựu hoàng về nước ngày 28-4-1949, mãi tới 20-7-1949 ông mới thành lập tân nội các do ông làm quốc trưởng kiêm thủ tướng chính phủ. Ông Nguyễn văn Xuân là phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng. Tuy vậy, ông Nguyễn văn Xuân đảm trách các công việc của thủ tướng, đối với chức vụ tổng trưởng quốc phòng, ông không quan tâm mấy. Vì thực ra, từ những chính phủ trước đó đều có bộ quốc phòng, nhưng bộ này cũng chẳng làm được việc gì cả vì tất cả các quyền hành chính trị cũng như quân sự đều ở trong tay người Pháp.

Tuy nhiên, việc thành lập một quân đội cho người Việt được bắt đầu từ đây để khoác cho nó một danh nghĩa chiến đấu phù hợp theo đường lối chính trị mà người Pháp đang theo đuổi. Nhưng sự việc đã diễn ra rất chậm.

Cao ủy Bollaert, mệnh danh là sứ giả hòa bình và điều đình chính trị ra đi và được thế bằng tân cao ủy Pignon, một chính khách vẫn chủ trương một chính sách thuộc địa quá khích, nghĩa là chiếm Đông Dương bằng biện pháp bạo lực trừ tiên.

Cựu hoàng trở về cùng với giải pháp chính trị của ông, bị Pignon lợi dụng để theo đuổi một cuộc chiến tranh thuộc địa.

Vì vậy Bảo Đại đã biến thành người cầm đầu cho một chế độ chống Cộng dưới nhãn hiệu « *Việt Nam Quốc Gia* ». Tất cả những địa vị then chốt của quốc gia đều do người Pháp thao túng cả, ông không có một đảng phái, một phong trào và một quân đội nào để hậu thuẫn cho đường lối hành động của mình.

Chính tác giả Pháp Phillipe Devillers trong cuốn « Histoire du Việt Nam 1940-1952 » đã viết « xung quanh ông chỉ là một bọn nịnh thần, bọn tham danh và tiền bạc ... ». Theo hồi ký của trung tướng Trần văn Đôn trong tập « Việt Nam qua 20 năm biến cố » ông Đôn đã nhiều lần được gặp quốc trưởng Bảo Đại vào hồi đó và trong một lần yết kiến của ông, cựu hoàng đã thổ lộ :

« *Các anh còn trẻ và có vẻ hăng lắm ! nhưng nếu các anh đứng vào địa vị của tôi thì các anh cũng sẽ thấy khó xử vô cùng. Thực ra tôi đã nghiên cứu rất kỹ phiếu trình của ông Xuân về dự án kế hoạch tổ chức quân đội mà anh đã trình tôi năm ngoái (1949) tại Dalat. Tôi đã chấp thuận trên nguyên tắc và đã thảo luận với chính phủ Pháp. Riêng tôi, tôi vẫn mong muốn thành lập được một quân đội cho quốc gia, nhưng nhiều người đã nói với tôi rằng : trong lúc này chưa nên bành trướng quân đội đó, vì nó sẽ rất nguy hại cho quốc gia khi chúng ta chưa đem lại một lý tưởng chiến đấu cho những đơn vị đó và trong trường hợp đó, binh sĩ sẽ đào ngũ tập thể sang hàng ngũ đối phương. Chúng ta chưa gây được niềm tin tưởng trong quần chúng thì làm sao chúng ta có thể gây được niềm phấn khởi và đem lại tinh thần chiến đấu cho binh sĩ được ? Chúng ta chưa có đầy đủ cấp chỉ huy. Nếu nói là quân đội của ta, mà cấp chỉ huy lại toàn là người Pháp, mà lại do các bộ tư lệnh Pháp sử dụng thì tất nhiên ta mặc nhiên công nhận cái tính chất đánh thuê của quân đội ta, và như vậy, thì làm sao quân đội có được lý tưởng và có hậu thuẫn quần chúng* ».

Sống trong mặc cảm như thế, Bảo Đại đã thi hành nhiệm vụ cứu quốc bằng một biện pháp quá tiêu cực. Do đó, dư luận quần chúng đã tỏ ra dè dặt đối với ông, khiến bản hiệp ước Elysée (8-3-1949) do ông ký kết với tổng thống Pháp đã không tạo được uy tín cho ông trước quốc dân, vì vậy, ông đã trở nên một người trầm lặng, thường sống tại miền Cao nguyên. Tuy ghét Việt Minh nhưng ông không chịu tuyên chiến với họ, và tất cả những vấn đề về quốc gia đều không được ông tích cực tham gia. Vấn đề chính của ông là cụ thể hóa tất cả những điều người Pháp dành cho người Việt, và tạo nên một chính phủ thuần túy Việt Nam với đầy đủ các quyền hạn để có một chính quyền quốc gia thực sự tự lập, được sự kính trọng của quốc dân và sự hợp tác của kháng chiến. Nếu được như thế, chính quyền Bảo Đại sẽ luôn luôn gây khó cho Pháp. Tất nhiên, cao ủy Pignon không bao giờ muốn một đường lối như thế, vì sợ rằng không nắm được người Việt. Ông Pignon đã thẳng thắn tuyên bố vào tháng 5 năm 1949 là chủ quyền của quốc gia này chỉ có thể chuyển giao cho một chính quyền mà Pháp hoàn toàn tín cẩn.

Trong việc thành lập các nội các liên tiếp, ta thấy sự cố gắng của ông Bảo Đại được thể hiện như sau : thành lập nội các Nguyễn văn Xuân (1 trung tướng của Pháp) để phục hồi sự thống nhất ba kỳ, kế đó, thay bằng nội các Nguyễn Phan Long, một nhân sĩ viết báo có uy tín với Hoa Kỳ, để tiếp xúc thẳng được với quốc gia này. Nhưng chính phủ Long bị Pháp can trở nên không thể hoạt động được như ý muốn. Vấn đề thành lập quân đội quốc gia theo như chiều hướng của quốc trưởng Bảo Đại không thể thực hiện được, vì lẽ này.

Vào cuối năm 1949, một biến chuyển quốc tế ảnh hưởng đến Việt Nam. Quân cộng sản của Mao Trạch Đông thắng thế quân đội Trung Hoa quốc gia và tiến sát biên giới Việt Hoa. Sự thắng thế này đã giúp cho Việt Minh về nhiều phương diện. Mặt trận Việt Minh là một đảng cộng sản kháng Pháp núp dưới danh nghĩa quốc gia, trước sự thắng thế của cộng sản Trung Hoa, đã rõ rệt ngả theo phe Cộng để được giúp đỡ tích cực. Ngày 16-1-1950, chánh phủ Việt Minh được Trung Cộng công nhận, sau đó ngày 30-1-1950 vì không muốn mất ảnh hưởng chính trị đối với nước đàn em, Nga cũng công nhận theo. Các sự kiện này đã làm Việt Minh mất hẳn vai trò kháng chiến dân tộc, lại mất dịp tìm hòa bình bằng cách điều đình với Pháp và chính phủ Bảo Đại, và đã khiến cho thế giới tự do công nhận mau lẹ chính phủ của cựu hoàng, dẫu rằng lúc đó chưa có thực quyền.

Do đó, Việt Nam đã biến thành một khu vực tranh chấp giữa ảnh hưởng của hai khối cộng sản và tự do, không thể nào cứu vãn được.

Để đáp ứng với tình thế và trước áp lực của Pháp, cựu hoàng Bảo Đại bắt buộc phải thay thế nội các Nguyễn Phan Long bằng nội các do ông Trần Văn Hữu làm thủ tướng. Ông này là một nhân vật được Pháp rất tin cậy, nên đã được mời giữ quyền điều hoạt động của quốc gia trong một thời gian rất lâu.

Nội các mới được thành lập ngày 6-5-1950, ông Trần Văn Hữu làm thủ tướng chánh phủ. Công việc đầu tiên của ông là xúc tiến việc thành lập quân đội quốc gia đã bị trở ngại đối với chính phủ trước. Việc thành lập quân đội của ông được chuẩn y rất mau tại quốc hội Pháp ngày 11-3-1950, ngày được coi là chính thức được chính giới Pháp hoan nghênh việc thành lập quân đội quốc gia Việt Nam.

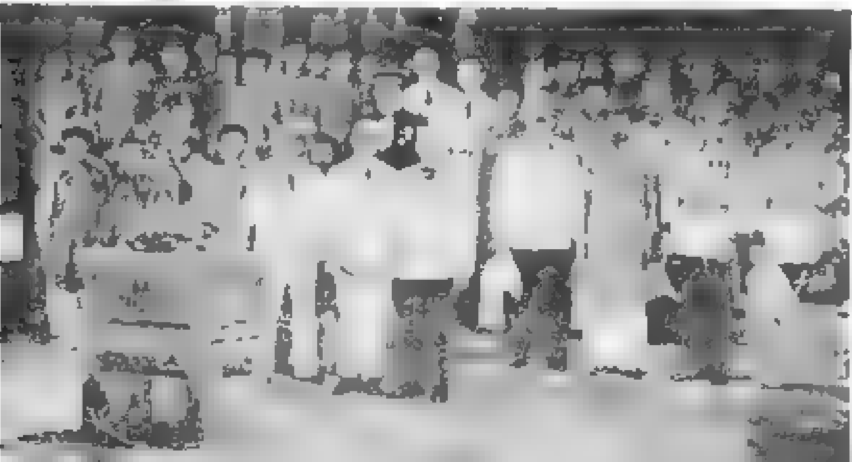
Trước đà tiến triển của tình hình, người Mỹ gián tiếp can thiệp vào việc Đông Dương, người Pháp kiệt quệ, đã phải chấp nhận với công cuộc Việt hóa chiến tranh. Từ đó, vai trò của quân đội quốc gia đã được đặc biệt chú ý, và được đặc biệt gia tăng phát triển, để đối đầu với làn sóng đỏ đang lan tràn xuống khắp miền bán đảo Đông Dương.



Hoàng tử Vĩnh Thụy (Bảo Đại) đang du học tại Pháp.



Vua Bảo Đại và toàn quyền Pierre Pasquier cùng các quan đứng trước điện Thái Hòa (1932).





Từ Cung thái hậu đang được thủ tướng Trần văn Hữu chúc thọ (1952).

Nam Phương hoàng hậu và hoàng gia dự lễ Trung thu tại Huế (1952).



Quốc trưởng Bảo Đại tiếp các sĩ quan cao cấp do thủ tướng Nguyễn văn Tâm trình diện. Từ phải sang trái : các đại tá Lê văn Tỵ, Hoàng văn Tỷ, Đỗ Lộc, Trần văn Đôn, Nguyễn ngọc Lễ .



CÁC DIỄN TIẾN TRONG VIỆC HÌNH THÀNH QUÂN ĐỘI QUỐC GIA

— THỜI KỲ BÁN THUỘC

GIAI ĐOẠN SƠ KHAI (1946-49)
GIAI ĐOẠN CHÍNH THỨC THÀNH HÌNH (1950-52)
GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN (1953-54)

— THỜI KỲ ĐỘC LẬP

GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP (1954-55)
GIAI ĐOẠN ĐỘC LẬP (1956 TRỞ ĐI. .)

CÁC DIỄN TIẾN TRONG VIỆC HÌNH THÀNH QUÂN ĐỘI QUỐC GIA

QUÂN đội quốc gia được hình thành từ năm 1946, nhưng chính thức thành lập từ ngày 11-5-1950. Kể từ ngày thành lập này đến hiệp định Genève, quân đội vẫn lệ thuộc quân đội Pháp và được gọi là QUÂN ĐỘI QUỐC GIA VIỆT NAM, mãi tới năm 1955, dưới nền Đệ Nhất Cộng Hòa, quân đội này mới thoát khỏi ảnh hưởng của Pháp, được đổi là QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Đối với quãng thời gian từ 1946 đến 1955, quân đội quốc gia còn trong tình trạng phôi thai và sự hình thành đã được diễn tiến dưới những thời kỳ và giai đoạn như sau

THỜI KỲ BÁN THUỘC

— 1946-1949 giai đoạn sơ khai
— 1950-1952 giai đoạn chính thức thành hình
— 1953-1954 giai đoạn phát triển

THỜI KỲ ĐỘC LẬP

— 1954-1955 giai đoạn chuyển tiếp
— 1956- . . giai đoạn độc lập.

A. QUÂN ĐỘI QUỐC GIA DƯỚI THỜI BÁN THUỘC

I. GIAI ĐOẠN SƠ KHAI (1946-1949).

△ 1946 :

Ngày 1-10-1946, Pháp khai sinh Vệ binh Cộng Hòa Nam kỳ. Đây là lực lượng đầu tiên của chính phủ Nam kỳ tự trị. Ngoài lực lượng này, Pháp cũng tổ chức những lực lượng quân sự khác như phụ lực quân, địa phương quân, hương dũng, hương vệ để tăng cường cho đoàn quân viễn chinh. Đoàn quân viễn chinh còn được sự hợp tác của những quân nhân thuộc địa người Việt từ Pháp theo về và ở trong nước khi Pháp tới tái chiếm.

Ngày 15-7-1946, Pháp bắt đầu tăng thêm cấp chỉ huy người Việt bằng cách mở khóa Liên quân Viễn Đông tại Dalat.

△ **1947 :**

Ngày 8-1-1947, một nhóm giáo phái của binh đội Cao Đài Nguyễn văn Thành trở về hợp tác.

Ngày 15-3-1947, đám binh đội của ông Trần văn Soài về hợp tác. Pháp đã sử dụng các binh đội giáo phái trở về này theo quy chế của Vệ binh Cộng Hòa Nam kỳ. Quy chế vệ binh và phụ lực quân lúc đó đều giống nhau.

Ngày 12-4-1947, Hội đồng chấp chánh Trung phần thành lập cũng là ngày Bảo vệ quân Huế ra đời, do ông Trần Thanh Đạt sáng lập, sau đó ông Trần Văn Lý chủ tịch Hội đồng chấp chánh phát triển lực lượng này.

Tháng 7, một nhóm thanh niên công giáo do Le Roy tổ chức ở làng Bình Đại, đã thành lập ra các toán biệt kích đạo U M D C.

Tóm lại, quân nhân người Việt trong năm 1947 có 15.000, bao gồm từ vệ binh tới hương dũng.

△ **1948**

Tháng 7, một lực lượng địa phương miền Bắc là Bảo chính đoàn thành lập. Trong khi đó để phù hợp với tình thế mới, quốc gia tổ chức thành một chế độ hành chánh phân quyền tại ba kỳ. Bảo vệ quân Trung Việt cải thành Việt binh đoàn, Vệ binh Cộng Hòa Nam kỳ cải thành Vệ binh Nam Việt.

Ngày 1-12-1948, mở đầu việc đào tạo chính thức các sĩ quan cho một quân đội quốc gia đang được thiết lập, khóa sĩ quan hiện dịch đầu tiên mở ở Huế.

Tháng 12, đến lượt binh đội Bình Xuyên của ông Lê văn Viễn về hợp tác, đặc biệt là Bình Xuyên được giao quyền kiểm soát khu Saigon — Chợlớn, để loại trừ các phần tử khủng bố và kinh tài của Việt Minh. Bình Xuyên còn được giao cả quyền kiểm soát khu Rừng Sát để bảo vệ thủy trình từ biển vào thương cảng Saigon.

△ **1949 :**

Ngày 13-4-1949, ngày đánh dấu việc chính thức hóa các vệ binh thành quân đội chính quy được hưởng quy chế lương bổng của quốc gia, nghĩa là có lương bổng cao hơn lương của phụ lực quân rất nhiều. Các vệ binh được hưởng là Vệ binh Nam Việt, Việt binh đoàn, Bảo chính đoàn và Vệ binh sơn cước. Tất cả lực lượng này đặt dưới một danh hiệu chung là « Vệ binh quốc gia ».

Ngày 1-10-1949, ba tiểu đoàn bộ binh Việt Nam đầu tiên là các Tiểu đoàn số 1, 2 và 3 được thành lập, đánh dấu quân đội từ giai đoạn phụ lực và vệ binh đã bước sang giai đoạn chính quy.

Tháng 10, ngoài sự khuếch trương việc huấn luyện và đào tạo cán bộ chỉ huy ở trong nước, một vài sĩ quan Việt đầu tiên du học qua Pháp.

Tóm lại, giai đoạn sơ khai là lúc quân đội quốc gia đã có nhưng ở trong một tình trạng chưa rõ rệt. Cuối năm, quân đội có tới 45.000 người.

2. GIAI ĐOẠN CHÍNH THỨC THÀNH HÌNH (1950 - 1959)

△ **1950 :**

Ngày 18-1-1950, ông Phan Huy Quát được chỉ định làm tổng trưởng quốc phòng. Lần đầu tiên, ông có sáng kiến cổ võ tinh thần quân đội bằng cách cho xuất bản một tờ báo quân đội là tờ « Gươm thiêng », báo này xuất bản đầu tháng ba, chỉ ra được tám số rồi vì thiếu phương tiện tài chính, phải đình bản. Ít lâu sau, xuất bản tờ « Chiến sĩ » cũng chỉ được ít bữa thì chết. Tới tháng 6-1951, tờ « Đà Lạt tiến », một tập san của trường này ra đời cũng chết ngay. Mãi đến năm 1952, tờ « Le Journal Quân đội » ra đời cũng không được bao lâu.

Ngày 24-4-1950, hoạt động chính trị bám rễ vào quân đội, ông Phạm Công Tắc, hộ pháp giáo hội Cao Đài chuyển giao thẩm quyền chỉ huy tối cao quân đội Cao Đài cho quốc trưởng Bảo Đại. Cũng cần kể, các binh đội Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên tuy về hợp tác nhưng được sinh hoạt riêng biệt với những món tiền trợ cấp được đài thọ.

Ngày 11-5-1950, quốc hội Pháp mới chấp thuận cho Việt Nam được thành lập quân đội do lời đề nghị của thủ tướng Pháp. Cùng trong ngày tại Việt Nam, thủ tướng Trần văn Hữu tuyên bố thành lập quân đội quốc gia chống Cộng. Thủ tướng chính phủ đặt kế hoạch thành lập một quân đội bao gồm

60.000 người, với một nửa là chính quy và một nửa là phụ lực quân. Nhiệm vụ đầu tiên của quân đội là bình định và gánh vác một phần nhiệm vụ tác chiến thay thế quân Pháp.

Tháng 6, những đồ viện trợ quân sự của Mỹ được chính thức thông báo cho quân đội Việt Nam.

Ngày 15-9-1950, các trường võ bị địa phương tại các miền Bắc Trung Nam được thành lập, để đào tạo cán bộ cho các đơn vị bộ binh trực thuộc mỗi miền. Các trường thiếu sinh quân của mỗi miền quân sự cũng được lần lượt thành hình.

Ngày 1-10-1950, trường Võ bị Liên quân Đalat là hậu thân của trường sĩ quan hiện dịch Huế được thành lập, và cũng là trường đào tạo và tiếp nối theo kiểu khóa Liên quân Viễn đông đã được mở từ năm 1946 tại đây.

Ngày 8-12-1950, nhằm để ấn định chiến phí giữa hai chính phủ Việt Pháp, một thỏa ước quân sự đã được ký kết buộc Việt Nam phải chịu 40% ngân sách quốc gia, phần còn lại do Pháp chịu.

Cuối năm 1950, quân đội quốc gia có 65.000 người.

△ 1951 :

Tháng 1, sau thất bại Cao-Bắc-Lạng, tướng de Lattre tự nhận lãnh đạo một đạo quân chống lại chủ nghĩa cộng sản đang đe dọa nhuộm đỏ Đông Dương và cả miền Đông Nam Á. Không những ông can thiệp chính phủ Pháp tăng [illegible] quân đội quốc gia bằng [illegible] lập thêm [illegible] Quân Việt Nam. Ngoài ra để đối phó với du kích Việt Minh, lần đầu tiên de Lattre cho võ trang cho thanh niên nông thôn tại những nơi nào mà dân chúng tích cực chống Cộng. Việc phát triển quân lực Việt Nam lúc này cũng là mục đích của người Mỹ. Họ muốn làm sáng tỏ hơn chất [illegible] bằng cách buộc Pháp phải thay đổi chính sách mập mờ trao lại toàn vẹn chủ quyền cho các quốc gia Đông Dương và để từ đó, cuộc chiến đang theo đuổi sẽ trở thành cuộc chiến chống cộng [illegible].

Quốc trưởng Bảo Đại vào Saigon dự lễ Hưng quốc Khánh niệm (5-6-1951)



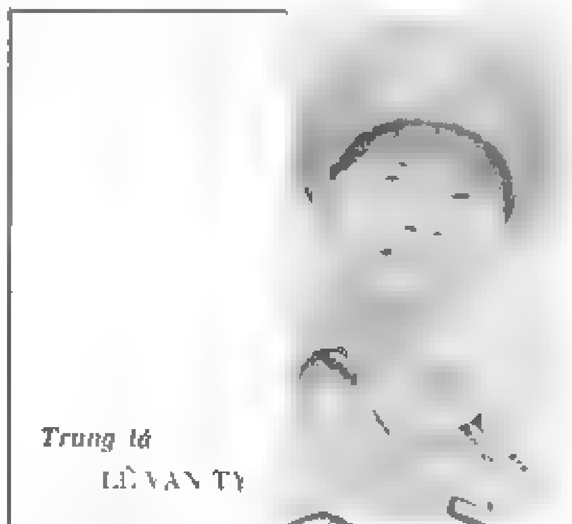
Ngày 5-5-1951, Bộ Quốc phòng mới thật sự thành hình với một số những cơ cấu đầu tiên được thành lập, tuy rằng trên hình thức Bộ này đã được khai sinh từ khi có chánh phủ trung ương lâm thời Nguyễn văn Xuân.

Ngày 6-6-1951, để kỷ niệm lễ Hưng Quốc Khánh Niệm, một cuộc duyệt binh sau bao nhiêu năm vắng bóng đã được cử hành lần đầu tiên tại Saigon. Cuộc duyệt binh này được đặt dưới sự chủ tọa của quốc trưởng Bảo Đại. Một thành phần tiêu biểu cho các đơn vị và quân trường của Việt Nam đã có ở miền Nam tham dự như sau:

- Dàn nhạc của đơn vị danh dự vệ binh (G.A.E.H)
- Chỉ huy tổng quát : trung tá Lê văn Tỵ
- Quân kỳ của trường Võ bị Liên quân Đà Lạt
- Hai đại đội sinh viên sĩ quan Đà Lạt
- Trường Võ bị địa phương của Nam Việt
- Trường Thiếu sinh quân
- Quân kỳ của đơn vị danh dự vệ binh Nam Việt
- Một đại đội Danh dự
- Một đại đội Nhảy dù
- Một đại đội TĐ 3 VN
- Một đại đội TĐ 5 VN
- Một đại đội TĐ 1 VN
- Một đại đội TĐ 13 VN
- Một đại đội TĐ 19 VN
- Một đại đội TĐ 21 VN
- Một đại đội Vệ binh Nam Việt
- Một đại đội Hòa Hảo
- Một đại đội Cao Đài
- Một đại đội Bình Xuyên
- Một đại đội phụ lực quân
- Trường đào tạo hạ sĩ quan Biên Hòa
- Một toán cứu hỏa Saigon
- Một chi đoàn thiết giáp xa

Trong thành phần diễn binh này, có cả những đơn vị hoàn toàn của Pháp như trường hạ sĩ quan Biên Hòa và chưa hoàn toàn thuộc Việt Nam như nhảy dù và thiết giáp.

Tháng 7, [illegible] động viên được ban hành theo dụ số [illegible] ngày 15-7-1951, gọi khóa đầu tiên sĩ quan trừ bị và 60.000 thanh niên nhập ngũ. Những thanh niên này sau khi phải chịu một sự thụ huấn kéo dài hai tháng đã được tạm thời về nhà đợi lệnh, còn các sĩ quan trừ bị sau khi tốt nghiệp đã được bổ nhậm ngay tới các đơn vị Việt Nam để lần lần thay thế các sĩ quan Pháp.


Trung tá
LÊ VĂN TỴ

Ngày 1-8-1951, một thỏa ước về viện trợ đã được ký kết giữa tướng de Lattre và thủ tướng Trần văn Hữu, trong đó ấn định các mục đích viện trợ, đường lối chi tiêu và những điều khoản ràng buộc của đôi bên. Pháp bằng lòng giúp quân đội Việt Nam những cán bộ quân sự như sĩ quan và hạ sĩ quan làm nòng cốt cho việc thành lập các đơn vị Việt Nam, cung cấp các chiến cụ và tài trợ cho ngân sách quốc phòng Việt Nam với điều kiện Việt Nam phải gánh chịu 40% ngân sách quốc gia cho chi phí quốc phòng (theo như đã ấn định tại thỏa ước quân sự ngày 8-12-1950).

Ngân phí quân viện Pháp được chi tiêu theo hai ngả: Tiền tại Việt Nam chi tiêu dưới hai hình thức: một phần đặt trong ngân sách quân đội viễn chinh chi tiêu cho quân đội Việt Nam và một phần khác đặt trong ngân sách của Phái bộ quân sự Pháp (Mission militaire française) chi tiêu cho những quân nhân Pháp biệt phái sang quân đội Việt Nam. Tiền tại Pháp tiêu ngay ở bên Pháp, để mua sắm các vật liệu cần thiết cho quân đội Việt Nam (1).

Tới cuối năm, con số quân đội lên tới 110.000 người, đặc biệt là trong năm này, một số lớn những đơn vị binh chủng đã được

đạt nền tảng phát triển, như đơn vị đầu tiên của thiết giáp là Đệ nhất chi đoàn thám thính xa thành lập 1-1-1951, đơn vị đầu tiên của truyền tin là các Đại đội số 1 và 3 thành lập 1-2-1951, đơn vị đầu tiên của vận tải là Đại đội số 1 thành lập 1-5-1951, đơn vị nhảy dù đầu tiên là Tiểu đoàn 1 nhảy dù thành lập 1-8-1951, đơn vị công binh đầu tiên là các Đại đội số 2 và 3 thành lập 1-9-1951, đơn vị pháo binh đầu tiên là Pháo đội 1 thuộc Tiểu đoàn 3 pháo binh thành lập 1-11-1951. Ngoài ra, ngành binh sở thuộc Bộ Quốc phòng, như Nha Quân cụ bắt đầu thành lập một loạt các Đại đội Trung tu, sửa chữa vật liệu số 1, 2, 3, 4 ngày 1-3-1951, và Nha Quân y thành lập Trường Đại Học Y Khoa ngày 1-10-1951. Ngày 1-9-1951, ngành Hiến binh quốc gia thành lập để đáp ứng với việc thi hành các biện pháp động viên nhân lực vào nỗ lực chiến tranh.

△ 1952 :

Tháng 2, sau khi xác định lập trường chống Cộng, quốc trưởng Bảo Đại đã cùng ông Letourneau, bộ trưởng các quốc gia liên kết họp Hội đồng tối cao Việt-Pháp tại Đalat, tăng quân Việt Nam lên 120.000 chính quy và 50.000 phụ lực quân. Cả hai bên quyết định đặt mọi nỗ lực vào việc bành trướng quân lực.

Ngày 11-4-1952, để chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu trường kỳ, chính phủ ban hành chính sách quân sự học đường trên toàn quốc.

Ngày 1-5-1952, Bộ Tổng Tham Mưu quân đội quốc gia thành lập ; kế tới ngày 1-7-1952 các quân khu Việt Nam thành lập với Đệ nhất quân khu tại Nam Việt, Đệ nhị quân khu tại Trung Việt, Đệ tam quân khu tại Bắc Việt và Cao nguyên Bắc, Đệ tứ quân khu tại Cao nguyên Nam. Song song với việc thành lập quân khu, tám sư đoàn Việt Nam được lệnh tạo hình, mỗi quân khu một, riêng các quân khu miền Bắc và miền Nam, mỗi nơi hai, còn sư đoàn thứ tám chưa được ấn định rõ sẽ dành cho nơi nào. Những sư đoàn này có tính cách hư vị, không có bộ tham mưu, đặt tùy thuộc các tư lệnh quân khu nên chẳng ai biết đến. Tiếp đó, Pháp bắt đầu thí nghiệm chuyển giao thẩm quyền lãnh thổ và hành quân cho quân đội Việt Nam, khởi đầu bằng việc trao giao Tỉnh khu Hưng Yên. Việc chuyển giao này đã diễn ra đầu tháng 7 với một số sĩ quan Việt Nam được bàn giao các chức vụ chỉ huy.

Ngày 1-9-1952 các thanh tra binh chủng và binh sở thành lập chiếu theo quyết nghị của Hội đồng tối cao Việt-Pháp họp ở Đalat từ 5-7-1952, trong đó có điều khoản nói rõ rằng các chức quyền thanh tra quân đội Việt Nam được giao phó cho các thanh tra, các tư lệnh lãnh thổ và các chỉ huy trưởng binh chủng binh sở của Pháp nhằm để tổ chức này có những người có khả năng điều khiển.

Cuối năm, quân đội quốc gia có 117.800 người, chia ra 94.520 chính quy và 23.280 phụ lực quân. Giai đoạn chính thức thành hình đã là lúc quân đội có Bộ Tổng Tham Mưu, với một hệ thống chỉ huy từ Bộ Quốc phòng tới quân khu và các đơn vị, trong đó có mặt gần đầy đủ các quân binh chủng binh sở. Tính tới 31-12-1952 có :

— 59 tiểu đoàn bộ binh, trong đó có 2 tiểu đoàn nhảy dù, 2 tiểu đoàn ngự lâm quân và 8 tiểu đoàn sơn cước.
— 6 chi đoàn thám thính xa.
— 1 tiểu đoàn pháo binh và 8 pháo đội biệt lập.
— 6 đại đội công binh chiến đấu.
— 6 đại đội vận tải.
— 6 đại đội truyền tin.
— 8 trung đoàn vệ binh quốc gia, phân thành 10 liên đội và thành 112 đại đội.
— 2 liên đoàn tuần giang biệt lập Nam, Bắc Việt và đoàn tuần giang Trung Việt.
— 191 đại đội phụ lực quân (trong đó có 91 đại đội com măng đô).

Các ngành Không quân và Hải quân bắt đầu phôi thai thành hình qua việc thiết lập quân trường Không quân (4-1952) và quân trường Hải quân (7-1952) tại Nha Trang. Đặc biệt trên đà phát triển các quân binh

(1) Chi phí chiến tranh trong các tài khóa

— Tài khóa 1951

Chi phí tổng quát		4.800.000.000
— Do Pháp	3.040.000.000	
— Do Việt Nam	1.760.000.000	

— Tài khóa 1952

Chi phí tổng quát		7.550.000.000
— Do Pháp	5.590.000.000	
— Do Việt Nam	1.760.000.000	

chủng binh sở. Trung tâm Chiến thuật Hà Nội được thành lập (6-1952) để đào tạo các cấp chỉ huy cao cấp và các trung tâm huấn luyện tại cơ quan kỹ thuật cũng được thành lập (9-1952) để đào tạo các cán bộ và chuyên viên cấp nhỏ.

Những tổ chức này còn phôi thai và còn nằm trong tay các sĩ quan Pháp, tuy nhiên, đây cũng là một cái đà làm sức chuyển mình, để bước sang một giai đoạn khác là giai đoạn phát triển.

3. GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN (1953 – 1954)

A. 1953

Kế hoạch phát triển quân lực năm 1953 được dự trù được những mục tiêu:

1) Bình thường hóa các tổ chức quân sự của miền Cao nguyên (trong 4 quân khu thành lập, riêng Đệ 4 quân khu chưa xong vì người Pháp không muốn giao ngay).

2) Tiếp tục thành lập Sư đoàn 7 Việt Nam (nghĩa là thành lập thêm một số các tiểu đoàn BVN).

3) Tăng cường các tổ chức binh sở cho chương trình lo việc yểm trợ cho các đơn vị.

4) Trên phương diện chỉ huy, xúc tiến thành lập Bộ tư lệnh Đệ 4 quân khu với những thành phần như sau:

— Một đại đội tổng hành dinh
— Một Nha Quân cụ địa phương
— Một Nha Quân y địa phương
— Các Nha Công binh và Truyền tin địa phương.

Kế hoạch phát triển bình thường này dự trù tăng thêm quân số chính quy 16.500, nghĩa là cộng với 94.520, cuối năm 1953 quân số chính quy lên tới 101.020. Nhưng quân số phụ lực quân dự trù rút xuống còn 50.000 người.

Ngày 21-2-1953, trước sự mất gần trọn miền Thái, Pháp đã vận động với Mỹ, và ngày trên, trong một phiên họp của Hội đồng tối cao, hai bên Việt - Pháp quyết định thành lập 54 tiểu đoàn cơm mắm đỏ và 11 đại đội trọng pháo. Mục đích của các sự thành lập này là nhằm dùng các đơn vị cơm mắm đỏ sau đổi là các đơn vị khinh quân, thay thế quân Pháp trong việc bình định, để Pháp có cơ hội rảnh tay tổ chức một binh đoàn lưu động chống với Việt Minh. Pháp gọi kế hoạch thành lập này là kế hoạch phụ (plan supplémentaire) để cho khác với kế hoạch phát triển thông thường được phân biệt là kế hoạch bình thường (plan normal). Kế hoạch phụ dự trù phát triển 100.000 người, trong năm 1953 chỉ sử dụng 40.000 để thành lập theo số lượng các đơn vị nêu trên.

Ngày 1-4-1953, lệnh tổng động viên ban hành lôi kéo các thành phần trước đây đã động viên tái ngũ. Kế hoạch thành lập các đơn vị khinh quân dự trù xong trước năm 1953, bởi vậy việc tổng động viên được chia thành 4 đợt, mỗi đợt 10.000 người theo liên tiếp đợt 1 ngày 1-7, đợt 2 ngày 1-8, đợt 3 ngày 1-9 và đợt 4 ngày 1-10, trù tính các đơn vị tân lập sẽ lần lần tham gia hành quân kể từ tháng 11 trở đi. Kết quả chỉ có một nửa số tiểu đoàn đã thành lập xong trong thời hạn ấn định.

Ngày 1-6-1953, tương tự như Tiểu khu Hưng Yên, Phân khu Mỹ Tho được thành lập do sự chuyển biến từ nhóm Phân khu các tỉnh cũ (Groupe de Subdivisions des vieilles provinces) được Pháp giao lại cho các nhà cầm quyền Việt Nam từ cuối năm 1952, tiếp tới 1-9-1953, Pháp chuyển giao thẩm quyền chỉ huy và hành quân Chi khu Bùi Chu, nơi đây đã diễn ra những trận đánh đẫm máu giữa các tiểu đoàn khinh quân và lực lượng chính quy Việt Cộng.

Ngày 1-9-1953, bốn liên đoàn bộ binh đầu tiên Việt Nam thành lập. Đây là một kế hoạch mới nhằm biến các tiểu đoàn BVN thành các liên đoàn lưu động cho thích ứng với tình hình chiến thuật mới. Kế hoạch dự trù trong các năm 1953-54 thành lập 15 liên đoàn bộ binh trong đó có một liên đoàn nhảy dù. Riêng trong năm 1953 chỉ dự trù thành lập sáu liên đoàn và đã có bốn liên đoàn thành lập xong trong năm.

Cuối năm, quân đội quốc gia gồm có 198.020 người trong đó 151.020 là chính quy và 47.000 là phụ lực quân (so với năm trước giảm trên 6.000 người để chuyển sang lực lượng Liên hiệp Pháp).

Năm 1953 đã có bốn sự kiện đáng ghi nhận:

1) Thứ nhất là việc phát triển các bộ tham mưu, các binh chủng binh sở từ trung ương đến các quân khu được hoàn thành theo kế hoạch bình thường giống như việc tổ chức một quân đội có quy ước.

2) Thứ nhì là việc thành lập các tiểu đoàn khinh quân và các đại đội trọng pháo. Đây là một kế hoạch không dự liệu từ trước, có tính cách khẩn cấp, đáp ứng với tình hình biến chuyển lúc ấy. Các tiểu đoàn khinh quân được tổ chức theo tính chất đánh đồng ruộng, dùng vào việc bình định, thay thế quân Pháp rút khỏi các đồn bót để đánh lưu động trên khắp chiến trường.

3) Thứ ba là việc khởi sự chuyển các tiểu đoàn bộ binh ghép thành các liên đoàn lưu động. Việc này đã có đối với Pháp từ hai năm trước.

4) Thứ tư là công việc Việt hóa, bắt đầu bằng sự chuyển giao điều đạo các lãnh thổ quân sự và việc hành quân lại cho người Việt, để người Việt không những chịu trách nhiệm về lãnh thổ mà còn phải trách nhiệm cả về hành quân. Công việc này được thực hiện khá rộng rãi tại miền Nam, còn với miền Bắc và miền Trung không được bao nhiêu. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là một hình thức Việt hóa vì quyền hành vẫn trong tay người Pháp.

△ **1954** (trước khi ngưng bắn)

Kế hoạch phát triển quân lực năm 1954 được nỗ lực trên hai phương diện:

1) Kiện toàn kế hoạch bình thường với những mục tiêu quan trọng như sau:

- Gia tăng số lượng các liên đoàn bộ binh;
- Tăng cường phẩm chất chiến đấu cho các đơn vị cơ giới, pháo binh và công binh;
- Gia tăng số lượng các đơn vị vận tải đáp ứng cho nhu cầu vận chuyển các đơn vị khinh quân;
- Hoàn bị việc tổ chức các cơ cấu binh sở đã được đẩy mạnh trong năm 1953.

2) Xúc tiến kế hoạch phụ thành lập các tiểu đoàn khinh quân với những mục tiêu quan trọng như sau:

- Hoàn tất việc thành lập các đơn vị khinh quân của kế hoạch 1953 còn sót lại;
- Thành lập thêm 66 tiểu đoàn khinh quân khác tăng quân số chính quy cuối năm 1954 lên tới 272.020 người (chưa thực hiện được bao nhiêu thì đình chiến).

Ngày 12-1-1954, chính phủ Nguyễn văn Tâm ra đi để nhường chỗ cho tân nội các của hoàng thân Bửu Lộc làm thủ tướng. Người ta bảo tân nội các là nội các ngoại giao, là bởi vì quốc trưởng đã chiếu theo bản tuyên ngôn của chính phủ Pháp ngày 3-7-1953, xác định lập trường dành sự độc lập và chủ quyền quốc gia cho các quốc gia Việt-Miên-Lào, và sẽ mời riêng từng quốc gia này để giải quyết thỏa đáng mọi vấn đề. Việc thay đổi chính phủ là nhằm để hội đàm với Pháp, và cuộc hội đàm đã diễn ra tại Balê ngày 8-3-1954. Ông Bửu Lộc làm thủ tướng chỉ trong một thời gian ngắn, tuy nhiên có một điều làm quân đội nhớ tới ông là bởi vì ông đã liên quan trong việc quyết định cho các quân nhân lúc ấy được hưởng một tháng lương vay Tết mà không phải trả vì đồng bạc Việt Nam bị đồng phật lăng phá giá.

Ngày 12-1-1954, để tăng cường cho biện pháp động viên, thủ tướng Bửu Lộc chủ tọa một buổi họp quốc phòng đã đưa ra bốn quyết định:

— Biện pháp thứ nhất ấn định mọi thanh niên Việt Nam sinh từ 1-1-1929 đến 31-12-1933 đều phải động viên.

Đây là lần đầu tiên việc động viên được gọi theo kiểu tập thể.



Hoàng thân BỬU LỘC.

Hai phái đoàn thương thuyết Việt – Pháp tại Ba-le (8-1946).

— Biện pháp thứ hai là lưu giữ dưới cờ tất cả các quân nhân trừ bị, cho đến khi có lệnh mới.

Lệnh này đã trái với trước đó, định cho quân nhân trừ bị giải ngũ sau 18 hoặc 21 tháng.

— Biện pháp thứ ba, cấm mọi thanh niên từ 18 đến 45 tuổi xuất ngoại trong lúc có chiến tranh.

— Biện pháp thứ tư, thành lập các tòa án quân sự khẩn cấp để xử những người bất phục tùng và đào ngũ. Những bản án sau khi xử phải thi hành ngay và các bị can không có quyền kháng cáo.

Tháng 5, để đáp ứng cho nhu cầu chỉ huy các đơn vị binh chủng ngày càng lớn mạnh, như thiết giáp đã phát triển tới cấp trung đoàn, pháo binh, xa binh và công binh tới cấp tiểu đoàn, các bộ chỉ huy binh chủng cấp quân khu được thành lập, bộ chỉ huy pháo binh quân khu thành lập ngày 3-5, xa binh ngày 25-6, công binh 1-11 và thiết giáp ngày 16-11. Cần chú ý là các bộ chỉ huy binh chủng trung ương lúc này chưa có. Tuy nhiên trên thực tế, mãi cuối năm 1954 các bộ chỉ huy binh chủng quân khu này mới thành hình do sĩ quan Pháp đảm trách vừa với tư cách cố vấn cho tư lệnh quân khu và vừa chỉ huy các đơn vị. Nhưng chẳng được bao lâu, các bộ chỉ huy này phải giải tán.

Cũng trong tháng 5, để khích lệ tinh thần các cấp chỉ huy đơn vị, một loạt các sĩ quan chỉ huy được thăng chức: đại đội trưởng cấp thiếu úy thăng trung úy giả định hay nhậm chức, tiểu đoàn trưởng cấp đại úy thăng thiếu tá giả định hay nhậm chức. Việc thăng cấp giả định khá dễ dàng từ đầu năm 1954, còn trước đó rất khó vì áp dụng theo các điều khoản ghi trong dụ ấn định quy chế sĩ quan ngày 31-1-1949, kế sau đó những điều khoản này được tu chính bằng dụ số 11 ngày 26-6-1952 đặt ra cấp bậc nhậm chức (grade à titre fonctionnel) có quyền thăng lên cấp cao hơn khi có sáu tháng thâm niên của cấp bậc thực thụ cũ. Vì nhu cầu công vụ cấp giả định (grade à titre fictif) đã đặt ra để thăng cấp nhanh hơn.

Ngày 7-5-1954, Điện Biên Phủ thất thủ gây nên một tình trạng nguy ngập tại miền Bắc. Con số đào ngũ từ 1 đến 31-5-1954 lên tới 4.303 chính quy và 694 phụ lực quân. Tính tới 31-5-1954, quân số thực hiện của quân đội quốc gia trên toàn quốc được thống kê như sau:

1) Chính quy		*2) Phụ lực quân*	
Đ1QK	63.550	Đ1QK	29.282
Đ2QK	30.023	Đ2QK	1.854
Đ3QK	73.367	Đ3QK	6.709
Đ4QK	38.673	Đ4QK	6.059
	205.613		43.904

3) Tổng cộng

205.613 + 43.904 = 249.517

Tới khi ngưng chiến con số này đã đào ngũ khá nhiều nhất là các đơn vị miền Bắc lại càng suy kém, bởi vì những đơn vị này trước đà thắng thế của đối phương phải liên miên chịu đựng áp lực nặng nề, vừa chiến đấu mệt mỏi không được nghỉ ngơi, không được bổ sung, vừa bị khủng hoảng tinh thần bởi các sự tuyên truyền của đối phương. Trước tình thế lung lay của miền Nam châu thổ Bắc Việt, Pháp phải mở một cuộc hành quân mệnh danh là Auvergne ngày 29-6-1954 để triệt thoái các đơn vị ra khỏi miền này hầu tránh một cuộc đổ vỡ tương tự như Điện Biên Phủ. Cuộc triệt thoái này đã thành công khiến các đơn vị được đưa về cố thủ trên những phòng tuyến thu hẹp xung quanh Hà Nội và Hải Phòng và dọc theo quốc lộ số 5. Tại những nơi đây kể đó đã xảy ra những trận đánh dữ dội và người lính quốc gia đã không còn tinh thần để chiến đấu, bởi vì sau cuộc triệt binh trên họ cảm thấy mất mát hết những gì là làng xóm, gia đình và người thân yêu.

Ngày 7-7-1954, nội các Ngô đình Diệm thành lập, nội các này vừa tấn phong đã phải chứng kiến hậu quả của cuộc hành quân Auvergne. Để trấn tĩnh nhân tâm miền Bắc, ngày 8-7-1954, thủ tướng Diệm triệu tập nội các, thành lập Ủy ban bảo vệ Bắc Việt với một thành phần gồm các ông Hoàng cơ Bình, Trần trung Dung và thiếu tướng Nguyễn văn Vận tư lệnh Đệ 3 quân khu. Ủy ban này được điều chỉnh bằng dụ số 11 ngày 9-7-1954, trong đó ủy ban được dành quyền thay các ông tổng trưởng quốc phòng và nội vụ để giải quyết các vấn đề về hành chánh, chính trị, và quân sự tại miền Bắc. Ủy ban bảo vệ Bắc Việt duy trì tới 4-8-1954 thì giải tán.

Ngày 20-7-1954, hiệp định Genève ký kết. Hiệp định này có ba điểm chính: một là đình chiến, hai là tạm thời phân đôi nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17 và bầu cử để thống nhất đất nước hai năm sau, ba là có một ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến do Ấn Độ là chủ tịch, các nước Ba lan, Gia nã đại là hội

viên, ngoài ra còn có hai đồng chủ tịch là Anh quốc và Nga sô. Hội nghị Genève 1954 đã để lại một số văn kiện, chia làm hai loại bản văn: a) Loại thứ nhất là các hiệp định ngưng chiến ở Việt Nam, Ai Lao và Cao Mên; b) Loại thứ hai gồm những tài liệu liên quan đến hội nghị Genève về Đông Dương. Những tài liệu này được phân làm bốn loại:

1) Ước chương cuối cùng của hội nghị Genève gồm có bản tuyên cáo tối hậu về vấn đề tái lập hòa bình ở Đông Dương được thành lập ngày 21-7-1954 nhân danh chín cường quốc tham dự và những bản tuyên ngôn phụ.

2) Những bản tuyên ngôn đã được hội nghị ghi nhận trong phiên họp cuối cùng nhưng không được xếp vào những văn kiện của hội nghị. Trong những văn kiện này có hai bản tuyên ngôn của Hoa Kỳ và Việt Nam (chính phủ quốc gia).

3) Lời tuyên bố của các trưởng phái đoàn trước khi phiên họp cuối cùng bế mạc.

4) Trao đổi công điệp giữa hai ông Phạm văn Đồng và Mendès France về sự liên lạc kinh tế và văn hóa.

Đối với loại thứ nhất là các hiệp định ngưng chiến, các văn kiện liên quan mật

Các phái đoàn: hàng đầu phái đoàn Trung Cộng — hàng dưới phái đoàn Nga.



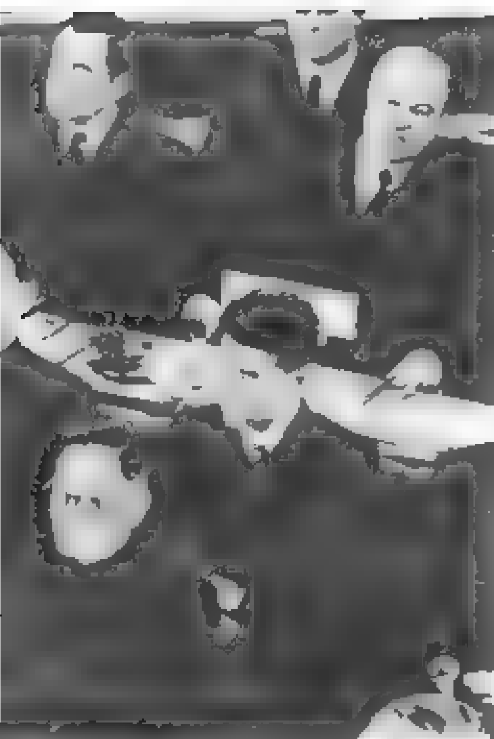


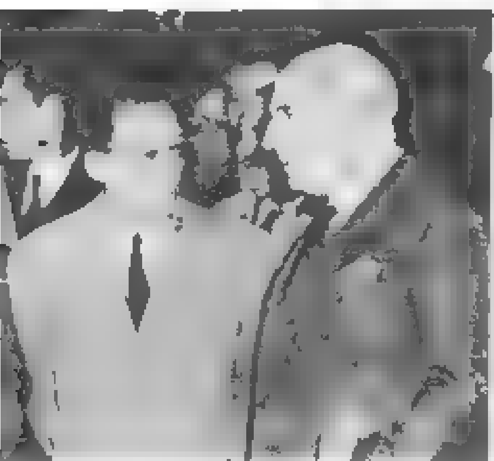
Thủ tướng Pháp Mendès France đứng chung với Chu Ân Lai tại Berne.

thiết đến Việt Nam gồm có hiệp định ngưng chiến ở Việt Nam, tuyên cáo tối hậu của hội nghị Genève, tuyên ngôn của phái đoàn Việt Nam, và tuyên ngôn của phái đoàn Hoa Kỳ

MỘT VÀI HÌNH ẢNH VỀ HỘI NGHỊ GENÈVE

Hội nghị này khai mạc từ 26-4-1954, thực sự bàn về Đông Dương 8-5-54 và kết thúc ngày 20-7-1954





Phái đoàn Việt Nam

Phái đoàn Việt Minh.

Hiệp định ngưng chiến ở Việt Nam được ký kết bởi hai đại diện của tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương và tổng tư lệnh quân đội Việt Minh, gồm tất cả 47 điều chia làm sáu chương

— Chương 1 : Giới tuyến tạm thời và khu phi quân sự.

— Chương 2 : Nguyên tắc và cách thức thi hành hiệp định này.

— Chương 3 : Cấm đem thêm quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí đạn dược mới, căn cứ quân sự

— Chương 4 : Tù binh và thường dân bị giam giữ

— Chương 5 : Điều khoản linh tinh.

— Chương 6 : Ban hỗn hợp và ban quốc tế ở Việt Nam.

Trong 47 điều khoản gồm trong sáu chương, nhận thấy có những tính cách :

— Những điều khoản có tính cách quân sự
— Những điều khoản có tính cách dân sự
— Những điều khoản thuộc phạm vi quyền hạn kiểm soát và thi hành
— Những điều khoản linh tinh.

Những điều khoản có tính cách quân sự gồm hai loại

1) Loại 1 là các điều khoản quân sự phụ thuộc vào vấn đề thiết lập sự ngưng chiến như các điều khoản thành lập tại vĩ tuyến 17 một giới tuyến quân sự tạm thời và phân chia đất nước Việt Nam ra hai khu phi chiến ở hai bên giới tuyến đó ; điều khoản liên quan tới việc thi hành lệnh ngưng bắn giao cho các tư lệnh quân sự hai bên

2) Loại 2 là các điều khoản quân sự nhằm duy trì sự ngưng chiến, như cấm chỉ đem vào Việt Nam tất cả những quân tiếp viện và nhân viên quân sự bổ sung ; ngăn cấm việc chuyên chở vũ khí bất cứ thuộc loại nào ; cấm tuyệt đối đôi bên nhận sự thiết lập những căn cứ quân sự ngoại quốc trong vùng kiểm soát của mình ; cấm chỉ đôi bên gia nhập một liên minh quân sự và cấm không được để cho vùng mình bị lợi dụng cho một chính sách xâm lược.

Những điều khoản có tính cách dân sự gồm ba loại

1) Loại 1 là vấn đề tù binh và thường dân bị giam giữ cùng việc tìm kiếm mồ mả của tử sĩ.

2) Loại 2 là vấn đề bảo vệ tự do dân chúng.

3) Loại 3 là vấn đề hành chánh tại hai vùng hai bên giới tuyến quân sự tạm thời.

Những điều khoản thuộc phạm vi quyền hạn kiểm soát việc thi hành

— việc kiểm soát thuộc trách nhiệm của hai bên ,

— quyền giải quyết các sự vụ có thể xảy ra giữa hai bên sẽ thuộc thẩm quyền của Ủy hội kiểm soát quốc tế.

Những điều linh tinh phần đông chỉ là những sự nhắc nhở lại các nghĩa vụ của hai bên trong việc thi hành sự ngưng chiến.

Bản tuyên ngôn của phái đoàn quốc gia Việt Nam đại ý phản đối « — Việc ký kết hiệp định giữa Pháp và Việt Minh trong đó có nhiều điều khoản mang nặng những nguy hại cho tương lai chính trị của dân tộc Việt Nam — Việc hiệp định đã nhường cho Việt Minh những vùng mà quân đội quốc gia còn đóng quân và việc tước mất của Việt Nam quyền bất khả xâm phạm để tổ chức phòng thủ — Việc Bộ tư lệnh Pháp tự tiện ấn định ngày ngày tổng tuyển cử, một việc có tính cách chính trị rõ rệt mà không có sự thỏa thuận của phái đoàn quốc gia Việt Nam và vì những lý do đó bản tuyên ngôn của phái đoàn Việt Nam kết thúc bằng cách yêu cầu hội nghị ghi nhận

« — Việt Nam long trọng phản đối việc ký kết hiệp định Geneve — Chánh phủ quốc gia Việt Nam hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền lợi thiêng liêng của dân tộc Việt trong cuộc thực hiện thống nhất, độc lập và tự do cho xứ sở. »

Còn bản tuyên ngôn của phái đoàn Hoa kỳ tỏ ý không dùng áp lực để thay đổi các thỏa hiệp đã ký kết, tuy nhiên Hoa Kỳ sẽ xét đoán mọi hành động vi phạm hiệp định có thể gây nên nguy hiểm cho hòa bình cũng như an ninh thế giới và bằng lòng tổng tuyển cử tự do tại Việt Nam do Liên Hiệp Quốc kiểm soát

✱ *Hội nghị Trung Giã.*

Trong khi hội nghị Genève đang tiến hành, thì hội nghị Trung Giã được khai sinh trong buổi họp ngày 29-6-1954. Hội nghị đã thỏa thuận và quyết định: « — Đại diện các bộ tư lệnh tối cao hai bên phải gặp nhau ngay tại Genève và các sự tiếp xúc cũng phải được thực hiện tại chỗ ». Quyết định này đã định rõ vai trò của các đại diện các bộ tư lệnh tối cao phải nghiên cứu tình trạng các lực lượng quân sự để thiết lập ngay sau khi đình chiến các dữ kiện đình chỉ mọi hoạt động chiến đấu. Hội nghị tại chỗ phải thông báo càng sớm càng tốt cho hội nghị tại Genève các kết quả rút tỉa được cùng những đề nghị của họ. Hội nghị quân sự tại chỗ là hội nghị quân sự địa phương và tức là hội nghị Trung Giã phải hành động phối hợp chặt chẽ với các phái đoàn ở Genève. Hội nghị Trung Giã khai mạc ngày 4-7-1954 và bế mạc ngày 27-7-1954, thảo luận về các vấn đề tù binh, ngưng bắn và thiết lập các tiểu ban hỗn hợp về tù binh, tiểu ban nghiên cứu thủ tục thi hành ngưng bắn và các tiểu ban hỗn hợp lãnh thổ; cuối cùng có những thỏa hiệp được ký kết nhằm làm cho các đơn vị đối lập cách biệt nhau ra, trở về các căn cứ hoặc tập trung ở những địa điểm đóng quân tạm thời, cốt để tránh mọi sự tiếp xúc có thể gây xung đột giữa hai bên. Hội nghị Trung Giã bị ràng buộc bởi các điều khoản của hiệp định Genève nên việc tổ chức kiểm soát các thỏa hiệp và quyết định bởi các ban hỗn hợp không mang lại kết quả. Sự thật các ban hỗn hợp cũng không có quyền hạn gì ngoài chuyện nhận xét, báo cáo và trình cấp trên của họ để xin giải quyết.

Nhưng chính hội nghị Trung Giã, trong thời gian đó đối với chính phủ quốc gia là một điều tủi nhục. Hội viên chính của hội nghị là Pháp và Việt Minh; đại biểu Việt Nam chỉ là một bộ phận tháp tùng phái đoàn Pháp và theo điều giao kết chỉ có các trưởng phái đoàn phát biểu ý kiến. Đây là thâm ý của Việt Minh không cho đại biểu Việt Nam lên tiếng để vai trò trở nên phụ thuộc trong khi Pháp chỉ muốn được việc cho họ. Mọi vấn đề đem thảo luận để quyết định với Việt Minh hoàn toàn do Pháp đưa ra và thông báo cho Việt Nam. Trong các buổi họp thu hẹp, chỉ có các trưởng phái đoàn tham dự, đại biểu Việt Nam không được mời mặc dầu với tính cách quan sát viên. Đáng lẽ hội nghị phải được tổ chức tại một địa điểm không thuộc hẳn khu vực kiểm soát của bên nào. Họp trong vùng kiểm soát của Việt Minh như tại Trung Giã đã khiến Pháp-Việt phải chịu mặc cảm của kẻ thua thiệt và chiến bại, nhất là đối với đại diện của Việt Nam khi thấy chỉ có cờ Pháp và cờ Việt Minh được treo. Trong khi Pháp có thái độ vội vã trong các buổi họp, Việt Minh lấy thái độ ung dung thong thả để tạo thêm ưu thế cho họ (2).



Một cảnh của hội nghị Trung Giã.

Hậu thân của hội nghị Trung giã là Ủy ban hỗn hợp trung ương đã được hai Bộ tư lệnh Pháp và Việt Minh thỏa hiệp trong quyết định số 3 ký tại Trung Giã ngày 3-8-1954. Ủy ban này đã được thành lập do các điều 30, 31, 32 và 33 của hiệp định Genève quy định rằng:

« Để làm dễ dàng cho việc thực hiện các điều khoản cần đến sự hoạt động phối hợp của hai bên trong những điều quy định dưới đây, sẽ thành lập một ban liên hợp ở Việt Nam. Ban liên hợp gồm một số đại biểu bằng nhau của các bộ tư lệnh hai bên. Các trưởng phái đoàn đại biểu trong ban liên hợp là cấp tướng. Ban liên hợp được thành lập những nhóm liên hợp, số lượng sẽ do hai bên thỏa thuận quy định. Các nhóm liên hợp gồm một số sĩ quan bằng nhau của hai bên. Hai bên sẽ căn cứ vào nhiệm vụ của ban liên hợp mà quy định nơi đóng của các nhóm ấy trên giới tuyến của các vùng được tập trung »

Việc tổ chức các ban và nhóm liên hợp đã diễn ra như sau

(1) Phái đoàn Việt Nam: trung tá Trang văn Chính (trưởng phái đoàn), tham mưu trung tá Lâm Ngọc Huấn, thiếu tá Nguyễn phước Đáng, đại úy Nguyễn Bửu, tham mưu đại úy Trần ngọc Huyến.

Phái đoàn Pháp: đại tá Lennuyeux (trưởng phái đoàn), trung tá Le Roy, các thiếu tá Le Flahec, Sanson và Sacquet, đại úy Lohmann (thông dịch viên).

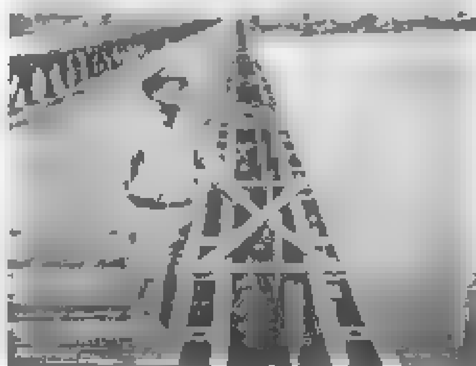
Phái đoàn Việt Minh: Thiếu tướng Văn tiến Dũng (trưởng phái đoàn), các đại tá Lê Ninh, Lê quang Đạo, trung tá Song Hào, Nguyễn văn Long, thiếu tá Lê (thông dịch viên).

— Ủy ban hỗn hợp trung ương với mỗi bên 6 đại diện, mới đầu đặt tại Trung Giá, dời về Bắc Ninh, rồi về Phủ Lỗ, sau chuyển tới gần Hải Dương — Các tiểu ban hỗn hợp lãnh thổ với mỗi tiểu ban có từ 3 đến 5 đại diện — và các toán hỗn hợp được chia thành cố định hay lưu động, gồm có mỗi bên từ 1 đến 3 đại diện. Các tiểu ban hỗn hợp đặt tại Quỳnh Khê (BV), Quảng Trị (TV) và Phụng Hiệp (NV).



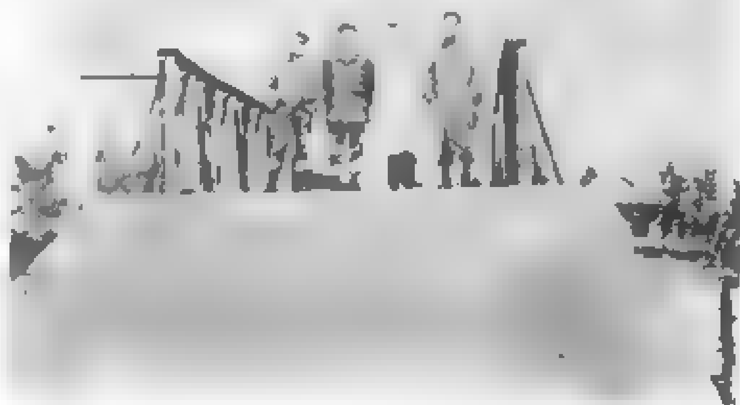
Tổ quốc tế lưu động tại Gio Linh.

Ngay từ ngày Bộ tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương giải tán, chính phủ Pháp tức thời thông báo cho hai vị đồng chủ tịch hội nghị Genève về việc này, cũng như việc rút phái đoàn Pháp ra khỏi Ủy ban hỗn hợp kể từ ngày 28-4-1956. Tuy có lời yêu cầu của hai đồng chủ tịch, quân Pháp cũng không giữ được nguyên tình trạng như cũ, và với sự đồng ý của Việt Nam đã đề cử một tổ của Việt Nam bên cạnh phái đoàn Pháp tại Đông Hà, và ngày 30-7-1956, phái đoàn Việt Nam liên lạc với Ủy hội quốc tế được thành lập, chuẩn bị để nhận lãnh nhiệm vụ liên lạc của phái đoàn Pháp chuyển giao. Việt Minh không chịu chấp nhận tình trạng mới với Việt Nam, mà nằng nặc đòi giữ nguyên tình trạng cũ. Vì vậy tình trạng không hoạt động của Ủy ban hỗn hợp trung ương kéo dài đến tháng 4-1958, khi chính phủ Pháp tuyên bố giải tán phái đoàn Pháp bên cạnh Ủy ban hỗn hợp và ủy ban này đã thực thụ thôi hoạt động kể từ 15-4-1958. Trước đó một ngày, Ủy hội quốc tế có yêu cầu VNCH chỉ định đại diện tiếp xúc với nhà chức trách Việt Minh để thảo luận các vấn đề liên quan tới khu phi quân sự; nhưng vì nhận thấy UBHH chẳng qua chỉ là một dụng cụ không mang lại lợi ích thực tế, VNCH đã trả lời UHQT là VNCH nhận thấy việc đó không cần thiết nên nhất quyết không tham gia ủy ban, lại nhất định tống xuất tất cả nhân viên và cán bộ Việt Minh ra khỏi miền Nam



Cây cầu Hiền Lương với sườn sắt lát gỗ.

Dốc cầu phía Việt Nam Cộng Hòa.





Sông Bến Hải với cây cầu Hiền Lương.

Ngày 22-7-1954, lúc 7 giờ (giờ Saigon), lệnh ngưng bắn được ban hành như sau

— Ngày 23-7 lúc 7g lệnh ngưng bắn bắt đầu có giá trị.

— Ngày 27-7 — ngưng bắn tại Bắc Việt

— Ngày 1-8 — ngưng bắn tại Trung Việt.

Ngày 11-8 — ngưng bắn tại Nam Việt

Lịch trình tập trung và triệt thoái quân hai bên được ấn định như sau

— Ngày 11-8 lúc 7g tại Bắc Việt

— *Việt-Pháp* : Tập trung xong lực lượng trong các khu Hà Nội, Hải Dương và Hải Phòng.

— *Việt Minh* : Hoàn tất việc tạm thời rút lui quân ra khỏi các vùng này

— Ngày 16-8 lúc 7g tại Trung Việt

— *Việt - Pháp* Hoàn tất triệt thoái ra khỏi vùng Bắc sông Bến Hải và triệt thoái tạm thời ra khỏi Qui Nhơn để VM sử dụng làm nơi tập kết

Việt Minh : Hoàn tất tập trung các đơn vị tại những vùng đã ấn định trước khi triệt thoái về Bắc

Ngày 26-8 lúc 7g tại Nam Việt

— *Việt Minh* : Hoàn tất tập trung các lực lượng tại những vùng Đồng Tháp, Xuyên Mộc, Hàm Tân và mũi Cà Mau.

— Ngày 11-10 lúc 7g

— *Việt-Pháp tại Bắc Việt*

Hoàn tất triệt thoái khỏi vùng Hà Nội

Việt Minh tại Trung Việt :

Hoàn tất triệt thoái đợt 1.

— *Việt Minh tại Nam Việt* :

Hoàn tất triệt thoái Hàm Tân và Xuyên Mộc.

— Ngày 31-10 lúc 7g

— *Việt-Pháp tại Bắc Việt*

Hoàn tất triệt thoái vùng Hải Dương.

— *Việt Minh tại Trung Việt* :

Hoàn tất triệt thoái đợt 2.

— *Việt Minh tại Nam Việt* :

Hoàn tất triệt thoái khỏi vùng Đồng Tháp.

Ngày 8-2-1955 lúc 7g

Việt Minh tại Nam Việt

Hoàn tất triệt thoái khỏi mũi Cà Mau.

— Ngày 19-5-1955 lúc 7g

— *Việt-Pháp tại Bắc Việt*

Hoàn tất triệt thoái khỏi vùng Hải Phòng.

Việt Minh tại Trung Việt

Hoàn tất triệt thoái đợt 3.



Cuộc di chuyển các đơn vị miền Bắc vào miền Nam.

Nghĩa là sau khi tập trung quân hai bên phải lần lần triệt thoái vào Nam hoặc ra Bắc theo bốn thời kỳ

— Việt-Pháp rút khỏi Hanoi và Việt Minh rút khỏi Hàm Tân, Xuyên Mộc . 80 ngày

— Việt-Pháp rút khỏi Hải Dương và Việt Minh rút khỏi Đồng Tháp Mười . 100 ngày

— Việt Minh rút khỏi Cà Mau 200 ngày

— Việt-Pháp rút khỏi Hải Phòng và Việt Minh rút khỏi Nam Quảng Ngãi và Bình Định 300 ngày

Trong những thời gian này, các cuộc di cư, nhất là từ miền Bắc vào miền Nam đã diễn ra hết sức đông đảo.

Tháng 8, bắt đầu chuyển các đơn vị miền Bắc vào miền Nam. Kế hoạch chuyển quân được quan niệm đặt một số lớn đơn vị tại Đà Nẵng và Nha Trang để biến hai nơi này thành những đầu cầu tiếp thu các tỉnh miền trung của Trung Việt, một số đơn vị gốc thiểu số được chuyển đến Cam Ranh để có thể khai phá ruộng rẫy sinh sống và làm trừ bị tại đây. Còn một số lớn đơn vị được đưa vào Nam Việt với một phần lớn xuống miền Tây đóng tại những vùng có quân đội Hòa Hảo. Một phần khác đóng quanh vùng Tây Ninh. Những đơn vị còn lại đưa lên Đà Lạt bổ sung cho lực lượng ngự lâm quân đang có ý định phát triển thành một đại đơn vị. Sự phối trí các đơn vị miền Bắc còn có ý dự trù cho thành lập những sư đoàn tương lai tại miền Nam. Xem sơ đồ kế hoạch chuyển các đơn vị Bắc vào Nam.

Sự ngưng chiến và việc di cư vào miền Nam đã làm quân số của quân đội quốc gia tại miền Bắc giảm sút, đang từ 80.076 (31-5-1954) tới khi vào đến trong Nam chỉ còn 32.000 người. Sở dĩ thế là do bởi tinh thần binh sĩ bị giao động, bởi họ yêu mến quê hương và không chịu dứt bỏ những mối giây liên hệ với quê cha đất tổ. Theo một bản báo cáo của Phòng I/TTM kiểm tra trong thời gian từ 21-7 đến 20-8-1954, thời gian giao động nhiều nhất số đào ngũ miền Bắc lên tới 21.421 người, chia ra 112 sĩ quan, 1.031 hạ sĩ quan và 20.278 binh sĩ. Sự đào ngũ vẫn gia tăng vào những tháng chót khi các đơn vị rời đất Bắc.

SƠ ĐỒ : KẾ HOẠCH CHUYỂN CÁC ĐƠN VỊ BẮC VÀO NAM

CÁC ĐƠN VỊ CỦA MIỀN BẮC	CHUYỂN TỪ	ĐẾN
— Các TTHL và các đơn vị đang thụ huấn (50 BVN, 702, 714, 716 TĐKQ, 721, 752, 755 ĐĐTP	Hà Nội Quảng Yên	Quân tre, Gia Định Mỹ Tho
— Liên đoàn 31 (2 + 9 + 59 BVN + 723 TĐKQ + 5 PB) 56 BVN	Hải Phòng	Đà Nẵng
— Trung đoàn 3 thám thính xa	Hải Phòng	Đà Nẵng
— Đại đội 3 giang thuyền, TĐ 5 nhảy dù	Hải Phòng	Đà Nẵng
— 726, 727, 728 TĐKQ gốc Bảo chính đoàn cùng các đơn vị Bảo chính đoàn được chuyển vào Ngự lâm quân	Hải Phòng	Đà Lạt
— Liên đoàn 32 (6 + 10 + 20 BVN + 3 PB)	Hải Phòng	Đà Nẵng
— 57 BVN và trường thiếu sinh quân Moncay	Hải Phòng	Nha Trang
— Trung đoàn bộ binh 156 (4 + 53 + 74 BVN) 34 PB, 709 TĐKQ, 73 BVN	Kiến An QL 5	Saigon
— 31 BVN (Thái), 51, 52, BVN, 803, 710 TĐKQ	Uông Bí QL 5	Đà Nẵng
— Trung đoàn bộ binh 52 (BTM/TK Hưng Yên, 54 BVN, 704, 708, 720 TĐKQ, 754 ĐĐTP	QL 5	Sóc Trăng
— Trung đoàn bộ binh 155 (14 + 18 + 55 BVN) 33 PB, 711 TĐKQ, 753 ĐĐTP	Hải Dương Hải Phòng	Nha Trang
— BCH Liên đoàn nhảy dù + TĐ 3 + 7 nhảy dù	Hà Nội	Đà Nẵng
— Bộ chỉ huy và Pháo đội chỉ huy vị trí 351	Hà Nội	Đà Nẵng
— Tiểu đoàn vận tải số 7	Hà Nội	Đà Nẵng
— 705 TĐKQ, TĐ 5 Công Binh, PB vị trí 301	Hải Dương Hà Nội Bất Nạo	Nha Trang
— 32, 71, 72, 75 BVN (Nùng)	Hongay Quảng Yên Hải Phòng	Ba Ngòi Cam Ranh
— Trung đoàn bộ binh 51 (16 BVN + 707, 719, 701 TĐKQ, 751 ĐĐTP) — Tiểu đoàn vận tải số 3	Tỉnh lộ 38	Cần Thơ Long Xuyên
— Trung đoàn 154 (22, 58 BVN) 706, 712 TĐKQ	Ninh Giang	Cisbassac
— 26, 76 BVN, 713, 718, 725 TĐKQ	Hải Phòng Bình Phiên Núi Đèo	Hậu Giang
— Tiểu đoàn vận tải số 5	Gia Lâm	Nha Trang
— Bộ tư lệnh Đệ 3 Quân khu, các đơn vị quản trị	Hà Nội	Nha Trang
— 722, 724 TĐKQ	được đưa vào từ trước tháng 8-1954	Phú Yên

CƯỚC CHÚ Các trung đoàn bộ binh được ghi ở trên chỉ được thành hình trên phương diện giấy tờ, chứ trên thực tế chưa có trong các đợt di chuyển vào này.

Quân đào ngũ miền Bắc thực ra không ở lại hết, một phần đào ngũ đi tìm gia đình sau di cư theo ngả dân sự và một phần khác phải xuất ngũ vì tất cả các đơn vị phụ lực quân của miền Bắc đều bị giải tán hết (3).

Quân đội quốc gia lúc ngưng chiến 205.500 người, trong đó có 167.700 chính quy và 37.800 phụ lực quân.

Xem bản so sánh các giai đoạn tiến triển của quân đội quốc gia từ 1949 đến 1954 (khi ngưng bắn).

Tới khi ngưng chiến, Bộ Tổng Tham Mưu chỉ muốn duy trì quân lực ở mức trên 200.000 người. Đến đây giai đoạn phát triển coi như chấm dứt để chuyển sang giai đoạn chuyển tiếp, là giai đoạn đánh dấu các sự chuyển giao thẩm quyền chỉ huy và lãnh thổ của Pháp lại cho Việt Nam và giai đoạn này còn là giai đoạn chuyển quân đội quốc gia từ thời kỳ bảo thuộc sang thời kỳ độc lập.

B. QUÂN ĐỘI QUỐC GIA VÀO THỜI KỲ ĐỘC LẬP.

1. GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP (1954-55)

△ **1954** (sau khi ngưng bắn)

Sau khi ngưng bắn, ngoài việc lo tiếp nhận các thẩm quyền chỉ huy và lãnh thổ thuộc đủ mọi cấp của Pháp giao lại, mối bận tâm lớn nhất của quân đội là lo cải tổ quân lực đáp ứng với thời bình và với sự tự chủ của quân đội.

Việc cải tổ quân lực lúc ấy nhắm đặt trách nhiệm một phần vào việc bảo vệ lãnh thổ và một phần khác vào việc xây dựng một binh đoàn chủ lực.

Trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ là sự kiến tạo một hệ thống chỉ huy lãnh thổ lúc đó còn rời rạc. Và trách nhiệm xây dựng một binh đoàn chủ lực là sự tổ chức các đơn vị, phối trí thành các lực lượng cần thiết trên toàn cõi để đối phó với mọi cuộc tấn công của đối phương trong tương lai.

Với những mục đích trên, sự cải tổ nhắm những mục tiêu như sau

— Tổ chức các bộ chỉ huy lãnh thổ tại mọi cấp để thay thế Pháp, đặt các cơ sở tiếp vận tương xứng để yểm trợ việc bảo vệ lãnh thổ.

— Cải tổ lại những đơn vị từ miền Bắc vào bằng cách giải tán một số đơn vị để bổ sung đầy đủ cho một số đơn vị khác

— Thành lập các trung đoàn bộ binh để tiến tới việc thành lập các sư đoàn bộ binh, đồng thời tăng hiệu năng cho các quân binh chủng binh sở.

— Tiếp tục đào tạo các cán bộ chỉ huy và chuyên môn các cấp.

Tháng 8, nỗ lực bổ sung được dồn lên Cao Nguyên, trên 200 sĩ quan Việt được gởi phân cho tám tiểu đoàn sơn cước thuộc đợt đầu, các bộ chỉ huy Liên đoàn 41 và 42 và các cơ quan lãnh thổ để dần dần nhận lại bàn giao của Pháp. Đồng thời cũng trong tháng 8 này, chính phủ xúc tiến việc liên lạc với các giáo phái, để cho các đơn vị võ trang của họ sát nhập quân đội quốc gia. Các cuộc tiếp xúc diễn ra, riêng Ba Cụt lại ra bưng (1-8-1954).

Ngày 12-8-1954, ban bố lệnh ngưng động viên; tất cả các biện pháp do dụ số 12 ngày 15-7-1951 và những nghị định liên quan đều tạm đình chỉ cho tới khi có lệnh mới. Các quân nhân trừ bị vẫn được lưu giữ

Ngày 18-8-1954, thẩm quyền các tỉnh Nha Trang và Phan Thiết được bàn giao và kể đến ngày này, miền Nam Trung Việt được coi như hoàn toàn thuộc quyền Việt Nam.

---

(3) Bản ước tính quân số tới 31-12-1954 của BTTM 224.000 người, phân chia như sau

— quân số hiện hữu tại miền Nam vĩ tuyến 17	124.000
— quân số đưa từ miền Bắc vào	32.000
— Bảo chính đoàn và Địa phương quân miền Bắc	9.000
Phụ lực quân loại không giáo phái (miền Nam)	10.000
— Phụ lực quân giáo phái bắt buộc gia nhập	
Cao Đài	1.000
— Hòa Hảo (chưa ổn định)	
— Bình xuyên (chưa ổn định)	
— Lực lượng LHP chuyển giao	7.000
— Các lực lượng vệ binh	10.000
— Các giáo phái miền Nam gia nhập (mới dự trù Cao đài 9.000, của Hòa Hảo và Bình Xuyên chưa ổn định)	9.000
— Binh sĩ tác động	11.000
	224.000

Đây chỉ là một bản ước tính lập khi ngưng chiến, sau này đã thay đổi rất nhiều nên không hoàn toàn xác thực. Việc nêu ra bản ước tính này chỉ là để minh chứng sự giảm sút của quân số miền Bắc.

Bảng so sánh các giai đoạn tiến triển của quân đội quốc gia từ 1949 đến 7-1954

1.— QUÂN SỐ TỔNG QUÁT

NĂM	CHÍNH QUY	PHỤ LỰC	TỔNG CỘNG
1949			45.500
1950			65.000
1951			110.000
1952	94.520	53.280	147 800
1953	151 020	47.000	198.020
1954	167.700	37 800	205.500

2.— QUÂN SỐ SĨ QUAN VÀ HẠ SĨ QUAN

	SĨ QUAN	HẠ SĨ QUAN *
1949	100	1.750
1950	304	3.500
1951	919	8.000
1952	3.114	12.500
1953	4.150	20.800
1954	5.800	27.000

* Chỉ tìm được số tg. quát

3.— CẤP SỐ LÝ THUYẾT SĨ QUAN TÍNH TỚI 31-7-1953

— Cấp tướng : 05 — Cấp thiếu tá : 217
— Cấp đại tá · 12 — Cấp đại úy 1.178
— Cấp trung tá · 32

* *Trên thực tế tính đến ngày trên Quân đội Quốc gia chỉ có :*

— *3 cấp tướng .*

Trung tướng Nguyễn Văn Hinh
Thiếu tướng Nguyễn Văn Vỹ
Thiếu tướng Nguyễn Văn Vận

— *10 cấp đại tá*

Lê Văn Ty, Nguyễn Ngọc Lễ, Trần Văn Đôn, Trần Văn Minh, Lê Văn Kim, Hoàng Văn Thu, Hoàng Văn Tỷ, Dương Quý Phan, Nguyễn Tuyên và Phạm Văn Câm.

— *12 trung tá :*

Phạm Văn Đồng, Nguyễn Khánh, Dương Văn Minh, Dương Văn Đức, Trương Văn Xương, Nguyễn Văn Hai, Lâm Ngọc Huấn, Nguyễn Quang Hoành, Trần Đình Lan, Linh Quang Viên, Hà Trọng Tín, Nguyễn Văn Quan.

4.— TÍNH TỚI 31-12-1954 CẤP SỐ LÝ THUYẾT SĨ QUAN

— Cấp tướng 05 — Cấp thiếu úy 400
— Cấp đại tá . 40 — Cấp đại úy : 2000
— Cấp trung tá : 60

5.— TỔNG SỐ XE THIẾT GIÁP TÍNH TỚI 31 - 12 - 1954

— AM 8 127 — Crabe 32
— AM 20 : 17 — M 24 : 5
— Scout car : 85 — Alligator 12

* Phi cơ và tàu chiến : Xem chương 5, mục Không quân và Hải quân.

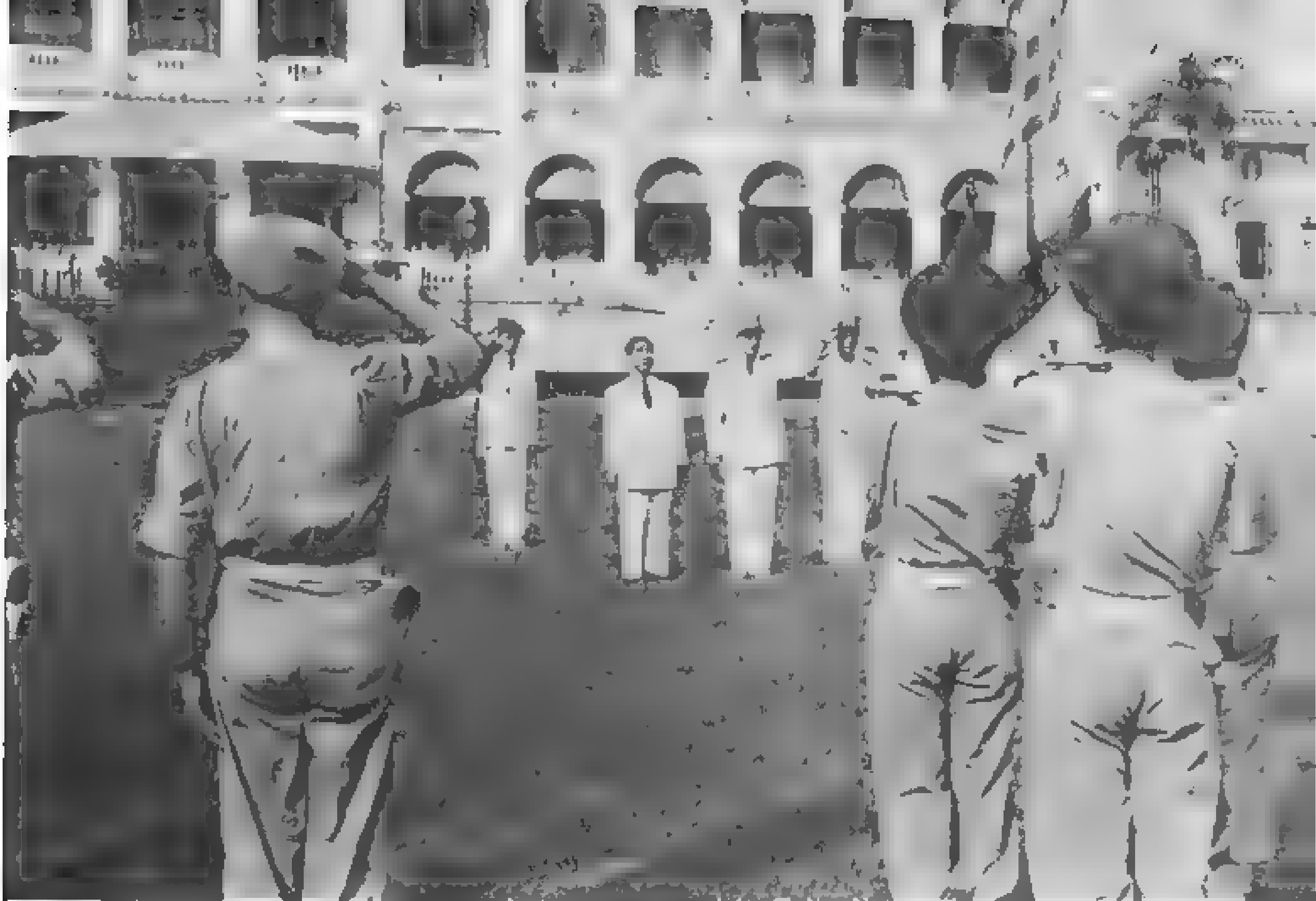
6.— DIỄN TIẾN TRONG VIỆC THANH LẬP CÁC TIỂU ĐOÀN

	Tiểu đoàn bộ binh	Tiểu đoàn kh. quân	Tiểu đoàn nhảy dù	Tiểu đoàn ngự l. quân	Tiểu đoàn pháo binh	Chi đoàn th. chính	Tiểu đoàn công binh	Tiểu đoàn vận tải	
1949	4	—	—	—	—	—	—	—	
1950	13	—	—	—	—	—	—	—	* Trong số này có 18 đang huấn luyện chưa sử dụng
1951	15	—	1	—	—	3	—	—	
1952	23	—	1	2	1	3	—	—	
1953	8	35	2	3	4	1	2	4	
1954	19	46	1	1	4	3	2	2	
T.cộng	82	81 *	5	6	9	10	4	6	

Ngày 31-8-1954 quân đội quốc gia mở hành quân tái chiếm Kontum, cũng cùng ngày này mở cuộc hành quân Lam Sơn tiếp thu phần phía Nam tỉnh Quảng Nam.

Tháng 9, chính phủ Ngô đình Diệm đặt lên hàng đầu việc thương thuyết với Pháp để buộc Pháp phải trao trả ngay tức khắc tất cả các chủ quyền quân sự và hành chánh thuộc đủ mọi lãnh vực, nhưng sự thương thuyết này bế tắc vì Pháp chỉ chấp thuận giao dần dần lại cho Việt Nam. Tới cuối năm 1954, tuy không có một thỏa hiệp chính thức nào được ký kết nhưng Pháp theo đường lối của mình dần dần chuyển giao lại cho Việt Nam. Song song với việc đòi chuyển giao gấp rút, chính phủ Diệm còn tạo nên một bầu không khí căng thẳng với Pháp. Ngày 9-10, thủ tướng Diệm đã ký một nghị định, buộc trung tướng Nguyễn văn Hinh, tổng tham mưu trưởng, đi công cán bên Pháp những sáu tháng. Với nghị định ấy, thủ tướng muốn sử dụng toàn quyền về quân sự do quốc trưởng giao phó, để tẩy đi loại bỏ ảnh hưởng của Pháp ngay trong quân đội, điển hình là trường hợp trung tướng Hinh, vừa có quốc tịch Pháp và vừa đang giữ một chức vụ then chốt trong quân đội. Phản ứng lại, trung tướng Nguyễn văn Hinh không chịu chấp nhận quyết định của thủ tướng, lấy cớ chức vụ ông đang giữ là do quốc trưởng Bảo Đại chỉ định. Tướng Hinh dựa vào hậu thuẫn là Pháp và một số sĩ quan cao cấp trong quân đội, công khai dùng đài phát thanh quân đội phản kích lại ông Diệm. Lúc này, ông Diệm nhờ có sự hậu thuẫn của Mỹ nên phe ông Hinh dù có quân lực trong tay cũng không dám mạo hiểm lật đổ ông Diệm. Việc này, sau đó, được dàn xếp cả ở bên Pháp, bởi vì tới ngày 20-11-1954, trung tướng Nguyễn văn Hinh được quốc trưởng ở bên Pháp triệu sang và khi đi giao chức vụ tổng tham mưu trưởng cho thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ, tổng thanh tra quân lực xử lý thường vụ. Nội tình của quân đội, lúc này, bị chi phối bởi các ảnh hưởng bên ngoài chia rẽ trầm trọng. Tại miền Nam Trung Việt, một đám quân nhân khoảng 700 người dưới quyền điều khiển của thiếu tá Thái quang Hoàng, tiểu khu trưởng Ninh Thuận, ly khai chống tướng Hinh để hậu thuẫn cho chính phủ của ông Diệm. Đám





Lễ chuyển giao dinh Độc Lập cho chính phủ Việt Nam (7-9-1954).

quân lý khai này đa số thuộc Tiểu đoàn 83 VN, một số thuộc các tiểu khu Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và một số khác khoảng 50 bảo chính đoàn và công an thuộc tỉnh Phan Rang của trưởng ty công an Phan Rang Nguyễn văn Hay. Đám quân lý khai này ra bưng (cách xa thành phố khoảng 10 cây số) tại vùng tỉnh Phan Rang ngày 27-11-1954, là lúc mà tình hình giữa phe quân đội và chính phủ căng thẳng nhất. Cuối cùng quốc trưởng Bảo Đại dàn xếp bằng cách ngưng chức trung tướng Hinh (29-11) nhưng có ý giao chức tổng tham mưu trưởng cho thiếu tướng Vỹ ở tại Việt Nam, ông Diệm đã cấp thời chỉ định thiếu tướng Lê văn Tỵ lên chức vụ này (4). Tiếp đến, ngày 2-12-1954, một biến cố nhỏ khác xẩy ra, tuy rằng sự kiện này ít ai để ý tới nhưng lại ảnh hưởng sâu xa đến quyền chỉ huy của quân đội. Biến cố này là việc trung tá Nguyễn quang Hoành, tiểu khu trưởng Bình Thuận, không cho một đoàn xe bọc sắt của Pháp về Saigon dù rằng có lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu lúc đó còn do rất đông sĩ quan Pháp chi phối, với lý do là đã nhận mệnh lệnh của chính phủ không cho đoàn xe này về (5). Bộ Tổng Tham Mưu trước thái độ này chỉ còn biết trình Bộ Quốc phòng để tùy nghi xử liệu, và cũng kể từ hành động này, thực quyền chỉ huy quân đội bắt đầu thuộc vào bàn tay điều khiển của vị nguyên thủ quốc gia.

---

(4) Thật vậy, sau này, ông Bảo Đại lập văn thư chỉ định thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ ở chức vụ tổng tham mưu trưởng nhưng dù vậy, chỉ có sự hậu thuẫn của một số đông phe và các sĩ quan cao cấp trong quân đội, ông Diệm không chịu thi hành lệnh trên và cứ đẩy tới thiếu tướng T

(5) Nội dung công điện của trung tá Hoành gửi BTTM «Honneur vous préciser que tout mouvement ou autre qu arrondissement Binh Thuân subordonné l'ordre de gouvernement où nous sommes placés directement sous commandement » (Hân hạnh xác định cùng Quý Bộ mọi chuyển vận hay vấn đề nào tiểu khu Bình Thuận chỉ thừa hành lệnh của chính phủ mà tiểu khu chúng tôi đã đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp). Sau vụ trung tướng Hinh, phe ủng hộ như các thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ, Nguyễn văn Vận và một số cấp tá như trung tá Trần đình Lan, thiếu tá Quách Sến phải lưu vong sang Pháp ; còn phe ủng hộ ông Diệm như đại tá Nguyễn ngọc Lễ, trung tá Nguyễn quang Hoành, thiếu tá Thái quang Hoàng được trọng dụng sau lên hàng tướng lãnh; riêng trung tá Hoành được đề cử tư lệnh Đệ 2 quân khu sau bị thất sủng chỉ mang tới cấp đại tá mà thôi.

Tháng 10, quân đội quốc gia mở các cuộc hành quân tiếp thu Hàm Tân và Xuyên Mộc, đồng thời lãnh thổ Đệ Nhứt quân khu được chia làm sáu phân khu quân sự, lãnh thổ Đệ Nhị quân khu chia làm hai phân khu để sẵn sàng tiếp nhận bàn giao thẩm quyền của Pháp. Kể từ đầu tháng này, ảnh hưởng của Pháp tại Đông Dương chấm dứt bởi vì trong các ngày từ 27-9 đến 29-9-1954 tại Hoa thịnh Đốn, ngoại trưởng Mỹ và bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại họp bàn và thỏa thuận là sự viện trợ của Mỹ cho Đông Dương sẽ được trao thẳng cho các quốc gia Đông Dương và các trách nhiệm về huấn luyện quân sự của Pháp cho quân đội Việt Nam sẽ được giao lại cho Mỹ đảm trách. Do đó, một cơ quan mệnh danh là phái bộ liên lạc và huấn luyện Mỹ-Pháp được thành lập gọi tắt là T.R.I.M. (Training Relations Instruction Mission).

Sự viện trợ của Mỹ sẽ được trao thẳng cho các quốc gia Đông Dương kể từ 1-1-1955 và không còn dành cho các lực lượng quân sự của Pháp nữa.

Tháng 12, song song với việc cải tổ quân lực, vấn đề phòng thủ lãnh thổ cũng được đề ra và chia các lực lượng bộ binh làm hai loại lực lượng:

— lực lượng phòng thủ điền địa

— và lực lượng tổng trừ bị.

Lực lượng phòng thủ điền địa bao gồm binh chủng hiến binh, các đơn vị vệ binh Nam Việt, các tiểu đoàn khinh quân và các tiểu đoàn bộ binh (BVN) cố định, còn tất cả những đơn vị khác thuộc lực lượng tổng trừ bị. Tất cả các đơn vị Bắc di cư đều tạm thời thuộc lực lượng tổng trừ bị.

Lực lượng phòng thủ điền địa có phận sự bảo vệ lãnh thổ, phối hợp với các lực lượng bán quân sự để duy trì an ninh trật tự và mở các cuộc hành quân bình định địa phương. Lực lượng tổng trừ bị đặt dưới quyền sử dụng của Bộ Tổng Tham Mưu. Lực lượng này chia làm hai loại : — loại tổng trừ bị — và loại tổng trừ bị thuộc nhiệm quân khu (formation de réserve générale en mission régionale). Loại tổng trừ bị được miễn hành quân hoàn toàn, ngoại trừ khi có lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu ; loại này gồm những đơn vị đang được tập trung để trung và sư đoàn hóa. Loại tổng trừ bị thuộc nhiệm quân khu phải tham gia hành quân tại những quân khu nơi mà các đơn vị này đồn trú ; tuy nhiên quân khu chỉ được phép sử dụng trong những cuộc hành quân không quá 24 tiếng đồng hồ, nếu hơn phải xin phép Bộ Tổng Tham Mưu. Cũng trong thời gian này, vì việc tập trung các tiểu đoàn thành các trung và sư đoàn nên một số đồn bót do quân chính quy giữ đã phải hủy bỏ hay giao lại cho các lực lượng bán quân sự của hành chánh. Chính những sơ hở này đã khiến Việt Minh có cơ hội chiếm đất làm bàn đạp nẩy nở cho du kích chiến.

Cuối năm 1954, quân đội quốc gia gồm có 216.997 người, chia ra như sau :

— Chính quy : 179.197

— Phụ lực : 37.800

Sở dĩ so với lúc ngưng bắn con số này cao hơn, bởi vì quân chính quy được tăng thêm một số bảo chính đoàn, địa phương quân của miền Bắc sát nhập, một số quân Liên Hiệp Pháp chuyển giao và một số các đơn vị giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo gia nhập.

△ 1955

Ngày 1-1-1955, ba sư đoàn bộ binh đầu tiên là các số 11, 21 và 31 thành lập.

Cũng trong tháng 1, trái với những năm trước, vào năm 1955 này, quân đội quốc gia đã phải ngưng đà phát triển để chấp nhận một sự tài giảm rộng rãi về quân số. Việc tài giảm đã đến một cách khá bất chợt do các quyết định cắt giảm viện trợ của Hoa Kỳ. Các quyết định này được thông báo cho chính phủ Việt Nam cuối tháng 12-1954, bởi vậy việc giải ngũ một số lớn quân đội quốc gia được đề cập cấp kỳ đầu năm 1955.

Lúc ấy, người Mỹ muốn giảm quân số từ trên 200.000 người xuống còn 100.000 người, nghĩa là từ một lực lượng quân sự đáp ứng cho thời chiến, quân đội quốc gia phải được tổ chức lại, giảm bớt đi để phù hợp với một thời bình. Cho nên, quân đội quốc gia phải áp dụng một cuộc giải ngũ quy mô mà không được chuẩn bị từ trước, nên đã gây ra một mối xúc động lớn lao trong quân đội. Cuộc giải ngũ này đã tuần tự được thi hành như sau : — Ngày 1-1-1955 giải ngũ hết các đơn vị phụ lực quân — Ngày 20-1 xuất ngũ các quân nhân bất khiển dụng — Ngày 23-1 đào thải những quân nhân có thành tích bất hảo — Ngày 1-3 giải ngũ quy mô các quân nhân trừ bị và hiện dịch.

Ngày 10-2-1955, Bộ tư lệnh lục quân Pháp tại Saigon giải tán. Cũng trong ngày

này, thẩm quyền quân sự các tỉnh miền Tây Nam Việt bàn giao cho Việt Nam. Ngày 15-2, thẩm quyền quân sự các tỉnh Tây Ninh, Saigon, Chợ lớn, Gia Định bàn giao. Ngày 10-3, thẩm quyền quân trấn Saigon-Chợlớn và biệt khu Côn Sơn bàn giao. Ngày 30-3, thẩm quyền quân sự Đệ 2 quân khu bàn giao, riêng khu giới tuyến và một phần phía Bắc tỉnh Quảng Trị vẫn tạm thời dưới sự kiểm soát của Pháp. Cũng trong ngày 30-3 này, thẩm quyền quân sự miền Cao Nguyên trong đó gồm có cả Bộ tư lệnh Đệ 4 quân khu được giao cho Việt Nam. Như vậy kể từ tháng 4, thẩm quyền quân sự trên toàn quốc được bàn giao, ngoại trừ vùng đóng quân tạm của Pháp tại Vũng Tàu, thẩm quyền về hải và không quân và vùng giới tuyến Bến Hải. Lúc này, Pháp tập trung quân tạm đóng dọc theo quốc lộ 15 từ Biên Hòa tới Vũng Tàu với những khu doanh trại mới được dựng tại Tam Hiệp, Long Thành, Bà Rịa và Vũng Tàu.

Đến lúc này, theo một bản thống kê, trong các đơn vị quân đội quốc gia còn 1.877 quân nhân Pháp, trong đó có 449 sĩ quan, đa số những quân nhân này đều phục vụ tại các cơ quan trung ương.

Ngày 29-3-1955, tổ chức thanh tra trung ương thành lập với các vị thanh tra kiêm chỉ huy trưởng binh chủng, để thay thế cho các bộ chỉ huy binh chủng tại các quân khu bị giải tán. Những vị thanh tra này được coi như những sĩ quan chỉ huy trưởng đầu tiên của binh chủng được bổ nhậm

— Trung tá Nguyễn Khánh thanh tra trưởng nhảy dù

— Trung tá Nguyễn Xuân Trang thanh tra và chỉ huy trưởng pháo binh

— Trung tá Dương ngọc Lắm thanh tra và chỉ huy trưởng thiết giáp

— Thiếu tá Phạm đăng Lân thanh tra và chỉ huy trưởng công binh

— Thiếu tá Trần văn Xồi thanh tra và chỉ huy trưởng xa binh

Riêng Bộ chỉ huy Viễn thông có từ khi thành lập Bộ Tổng Tham Mưu [illegible] lúc đó, được Pháp bàn giao cho [illegible] trong [illegible] Soái. Tổ chức thanh tra nào do một tướng lãnh điều khiển gồm có một bộ tham mưu phụ trách tổng quát các vấn đề thanh tra và các thanh tra viên kiêm chỉ huy trưởng cho mỗi binh chủng

Ngày 1-6-1955, việc huấn luyện theo lối Mỹ trong quân đội được bắt đầu bằng khóa dẫn đạo chỉ huy số 1 tại trung tâm huấn luyện số 1 (TTHL Quang Trung ngày nay)

Ngày 1-7-1955, kế hoạch quân số mới thi hành với sự dự trù lý thuyết 155.677 người, trong đó có 1.204 nữ phụ tá và 5.319 nhân viên dân chính. Ngoài quân số này, quân đội còn hưởng một cấp khoản phụ trội 10.000 người dành thu nạp các đơn vị giáo phái. Ngay sau khi ban hành kế hoạch quân số mới này, vấn đề giải ngũ ngưng hẳn. Tính từ đầu năm có 58.445 người giải ngũ

Kế hoạch quân số mới đã làm thay đổi khá nhiều sự cải tổ quân lực đang tạo hình đại để những vấn đề chính của kế hoạch được ghi nhận như sau

— Thành lập 10 sư đoàn bộ binh, trong đó

— 4 sư đoàn là dã chiến

— 6 sư đoàn là khinh chiến

— 1 liên đoàn nhảy dù

— 4 trung đoàn kỵ binh thiết giáp

— 11 tiểu đoàn pháo binh

— 13 trung đoàn địa phương

— 6 trung đoàn bộ binh giáo phái (trong khuôn khổ cấp khoản 10.000 người)

— Tăng cường và kiện toàn các cơ cấu từ trung ương tới địa phương.

Ngày 20-8-1955, quân chủng Hải và Không quân mới được Pháp bàn giao.

Ngày 1-9-1955, mở đầu việc huấn luyện tân binh quân dịch.

Ngày 29-9-1955, các sĩ quan Việt đầu tiên du học Hoa Kỳ được gửi tới trường Fort Benning, theo học các lớp cơ giới, xa vận bộ binh và hoàn bị sĩ quan. Ngoài ra cũng trong năm này, một số sĩ quan khác được gửi đi Phi Luật Tân theo học các khóa về điện ảnh, tin tức, y tế, công binh và quân nhu và tới Hạ Uy Di để quan sát các tổ chức quân sự của Mỹ

Ngày 1-11-1955, thẩm quyền quân sự miền giới tuyến (Đông Hà) được Pháp bàn giao, tuy nhiên Pháp vẫn duy trì một toán 40 hiến binh Pháp để cùng Việt Minh hoạt động trong Ủy ban hỗn hợp tại đây

Ngày 26-10-1955, sau khi trưng cầu dân ý và truất phế Ông Bảo Đại (23-10-1955), thủ





CUỘC
BIỂU DƯƠNG
LỰC LƯỢNG
TẠI SAIGON (15-10-1955).

Thủ tướng Ngô đình Diệm ban thưởng huy chương cho các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp quân đội quốc gia



Thiếu tướng Trần văn Minh, tư lệnh Đệ 1 quân khu chỉ huy tổng quát cuộc diễn binh (15-10-1955).

Cuộc diễn binh



Biểu tình tại dinh Độc Lập nhân ngày tổng thống tuyên bố chính thể Cộng Hòa (26-10-55).



tướng Ngô đình Diệm trở thành tổng thống và kể từ ngày này QUÂN ĐỘI QUỐC GIA đổi thành QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

2 GIAI ĐOẠN ĐỘC LẬP (1956 trở đi...)

Giai đoạn độc lập là chặng chót trên tiến trình hình thành của quân đội quốc gia, giai đoạn trưởng thành của một tổ chức quân lực thoát khỏi sự chi phối của người Pháp, với một bản chất độc lập

Khó mà có thể xác định một cách rõ ràng thời gian chuyển từ hình thức chuyển tiếp sang hình thức độc lập. Ở đây, ta chỉ có thể đánh dấu giai đoạn bằng các hoạt động chính trị của chính phủ để khôi phục chủ quyền quốc gia và gạt bỏ các sự chi phối của người Pháp.

Bản chất độc lập của quân đội đã được thể hiện bằng những cuộc hành quân đầu tiên không bị chi phối của Pháp mà do chính phủ trung ương điều khiển, điển hình là những cuộc hành quân này

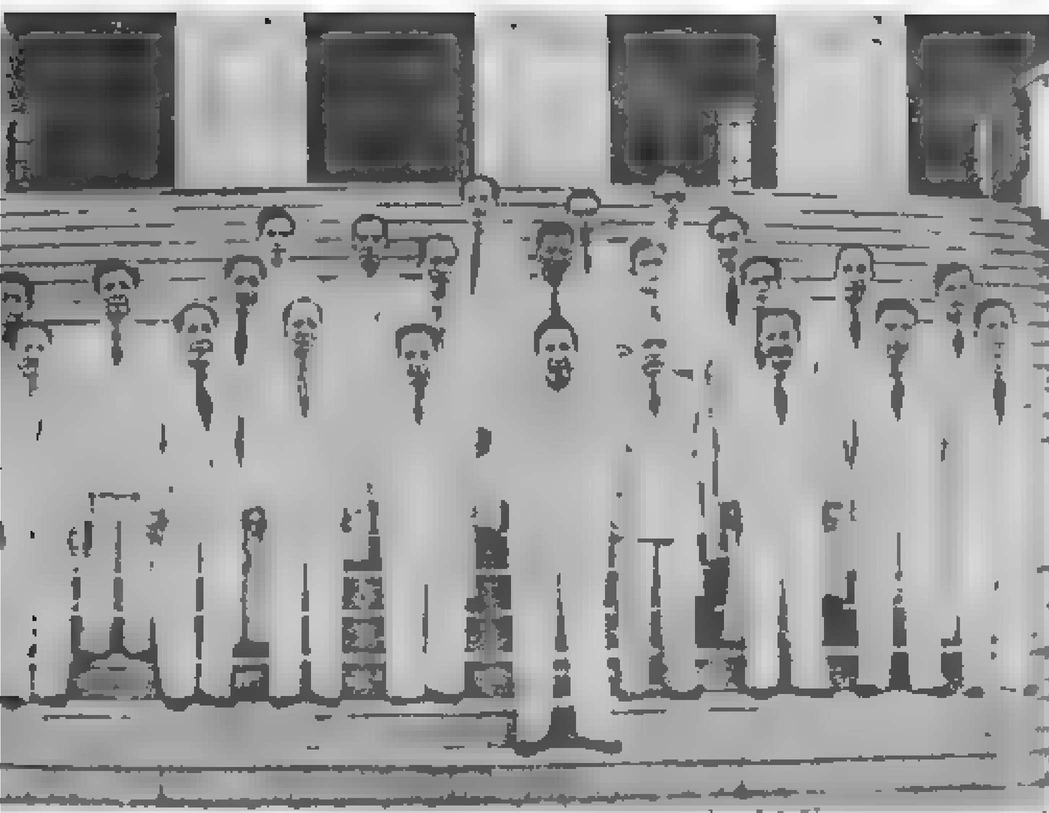
— Hành quân tiễu trừ Bình Xuyên tại đô thành (28-4-1955)

— Chiến dịch Đinh Tiên Hoàng tiễu trừ Hòa Hảo (23-[illegible]-1955)

— Chiến dịch Hoàng Diệu tiễu trừ Bình Xuyên ở Rừng Sát (21-9-1955), v v...

Bản chất độc lập của quân đội được thể hiện rõ ràng hơn nữa, kể từ ngày 26-4-1956, ngày mà Bộ tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Saigon giải tán. Tất cả các thẩm quyền quân sự của Pháp còn lại cũng kể từ ngày này trao hết lại Việt Nam





Chính phủ Bảo Đại đầu tiên.

Hàng đầu : Quốc trưởng BẢO ĐẠI.

Hàng hai : (trái qua phải) ĐỖ QUANG GIAI cựu thứ trưởng nội vụ — TRẦN QUANG VINH tổng trưởng quốc phòng — NGUYỄN PHAN LONG tổng trưởng ngoại giao — NGUYỄN KHẮC VỆ tổng trưởng tư pháp — NGUYỄN VĂN XUÂN phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng — TRẦN THIỆN VÀNG cựu tổng trưởng canh nông — VŨ NGỌC TRÂN tổng trưởng nội vụ · NGUYỄN HỮU PHIẾM tổng trưởng y tế.

Hàng ba : (trái qua phải) TRẦN VĂN TUYÊN tổng trưởng thông tin — NGÔ QUỐC CÔN cựu thứ trưởng lao động và xã hội — DƯƠNG TẤN TÀI tổng trưởng tài chánh — NGUYỄN KHOA TOÀN cựu tổng trưởng giáo dục và nghi lễ — NGUYỄN VĂN TÝ cựu tổng trưởng công chánh và kế hoạch — TRẦN VĂN CỦA tổng trưởng công chánh kế hoạch và giao thông — HOÀNG CUNG tổng trưởng thương mại — PHAN HUY QUÁT tổng trưởng quốc gia giáo dục.

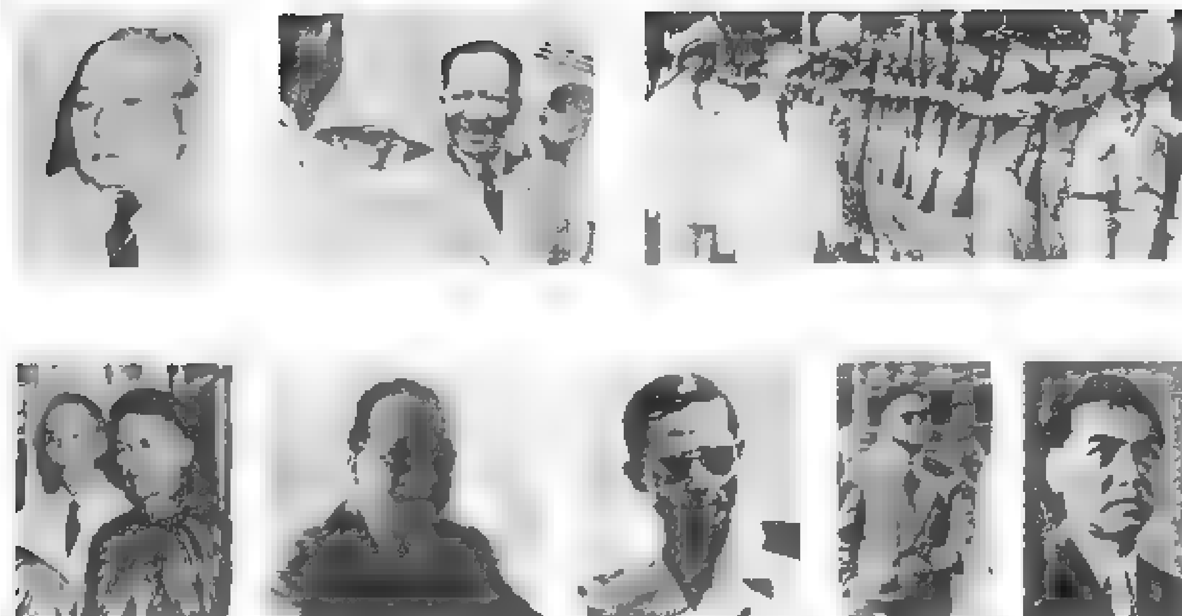
Hàng tư : (trái qua phải) ĐẶNG TRINH KỲ bộ trưởng phủ thủ tướng — HÀ XUÂN TẾ cựu thứ trưởng thanh niên và thể thao — NGUYỄN TÔN HOÀN tổng trưởng thanh niên và thể thao.

Hàng năm : (trái qua phải) LÊ THĂNG tổng trưởng ngoại giao — TRẦN VĂN VĂN bộ trưởng kinh tế — PHAN KHẮC SỬU tổng trưởng lao động canh nông và xã hội.



CÁC CƠ CẤU ĐẦU NÃO

- BỘ QUỐC PHÒNG : LƯỢC SỬ NHÂN VẬT △ GUỒNG MÁY HOẠT ĐỘNG △ HỘI ĐỒNG QUỐC PHÒNG △ HỆ THỐNG VỚI PHÁP △ HỆ THỐNG VỚI MỸ
- CÁC NHA SỞ TRUNG ƯƠNG . Ý NIỆM VỀ VIỆC TỔ CHỨC NHA SỞ TRUNG ƯƠNG △ LƯỢC SỬ CỦA CÁC NHA SỞ TRUNG ƯƠNG.
- BỘ TỔNG THAM MƯU TỔ CHỨC TỔNG QUÁT △ TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH, THANH TRA △ VẤN ĐỀ TÀI GIẢM QUÂN SỐ 1955 △ KẾ HOẠCH QUÂN SỐ 1955 △ VÀI NHẬN XÉT



Hàng đầu (trái qua phải)

NGUYỄN VĂN XUÂN
NGUYỄN PHAN LONG
TRẦN VĂN HỮU

Hàng hai . (trái qua phải)

NGUYỄN VĂN TÂM
BỬU LỘC
PHAN HUY QUÁT
NGHIÊM VĂN TRÍ
TRẦN TRUNG DUNG

CÁC CƠ CẤU ĐẦU NÃO

A. BỘ QUỐC PHÒNG

I. LƯỢC SỬ NHÂN VẬT

NHÂN vật đầu não trước nhất của Bộ Quốc phòng là ông Nguyễn văn Xuân được chỉ định làm phó thủ tướng kiêm tổng trưởng Quốc phòng trong chính phủ Bảo Đại thành lập ngày 2-7-1949.

Tổng trưởng Quốc phòng kế tiếp là ông Phan huy Quát trong nội các Nguyễn phan Long tấn phong 18-1-1950. Bộ Quốc phòng thời ông Quát đặt tại số 22 đại lộ Carreau Hanoi.

Ngày 6-5-1950, ông Nguyễn phan Long ra đi; ông Trần văn Hữu thay thế làm thủ tướng kiêm tổng trưởng Quốc phòng, đặt ông Trần quang Vinh là người Cao Đài làm tổng trưởng Quân lực. Bộ Quốc phòng lại được chuyển vào Saigon đặt tại số 81 đường La Grandière (nay là Gia Long); căn nhà này trước kia vừa là tư thất của trung tướng Xuân, vừa dùng làm trụ sở cho Bộ Quốc phòng.

Ngày 20-2-1951, nội các Trần văn Hữu cải tổ lại xóa bỏ Bộ Quân lực, tới ngày 8-3 1952 lại cải tổ và chỉ định ông Nghiêm văn Trí làm phụ tá Quốc phòng; kế đó ông Nghiêm văn Trí làm tổng trưởng Quốc phòng trong nội các của ông Nguyễn văn Tâm thay thế ông Hữu.

Tháng 1-1953, nội các Nguyễn văn Tâm cải tổ và đặt ông Lê quang Huy quyền tổng trưởng Quốc phòng

Tháng 6-1953, nội các Nguyễn văn Tâm lại cải tổ, đặt ông Phan huy Quát một lần nữa giữ tổng trưởng Quốc phòng. Ông Quát tiếp tục giữ chức vụ này trong nội các kế tiếp của hoàng thân Bửu Lộc. Ông Quát sau giao lại cho ông Lê Thăng quyền tổng trưởng trong một thời gian rất ngắn.

Ngày 7-7-1954, nội các Ngô đình Diệm ra đời; ông Diệm, thủ tướng kiêm tổng trưởng Quốc phòng, đặt ông Lê ngọc Chấn làm bộ trưởng Quốc phòng.

Ngày 17-9-1954, thủ tướng Ngô đình Diệm cử trung tướng Nguyễn văn Xuân làm tổng trưởng Quốc phòng ; nhưng tới ngày 24-9-1954, ông Nguyễn văn Xuân từ chức và nội các Diệm cải tổ. Ông Diệm, thủ tướng kiêm tổng trưởng Quốc phòng, đặt ông Hồ thông Minh làm phụ tá Quốc phòng. Trong nội các cải tổ còn có hai Quốc vụ khanh ủy viên quốc phòng do các trung tướng Hòa Hảo Trần văn Soái và Cao Đài Nguyễn thành Phương đảm trách.

Ngày 10-5-1955, nội các Ngô đình Diệm cải tổ ; ông Ngô đình Diệm thủ tướng kiêm tổng trưởng Quốc phòng, đặt ông Trần trung Dung làm tổng trưởng phụ tá Quốc phòng

Ngày 26-10-1955, nền Đệ Nhất Cộng Hòa ra đời, thủ tướng Ngô đình Diệm trở thành tổng thống kiêm tổng tư lệnh tối cao của quân lực. Các tổng trưởng trong chính phủ được đổi gọi là bộ trưởng. Ông Trần trung Dung đang gọi là tổng trưởng phụ tá Quốc phòng đổi gọi là bộ trưởng phụ tá Quốc phòng. Ông Trần trung Dung là người đã duy trì ở trên chức vụ này rất lâu

9. BỘ QUỐC PHÒNG VÀ GUỒNG MÁY HOẠT ĐỘNG.

Bộ Quốc phòng trên hình thức có từ khi thành lập chính phủ trung ương lâm thời

Mãi đến tháng 5-1950, các quyền hạn và phương thức hoạt động của Bộ mới được quy định rõ ràng (NĐ số 160 QP ngày 5-5-1950), và mãi tới tháng 5-1951 các tổ chức đầu tiên thuộc Bộ mới được thiết lập.

Những cơ cấu sơ khởi của Bộ gồm có .

— Một cơ quan hành chánh đầu não

— Nha Nhân viên

— Nha Tư pháp quân sự

— Nha Tổng Hành chánh và Binh lương

— Nha Quân cụ

— Nha Quân y.

Tới giữa năm 1952, sau khi Bộ Tổng Tham Mưu thành lập, Bộ Quốc phòng đã gồm có

- Nha Động lý

— Nha Tổng Hành chánh và Binh lương

- Nha Thanh tra

— Nha Tư pháp quân sự

— Sở Báo chí và Thông tin

— Nha Quân nhu

— Nha Quân cụ

— Nha Quân y

— Nha Nhân viên

Các Nha Quân nhu, Quân cụ, Quân y và Nhân viên lúc đó không phải là những cơ quan trực thuộc hẳn Bộ mà còn trực hệ cả Bộ Tổng Tham Mưu

Xem sơ đồ tổ chức ngành quốc phòng Việt Nam (1-6-1952).

Từ đầu năm 1953, các hoạt động quốc phòng được xây dựng trên hai nguyên tắc

— Nguyên tắc hoạt động của ngành chuyên môn

- Nguyên tắc phối hợp và thống nhất các hoạt động quốc phòng.

Nguyên tắc hoạt động ngành chuyên môn là làm thế nào thể hiện cho từng cơ quan những nhiệm vụ rõ ràng không trùng dẫm để mỗi cơ quan trong phần trách nhiệm giao phó có thể tự đảm nhiệm và phát huy được việc làm

Nguyên tắc phối hợp và thống nhất các hoạt động của Bộ là làm thế nào để kết hợp các hoạt động của Bộ với một hệ thống điều hành chặt chẽ.

Để thi hành các trách nhiệm quốc phòng, vào cuối năm 1953, Bộ cải tổ thành lập ra Tổng Nha Hành chánh Ngân sách và Kế toán thay thế cho Nha Tổng Hành chánh và Binh lương. Với việc cải tổ này, ông tổng trưởng quốc phòng được quyền ủy nhiệm cho các giới chức gần gụi nhất để phân chia trách nhiệm

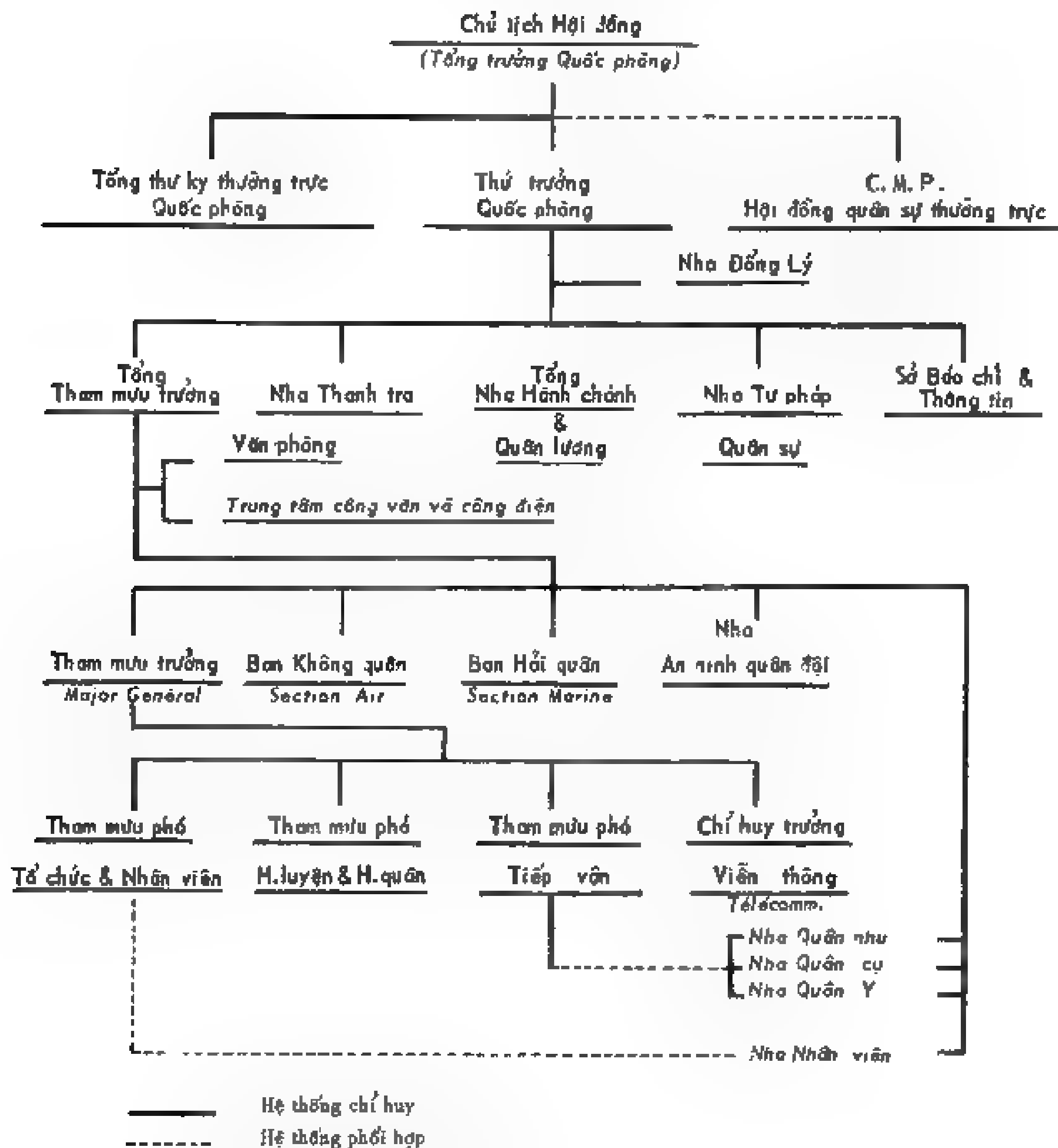
Về phương diện chỉ huy đơn vị, ông tổng trưởng ủy nhiệm cho vị tướng giữ chức tổng tham mưu trưởng thủ lãnh.

— Về phương diện hành chánh, ông tổng trưởng ủy nhiệm cho ông tổng giám đốc Tổng Nha Hành chánh Ngân sách và Kế toán được gọi tắt là Tổng Nha Hành Ngân Kế thủ lãnh.

Cả hai chức vụ trên với những quyền hạn được ủy nhiệm có thể ban hành các chỉ thị cho các đơn vị và cơ quan trực thuộc, miễn là những chỉ thị ban hành không trái với chính sách và đường lối của Bộ đã vạch ra.

Kế hoạch quân số mới năm 1955 khiến Bộ mở rộng như sau

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NGÀNH QUỐC PHÒNG VIỆT NAM
(01.6.1952)



* CƯỚC CHÚ – Nha Nhân viên được đặt trực hệ Bộ Tổng Tham Mưu, khác với lúc trước trực thuộc Bộ Quốc phòng.

— Nha Đổng lý
Tổng Nha Hành chánh Ngân sách và Kế toán
— Nha Tổng nghiên huấn
Tổng thanh tra quân lực và Tổng thanh tra quân phí
— Nha Nhân viên quân sự và dân sự
— Nha Quân pháp và Hiến binh
— Nha Cựu chiến binh và Nạn nhân chiến tranh
— Nha Chiến tranh tâm lý
— Nha Xã hội và Văn hóa
— Nha An ninh quân đội
— Nha Công thự và Công tác
— Nha Quân cụ
— Nha Quân nhu
— Nha Quân y
— Nha Quân bưu
— Nha Địa dư quốc gia
— Viện trắc nghiệm tâm lý quân đội
— Sở Hỏa xa quân đội.

Ngoài Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng Tham Mưu và các cơ cấu trực thuộc, tổng thống phủ lúc ấy còn thiết lập một tham mưu biệt bộ quân sự cho riêng mình để tiện theo dõi các hoạt động của quân đội.

3. HỘI ĐỒNG QUỐC PHÒNG

Từ năm 1952, tại Bộ Quốc phòng có một hội đồng quốc phòng do ông tổng trưởng làm chủ tịch.

Hội đồng quốc phòng hoạt động phối hợp với

— Nha Tổng thư ký thường trực quốc phòng (Secrétariat général permanent de la défense nationale).

— Hội đồng quân sự thường trực (Comité militaire permanent).

Nha Tổng thư ký thường trực quốc phòng là một nha trực thuộc phủ thủ tướng thành lập từ 1-12-1950. Nha này có nhiệm vụ phụ giúp thủ tướng, phối hợp liên bộ và nghiên cứu với Bộ Quốc phòng những vấn đề quân sự. Nha này do một giám đốc là dân sự hay sĩ quan cao cấp điều khiển, nếu vị chánh là dân sự thì phó phải là quân sự và ngược lại nếu chánh là quân sự thì phó phải là dân sự.

Tới 1-12-1953, để nhận lãnh một sự phối hợp vừa rộng rãi vừa chặt chẽ giữa các cơ quan Pháp và các quốc gia liên kết, nha này được cải thành Nha thư ký thường trực phòng thủ (Secrétariat permanent de la défense) và được coi như một cơ quan của Pháp với nhiệm vụ mới là đặt sự phối hợp chặt chẽ giữa Phủ cao ủy Pháp, Bộ tư lệnh quân đội Pháp và các chính phủ quốc gia Việt Miên Lào. Nhưng tới tháng 8-1954, nha này lại trao trả Việt Nam với danh hiệu được phục hồi như cũ.

Còn Hội đồng quân sự thường trực như ở phần trên đã trình bày là một hội đồng cấp thấp của Hội đồng cao cấp quân sự Việt Pháp (Haut comité militaire franco-vietnamien).

Sự tham dự của ông tổng trưởng trong các hội đồng này nhằm để an định và phối hợp các sự thi hành phù hợp theo với chính sách quân sự và quốc phòng lúc đó.

4. HỆ THỐNG LIÊN LẠC VÀ PHỐI HỢP VỚI PHÁP.

Trong việc liên lạc và phối hợp quân sự với chính quyền Việt Nam, Pháp sắp đặt như sau

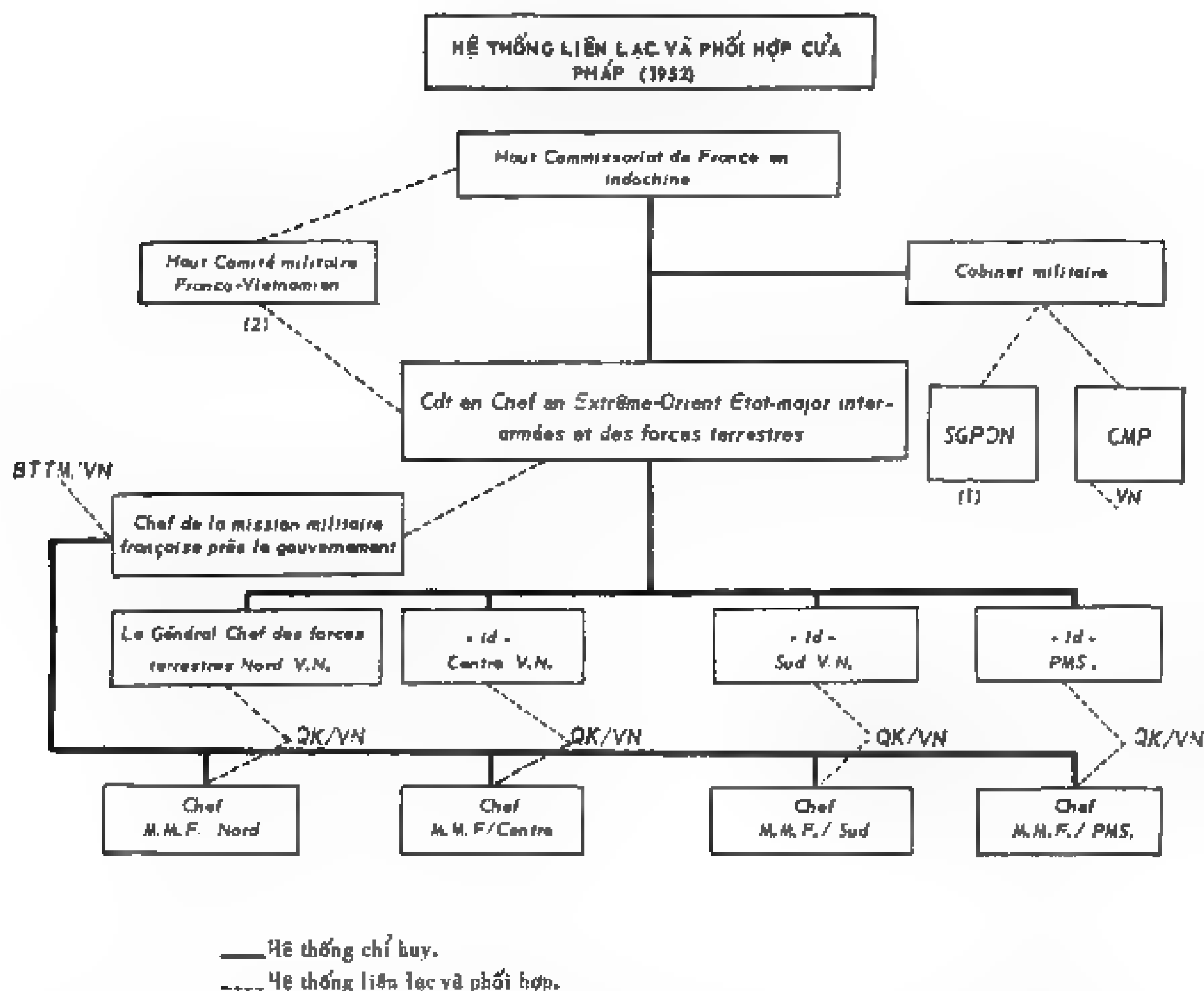
1) Tại Phủ cao ủy Pháp có một Văn phòng quân sự (Cabinet militaire) chuyên trách liên lạc và phối hợp với Hội đồng quân sự thường trực (C.M.P.) và với Nha Tổng thư ký thường trực quốc phòng. Ngoài ra, văn phòng này còn có nhiệm vụ liên lạc và phối hợp với những cơ quan Pháp như sau

— Biệt bộ tham mưu Pháp tại Saigon (Etat major particulier de Saigon)
— Biệt bộ tham mưu Pháp tại Balê (Etat major particulier de Paris)
— Các cố vấn quân sự Pháp tại Balê

2) Bên cạnh chính phủ Việt Nam, Pháp đặt một Phái bộ quân sự Pháp (Mission militaire française).

Phái bộ quân sự Pháp này bắt đầu liên lạc với Bộ từ đầu năm 1950 và từ trước đó đã liên lạc trực tiếp với Phủ thủ tướng.

Phái bộ quân sự Pháp trên danh nghĩa là một cơ quan trung gian đại diện chính phủ Pháp bên cạnh chính phủ Việt Nam để trợ giúp và cố vấn quân đội quốc gia trên phương diện bình đẳng và tôn trọng chủ quyền độc lập của Việt Nam, nhưng thực ra phái bộ này là một bộ máy kiểm soát quân đội quốc gia trong lúc ấy.



____ Hệ thống chỉ huy.

----- Hệ thống liên lạc và phối hợp.

CƯỚC CHÚ

(1) - Tới năm 1953, tổ chức này đổi là SPDN (*Secrétariat permanent de la défense nationale*).

(2) - Một hội đồng dưới là CMP (*Comité militaire permanent*) ghi ở phía trái sơ đồ.

Phái bộ quân sự Pháp đặt hệ thống từ trung ương tới địa phương và hoạt động trong mọi cơ quan và đơn vị Việt Nam. Tại trung ương, Phái bộ quân sự Pháp đặt tại Cholon do một đại tá điều khiển ; tại mỗi quân khu, có một phái bộ đặt cạnh bộ tư lệnh quân khu ; và tại mỗi đơn vị và cơ quan đều có nhân viên của phái bộ làm việc theo thông thường chứ không nhân danh dưới danh nghĩa một phái bộ.

Các phái bộ quân sự trung ương và địa phương Pháp có nhiệm vụ quản trị, trả lương và điều động nội bộ quân nhân Pháp phục vụ trong các cơ quan và đơn vị Việt Nam, ngoài ra các phái bộ này còn phụ trách nghiên cứu chuyển đạt các vấn đề quân sự của Việt Nam lên chính phủ Pháp (đúng ra là Bộ tư lệnh Pháp) để yêu cầu giải quyết giúp đỡ. Nhưng thực ra, lúc đó các sĩ quan Việt Nam cũng ít khi có ý kiến đạo đạt mà người ta chỉ biết có người Pháp ở trong quân đội Việt Nam.

Theo một bản thống kê cuối năm 1952, Phái bộ quân sự Pháp quản trị một nhân số là 4.568 người Pháp phục vụ trong các cơ quan và đơn vị Việt Nam. Số này có 718 sĩ quan, còn bao nhiêu là hạ sĩ quan chứ không có binh sĩ. Các quân nhân này gồm hai loại

— Loại vệ binh (garde républicaine) gồm 2.011 người, nòng cốt chỉ huy trên 26.000 vệ binh quốc gia.

Loại quân đội (cadres de l'armée) 2.557 người hoạt động trong tất cả mọi ngành của quân đội quốc gia.

5. CÁC MỐI LIÊN LẠC VỚI HOA KỲ.

Người Mỹ có mặt tại Việt Nam từ sau thế chiến thứ hai nhưng thực sự tham gia vào cuộc chiến đấu chống cộng sản kể từ ngày 8-5-1950 sau khi quyết định viện trợ quân sự cho Pháp để theo đuổi cuộc chiến tranh tại Đông Dương. Tới ngày 30-5-1950, phái bộ kinh tế Mỹ đến Saigon và ngày 15-7-1950 kế đến phái bộ quân sự Mỹ (U.S. military mission). Tới ngày 23-12-1950, Mỹ ký hiệp ước ngũ phương với nước Pháp, Việt, Miên và Lào bằng loạt viện trợ quân sự gián tiếp cho các quốc gia Đông Dương (qua tay Pháp) ; và kể từ đấy Phái bộ viện trợ quân sự Hoa Kỳ (Military assistance advisory group), tắt là M.A.A.G. được thiết lập tại Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngoài ra, ngày 7-9-1951 Mỹ ký với Việt Nam một hiệp ước viện trợ kinh tế trực tiếp và đã khởi với viện trợ quân sự chỉ ở tư cách gián tiếp.

Phái bộ viện trợ quân sự Hoa Kỳ từ khi thiết lập tới lúc cuộc chiến tranh chấm dứt giữa năm 1954, chỉ giao dịch với các cơ quan của Pháp, ít khi liên lạc với các cơ quan của Việt Nam, ngoài việc cử các phái đoàn thăm viếng những cơ quan và đơn vị Việt Nam. Các phái đoàn này đã thăm viếng nhiều nhất trong các năm 1953-54.

Sau ngày đình chiến, Pháp chuẩn bị ra đi, Hoa Kỳ tạm thời biến phái bộ MAAG tại Việt Nam thành phái bộ T.R.I.M. (Training Relations Instruction Mission), được dịch là phái bộ liên lạc và huấn luyện Mỹ — Pháp (1) thành lập ngày 20-4-1955.

Phái bộ này ra đời do sự thoả thuận của Mỹ-Pháp, thực ra do Mỹ nhưng còn sự hiện diện của Pháp nên có Pháp, nhằm đề đặt một chương trình chung về huấn luyện và về tổ chức quân lực cho các quốc gia Đông Dương, một chương trình đặt theo quan điểm của người Mỹ thì đúng hơn. Để khoác cho phái bộ TRIM một tầm mức quan trọng, cả các tướng John O'Daniel trưởng phái bộ viện trợ quân sự Hoa Kỳ Việt Nam và Paul Ely cao ủy Đông Dương kiêm tổng tư lệnh quân đội Pháp cùng tham dự trên cấp bậc điều khiển. Phái bộ TRIM còn phối hợp với những giới chức thẩm quyền Việt Nam, nhưng Pháp cũng như Việt Nam chỉ là những thành phần góp ý trong những vấn đề do Mỹ đề ra.

Phái bộ TRIM ở cấp trung ương có một bộ tham mưu hỗn hợp; ở các cấp địa phương và đơn vị, có các toán cố vấn TRIM toàn là người Mỹ.

Nhiệm vụ của cố vấn TRIM là cố vấn, trợ giúp kỹ thuật cho các sĩ quan Việt Nam trong các vấn đề tổ chức và huấn luyện. Vai trò của các cố vấn TRIM chỉ được giới hạn trong những nhiệm vụ như sau

đại diện cho đại tướng trưởng phái bộ ;

cố vấn và trợ giúp kỹ thuật theo yêu cầu của sĩ quan Việt Nam ;

được thẩm quyền thăm viếng các đơn vị Việt Nam và theo dõi các chỉ thị ban hành trong quân đội ;

không có quyền chỉ huy các đơn vị Việt Nam.

(1) Người Pháp phiên dịch từ TRIM sang tiếng Pháp là «Mission de liaison pour l'entraînement et l'instruction des forces armées du Việt Nam», có lúc họ gọi là «Mission des conseillers pour l'instruction et l'organisation des FAVN». Còn danh từ «Mission militaire française» có lúc họ gọi là «Mission franco d'assistance militaire».

Trung tướng Hinh tiếp đón một phái đoàn quân sự Mỹ [illegible]

Trung tướng Nguyễn văn Hinh và các giới chức Việt – Pháp – Mỹ chào quốc kỳ tại trước dinh thủ tướng

Tổ... N... Tòa ... [illegible] ... Pat... [illegible] ... Richard Nixon
... phu nhân ... [illegible]



Tướng J. W. O'Daniel, tư lệnh các lực lượng Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương (thay tướng Trapnell) kiêm trưởng phái bộ Mỹ tại Việt Nam.

[illegible] TRIM lần lượt đến có từ đầu [illegible] Nam [illegible] trung tá Murphy [illegible] Dec [illegible] Harold trường Dalat, trung tá [illegible] sở 1, trung tá Trott le Roy [illegible] binh, trung tá Robert [illegible] 21 [illegible] Grady Ronnan [illegible] những sĩ quan cố vấn đầu tiên. Tới tháng 5-1955, [illegible] vấn đến quân khu (2) và tháng 9-1955 mới tới Viện Nghiên cứu quân sự v.v...

Tháng 4-1956, khi quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam, phái bộ TRIM lại đổi thành phái bộ MAAG như cũ, và từ lúc này, người Mỹ liên lạc [illegible] người Việt và không qua trung gian người Pháp nữa.

B. CÁC NHA SỞ TRUNG ƯƠNG

1. MỘT VÀI Ý NIỆM VỀ VIỆC TỔ CHỨC CÁC NHA SỞ

KHÔNG những chỉ có các nha sở trung ương mà khi tổ chức một ngành hoạt động, người ta [illegible] những tổ chức ăn sâu xuống các địa phương. Bởi vậy, ngay sau khi được thành lập tại trung ương, các ngành quân cụ và quân y có ngay những nha địa phương (directions régionales) tại mỗi quân khu v.v... Riêng ngành hành chánh và quân lương khác hẳn, thay vì là nha lại có các trung tâm hành chánh quân vụ ở cấp địa phương để lo quản trị về quân trang và lương bổng. Ngành hành chánh sơ khởi được thành lập từ năm 1949 với một cơ quan điều khiển là Nha Nhân viên và Tổng Hành chánh; tới đầu năm 1951, Nha Nhân viên tách ra và thành lập thêm Tổng Nha Hành chánh và Binh lương. Còn các Nha Nhân viên và Nha Tư pháp quân sự chỉ có cấp trung ương. Bởi vì Nha Nhân viên khi được tách ra chỉ lo thuần túy về [illegible] (1) [illegible] giữa Phòng 1 TTM và Nha Nhân viên [illegible] Phòng 1 và Phòng Tổng quản trị ngày nay với một bên lo về kế hoạch và một bên lo về quản trị mà thôi. Sau Nha Nhân viên đổi là Nha Nhân viên dân sự và quân sự để phụ trách cả vấn đề động viên, bởi vì trước đó vấn đề tuyển mộ do một phòng riêng thuộc Bộ Tổng Tham Mưu gọi là Phòng Tuyển mộ. Một điểm đặc biệt nữa là ngành Quân nhu vào lúc phôi thai [illegible] lương, mãi tới cuối năm 1951 mới được tách ra thành một Nha Quân nhu riêng biệt nhưng khác với các nha khác, ở cấp quân khu chỉ có các Sở Quân nhu [illegible] riêng biệt mà lại [illegible] của các Trung tâm Hành chánh quân vụ địa phương (Centres administratifs régionaux).

[illegible] nha sở trung ương và địa phương kể từ năm 1953 mới phát triển khả quan, còn trước đó hoạt động yếu kém, nhất là các nha sở địa phương coi như hoàn toàn lệ thuộc vào Pháp.

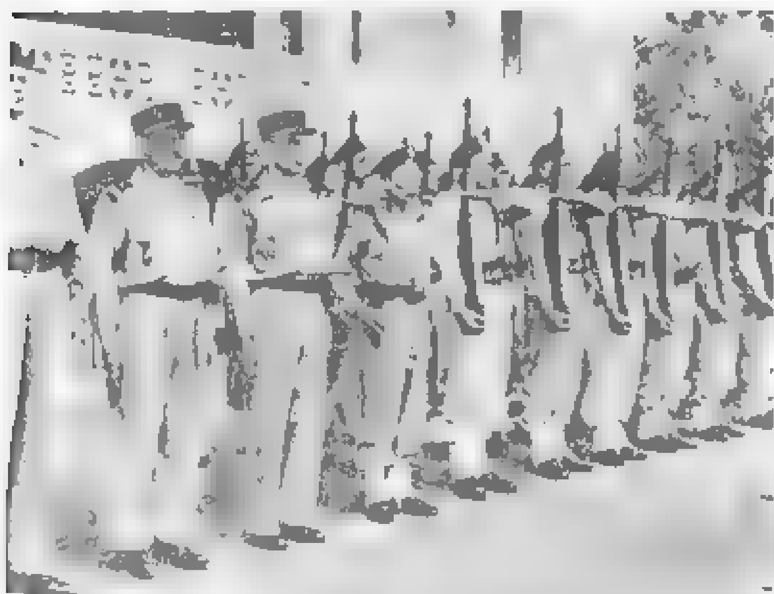
Mãi tới năm 1955, Bộ Quốc phòng [illegible] có một bộ mặt hoạt động thực sự [illegible] số các nha sở như đã nêu trên, và dưới đây là lược sử của những [illegible]

2. NHA QUÂN PHÁP VÀ HIẾN BINH

Khởi đầu, tổ chức này tên là Nha Tư pháp quân sự thành lập kể từ ngày 26-1-1951 do

(2) Mãi tới năm 1961, các cố vấn Mỹ mới tới tiểu khu.

(1) Để tiện bề so sánh, chúng tôi xin liệt kê nhiệm vụ và tổ chức của P1/TTM và Nha Nhân viên vào giữa năm 1951: a) P1 TTM có ba ban: ban Tổ chức, ban Quân số và ban Lập Quy (lo việc động viên+tuyển mộ+phụ lực quân. b. Nha NV có bảy phòng: P1 tạp quy tổng quát, P2 quân số sĩ quan, P3 quân trường và các khóa học, P4 kỷ luật và quân pháp, P5 quân số hạ sĩ quan, P6 tiếp liệu, và P7 dân chánh.



Các huấn luyện viên Pháp tại trường Hiến binh Thủ Đức là những người đã mang truyền thống và kinh nghiệm của binh chủng này dạy cho các Hiến binh Việt Nam.

nghị định số 4 QP/NĐ, có nhiệm vụ tổ chức các tòa án quân sự, tuyển lựa và quản trị nhân viên tòa án, ban hành các chỉ thị cho công tố viện quân sự, nghiên cứu các văn kiện về phương diện pháp lý.

Sau đó, các tòa án quân sự lần lượt thành lập:

[illegible] sự Saigon (2[illegible])

Tòa [illegible] Hanoi (23-03-[illegible])

[illegible] quân sự Huế (21-11-1953)

[illegible] quân sự NhaTrang (13-05-[illegible])

Ngành Hiến binh quốc gia thành lập ngày 1-9-1951 do nghị định số 138 VP/NĐ ngày 23-8-1951 để thay thế cho hiến binh Pháp. Hiến binh quốc gia có nhiệm vụ bảo đảm an ninh công cộng, duy trì trật tự và thi hành luật pháp.

Tới cuối năm 1952, đáp ứng theo lời yêu cầu của các tư lệnh quân khu, ngành hiến binh được tổ chức thêm một bộ môn hoạt động làm gọi là bộ môn quân cảnh [illegible] (prévôté). Hiến binh khác [illegible] cộng tác với các giới chức quân sự, quân pháp và với cả các giới chức dân sự trên một nhiệm vụ có tính cách chuyên môn, còn quân cảnh chỉ làm việc với quân đội dưới quyền các tư lệnh quân trấn. Hiến binh phải tuyên thệ trước tòa án với việc đặc biệt được mang một mũ lưỡi trai màu đỏ, còn quân cảnh ăn mặc thông thường như những quân nhân khác, ngoài dấu hiệu riêng và không phải tuyên thệ trước tòa án. Một khác [illegible] thường là hạ sĩ quan [illegible]

Danh từ hiến binh quốc gia (gendarmerie nationale) mang cho ngành này một sự hoạt động rộng rãi, bởi vì ngoài sự trực thuộc Bộ Quốc phòng, ngành này còn trực thuộc Bộ Nội vụ về [illegible] cảnh sát hành chánh và thi hành luật lệ quốc gia, thuộc Bộ Tư pháp về việc cảnh sát tư pháp, [illegible], khám phá các trọng tội, khinh tội và vi cảnh, và còn dưới quyền Bộ Kinh tế về việc kiểm soát giá biểu và phát giác các vụ buôn lậu.

Hiến binh quốc gia, ngoài bộ tham mưu và hai quân trường ở Thủ Đức và Hanoi có bốn đại đội:

1) *Đại đội Nam Việt*

— Trung đội Saigon gồm có các đồn Saigon, Baria, Biên Hòa, Vũng Tàu, Cholon, Gia Định, Gò Công, Gò Đen, Gò Vấp, Hơn Quản, Mỹ Tho, Tân An, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Thủ Đức và Trảng Bàng.

— Trung đội Cần Thơ gồm có các đồn Cần Thơ, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, SaĐec, Sóc Trang, Tân Châu, Trà Vinh và Vĩnh Long.

2) *Đại đội Trung Việt*

Trung Đội Tourane gồm có các đồn Tourane, cảng Tourane, Đồng Hới, Faifoo, Huế và Quảng Trị.

— Trung đội Nha Trang gồm có các đồn Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết và [illegible]

3) *Đại đội Bắc Việt*.

Trung đội Hanoi gồm có các đồn Hanoi, Nam Định

– Trung đội Hải Phòng gồm có Hải Phòng, Campha port, Đồ Sơn, Hà Cối, Hải Dương, HonGay, MonCay, Quảng Yên và Tiên Yên.

4) *Đại đội Cao Nguyên*

— Trung đội ĐaLạt gồm có các đồn ĐaLạt và Djiring.

– Trung đội Ban mê thuột gồm có các đồn Ban mê thuột, An Khê và Kontum.

Quân cảnh có những đồn như sau Saigon, Huế, Hanoi sau mở thêm các đồn Mỹ Tho, Bến Tre, Quảng Trị và Đông Hà.

Lúc cao nhất, quân số hiến binh lên tới 1.000 người với các đại đội có thành phần khác nhau, mỗi đồn khoảng năm hay sáu người. Còn quân cảnh chỉ có một quân số trên một trăm người.

Như trên đã nói, hiến binh và quân cảnh có nhiệm vụ khác nhau, nhưng khi thiết lập [illegible] đồn quân cảnh lại giao cho chỉ huy trưởng hiến binh phụ trách và quản trị luôn, nên các tổ chức [illegible] vẫn là một.

Trước tháng 6-1953, Nha Tư pháp quân sự và ngành hiến binh là hai tổ chức [illegible] biệt, nhưng vì có sự liên hệ về công việc với nhau nên kể từ ngày 20-6-1953, do sắc lệnh số 70 QP, hai ngành này được ghép [illegible] một tổ chức duy nhất, [illegible] là Nha Quân pháp và Hiến binh đặt dưới quyền của một giám đốc. Trong tổ chức nội bộ, có một phần nha hiến binh và trong phần nha hiến binh lại còn phức tạp hơn có một bộ tư lệnh hiến binh, có nghĩa là phần nha lo [illegible] hành chánh và bộ tư lệnh lo vấn đề chỉ huy các đơn vị hiến binh. Chức chỉ huy « Chỉ huy trưởng Phần nha hiến binh và Bộ tư lệnh Hiến binh quốc gia ». Chức vụ này đối với nha là phó giám đốc.

Cuối năm 1953, quyền chỉ huy hiến binh vẫn trong tay người Pháp ; sang năm 1954, các cơ sở mới được lần lượt chuyển giao. Đến tháng 9-1955, Phần nha hiến binh và Bộ tư lệnh mới được chuyển cho sĩ quan người Việt điều khiển.

Một đơn vị hiến binh diễn hành.



3. NHA TỔNG NGHIÊN HUẤN.

Nha Tổng nghiên huấn là hậu thân của Phòng 6 Bộ Tổng Tham Mưu. Phòng 6 phụ trách về gián điệp và phản gián điệp được thành lập đầu năm 1953. Cuối năm 1953, phòng này đổi vị thế từ một phòng thuộc Bộ Tổng Tham Mưu thành Ban 6 đặt trong thành phần tổ chức của Tổng hành dinh Bộ Tổng Tham Mưu (6 ème section de la compagnie du Quartier Général de l'EMG) để hoạt động với tính cách của một đơn vị. Tuy nhiên lúc ấy người ta vẫn gọi là Phòng 6 ngay từ ngày thành lập do trung tá Trần đình Lan điều khiển. Tổ chức này có hệ thống tới các quân khu và có lúc có một quân số làm việc tới hơn 1.000 người, đặc biệt đầu năm 1954 cả tiểu đoàn khinh quân số 531 được tăng cường cho Phòng 6 hoạt động.

Mùa thu năm 1954, trung tá Trần đình Lan đã sử dụng các phương tiện của Phòng 6 hậu thuẫn cho trung tướng Hinh để chống lại ông Diệm. Cuộc chống này thất bại khiến ông Lan phải bỏ trốn sang Pháp, Phòng 6 được giao lại cho trung tá Lê văn Lung, nhưng tới đầu năm 1955, cơ quan này đổi tên là Nha Tổng nghiên huấn và đặt trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Nha Tổng nghiên huấn sau lại giải tán và biến thành Sở Liên lạc do trung tá Lê quang Tung chỉ huy và đặt thuộc quyền của tham mưu biệt bộ Phủ tổng thống.

4. NHA CỰU CHIẾN BINH VÀ NẠN NHÂN CHIẾN TRANH.

Nha Cựu chiến binh và Nạn nhân chiến tranh trước là một bộ sau đổi thành một nha thuộc Bộ Quốc phòng

Khi là bộ được gọi là Bộ Cựu chiến sĩ thành lập đầu tháng 8-1952. Bộ này lúc đó thiết lập được một an dưỡng đường cho thương phế binh. Sau Bộ Cựu chiến sĩ bãi bỏ, các vấn đề hưu bổng, dành việc làm cho cựu quân nhân và an dưỡng thương phế binh do Bộ Y tế phụ trách tại một nha gọi là Nha Tổng thư ký Cựu chiến sĩ và Phế binh. Tới sau hiệp định Genève, việc tài giảm quân số đã làm cho chính phủ phải tìm nhiều biện pháp giúp đỡ các cựu chiến binh và thương phế binh tìm việc làm, do đó Bộ Quốc phòng đã thành lập Nha Tổng giám đốc Cựu chiến binh và Nạn nhân chiến tranh. Nha này được thành lập ngày 29-3-1955 sau khi một đại hội cựu chiến sĩ toàn quốc khai mạc ở tòa đô sảnh Saigon.

5. NHA CHIẾN TRANH TÂM LÝ, TÁC ĐỘNG TINH THẦN VÀ CHÍNH TRỊ

Nha này có cái tên dài thòng được thành lập do sắc lệnh số 10 QP ngày 1-2-1954, mãi tới năm 1956 mới đổi gọn là Nha Chiến tranh tâm lý do sắc lệnh số 129 QP ngày 29-9-1956.

Nhưng ngành chiến tranh tâm lý có từ năm 1952 với một Ban tác động tinh thần (Section moral action) thành lập tại Bộ Tổng Tham Mưu cuối năm 1952 ; tới giữa năm 1953, ban này mở rộng thành phòng, gọi là Phòng Tác động tinh thần. Phòng này theo sắp xếp tham mưu gọi tắt là Phòng 5.

Dưới Phòng 5, có các Phòng 5 quân khu và có các ban Tác động tinh thần tại các trại huấn luyện tân binh vào lúc mà các tiểu đoàn khinh binh được thành lập. Ngoài những cơ cấu này, không có những cơ cấu nào khác hoạt động tại các quân binh chủng binh sở thuộc quân lực. Lúc đó tức là trong quãng thời gian của năm 1953 và đầu năm 1954, công tác tâm lý chiến được thực hiện bằng các đề tài và đề mục soạn thảo từ Bộ Tổng Tham Mưu hay hoặc quân khu gửi đến cho các cơ quan và đơn vị phổ biến cho các cấp và binh sĩ, chứ ở tại đơn vị không có những cán bộ chính thức như ngày nay. Tuy nhiên, để yểm trợ cho các công tác mua vui trong đơn vị, có hai đại đội võ trang tuyên truyền được lần lượt thành lập tại Saigon và Huế , đó là Đại đội võ trang tuyên truyền số 1 thành lập ngày 1-5-1953 và Đại đội số 2 ngày 1-3-1954 (1). Đơn vị dành cho Hanoi chưa có hoàn cảnh tổ chức thì đã đình chiến nên không thành lập được.

Ngành này đã được chú trọng ngay từ buổi ban đầu, bởi vì vào giữa năm 1953, chức vụ tham mưu phó tác động tinh thần (sous chef des forces morales) được tạo ra tại Bộ Tổng Tham Mưu và do thiếu tá Trần tử Oai giữ, trong khi đó Phòng 5 vẫn được duy trì và mở thêm một Ban ca nhạc để làm phương tiện giúp vui cho các buổi lễ tại trung ương. Chức vụ tham mưu phó được đặt ra chỉ nhằm tạo cấp chỉ huy đặc trách về vấn đề chính trị trong quân đội. Đầu năm 1954, khi Nha Chiến tranh tâm lý thành lập thì chức vụ tham mưu phó tác động tinh thần bị bãi bỏ nhưng Phòng 5 vẫn được duy trì tại Bộ Tổng Tham Mưu.

---

(1) Mỗi đại đội gồm 226 người trong đó có 5 sĩ quan, chia thành [illegible] trung đội chỉ huy, một trung đội [illegible] [illegible] Vụ liệu [illegible] [illegible] PH [illegible] Wattson, [illegible] Mégaflex, 4 [illegible] quay tay, 1 máy [illegible]-typer, máy chiếu phim [illegible] [illegible] GMC, 4 [illegible].

Lễ tuyên thệ của các khóa sinh khoa tác chiến tinh thần.

Nha Chiến tranh tâm lý khởi đầu hoạt động lẻ tẻ nhưng từ khi Ông Ngô đình Diệm về chấp chánh, quân đội mới có lý tưởng chiến đấu và sự hoạt động của nha này sau đây mới được người ta biết đến.

6. NHA XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA.

Sở Xã hội được thành lập vào tháng 7 năm 1952 với một số nhân viên hết sức eo hẹp. Ngay sau khi thành lập, Sở Xã hội mở một khóa nữ trợ tá xã hội đầu tiên ngày 21-8-1952 tại trường Hùng thấp tự Pháp. Từ trước đó, bóng dáng người phụ nữ Việt Nam đã xuất hiện trong binh phục, đó là đoàn nữ phụ tá.

Nữ phụ tá (Personnel auxiliaire féminin P.A.F.) và nữ trợ tá xã hội (Assistante sociale còn có danh từ Auxiliaire sociale) ăn mặc giống nhau nhưng là hai tổ chức khác nhau. Nữ phụ tá đảm nhiệm công việc tại văn phòng để thay thế nam quân nhân cầm súng ra nơi trận tuyến; công việc chính của họ là thư ký, đánh máy, xếp đặt, điện thoại viên v.v... Còn nữ trợ tá hoạt động trong các mục đích xã hội như cứu trợ, giúp đỡ gia đình sĩ và săn sóc bệnh binh.

Sở Xã hội khi mới thành lập do bà thiếu tướng Nguyễn văn Hinh là một người Pháp điều khiển. Mãi đầu năm 1954, Sở Xã hội mới mở trường riêng tại Gia Định để đào tạo cán bộ, trung bình mỗi khóa thu nạp 35 người so với mỗi khóa học như bên trường của Pháp chỉ có 20 người. Đến tháng 9-1954, Sở Xã hội được mở rộng thành Nha Xã hội và Văn hóa, các nữ trợ tá được gửi tới các quân khu lập thành sở và ngoài ra còn có các ban xã hội với mỗi ban có từ hai đến ba cô được đặt tại các quân trường, đại đơn vị và các phân, tiểu khu để lo các công tác xã hội cho binh sĩ.

Đầu năm 1955, ngành nữ phụ tá giải tán để sát nhập cả vào Nha Xã hội. Cũng vì sự sát nhập này mà chức phó của Nha Xã hội được dành cho nữ giới.

Nữ trợ tá xã hội





Công trường nữ trợ tá xã hội

Trường nữ trợ tá xã hội tại Gia định





Nữ trợ tá xã hội Pháp.

Quốc trưởng Bảo Đại gắn huy chương cho bà Nguyễn văn Hinh (người Pháp), trưởng ngành xã hội của quân đội

Các nữ phụ ta (1953).

7. NHA AN NINH QUÂN ĐỘI

Nha An ninh quân đội được thành lập cùng lúc với Bộ Tổng Tham Mưu vào đầu tháng 5-1952. Nha này khi ấy trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu với vị giám đốc đầu tiên là thiếu tá Trần văn Đôn.

Tới cuối năm 1953, trung tá Đôn lên làm tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham Mưu và sau đó đại tá Mai hữu Xuân, một nhân viên cao cấp của ngành cảnh sát công an được mang cấp bậc động hóa tới thay thế, chứng tỏ là nha này ngay khi mới thành lập đã được chú ý đặc biệt.

Ngành an ninh lúc ấy không có hệ thông dọc, các cơ quan và đơn vị tùy theo sự tín nhiệm đề cử sĩ quan an ninh để hoạt động trong sự trách nhiệm của đơn vị trưởng, báo cáo nha trung ương các tin tức về an ninh nhân sự và đơn vị. Tới cuối năm 1954, để phụ trách an ninh lãnh thổ, các lưu động đội (Les mobiles de sécurité) được thành lập tại các quân khu đặt dưới trách nhiệm của quân khu. Mỗi quân khu tùy theo tầm mức quan trọng được phép thành lập từ hai đến bốn đại đội (3). Các đại đội này chỉ được duy trì tới giữa năm 1955 bị giải tán. Lúc này ngành an ninh được cải tổ và bắt đầu có một hệ thống dọc từ trên xuống dưới, chia ra làm nhiều đồn như sau

— Đồn an ninh Saigon (poste SM) chia 5 chi nhánh tại : CầnThơ, MỹTho, BiênHòa, SócTrăng và VĩnhLong.

— Đồn an ninh Huế chia 2 chi nhánh tại Faifoo và QuảngTrị

— Đồn an ninh Banmêthuột có 2 chi nhánh Pleiku và DaLat.

— Đồn an ninh Nha Trang có 3 chi nhánh Nha Trang, Qui Nhơn và Phan Thiết

8. NHA CÔNG THỰ VÀ CÔNG TÁC

Nha Công thự và Công tác sau đổi là Nha Công thự tạo tác có nhiệm vụ soạn thảo và thi hành chương trình công tác tân tạo, trùng tu doanh trại, bảo toàn tài sản và quản trị tất cả tài sản của quân đội.

Lúc đầu ngành công thự tạo tác hoạt động dưới hình thức một sở thành lập ngày 1-1-1953, hoàn toàn do Pháp chỉ huy ; tới tháng 9-1953, Nha Công thự và Công tác thành hình (cơn có tên là Nha Công thự, Công tác và Chiến lũy) thoát ra khỏi tổ chức của Pháp để chính thức trở thành một cơ quan hành chánh trung ương thuộc Bộ Quốc phòng.

Nha này lúc thành lập thiếu rất nhiều cán bộ chuyên môn, bởi vậy nha đã được phép đồng hóa một số kỹ sư, kiến trúc sư do Bộ Công chánh và Bộ Kiến thiết giới thiệu tới. Đồng thời những khóa kỹ thuật được mở để đào tạo sĩ quan chuyên môn cấp úy và nâng cao trình độ kỹ thuật cho các nhân viên trực thuộc. Cũng vì lý do thiếu cán bộ cao cấp, những chức vụ quan trọng tới năm 1954, vẫn do Pháp điều khiển và mãi đến đầu năm 1955, mới bàn giao cho sĩ quan Việt. Thể theo tinh thần kế hoạch quân số mới, cuối năm 1955, Nha Công thự tạo tác được tổ chức như sau

Nha trung ương

— Sở trung ương tiếp liệu

— Các nha địa phương tại các Quân khu 1, 2 và 4 (để dễ phân biệt, các nha này chỉ được gọi là sở « Sở Công thự tạo tác quân khu »).

Các phân khu kiến tạo (sau đổi là khu tạo tác)

— Phân khu Saigon, Mỹ Tho, Cần Thơ (Đ1QK)

— Phân khu Huế, Tourane, Qui Nhơn (Đ2QK)

Phân khu Banmêthuột, Nha Trang, (DaLat, Pleiku, Sông Mao (Đ4QK).



Các doanh trại đầu tiên tại Pleiku (1953).

(3) Mỗi lưu động đội có 142 người gồm một trung đội chỉ huy và bốn trung đội an ninh.



Câu lạc bộ sĩ quan Pleiku (xây cất 1953).



Hội quán sĩ quan Banmêthuột đang xây cất (1953).

Công tác xây cất trường Cây Điệp (1953).



9. NHA QUÂN CỤ

Ngành quân cụ được thành lập kể từ 1-8-1950, với một sở vật liệu nằm trong hệ thống của Pháp.

Tới 1-9-1951, ngành quân cụ bành trướng với việc thành lập Nha Quân cụ trung ương và bốn Nha quân cụ địa phương (nhưng các nha địa phương chỉ được gọi là sở). Khi thành lập các nha địa phương, các trung tâm tổ chức quân cụ tại các địa phương có từ trước đây (centres d'organisation du service du matériel) bị giải tán.



Cuộc khởi công xây dựng các cơ sở tiếp vận tại Chí Hòa.



Một căn nhà kho (1953).

Một dãy kho tại Chí Hòa.



Cuối năm 1952, để yểm trợ cho các công tác quân cụ, có cả thảy 5 đại đội trung hạng sửa chữa vật liệu được thành lập tại các quân khu với trung bình mỗi quân khu một đại đội, riêng Đệ 1 quân khu có hai đại đội. Bốn đại đội trên thành lập 1-9-1951 ; đại đội thứ năm ngày 1-8-1952. Tới năm 1953, hai đại đội trung hạng sửa chữa khác thành lập tại Nam Định và Nha Trang (1-7-1953) và hai đại đội kho được thành lập ở ChợLớn và Hải Phòng (1-8-1953). Lúc này, quân cụ Việt Nam đảm trách yểm trợ cho các đơn vị Việt Nam, ngoại trừ đạn dược vẫn do quân cụ Pháp. Tuy nhiên trong vấn đề sửa chữa quân xa, quân cụ Việt Nam chỉ thực hiện tới cấp 1 và 2, còn từ cấp 3 trở lên do quân đội Pháp. Tới đầu năm 1954 hai trung đội đạn được thành lập tại ChợLớn và Nam Định ; một cơ xưởng sửa chữa ghe thuyền được thành lập trong phạm vi của Đại đội trung hạng sửa chữa số 6 tại Cần Thơ.

Năm 1955, các sĩ quan Việt Nam hoàn toàn thay thế các sĩ quan Pháp trong các cơ quan chỉ huy cũng như trong các đơn vị thực hành.

Cũng trong năm 1955, ngành quân cụ được chấn chỉnh lại và thành lập thêm nhiều đơn vị mới như đại đội sửa chữa sư đoàn dã chiến, đại đội hỗn hợp sửa chữa quân cụ, một tiểu đoàn sửa chữa quân cụ, một tiểu đoàn tích trữ quân cụ, các kho xăng và kho đạn.

Năm 1956, ngành quân cụ kiện toàn các đơn vị đã thành lập từ những năm trước và thực hiện được nhiều đơn vị sửa chữa lưu động.

10. NHA QUÂN NHU.

Nha Nhân viên và Tổng Hành chánh phụ trách ngân sách khế ước, vật dụng quân trang, kiểm soát các chỉ tiêu v.v.. được thành lập ngày 1-5-1949. Đầu năm 1951, nha này được cải thành hai nha riêng biệt : Nha Nhân viên và Nha Tổng Hành chánh và Binh lương.

Cuối năm 1951, ngành quân nhu phát triển với sự thành lập đoàn sĩ quan quân nhu quân đội Việt Nam và các sở quân nhu địa phương. Cơ quan trung ương được đổi là Nha Quân nhu.

Trong thời gian này, các nhân viên chuyên môn, nhất là các cấp chỉ huy chưa được đào luyện, còn thiếu nhiều, được cử sang Pháp tu nghiệp. Sau hiệp định Genève, một số sĩ quan tham chánh quân nhu Việt Nam trở về và nắm quyền điều khiển ngành quân nhu, như trường hợp của ông Nguyễn Sùng, và ông Tạ xuân Thuận, lần lượt nắm quyền điều khiển Nha Quân nhu và Sở Quân nhu Đ1QK. Các sĩ quan tham chánh quân nhu và sĩ quan hành chánh người Pháp chỉ còn giữ địa vị cố vấn và đến đầu năm 1955, ngành quân nhu hoàn toàn do người Việt điều khiển.

Hoạt động của ngành quân nhu nhằm vào mục đích làm thỏa mãn không những nhu cầu về tiền bạc, mà cả những nhu cầu về thực phẩm và quân trang, nên các kho thực phẩm và quân trang đã được chú ý thành lập từ đầu năm 1951.

11. NHA QUÂN Y.

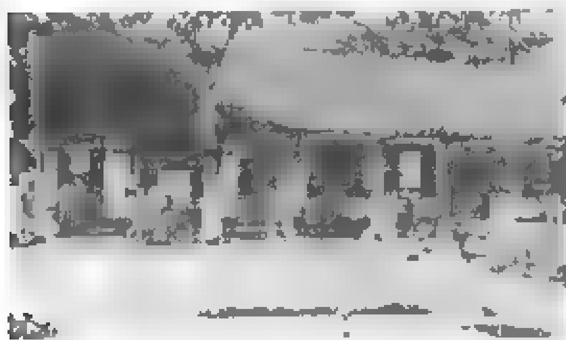
Nha Quân y thành lập ngày 12-2-1951, đặt dưới quyền điều khiển của một y sĩ người Pháp. Ngày 1-8-1951, các sở quân y địa phương thành lập. Sau đó các y sĩ Việt Nam được trưng tập theo nhu cầu và được bổ nhiệm vào các cơ quan này. Và cũng bắt đầu từ tháng 8-1951, Nha Quân y được giao phó cho y sĩ Việt Nam điều khiển. Đến tháng 10-1951, trường đại học quân y thành lập với hai ban là ban y khoa và ban dược khoa để đào tạo y sĩ và dược sĩ hiện dịch. Sang năm 1952, quân y viện Võ Tánh thành lập ở Hanoi, đồng thời nhiều bệnh xá trú phòng (infirmeries de garnison) và bệnh xá nhà thương (infirmeries hopitaux) thành lập trên các thị trấn quan trọng toàn quốc. Đáp ứng với chiến thuật lưu động quân đội kể từ đầu năm 1953, một số các bộ phận quân y lưu động (antenne médicale mobile), các toán tải và tản thương (groupe de transport et d'évacuation sanitaire), và kể cả các toán giải phẫu lưu động (antenne chirurgicale mobile) được thành lập trên khắp cả các chiến trường Trung Nam Bắc để thỏa mãn cho các nhu cầu quân y dã chiến.

Đầu năm 1954, ngành quân y đã chứng tỏ nhiều cố gắng trong việc phát triển thêm cơ sở ; ngoài quân y viện Võ Tánh, quân y viện Duy Tân thành lập ở Huế (nay là tổng y viện Duy Tân tại Đà Nẵng) và quân y viện Phan thanh Giản ở Cần Thơ. Tại mỗi quân khu còn có một hội đồng miễn dịch và riêng ở Hanoi và Saigon, mỗi nơi có một trung tâm miễn dịch (centre spécial de réforme).

Trong ngành quân y, kể từ đầu năm 1954, còn có bộ môn thú y. Bộ môn này phụ trách chăm nom chó và ngựa, với tại Saigon và Ban

Me Thuột có hai trung đội thú y đặt dưới quyền điều khiển của các sở quân y liên hệ. Nha Quân y phụ trách chăm nom một toán quân khuyển (Commando Cynophile Chen.l) tại Saigon.

Đầu năm 1955, Nha Quân y tiếp thu quân y viện Hàm Nghi do sự chuyển giao quân y viện Le Hiem của Pháp. Đến ngày 16-4-1956, Pháp chuyển giao bệnh viện Roques, quân y viện lớn nhất Đông Nam Á. Bệnh viện này được đổi là Quân y viện Cộng Hòa và khi thành lập đã phải giải tán hai quân y viện Hàm Nghi và Chi Lăng (nhà thương Chi Lăng tọa lạc tại ngôi nhà trường Trưng Vương Saigon bây giờ) để sát nhập vào. Lúc này Pháp còn giao lại Việt Nam nhiều quân y viện khác như Nouaille Degorce tại Chợ Lớn, Catroux ở DaLat v.v... (4)



Bệnh xá trú phòng Gia Định.

12. NHA QUÂN BƯU.

Ngành quân bưu từ trước ngày đình chiến do quân đội Pháp đảm trách. Các cơ quan và đơn vị Việt Nam chỉ có các bưu tín viên phụ trách chuyển gởi công văn, thư từ và các ngân phiếu qua các quân bưu cục và các chi ngành quân bưu của quân đội Pháp.

Sau ngày đình chiến, tổ chức này được trả lại Việt Nam và công việc đặt nền tảng được giao cho đại úy Lại đức Chuẩn, một sĩ quan tham mưu thuộc Phòng 1 Tổng Tham Mưu phụ trách.

Tháng 4-1955, Nha Quân bưu chính thức thành lập và được giao cho kỹ sư Đỗ đức Thọ, thanh tra bưu điện làm giám đốc để tiện phối hợp và điều hành các hoạt động bưu vụ giữa quân và dân sự.

Nha Quân bưu lúc đó có tại mỗi quân khu một quân bưu cục.

13. VIỆN TRẮC NGHIỆM TÂM LÝ QUÂN ĐỘI.

Vào cuối năm 1947, quân đội Pháp thành lập Trung tâm tâm lý kỹ thuật (Centre psychotechnique des F.A.E.O) có nhiệm vụ khảo sát các tân binh của quân đội Liên Hiệp Pháp vào các ngành chuyên môn.

Đầu năm 1953, quân đội Việt Nam đã nhờ trung tâm này tuyển lựa và định hướng để đào tạo các tân binh thành hạ sĩ quan và chuyên viên trong những đợt nhập ngũ để thành lập các tiểu đoàn khinh quân. Lúc đó, ngoài Trung tâm tâm lý kỹ thuật trung ương, quân đội Pháp còn có những trung tâm chi nhánh tại mỗi quân khu.

Vấn đề tuyển lựa và định hướng bằng phương pháp trắc nghiệm tâm lý bắt đầu áp dụng từ khóa 10 Dalat và khóa 4 Thủ Đức cho sĩ quan.

Ngày 1-4-1955, Trung tâm tâm lý kỹ thuật chuyển sang Việt Nam, được cải là Viện Trắc nghiệm tâm lý quân đội. Ngoài viện trung ương, còn có ba chi nhánh ở ba quân khu. Để đào tạo những cán bộ cao cấp cho ngành, một vài sĩ quan Việt Nam đã được thi tuyển sang học trường Sorbonne bên Pháp trong ba năm và tới năm 1958, một học viên tốt nghiệp là trung úy Hoàng đức Tân đã trở về nắm địa vị then chốt của ngành này.

14. NHA ĐỊA DƯ QUỐC GIA.

Cơ quan địa dư Việt Nam, mà nhiệm vụ là thiết lập bản đồ cho quân đội và các cơ quan dân sự, thoát thai từ Sở Địa dư Đông Dương. Tiền thân của Sở Địa dư là Phòng Địa hình do Pháp thiết lập từ năm 1886 sau khi Pháp chiếm xong Đông Dương. Tới năm 1899, phòng này phát triển thành Sở Địa dư. Tiếp đến cuộc đảo chính Nhật ngày 9-3-1945, Sở phải tạm ngưng hoạt động và tái lập vào đầu năm 1946.

Trong khuôn khổ chương trình trao trả tất cả các cơ quan của Pháp cho các xứ thuộc Đông Dương, Sở Địa dư Đông Dương được giải tán để chuyển giao cho ba chính phủ Việt-Miên-Lào chiếu theo thỏa hiệp ký tại Balê ngày 29-12-1954 với hạn định cuối cùng phải thanh toán là 31-3-1955.

Sau ngày Sở Địa dư Đông Dương giải tán,

---

(4) Infirmerie garnison có từ 15 đến 50 giường, infirmerie hôpital có từ 50 tới 150 giường, hôpital mixte có từ 150 đến 400 giường — Mỗi quân khu cũng có một phòng làm răng và một kho dược liệu (Magasin de ravitaillement sanitaire et dépôt d'approvisionnement sanitaire).

Nha Địa dư quốc gia thành lập và đặt trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trong 56 năm hoạt động (từ 1899 đến 1955), Sở Địa dư đã làm được một bản đồ căn bản tỷ lệ 1/100.000 và một bản đồ tỷ lệ 1/25.000 trong những vùng đồng bằng và đông dân cư. Sở Địa dư chỉ họa đạc ngoài đất được 7/8 diện tích toàn xứ, phần còn lại đã lập theo không ảnh.

15. SỞ HỎA XA QUÂN ĐỘI.

Sở Hỏa xa quân đội thành lập 1-9-1955. Sở này gồm có một cơ quan trung ương và các ủy ban hỏa xa các miền Trung Việt và Nam Việt. Ủy ban miền Trung với tầm hoạt động từ Đông Hà tới Nha Trang, còn ủy ban miền Nam hoạt động từ Nha Trang tới Saigon và phụ trách cả đường hỏa xa Saigon-Mỹ Tho.

Sở Hỏa xa quân đội thành lập để nhận các phương tiện bảo vệ hỏa xa của Pháp, bởi vì lúc còn chiến tranh, Pháp đã sử dụng rất nhiều phương tiện bảo vệ thiết lộ và hộ tống các đoàn xe lửa và công voa. Những phương tiện này là các thiết giáp Wickham, các toa xe lửa bọc thép biến thành các pháo đài hộ tống. Sở Hỏa xa còn có nhiệm vụ điều hành các sự chuyển vận của quân đội trên thiết lộ.

C. BỘ TỔNG THAM MƯU

1. TỔNG QUÁT.

Bộ Tổng Tham Mưu thành lập ngày 1-5-1952 do dụ số 43 QP ngày 23-5-1952.

Đáng lẽ việc thành lập xúc tiến sớm hơn nhưng giữa quốc trưởng Bảo Đại và ông Letourneau, bộ trưởng các quốc gia liên kết của Pháp, có sự bất đồng trong việc chỉ định chức tổng tham mưu trưởng. Người Pháp cử ông Nguyễn văn Hinh, nhưng ông Bảo Đại chần chừ không bằng lòng và muốn cử người khác. Cuối cùng ông Nguyễn văn Hinh được cử làm tổng tham mưu trưởng đầu tiên của quân đội quốc gia.

Ông Nguyễn văn Hinh lúc bấy giờ đang mang cấp trung tá, làm chánh võ phòng cho quốc trưởng. Ngay sau khi được đề cử, ông mang cấp thiếu tướng. Thiếu tướng Hinh là con của đương kim thủ tướng Nguyễn văn Tâm lúc ấy. Ông Hinh theo quốc tịch Pháp, có vợ người Pháp và từ hồi còn thanh niên đã phục vụ trong ngành không quân. Khi về nước năm 1950, ông mang cấp thiếu tá, giữ chức tổng thư ký tại Bộ Quốc phòng, tới năm 1951, mang trung tá và làm chánh võ phòng cho quốc trưởng đến khi được bổ nhậm vào chức vụ trên.

Bộ Tổng Tham Mưu đặt trụ sở tại căn nhà lớn số 606 đại lộ Trần Hưng Đạo Saigon, mãi đến 1956, mới chuyển về trại Chanson tức là trại Trần Hưng Đạo ở gần phi cảng Tân Sơn Nhứt ngày nay.

Ngoài thiếu tướng Hinh, có hai sĩ quan cấp tá Việt Nam giữ chức vụ quan trọng, đó là thiếu tá Trần văn Minh giữ chức tham mưu trưởng (major général) và thiếu tá Trần văn Đôn, giám đốc an ninh quân đội, còn những chức vụ quan trọng khác trong Bộ Tổng Tham Mưu đều do người Pháp điều khiển. Cuối năm 1952, theo một bản thống kê, có cả thảy 36 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp làm việc tại BTTM, những người này đã chia nhau giữ những chức vụ như sau :

— 3 trung tá : Milon, Bouvet, Chalandon (giám đốc các quân trường).

— 3 thiếu tá : Lombard (tham mưu phó tổ chức và nhân viên), Nicolas (tham mưu phó tiếp vận, sau đại úy Bonnin thay), Richard (chỉ huy trưởng viễn thông).

— 12 đại úy : Bley (trưởng P1), Prestat sau thay đại úy Merat (trg P2), Dufour (trg P3), Bonnin sau thay đại úy Girousse (trg P4), Bigot, Coubard, Dulac, Maréchal, Laborde, De Villière và một đại úy không rõ tên.

— 2 trung úy + 1 thiếu úy + 9 thượng sĩ + 6 trung sĩ

Bộ Tổng Tham Mưu lúc ấy chỉ có trên 150 nhân viên tham mưu cả thảy. Những sĩ quan Việt phục vụ tại nơi đây phải là những người thông thạo tiếng Pháp.

Đại úy Trang văn Chính là sĩ quan Việt đầu tiên giữ chức vụ trưởng Phòng 2. Ông thăng thiếu tá cuối năm 1953.

Khi mới thành lập, Bộ Tổng Tham Mưu được tổ chức rất đơn giản với những thành phần như sau :

— Tổng tham mưu trưởng và văn phòng

— Tham mưu trưởng

Trung tá Nguyễn văn Hinh, chánh võ phòng quốc trưởng bắt tay tướng de Lattre.



— 3 tham mưu phó : tham mưu phó tổ chức và nhân viên — tham mưu phó hành quân và huấn luyện — tham mưu phó tiếp vận.

— 4 phòng tham mưu chính 1, 2, 3 và 4

— Nha An ninh quân đội

— Ban Không quân

— Ban Hải quân

— Trung tâm công văn và công điện

— 4 Nha trực hệ : Nha Nhân viên, Nha Quân nhu, Nha Quân cụ và Nha Quân y

Chỉ ít tháng sau, Bộ Tổng Tham Mưu nới rộng với việc thiết lập thêm

— Ban Tác động tinh thần (section Moral action)

— Ban Tổng nghiên cứu (section Etudes générales)

— Nha Quân trường (direction des Ecoles)

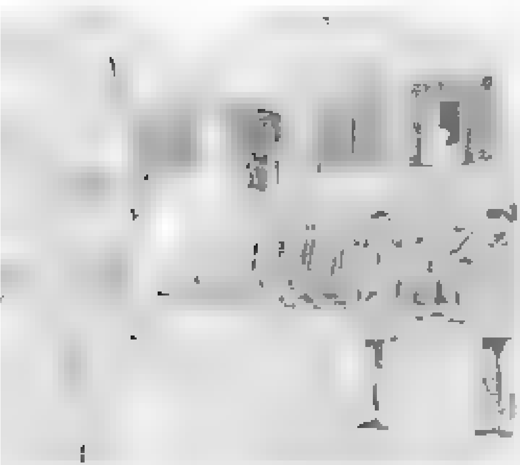
Tới đầu năm 1953, Ban Tác động tinh thần trở thành Phòng 5 và lúc đó để nâng cao hoạt động cho ngành này, chức vụ tham mưu phó Tác động tinh thần (sous-chef Moral action) được thiết lập. Ban Tổng nghiên cứu và các ban Không và Hải quân đổi thành phòng. Nha Quân trường bãi bỏ, đổi thành phòng Quân huấn. Phòng 6 gián điệp thành lập v.v...

Sau đình chiến, các sĩ quan cao cấp người Việt bắt đầu được đưa về Bộ Tổng Tham Mưu để chuẩn bị nhận sự bàn giao những chức vụ quan trọng từ trước đó do Pháp giữ.

Kể từ cuối năm 1954, sự thay đổi đã diễn ra như sau :

— Tổng tham mưu trưởng : thiếu tướng Lê văn Tỵ (thay trung tướng Hinh ngày 29-11-1954).

Các sĩ quan Việt—Pháp thuộc Bộ Tổng Tham Mưu trong buổi lễ bàn giao thủ tướng (1952).



Bộ Tổng Tham Mưu tại đại lộ Trần Hưng Đạo (Chợ Quán). Hình chụp ông tổng trưởng Quốc phòng Phan Huy Quát tới viếng đang chào cờ

Con dấu Bộ TTM (1952)





Con dấu Bộ Tư lệnh ĐIQK (1952).

— Tham mưu trưởng : đại tá Trần văn Đôn (thay đại tá Trần văn Minh giữa 1953).

— Tham mưu phó : thiếu tá Đặng văn Quang, sau là trung tá Trần thiện Khiêm (bãi bỏ các chức vụ tham mưu phó chuyên biệt, chỉ duy trì chức tham mưu phó thông thường như trên và có lúc có những hai tham mưu phó).

— Trưởng P1 : thiếu tá Tư Cầu thay trung tá Carrat 1-7-1955.

— Trưởng P2 : lần lượt thiếu tá Trang văn Chinh, đại úy Phạm quang Chính, đại úy Cao quang Cộn và tới tháng 3-1955 do thiếu tá Nguyễn văn Phước.

— Trưởng P3 : thiếu tá Nguyễn văn Mạnh thay thiếu tá R. d'Alionnes tháng 3-1955.

— Trưởng P4 : thiếu tá Cao văn Viên thay thiếu tá Maurer tháng 3-1955

— Trưởng P5 : thiếu tá Nguyễn phước Đàng (thay thiếu tá Trần tử Oai năm 1953)

— Trưởng PQH : lần lượt thiếu tá Trần ngọc Tám (1-12-1954), thiếu tá Flotard và kế thiếu tá Nguyễn vĩnh Nghi ngày 30-5-1955.

— Phòng Tổng nghiên cứu : ngay sau đình chiến đại tá Lê văn Kim trưởng phòng kiêm chủ tịch hội đồng chuyển giao (commission de transferts), trung tá Nguyễn văn Hải phụ tá ; chỉ ít lâu sau đại tá Kim đi khỏi, trung tá Hải thay thế làm trưởng phòng (17-1-1955). Tới 1-2-1955, trung tá Lâm ngọc Huấn thay thế đặc trách các vấn đề liên lạc với phái bộ ATOM ; trung tá Huấn được xếp ngang hàng một tham mưu phó. Nhưng cũng chỉ ít lâu sau, trung tá Huấn rời khỏi, giao lại cho đại úy Đinh doãn Mẫn, sau đại úy Vũ quốc Hiền (24-5-1955) và tới năm 1956 chức vụ trưởng phòng này qua tay thiếu tá Trần ngọc Huyến.

— Trung tâm công văn và công điện : trung úy Nguyễn tá Tài.

— Bộ chỉ huy Viễn thông : trung tá Lương thế Soái thay thế trung tá Roundil ngày 4-8-1955.

— Phụ tá không quân : thiếu tá Trần văn Hồ (8-1955).

— Phụ tá Hải quân : thiếu tá Lê quang Mỹ (8-1955).

Tới giữa năm khi áp dụng kế hoạch quân số 150.000 người, Bộ Tổng tham mưu thay đổi đôi chút :

— thêm phòng huy chương, một phòng nhỏ đặt cạnh văn phòng tổng tham mưu trưởng.

— các Phòng Không và Hải quân đổi thành các Văn phòng phụ tá Không và Hải quân.

— thêm bốn bộ chỉ huy binh chủng thiết giáp, pháo binh, công binh và xa binh (1-12-1955).

Tháng 8-1955, Bộ Tổng Tham Mưu hoàn toàn do sĩ quan Việt Nam điều khiển. Việt ngữ lúc này mới được bắt đầu dùng để thay Pháp ngữ.

Xuyên qua cuộc cải tổ, chiếu theo kế hoạch quân số mới, ta thấy có một vài đặc điểm như sau :

1) Các chức vụ tham mưu phó chuyên biệt không còn nữa và chỉ có chức vụ tham mưu phó thông thường.

2) Các Phòng Không và Hải quân thành các Văn phòng phụ tá Không và Hải quân kiêm các Bộ tư lệnh Không và Hải quân để các bộ chỉ huy này dần dần tách ra thành những bộ chỉ huy riêng biệt.

3) Các sự phân nhiệm giữa Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Quốc phòng rõ ràng và không trùng nhiệm. Bộ Quốc phòng trực tiếp điều khiển các nha sở trung ương, yểm trợ hành chánh và kỹ thuật cho các đơn vị chiến đấu ; còn Bộ Tổng Tham Mưu điều khiển các đơn vị, phụ trách các cuộc hành quân và điều động quân sự.

2. TỔ CHỨC — ĐIỀU HÀNH — CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TRA.

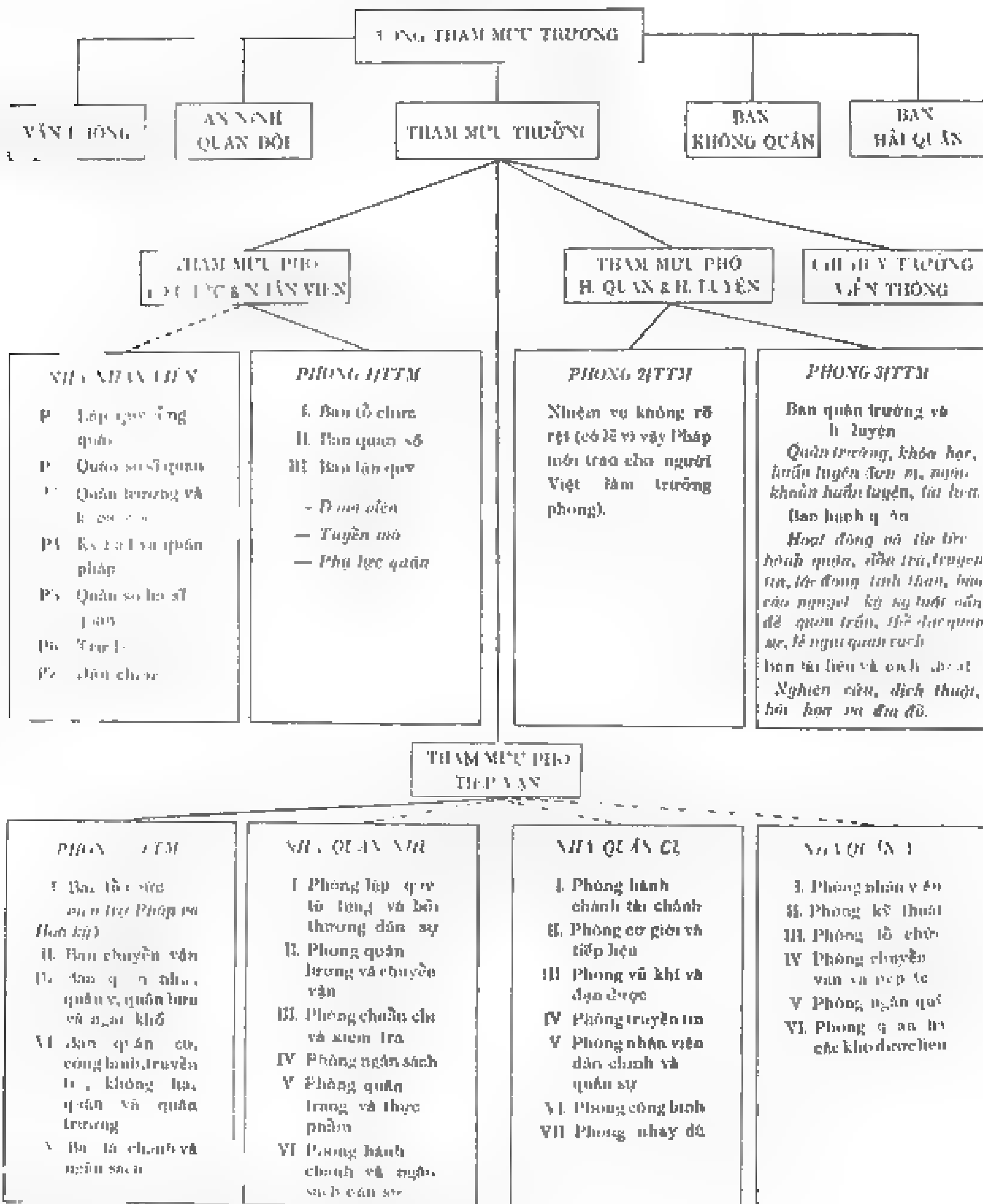
Năm 1953, thêm các Phòng 5, Tổng nghiên cứu và Quân huấn. Các Phòng 1 thêm Trung tâm điện cơ kế toán, Phòng 2 thêm Trung tâm kỹ thuật không ảnh. Năm 1955, thêm Phòng Huy chương.

Tháng 7-1955, quân số lý thuyết của các phòng sở thuộc Bộ Tổng Tham Mưu rất khiêm nhượng với phân xuất ấn định như sau :

— P1 và TTĐCKT	: 76 người
— P2 và TTKTKA	: 46 -

Sơ đồ tổ chức Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam

(01-6-1952)



Trực hợp
Phối hợp

— P3	33
— P4	50
— P5 (+ ban Ca nhạc)	55
— P Quân huấn	53
— P Tổng nghiên cứu	20
— P Huy chương	10
— Công văn công điện	13

Lúc mới thành lập, các chức vụ trưởng phòng do các sĩ quan cấp úy Pháp điều khiển cho hiểu rằng Bộ Tổng Tham Mưu chẳng cần phải có sáng kiến riêng tư, chỉ cần thi hành theo các quyết định của Hội đồng tối cao Việt — Pháp, Hội đồng thường trực quân sự và của Bộ tư lệnh quân đội Pháp.

Bộ Tổng Tham Mưu ngoài ra còn bị điều khiển bởi các phương thức thanh tra của Pháp.

Trong quyết định của Hội đồng tối cao Việt-Pháp ngày 9-7-1952, có điều khoản nói về việc phát triển quân lực Việt Nam theo chương trình đã hoạch định. Trong đó, người Pháp đã đưa vào lý do là để tổ chức này có người điều khiển có khả năng, nên vấn đề thanh tra quân đội Việt Nam được giao phó cho các tư lệnh lãnh thổ và các chỉ huy trưởng binh chủng, binh sở của Pháp. Trong điều khoản đó, người Pháp còn minh định nhiệm vụ và cương vị của các tư lệnh lãnh thổ, các chỉ huy trưởng và các thanh tra binh chủng binh sở của Pháp, coi những người này là những cố vấn quân sự và kỹ thuật của ông tổng trưởng Quốc phòng về những vấn đề liên quan đến: tổ chức, huấn luyện, bảo trì và sử dụng quân dụng.

Điều khoản trên áp dụng chung cho toàn thể các đơn vị thuộc quân đội Việt Nam. Người Pháp còn quy định rõ ràng, chặt chẽ hơn về vấn đề chỉ huy và thanh tra, tỉ dụ trong SVVT số 2385/EMIFT/I ngày 27-10-1952, đối với phụ lực quân Việt Nam, người Pháp minh định là các phụ lực quân thuộc Việt Nam đặt dưới quyền chỉ huy của tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam, đồng thời dưới quyền cả các tư lệnh lãnh thổ Pháp. Có lẽ thấy SVVT trên mơ hồ và không rõ ràng vì các lực lượng phụ lực quân không thể một lúc đặt dưới sự chỉ huy của hai bộ chỉ huy. Cho nên sau đó bằng một văn thư khác người Pháp ấn định lại là « Các lực lượng phụ lực quân thuộc Việt Nam đặt dưới quyền chỉ huy của tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam, nhưng đồng thời đặt dưới sự sử dụng của các tư lệnh lục quân Pháp ở các quân khu ». Sự phân định trên cho ta thấy là Bộ Tổng Tham Mưu không có quyền, vì quyền sử dụng các đơn vị hoàn toàn ở trong tay người Pháp.

Liên quan với vấn đề thanh tra người Pháp đề cập rõ hơn và cho rằng vấn đề tổ chức là một yếu tố trong những quyền thanh tra đã được giao phó, bởi vì, theo người Pháp nói « Tổ chức có thể hiểu là thành lập, tạo ra và ở trong điều kiện sử dụng. Sự tạo lập và nền tảng căn bản của nó là do bảng cấp số được soạn thảo và quyết định ở cấp trung ương trong đó có những cơ quan đầu não của Pháp-Việt tham dự, như thế người Pháp đã nắm quyền tổ chức ở trung ương, việc sử dụng là việc lo trú đóng và chuyển dịch các đơn vị để hoạt động tất nhiên cũng phải do các quyết định của các giới chức thẩm quyền Pháp tại địa phương. » Tóm lại Bộ Tổng Tham Mưu được thành lập với các nhiệm vụ tổ chức, huấn luyện và sử dụng quân lực, nhưng thực ra các quyền này kể cả quyền thanh tra đều được Pháp ngụy biện để nắm giữ cả.

Mãi tới khi đình chiến, các quyền hành của Bộ Tổng Tham Mưu mới được thực sự giao về tay người Việt.

3. BỘ TTM ĐỐI TRƯỚC VẤN ĐỀ TÀI GIẢM QUÂN SỐ NĂM 1955.

Trước hết phải nhắc lại, ngay sau khi đình chiến, vì những rắc rối chính trị tranh giành ảnh hưởng giữa người Pháp đã yếu thế và người Mỹ đang tạo cơ hội để bước vào, vấn đề viện trợ cho quân đội quốc gia vẫn giữ nguyên như cũ tới cuối năm 1954, nghĩa là quân đội quốc gia ở vào cuối bán niên này vẫn giữ sự phát triển và cải tổ trên đà của một mức quân số trên 200.000 người.

Công việc gấp rút của quân đội quốc gia ở vào cuối bán niên 1954 là phải giành lại các quyền hành còn trong tay người Pháp bằng cách thiết lập hệ thống các cơ quan lãnh thổ chặt chẽ và lo tổ chức một lực lượng chính quy gồm chín sư đoàn bộ binh và một sư đoàn nhảy dù để khả dĩ chống lại quân đội phương Bắc khi lại mở một cuộc xâm lăng mới.

Các công việc này đang xúc tiến, thì tới đầu tháng 12-1954, chính phủ Hoa Kỳ cho biết quân số Việt Nam phải tài giảm để đáp ứng với thời bình và việc tài giảm bắt đầu thực hiện từ 1-1-1955. Sự thi hành này phải làm

sao hoàn tất trước ngày 1-7-1955, nếu chính phủ Việt Nam không muốn gây ra những khó khăn về tài chánh.

Đây là một sự bất ngờ làm chính phủ Việt Nam lúng túng vì không được chuẩn bị mà phải cấp kỳ thi hành.

Hoa Kỳ lúc ấy chỉ đồng ý lưu giữ một quân số là 100.000 người viện cớ là đã thời bình và còn khuyến khích một chế độ quân dịch để Việt Nam sẵn sàng có một lực lượng trừ bị tại gia đông đảo hậu thuẫn cho quốc gia này khi hữu sự.

Phía quân đội Việt Nam thì không muốn như vậy, muốn duy trì một quân đội khoảng 150.000 người, vừa không trái với tinh thần của hiệp định Genève, và vừa mới có đủ quân để giữ lãnh thổ.

Quan điểm của hai bên được trình bày như sau

Phía Việt (kể cả Pháp) :

Duy trì một quân đội ở mức 150.000 người. Đây là một điều vừa không trái với hiệp định Genève và là một điều vừa duy trì được một mức quân số vừa đủ để thiết lập một quân đội trên căn bản tân tiến.

Phía Hoa Kỳ

Chỉ cần duy trì một đạo quân là 100.000 người để đủ dùng trong thời bình, không nên tạo một đạo quân chuyên nghiệp hẳn, mà phải tạo một đạo quân trong một trạng thái thay đổi bằng cách cho gia nhập các thành phần động viên và áp dụng sự luân phiên trong việc nhập và xuất ngũ. Nhiệm kỳ quân dịch ấn định là 18 tháng, và sau thời nhiệm này, các binh sĩ quân dịch được giải ngũ, trở thành lực lượng trừ bị tại gia. Kế hoạch quân số này không tốn kém mà tạo được một lực lượng quốc phòng đông đảo.

Trong khi các ý kiến trên đang được thảo luận, vấn đề tài giảm tiến hành ngay kể từ 1-1-1955.

Chương trình giải tỏa quân số được suy luận như sau « Cuối năm 1954, quân đội có trên 200.000 người trong đó 6.500 sĩ quan, 27.500 hạ sĩ quan với tỷ lệ bộ binh 72%, các quân binh chủng và binh sở chuyên môn, mỗi ngành với tỷ lệ từ 1 đến 3% — Quân đội đang cải tổ cần bành trướng các hệ thống lãnh thổ, các bộ chỉ huy và các nha sở chuyên môn, nên cần rất nhiều cán bộ sĩ quan và các chuyên viên — Ưu tiên giải ngũ các đơn vị bộ binh, cần lưu nhiệm các chuyên viên để quân đội có đầy đủ khả năng phát triển các ngành chuyên môn — Tất cả các sĩ quan kể cả sĩ quan trừ bị đều được lưu giữ »

Biện pháp tài giảm đầu tiên nhắm vào các phụ lực quân. Các phụ lực quân lúc đó còn trên 300 đại đội gồm một quân số được kiểm tra là 33.658 người. Mới đầu những người này được lệnh giải ngũ đồng loạt, nhưng sau thấy làm như vậy sẽ gây cho họ quá bất chợt nên chính quyền đã giải ngũ theo từng đợt bằng cách trả thêm một tháng lương cho họ vào lúc xuất ngũ, ví dụ giải ngũ 31-12-1954 thì được xuất ngũ từ 30-11-1954. Việc giải ngũ chia làm bốn đợt như sau

— đợt 1 (31-12-1954)	800	người
— đợt 2 (31-01-1955)	25.264	»
— đợt 3 (15-02-1955)	1.535	»
— đợt 4 (28-02-1955)	6.059	»
tổng cộng	33.658	»

Phụ lực quân không bị ràng buộc bởi một thứ giao kèo nào nên khi xuất ngũ, đơn vị trưởng chỉ việc nói nay an bình rồi các anh giải ngũ về làm ăn. Không có một phản ứng nào xảy ra, riêng có các đại đội giáo phái cầm đầu bởi các lãnh tụ giáo phái đã gây khó dễ. Ban đầu, họ không chịu giải tán và nộp trả vũ khí, sau dàn xếp mãi họ mới chịu giải tán.

Biện pháp tài giảm thứ hai cho giải ngũ các thương phế binh còn tạm thời lưu giữ trong các đơn vị. Kể ra lúc ấy có tới 30.000 quân nhân bất khiển dụng thuộc đủ mọi loại như già yếu, bệnh tật và có thương tích, mà vì nhân đạo quân đội còn lưu giữ và chưa có biện pháp nào cho xuất ngũ sau ngày đình chiến. Việc giải ngũ các thương phế binh thi hành theo thông tư số 118/QĐ ngày 20-1-1955 của Bộ Quốc phòng. Có tới 8.000 thương phế binh giải ngũ trong dịp này.

Hai vụ xáo trộn đã xảy ra.

Vụ thứ nhất tại Nha Trang. Có hơn 300 thương phế binh, phần đông là di cư, đã tụ họp tại thị xã ngày 18-2-1955 để biểu tình và đã gây náo loạn bằng đập phá các công sở. Cuối cùng, đại biểu binh gửi một kiến nghị lên chính phủ phản đối việc giải ngũ với lý do là chính phủ phải tìm kiếm việc làm cho họ.

Vụ thứ hai xảy ra tại Huế ngày 5-3-1955 với trên 100 thương phế binh biểu tình đập phá những nơi công cộng. Họ cũng nêu lên nguyện vọng tương tự như thương phế binh Nha Trang, và đòi trả lương tháng 2-1955. Cuối cùng để dẹp nỗi bất bình, thủ tướng

chính phủ phải nhượng bộ và chỉ thị cho ông tỉnh trưởng Thừa Thiên trả thêm tháng 2, là tháng mà họ giải ngũ mà không được trả

Biện pháp thứ ba cho giải ngũ những quân nhân được coi là có thành tích bất hảo (éléments indésirables). Lệnh này được bắt đầu thi hành bằng một văn thư của Bộ Tổng Tham Mưu đề ngày 23-1-1955, chia phân xuất giải ngũ cho các quân khu như sau

— Đ1QK 2.300 trong đó có 25 sĩ quan

— Đ2QK 1.300 trong đó có 12 sĩ quan

— Đ4QK 1.400 không có sĩ quan

Các đơn vị và cơ quan đề nghị, các quân khu liên hệ có trách nhiệm lựa chọn những phần tử nào xét là xấu nhất cho giải ngũ. Đây là một biện pháp kỷ luật đã được lợi dụng ở sự giải ngũ để loại bỏ những thành phần được coi là xấu xa nhất của quân đội. Các quân nhân lúc đó đã bất mãn với biện pháp này vì cho rằng bị coi là xấu xa nên các quân nhân không được phán xét công minh trước tòa án với đầy đủ các phương tiện bào chữa hợp lý, lại phải giải ngũ do quyết định của đơn vị trưởng đôi khi có thiên kiến, thế thì nhân cách và quyền lợi của những quân nhân bị sa thải này có gì để bảo đảm.

Biện pháp thứ tư là một kế hoạch giải ngũ quy mô những quân nhân nào nằm trong các trường hợp sau đây sẽ được giải ngũ:

— quá hạn tuổi

— ở trong tình trạng mặc nhiên lưu ngũ

— loại động viên có trên hai năm quân vụ

— loại tình nguyện và tái đăng có trên hai năm quân vụ đồng ý hủy bỏ giao kèo xin xuất ngũ.

Theo trù định trong đợt đầu, sẽ cho giải ngũ 50.000 người vừa hạ sĩ quan và vừa binh sĩ.

Nhưng sau đó, sự trù liệu này đã thay đổi với việc ấn định 43.000 người, chia phân xuất cho các quân khu như sau:

— Đ1QK : 23.000 người

— Đ2QK : 7.000 người

— Đ4QK : 13.000 người

Sự giải ngũ này hết sức trì chậm, vì tất cả các quân khu đều viện cớ hành quân xin triển hạn. Việc giải ngũ thi hành từ 1-3-1955, mà tới 15-5-1955 chỉ mới có 11.750 người giải ngũ, tính theo mỗi quân khu có như sau:

— Đ1QK 2.862 người

— Đ2QK 3.560 người

— Đ4QK : 5.328 người

Thật ra lúc ấy hầu hết các đơn vị đều bận hành quân như ở trong Nam, các đơn vị phải hành quân dẹp phiến loạn miền và tỏ ra không phải dễ dàng, mất nhiều thì giờ, thiệt hại nhiều và còn gây chán nản cho binh sĩ, bởi vì theo tâm lý chung một khi một cuộc chiến tranh đã chấm dứt, các binh sĩ được an hưởng thái bình, mà vẫn phải tiếp tục trở lại chiến đấu thì họ sẽ rất chán nản và có tư tưởng bỏ ngũ trốn về những nơi an ninh để làm ăn chứ không muốn chiến đấu nữa. Do đó, Đệ Nhứt quân khu được ưu tiên tạm đình hoãn việc giải ngũ và chỉ phải chịu một phân xuất là 8.000 người giải ngũ thay vì 23.000 người như trên. Các quân khu khác vẫn giữ những phân xuất như trên, tuy nhiên không phải vì vậy mà ở những quân khu này không có các cuộc hành quân. Tại miền Trung các đơn vị phải tham gia các cuộc hành quân tiếp thu và chống lực lượng võ trang của đảng phái. Còn tại miền Cao nguyên, các đơn vị phải gửi xuống miền Nam tăng cường cho các đơn vị tại miền này đang chiến đấu

Việc giải ngũ quy mô này chỉ được tiến hành mạnh trong tháng 3-1955 là lúc chưa có chiến tranh với giáo phái miền Tây. Còn từ giữa tháng tư khi cuộc chiến tranh bắt đầu thì sự giải ngũ phải tạm đình lại, vì các đơn vị trưởng muốn tránh làm giao động đến tinh thần binh sĩ đang phải chiến đấu.

Sự giải ngũ này đã diễn ra với những phản ứng như sau

— Đầu tiên cho giải ngũ những người quá hạn tuổi, không có phản ứng gì.

— Kế giải ngũ những thành phần mặc nhiên lưu ngũ và động viên có trên hai năm quân vụ và vụ này đã có những phản ứng.

— Sau giải ngũ loại tình nguyện giải ngũ theo đơn xin. Loại này rất ít, chỉ có binh sĩ còn hạ sĩ quan dường như không có.

— Các sĩ quan trừ bị và hạ sĩ quan, binh sĩ trừ bị thuộc loại chuyên viên nếu muốn giải ngũ phải làm đơn xin. Tất cả đã có 768 (trong số 11.750) người gồm 228 sĩ quan, 453 hạ sĩ quan và 87 binh sĩ, đa số gốc công chức.

Việc giải ngũ các thành phần mặc nhiên lưu ngũ đã gây ra nhiều rắc rối, bởi vì, lương bổng giữa cán bộ và binh sĩ lúc ấy khá chênh lệch; lương từ hạ sĩ nhất trở lên tương đối cao, còn lương từ hạ sĩ trở xuống hàng binh sĩ thì thấp. Lương hạ sĩ quan tương đương

với lương công chức, bởi vậy một binh sĩ lên được tới hàng hạ sĩ quan, đã có một đời sống vật chất rất khá. Lên được tới địa vị này, người hạ sĩ quan ít muốn giải ngũ, cho nên lệnh giải ngũ ban hành chỉ có cấp binh sĩ là hưởng ứng, còn từ cấp hạ sĩ nhất trở lên, không ai muốn giải ngũ trừ những người có nghề nghiệp chuyên môn hay tài sản để sinh sống. Những người giải ngũ ra lại không có hưu bổng, bởi vì quân đội còn quá trẻ trung và ít có quân nhân hội đủ 15 năm quân vụ để tối thiểu hưởng một hưu bổng tỷ lệ. Hơn nữa, quân đội cũng chưa có quy chế rõ ràng để quy định các quyền lợi cho những quân nhân phục vụ, cũng bởi vì quân đội được xây dựng trên sự tài trợ của ngoại viện và không dành một ngân khoản nào làm hưu bổng. Tất cả sự khó khăn là như vậy và kèm theo một sự giải ngũ rất đột ngột, không chuẩn bị thì làm sao có thể giúp cho các quân nhân xuất ngũ trở về đời sống dân sự một cách tốt đẹp.

Các rắc rối xảy đến với các quân nhân mặc nhiên lưu ngũ là bởi vì các quân nhân này bị đẩy ra khỏi hàng ngũ quân đội một cách vô lý. Những người này là những người hết hạn giao kèo vào những năm trước đó mà không có đơn tái đăng. Bởi vì không làm đơn tái đăng, họ vẫn mặc nhiên lưu ngũ chứ không được xuất ngũ, nên chẳng buồn làm chi (1). Đến khi có lệnh giải ngũ, một sự việc đã đưa đến là những quân nhân nào không nộp đơn tái đăng vào thời hạn mà họ đã hết giao kèo (tuy vẫn mặc nhiên lưu ngũ) đều khép vào thành phần phải giải ngũ tuy rằng lúc này họ không muốn giải ngũ mà vẫn bó buộc phải giải ngũ.

Sự giải ngũ này lại nhằm đa số vào thành phần hạ sĩ quan có gia đình đông con nên đã gây nên những sự phản ứng trong quân đội, như tại Nha Trang các quân nhân bị giải ngũ đã chửi bới om sòm, và tại một vài đơn vị ở Đà Nẵng, những quân nhân bị giải ngũ không chịu rời khỏi đơn vị, khiến cho đơn vị trưởng phải áp dụng những biện pháp mạnh, dùng quân xa chở họ và gia đình tới Đà Nẵng bỏ xuống.

Việc giải ngũ đối với Việt Nam khó khăn như vậy, thì ngược lại, người Mỹ không ngớt thúc giục, như việc đầu tháng 4-1955, phái bộ Mỹ đưa ra một lịch trình giải ngũ mới và muốn được Việt Nam tích cực thi hành như sau:

— Tới 1-5-1955, quân đội chỉ sẽ còn 150.000

— Tới 1-8-1955, quân đội chỉ sẽ còn 125.000

— Tới 1-11-1955, quân đội chỉ sẽ còn 100.000

Người Mỹ còn muốn con số 100.000 người chưa phải là mức chót, bởi vì tuy muốn duy trì một quân đội quốc gia ở mức 100.000, nhưng muốn quân số hiện diện phải rút xuống còn 85.000 hoặc 90.000, rồi bù đắp cho bằng 100.000 người với những thành phần mới là những người động viên.

Vào các tháng 4 và 5-1955, tuy sự giải ngũ tạm đình hoãn vì lý do hành quân, nhưng các lời đề nghị của Mỹ đã khiến cho Bộ Quốc phòng băn khoăn không ít. Bộ Quốc phòng đã phải nghiên cứu sửa lại đạo dụ số 30 ngày 29-5-1953 để cho các quân nhân trừ bị có thể giải ngũ sau mười tám tháng quân vụ. Với thời hạn này, có lúc Bộ Quốc phòng còn định hạ xuống 12 tháng. Nhưng với thời hạn sau cùng này, Bộ Tổng Tham Mưu và người Mỹ không tán đồng, vì làm như vậy, sẽ gây nên một tiền lệ bất lợi cho việc động viên sau này. Vả lại, trước khi ngưng chiến, đợt động viên cuối cùng tháng 5-1954 có 6.000 người, nếu phục vụ 18 tháng, đợt sẽ được giải ngũ vào tháng 11-1955, như vậy việc ban hành đạo luật về thời nhiệm quân dịch xuống còn 12 tháng không còn cần thiết nữa.

Ngoài việc băn khoăn tìm các biện pháp giải ngũ của Bộ Quốc phòng, chính phủ lúc đó cũng bối rối không ít vì phải chịu ba áp lực khác nhau xung quanh vấn đề tài giảm quân số.

Áp lực thứ nhất là người Mỹ muốn tài giảm quân số hiện hữu xuống còn 90.000, nếu không chiều theo ý họ thì sẽ không có viện trợ để trả lương.

Áp lực thứ hai là người Pháp cố nài ép để quân đội phải chịu nhận một số quân Liên Hiệp Pháp chuyển sang.

Và áp lực thứ ba là các giáo phái tạo ra với chính phủ để làm sao thu hút được nhiều quân đội của họ vào quân đội của chính phủ và chính đây cũng là đường lối của chính phủ muốn thống nhất hóa quân đội thành một mối.

(1) Theo cách tuyển mộ của người Pháp, mỗi khi một thanh niên tình nguyện nhập ngũ phải ký một bản giao kèo một hoặc 1.. năm phục vụ trong quân đội. Hết hạn này nếu đương sự muốn ở lại phải ký tái đăng dưới hình thức một đơn xin.

Với áp lực thứ nhất, quân đội quốc gia gồm có 210.000 người tính tới 1-1-1955 và đến 15-5-1955 đã giải ngũ được 58.445 người.

Với áp lực thứ nhì, Bộ tư lệnh Pháp đề nghị chuyển giao 25.000 Liên hiệp Pháp gốc bản xứ nhưng quân đội chỉ chịu thu hút 10.000 người và tiêu chuẩn của những người này phải là những chuyên viên và những phần tử chiến đấu có kinh nghiệm. Sự tiếp nhận đã gồm có như sau

- — 1.200 quân nhảy dù bổ sung cho Liên đoàn nhảy dù đang thành lập.
- — 600 quân gốc Nùng thuộc một tiểu đoàn pháo binh LHP cải biến thành một tiểu đoàn pháo binh Việt Nam.
- — 500 quân thuộc một tiểu đoàn công binh cải biến thành một tiểu đoàn công binh Việt Nam.
- — 200 quân thuộc TTHL pháo binh Phú Lợi chuyển sang Việt Nam.
- — 2.000 quân thuộc các cơ quan lãnh thổ Pháp chuyển sang.
- — 1.500 quân thuộc các cơ quan binh chủng binh sở Pháp chuyển sang.
- — 3.000 com măng đô phụ lực quân dùng thành lập các đơn vị TQLC đầu tiên.
- — 1.000 quân nhân thuộc các đơn vị và cơ quan linh tinh chuyển sang.

Con số còn lại của quân LHP đã được Pháp cho giải tán, ít nhất có từ khoảng 5.000 đến 8.000 người trốn theo Pháp sang tham chiến tại Algérie.

Còn với giáo phái, quân đội dự trù thu nạp 16.000 (Xem chi tiết tại chương 4 — Các đơn vị bộ binh), tuy nhiên chỉ phân nửa con số này được thu nạp vì giữa các lực lượng giáo phái và quân đội đã đề xảy ra một cuộc chiến tranh nội bộ.

Ngày 1-1-1955, chiếu theo thông tư số 1.195 QP ngày 10-2-1955, đáng lý các đơn vị Vệ binh Nam Việt phải giải tán nhưng vì nhu cầu của chiến cuộc sự giải tán này lại được tạm hoãn.

Để tìm một lối thoát cho việc tài giảm bằng cách thu nạp các quân nhân giải ngũ vào một tổ chức bán quân sự do ngân sách quốc gia đài thọ, chính phủ ban hành dụ số 25 ngày 8-4-1955 thành lập lực lượng bảo an đoàn. Bảo an đoàn không lệ thuộc viện trợ Mỹ và đặt dưới quyền sử dụng của Bộ Nội vụ.

Vào giữa tháng 6 khi kế hoạch quân số 150.000 người được chấp thuận thì lệnh giải ngũ bãi bỏ.

Lúc đó, quân đội ở mức quân số 167.555 người (2).

Nhắc tới cuộc giải ngũ năm 1955 thì ai cũng cho đây là một hành động đáng tiếc, vừa thất nhân tâm và vừa làm hao tổn cho tiềm năng chiến đấu của quân đội không ít, số là có ít nhất 6.000 hạ sĩ quan, những thành phần chiến đấu ưu tú và cốt cán của quân đội bị giải ngũ. Bằng chứng là chỉ tới đầu năm 1960 khi các hoạt động của Việt Minh tái phát, các đơn vị chiến đấu kém khả năng hoạt động vì không còn đầy đủ những cấp hạ sĩ quan giỏi dang và kinh nghiệm mà chỉ gồm toàn là binh sĩ quân dịch kém cỏi, nhát sợ và không có kinh nghiệm. Lúc đó, chính phủ đã phải áp dụng biện pháp tuyển mộ lại những hạ sĩ quan đã cho giải ngũ, nhưng chỉ có một số rất ít trở lại còn đa số đã an cư lạc nghiệp và chán nản trước thái độ cư xử của chính quyền nên không chịu gia nhập.

4. KẾ HOẠCH QUÂN SỐ 1955.

Kế hoạch quân số 1955 là một kế hoạch quân số được duy trì từ năm 1955 đến năm 1964. Trong quãng thời gian này tuy có những thay đổi nhưng là những thay đổi không đáng kể và căn bản của kế hoạch vẫn được giữ vững mãi tới khi quân Mỹ đổ quân vào Việt Nam đầu năm 1965, thì vì chiến tranh bùng lớn và vì sự phát triển của quân đội quốc gia nên kế hoạch này mới bị thay đổi toàn diện.

Việc hoạch thảo kế hoạch quân số 1955, một kế hoạch quân số của thời hậu chiến và là một kế hoạch được hoạch thảo dựa trên quan điểm của người Mỹ, đã diễn ra dựa trên hai dự án

— dự án quân số 100.000 người

— dự án quân số 150.000 người ; dự án sau này đã được chấp thuận.

---

(2) — Tính tới 1-1-1955, quân đội	:	210.000
— Thêm quân LHP	:	10.000
— Thêm quân giáo phái	:	6.000
		226.000
— Tính tới 15-6-1955		
— Với tổng số		226.000
— Trừ giải ngũ		58.445
còn :		167.555

△ **Dự án quân số 100 000**

Phía Bộ Tổng Tham Mưu lúc đó có cả Pháp, quan niệm rằng nếu áp dụng một quân số thu hẹp như trên, quân đội Việt Nam trên phương diện tổ chức tổng quát tối thiểu phải gồm có

— 79 tiểu đoàn bộ binh kể cả nhảy dù

— 08 tiểu đoàn pháo binh

— 08 chi đoàn thám thính xa

Quân đội sẽ xây dựng trên một tổ chức như sau

Binh đoàn chủ lực

— 4 sư đoàn bộ binh (mỗi SĐ 8379 ng.)	:	33.516
1 liên đoàn nhảy dù (có 4 tiểu đoàn)	:	4 100
các binh chủng binh sở tổng trừ bị	:	10.000

Lực lượng diện địa

— các bộ chỉ huy lãnh thổ		2.450
4 đại đội quân cụ	:	400
1 đại đội xa binh	:	640
các bộ chỉ huy binh sở và truyền tin	:	2.300
13 trung đoàn địa phương (39 TĐ)	:	21.450
— lực lượng liên binh	:	1 000

— *Phạm vi huấn luyện*

— quân trường và trung tâm huấn luyện	:	4.500
— tân binh	:	4 000

— *Thành phần trung ương*

— hành chánh trung ương		1 625
— các binh sở		5.675
— cơ quan trung ương và địa phương		3.310
căn cứ chuyển vận	:	500
— 2 tiểu đoàn canh gác	:	1 000
— *Không quân*	:	3.000
— *Hải quân*		3.000
Tổng cộng :		102.466

* Chưa kể 4.400 dân chính.

Phía Mỹ cho rằng quân lực Việt Nam chỉ cần gồm có :

— 70 tiểu đoàn bộ binh kể cả nhảy dù

— 07 tiểu đoàn pháo binh

— 07 chi đoàn thám thính xa

Và quân đội này được xây dựng trên một tổ chức như sau

— *Lục quân*

các bộ tham mưu	:	2.500
— 3 sư đoàn bộ binh (mỗi 8450)		25.350
— 1 liên đoàn nhảy dù		
— 3 sư đoàn lãnh thổ thành 13 trung đoàn địa phương thành 39 tiểu đoàn, thành mỗi TĐ 500	:	24.500
— khối tổng trừ bị	:	13.950
— vùng giao thông	:	8.000
— quân trường và trung tâm huấn luyện	:	5.000
— tiếp vận	:	5.000
— tân binh (trừ ẩm thực, lĩnh lương tháng trung 120 đồng)	:	10.000
Tổng cộng :		94.300

— *Không quân*

— bộ tham mưu và cơ sở phụ thuộc	:	1.150
— 1 đơn vị chiến đấu gồm có	:	2.000
— 2 liên đoàn quan sát		
— 1 liên đoàn vận tải		
Tổng cộng :		3.150

— *Hải quân*

— bộ tham mưu và cơ sở phụ thuộc	:	950
— quân trường		400
thủy thủ đoàn		1 900
Tổng cộng		3 250
Tổng cộng		100.700

* kể cả 4.400 dân chính.

Theo các sườn tổ chức trên, quan điểm của mỗi bên Việt và Mỹ được diễn tả như sau

« — Việt Nam muốn duy trì một quân đội đơn giản (armée rustique) đặt rải rác trên

toàn lãnh thổ, chú trọng vào việc phòng thủ diện địa và phòng thủ lưu động. Quân đội chỉ cần khoảng 7.500 quân xa đủ loại. Vấn đề động viên trong năm 1955 chỉ cần 5.000 người.

Còn người Mỹ muốn duy trì một quân đội theo kiểu đoàn quân viễn chinh lưu động (armée type corps expéditionnaire) được yểm trợ bởi những phương tiện lưu động và có nhiều chuyên viên. Quân đội này phải cần một số quân xa lớn hơn con số 7.500 chiếc. Đối với vấn đề động viên, năm 1955 là 10.000 người và cứ bốn tháng động viên một đợt là 5.000 hay 10.000; mỗi năm như vậy có thể động viên tới 30.000 người. Cách động viên này sẽ tạo được một lực lượng trừ bị hùng hậu khi cần đến ».

Những điểm chính hai bên đã được thảo luận như sau

1) Vấn đề thành lập sư đoàn bộ binh.

Việt Nam đề nghị thành lập 4 sư đoàn bộ binh, Mỹ chỉ tán thành có ba. Nhưng trong khi thảo luận, Việt Nam cứ tiếp tục cho thành lập sư đoàn thứ tư (Xem chi tiết chương 4 — Các đơn vị bộ binh) và đặt người Mỹ trước một việc đã rồi vì sư đoàn này là sư đoàn Nùng đã được thành hình từ sau khi ngưng bắn.

2) Vấn đề thành lập sư đoàn lãnh thổ.

Việt Nam đề nghị duy trì các cơ cấu lãnh thổ quân sự và thành lập các trung đoàn địa phương; đề nghị các tiểu đoàn cơ hữu của các trung đoàn này phải là người địa phương và cuộc tuyển mộ này diễn ra tại địa phương. Cần phải giữ đặc tính địa phương cho các tiểu đoàn này, dù trong những nhu cầu khẩn thiết cũng không nên điều động các đơn vị này ra khỏi địa phương.

Mỹ không muốn duy trì một hệ thống lãnh thổ chặt chẽ và chỉ muốn thành lập ra 3 sư đoàn lãnh thổ; mỗi sư đoàn dành cho mỗi quân khu. Người Mỹ quan niệm rằng lúc bình thường các đơn vị trực thuộc sư đoàn lãnh thổ được chia đóng khắp nơi trên lãnh thổ liên hệ, nhưng khi cần thiết sư đoàn phải được tập trung và cần dự liệu cho sư đoàn hoạt động cả ở ngoài lãnh thổ liên hệ.

Sau các cuộc bàn cãi, Mỹ chỉ đồng ý trên quan điểm là các sư đoàn lãnh thổ tùy theo hoàn cảnh địa dư và tình hình trong mỗi quân khu sẽ có quân số khác nhau để đáp ứng cho nhu cầu và người Mỹ cương quyết không chịu chấp nhận nguyên tắc tuyển mộ quân tại địa phương để dùng ngay cho địa phương.

Cuối cùng, hai bên thỏa thuận thành lập ra 3 sư đoàn lãnh thổ với mỗi tiểu khu tối thiểu có một tiểu đoàn lãnh thổ. Nhưng thực ra sau này các sư đoàn lãnh thổ đã không được thành lập và đã chuyển sang việc thành lập các sư đoàn khinh chiến dùng để bảo vệ những vùng kém khẩn trương.

3) Vấn đề binh chủng và binh sở

Cả hai bên đều tiến đến một sự thỏa thuận như sau .

— Duy trì 2 trung đoàn thiết kỵ, một đặt tại Nha Trang, một phân phố trên lãnh thổ ĐIQK; duy trì 3 chi đoàn thám thính xa biệt lập, một tại Huế, một tại Banmêthuột và một tại Nha Trang.

— Duy trì 3 tiểu đoàn pháo binh 105 ly biệt lập, một tại Đà Nẵng, một tại miền Tây và một tại miền Đông Nam Việt; chuyển 4 tiểu đoàn pháo binh cho 4 sư đoàn; biến cải 1 tiểu đoàn thành pháo binh 155 ly đặt tại Đà Nẵng, duy trì 2 pháo đội 4'2 tại Banmêthuột và Nha Trang.

— Duy trì 2 tiểu đoàn công binh chiến đấu, một tại Huế và một tại một địa điểm gần Saigon; thành lập 2 liên đoàn công binh kiến tạo, một tại Đà Nẵng và một tại miền Cao Nguyên.

— Thiết lập các binh sở tùy theo sự phối trí của các đơn vị chủ lực.

Những ý kiến khác biệt cho ta nhận thấy rằng người Mỹ muốn quân đội này phải đặt nặng vấn đề vào việc lưu động tính và không dựa vào một tổ chức lãnh thổ chặt chẽ. Ngoài ra người Mỹ còn muốn sự tuyển mộ phải bằng ngả động viên và việc động viên được coi như là một nghĩa vụ.

Kế hoạch quân số 100.000 quá thu hẹp không đáp ứng được nhu cầu bởi vì quân đội tuy được hưởng thời bình nhưng vẫn phải tiếp tục mở các cuộc bình định và chống phiến loạn. Hơn nữa, nếu đem áp dụng kế hoạch này thì đà phát triển của quân đội đang có sẽ bị băng hoại qua các đợt giải ngũ, vừa gây khủng khoảng cho các cơ cấu tổ chức quốc phòng và vừa làm suy yếu các hàng ngũ chiến đấu trước một tình hình còn nhiều loạn của miền Nam.

Tất cả những sự kiện này đã đưa người Mỹ đến việc thay đổi lập trường bằng cách kiến tạo một quân đội quốc gia dựa trên một cấp số 150.000 người

△ **Dự án quân số 150.000**

Với quân số này, tới tháng 6-1955, cả hai bên Việt-Mỹ đã đồng ý xây dựng một quân đội quốc gia dựa trên một tổ chức tổng quát như sau

— 10 sư đoàn bộ binh trong đó có 4 sư đoàn binh thường và 6 sư đoàn lãnh thổ (sau đổi là 4 sư đoàn dã chiến và 6 sư đoàn khinh chiến).
— 1 liên đoàn nhảy dù
— 13 trung đoàn địa phương
— 11 tiểu đoàn pháo binh trong đó 10 là 105 ly và 1 là 155 ly
— công binh
 — 3 liên đoàn công binh chiến đấu
 — 4 đại đội công binh sư đoàn binh thường
 — tổ chức ngành công thự tạo tác
— thiết giáp
 — 4 trung đoàn kỵ binh thiết giáp
 — 1 liên đoàn thủy xa
— truyền tin
 — 10 đại đội truyền tin sư đoàn
 — 5 đại đội truyền tin quân khu
— xa binh
 — 4 đại đội vận tải sư đoàn binh thường
 — 8 đại đội vận tải tổng trừ bị
 — 4 đại đội vận tải địa phương
— lực lượng hiến binh quốc gia
— các cơ quan trung ương và địa phương
— các cơ quan và đơn vị binh sở tiếp vận
— các căn cứ chuyển vận
— các quân trường và trung tâm huấn luyện
— hải quân 4.250 trong đó có 250 dân chính
— không quân 1.150 trong đó có 150 dân chính

Tổng cộng. 155.677 người trong đó có 1.204 nữ phụ tá và 5.719 dân chính.

Trung tướng Nguyễn văn Hinh, tổng tham mưu trưởng QĐQGVN 1952 — 1954.



Đại tướng Lê văn Tỵ,
tổng tham mưu trưởng
QLVNCH 1954 — 1962



Trung tướng Nguyễn văn Hinh đang thảo luận với các tướng lãnh Pháp.



VÀI NHẬN XÉT VỀ NGUYÊN TẮC ĐIỀU HỢP CÁC CƠ CẤU ĐẦU NÃO

Nguyên tắc điều hợp các cơ cấu đầu não quốc phòng từ năm 1952 đến 1955 cho ta có những nhận xét như sau

1) Bộ Quốc phòng hoạt động từ năm 1950 trong khi đó chưa có Bộ Tổng Tham Mưu. Năm 1952, Bộ Tổng Tham Mưu thành lập và từ lúc đó, mối liên hệ giữa hai cơ quan này được hoạch định : — Bộ Quốc phòng là đầu não, có nhiệm vụ phác họa đường lối quốc phòng phù hợp với đường lối quốc gia, phụ trách về tổ chức, hành chánh và tiếp liệu cho quân đội ; còn Bộ Tổng Tham Mưu được ủy nhiệm của ông tổng trưởng quốc phòng, phụ trách về thiết kế quân sự và chỉ huy các đơn vị. Do đó, nguyên tắc điều hợp của ngành quốc phòng đã thể hiện rõ rệt : Bộ quốc phòng phụ trách điều khiển trực tiếp các nha sở trung ương và Bộ Tổng Tham Mưu điều khiển trực tiếp các đơn vị.

2) Nguyên tắc « trung ương tản quyền » được áp dụng giữa Bộ Tổng Tham Mưu và các quân khu trong quãng thời gian từ 1952 đến 1955. Quãng thời gian này là thời kỳ chiến tranh mà Bộ Tổng Tham Mưu lại mới được thành lập, cơ cấu chưa được bành trướng, lại không được tập trung đầy đủ các phương tiện chỉ huy và chuyển vận, nên đã áp dụng theo nguyên tắc trung ương tản quyền, để trút bớt gánh nặng cho các quân khu và biến các quân khu thành những khu vực điều khiển chiến tranh quan trọng. Nguyên tắc tản quyền này đã được thể hiện trên những địa hạt như : — Tại trung ương có các nha sở trung ương tiếp vận thì ở các quân khu cũng có các nha sở địa phương tiếp vận với những tầm mức hoạt động quan trọng không kém gì các nha sở kể trên — tại các quân khu đều có những trường võ bị riêng biệt đào tạo và huấn luyện hạ sĩ quan, binh sĩ riêng cho các quân khu — nghĩa là sự tản quyền đã có trên tất cả các địa hạt, nhất là trên phương diện tổ chức các đơn vị vệ binh và công tác bình định ở từng mỗi địa phương.

3) Rồi tới giữa năm 1955, khi thực hiện một tổ chức quân lực mới thể theo tinh thần của kế hoạch quân số 150.000 người, chiều hướng xây dựng quân đội quốc gia được điền ra như sau

« — Quân đội quốc gia sẽ gồm có ba lực lượng chính là Hải — Lục — Không quân. Để điều hợp ba quân chủng này, có một Bộ Tổng Tham Mưu lo thiết kế và có ba bộ tư lệnh quân chủng lo điều hành trong phạm liên hệ. Bộ Tổng Tham Mưu ban hành những kế hoạch chung và có quyền kiểm soát tất cả mọi sự thi hành. Ở dưới Bộ Tổng Tham Mưu có một Bộ tư lệnh hành quân để lo điều khiển các cuộc hành quân có tánh cách liên quân nếu có».

Quan niệm tổ chức này cho ta thấy Bộ Tổng Tham Mưu chỉ có quyền thiết kế mà không có quyền điều hành ; ngược lại, các bộ tư lệnh quân chủng chỉ có quyền điều hành, và các cuộc hành quân có tánh cách liên quân do Bộ tư lệnh hành quân đảm trách. Nguyên tắc tổ chức này cho ta thấy là có sự phân quyền rõ rệt hầu tránh hai quyền «thiết kế và điều hành» trùng nhiệm lên nhau, có thể gây ra những lỗi lầm và lạm dụng.

Quan niệm tổ chức này đã tiến hành với việc thiết lập Bộ tư lệnh hành quân vào năm 1958 và Bộ tư lệnh lục quân năm 1962, nhưng chỉ ít lâu sau cả hai bộ tư lệnh này đều giải tán nên quan niệm tổ chức này không được thành hình nữa.



Khóa Lê văn Tinh trường Trung Chánh (3-5-1951) ăn mặc theo lối Vệ binh Nam Việt.





CÁC ĐƠN VỊ BỘ BINH

NHỮNG Ý NIỆM TỔNG QUÁT VỀ VIỆC HÌNH THÀNH CÁC ĐƠN VỊ BỘ BINH △ LỰC LƯỢNG PHỤ LỰC QUÂN △ LỰC LƯỢNG VỆ BINH QUỐC GIA △ TIỂU ĐOÀN △ LIÊN ĐOÀN △ TRUNG ĐOÀN △ SƯ ĐOÀN

CÁC ĐƠN VỊ BỘ BINH

A. NHỮNG Ý NIỆM TỔNG QUÁT VỀ VIỆC HÌNH THÀNH ĐƠN VỊ BỘ BINH

Từ nhiều nguyên nhân thúc đẩy, quân đội đã phát triển dần dần để trở thành một lực lượng hùng hậu như ngày nay. Riêng đối với lực lượng bộ binh, qua quá trình thành lập và sự tiến triển của các đơn vị, từ 1945 đến 1955, ta có thể chia làm ba thời kỳ :

- Thời kỳ sơ khai
- Thời kỳ phụ lực
- Thời kỳ chính quy.

1. THỜI KỲ SƠ KHAI.

Thời kỳ sơ khai được kể từ khi người Pháp trở lại chiếm chủ quyền của ta. Người Pháp đã không ngần ngại dùng tất cả mọi biện pháp, thu nạp nhân, vật lực, áp dụng nguyên tắc dùng người Việt chống người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh để hoàn thành chủ trương xâm lược. Đây là lợi khí sắc bén nhất mà Pháp coi là một kinh nghiệm quý báu, được áp dụng từ thế kỷ thứ 19, để xâm chiếm thuộc địa.

Khi mở rộng khu vực chiếm đóng đến đâu, đoàn quân viễn chinh Pháp tự động tuyển mộ những người lính địa phương để sử dụng vào các công việc dẫn đường, khuân vác và chiến đấu. Những người đi lính cho Pháp phần lớn chỉ có mục đích giải quyết vấn đề sinh kế, trốn tránh những cuộc ruồng bố tại địa phương, và đôi khi bất mãn với Việt Minh. Một số người khác đi lính cho Pháp lấy làm hãnh diện, tin tưởng rằng Pháp sẽ trở lại Việt Nam một lần nữa, sửa soạn trước một con đường tiến thân.

Các danh từ người lính thân binh (partisan), người lính phụ lực hay còn gọi là bổ túc (supplétif) xuất hiện trong dịp này. Theo với nghĩa của những danh từ này, người ta cũng hiểu người lính thân binh và phụ lực là những người được Pháp võ trang, theo Pháp và phụ giúp vào việc binh cho Pháp.

Ngoài những danh từ « partisan », « supplétif », còn có những danh từ khác để chỉ những loại lính do Pháp tạo ra trong giai đoạn sơ khai này

Danh từ G.A.P (garde auxiliaire provinciale) tạm gọi là vệ binh hàng tỉnh. Những người lính G.A.P này do quỹ địa phương đài thọ và do chính quyền địa phương tuyển mộ, để làm các nhiệm vụ canh gác và giữ gìn trật tự an ninh thôn ấp. Mỗi khi mở rộng khu vực chiếm đóng, người Pháp lo thiết lập một chính quyền hành chánh người bản xứ thân Pháp, đồng thời tuyển mộ các G.A.P để làm phương tiện bảo vệ cho sự làm việc của chính quyền này. Lúc đó, còn có danh từ « hương dũng, hương vệ (garde communale) và cảnh sát hương thôn (police communale) nhưng giữa các G.A.P và các hương dũng, cảnh sát nông thôn không có gì khác nhau vì cùng chung một mục đích làm việc, nên người ta thường kể cùng loại với nhau, Danh từ G.A.F (garde auxiliaire de voie ferrée) được dịch là cảnh sát thiết lộ. G.A.F được dùng đặc biệt cho việc canh gác thiết lộ.

Tiến xa hơn, khi Pháp thiết lập được các chính quyền thân Pháp một cách quy mô thì họ thành lập ra những loại đơn vị gọi là garde (vệ binh). Tới thời kỳ mà những vệ binh, phụ lực quân cấu tạo thành những đơn vị hẳn hoi do những cấp nhỏ Việt Nam chỉ huy thì tính chất của thời kỳ sơ khai bắt đầu tan biến để chuyển sang thời kỳ phụ lực.

2. THỜI KỲ PHỤ LỰC.

Thời kỳ sơ khai là lúc mà người Việt Nam đi lính cho Pháp chưa được tổ chức thành những đơn vị rõ rệt. Còn thời kỳ phụ lực là lúc mà người Việt Nam đi lính cho Pháp tuy vẫn còn giữ tư cách đánh thuê nhưng đã được ghép thành những đơn vị.

Thời kỳ phụ lực được bắt đầu từ ngày 1-10-1946, ngày mà vệ binh Cộng Hòa Nam kỳ được chính thức thành lập. Kế đó, vệ binh của các miền khác cũng được thành lập nhưng mỗi miền với sắc thái riêng biệt đều có một thứ vệ binh riêng.

Địa phương quân miền Bắc



Hương vệ

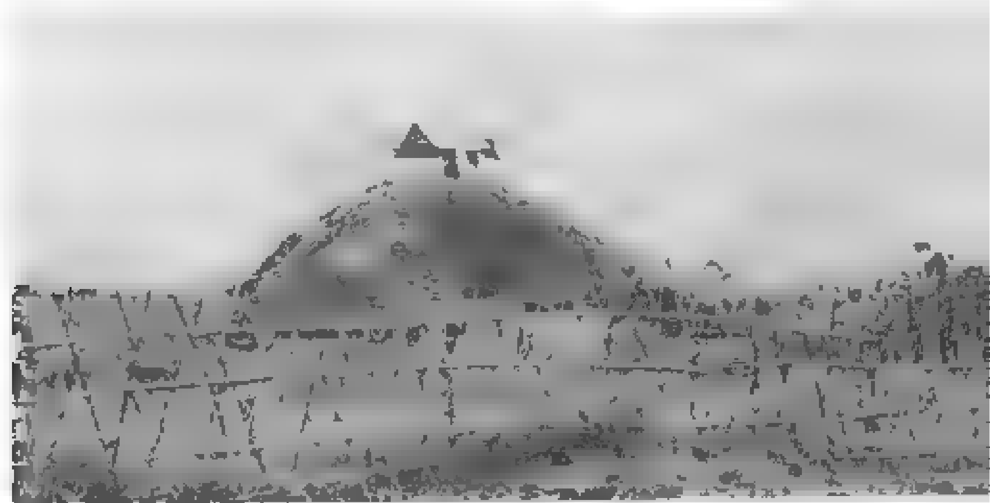
GAP.



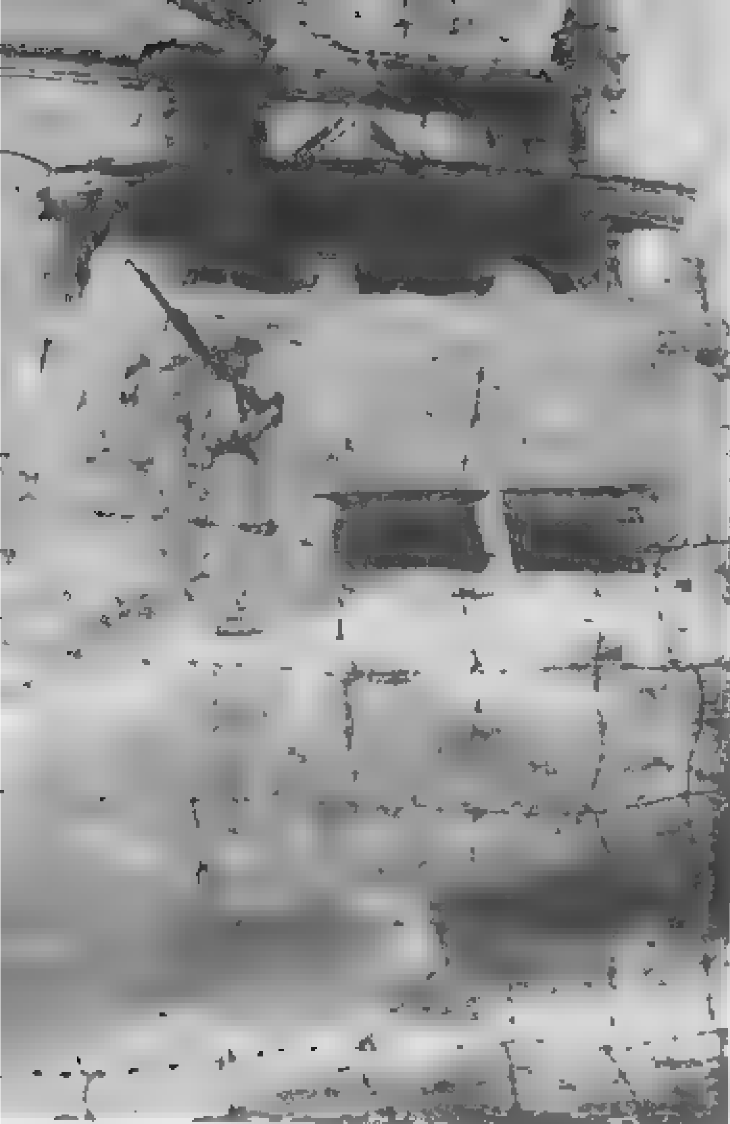
Đồn Cao Xá,
Gio Linh



Đồn An Long, Triệu Phong.



ı Ba Khê, Hải Lăng



Đồn Dương Lộc, Triệu Phong.

Đồn Dương Lệ Đông, Triệu Phong.





Đồn Tân Trai,
Vĩnh Linh.

Một đồn tại Đồng Tháp Mười





Đồn Cầu Mục tại Bắc Việt.





Các đồn bót tại miền Nam



Một đồn tại miền Cao nguyên.



Tại Nam Việt, có các đơn vị vệ binh Cộng Hòa Nam Việt, tại miền Nam Trung Việt có vệ binh Đông Dương, tại Bắc Trung Việt có Bảo vệ quân, tại Cao Nguyên có vệ binh Sơn cước, tại miền Thái có vệ binh Biên thùy miền Tây Bắc và tại miền Mong cáy có vệ binh Biên thùy miền Đông Bắc.

Tới giữa năm 1948, tại Bắc Trung Việt các đơn vị Bảo vệ quân biến cải thành Việt binh đoàn, và tại miền Bắc các đơn vị Bảo chính đoàn ra đời.

Những người lính phục vụ trong quân đội viễn chinh Pháp của thời kỳ này được chia làm hai loại.

1) Loại thứ nhất là những người Việt được tuyển mộ làm phụ lực quân để bổ sung ngay cho những đơn vị của Pháp bị tiêu hao mà không được bổ sung đầy đủ từ chính quốc, và để tân lập các đơn vị mới do cán bộ Pháp chỉ huy hầu đáp ứng với chiến trường vì chiến tranh càng ngày càng lan rộng. Bởi vậy, mới có danh từ « quân đội Liên Hiệp Pháp » dùng thay cho danh từ « Đoàn quân viễn chinh Pháp », nhằm vuốt ve và kích thích tinh thần chiến đấu của binh sĩ bản xứ phục vụ trong các đơn vị của Pháp. Ở đây, cũng cần nói rõ là, lúc đó đi đến đâu, nếu thu hút được tài nguyên, nhân lực thì tức thời Pháp tổ chức ngay thành những đơn vị chiến đấu Liên Hiệp Pháp. Không những vậy, người Pháp còn lợi dụng những người Việt thiểu số để thành lập các đơn vị chiến đấu gốc Mên, gốc Thượng, gốc Nùng, gốc Mường, và gốc Thái (1), lại đề cao thành tích chiến đấu của những đơn vị này bằng cách đặt những danh hiệu đơn vị, tỷ như « les unités des becs d'ombrelle » chỉ truyền thống chiến đấu của những đơn vị Liên Hiệp Pháp gốc Nùng v.v...

2) Loại thứ hai là những binh sĩ người Việt phục vụ trong các đơn vị phụ lực quân được tổ chức thành những đại đội biệt lập. Đây là những đơn vị được thành lập để bảo vệ lãnh thổ, không sát nhập vào các đơn vị Liên Hiệp Pháp nhưng do cán bộ Pháp chỉ huy. Bởi vì, nguyên tắc tổ chức binh lực của người Pháp lúc ấy phân quân làm 2 loại: loại quân lưu động và loại quân giữ đất. Loại quân lưu động sau khi chiếm xong một khu vực nào sẽ di chuyển đi đánh những nơi khác. Loại quân giữ đất gồm có những cơ quan hành chánh và quân sự phụ trách lãnh thổ và một số các đơn vị lãnh thổ, trong đó có các đại đội phụ lực quân thường được tạo lập tại chỗ. Các đại đội phụ lực quân gồm có các đơn vị thuộc thành phần thông thường và các đơn vị thuộc giáo phái như Hòa Hảo, Cao Đài, U.M.D.C.

Nói tóm lại, thời kỳ phụ lực là lúc đã có những đơn vị rõ rệt người Việt do Pháp chỉ huy và được chia thành những loại như sau :

— Phụ lực quân, loại đơn vị Việt do Pháp chỉ huy.

— Vệ binh, loại đơn vị Việt do Pháp chỉ huy.

— Đơn vị Liên Hiệp Pháp là các đơn vị thuộc binh đoàn viễn chinh.

3. THỜI KỲ CHÍNH QUY.

Thời kỳ chính quy là lúc các đơn vị bộ binh dạng từ hình thức Liên Hiệp Pháp chuyển thành quân chính quy Việt Nam.

Đây là thời kỳ mà các đơn vị người Việt Nam phục vụ trong quân đội Pháp đã có lý do chiến đấu, tuy rằng chính nghĩa quốc gia còn mù mờ.

Thời kỳ này được căn cứ từ sau hiệp định ngày 8-3-1949, thỏa hiệp cho phép Việt Nam được chính thức thành lập quân đội quốc gia.

Vào lúc này, quân Pháp vấp phải sức tranh đấu mãnh liệt của một dân tộc quyết tâm giành độc lập. Pháp càng đánh thì Việt Minh lại càng chống cự mãnh liệt. Việt Minh mang lập trường giải phóng dân tộc phục vụ cho sự tranh đấu của cộng sản quốc tế, vì vậy lập trường của họ không được sự ủng hộ của các lực lượng thuộc khối thế giới tự do. Việt Minh được sự hỗ trợ công khai của Trung Cộng và Nga Sô, nhận viện trợ của hai cường quốc này, đã khiến Mỹ cũng phải can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

Do đó, cuộc chiến tranh Việt Nam đã vượt ra ngoài khung cảnh của một cuộc chiến tranh thuộc địa, khiến Pháp không thể tự mình quyết định sự thắng bại và cũng không còn mong giải quyết cuộc chiến tranh trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp.

Giữa một bối cảnh như thế, các đơn vị chính quy đầu tiên của quân đội được thành lập vào năm 1949 để khai mào cho sự tiến triển của quân đội quốc gia Việt Nam.

(1) Không có gốc Thổ. Thổ là một dân thiểu số đông dân sống tại vùng tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang thuộc Bắc Việt, vì Pháp không chiếm lấy dân được ở các miền này nên không thành lập được các đơn vị tác chiến gốc Thổ.

Thời kỳ chính quy trải qua nhiều giai đoạn để hình thành ra những đơn vị như sau

— Các tiểu đoàn bộ binh

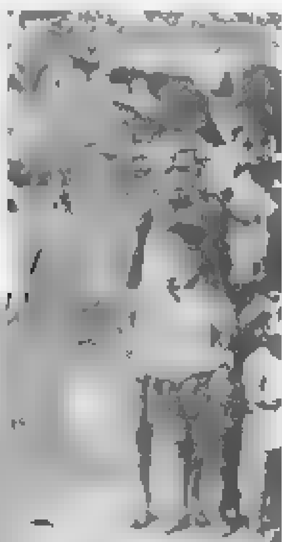
— Các liên đoàn bộ binh.

— Các trung và sư đoàn bộ binh.

Và từ đó, các đơn vị bộ binh Việt Nam dần dần trở thành một lực lượng hùng hậu nhất nhì tại Đông Nam Á

B. LỰC LƯỢNG PHỤ LỰC QUÂN

Phụ lực quân hoạt động nơi họ sinh sống



Phụ lực quân Thái



1. TỔNG QUÁT.

Lực lượng phụ lực quân của Pháp được cấu tạo từ năm 1946, nghĩa là từ khi quân đội Pháp trở lại Việt Nam.

Trong lúc sơ khai này, người Pháp đã quan niệm về người lính phụ lực và cách sử dụng họ như sau.

« Người lính phụ lực là một quân nhân được tuyển mộ ngay tại chỗ, lấy trong những người thuộc thành phần chính trị chống đối Việt Minh hay thuộc thành phần giáo phái. Họ chỉ phụ trách bảo vệ an ninh địa phương nơi họ sinh sống và có thể rời bỏ quân ngũ một cách dễ dàng để trở lại đời sống thường dân, chỉ cần báo cho giới chức thẩm quyền trực tiếp 15 ngày trước. Vì không bị ràng buộc bởi một thứ giao kèo nào, người lính phụ lực được trả lương như trả công mướn ; cũng vì đó, người lính phụ lực không thể coi như người lính chính quy để đồng hóa họ vào bất cứ đơn vị chính quy nào. Trong việc sử dụng phải nương nhẹ, chỉ nên giao cho họ những nhiệm vụ phụ như nằm đường, ruồng bố, án ngữ, đóng đồn bót, và hoạt động bên cạnh những đơn vị chính quy trong những cuộc hành quân bình định thường mà thôi ».

Đây chỉ là quan niệm áp dụng lúc sơ khởi. Dần dần quan niệm này đã thay đổi vì lực lượng phụ lực quân theo nhu cầu chiến trường mỗi ngày một bành trướng.

Lực lượng phụ lực quân đã được phát triển một cách tự do tùy theo nhu cầu binh lực cung ứng cho các khu vực hành quân và tùy theo với khả năng ngân sách mà Pháp có thể đài thọ được.

Tới đầu năm 1952, tổng số phụ lực quân trên toàn lãnh thổ Đông Dương gồm có 112.370 người vì lực lượng này đông đảo nên Pháp đã cải tổ lại các đơn vị phụ lực, đang trong tình trạng phức tạp, thành những đơn vị có cấp số và có một tổ chức đồng nhất trên toàn cõi Đông Dương (type unique d'unité standard). Kể từ 1-2-1952, tất cả các đơn vị phụ lực quân tại miền Bắc, miền Trung, miền Cao nguyên và miền Nam đều được tổ chức thành các đại đội, được gọi là.

« ĐẠI ĐỘI NHẸ PHỤ LỰC QUÂN »

(Compagnie légère de supplétifs : tắt là C.L.S)

Bảng cấp số lý thuyết của đại đội nhẹ phụ lực quân gồm những khoản dưới đây :

Bảng cấp số lý thuyết đại đội nhẹ phụ lực quân

« Để nhớ » CÁN BỘ CHỈ HUY PHÁP	PHỤ LỰC QUÂN	VŨ KHÍ	QUÂN XA
— 1 trung hay thiếu úy 1 thượng sĩ hay thượng sĩ 1 — 1 trung sĩ 1 — 1 trung sĩ hạ sĩ 1 hay hạ sĩ 4	— 1 trung úy, thiếu úy hay thượng sĩ — 6 trung sĩ — 8 hạ sĩ — 105 phụ lực quân 120	— 1 s[illegible] [illegible] tiểu liên — 110 súng trường — 4 trung liên 128	— 1 Dodge 4 x 4 — Cứ bốn đại đội cấp 1 Jeep — Cứ ba đại đội cấp 1 máy truyền tin SCR 300.

Mỗi đại đội nhẹ phụ lực quân gồm có :
— 1 tiểu đội chỉ huy
— 4 trung đội chiến đấu

Các phụ lực quân cũng như cảnh sát hương thôn được hưởng lương khoán giống nhau. Mỗi một binh nhì được hưởng 885đ — Binh nhất 900đ — Hạ sĩ 915đ — Trung sĩ 1 275đ — Thượng sĩ 1 395đ — Thiếu úy 2.409đ — Trung úy 2 499đ

Đây là giá biểu lương theo căn bản một tháng 30 ngày, nếu tháng 31 ngày được tính thêm một ngày (2).

Một đại đội nhẹ phụ lực quân trên nguyên tắc có cấp số cho một vài cán bộ Pháp, nhưng trên thực tế không có. Thường thường, Pháp chỉ đặt một thượng sĩ đồng hóa người Việt giữ chức đại đội trưởng và các trung sĩ đồng hóa người Việt giữ các chức trung đội trưởng. Các chức đại đội trưởng đôi khi có sĩ quan chỉ huy và nếu có chỉ dành cho người Việt có quốc tịch Pháp.

Một đơn vị phụ lực quân miền Moncáy



Người Pháp tạo ra lực lượng này không nhằm để giao phó một nhiệm vụ chiến thuật mà chỉ cốt thêm quân cho đoàn quân viễn chinh và đỡ tốn tiền. Theo quan niệm của Pháp, đây chỉ là tổ chức tạm bợ, phụ thuộc nên không cần phải có cán bộ giỏi và đồ trang bị đầy đủ. Khi đi hành quân xa, các đơn vị phụ lực quân đều đi kèm theo các đơn vị Liên Hiệp Pháp, ít khi đi riêng, nếu đi riêng và đi xa thì tại đó các sĩ quan cấp tiểu khu Pháp đi theo điều khiển. Như vậy, các cấp cán bộ trong đại đội nhẹ phụ lực quân chỉ là những kẻ thừa hành đắc lực mà thôi.

Các đơn vị phụ lực quân thường có những hành vi nhũng nhiễu đối với dân chúng, nguyên do không có những cán bộ đứng đắn chỉ huy, và những quân nhân dưới quyền đa số là những thành phần nghèo túng lại được trả lương ít, được Pháp dung túng để dễ bề sai khiến.

Phụ lực quân được chia làm hai loại :— loại không giáo phái và loại giáo phái.

Phụ lực quân giáo phái, đặt dưới sự chi phối của các lãnh tụ giáo phái, hoạt động trong các khu vực của giáo dân, nên thể hiện được tính chất của một lực lượng võ trang nhân dân. Các phụ lực quân giáo phái bao gồm giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo.

Ngoài ra, lực lượng U M D C của Le Roy cũng được coi như một thành phần của lực lượng phụ lực.

(2) Đây là giá biểu lương tại Nam Việt, đối với các miền khác giá biểu được tăng đôi chút. Theo giá 1946 tại Nam Việt, một tạ gạo ngon 600đ, 10 trứng 8đ, 1 con gà 30đ, một hộp sữa 9đ, một bao thuốc lá Cotab 8đ, một chai bia 4đ và một chai nước ngọt 2đ.

Một toán phụ lực quân đang coi dân chúng làm đường



2. PHỤ LỰC QUÂN GIÁO PHÁI.

Các binh đội giáo phái Cao Đài về hợp tác với Pháp ngày 8-1-1947, binh đội giáo phái Hòa Hảo của ông Trần văn Soái về hợp tác ngày 15-3-1947, của ông Lê quang Vinh về ngày 30-1-1948 và của ông Nguyễn giác Ngộ về đầu năm 1952 v.v... Tất cả những binh đội này lúc đầu được coi như vệ binh, tới năm 1949, các vệ binh được chính quy hóa, nhưng các binh đội giáo phái do các cấp lãnh đạo giáo phái thành lập và Pháp tài trợ nên chỉ được hưởng theo quy chế phụ lực quân.

Thực ra, Pháp rất khó chịu về việc sử dụng các phụ lực quân giáo phái và coi đây là một vấn đề phức tạp nhất.

Ngày 15-5-1952, trong một bản nghiên cứu đề cập tới phụ lực quân tại Nam Việt được coi là gần có 2/3 trên tổng số phụ lực quân toàn quốc, Pháp phải nhận rằng phụ lực quân giáo phái là một tổ chức vô cùng phức tạp về nhiều mặt. Sự kiện này đặt ra một số vấn đề cần phải giải quyết. Và, nếu giải quyết được ở Nam Việt, Pháp có thể giải quyết cho các miền khác dễ dàng.

Phụ lực quân có hai loại với những khác biệt như sau:

— Loại không giáo phái được tổ chức thành đại đội như phụ lực quân và đặt dưới hệ thống chỉ huy của các giới chức quân sự địa phương.

— Loại giáo phái đặt dưới sự chỉ huy của giáo phái và làm việc trong hệ thống chỉ huy của Pháp.

Lúc đó tại mỗi tiểu khu đều có một phòng phụ lực quân tiểu khu. Đối với binh đội giáo phái, các khoản tiền lương được phòng này giao thẳng cho các cấp lãnh đạo giáo phái phân phát, Pháp không thể kiểm soát được. Tại mỗi nhóm giáo phái, tuy Pháp có một phái bộ cố vấn và liên lạc nhưng cũng không tài nào kiểm soát được quân số thực sự. Các lãnh tụ giáo phái báo cáo sao, Pháp biết vậy mà thôi.

Vì vậy, các đơn vị giáo phái không bị lệ thuộc vào Pháp mà chỉ đặt dưới sự điều động của các lãnh tụ giáo phái. Các lãnh tụ này chỉ vì nhận tiền tài trợ (lương bổng, trợ cấp linh tinh, quân dụng...) nên mới chịu nhận thẩm quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh Pháp.

Việc cải tổ các binh đội phụ lực quân nhằm để đồng nhất hóa thành các đại đội nhẹ phụ lực quân, chính Pháp thú nhận, một phần cốt để Pháp nắm các binh đội giáo phái. Nhưng việc cải tổ chỉ thành công đối với các đơn vị không giáo phái, còn các đơn vị giáo phái bị lệ thuộc vào những lý do riêng, vẫn giữ nguyên dưới ảnh hưởng của các lãnh tụ giáo phái. Việc cải tổ chỉ tạo được một điểm lợi là chính thức hóa binh đội giáo phái thành những đại đội rõ rệt để dễ trả lương và kiểm soát. Ngoài ra, còn tạo được một điểm lợi thứ hai là chính thức hóa tổ chức phụ lực quân, trong đó vị thanh tra lực lượng phụ lực Pháp có quyền tới thanh tra tất cả các đơn vị phụ lực giáo phái ; như đó, Pháp có thể gây được ảnh hưởng qua những vấn đề sẽ đặt ra sau.

Sau ngày chính thức thành lập Bộ Tổng tham mưu Pháp chuyển giao một số đơn vị phụ lực quân cho Việt Nam (3), trong đó có các đơn vị giáo phái. Trong lần quyết định bàn giao, Pháp đã khéo léo không đề cập tới một thay đổi nào đối với các đơn vị phụ lực quân giáo phái, chỉ dùng những lời lẽ bóng bẩy mơ hồ đề cập tới dĩ vãng xa xăm của những đơn vị giáo phái này và dành mọi sáng kiến về cải cách cho vị tổng tham mưu trưởng của quân đội quốc gia.

Nói đến các lực lượng giáo phái, ta cũng cần phải ghi nhận một điểm là những lực lượng này đã tự động vũ trang nổi lên vào thời kỳ người Pháp trở lại Việt Nam, mùa thu năm 1945. Những lực lượng này tuy chống Pháp nhưng lại không thể kết hợp được với Việt Minh. Có thể nói rằng, các lực lượng giáo phái là những lực lượng quốc gia vũ trang đầu tiên khi chưa có sự hình thành của giải pháp quốc gia.

Ở đây ta thấy rằng, khi các binh đội giáo phái về hợp tác với Pháp, các lãnh tụ của họ vẫn giữ cho các binh đội này thoát ra khỏi sự chỉ huy của người Pháp, dù Pháp có ý muốn nắm quyền chỉ huy trực tiếp. Pháp chỉ làm dần dần vì e ngại sẽ xảy ra những rắc rối với giáo phái. Sự kiện này, cho ta thấy rằng, Pháp muốn dồn mọi nỗ lực để chống Việt Minh và trong những nỗ lực ấy có cả nỗ lực của các giáo phái nên Pháp phải dung hòa, nhờ thế mà các binh đội giáo phái dù được Pháp đặt dưới bất cứ một hình thức tổ chức nào (phụ lực quân), vẫn ở ngoài sự chỉ huy của người Pháp.

(3) Sẽ đề cập tới từ phần sau



Toán nữ binh Hòa Hảo của bà Năm Lửa



Toán nữ binh vượt sông



Một toán binh Cao Đài trương cờ chuẩn bị vượt sông.

. . . đang vượt sông.



3. PHỤ LỰC QUÂN U.M.D.C.

Lực lượng U.M.D.C. được Pháp liệt vào loại phụ lực quân.

Danh từ U.M.D.C. là do chữ viết tắt của tiếng Pháp « Unités mobiles de défense de la chrétienté », tạm dịch là các đơn vị lưu động bảo vệ Thiên chúa giáo. Cũng danh từ này, còn được phiên là « Union des milices pour la défense des chrétientés » tạm dịch là « hội của những dân quân bảo vệ Thiên chúa giáo ».

Cả hai danh từ đều cùng chung một ý nghĩa, tuy nhiên cũng có đôi phần khác biệt — danh từ « *các đơn vị lưu động bảo vệ Thiên chúa giáo* » chỉ có tính cách chỉ định sự chiến đấu của các đơn vị có chiến binh nòng cốt Thiên chúa giáo chống cộng — còn danh từ « *hội của những dân quân bảo vệ Thiên chúa giáo* », có ý nghĩa rộng rãi hơn, ngầm nói lên tham vọng của người chủ trương muốn gây nên một phong trào to tát và có ý thức chính trị. Người chủ trương này là một Pháp lai tên Jean Le Roy. Le Roy muốn khoác cho tập đoàn chiến sĩ của y danh nghĩa của một lực lượng tôn giáo chống cộng. Nhưng ở đây ta cũng cần phải khẳng định ngay, lực lượng này không thể ví được với các lực lượng giáo phái khác, vì nguồn gốc của phong trào U.M.D.C. không phải từ nhân dân phát sinh ra, mà chỉ là sản phẩm bắt nguồn từ một chủ trương của người Pháp.

Đối với phong trào U.M.D.C. người dân hồi ấy thường gọi là « *đoàn quân Thiên chúa giáo của Le Roy* ».

Lực lượng U.M.D.C. phát xuất từ tháng 7-1947 tại làng công giáo Bình Đại. Ban đầu, ba biệt kích đội gồm toàn thanh niên công giáo được thành lập để thực hiện những cuộc bình định trắc nghiệm. Tới cuối năm, thấy có kết quả, người Pháp tiến tới việc thành lập thêm mười biệt kích đội khác. Những đơn vị này bắt đầu được mang danh nghĩa của đoàn quân Thiên chúa giáo chống cộng. Công trình xây đắp lên lực lượng này là do Le Roy. Địa bàn hoạt động mạnh nhất của lực lượng là tỉnh Bến Tre, rồi tới Gò Công sau lan rộng tới Biên Hòa, Sóc Trăng, Vĩnh Long, và Sadec v.v...

Các đoàn quân này tổ chức ở cấp đại đội. Mỗi đại đội chỉ có 40 người và do một sĩ quan U.M.D.C. chỉ huy. Mỗi đại đội được mang một danh số riêng và được trang bị toàn vũ khí nhẹ. Các đoàn quân này có cả quân kỳ mang theo một hàng chữ «*PRO DEO ET PATRIA*» nghĩa là « *vì chúa và tổ quốc* ». Tất cả những

Một đơn vị UMDC.



đại đội U.M.D.C. đều được tổ chức tại những nơi nào có sự tập trung đông đảo của người Công giáo. Rồi từ những nơi này, các đại đội U.M.D.C. có thể hoạt động sang những khu vực khác, thường thường hay hoạt động ban đêm, nhằm tiêu diệt các cơ sở hạ tầng đối phương đã được điểm chỉ. Bộ chỉ huy của lực lượng U.M.D.C. đóng tại tỉnh lỵ Bến Tre, nơi mà Le Roy làm tiểu khu trưởng và kiêm nhiệm tỉnh trưởng. Các đơn vị U.M.D.C. được chính thức chuyển sang quân đội quốc gia kể từ 1-12-1952 nghĩa là sau khi có Bộ Tổng Tham Mưu. Các đơn vị này được chuyển biến thành những đại đội nhẹ phụ lực quân. Le Roy đã áp dụng một chính sách bình định hết sức cứng rắn, hành động với phương châm «bàn tay sắt bàn tay nhung». Le Roy đã chẳng gớm tay thi hành những sự giết chóc tàn bạo, chẳng cần cân nhắc đâu là bạn, đâu là thù. Nơi nào có hoạt động lén lút của Việt Minh hay xảy ra những vụ khủng bố, ám sát thì địa phương này bị trả thù ngay tức khắc, trong đó có cả dân chúng phải chịu. Tuy nhiên, cũng phải công nhận Le Roy có nhiều sáng kiến đối với việc bình định, tỷ dụ như việc cho tập trung cả quyền hành chánh và quân sự vào một cấp chỉ huy để được thống nhất chỉ huy, hầu giúp cho công cuộc bình định được xúc tiến một cách nhanh chóng và kết quả.

Qua những phương pháp làm việc chặt chẽ, cộng với một biện pháp thi hành tàn bạo, Le Roy đã tạm thời vãn hồi an ninh những khu vực trách nhiệm (4), sự kiện này đã tạo cho y được một sự tín nhiệm để từ cấp thiếu úy năm 1947 được thăng tới cấp đại tá năm 1952, được giao liên tiếp các trách vụ bình

(4) Tình hình những khu vực này chỉ tạm ổn định một thời gian để tránh các hành động khắt khe của Le Roy, tới khi nguồn hoạt động của Việt Minh lại đẩy tích cực ở tỉnh Kiến Hòa.

định tỉnh Kiến Hòa rồi tới cả miền Hậu Giang. Y cho đó là một thành công lớn nên đã viết cuốn sách « un homme dans la rizière » (một người trong đồng ruộng) để tự giới thiệu những kinh nghiệm bản thân, qua công tác bình định và chiến đấu chống cộng.

Đương sự là một tên đại thực dân, luôn luôn nuôi dưỡng ý hướng khuynh đảo chính quyền quốc gia để biến thành tay sai của Pháp. Mưu đồ chính trị của đương sự đã bị đổ vỡ theo những ngày tàn của thực dân Pháp. Ta thử tìm hiểu con người này, đi sâu vào cuộc đời chính trị của y đã có một thời gắn liền với đất nước chúng ta.

Jean Léon Le Roy sinh ngày 25-12-1920 tại Bình Đại tỉnh Mỹ Tho, con của René Théophile, cựu binh sĩ thuộc địa và Võ thị Cảnh người Gò Công.

Le Roy học tại trường Taberd Saigon, năm 1935 thì chuyển sang học trường Chasseloup Laubat cho tới năm 1938 thì bị gọi nhập ngũ. Đương sự được theo học trường sĩ quan trừ bị Tông (Bắc Việt) và mãn khóa được được mang cấp bậc chuẩn úy năm 1940. Kế đó được bổ nhậm vào Trung đoàn thuộc địa số 9 trấn đóng ở vùng biên thùy Lạng Sơn và Cao Bằng.

Tiếp đến đương sự được bổ nhậm vào ngành vệ binh Đông Dương với chức vụ phó thanh tra. Le Roy phải sang chiến đấu tại mặt trận Siem Reap và Stung Streng, mặt trận đã xảy ra giữa Pháp và Xiêm La năm 1941.

Sau đó, lại được đổi ra Bắc vào năm 1942 và giữ chức vụ đại lý hành chánh Pho Ba Chi thuộc tỉnh Quảng Yên.

Tới năm 1943, lại được gọi về quân ngũ, đương sự phụ trách huấn luyện tân binh cho Trung đoàn thuộc địa số 11 tại Long Thành rồi được bổ nhậm vào một tiểu đoàn chiến đấu.

Sau vụ đảo chính 9-3-1945, không chịu đầu hàng, Le Roy cùng một số đơn vị vào bưng, rồi bị bắt làm tù binh, Nhật giam ở Saigon.

Khi quân Pháp tới tái chiếm, Le Roy được thăng thiếu úy trừ bị và là người đầu tiên tổ chức một toán phụ lực quân để tham gia vào việc chiếm đóng các tỉnh Mỹ Tho, các quận Hóc Môn, Bình Thủy, Cái Vồn và Phụng Hiệp v.v...

Tháng 2-1947, Le Roy chiếm cù lao An Hoá và được cử làm đại lý hành chánh tại đây. Y đã tổ chức việc phòng thủ đảo này kể từ tháng 7-1947 và thành lập những đơn vị đầu tiên của đoàn quân Thiên chúa giáo.

Tháng 12-1949, y tiếp nhận chức vụ chỉ huy trưởng quân sự và dân sự tiểu khu và tỉnh trưởng Bến Tre.

Tháng 12-1952, y tiếp nhận chức vụ chỉ huy trưởng phân khu các tỉnh cũ miền Tiền Giang cho tới ngày 10-4-1953 thì rời khỏi chức vụ này để về Pháp.


LE ROY

Việc rời khỏi chức vụ này xảy ra do một sự bất kính của y đối với một giới chức cao cấp Việt Nam kinh lý khi tới tỉnh lỵ Kiến Hòa. Thái độ bất kính này đã được công khai hóa trong buổi họp từ biệt các thuộc cấp gồm có các sĩ quan U.M.D.C. Trong buổi họp này, Le Roy đã tuyên bố y không biết đến thẩm quyền của quốc trưởng Bảo Đại cũng như của thủ tướng Nguyễn văn Tâm và nhắn nhủ các thuộc cấp cứ tự tiện hành động một khi y đã về Pháp.

Bất chợt, vào đầu năm 1955, y trở lại Việt Nam khi có những sự rắc rối giữa chính phủ và các phe phái đối lập.

Sự hiện diện của Le Roy là một bằng cớ có thể chứng minh chính phủ Pháp muốn khuynh loát chính phủ Ngô đình Diệm, để thiết lập một chính phủ thân Pháp.

Khi từ Pháp trở lại Việt Nam, Le Roy ngụ tại số 56/1 đường Eparges và bí mật tái lập đạo quân U.M.D.C. Y đã thu thập được một số quân, đa số là cựu binh sĩ của Trung đoàn Lê dương thuộc địa số 1 tại Mỹ Tho, chừng một đại đội, cho đóng tại khu rừng Võ Đắc tỉnh Biên Hòa, giao quyền chỉ huy cho đại úy



Le Roy đang nói chuyện với các bà phước trong khi đi hoạt động

U.M.D.C Nguyễn văn Nam. Lương bổng của đám quân này chia làm ba loại. Loại 1.000đ, 1.500đ, 2.000đ tùy theo thâm niên của mỗi người trong hàng ngũ.

Để giữ kín công cuộc hoạt động của mình Léon Le Roy có những bộ hạ cử đi các tỉnh mộ quân, phần lớn là lấy người để khai phá rừng Võ Đắt, hoặc ra Vũng Tàu bổ sung nhân công cho những tàu đánh cá của y hiện giao cho viên cựu đại úy Samarcelli chỉ huy

Trong số bộ hạ này có những sĩ quan lai Pháp như chuẩn úy Ibrahim, trung úy Vileo đang phục vụ trong quân đội Pháp và một số người ở rải rác các nơi đã tích cực tuyên truyền để tổ chức đạo quân này. Những người này đa số là Pháp lai và những cựu quân nhân trong quân đội U.M.D.C cũ.

Sau ngày Bình Xuyên thất bại tại đô thành, mặt trận U.M.D.C bị toát thể. Loạn quân U.M.D.C tại rừng Võ Đắc bị quân chính phủ ruồng bố và cuối cùng đã phải ra đầu hàng. Dư đảng Le Roy tan rã. Cuối cùng, y trở về Pháp và từ đó phong trào U.M.D.C bị chìm dần vào quên lãng.

Tóm lại, sự hoạt động của lực lượng U.M.D.C được chia làm ba thời kỳ.

— Thời kỳ đầu là lúc các đơn vị U.M.D.C được thành hình, hoạt động trong các làng mạc đồng ruộng. Những đơn vị này được coi như những đơn vị phụ lực quân của Pháp, hưởng lương bổng theo quy chế của phụ lực quân.

— Thời kỳ thứ hai là lúc các đơn vị U.M.D.C giải chuyển sang quân đội quốc gia cuối năm 1952. Một số cán bộ U.M.D.C được xuất ngũ trở về đời sống dân sự.

— Thời kỳ thứ ba là lúc Le Roy trở lại muốn tái tập mặt trận U.M.D.C. để làm hậu thuẫn cho Pháp khuynh loát chính phủ Ngô đình Diệm, nhưng ý đồ này bị thất bại. Bởi có phong trào U.M.D.C. mà chính phủ Ngô đình Diệm rất ghét những phần tử lai Pháp. Còn các phần tử này, thấy hết bề làm ăn tại Việt Nam, cũng có ý muốn được trở về Pháp. Chính phủ Pháp phải giải quyết vấn đề này bằng cách giúp đỡ, tập trung họ vào khu trại Lyautey Saigon để dần dần đưa về Pháp.

4. COM MĂNG ĐÔ.

Những người lính Com măng đô chính là lính phụ lực nhưng được tuyển chọn để dùng riêng trong những đơn vị có nhiệm vụ đặc biệt hơn.

Đại đội Com măng đô cũng giống như đại đội nhẹ phụ lực quân : quân số 120 người, trang bị nhẹ và thành phần quân nhân cũng tương tự như phụ lực, có năm cấp bậc đồng hóa như sau :

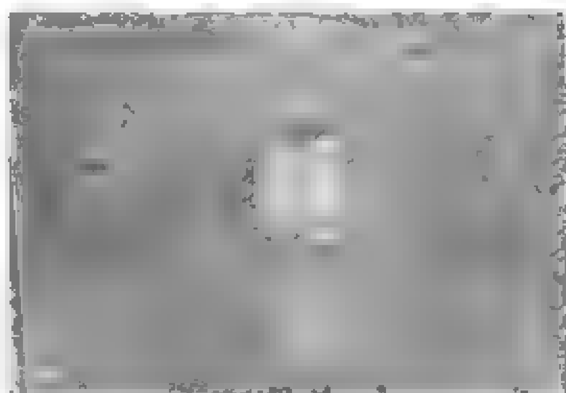
— Trung úy : đại đội trưởng
— Thượng sĩ : thường vụ đại đội
— Trung sĩ : trung đội trưởng
— Hạ sĩ : tiểu đội trưởng
— Binh 1 và binh 2 : đội viên

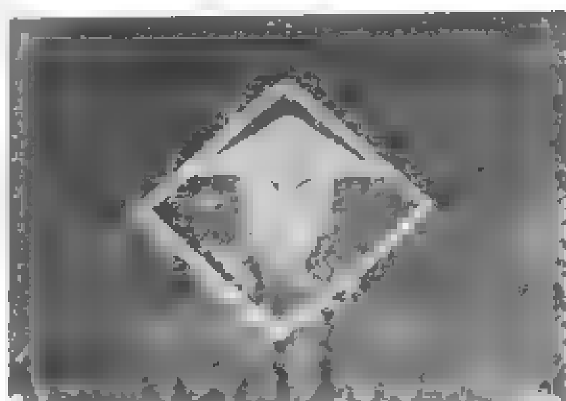
Quân phục của Com măng đô khác với phụ lực quân là được mang mũ nồi đen, trên gắn một huy hiệu. Các đại đội Com măng đô còn có hiệu kỳ biểu tượng cho linh hồn chiến đấu của đơn vị.

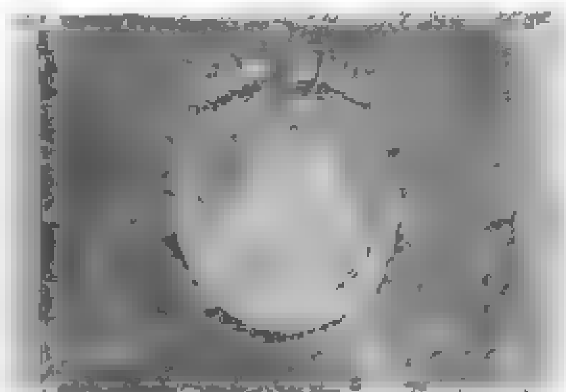
Về lương bổng, người lính com măng đô chỉ được hưởng hơn người phụ lực một chút ít và có thêm tiền thưởng.

Người lính phụ lực khi muốn qua com măng đô phải qua một cuộc tuyển chọn khá kỹ càng, phải ký giao kèo đầu quân, hạn giao kèo tối thiểu một năm. Điều kiện tuyển chọn : ít nhất phải trên 18 tuổi, có đầy đủ sức khỏe và có can đảm chiến đấu. Nếu người lính com măng đô nào chẳng may trong khi phục vụ thiếu kém sức khỏe, bạc nhược tinh thần, cũng như phạm lỗi quân kỷ làm tổn thương tới danh dự của com măng đô, sẽ lập tức bị hủy bỏ giao kèo. Các điều kiện này nhằm mục đích để các com măng đô đáp ứng được với nhiệm vụ đặc biệt được giao phó và để một phần nào đề cao thành tích chiến đấu của các đơn vị com măng đô. Khi hết hạn giao kèo, người lính com măng đô nào không tái đăng sẽ được hoàn lại phục vụ trong các đại đội phụ lực quân.

Các đại đội com măng đô đều có người Pháp chỉ huy, thường là một hạ sĩ quan cao cấp, tỷ dụ như com măng đô Vandenberghe do thượng sĩ Lê dương Vandenberghe chỉ huy, Com măng đô Sieffer do thượng sĩ Sieffer chỉ huy, Com măng đô Romary do trung úy Romary chỉ huy v.v... Lúc này ta thấy sĩ quan Việt có quốc tịch Pháp chỉ huy như trung úy Roger coi Com măng đô 13.







Một vài hiệu kỳ đại đội com măng đô ở Bắc Việt.

(Các hình này do Sư đoàn TQLCHVN sưu tầm)

Trên toàn quốc đã có tới gần 300 đại đội com măng đô. Pháp tổ chức cả những đại đội com măng đô đánh thủy như các đại đội Com măng đô Ouragan, Tempête, Jaubert, Montfort v.v...



Một toán com măng đô.

Không những đòn từ phụ lực quân lên, Pháp còn dùng cả cán binh hồi chánh Việt Minh để tổ chức thành những đơn vị com măng đô. Những đơn vị này đã được dùng để hoạt động sâu vào hậu tuyến của đối phương.

Để huấn luyện các đơn vị com măng đô, Pháp sử dụng trung tâm huấn luyện C.I.F (Centre d'instruction fixe) tại Vũng Tàu để làm nơi dạy. Về sau, để giữ bí mật cho trung tâm này, Pháp thành lập một trường com măng đô tại Vatchay thuộc Hongay.

5. G.C.M.A. (GROUPE DE COMMANDOS MIXTE AÉROPORTÉ) :

Tạm dịch là «toán biệt kích hỗn hợp nhảy dù».

Toán này có trên 200 người, cũng được Pháp liệt vào loại phụ lực quân. Các biệt kích nhảy dù được lựa chọn kỹ càng hơn các com măng đô, vì ngoài sức khoẻ và can đảm, những người này phải là những phần tử thao vát để đáp ứng với nhiệm vụ nặng nề hơn com măng đô rất nhiều.

Lực lượng này được hưởng lương cũng như phụ lực quân, nhưng khác ở điểm, được hưởng rất nhiều phụ cấp công tác, vì đi khi thi hành xong một công tác đặc biệt nào đó trở về, mỗi biệt kích sẽ được thưởng từ vài ngàn đến vài chục ngàn đồng.

Với số lượng trên, Pháp chia thành nhiều chi cục gọi là « antennes », đóng tại những địa điểm chiến lược, cửa ngõ của chiến khu Việt Minh. Tại mỗi chi cục, lại có nhiều toán G.A (Groupe d'action) tương tự như những toán đặc công và nhiều toán G.C (groupe de commandos) tương tự như những toán biệt kích.

Ấy là chưa kể đến những toán biệt kích hoạt động trong các mật khu gọi là « maquis ». Trong hồi chiến tranh, Pháp đã thiết lập được một số « maquis » (mật khu) quan trọng như mật khu cù lao Rê, mật khu Sơn Hà tại Quảng Ngãi và các mật khu tại vùng Laokay, Lai Châu, Sơn La. Những mật khu này là của sắc tộc, cho ta hiểu rằng Pháp đã ít nhiều móc nối, mua chuộc được cảm tình của các sắc tộc, để dù trong những hoàn cảnh đơn độc, những sắc tộc này vẫn tiếp tục hoạt động giúp Pháp, quấy rối vào hậu tuyến của Việt Minh. Mật khu đắc lực nhất là mật khu của Đinh Ngô, một người Thượng ở tại thung lũng sông Rhe thuộc quận Sơn Hà, Quảng Ngãi. Theo sự hiểu biết của một số nhân chứng, Đinh Ngô cha mẹ chết sớm, được một ông bang người Việt nuôi từ khi còn nhỏ. Từ thuở bé, đương sự đã tỏ ra nghịch ngợm và tinh ranh hơn những đứa trẻ con khác. Năm 12 tuổi, Đinh Ngô đã được chủ giao cho chăn hai trăm con trâu.

Mùa thu năm 1917, quân Pháp dùng tàu đổ bộ lên cù lao Rhé và Sa Huỳnh, ở đây trên hai tuần lễ và trước khi rút lui, Pháp bắt mang theo mấy trăm thanh niên Thượng trong đó có Đinh Ngô. Pháp mang về huấn luyện rồi lại cho về hoạt động du kích tại vùng thung lũng sông Rhé. Đinh Ngô đã thành công với các hoạt động du kích chống lại Việt Minh, đã gây cho bộ đội đối phương nhiều tổn thất trầm trọng. Pháp thăng cho Đinh Ngô tới

cấp đại úy để cầm đầu các toán biệt kích tại thung lũng sông Rhé. Người dân Sơn Hà kể chuyện lại rằng, Ngô là một người hiếu sắc, lấy rất nhiều vợ, lại áp dụng chính sách nhiều vợ ngay trong các hoạt động tình báo, bằng cách lấy con gái các xã trưởng trong vùng quận Sơn Hà. Do đó các xã trưởng này phải hết lòng với Ngô, cung cấp tất cả những tin tức về địch ở trong vùng nếu có. Đinh Ngô tình trạng đơn độc, thế mà mật khu sông Rhé vẫn tồn tại tới khi đình chiến (6). Các mật khu của Pháp tại miền Tây Bắc Việt chỉ giữ được tới đầu năm 1954 thì bị tan rã. Những mật khu này là của Thái, Mường và nhất là của sắc tộc Mèo.



ĐINH NGÔ

Các biệt kích hỗn hợp nhảy dù phải học nhảy dù. Nhiệm vụ của họ là phải nhảy xuống các mật khu, các vùng địch để liên lạc và hoạt động, rồi từ đấy trở về những căn cứ Pháp gần nhất. Những môn chính của họ học là nhảy dù và kỹ thuật biệt kích hầu đáp ứng cho những nhiệm vụ được giao phó. Những người này được huấn luyện tại trung tâm C.I.F tại Vũng Tàu, và cũng bởi vì để giữ bí mật cho các hoạt động của trung tâm này, một chi nhánh của trường C.I.F được chuyển ra Vatchay, để thành lập một trường com măng đô riêng biệt cho các đơn vị com măng đô như đã kể ở trên.

(6) Đinh Ngô sau gia nhập QLVNCH, mang tới cấp học trung tá và chết trên giường bệnh, năm 1966

Tới năm 1953, G.C.M.A đổi là G.M.I. (groupement mixte d'intervention) tạm dịch là liên đoàn hỗn hợp can thiệp. Do sự đổi tên này, người ta thấy bản chất phụ lực quân và com măng đô dần dần tan biến trong tổ chức mới để biến thành một lực lượng đặc biệt. Quan niệm thành lập lực lượng đặc biệt cho quân đội quốc gia sau này đã phát nguồn từ những đơn vị phụ lực quân nhảy dù kể trên. Trong năm 1953, Pháp cho chuyển sang quân đội Việt Nam 50 nhân viên của liên đoàn hỗn hợp can thiệp. Số nhân viên này được dùng làm cán bộ huấn luyện và cán bộ hoạt động để tăng cường cho một cơ quan tình báo, đó là Phòng 6 Bộ Tổng Tham Mưu. Người điều khiển đầu tiên cơ quan này là thiếu tá Nguyễn Khánh.

6. PHÁP CHUYỂN CÁC ĐƠN VỊ PHỤ LỰC QUÂN SANG VIỆT NAM :

Bắt đầu từ sau hiệp định Auriol — Bảo Đại ngày 8-3-1949, Pháp có ý định chuyển một số các đơn vị phụ lực quân sang quân đội Việt Nam. Tân thủ tướng Trần văn Hữu, sau ngày tấn phong (6-5-1950), tuyên bố thành lập quân đội quốc gia, với một nửa là chính quy và một nửa là phụ lực quân. Tháng 2-1952, một quyết định của Hội đồng tối cao Việt-Pháp cho biết quân đội quốc gia được tăng lên 120.000 người, gồm một nửa chính quy và một nửa phụ lực quân.

Trên thực tế, mãi sau quyết định tháng 2-1952, Pháp mới ban hành văn thư, chia tổng số phụ lực quân trên toàn cõi Đông Dương gồm 112.370 người, ra hai

— 59 280 người cho Việt Nam

— 53.090 người cho Pháp.

Như vậy, trong thời gian từ 1949 tới đầu năm 1952, vấn đề chuyển giao phụ lực quân được đề cập tới thì sự chuyển giao này chỉ có ý nghĩa trên phương diện chính trị, chứ trên thực tế chưa có gì rõ rệt cả.

Số quân 59.280 người chuyển sang Việt Nam được phân như sau

— Bắc Việt		11 040	người.
— Bắc Trung Việt	:	2.640	»
— Nam Trung Việt	:	4.680	»
— Cao Nguyên	:	2.760	»
— Nam Việt	:	38.160	»

Quân số gồm có 494 đại đội, được phân phối với một hệ thống danh số như sau :

— Bắc Việt : 92 đại đội — đánh số từ 501 trở lên
— Bắc Trung Việt : 22 » } — đánh số từ 401 trở lên
— Nam Trung Việt : 39 » }
— Cao Nguyên : 23 » — đánh số từ 1 đến 99
— Nam Việt : 318 »

Riêng Nam Việt, các đại đội phụ lực lại được phân làm hai loại :

— loại không giáo phái
— loại giáo phái

Loại không giáo phái mới có danh số, loại giáo phái thì không có.

Loại không giáo phái gồm có :

— Đại đội nhẹ phụ lực quân : 180 đại đội — đánh số từ 100 đến 300.
— Đại đội com măng đô 91 đại đội — đánh số từ 300 đến 400. (7)

Loại giáo phái gồm có :

— Cao đài 2.400 người — 20 đại đội.
— Hòa Hảo : 2.400 người — 20 đại đội.
— U.M.D.C . 840 người — 7 đại đội (giải chuyển theo tổ chức của phụ lực).

Cũng như đã đề cập ở trên, trước khi chuyển một phần sang Nam Việt, tất cả các đại đội phụ lực và com măng đô đều được đồng nhất hóa theo căn bản tổ chức : mỗi đại đội . 120 người.

Về phương diện chỉ huy, các đại đội phụ lực quân Việt Nam đặt thống thuộc trưởng phái bộ quân sự Pháp cạnh chính phủ Việt Nam, và đặt dưới quyền sử dụng trực tiếp của các tư lệnh lục quân Pháp tại các quân khu (8).

Về phương diện tài chánh và trang bị, các đại đội phụ lực Việt Nam được đài thọ một phần bằng viện trợ Mỹ, một phần bằng tài trợ của Pháp (9) và một phần khác nữa bằng các quỹ địa phương. Bởi vậy, riêng vấn đề trả lương có rất nhiều phức tạp : — loại 1 do ngân quỹ tỉnh đài thọ — loại 2 do ngân sách trung ương tài trợ. Đó là không kể sự trả lương cho phụ lực giáo phái được giao thẳng cho các lãnh tụ giáo phái từng mỗi tháng hay từng mỗi tam cá nguyệt.

Về phương diện tổ chức và điều hành, phụ lực quân bị chi phối bởi :

1) Phòng phụ lực quân quân khu được gọi tắt là B. R. F. S (Bureau régional des forces supplétives)

Các phòng phụ lực quân quân khu phối hợp chặt chẽ với các thanh tra phụ lực quân Pháp để chịu trách nhiệm :

— Tổ chức các đơn vị phụ lực quân Việt Nam.

— Quản trị quân số phụ lực quân, thông báo tình hình quân số này cho phòng thanh tra phụ lực quân của Pháp được gọi tắt là I.F.S (Inspection des forces supplétives).

2) Phòng phụ lực quân phân khu và tiểu khu

Các phòng này làm việc trên hai hệ thống :

— Việt : Quân khu/Phòng phụ lực quân.
— Pháp : BTI, lục quân miền/Phòng thanh tra phụ lực quân.

Phòng phụ lực quân tiểu khu phụ trách tuyển mộ, quản trị, giải nhiệm, trả lương và trang bị các đơn vị phụ lực quân.

Các nhân viên thuộc phòng phụ lực quân quân khu, tiểu khu gồm cả Việt lẫn Pháp làm việc hỗn hợp. Trưởng phòng là người Pháp, phó trưởng phòng người Việt, nhưng phó trưởng phòng chỉ phụ trách những vấn đề thuộc phụ lực quân Việt mà thôi.

Lúc đó có danh từ :

— D.S.A.F (détachement de supplétifs de l'armée Vietnamienne) để chỉ công tác phụ lực quân của Việt Nam.

— D.S.A.F (détachement de supplétifs de l'armée française) để chỉ toàn công tác phụ lực quân của Pháp.

7) Một vài nhận xét được ghi nhận như sau :
Cách đánh danh số đơn vị phụ lực quân rất phức tạp, thí dụ như Trung Việt từ số 401 đến số 500; Cao Nguyên từ số 1 đến số 99 thay vì số 100, Nam Việt đúng lẽ phải từ 101 đến 300 mà lại kể từ số 100

8) Sau ngày thành lập Bộ Tổng Tham Mưu, có một ít thay đổi trong vấn đề chỉ huy các đơn vị phụ lực : — « lực lượng phụ lực quân thay vì thống thuộc phái bộ quân sự Pháp đặt thống thuộc Bộ Tổng Tham Mưu và vẫn ở dưới quyền sử dụng trực tiếp của các tư lệnh lục quân Pháp như cũ.

9) Do thỏa ước viện trợ quân sự Việt-Pháp (pacte d'assistance militaire France — Vietnamien).

10) Tại Nam Việt còn có 1500 phụ lực quân được liệt vào loại trả lương thứ 3. Chúng tôi chưa được dấu vết loại này do quỹ nào đài thọ.

Có một điều đáng kể là ở Bộ Tổng Tham Mưu không có cơ quan riêng biệt nào phụ trách phụ lực quân.

Về phương diện huấn luyện, chương trình thụ huấn được ấn định giữa sự thỏa hiệp của các phòng I.F.S của Pháp và B.R.F.S của Việt Nam. Các phụ lực quân được đào tạo ngay tại địa phương. Trung tâm huấn luyện Biên Hòa là một quân trường lớn, đào luyện cán bộ phụ lực quân cho cả Pháp và Việt tại Nam Việt.

7. VIỆC TÀI GIẢM QUÂN SỐ PHỤ LỰC QUÂN TRONG NĂM 1952

Trong phiên họp ngày 14-5-1952 của Ủy ban quân sự thường trực Việt-Pháp, vấn đề tài giảm quân số phụ lực quân Việt Nam đã được đề cập đến.

Đại diện Pháp viện lý do ngân sách hạn chế và để tránh gia tăng một cách bừa bãi, việc tài trợ cho phụ lực quân chỉ được Pháp chấp thuận trên một quân số lý thuyết ấn định như sau :

— Pháp : 60.000 phụ lực quân

— Việt : 50.000 »

Kết quả con số phụ lực quân thuộc Việt Nam bị giảm ngay trong năm 1952 là 1.000, ưu tiên tài giảm phụ lực quân giáo phái bằng cách giải tán hoặc chuyển họ sang các đơn vị chính quy, nếu bên phía giáo phái không gây ra những sự khó khăn về chính trị (11). Sự thi hành phải hoàn tất trước ngày 31-12-1952. Ngoài ra, dự án tài giảm còn được đề cập cho những năm kế tiếp : — năm 1953 rút xuống còn 47.000 — năm 1954 còn 45.000 v.v...

Khi mang vấn đề tài giảm ra thi hành, người ta chia thành hai đợt :

1) Đợt đầu : 6.000 người.

Việc tài giảm đã được giải quyết ổn thỏa, là chỉ việc chuyển 6.000 người này từ thuộc Việt sang thuộc Pháp do tài khoản Pháp đài thọ. Các đơn vị như sau được chuyển cho Pháp.

— 31 đại đội Com măng đô Hậu giang Nam Việt = 3720 người

— 10 » » Tiền giang Nam Việt = 1200 người

— 09 » phụ lực quân Bắc Việt = 1080 người

Pháp đang từ 53.090 người tăng lên 59.090 người (53.090 + 6.000) được chia như sau :

— Bắc Việt	:	27.000	người
— Trung Việt	:	6.120	»
— Nam Việt	:	18.240	»
— Cao Nguyên	:	O	»
— Lào Quốc	:	2.160	»
— Cao Miên	:	3.360	»
— G.C.M.A.	:	2.210	»
Cộng		59.090	người

Những đại đội này khi chuyển cho Pháp vẫn giữ nguyên tình trạng cũ, chỉ thay đổi tên gọi và danh số.

Thí dụ :

khi ở VIỆT

— C.L.S.V. n°...

(Compagnie légère de supplétifs Vietnamiens n°...)

— C^die^ n°... Vietnam

(Commandos n°... V.N.)

Và khi chuyển sang PHÁP

— C.S.M. n°...

(Compagnie de supplétifs militaires n°...)

— C^die^ n°...

2) Đợt nhì : 3.280 người :

Trước khi tài giảm, Bộ Tổng Tham Mưu cho kiểm kê quân số phụ lực, kết quả tới cuối tháng 9-1952, hiện diện chỉ còn 51.000 người.

Do đó, Bộ Tổng Tham Mưu tài giảm 3.280 người bằng cách chỉ cho xuất ngũ 1.000 người và lưu giữ tất cả các đại đội phụ lực quân và com măng đô hiện hữu bằng cách giảm bảng cấp số của mỗi đại đội phụ lực quân đi 10 người.

— Quân số của mỗi đại đội phụ lực từ 120 rút xuống 110 như sau :

— 1 trung úy hay thượng sĩ

— 6 trung sĩ

(11) Như trên đã nói, Pháp không nắm được trọn vẹn các đơn vị giáo phái, nên muốn tài giảm hoặc phân tán sang các đơn vị chính quy để dễ kiểm soát.

— 9 hạ sĩ
— 94 phụ lực quân

110

— Vũ khí.
 — 2 súng lục
 — 85 súng đủ loại (tương tự như cấp số cũ)

Riêng các đại đội com măng đô giữ nguyên quân số lý thuyết 120 người.

Vấn đề tái giảm các đơn vị phụ lực giáo phái không bàn đến nữa.

8. PHỤ LỰC QUÂN TRONG GIAI ĐOẠN CHÍNH QUY HÓA.

▲ Xem bảng so sánh quân số lý thuyết lực lượng phụ lực quân của năm 1952 và 1953.

Năm 1953, việc tái giảm phụ lực quân được quy vào việc thành lập các tiểu đoàn khinh quân. Rất nhiều các đại đội phụ lực quân cải chuyển thành đơn vị chính quy (12).

Tới đầu năm 1954, để dành mọi dễ dàng cho việc thành lập các tiểu đoàn khinh quân, các tư lệnh quân khu được phép cho chuyển binh sĩ phụ lực tình nguyện gia nhập, với lý do là để giúp cho những đơn vị tân lập có những người đã quen chiến đấu phục vụ. Do đó, một số phụ lực quân đầu quân vào ngành chính quy và các địa phương được quyền tuyển mộ số người thiếu hụt để trám vào những đơn vị phụ lực bị thiếu.

9. SỰ GIẢI HÓA CỦA MỘT SỐ ĐƠN VỊ PHỤ LỰC CỦA PHÁP.

Đầu tháng 8-1954 tình hình biến chuyển đưa tới cuộc ngưng chiến. Các đại đội phụ lực quân miền Bắc vĩ tuyến 17 bị giải tán. Sau khi bị giải tán, một số binh sĩ phụ lực gia nhập quân đội chính quy, một số di cư theo ngả dân sự và một số khác ở lại miền Bắc.

Việc giải tán này không gây nên một trở ngại nào, bởi vì quân đội miền Bắc trước khi triệt thoái vào Nam, có rất nhiều binh sĩ đào ngũ, chuyện đó tạo nên một khoảng trống lớn về quân số, và chính khoảng trống này đã giải quyết một cách dễ dàng số binh sĩ thuộc các đại đội phụ lực quân bị giải tán.

Tới tháng 10-1954, Bộ tư lệnh Pháp còn phổ biến văn thư cải tổ các đại đội com măng đô thuộc Pháp được Pháp giữ tới phút chót. Trong văn thư này, Pháp buộc những lính com măng đô nào còn muốn phục vụ trong quân đội Pháp phải làm lại giao kèo tái đăng trong 6 tháng (13). Cũng theo văn thư này, các đại đội com măng đô số 2, số 34 ở Hải Phòng, số 610 ở Nha Trang, số 15 tại Nước Ngọt được kết hợp lại thành bốn đại đội nhảy dù để chuyển giao cho Việt Nam. Pháp cho tất cả những binh sĩ com măng đô không ký giao kèo tập trung lại trước ngày 15-10-54, để thành lập ra ba tiểu đoàn chính quy.

Các tiểu đoàn số 1 và 2 được chuyển cho thủy quân lục chiến. Tiểu đoàn số 3 biến thành một đơn vị bộ binh của miền Trung.

Bảng so sánh quân số lý thuyết lực lượng phụ lực quân các năm 1952 và 1953

	ĐẦU NĂM 1952				CUỐI NĂM 1953			
	Đại đội Com măng đô	Đại đội Phụ lực quân	Đại đội Phụ lực quân giáo phái	Quân số lý thuyết	Đại đội Com măng đô	Đại đội Phụ lực quân	Đại đội Phụ lực quân giáo phái	Quân số lý thuyết
Đệ 1 QK	91	180	47 (1)	38.160	83	159	47	31 790
Đệ 2 QK	61	—	—	7.320	54 (2)	—	—	5.940
Đệ 3 QK	92	—	—	11.040	67	—	—	7.370
Đệ 4 QK	23	—	—	2.760	23	—	—	2.530
	267	180	47	59.280	227	159	47	47.630
	494				433			

(1) Trong số 47 có 20 Cao Đài, 20 Hòa Hảo và 7 U.M.D.C.

(2) Bắc Trung Việt 20 — Nam Trung Việt 34.

(12) Xem nói rõ ở chương trang 110

(13) Từ 3000 đến 6000 người Việt đi theo Pháp sang chiến đấu tại Algérie và cứ điểm Séno thuộc Lào.

10. VIỆC GIẢI TÁN LỰC LƯỢNG PHỤ LỰC QUÂN VIỆT NAM :

Ngay sau khi ngưng chiến, quân đội phải tài giảm quân số bắt đầu từ năm 1955.

Lực lượng phụ lực quân bị tài giảm đầu tiên. Sau cuộc kiểm kê ngày 30-11-1954, quân số phụ lực quân tính theo nhân số phải trả lương còn :

— 33.658 người

Quân số này bị giải tán theo kế hoạch như sau :

1) Quân nhân không giáo phái .

ĐỢT GIẢI NGŨ	QUÂN SỐ GIẢI NGŨ			
	ĐỆ 1 QK	ĐỆ 2 QK	ĐỆ 4 QK	TỔNG CỘNG
Đợt 31-12-1954	500	300	–	800
Đợt 31-01-1955	14.280	836	4.544	19.660
Đợt 15-02-1955	4.761	279	915	5.955
Đợt 28-02-1955	–	420	600	1.020
	19.541	1.835	6.059	27.435

2) Quân nhân giáo phái :

GIÁO PHÁI	Đợt 31-01-55	Đợt 15-02-55	TỔNG CỘNG
CAO ĐÀI	1.180	366	1.546
HÒA HẢO	1.887	630	2.517
HÒA HẢO (NGUYỄN TRUNG TRỰC)	1.620	540	2.160
	4.687	1.536	6.223

Các phụ lực quân giải ngũ trong vòng êm ả, duy chỉ có phụ lực quân giáo phái được cầm đầu bởi các lãnh tụ giáo phái chống đối vì bị mất các khoản tài trợ.

C. LỰC LƯỢNG VỆ BINH QUỐC GIA

1. TỔNG QUÁT

Kể từ ngày 13-4-1949, Pháp cho thành lập « Vệ binh quốc gia », phiên dịch từ danh từ « la garde nationale », bằng một văn kiện.

Văn kiện này có hai mục đích. Mục đích thứ nhất nhằm tạo cho chính phủ Việt Nam một quân đội chính quy, chiếu theo tinh thần của bản hiệp định đã được ký kết giữa các ông Vincent Auriol và Bảo Đại — Mục đích thứ hai nhằm thống nhất các vệ binh trên toàn quốc thành một tổ chức duy nhất.

Người Pháp tuyên bố coi vệ binh quốc gia là một lực lượng nòng cốt của quân đội quốc gia, nhưng qua việc thành lập, người ta có cảm tưởng là Pháp chỉ có ý tạo một lực lượng vệ binh tiến bộ hơn vệ binh bản xứ (garde indigène) dưới thời Pháp thuộc.

Việc thống nhất các vệ binh đã hiện hữu trên toàn quốc, được quy định dưới những danh từ mới như sau :

DANH TỪ CŨ	DANH TỪ MỚI		
	TIẾNG PHÁP	TIẾNG VIỆT	TIẾNG PHÁP TẮT
Bảo Chính Đoàn	Garde du VN Nord	Vệ Binh Bắc Việt	GVNN
Việt Binh Đoàn	Garde du VN Centre	Vệ Binh Trung Việt	GVNC
Vệ Binh Nam Việt	Garde du VN Sud	Vệ Binh Nam Việt	GVNS

Tất cả những thành phần này được gọi chung là vệ binh quốc gia.

Kể từ ngày thành lập, các vệ binh quốc gia được hưởng một chế độ lương bổng mới · đang từ lương khoán như phụ lực quân tăng vọt lên như sau (15) ·

— Trung úy 4.781đ.00 đến 6.026đ.00
— Thiếu úy 3.815đ.00 đến 4.781đ.00
— Thượng sĩ 2.500đ.00 đến 3.020đ.00
— Trung sĩ 2.050đ.00 đến 2.540đ.00
— Hạ sĩ 1.073đ.00 đến 1.202đ.00
— Binh 1 959đ.00 đến 1.085đ.00
— Binh 2 908đ.00 đến 1.037đ.00

Giá biểu này là lương độc thân, chưa có phụ cấp chuyên môn và phụ cấp gia đình.

Người Pháp còn kể thuộc lực lượng vệ binh quốc gia những thành phần quân đội cùng hưởng chung một quy chế lương bổng — Những thành phần này là (16)

— Các đơn vị ngự lâm quân của quốc trưởng Bảo Đại (garde impériale).

— Các toán danh dự số 1, 2 và 3 (groupes autonomes d'escadrons d'honneur n° 1, 2 et 3) gọi tắt theo tiếng Pháp là GAEH 1, GAEH 2 và GAEH 3.

— Liên đoàn tuần giang biệt lập Nam Việt (groupe autonome d'escadrilles fluviales du Sud) tắt là GAEF n° 1

— Liên đoàn tuần giang biệt lập Bắc Việt (groupe autonome d'escadrilles fluviales du Nord)tắt là GAEF n° 3

— Đoàn tuần giang miền Trung (escadrille fluviale du Centre) tắt là EF n° 2.

Nói tóm lại, vệ binh quốc gia là những thành phần quân đội được hưởng chung một quy chế tuyển dụng, một quy chế lương bổng và có một hệ thống điều hành từ trung ương đến các địa phương, chứ không còn ở một tình trạng có tính cách hoàn toàn địa phương như trước nữa.

2. CÁC DIỄN BIẾN TRONG SỰ HÌNH THÀNH CÁC LỰC LƯỢNG VỆ BINH

Mãi tới ngày 13-4-1949, Pháp thành lập vệ binh quốc gia nhưng tổ chức này đã lẻ tẻ có từ cuối năm 1945, qua những giai đoạn diễn biến như sau

a. Vệ binh Đông Dương (garde indochinoise)

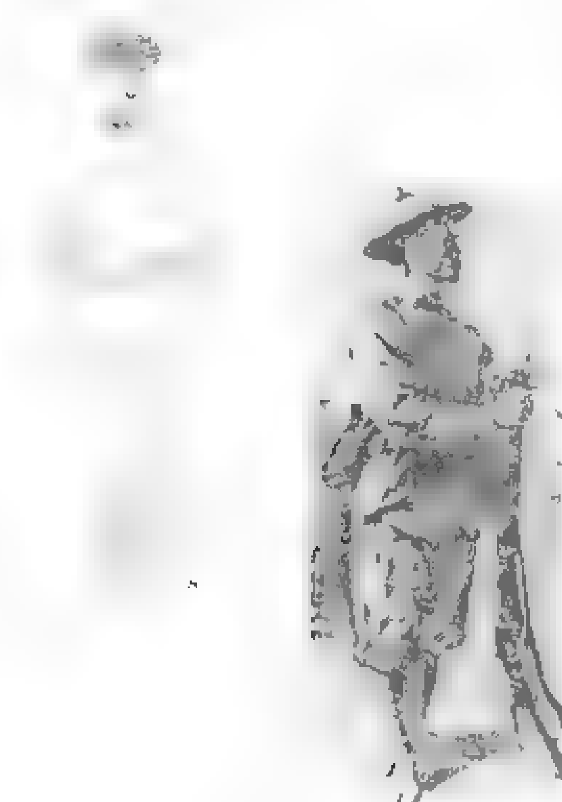
Danh từ vệ binh Đông Dương xuất hiện sớm nhất. Do sáng kiến riêng của viên đại tá Pháp Rivier, bốn tiểu đoàn các cựu chiến binh Pháp gồm có lính khố xanh và khố đỏ được thành lập một cách nhanh chóng cuối năm 1945. Các tiểu đoàn này đã theo chân viên đại tá Rivier, từ Nha-Trang tiến theo quốc lộ 21, lên chiếm Banmêthuột, rồi đóng tại đây luôn. Từ quan niệm hình thành một đạo quân liên bang Đông Dương của tướng Leclerc (17) lúc ấy, Pháp nghĩ đến việc lập một đạo vệ binh. Lại nhân vin vào kết quả của một hội nghị do Pháp tạo ra, có sự tham gia của các xứ Miên, Lào và Nam kỳ, họp tại Đà Lạt ngày 1-8-1946 mà Pháp gọi là một hội nghị cấp liên bang, Pháp đề cập tới việc thành lập đạo vệ binh đầu tiên : vệ binh Đông Dương.

(15) Giá biểu Nam Việt. Với các miền khác, cũng thêm đôi chút tùy theo sự đắt đỏ.

(16) Các đơn vị ngự lâm quân, danh dự và tuần giang được thành hình từ đầu năm 1950 bằng quân số biệt phái của vệ binh, mãi trong năm 1951 mới điều chỉnh để chính thức thành lập.

(17) Đạo quân liên bang Đông Dương, theo Leclerc, sẽ có sự đóng góp của năm xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao và Cao Miên, gồm có các lực lượng quân sự của Pháp và năm xứ này. Quân đội của mỗi xứ liên bang đều thuộc quyền riêng của mỗi xứ. Khi hữu sự, quân đội này có thể sử dụng khắp liên bang, và còn có thể sử dụng ra ngoài liên bang là các xứ thuộc Liên hiệp Pháp. Quân đội này sẽ do sĩ quan bản xứ chỉ huy, cấp chỉ huy cao do Pháp. Nước Pháp sẽ đài thọ một nửa chiến khoản, còn một nửa do liên bang chịu (Xem Le dossier secret de l'Indochine, Claude Paillat, trang 61).

Lính khố xanh (ban nhạc).



Lính khố xanh

Các đơn vị vệ binh Đông Dương đầu tiên được kết hợp bởi các cựu binh sĩ thuộc địa của các tiểu đoàn Rivier. Các đơn vị này được phân phối hoạt động tại các tỉnh miền Nam Trung Việt và tại bốn tỉnh miền Cao Nguyên.

b. Vệ binh Cộng hòa Nam kỳ (garde républicaine de la Cochinchine)

Ngày 3-6-1946, Pháp đã cho ra đời một chính phủ thân Pháp tại Nam Việt: Chính phủ Nam kỳ tự trị. Từ đó, Pháp nghĩ đến tổ chức đoàn vệ binh mang sắc thái riêng biệt của chính phủ này.

Danh từ vệ binh Đông Dương không còn được dùng ở đây nữa và để thích hợp với chiêu bài chính trị mới, Pháp dùng danh từ « vệ binh Cộng hòa Nam kỳ », để chỉ đạo binh này. Vệ binh Nam kỳ được khai sinh do nghị định số 1351 MI-IN, ngày 1-10-1946 của chính phủ tự trị Nam kỳ. Và kể từ đấy, vệ binh Đông Dương không thấy được phát triển tới những nơi khác. Có lẽ Pháp đã cho là danh từ này lỗi thời vì danh từ vệ binh Đông Dương tuy có đôi phần mới mẻ so với danh từ vệ binh bản xứ, nhưng vẫn mang ý nghĩa của một tàn chính sách thuộc địa của Pháp xét không còn hợp thời nữa.

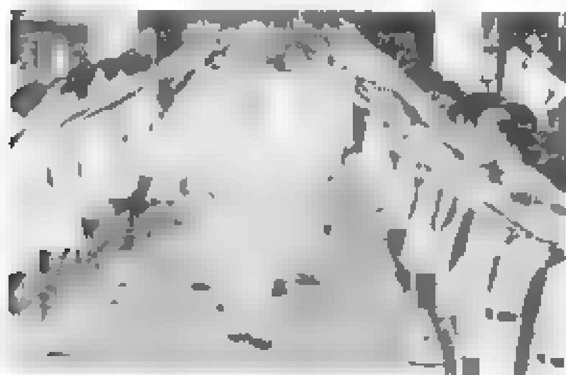
Một đơn vị vệ binh Cộng Hòa Nam Việt (sau đổi Vệ binh Nam Việt) dàn chào thủ tướng Trần văn Hữu.



c. Bảo vệ quân :

Bảo vệ quân là tiền thân của Việt binh đoàn, thành lập từ đầu năm 1947, khi quân Pháp từ cửa Thuận An và từ Đà Nẵng kéo vào chiếm thành phố Huế. Đây là một đạo quân hoàn toàn do người Việt gây dựng, với sự giúp đỡ của người Pháp, để chống Việt Minh. Bảo vệ quân do cựu thượng thư Trần thanh Đạt thành lập tại một khu vực của tỉnh Thừa Thiên, và sau đó là ông Trần văn Lý, chủ tịch Hội đồng chấp chánh Trung Việt đảm trách.

Mãi tới năm 1948, nhân vụ chính phủ trung ương lâm thời được thành lập, do sự ký kết hiệp định Hạ Long ngày 5-6-1948, và trong khi cựu hoàng Bảo Đại chưa về, quốc gia tạm chia làm ba phần với một chế độ hành chánh phân quyền để ba ông tổng trấn được rộng quyền hoạt động, thì Bảo vệ quân được b[illegible] thành Việt binh đoàn và do ông Phan văn Giáo, tổng trấn Trung phần (sau đổi là thủ hiến) cải tổ thành một lực lượng võ trang mạnh mẽ.



Ông PHAN VĂN GIÁO

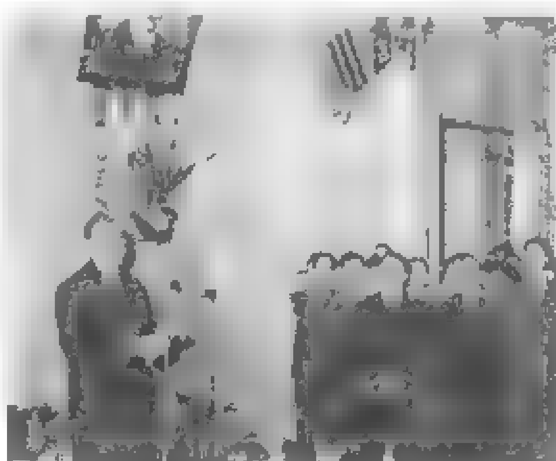
Ông Phan văn Giáo đổi tên thành Việt binh đoàn, thầm kín có ý ủng hộ ông Bảo Đại vì danh từ « Việt binh đoàn » viết tắt là « V.B.Đ. » có thể diễn nghĩa là

« Vì Bảo Đại »

— Hay hoặc là « Với Bảo Đại ».

d. Bảo chính đoàn

Bảo chính đoàn là một lực lượng võ trang do người Việt gây dựng để chống cộng, được sự giúp đỡ của người Pháp. Lực lượng này tiền khởi do ông Nghiêm Xuân Thiện, tổng trấn Bắc phần thành lập, chiếu theo tinh thần hiệp định Hạ Long, trong đó có vấn đề tổ chức quân đội. Bảo chính đoàn được tổ chức cùng một lúc với sự cải biến Bảo vệ quân thành Việt binh đoàn vào giữa năm 1948, lúc mà ba ông tổng trấn ba phần Trung Nam Bắc có dịp phát triển các tổ chức quân sự địa phương theo sáng kiến của riêng mình.



Ông NGUYỄN HỮU TRÍ

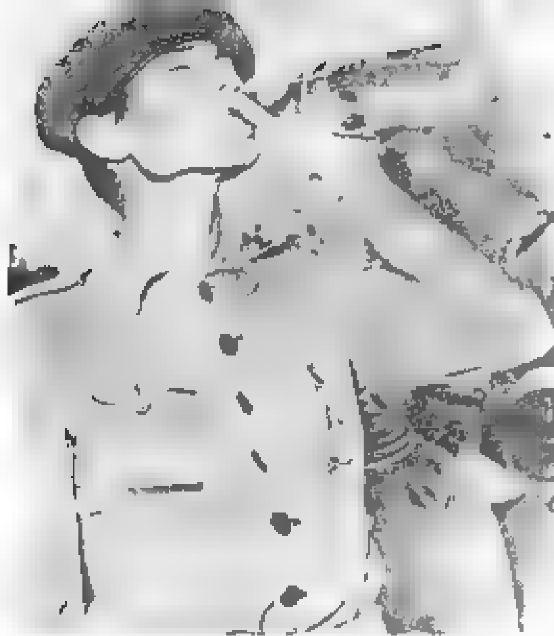
Người kế tiếp ông Nghiêm xuân Thiện là ông Nguyễn hữu Trí, thủ hiến Bắc Việt đã phát triển lực lượng này một cách mạnh mẽ. Ông Nguyễn hữu Trí là một lãnh tụ của đảng Đại Việt, phát triển Bảo chính đoàn, với thâm ý tạo một lực lượng hậu thuẫn cho đảng Đại Việt với cán bộ nòng cốt của đảng ông. Tất nhiên người Pháp không thích điều này và có ý muốn kìm hãm không cho lực lượng này phát triển. Danh từ « Bảo chính đoàn » được đặt ra với nghĩa « đoàn quân bảo vệ các hoạt động của hành chánh », và còn bao hàm một ý nghĩa khác. « đoàn quân bảo vệ chính nghĩa quốc gia ».

e. Vệ binh Nam Việt (garde du Viet Nam Sud)

Vệ binh Nam Việt là cải danh của vệ binh Cộng hòa Nam Kỳ. Vệ binh Nam Việt được cải biến bởi nghị định số 425-SG, ngày 9-6-1948, của chính phủ trung ương lâm thời để cho hợp với sự ra đời của chính phủ này.

g. Vệ binh *sơn cước* (garde montagnarde des P M S.)

Vệ binh sơn cước được thành lập cùng một dịp với vệ binh quốc gia vào năm 1949. Nhưng lúc đó, người Pháp chưa cho sát nhập ngay vào vệ binh quốc gia, mãi tới ngày 1-1-19[illegible] mới chính thức sát nhập quân đội quốc gia.



Một chuẩn úy người Thượng.

h. Vệ binh Nam Trung Việt (garde des provinces méridionales du Việt Nam Centre, viết tắt là G P M N C.).

Vệ binh Nam Trung Việt được thành lập do nghị định số 20-QP ngày 2-4-1951, với một thành phần nòng cốt 1.500 vệ binh Đông Dương được giải tán từ các tỉnh Nam Trung Việt quy tụ tới, và một thành phần 2000 tân binh tuyển mộ. Lực lượng này tuy thuộc lãnh thổ miền Trung nhưng lại tách ra ngoài sự chỉ huy của G V N.C. tức là Việt binh đoàn.

Qua việc thành lập G.P.M N C. ta thấy các vệ binh Đông Dương bị giải tán và Pháp chuyển các vệ binh ở mỗi địa phương bằng những danh xưng có tính cách địa phương hầu tránh tạo nên những khó khăn về chính trị đối với người Việt

Các vệ binh Đông Dương giải tán đã sát nhập một phần vào G.P M.N.C. và một phần vào vệ binh sơn cước.

i. Vệ binh biên thùy Đông và Tây Bắc Bắc Việt (garde frontalière du Nord-Est et du Nord Ouest du Nord).

Các vệ binh này không được chính quy hóa thành vệ binh quốc gia (18) có lẽ Pháp không muốn gây nên những trở ngại chính trị đối trước ông thủ hiến Bắc Việt, vì chính quy hóa thì phải sát nhập dưới sự chỉ huy của chính quyền địa phương Bắc phần. Đó là việc Pháp chưa muốn và các lãnh tụ địa phương những nơi đây cũng chưa muốn nữa.



Ông Đèo văn Long

Đại tá WÒNG A SANG *với Bộ tham mưu*



---

(18) Vệ binh biên thùy Đông Bắc do ông Voòng a Sáng, lãnh tụ địa phương mang hàm đại tá Pháp chỉ huy. Vệ binh biên thùy Tây Bắc do ông Đèo văn Long là lãnh tụ địa phương chỉ huy.



Ông Đèo văn Long hướng dẫn ông khâm sai Nguyễn Đệ kinh lý miền Thái.

Tóm lại, tới cuối năm 1951, quân đội quốc gia đã có một lực lượng vệ binh gồm 26.603 người, được phân chia như sau :

CHỈ DANH BẰNG TIẾNG VIỆT	TẮT BẰNG TIẾNG PHÁP	QUÂN SỐ LÝ THUYẾT			
		SQ	HSQ	BS	TỔNG SỐ
– Vệ binh Bắc Việt	GVNN	91	319	2.326	2.736
– Vệ binh Trung Việt	GVNC	196	670	4.898	5.764
– Vệ binh Nam Trung Việt	GPMNC	116	414	3.046	3.576
– Vệ binh Nam Việt	GVNS	293	979	7.035	8.307
– Vệ binh Sơn cước	GM	76	310	2.495	2.881
– Ngự lâm quân	GI	20	82	556	658
– Danh dự 1	GAEH 1	12	84	450	546
– Danh dự 2	GAEH 2	13	101	555	669
– Danh dự 3	GAEH 3	12	84	450	546
– Lực lượng Hải duyên	GAEF				920
		829	3.043	21.811	26.603

Qua diễn trình, từ sự thoát thai của vệ binh Đông Dương tới sự hình thành của các vệ binh địa phương và qua sự kết nạp vào vệ binh quốc gia, thâm ý của người Pháp cho ta hiểu rằng

Chính sách quân sự của Pháp nhằm tạo cho xứ Đông Dương một đạo vệ binh, với nhiều vệ binh khác nhau, để đáp ứng cho chính sách tân thuộc địa. Pháp chia Việt Nam thành nhiều địa phương, mỗi địa phương có một màu sắc chính quyền riêng biệt (19), và trong mỗi chính quyền địa phương dù to hay nhỏ cũng có một tổ chức quân lực riêng để phục vụ cho địa phương, mà lẽ dĩ nhiên, quân lực này thuộc quyền chi phối của những giới lãnh đạo địa phương. Nói tóm lại, vệ binh là một lực lượng quân sự địa phương được tổ chức ra, để dành cho địa phương liên hệ sử dụng và có sự liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương trong nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ và giữ gìn an ninh trật tự. Nói rộng thêm, lực lượng vệ binh là lực lượng chính của địa phương có sự liên hệ chặt chẽ với các lực lượng võ trang phụ thuộc. Các lực lượng phụ này là GAP, hương dũng, hương vệ hoạt động thuần túy cho địa phương và khác với các lực lượng phụ lực quân, tuy nằm trong lãnh vực hoạt động của địa phương nhưng trực thuộc các đơn vị chính quy có thể phải chiến đấu khắp nơi.

Vì thế, các đạo vệ binh được tổ chức với tính cách vừa quân sự và vừa hành chánh, được coi như là một lực lượng lãnh thổ để bám sát lấy dân và có thể cai trị dân.

Vì quan niệm như vậy, người Pháp đã có những chuyên viên riêng để tổ chức các đạo quân này.

Những chuyên viên này nằm trong một tổ chức được gọi là « phái bộ tổ chức lực lượng vệ binh Đông Dương » (mission d'organisation de la garde indochinoise).

Phái bộ gồm có quân nhân thuộc binh chủng vệ binh cộng hòa (garde républicaine) và thuộc đoàn quân viễn chinh Pháp, ngoài ra còn có các nhân viên dân sự chuyên môn mà đa số đã làm việc trong hệ thống cai trị của đạo vệ binh bản xứ hồi Pháp thuộc. Những nhân viên dân sự chuyên môn này là các cấp chánh thanh tra, phó thanh tra Pháp, các cấp vệ binh chính ngạch hay lương khoán. Những người dân sự này do tòa cao ủy Pháp tuyển bổ.

Trong phái bộ này có cả người Việt thường là các cựu quân nhân trong lực lượng quân đội Pháp cũ.

Những sự kiện này cho ta hiểu rằng người Pháp đã có những chuyên viên thông thạo phong tục, tập quán, tính nết dân bản xứ để nắm quyền điều khiển các đơn vị vệ binh mà cán bộ chỉ huy nòng cốt là Pháp. Hơn nữa, các vệ binh cộng hòa ngoài sự huấn luyện thông thạo về môn quân sự lại thông thạo cả về môn hành chánh để đáp ứng trọn vẹn cho các nhiệm vụ vừa quân sự và vừa hành chánh của vệ binh.

Tính trong năm 1952 là lúc quân số vệ binh có mức độ cao nhất, đã có tới 2.011 vệ binh cộng hòa Pháp làm nòng cốt chỉ huy cho trên 26.000 vệ binh quốc gia kể trên.

3. TỔ CHỨC VỆ BINH QUỐC GIA

Cũng như phụ lực quân khi mới thành lập, vệ binh quốc gia được đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh Pháp, sau thuộc quyền của Bộ Tổng Tham Mưu (vào lúc Bộ TTM thành lập), nhưng việc sử dụng hành quân lại thuộc quyền các tư lệnh lục quân miền của Pháp.

Tại mỗi miền quân sự, có một bộ chỉ huy miền vệ binh, thường do một trung tá Pháp chỉ huy, một sĩ quan Việt làm phụ tá.

Riêng miền Trung chia làm 2 miền vệ binh : miền vệ binh Bắc và miền vệ binh Nam.

Bộ chỉ huy trung ương là một cơ cấu thuộc Bộ tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp đóng tại Saigon. Còn các bộ chỉ huy miền, đóng tại Saigon, Nha Trang, Huế, Hanoi và Banmê thuột, trực thuộc Bộ tư lệnh lục quân của Pháp tại nơi liên hệ, mãi tới năm 1953 mới đặt trực thuộc các quân khu Việt Nam.

Mỗi bộ chỉ huy này có các đơn vị trực thuộc và một đại đội công vụ miền (Pháp gọi là Compagnie Hors Rang, tắt là CHR).

Dưới các bộ chỉ huy miền là các bộ chỉ huy trung đoàn, liên đội.

Tại mỗi miền vệ binh, đều có các trung tâm huấn luyện vệ binh được dùng chung cho cả phụ lực quân.

Các đơn vị vệ binh được trang bị rất hạn chế về vũ khí nặng và có một cấp số quá thấp về quân xa đủ loại, nên chỉ được dùng để đóng giữ các đồn bót, an ninh các trục lộ và bảo vệ các thôn ấp hơn là sử dụng trong các cuộc hành quân chiến thuật. Để phù hợp với mục

(19) Chú đế vị

đích bảo vệ lãnh thổ này, lực lượng vệ binh được tổ chức một cách mềm dẻo tại mỗi miền chiến thuật. Trước hết, mỗi miền có một bộ chỉ huy vệ binh miền với nhiệm vụ tổ chức hướng dẫn và kiểm soát các hoạt động vệ binh miền liên hệ. Kế đó là các bộ chỉ huy trung đoàn — Các bộ chỉ huy trung đoàn vệ binh được đóng tại những vị trí địa dư và chiến thuật thuận tiện như cạnh các bộ chỉ huy phân khu. Các bộ chỉ huy trung đoàn vệ binh là những cơ quan nặng về hành chánh hơn là chiến thuật — Dưới hệ thống trung đoàn vệ binh là các liên đội. Liên đội là một tổ chức binh đoàn đặt cố định cạnh các hệ thống hành chánh tỉnh. Để thích ứng với tình hình an ninh trong vị trí địa dư rộng hẹp của tỉnh, liên đội vệ binh thường có từ 1 tới 5 đại đội, đó là đơn vị có nhiều tính cách hành chánh hơn chiến thuật (20), vì vậy người Pháp không gọi là tiểu đoàn, dù rằng cấp liên đội được đặt ngang cấp tiểu đoàn bộ binh và do một sĩ quan cấp tá chỉ huy. Đại đội vệ binh là đơn vị chiến thuật căn bản được chia làm nhiều toán để phụ trách đóng đồn, an ninh cơ sở, trục lộ, thôn ấp, hộ tống các đoàn xe và liên lạc, chỉ có 1 hay 2 đại đội là được sử dụng nguyên vẹn trong thành phần trừ bị của tỉnh.

Tổ chức vệ binh có một vài khác biệt tại các miền

Miền Bắc và Cao nguyên khác với miền Nam và Nam Trung Việt, không tổ chức thành trung đoàn vệ binh vì có ít đại đội vệ binh. Trong trường hợp này, bộ chỉ huy vệ binh miền chỉ huy trực tiếp các liên đội nên hệ thống chỉ huy đơn giản hơn.

Riêng tại miền Nam, đại đội vệ binh chỉ có ba trung đội, mỗi đại đội có 129 người, trái lại các đại đội vệ binh ở những miền khác lại có bốn trung đội với tổng số 168 người cho mỗi đại đội.

Về phương diện võ trang, vũ khí nặng duy nhất của mỗi đại đội chiến đấu là một súng cối 60 ly, còn toàn là súng cộng đồng và cá nhân kiểu Pháp. Mỗi liên đội chỉ có ba quân xa.

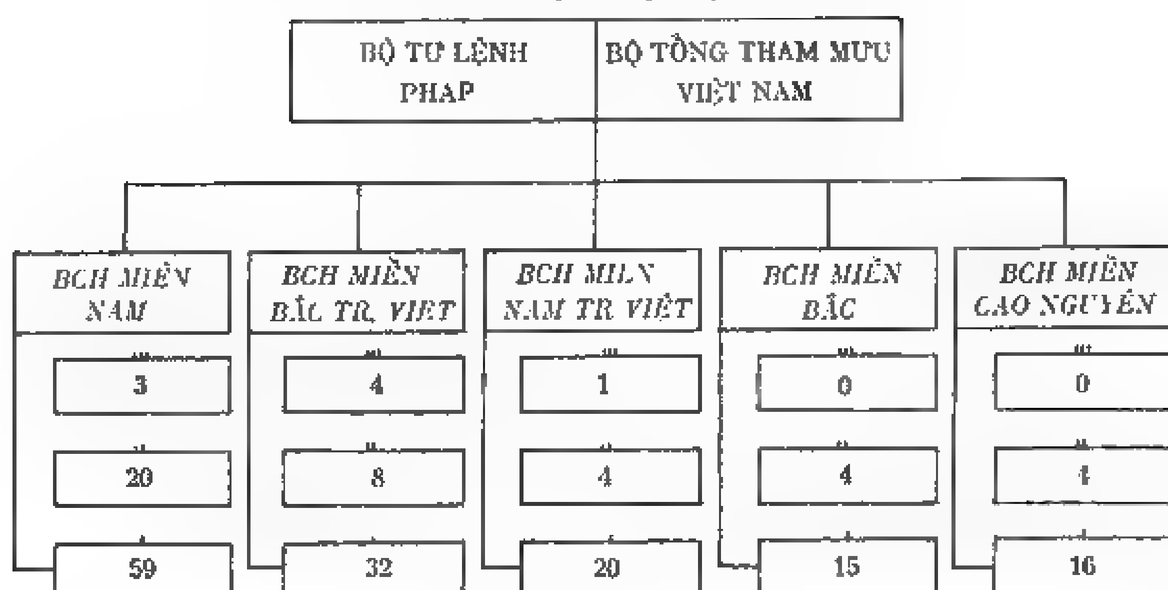
Về phương diện chỉ huy, khi mới thành lập tất cả các chức vụ chỉ huy đều do cán bộ vệ binh cộng hòa Pháp đảm trách, thường thì một trung úy hay đại úy người Pháp nắm vai trò đại đội trưởng ; trung đội trưởng thì do một trung sĩ hay thượng sĩ người Pháp nắm giữ. Đến năm 1950, sĩ quan cán bộ Việt Nam bắt đầu được gửi tới các đơn vị vệ binh, họ là những thiếu úy và chuẩn úy vừa mới ra trường, nên người Pháp chưa dám giao ngay các chức vụ chỉ huy mà họ quan niệm phải giao từ từ, để tránh những xáo trộn có thể xảy ra. Mãi tới năm 1951, các chức vụ điều khiển đại đội và trung đội mới thực sự được giao cho người Việt ; những năm 1952, 1953, các liên đội lần lần bàn giao cho người Việt, tuy nhiên các chức vụ cao hơn vẫn còn do sĩ quan Pháp điều khiển cho tới khi đình chiến.

Cấp số lý thuyết của vệ binh

CHỈ DANH	*Quân số lý thuyết*			*Tổng cộng*
	SQ	*HSQ*	*BS*	
— Bộ tham mưu miền vệ binh	3	7	23	33
— Cơ cấu trực thuộc và đại đội công vụ miền	8	22	78	108
— Bộ tham mưu trung đoàn và cơ cấu trực thuộc	3	4	9	16
— Bộ tham mưu liên đội và cơ cấu trực thuộc	2	3	22	27
— Đại đội vệ binh	5	19	144	168
— Đại đội vệ binh (áp dụng riêng cho Nam Việt)	4	15	110	129

(20) Khác với liên đội địa phương quân « 1970 » hoàn toàn là một đơn vị chiến thuật.

Sơ đồ tổ chức vệ binh quốc gia (1952)



4. TÌNH HÌNH CÁC ĐƠN VỊ VỆ BINH (NĂM 1952)

Trung đoàn vệ binh (Régiment de garde)

Liên đội vệ binh (Groupe de compagnies)

Đại đội vệ binh (Compagnie)

Tình hình tổng quát đơn vị tuần giang (1952)

LIÊN ĐOÀN TUẦN GIANG BIỆT LẬP MIỀN NAM
GAEF Nº 1 - Đồn trú Saigon Có bốn đoàn tuần giang (Escadrilles) — Đoàn 1 Cần Thơ — Đoàn 2 Mỹ Tho — Đoàn 3 Vĩnh Long — Đoàn 4 Saigon
ĐOÀN TUẦN GIANG MIỀN TRUNG
EF Nº 2 Đồn trú Huế
LIÊN ĐOÀN TUẦN GIANG BIỆT LẬP MIỀN BẮC
GAEF Nº 3 Đồn trú Hà Nội — Đoàn 1 Hà Nội — Đoàn 2 Hải Phòng — Đoàn 3 Nam Định

Theo cấp số ấn định

— Bộ chỉ huy liên đoàn tuần giang gồm có (2 SQ + 2 HSQ + 9 BS) 13 người và một tàu chỉ huy.

— Mỗi tuần giang có (1 SQ + 15 HSQ + 76 BS) 92 người và 6 tàu vơ đét

Tuy nhiên trên thực tế, quân số các liên đoàn và đoàn tuần giang có thể khác nhau vì số tàu (vedettes) được cung cấp : ví dụ như GAEF Nº 3 có 19 tàu, trong khi đó GAEF Nº 1 có tới 37 tàu nên được tăng cường thêm 108 nhân viên. Đoàn EF Nº 2 ngoài 6 chiếc theo cấp số còn có chiếc tuần duyên «sông Gianh» với 10 thủy thủ và 6 chiếc LCPL dùng để tiếp tế và liên lạc với các đồn bót. Cũng cần nói thêm mỗi vơ đét lúc đó được trang bị một khẩu đại bác 20 ly, chiếc đi đầu được trang bị thêm một súng phóng lựu.

Tình hình tổng quát đơn vị vệ binh (1952)

Cấp Miền	TRUNG ĐOÀN VỆ BINH		LIÊN ĐỘI VỆ BINH		ĐẠI ĐỘI VỆ BINH	LƯỢC CHÚ
	Danh hiệu	Nơi đồn trú	Danh hiệu	Nơi đồn trú		
BẮC VIỆT			LĐ số 1	— Hà Nội	4	
			« 2	— Đan Phượng	3	
			« 3	— Sông Luộc và LT số 17	4	
			« 4	— V. phụ cận Hải Phòng	4	
TRUNG VIỆT	Trg.đ DT	Huế	LĐ số 1	— Thần Phù	4	
			« 2	— Cầu Hai	4	
	Trg.đ. THĐ	Quảng Trị	LĐ 3	— Quảng Trị	4	
			« 4	— Đông Hà	4	
	Trg.đ. VT	Faifo	LĐ 5	— Faifo	4	
			« 6	— Trà Kiệu	4	
	Trg.đ. NH	Đồng Hới	LĐ số 7	— Đồng Hới	4	
			« 8	— Hòa Luật Nam	4	
NAM TRUNG VIỆT	Trg.đ. số 1	Nha Trang	LĐ số 1	— Ninh Hòa	5	
			« 2	— Phan Rí	5	
			« 3	— Phan Rang	5	
			« 4	— Phan Thiết	5	
CAO NGUYÊN			LĐ số 1	— Haut Donnai-Djiring	4	
			« 2	— Darlac	4	
			« 3	— Pleiku	4	
			« 4	— Kontum	4	
NAM VIỆT	Trg.đ. số 1	Cần Thơ	LĐ số 1/1	— Cần Thơ	2	
			« 2/1	— Sóc Trăng	5	
			« 3/1	— Bạc Liêu	2	
			« 4/1	— Long Xuyên	3	
			« 5/1	— Châu Đốc	2	
			« 6/1	— Rạch Giá	3	
			« 7/1	— Hà Tiên	2	
			« 8/1	— Cầu Ngan	4	
			« 9/1	— Vĩnh Long	3	
			« 10/1	— Sa Đéc	3	
	Trg.đ. số 2	Gò Công	LĐ số 1/2	— Mỹ Tho	3	
			« 2/2	— Bến Tre	1	
			« 3/2	— Gò Công	3	
			« 4/2	— Cần Giuộc	3	
			« 5/2	— Tân An	2	
	Trg.đ. số 3	Gia Định	LĐ số 1/3	— Hóc Môn	4	
			« 2/3	— Tây Ninh	4	
			« 3/3	— Thủ Dầu Một	3	
			« 4/3	— Biên Hòa	3	
			« 5/3	— Long Điền	4	
TỔNG CỘNG :	— Trung đoàn vệ binh : 8 — Liên đội vệ binh : 40 — Đại đội vệ binh : 141			Vẫn giữ gốc Việt binh đoàn nên danh hiệu trung đoàn cũ Việt.		

5. NHỮNG CẢI BIẾN TRONG TỔ CHỨC VỆ BINH.

Cuối năm 1952, có những biến chuyển khá quan trọng xảy ra trong tổ chức vệ binh.

Người Pháp lúc đó thấy các trung đoàn vệ binh chỉ giữ những vai trò hành chánh, quy tụ một số quân nhân xét ra không giúp được gì cho các đơn vị trực thuộc, nên muốn giải tán các bộ chỉ huy trung đoàn vệ binh và cho các liên đội được tự trị. Đó là biện pháp thích nghi nhất, cả trên hai phương diện chiến thuật và hành chánh. Các liên đội vệ binh sẽ được biến đổi thành các tiểu đoàn bộ binh và được bổ sung thêm các cán bộ của các bộ chỉ huy trung đoàn giải tán. Pháp cho rằng sự cải cách này sẽ làm tăng thêm hiệu năng tác chiến cho lực lượng này. Nói một cách khác, nếu không thể ấn định cho các đơn vị này một bảng cấp số với những đồ trang bị chu đáo như một tiểu đoàn bộ binh thì chắc chắn với sự cải tổ này, các đơn vị vệ binh sẽ giúp được nhiều sự hữu ích hơn trước.

Tiên khởi, ý kiến này do viên thiếu tướng Le Blanc, tư lệnh lục quân Pháp tại miền Trung đề cập với đại tướng Salan từ đầu năm 1952, và vấn đề này đã được đưa lên bàn mổ xẻ : Kết quả là có sự cải cách.

Ở đây cần nhắc lại vấn đề BẢO CHÍNH ĐOÀN là một vấn đề mà người Pháp đã không tán thành. Họ cho rằng Bảo chính đoàn là một tổ chức đảng phái không được rèn luyện để tác chiến, bởi vậy nên khi cho sát nhập lực lượng Bảo chính đoàn thành vệ binh quốc gia chỉ có một ít được sát nhập còn đa số vẫn ở ngoài như cũ.

Khi vấn đề cải cách vệ binh được đưa lên bàn mổ, Đệ tam quân khu muốn cho gia nhập thêm khoảng 3.000 Bảo chính đoàn vào vệ binh quốc gia, thì tướng de Linarès, tư lệnh lục quân miền Bắc đã bộc lộ những cảm nghĩ không tốt của người Pháp đối với Bảo chính đoàn, nguyên văn như sau

« Không nên đề cập tới vấn đề Bảo chính đoàn trở thành vệ binh quốc gia nữa, bởi vì lực lượng này chỉ xứng là một lực lượng dân vệ, và chính sự tổ chức nên lực lượng này đã gây nhiều trở ngại cho sự phát triển quân đội quốc gia với những lý do sau đây

1) Tổ chức rất cẩu thả — đào tạo một thiếu úy có 3 tháng, trong một quân trường riêng, do một trung úy làm giám đốc cộng với bốn hạ sĩ quan cộng sự viên. Cấp thiếu úy Bảo chính đoàn được trả lương như một thiếu úy quốc gia (21). Họ không phải tham dự các cuộc hành quân ra ngoài miền Bắc mà lại chóng được thăng cấp.

2) Hệ thống tổ chức này rất nhiêu khê. Ví dụ muốn giúp cho Bảo chính đoàn một việc gì, tư lệnh lục quân miền Bắc phải trình lên tổng tư lệnh quân đội Pháp xin chấp thuận rồi chuyển sang Bộ Tổng Tham Mưu. Từ Bộ Tổng Tham Mưu, thủ tục công văn lòng vòng chuyển tới . thủ hiến Bắc Việt — lên tổng trưởng Bộ nội vụ — lên thủ tướng chính phủ — rồi qua tổng trưởng Quốc phòng v.v...

3) Xét trên phương diện nguồn gốc và bản chất của Bảo chính đoàn, thì đây là một tổ chức không lấy gì làm tốt đẹp. Bảo chính đoàn lúc đầu được coi như một lực lượng cảnh sát đặt dưới quyền của các giới chức hành chánh, sau được tăng thêm nhân viên và dập theo một tổ chức có nhiều tính chất quân sự nên các đơn vị Bảo chính đoàn dần dần được dùng như những đơn vị tác chiến và chỉ huy bởi các bộ chỉ huy lãnh thổ quân sự. Nhân dịp này, người ta giao cho Bảo chính đoàn nhiệm vụ cao hơn nhiệm vụ cảnh sát, kém hơn hoặc đôi khi bằng nhiệm vụ quân đội. Tuy nhiên, những người lính này không phải tạo ra để chiến đấu vì họ kém cả về binh bị lẫn tinh thần, trong một vài trường hợp điển hình ta đã thấy, các đồn bót do Bảo chính đoàn đóng giữ đã tự ý rút lui không cần lệnh lục, đôi khi các Bảo chính đoàn còn để quân địch vượt qua cả những khu vực trách nhiệm một cách dễ dàng, chẳng cần nổ một phát súng mà cũng chẳng báo cáo cấp trên để đến nỗi địch quân xâm nhập đánh những đòn bất ngờ vào quân đội chính quy.

Bởi vậy, khi nói đến việc đem sát nhập các đơn vị Bảo chính đoàn hiện hữu vào quân đội là một việc làm không có lợi

Các đơn vị Bảo chính đoàn chỉ nên dùng làm lực lượng cảnh sát, cho họ ăn mặc theo kiểu thường dân, mang cấp bậc khác với quân đội và nên gọi cấp chỉ huy họ là thanh tra, đội trưởng thay vì là trung úy, thiếu úy như hiện nay ».

Liên quan đến sự kiện này, chúng tôi có dịp phỏng vấn đại tá hồi hưu Phạm văn Cảm

(21) Sĩ quan Bảo chính đoàn được hưởng lương khoán, lương khoán này cao hơn lương đặc chức sĩ quan quốc gia chừng 1 [illegible] một cấp, nhưng không được hưởng phụ cấp gia đình và phụ cấp [illegible].

(22), một nhân vật đã từng làm giám đốc Bảo chính đoàn Bắc Việt năm 1951. Theo đại tá Cầm, những lời phê bình của người Pháp ở trên chỉ có phần nào đúng mà thôi. Thực ra, các Bảo chính đoàn Bắc Việt đã đánh thắng rất nhiều trận lớn, chứ không đến nỗi tệ như người Pháp đã viết (23). Tuy nhiên, ông cũng xác nhận là các cán bộ Bảo chính đoàn đa số là người của đảng phái giới thiệu vào nên thường không hội đủ điều kiện tuyển chọn theo như mong muốn. Bảo chính đoàn có một trường làm huấn luyện là trại Bình Động ở gần Hải Phòng. Trường này được tổ chức khá chu đáo và theo ông biết, đã đào tạo được trên 1.000 cán bộ sĩ quan và hạ sĩ quan, do một sĩ quan cấp tá là thiếu tá Bôn làm chỉ huy trưởng. Bảo chính đoàn do ông thủ hiến Bắc Việt Nguyễn hữu Trí đỡ đầu. Ông Trí làm thủ hiến hai lần — lần đầu năm 1948, sau đó là ông Phạm văn Bình — lần kế từ năm 1953. Cũng vì vậy mà ông có một thời gian khá lâu cầm quyền để có thể giúp đỡ và phát triển lực lượng này do chính ông thành lập. Ông Trí đã tổ chức và dùng các lực lượng Bảo chính đoàn bảo vệ các hoạt động hành chánh. tại Bắc Việt, mỗi tỉnh đều có một tỉnh đoàn Bảo chính đoàn với một số đại đội nhiều ít tùy theo địa dư và tình hình an ninh của mỗi tỉnh. Các đơn vị Bảo chính đoàn được gởi tới các quận để tăng cường an ninh cho các quận hành chánh. Lương bổng của họ đều do ngân quỹ Bắc Việt đài thọ. Người Pháp không thích Bảo chính đoàn được coi như một lực lượng tách riêng, nên đã dèm pha và gây khó khăn. Tỉ dụ như việc ông thủ hiến Bắc Việt đề nghị cho các nhân viên phục vụ trong Bảo chính đoàn được miễn động viên, viện cớ là lực lượng quân sự này phải đảm trách cũng như các đơn vị khác. Đề nghị này đã không được chấp thuận với sự viện dẫn như sau: « cần hạn chế sự hoạt động của Bảo chính đoàn và phải thi hành lệnh động viên đối với tất cả các thanh niên đang ở trong Bảo chính đoàn; bởi vì tổ chức này chỉ là một lực lượng an ninh hành chánh của tỉnh, trong khi tất cả hy vọng đều đặt vào một quân đội quốc gia, không phải là lúc chúng ta có thể hy sinh cho một chính sách địa phương, để đi ngược lại với nguyên tắc thống nhất của quốc gia ».

(22) Cuộc phỏng vấn đã diễn ra tại tư thất đại tá Cầm, bên kia cầu Thị Nghè, Gia Định, đầu năm 1970.

(23) Ý kiến của tướng de Linarès được thể hiện trên một văn thư quân đội hiện lưu tại văn khố trung ương Bộ Tổng Tham Mưu.



Đại tá PHẠM VĂN CẦM

Bởi vậy, trong dịp cải cách cuối năm 1952 vấn đề Bảo chính đoàn được các giới chức Việt Nam đề cập sát nhập vào quân đội chính quy, rút cục vẫn chẳng đưa đến một kết quả nào.

Tóm lại, chỉ có một số trên 2.000 người Bảo chính đoàn cải biến thành các đơn vị Vệ binh Bắc Việt từ năm 1949. Số còn lại gồm trên 3.000 người vẫn giữ nguyên tình trạng cũ và là những đơn vị hưởng theo quy chế lương khoán cao hơn các GAP và phụ lực quân một chút.

Ở đây cũng xin nhắc lại vấn đề VIỆT BINH ĐOÀN. Việt binh đoàn được lệnh chuyển thành vệ binh Trung Việt từ giữa năm 1949, nhưng tới cuối năm 1951 các đơn vị Việt binh đoàn vẫn chưa được chính quy hóa, vẫn giữ nguyên tình trạng như cũ vì Pháp muốn thanh lọc lại các đơn vị này trước khi trở thành chính quy.

Mãi tới đầu năm 1952, các đơn vị Việt binh đoàn mới được chính quy hóa sau khi phải trải qua hai biện pháp kiện toàn:

1) biện pháp thứ nhất là điều chỉnh lại cấp bậc sĩ quan và hạ sĩ quan cho tương xứng với các cấp bậc ở bên chính quy, nghĩa là các sĩ quan Việt binh đoàn phải qua một cuộc khảo hạch để định lại cấp bậc, thường bị đánh sụt xuống so với trước.



Một đơn vị Bảo chính đoàn Bắc Việt.

2) biện pháp thứ hai là kiểm tra lại quân số vì bị nghi là có nhiều quân số ma và sử dụng bừa bãi

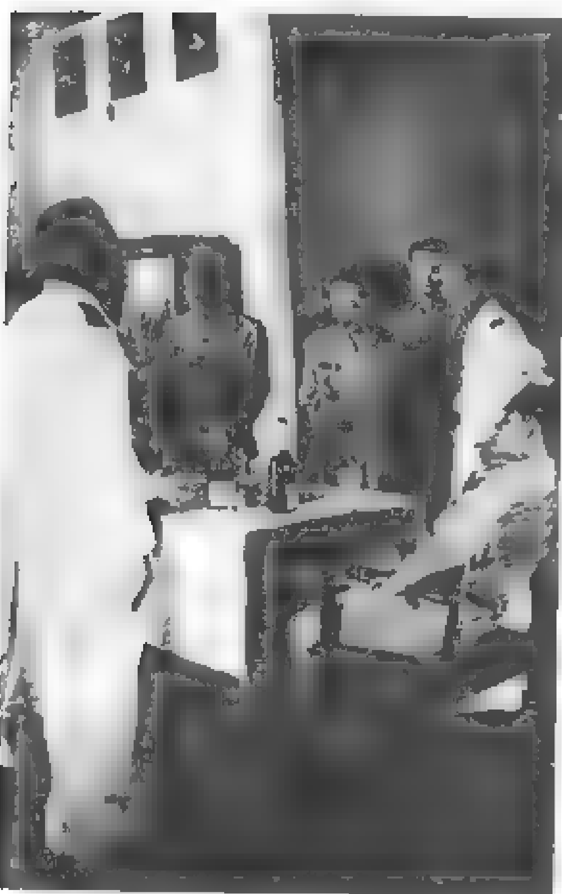
Bởi vì tổ chức Việt binh đoàn từ trước đấy, nhất là dưới con mắt người Pháp, bị tai tiếng không ít.

Việt binh đoàn ra đời với một cơ cấu chỉ huy, mà chức chỉ huy trưởng gọi là *Tổng Chỉ Huy Việt binh đoàn* giao cho một sĩ quan Việt từ quân đội Pháp chuyển sang, dưới ông này có một tham mưu trưởng.

Tổng chỉ huy Việt binh đoàn là đại úy Nguyễn ngọc Lễ. Ông đã ở chức vụ này lên tới trung tá, để đến giữa năm 1952 chuyển sang nắm chức tư lệnh Đệ 2 quân khu. Tham mưu trưởng Việt binh đoàn là thiếu tá Trần Nguyên An.



Một đơn vị Việt binh đoàn.



Đại úy Nguyễn văn Bông đang chúc Tết trung tá Nguyễn ngọc Lễ, tổng chỉ huy Việt binh đoàn (người ngồi), người đứng bên cạnh mặc trắng là thiếu tá Trần nguyên An tham mưu trưởng

Được biết sự làm việc của cơ quan này không được Pháp hài lòng và cho là kém cỏi với những hành vi bê bối. Những điều này đến tai cả quốc trưởng Bảo Đại, bởi vậy mới có một văn thư đề ngày 21-8-1951, từ ngự tiền văn phòng gửi qua Bộ Quốc phòng lưu ý về các đơn vị Việt binh đoàn, trên hai nhận xét như sau

1) các đơn vị này không có bảng cấp số khiến con số làm việc ở các cơ cấu tham mưu cao hơn quân số chiến đấu. Trong văn thư nêu rõ con số tham mưu chiếm tới 3.582 người.

2) các đơn vị làm việc thiếu sự phối hợp chặt chẽ với quân đội Pháp, nhất là các đồn bót Việt binh đoàn ít liên lạc với Pháp.

Kế đó cuối năm 1951, từ trung ương, trung tá Lê văn Tỵ được phái tới thanh tra các đơn vị Việt binh đoàn. Nhiều vụ lem nhem về quân số không thể chứng minh được, đã khiến một số nhân viên Việt binh đoàn bị cách chức và sa thải.

Sau đó, các giới chức thẩm quyền áp dụng những biện pháp thanh lọc, trước khi cho các đơn vị Việt binh đoàn chính quy hóa.

Sau ngày chính quy hóa, các giới chức miền Trung còn luyến tiếc danh từ « Việt binh đoàn », vẫn cho dùng trên các công văn như trước. Sự kiện này khiến Bộ Tổng Tham Mưu phải ra văn thư cấm đoán.



Việc cải cách vệ binh tiến hành khiến tới đầu năm 1953, các vệ binh của các miền Bắc, Trung và Nam Trung Việt cải thành 16 tiểu đoàn bộ binh ·

— Bắc Việt : 3 tiểu đoàn
— Trung Việt : 8 tiểu đoàn
— Nam Trung Việt : 5 tiểu đoàn

Các vệ binh miền Nam và Cao nguyên được tạm thời giữ nguyên như cũ để tránh các sự xáo trộn đột ngột về tổ chức hành chánh (miền Nam), và để cải tiến dần dần cho phù hợp với khả năng tài chánh và các phương tiện được cấp trong tài khóa 1952.

Mặc dầu các tiểu đoàn này được tổ chức theo căn bản loại tiểu đoàn bộ binh nhưng nhiệm vụ của những đơn vị này vẫn là canh gác ; đến tháng 2-1953, các tiểu đoàn này được cải lại thành các tiểu đoàn vệ binh cho phù hợp với nhiệm vụ.

Tháng 2-1953, các liên đội vệ binh sơn cước được cải thành 5 tiểu đoàn vệ binh sơn cước.

Tình trạng các đơn vị vệ binh sau ngày cải biến

ĐƠN VỊ VỆ BINH ĐƯỢC BIẾN CẢI	Danh hiệu được biến cải thành		CƯỚC CHÚ
	Tiểu đoàn bộ binh (1)	Tiểu đoàn vệ binh (5)	
MIỀN BẮC			
Liên đội 1 Hà Nội	351 BI	351 BG	(1) Thành lập ngày 23-01-1953
Liên đội 2 Đan Phượng	352 BI	352 BG	
Liên đội 4 Hải Phòng	353 BI	353 BG	
Liên đội 3 (giải tán)			(2) BI = Bataillon d'infanterie
TRUNG VIỆT			
Trg đ. Duy Tân (LĐ1)	251 BI	251 BG	(3) BGM = Bataillon de garde montagnarde
Trg đ. Duy Tân (LĐ2)	252 BI	252 BG	
Trg đ. Trần H. Đạo (LĐ3)	255 BI	255 BG	
Trg đ. Trần H. Đạo (LĐ4)	256 BI	256 BG	
Trg đ. Võ Tánh (LĐ5)	253 BI	253 BG	
Trg đ. Võ Tánh (LĐ6)	254 BI	253 BG	(4) Trước có 4 liên đội sau thành lập thêm liên đội số 5 Cheo Reo.
Trg đ. Nguyễn Huệ (LĐ7)	257 BI	257 BG	
Trg đ. Nguyễn Huệ (LĐ8)	258 BI	258 BG	
NAM TRUNG VIỆT			(5) BG = Bataillon de garde kể từ ngày 22-02-1953.
Liên đội 1 Ninh Hòa	261 BI	261 BG	
BCH Trg đ. Nha Trang	262 BI	262 BG	
Liên đội 3 Phan Rang	263 BI	263 BG	
Liên đội 4 Phan Thiết	264 BI	264 BG	
Liên đội 2 Phan Rí	265 BI (2)	265 BG	
CAO NGUYÊN			
Liên đội 1 Haut Donnai	451 BGM		
Liên đội 2 Darlac	452 »		
Liên đội 3 Pleiku	453 »		
Liên đội 4 Kontum	454 »		
Liên đội 5 Cheo Reo (4)	455 » (3)		

Còn riêng đối với vệ binh Nam Việt, vị tư lệnh là đại tá Lê văn Tỵ khăng khăng không đồng ý biến cải thành các tiểu đoàn thông thường (bᵒⁿ à titre standard), cho rằng tổ chức này phải mềm dẻo, tương ứng với nhiệm vụ lãnh thổ và bình định tại Đệ I quân khu, xét ra khả quan hơn những miền khác. Đại tá Tỵ cho rằng bất cứ một tổ chức nào được thành lập cũng phải thỏa mãn tới mức tuyệt hảo trách nhiệm giao phó, thì việc cải tổ vệ binh Nam Việt cũng cần phải nêu rõ những tiêu hướng và vai trò mà lực lượng này sẽ phải đảm trách trong tương lai, một cách hợp lý và đúng mực.

Việc cải tổ này không gây nên một trở ngại nào về ngân sách vì chỉ di trong quân số đã có sẵn từ trước. Sự cải biến vì vậy đã mang đến cho các vệ binh mỗi miền những tổ chức khác nhau như bảng so sánh dưới đây.

Bảng so sánh những cải biến vệ binh khác nhau của mỗi miền

Miền vệ binh	Quân số vệ binh	Được tổ chức thành	Các cải biến khác nhau
Miền Bắc	2.736	3 tiểu đoàn	— Mỗi tiểu đoàn có 5 đại đội và 1 đại đội chỉ huy thu hẹp.
Miền Trung	5.736	8 tiểu đoàn	— 6 tiểu đoàn có 4 đại đội — 2 tiểu đoàn có 3 đại đội (mỗi tiểu đoàn có 1 đại đội chỉ huy thu hẹp)
Miền Nam Tr. Việt	3.576	5 tiểu đoàn	— 3 tiểu đoàn có 4 đại đội — 2 tiểu đoàn có 3 đại đội (mỗi tiểu đoàn có 1 đại đội chỉ huy thu hẹp)
Miền Cao Nguyên	1.139	5 tiểu đoàn	— Mỗi tiểu đoàn có 4 đại đội và 1 đại đội chỉ huy thu hẹp.

VÀI GHI CHÚ:
- Bộ tham mưu tiểu đoàn có 6 sĩ quan.
- Mỗi đại đội chiến đấu (4 SQ + 20 HSQ + 145 BS) = 169 người.
- Mỗi đại đội chỉ huy và công vụ thu hẹp (1 SQ + 19 HSQ + 71 BS) = 91 người.
- Đại đội thu hẹp không có trung đội súng và liên đội thổ công binh như các đại đội thuộc tiểu đoàn bộ binh.

6- ĐƯỜNG LỐI SỬ DỤNG VỆ BINH TẠI NAM VIỆT (1953)

Ở đây, chúng tôi đề cập tới vệ binh Nam Việt để tìm hiểu sâu rộng thêm về đường lối sử dụng vệ binh này. Đại tá Lê văn Tỵ khi không chấp nhận cải tổ vệ binh Nam Việt thành các tiểu đoàn bộ binh đã viện dẫn tình hình với một đường lối sử dụng vệ binh như sau.

«Lực lượng vệ binh Nam Việt, trên phương diện tổng quát, có ba trung đoàn bao gồm các liên đội và đại đội. Vai trò của vệ binh rất hạn chế vì không phải là đơn vị thuần túy hành quân và cũng không thuần túy hành chánh.

Vai trò hành chánh của vệ binh rất quan trọng. Ngoài việc quản trị nhân viên và vật liệu của mình, vệ binh còn quản trị rất nhiều «vật liệu tiểu khu» và các lực lượng bán quân sự.

Vệ binh Nam Việt được sử dụng phần lớn vào những nhiệm vụ cố định. Những nhiệm vụ này cũng có thể giao cho lực lượng bán quân sự. Do vậy, tại một vài tiểu khu khi việc bình định đã xong, các đơn vị vệ binh không còn công tác để làm, đã được tập trung thành những đơn vị tiếp ứng (éléments d'intervention). Các chỉ huy trưởng lãnh thổ nhất là ở miền Tây (zone Ouest) coi các đại đội vệ binh như những đơn vị cơ bản của lãnh thổ. Ngoài nhiệm vụ quản trị vật liệu

(14) Vệ binh nam việt từ quân số 1.883, cuối năm 1951 tăng tới 4.139 người cuối năm 1953, được phân chia: Liên đội 1 và bộ chỉ huy miền 1.040 người — Liên đội 2 678 — Liên đội 3 754 — Liên đội 4 1.915 và Liên đội 5 754 người.

cho tiểu khu và lực lượng bán quân sự, vệ binh còn quản trị hành chánh cho các phòng sở phụ lực quân, và như vậy, vệ binh đã giúp cho các đơn vị chính quy đôn trú nhẹ được gánh nặng hành chánh để đặc biệt chú ý đến việc hành quân.

Nay nếu không cải tổ và vẫn giữ vệ binh trong tình trạng cũ, Đệ nhất quân khu sẽ có những điểm lợi :

1) Điểm lợi thứ nhất là sử dụng vệ binh trong công cuộc bình định. Trong việc sử dụng này, ta sẽ chia các khu vực bình định làm ba loại :

– *Khu vực mới bắt đầu bình định* — Vệ binh được dùng tăng cường cho các đơn vị chính quy, trong những nhiệm vụ như đóng đồn bót hoặc làm lực lượng tiếp ứng.

– *Khu vực đang bình định* — Vệ binh được dùng yểm trợ cho các đơn vị phụ lực quân và bán quân sự, chịu trách nhiệm hoàn toàn về lãnh thổ. Chỉ huy trưởng liên đội được coi như là tiểu khu trưởng miền đang bình định.

– *Khu vực đã bình định* — Vệ binh được tổ chức thành những lực lượng đặc nhiệm hoạt động trong tỉnh liên hệ hay một nhóm tỉnh. Giới chức dân sự khi đó phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an ninh lãnh thổ và có thể trưng dụng các đơn vị vệ binh khi cần thiết.

Nói tóm lại, nếu sử dụng vệ binh trong công tác bình định thì phải tổ chức vệ binh thích hợp với mức độ bình định của địa phương. Do đó, vệ binh cần phải giữ được sự mềm dẻo như hiện nay.

2) Điểm lợi thứ hai là yểm trợ hữu hiệu cho các phân khu sẽ được thành lập. Sự kiện này sẽ áp dụng vào đầu năm 1954 để các bộ chỉ huy liên đội được kiêm quyền chỉ huy các tiểu khu hầu nhận bàn giao thẩm quyền chỉ huy và lãnh thổ của Pháp.

3) Điểm lợi thứ ba là các tổ chức vệ binh đã thích nghi với tất cả các nhiệm vụ lãnh thổ, hành quân, đồng thời thích nghi với cả đà tiến triển của công tác bình định mà chỉ cần sử dụng một quân số tương đương với quân số vệ binh hiện hữu không cần tăng thêm ».

Tất cả những lý do trình bày ở trên đã giúp cho vệ binh Nam Việt tồn tại tới khi đình chiến ; chẳng qua cũng tại tình hình chiến sự miền Nam khả quan nên không có những sự thay đổi đột ngột về tổ chức để đáp ứng với tình hình như ở những miền khác.

7. CẢI HÓA

Kể từ 31-12-1953, vệ binh Nam Việt đã có những thay đổi phân chia thành 4 trung đoàn vệ binh thay vì 3, 21 liên đội thay vì 20 và 62 đại đội thay vì 59 như cũ. Sự phân phối như sau :

— Trung đoàn 1 tại Cần Thơ gồm 8 liên đội, 21 đại đội — Các liên đội đóng tại Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên và Phú Quốc.

— Trung đoàn 2 tại Mỹ Tho (trước ở Gò Công) gồm 5 liên đội, 13 đại đội — Các liên đội đóng tại Cái Bè, Bến Tre, Gò Công, Mỹ Tho và Tân An.

— Trung đoàn 3 tại Gia Định gồm 5 liên đội, 18 đại đội. Các liên đội đóng tại Hóc Môn, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Long Điền.

— Trung đoàn 4 tại Vĩnh Long (mới thành lập bằng cách phân chia lại các liên đội) gồm 3 liên đội, 10 đại đội — Các liên đội đóng tại Vĩnh Long, Cầu Ngan và Sa Đéc.

Kể từ 3-3-1954, bằng văn thư số 3016/TTM/I/1/MK, 16 tiểu đoàn vệ binh của các miền Bắc, Trung và Trung Nam Việt được biến cải thành tiểu đoàn BVN (25).

Đầu năm 1955 một thay đổi nhỏ đối với vệ binh Nam Việt : tổ chức hành chánh liên đội bị triệt giảm để lo việc thành lập các bộ chỉ huy phân và tiểu khu.

Do thông tư số 1395 — QP ngày 10-2-1955 vệ binh Nam Việt bị giải tán, phù hợp với chương trình tái giảm quân số sau ngày đình chiến. Lệnh giải tán có hiệu lực kể từ 1-1-1955. Theo kế hoạch giải tán, chỉ trừ sĩ quan tất cả các quân nhân quá hạn tuổi, quá hạn giao kèo, trừ bị, hiện dịch thuận hủy bỏ giao kèo đều giải ngũ, những người còn lại sẽ chuyển bổ tới những đơn vị bộ binh mới. Nhưng lệnh này chưa thi hành thì đã hủy bỏ để cải hóa các vệ binh thành 20 tiểu đoàn lãnh thổ chiếu theo nghị định số 610— QP/ND ngày 8-8-1955, phù hợp theo kế hoạch quân số 150.000 người được áp dụng kể từ ngày 1-7-1955. Các tiểu đoàn lãnh thổ này được mang danh hiệu từ số 570 đến 589.

---

(25) Xem chi tiết ở chương sau.

Các tiểu đoàn vệ binh sơn cước cũng ở trong một sự giải quyết như vệ binh Nam Việt : được lệnh giải tán kể từ 1-4-1955 nhưng chưa dứt khoát, tới tháng 8-1955 có lệnh mới biến thành các tiểu đoàn lãnh thổ. Trái với các vệ binh Nam Việt, khi gia nhập tổ chức mới các tiểu đoàn vệ binh sơn cước vẫn tạm giữ danh hiệu cũ

Sau ngày đình chiến, quốc trưởng Bảo Đại ban hành dụ số 32 ngày 24-9-1954 tổ chức lại ngành vệ binh với một danh từ mới «Vệ quốc binh» (26) nhằm kết hợp lại những thành phần quân sự và bán quân sự đã hoạt động từ lâu Những thành phần này là Bảo chính đoàn (27), Địa phương quân di cư từ Bắc Việt vào, Việt binh đoàn, Nghĩa dũng đoàn tại Trung Việt, vệ binh GAP, cảnh sát hương thôn, hương vệ, hương dũng và kể cả hai đại đội vệ binh sơn cước cuối cùng còn sót lại tại Cao nguyên.

Trong khi dạo dụ số 32 chưa thi hành thì đạo dụ số 26 ban hành ngày 8-4-1955 hủy bỏ đạo dụ trên, thành lập ra «Bảo an đoàn» để thay thế cho tổ chức «Vệ quốc binh».

Tổ chức bảo an đoàn là một tổ chức bảo vệ lãnh thổ, đặt thuộc Bộ nội vụ, cũng chỉ là một tổ chức đáp ứng theo tinh thần của dụ số 32 ngày 24-9-54 tu chỉnh lại. Bảo an đoàn có một quy chế lương bổng thấp hơn quân đội chính quy.

Sau khi tổ chức Bảo an đoàn ra đời, các đơn vị vệ binh đã được chính quy hóa. Tuy nhiên có thể nói Bảo an đoàn là hậu thân của vệ binh quốc gia, một lực lượng đã có bảy năm sinh trưởng (từ 1949 đến 1955). Sau này, Bảo an đoàn biến cải thành Địa phương quân do SL số 189 — QP ngày 7-5-1964 của thủ tướng trung tướng Nguyễn Khánh

D. CÁC TIỂU ĐOÀN BỘ BINH

1 TỔNG QUÁT

TIỂU đoàn bộ binh bắt đầu thành hình từ năm 1949 và cho tới năm 1951 có hai loại.

1) Một loại gọi là « *Tiểu đoàn Việt Nam* » được thành lập từ cuối năm 1949, do sự vận động của trung tướng Nguyễn văn Xuân, phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng trong chính phủ Bảo Đại đầu tiên. Tiểu đoàn Việt Nam đối với Pháp có nghĩa là mở đầu sự kiến tạo một quân đội hữu hiệu cho chính phủ quốc gia mới thành lập. Trong năm 1949 này, có bốn tiểu đoàn Việt Nam ra đời.

2) Một loại khác gọi là « *Tiểu đoàn khinh quân* » được thành lập đầu năm 1953, và trong đợt đầu tiên, có tới 54 tiểu đoàn được thành hình. Đây là một việc làm gấp rút để đối phó trước tình hình khẩn trương lúc bấy giờ . Việt-hóa chiến-tranh, nhằm giao cho các tiểu đoàn khinh quân công tác bình định lãnh thổ, để các đơn vị chủ lực Pháp đảm nhiệm phần tiêu diệt chủ lực địch

Danh từ tiểu đoàn Việt Nam được dịch từ tiếng Pháp « bataillon du Vietnam », tắt là BVN và người ta thường gọi là các « Bê vê en ». Còn danh từ tiểu đoàn khinh quân dịch từ tiếng Pháp « bataillon léger ». Trong văn thư (kể cả tiếng Pháp) người ta lại phiên theo tiếng Việt gọi là các TĐKQ, phát âm là « Tê đê ka quy ».

Các BVN được cấu tạo giống hệt một tiểu đoàn bộ binh của Pháp, danh từ BVN cốt để chỉ rằng những tiểu đoàn này được đặt thuộc quân đội Việt Nam, chứ không phải của Pháp. Còn các TĐKQ được cấu tạo khác hẳn, loại tiểu đoàn này được trang bị nhẹ, so kém cả về quân số, quân xa, vũ khí và truyền tin đối với loại BVN.

2. SO SÁNH VỀ THÀNH PHẦN TỔ CHỨC VÀ TRANG BỊ CỦA HAI TIỂU ĐOÀN BVN VÀ TĐKQ

Thành phần của một BVN gồm có một bộ chỉ huy, một đại đội chỉ huy và bốn đại đội chiến đấu, với một quân số lý thuyết tổng cộng là 829 người, gồm có 23 sĩ quan, 110 hạ sĩ quan và 696 binh sĩ

Bộ chỉ huy có 6 sĩ quan, gồm tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó, một sĩ quan tế mục vụ, một sĩ quan tình báo, một sĩ quan truyền tin và một y sĩ.

Đại đội chỉ huy có 147 người gồm một sĩ quan, 30 hạ sĩ quan và 116 binh sĩ

Thành phần này gồm có một trung đội súng nặng (28 người), phụ trách 4 súng cối 81 ly và 4 SKZ 57 ly, một trung đội thổ công

(26) Tiếng Pháp vẫn là garde nationale

(27) Các đơn vị Bảo chính đoàn (loại thuộc hành chánh sử dụng) với một số được kết hợp thành các tiểu đoàn khinh quân trước ngày đình chiến, số còn lại vẫn còn giữ nguyên tình trạng cũ Khi vào Nam, các Bảo chính đoàn được đưa lên Dalat để bổ sung cho sư đoàn ngự lâm quân đang được dự trù thành lập, nhưng việc thành lập sư đoàn này sau không thành, các Bảo chính đoàn được chuyển sang lực lượng vệ quốc binh mới thành lập này.

binh (28 người), một ban chỉ huy 10 người trong đó có đại đội trưởng, một ban hành chánh 24 người, một ban truyền tin 24 người, một ban quân y 9 người và một ban quân xa 24 người

Đại đội chiến đấu 169 người gồm 4 sĩ quan, 20 hạ sĩ quan và 145 binh sĩ được chia ra như sau

— Một trung đội chỉ huy 20 người, trong đó có đại đội trưởng, một ban truyền tin và tin tức 6 người, một ban tiếp tế 12 người và một trung đội trưởng là thượng sĩ

— Một trung đội súng nặng 26 người, gồm một tiểu đội đại liên 11 người với hai khẩu đại liên cỡ 30 ly, một tiểu đội súng cối 11 người với hai khẩu súng cối 60 ly và một ban chỉ huy 4 người trong đó có trung đội trưởng là sĩ quan.

— Ba trung đội chiến đấu, mỗi trung đội 41 người, gồm có ba tiểu đội chiến đấu và một ban chỉ huy 5 người trong đó trung đội trưởng là sĩ quan hay thượng sĩ nhất, mỗi tiểu đội 15 người được chia thành tổ hỏa lực 4 người với một cây súng máy 24×29 (kiểu Pháp) và một tổ xung kích 7 người, cả hai tổ do một tiểu đội trưởng chỉ huy. Tổ hỏa lực gồm một hạ sĩ tổ trưởng, một xạ thủ súng máy, một nạp đạn và một tải đạn. Còn tổ xung kích gồm có một hạ sĩ tổ trưởng và 6 khinh binh với một tiểu liên, 5 súng trường và một phóng lựu.

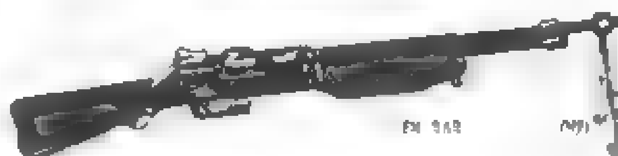
Vũ khí trang bị cho một BVN gồm có 30 súng lục, 433 tiểu liên Mat 49, 624 súng trường Mas 36, 36 phóng lựu, 41 trung liên 24×29, 8 đại liên M30, 8 súng cối 60 ly, 4 súng cối 81 ly, 4 súng không giật 57 ly và 12 súng phóng hỏa tiễn. Phần lớn số vũ khí trang bị cho BVN là của Pháp.

Quân xa của BVN gồm có 10 jeep, 10 dodge, 13 GMC, 1 GMC hồng thập tự và một lot 7 cùng các móc hậu.

Máy móc truyền tin gồm có 6 SCR 694, 14 SCR 300, 24 SCR536, 1 AN/TRC9 cùng với 6 máy dò mìn SCR625.

Còn thành phần của một TĐKQ gồm có một bộ chỉ huy, một đại đội chỉ huy, bốn đại đội chiến đấu với một quân số lý thuyết tổng cộng là 638, gồm 16 sĩ quan, 83 hạ sĩ quan và 539 binh sĩ

Bộ chỉ huy có 3 sĩ quan gồm tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó và một sĩ quan tình báo kiêm truyền tin.

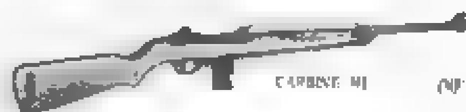

FM BAR (Mỹ)



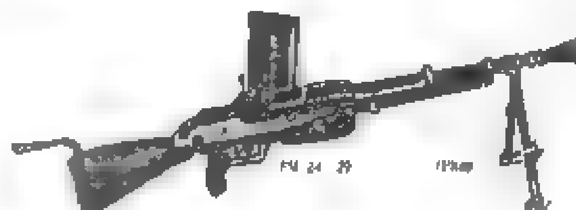

(Pháp)


(Pháp)


(Pháp)


CARBINE M1


GARANT M1


FM 24 29

Đại đội chỉ huy có 75 người, gồm 1 sĩ quan, 15 hạ sĩ quan và 59 binh sĩ.

Thành phần này gồm có một ban chỉ huy 10 người trong đó có đại đội trưởng, một tiểu đội tham mưu và hành chánh 15 người, một tiểu đội truyền tin 15 người, một tiểu đội quân xa 10 người và một trung đội bảo vệ và thổ công binh 25 người.

Đại đội chiến đấu 140 người gồm 3 sĩ quan, 17 hạ sĩ quan và 120 binh sĩ được chia ra như sau :

— Một trung đội chỉ huy 16 người trong đó có đại đội trưởng, một thượng sĩ đại đội, thành phần này có 1 hạ sĩ quan 12 binh sĩ phụ trách tiểu đội chỉ huy có một tổ súng cối 60 ly.

— Bốn trung đội chiến đấu, mỗi trung đội 31 người gồm có một sĩ quan trung đội trưởng hoặc thượng sĩ chỉ huy, 3 hạ sĩ quan (nếu trung đội trưởng là thượng sĩ thì là 4), 27 binh sĩ được chia ra . — một tiểu đội chỉ huy có hạ sĩ quan trung đội phó, hai binh sĩ quan sát và truyền tin — một tiểu đội hỏa lực có hai tổ súng máy FM Bar 8 người, một tổ phóng lựu 3 người dưới quyền chỉ huy của một hạ sĩ quan tiểu đội trưởng — một tiểu đội xung kích gồm có hai tổ xung kích 14 người dưới quyền chỉ huy của một hạ sĩ quan tiểu đội trưởng.

Vũ khí trang bị cho một TĐQK hoàn toàn của Mỹ và gồm có 50 súng lục, 219 tiểu liên Thompson, 149 súng trường Garant M1, 36 trung liên Bar, 32 phóng lựu, 4 súng cối 60 ly, 187 carbine và 16 Bazooka.

Quân xa của TĐKQ gồm có 2 jeep và 5 dodge.

Máy móc truyền tin gồm có 24 SCR 536, 10 SCR 300, 2 SCR 694 và 4 SCR 625.

3. NHỮNG ĐẶC TÍNH KHÁC BIỆT GIỮA HAI TIỂU ĐOÀN BVN VÀ TĐKQ

Các BVN tuy nói là được thành lập, nhưng thực ra sự thành lập này chỉ có ý nghĩa về phương diện thủ tục, nghĩa là qua sự hợp thức hóa bằng các nghị định thành lập của Bộ Quốc phòng, còn chính ra các BVN đã thoát thai và chuyển từ quân đội Liên hiệp Pháp sang, chỉ có một số ít tiểu đoàn được tân lập mà thôi. Sự thoát thai này đã khiến ta không lấy làm lạ, vì trước đà chiến tranh ngày càng phát triển, đoàn quân viễn chinh Pháp càng gia tăng tuyển mộ dân bản xứ, để thành lập nhiều tiểu đoàn chiến đấu. Các tiểu đoàn này như trên đã nói được tổ chức giống hệt các tiểu đoàn của Pháp, chỉ khác là phần lớn binh sĩ người bản xứ. Đến khi giải pháp quốc gia ra đời, Pháp chuyển các tiểu đoàn này sang Việt Nam nhưng sự chỉ huy vẫn do Pháp và chỉ được dần dần chuyển sang cho người Việt Nam. Còn các TĐKQ đều là tân lập nên từ cấp chỉ huy đến người lính hoàn toàn Việt Nam. Sĩ quan phần nhiều là những quân nhân động viên tốt nghiệp ở các khóa Nam Định và Thủ Đức. Hạ sĩ quan hầu hết là những binh nhất, hạ sĩ trong các tiểu đoàn BVN và những người động viên có học vấn trung bình được tuyển chọn đưa đi huấn luyện thành các cán bộ hạ sĩ quan.

Một đơn vị Tiểu đoàn 13 BVN đang vượt sông miền Hậu Giang.



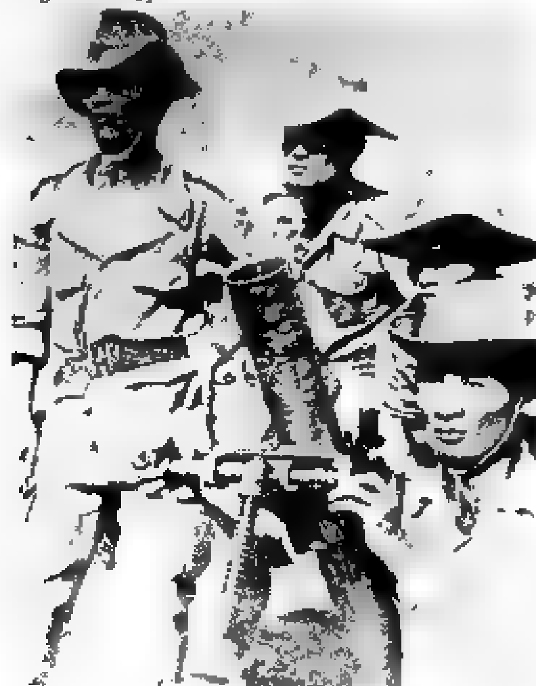
Tiểu đoàn 8 BVN diễn binh trước Phú văn Lâu.



Các tân binh BVN. Các trung đội trưởng tục sơ khởi sử dụng tiểu liên MAS 38.

Các BVN được coi là những đơn vị khá đồng đều, chiến đấu giỏi, thường là những thành phần chính trong các liên đoàn lưu động, trong những cuộc hành quân quy mô. Những tiểu đoàn này thường sử dụng tù binh làm lao công chiến trường tải đạn và lương thực hầu giải quyết các khó khăn về tiếp vận trong lúc phải đi xa. Còn các TĐKQ trang bị nhẹ, chiến đấu không đồng đều; những đơn vị nào có nhiều binh sĩ gốc nông dân, nhất là nông dân công giáo thì tinh thần chiến đấu khá cao, còn những đơn vị nào gồm thành phần động viên, nhất là thuộc gốc thành thị thì chiến đấu kém hẳn, dễ bị tan rã khi gặp chủ lực Việt Minh. Các tiểu đoàn khinh quân được sử dụng trong những vùng đồng bằng tương đối đạt được những thành quả khả quan. Tuy nhiên, trên thực tế, chiến trường nặng nhẹ là tùy theo sự tập trung của đối phương; vả lại ở vào năm 1953, vùng đồng bằng Bắc Việt đã bị ung thối khiến các tiểu đoàn khinh quân tại đây bị tê liệt và không hoàn thành được công tác bình định theo như mong muốn. Thêm một điểm đáng kể, vì trang bị nhẹ, các tiểu đoàn khinh binh chỉ hoạt động trong những địa bàn hạn chế mà thôi. Các tiểu đoàn khinh quân được các đại đội trọng pháo yểm trợ súng cối 81 ly và đại liên M30. Mỗi đại đội trọng pháo có 12 súng cối 81 ly, 4 đại liên M30 và 4 súng không giật 57 ly.

Một khẩu đội cối 81 ly thuộc một đơn vị ĐĐTP đang thực tập.



4. CÁC DIỄN TIẾN TRONG VIỆC THÀNH LẬP CÁC BVN

Năm 1949

Số tiểu đoàn thành lập . 4

Dưới đây là danh hiệu, ngày thành lập và nơi đồn trú của từng tiểu đoàn

— BVN 1	1-10-49	Bạc Liêu (gốc Cao Đài)
— BVN 2	1-10-49	Thái Bình
— BVN 3	1-10-49	Rạch Giá
— BVN 4	15-10-49	Hưng Yên

△ Các tiểu đoàn Việt Nam này vẫn thống thuộc sự chỉ huy của Pháp. Đại úy Trương văn Xương, sĩ quan Việt Nam đầu tiên chỉ huy một tiểu đoàn, đó là Tiểu đoàn 1 Việt Nam.

Năm 1950

Số tiểu đoàn thành lập trong năm : 13 (cộng 4 từ trước thành 17 tiểu đoàn).

— BVN 5	20-5-50	Sa Đéc
— BVN 6	20-5-50	Phủ Lý
— BVN 7	20-3-50	Quảng Trị
— BVN 8	15-4-50	Mỹ Chánh
— BVN 10	15-8-50	Hưng Yên
— BVN 11	1-9-50	Châu Đốc
— BVN 12	1-10-50	Đồng Hới

△ Vị chi là 7 tiểu đoàn BVN (chưa có tiểu đoàn 9 vì tiểu đoàn này mãi đến cuối năm 1952 mới được chuyển giao Việt Nam). Ngoài ra, còn có sáu tiểu đoàn sơn cước (tổ chức giống hệt các BVN) ở miền Cao nguyên được thành lập

— TĐSC 1	20-12-50	Buôn Hô
— TĐSC 2	»	Pleiku
— TĐSC 3	»	Cheo Reo
— TĐSC 5	»	Kontum
— TĐSC 6	»	M. Drack
— TĐSC 7	»	Buôn Aepieng

△ Các tiểu đoàn sơn cước, (bataillon montagnard, tắt là BM) thành lập do các nghị định số 623, 624, 626 và 628 DEP/NAT ngày 20-12-1950. Tất cả các tiểu đoàn này đều gốc Liên hiệp Pháp chuyển giao.

Năm 1951

Số tiểu đoàn thành lập trong năm . 16 (cộng 17 từ trước thành 33 tiểu đoàn)

—	BVN 13	1-1-51	Cần Thơ
—	BVN 14	1-1-51	Diêm Hộ
—	BVN 15	1-7-51	Rạch Giá (gốc Cao Đài)
—	BVN 16	1-5-51	Bùi Chu
—	BVN 17	1-8-51	Séno (gốc U.M.D.C)
—	BVN 18	1-5-51	Phát Diệm
—	BVN 19	1-1-51	Bạc Liêu
—	BVN 20	1-6-51	Mỹ Trạch
—	BVN 21	1-2-51	Phan Thiết
	BVN 23	1-1-51	Đồng Hới
	BVN 24	1-8-51	Phờ Trạch
—	BVN 25	1-9-51	Cầu Hai
—	BVN 27	1-12-51	Đồng Hà

△ Vì chỉ là 13 tiểu đoàn (chưa có các BVN 22 và 26, mãi đến năm 1952 mới được chuyển giao). Tiểu đoàn số 28 được thành lập ngày 1-12-1951 nhưng sau đó bị giải tán (31-7-1952) vì quân số quá ít. Quân số giải tán được bổ sung cho Tiểu đoàn sơn cước số 8. Đầu năm 1954, Tiểu đoàn 28 được tái lập, do sự cải danh của Tiểu đoàn 201, đơn vị tổng trừ bị tại Huế.

Tiểu đoàn 201 mãi tới tháng 9 năm 1952 mới được thành lập. Những tiểu đoàn kể trên đều thuộc gốc Liên hiệp Pháp chuyển giao.

● *Nguồn gốc các Tiểu đoàn 16 và 18* — Nguyên là các Tiểu đoàn Bùi Chu và Phát Diệm của cha Lê hữu Từ được chính quy hóa chuyển sang.

Hai tiểu đoàn này là lực lượng của nhóm người công giáo Bắc Việt chống cộng sát nhập vào quân đội quốc gia, được khai sinh do sáng kiến của cha Lê hữu Từ vào năm 1946, lúc đó cha Từ làm giám mục cai quản giáo phận Phát Diệm thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

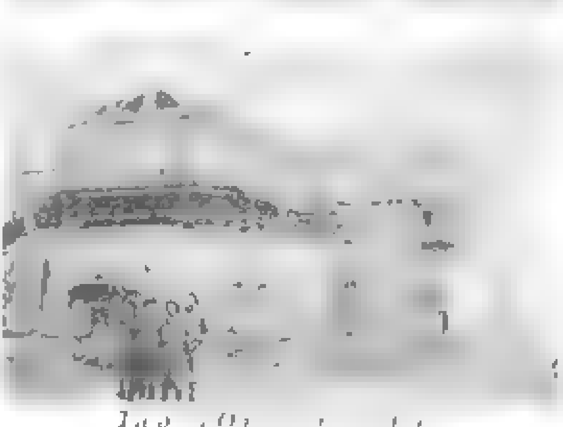
Hồi ấy, Việt Minh mới nắm chính quyền, tổ chức còn yếu kém, thấy cha Từ là một lãnh tụ tôn giáo có uy tín nên chủ tịch Hồ Chí Minh mời cha làm cố vấn cho chính phủ. Giám mục Lê hữu Từ nhận lời, nhưng thâm ý thì chán ghét Việt Minh vì thấy họ đàn áp các phe phái quốc gia, lại chủ trương vô sản và vô tôn giáo.

Nhân cơ hội đó, cha Từ xin ông Hồ chí Minh dành riêng khu Phát Diệm gọi là khu riêng biệt cho cố vấn, để tùy cha cai quản. Ông Hồ chấp thuận ngay, nhưng chỉ dành cho một khu vực nhỏ, với diện tích chừng [illegible] xung quanh chủng viện Phát Diệm, tại đây mọi cán bộ Việt Minh đều bị cấm lui tới nên thường được gọi là khu tự trị Phát Diệm.

Nhờ có khu tự trị [illegible] và nhờ cả huyện Kim Sơn, nơi mà dân chúng toàn là công giáo hậu thuẫn cho cha, nên trong các năm từ 1946 đến 1948 tuy ngoài mặt giáo khu vẫn hợp tác với Việt Minh nhưng giáo dân đã ngấm ngầm hoạt động chống Việt Minh. Cũng vì vậy, người ta cho rằng, trên thực tế, khu vực tự trị của cha Từ bao gồm luôn cả huyện Kim Sơn.

Cha Lê hữu Từ





[illegible]



Giám mục Phạm ngọc Chi



Khu tự trị Phát Diệm

Tháng 10 năm 1948, Việt Minh cho tướng Hoàng Sâm tổ chức một chiến dịch gọi là « *Luyện quân lập công* » tại khu Yên Mô ngay kế cận giáo khu Phát Diệm, để tạo áp lực đe dọa. Tình hình Phát Diệm thật là căng thẳng, cha Từ công khai đả kích hành động của Việt Minh, qua các lời giảng tại nhà thờ Phát Diệm, có lẽ vì những phản ứng đó, Việt Minh đã rút quân đi.

Cuối mùa thu năm 1949, quân Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm, Đức cha đã tỏ ra lúng túng vì không muốn cộng tác với quân xâm lăng. Tuy nhiên, sau đó cũng lập những đoàn tự vệ công giáo, công khai chống lại Việt Minh cộng sản.

Cũng ngay từ cuối năm 1949, quân đội Pháp tới chiếm giáo khu Bùi Chu thuộc tỉnh Nam Định, giáo khu này khác với giáo khu Phát Diệm, bị đặt dưới sự kiểm soát của Việt Minh ngay từ năm 1945, dù rằng các thanh niên công giáo tại đây đã hoạt động ngấm ngầm để chống đối.

Khi hành quân vào Bùi Chu, Pháp đã đổ bộ bằng đường thủy từ chợ Cồn (Văn Lý). Các thanh niên công giáo của các xứ thuộc các phủ, huyện như Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy, Nam Trực và Trực Ninh đã nhất tề đứng lên hưởng ứng. Do đó, ít lâu sau, nhờ cha Từ đã đứng lên tại Phát Diệm, giám mục Phạm ngọc Chi cai quản địa hạt Bùi Chu cũng đứng lên lãnh đạo tinh thần các thanh niên công giáo chống cộng tại địa phương. Lực lượng võ trang công giáo Phát Diệm và Bùi Chu vì vậy được chính thức thành lập, từ đầu năm 1950. Các cha xứ thành lập ra một trung đoàn nghĩa quân tự trị để giữ hai giáo hạt Phát Diệm và Bùi Chu. Trung đoàn này thuộc quyền chỉ huy tối cao của cha Từ, người chỉ huy đầu tiên và trực tiếp là trung tá Nguyễn cao Tùng, tốt nghiệp trường Hoàng Phố bên Tàu được mời đến hợp tác, những người chỉ huy kế tiếp trong số đó có vị đã lên hàng tướng lãnh Q.L.V.N.C.H ngày nay như trung tướng Phạm xuân Chiểu từng xuất thân từ lực lượng võ trang nhân dân này.

Cha Từ cố ngăn không cho người Pháp chen lấn vào nội bộ của mình, nhưng lại không tránh được việc phải xin tài trợ kể cả vũ khí và đạn dược, tuy rằng ông chỉ nhận một sự tài trợ rất khiêm tốn, lương tháng của mỗi quân nhân nghĩa dũng chỉ tượng trưng là 60đ., để làm tiền điếu thuốc. Sau đó, người Pháp đặt điều kiện, gây khó khăn, khiến cha Từ phải buộc lòng nhận các cố vấn Pháp với mỗi tiểu đoàn 3 người trong đó có một sĩ quan.

Sĩ quan người Pháp tuy ngoài mặt giúp đỡ về phương diện kỹ thuật và tiếp liệu, nhưng thực ra là để kiểm soát hoạt động của các tiểu đoàn này.

Khi người Pháp đến thì họ đặt tên cho các tiểu đoàn theo từ ngữ Pháp như tiểu đoàn Phát Diệm được gọi «Groupe mobile autonome nº 1, tắt là G.M.A. nº 1 và tiểu đoàn Bùi Chu được gọi là « Groupe mobile autonome nº 2, tắt là G.M.A. nº 2.

Từ đó, lương binh sĩ được tăng từ 60đ.00 lên tới 720đ.00 một người. Thực ra, lương được trả cao hơn khoản 720đ.00, bởi vì lương chính được trích ra một ít, góp vào quỹ địa phương, dùng để mua vũ khí và tài trợ cho các thanh niên tự vệ công giáo thuộc các xứ khác đang phát triển.

Trung đoàn tự trị chỉ có hai tiểu đoàn, nhưng mỗi tiểu đoàn có tới năm đại đội chiến đấu với mỗi đại đội 160 người.

Tới đầu năm 1951, riêng khu vực Kim Sơn còn có triển vọng giữ vững, nhưng các khu vực làng mạc về phía Bùi Chu đã trở thành những cửa ngõ thiếu an ninh cho địch thao túng. Bởi vậy, bản chất tự trị của giáo khu dần dần bị mất. Và để đáp ứng với tình thế mới các Tiểu đoàn của Trung đoàn tự trị đã được chính quy hóa thành các BVN 16 và 18 như đã nêu trên. Bộ chỉ huy trung đoàn tự trị đương nhiên bị giải tán.

∆ Ngoài ra trong năm 1951, còn có một Tiểu đoàn nhảy dù và hai Tiểu đoàn sơn cước được thành lập

— TĐND 1 1-8-51 Chí Hòa
— TĐSC 4 1-1-51 Pleiku
— TĐSC 8 1-12-51 Le Lac

● *Tìm hiểu về các tiểu đoàn sơn cước*

Cả thảy có 9 tiểu đoàn sơn cước đánh số từ 1 đến 9 đến lúc này đã thành lập được tám còn thiếu tiểu đoàn số 9 mãi cuối năm 1953 mới thành lập được. Các tiểu đoàn này sau được sát nhập để trở thành Sư đoàn 4 Việt Nam.

Tám tiểu đoàn kể trên có binh lính hoàn toàn gốc Thượng, được tuyển mộ hay tái đăng với tinh thần lính đánh thuê, tập hợp đến từ bốn tỉnh Cao nguyên Nam phần, tiểu đoàn thứ 9 thành lập sau này gồm một nửa binh sĩ được tuyển mộ từ miền Nam Trung phần và một nửa từ Nam Việt đến.

Tám tiểu đoàn này được chỉ huy bởi những tiểu đoàn trưởng Pháp, dưới quyền có các sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, các sĩ quan hiện dịch và trừ bị Việt Nam, các sĩ quan chuẩn úy cùng hạ sĩ quan người Thượng.

Ngôn ngữ được dùng trong việc chỉ huy là tiếng Pháp, vì những người Thượng kể cả sĩ quan không biết tiếng Việt, các sĩ quan Việt thì lại cũng không biết tiếng Thượng. Nhiều lớp dạy tiếng Việt đã được tổ chức để cứu vãn tình trạng này nhưng không có kết quả. Ngoài ra, tại mỗi tiểu đoàn còn có một vài hạ sĩ quan trừ bị Việt Nam, phục vụ với chức vụ thư ký kế toán mà hiện lúc này không có một người Thượng nào có thể đảm nhiệm được.

Tiểu đoàn 9 sơn cước sau này lại hoàn toàn đặt dưới sự chỉ huy của người Việt Nam bởi vậy mới có vấn đề sát nhập tiểu đoàn này vào trung đoàn ngự lâm quân được đặt ra.

Người Pháp nhận xét về những đơn vị Thượng như sau : « đội quân sơn cước là một đội quân đánh thuê, chất phác, kém tiến hóa, phản ứng chậm, hay sợ sệt, nhưng để bảo vệ cũng rất có khả năng, tiến bộ nên được giáo dục một cách kiên nhẫn ; tác dụng tâm lý giản dị nhưng được lặp đi lặp lại rất có hiệu quả »

Một sĩ quan Thượng với bộ quân phục Tây phương đứng chụp chung với người vợ vẫn giữ vẻ sống thiên nhiên.





Một đơn binh Thượng





Binh sĩ Thượng [illegible]



Một toán lính Thượng đang di hành

Năm 1952

Số Tiểu đoàn thành lập 26
(cộng 33 từ trước thành 59 tiểu đoàn)

— BVN 29 1-4-52 Tây Thượng (Huế)
— BVN 30 1-3-52 Đông Hà
— BVN 9 1-11-52 Nam Định
— BVN 22 1 4-52 Thái Bình
— BVN 26 1-4-52 Kẻ Sặt
— BVN 53 1-5-52 Ninh Giang
BVN 54 1-5-52 Lực Điền
BVN 55 1 5-52 Phủ Lý
BVN 56 1 5-52 Ninh Bình
BVN 57 1-7-52 Móng Cáy
— BVN 58 1-9-52 Thái Bình
BVN 59 1-9-52 Mỹ Côi (Ninh Bình)
— BVN 61 1-4-52 Đức Hòa
— BVN 62 1-10-52 Hóc Môn
— BVN 63 1-10-52 Củ Chi
— BVN 64 1-10-52 Biên Hòa
— BVN 65 1-11-52 Bà Rịa
— BVN 66 1-12-52 Thủ Dầu Một
— BVN 68 1-12-52 Trảng Bàng
— BVN 71 1-11-52 Kiến An
— BVN 72 1-11-52 Bắc Ninh
— BVN 73 1-12-52 Bần yên Nhân
— BVN 201 1-9-52 Huế (đơn vị tổng trừ bị của Đ2QK)

△ Vị chi 23 tiểu đoàn. Trên đây ta thấy danh số các tiểu đoàn không đặt theo thứ tự, bởi vì song song với việc thành lập quân khu các « Sư đoàn Việt Nam » được thành lập với các danh số tiểu đoàn cơ hữu đánh theo sư đoàn

Biểu đồ thành lập các tiểu đoàn bộ binh trong các Sư đoàn Việt Nam (1952).

NAM VIỆT		TRUNG VIỆT	BẮC VIỆT			CAO NGUYÊN	
SDVN [illegible]	SDVN 6	SDVN [illegible]	SDVN [illegible]	SDVN [illegible]	SDVN [illegible]	SDVN [illegible]	SDVN [illegible]
BVN [illegible] / [illegible] 49	BVN 61 / 1 4 52	BVN 7 / [illegible] 50	BVN 2 / [illegible] 50	BVN 22 / 1 4 52	BVN 71 / 1 11 52	BM 1 / 20.12.50	BVN 81 / 54
1 / [illegible] 10 49	62 / 1 10 52	8 / 15.4 49	4 / 15 9.49	26 / 1 4.52	72 / 1 11 52	2 / 20 12 50	82 / 54
5 / [illegible]	63 / [illegible] 10 52	12 / 1 10.50	6 / 20.3.50	53 / 1.5.52	73 / 1 12.52	3 / 20.12 52	83 / 54
11 / [illegible] 9.50	64 / 1 10.52	23 / 1.1.51	9 / 1 11.52	54 / 1.5.52	74 / 53	4 / 1.1 51	84 / 54
[illegible] / [illegible] 51	65 / 1.11.52	24 / [illegible]	10 / 1.8 50	55 / 1 5.52	75 / 53	5 / 20.12.50	85 / 54
[illegible] / 51	66 / 1 12.52	25 / 1.9.51	14 / 1.1.51	56 / 1.5.52	76 / 53	6 / 20 12 50	86 / 54
[illegible] / [illegible] 51	67	27 / 1.12.51	16 / [illegible]	57 / 1.7.52	77 / 53	7 / 20.12 50	54
19 / [illegible]	68 / [illegible]	28 / [illegible] 52	18 / [illegible]	58 / 9 52	78 / 53	8 / 1 12 51	54
21 / 2 51	69	30 / [illegible] 52	20 / 6 51	59 / 1 9 52	79 / 53	9 / 53	54
TĐNG 1 / [illegible]		201 / 9 52	TĐNG 3 / 1 9 52			[illegible] Lữ-đoàn [illegible]	


Các tiểu đoàn thành lập tới cuối năm 1952.

Các tiểu đoàn sẽ thành lập trong các năm 53-54.

△ Xem biểu đồ thành lập các tiểu đoàn bộ binh, nhận thấy

— Thành lập cả thảy tám sư đoàn, trong đó Sư đoàn thứ 8 chưa được ấn định cho quân khu nào ; mỗi sư đoàn có 9 tiểu đoàn bộ binh. Biểu đồ cho ta thấy ngoài các tiểu đoàn thuộc sư đoàn còn có các tiểu đoàn tổng trừ bị thuộc quân khu, tiểu đoàn nhảy dù, bán lữ đoàn ngự lâm quân

Trước tháng 5-1952, các tiểu đoàn thành lập được đánh theo số thứ tự, ví dụ Tiểu đoàn 1 thuộc Sư đoàn 1, Tiểu đoàn 2 thuộc Sư đoàn 3, Tiểu đoàn 3 thuộc Sư đoàn 1, Tiểu đoàn 4 thuộc Sư đoàn 3 v v.. Bởi vậy các Sư đoàn 1, 2, 3, 4 và một vài Tiểu đoàn của Sư đoàn 5 được thành lập với danh số theo thứ tự nêu trên, riêng các Tiểu đoàn sơn cước đánh số từ 1 đến 9.

— Nhưng kể từ sau tháng 5-1952 nghĩa là khi đã có chương trình thành lập sư đoàn Việt Nam, các danh số tiểu đoàn đánh theo danh số sư đoàn, như Sư đoàn 5 đánh số từ Tiểu đoàn 53 đến 59, Sư đoàn 6 từ Tiểu đoàn 61 đến 69, Sư đoàn 7 từ Tiểu đoàn 71 đến 79 v v .

Trên biểu đồ, có sự hiện diện của các Tiểu đoàn 67 và 69, tuy nhiên trên thực tế lại không có, các tiểu đoàn này được dự trù biến đổi từ các Tiểu đoàn 3/43 RIC và 3/22 RIC, nhưng tới phút chót các tiểu đoàn này vì nhu cầu chiến trường phải chuyển ra Bắc nên việc thành lập trên phải hủy bỏ (dù rằng đã được thành lập dưới SVVT số 199/TTM/1/1/SC ngày 27-6-52)

△ Ngoài ra, còn những đơn vị sau đây thành lập trong năm 1952

— TĐND 3 1-9-52 Hà Nội

— Bán lữ đoàn ngự lâm quân 1-9-52 Dalat (hai tiểu đoàn)

△ *Các tiểu đoàn nhảy dù số 1 và số 3* — Sơ khởi, mỗi tiểu đoàn chỉ có ba đại đội chiến đấu nhưng tới tháng 12-1952 thành bốn đại đội, tổ chức tương tự một BVN. Lực lượng nhảy dù được chuyển từ lực lượng T.A.P.I của Pháp sang (troupes aéroportées en Indochine). Được biết tiểu đoàn 3 nhảy dù được chuyển từ tiểu đoàn 10 BPCP Pháp sang, khi chuyển gồm có 446 người Pháp và 408 Việt; cấp chỉ huy là Pháp.

△ *Bán lữ đoàn ngự lâm quân* — gồm có một bộ chỉ huy, một đại đội hành chánh và công vụ, hai tiểu đoàn ngự lâm quân số 1 và 2, quân số lý thuyết là 2.000 người. Binh chủng này được bắt đầu thành hình từ năm 1950, nhưng mãi tới 1-8-1951 mới thành lập ra tiểu đoàn đầu tiên.

Năm 1953

Số tiểu đoàn thành lập trong năm : 13 (cộng 59 từ trước thành 72 tiểu đoàn)

— BVN 74	1-3-53	Ninh Giang
— BVN 75	1-3-53	Tiên Yên
— BVN 76	1-5-53	Bình Phiên (Hải Dương)
— BVN 77	1-6-53	Bắc Việt
— BVN 202	1-7-53	Tourane (đơn vị tổng trừ bị)
— BVN 301	1-7-53	Lai Châu
— BVN 302	1-7-53	Hongay

Ngoài các BVN này, còn có

— TĐSC 9	1-4-53	An Khê
— TĐND 5	1-9-53	Hà Nội
— TĐND 7	1-9-53	Hà Đông
— TĐNLQ 3	1-8-53	Đà Lạt
— TĐNLQ 4	1-8-53	»
— TĐNLQ 5	1-8-53	»

△ Tiểu đoàn 5 nhảy dù được chuyển từ Tiểu đoàn 3 nhảy dù thuộc địa (3e Para Colonial), được đưa nhảy xuống Điện biên Phủ và hoàn toàn bị tan rã, sau này khi thành lập lại, người ta đã lấy hậu cứ của tiểu đoàn còn sót tại Hà Nội để làm gốc bổ sung.

△ Một trung đoàn ngự lâm quân thứ hai được thành lập với ba tiểu đoàn nêu trên, trong ba tiểu đoàn này có một tiểu đoàn gốc Bảo chính đoàn Bắc Việt.

● *Các đơn vị Thái và Nùng* — Mặc dầu trên phương diện lý thuyết, các đơn vị Thái và Nùng ở miền biên thùy Tây Bắc và Đông Bắc, sát nhập quân đội quốc gia từ 1-1-1951, nhưng trên phương diện thực tế, uy quyền của các ông Đèo văn Long, lãnh tụ Thái và Woòng a Sáng lãnh tụ Nùng, vẫn được Pháp duy trì bằng một hệ thống binh bị riêng. Tới mùa thu năm 1953, quân Pháp bị thất bại liên tiếp trước sức tấn công của Việt Minh, miền Thái bị cô thế và ảnh hưởng của ông Đèo văn Long bị lung lay. Một vài đơn vị Thái lúc ấy mới thành lập như : Tiểu đoàn 77, Tiểu đoàn 301, đại đội lừa Thái (compagnie muletière). Các đơn vị này sau đó được đưa đến chiến trường Điện Biên Phủ. Đại đội lừa dọc đường rút lui từ Lai Châu về Điện Biên Phủ bị mất tích.

Còn các tiểu đoàn trên đều bị tan rã tại Điện Biên Phủ. Sau này, Tiểu đoàn 301 được thành lập lại bằng những quân nhân Thái quy tụ lại

Các tiểu đoàn gốc Nùng như 57, 71, 72, 73 là những đơn vị thuộc quân đội Liên hiệp Pháp chuyển giao, không có liên hệ gì với sự chỉ huy của ông Woòng a Sáng. Tiểu đoàn 302 gốc Nùng cũng không thuộc quyền ông Sáng, là một tiểu đoàn tổng trừ bị Bắc Việt được thành lập ở Hongay. Cũng cần kể, từ cuối năm 1951, một vài đơn vị biệt lập cấp đại đội gốc Nùng (C^ies autonomes de garde Nung hay còn gọi là C^ies autonomes d'infanterie) được thành lập ở Yên Lập, Hà Cối và Tiên Yên, các đơn vị này thuộc trong lãnh vực chỉ huy của ông Woòng a Sáng là người được Pháp cho mang cấp đại tá. Đại tá Woòng a Sáng đóng bộ chỉ huy tại Mong Cay, điều khiển lực lượng vệ binh Nùng phòng vệ biên thùy và miền duyên hải Đông Bắc, kể cả dân quân võ trang có tới 10.000 người. Những người này không có một quy chế rõ rệt nào. Tới khi ngưng bắn giữa năm 1954, ông Woòng a Sáng cùng các đơn vị chính quy và đoàn quân Nùng di cư vào Nam, được định cư trong vùng sông Mao thuộc tỉnh Ninh Thuận Các lực lượng đó đã được kết hợp để thành lập ra một sư đoàn bộ binh sau này.

Còn các quân nhân Thái khi di cư vào Nam đã được tập trung vào Tiểu đoàn 301, tiểu đoàn duy nhất gốc Thái Các quân nhân Thái và gia đình đã vào miền Nam theo hai ngả: một ngả từ bên Lào tới bằng đường hàng không và một ngả từ Bắc Việt vào. Khi tới miền Nam, sơ khởi các quân nhân Thái và gia đình được để ở vùng Tây Ninh, sau đó Bộ Tổng Tham Mưu tìm đất và đã di chuyển họ lên vùng Tùng Nghĩa, cạnh phi trường Liên Khàng để an cư lạc nghiệp. Tiểu đoàn 301 Thái khi vào Nam đã tham dự chiến dịch Rừng Sát đánh Bình Xuyên.

Tiểu đoàn số 74 thuộc gốc Mường. Còn những quân nhân gốc Thổ cũng rất nhiều nhưng ở rải rác trong quân lực, không lập thành một đơn vị Thổ rõ rệt nào.

△ Về phương diện chỉ huy, tới cuối năm 1953, các tiểu đoàn được phân chia như sau

a) 40 tiểu đoàn do người Việt chỉ huy trong đó có

— 12 tiểu đoàn còn tại mỗi tiểu đoàn một người Pháp làm [illegible]

— 28 tiểu đoàn còn tại mỗi tiểu đoàn một toán liên lạc từ 2 đến 7 người Pháp.

b) 32 tiểu đoàn còn do người Pháp chỉ huy trong đó có

— 20 tiểu đoàn còn tại mỗi tiểu đoàn một toán cán bộ nòng cốt và huấn luyện (détachement d'encadrement et instruction) có từ 20 đến 50 người Pháp.

— 12 tiểu đoàn còn tại mỗi tiểu đoàn một toán cán bộ nòng cốt và huấn luyện từ 50 tới 100 người Pháp.

Trong số 72 tiểu đoàn, chỉ có 1/5 là thuộc những lực lượng lưu động.

Năm 1954

Số tiểu đoàn thành lập 26
(cộng với 72 từ trước, thành 98 tiểu đoàn)

△ Từ đầu năm tới khi ngưng chiến, chỉ có một tiểu đoàn nhảy dù duy nhất được thành lập:

— TĐND 6 1-3-1954 Saigon.

Tiểu đoàn thứ năm nhảy dù này (không có tiểu đoàn mang số 4 và số 2, chỉ có các tiểu đoàn 1, 3, 5, 7 và 6) được thành lập bằng nhân số tình nguyện và tuyển mộ, nên đã kéo dài tới cuối năm 1954 mới thành hình được.

△ Sau những thất bại nặng nề, 16 tiểu đoàn gốc vệ binh đã đề cập ở mục « lực lượng vệ binh quốc gia » được trang bị và biến cải thành các tiểu đoàn BVN (do SVVT số 3016 TTM/1/1 SC ngày 3-3-1954) như sau.

— BVN	51	biến cải từ	351	BG (b^on de garde)
— BVN	52	—	352	BG
— BVN	50	—	353	BG
— BVN	41	—	251	BG
— BVN	42	—	252	BG
— BVN	45	—	255	BG
— BVN	46	—	256	BG
— BVN	43	—	253	BG
— BVN	44	—	254	BG
— BVN	47	—	257	BG
— BVN	48	—	258	BG
— BVN	81	—	261	BG
— BVN	82	—	262	BG
— BVN	83	—	263	BG
— BVN	84	—	264	BG
— BVN	85	—	265	BG

△ Sau ngày đình chiến, thêm tiểu đoàn

thứ sáu ngự lâm quân được thành lập bằng các Bảo chính đoàn chuyển qua. Ngoài ra, Pháp còn giao ba tiểu đoàn gồm binh sĩ các đại đội com măng đô giải tán tập trung lại; tất cả ba tiểu đoàn này được thành lập theo loại cấp số 123 (tương đương một BVN) và được đặt danh hiệu như sau.

— TĐ bộ binh số 1 (b^on de marche nº 1) Bắc Việt.

— TĐ bộ binh số 2 (b^on de marche nº 2) Nam Việt.

— TĐ bộ binh số 3 (b^on de marche nº 3) Trung Việt.

Các tiểu đoàn số 1 và số 2 được chuyển giao Việt Nam ngày 1-1-1954, để thành lập các đơn vị thủy quân lục chiến đầu tiên.

Tiểu đoàn số 3 ở miền Trung được chuyển giao sau đó để bổ sung cho đơn vị bộ binh của miền này.

△ Có bốn BVN được cải danh

— BVN 201 được cải danh thành BVN 28
— BVN 202 — BVN 40
— BVN 301 — BVN 31
— BVN 302 — BVN 32

△ Ngoài ra, cũng cần kể vào cuối năm 1954 còn có 4 BVN được thành lập

— BVN số 86 16-11-1954
— BVN số 87 16-11-1954
— BVN số 88 16-11-1954
— BVN số 89 16-11-1954

Tất cả các tiểu đoàn này đều thuộc gốc Nùng, được thành lập tại sông Mao bằng những thân binh do đại tá Voòng a Sáng đưa vào, và bằng những quân nhân Liên hiệp Pháp gốc Nùng do quân Pháp chuyển sang. Cộng với các BVN gốc Nùng như 32, 57, 71, 72 và 75 cũng được đưa về tập trung tại sông Mao tạm thời thành lập ra liên đoàn Nùng (groupement Nùng) sau biến thành sư đoàn Nùng.

△ Đến cuối năm 1954, còn có một tiểu đoàn phòng vệ phủ thủ tướng được thành lập

— TĐ PV/PTT 1-12-1954 Saigon

Tóm lại

— Tới khi đình chiến, có = 89 BVN
trong số này có
— 5 TĐND
— 5 TĐNLQ
16 gốc vệ binh biến cải

— Sau đình chiến (năm 1954), thêm
— 1 TĐNLQ
— 3 TĐ gốc com măng đô
— 4 BVN gốc Nùng
— 1 TĐ PV/PTT
09

— tổng cộng = 98 (BVN + TĐ tương đương).

Tình trạng của các tiểu đoàn BVN thay đổi từ sau ngày có chương trình tài giảm quân số và kế hoạch hệ thống hóa thành trung và sư đoàn.

Trong việc thay đổi này, đáng kể nhất còn có sáu tiểu đoàn sơn cước được biến cải thành những BVN cuối cùng như sau.

— BVN số 90 1-12-1954
— BVN số 91 1-12-1954
— BVN số 92 1-12-1954
— BVN số 93 1-12-1954
— BVN số 94 1-12-1954
— BVN số 95 1-12-1954

Sự biến cải này đã diễn ra cùng lúc với các Liên đoàn sơn cước số 41 và 42 biến thành các Trung đoàn bộ binh số 41 và 42 (NĐ số 464/QP/NĐ ngày 6-11-1954), biến các tiểu đoàn sơn cước từ số 1 đến số 6 thành các BVN trên. Tiểu đoàn sơn cước số 9 được biến thành Tiểu đoàn 9 ngự lâm quân. Còn các Tiểu đoàn sơn cước số 7 và 8 giải tán (30-9-54) để bổ sung cho các Tiểu đoàn sơn cước còn lại.

5. CÁC DIỄN TIẾN TRONG VIỆC THÀNH LẬP CÁC TIỂU ĐOÀN KHINH QUÂN

Năm 1953

Dự trù thành lập 54 tiểu đoàn khinh quân và 14 đại đội trọng pháo.

Số tiểu đoàn thực sự thành lập trong năm 35

Dưới đây là danh hiệu, ngày thành lập và nơi đồn trú của từng tiểu đoàn

TĐKQ 501	1-6-53	Mỹ Tho
— TĐKQ 502	1-6-53	Mỹ Tho
— TĐKQ 503	1-6-53	Sa Đéc
— TĐKQ 701	1-6-53	Bùi Chu
— TĐKQ 702	1-6-53	Bùi Ch
— TĐKQ 703	1-6-53	Bùi Chu
— TĐKQ 704	1-6-53	Quảng Yên
— TĐKQ 705	1-6-53	Quảng Yên
— TĐKQ 706	1-6-53	Quảng Yên

— TĐKQ 504 1-7-53 Mỹ Tho
— TĐKQ 505 1-7-53 Phú Quốc
— TĐKQ 507 1-7-53 Vĩnh Long
— TĐKQ 601 1-7-53 Mọc Đức
— TĐKQ 602 1-7-53 Dãy phố buồn hiu
— TĐKQ 603 1-7-53 Phan Ri
— TĐKQ 604 1-7-53 Nha Trang
— TĐKQ 508 1-8-53 Sóc Trăng
— TĐKQ 509 1-8-53 Sóc Trăng
— TĐKQ 510 1-8-53 Sóc Trăng
— TĐKQ 511 1-8-53 Sóc Trăng
— TĐKQ 512 1-8-53 Bạc Liêu
— TĐKQ 513 1-8-53 Long Xuyên
— TĐKQ 514 1-8-53 Quân Tre
— TĐKQ 605 1-8-53 Nha Trang
— TĐKQ 606 1-8-53 Huế
— TĐKQ 607 1-8-53 Ninh Hòa (Nha Trang)
— TĐKQ 608 1-8-53 Tour Chàm (Phan Ri)
— TĐKQ 609 1-8-53 Ba Ngòi
— TĐKQ 707 1-8-53 Quảng Yên
— TĐKQ 708 1-8-53 Quảng Yên
— TĐKQ 709 1-8-53 Hải Phòng
— TĐKQ 710 1-8-53 Bùi Chu
— TĐKQ 711 1-8-53 Phát Diệm
— TĐKQ 712 1-8-53 Thái Bình

Đến cuối năm tuy 35 TĐKQ được thành lập nhưng chỉ có 24 hành quân được.

△ Ngoài ra, còn có 7 đại đội trọng pháo được thành lập

— ĐĐTP 751 1-6-53 Bùi Chu
— ĐĐTP 752 1-6-53 Bùi Chu
— ĐĐTP 551 1-7-53 Mỹ Tho
— ĐĐTP 552 1-7-53 Trà Vinh
— ĐĐTP 651 1-7-53 Ninh Hòa
— ĐĐTP 753 1-8-53 Quảng Yên
— ĐĐTP 754 1-8-53 Quảng Yên

△ Các tiểu đoàn trên được dự trù cho hành quân kể từ 1-10-1953, tuy nhiên việc cho hành quân này đã không thể thực hiện được vì các tiểu đoàn tới ngày trên vẫn chưa được bổ xung đầy đủ sĩ quan, hạ sĩ quan, và lại việc huấn luyện binh sĩ chưa được đúng mức cho lắm. Thời gian huấn luyện ấn định là hai tháng hoặc hơn hai tháng cho mỗi tiểu đoàn đã tỏ ra quá ít, nên sau đó đã phải tăng lên tới bốn tháng (28).

THỜI GIAN	ĐỆ 1 QK		ĐỆ 2 QK		ĐỆ 3 QK		CƯỚC-CHÚ
	TĐKQ	TĐTP	TĐKQ	TĐTP	TĐKQ	TĐTP	
Đợt 1 01-07-53	7	2	4	1	6	2	Thực ra chỉ có 53 TĐKQ thành lập thay vì 54 như tuyên bố.
Đợt 2 01-08-53	7	2	5	1	6	1	
Đợt 3 01-09-53	7	2	4	1	7	2	
	21	6	13	3	19	5	

PHÂN PHỐI			TĐKQ	ĐĐTP
	MIỀN BẮC (Đệ 3/QK)	TĐKQ	701 đến 706 + ĐĐTP	751 và 752 (đợt 1)
		TĐKQ	707 đến 712 + ĐĐTP	753 (đợt 2)
		TĐKQ	713 đến 719 + ĐĐTP	754 và 755 (đợt 3)
	MIỀN NAM (Đệ 1/QK)	TĐKQ	501 đến 503 (UMDC)	
		TĐKQ	504 đến 507 + ĐĐTP	551 và 552 (đợt 1)
		TĐKQ	508 đến 513 + (514 giáo phái ba [illegible]) + ĐĐTP	553 và 554 (đợt 2)
		TĐKQ	515 đến 521 + ĐĐTP	555 và 556 (đợt 3)
	MIỀN TRUNG (Đệ 2/QK)	TĐKQ	601 đến 604 + ĐĐTP	651 (đợt 1)
		TĐKQ	605 đến 609 + ĐĐTP	652 (đợt 2)
		TĐKQ	610 đến 613 + ĐĐTP	653 (đợt 3)

Sơ đồ thành lập các tiểu đoàn khinh quân và đại đội trọng pháo (năm 1953)

Đợt thành lập đầu đã sớm hơn dự liệu với Đệ tam quân khu bởi vì các TĐKQ số 701, 702 và 703 thành lập tại Bùi Chu là gốc đơn vị phụ lực của miền này biến sang. Kế tới, các TĐKQ số 501, 502 và 503 tại Đệ nhất quân khu cũng được thành lập khá mau vì các tiểu đoàn này thuộc thành phần U.M.D.C của Le Roy biến sang. Riêng tại miền Trung, việc thành lập rất trì chậm, không những thiếu cán bộ mà còn thiếu binh sĩ không tuyển mộ được. Cũng cần nói là binh sĩ để thành lập các đơn vị khinh quân hầu hết là động viên. Lệnh động viên được ban hành từ giữa năm 1951, các thanh niên được lệnh nhập ngũ chỉ đi huấn luyện quân sự có hai tháng, rồi trở về nhà, tới khi thành lập các TĐKQ, mới được gọi lại. Số huấn luyện thì nhiều nhưng khi gọi lại thì trình diện không đủ. Chương trình thành lập vì vậy mà trễ

Tới tháng 8-1953, vì thành lập xong trước kỳ hạn, 6 TĐKQ miền Bắc được gửi ngay tới miền Bùi Chu bình định. Trong 6 tiểu đoàn có tới 3 tiểu đoàn gồm toàn binh sĩ địa phương, rất ghét cộng sản.

Nắm được yếu tố này lần đầu tiên Pháp chuyển giao thẩm quyền lãnh thổ Bùi Chu cho Việt Nam, sớm hơn dự định (29). Khi được chuyển giao, chi khu Bùi Chu được cải danh thành phân bộ Bùi Chu, được đặt dưới quyền một sĩ quan người Việt là trung tá Phạm văn Đồng, và được nới rộng trách nhiệm lãnh thổ tới cả huyện Hải Hậu, một huyện từ lâu vẫn nằm dưới sự kiểm soát của Việt Minh.

Khởi đầu, một cuộc hành quân mệnh danh là Tarentaise do một liên đoàn lưu động Việt Nam đảm trách được mở vào Hải Hậu, nhằm đẩy lui chủ lực đối phương ra ngoài, để các TĐKQ vào bình định.

Sau khi chiếm đóng những nơi then chốt, vào mùa thu năm 1953, một cuộc hành quân khác đặt tên là hành quân Lê Lợi (10-1953) được mở tiếp, để các TĐKQ từ những nơi đóng quân như Quần Phương Hạ, Ninh Cường, Văn Lý và Bùi Chu xuất phát các cuộc hành quân vào các làng mạc, đồng lúa xung quanh.

Các TĐKQ còn mới mẻ, chưa phải là địch thủ của đối phương, lại không có hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh và phi cơ yểm trợ, nên đã thất bại nặng nề trước chủ lực quân Việt Minh xâm nhập từ Chiến khu 4 về. Như TĐKQ số 703 bị tan nát, cuộc hành quân phải bỏ dở, các TĐKQ phải rút về cố thủ tại các căn cứ cũ.

Từ sau những thất bại này, một số các TĐKQ miền Bắc đã ghép thành liên đoàn khinh quân:

— Liên đoàn khinh quân số 1 (1er groupement de khinh quân).

— Liên đoàn khinh quân số 2 (2ème groupement de khinh quân, cũng thành lập 1-2-1954. Mỗi liên đoàn có ba tiểu đoàn và do một cấp tá chỉ huy. Liên đoàn không có bộ chỉ huy; Viên cấp tá thường ở chung với một tiểu đoàn thuộc cơ hữu của liên đoàn, dùng ngay bộ chỉ huy tiểu đoàn này làm phương tiện phối hợp chỉ huy.

Tới cuối năm 1953, miền Bắc có 12 TĐKQ hành quân được.

Tại miền Nam, các TĐKQ đầu tiên cũng được sử dụng trong công tác bình định. Tính tới cuối tháng 10-1953, có cả thảy 8 tiểu đoàn thành lập được đưa hành quân trong các khu Cái Bè, Mỹ Tho và ở ngoại vi khu Đồng Tháp. Kết quả không khả quan vì các đơn vị tân lập tỏ ra không tích cực, quân Việt Nam cũng như người Pháp đều tỏ ra bất lực không thúc đẩy được.

Còn tại miền Trung có cả thảy 4 tiểu đoàn được thành lập trong năm 1953, gồm hai tiểu đoàn tại Bắc Trung Việt được đưa vào bình định tại Truồi (30) và hai tiểu đoàn tại Nam Trung Việt bình định vùng Phan Rang (30). Các TĐKQ tại hai nơi này đã hoạt động rất tốt vì các địa phương này tương đối an ninh.

(28) Thời gian huấn luyện hai hoặc hơn hai tháng chia làm hai giai đoạn:

— Giai đoạn cá nhân và chuyên viên kéo dài trong ba tuần lễ hay một tháng tùy theo từng loại quân nhân, như quân nhân tái ngũ, động viên theo đợt, phụ lực quân v.v.

— Giai đoạn huấn luyện đơn vị lâu 1 tháng rưỡi, học về trung đội 3 tuần. Bắt đầu từ giai đoạn này coi như tiểu đoàn đi hành quân.

Khuyết điểm của việc huấn luyện này là khi đưa các TĐKQ ra hành quân, các tiểu đoàn còn quá non kém không thể chiến đấu được.

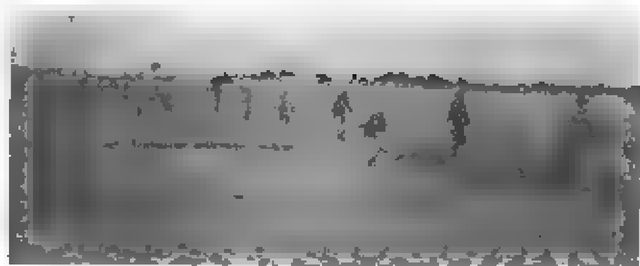
Vì vậy mới ấn định thời gian huấn luyện cho các TĐKQ lên không kém bốn tháng thay vì hai tháng như trước. Với thời gian mới này, sự huấn luyện gồm hai giai đoạn: giai đoạn lý thuyết hai tháng và giai đoạn thực hành hai tháng. Trong giai đoạn thực hành, tiểu đoàn TĐKQ phải theo các BVN và quân Pháp đi hành quân để tập dượt cho quen với trận mạc.

(29) Chiếu theo lịch trình chuyển giao lãnh thổ miền Bắc, chi khu Bùi Chu được ấn định bàn giao ngày 15-11-1953, nhưng 1-9-1953 chi khu này đã được bàn giao.

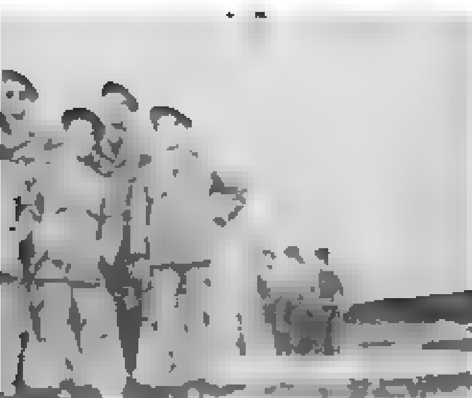
(30) Cả hai tỉnh thổ này được Pháp chuyển giao thẩm quyền ngày 1-6-1953.

HÌNH ẢNH KHINH QUÂN.





Đơn vị khinh quân đang
vượt qua một cầu do Việt Minh thiết lập ở Vĩnh Bảo Thái Bình
vượt qua cầu khỉ.

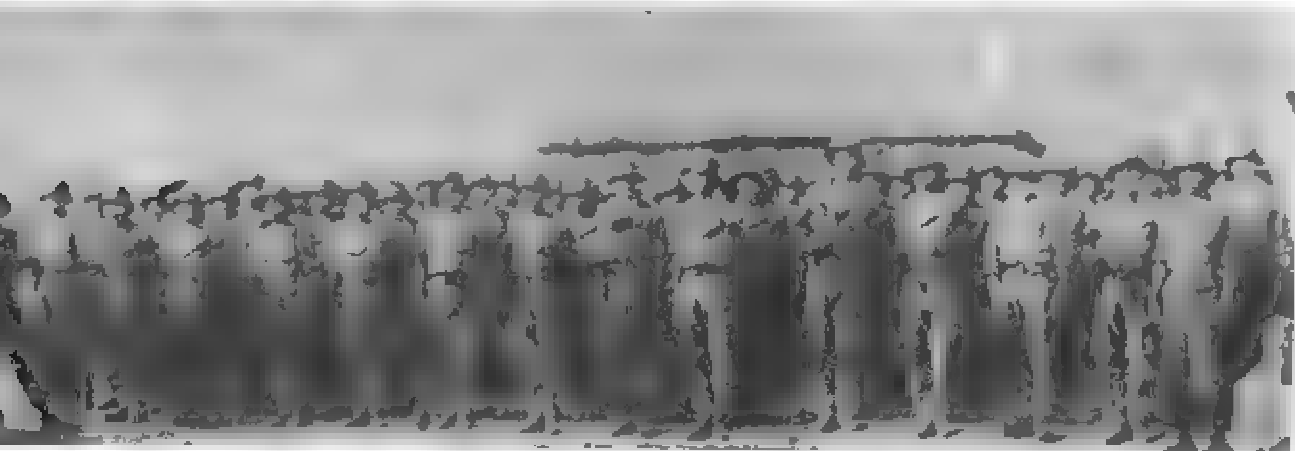


Một bộ chỉ huy TĐKQ tại Quần phương Hạ



Một bộ chỉ huy TĐKQ tại Thái Bình





Một đại đội khinh quân tại Quần phương Hạ

Năm 1954

Số tiểu đoàn thành lập trong năm . 46

(Cộng với con số 35 trước đó, thành 81 tiểu đoàn).

Ngay từ đầu năm, một đợt lớn các TĐKQ được gấp rút thành lập, gồm có

1) Miền Bắc .

— TĐKQ	713	1-1-54	lưu động
— TĐKQ	714	«	«
— TĐKQ	715	«	«
— TĐKQ	716	«	«
— TĐKQ	717	«	«
— TĐKQ	718	«	«
— TĐKQ	719	«	Bùi Chu
— TĐKQ	720	«	Hưng Yên

2) Miền Nam

— TĐKQ	509	1-1-54	Sóc Trăng
— TĐKQ	510	«	«
— TĐKQ	511	«	«
— TĐKQ	512	«	Bắc Liêu
— TĐKQ	513	«	Long Xuyên
— TĐKQ	514	«	Quản Tre
— TĐKQ	515	«	«
— TĐKQ	516	«	«
— TĐKQ	517	«	«
— TĐKQ	518	«	«
— TĐKQ	519	«	«
— TĐKQ	520	«	An Khê
— TĐKQ	521	«	Bạc Liêu
— TĐKQ	522	«	Định Hòa (Long Xuyên)
— TĐKQ	523	«	Thốt Nốt
— TĐKQ	524	«	«
— TĐKQ	525	«	«
— TĐKQ	526	«	«
— TĐKQ	527	«	Trà Ôn

3) Miền Trung

— TĐKQ	610	1-1-54	Mang Cá
— TĐKQ	611	«	«
— TĐKQ	612	«	Phan Rang
— TĐKQ	613	«	Phan Rí

△ Sau những sự thất bại liên tiếp của các TĐKQ, vấn đề sử dụng các TĐKQ được đem duyệt xét lại. Lúc ấy, Bộ tư lệnh Pháp đã đặt giả thuyết về một trận tấn công qui mô của Việt Minh tại đồng bằng Bắc Việt có thể xảy ra

Trong trường hợp các sư đoàn Việt Minh tấn công ồ ạt vào châu thổ Bắc Việt thì các tiểu đoàn khinh quân không thể tồn tại được, do đó người Pháp đã nghĩ tới việc tổ chức những trung tâm kháng cự xung quanh các bộ chỉ huy tiểu khu, đó chỉ là một cách giải quyết cấp thời để bảo vệ các tiểu đoàn khinh quân trong giai đoạn đầu tiên, tránh việc các tiểu đoàn này khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn. Thấy chưa được chỉnh, Bộ tư lệnh Pháp thấy cần thiết còn phải dự trù một sự sử dụng trong những điều kiện thích đáng hơn, để phản công lại đối phương một cách đúng mức, phải làm sao sử dụng đến tối đa phương tiện sẵn có. Không thể đặt vấn đề tổ chức các liên đoàn lưu động riêng biệt gồm toàn các tiểu đoàn khinh quân, bởi vì không có đủ phương tiện về chỉ huy và yểm trợ, nhất là các đơn vị này cần có sự yểm trợ của các thành phần chiến đấu thiện chiến hơn ; do đó một giải pháp khác được đưa ra là một tiểu đoàn khinh quân sẽ được đặt ngay trong mỗi liên đoàn lưu động, để tránh bị đổ vỡ. Hiện lúc ấy, tại miền Bắc, có cả thảy 7 liên đoàn lưu động (31) và 9 tiểu đoàn nhảy dù, như vậy có thể dùng một số lượng là 10 tiểu đoàn khinh quân gia nhập vào các liên đoàn lưu động, và có thể sử dụng 3 tiểu đoàn khinh quân khác kèm với Tiểu đoàn 16 BVN để thành lập 1 liên đoàn lưu động. Còn lại 6 tiểu đoàn khinh quân, những tiểu đoàn này có thể hành quân vào cuối tháng 11, sẽ dùng để thay thế cho các đơn vị cố định. Những sự kiện này trái với đường lối đang sử dụng hiện nay, nhưng vấn đề này có tính cách tạm thời và khi tình hình sáng sủa thì nhiệm vụ chính của khinh quân là vấn đề bình định

Bởi vậy, hầu hết các TĐKQ miền Bắc được ghép vào các liên đoàn lưu động , hình thức liên đoàn khinh quân vì vậy bị bãi bỏ.

△ Tiểu đoàn số 514 thuộc thành phần Hòa Hảo của ông Ba gà mồ (biệt hiệu) chính quy hóa.

△ Các Tiểu đoàn số 521, 522 thuộc thành phần phụ lực quân Nguyễn trung Trực của thiếu tướng Hòa Hảo Nguyễn giác Ngộ chính quy hóa.

△ Các Tiểu đoàn số 523, 524, 525 và 526, thành phần nghĩa quân cách mạng của đại tá Hòa Hảo Lê quang Vinh, vào tháng 3-1954 tập hợp thành Trung đoàn 6 khinh quân, do lời đề nghị của ông được chấp thuận

Đây là trung đoàn khinh quân duy nhất được thành lập, với một lý do khá đặc biệt, đã được phép hoạt động tại vùng Thốt Nốt, Long Xuyên.

(31) Các GM số 1, 2, 3, 4, 5 (của Pháp) số 31 và 32 (của Việt)

Cũng cần kể là ông Ba Cụt thường tạo ra những vụ xích mích với chính quyền trung ương rồi rút quân ra bưng. Ông về hợp tác với chính quyền rồi lại rút ra bưng có tới 3, 4 lần. Lần thứ ba ông về hợp tác vào đầu năm 1954, sau lần rút ra bưng vào tháng 6-1953 với những đơn vị phụ lực quân do ông chỉ huy.

Chỉ ít lâu sau (tháng 4-1954) khi các đơn vị do ông chỉ huy được trang bị đầy đủ, ông lại rút ra bưng. Bộ Tổng Tham Mưu đã cho giải tán trung đoàn này cùng với các TĐKQ số 525 và 526, củng cố lại các TĐKQ số 523 và 524.

△ Cùng thời, Tiểu đoàn 527, thành phần phụ lực quân của đại úy Tạ văn Kiết tại Trà Ôn chính quy hóa. Đại úy Tạ văn Kiết là một cấp chỉ huy đắc lực của phụ lực quân miền Nam, sau khi thành lập tiểu đoàn trên, được bổ nhậm làm chi khu trưởng chi khu Trà Ôn.

△ Trong các đợt kế tiếp từ tháng 3 đến tháng 6-1954, một số các TĐKQ khác được thành lập như sau:

1) Miền Bắc: các TĐ số 721, 722, 724, 725, 726, 727 và 728.
2) Miền Trung: các TĐ số 614, 615, 616 và 617.
3) Miền Nam: các TĐ số 528, 529, 530 và 531.

Tất cả những tiểu đoàn này còn đang thành lập dở dang ở các trung tâm huấn luyện thì đình chiến và được giải tán.

Riêng Tiểu đoàn số 531, được sử dụng trong một trường hợp đặc biệt, là đặt dưới thẩm quyền của Ban 6 (một cơ quan tình báo của Bộ Tổng Tham Mưu lúc đó), để đảm trách các sự sưu tầm tin tức cho ban này. Bởi vậy, trên hình thức thì có Tiểu đoàn 531, nhưng trên thực tế thì quân số tiểu đoàn được dùng cho các hoạt động tình báo trên toàn quốc như những toán chuyên môn.

△ Ngoài ra, còn có 5 đại đội trọng pháo được thành lập:

— ĐĐTP 755	1-1-54	Quảng Yên
— ĐĐTP 652	»	Quảng Trị
— ĐĐTP 653	»	Phan Rang
— ĐĐTP 553	»	Sóc Trăng
— ĐĐTP 554	»	Sóc Trăng

△ Mùa xuân 1954, 14 TĐKQ của các miền Trung Nam Bắc được huy động vào chiến dịch Atlante mở ngày 20-1-1954. Đó là các TĐQK số 502, 504, 506, 510, 511, 520, 603, 604, 605, 609, 612, 715 và 717.

Thoạt đầu, 6 TĐKQ của miền Nam được đưa tới, tiếp theo là 6 tiểu đoàn miền Trung và 2 tiểu đoàn miền Bắc. Các TĐKQ được tập trung lại với nhiệm vụ bình định vùng chiếm đóng, vì chiến dịch Atlante được coi như một chiến dịch bình định mà quân lực Việt Nam đóng vai trò chủ yếu. Một bộ chỉ huy Việt Nam được thiết lập tại Nha Trang dưới quyền điều khiển của đại tá Trần văn Minh. Một kho tiền phương tiếp vận được lập ở Ninh Hòa do trung úy Đồng văn Khuyên biệt phái từ Bộ Tổng Tham Mưu ra trách nhiệm.

Đây là một cuộc hành quân bình định thứ hai của các TĐQK có tính cách quy mô. Nhưng trước áp lực của Việt Minh, các TĐQK không chịu đựng nổi, chỉ hành quân và cố thủ xung quanh các thị trấn Qui Nhơn, khu lòng chảo sông Cầu, Tuy Hòa và trung tâm điểm của tỉnh Phú Yên. Tiểu đoàn 504 bị đánh hầu như tan rã ở Cung Sơn, cách đèo M'Drack 68 cây số về phía Nam (2-6-1954).

Vì xem như của Việt Nam nên cuộc hành quân này ít được sự yểm trợ và giúp đỡ của người Pháp, các TĐKQ đã quá thiếu thốn. Trong suốt thời gian gần nửa năm chiến dịch, các đơn vị này chỉ nhận được gạo và đồ khô thuộc thành phần thực phẩm hành chánh, không được tiếp tế đồ tươi. Trước tình trạng này, binh sĩ đau ốm rất nhiều, nhất là bị bệnh sốt rét rừng, mà lại hầu như không có thuốc. Thuốc ký ninh trừ sốt rét có tới hai tháng mới được phát một lần.

△ Tất cả các TĐKQ thuộc Đệ 4 quân khu đều được cải danh thành 800, ví dụ TĐKQ số 604 đổi thành 804, số 717 thành 817 (32).

△ Trong năm 1954, có 46 TĐKQ được thành lập nhưng chỉ có 31 TĐKQ của đợt đầu năm (1-1-54) sử dụng được. Trọng tâm phát triển so theo kế hoạch được đặt nặng tại miền Bắc nhưng vì nguồn nhân lực của miền Bắc khô cạn (33), miền Trung không tuyển mộ được nên sự phát triển đặt nặng ngược lại với miền Nam. Nỗ lực của miền này lại được chuyển vào việc chính quy hóa các lực lượng giáo phái chứ thực ra cũng không tuyển mộ

(32) Lãnh thổ Đệ tứ quân khu gồm miền Cao nguyên, miền Nam Trung Việt trong đó có khu vực hành quân Atlante. Bởi vậy nên các TĐKQ nào nằm trong các khu vực này mà được đặt trực thuộc Đệ 4 quân khu đều phải cải danh theo số đầu là 8.

(33) Bởi vậy mà các TĐKQ số 726, 727 và 728 được thành lập bằng Bảo chính đoàn chuyển sang.

được. Việc chính quy hóa giáo phái, ngoài lý do phân tán lực lượng võ trang này, còn giúp cho các quân nhân giáo phái đã chiến đấu lâu năm có cơ hội được hưởng thêm những quyền lợi vật chất về lương bổng.

△ Ngày 3-6-54, TĐKQ 702 trấn đóng trong chủng viện Quần Phương Hạ, đã bị đối phương tràn ngập. Đây là một tiểu đoàn trong những tiểu đoàn khinh quân đầu tiên thành lập tại miền Bắc chiến đấu vững vàng.

E. LIÊN ĐOÀN LƯU ĐỘNG

1 TỔNG QUÁT

Liên đoàn lưu động được dịch từ danh từ Pháp « Groupement mobile », tắt là GM và bởi đó các sĩ quan Việt Nam thường gọi là « Giem » để đối đầu với binh đoàn chủ lực Việt Minh đã tổ chức ở cấp sư đoàn.

Các GM phát triển vào năm 1951 khi tướng de Lattre cải tổ lại đoàn quân viễn chinh với đa số là đơn vị lưu động.

Các GM Việt Nam mãi đến năm 1953 mới có, vì tướng tổng tư lệnh Pháp là Navarre khi sang thay tướng Salan đã có một vài thay đổi trong vấn đề cơ tổ quân lực.

Đó là việc thành lập các liên đoàn bộ binh Việt Nam. Navarre dự trù, trong các năm 1953-1954, thành lập cho quân đội Việt Nam một số khá lớn các liên đoàn lưu động như sau

— 10 liên đoàn bộ binh (groupement d'infanterie tắt là GI

— 4 liên đoàn bộ binh sơn cước (groupement d'infanterie de montagne), tắt là GIM.

— 1 liên đoàn nhảy dù (groupement aéroporté), tắt là GAP.

Thành phần cơ hữu các GI, GIM và GAP này là các BVN, tiểu đoàn sơn cước và tiểu đoàn nhảy dù đã có sẵn được ghép lại (34).

Kế hoạch Navarre lúc đó nhằm chia quân Việt Nam thành hai lực lượng chính, đó là :

— Lực lượng chủ lực

— Và lực lượng lãnh thổ

1) Chủ lực quân sẽ gồm có

— Các sư đoàn

— Những liên đoàn chiến đấu (bộ binh, rừng núi, nhảy dù)

— Các đơn vị tổng trừ bị

2) Lực lượng lãnh thổ sẽ gồm có

— Các đơn vị phòng thủ diện địa

— Các cơ cấu lãnh thổ

— Các binh sở cố định.

Riêng trong năm 1953, kế hoạch dự trù thành lập sáu liên đoàn bộ binh, mà thông thường quen gọi mộng là « GM » (groupement mobile). Mỗi liên đoàn có khoảng 4.500 người (35). Các liên đoàn sẽ được thành lập tại các quân khu, hoạt động trong quân khu liên hệ với những danh hiệu phân biệt như sau

— Đệ nhất quân khu Liên đoàn bộ binh số 11

— Đệ nhị quân khu Liên đoàn bộ binh số 21

— Đệ tam quân khu Liên đoàn bộ binh số 31 và 32

— Đệ tứ quân khu Liên đoàn sơn cước số 41 và 42

Tới khi ngưng chiến cũng chỉ có sáu liên đoàn kể trên được thành lập, rồi sau đó bị giải tán để thành lập các trung đoàn bộ binh. Bởi vì kế hoạch thành lập các liên đoàn bị hủy bỏ để thay vào kế hoạch thành lập các trung và sư đoàn bộ binh.

Ở đây cũng cần nhắc lại, song song với việc miền Bắc cho ghép các TĐKQ vào các liên đoàn lưu động, tất cả các tiểu đoàn lưu động của Pháp vào cuối năm 1953 đều được ghép thành liên đoàn. Lúc đó, có hai loại liên đoàn

— Liên đoàn lưu động (groupement mobile), tắt là GM.

— Liên đoàn lưu động nhẹ (groupement mobile léger), tắt là GML.

Liên đoàn lưu động là một tổ chức bình thường có đầy đủ phương tiện và pháo binh cơ hữu, còn liên đoàn lưu động nhẹ là một tổ chức cấp thời, không có đầy đủ phương tiện như liên đoàn bình thường, nhất là không có pháo binh cơ hữu. Bởi vậy, liên đoàn lưu động nhẹ được coi như một tổ chức không chính thức.

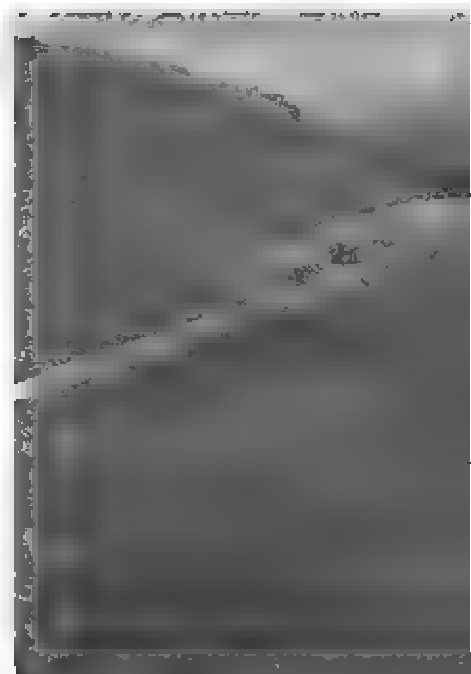
(34) Các sư đoàn Việt Nam được thành lập trong năm 1952 chỉ có tính cách tiếp vận, chứ không phải là những đại đơn vị chiến thuật, nên việc tách các tiểu đoàn ra khỏi sư đoàn đã không gặp trở ngại nào đáng kể.

(35) Kế hoạch dự trù

— đối với một GI : 4.580 người

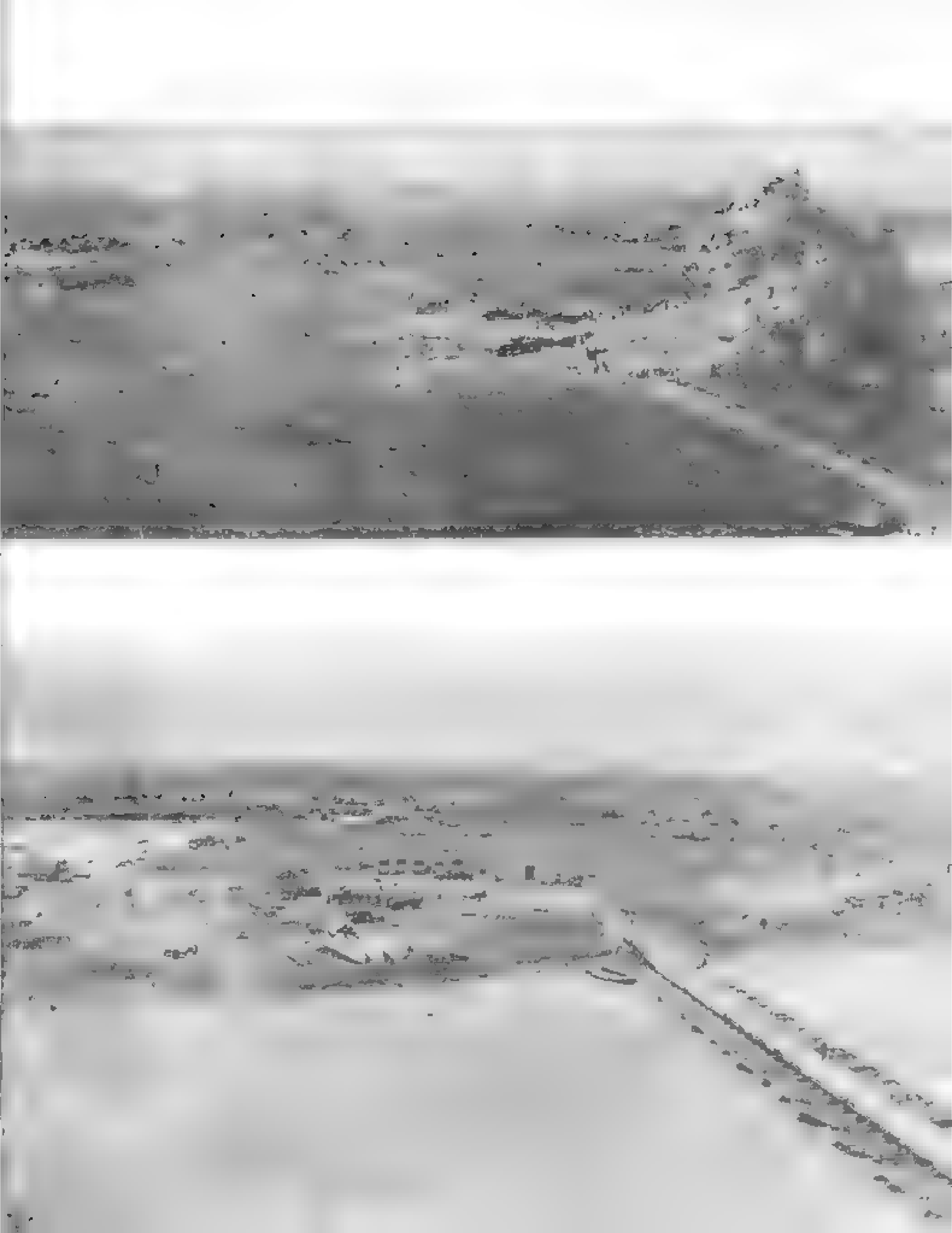
— đối với một GIM : 4.260 người

— đối với một GAP : 4.400 người



Một bộ chỉ huy hành quân cơ Liên đoàn.

Bộ tham mưu làm việc trong các lều vải — Một cây cầu được công binh thiết lập để tiện việc lưu thông tiếp tế — Dưới sông còn có các giang thuyền dùng để tiếp tế và tiếp viện, trường hợp đường bộ b gián đoạn.



2. THÀNH PHẦN TỔ CHỨC VÀ TRANG BỊ CỦA LIÊN ĐOÀN BỘ BINH

Thành phần của một liên đoàn bộ binh gồm có một bộ tham mưu, một đại đội chỉ huy và công vụ, một phân đội truyền tin, một đơn vị khai thác (groupe d'exploitation), một đại đội trọng pháo, một tiểu đoàn pháo binh 105 ly và ba tiểu đoàn bộ binh.

Thành phần các cơ cấu chỉ huy thuộc liên đoàn được tổ chức như sau

— Bộ tham mưu có 35 người gồm 7 sĩ quan, 11 hạ sĩ quan và 17 binh sĩ. Thành phần sĩ quan gồm một liên đoàn trưởng, một liên đoàn phó kiêm tham mưu trưởng, các sĩ quan ban 1, ban 2, ban 3, ban 4 và một sĩ quan điều không tiền tuyến. Các nhân viên hạ sĩ quan và binh sĩ là thư ký, họa viên, liên lạc và tài xế.

— Đại đội chỉ huy công vụ gồm 4 sĩ quan, 15 hạ sĩ quan và 83 binh sĩ. Thành phần sĩ quan gồm có một đại đội trưởng, một bác sĩ, một sĩ quan quân xa và một sĩ quan trung đội trưởng bộ binh. Đại đội gồm có

— một trung đội khinh binh 42 người để bảo vệ.

— một trung đội quân y 12 người trong đó có một bộ phận giải phẫu.

— một trung đội quân xa 32 người.

— và một ban chỉ huy, ngoài đại đội trưởng có tế mục vụ, thư ký, hỏa đầu vụ v.v...

Phân đội truyền tin gồm 2 sĩ quan, 19 hạ sĩ quan và 46 binh sĩ. Thành phần này gồm có

— ban chỉ huy 3 người: một sĩ quan chỉ huy, một hạ sĩ quan phụ tá và một tài xế.

— một cơ xưởng 16 người do một hạ sĩ quan đứng đầu với hai toán làm giây

— một trung tâm truyền tin 48 người do một sĩ quan làm giám đốc, một hạ sĩ quan phụ tá với một toán công điện, một toán khai thác giây, một toán vô tuyến lưu động nặng có một máy SCR 399, một toán lưu động trung bình có 5 máy SCR 193, 5 máy SCR 694 và 5 máy SCR 300, một toán vô tuyến lưu động hỗn hợp với một máy AN/VRC/1 (liên lạc với máy bay) và một toán vô tuyến lưu động nhẹ với một máy SCR 694 trang bị trên xe jeep 12 V. Các máy truyền tin loại nặng đều trang bị trên quân xa. Riêng phân đội truyền tin có 3 jeep, 6 dodge và 3 GMC trong đó có một GMC chassis.

Tùy theo từng cuộc hành quân, liên đoàn có thể tăng phái thêm một đơn vị thiết giáp hay một số đơn vị binh chủng khác.

Liên đoàn bộ binh được thành lập đầu tiên là Liên đoàn bộ binh số 31, hoạt động tại chiến trường miền Bắc, từ giữa năm 1953. Đơn vị này do trung tá Nguyễn quang Hoành được giao quyền chỉ huy đầu tiên, và dưới đây là những nhận xét đầu tiên của chính ông về đơn vị này, trong một tờ trình (6-9-1953) như sau

« Trên phương diện chiến thuật, thành phần của liên đoàn lưu động có một vài điều cần được lưu ý .

— Liên đoàn lưu động đã có những cơ cấu chỉ huy và hỏa lực mạnh mẽ, trong một vài trường hợp đã giúp cho liên đoàn được dễ dàng trong vấn đề liên lạc, tiếp tế và tải thương

Tuy nhiên, qua sự yếu kém của bộ binh chỉ gồm có 3 tiểu đoàn, không có thiết giáp, lại phải bảo vệ những đơn vị binh sở được đưa tới, nên khả năng hành quân của liên đoàn không tiến triển được

Dường như không có sự thăng bằng giữa các thành phần hoạt động: quân số của các đơn vị yểm trợ chỉ huy và công vụ đã lên tới gần 1.000 người, nghĩa là gần bằng 1/3 quân số của cả ba tiểu đoàn bộ binh 2.400 người. Sự mất thăng bằng này khiến cho khả năng hoạt động của các tiểu đoàn bộ binh bị hạn chế, và không thể thi hành được nhiệm vụ chiến đấu một cách hoàn hảo. Ngoài việc bảo vệ pháo binh và bộ chỉ huy, còn phải bảo vệ các đơn vị binh sở là những đơn vị chỉ có thể thi hành nhiệm vụ chính của họ nếu nhiệm vụ canh gác không quá nặng. Việc bảo vệ ở ngay chiến trận không thể giao phó cho một trung đội hay một đại đội biệt phái từ một tiểu đoàn bộ binh đơn.

Vì vậy, liên đoàn bộ binh thiếu khả năng hành quân vì có ba tiểu đoàn bộ binh thì một tiểu đoàn thường phải biệt phái một phần vào việc bảo vệ. Cũng do vậy mà vấn đề hành quân không thể nới rộng, chỉ ở trong một phạm vi thu hẹp, hơn nữa, không có một lực lượng trừ bị đúng mức. Do đó, liên đoàn không có sức mạnh về lưu động xung kích.

— Tính cách cơ hữu của một đơn vị thiết giáp dường như bất xứng nên đã không đáp ứng chặt chẽ được với nhiệm vụ giao phó . chi đội thiết giáp hiện tại (35) cần phải có chiến xa tăng thêm.

(35) Liên đoàn không có thiết giáp cơ hữu, chỉ có thiết giáp tăng phái.

— Khi cần sử dụng hỏa lực ở mức tối đa thì lại bị hạn chế trong thời gian và không gian. Hạn chế trong không gian là vì tầm bắn quá ngắn của súng cối, — điều này sẽ đưa đến một hậu quả khác : sự hạn chế trong thời gian. Sự hạn chế của tầm bắn đã bắt buộc các pháo đội phải di chuyển luôn luôn để tìm những vị trí tốt, và tất nhiên những cuộc di chuyển này thường đòi hỏi nhiều thì giờ. Đại đội trọng pháo với tầm bắn hạn chế, đạn dược khó khăn không thích hợp với sự lưu động của liên đoàn , ngoài ra đại đội trọng pháo không tăng cường đầy đủ cho pháo binh 105 ly. Riêng pháo binh 105 ly yểm trợ rất có hiệu quả.

— Tất cả những đơn vị binh sở chỉ đem lại cho liên đoàn một sự yểm trợ hạn chế, như đơn vị khai thác (groupe d'exploitation) có nhiệm vụ tồn trữ và phân phối, đã không cung cấp đầy đủ cho các đơn vị chiến đấu tại chỗ được, tốt hơn hết là nên để cho các đoàn xe vận tải tiếp liệu tới thẳng quân khu. Đơn vị khai thác và bộ phận giải phẫu trong những cuộc hành quân quan trọng đã không hoạt động được vì sự lưu động tính của bộ chỉ huy này.

Các bộ phận này chỉ nên để ở hậu tuyến, nếu đặt được một hệ thống truyền tin ở nơi đây để liên lạc với tiền tuyến. Việc tập trung các đơn vị này khiến cho liên đoàn không còn nhẹ nhàng, mềm dẻo và linh động nữa.

— Các đại đội chỉ huy, trọng pháo, phân đội truyền tin và tiểu đoàn pháo binh có tất cả 150 quân xa trong đó 125 được mang đi dự trận. Với hệ thống đường xá chật hẹp, gồ ghề, cộng với sự khó khăn về việc tìm chỗ đậu xe ở trong miền đồng ruộng, đoàn xe này rất trì chậm trong khi di chuyển và việc điều động các tiểu đoàn bộ binh cũng trở nên rất khó khăn và chậm chạp.

Tóm lại, liên đoàn bộ binh được tổ chức rất nặng nề để chỉ điều động có 3 tiểu đoàn bộ binh. Trong các cuộc hành quân ở đồng bằng, để cho liên đoàn được mềm dẻo thì phải làm sao cho liên đoàn nhẹ bớt, có thể bỏ đại đội trọng pháo, đơn vị khai thác và bộ phận giải phẫu. Các đơn vị này nên dùng làm lực lượng tổng trừ bị và chỉ nên đặt dưới sự sử dụng của liên đoàn trong một vài trường hợp. Để duy trì sự mềm dẻo và linh động với một sức mạnh hữu hiệu, phải cho liên đoàn một chi đoàn chiến xa, vì đơn vị chiến xa sẽ làm tăng thêm hỏa lực cùng khả năng di động, và cần phải cho thêm một tiểu đoàn bộ binh nữa».

Tờ trình này cũng là một lý do trong nhiều lý do khác đã khiến thành phần tổ chức của liên đoàn thay đổi

Sau này, liên đoàn lưu động không còn có đại đội trọng pháo. Ngoài ra, không có cả đơn vị binh sở nữa mà chỉ có toán cứu thương ở đại đội chỉ huy công vụ Vì thế, sau này liên đoàn được các đơn vị binh sở lãnh thổ yểm trợ, và khi có lệnh hành quân, liên đoàn phải liên lạc mật thiết với các cơ quan lãnh thổ liên hệ của cuộc hành quân, để nhận chỉ thị bổ túc, vấn đề tiếp tế và các tin tức tình báo cần thiết nữa.

3. CÁC DIỄN TIẾN TRONG VIỆC THÀNH LẬP CÁC LIÊN ĐOÀN LƯU ĐỘNG

Dưới đây là danh hiệu nơi đồn trú, thành phần kết hợp, ngày thành lập của mỗi liên đoàn.

△ Liên đoàn bộ binh số 31 Bắc Việt
- Các BVN 4, 6, 9
- Tiểu đoàn pháo binh số 5
- Ngày thành lập : 1-9-53
- Cấp chỉ huy đầu tiên : trung tá Nguyễn quang Hoành

△ Liên đoàn bộ binh số 21 Trung Việt
- Các BVN 8, 27, 30
- Tiểu đoàn pháo binh số 2
- Một đại đội súng cối hỗn hợp
- Ngày thành lập : 1-9-53
- Cấp chỉ huy đầu tiên : trung tá Lê văn Nghiêm

△ Liên đoàn bộ binh sơn cước số 41 : Cao nguyên
- Các TĐSC 1, 2, 8
- Tiểu đoàn pháo binh số 4
- Ngày thành lập : 1-9-53
- Cấp chỉ huy đầu tiên : đại tá Pháp Sockell

△ Liên đoàn bộ binh sơn cước số 42 : Cao nguyên
- Các TĐSC 3, 6, 7
- Hai đại đội súng cối hỗn hợp 1/42 và 2/42
- Ngày thành lập : 1-9-53
- Cấp chỉ huy đầu tiên : đại tá Pháp Jaud

△ Liên đoàn bộ binh số 11 : Nam Việt.
- Các BVN 1, 11, 17
- Tiểu đoàn pháo binh số 1

— Ngày thành lập 1-12-53

— Cấp chỉ huy đầu tiên trung tá Nguyễn Khánh.

△ Liên đoàn bộ binh số 32 Bắc Việt

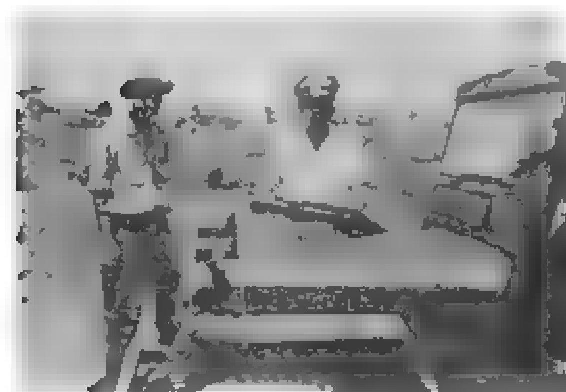
— Các BVN 6, 10, 20

Tiểu đoàn pháo binh số 3

— Ngày thành lập : 1-12-53

— Cấp chỉ huy đầu tiên : trung tá Tôn thất Đính.

△ *Liên đoàn bộ binh số 31* — là liên đoàn lưu động đầu tiên của Việt Nam. Tiền thân của Liên đoàn bộ binh số 31 là liên đoàn lưu động số 7 của Pháp, từng tham dự trận NaSan, sau cải thành Liên đoàn lưu động số 2, và cuối cùng vào mùa thu năm 1953 trước khi mở chiến dịch vào Bùi Chu, được cải thành liên đoàn bộ binh Việt Nam mang số 31. Liên đoàn này sơ khởi gồm các tiểu đoàn 4, 55 và 56 BVN, đến đầu tháng 8-1953, các tiểu đoàn 55 và 56 được thay thế bằng các tiểu đoàn 6 và 9 BVN.



Trung tá Hoành chụp chung với đại úy Trần văn Cương, tiểu đoàn trưởng TĐ 4 BVN. Trung tá Hoành rời khỏi liên đoàn ngày 4-1-1954

△ Liên đoàn đã tham dự các cuộc hành quân

— Hành quân Tarentaise 5-08 — 5-09-53

Hành quân Lê Lợi 1-10 — 5-10-53

— Hành quân Mouette 15-10 — 6-11-53

— Hành quân Bison 8-11 — 25-11-53

— Hành quân Buffle 27-11 — 5-12-53

— Hành quân Gerfaut 11-12 — 17-01-54

Nghĩa là liên đoàn đã liên tục hành quân không ngừng, không một nơi nào của vùng quân sự Nam (zône sud) là vắng dấu chân.

Ngày 29-1-54, trong cuộc hành quân giải vây một đồn binh ở Ninh Bình, liên đoàn bị rơi vào một trận phục kích dữ dội khiến một tiểu đoàn là Tiểu đoàn 6 bị hoàn toàn tê liệt. Ngày 10-2-54, tiểu đoàn này phải rời khỏi liên đoàn để bổ xung, một tiểu đoàn khác là Tiểu đoàn 2BVN đến thay thế.

Sau trận thất bại này, liên đoàn sút kém hẳn, nên chỉ được giao phó những nhiệm vụ nhẹ để tìm cách bồi dưỡng lại phong độ. Đến 18-4-54, liên đoàn trong trận giải tỏa căn cứ Quán Phương Hạ lại thiệt hại nặng trong một cuộc phục kích khác.

Liên đoàn sau đó được chuyển về khu Ninh Giang. Tại đây, liên đoàn tỏ ra quá mệt mỏi, mất tinh thần và sút kém tới mức thậm tệ.

Sau chín tháng hành quân, mức thiệt hại của liên đoàn (một liên đoàn có thể gọi là khá nhất) được mô tả theo bảng thống kê dưới đây (36)

(36) Bảng thống kê này của tư lệnh Đệ tam quân khu thiết lập đính kèm theo một tờ phúc trình về Liên đoàn số 31. Tờ phúc trình đã nêu ra những sự thiệt hại của liên đoàn, cho rằng quá nặng, cần phải cho liên đoàn nghỉ ngơi bồi dưỡng, nếu không liên đoàn này sẽ bị sụp đổ không còn phương cách nào cứu vãn được nữa.



Bộ tham mưu Liên đoàn bộ binh 31. Người đội kết đứng giữa hai người ngồi là trung tá Nguyễn quang Hoành, liên đoàn trưởng.

TÊN CÁC CUỘC HÀNH QUÂN	THIỆT HẠI NHÂN MẠNG			THIỆT HẠI VẬT LIỆU
	Chết	Bị thương	Mất tích	
– Haute Alpes	13	64	3	– 1 trường, 2 TL, 1 SCR.
– Tarentaise	14	54	1	– 3 trường, 1 SCR.
– Tảo thanh vùng Nam Định	2	6		
– Tảo thanh vùng Thái Bình	4	8		
– Lê Lợi	5	17		
– Tảo thanh vùng Bùi Chu	6	17		
– Mouette	3	12	1	
– Bison	16	56	2	– 3 trường, 2 TL.
– Buffle	2	29		– 1 TL, 1 súng lục.
– Gerfaut	8	44	7	– 8 trường, 5 TL, 3 trung liên, 266 trường, 23 súng lục, 77 tiểu liên, 29 trung liên, 8 cối 81 ly, 6 cối 60 ly, 2 SKZ, 15 phóng lựu, 33 SCR.
– Vùng Ninh Bình	33	59	380	
– Vùng Nam Định	1	40		
– Vùng Phủ Lý	2	54		
– Vùng Ninh Bình	2	8		– 83 trường, 10 trung liên, 40 tiểu liên, 2 SKZ, 5 cối 60 ly, 3 đại liên, 15 súng lục, 19 SCR.
– Vùng Phủ Lý	11	37		
– Vùng Bùi Chu (QPH)	18	33	82	
TỔNG CỘNG	139	537	482	

Bảng thống kê điển hình và sự thiệt hại của LĐBB số 31
(từ 05-8-53 — 01-5-54).

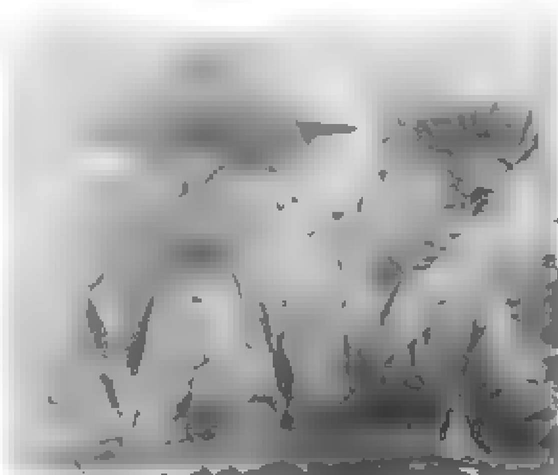


Bộ chỉ huy hành quân
của liên đoàn lưu động.

△ *Liên đoàn bộ binh số 32* — mãi tới đầu tháng 2-1954 mới đưa ra hành quân, do viên trung tá Pháp Lemeunier chỉ huy, sau đó mới được giao lại cho cấp chỉ huy Việt Nam là trung tá Tôn thất Đính (16-4-54). Lúc này không còn là một đơn vị chiến thuật thích hợp trước tình hình và trước áp lực mới của đối phương càng gia tăng. Liên đoàn 32 không tạo được một thành tích nào đáng kể. Hoạt động sơ khởi là những cuộc hành quân nhẹ trong vùng Nam Định — Ninh Bình, sau đổi đến ở khu chiến Ninh Giang, cùng với các tiểu đoàn bộ binh trực thuộc yếu kém như Tiểu đoàn 6 (trước kia thuộc Liên đoàn 31 mới được bổ sung). Thành thử, tại khu chiến Ninh Giang chẳng những liên đoàn không tạo được một thành tích nào mà còn tỏ ra quá mất tinh thần trước áp lực của Việt Minh, nhất là trước cái chết của viên trung tá tiểu khu trưởng de Hores de Herve cùng cả bộ tham mưu bị phục kích vào đầu tháng 7-1954.

△ *Các liên đoàn sơn cước số 41 và 42* — Không có một thành tích nào đáng kể. Cũng cần kể, trước khi thành lập hai liên đoàn này, Pháp cho thành lập các toán biệt động đội Thượng và Việt Nam tại Cao Nguyên (Groupement de commandos) (37) để sưu tầm tin tức, quấy rối địch và tạo bất ổn ở hậu cứ của chúng, hỗ trợ hoạt động cho những đơn vị lưu động xung kích. Các toán này gốc ở com măng đô phụ lực quân thành lập ra, được chia thành bảy toán, gồm bốn toán cho bốn tiểu khu Cao Nguyên và ba toán tổng trừ bị. Các toán biệt động đội tiểu khu gồm có một toán sắc dân Sedang, một toán sắc dân Bahar, một toán sắc dân Rhadé và một toán sắc dân hỗn hợp Rhadé Djarai. Còn ba toán biệt động đội trừ bị gồm một là thiểu số và hai là Việt Nam. Các toán biệt động đội trừ bị tùy thuộc sự sử dụng của tướng tư lệnh Đệ tứ quân khu, kiêm tư lệnh Sư đoàn 4 Việt Nam, đồng thời chỉ huy cả hai Liên đoàn sơn cước số 41 và 42. Trong hai toán biệt động đội Việt Nam, có một toán được đặt tại An Khê hoạt động hỗ trợ cho Liên đoàn số 100 của Pháp. Dù Pháp cố gắng, các Liên đoàn số 41 và 42 cũng không thể bảo vệ được tỉnh lỵ Kontum bị mất ngày 28-1-1954. Cả hai liên đoàn sau trận Kontum bị coi như tan nát, không còn hoạt động được nữa.

△ *Liên đoàn bộ binh số 11* — Sau khi thụ huấn, được đưa vào chiến dịch Atlante tại miền Trung. Bất hợp thủy thổ, binh sĩ của liên đoàn chiến đấu rời rạc, không gây được một thành tích nào đáng kể. Cuối cùng, liên đoàn này chịu chung một số phận như các Liên đoàn 41 và 42 tại Cao nguyên.



Trung tá Nguyễn Khánh, liên đoàn trưởng Liên đoàn bộ binh 11

△ *Liên đoàn bộ binh số 21* — Sau khi thành lập, đã tảo thanh trong các vùng Thừa Thiên Quảng Trị. Trong chiến dịch Atlante, liên đoàn được đưa tới Qui Nhơn, tại đây binh sĩ không chịu hành quân lên miền Cao nguyên. Sau khi đình chiến, liên đoàn này đã là một đơn vị nòng cốt dẹp trừ phản loạn tại Ba Lòng.

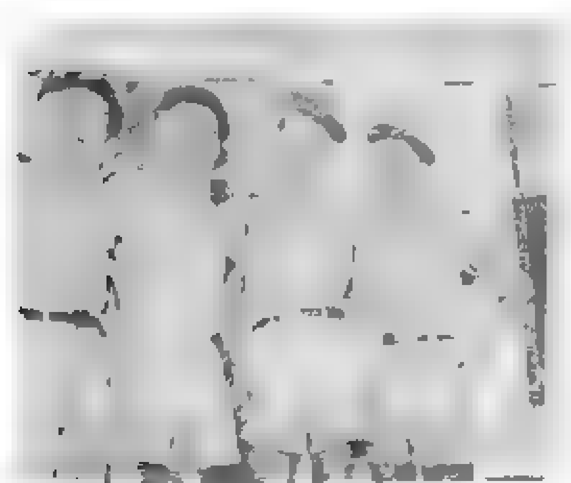
△ Kể từ 15-12-54, các liên đoàn bộ binh và bộ binh sơn cước đều bị giải tán (38). Liên đoàn 11 cải biến thành một trung đoàn bộ binh tại Nam Việt. Liên đoàn 21 được dùng làm nòng cốt, để thành lập Sư đoàn bộ binh số 21 được dự trù thành lập vào năm 1955 tại Huế. Liên đoàn 31 từ Bắc Việt di chuyển vào Đà Nẵng, rồi tới tiếp thu phía Bắc Quảng Ngãi, được dùng làm nòng cốt để thành lập Sư đoàn bộ binh số 31 cũng được dự trù thành lập vào năm 1955 tại Quảng Ngãi. Các Liên đoàn sơn cước số 41 và 42 cải biến thành các Trung đoàn số 41 và 42. Liên đoàn 32 khi ở Bắc vào Nam được đưa vào Nha Trang, tới ngày 30-10-54 tại từ Nha Trang ra Đà Nẵng để chuẩn bị tham dự chiến dịch giải phóng miền Bình Định. Tới 16-1-1955, Liên đoàn 32 chính thức giải tán và được dùng làm nòng cốt thành lập Sư đoàn bộ binh số 32 thành lập vào năm 1955.

(37) Thành lập do SVVT số 08395/TTM/3/1/SC ngày 19-8-1953.

(38) Giải tán do các nghị định số 496, 497, 498/QP/NĐ ngày 6-11-1954 và các nghị định số 512, 513/QP/NĐ ngày 23-11-1954

△ *Liên đoàn nhảy dù* — thành lập kể từ 1-5-1954. Pháp gọi liên đoàn dù là GAP nº 3, thoát thai từ đoàn nhảy dù Liên hiệp Pháp T.A.P.I. Lúc đó, Pháp chọn trung tá Nguyễn Khánh làm chỉ huy trưởng liên đoàn nhảy dù, nhưng sự việc không thành vì trung tá Khánh đang làm chỉ huy trưởng Liên đoàn bộ binh số 11 tại miền Trung.

Pháp phải bàn giao liên đoàn gấp, bèn chọn thiếu tá Đỗ cao Trí, cựu tiểu đoàn trưởng BVN 19, đang chỉ huy một tiểu đoàn nhảy dù để làm liên đoàn trưởng. Thiếu tá Đỗ cao Trí cũng như trung tá Khánh đều đã phục vụ trong binh chủng nhảy dù của Pháp từ lâu.



Các sĩ quan nhảy dù Việt Nam đầu tiên. Từ trái sang phải người thứ ba là trung tá Đỗ cao Trí

Kể từ trước ngày đình chiến, GAP 3 gồm có những thành phần như sau :

— Một bộ chỉ huy liên đoàn (hoàn toàn Pháp)
— Một đại đội công binh nhảy dù
— Một đại đội súng cối nhảy dù.
— Một phân đội truyền tin.
— Năm tiểu đoàn nhảy dù.

Tới đầu năm 1955, Tiểu đoàn 7 nhảy dù bị giải tán (11-3-55) và Liên đoàn chỉ còn có bốn tiểu đoàn là các Tiểu đoàn số 3 và 5 đóng tại Nha Trang và các Tiểu đoàn 1 và 6 đóng tại Saigon. Tới ngày 4-6-1955, tất cả bộ chỉ huy nhảy dù và các Tiểu đoàn 3 và 5 đều di chuyển vào Saigon.

Từ 1-5-1955, Liên đoàn nhảy dù được chú trọng phát triển với sự tăng thêm một số những cơ sở mới như sau

— Một trung tâm huấn luyện nhảy dù
— Một tiểu đoàn trợ chiến nhảy dù gồm có
  — Một đại đội công vụ
  — Một đại đội súng nặng nhảy dù (sẵn có)
  — Một đại đội công binh nhảy dù (sẵn có)
  — Một phân đội truyền tin (sẵn có)
  — Một đại đội kỹ thuật nhảy dù (Cie technique de la base aéroportée)
  — Một toán tiếp tế thả dù (peloton de livraison par air)
— Và 4 tiểu đoàn nhảy dù (trừ một giải tán)

G. CÁC TRUNG ĐOÀN BỘ BINH

1 TỔNG QUÁT

Do việc thành lập các liên đoàn lưu động nhẹ vào đầu năm 1954, ý niệm thành lập các trung đoàn bộ binh được thành hình.

Sơ khởi, trong một văn thư trình Bộ (10-7-54), Bộ Tổng Tham Mưu xin tập hợp các tiểu đoàn bộ binh thành các trung đoàn bộ binh với lý do là các tiểu đoàn hoạt động riêng rẽ không còn hiệu lực nữa. Việc thành lập trung đoàn tiến hành trước hết tại Đệ tam quân khu và sau đó mới tới các quân khu khác.

Đầu tháng 8 năm 1954, đa số các tiểu đoàn miền Bắc được phép kết hợp để trở thành những trung đoàn đầu tiên được chia làm 2 loại

a) Loại có bộ chỉ huy bình thường (à structure normale) được đặt trực thuộc tiểu khu, tiểu khu trưởng và bộ tham mưu tiểu khu kiêm luôn trung đoàn trưởng và bộ tham mưu trung đoàn.

b) Loại có bộ tham mưu thu hẹp (structure réduite) không đặt trực thuộc tiểu khu, hoạt động biệt lập, có một sĩ quan cấp tá được chỉ định làm trung đoàn trưởng và được tân lập một bộ tham mưu trung đoàn thu hẹp.

Cách đánh số trung đoàn hết sức phức tạp, vì có trung đoàn đánh số từ 11, có trung đoàn bắt đầu từ số 51, lại có trung đoàn bắt đầu từ số 151 và từ 401 trở đi, nghĩa là các trung đoàn được thành lập

không mang theo danh số thứ tự. Sự phức tạp này gây ra bởi hai nguyên do

- Nguyên do thứ nhất : Khi mới có ý ý niệm thành lập trung đoàn, bộ chỉ huy quân sự căn cứ theo sự kết hợp của các liên đoàn lưu động để đặt cách đánh số cho trung đoàn ; lúc đó có nhiều loại liên đoàn loại gồm toàn BVN — loại gồm toàn TĐKQ — và loại hỗn hợp cả BVN lẫn TĐKQ ; để dễ phân biệt giữa các trung đoàn có các thành phần tiểu đoàn khác biệt như trên ; việc đánh số trung đoàn đã được ấn định như sau

— 3 BVN sẽ đánh từ số 11 trở đi.

— 3 TĐKQ sẽ đánh từ số 51 trở đi.

— 3 tiểu đoàn hỗn hợp sẽ đánh từ số 151 trở đi

— Nguyên do thứ hai : Sau khi ngưng chiến, ý niệm thành lập các trung đoàn để kết hợp thành sư đoàn thành hình, các trung đoàn tân lập được đánh số theo quan niệm của các sư đoàn sẽ được thành lập.

Sau ngưng bắn, vấn đề cải tổ quân lực được quan niệm đặt một phần trách nhiệm vào việc bảo vệ lãnh thổ và một phần trách nhiệm khác vào việc xây dựng một binh đoàn chủ lực. Để tiến tới việc xây dựng binh đoàn chủ lực, việc quan trọng trước hết là thành lập các trung đoàn bộ binh, công việc này bắt đầu từ trung tuần tháng 7-1954 và kể từ sau ngưng bắn, việc quan trọng sau là việc thiết kế thành lập các sư đoàn. Do từ ý niệm này mà việc thành lập các trung đoàn bộ binh trở nên quy mô.

Tính tới đầu năm 1955, có 18 trung đoàn bộ binh được thành lập. Chương trình thành lập sau đó bị ngưng trể, mãi tới cuối năm 1955 mới tiếp tục thành lập lại, cả thảy gần 30 trung đoàn để đáp ứng với số sư đoàn được thành lập.

Không như lúc sơ khởi, mỗi trung đoàn bộ binh chỉ được thành lập với một bộ chỉ huy nhẹ hay còn không có, nếu trung đoàn đặt trực thuộc tiểu khu Sau này, mỗi một trung đoàn bộ binh lại được tổ chức khác hẳn, gồm có

— Bộ chỉ huy và đại đội chỉ huy và công vụ.

— Một đại đội trọng pháo.

— Ba tiểu đoàn bộ binh.

Từ việc thành lập các trung đoàn bộ binh, rất nhiều tiểu đoàn bộ binh đã phải giải tán trong các tháng 11 và 12-54, để bổ sung đầy đủ cho các tiểu đoàn được chỉ định ghép vào thành phần của các trung đoàn. Quân số của các đơn vị giải tán còn để đáp ứng vào việc thành lập các bộ tham mưu sư, trung đoàn, các bộ chỉ huy phân, tiểu khu cùng những đơn vị chuyên môn. Các tiểu đoàn bị giải tán phần lớn là các TĐKQ của miền Bắc.

Trong việc thành lập các trung đoàn bộ binh này, bộ chỉ huy nhẹ của các trung đoàn được thành lập tạm thời lúc sơ khởi đã bị bãi bỏ kể từ tháng 10-1954.

Vấn đề tài giảm của kế hoạch quân số năm 1955 ảnh hưởng rất mạnh tới việc thành lập các trung và sư đoàn. Việc tài giảm đã đến một cách khá bất chợt khiến cho kế hoạch thành lập trung và sư đoàn phải một phần nào ngưng hoãn. Việc giải tán các tiểu đoàn kể cả các BVN lại được tiếp tục khá mạnh, nhằm đưa quân số chung xuống tới mức 90.000 người.

Tới đầu tháng 7-1955 chương trình quân số 150.000 người mới được chấp thuận và từ đó vấn đề cải tiến quân đội mới được đặt trên một nền tảng vững trãi

Lúc này, ngoài việc tổ chức các trung đoàn bộ binh nằm trong thành phần cơ hữu của các sư đoàn, quân đội phải chấp nhận sự gia nhập của các giáo phái miền Nam để thành lập ra các trung đoàn giáo phái và cuối cùng còn thành lập ra các trung đoàn địa phương

2. CÁC TRUNG ĐOÀN THUỘC SƯ ĐOÀN BỘ BINH.

Các trung đoàn này được chính thức thành lập từ cuối năm 1954 và tới đầu năm 1955 đã có những trung đoàn với các danh hiệu, ngày thành lập, nơi đồn trú và thành phần kết hợp như dưới đây . (39)

— TRĐ 21 16-10-54 Đ2QK
  — 8, 28, 29, BVN
  — 21 ĐĐTP
  — 605 TĐ (BTM + CHCV)

— TRĐ 22 01-11-54 . Đ2QK
  — 23, 47, 48 BVN
  — 22 ĐĐTP

(39) TRĐ trung đoàn bộ binh — BVN tiểu đoàn bộ binh Việt Nam — TĐ tiểu đoàn bộ binh loại khinh quân — ĐĐTP đại đội trọng pháo — (BTM + CHCV) : đơn vị này được dùng tổ chức bộ tham mưu và đại đội chỉ huy và công vụ cho trung đoàn — Đ QK : Đệ.. quân khu.

— TRĐ 23 01-11-54 : Đ2QK
- — 7, 12, 24 BVN
- — 654 ĐĐTP
- — 606 TĐ (BTM + CHCV)

— TRĐ 22 1-11-54 : Đ2QK
- — 23, 47, 48 BVN
- — 22 ĐĐTP

— TRĐ 23 1-11-54 : Đ2QK
- — 7, 12, 21 BVN
- — 654 ĐĐTP
- — 606 TĐ (BTM + CHCV)

— TRĐ 15 16-10-54 : Đ1QK
- — 61, 62, 63 BVN
- — 555 ĐĐTP
- — 17 BVN (BTM + CHCV)

— TRĐ 11 1-11-54 : Đ1QK
- — 1, 3, 11 BVN
- — 553 ĐĐTP
- — một phần 19 BVN (BTM + CHCV)

— TRĐ 12 1-11-54 : Đ1QK
- — 65, 66, 68 BVN
- — 556 ĐĐTP
- — 504, 520 TĐ (BTM + CHCV)

— TRĐ 31 1-11-54 : Đ2QK
- — 2, 9, 59 BVN (giải tán 723 TĐ cho 2 BVN, 703 TĐ cho 9 BVN và 710 cho 59 BVN)
- — 31 ĐĐTP
- — 52 BVN (BTM + CHCV)

— TRĐ 32 1-11-54 : Đ2QK
- — 6, 10, 20 BVN (giải tán 722 + 716 cho 6, 725 cho 10 và 717 + 724 cho 20)
- — 755 ĐĐTP

— TRĐ 156 1-11-54 : Đ2QK
- — 4, 74, 53 BVN (giải tán 709 TĐ)
- — 752 ĐĐTP
- — 51 BVN (BTM + CHCV)

— TRĐ 155 16-11-54 : Đ4QK
- — 14, 18, 26 BVN (giải tán 715+711 TĐ)
- — 753 ĐĐTP

— TRĐ 154 1-12-54 : Đ1QK
- — 22, 58, 76 BVN (giải tán 706+712 TĐ)
- — 751 ĐĐTP

— TRĐ 51 1-12-54 : Đ1QK
- — 16, 50 BVN + 719 TĐ (giải tán 701, 707)
- 7?1 ĐĐTP

— TRĐ 53 1-12-54 : Đ1QK
- 54 BVN, 704, 713 TĐ

— TRĐ 34 1-11-54 : Đ1QK
- — 57, 86, 87 BVN

TRĐ 35 1-11-54 : Đ4QK
- 72, 75, 88 BVN

— TRĐ 41 1-12-54 : Đ4QK
- — 1, 2, 6 sơn cước.
- — 41 ĐĐTP

— TRĐ 42 1-12-54 : Đ4QK
- — 3, 4, 5 sơn cước.
- — 42 ĐĐTP

— TRĐ 36 1-02-55 : Đ4QK
- — 32, 71, 80 BVN.

Những trung đoàn này thành lập để đáp ứng cho việc cấu tạo sáu sư đoàn bộ binh được dự trù vào cuối năm 1954.

△ Vì vấn đề tài giảm quân số, việc thành lập trung đoàn bị tạm ngưng, mãi tới 1-8-1955 một số các trung đoàn khác mang các số 101, 102, 103, 104, 105, 106, 201, 202, 203, 401, 402, 403, 404, 405, 406, vị chi 15 trung đoàn được thành lập cùng một lúc với các sư đoàn khinh chiến (39). Các trung đoàn này đã được kết hợp bởi các BVN và TĐKQ như sau :

— TRĐ 101 1-8-55 Đ1QK
- — 5, 13, 66 BVN

— TRĐ 102 1-8-55 : Đ1QK
- — 19 BVN
- — 512, 515 TĐ

— TRĐ 103 1-8-55 : Đ1QK
- — 15, 21 BVN
- — 511 TĐ

— TRĐ 104 1-8-55 : Đ1QK
- — 507, 510, 527 TĐ

— TRĐ 105 1-8-55 : Đ1QK
- — 518, 519, 520 TĐ

— TRĐ 106 1-8-55 : Đ1QK
- — 501, 502, 503 TĐ

— TRĐ 201 1-8-55 : Đ2QK
- — 46, 48 BVN
- — 601 TĐ

— TRĐ 202 1-8-55 Đ2QK
- — 29, 40 BVN
- — 703 TĐ

(39) Xem chi tiết ở phần sư đoàn bộ binh.

— TRĐ 203 1-8-55 Đ2QK
- 17, 32 BVN
- 702 TĐ

TRĐ 401 1-8-55 Đ4QK
- 90, 91, 74 BVN

— TRĐ 402 1-8-55 Đ4QK
- 94, 95 BVN
— 1 Sơn cước

— TRĐ 403 1-8-55 Đ4QK
- 42, 43 BVN
- 41 BVN (Đ1QK gửi lên)

TRĐ 404 1-8-55 Đ4QK
- 83, 84 BVN
- 808 TĐ

— TRĐ 405 1-8-55 Đ4QK
— 803, 804, 807 TĐ

— TRĐ 406 1-8-55 Đ4QK
— 812, 813 TĐ
— 54 BVN (Đ1QK gửi lên)

△ Trong khi đó, các Trung đoàn bộ binh số 41 và 42 tại Cao Nguyên giải tán để cải biến thành các trung đoàn địa phương (NĐ 737 QP/NĐ ngày 26-9-55).

△ Tới tháng 11-1955, Trung đoàn số 202 bị giải tán (NĐ 912 QP/NĐ ngày 18-11-55) vì đã vượt ra ngoài nhu cầu.

3. CÁC TRUNG ĐOÀN BỘ BINH GIÁO PHÁI VÀ VIỆC SÁT NHẬP BINH ĐỘI GIÁO PHÁI VÀO QUÂN ĐỘI

Vấn đề sát nhập binh đội và quân nhân giáo phái vào quân đội quốc gia được đề cập tới từ trước hiệp định Genève chừng vài tháng, nghĩa là từ khi nội các của thủ tướng Ngô đình Diệm bắt đầu thành hình.

Việc sát nhập này nhắm vào các lực lượng võ trang của giáo phái Hòa Hảo và Cao Đài, là hai lực lượng giáo phái chính yếu. Chính phủ muốn kết hợp tất cả mọi lực lượng võ trang vào một mối, dưới sự chỉ huy thống nhất của quân đội. Việc sát nhập được ấn định bởi dụ số 24 QP ngày 10-4-54, nhưng công việc này chỉ được xúc tiến từ sau ngày đình chiến.

Biện pháp đầu tiên của chính phủ là gây áp lực bằng cách không tiếp tục tài trợ ngân khoản cho các giáo phái như từ trước người Pháp vẫn làm, nhằm buộc các giáo phái phải sát nhập ngay binh đội của mình vào quân đội quốc gia, đồng thời buộc họ phải trao lại quyền kiểm soát những lãnh thổ mà họ đã giữ trong nhiều năm.

Lúc đó, lực lượng Bình Xuyên chống đối chính phủ, còn các giáo phái Hòa Hảo và Cao Đài lấp lửng, nửa muốn hợp tác, nửa lại không. Chung quy, họ còn chờ đợi hay đúng hơn là còn muốn vận động một sự biến chuyển về tình hình có lợi cho họ. Lúc đó, chính phủ đã dành cho họ nhiều đặc quyền để dễ bề chiêu dụ và kết nạp. Những đặc quyền này được xác định trong các nghị định số 973/QP ngày 9-10-54 và các số 1025/QP, 1026/QP ngày 3-11-54, đại ý như sau:

— « Công nhận quân đội Cao Đài và quân đội Hòa Hảo dưới hình thức là quân lực Cao Đài và quân lực Hòa Hảo trong quân đội quốc gia (phalange Cao Đài — Hòa Hảo de l'armée nationale).

— Quân đội giáo phái được mang quân kỳ có màu sắc quốc gia, các đơn vị giáo phái cấp tiểu đoàn, đại đội được mang hiệu kỳ có biểu tượng riêng, quân phục giống như quân đội quốc gia, nhưng khác ở điểm được mang mũ chào mào (calot) có gắn huy hiệu riêng của giáo phái, để tượng trưng truyền thống của họ.

— Mỗi giáo phái được thiết lập một sở đặc biệt đặt cạnh Bộ Quốc phòng, để chuyển đạt các chỉ thị của Bộ cho các bộ chỉ huy giáo phái.

— Các toán sĩ quan liên lạc của Bộ Tổng Tham Mưu, ngược lại, cũng được đặt tại mỗi bộ chỉ huy giáo phái để phụ trách liên lạc và cố vấn các vấn đề về tổ chức, quân số, huấn luyện, hành quân và tiếp vận v.v.

— Về phương diện đào tạo cán bộ: hạ sĩ quan và binh sĩ do giáo phái đào tạo lấy, sĩ quan do trường sĩ quan Thủ Đức và Đà Lạt đào tạo.

Sau khi ấn định những đặc khoản này, chính phủ ban lệnh sát nhập kể từ ngày 1-8-1954 các binh đội giáo phái:

— Cao Đài của trung tướng Nguyễn thành Phương, 3.000 người.

— Hòa Hảo của trung tướng Trần văn Soái, 3.000 người.

— Hòa Hảo của thiếu tướng Nguyễn giác Ngộ, 3.000 người.

Bình Xuyên chưa được đề cập tới.

Với những thành phần giáo phái này, những trung đoàn giáo phái sau đây đã được ban lệnh thành lập:

— TRĐ 58 1-8-54
- — BCH + ĐĐ 16 CV
- — 533, 534, 535 TĐ
- — 1 sở đặc biệt
- — 1 trung tâm huấn luyện

  nguồn gốc nhóm 3.000 Cao Đài Nguyễnthành Phương.

— TRĐ 59 1 8-54
- BCH + ĐĐCV
- — 536, 537, 538 TĐ
- — 1 sở đặc biệt
- — 2 trung tâm huấn luyện Cái Vồn và Bình Mỹ
- — nguồn gốc nhóm 3.000 Hòa Hảo Trần văn Soái.

— TRĐ 57 1-8-54
- — BCH + ĐĐCV
- — 513, 522, 528 và 532 TĐ
- — 1 sở đặc biệt
- — nguồn gốc nhóm 3.000 Hòa Hảo Nguyễn giác Ngộ.

Đầu năm 1955, Bình Xuyên công khai chống đối chính phủ. Bất ngờ, thủ tướng Ngô đình Diệm tạo được một thắng lợi lớn thuyết phục được thiếu tướng Trịnh minh Thế thuộc nhóm Cao Đài ly khai về hợp tác với chính phủ. Một trung đoàn giáo phái thứ tư được thành lập, đó là .

— TRĐ 60 1-2-55
- — BCH + ĐĐCV
- — 542, 543, 544, 545 TĐ
- — nguồn gốc . nhóm 2.600 Cao Đài Trịnh minh Thế.



Lần đầu tiên, một cấp chỉ huy giáo phái được gắn cấp tướng QĐQGVN . ông Trịnh minh Thế đang được gắn cấp thiếu tướng (14 12 1955).

Thủ tướng Ngô đình Diệm và tân thiếu tướng Trịnh minh Thế đang chào trước quân kỳ đoàn quân áo đen (Trịnh minh Thế).



Cuối tháng 4-1955, Bình Xuyên nổi hấn và bị quân đội quốc gia dẹp tan. Chính phủ thắng lợi trên mọi phương diện, trước dư luận quốc nội và quốc tế.

Trước áp lực của chính phủ, một lực lượng 5.000 Cao Đài khác của trung tướng Nguyễn thành Phương về hợp tác, và trung đoàn giáo phái thứ năm được thành lập

– TRĐ 61 1-4-55

– BCH + ĐĐCV

— 546, 547, 548 TĐ

– nguồn gốc : nhóm 5.000 Cao Đài Nguyễn thành Phương (42)

Tuy nhiên, chính phủ thất bại trong việc quy nạp nhóm Hòa Hảo của đại tá Lê quang Vinh, được dự trù là ba tiểu đoàn bộ binh, khoảng 1.760 người.

Thắng Bình Xuyên và thu phục được Cao Đài, chính phủ ra tay với lực lượng Hòa Hảo miền Tây, xuyên qua những cuộc hành quân được khởi đầu từ tháng 6-1955.

Trong dịp này, thiếu tướng Hòa Hảo Nguyễn giác Ngộ hợp tác chặt chẽ với chính phủ. Lực lượng của ông lại được chấp thuận cho gia nhập quân đội quốc gia một trung đoàn nữa, đó là trung đoàn giáo phái thứ sáu được thành lập

— TRĐ 63 1-8-55

— BCH + ĐĐCV

— 550, 551, 552 TĐ

— nguồn gốc : nhóm 2.000 Hòa Hảo Nguyễn giác Ngộ.

Lúc này, các lãnh tụ giáo phái mất hết ưu thế trong việc thỏa hiệp với chính phủ.

Chính phủ giải tán Quân đoàn Cao Đài (người Cao Đài dịch chữ phalange caodaiste là quân đoàn) hủy bỏ tất cả các độc quyền dành cho quân đội giáo phái.

Trong một văn thư phổ biến vào tháng 7-1955, chính phủ kêu gọi các nhóm giáo phái phải sớm hoàn tất việc sát nhập trước ngày 1-10-1955, thời hạn chót. Sau thời hạn này, chỉ có quân đội quốc gia mới có quyền mang binh phục, những người nào mang trái phép sẽ bị bắt và truy tố trước pháp luật.

(42) Ngoài số quân dùng thành lập trung đoàn, số còn lại gia nhập với tư cách cá nhân.



Thiếu tướng Nguyễn giác Ngộ hợp tác chọn chẽ với chính phủ Hình chụp ông trong một cuộc họp báo.

Ngày 1-8-1955, chính phủ giải tán các bộ chỉ huy và cơ cấu trực thuộc của giáo phái, để vấn đề thống nhất quân lực được dễ dàng.

Riêng đối với vấn đề sát nhập này, chính phủ Việt Nam và phái bộ TRIM Hoa Kỳ sau nhiều lần thảo luận đã chấp thuận một số phụ trội 10.000 người dành riêng để thu nạp quân nhân giáo phái và ở ngoài số ấn định 150.000 người. Hoa Kỳ đài thọ ngân sách phụ trội và cho biết việc thực hiện phải hạn chế ở mức này vì không thể tăng thêm để tránh mọi vi phạm vào hiệp định Genève

Với cái khoản phụ trội 10.000 người, Bộ Tổng Tham Mưu dự trù thành lập 6 trung đoàn bộ binh giáo phái. Nếu số quân nhân giáo phái gia nhập đông hơn, sẽ cho gia nhập theo từng cá nhân vào quân đội.

Tới cuối năm 1955, Bộ Tổng Tham Mưu quyết định cho sát nhập vào quân đội một tổng số quân nhân giáo phái là 19 200 người.

Mùa thu năm 1955 chính phủ còn tiếp nhận 2000 Hòa Hảo thuộc nhóm thiếu tướng Lâm thành Nguyên, và thành lập ra Tiểu đoàn 549 (1-8-1955). Việc thành lập Trung đoàn bộ binh số 59 cho nhóm Hòa Hảo Trần văn Soái bị bãi bỏ vì ông này chống lại quân chính phủ. Với phần xuất 3.000 người dành trước kia cho ông Soái, Bộ Tổng Tham Mưu tiếp xúc với trung tá Nguyễn văn Huê và thiếu tá Nguyễn thành Đây, là hai sĩ quan Hòa Hảo trong nhóm của ông Soái bỏ về hợp tác với chính phủ. Chính phủ đã tiếp nhận 1.600 thay vì 3.000 như trước, để thành lập ra các Tiểu đoàn 540 (1-3-1955) cho trung tá Huê, và Tiểu đoàn 539 (1-3-1955) cho thiếu tá Đây.

Với quân số 19.200 người, kế hoạch thành lập các đơn vị giáo phái được ấn định lại như sau

— Thành lập năm trung đoàn thay vì sáu với ba tiểu đoàn biệt lập gồm 9.128 người (theo cấp số của TRIM).

— Gia nhập với tính cách cá nhân 10.072 người.

* Xem kế hoạch thành lập các đơn vị và phân phối các quân nhân giáo phái (thiết lập ngày 31-1-1956).

X

LOẠI GIÁO PHÁI	Quân số sát nhập	Quân số thành lập đơn vị	SỐ HIỆU ĐƠN VỊ THÀNH LẬP	Quân số gia nhập tính cách cá nhân
– Nguyễn Thành Phương	8000	3188	TRĐ 58 với TĐ 533, 534, 535 TRĐ 61 với TĐ 546, 547, 548	4812
– Trịnh Minh Thế	2600	1485	TRĐ 60 với TĐ 542, 543, 544	1115
– Nguyễn Giác Ngộ	5000	2970	TRĐ 57 với TĐ 513, 522, 528 TRĐ 63 với TĐ 550, 551, 552	2030
– Nguyễn Văn Huê	1000	585	TĐ 540	415
– Tư Đây	600	450	TĐ 539	150
– Lâm Thành Nguyên	2000	450	TĐ 549	1550
	19.000	9.128		10.072

Sơ đồ kế hoạch thành lập đơn vị và phân phối quân nhân giáo phái (31-1-1956)

Tới đầu năm 1956, số gia nhập thực thọ chỉ có 9.006 người

Kết quả thấp kém này là do sự mất tin tưởng của các lãnh tụ giáo phái đối với chính phủ nên đã không có những sự hợp tác chặt chẽ, và hơn nữa các quân nhân giáo phái chỉ hưởng ứng lúc đầu, sau này thấy chính quyền áp dụng nhiều biện pháp khắt khe như việc khảo hạch, ấn định lại cấp bậc v.v... nên chán nản không chịu gia nhập nữa

Theo dõi việc thành lập các đơn vị giáo phái, ta thấy cách tổ chức của những đơn vị này thay đổi không ngừng. Việc thay đổi không ngoài những mục đích chính là

1) Phát triển hoặc thu hẹp tổ chức của các đơn vị giáo phái trong khuôn khổ của cấp khoản phụ trội 10.000 người

2) Thỏa mãn lúc đầu bằng một tổ chức lớn (bảng cấp số) để tránh những phản ứng của các nhóm giáo phái, sau từ chính thu hẹp lại.

So theo sơ đồ kế hoạch trên, ta thấy các sở đặc biệt, các trung tâm huấn luyện của giáo phái được dành cho lúc đầu, đã phải bãi bỏ hết và cấp số lý thuyết của các trung đoàn giáo phái lúc ban đầu cũng bị rút một cách quá đáng, tỷ dụ như trường hợp của

Trung đoàn 60 khi mới thành lập được dành một cấp số 2.609 người để tổ chức bộ chỉ huy, đại đội công vụ và bốn tiểu đoàn chiến đấu — nay rút còn 1.485 và trung đoàn chỉ còn ba tiểu đoàn

- Trung đoàn 58 khi mới thu nạp, được dành một cấp số 2.935, nay cả hai trung đoàn 58 và 61 chỉ có 3.188 người

Với các Tiểu đoàn 540, 539, 549 riêng rẽ trên, Bộ Tổng Tham Mưu định thành lập Trung đoàn bộ binh số 62 nhưng trung đoàn này đã không thành hình được, vì lẽ :

— Tiểu đoàn 540 được nhận một cấp số 975 người suýt soát với tổng số 1.000 được chấp thuận, nay có 585 người. Quân số này còn cao hơn các tiểu đoàn 539 và 549 chỉ có 450 người.

— Tiểu đoàn 539 Nguyễn thành Đây phải ngưng hoạt động do ông này chết. Tiểu đoàn không người chỉ huy, nhân viên bỏ ngũ, chỉ còn lại một số ít nên sau này bị giải tán.

— Tiểu đoàn 549 của nhóm Lâm thành Nguyên quy thuận cũng không thành lập được, vì quy tụ mãi mà bất thành, chỉ có trên 200 người nên cũng giải tán.

— Tiểu đoàn 540 Nguyễn văn Huê không quy tụ nổi 400 người, bởi vì một số binh sĩ của ông Huê đã bỏ theo ông Soái (43)

Các bảng cấp số đơn vị giáo phái thay đổi luôn luôn, mãi tới đầu năm 1956 mới đứng vững. Quân số của mỗi tiểu đoàn giáo phái sau chót được ấn định 450 người, mỗi bộ chỉ huy và đại đội công vụ 135 người, đại đội trọng pháo 140 người. Một trung đoàn bộ binh giáo phái theo lý thuyết có 1.625 người. Đại đội trọng pháo ít lâu sau lại bị bỏ, nên mỗi trung đoàn chỉ còn 1.485 người.

Các đơn vị giáo phái được coi như những đơn vị biệt lập, không được sư đoàn hóa và mặc nhiên trực thuộc hoàn toàn vào thành phần tổng trừ bị, tuy nhiên không nhất thiết được đặt ở Đệ I quân khu, khi cần có thể điều động ra khỏi quân khu này.

Về phương diện huấn luyện, chính quyền cho áp dụng những biện pháp sau đây:

- Mỗi đơn vị giáo phái hay cá nhân khi gia nhập quân đội quốc gia đều phải qua một khóa huấn luyện hoàn hảo tại TTHL Quang Trung.

- Các sĩ quan và hạ sĩ quan giáo phái phải qua một cuộc khảo sát để định lại cấp bậc.

Thường thường sau các khóa học, các sĩ quan và hạ sĩ quan giáo phái đều bị đánh tụt cấp vì tỏ ra kém khả năng. Các trung úy, thiếu úy bị đánh tụt xuống cấp thượng sĩ hoặc thượng sĩ 1, nghĩa là mỗi quân nhân giáo phái bị đánh tụt tới hai cấp, có khi tới ba cấp. Chỉ riêng các sĩ quan giáo phái theo học trường Đà Lạt và Thủ Đức từ trước đó được miễn khảo hạch và vẫn giữ nguyên cấp bậc cũ. Thành phần này chỉ có khoảng trên 100 người. Người Pháp đã cho các sinh viên sĩ quan giáo phái được học trường Đà Lạt kể từ khóa 3. Tuy nhiên, cũng có một số ít các sĩ quan giáo phái được giữ nguyên cấp bậc, những người này hoặc đã chứng tỏ có khả năng, hoặc được các cấp tướng lãnh quốc gia che chở, cho điểm tốt và không gửi vào các khóa hoàn hảo, nên đã duy trì được cấp bậc cũ.

Sau khi huấn luyện, các đơn vị giáo phái hầu hết phải đổi đi xa:

— Trung đoàn 60 đi chuyển lên Cao Nguyên.

— Các Trung đoàn 57, 58 và 61 đổi ra miền Trung.

— Riêng Trung đoàn 63 là trung đoàn duy nhất được giữ lại ở miền Nam, nhưng phải di chuyển lên đóng tại miền Đông (44)

Các binh sĩ giáo phái đổi đi xa rất bất mãn, nhiều người đào ngũ, trở lại miền Nam làm ăn. Các trung đoàn giáo phái khi ở miền Trung thường công khai tỏ thái độ chống đối chính quyền.

Do đó, Bộ Tổng Tham Mưu đã phải nhiều lần mang vấn đề này ra bàn lại.

Trong một phiếu trình, Bộ Tổng Tham Mưu đề nghị giải tán các đơn vị giáo phái để sát nhập quân số vào các sư đoàn khinh chiến lúc đó đang thiếu hụt. Nhưng vị nguyên thủ quốc gia lại ngập ngừng và không muốn có một sự quyết định như vậy. Sự ngập ngừng này đã khiến tình hình các đơn vị giáo phái thêm suy sụp, và đã khiến các sĩ quan giáo phái thêm chống đối và làm cho binh sĩ giáo phái thêm chán nản, bỏ trốn rất nhiều.

Kết cuộc, đến ngày 16-9-1956, Bộ Tổng Tham Mưu đã ra lệnh giải tán Trung đoàn 63 và Tiểu đoàn 540 ở trong Nam. Tiếp đó, ngày

(43) Giữa ông Huê và Soái đã có những xích mích nội bộ từ lâu. Việc xích mích này lại bùng nổ vào lúc chính quyền cho sát nhập 3.000 người thuộc nhóm ông Soái vào quân đội quốc gia. Lúc ấy ông Huê chỉ huy Liên đoàn 10 Hòa Hảo đóng tại Long Xuyên, đi qua mặt ông Soái, tiếp xúc ngay với nhân viên chính quyền. Ông Huê xin cho 1.000 quân dưới quyền ông gia nhập quân đội quốc gia. Bộ Tổng Tham Mưu chấp thuận ngay, và sự kiện này đã khiến ông Soái nổi giận, gửi thư phản đối cho rằng ông là tổng tư lệnh quân đội Hòa Hảo và là ủy viên trong hội đồng quốc phòng (?) thì mọi việc thuộc Hòa Hảo không thể vượt qua thẩm quyền quyết định của ông được. Bộ Tổng Tham Mưu lúc đó đã phải nhượng bộ ông Soái, vẫn dành cho ông cấp khoản 3.000 trong khi đó cũng vẫn dành cho ông Huê cấp khoản 1.000 người. Sau khi xảy ra cuộc chiến tranh nội bộ, vấn đề 3.000 người của ông Soái không được đề cập đến nữa, và Trung đoàn số 59 được dự trù thành lập cũng bỏ luôn. Một phần cấp khoản trên được dành cho các ông Huê và Đây.

(44) Tướng Nguyễn Giác Ngộ luôn luôn tỏ thiện chí hợp tác với chính quyền. Ông Ngộ đã cung cấp quân đầy đủ thành lập hai trung đoàn mà còn cung cấp thêm để gia nhập theo tính cách cá nhân. Nói về ông Ngộ, người ta cho rằng ông là một lãnh tụ giáo phái có nhiều cảm tình với chính quyền nhất, và đã tỏ ra là người có tinh thần quốc gia rộng rãi, không bị chi phối bởi những quyền lợi nhỏ nhen của phe phái. Chính ông Ngộ, trong một văn thư gửi cho chính phủ, đã quan niệm việc sát nhập bộ đội của ông như sau: « quân đội Nguyễn Trung Trực không phải là lực lượng bổ túc của quân đội Pháp, nó chính là một lực lượng đầu tiên của quốc gia Việt Nam, nay chính quy hóa nó vào quân đội chỉ có nghĩa là biến các đơn vị này từ hình thức bổ túc sang quy chế chính quy, chứ không phải là mới gia nhập vào quân đội quốc gia ». Do đó mà từ lúc khởi đầu, chính quyền dành cho ông thành lập một trung đoàn, ông không vừa lòng xin thành lập thêm những bốn trung đoàn, và đã được thỏa mãn thêm một trung đoàn thứ hai.

1-1-57, giải tán tất cả các trung đoàn bộ binh giáo phái tại miền Trung và miền Cao nguyên, để sát nhập vào các đơn vị chính quy

Đến đây, ta có thể nói là các đơn vị giáo phái đã mất hết tính chất riêng biệt của những tập thể và của những quân đội trong một quân đội. Trong quân đội quốc gia, chỉ còn có những cá nhân giáo phái, gồm đủ các thành phần từ tướng lãnh, sĩ quan, hạ sĩ quan đến các binh sĩ phục vụ. Những người này đã mau chóng đồng hóa với tập thể quân đội và không còn có một sự xáo trộn nào về giáo phái xảy ra trong quân đội nữa

Đối với một vài cấp lãnh đạo quân sự giáo phái, chính phủ hồi đó tuy không giao cho giữ những chức vụ quan trọng, nhưng cũng có tạo cho những vị này những chỗ ngồi xứng đáng. Vì vậy, Bộ Tổng Tham Mưu đã tạo ra hai cơ quan làm việc : một cơ quan được gọi là Sở du kích chiến và một cơ quan khác là Sở phản du kích chiến. Sở du kích chiến được giao cho thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ làm giám đốc. Sở phản du kích chiến được giao thiếu tướng Văn Thành Cao, là người đã được thủ tướng Ngô đình Diệm thăng cấp tướng để thay cố trung tướng Trình Minh Thế chẳng may đã tử trận (15)

4. CÁC TRUNG ĐOÀN ĐỊA PHƯƠNG

Các trung đoàn địa phương được thành lập kể từ 1-8-1955 do nghị định số 627 QP/NĐ ngày 11-8-1955.

Có tất cả 13 trung đoàn địa phương được thành lập và phân chia cho các quân khu như sau

— Đệ I QK 8 trung đoàn — đánh số từ 130 đến 137

— Đệ II QK 2 trung đoàn — các số 161 và 162

— Đệ III QK 3 trung đoàn — các số 181, 182 và 183

Các đơn vị vệ binh Nam Việt được chính thức giải tán và cải biến thành 20 tiểu đoàn địa phương (NĐ 610 QP/NĐ ngày 8-8-55), cộng thêm với một số tiểu đoàn địa phương tân lập tạo thành 8 trung đoàn địa phương kể trên. Các tiểu đoàn địa phương được đánh số từ 570 đến 593 để ghép vào trung đoàn.

Trung đoàn địa phương số 161 với thành phần cơ hữu gồm các tiểu đoàn 11, 45, 46 và trung đoàn địa phương số 162 với các tiểu đoàn 41, 42 và 43 đều là các BVN gốc vệ binh Trung Việt được ghép lại

Thủ tướng Diệm gắn cấp bậc thiếu tướng cho ông Văn thành Cao tại dinh Độc Lập



Trung đoàn địa phương số 181 với các tiểu đoàn sơn cước số 3, 4 và 2 — Trung đoàn địa phương số 182 với các BVN 55, 81 và tiểu đoàn Sơn cước số 7 — Trung đoàn địa phương 183 với các BVN 82, 85 và TĐKQ 809, là những trung đoàn được kết hợp với đa loại tiểu đoàn còn lại không được sư đoàn hóa.

H. CÁC SƯ ĐOÀN BỘ BINH

1. SƯ ĐOÀN VIỆT NAM

Kể từ đầu tháng 7-1952, sau khi thành lập các quân khu, các sư đoàn bộ binh đầu tiên xuất hiện và được gọi là các sư đoàn Việt Nam (la division Vietnamienne).

Lúc đó có kế hoạch thành lập tám sư đoàn Việt Nam, riêng năm 1952, thành lập năm, có thể thêm hai nếu các đồ trang bị của Mỹ kịp thời viện trợ được gởi tới.

Cuối năm 1952, sáu sư đoàn Việt Nam thành hình. Đây là những sư đoàn được ghép bằng các tiểu đoàn BVN cũng mới được thành hình do sự chuyển giao từ quân đội Liên Hiệp Pháp.

Giữa năm 1953, sư đoàn thứ bảy đang được thành hình lại bị bỏ dở. Các tiểu đoàn bộ binh rời bỏ các sư đoàn Việt Nam chuyển sang thành lập các liên đoàn lưu động.

Rồi từ các liên đoàn lưu động và lưu động nhẹ, vào cuối năm 1954 các tiểu đoàn lại chuyển, để kết hợp thành các trung đoàn và ý tưởng thành lập các trung đoàn bộ binh được thành hình một cách quy mô, để từ đó kết hợp thành các sư đoàn bộ binh. Diễn biến thành hình các sư đoàn như vậy đã trải qua hai thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là sự thành hình của sư đoàn Việt Nam và thời kỳ thứ hai là sự kết hợp các trung đoàn bộ binh để thành lập các sư đoàn bộ binh. Giữa hai loại sư đoàn này đã có những sự khác biệt rõ rệt

— Sư đoàn Việt Nam tạo lập năm 1952 chỉ là một đơn vị lãnh thực, không có hệ thống chỉ huy chặt chẽ; chưa phải là một đại đơn vị chiến thuật, bởi vì toàn bộ sư đoàn không hành quân. Sư đoàn lúc ấy được đặt ra chỉ là để đáp ứng theo đề nghị của người Mỹ, họ đã coi sư đoàn, ngoài tác dụng tác chiến như là một tiêu chuẩn để xác định việc viện trợ

Còn người Pháp lúc đó có một quan niệm khác hẳn. Theo ý họ, nhu cầu chiến trường chỉ đòi hỏi ở cấp tiểu đoàn hoặc liên tiểu đoàn miễn là các đơn vị này được hưởng mọi ưu thế về hỏa lực yểm trợ chứ chưa cần sử dụng đến cấp sư đoàn.

— Ngược lại, sư đoàn bộ binh được thành lập về sau, hoàn toàn là những đại đơn vị chiến thuật, có hệ thống chỉ huy chặt chẽ, nghĩa là sư đoàn chỉ huy qua các cấp trung gian là trung đoàn để tới các tiểu đoàn. Các sư đoàn bộ binh này được coi như là những thành phần chiến đấu nòng cốt của quân lực

Các sư đoàn Việt Nam đã được tổ chức dựa theo tầm quan trọng chiến lược của quân khu. Bởi vậy số sư đoàn ấn định cho mỗi quân khu khác nhau và được phân chia như sau

— Đệ 1 quân khu Sư đoàn số 1 và 6
— Đệ 2 quân khu Sư đoàn số 2
— Đệ 3 quân khu Sư đoàn số 3, 5 và 7
— Đệ 4 quân khu Sư đoàn số 4

Trên thực tế, không có bộ tham mưu sư đoàn, bộ tham mưu quân khu đảm trách luôn vai trò này. Mỗi sư đoàn Việt Nam cấu tạo với một thành phần như sau

— Bộ tư lệnh do bộ tư lệnh quân khu điều khiển
— Một đại đội truyền tin.
— Một đại đội vận tải.
— Một đại đội trung hạng sửa chữa
— Đại đội quân y lưu động.
— Toán di tản và tải thương.
— Một chi đoàn thám thính xa (ERVN)
— Một tiểu đoàn pháo binh (GAVN)
— Chín tiểu đoàn bộ binh.

Thành phần các tiểu đoàn bộ binh trong các sư đoàn Việt Nam được ấn định như sau

(45) Đối với binh đội giáo phái sát nhập quân đội, cũng cần kể tới một số cán bộ Cao Đài được sát nhập quân đội quốc gia từ giữa năm 1953. Theo chương trình bồi đào, cấp lãnh đạo Cao Đài đã đồng ý cho 1,000 cán bộ quân sự Cao Đài kể cả sĩ quan và hạ sĩ quan gia nhập quân đội quốc gia để làm cán bộ bổ sung cho các TĐKQ mới thành lập. Các cán bộ sĩ quan Cao Đài được phân phối cho các TĐKQ trên toàn quốc, kể cả tại Bắc Việt. Những sĩ quan này tuy mang cấp thiếu úy nhưng chỉ được lãnh lương chuẩn úy.

NAM VIỆT		TRUNG VIỆT	BẮC VIỆT			CAO NGUYÊN	Chưa ấn định cho Quân Khu nào
SĐ1VN	SĐ6VN	SĐ2VN	SĐ3VN	SĐ5VN	SĐ7VN	SĐ 4 VN	SĐ 8 VN
1BVN	61 BVN	7 BVN	2 BVN	22 BVN	71 BVN	1 BM	81 BVN
3 -	62 -	8 -	4 -	26 -	72 -	2	82 -
5 -	63 -	12 -	6 -	53 -	73 -	3 -	83 -
11 -	64 -	23 -	9 -	54 -	74 -	4 -	84 -
13 -	65 -	24 -	10 -	55 -	75 -	5 -	85 -
15 -	66 -	25 -	14 -	56 -	76 -	6 -	86 -
17 -	67 -	27 -	16 -	57 -	77 -	7 -	87 -
19 -	68 -	29 -	18 -	58 -	78 -	8 -	88 -
21 -	69 -	30 -	20 -	59 -	79 -	9 -	89 -

Sơ đồ thành phần các tiểu đoàn bộ binh trong các sư đoàn Việt Nam..

Các đơn vị chuyên môn, pháo binh và thiết giáp thuộc sư đoàn cũng được chuyển từ quân đội Liên hiệp Pháp sang, có một phần được tân lập.

Ngoài những thành phần trên, một vài sư đoàn Việt Nam còn có những thành phần phụ thuộc rất phức tạp. Ví dụ như Sư đoàn 2 Việt Nam còn có cả :

— Đại đội lao công hành chánh (Cie d'ouvriers d'administration).

— Trung tâm huấn luyện

— Trường thiếu sinh quân.

Nghĩa là sư đoàn này đã bao gồm tất cả những đơn vị nằm trong lãnh vực của quân khu, sự chỉ huy giữa sư đoàn và quân khu hơi thế đã lẫn lộn và trùng nhiệm.

Đúng ra, người ta chỉ biết tới quân khu mà không biết tới sư đoàn, vì trên các văn kiện, các tư lệnh quân khu chỉ ký dưới ấn hiệu của quân khu mà không đả động gì tới sư đoàn. Nhưng ngược lại, viên tướng De lange, tư lệnh quân đội Pháp miền Cao Nguyên, mỗi khi gửi văn thư cho Bộ Tổng Tham Mưu lại ký dưới danh hiệu là tư lệnh Sư đoàn 4 Việt Nam. Quyền chỉ huy quân khu này vẫn do Pháp giữ trọn nên họ đã mượn danh nghĩa là tư lệnh Sư đoàn 4 Việt Nam để tiện giao dịch với các cơ quan quân sự người Việt.

Các sư đoàn Việt Nam đã từ từ cải biến và không có một văn kiện nào liên quan tới sự giải tán của các sư đoàn này để lại.

2. SƯ ĐOÀN BỘ BINH

Sau ngày đình chiến, Bộ Tổng Tham Mưu đã nghĩ đến việc thành lập ra một binh đoàn chủ lực gồm có chín sư đoàn bộ binh và một sư đoàn nhảy dù.

Công việc này được dự trù từ giữa năm 1954 với việc thành lập tiên khởi một số các trung đoàn bộ binh. Việc rút quân miền Bắc vào miền Nam cũng đáp ứng với kế hoạch này hầu làm sao tạo cho việc phân phối các đơn vị trên toàn quốc thích ứng được với kế hoạch thiết lập các trung và sư đoàn mà không gây nên một sự xáo trộn nào cho công cuộc phòng thủ diện địa tại Nam vĩ tuyến 17.

Khởi sự, cuối năm 1954, có rất nhiều văn kiện phổ biến liên quan tới việc thành lập sáu sư đoàn bộ binh, đặt theo danh hiệu sau đây

— Sư đoàn 11 bộ binh

— Sư đoàn 21 bộ binh

— Sư đoàn 31 bộ binh

— Sư đoàn 4 bộ binh Sơn cước

— Sư đoàn 6 bộ binh Nùng

— Sư đoàn 1 bộ binh Ngự lâm quân.

Những sư đoàn này, theo thứ tự như trên, đã được dự trù phối trí tại Saigon, Huế, Quảng Ngãi, Pleiku, Sông Mao và Đà Lạt (46).

Nhưng tới 15-12-1954, ý định thành lập những sư đoàn này phải tạm dời lại, với lý do là tài khoản viện trợ quân sự niên khóa 1955 chưa được Hoa Kỳ cho biết. Trong khi chờ đợi các quyết định về quân số mới, Bộ Quốc phòng cho thành lập ba sư đoàn bộ binh thay vì sáu, và một liên đoàn nhảy dù. Do đó kể từ 1-1-1955, chỉ có ba sư đoàn bộ binh được xúc tiến thành lập với các danh hiệu được mang như sau

— Sư đoàn 21 bộ binh

— Sư đoàn 31 bộ binh

— Sư đoàn 32 bộ binh (47).

Tới đây thì quân đội quốc gia phải trải qua một cơn khủng hoảng, vì người Mỹ muốn tài giảm quân số của thời chiến xuống thời bình, tuy nhiên lại muốn thành lập một binh đoàn chủ lực, mà nòng cốt là việc thành lập các sư đoàn khả dĩ có thể chống được quân xâm lăng

Tới tháng 2-1955, trong khi các phái đoàn Việt — Pháp — Mỹ còn đang bàn cãi về các kế hoạch quân số mới, một sư đoàn thứ tư được thành lập ngoài chương trình quân số 90.000 người, đó là

— Sư đoàn 6 bộ binh tức sư đoàn Nùng.

(ND số 040 QP/ND ngày 10-2-55).

Đây là một vấn đề bất khả kháng đối với Việt Nam lúc đó, bởi vì sư đoàn này đã được thành hình từ sau đình chiến, buộc Mỹ phải đồng ý cho thành lập. Sư đoàn Nùng được khai sinh tại Sông Mao với một số quân tập trung là 8.400 người toàn thuộc gốc Nùng và được đặt dưới quyền chỉ huy của đại tá Voòng a Sáng.

Khi thành lập thêm sư đoàn này, cả hai bên Việt Mỹ đều thỏa thuận bố trí chiến lược các sư đoàn như sau

— Một sư đoàn ở bên kia đèo Hải Vân để bảo vệ miền giới tuyến và các thành phố ở phía này, nhất là thành phố Huế, một thành phố có tầm quan trọng về phương diện chính trị

— Hai sư đoàn ở tại các vùng Quảng Nam — Quảng Ngãi và Bình Định, để tham gia công cuộc bình định những vùng đất mới tái chiếm.

— Một sư đoàn được đặt là thành phần tổng trừ bị của Quân Khu 2 và Quân Khu 4, để bảo vệ thành phố Nha Trang.

Theo sự bố trí chiến lược này, Sư đoàn 21 sẽ đóng tại Huế, Sư đoàn 31 tại Quảng Ngãi, Sư đoàn 32 tại Quảng Nam và Sư đoàn 6 tại sông Mao. Đồng thời, Mỹ chấp nhận quan điểm của Việt Nam, coi liên đoàn nhảy dù như một thành phần tổng trừ bị nhưng chỉ được lưu giữ bốn tiểu đoàn. Liên đoàn nhảy dù sẽ được đưa về đóng xung quanh vùng Saigon, để vừa được hưởng các doanh trại và những phương tiện huấn luyện nhảy dù của Pháp để lại, vừa được ở gần phi trường Tân sơn Nhứt.

Tới 1-7-1955, kế hoạch quân số 150.000 người được áp dụng, và trong việc cải tổ các đơn vị bộ binh theo kế hoạch mới, các sư đoàn bộ binh đã được thành lập chia ra làm hai loại

— Loại dã chiến với tổng số là 4 sư đoàn

— Loại khinh chiến với tổng số là 6 sư đoàn.

Kể từ 1-8-1955, bốn sư đoàn bộ binh số 21, 31, 32 và 6 Nùng đã được thành lập từ trước đó đổi thành sư đoàn dã chiến, đồng thời sáu sư đoàn khinh chiến mang từ số 1 đến số 6 được thành lập (ND 612 QP/ND ngày 8-8-55).

Trên quan niệm chiến lược, bốn sư đoàn dã chiến được phối trí lại như sau

— Hai sư đoàn ở tại miền Bắc Trung Việt để đương đầu với mọi sự xâm lăng của địch từ phía bên kia vĩ tuyến 17

(46) 18 trung đoàn bộ binh được thành lập cuối năm 1954 nằm trong kế hoạch sư đoàn bốn; do đó danh hiệu của một số trung đoàn trong khi đặt đã có những liên hệ với danh hiệu của các sư đoàn.

(47) Các sư đoàn này được thành lập do nghị định số 013 QP/ND ngày 17-1-1955. Sư đoàn 21 là biến thân của Liên đoàn lưu động số 21 thành lập tại Huế. Sư đoàn 31 là biến thân của Liên đoàn lưu động số 31 được thành lập tại Quảng Ngãi. Khi mới thành lập, sư đoàn này chỉ mới có một trung đoàn cơ hữu hiện diện là trung đoàn bộ binh số 156, nên được tăng phái Trung đoàn bộ binh số 31 thuộc thành phần cơ hữu của sư đoàn 32, cùng một chi đoàn thiết giáp để tham gia chiến dịch tiếp thu Quảng Ngãi— Bình Định. Sư đoàn 31 về sau phải chuyển vào Nam, khi đi đã để lại ở miền Trung tất cả các đơn vị chiến đấu cơ hữu, chỉ di chuyển bộ tham mưu và một vài đơn vị chuyên môn, rồi kết hợp với các đơn vị chiến đấu đã có sẵn ở trong Nam mà cấu tạo nên sư đoàn này. Sư đoàn 32 là tiền thân của Liên đoàn lưu động số 32 thành lập ở Quảng Nam, ngay sau khi thành lập đã di chuyển vào hành quân tại Quảng Ngãi. Các sư đoàn 31 và 32 đều thu hết các đơn vị xuất xứ từ miền Bắc di cư vào.

— Một sư đoàn ở tại miền Nam Trung Việt để tiếp ứng ngăn chặn địch xâm lăng vùng Cao nguyên.

— Một sư đoàn sau cùng làm lực lượng tổng trừ bị đặt tại miền Đông Nam Việt, để ngăn cản các sự xâm nhập của địch từ vùng biên giới Tây Ninh có thể xảy ra.

Còn sáu sư đoàn khinh chiến được đóng như sau:

— Hai sư đoàn tại miền Hậu Giang sinh lầy.

— Hai sư đoàn tại miền Duyên hải Trung Việt đóng dựa theo các quốc lộ tiến vào Cao nguyên.

— Và hai sư đoàn khác, một ở vùng rừng núi Kontum và một ở tại vùng địa đầu giới tuyến, được coi là địa điểm chiến lược quan trọng để phụ giúp cho các sư đoàn dã chiến tại đó.

Áp dụng theo kế hoạch này, các sư đoàn dã chiến số 21, 32 và 6 Nùng đóng nguyên tại chỗ, riêng sư đoàn dã chiến số 31 được lệnh chuyển vào Nam đóng tại Biên Hòa.

Các sư đoàn khinh chiến số 1 được thành lập tại Long Xuyên sau chuyển về Sa Đéc — số 2 tại Kontum — số 3 tại Thủ Dầu Một sau chuyển lên bến Kéo Tây Ninh — số 4 tại Ban mê Thuột sau dời ra Qui Nhơn — số 5 tại Dục Mỹ, đầu quốc lộ số 21 và số 6 tại Quảng Trị.

Một biến chuyển nhỏ về việc đổi danh số sư đoàn dã chiến đã xảy ra ngay khi ấy. Sư đoàn dã chiến số 6 Nùng được đổi thành Sư đoàn dã chiến số 11 và Sư đoàn dã chiến số 31 đổi thành sư đoàn dã chiến số 11 cho hợp với quân khu trú đóng. Các Sư đoàn 21 và 31 vẫn giữ nguyên danh số như cũ.

Tới tháng 10-1955, do một đề nghị của TRIM trong ý hướng muốn các đơn vị chủ lực không còn mang tính chất địa phương, mà tính chất này chỉ nên dành cho các đơn vị hoàn toàn địa phương, bộ Tổng Tham Mưu đã đồng ý và cho phổ biến SVVT số 3.753 TTM/1/1/SC ngày 17-9-55, cải danh các sư, trung và tiểu đoàn thuộc lực lượng chủ lực theo một phương pháp thống nhất như sau:

— Các sư đoàn dã chiến = đánh số từ 1 đến 4.

— Các sư đoàn khinh chiến = đánh số từ 11 đến 16.

— Các trung đoàn trong sư đoàn dã chiến = đánh số từ 1 đến 12.

— Các trung đoàn trong sư đoàn khinh chiến = đánh số từ 31 đến 48.

— Các tiểu đoàn trong mỗi trung đoàn = đánh số từ 1 đến 3.

— Các đơn vị chuyên môn = đánh theo danh số của sư đoàn.

(Xem bảng kê thành phần kết hợp của các sư đoàn theo danh hiệu được sửa đổi).

Thành phần kết hợp của sư đoàn với danh hiệu cũ	**Thành phần kết hợp của sư đoàn với danh hiệu mới**
Sư đoàn dã chiến số 21	— *Sư đoàn dã chiến số 1*
— Trung đoàn bộ binh số 21	— Trung đoàn bộ binh số 1
— Tiểu đoàn 8	— Tiểu đoàn 1/1
— Tiểu đoàn 28	— Tiểu đoàn 2/1
— Tiểu đoàn 56	— Tiểu đoàn 3/1
— Trung đoàn bộ binh số 22	— **Trung đoàn bộ binh số 2**
— Tiểu đoàn 23	— Tiểu đoàn 1/2
— Tiểu đoàn 27	— Tiểu đoàn 2/2
— Tiểu đoàn 30	— Tiểu đoàn 3/2
— Trung đoàn bộ binh số 23	— **Trung đoàn bộ binh số 3**
— Tiểu đoàn 7	— Tiểu đoàn 1/3
— Tiểu đoàn 12	— Tiểu đoàn 2/3
— Tiểu đoàn 24	— Tiểu đoàn 3/3
— Tiểu đoàn pháo binh số 2	— Tiểu đoàn pháo binh số 1

— *Sư đoàn dã chiến số 32*

— Trung đoàn bộ binh số 32

Tiểu đoàn 6

— Tiểu đoàn 10

— Tiểu đoàn 20

— Trung đoàn bộ binh số 155

— Tiểu đoàn 14

— Tiểu đoàn 18

Tiểu đoàn 26

— Trung đoàn bộ binh số 31

— Tiểu đoàn 2

— Tiểu đoàn 9

— Tiểu đoàn 59

— Tiểu đoàn pháo binh số 5

— *Sư đoàn dã chiến số 41*

— Trung đoàn bộ binh số 34

— Tiểu đoàn 57

— Tiểu đoàn 86

— Tiểu đoàn 87

— Trung đoàn bộ binh số 35

— Tiểu đoàn 72

— Tiểu đoàn [illegible]

— Tiểu đoàn 68

— Trung đoàn bộ binh số 36

— Tiểu đoàn 33

— Tiểu đoàn [illegible]

— Tiểu đoàn 89

— Tiểu đoàn pháo binh số 6

— ***Sư đoàn dã chiến số 11 (31 cũ)***

— **Trung đoàn bộ binh số 51**

— **Tiểu đoàn 16**

— **Tiểu đoàn 50**

— **Tiểu đoàn 719**

— **Trung đoàn bộ binh 52**

— **Tiểu đoàn 54**

— **Tiểu đoàn 704**

— **Tiểu đoàn 713**

— Trung đoàn bộ binh số 154

— Tiểu đoàn 22

— Tiểu đoàn 58

— Tiểu đoàn 76

Tiểu đoàn pháo binh số 3

— *Sư đoàn dã chiến số 2*

— Trung đoàn bộ binh số 44

— Tiểu đoàn 1/4

— Tiểu đoàn 2/4

— Tiểu đoàn 3/4

— Trung đoàn bộ binh số 5

— Tiểu đoàn 1/5

— Tiểu đoàn 2/5

— Tiểu đoàn 3/5

— Trung đoàn bộ binh số 6

— Tiểu đoàn 1/6

— Tiểu đoàn 2/6

— Tiểu đoàn 3/6

— Tiểu đoàn pháo binh số 2

— *Sư đoàn dã chiến số 3*

— Trung đoàn bộ binh số 7

— Tiểu đoàn 1/7

— Tiểu đoàn 2/7

— Tiểu đoàn 3/7

— Trung đoàn bộ binh số 8

— Tiểu đoàn 1/8

— Tiểu đoàn 2/8

— Tiểu đoàn 3/8

— Trung đoàn bộ binh số 9

— Tiểu đoàn 1/9

— Tiểu đoàn 2/9

— Tiểu đoàn 3/9

— Tiểu đoàn pháo binh số 3

— *Sư đoàn dã chiến số 4*

— Trung đoàn bộ binh số 10

— Tiểu đoàn 1/10

— Tiểu đoàn 2/10

— Tiểu đoàn 3/10

— Trung đoàn bộ binh số 11

— Tiểu đoàn 1/11

— Tiểu đoàn 2/11

— Tiểu đoàn 3/11

— Trung đoàn bộ binh số 12

— Tiểu đoàn 1/12

— Tiểu đoàn 2/12

— Tiểu đoàn 3/12

— Tiểu đoàn pháo binh số 4

— *Sư đoàn khinh chiến số 1*
— Trung đoàn bộ binh số 11
  — Tiểu đoàn 1
  — Tiểu đoàn 3
  — Tiểu đoàn 11
— Trung đoàn bộ binh số 101
  — Tiểu đoàn 5
  — Tiểu đoàn 13
  — Tiểu đoàn 66
— Trung đoàn bộ binh số 102
  — Tiểu đoàn 19
  — Tiểu đoàn 515
  — Tiểu đoàn 512

— *Sư đoàn khinh chiến số 2*
— Trung đoàn bộ binh số 103
  — Tiểu đoàn 15
  — Tiểu đoàn 21
  — Tiểu đoàn 511
— Trung đoàn bộ binh số 104
  — Tiểu đoàn 507
  — Tiểu đoàn 510
  — Tiểu đoàn 527
— Trung đoàn bộ binh số 105
  — Tiểu đoàn 518
  — Tiểu đoàn 519
  — Tiểu đoàn 520

— *Sư đoàn khinh chiến số 3*
— Trung đoàn bộ binh số 15
  — Tiểu đoàn 61
  — Tiểu đoàn 62
  — Tiểu đoàn 63
— Trung đoàn bộ binh số 12
  — Tiểu đoàn 64
  — Tiểu đoàn 65
  — Tiểu đoàn 68
— Trung đoàn bộ binh số 106
  — Tiểu đoàn 501
  — Tiểu đoàn 502
  — Tiểu đoàn 503

— *Sư đoàn khinh chiến số 4*
— Trung đoàn bộ binh số 401
  — Tiểu đoàn 90
  — Tiểu đoàn 91
  — Tiểu đoàn 73

— *Sư đoàn khinh chiến số 11*
— Trung đoàn bộ binh số 31
  — Tiểu đoàn 1/31
  — Tiểu đoàn 2/31
  — Tiểu đoàn 3/31
— Trung đoàn bộ binh số 32
  — Tiểu đoàn 1/32
  — Tiểu đoàn 2/32
  — Tiểu đoàn 3/32
— Trung đoàn bộ binh số 33
  — Tiểu đoàn 1/33
  — Tiểu đoàn 2/33
  — Tiểu đoàn 3/33

— *Sư đoàn khinh chiến số 12*
— Trung đoàn bộ binh số 34
  — Tiểu đoàn 1/34
  — Tiểu đoàn 2/34
  — Tiểu đoàn 3/34
— Trung đoàn bộ binh số 35
  — Tiểu đoàn 1/35
  — Tiểu đoàn 2/35
  — Tiểu đoàn 3/35
— Trung đoàn bộ binh số 36
  — Tiểu đoàn 1/36
  — Tiểu đoàn 2/36
  — Tiểu đoàn 3/36

— *Sư đoàn khinh chiến số 13*
— Trung đoàn bộ binh số 37
  — Tiểu đoàn 1/37
  — Tiểu đoàn 2/37
  — Tiểu đoàn 3/37
— Trung đoàn bộ binh số 38
  — Tiểu đoàn 1/38
  — Tiểu đoàn 2/38
  — Tiểu đoàn 3/38
— Trung đoàn bộ binh số 39
  — Tiểu đoàn 1/39
  — Tiểu đoàn 2/39
  — Tiểu đoàn 3/39

— *Sư đoàn khinh chiến số 14*
— Trung đoàn bộ binh số 40
  — Tiểu đoàn 1/40
  — Tiểu đoàn 2/40
  — Tiểu đoàn 3/40

— Trung đoàn bộ binh số 402
  — Tiểu đoàn 94
  — Tiểu đoàn 95
  — Tiểu đoàn 1
— Trung đoàn bộ binh số 403
  — Tiểu đoàn 92
  — Tiểu đoàn 93
  — Tiểu đoàn 31
— *Sư đoàn khinh chiến số 5*
— Trung đoàn bộ binh số 404
  — Tiểu đoàn 83
  — Tiểu đoàn 84
  — Tiểu đoàn 808
— Trung đoàn bộ binh số 405
  — Tiểu đoàn 803
  — Tiểu đoàn 804
  — Tiểu đoàn 807
— Trung đoàn bộ binh số 406
  — Tiểu đoàn 812
  — Tiểu đoàn 708
  — Tiểu đoàn 813
— *Sư đoàn khinh chiến số 6*
— Trung đoàn bộ binh số 201
  — Tiểu đoàn 25
  — Tiểu đoàn 48
  — Tiểu đoàn 601
— Trung đoàn bộ binh số 156
  — Tiểu đoàn 4
  — Tiểu đoàn 74
  — Tiểu đoàn 53
— Trung đoàn bộ binh số 203
  — Tiểu đoàn 47
  — Tiểu đoàn 702
  — Tiểu đoàn 52

— Trung đoàn bộ binh số 41
  — Tiểu đoàn 1/41
  — Tiểu đoàn 2/41
  — Tiểu đoàn 3/41
— Trung đoàn bộ binh số 42
  — Tiểu đoàn 1/42
  — Tiểu đoàn 2/42
  — Tiểu đoàn 3/42
— *Sư đoàn khinh chiến số 15*
— Trung đoàn bộ binh số 43
  — Tiểu đoàn 1/43
  Tiểu đoàn 2/43
  — Tiểu đoàn 3/43
— Trung đoàn bộ binh số 44
  — Tiểu đoàn 1/44
  — Tiểu đoàn 2/44
  — Tiểu đoàn 3/44
— Trung đoàn bộ binh số 45
  — Tiểu đoàn 1/45
  Tiểu đoàn 2/45
  Tiểu đoàn 3/45
— *Sư đoàn khinh chiến số 16*
Trung đoàn bộ binh số 46
  Tiểu đoàn 1/46
  — Tiểu đoàn 2/46
  — Tiểu đoàn 3/46
— Trung đoàn bộ binh số 47
  — Tiểu đoàn 1/47
  — Tiểu đoàn 2/47
  — Tiểu đoàn 3/47
— Trung đoàn bộ binh 48
  — Tiểu đoàn 1/48
  — Tiểu đoàn 2/48
  — Tiểu đoàn 3/48



△ *Vài điều chú thích về các sư đoàn bộ binh* — Tới cuối năm 1958, mười sư đoàn này rút xuống còn bảy sư đoàn, lại được cải thành bảy sư đoàn bộ binh giống nhau, không còn có các loại sư đoàn dã chiến và khinh binh khác biệt như trước nữa.

Trong việc cải tổ đó, Sư đoàn dã chiến số 3 đổi thành Sư đoàn 5 bộ binh — Sư đoàn dã chiến số 4 đổi thành Sư đoàn 7 bộ binh. Số hiệu của các Sư đoàn 1 và 2 giữ nguyên như cũ. Các Sư đoàn khinh chiến số 12, 13 và 16 bị giải tán. Còn các Sư đoàn khinh chiến số 11, 14 và 15 được thâu nhận quân số của các sư đoàn giải tán để cải tổ — Sư đoàn khinh chiến 11 thành Sư đoàn 21 bộ binh — Sư đoàn khinh chiến số 14 thành Sư đoàn 22 bộ binh — và Sư đoàn khinh chiến số 15 thành Sư đoàn 23 bộ binh.

3. SO SÁNH THÀNH PHẦN TỔ CHỨC GIỮA HAI SƯ ĐOÀN : DÃ CHIẾN VÀ KHINH CHIẾN

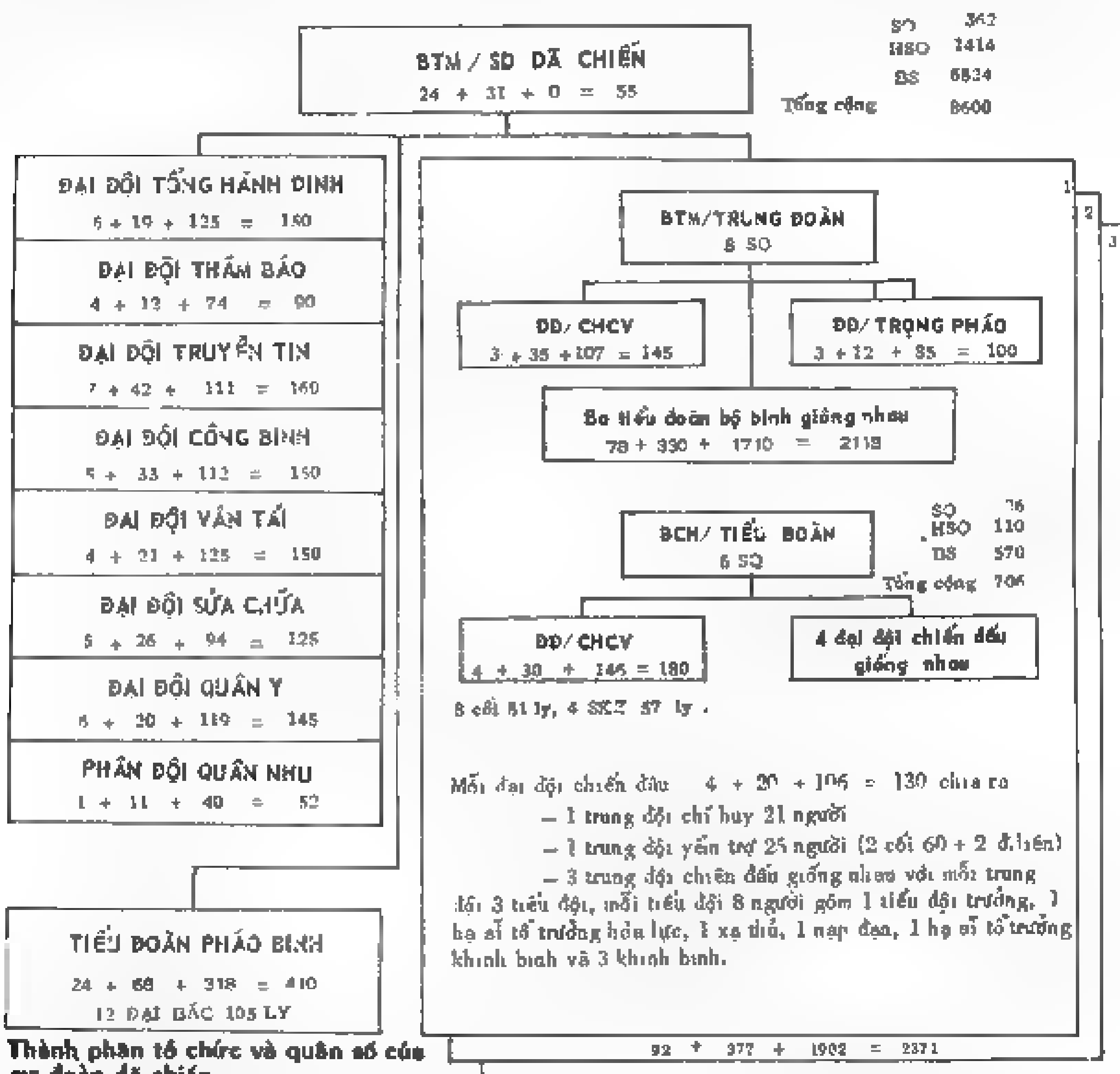
Việc thành lập hai sư đoàn dã chiến và khinh chiến được phát xuất từ quan niệm cho rằng cuộc chiến tranh sau này ngoài một trận tuyến công khai tất thế nào cũng đòi hỏi đến sự phối hợp của du kích chiến.

Các sư đoàn dã chiến thành lập để đương đầu với sự xâm lăng từ bên ngoài, theo lối chiến tranh cổ điển và trận địa. Các sư đoàn khinh chiến chỉ được thành lập với mục đích chiến thuật là du kích và phản du kích.

Sư đoàn dã chiến được trang bị đầy đủ như một sư đoàn bộ binh bình thường, còn sư đoàn khinh chiến lại trang bị rất nhẹ, bởi vì các sư đoàn này sẽ hoạt động trong những địa thế sình lầy, núi rừng và giao thông hạn chế

Sự khác biệt giữa các sư đoàn dã chiến và khinh chiến rất rõ rệt

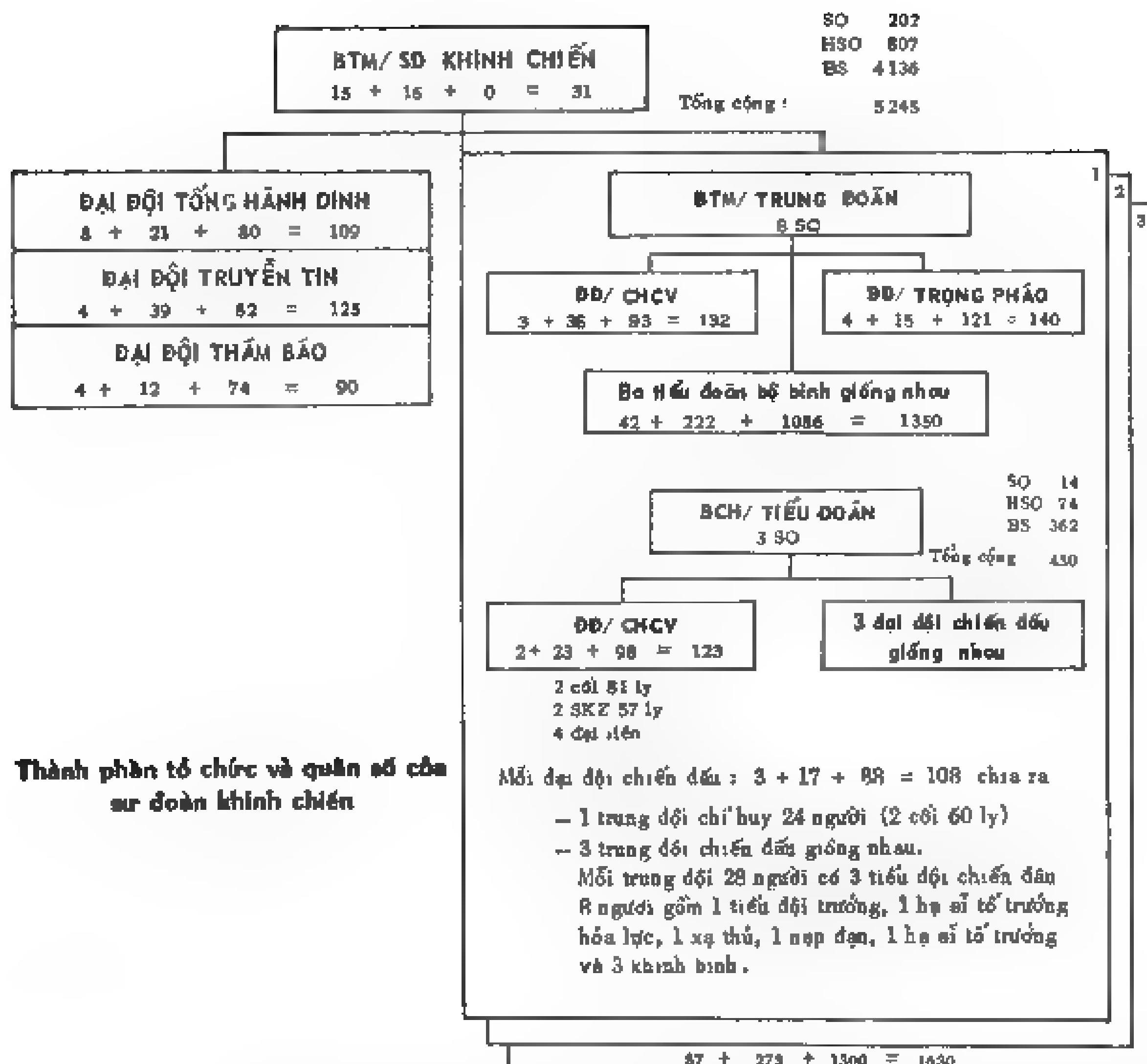
∆ Xem các sơ đồ tổ chức và quân số của các sư đoàn dã chiến và khinh chiến.



Thành phần tổ chức và quân số của sư đoàn dã chiến

Sư đoàn dã chiến có quân số lý thuyết 8.600 người, trong khi đó sư đoàn khinh chiến chỉ có 5.245 người (48) ; mỗi trung đoàn dã chiến có 273 người, trung đoàn khinh chiến chỉ có 1.630 ; tiểu đoàn dã chiến có 706 người, tiểu đoàn khinh chiến chỉ có 450 người. Các tiểu đoàn địa phương và giáo phái được hưởng quân số lý thuyết như các tiểu đoàn khinh chiến

Các Sư đoàn dã chiến được tổ chức với



Thành phần tổ chức và quân số của sư đoàn khinh chiến

đầy đủ các thành phần yểm trợ, kể cả một tiểu đoàn pháo binh 105 ly, trong khi đó sư đoàn khinh chiến chỉ có một đại đội truyền tin và một đại đội thám báo.

Các trung đoàn dã chiến và khinh chiến đều có đại đội trọng pháo nhưng đại đội trọng pháo của trung đoàn khinh chiến có những 140 người và 12 súng cối 81 ly, trong khi đó đại đội trọng pháo của trung đoàn dã chiến chỉ có 100 người với 8 súng cối 81 ly. Các đại đội trọng pháo của các trung đoàn địa phương và giao phái (kể cả đại đội trọng pháo của các TĐKQ trước kia) cũng được tổ chức như các đại đội trọng pháo của sư đoàn khinh chiến. Tiểu đoàn dã chiến có bốn đại đội chiến đấu, trong khi đó tiểu đoàn khinh chiến chỉ có ba đại đội. Nền tảng tổ chức của các đại đội dã chiến và khinh chiến đều giống nhau, vì mỗi trung đội chiến đấu đều có ba tiểu đội, với mỗi tiểu đội 8 nhân viên được chia làm hai tổ khinh binh và hỏa lực. Tuy nhiên, số vũ khí nặng trang bị cho các đại đội dã chiến và khinh chiến này tương đối có khác nhau một chút.

Các bảng cấp số của các sư đoàn dã chiến và khinh chiến được nghiên cứu dựa theo cấp khoản của kế hoạch quân số 150.000 ngàn người dành cho, nên hiển nhiên là sẽ thiếu thực tế đối với chiến trường. Sau này, khi đã thành lập xong, các sư đoàn vẫn được một phái bộ Việt — Mỹ tiếp tục nghiên cứu và trắc nghiệm, để tìm hiểu khả năng thực sự. Phái đoàn nghiên cứu và trắc nghiệm này đã chọn Sư đoàn dã chiến số 4 ở Biên Hòa để làm thí điểm.

(48) Cần phân biệt với sư đoàn bộ binh tổ chức đầu năm 1955 có cấp số lý thuyết : 295 sq + 1322 hsq + 7656 bs = 9273 người với mỗi trung đoàn lúc đó 81 + 381 + 2287 = 2749 người mỗi tiểu đoàn 33 + 110 + 696 = 839 người (giống BVN). Thành phần của sư đoàn bộ binh lúc ấy gồm có : bộ tham mưu + đại đội tổng hành dinh + đại đội thám báo + đại đội công binh + đại đội truyền tin + tiểu đoàn pháo binh (22 + 76 + 377 = 475)

Phi công Việt Nam đầu tiên thao diễn một chiếc Morane Saulnier trên bầu trời Nha Trang





CÁC QUÂN BINH CHỦNG CHIẾN ĐẤU VÀ YỂM TRỢ CHIẾN ĐẤU

△ KHÔNG QUÂN △ HẢI QUÂN △ THIẾT GIÁP △ PHÁO BINH △ XA BINH △ CÔNG BINH △ TRUYỀN TIN

CÁC QUÂN BINH CHỦNG CHIẾN ĐẤU VÀ YỂM TRỢ CHIẾN ĐẤU

1 KHÔNG QUÂN

NGÀNH không quân Việt Nam được thành lập bởi dụ số 9 ngày 25-6-1951. Tuy nhiên mãi đến ngày thành lập Bộ Tổng Tham Mưu, một cơ quan phụ trách về không quân gọi là Ban Không quân (Section Air) mới được tổ chức trong thành phần của bộ tham mưu này

Tháng 4-1952 trung tâm huấn luyện không quân thành lập tại Nha Trang, thì ngành không quân mới được kể là thành hình qua việc tổ chức hai khóa hoa tiêu và cơ khí viên đầu tiên. Khóa hoa tiêu mở ngày 1-10-1952 với 9 khóa sinh sĩ quan và 6 khóa sinh hạ sĩ quan. Khóa cơ khí viên mở tháng 11 với 26 hạ sĩ quan học viên.

Trong giai đoạn đầu, ngành không quân chỉ được quy định ở một mức quân số gồm có 40 sĩ quan, 120 hạ sĩ quan và 500 binh sĩ. Quân số này sẽ vừa đủ để tổ chức một cơ cấu không quân gồm có

— Một cơ quan chỉ huy là Ban Không quân, sau đổi là Phòng Không quân (Departement Air) đặt thuộc Bộ Tổng Tham Mưu, dưới quyền một sĩ quan Pháp

— Một trung tâm huấn luyện có nhiệm vụ đào tạo phi công, quan sát và cơ khí viên.

— Một phi đội liên lạc có nhiệm vụ liên lạc và chuyên chở hàng không.

Trung tâm huấn luyện không quân năm 1952 đào tạo được 40 viên hoa tiêu và cơ khí viên; năm 1953 số lượng tăng lên gấp đôi. Cũng trong thời gian này, một số sĩ quan và hạ sĩ quan được gửi qua Pháp du học.

Trong năm 1953 ngoài phi đội liên lạc tại Tân Sơn Nhất, Phi đội quan sát và trợ chiến số 1 thành lập tại Tân Sơn Nhất và Phi đội quan sát và trợ chiến số 2 tại Nha Trang (1-3-1953).

Những loại phi cơ thông thường mà sĩ quan không quân Việt Nam đầu tiên được sử dụng là các phi cơ MS.500, L 19 A, Morane Saulnier, Marcel Dassault 315.

Đầu năm 1954, Ban Không quân đổi thành Phòng Không quân, nhưng cơ quan này cũng vẫn giữ nhiệm vụ quản trị nhân viên chứ chưa có quyền hành gì cả.



Sĩ quan không quân

Tháng 7-55, ngành không quân Việt Nam mới được giao cho sĩ quan Việt điều khiển. Chức phụ tá Không quân được đề ra thay cho trưởng Phòng Không quân và chức vụ này tạm kiêm tư lệnh Không quân để lo phát triển cho ngành này vào lúc quân Pháp đang rút khỏi. Bộ tư lệnh Không quân được coi như đã thành hình và hoạt động từ lúc này.

Trước khi ngành không quân được chuyển giao, Đệ nhất phi đoàn vận tải thành lập tại Tân Sơn Nhứt ngày 1-6-1955. Không phải là phi trường Tân Sơn Nhứt mà là phi trường Nha Trang được hân hạnh chuyển giao đầu tiên (1-6-1953) được gọi là Căn cứ trợ lực không quân số 1. Khi tiếp nhận phi trường Đà Nẵng, Đệ nhất phi đội quan sát và trợ chiến ở Tân Sơn Nhứt được chuyển ra đây, trước đó Bộ tư lệnh không quân bối rối không ít, vì không có phương tiện tiếp thu, đã định giao phi trường này cho cơ quan hàng không dân sự đảm trách. Cuối năm 1955 không quân Việt Nam thành lập Đệ nhất phi đoàn tác chiến và liên lạc nhưng phi đoàn này chỉ được thực hiện trên giấy tờ, sau đó phải giải tán vì không có đầy đủ phương tiện.

Năm 1956, các Căn cứ trợ lực không quân số 2 và số 3 thành lập liên tiếp tại các phi trường Tân Sơn Nhứt và Biên Hòa. Mỗi căn cứ lúc ấy được tổ chức 1 một bộ chỉ huy, các cơ cấu hành quân, một ban công vụ và một ban quân y. Ngoài ra, để điều hành hệ thống không lưu, các phòng không lưu và các đài kiểm soát được thiết lập tại khắp các phi trường. Ngành không quân đã có những hoạt động riêng biệt trên không kể từ chiến dịch Đinh Tiên Hoàng, là một chiến dịch tiêu trừ phiến loạn tại miền Nam.

Hai chuyên viên cơ khí thực tập.



Tính tới cuối năm 1956, ngành không lực của quân đội quốc gia đã có các căn cứ, đơn vị máy bay thuộc đủ mọi loại như sau

1) Căn cứ trợ lực không quân số 1 (Nha Trang)

a. Trung tâm huấn luyện không quân
   — Máy bay Morane Saulnier   21 chiếc
   —   »   Cessna L 19 A   13   »

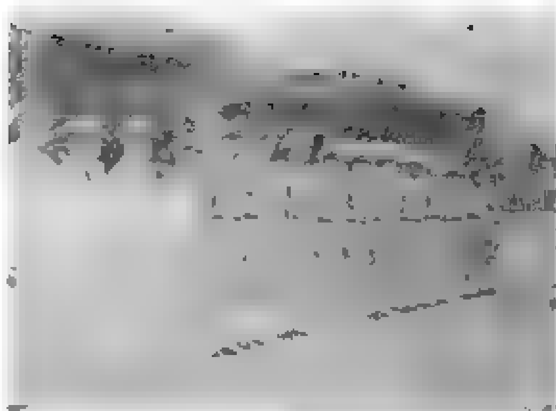
b. G.A.O.A.C. số 2 (1)
   — Máy bay MS. 500   : 5   »
   —   »   Cessna L 19 A   : 16   »

(1) Phi đội liên lạc = Escadrille de liaison aérienne — Phi đội quan sát và trợ chiến = Groupe d'aviation d'observation et d'accompagnement, tắt G.A.O.A.C.

2) Căn cứ trợ lực không quân số 2 (Tân Sơn Nhứt).



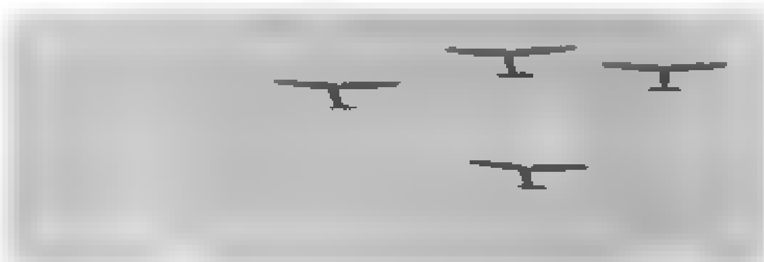
Máy bay Cessna L19 A

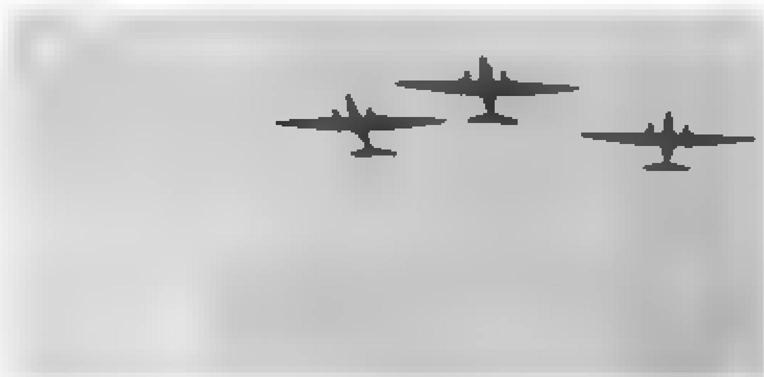


Các sĩ quan không quân đầu tiên tốt nghiệp tại Nha Trang.

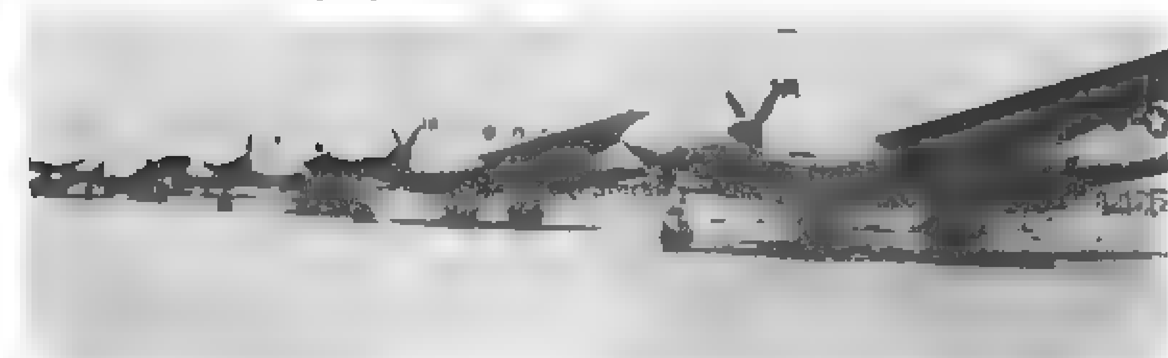


Trung tá Trần văn Hổ, Phụ tá Không quân





Máy bay Dakota DC3.



a. Phi đội liên lạc (E.L.A.V.N.)

— Máy bay Dakota DC3	:	3 chiếc
— » Beech craft	:	3 »
— » Cessna L.19 A	:	2 »
— » MS. 500	:	1 »
— » Marcel Dassault 315	:	6 »

b. Phi đoàn vận tải

Máy bay Dakota DC3	21 chiếc

3) Căn cứ trợ lực không quân số 3 (Biên Hòa).

a. Căn cứ Biên Hòa

— Máy bay Cessna L.19 A		13 chiếc
— » MS. 500		2 »
— » Dakota DC3	:	2 »

b. Phi đoàn chiến đấu

Để nhớ

4) Căn cứ Đà Nẵng

G.A.O.A.C. số 1

— Máy bay MS. 500	:	12 chiếc
— » Cessna L.19 A		16 »

Tổng cộng 69 Cessna L.19 A, 26 Dakota DC3, 21 Morane Saulnier, 20 quan sát MS. 500, 6 Marcel Dassault và 3 Beech craft.

2. HẢI QUÂN

Hải quân Việt Nam được thành lập ngày 6-3-1952 bởi dụ số 2. Tới ngày 12-7-1952, trung tâm huấn luyện hải quân khởi công xây cất từ đầu năm 1951 tại Nha Trang, khánh thành để đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan hải quân và thủy thủ chuyên nghiệp.

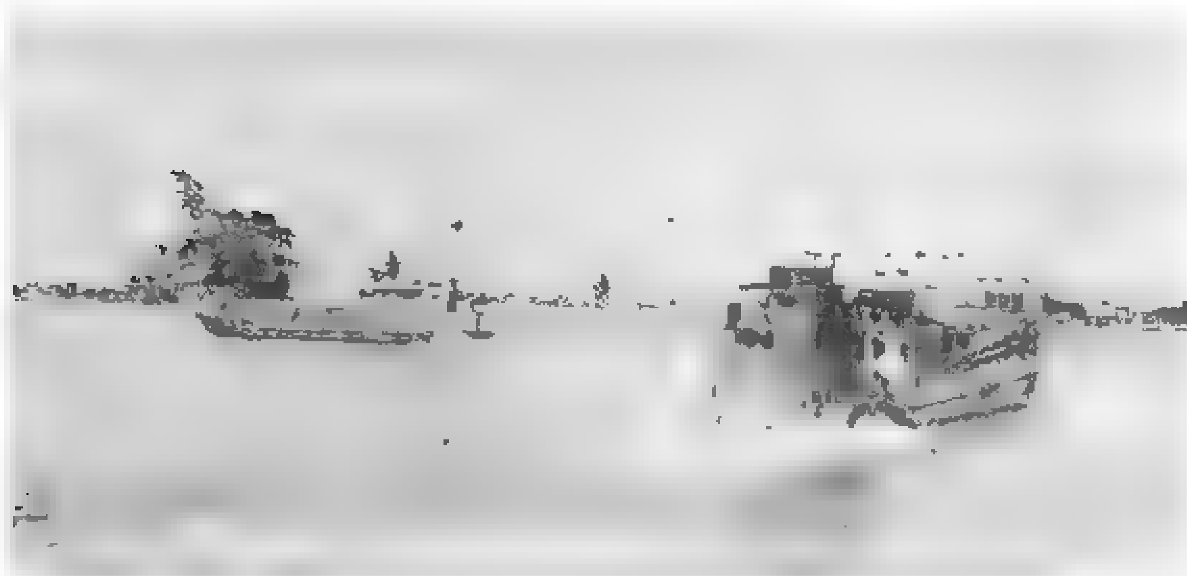
Cũng như ngành không quân, ngành hải quân được chỉ huy đầu tiên bởi Ban Hải quân (Section Marine), sau đổi thành Phòng Hải quân (Département Marine).

Các khóa huấn luyện đầu tiên mở từ tháng 9-1952, tới năm 1953, chưa có tàu, các tân sĩ quan và thủy thủ Việt Nam tập sự trên các chiến thuyền của Pháp. Một số sĩ quan được thi tuyển giữa năm 1952, du học tại Pháp.

Cuối năm 1953, Hải quân Việt Nam có hai đoàn tiểu đĩnh.

Lễ chuyển giao 13 giang đĩnh đầu tiên cho Hải quân Việt nam (1953)





Tuy nhiên, cần phải kể đến một tổ chức giang thuyền thành lập từ đầu năm 1951. Tổ chức này chưa thuộc hải quân mà thuộc vệ binh quốc gia, bao trùm các hoạt động trên toàn thể các sông ngòi Việt Nam. Tổ chức giang thuyền lúc đó gồm có hai liên đoàn tuần giang biệt lập Nam và Bắc Việt, và một đoàn tuần giang Trung Việt (Xem chi tiết tại chương 4 — Các đơn vị bộ binh).

Liên đoàn tuần giang Nam Việt thành lập ngày 1-3-1951, đầu tiên gồm có ba đoàn tuần giang, đến cuối năm tổ chức thêm đoàn tuần giang thứ tư. Mỗi đoàn tuần giang gồm có ba trung đội, mỗi trung đội có hai tàu vơ đét, riêng đoàn tuần giang thứ tư có tới bốn trung đội. Nhưng vào giữa năm 1952, qua các sự thiệt hại của những cuộc đụng độ tại rạch Ông Nghĩa và ở sông Thị Vải, đoàn thứ tư này phải trở lại tổ chức thông thường như các đoàn khác.

Du thuyền Hương giang của quốc trưởng Bảo Đại (1951).



Trung tá Lê quang Mỹ, Phụ tá Hải quân



Liên đoàn tuần giang Bắc Việt cũng được thành lập kể từ 1-3-1951 bằng quân số của Bảo chính đoàn, lúc đầu có ba đoàn tuần giang, nhưng sau các đoàn này bị thiệt hại và thiếu phương tiện giang thuyền nên phải rút xuống còn hai đoàn. Đầu năm 1954, các đoàn còn lại tập trung cả ở Nam Định để tăng cường cho mặt trận này.

Đoàn tuần giang Trung Việt mãi 1-9-1951 mới thành lập, và tuy chỉ là một đoàn nhưng đoàn này đã được tăng thêm quân số cấp thêm phương tiện so với các đoàn khác.

Các đoàn tuần giang tới 30-6-1954 giải tán và cải biến thành sáu đại đội tuần giang (cies fluviales). Sau ngày đình chiến, các đại đội com măng đô Bắc Việt và lực lượng tuần giang (force fluviale) chuyển vào Nam vĩ tuyến 17, được lệnh phối hợp cùng các đại đội com măng đô Nam Việt để thành lập lực lượng hải quân bộ binh (infanterie marine). Lực lượng hải quân bộ binh thành lập do nghị định số 991/ND ngày 13-10-1954, và sau đó kể từ ngày 1-1-1955 các đại đội tuần giang số 1, 2, 3, 4, 6 và 7 được chính thức sát nhập vào lực lượng này, để khởi đầu cho việc thành lập một đoàn quân lấy tên là « đoàn thủy quân lục chiến », trực thuộc quân chủng hải quân.

Hai đoàn tiểu đĩnh của hải quân đầu năm 1953 được biến thành hai hải đoàn xung phong đầu tiên, đó là : Hải đoàn xung phong Cần Thơ và Hải đoàn xung phong Vĩnh Long, được tạm đặt tên như vậy vì các đơn vị này đóng tại những nơi trên. Các hải đoàn này bắt đầu hoạt động cuối năm 1953 và tiếp đến đầu năm 1954, một hải đoàn xung phong thứ ba được thành lập và dự chiến tại miền trung châu Bắc Việt.



Thủy thủ Việt Nam.

Các thủy thủ Việt Nam đang thao dượt



Đầu năm 1955, hải quân Việt Nam vẫn do sĩ quan Pháp điều khiển, nhưng các chiến hạm bắt đầu được chuyển giao; tới 20-8 phụ tá Hải quân thuộc Bộ Tổng Tham Mưu mới nắm quyền điều khiển ngành hải quân. Lần lần từ đó, quyền chỉ huy trên các chiến hạm dành cho Việt Nam được chuyển giao cho sĩ quan Việt điều khiển, nhưng sự chuyển quyền này so với không quân chậm hơn, bởi vì trong chiến dịch Rừng Sát (9-1955) hải quân chưa hoàn toàn thoát ra khỏi sự lệ thuộc của Pháp ? (2).

Do sự chuyển giao của Pháp, tới cuối năm 1955, hải quân Việt Nam gồm có

— Hải đoàn xung phong số 21 (Mỹ Tho)
— Hải đoàn xung phong số 23 (Vĩnh Long)
— Hải đoàn xung phong số 24 (Saigon)
— Hải đoàn xung phong số 25 (Cần Thơ)
- 3 căn cứ hải quân : Saigon—Cát Lái—và Đà Nẵng
— 4 đồn thủy quân : Mỹ Tho—Cần Thơ—Vĩnh Long—Long Xuyên
— Trung tâm huấn luyện Nha Trang
— Hải quân công xưởng Ba Son
— Kho đạn Thành Tuy Hạ

Trước đó, có Hải đoàn xung phong số 22 thành lập và di chuyển từ miền Bắc vào, nhưng hải đoàn này bị tan nát không còn bao nhiêu nên đã sát nhập vào Hải đoàn 21.

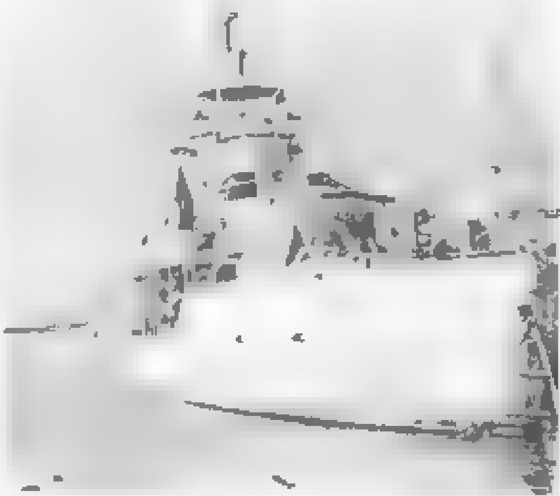
Lúc đó, các hải đoàn không được tổ chức giống nhau, đại để mỗi hải đoàn có từ 5 đến 7 giang vận đĩnh, 1 giang vận hạm hay giang pháo hạm v.v. . Các hải đoàn khi mới thành lập gọi theo nơi trú đóng, sau đổi thành số 1, 2, 3... và cuối cùng đổi thành các danh hiệu như trên.

Rút kinh nghiệm trong trận Rừng Sát, các đại đội giang thuyền lần lần giải tán để biến thành tiểu đoàn thứ hai thủy quân lục chiến đầu tháng 2-1956. Vào lúc này, lực lượng thủy quân lục chiến gồm có hai tiểu đoàn, một bộ chỉ huy, năm đại đội khinh binh trợ chiến, một biệt động đội (corps franc) và một phân thủy đội thao dượt (flottille d'entrainement).

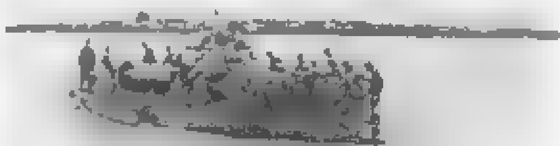
Khi bảng cấp số lý thuyết chấp thuận tăng quân số hải quân lên 4.250 người vào tháng 7-1955, hải quân đã có một quân số hiện diện 3.858 người, phân chia ra như sau :



Chuẩn úy Trần văn Chơn (1952)



Một chiếc L.S.S.L.



Một vơ đét chở một trung đội vượt sông



Một hải đoàn xung phong



Thủy quân lục chiến VN đang thao dượt tại bãi biển Nha Trang

— hải quân chính thức 2.567 gồm 190 sĩ quan, 2.377 hạ sĩ quan và thủy thủ ,

— thủy quân lục chiến 1.291 gồm 43 sĩ quan, 257 hạ sĩ quan và 991 binh sĩ

Pháp trước khi rút lui đã để lại cho hải quân Việt Nam một số giang và hải thuyền, cộng thêm với những giang thuyền của các đoàn tuần giang sát nhập lại, đã lên tới những con số như sau

— 2 hải vận hạm (LSM = Landing ship médium)

— 3 hộ tống hạm (PCE = Patrol craft escort)= (Landing ship infantry large)

— 1 tàu dò nước (bâtiment hydrographe)

— 3 tàu vét (dragueur)

— 2 trợ chiến hạm, (LSSL = Landing ship support large)

— 5 dương vận hạm (LST = Landing ship tank)

— 4 giang vận hạm (LCU = Landing craft utility)

— 2 tuần duyên hạm (garde côte)

— 70 quân vận đĩnh (LCM = Landing craft mechanized) trong số này có 2 tiền phong đĩnh (LCM monitor), 4 chỉ huy đĩnh (LCM de commandement), 53 quân vận đĩnh bọc thép (LCM blindé) và 11 quân vận đĩnh loại nhẹ (LCM léger)

— 95 vơ đét trong đó có 17 loại ứng chiến (Vedette d'interception), 1 vơ dét canh phòng (Vedette de surveillance), 6 loại Y, 36 loại STCAN, 12 loại FOM dài 8m và 23 loại FOM dài 11m.

— 100 LCVP (loại tàu nhỏ tựa loại vơ đét chở được 6 người) trong đó có 81 loại bình thường và 19 loại nhẹ

— 15 sà lan trong đó một sà lan máy, 1 sà lan chở nước và 13 sà lan thường.

— 3 thuyền kèm (remorqueur).

Phần lớn chiến hạm đã cũ và có nhiều cái không dùng được.

---

(1) Cuộc hành quân Rừng Sát loại trừ tàn quân Bình Xuyên đáng lẽ được tiến hành từ tháng 7 1955 nhưng mãi tới trung tuần tháng 9 mới khai diễn bởi vì lúc ấy quân đội chưa hoàn toàn sử dụng được hải quân để bao vây khu Rừng Sát. Lúc đó, quân đội chỉ mới có Hải đoàn xung phong số 22 thuộc quyền điều khiển của người Việt, do thiếu tá Lê quang Mỹ làm hải đoàn trưởng. Các hải đoàn khác, tuy đã do người Việt chỉ huy, nhưng vẫn trực thuộc bộ chỉ huy COFFLUSIC của Pháp ; nếu Việt Nam muốn sử dụng các hải đoàn này, phải can thiệp với Pháp. Cuối cùng BTTM đã phải can thiệp với Pháp, để sử dụng và đã được Pháp chấp thuận với điều kiện trình công cho Pháp bằng cách đặt tất cả các hải đoàn tham chiến dưới quyền chỉ huy tạm thời của thiếu tá Mỹ. Sau cuộc hành quân này, thiếu tá Mỹ trở thành tư lệnh hải quân đầu tiên của Việt Nam

5. THIẾT GIÁP

Ngành thiết giáp Việt Nam bắt đầu có từ cuối năm 1950 tại trường Võ bị Liên quân ĐàLạt, với một chi đội thám thính xa huấn luyện do một sĩ quan Việt tốt nghiệp tại trường kỵ binh Saumur chỉ huy. Sĩ quan này, từ tháng 8-1949, cùng mấy sĩ quan bạn đồng hương đã được gửi đi tu nghiệp lần đầu tiên tại Pháp và mãi một năm sau mới trở về. Chi đội thám thính xa đầu tiên tại trường Võ bị ĐàLạt có nhiệm vụ đào tạo cán bộ hạ sĩ quan và binh sĩ thiết giáp, đồng thời còn làm đơn vị trừ bị tiếp ứng cho tiểu khu Đồng Nai Thượng trong hệ thống phòng thủ lãnh thổ Cao Nguyên. Trường Võ bị ĐàLạt là nơi đầu tiên đảm trách việc đào tạo cán bộ cho ngành thiết giáp. Kế đó, trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức tiếp tục được giao phó công việc này, tuyển chọn các khóa sinh sĩ quan trừ bị thiết giáp kể từ đầu năm 1953. Nơi học tập cho các tân sĩ quan này là trung tâm huấn luyện thiết giáp và kỵ binh của Pháp tại Vũng Tàu, thời gian [illegible] là sáu tháng;

[illegible] năm 1951 có [illegible] chi đoàn thám thính xa thành lập theo thứ tự như sau

— Chi đoàn thám thính xa 1, 1-1-1951, Nam Việt
— Chi đoàn thám thính xa 4, 1-[illegible]-1951, Cao Nguyên
— Chi đoàn thám thính xa 3, 1-8-1951, Bắc Việt
— Chi đoàn thám thính xa 2, 1-[illegible]-1952, Trung Việt
— Chi đoàn thám thính xa 5, 1-9-1952, Bắc Việt
— Chi đoàn thám thính xa 6, 1-12-19[illegible], Nam Việt
— Chi đoàn thám thính xa 7, 1-[illegible]-195[illegible], Bắc Việt
— Chi đoàn thám thính xa 8, 1-1-1954, Nha Trang

Lễ bàn giao một chi đoàn thám thính xa (30-6-1953) tại Hà Đông



Mỗi một chi đoàn được cấu tạo bởi một chi đội chỉ huy và ba chi đội thám thính xa ; mỗi một chi đội thám thính gồm có 3 thiết giáp xa A M. (auto mitrailleuse) và 3 vừa Scout car và Half track ; mỗi một chi đoàn được sử dụng một quân số 140 người.

Trước đòi hỏi của tình hình, binh chủng thiết giáp phát triển tới cấp trung đoàn đầu năm 1954, đó là Trung đoàn 3 thám thính xa (3) thành lập 1-1-1954, do sự kết hợp bởi các Chi đoàn thám thính xa số 3, 5 và 7, sau đổi thành các Chi đoàn 1/3, 2/3 và 3/3 cho hợp với tổ chức mới.

Đối với tình hình miền Bắc, Trung đoàn 3 thám thính xa do thiếu tá de la Morsanglière chỉ huy. Sau nửa năm hoạt động, ông đơn vị trưởng này đã phát biểu mấy kinh nghiệm về việc sử dụng các thiết giáp xa như sau :

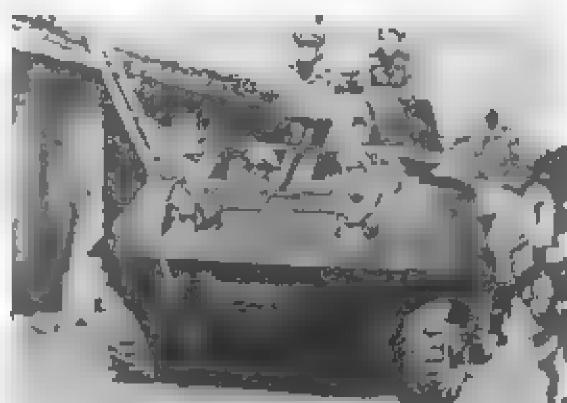
« Kinh nghiệm cho ta thấy các xe Half track và Scout car không còn thích ứng với chiến trường nữa. Nhiệm vụ của các chi đoàn thám thính là yểm trợ cho các cuộc mở đường hộ tống, can thiệp khi một đơn vị bộ binh bạn đụng độ, cứu viện cho các đồn bót ban đêm đóng trên những trục lộ giao thông lớn. Tất cả những nhiệm vụ này đều cần thiết có một xe thiết giáp có vỏ thép dày, chạy nhanh, không gây tiếng động và được võ trang đầy đủ. Đoàn xe thiết giáp không cần phải có một bộ phận tùng thiết cơ hữu, bởi vì tất cả những nhiệm vụ trên đều được tiến hành với các đơn vị bộ binh

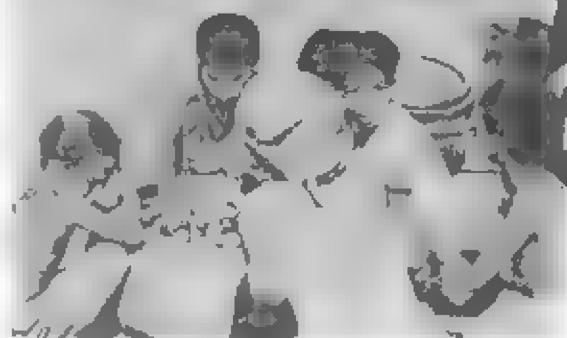
Xe Half track và xe Scout car là những loại xe mỏng mảnh. Trung đoàn có 21 xe thuộc các loại này bị nổ mìn, thì có tới 20 xe phải bỏ không dùng lại được nữa.

Và với mỗi một xe này bị mìn, ít nhất cũng có một hay hai người chết và từ ba đến bốn người bị thương nặng.

Xe Half track còn thất lợi ở điểm là khó sử dụng, lại không chạy nhanh mà còn gây tiếng động.

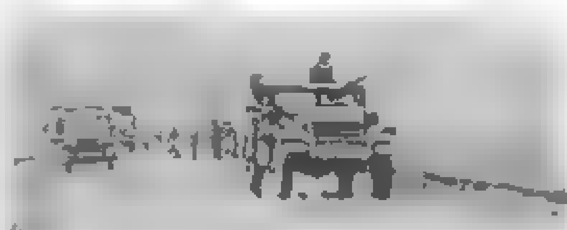
Riêng chỉ có xe AM là tiện lợi. Xe chạy vừa nhanh không gây tiếng động, linh động dễ sử dụng và tương đối không nguy hiểm.





Một thám thính xa AM của chi đoàn Thám thính xa số 1 đi qua một khu phố tại Mỹ Tho.

Một scout car đang mở đường



Một half track trong vị trí phòng thủ



(1) Chi đoàn thám thính xa = Escadron de reconnaissance, tắt ERVN, Trung đoàn 3 thám thính xa = 3 ème régiment de reconnaissance du VN. Đệ nhất trung đoàn thiết giáp hộ tống = 1er groupe d'escadrons d'escorte; Trung đoàn kỵ binh thiết giáp = Régiment de Dragons (3 ème régiment de reconnaissance đổi ra 3 ème régiment de Dragons); Liên đoàn thủy xa = Groupe d'escadrons d'amphibies.

Trên 20 xe AM bị mìn và bị bắn, chỉ có 2 xe bị bắn bởi súng không giật là phải loại bỏ. Còn tất cả những chiếc khác đều sửa chữa lại được (chỉ cần thay cầu trước hay cầu trung gian). Với những xe bị mìn và bị bắn này, chỉ có những người bị thương rất nhẹ

Do đó, trung đoàn chúng tôi nhận thấy cần phải thay các Half track và Scout car bằng các AM loại M8, mỗi một chi đội cho 5 AM. nếu lời đề nghị này được chấp thuận, xin thay 18 Scout car bằng 12 AM loại M8 và 12 Half track bằng 10 AM loại M8... »

Trước khi đình chiến, chỉ có Đệ tam quân khu có cấp trung đoàn, còn ở các quân khu khác chỉ có các chi đoàn biệt lập. Ngoài số cũ, có hai chi đoàn mới được thành lập, là các Chi đoàn thám thính xa số 10 và số 11, được thành lập để đáp ứng cho miền Trung và Nam Việt.

Tới khi ngừng chiến, Đệ nhất trung đoàn thiết giáp hộ tống của Pháp được chuyển giao; đây là một đơn vị cơ giới phức tạp, với đủ các loại xe, dùng để hộ tống các đoàn xe vận chuyển trên đường bộ và cả trên đường xe lửa.

Các đơn vị thiết giáp lúc ấy phối trí như sau :

— Đệ 3 trung đoàn thám thính xa, Đà Nẵng
— Đệ 1 trung đoàn thiết giáp hộ tống, Gia Định
— Chi đoàn thám thính xa 1, Cần Thơ
— « 2, Văn Xá (Trung Việt)
— « 4, Banmêthuột
« 8, Nha Trang
— « 6, Long Xuyên
— « 10, An Nong (Trung Việt)
— « 11, Cai Lậy

Ngoài việc thay đổi tên gọi các trung đoàn thám thính là các trung đoàn kỵ binh thiết giáp, tổ chức này được duy trì tới khi có kế hoạch quân số 1955, mới thay đổi. Theo kế hoạch mới, ngành thiết giáp được tổ chức lại như sau :

— 4 trung đoàn kỵ binh thiết giáp.
— 1 liên đoàn thủy xa

Ngày 1-9-1955, hai trung đoàn kỵ binh thiết giáp và một liên đoàn thủy xa được thành lập thêm, đó là các Trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 2 và số 4, và Đệ ngũ liên đoàn thủy xa. Tất cả các đơn vị thiết giáp vì vậy phải trải qua một thời kỳ cải tổ để tới cuối năm 1955 hoàn thành theo các sự kết hợp và phối trí như sau :

1) Đệ 1 trung đoàn kỵ binh thiết giáp đóng ở Gia Định, kết hợp bởi các đơn vị thiết giáp thuộc Đệ 1 trung đoàn thiết giáp hộ tống; thực ra trung đoàn này đã giải tán để tổ chức lại khác hẳn; các cơ giới chạy trên đường rầy như loại Wickham và những toa xe bọc thép võ trang đều trao cho Sở Hỏa xa quân đội.

2) Đệ 2 trung đoàn kỵ binh thiết giáp đóng tại miền Tây Nam Việt, kết hợp bởi các Chi đoàn 1, 6 và 11.

3) Đệ 3 trung đoàn kỵ binh thiết giáp tại Đà Nẵng kết hợp với một phần của Trung đoàn 3 thám thính xa và một phần với các chi đoàn biệt lập tại miền Trung.

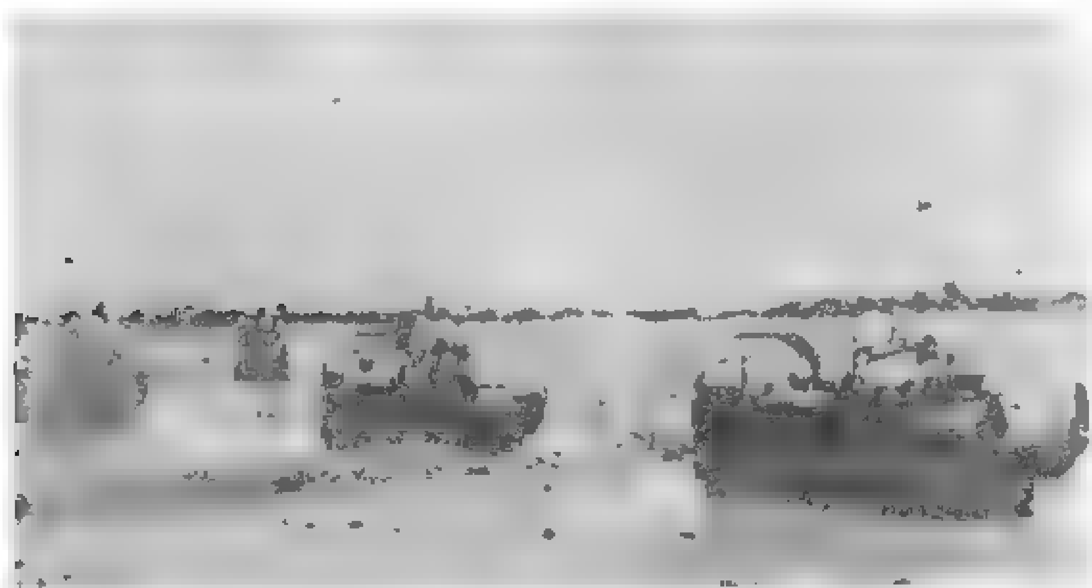
4) Đệ 4 trung đoàn kỵ binh thiết giáp trước đóng tại Nha Trang sau chuyển lên Banmê thuột, kết hợp bởi các Chi đoàn 4 và 8 và một phần của Trung đoàn 3 thám thính xa

5) Đệ 5 liên đoàn thủy xa đóng ở Nhà Bè, được thành lập với một chi đoàn chiến xa con cua (crabes) và một chi đoàn chiến xa con cá sấu (alligators). Đây là những chiến xa lội nước xuất hiện trong trận giặc Việt — Pháp, khi đình chiến, các loại xe này lâm vào tình trạng cũ kỹ, Pháp mới chuyển giao cho quân đội Việt Nam để thành lập những đơn vị trên. Bởi vậy, Đệ 5 liên đoàn thủy xa chẳng duy trì được bao lâu thì giải tán.

Một điểm đặc biệt là khi thành lập các trung đoàn kỵ binh thiết giáp, các chiến xa M24 đã xuất hiện trong thành phần tổ chức của các đơn vị này. Các trung đoàn kỵ binh thiết giáp, với quân số 514 người, bao gồm một chi đoàn chỉ huy, một chi đoàn chiến xa và hai chi đoàn thám thính xa. Ngành thiết giáp kể cả liên đoàn thủy xa (420 người), có 2.500 người. Trước năm 1960, các chiến xa M24 là loại cơ giới chính yếu của ngành thiết giáp, nhưng kể từ sau thời gian này, khi các hoạt động của Việt cộng tái phát, đã có những loại cơ giới không kém phần quan trọng khác, như các chiến xa M41, thiết vận xa M113 và M114, thám thính xa V100 góp mặt vào gia đình thiết giáp Việt Nam.



Chiến xa Chaffee M 24.



Các crabes đang tấn công qua các ruộng nước

Thủy xa con cá sấu Alligator





Chiến xa con cua (crabes).

4. PHÁO BINH

Pháo binh Việt Nam được thành hình vào cuối năm 1951. Các đơn vị đầu tiên là các pháo đội biệt lập (batterie de tir autonome). Các pháo đội này sau đó được tập trung, trong các năm 1952-53, thành các tiểu đoàn pháo binh (groupe d'artillerie). Những tiểu đoàn pháo binh được Pháp gọi tắt là các GAVN, với mỗi tiểu đoàn gồm có một bộ tham mưu, một đại đội chỉ huy và công vụ, và ba pháo đội, có một quân số 410 người để sử dụng 12 khẩu đại bác 105 ly.

Pháo đội đầu tiên thành lập ngày 1-11-51 và tiểu đoàn pháo binh đầu tiên ngày 1-7-1952.

Tới năm 1953, ngành pháo binh vị trí được thành lập.

Cũng như ngành thiết giáp, ngành pháo binh cũng đào tạo sĩ quan qua các trường Đà Lạt và Thủ Đức, rồi những người được tuyển chọn chuyển sang học tại trường pháo binh của Pháp tại Phú Lợi. Những khóa đào tạo đã theo như chương trình sau đây

— Đà Lạt = 8 tháng + 6 tháng thực tập = 14 tháng

— Thủ Đức = 6 tháng + 2 tháng thực tập = 08 tháng

Bởi vậy, tướng Pennacchioni, tổng thanh tra pháo binh Pháp và cũng là thanh tra của pháo binh Việt Nam trong kỳ viếng thăm các Tiểu đoàn pháo binh số 3 và số 5 vào tháng 10-1952, đã đưa ra những nhận xét về sự khó khăn thành lập và về tình trạng yếu kém cán bộ như sau

« Tiểu đoàn pháo binh số 3 chỉ mới có hai pháo đội. Pháo đội 1 được thành lập đã trên một năm, hành quân rất tốt và gặt hái được nhiều hiệu quả tại Tiểu khu Hưng Yên. Pháo đội 2 còn đang thụ huấn tại Quảng Yên và tới tháng 4 mới có thể tham dự hành quân. Sở dĩ chậm vì pháo đội này đã nhận dụng cụ truyền tin trễ.

Tiểu đoàn pháo binh số 5 là hậu thân của Tiểu đoàn 1141 FTEO. Tiểu đoàn này vẫn giữ được phong độ hành quân như xưa và hiện còn gần đủ cán bộ người Pháp. Theo lịch trình, tới đầu tháng 1 năm 1953, tiểu đoàn phải bàn giao cho sĩ quan Việt Nam, nhưng hiện nay nhận thấy các sĩ quan này chưa có đủ khả năng vì chưa được huấn luyện và thực tập đầy đủ

Các sĩ quan pháo binh Việt Nam được cung cấp do hai trường đào tạo trường Võ bị Liên quân Đà Lạt và trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Các sĩ quan ĐaLat được huấn luyện đầy đủ hơn và một vài sĩ quan này đã tỏ ra xuất sắc nên được huấn luyện về tác xạ đầy đủ. Những khoa huấn luyện về pháo binh này sẽ được mở vào năm 1953. Tuy nhiên, phải công nhận là các sĩ quan này có một nền học vấn tổng quát còn kém để có thể chọn lựa thành những sĩ quan cao cấp sau này. Các sĩ quan Thủ Đức có một nền học vấn cao hơn, nhưng sự đào tạo chuyên môn lại không đủ. Tuy nhiên, có một số sĩ quan trừ bị đã tỏ ra bất lực đối với cấp bậc sĩ quan.. ».

Còn đối với việc đào tạo hạ sĩ quan và pháo thủ, trung tâm huấn luyện pháo binh của Pháp tại Hànội đã gánh vác một phần lớn. Đối với những tiểu đoàn mới tân lập, việc huấn luyện binh sĩ đã được thực hiện ngay ở trong tiểu đoàn. Chương trình huấn luyện hạ sĩ quan cũng khá công phu : theo học bốn tháng một khóa căn bản số 2 (peloton 2), rồi một khóa chuyên môn ba tháng, và một hay hai tháng huấn luyện trong khuôn khổ của tiểu đoàn.

Ngoài ra, kể từ đầu năm 1952, một cấp khoản đầu tiên gồm 5 sĩ quan được gửi đi du học bên Pháp.

Trước khi thành hình một số tiểu đoàn đầu tiên, các pháo đội biệt lập đã được lần lượt thành lập như sau

— Pháo đội 1 Tiểu đoàn 3, 1-11-1951
— Pháo đội 2 , 1-05-1952
— Pháo đội 1 Tiểu đoàn 1, 1-01-1952
— Pháo đội 2 » , 1-05-1952
— Pháo đội 1 Tiểu đoàn 2, 1-05-1952
— Pháo đội 2 » , 1-10-1952
— Pháo đội 1 Tiểu đoàn 4, 1-01-1952
— Pháo đội 2 » , 1-06-1952

Tiểu đoàn 5 pháo binh thành lập ngay ngày 1-7-1952 vì cả tiểu đoàn pháo binh Liên Hiệp Pháp số 1141 R.A.C. chuyển sang.

Trong năm 1953, các pháo đội biệt lập kết hợp thành bốn tiểu đoàn như sau

— Tiểu đoàn 3, 1-11-1952, Bắc Việt
— Tiểu đoàn 2, 1-02-1953, Trung Việt
— Tiểu đoàn 4, 1-03-1953, Cao Nguyên
— Tiểu đoàn 1, 1-05-1953, Nam Việt

Một phần của một tiểu đoàn pháo binh 105 HV2 đang hoạt động.





Pháo binh vị trí thành lập do quyết định của Hội đồng cao cấp Việt Pháp ngày 24-2-1953, và bắt đầu kể từ 1-5-1953, 42 khẩu đội pháo binh vị trí của Pháp tại các Phân khu Transbassac và Mỹ Tho được chuyển giao; tuy vậy các nhân viên Pháp vẫn được tạm thời lưu giữ để chỉ huy những đơn vị này

Lần lượt, ngành Pháo binh vị trí trên toàn quốc phát triển để ứng phó với tình thế. Ngoài các khẩu đội trên, sự thành lập và chuyển giao các pháo binh vị trí đã diễn ra như sau

1) Pháo binh vị trí Đệ 4 quân khu

— 5 khẩu đội Pháp, chuyển giao 1-1-1953

2) Pháo binh vị trí Đệ 2 quân khu 1-12-1953

a. BCH pháo binh vị trí Bắc Trung Việt

— Pháo đội chỉ huy miền

— 16 trung đội cố định (sections fixes)

— 2 khẩu đội 25 pounders

b. BCH pháo binh vị trí Nam Trung Việt

— Pháo đội chỉ huy Phân khu Nha Trang

— 3 trung đội bán lưu động (sections AP semi—mobiles)

— 9 trung đội cố định

— Pháo binh duyên hải (Cam Ranh)

3) Pháo binh vị trí Đệ 3 quân khu 1-12-1953

— 4 khẩu đội Phân khu Nam Định

Cước chú Tại Phân khu Nam Định vào tháng 3-1954, thêm 7 pháo đội vị trí được thành lập mang số từ 301 đến 307, nhưng vì thiếu súng chỉ có 1/3 thành hình.

4) Pháo binh vị trí Đệ 1 quân khu

a. BCH pháo binh vị trí miền Trung tâm (Zone Centre) 1-1-54.

— Pháo đội chỉ huy

— 2 trung đội bán lưu động

14 khẩu đội (chuyển giao)

b. BCH pháo binh vị trí miền Đông : 1-3-1954

— Pháo đội chỉ huy

— 5 trung đội bán lưu động

— 15 khẩu đội

5) Pháo binh vị trí Phân khu Qui Nhơn (chiếm đóng đầu năm 1954) 1-4-1954.

— Pháo đội chỉ huy

— 9 trung đội cố định

4 trung đội bán lưu động

Mỗi tổ chức pháo binh vị trí miền thường gồm có một ban chỉ huy 17 người (1 cấp tá + 2 cấp úy + 5 hsq + 9 bs) — một ban chỉ huy của pháo đội chỉ huy 19 người (1 cấp úy + 4 hsq + 14 bs) — nhiều trung đội bán lưu động với mỗi trung đội 36 người (1 sq + 5 hsq + 30 bs) — nhiều trung đội cố định với mỗi trung đội 17 người (4 hsq + 13 bs), mỗi khẩu đội cố định 7 người.

Để thuận tiện cho việc nhận danh, kể từ 1-7-1954, các pháo binh vị trí cải hiệu là

— Pháo binh vị trí	Transbassac	thành PBVT số	151
— »	miền Trung tâm	»	152
— »	miền Đông	»	153
— »	Bắc Trung Việt	»	251
— »	Phân khu Qui Nhơn	»	451
— »	Nam Trung Việt	»	452
— »	Phân khu Nam Định	»	351

Các pháo đội chỉ huy và các trung đội cố định hay bán lưu động thuộc trong thành phần của một pháo binh vị trí đều mang chung một danh hiệu với một vài khác biệt ở cách sắp xếp, ví dụ :

— Pháo đội chỉ huy 151 (thuộc PBVT số 151)

— Trung đội 1511/M = Trung đội 1 bán lưu động PBVT 151

— Trung đội 151/1F = Trung đội 1 cố định » 151

Pháo binh vị trí đã sử dụng những loại đại bác lỗi thời và hết sức phức tạp vì chỉ có cả thảy 175 khẩu mà có tới những sáu loại như sau

— Đại bác 105 ly HM 3	11
— Đại bác 25 ly pounders :	122
— Đại bác 75/05	29
— Đại bác 75/1905	2
— Đại bác 3"7	7
— Đại bác 138, 6 m/m	4

Kể từ tháng 9-1953, tất cả các tiểu đoàn pháo binh hiện hữu được hệ thống hóa vào các liên đoàn bộ binh, và vì sự xuất hiện của các liên đoàn bộ binh mà những tiểu đoàn được thành lập sau đó đã mang những danh hiệu theo một thứ tự khác với những tiểu đoàn tiền lập Tiểu đoàn pháo binh số 22

thành lập ngày 1-12-1953 tại Huế đặt thuộc thành phần cơ hữu của Liên đoàn bộ binh số 22 sẽ thành lập, các tiểu đoàn số 33 và 34 thành lập ngày 1-1-1954 tại Hanoi đặt thuộc thành phần cơ hữu của các Liên đoàn bộ binh số 33 và 34 – Tiểu đoàn số 12 thành lập ngày 15-8-1954 tại Nam Việt để dành cho Liên đoàn bộ binh số 12.

Nhưng thực ra chỉ riêng có các Liên đoàn bộ binh số 11, 21, 31, 32, 41 và 42 được thành lập, còn các Liên đoàn bộ binh số 12, 22, 33 và 34 bị bãi bỏ.

Đứng trước sự kiện này, trong số bốn tiểu đoàn tân lập, chỉ có ba tiểu đoàn được duy trì, còn Tiểu đoàn số 33 phải giải tán (1-3-1955).

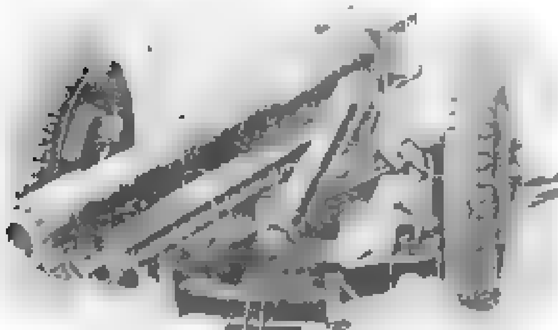
Khi giải tán tiểu đoàn trên này, quân đội lại phải chấp nhận thu nạp Tiểu đoàn 3 pháo binh R.A.C.M. hoàn toàn gốc Nùng, do Pháp chuyển giao ngày 1-4-1955, và tiểu đoàn này được cải thành Tiểu đoàn 6 pháo binh Việt Nam.

Cũng cần kể là khi ngừng chiến, ngành pháo binh vị trí lần lượt bị giải tán và đến tháng 3-1955 thì sự giải tán này hoàn tất. Vừa lúc này, quân đội lại tiếp nhận trung tâm huấn luyện pháo binh Phú Lợi chuyển giao (16-3-1955). Pháo binh Việt Nam lúc ấy gồm có 9 tiểu đoàn và một trung tâm huấn luyện phân đóng như sau:

Tiểu đoàn 1 (Bình Thủy), Tiểu đoàn 2 (Đông Hà), Tiểu đoàn 3 (Khánh Hòa), Tiểu đoàn 4 (Pleiku), Tiểu đoàn 5 (Quảng Ngãi), Tiểu đoàn 6 (Sông Mao), Tiểu đoàn 12 (Dĩ An), Tiểu đoàn 22 (Huế), và Tiểu đoàn 34 (Bến Tranh).

Được biết đầu năm 1954, pháo binh Việt Nam kể cả pháo binh vị trí có được một quân số 4.248 người, chia ra 163 sĩ quan, 732 hạ sĩ quan và 3.453 binh sĩ.

Đại bác 105 ly HM3





Đại bác 25 pounders hay còn gọi là đại bác 88 ly

Đại bác 75/05.



Kể từ 1-1-1954, trước một quân số pháo binh càng ngày càng lớn lao cần được quản trị và huấn luyện một cách chu đáo, Phái bộ thanh tra Pháp của tướng Pennacchioni đã phải đặt riêng ra hai phòng thuộc lãnh vực thanh tra của họ để chuyên trách về pháo binh Việt Nam; hai phòng đó là

1) Phòng tổ chức theo dõi những vấn đề liên quan tới tổ chức đơn vị, thực hiện quân số, vật liệu, thăng thưởng và kỷ luật

2) Phòng nghiên cứu tổng quát theo dõi những vấn đề liên quan tới việc sử dụng đơn vị, huấn luyện đơn vị và cá nhân, kinh nghiệm sử dụng vật liệu và kiểm soát điều hành (4).

Trước đà tiến triển của các đơn vị pháo binh và cũng để cho các tư lệnh quân khu Việt Nam có thể sử dụng được các đơn vị này một cách dễ dàng, vào ngày 3-5-1954, các bộ chỉ huy pháo binh quân khu được thành lập, nhưng vẫn do sĩ quan Pháp điều khiển vừa với tư cách cố vấn và vừa là chỉ huy trưởng pháo binh cho quân khu liên hệ. Việc tổ chức những bộ chỉ huy binh chủng quân khu này được áp dụng cho cả các binh chủng thiết giáp, công binh và xa binh. Nhưng chỉ tới cuối tháng 1-1955, tất cả các bộ chỉ huy binh chủng của quân khu này đều bị giải tán. Tiếp sau đó, một cơ quan thanh tra các binh chủng tại Bộ Tổng Tham Mưu được thành lập vào tháng 3-1955, trong đó có binh chủng pháo binh. Chính cơ quan thanh tra này đã khai sinh ra Bộ chỉ huy pháo binh và các bộ chỉ huy thiết giáp, công binh và xa binh, kể từ 1-12-1955.



Một pháo đội 105 ly dài có hãm khẩu (à frein de bouche) đang trong vị thế tác xạ

Do kế hoạch quân số 150.000 người, ngành pháo binh đang từ 9 tiểu đoàn gia tăng thành 11 tiểu đoàn, trong đó có một tiểu đoàn pháo binh 155 ly đầu tiên được thành lập. Tiểu đoàn số 34 được biến cải thành 155 ly và phải di chuyển khỏi miền Nam để ra Đà Nẵng trú đóng.

---

(4) Phái bộ thanh tra pháo binh Pháp cầm đầu bởi tướng Pennacchioni gồm có một bộ tham mưu to lớn về pháo binh, trong bộ tham mưu này lại khai sinh thêm hai phòng chuyên trách về pháo binh Việt Nam. Bộ tham mưu này có một hệ thống pháo binh gồm những cơ quan như sau : Các chỉ huy trưởng pháo binh FTNV, FTCV, FTSV, chỉ huy trưởng pháo binh GOML, chỉ huy trưởng BABM, chỉ huy trưởng SGAEO, chỉ huy trưởng GIAI và chỉ huy trưởng ALOA. Bộ chỉ huy A.L.O.A cũng kể từ ngày 1-1-1954 sát nhập vào bộ tham mưu thanh tra pháo binh, với nhiệm vụ giải quyết những vấn đề A.L.O.A. và làm cố vấn cho thiếu tướng thanh tra pháo binh về những vấn đề kỹ thuật của A.L.O.A.

Cũng cần kể là mãi tới tháng 10-1954, các chức vụ tiểu đoàn trưởng pháo binh mới được bắt đầu giao cho sĩ quan Việt Nam; mãi đến tháng 3-1955, ngành pháo binh mới có vị chỉ huy trưởng đầu tiên (5).

Để tăng thêm hai tiểu đoàn, mãi đầu năm 1956, các Tiểu đoàn số 23 và 25 thành lập liên tiếp trong các ngày 1-1 và 1-2. Trong lúc đó, để hòa nhịp với sự cải tổ rộng rãi của quân đội, các Tiểu đoàn số 2, 5, 6, 3 cải danh theo thứ tự thành các Tiểu đoàn 1, 2, 3, 4 đặt thuộc thành phần cơ hữu của các sư đoàn dã chiến; còn các tiểu đoàn số 1, 12, 4, 22 cải danh theo thứ tự thành các Tiểu đoàn 21, 22, 24, 26, được coi là thành phần pháo binh 105 ly tổng trừ bị của các quân khu. Riêng Tiểu đoàn 34 155 ly được giữ nguyên danh hiệu. Ngoài các đại bác 105 và 155 ly, người ta còn thấy một vài pháo đội súng cối 106 ly cũng còn được sử dụng.

5. BINH XA

Xa binh là ngành chuyên chở bằng quân xa. Đến khi ngưng chiến, tất cả quân đội có tới 8.426 quân xa đủ loại, được phân ra 3.090 díp, 4.381 xe vận tải 2 tấn 5 và dodge, 16 xe 2 tấn 1, 774 xe 4 tấn và 165 xe cần trục 2 tấn 5.

Ngành xa binh của quân đội quốc gia bắt đầu có từ năm 1951, với kế hoạch thành lập tám đại đội vận tải loại xe 2 tấn 5, kế hoạch này đáp ứng cho tám sư đoàn Việt Nam thống thuộc các quân khu. Các đại đội vận tải này đã được thành lập theo diễn tiến sau đây:

— Đại đội vận tải số 4, 1-5-1951, Banmêthuột
— « 2, 1-9-1951, Huế
— « 1, 1-4-1952, Cần Thơ
— « 3, 1-4-1952, Hà Nội
— « 5, 1-8-1952, «
— « 6, 1-8-1952, Cholon
« 7, 1-3-1953, Hà Nội

Đại đội số 8 phải bãi bỏ, bởi vì việc thành lập các sư đoàn Việt Nam cũng bãi bỏ. Lúc đó để đáp ứng với nhu cầu, các đại đội vận tải vẫn được thành lập, nhưng được đặt tên với những danh hiệu khác, như

— Đại đội vận tải số 301, 1-8-1953, Phú Thọ
— « 303, 1-8-1953, Gia Lâm
« 304, 1-4-1953, Pleiku

Các đơn vị vận tải này thuộc thành phần trừ bị của các quân khu. Nhưng ngay sau đó, tất cả các đại đội vận tải được hệ thống thành các tiểu đoàn (groupe de transport); mỗi tiểu đoàn có một bộ chỉ huy, hai hoặc ba đại đội, mỗi quân khu một tiểu đoàn, riêng Đệ 3 quân khu có đến hai tiểu đoàn. Danh hiệu và thành phần cơ hữu của các tiểu đoàn này được ấn định như sau:

Tiểu đoàn vận tải 1 (Nam Việt) với các đại đội 1, 6 và 301.

— Tiểu đoàn vận tải 3 (Bắc Việt) với các đại đội 3 và 5.

— Tiểu đoàn vận tải 5 (Bắc Việt) với các đại đội 7 và 303.

— Tiểu đoàn vận tải 4 (Banmêthuột) với các đại đội 4 và 304.

Riêng Đệ 2 quân khu vẫn chỉ có một đại đội (Đại đội 2), được thành lập thêm một phân đội vận tải tại Nha Trang. Lúc đó, mỗi đại đội vận tải gồm ba phân đội, mỗi phân đội gồm 16 quân xa hữu ích 2 tấn 5. Cuối năm 1953, các đại đội vận tải cải danh hiệu theo tiểu đoàn, ví dụ các Đại đội 1, 6 và 301 thuộc Tiểu đoàn 1 vận tải đổi thành các Đại đội 1/1, 1/2 và 1/3 v.v...

Ngày 1-1-1954, các Tiểu đoàn vận tải 6 và 7 được thành lập theo thứ tự, ở Phú Thọ và Hà Nội.

Trước sự phát triển của các tiểu đoàn vận tải hai Đại đội lưu thông (Cie de circulation routière) số 3 và số 1 được liên tiếp thành lập tại Hanoi và Saigon trong các ngày 1-8-1953 và 1-3-1954. Mỗi đại đội này chỉ có hai trung đội.

Cũng cần kể lại, từ tháng 7-1952, lừa và ngựa được dùng vào việc vận tải bằng việc thành lập ra một đại đội lừa ngựa (cie muletière) tại miền Thái, gồm có 50 con lừa và ngựa địa phương, chịu đựng được với phong thổ, đủ sức chuyển vận trên miền rừng núi. Việc dùng lừa ngựa cũng được áp dụng tại miền Cao Nguyên với việc thành lập (1-3-1953) một trung đội trong thành phần cơ hữu của Tiểu đoàn 4 pháo binh để tải đạn, mãi đến 1-10-1953 miếu này mới chính thức

(5) Tháng 10-54, bốn tiểu đoàn đầu tiên được Pháp giao cho sĩ quan Việt Nam: TĐ 1 của thiếu tá Gaussetit giao cho thiếu tá Bùi hữu Nhơn, TĐ 2 của đại úy Bono giao đại úy Nguyễn đức Thắng, TĐ 3 của thiếu tá Moricheri giao đại úy Nguyễn xuân Thịnh, TĐ 4 của thiếu tá Faucher giao đại úy Lâm quang Thơ; chỉ huy trưởng pháo binh là trung tá Nguyễn xuân Trang.

thành lập cho ngành xa binh một đại đội

Đại đội lừa miền Thái đã bị thất lạc trong trận Điện Biên Phủ ; đại đội lừa miền Cao Nguyên được duy trì tới khi đình chiến, sau được cải tổ thành một đại đội mã vận nhưng cũng chẳng duy trì được bao lâu thì bãi bỏ.

Đặc biệt tại Nam Việt, để lợi dụng sự chuyển vận trên một hệ thống sông ngòi chằng chịt, ngành xa binh thành lập ra một giang đoàn, đó là Giang đoàn vận tải số 1 thành lập ngày 1-1-1954 tại Khánh Hội. Giang đoàn được trang bị bởi những giang đĩnh, ghe thuyền máy và xà lan để di chuyển người và hàng hóa nặng trong các công tác rỡ hàng ngoài khơi, chuyển vận trong các đường sông nội địa hay cận duyên. Giang đoàn này vừa mới thành lập, chưa được trang bị đầy đủ phương tiện thì đình chiến, nên sau đó cũng không thấy hoạt động, mãi đến năm 1959 hình thức hoạt động của một giang đoàn mới được chú ý

Tóm lại, ở vào đầu năm 1954, sự phát triển của ngành xa binh đã tiến tới cả trên các lãnh vực mã vận và giang vận, khiến cho danh từ « xa binh » trở thành hẹp nghĩa.

Theo tinh thần của kế hoạch quân số mới, ngành xa binh cải tổ với việc giải tán các tiểu đoàn vận tải để trở lại thành các đại đội vận tải biệt lập. Để tiết kiệm quân số, các đại đội lưu thông bị bãi bỏ, các đơn vị mã vận và giang vận không thấy được chú trọng.

Cũng theo kế hoạch quân số này, nỗ lực hoạt động của ngành xa binh chỉ còn trông vào 16 đại đội vận tải, phân chia như sau

— 4 đại đội đặt thuộc thành phần cơ hữu của bốn sư đoàn dã chiến

— 4 đại đội đặt thuộc thành phần cơ hữu của ba quân khu, riêng ĐIQK hai đại đội

— 8 đại đội đặt thuộc thành phần tổng trừ bị của trung ương

6. CÔNG BINH

Cũng như Sở Hỏa xa quân đội không nằm trong thành phần tổ chức của ngành xa binh, ngành công binh với ngành công thự tạo tác là hai ngành riêng biệt nhau trong lúc ấy

Ngành công binh có từ năm 1951 qua việc thành lập liên tiếp những đơn vị như sau ,

— Đại đội công binh chiến đấu 2, 1-9-51 Huế

— — 3, 1-09-51, Thái Bình

— — 4, 1-11-51, Banmêthuột

— — 1, 1-06-52, LongXuyên

— — 5, 1-08-52, Nam Định

— — 6, 1-08-52, Vĩnh Long

Tuy đã được thành lập nhưng các đại đội công binh chiến đấu vẫn hoạt động trong phạm vi của các tiểu đoàn công binh Pháp. Tới năm 1953, tổ chức công binh chia làm hai địa hạt các đơn vị công binh chiến đấu và các cơ sở công binh về hành chánh và tiếp vận. Ngành tiếp vận công binh được thành lập ngày 1-1-1953, tại trung ương có một cơ sở gọi là Nha vật liệu công binh trung ương (Direction centrale du service du génie) và tại mỗi quân khu có một cơ sở địa phương gọi là Nha vật liệu công binh quân khu (Direction du service du génie de la région militaire). Các cơ sở này đều tùy thuộc vào sự điều khiển của Pháp.

Cũng trong năm 1953, theo đà phát triển của các quân binh chủng binh sở, các đại đội công binh chiến đấu biệt lập được dần dần tổ chức thành tiểu đoàn. Đầu tiên là Tiểu đoàn 3 công binh chiến đấu thành lập ngày 1-1-1953 tại Nam Định, do sự kết hợp của các Đại đội 3 và 5 có sẵn, và Đội đội 74/2 công binh F T E O chuyển giao đổi thành Đại đội công binh chiến đấu số 7 (1-7-1953). Kế tiếp, ngày 1-10-1953, Tiểu đoàn 1 công binh chiến đấu thành lập tại Gia Định với sự kết hợp của các Đại đội số 1 và 6 có sẵn, và đại đội thứ ba được tân lập (1-1-1954). Đầu năm 1954, các đại đội công binh cải danh theo tiểu đoàn giống như các đơn vị vận tải

Liên tiếp, Tiểu đoàn 4 công binh chiến đấu thành lập tại Banmêthuột ngày 1-1-1954, với Đại đội 4 có sẵn và một đại đội được tân lập ; Tiểu đoàn 2 công binh thành lập tại Huế ngày 1-2-1954, với Đại đội số 2 có sẵn và một đại đội khác tân lập ; Tiểu đoàn 5 công binh chiến đấu thành lập 1-3-1954 tại Nha Trang, với những thành phần hoàn toàn tân lập, nhằm thỏa mãn cho nhiều đơn vị Việt Nam đang tham dự chiến dịch Atlante

Tới khi đình chiến, tất cả có năm tiểu đoàn với mỗi quân khu một tiểu đoàn, trong đó kể cả vùng chiến dịch Atlante được coi như đang trở thành Đệ 5 quân khu nhưng về sau ý định này bị bãi bỏ. Mỗi tiểu đoàn công binh chiến đấu lúc đó có trên 500 người, với những dụng cụ nặng gồm 5 xe ủi đất (2 nhỏ

Công binh Việt Nam đang phá một chướng ngại vật

và 3 trung), với 31 xe đồ đất cùng những dụng cụ thông thường của người binh sĩ công binh

Phụ thuộc vào các tiểu đoàn này, người ta còn thấy tại mỗi quân khu có một đại đội dự trữ vật liệu và sửa chữa dụng cụ. Tại các Đệ 3 và 4 quân khu, người ta còn thấy ở mỗi nơi có một đơn vị công binh gọi là đại đội khai lộ (Cie de sapeurs routiers).

Đầu năm 1955, bằng sự chuyển giao của Pháp, Tiểu đoàn 73 F.T.E.O. cải thành Tiểu đoàn 6 công binh chiến đấu, kể từ ngày 1-2-1955

Ngày 1-10-1955, theo tinh thần kế hoạch quân số 1955, bảng cấp số công binh ra đời với sự ấn định cho ngành này 7.487 người, chia thành 385 sĩ quan, 1.645 hạ sĩ quan, 4.999 binh sĩ, 7 nữ phụ tá và 451 dân chính. Đứng đầu là bộ chỉ huy trung ương, kế là ba bộ chỉ huy công binh quân khu với các cơ cấu tiếp vận trực thuộc. Trong khi đó, ngành công binh tạo tác vẫn được [illegible] biệt lập. Theo tổ chức mới này, từ các tiểu đoàn, ngành công binh tiến tới việc đặt ra ba liên đoàn công binh chiến đấu, mỗi quân khu một liên đoàn ; ngoài ra còn có bốn đại đội công binh riêng biệt dành cho bốn sư đoàn dã chiến.



Một cây cầu nổi bằng xuồng M2

Các đơn vị công binh được tổ chức tới cấp liên đoàn nhằm để tập trung tất cả phương tiện đủ đáp ứng cho những công tác quy mô, như mở mang đường xá, thiết lập phi trường, xây cất phao đà, [illegible] mà trước đó do công binh của Pháp đảm trách.

Tùy theo hoàn cảnh và điều kiện riêng của từng quân khu. Các liên đoàn công binh chiến đấu gồm những thành phần như sau

Liên đoàn 1 (Đ1QK) 1 tiểu đoàn công binh chiến đấu, 1 tiểu đoàn công binh kiến tạo, 1 đại đội cầu nổi, 1 đại đội xe ben, 1 đại đội công việc nặng (Cie lourde de travaux), 1 đại đội sửa chữa và 1 đại đội kho.

— Liên đoàn 2 (Đ2QK) 3 tiểu đoàn công binh chiến đấu, 1 đại đội cầu nổi, 1 đại đội Bailey, 1 đại đội công việc nhẹ (Cie légère de travaux), 1 đại đội xe ben, 1 đại đội sửa chữa và 1 đại đội kho.

— Liên đoàn 4 (Đ4QK) : 2 tiểu đoàn công binh chiến đấu, 1 đại đội cầu nổi, 1 đại đội cầu Bailey, 1 đại đội công việc nhẹ, 1 đại đội xe ben, 1 đại đội sửa chữa, 1 đại đội kho và 1 đại đội địa hình

7. TRUYỀN TIN

Ngành truyền tin Việt Nam bắt đầu có từ năm 1951 với những đại đội truyền tin biệt lập tại các miền quân sự, khác với các binh chủng chiến đấu khác, bộ chỉ huy của binh chủng truyền tin được thành lập ngay với Bộ Tổng Tham Mưu và đồng thời các cơ quan truyền tin quân khu cũng được thành lập ngay với các quân khu. Lúc ấy các bộ chỉ huy truyền tin gọi là Bộ chỉ huy viễn thông trung ương và các Bộ chỉ huy viễn thông quân khu.

Tới cuối năm 1952, những đại đội truyền tin sau đây được thành lập :

— Đại đội 1 truyền tin, 1-2-1951, Cần Thơ
— » 3 » , 1-2-1951, Nam Định
— » 4 » , 1-7-1951, Banmethuột
— » 2 » , 1-9-1951, Huế
— » 5 » , 1-7-1952, Hà Nội
— » 6 » , 1-10-1952, Gia Định

Những đại đội sau chót mới được thành lập tại Hanoi và Gia Định cho ta hiểu rằng từ trước đó, Bộ Tổng Tham Mưu đã phải sử dụng hệ thống truyền tin của Pháp.

Tất cả các đại đội truyền tin Việt Nam đều được thành lập trên một khuôn mẫu duy nhất phù hợp với một nhiệm vụ đơn giản, để đảm trách truyền tin cho một sư đoàn bộ binh (Sư đoàn Việt Nam), không đảm trách những nhiệm vụ lãnh thổ. Trên thực tế, những nhiệm vụ giao phó cho các đơn vị này khác hẳn, bởi vì mỗi đại đội đều có những nhiệm vụ khác nhau tùy theo vùng và tùy theo quân lực Việt Nam có hoặc không có trách nhiệm lãnh thổ. Vào đầu năm 1953, tướng Babet, tổng thanh tra truyền tin Pháp và cũng là thanh tra của quân đội Việt Nam đã đề nghị như sau « *Khi làm không nên dự trù một khuôn mẫu đại đội duy nhất, như vậy có thể phải duy trì quân số một cách vô ích ở một vài nơi Tuy nhiên, không thể ấn định cho mỗi đơn vị một tổ chức riêng biệt hẳn để đáp ứng một cách trọn vẹn cho nhiệm vụ hiện hữu của mỗi đơn vị ; do đó sẽ xảy ra những trở ngại lớn lao về các vấn đề bổ sung quân số và tiếp liệu. Và lại, sự đặc hưởng sẽ là một việc hão huyền, vì các nhiệm vụ thay đổi nhanh chóng theo thời gian* ».

Tướng Babet đưa ra phương thức kiểu gạch (brick system), nhằm với một số rất ít gạch mà lại có thể xây hầu như vô số kiến trúc khác nhau, cũng như có thể tu bổ một kiến trúc khởi thủy một cách giản dị và nhanh chóng. Như vậy, phải ấn định dùng những mẫu gạch nào và kế đó phải ấn định toàn bộ số gạch cần dùng để thực hiện một kiến trúc sơ cấp. Trong tương lai, những mẫu sơ khởi có thể được sửa đổi theo nhu cầu bằng cách tăng hoặc giảm. Những mẫu gạch này có thể là những toán mẫu thiết lập đường dây, liên lạc tin tức, khai thác đường dây, tiếp liệu và sửa chữa, đài vô tuyến mạnh lưu động (station radio puissante mobile), đài vô tuyến mạnh cố định (station radio puissante fixe), đài vô tuyến trung bình lưu động, đài vô tuyến trung bình cố định, đài vô tuyến lưu động hỗn hợp SCR 193/SCR 542, đài vô tuyến lưu động nhẹ, trung tâm truyền tin thuộc bộ tư lệnh sư đoàn hoặc khu chiến cố định, trung đội truyền tin thuộc liên đoàn lưu động, trung đội truyền tin tiểu khu v.v

Cũng như công binh, ngành tiếp vận truyền tin được thiết lập cùng ngày 1-1-1953, tại trung ương có Nha vật liệu truyền tin (Direction centrale du service du matériel des transmissions), ở các quân khu có các Sở địa phương (Etablissements régionaux du service du matériel des transmissions).

Đầu năm 1954, các phân đội truyền tin cho các liên đoàn lưu động (détachements de transmissions) thành lập và đồng thời để nới rộng tầm yểm trợ, một vài chi nhánh cơ xưởng sửa chữa và đơn vị tồn trữ tại Nam Định,

Hải Phòng, Đà Nẵng và Nha Trang được thành lập (6).

Cho tới khi đình chiến, ngành truyền tin vẫn do sĩ quan Pháp điều khiển và mãi tới tháng 4-1955, Pháp mới chuyển giao hoàn toàn cho Việt Nam.

Kế hoạch quân số 1955 dành cho ngành truyền tin 5.792 người gồm 272 sĩ quan, 1.452 hạ sĩ quan, 3.541 binh sĩ, 227 nữ phụ tá và 300 dân chính. Đứng đầu là Bộ chỉ huy viễn thông trung ương, kế đó là ba bộ chỉ huy viễn thông quân khu. Trực thuộc Bộ chỉ huy viễn thông trung ương có đại đội khai thác vô tuyến điện trung ương cùng một tiểu đoàn tồn trữ và sửa chữa vật liệu truyền tin trung ương. Trực thuộc Bộ chỉ huy viễn thông quân khu gồm có các đại đội khai thác điện thoại vô tuyến điện, các đại đội tồn trữ và sửa chữa vật liệu truyền tin và các đại đội truyền tin. Sự phân chia cho các quân khu được ấn định như sau

1) Đệ 1 quân khu

— 2 đđ khai thác điện thoại và vô tuyến điện

— 1 đđ sửa chữa vật liệu truyền tin dã chiến

— 1 đđ tồn trữ vật liệu truyền tin

— 2 đđ truyền tin địa phương (hệ thống truyền tin lãnh thổ)

2) Đệ 2 quân khu

— 1 đđ khai thác điện thoại và vô tuyến điện

— 1 đđ sửa chữa vật liệu truyền tin dã chiến

— 1 đđ tồn trữ vật liệu truyền tin

— 1 đđ truyền tin địa phương

3) Đệ 4 quân khu .

— 2 đđ khai thác điện thoại và vô tuyến điện

— 2 đđ sửa chữa vật liệu truyền tin dã chiến

— 2 đđ tồn trữ vật liệu truyền tin

— 2 đđ truyền tin địa phương

Ngoài ra, còn có 10 đại đội truyền tin dành cho mười sư đoàn bộ binh dã chiến và khinh chiến.



Đại đội khai thác vô tuyến điện trung ương đã được thiết trí ở tầng cuối của tòa nhà chánh Bộ TTM



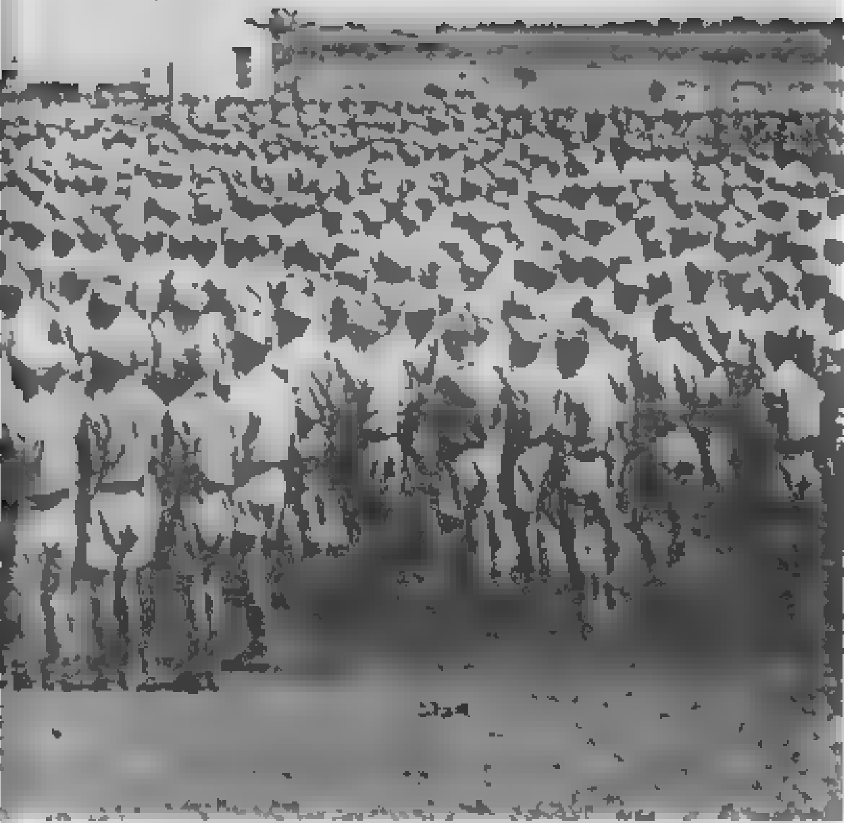
Tòa nhà dùng cho truyền tin tại thành Mang Cá (1952).



(6) Annexe transit Etablissement régional de matériel des transmissions ERMT — Annexe transit ERMT à Tourane, ERMT à Hải Phòng — Atelier ERMT à Nha Trang, ERMT à Nam Định.



Tân binh tập họp tại vận động trường Quảng Yên (1953)



Chương 6

CÁC ĐƠN VỊ QUÂN TRƯỜNG

△ DIỄN TIẾN THÀNH LẬP △ QUÁ TRÌNH THÀNH HÌNH △ CÁC QUÂN TRƯỜNG CỦA PHÁP △ VIỆC TỔ CHỨC QUÂN TRƯỜNG SAU NGƯNG BẮN △ BỎ PHÁP HUẤN LUYỆN THEO LỐI MỸ

CÁC ĐƠN VỊ QUÂN TRƯỜNG

1.— DIỄN TIẾN VỀ VIỆC THÀNH LẬP CÁC QUÂN TRƯỜNG

VIỆC huấn luyện đơn vị và đào tạo cán bộ cho quân lực Việt Nam đặt thuộc lãnh vực yểm trợ của các quân trường Liên Hiệp Pháp. Tuy nhiên, kể từ năm 1946, các quân trường riêng biệt của quân đội Việt Nam được dần dần thành lập để mở rộng sự phát triển quân lực. Tính theo thứ tự thời gian tới khi ngưng chiến, các quân trường Việt Nam đã được thành lập như sau

— Khóa Liên quân Viễn Đông (Peloton inter-armes d'Extrême-Orient), khai giảng 15-7-1946, tại Đà Lạt.

— Trường sĩ quan hiện dịch, thành lập 1-12-1948, Huế

— Các trường võ bị địa phương (école militaire régionale), 15-9-1950, tại Trung Chánh (Nam Việt), Huế và Nam Định.

— Ba trường thiếu sinh quân quân khu, 1950, tại Gia Định, Huế và Hà Nội.

— Trường sĩ quan trừ bị, 1-10-1951, Thủ Đức.

Trường đại học y khoa (école principale du service de santé, tắt là EPSS), 1-10-1951, Hà Nội

— Trung tâm huấn luyện Hiến binh quốc gia, 1-10-1951 Thủ Đức.

— Các trường huấn luyện tài xế và thợ máy (centre de formation rationnelle des auto-conducteurs, tắt F.R.A.C.), 1951, Huế và Đà Lạt.

— Trung tâm huấn luyện không quân, 3-1952, Nha Trang

— Trung tâm chiến thuật (centre de formation tactique), 1-6-1952, Hà Nội.

— Trung tâm huấn luyện sư đoàn (centre d'instruction divisionnaire), 1-7-1952, tại bốn quân khu.

— Trung tâm huấn luyện hải quân, 12-7-1952, Nha Trang

- Trung tâm huấn luyện kỹ thuật quân khu (centres d'instruction technique régionaux, tắt C.I.T.R.), 1-9-1952, tại Cây Điệp, Văn Thánh, Hà Nội và Bandon (Banmêthuột).
- Trung tâm huấn luyện kỹ thuật truyền tin quân khu (centres d'instruction technique des transmission régionaux, tắt C.I.T.T.R.), 1-9-1952, Gia Định, Huế, Hà Nội và Banmêthuột.

Các trại huấn luyện tân binh (camps d'instruction).

9. QUÁ TRÌNH THÀNH HÌNH CỦA CÁC QUÂN TRƯỜNG

Khóa Liên quân Viễn Đông là một khóa huấn luyện của quân đội Pháp, có khoảng 10 khóa sinh sĩ quan người Việt, được mở với mục đích tăng thêm sĩ số người Việt trong quân đội Pháp, chứ người Pháp chưa có ý định tạo dựng một quân đội Việt Nam riêng biệt.

Mãi tới cuối năm 1948, Pháp mới thực sự mở trường sĩ quan cho quân đội Việt Nam. Đó là trường sĩ quan Huế. Nhưng trường này lại được khai sinh do sáng kiến của ông Phan văn Giáo, đương kim tổng trấn Trung phần, một phần tử rất được quốc trưởng Bảo Đại tin cậy, cho mang hàm trung tướng để lập quân đội quốc gia, và tạm thời lãnh đạo lực lượng Việt binh đoàn. Lúc đó, ông Giáo còn có triển vọng được quốc trưởng bổ nhiệm làm tổng tư lệnh quân đội quốc gia do ông thành lập, với những sáng kiến riêng biệt. Khi lập ra trường sĩ quan Huế, ông muốn tạo trường này làm nơi rèn luyện các cấp chỉ huy cho quân đội của ông. Nhưng, ý kiến của ông không được người Pháp chiều theo, họ chỉ muốn trường này là nơi đào tạo chung cho cả quân đội, với nhiệm vụ vừa đào tạo các sĩ quan trung đội trưởng cho các đơn vị chiến đấu, vừa đào tạo một số huấn luyện viên cho những khóa sau này.



Lễ khánh thành trường Võ bị Liên quân Đà Lạt (5-11-19.0)

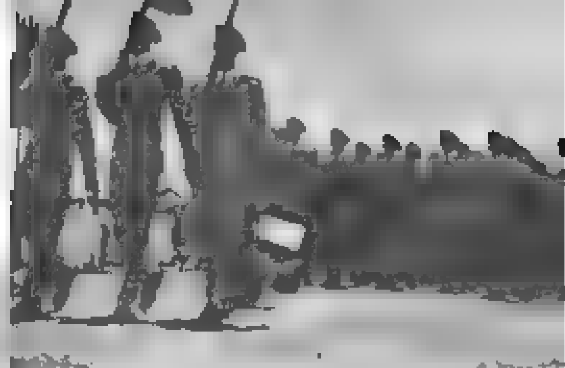
Mùa thu 1950, nhằm có những quân trường đào tạo cán bộ hạ sĩ quan, tại mỗi quân khu được phép mở một trường võ bị địa phương. Trường hạ sĩ quan Tr..ng Chánh

Khóa Trần Hưng Đạo diễn hành trước quốc trưởng Bảo Đại.

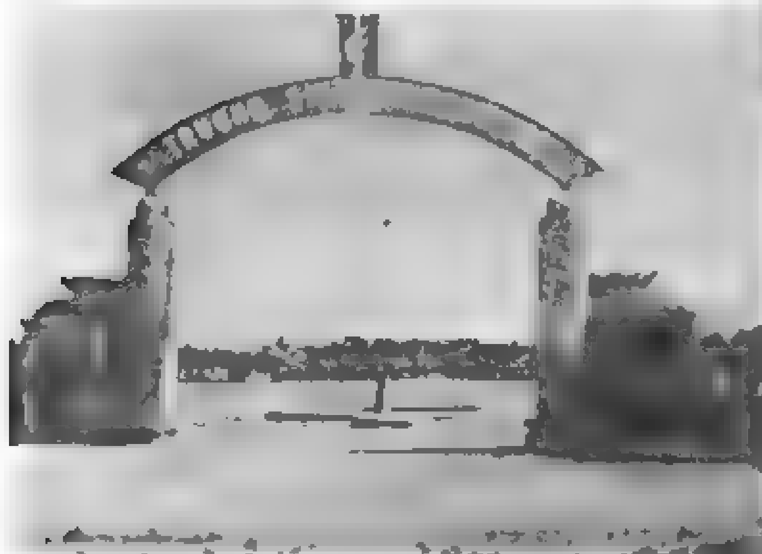


đào tạo đa số cán bộ cấp nhỏ cho ngành vệ binh Nam Việt. Trường hạ sĩ quan Huế khi mở, thì trường sĩ quan Huế chuyển về DaLat cải thành trường Võ bị Liên quân DaLat, khai mở khóa thứ ba ngày 1-10-1950. Trường này được mang về DaLat là do ý kiến của quốc trưởng Bảo Đại. Lúc đó, quốc trưởng đang ở DaLat nên muốn quân trường chính này được dời về đây, để tiện coi sóc. Trường sĩ quan hiện dịch khi ở Huế đồn trú tại Đập Đá và trường võ bị địa phương nhận doanh trại này khi thành lập, nhưng thực ra hai trường này khác nhau. Trường võ bị địa phương có lúc đã phải dời ra Văn-Thánh để sửa chữa ngôi trường ở Đập Đá, rồi sau lại di trở về. Trường võ bị Nam Định đã có vinh dự đào tạo khóa 1 Nam Định cuối năm 1951, khi trường sĩ quan trừ bị xây trên đồi Tăng Nhơn Phú ở quận Thủ Đức chưa hoàn tất. Tuy nhiên, khóa 1 Thủ Đức cũng diễn ra tại đây, trong những căn nhà lá được dựng tạm thời làm chỗ cho khóa sinh lưu trú. Bởi vậy, khóa 1 trừ bị đã diễn ra tại hai nơi vào cùng ngày 1-10-1951. Các trường võ bị địa phương khi mới thành lập vì còn bị ảnh hưởng bởi trường sĩ quan Huế trước đây nên còn được phép đào tạo cấp chuẩn úy, nhưng chỉ có hai khóa đầu, về sau chỉ được đào tạo hạ sĩ quan cấp trung đội trưởng và cấp chuyên môn mà thôi.

VÀI SINH HOẠT TRƯỜNG THỦ ĐỨC.

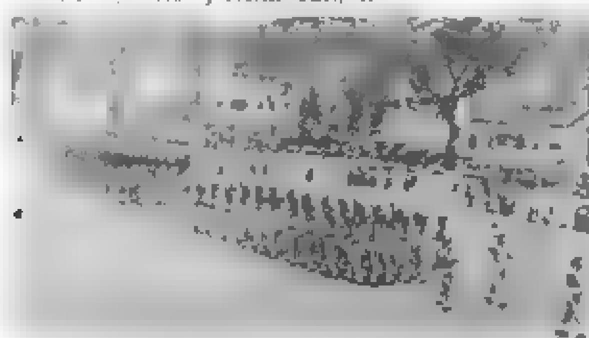


Lễ mãn khóa 1 Thủ Đức



Cổng trường

Lễ mãn khóa 2 trước quốc trưởng Bảo Đại, tại đại lộ Thống Nhất Saigon





Một sĩ quan thủ khoa khóa trừ bị

Sinh viên sĩ quan Thủ Đức



Trường võ bị địa phương Cao Nguyên, mãi tới tháng 10 năm 1952, mới được thành lập tại Le Lac, để đào tạo hạ sĩ quan gốc Thượng. Đồng thời, trường thiếu sinh quân Đệ 4 quân khu cũng được thành lập tại Le Lac.

Các trường thiếu sinh quân thuộc các quân khu Nam Trung Bắc được thành lập trong năm 1950, song song với các trường võ bị địa phương. Trường thiếu sinh quân Đệ 1 quân khu là một trường cũ được thành lập từ năm 1911 tại Thủ Dầu Một, thâu nhận các con em quân nhân cả ba xứ Việt-Miên-Lào. Trường này năm 1946 được dời về Gia Định, để đến năm 1950 biến thành một trường thiếu sinh quân chính thức của Việt Nam, sau đó chuyển về Mỹ Tho rồi mới chuyển ra Vũng Tàu như ngày nay. Trường thiếu sinh quân Đệ 2 quân khu thành lập tại thành Mang Cá. Còn trường thiếu sinh quân Đệ 3 quân khu cũng là một trường cũ được thành lập tại Đáp Cầu năm 1912, hồi Nhật thuộc dời về núi Đèo thuộc Kiến An, tới năm 1950 chính thức thành lập tại Hà Nội. Tới khi ngưng bắn, trường này di chuyển vào Nam sát nhập với trường thiếu sinh quân Đệ 1 quân khu. Ngoài ra, tại Bắc Việt còn có trường thiếu sinh quân Mon Cáy, một trường nhỏ lập riêng cho con em quân nhân miền Thượng du Bắc Việt.



Một thiếu sinh quân Việt Nam.



Thiếu sinh quân Vũng Tàu.

Năm 1951, đánh dấu việc động viên, không những động viên các thành phần sĩ quan nhắm vào các tư nhân, công tư chức, học sinh, sinh viên có cấp bằng văn hóa từ trung học đệ nhất cấp hoặc cấp tương đương trở lên, mà còn động viên các thành phần hạ sĩ quan và binh sĩ không có căn bản văn hóa như trên, hay có văn hóa nhưng liệt vào loại không có sức khỏe chiến đấu. Việc kêu gọi động viên những thành phần hạ sĩ quan và binh sĩ được dự trù tới 60.000 người, và được chia gọi thành bốn đợt, mỗi đợt 15.000 người Bắc 6.000, Trung 3.000 và Nam 6.000. Kết quả chỉ có ba đợt được thi hành với một phần xuất nhập ngũ như sau

— *Đợt 1* : 16-10-1951 — 15.000 — trình diện 13.906

— *Đợt 2* : 16-12-1951 — 15.000 — trình diện 14.063

— *Đợt 3* : 16-01-1952 — 15.000 — trình diện 12.833

Để thâu nhận những phần tử động viên này, tại Bắc Việt trung tâm huấn luyện Bắc Ninh được mở nhưng sau trung tâm này phải bãi bỏ vì không tiện lợi và mất an ninh. Tại Trung và Nam Việt, việc huấn luyện những tân binh động viên đã diễn ra ở thành Mang Cá và Cây Điệp. Vấn đề động viên binh sĩ lúc đó chỉ là một nhu cầu chính trị, bởi vậy sau hai tháng thụ huấn, các học viên được thong thả trở về nhà đợi lệnh. Nhưng việc động viên sĩ quan lại không thể, những phần tử tốt nghiệp sĩ quan được bổ nhậm ngay tới các đơn vị Liên Hiệp Pháp vừa được Việt hóa, để dần dần thay thế các cán bộ Pháp. Việc động viên sĩ quan đã gây nên một vài vụ rắc rối, đó là vụ bãi khóa tại khóa I Nam Định, được cầm đầu bởi một số khóa sinh là sinh viên và học sinh phản đối việc nhập ngũ mà họ coi là vô nghĩa. Một số khóa sinh trong đám đó bị bắt giữ nhưng sau lại được đưa vào theo học khóa I Thủ Đức, một số khác được phép thi vào khóa 6 Đà Lạt. Một vụ rắc rối khác xảy ra tại khóa 2 Thủ Đức nhưng đã bị dập tắt ngay.

Mùa hạ 1952, các sư đoàn Việt Nam xuất hiện và được thành lập trong thành phần của mỗi sư đoàn một trung tâm huấn luyện. Các trung tâm huấn luyện sư đoàn chỉ dạy bộ binh. Tháng 8-1952, khóa sinh bộ binh ít nên Bộ Tổng Tham Mưu đã đổi thành các trung tâm huấn luyện kỹ thuật quân khu, để có thể dạy được nhiều môn khác như pháo binh, bộ

binh, công binh, thư ký, kế toán v.v... Nhiệm vụ của các trung tâm huấn luyện kỹ thuật là đào tạo các cán bộ và chuyên viên cấp nhỏ cho các đơn vị, ngoài ra các trung tâm này còn có nhiệm vụ tuyển mộ tân binh và phân phối sau khi huấn luyện. Tại Đệ 1 quân khu, trung tâm huấn luyện kỹ thuật số 1 kiêm cả những khóa huấn luyện về nhảy dù.

Ngoài các trung tâm huấn luyện kỹ thuật này, tại mỗi quân khu còn có một trung tâm huấn luyện kỹ thuật truyền tin được thành lập trong cùng một ngày với các trung tâm huấn luyện kỹ thuật. Tất cả những trung tâm này đều được đặt tên theo danh số của các quân khu và thường được gọi tắt theo tên tiếng Pháp, ví dụ C.I.T.R. 1, 2, 3 và 4—C.I.T.T.R. 1, 2, 3 và 4.

Tóm lại, tới giữa năm 1952, các quân trường đã có đủ từ cấp sĩ quan, hạ sĩ quan đến binh sĩ để đào tạo cán bộ và binh sĩ cho quân đội. Ở cấp cao hơn, có Trung tâm chiến thuật để đào tạo các tiểu đoàn trưởng bộ binh. Sự đào tạo này nhằm vào một mục đích thực tế, là đào tạo những cấp chỉ huy đơn vị với những vũ khí và phương tiện quen thuộc, có thể đối phó với một kẻ địch quen thuộc mà chiến trường miền Bắc là nơi áp dụng những chiến thuật giảng dạy. Các trung tâm huấn luyện hải và không quân mới thành lập, còn trong giai đoạn phôi thai, chưa có một thành tích nào đáng kể. Đặc biệt, sự huấn luyện về truyền tin được chú ý hơn những bộ môn khác, bởi để có đủ chuyên viên cung cấp tới tận các đơn vị bộ binh cấp nhỏ. Trường đại học y khoa cũng được chú ý, bởi vì việc đào tạo các quân y dược sĩ phải qua các đại học đường Việt Nam, chứ không như những ngành binh chủng khác, việc đào tạo sĩ quan đã có quân trường Liên Hiệp Pháp yểm trợ.

Tới đầu năm 1953, để đáp ứng với nhu cầu thành lập các đơn vị khinh quân, các trại huấn luyện tân binh đã được xây cất khá ồ ạt.

Tại Bắc Việt, một trại huấn luyện tân binh được thiết lập tại Quảng Yên. Trại này ở ngay tỉnh lỵ, chia làm hai khu: một khu là trại lính cũ hồi Pháp thuộc sau là trại lính của Nhật, còn một khu ở trên một ngọn đồi phía Bắc tỉnh, cách xa khu trên khoảng một cây số. Ngoài trại chính Quảng Yên, còn có những trại phụ được thiết lập tại những nơi lấy được nhiều tân binh, như trại Vạn Bảo ở Nam Định thâu nhận các tân binh công giáo tình nguyện tại đây, như bãi tập tại sân bay Autrex (tên loại máy bay dân sự 8 chỗ sử dụng lúc ấy) ở Bùi Chu luyện những tiểu đoàn khinh quân đầu tiên tại Bắc Việt, sau được đưa tới hành quân ở vùng Quần Phương Hạ.

Tại Trung Việt, ngoài trại tân binh ở thành Mang Cá, một trại khác được thiết lập ở Suối Dầu để huấn luyện những tiểu đoàn khinh quân được thành lập tại miền Nam Trung Việt.

Tại miền Nam, trại tân binh chính là Quán Tre, những trại phụ được thiết lập tại Mỹ Tho và Sóc Trăng để cấp thời thành lập những tiểu đoàn khinh quân tại đây.

Đợt đầu tổng động viên thi hành ngày 1-4-1953. Lúc đó, sức chứa của các trại tân binh chính chưa đủ khả quan, tỉ dụ như trại Quảng Yên chỉ chứa được 6.500 người, Mang Cá 2.500 người và Quán Tre 3.000 người. Để mở mang thêm những khu trại này, một ngân khoản trị giá 230.000.000 phật lăng đã được dùng để xây cấp tốc những căn nhà như sau: —Quảng Yên 71 nhà 25m×6m bằng gạch mái tôn, Huế và Suối Dầu 40 nhà như trên và Quán Tre 64 nhà như trên.

Quảng Yên là trại quan trọng nhất; trong năm 1953 đã đào tạo được 1.700 hạ sĩ, 900 trung sĩ và 7.500 binh sĩ, được kể như tương đương với quân số để thành lập 14 tiểu đoàn khinh quân.

Mỗi trại tân binh động viên lúc ấy tổ chức gồm có một bộ chỉ huy và nhiều toán, mỗi toán là một liên đoàn có nhiều đại đội huấn luyện và có khoảng 1.000 khóa sinh; các đại đội sau khi huấn luyện xong được ghép luôn thành tiểu đoàn. Chương trình huấn luyện các tiểu đoàn khinh quân được vạch ra như sau: « Học về các môn chiến đấu trên diện địa, hành quân bình định, chống du kích, di chuyển nhanh nhẹn trong đêm tối, phục kích, vắn tắt tất cả các hình thức chiến đấu biệt kích được tăng cường tối đa bằng các hoạt động tuyên truyền; nỗ lực nhằm vào sự rèn luyện tâm lý, khái niệm về kỷ luật, huấn luyện căn bản của người chiến binh, tập đi bộ, học tập các kỹ thuật chiến đấu của Việt Minh, tác chiến ban đêm ».

Việc thành lập 54 tiểu đoàn khinh quân trong năm 1953 đòi hỏi một số nhu cầu về cán bộ mọi cấp như sau: 57 tiểu đoàn trưởng, 361 đại đội trưởng, 489 trung đội trưởng sĩ quan, 63 OT-OR (1), 1.900 trung đội trưởng và trung đội phó hạ sĩ quan, 7.700 tiểu đội trưởng, 63 hạ sĩ quan tế mục vụ (thường là thượng sĩ), 569 hạ sĩ quan kế toán v.v... Nhu cầu này đã đưa đến một sự phân công đào luyện

Trại huấn luyện Quang Yen.





Một đơn vị huấn luyện đang diễn tập tại thị xã Quảng Yen.

Cấp trung ương phụ trách đào luyện

— đại đội trưởng	do trường Võ bị Liên quân Đalạt
— OT — OR (1)	do trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức từ khóa 2

— *Cấp địa phương phụ trách đào luyện*

— trung đội trưởng, trung đội phó, HSQ kế toán	do trường võ bị địa phương hay các C.I.T.B
— HSQ truyền tin, hiệu thính viên [illegible]	do các C.I.T.B
— tiểu đội trưởng và hạ sĩ tiểu đội phó	do các trại huấn luyện tân binh
— HSQ tế mục vụ	do ngành quân nhu địa phương
— HSQ quân xa, thợ máy	do ngành quân cụ địa phương và các quân trường LHP
— tài xế	do các trung tâm F.R.A.C.
— HSQ và hạ sĩ y tá	do ngành quân y địa phương

Ngày 1-10-1953, Trung tâm chiến thuật đổi thành Viện nghiên cứu quân sự (Centre d'études militaires des FAVN) để mở mang lãnh vực huấn luyện và đã nỗ lực thực hiện chương trình niên khóa 1953-54, với những khóa như sau :

- khóa tiểu đoàn trưởng, mỗi khóa 30 học viên lâu ba tháng, kết quả 90 tốt nghiệp,
- 2 khóa sĩ quan tham mưu, mỗi khóa 25 học viên lâu 4 tháng, kết quả 2/3 tốt nghiệp,
- 2 khóa liên đoàn trưởng, phân và tiểu khu trưởng, mỗi khóa 10 học viên lâu một tháng rưỡi, tốt nghiệp c[illegible]



Khóa sinh lớp [illegible] đoàn trưởng [illegible] Lạt (1953).



Khóa sinh lớp tiểu đoàn trưởng Trung tâm chiến thuật (1953).

(1) OT OR : officier de transmission, officier de renseignement (sĩ quan truyền tin, sĩ quan tin tức) là một chức vụ do một sĩ quan đảm trách trong bộ chỉ huy tiểu đoàn khinh quân để lo về truyền tin, tin tức địch và an ninh đơn vị.

Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt phụ trách mở 12 khóa đại đội trưởng, mỗi khóa 50 học viên lâu hai tháng, học xen kẽ mỗi tháng một khóa, kết quả 500 tốt nghiệp.

Trường sĩ quan trừ bị lúc ấy góp sức vào việc đào tạo các sĩ quan chuyên môn như pháo binh, trọng pháo, thiết giáp, xa binh, truyền tin, quân cụ, công binh v.v. Thời gian thụ huấn chia làm hai giai đoạn: giai đoạn bộ binh căn bản và giai đoạn chuyên môn. Những khóa sinh nào được chọn theo ngành, sau khi học xong giai đoạn bộ binh, sẽ theo giai đoạn chuyên môn, và khi đã tốt nghiệp sĩ quan tại Thủ Đức, được gửi học tiếp ở các quân trường chuyên môn Liên Hiệp Pháp. Còn những sĩ quan tốt nghiệp thuần túy bộ binh được gửi ngay tới các đơn vị để phục vụ.

Để đáp ứng cho nhu cầu Việt hóa cuộc chiến tranh, tới cuối năm 1953, việc đào tạo cán bộ sĩ quan có phần gấp rút, và đặc biệt đã đặt trọng tâm vào trường Thủ Đức. Trường này đang từ sự thu nạp thông thường 500 khóa sinh mỗi khóa, đã phải tăng đến 1.000 cho mỗi khóa. Với sự gia tăng số lượng khóa sinh này, giường bố đã phải thay bằng giường tầng, các khóa sinh thụ huấn đã phải sống trong một hoàn cảnh chật chội quá đáng. Thế nhưng sự gia tăng này vẫn chưa đủ, do đó những khóa sĩ quan trừ bị phải được mở thêm tại trường Võ bị Liên quân Đà Lạt, để kịp thời cung cấp cán bộ cần thiết cho quân đội. Do nhu cầu này mà ngày nay các sĩ quan trừ bị đã nắm giữ những mấu chốt quan trọng trong hầu hết các ngành hoạt động quân đội, bởi vì khối lượng sĩ quan trừ bị đông hơn sĩ quan hiện dịch, khối lượng này lại có nhiều khả năng, và đa số vì cuộc chiến tranh kéo dài nên đã phục vụ vĩnh viễn cho binh nghiệp. Việc đào tạo qua ngả động viên đã một phần nào làm thay đổi bản chất của quân đội, đang từ tính cách thân binh sang tính cách quốc gia, bởi vì các thành phần động viên có mặt trong quân đội tiêu biểu cho mọi giới quần chúng của quốc gia.

3. CÁC QUÂN TRƯỜNG CỦA PHÁP

Việc đào tạo cán bộ thuộc lãnh vực yểm trợ của các quân trường của Pháp được thực hiện tại bên Pháp và tại những quân trường của Pháp ở Đông Dương.

Những khóa sinh du học Pháp đều là thành phần tuyển chọn, mỗi môn chỉ có một số ít người được theo. Những khóa ở bên Pháp tất nhiên tổ chức đầy đủ, kỹ càng và được theo học trong một thời gian khá lâu. Còn các khóa tại Đông Dương, có tính cách bắt buộc cho những cán bộ học chuyên môn, hoặc những cán bộ được chỉ định theo học do nhu cầu, những khóa này chỉ nhằm huấn luyện cấp tốc những nguyên tắc căn bản, những dữ kiện thực hành cần thiết cho người cán bộ.

Từ cuối năm 1949, các sĩ quan du học được gửi qua Pháp. Các khóa học, và số học viên tới cuối năm 1954 được liệt kê như sau

QUÂN TRƯỜNG	*SỐ LƯỢNG*
1) Lục quân	
— Etat major de Paris (tham mưu)	11
— Coetquidan (bộ binh)	5
— Chalon sur Marne (pháo binh)	5
— Angers (công binh)	11
— Ecole supérieure génie Versailles (công chánh)	7
— Montargis (truyền tin)	10
— Fontainebleau (quân cụ)	30
— Ecole supérieure Intendance (quân nhu)	15
— Montpellier (hành chánh)	15
— A.B.C. Saumur (thiết giáp)	15
— Tours (xa binh)	5
— Lyon (hành chánh quân y)	5
— Melun (hiến binh)	2
— St Maixent	12
— Sorbone (trắc nghiệm tâm lý)	2
— Bordeaux (quân y)	9
— Polytechnique (bách khoa)	1
2) Không quân	
— Salon (hoa tiêu)	6
— Salon (kỹ sư cơ khí)	5
— Marrakech (sĩ quan + hạ sĩ quan hoa tiêu)	89
— Fes (hsq vô tuyến phi hành)	26
— Rochefort (hsq cơ khí)	150
3) Hải quân	
- Ecole navale Brest (chỉ huy + cơ khí)	6

— Ecole marine Cherbourg (hạ sĩ quan) 4

— Ecole marine Toulon (hạ sĩ quan) 4

— Ecole de fusiliers Siroco (Alger) (hạ sĩ quan) 2

Sự tuyển chọn khóa sinh có những điểm đặc biệt. Tỷ dụ như tuyển các khóa sinh theo học tham mưu tại Balê, căn cứ theo kết quả của các khóa chỉ huy chiến thuật để tuyển chọn (cours de commandement tactique Hà-nội) tuy nhiên khóa đầu tiên gồm có thiếu tá Lê văn Kim và các đại úy Trần văn Đôn, Trần văn Minh, Lê văn Đức đã được chỉ định (4-1950). Còn trường Coetquidan là một trường đào tạo sĩ quan liên quân hiện dịch, thường dành cho các sĩ quan Saint Cyr theo học. Các sĩ quan Việt phải dự một kỳ thi tuyển kỹ càng mới được thâu nhận. Chương trình học lâu hai năm, riêng trong năm đầu các khóa sinh theo học đặc biệt về các binh khoa truyền tin, pháo binh, công binh và quân cụ. Để theo ngành quân nhu, các khóa sinh phải có bằng tiến sĩ hay cử nhân luật, bởi vậy mà phải tuyển mộ từ bên ngoài vào. Việc tuyển mộ khóa sinh đã được thông cáo cho cả kiều bào ở bên Pháp. Việc tuyển chọn các kỹ sư cho ngành công binh cũng hết sức thận trọng, ngoài việc đào tạo bên Pháp còn tuyển mộ từ bên ngoài quân đội vào. Những kỹ sư tốt nghiệp trường Cao đẳng kỹ thuật công chánh Việt Nam được tuyển mộ và giao phó những chức vụ quan trọng đều là những người có nhiều kinh nghiệm chắc chắn, có tuổi thọ từ 30 đến 40. Tất cả những sự tuyển chọn kỹ càng này, cùng với các sự phối hợp và yểm trợ của các quân trường bên Pháp là nhằm vào mục đích xây dựng cho quân đội quốc gia một tầng lớp sĩ quan lãnh đạo có khả năng.

Còn các quân trường Pháp tại Đông Dương có đủ mọi loại. Các quân trường này dùng để đào tạo quân đội Liên Hiệp Pháp và sau yểm trợ cho quân đội Việt Nam. Khi ngừng chiến, một số lớn được giao chuyển cho quân đội Việt Nam, và số còn lại thì giải tán. Các quân trường Liên Hiệp Pháp với môn học và thời gian theo học được liệt kê như sau

BINH CHỦNG BINH SỞ	QUÂN TRƯỜNG	MÔN HỌC
Bộ binh	Centre de perfectionnement des sous officiers indochinois = C.P.S.O.I. Ecole des s/off Biên Hòa.	Hoàn hảo sĩ quan (4 tháng) Cap St Jacques (4 tháng)
Biệt kích	Centre d'instruction fixe/Groupement de commandos mixtes aéroportés = C.I.F./G.C.M.A. sau đổi C.I.F./G.M.I.	HSQ và BS (3 tháng) Cap St Jacques
Commando	Ecole de commandos	SQ + HSQ + BS (2 tháng) Vat chay Hòn gay
Thiết giáp	Centre d'instruction de l'arme blindée = C.I.A.B.	SQ + HSQ (SQ 5 tháng HSQ 3 tháng) Cap St Jacques
Pháo binh	Centre d'inst.de l'artillerie = C.I.A.	Sĩ quan (5 tháng) Phú Lợi
Công binh	Centre d'inst. du genie = C.I.G.	Sĩ quan (4 tháng) Kiến An
Xa binh	Centre d'inst.du train = C.I.T.	Sĩ quan (4 tháng) Cap St Jacques
Hành chánh	F.T.E.O. Saigon	Sĩ quan hành chánh (5 tháng)

Trên đây chỉ kể những trường thiết thực yểm trợ quân đội Việt Nam.

Trường C.P.S.O.I. tuy đào tạo các hạ sĩ quan Liên Hiệp Pháp nhưng thực ra đã đào tạo sĩ quan cho quân đội Việt Nam. Những hạ sĩ quan này phải thuộc nguồn gốc đơn vị Liên Hiệp Pháp, được Pháp chấp thuận cho theo học các khóa trên trước khi trở thành sĩ quan chuyển sang quân đội Việt Nam để nắm giữ các chức vụ chỉ huy. Trường C.I.F. G.C.M.A là một quân trường huấn luyện phụ lực quân trở thành biệt kích hoạt động biệt lập tại các mật khu. Trường này được coi như một thứ trường com măng đô, nên một chi nhánh được thành lập tại Vatchay, gọi là trường com măng đô Vatchay, ngoài việc huấn luyện các đại đội com măng đô, kể từ giữa năm 1953 được dành riêng để huấn luyện bổ túc cho các sĩ quan và hạ sĩ quan của các tiểu đoàn khinh quân được cử theo học. Việc hoàn hảo các hạ sĩ quan phụ lực quân trước được thực hiện tại các quân trường này, sau do các C.I.T.R. đảm trách.

Việc đào tạo sĩ quan hành chánh do các trung tâm hành chánh Pháp, các trưởng quân xa do các đại đội C.M.R.M., các thợ sửa chữa chiến xa, thợ điện quân xa do C.I.A.N.V. tại Hà Nội, các chuyên viên lọc nước, máy đầy do các C.E.G. (Cie des eaux du génie).

Sự hoạt động của các quân trường đã thay đổi sau khi ngừng chiến. Trường com măng đô Vatchay di chuyển vào Suối Dầu, tới tháng 2 1955 dời về Nha Trang biến thành trường Biệt động đội và Thể dục (Ecole de Commandos et d'Education physique). Trường C.I.A. tại Phú Lợi chuyển giao Việt Nam tháng 3-1955. Các quân trường Liên Hiệp Pháp khác coi như hoàn toàn tê liệt trong lúc ấy, bởi vì chiến tranh đã chấm dứt, quân Pháp ra đi, và cũng bởi vì sự huấn luyện được chuyển sang một đường lối mới.

4. VIỆC TỔ CHỨC QUÂN TRƯỜNG SAU NGỪNG BẮN 1954

Đầu năm 1955, quân đội chỉ còn có những quân trường chính như sau :

— Trung tâm nghiên cứu quân sự quân đội Việt Nam (cũng có người gọi là Viện nghiên cứu quân sự)

— Trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức.

— Trường Đại học y khoa

— Trường thiếu sinh quân Vũng Tàu

— Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt

— Trường Biệt động đội và Thể dục

— Các trung tâm F.R.A.C và F.R.A.D (Formation rationnelle des auto-conducteurs et des auto-dépanneurs).

— Các trung tâm huấn luyện số 1 và 4,

— Các trung tâm huấn luyện kỹ thuật truyền tin số 1 và 2.

— Trường Quân báo và Chiến tranh tâm lý.

Trung tâm nghiên cứu quân sự sau đổi thành trường Đại học quân sự (1-12-1955).



Trường Đại học quân sự (cạnh Bộ Tổng Tham Mưu).

Trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức phải tạm thời đảm nhiệm các chuyên khoa bộ binh, thiết giáp, pháo binh, công binh, truyền tin, quân cụ, thông vận binh (tức là xa binh) và quân chính, nên vào năm 1957 cải thành Liên trường Võ khoa Thủ Đức.

Trường Đại học y khoa tới năm 1956 gọi là Trung tâm huấn luyện quân y.

Trường Biệt động đội và Thể dục biến thành trường hạ sĩ quan QLVNCH.

Các Trung tâm F.R.A.C và F.R.A.D. sau biến thành trường Thông vận binh vào tháng 9 năm 1960.

Các trung tâm huấn luyện (CTTR) lúc mới đình chiến còn duy trì đầy đủ cả ba (ngoại trừ trung tâm miền Bắc giải tán), nhưng sau đó lại bỏ trung tâm 2 và chỉ lưu giữ có hai trung tâm : Trung tâm số 1 ở Quán Tre và Trung tâm số 4 tại suối Dầu ; sau lại giải tán Trung tâm 4, chỉ còn lưu giữ lại một trung tâm duy nhất là Trung tâm huấn luyện số 1, cải thành Trung tâm huấn luyện Quang Trung (17-6-1957).



Đại tá Lê văn Kim chỉ huy trưởng trường Đại học quân sự (đầu trần đeo huy chương) đang hướng dẫn một sĩ quan Lào quan sát một lớp tham mưu (1956).

Các Trung tâm huấn luyện kỹ thuật truyền tin số 1 và số 2 tới cuối năm 1956 giải tán, để thành lập ra Trung tâm huấn luyện truyền tin (19-12-1956).

Trường Quân báo và Chiến tranh tâm lý được tân tạo tại Cây Mai, cuối năm 1955, để đáp ứng cho nhu cầu của các bộ môn này.

Chung quy, khi ngưng chiến, vấn đề huấn luyện cho quân đội đã được tổ chức lại như sau

1) Tất cả các trung tâm lẻ tẻ huấn luyện tân binh ở trên toàn quốc đều giải tán hết chỉ còn một trung tâm duy nhất là Trung tâm huấn luyện số 1 trở thành nơi huấn luyện tân binh quân dịch toàn quốc, và cũng là nơi hoàn hảo các đơn vị theo lề lối huấn luyện của Mỹ.

2) Tất cả các trường huấn luyện chuyên môn hầu hết được tập trung về Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức.

3) Tất cả các quân trường và trung tâm huấn luyện có tính cách địa phương cũng đều giải tán hết, để tập trung trách nhiệm huấn luyện về cấp trung ương, với đủ các loại trường đào tạo hạ sĩ quan, sĩ quan hiện dịch và trừ bị cho toàn thể quân đội.

4) Các quân trường bắt đầu hoạt động theo lề lối huấn luyện của người Mỹ.

5. HUẤN LUYỆN THEO LỀ LỐI MỸ.

Phái bộ T.R.I.M ra đời nhằm nghiên cứu và hoạch thảo chương trình huấn luyện quân đội Việt Nam. Chương trình này đặt nặng vào hai lãnh vực

— Huấn luyện tân binh, hoàn hảo cá nhân và đơn vị theo lối huấn luyện của Mỹ.

— Huấn luyện tại chỗ, thao dượt các đơn vị và đại đơn vị.

a. Huấn luyện tân binh.

Các tân binh đây là tân binh quân dịch. Một chính sách quân dịch đã được thi hành trên toàn quốc sau ngày ngưng chiến.

Chính sách quân dịch hoàn toàn khác với chính sách động viên ; chính sách quân dịch chỉ gọi nhập ngũ những thanh niên ở lớp tuổi 20 đến 22, chứ không lấy trong nhiều loại tuổi. Việc thi hành quân dịch lúc đó được coi như một nhiệm vụ thiêng liêng của thanh niên. Chính phủ đã phát động rầm rộ những phong trào thi đua quân dịch, để khích lệ việc đi quân dịch. Trong kế hoạch tuyên truyền chung, một vài hình thức đặc biệt được chú ý đến, những buổi lễ tiễn đưa các thanh niên lên đường, những cuộc tiếp đón trang trọng và cởi mở tại các trung tâm nhập ngũ

Nhiệm kỳ quân dịch được ấn định là 12 tháng, nhưng kể từ đầu năm 1959, nhiệm kỳ này tăng thành 18 tháng. Thời gian thụ huấn của người binh sĩ quân dịch là 4 tháng , trong 12 tháng đầu, họ hưởng một quy chế lương riêng, trừ tiền ẩm thực và các thứ, chỉ còn tượng trưng 120đ.00 (một trăm hai mươi đồng bạc). Trong 6 tháng chót của nhiệm kỳ, người binh sĩ quân dịch mới được hưởng quy chế lương bổng tương đương như một binh sĩ thuộc ngạch hiện dịch.

Lúc đó, Trung tâm huấn luyện số 1 được chọn làm nơi thụ huấn cho tân binh quân dịch toàn quốc. Vì vậy, quân trường này đã được nới rộng và choáng hết các khoảng đất của ba quân trường Trung Chánh, Cây Điệp và Quán Tre cũ.

Ngay từ đầu tháng 6-1955, Trung tâm huấn luyện số 1 đã thi hành cả hai nhiệm vụ vừa huấn luyện tân binh toàn quốc và vừa mở các khóa dẫn đạo chỉ huy

b. Hoàn hảo cá nhân và đơn vị.

Các khóa dẫn đạo chỉ huy được mở để huấn luyện những phương pháp quân sự căn bản theo lối Mỹ và dành cho tất cả các sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc trong quân lực. Mỗi khóa lâu 3 tuần lễ, với các học viên phải thao bỏ cấp bậc.

Nội dung của khóa học là các môn học về thao diễn, căn bản tác chiến theo lối Mỹ, tác xạ. Đặc biệt là các học viên phải chịu đựng một sự huấn luyện cực nhọc và máy móc hơn lối Pháp. Ngoài ra, các học viên còn phải chịu đựng một kỷ luật quân trường thực chặt chẽ, vì người Mỹ thường quan niệm rằng, một quân nhân có thể chiến đấu giỏi, nếu họ được huấn luyện đầy đủ và có một tinh thần kỷ luật cao. Chỉ huy trưởng trung tâm lúc ấy là đại tá Trần Tử Oai. Ông đã làm nổi vai trò của ông trong chức vụ này, vì đã áp dụng một kỷ luật tối đa và đã làm tăng một cách rõ ràng năng suất học tập của các học viên. Ban ngày, các học viên làm việc liên miên, ít thì giờ nghỉ ngơi, ban đêm sinh hoạt chính trị, kèm theo những chiến dịch thi đua, như thi đua làm cỏ, thi đua vệ sinh và thi đua khánh tiết. Học viên chẳng còn thì giờ để nghỉ mà còn phải góp cả tiền bạc để làm phương tiện thực hiện mọi đạt được những mục tiêu đề ra. Bởi vậy vào thời gian ấy, những người được cử đi học dẫn đạo chỉ huy bị coi như đi thi hành một hình phạt. Thực vậy, một vài sĩ quan học viên bị đề nghị giáng cấp vì vô kỷ luật, đã khiến Bộ Tổng tham mưu rất khó giải quyết, bởi một phần không muốn làm sứt mẻ uy tín của nhà trường, và một phần khác thấy rằng việc giáng cấp là quá đáng, vì một quân nhân chỉ có thể bị giáng cấp bởi những tội trạng như gian lận, thiếu trách nhiệm và khả năng trong sự thi hành nhiệm vụ. Khóa dẫn đạo chỉ huy sau đổi là khóa hoàn hảo sĩ quan và hạ sĩ quan, đã từ 3 tuần tăng tới 6 tuần (42 ngày), mới có đủ thời gian huấn luyện. Các khóa này chỉ đạt được tới khóa 24 thì bãi bỏ và giao trách nhiệm này cho các vị sư đoàn trưởng đảm trách. Cũng bởi vì vậy mà mỗi sư đoàn bộ binh được thành lập một trung tâm huấn luyện. Các trung tâm huấn luyện sư đoàn huấn luyện cá nhân và đào tạo các cấp cán bộ nhỏ cho sư đoàn. Còn việc huấn luyện toàn thể cả đơn vị đặt thuộc trách nhiệm của các đơn vị trưởng.

c. Huấn luyện tại chỗ và thao dượt các đơn vị và đại đơn vị.

Kể từ ngày 11-7-1955, một chương trình tổng quát được áp dụng, chia làm ba giai đoạn huấn luyện như sau

— *Giai đoạn 1* : từ 10 đến 12 tuần lễ huấn luyện căn bản các cấp trung, đại đội và tiểu đoàn (7 tuần cho trung và đại đội, 5 tuần cho tiểu đoàn).

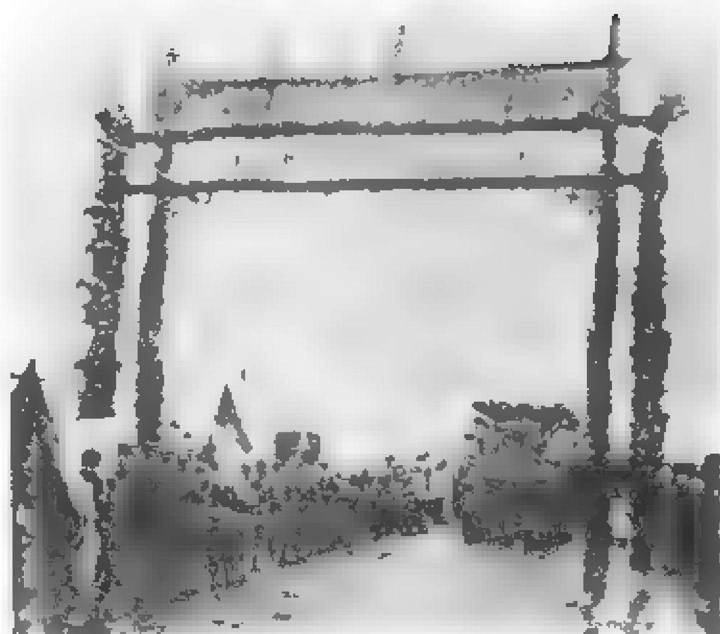
— *Giai đoạn 2* : 3 tuần thao dượt cấp trung đoàn.

— *Giai đoạn 3* : 3 tuần thao dượt cấp sư đoàn

— *Giai đoạn 1* được đặc biệt đánh dấu bởi các cuộc đi hành tức là đi bộ. Tất cả các đơn vị đều phải tập đi bộ đi ban ngày rồi

MỘT VÀI HÌNH ẢNH VỀ QUÂN DỊCH.





[illegible]





chuyển sang đi ban đêm, đi trên những quãng đường ngắn rồi chuyển đến những quãng đường dài; có cuộc đi hành dài tới 30 cây số, đi theo men đường rồi tới đi băng đồng. Tất cả mọi quân nhân đều phải mang nặng từ 12 đến 15 ký. Người Việt Nam thường quen với việc đi bộ, nhưng theo phương pháp tập này, rất nhiều người bị kiệt sức, phải nằm lại dọc đường vì thực tập thái quá.

— *Giai đoạn 2*: thao dượt cấp trung đoàn, chỉ đánh dấu bằng những công việc thực tập tham mưu trong phòng.

— *Giai đoạn 3*: thao dượt sư đoàn, vừa tập tham mưu trong phòng và vừa thực tập điều quân ở bên ngoài. Giai đoạn thao dượt sư đoàn, mãi đến mùa thu năm 1956, mới bắt đầu và kéo dài tới năm 1959 mới chấm dứt, vì các đơn vị bận hành quân do sự tái hoạt động của Việt cộng.

Khi một sư đoàn nào được thành lập là chương trình huấn luyện trên được xúc tiến ngay, cùng với việc thành lập bằng quân số biệt phái một trung tâm huấn luyện, để tự đảm trách lấy việc huấn luyện cho đơn vị của mình. Phong trào cực thịnh của sự huấn luyện tại sư đoàn diễn ra từ đầu năm 1956. Vào thời gian này, không khí huấn luyện thực là tưng bừng, đặc biệt với mỗi đơn vị huấn luyện, khi xuất trại ra bãi tập, mang theo một cây cờ với những dụng cụ huấn luyện. Tại bãi tập, các môn học được chia thành từng khu riêng biệt với các trợ huấn cụ đầy đủ.

Người Mỹ luôn luôn đặt việc huấn luyện lên hàng đầu. Lúc không hành quân, các cán bộ cấp đại đội, trung đội phải tổ chức huấn luyện ôn tập ngay tại chỗ cho đơn vị mình, bằng các phương tiện cơ hữu tự túc, và nếu không huấn luyện thì phải làm tạp dịch trong doanh trại, ít có thì giờ nghỉ ngơi.

Thực vậy, người Mỹ chú ý thường xuyên đến vấn đề huấn luyện, chia việc huấn luyện thành nhiều loại: — huấn luyện căn bản và bổ túc cá nhân — huấn luyện căn bản và bổ túc đơn vị.

6. MỘT VÀI KINH NGHIỆM VỀ VIỆC HUẤN LUYỆN NGOÀI TÁC CHIẾN.

Những hình ảnh huấn luyện ngoài tác chiến này đã trái ngược với các phương pháp huấn luyện tại quân trường. Những phương pháp này hết sức thô sơ, nhưng vì được áp dụng vào thời chiến tranh, được hòa lẫn với kinh nghiệm thực tế nên đã gặt hái được những kết quả hết sức tốt đẹp. Đơn cử một vài sáng kiến huấn luyện ở ngoài tác chiến vào các năm 1952-53 làm thí dụ: — Trường hợp của các tiểu đoàn khinh quân khi mới thành lập đều thiếu quân số và được phép tuyển mộ tại những nơi đồn trú. Không những được quyền tuyển mộ cho đầy đủ cấp số, các tiểu đoàn này còn được quyền tuyển mộ thặng dư cho mỗi tiểu đoàn thêm 50 người, dùng làm kho dự trữ bổ sung cho các tiểu đoàn này khi bị tổn thất. Bởi vậy, tại những nơi có tài nguyên, các tiểu đoàn đã mặc sức tuyển mộ, có tiểu đoàn tuyển mộ tới 200 người một lúc như trường hợp của các tiểu đoàn khinh quân khi xuống chiếm đóng vùng Hải Hậu thuộc miền Nam châu thổ Bắc Việt. Tuyển mộ xong là phải huấn luyện, mà sự huấn luyện lại phải thích nghi với chiến trường. Một vài sáng kiến huấn luyện của các đơn vị trưởng đã được áp dụng như sau:

« Điểm quan trọng trước nhất là dạy các tác động căn bản về thao diễn, về làm quen với vũ khí tại các đường làng, bãi trống, sân đình, sân chùa. Điểm quan trọng thứ hai là dạy cách tác xạ lý thuyết, rồi cách tác xạ thực hành ngay tại mặt trận, trong những cuộc mở đường, đừng quân lâu; xạ trường là các mô đất, là những mô cau, là những gốc chuối và là mọi vật có thể đánh dấu được. Điểm quan trọng thứ ba là thực tập chiến thuật ngay trong các cuộc hành quân, các tân binh được phân phối tới các tiểu đội để thực tập và tự mình tìm hiểu lấy những kinh nghiệm tác chiến của đàn anh, và làm quen với trận mạc ».

Phương pháp huấn luyện này đã mang lại những kết quả rất tốt, nhưng phải với điều kiện là các tiểu đoàn chủ xướng việc huấn luyện phải thực là thiện chiến.





TỔ CHỨC LÃNH THỔ VỚI CÁC CHIẾN DỊCH TIẾP THU VÀ BÌNH ĐỊNH

TỔ CHỨC LÃNH THỔ VỚI CÁC CHIẾN DỊCH TIẾP THU VÀ BÌNH ĐỊNH

A. LÃNH THỔ QUÂN SỰ

1. LÃNH THỔ QUÂN SỰ CỦA PHÁP

KHI sang Việt Nam, Pháp chia lãnh thổ quân sự thành bốn miền (region)

— Bắc Việt

— Trung Việt

— Nam Việt

— Cao Nguyên

Mỗi miền này chia thành nhiều vùng (zone); thấp hơn vùng có biệt khu (secteur autonome). Biệt khu đứng riêng biệt, trực thuộc miền và đôi khi trực thuộc cả vùng.

Mỗi vùng chia thành nhiều tiểu khu (secteur).

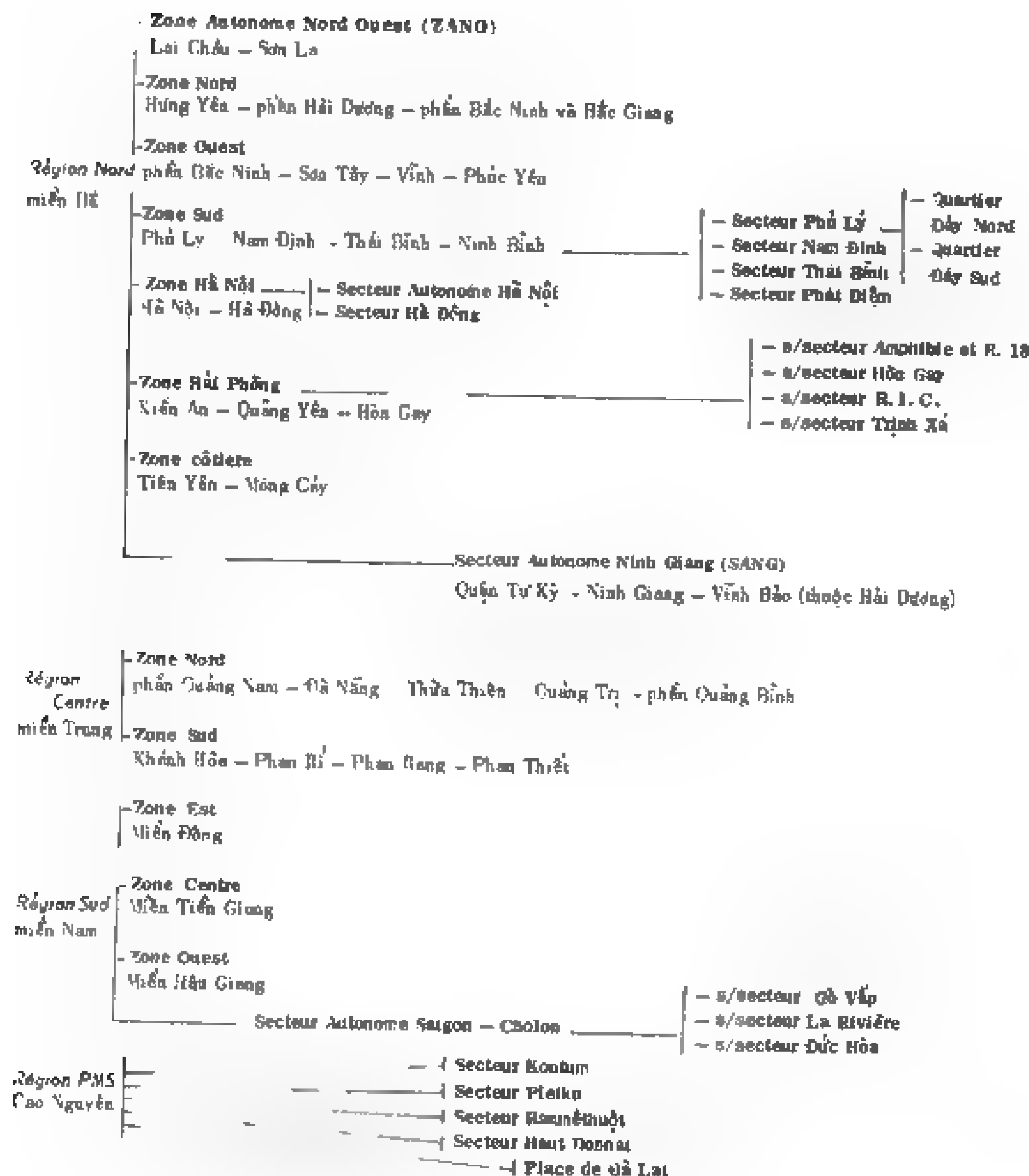
Dưới tiểu khu là các chi khu (sous secteur).

Ngang hàng với các chi khu, Pháp còn đặt ra các quân trấn (quartier militaire).

Pháp còn đặt ra một loại quân trấn gọi là (place militaire).

△ Xem sơ đồ tổ chức lãnh thổ quân sự Pháp năm 1952.

Sơ đồ tổ chức lãnh thổ quân sự của Pháp.
(1952)



CƯỚC-CHÚ – Qua khung cảnh tổng quát của tổ chức quân sự này, một vài chi tiết cần được đề cập tới để chứng minh rằng Pháp đặt ra từ cấp miền (Région), vùng (Zone), biệt khu (secteur autonome), tiểu khu (secteur) chi khu (s/secteur) đến quận trấn (quartier hay place), không nhất thiết bố trí các tổ chức lãnh thổ theo thứ tự này, như tại miền Cao Nguyên từ tổ chức miền tới ngay tiểu khu v.v... Các cơ cấu lãnh thổ to nhỏ được đặt ra tùy theo nhu cầu quân sự, tình hình và sự hoạt động quân lực, và việc đồn trú các cơ cấu này cũng không nhất thiết tại đô tỉnh thị mà tại nơi cần thiết như trường hợp Phát Diệm là tiểu khu mà tỉnh lỵ Ninh Bình chỉ là chi khu.

Sơ đồ tổ chức lãnh thổ và phối trí các lực lượng Việt — Pháp sau ngày 10-7-1954.

VÙNG QUÂN SỰ VÀ SƯ ĐOÀN BỘ BINH LÃNH THỔ (Zône et D.M.T.)	TIỂU KHU (Secteur)	TÍNH CHẤT ĐƠN VỊ	CÁC TIỂU ĐOÀN BỘ BINH	ĐƠN VỊ PHÁO BINH
Vùng Tây và Sư đoàn 1 bộ binh lãnh thổ (*Zône et 1er D.M.T.*)	Phúc Yên	GM 7	26 BMTS, 1/2 RTM, 5 RTM	GACAOF
		GML 1	51 BVN, 703 TKQ, 32 BMTS, 2/3 RTM	
	Sơn Tây	GML 1	73 BVN, 26 BVN, 11/2 RTA	
	Hà Đông	GM 8	1/5 RTM, 2/5 RTM, 3/5 RTM	64 RA
		GML 2	1/24 RTS, 3/4 RIC, 1/6 RTA	
		GML 5	56 BVN, 52 BVN, 10 TOKO	
Biệt khu Hà Nội (*Secteur autonome de Hà Nội*)			27 BMTS, BM 2 AOF, 22 BTA	—
		T.O. DÙ	7 BPC, 1 BPVN, 3 BPVN, 7 BPVN	
		GM 5	2/5 REI, 3/5 REI, 4/7 RTA	3/ RACM
Vùng Bắc và Sư đoàn 2 bộ binh lãnh thổ (*Zône Nord et 2/è D.M.T.*)	Bắc Ninh	GM 4	BMI, 2/13 DBLE, 2/6 RTM	2/41 RAC
			1/3 REI, 1/6 RIC, 3/3 REI, 1 BPC, 723 TD	
	Sept Pagodes	GMI	3/1 RTM, 3/1 RTA, 1/5 REI	2 RACM
			BM/ 2/4 RIC, 13 BMTS, 1/1 RTM	
	Kẻ Sặt	GM 31	2 BVN, 9 BVN, 59 BVN	5 VN
			20 BMTS, 76 BVN, BT Mal	
	Hải Dương		3/4 RTM	
Vùng hành quân phía Nam QL 5 và Sư đoàn 3 bộ binh lãnh thổ (*Zône operationnelle Sud RN5 et 3è DMT*)		GM 3	3/2 RTA, 2/3 RE., 1e Mường	1/ RACM
	Lục Điền	GML 6	14 BVN, 8 BVN, 55 BVN, 711 TD (DDTP 753)	
	Hưng Yên	GML 4	54 BVN, 706 TD, 708 TD, 720 TD (DDTP 754)	
	Gia Lộc	GML 7	22 BVN, 58 BVN, 7.2 TD	
	Mỹ Trạch	GML 9	72 BVN, 16 BVN, 701 TD, 719 TD	
	Hải Phòng		718 TD, 705 TD, 707 TD, 2 BEP	
Vùng Hải Phòng và Sư đoàn 4 bộ binh lãnh thổ (*Zône de Hai Phong et 4è DMT*)	Ninh Giang	GM 2	2/1 RTM, 1/3 RTM, 27 BTA	2/49 RA
	RN 5	GM 32	6 BVN, 10 BVN, 20 BVN	3 VN
		Lưu động của vùng	BM, 23 RIC, 50 BVN, 709 TD, 713 TD, 706 TD	
		Cố định tại các Tiểu khu	53 BVN, 4 BVN, 74 BVN, 55 BVN 31 BVN, 71 BVN, 30 BMTS, 29 BMTS 3 TABOR, BMIAOF, 2/24 RTS, 725 TD	—
		TTHL Quảng Yên	702 TD, 714 TD, 716 TD, 721 TD 722 TD, 724 TD	
Vùng Duyên hải (*Zône côtière*)	Hòn Gay		32 BVN	
	Tiên Yên		78 BVN	
	Móng Cáy		75 BVN	

• CƯỚC CHÚ (1) D.M.T — *Division de marche territoriale* (Sư đoàn bộ binh lãnh thổ)

(2) G.M. — *Groupement mobile* (Liên đoàn lưu động)

(3) G.M.L. — *Groupement mobile léger* (Liên đoàn lưu động nhẹ).

Hệ thống lãnh thổ quân sự của Pháp đặc biệt khác với Việt Nam sau này, được đặt tùy theo tình hình của chiến sự đang diễn ra và không nhất thiết đặt căn cứ trên các đô tỉnh thị hay trên các phân ranh hành chánh.

Tới tháng 7-1954, sau cuộc hành quân Auvergne triệt thoái quân khỏi miền Nam châu thổ Bắc Việt, Pháp phải duyệt xét lại hệ thống lãnh thổ quân sự miền Bắc bằng cách đặt ra các sư đoàn bộ binh lãnh thổ (division de marche territoriale gọi tắt là D.M.T.).

Việc cải tổ này nhằm mục đích để các giới chức thẩm quyền quân sự miền Bắc vừa nắm quyền chỉ huy lãnh thổ, vừa nắm cả quyền chỉ huy các đơn vị, hầu cấp thời đối phó với tình hình đang biến chuyển tại nơi đây.

Mỗi sư đoàn bộ binh lãnh thổ được đặt trong khuôn khổ của một vùng quân sự (zône); tư lệnh vùng kiêm luôn tư lệnh sư đoàn chỉ huy tất cả các lực lượng lãnh thổ cũng như lưu động. Tuy lồng khuôn trong lãnh thổ nhưng bản chất của sư đoàn này là lưu động, nên các tiểu đoàn bộ binh trực thuộc đều được ghép thành các liên đoàn lưu động và các liên đoàn lưu động loại nhẹ.

Lúc đó, Pháp cải tổ lãnh thổ miền Bắc thành 5 vùng quân sự và một biệt khu. Các vùng quân sự này là

— Vùng Tây

— Vùng Bắc

— Vùng hành quân Nam quốc lộ 5

— Vùng Hải Phòng

— Vùng Duyên hải

và một biệt khu duy nhất là Biệt khu Hà Nội.

Ngoại trừ vùng Duyên hải, nhờ có hải pháo yểm trợ, lại ở trong một tình hình tương đối an ninh nên đã không cần đến sư đoàn bộ binh lãnh thổ.

△ Xem sơ đồ tổ chức lãnh thổ và sự phối trí các lực lượng Việt-Pháp sau ngày 10-7-1954.

Các lãnh thổ quân sự khác của Pháp không có gì thay đổi quan trọng cho tới khi ngưng bắn.

9. TỔ CHỨC QUÂN KHU VIỆT NAM

Do sắc lệnh số 61-QP ngày 26-6-1952, các quân khu Việt Nam được thành lập kể từ 1-7-1952. Lãnh thổ Việt Nam được chia làm bốn quân khu như sau

— Đệ nhứt quân khu : Nam Việt

— Đệ nhị quân khu : Trung Việt

— Đệ tam quân khu : Bắc Việt và Cao nguyên Bắc (PMN (Plateaux montagnards Nord (1).

— Đệ tứ quân khu : Cao nguyên Nam (PMS Plateaux montagards Sud).

Sơ khởi, mỗi quân khu được tổ chức một bộ tham mưu và một đại đội tổng hành dinh. Bản doanh của các quân khu trên được đặt theo thứ tự tại Saigon, Huế, Hà Nội và Ban mêthuột.

Các quân khu Việt Nam lúc ấy làm việc song hành với các bộ tư lệnh lục quân miền liên hệ của Pháp nên chưa có thực quyền. Trên thực tế, tất cả các đơn vị Việt Nam tại quân khu đều do các tư lệnh lục quân Pháp chỉ huy. Các tư lệnh quân khu Việt Nam chỉ điều động và quản trị quân số, vật liệu và phụ trách việc huấn luyện. Các tiểu khu, chi khu vẫn thuộc hệ thống lãnh thổ của Pháp.

Các sĩ quan cấp tá đầu tiên được cử giữ chức tư lệnh quân khu

— Đại tá Lê văn Ty : Đệ nhất quân khu

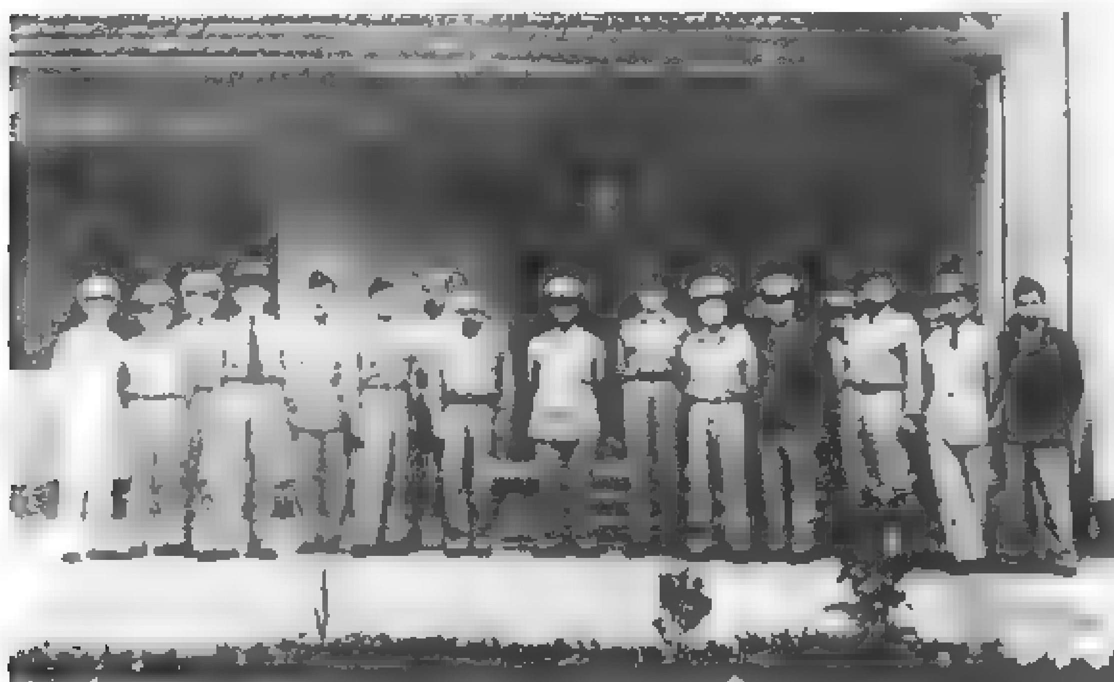
— Trung tá Nguyễn ngọc Lễ . Đệ nhị quân khu

— Trung tá Nguyễn văn Vận : Đệ tam quân khu.

Còn Đệ tứ quân khu vẫn do viên thiếu tướng de Lange là tư lệnh lục quân miền Cao nguyên của Pháp đảm trách. Vấn đề thành lập bộ tham mưu cho Đệ tứ quân khu được hoãn tới năm 1953. Nhưng sau này khi có bộ tham mưu trên, người Pháp vẫn để viên tướng de Lange chỉ huy.

---

(1) Miền Thái gồm hai tỉnh Sơn La và Lai Châu. Ở đây nhắc lại dụ số 6, ngày 15-4-1950 đặt một số các tỉnh có nhiều sắc tộc trực thuộc quốc trưởng gọi là « Hoàng triều cương thổ » tức là vùng đất đai riêng của triều đình. Ở Bắc Việt có 9 tỉnh Lai Châu, Sơn La, Lạng Sơn, Hà Giang, Lao Kay, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hòa Bình và Hải Ninh. Ở Trung Việt có 4 tỉnh Đồng Nai Thượng, Darlac, Pleiku và Kontum. Những tỉnh này được cai trị theo quy chế riêng. Ông Nguyễn Đệ được quốc trưởng Bảo Đại cử chức khâm mạng Hoàng triều cương thổ cùng với hai tổng thư ký miền Nam là Didelot và miền Bắc là Ecarlat.



Bộ tham mưu Đệ 3 quân khu. Người đứng giữa là đại tá Nguyễn văn Vận.

Sự kiện trên này chứng tỏ người Pháp không muốn giao ngay tất cả lực lượng quân sự cho người Việt Nam. Lúc bấy giờ, đứng trước áp lực của Pháp, Tổng trưởng quốc phòng Phan huy Quát đã phải đồng ý với viên tổng tư lệnh Pháp cho tướng de Lange đang là tư lệnh lục quân Pháp miền Cao nguyên kiêm luôn tư lệnh Đệ tứ quân khu, kiêm luôn cả tư lệnh Sư đoàn 4 Việt Nam. Người Pháp lý luận rằng «— bộ tham mưu quân khu tại Banmêthuột cũng được tổ chức như các bộ tham mưu quân khu khác, nhưng bộ tham mưu này tiến bộ hơn vì phải phụ trách cả nhiệm vụ hành quân, trong khi đó các bộ tham mưu các quân khu kia không có (2). Với tổ chức mới này, tư lệnh Cao nguyên là đại diện cho tướng tổng tư lệnh Pháp bên cạnh quốc trưởng. Để đáp ứng với nhiệm vụ do người Pháp đề ra, bộ tham mưu này ngoài tướng de Lange là tư lệnh, được tổ chức với một đại tá Pháp làm tư lệnh phó phụ trách về hành quân, một đại tá hoặc trung tá Việt Nam phụ tá về tổ chức và tiếp vận riêng cho những vấn đề của Việt Nam. Dưới các giới chức này mới có một bộ tham mưu hoàn toàn Việt Nam ».

Xem như vậy, những phần đất nào có những sắc tộc thiểu số, Pháp thường tìm cớ né tránh, không chịu giao vội cho quân đội Việt Nam. Âm mưu của Pháp tất đã lộ rõ ở đây, với sự trì hoãn này.



Thiếu tá Lê văn Kim, phụ tá tư lệnh Đệ 4 quân khu (1953).

(2) Lập luận của thực dân.

5. VIỆC TRẮC NGHIỆM BÀN GIAO LÃNH THỔ CHO VIỆT NAM

Tiếp theo các thỏa hiệp Pháp-Việt, kể từ giữa năm 1952 Pháp bắt đầu nghĩ đến việc chuyển giao thẩm quyền lãnh thổ và hành quân cho quân đội Việt Nam. Thoạt đầu, dường như Pháp chỉ muốn làm những cuộc trắc nghiệm về chuyển giao, bởi các sự chuyển giao chỉ có nghĩa trên danh từ và tượng trưng bởi những sĩ quan Việt chỉ huy, còn trên thực tế, các cơ cấu lãnh thổ của các khu vực chuyển giao không mấy thay đổi.

Trong năm 1952, đã có hai cuộc chuyển giao loại trên, đó là các cuộc chuyển giao

— Tiểu khu Hưng Yên tại Bắc Việt, tháng 7-1952,

— Lãnh thổ các tỉnh cũ Nam Việt - tháng 11-1952.

a. Việc bàn giao Tiểu khu Hưng Yên.

Tiểu khu Hưng Yên được giao cho trung tá Dương quý Phan. Tiểu khu này có bốn chi khu

— Chi khu Hưng Yên do Tiểu đoàn 4 BVN đóng.

— Chi khu Lực Điền do Tiểu đoàn 54 BVN

— Chi khu Mỹ Trạch do Tiểu đoàn 20 BVN

— Chi khu Lạc Đạo do Tiểu 74 BVN (tiểu đoàn này mãi 1953 mới thành lập).

Tiểu khu Hưng Yên, kể từ khi được chuyển giao, đã lần lượt được chỉ huy bởi trung tá Dương quý Phan, trung tá Hà trọng Tín (15-6-1953). Tới đầu năm 1954, lại được chỉ huy bởi trung tá Pháp lai de Lorge, nhưng thực là buồn cười với chuyện viên sĩ quan Pháp đã đổi thành tên Việt là Đỗ Lộc cốt để giữ tính chất Việt Nam cho khu chiến. Cấp bậc và tên họ được dùng chính thức ngay trên các văn kiện của quân đội.

Tới đầu năm 1954, Tiểu khu Hưng Yên là nơi đẫm máu với những trận đánh khốc liệt của các tiểu đoàn Việt Nam với Việt Minh.

Trung tá Hoàng văn Lạc thay thế trung tá Đỗ Lộc ngày 8-7-1954, và chỉ 11 ngày sau thì đình chiến.

b. Việc bàn giao « Lãnh thổ các tỉnh cũ Nam Việt ».

Lãnh thổ các tỉnh cũ (Groupe de subdivisions des vieilles provinces) được giao cho viên đại tá Pháp lai Le Roy chỉ huy. Thẩm quyền lãnh thổ vẫn do Pháp và cũng không có gì thay đổi ngoài việc qui định một số các khu vực lãnh thổ đặt thuộc nhóm tổng phân bộ những tỉnh cũ này

Nhóm tổng phân bộ các tỉnh cũ được thành lập do nghị định số 59/QP ngày 15-11-1952, bao gồm phần đất của các tỉnh miền Tiền Giang Nam Việt như sau

— Tổng phân bộ Bến Tre gồm tỉnh Bến Tre và cồn An Hóa

— Tổng phân bộ Gò Công gồm tỉnh Gò Công.

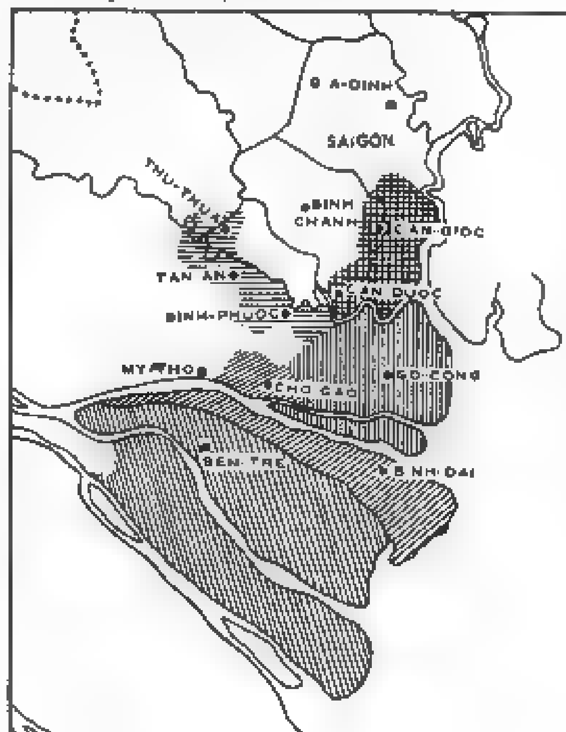
— Phân bộ Cần Giộc gồm các quận Cần Đước và Cần Giộc (trừ miền Nam Saigon dành cho lực lượng Bình Xuyên).

— Phân bộ Tân An gồm các quận Bình Phước, Tân An và Thủ Thừa.

— Phân bộ Chợ Gạo gồm các quận Chợ Gạo và Bình Đại.

Nhóm tổng phân bộ những tỉnh cũ kể từ ngày thành lập, được đặt dưới quyền chỉ huy của quân đội Việt Nam. Tuy nhiên, lãnh thổ này vẫn do người Pháp chỉ huy, chỉ khác là có nhiều sĩ quan Việt Nam được bổ nhậm tới, để giữ các chức vụ khá quan trọng tại lãnh thổ mới được chuyển giao này.

△ Xem sơ đồ tổ chức nhóm tổng phân bộ những tỉnh cũ (Groupe de subdivisions des vieilles provinces).



4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CHUYỂN GIAO THẨM QUYỀN LÃNH THỔ

Trong phiên họp của Hội đồng tối cao Việt — Pháp ngày 24-2-1953, Pháp đã thỏa thuận bàn giao cho chính phủ Việt Nam thẩm quyền lãnh thổ và hành quân những vùng đất theo như lịch trình ấn định dưới đây

Ngày chuyển giao	Lãnh thổ quân sự Pháp chuyển giao	Tổ chức lãnh thổ mới của Việt	Cước chú
	1) Đệ 1 quân khu .		
1-6-53	— Secteur Mỹ Tho — Secteur Vĩnh Long (trừ S/secteur Sa Đéc)	— Tổng phân bộ Mỹ Tho Phân bộ Tân An » Mỹ Tho » Vĩnh Long » Trà Vinh	* Lãnh thổ Tổng phân bộ Mỹ Tho gồm cả lãnh thổ của các tỉnh cũ . Phân bộ Gò Công và Phân bộ Bến Tre.
1-9-53	— S/Secteur autonome Cần Thơ Secteur Sóc Trang	— Tổng phân bộ Sóc Trang Phân bộ Cần Thơ » Sóc Trang » Bạc Liêu	
1-11 53	— S/Secteur Sa Đéc — Secteur Long Xuyên — Quartier autonome Hà Tiên	— Tổng phân bộ Long Xuyên Phân bộ Sa Đéc » Long Xuyên » Châu Đốc » Rạch Giá » Hà Tiên	
	2) Đệ 2 quân khu		
1-6-53	— S/Secteur Phan Rang — » Phan Rí	— Phân bộ Phan Rang	
1-8-53	— Secteur Truồi	Phân bộ Truồi	
chưa định	— Secteur Phan Thiết	— Phân bộ Phan Thiết	
»	— Secteur Nha Trang	Phân bộ Nha Trang	* Sẽ tổ chức thành Tổng phân bộ Nha Trang
»	— Secteur Huế	— Phân bộ Huế	
	3) Đệ 3 quân khu		
1-10-53	— Secteur Hưng Yên	— Phân bộ Hưng Yên	
15-11-53	— Secteur autonome Ninh Giang	— Phân bộ Vĩnh Ninh	
15-11-53	— S/Secteur Bùi Chu	— Phân bộ Bùi Chu	
chưa định	— Secteur Thái Bình — » Nam Định — » Phát Diệm — » Phủ Lý — » Hà Đông (phần phía Nam)		

Theo lịch trình này, các sự bàn giao sẽ dần dần diễn ra và trên nguyên tắc mỗi cuộc bàn giao đều phải có biên bản.

Để chuẩn bị cho các cuộc bàn giao, tất cả các đơn vị đồn trú trong lãnh thổ phải được Việt hóa, công việc này phải xúc tiến từ nhiều tháng trước và phải do sự giải quyết giữa các tư lệnh quân khu Việt Nam và các tư lệnh lục quân của Pháp.

Sau khi nhận chuyển giao, các tư lệnh quân khu Việt Nam sẽ phải đảm trách thêm phần hành quân lãnh thổ. Và vì thế, sau này, do biến chuyển của tình hình chiến sự mỗi lúc một khẩn trương và do kết quả không tốt đẹp của việc thành lập các tiểu đoàn khinh quân, chương trình chuyển giao kể trên đã không đáp ứng được với mọi sự mong muốn.

5. VIỆC ĐẶT TÊN CHO CÁC CƠ CẤU LÃNH THỔ VIỆT NAM

Đối với việc tổ chức lãnh thổ quân sự mới cho Việt Nam, để tỏ ra có sự khác biệt với các cơ quan lãnh thổ của Pháp, các giới chức thẩm quyền Việt-Pháp lúc ấy đã đặt tên gọi cho các cơ cấu lãnh thổ Việt Nam như sau

— Subdivision . Tổng phân bộ

— Arrondissement Phân bộ

— Sous arrondissement · Tiểu phân bộ

Tổng phân bộ tương đương với vùng (zone) của Pháp, phân bộ ngang với tiểu khu (secteur) và tiểu phân bộ ngang với chi khu (sous secteur). Các danh từ tổng phân bộ, phân bộ và tiểu phân bộ chỉ được dùng trong một thời gian rất ngắn, tiếp sau đó được đổi là Phân khu — Tiểu khu — Chi khu.

6. CÁC DIỄN TIẾN TRONG VIỆC CHUYỂN GIAO LÃNH THỔ

a. Chuyển giao miền Tiền và Hậu giang tại Nam Việt.

Le Roy rời khỏi lãnh thổ các tỉnh cũ đánh dấu việc khởi đầu cho cuộc chuyển giao này. Le Roy rời ngày 10-4-1953 thì tới ngày 1-6-1953, nhóm tổng phân bộ các tỉnh cũ giải tán, để thành lập ra Phân khu Mỹ Tho (subdivision de Mỹ Tho).

Phân khu Mỹ Tho thành lập do nghị định số 337 CAB/DN ngày 29-5-1953, kể từ 1-6-1953, trên lãnh thổ Đệ 1 quân khu, gồm có sáu tiểu khu quân sự phù hợp theo ranh giới hành chánh của các tỉnh sau đây

— Bến Tre

— Gò Công

— Tân An

— Mỹ Tho

— Vĩnh Long

— Trà Vinh

Đối với Tiểu khu Tân An, còn có thêm phần đất của hai quận Cần Giộc và Cần Đước được cắt từ tỉnh Saigon — Cholon sang cho.

Đối với Tiểu khu Vĩnh Long cũng được cắt một phần đất của tỉnh Cần Thơ ở phía Đông sông Bassac

Phân khu Mỹ Tho được giao cho đại tá Trần văn Minh chỉ huy. Đối với việc chuyển giao này, phái bộ quân sự Pháp còn đặt một sĩ quan cấp tá và một sĩ quan cấp úy bên cạnh bộ chỉ huy phân khu, lại có những sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp được đặt tại các tiểu khu, nhất là tại các văn phòng phụ trách về phụ lực quân của các tiểu khu này.

Kế tiếp tới 1-9-1953, các Tiểu khu Sóc Trăng và Bạc Liêu được chuyển giao, tạm thời đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của đại tá tư lệnh Đệ 1 quân khu.

Tới 16-10-1953, Việt Nam tiếp nhận thêm các tỉnh Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá và Hà Tiên

Kể từ 1-11-1953, do các nghị định số 766, 767 và 768 CAB/DN ngày 31-10-1953, lãnh thổ quân sự được bàn giao trở thành ba phân khu như sau

— Phân khu Cisbassac

— Tiểu khu Trà Vinh

— » Vĩnh Long (một phần tỉnh Cần Thơ ở phía Đông sông Bassac thuộc tiểu khu Vĩnh Long)

— Tiểu khu Sa Đéc

— Phân khu Transbassac :

— Tiểu khu Cần Thơ

— » Sóc Trăng

— » Bạc Liêu

— » Long Xuyên

— » Rạch Giá

— » Châu Đốc

— » Hà Tiên

— Phân khu Mỹ Tho:

— Tiểu khu Bến Tre

— Tiểu khu Gò Công

— Tiểu khu Tân An

— Tiểu khu Mỹ Tho.

Đến 1-12-1953, đảo Phú Quốc được chuyển giao và lập thành Tiểu khu Phú Quốc (3)

b. Chuyển giao hai tiểu khu tại Trung Việt.

Tiểu khu Phan Rang thành lập 1-6-1953 và Tiểu khu Truồi ở Bắc Trung Việt thành lập 1-7-1953. Mỗi nơi này đều có hai tiểu đoàn khinh quân được đưa đến để đảm trách việc bình định.

c. Chuyển giao khu chiến Bùi Chu tại Bắc Việt.

Chi khu Bùi Chu đáng lẽ bàn giao ngày 16-11-1953 đã được bàn giao sớm hơn, từ ngày 1-9-1953 cho một sĩ quan Việt Nam là trung tá Phạm văn Đồng. Chi khu Pháp này được cải thành tiểu khu Việt, được nới rộng trách nhiệm lãnh thổ tới cả Hải Hậu, một huyện từ lâu đặt dưới sự kiểm soát của Việt Minh.

Sau khi nhận bàn giao, một chiến dịch bình định đại quy mô với sự tham dự của nhiều tiểu đoàn khinh quân, đã diễn ra tại đây

Ở đây, cũng xin nhắc lại, chiếu theo lịch trình chuyển giao, các Tiểu khu Hưng Yên và Khu chiến Ninh Giang sẽ được bàn giao trong các ngày 1-10-1953 và ngày 15-11-1953, nhưng vì tình hình chiến sự tại các nơi này rất khẩn trương nên Pháp đã hoãn tới một thời gian vô hạn định. Trước đây, Pháp có chuyển quyền chỉ huy Tiểu khu Hưng Yên cho người Việt nhưng các cơ cấu lãnh thổ vẫn do Pháp nên không thể coi là thực sự bàn giao được.

Tương tự như trường hợp của Tiểu khu Hưng Yên, người Pháp đã tạm thời đặt ra Phân khu Nam Định để chỉ huy các đơn vị Việt Nam, khi họ muốn thực sự chuyển giao Chi khu Bùi Chu cho Việt Nam

Phân khu Nam Định được khai sinh ngày 1-7-1953, do đại tá Dương quý Phan vừa được tân thăng, thuyên chuyển từ Tiểu khu Hưng Yên về làm chỉ huy trưởng.

Phân khu Nam Định chẳng có quyền hành gì cả, vì tất cả các hoạt động đều nằm trong quyền điều khiển của Phân khu Nam (zone Sud) của Pháp. Phân khu trưởng Việt Nam chỉ có quyền thanh tra và đôn đốc các đơn vị Việt Nam. Có tất cả tới 18 tiểu đoàn bộ binh của Việt Nam hoạt động trong phân khu này.(4)

d. Thiết lập lãnh thổ quân sự trong chiến dịch Atlante.

Vào mùa xuân năm 1954, một số các tiểu đoàn khinh quân của miền Nam và miền Trung được đưa vào chiến dịch bình định Atlante.

Về trách nhiệm hành chánh, ông Phan văn Giáo, thủ hiến Trung Việt nhận lãnh và dự trù đưa các cán bộ tới để thành lập lực lượng võ trang địa phương, để thiết lập các cơ sở hành chánh và bình định miền chiếm đóng với sự hỗ trợ của các tiểu đoàn khinh quân. Ông Phan văn Giáo đã cho Nghĩa dũng đoàn và kể cả các đoàn quân thứ lưu động mới được vội vã thành lập đến, đồng thời cử ông Nguyễn văn An đương kim tỉnh trưởng Khánh Hòa (5) giữ chức vụ Chỉ huy xứ Trung Nam trấn.

Về trách nhiệm quân sự, các giới chức thẩm quyền Việt-Pháp cho thiết lập một lãnh thổ quân sự mới là Phân khu Duyên hải (Subdivision côtière). Phân khu này lại đặt trực thuộc Đệ tứ quân khu chứ không thuộc Đệ nhị quân khu, gồm các tỉnh từ Bình Định tới Phan Thiết, nghĩa là sát nhập thêm hai tỉnh Bình Định và Phú Yên vào miền Nam Trung Việt

Ngoài Phân khu Duyên hải, Đệ tứ quân khu còn một phân khu khác là Phân khu Cao nguyên Nam, gồm bốn tỉnh miền Cao nguyên. Các phân khu này được thành lập kể từ 1-5-1954.

Giữa lúc chiến dịch Atlante đang diễn tiến, nhiều phân khu và tiểu khu Việt Nam như Phân khu Bình Định và Tiểu khu Phú Yên đã được thành lập.

(3) Việc chuyển giao đảo Phú Quốc đã gặp phải khó khăn vì không có đường tới thẳng Hà Tiên (đường bộ không sử dụng được) phải liên lạc bằng đường bể từ Rạch Giá. Đường bể này có khi ngưng trệ trong mấy tháng gió mùa không thể liên lạc được và việc liên lạc phải mượn qua Cao Miên bằng hải cảng Kampot. Đảo Phú Quốc lúc đó quan trọng bởi việc tập trung một số lớn tù binh Trung Hoa dân quốc, nên Bộ Tổng Tham Mưu đã có chỉ định đại tá Nguyễn Ngọc Lễ ra làm tiểu khu trưởng.

(4) Các Phân khu Nha Trang và Nam Định được thành lập do nghị định số 417 CAB/DN ngày 24-6-1953 kể từ ngày 1-7-1953 để thay cho các Phân khu Nam (zone Sud) của F.T.C.V và F.T.N.V (forces terrestres Centre du Viet Nam et forces terrestres Nord du Viet Nam) nhưng trên thực tế đã không diễn ra như vậy.

(5) Ông Nguyễn văn An sau bị ám sát chết tại Qui Nhơn — Trung Nam trấn : khu vực ăn thông từ Bình Định tới Phan Thiết.

e. Chuyển giao khi đình chiến

Đến khi đình chiến, quân Pháp rút khỏi miền Bắc. Pháp để một ít quân bố trí tại miền giới tuyến, còn bao nhiêu đưa vào Nam và tập trung dọc theo quốc lộ 15, lấy Vũng Tàu làm địa điểm rút quân cuối cùng.

Pháp chuyển (tháng 8-1954) các tiểu khu miền Nam Trung Việt cho Việt sớm hơn hết vì là miền quân Pháp rút đi trước nhất.

Chính phủ Việt Nam muốn Pháp chuyển giao ngay tức khắc tất cả các chủ quyền lãnh thổ và đơn vị. Một cuộc thương thuyết đã mở ra. Nhưng Pháp chỉ đồng ý chuyển giao từ từ theo đà triệt quân của họ.

Cuộc thương thuyết Việt-Pháp vì vậy bị bế tắc và tới cuối năm 1954 không có một sự thỏa hiệp nào giữa hai bên được ký kết.

Để chuẩn bị cho việc tiếp thu, một dự án tổ chức lãnh thổ Đệ 1 quân khu được thiết lập cuối năm 1954 và đã được Bộ Quốc phòng chấp thuận bằng nghị định số 28 QP-ND ngày 4-2-1955, áp dụng kể từ 1-1-1955, chia làm sáu phân khu gồm các tiểu khu như sau :

— Phân khu Mỹ Tho : Mỹ Tho, Tân An, Gò Công và Bến Tre
— » Vĩnh Long : Trà Vinh, Vĩnh Long và Sa Đéc
— » Sóc Trăng : Sóc Trăng, Bạc Liêu và Rạch Giá
— » Cần Thơ : Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên
— » Đông : Biên Hòa thêm quận Thủ Đức, Thủ Dầu Một, Bà Rịa và Vũng Tàu.
— » Saigon Chợlớn : Tây Ninh, Chợlớn, Gia Định (kể cả hai quận Cần Đước và Cần Giộc).
— Tiểu khu biệt lập : Phú Quốc.
— Tiểu khu biệt lập : Côn Đảo.

Thông cáo chung Việt Pháp số 81/EM/CEC và 165 TTM/CAB ngày 10-2-1955 ấn định thể thức chuyển giao.

Kể từ sau thông cáo này, lãnh thổ Nam Việt được bàn giao, ngoại trừ các vùng đóng quân Vũng Tàu, quốc lộ 15, căn cứ không quân Tân sơn Nhứt.

Kế hoạch tổ chức lãnh thổ trên được áp dụng kể từ tháng 3-1955 và sau này là một tổ chức lãnh thổ được duy trì khá lâu.

Các chỉ huy trưởng phân khu được lần lượt chỉ định như sau :

— Phân khu Mỹ Tho : trung tá Nguyễn văn Hai
— Phân khu Vĩnh Long : trung tá Nguyễn văn Quan.
— Phân khu Sóc Trăng : đại tá Dương văn Đức.
— Phân khu Cần Thơ : trung tá Nguyễn Khánh.
— Phân khu Đông : trung tá Hồng sơn Đông.
— Phân khu Saigon Chợlớn : đại tá Dương văn Minh.

Đệ 2 quân khu được phân chia làm hai phân khu do nghị định số 421 QP/ND ngày 5-10-1954. Các phân khu và các tiểu khu được chỉ định như sau :

— Phân khu Huế : Quảng Trị và Thừa Thiên.
— Phân khu Tourane : Quảng Nam (bốn chi khu Tourane, Quảng Nam, Hà Lam và Tam kỳ) và Quảng Ngãi.

Nghị định ghi rõ là việc thành lập các phân khu và tiểu khu sẽ được xúc tiến tuần tự theo đà chuyển giao của Pháp và theo đà tiếp thu tỉnh Quảng Ngãi của Việt Minh.

Thông cáo chung Việt — Pháp số 198 EM/CEM và 414 TTM/CAB ngày 23-3-1955 ấn định việc chia lãnh thổ Đệ 2 quân khu làm hai khu vực :

— Khu vực A nằm tại giới tuyến được giới hạn theo đường ranh Bến Hải và một phần phía Bắc của tỉnh Quảng Trị.
— Khu vực B, phần còn lại về phía Nam của quân khu.

Việc bàn giao khu vực B được thực hiện cuối tháng 3-1955, tuy nhiên Bộ tư lệnh lục quân Pháp vẫn còn được duy trì và Pháp vẫn sử dụng một phần sân bay Đà Nẵng.

Việc bàn giao khu vực A ấn định ngày 1-11-1955 và sau ngày này, Pháp vẫn duy trì một toán hiến binh và sĩ quan Pháp đóng tại Đông Hà, để còn làm việc chung với Việt Minh ở trong tiểu ban hỗn hợp đình chiến.

Phân khu Huế còn gọi là Phân khu Bắc và Phân khu Tourane là Phân khu Nam.

Các chỉ huy trưởng đầu tiên :

— Phân khu Huế : trung tá Lê văn Nghiêm
— Phân khu Tourane : trung tá Nguyễn thế Như.

Phân khu Cao Nguyên Nam được bàn giao cuối tháng 3-1955. Khi bàn giao phân khu này, Pháp bàn giao cả Đệ tứ quân khu và đại tá Linh quang Viên đã được cử làm tư lệnh quân khu này thay thế người Pháp.

Phân khu Duyên hải, lúc đó do trung tá Phạm văn Đồng chỉ huy

Tóm lại, quân đội quốc gia đã thâu hồi chủ quyền lãnh thổ quân sự kể từ đầu tháng 4-1955, trong khi đó Pháp chỉ còn giữ lại một vài nơi như đã kể ở trên. Và tất cả những nơi này đã được bàn giao kể từ ngày 28-4-1956, ngày mà Bộ tư lệnh quân sự Pháp tại Đông Dương giải tán.

7 VẤN ĐỀ THÀNH LẬP QUÂN KHU THỨ 5.

Từ giữa năm 1951, lãnh thổ quân sự được dự trù cải tổ lập thêm ra Đệ ngũ quân khu. Rất nhiều văn kiện đã được phổ biến liên quan tới vụ này. Nếu được thành hình, trụ sở Đệ ngũ quân khu sẽ đặt tại Qui Nhơn, và trách nhiệm trên phần đất của Nam Trung Việt từ Bình Định tới Phan Thiết. Lúc đó, Đệ tứ quân khu cải tổ và được sát nhập thêm miền Nam Trung Việt nên vấn đề thành lập Đệ ngũ quân khu bị gác.

Cuối năm 1954, vấn đề này được đề cập trở lại. Bởi vì, bộ tham mưu của Đệ tam quân khu di chuyển vào Nam tạm đóng ở Nha Trang, đợi chuyển thành bộ tham mưu của Đệ ngũ quân khu, đồng thời vẫn do thiếu tướng Nguyễn văn Vận làm tư lệnh.

Nếu thành lập Đệ ngũ quân khu thì Đệ tứ quân khu sẽ trở lại tình trạng cũ trong khuôn khổ của miền Cao nguyên.

Cũng cần kể là khi tất cả các đơn vị Đệ tam quân khu đã phân tán và đặt dưới trách nhiệm của các quân khu khác, thiếu tướng Nguyễn văn Vận vẫn được Bộ Tổng Tham Mưu tế nhị ra văn thư cho ông có quyền tới thanh tra những đơn vị này.

Tới đầu năm 1955, việc thành lập Đệ ngũ quân khu mới bị hủy bỏ hẳn, và từ lúc ấy tất cả các cơ quan trực thuộc Đệ tam quân khu mới phải giải tán hay biến cải thành những cơ quan khác.

8. LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ CỦA MỖI TIỂU KHU VIỆT NAM

Mỗi tiểu khu quân sự Việt Nam thường được thiết lập song hành với một tỉnh hành chánh. Nhất là đối với các tỉnh thuộc miền Nam, nơi mà các công tác bình định được coi là xúc tiến mạnh mẽ, mỗi tỉnh hay tiểu khu, không kể lực lượng chính quy, trung bình đều có

— 1 đại đội hoặc 2 hay 3 đại đội vệ binh Nam Việt
— 1 đại đội hoặc 2 hay 3 đại đội com măng đô
— Phụ lực quân khoảng 2.000 người
— Cảnh vệ tỉnh (GAP) khoảng 200 người
— Cảnh sát hương thôn 100 người
— Cảnh sát 50 người
— Công an quốc gia 40 người

9. ĐOÀN QUÂN THỨ LƯU ĐỘNG

Một tổ chức bán quân sự gọi là «đoàn quân thứ lưu động» có liên quan mật thiết với vấn đề bình định và an ninh lãnh thổ được thiết lập cuối năm 1951 tại Bắc và Trung Việt.

Đoàn quân thứ lưu động (groupe administratif mobile en opérations, tắt là G.A.M.O) có nhiệm vụ thay thế các đơn vị hành quân trong một miền mới được giải phóng để duy trì an ninh trật tự và thiết lập các cơ sở hành chánh hạ tầng cho miền mới chiếm đóng này.

Mỗi một đoàn quân thứ lưu động gồm khoảng 60 người chia thành

— Một ban hành chánh
— Một ban quân sự
— Một ban y tế và xã hội
— Và một ban thông tin

Khi đến một nơi vừa chiếm đóng, ban hành chánh tổ chức đời sống dân sự, kiểm tra các nhu cầu cần thiết. Ban quân sự thanh lọc để tìm bắt những quân địch nằm vùng và bảo đảm an ninh cho mọi người. Ban y tế và xã hội lo phát thuốc và cứu trợ đồng bào. Còn ban thông tin lợi dụng sự làm việc của các ban trên, tập họp dân chúng để thông tin và giải thích đường lối của chính phủ quốc gia.

Riêng tại Bắc Việt có tới bốn đoàn quân thứ lưu động và được đặt dưới sự điều khiển của ông Đỗ đình Đạo.



Các đoàn quân thư lưu động Bắc Việt.

B. CÁC CHIẾN DỊCH TIẾP THU VÀ BÌNH ĐỊNH

Sau khi ngưng bắn, việc tiếp thu các phần đất nằm trong khu vực kiểm soát của Việt Minh được xúc tiến theo một chương trình ấn định như sau

△ Sau 15 ngày ngưng bắn, chiếm lại

— Tỉnh Kontum

— Tỉnh Quảng Nam

— Phần Bắc của tỉnh Phú Yên

— Thị trấn Long Mỹ

△ Sau 80 ngày, chiếm lại .

— Vùng Hàm Tân và Xuyên Mộc

— Phần Bắc tỉnh Quảng Ngãi tới sông Trà Khúc

△ Sau 100 ngày, chiếm lại

— Vùng Đồng tháp Mười

— Phầm Nam tỉnh Quảng Ngãi nằm giữa sông Trà Khúc và sông Vệ

△ Sau 200 ngày, chiếm lại

— Mũi Cà Mau

△ Và sau 300 ngày, chiếm lại

— Phần chót của tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định

1. HÀNH QUÂN LAM SƠN : 31-8-1954

Tiếp thu phần phía Nam của tỉnh Quảng Nam. Phần đất này có thể chia làm hai vùng

— Vùng đồng bằng rất đông dân cư và

— Vùng đồi núi.

Quân tiếp thu được chia làm hai cánh :

— Cánh Bắc do Liên đoàn bộ binh 21

— Cánh Nam do Liên đoàn bộ binh 22

Một căn cứ tiếp liệu được đặt tại tỉnh Quảng Nam và một kho tiền phương đặt tại chợ Được.

Ngày 4-9-1954, một biến cố đẫm máu đã xảy ra. Tiểu đoàn 611 khi tới chợ Được, cách Nam Faifoo 15 cây số, gặp một đám đông dân chúng bị cộng sản xúi giục vây lại phản đối. Sau đó, đám dân chúng bạo động, bắt một sĩ quan và bốn binh sĩ. Rốt cục, các binh sĩ của tiểu đoàn này phải nổ súng để tự vệ và giải vây cho đồng đội. Kết quả 31 dân chúng chết và 10 bị thương.

Phái viên của Ủy hội quốc tế đình chiến và đại diện của Việt Minh được điều động tới can thiệp, và đều tỏ ra vô thẩm quyền trong trường hợp phá rối an ninh này. Ngoài biến cố đó, cuộc hành quân đã kết thúc vô sự

2. NHỮNG VỤ SÁCH ĐỘNG CỦA VIỆT MINH SAU ĐÌNH CHIẾN

Sau ngày đình chiến, Việt Minh đã tổ chức nhiều vụ sách động được biến dạng dưới nhiều hình thức

Tại Bắc Việt, khi mới ngưng chiến được vài ngày, Việt Minh tổ chức nhiều đám phụ nữ tới sát các nơi đóng quân của quân đội quốc gia để tuyên truyền binh sĩ trốn ở lại. Những người này trước hết còn dùng lời dụ dỗ, sau đã nhờ ở sức đông bắt cóc những quân nhân lẻ tẻ. Những đám người này mỗi lúc một tụ tập đông đảo và dám ngăn cản cả những đoàn quân xa sắp chuyển bánh

Trong một vài trường hợp, quân đội quốc gia đã phải sử dụng lựu đạn cay để giải tán các đám đông này.

Tại Nam vĩ tuyến 17, Việt Minh áp dụng những hình thức sách động khác. Họ tuyên truyền trong dân chúng rằng quốc gia nay đã hết chiến tranh, đã độc lập và tự do rồi, không có một chính quyền nào có quyền nổ súng, xâm phạm vào lãnh vực cư trú cũng như bắt bớ, giam cầm bất cứ một người dân nào.

Với những lý do trên và dưới sự sách động dân chúng của cán bộ cộng sản, một vài trường hợp tương tự vụ chợ Được đã xảy ra như sau .

△ Trường hợp Tân an Đông

Tại Tân an Đông phía Nam Quảng Nam, ngày 28-9-1954, một cuộc sách động dân chúng ngăn cấm Tiểu đoàn 23 BVN vào vùng hành quân. Dân chúng địa phương bạo động, gây cho một binh sĩ tử thương. Tiểu đoàn này được lịnh giải tỏa khiến 53 dân chúng vừa chết và bị thương.

△ Trường hợp Vĩnh Xuân.

Tại gần đồn Vĩnh Xuân thuộc quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ, vào thượng tuần tháng 10-1954, một cán bộ cấp xã cộng sản bị lính quận theo dõi từ lâu, nay bất chợt bị bắt gặp tại chợ Vĩnh Xuân. Lính quận bắt cán bộ này về quận. Dọc đường, người cán bộ tìm cách bỏ chạy. Lính đuổi theo không được nên đã bắn theo làm què chân. Không được cứu cấp, viên cán bộ này chết.

Lập tức, các vùng xung quanh bị cán bộ cộng sản nằm vùng sách động. Từng đám đông thay phiên nhau đánh mõ, đánh mẹt tuần hành phản đối. Ban đêm, các đám biểu tình còn thắp đuốc bao vây quanh xác chết được ướp bằng những tảng nước đá.

Chính quyền địa phương không tài nào giải tỏa được, sau phải dùng đến biện pháp nổ súng mới dẹp yên được.

△ Trường hợp Xuân Ô

Tại đồn Xuân Ô tỉnh Thừa Thiên ngày 27-10-1954, một cuộc biểu tình sách động tương tự đã xảy ra, khiến binh sĩ trong đồn phải nổ súng, một thường dân bị thương.

Những trường hợp như trên còn xảy lẻ tẻ ở một vài nơi khác và sau đó không còn thấy xảy ra nữa.

3. HÀNH QUÂN TÁI CHIẾM KONTUM

31-8-1954

Để tái chiếm thành phố Kontum bị mất về Việt Minh, Bộ tư lệnh Đệ tứ quân khu đã sử dụng các Tiểu đoàn sơn cước số 5, 6 và Tiểu đoàn vệ binh số 454 chiếm lại tỉnh lỵ và các đồn Dak Bot và City.

Cuộc hành quân đã diễn ra vô sự

4. HÀNH QUÂN TIẾP THU HÀM TÂN VÀ XUYÊN MỘC:

11-10-1954

Cuộc hành quân Hàm Tân do Bộ tư lệnh Đệ tứ quân khu đảm trách.

Cuộc hành quân Xuyên Mộc do Bộ tư lệnh Pháp tại Nam Việt phụ trách. Một đại đội bộ binh và một đại đội công binh Việt Nam đóng góp tượng trưng.

Các cuộc hành quân này đều vô sự

5. HÀNH QUÂN TIẾP THU KHU ĐỒNG THÁP.

31-10-1954

Cuộc hành quân này chỉ được diễn ra rất hạn chế, bởi vì khu Đồng Tháp ở vào một địa thế di chuyển rất khó khăn.

6. HÀNH QUÂN TIẾP THU CÀ MAU

8-2-1955

Cuộc hành quân này mệnh danh là cuộc hành quân Tự do và do Phân khu Sóc Trang phụ trách thi hành.

Phân khu Sóc Trang đã phải vội chiếm các địa điểm quan trọng và trù mật của khu vực này, vì lúc đó Ba Cụt cũng định mang quân chiếm khu này để lập căn cứ riêng

Lúc cuộc hành quân Tự do vừa bắt đầu, quân đội quốc gia được sự hợp tác của ông Lâm quang Phòng đã gom trên 500 người, vừa là trai tráng của các đoàn thể Việt Minh, vừa là cựu chiến sĩ Việt quốc đoàn, thành lập ra một đội vệ binh. Đội vệ binh này ra mắt ở Chắc Băng thuộc tỉnh Rạch Giá và tại Cà Mâu trước sự hiện diện của thủ tướng chính phủ. Đội vệ binh này được thành lập với mục đích bảo vệ hương thôn, giúp chính quyền xây dựng lại các cơ sở hành chánh hương thôn trong những vùng Việt Minh vừa rút đi Đội vệ binh của ông Lâm quang Phòng đã tiếp tay một cách đắc lực trong việc lâm vãn hồi trật tự trong nhiều vùng thuộc miền Tây

Ông Lâm quang Phòng là cựu cán bộ Việt Minh khi về hợp tác được mang hàm thiếu tá

Ông Lâm quang Phòng sinh ở An Biên thuộc tỉnh Rạch Giá, tham gia kháng chiến từ năm 1945. Tới năm 1947, vì có chuyện bất bình với một chính trị viên của đơn vị, ông trở về thành vào lúc mà cha ông đang làm quận trưởng quận An Biên. Sau vì chán nản, ông lại trở ra và tới khi tập kết thì ông Phòng đã ở lại hợp tác với chính phủ quốc gia, đã đứng ra xin lập đội vệ binh kể trên.

7. HÀNH QUÂN TẢO THANH BA LÒNG 26-2-1955 — 15-3-1955

Mục đích của cuộc hành quân là tiễu trừ các phần tử Nghĩa dũng đoàn ly khai và lùng bắt binh sĩ đào ngũ thuộc Tiểu đoàn 610.

Các phần tử này đã nghe theo Quốc dân đảng và Đại việt miền Trung, ly khai với chính quyền, vào lập chiến khu ở Ba Lòng thuộc tỉnh Quảng Trị.

Trung đoàn 22 bộ binh được sự phối hợp của pháo binh, thiết giáp và công binh mở cuộc hành quân này. Trung đoàn 21 bộ binh làm trừ bị tại Hạ Lan.

Trung đoàn 22 đã chiếm toàn thể chiến khu Ba Lòng.

Kết quả

- Quân đội quốc gia 3 chết, 21 bị thương, 5 vũ khí đủ loại bị mất
- Đối phương đầu thú cơ quan hành chánh 101, đầu thú quân đội quốc gia 657, bị chết 17, bị bắt 62 và 346 vũ khí đủ loại bị tịch thu.

Sau trận này, số còn lại tản mát thành từng toán nhỏ lẩn trốn vào các chiến khu của Việt Minh như Khe Tre, Khe Tro, Dương Hoa hoặc vào các làng hẻo lánh ranh hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Các hoạt động của Quốc dân đảng và Đại Việt còn lan rộng ra cả các quận Bến Hiên, Bến Giang, Duy Xuyên, Quế Sơn, Tiên Phước, Phước Sơn, Thanh Bình, Trà My và Tam Kỳ.

Do nhiều cuộc hành quân được tổ chức liên tiếp, song song với các công tác tuyên truyền của quân đội quốc gia, các phần tử ly khai Quốc dân đảng và Đại Việt đã quy thuận ngày 10-12-1955; đề nghị quy thuận được chấp thuận ngày 2-1-1956.

Lễ thâu nhận và tuyên thệ được cử hành trọng thể ngày 10-1-1956, tại sân bay Hội An, dưới sự chủ tọa của ông tỉnh trưởng Quảng Nam

Quân số quy thuận là 608 người gồm có

- 8 chỉ huy cao cấp
- 152 binh sĩ
- 448 cán bộ

8. CUỘC HÀNH QUÂN TIẾP THU LIÊN KHU 5 VIỆT CỘNG : 19-4-1955 — 17-5-1955

Cuộc hành quân này được mệnh danh là hành quân Giải phóng, nhằm tiếp nhận sự chuyển giao phần đất cuối cùng của Việt Minh nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi và toàn tỉnh Bình Định.

Trước khi hành quân vào chiếm đóng, quân đội quốc gia đã phải chấp nhận bản văn kiện quy định cách thức chuyển giao do Pháp và Việt Minh đã ký. Văn kiện này là bản nghi thức số 27 (protocole no 27) đề ngày 12-4-1955.

Nội dung bản ghi thức trên gồm năm mục chính.

1) Nêu nguyên tắc căn bản của cuộc tiếp thu là phải tôn trọng lệnh ngưng bắn, nghĩa là các cuộc chuyển giao phải diễn ra trong vòng trật tự. Cấm chỉ mọi cuộc xung đột, mọi sự phá hoại dù đối với tài sản của công hay đối với tài sản và tính mạng của dân.

2) Quy định các cuộc chuyển giao thành chín chặng như sau

- Chặng 1, chuyển giao Mộ Đức ngày 22-4-55
- Chặng 2, chuyển giao Ba Tơ ngày 24-4-55
- Chặng 3, chuyển giao Đức Phổ ngày 25-4-55
- Chặng 4, chuyển giao Bồng Sơn ngày 28-4-55
- Chặng 5, chuyển giao Vĩnh Phước ngày 10-5-55
- Chặng 6, chuyển giao Phù Mỹ ngày 12-5-55
- Chặng 7, chuyển giao Phù Cát ngày 13-5-55
- Chặng 8, chuyển giao Qui Nhơn ngày 16-5-55
- Chặng 9, chuyển giao Bình Khê ngày 17-5-55

△ Xem sơ đồ ranh giới và thời hạn chuyển giao.

Giữa chặng 4 và 5 có một khoảng cách những 12 ngày vì phải dùng thời gian này để bắc một chiếc cầu mới có thể vượt sông Lại Giang được.

3) Đề cập tới việc đặt các toán cảnh sát tiền nhậm (détachements précurseurs de garde et de police). Con số chung các toán cảnh sát tiền nhậm được ấn định là 420 người, gồm 380 cảnh sát quân nhân và 40 cảnh sát thường. Các toán này có nhiệm vụ tới trước để duy trì trật tự chuẩn bị cho các công việc bàn giao. Các toán này phải đeo dấu hiệu riêng.

được mang mỗi người một khẩu tiểu liên với hai băng đạn, được quyền vào các khu vực của mỗi chặng trước 48 tiếng đồng hồ.

4) Nhấn mạnh việc bàn giao nền hành chánh địa phương phải dựa trên căn bản lệnh ngưng bắn, nghĩa là không được phá hoại, tiêu hủy tài sản công cũng như tư. Tất cả công sản đều được phái bộ Việt Minh lập thành danh sách để sẵn sàng chuyển giao, ngược lại, quân đội tiếp thu có thể đề cử những toán tiền nhậm hành chánh để nghiên cứu việc điều hành và sử dụng guồng máy hành chánh tại những địa phương này, ngay sau khi được bàn giao.

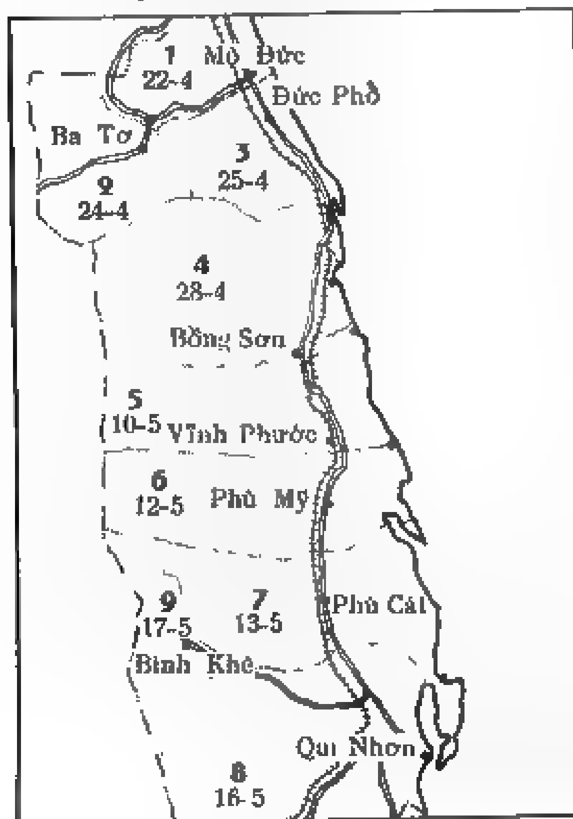
5) Nói về sự kiểm soát các công việc chuyển giao của hai bên và đề đạt lời yêu cầu cử bốn toán viên đến giám sát với Ủy hội quốc tế.

Bản nghị thức với năm mục chính trên còn được kèm ba phụ đính.

Phụ đính 1 — Ghi các số lượng cảnh sát phân phối cho các chặng.

Phụ đính 2 — Ghi các thể thức di chuyển, liên lạc và trú ngụ của các toán tiền nhậm.

Phụ đính 3 — Ghi các thể thức dành cho các phái viên hành chánh tiền nhậm và các thể thức giao chuyển công sở.



Cuộc hành quân tiếp thu Nam Ngãi và Bình Định được chuẩn bị từ đầu năm 1955.

Lúc đầu, Bộ Tổng Tham Mưu định giao cho đại tá Nguyễn quang Hoành, tư lệnh Đệ nhị quân khu dùng các đơn vị cơ hữu, được tăng cường thêm một trung đoàn thuộc Sư đoàn 31 bộ binh để mở cuộc hành quân chiếm đóng phần phía Nam tỉnh Quảng Ngãi. Trong khi đó, đại tá Linh quang Viên, tư lệnh Đệ tứ quân khu sẽ điều khiển một đoàn quân khác chiếm tỉnh Bình Định.

Việc tổ chức các cuộc hành quân như vậy sẽ thuận lợi về mặt tiếp vận, vì cứ điểm Đà Nẵng sẽ yểm trợ cho đoàn quân tiến vào Nam Quảng Ngãi, và cứ điểm Nha Trang sẽ yểm trợ cho đoàn quân tiến vào Bình Định.

Nhưng sau này, vì các cuộc tiếp xúc giữa các phái bộ Pháp và Việt Minh đã đi đến một sự thỏa thuận là để sự tiếp thu được khai diễn theo từng chặng, nên kế hoạch trên đã phải bãi bỏ.

Việc tiếp thu khai diễn theo từng chặng từ miền Bắc xuống miền Nam, với ý giả là Việt cộng muốn sử dụng hải cảng Qui Nhơn tới giờ chót, để tiện di tản.

Cuộc hành quân này không phải chỉ đơn thuần quân sự mà có nhiều tính chất hành chánh và chính trị. Do đó, chính quyền trung ương đã phải tự đảm trách lấy cuộc hành quân này, giao trách nhiệm cho đại tá Lê văn Kim đang giữ chức đổng lý văn phòng của Bộ Quốc phòng chỉ huy, vừa với thẩm quyền hành quân và vừa phối hợp với các cơ quan hành chánh để thiết lập các cơ sở miền đất tái chiếm này.

Cuộc hành quân Giải phóng bắt đầu kể từ ngày 16-4-1955. Nhiệm vụ chính của cuộc hành quân là

— Cho quân chiếm đóng phần Nam tỉnh Quảng Ngãi và toàn tỉnh Bình Định — Tiêu diệt các phần tử chống đối — Trấn an dân chúng — Tôn trọng lịch trình chuyển giao của phái bộ đình chiến.

Vị tư lệnh của cuộc hành quân được toàn quyền sử dụng tất cả những phương tiện dành cho cuộc hành quân để thực hiện công cuộc chiếm đóng.

Sau khi các đơn vị đã hoàn tất công việc chiếm đóng, công việc bình định được giao cho các tư lệnh Đệ nhị và Đệ tứ quân khu để thi hành theo huấn thị bình định của thủ tướng.

Qua các giai đoạn hành quân, vị tư lệnh

chiến dịch cũng như các vị tư lệnh quân khu đều có toàn quyền trên cả hai phương diện quân sự và dân sự.

Ông Kiều công Cung, công cán ủy viên của Bộ Quốc phòng được giao trách nhiệm phối hợp giữa các giới chức dân và quân sự, để thiết lập các cơ sở hành chánh.

Cuộc hành quân Giải phóng chia làm hai giai đoạn

Giai đoạn 1

— Chiếm đóng vùng Nam Quảng Ngãi bằng đường bộ tiến từ sông Vệ, đổ bộ lên cửa Sa Huỳnh

— Tiếp chiếm đóng vùng Tam Quan — Bồng Sơn phát xuất từ Sa Huỳnh, rồi từ Bồng Sơn chiếm đóng các huyện Phù Mỹ và Phù Cát.

— Chiếm đóng tỉnh lỵ Qui Nhơn và cánh đồng sông Cái bằng đường bộ từ sông Cầu đi xuống.

— Chiếm đóng huyện Bình Khê bằng đường bộ phát xuất từ An Khê.

Giai đoạn 2

Xúc tiến công việc bình định và công việc này do các tư lệnh quân khu đảm trách trong phần lãnh thổ trách nhiệm.

- Ngoài ra, tư lệnh Đệ tứ quân khu phải tổ chức các cuộc hành quân án ngữ tại phía Bắc miền Cao nguyên để ngăn chặn các phần tử nằm vùng Việt cộng có thể chạy trốn sang do các cuộc hành quân tại miền cận sơn mang lại. Tư lệnh Đệ tứ quân khu phải liên lạc chặt chẽ với toàn quân của Đệ nhị quân khu khi tiến vào khu lòng chảo Ba Tơ và thung lũng sông Hà Giao và sông Lớn

△ Xem sơ đồ tổ chức lực lượng hành quân Giải phóng (25-4-55 — 17-5-55).

Diễn tiến hành quân Giải phóng đã diễn ra như sau

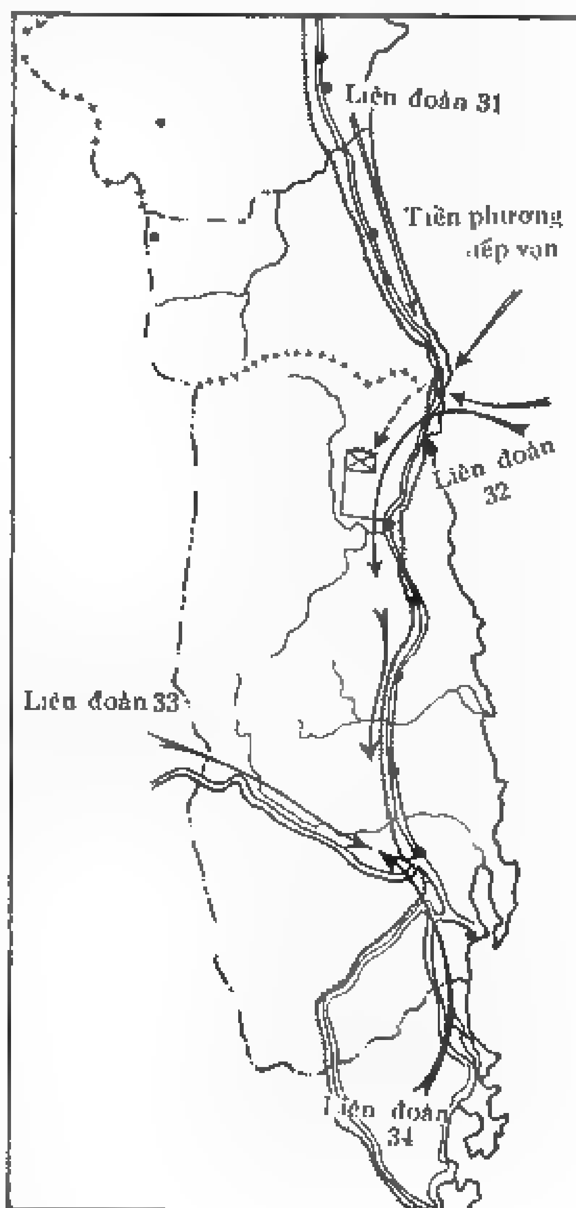
Thoạt đầu, Liên đoàn chiến thuật số 31 xuất phát từ sông Vệ, chiếm thung lũng sông Vệ và bảo vệ cho công binh sửa quốc lộ 1 ở giữa quãng sông Vệ và ranh phía Nam tỉnh Quảng Ngãi

— Kế tiếp, Liên đoàn chiến thuật số 32 đổ bộ lên Sa Huỳnh chiếm đóng phủ Bồng Sơn, các huyện Phù Mỹ, Phù Cát và bảo vệ cho công binh sửa chữa quốc lộ 1 từ Tam Quan tới Phù Cát

— Liên đoàn chiến thuật số 34 tiến từ Sông Cầu theo quốc lộ 1 chiếm đóng tỉnh lỵ Qui Nhơn, phủ Tuy Phước, huyện An Nhơn và bảo vệ công binh sửa chữa quốc lộ 1 và tỉnh lộ 6.

— Cuối cùng, Liên đoàn chiến thuật số 33 tiến từ An Khê theo quốc lộ 19, chiếm đóng huyện Bình Khê và bảo vệ công binh tu bổ quốc lộ này

Cuộc hành quân Giải phóng đã diễn tiến trong vòng trật tự và không để xảy ra một biến động đổ máu nào.



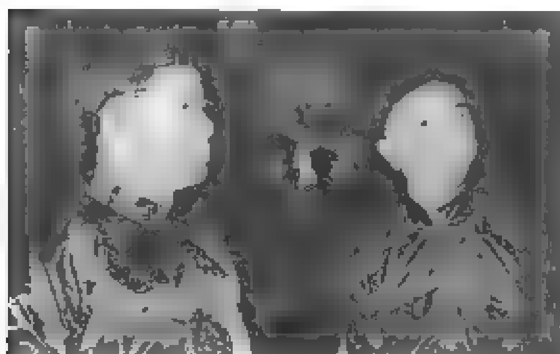
★

Phần 3

CUỘC CHIẾN TRANH ĐÁNH BÌNH XUYÊN VÀ CÁC LỰC LƯỢNG VÕ TRANG HÒA HẢO CỦA TRẦN VĂN SOÁI VÀ BA CỤT (1955 - 1956)

- Các cuộc hành quân đánh Bình Xuyên
- Các cuộc hành quân đánh các lực lượng Hòa Hảo

Tổng thống Ngô đình Diệm và phó tổng thống Nguyễn ngọc Thơ.





Các tướng lãnh : Hàng đầu : đại tướng Lê văn Tỵ — hàng nhì : các trung tướng Dương văn Minh, Trần văn Đôn, Trần văn Minh, các thiếu tướng : Lê văn Nghiêm, Mai hữu Xuân, Trần tử Oai, Nguyễn giác Ngộ, Văn thành Cao v.v...



Chương 1

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN ĐÁNH BÌNH XUYÊN

△ LƯỢC SỬ LỰC LƯỢNG BÌNH XUYÊN △ TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI BÌNH XUYÊN △ NGUYÊN DO GÂY HẤN △ SÚNG NỔ Ở ĐÔ THÀNH △ CÁC HÀNH ĐỘNG KHIÊU KHÍCH △ TRẬN ĐÁNH ĐÔ THÀNH △ TRẬN ĐÁNH CẦU CHỮ Y △ CHIẾN DỊCH HOÀNG DIỆU

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN ĐÁNH BÌNH XUYÊN

TRONG các lực lượng võ trang chống lại những quyết định thống nhất mọi lực lượng, củng cố chính quyền về một mối, Bình Xuyên là lực lượng đầu tiên tỏ ra sẵn sàng gây hấn với chính phủ Diệm. Bởi vì Bình Xuyên có cả một lực lượng hùng hậu tại thủ đô, đang nắm nhiều quyền hành cũng như nhiều cơ sở thu lợi và đặc quyền thương mại. Nếu thuận theo các quyết định của thủ tướng Diệm, Bình Xuyên sẽ dần dần mất hết ưu thế về quyền hành cũng như tiền bạc. Đó là những lý do khiến Bình Xuyên đi vào con đường mạo hiểm, đã nổ súng mở đầu cho cuộc chiến giữa chính phủ và các lực lượng võ trang của giáo phái sau này.

1. LƯỢC SỬ LỰC LƯỢNG BÌNH XUYÊN

Lực lượng Bình Xuyên đã được nói tới từ mùa hè năm 1945, khi quân Anh - Ấn tới tiếp nhận Nhật đầu hàng, chấm dứt thế chiến thứ hai tại Á Châu.

Bình Xuyên do ông Ba Dương cầm đầu, là một nhóm người xuất thân từ giới chuyên sống ngoài vòng pháp luật, có một cuộc sống chịu ảnh hưởng của các nhân vật trong các chuyện của Tàu như Thủy Hử với nhóm Lương Sơn Bạc.

Trong các năm 1945-1946, Bình Xuyên hoạt động công khai tại Saigon và các vùng phụ cận. Những người này sinh sống bằng cách bắt các nhà giàu nộp tiền đóng thuế. Họ sẵn sàng áp dụng các hình phạt nặng nề đối với những người không chịu tuân theo mệnh lệnh của họ. Tới khi quân Pháp theo chân quân Anh - Ấn vào Nam Kỳ để mưu đồ tái chiếm Đông Dương, Bình Xuyên đã tấn công lén vào các toán quân này.

Tháng 2-1946, các cuộc giao tranh giữa Bình Xuyên và quân đội Pháp ngày một gia tăng, thủ lãnh Ba Dương bị chết trong một cuộc đụng độ. Từ đấy, việc chỉ huy qua tay em của Ba Dương là Dương văn Hà, nhưng mọi thực quyền lại do tay Bảy Viễn, tức Lê văn Viễn nắm giữ. Không bao lâu, Bảy Viễn thực sự trở nên thủ lãnh của Bình Xuyên chống Pháp.

Khi quân Pháp làm chủ tình hình Saigon, các lực lượng kháng Pháp đều rút khỏi thành phố, về các vùng thôn quê, đồng ruộng, bưng biền, tổ chức chống giặc. Bình Xuyên lúc này trở thành một lực lượng võ trang cộng tác với mặt trận Việt Minh, không phải là một tổ chức thảo khấu phi pháp như xưa. Đây là thời kỳ Tổng bộ Việt Minh gửi tướng Nguyễn Bình vào Nam Việt, tổ chức cuộc kháng chiến cho có hệ thống, quy củ.

Thâm ý của Nguyễn Bình là tìm cách thống nhất các lực lượng dưới quyền chỉ huy của mình. Vì thế, sau khi gây được cơ sở, Nguyễn Bình bắt đầu tìm cách sát nhập các lực lượng liên kết vào mặt trận Việt Minh. Những ai không chịu sát nhập thì Nguyễn Bình tìm cách tiêu diệt.

Đối với Bình Xuyên, Nguyễn Bình tìm cách cô lập Bảy Viễn với các thuộc hạ của ông, để nắm lấy toàn thể lực lượng này.

Bảy Viễn biết rõ ý đồ này. Bởi vậy, nhân một cuộc viếng thăm của Nguyễn Bình tại khu Rừng Sát, Bảy Viễn công kích dữ dội và hai người này đã cãi nhau kịch liệt khiến Lê Duẩn phải can khuyên và, đồng thời lấy lòng, bằng cách cất Bảy Viễn lên làm khu trưởng Khu 7.

Nguyễn Bình vẫn tìm cách diệt trừ Bảy Viễn. Đầu năm 1948, trong một cuộc hội họp được tổ chức tại Đồng Tháp Mười, Bảy Viễn nhờ có một số bộ đội thân tín tháp tùng, đã tránh thoát một cuộc mưu hại do Nguyễn Bình chủ trương.

Sau khi thoát hiểm, Bảy Viễn kéo quân về hợp tác ngay với Pháp, đã hoạt động rất đắc lực trong việc phá vỡ các cơ sở nằm vùng và kinh tài của Việt Minh trong vùng Saigon — Chợ-Lớn, phần lớn do các phần tử Bình Xuyên tạo nên.

Pháp rất tin tưởng nên đã giao cho Bình Xuyên trọn quyền kiểm soát vùng Saigon — Chợ-Lớn và cả khu vực Rừng Sát, căn cứ cũ của Bình Xuyên, để chống lại Việt Minh, đồng thời giao cho cả việc bảo vệ thủy lộ từ biển vào thương cảng Saigon.

Vùng Saigon — Chợ Lớn bấy lâu đã phải đóng thuế cho Bình Xuyên để có thể yên ổn làm ăn, từ nay họ lại phải sống dưới áp lực của Bảy Viễn.

Bình Xuyên được hưởng rất nhiều đặc quyền về thương mại, khu vực lan rộng đến tận Vũng Tàu. Bảy Viễn được phép đốn cây trong rừng, thiết lập các đoàn tàu vận tải, thiết lập các công ty xe đò trên lộ trình từ Saigon đi lục tỉnh và Vũng Tàu. Có thể nói rằng trên thực tế tại Nam Việt, Bình Xuyên đã có một hệ thống độc quyền về vận tải đường bộ.



Ông Lê văn Viễn khi về hợp tác với Pháp mang cấp trung tá.

Bảy Viễn còn được phép mở sòng bạc Đại Thế Giới ở Chợ lớn, sòng bạc Kim Chung ở Saigon và nhà chứa Bình Khang ở Vườn Lài. Số tiền thu được đều được sung vào quỹ riêng của Bình Xuyên, phần lớn ngân khoản đều dành vào việc phát triển tổ chức quân đội của họ.

2. TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI BÌNH XUYÊN

Quân số đích xác quân đội Bình Xuyên có bao nhiêu và được tổ chức ra sao không được rõ.

Dựa trên một bản nghiên cứu của Bộ Tổng Tham Mưu về tình hình quân đội Bình Xuyên, vào lúc quân đội này đang chuẩn bị chống chính phủ, Bình Xuyên có khoảng

— 2.000 quân

— 1.500 công an xung phong

— 10.000 đảng viên « mặt trận bình dân »

a. Quân đội chính thức

Số 2.000 người được chia thành năm tiểu đoàn đánh số từ 1 đến 5.

Các tiểu đoàn này chia đóng tại bản doanh cầu chữ Y, Rừng Sát và đôi khi ở Bà Rịa.

Tổng chỉ huy lực lượng này là thiếu tướng

Lê văn Viễn. Tham mưu trưởng đại tá Thái hoàng Minh. Chỉ huy khu vực Rừng Sát, trung tá Nguyễn văn Hiểu. Chỉ huy khu cầu Nhị Thiên Đường và Rạch Cát, trung tá Tư Đen. Những cấp chỉ huy quan trọng khác như trung tá Mười Lực, trung tá Phước và thiếu tá Bảy Môn v.v...

Vào tháng 3-1955, nghĩa là thời gian trước khi xảy các trận đánh, tin tình báo Bộ Tổng Tham Mưu cho biết Bình Xuyên đang lo tổ chức thêm hai tiểu đoàn liên quân Bình Xuyên — Hòa Hảo, dùng làm lực lượng tấn công đô thành Saigon — Chợ Lớn, trong trường hợp gây hấn với chính phủ.

Tuy nhiên, trong việc tổ chức này, Bình Xuyên phải đợi các đơn vị Hòa Hảo từ miền Tây lên. Còn súng ống trang bị thì Bình Xuyên đã sẵn có.

Tin tình báo cho biết, ngày 25-3-1955, một đại đội Hòa Hảo được tàu của Lâm thành Nguyên chở đến khu vực Bình Xuyên. Nhưng tin tức này không có gì là xác thực, bởi khi cuộc chiến xảy ra, người ta không thấy một dấu vết nào chứng tỏ là có quân Hòa Hảo tham chiến.

b. Công an xung phong.

Lợi dụng chức tổng giám đốc cảnh sát và công an, Lai văn Sang đã tổ chức cho Bình Xuyên một lực lượng công an xung phong có tới 1500 người.

Nhắc lại, ông Lai văn Sang là cánh tay mặt của Bảy Viễn từ lúc còn kháng chiến trong khu. Sang là cố vấn quân sự cho Bảy Viễn. Vào tháng 4-1955, do đề nghị của Bảy Viễn, Bảo Đại cử Lai văn Sang giữ chức tổng giám đốc cảnh sát và công an toàn quốc thay thế ông Mai hữu Xuân. Lai văn Sang cử ông Nguyễn văn Tôn giữ chức giám đốc công an Việt Nam thay ông Trần bá Thành.

Lai văn Sang thành lập ra công an xung phong và dùng đảng viên Mặt trận bình dân làm nòng cốt. Lực lượng công an xung phong được tổ chức thành hai tiểu đoàn:

— Tiểu đoàn 1 CAXP

— Tiểu đoàn 2 CAXP

Hai tiểu đoàn này chia thành các đại đội, trung đội đóng rải rác trong 21 đồn thuộc đô thành, kể cả 350 công an xung phong đóng tại Đà Lạt.

Những đồn bót quan trọng được chia đóng như sau:

— 1 đại đội tăng cường Trại Mát Đà Lạt

— 1 đại đội bót Théophile Đa Kao

— 1 đại đội gác sòng bạc Kim chung

— 1 đại đội gác sòng bạc Đại Thế Giới

— 1 đại đội gác trường đua Phú Thọ

— 1 đại đội tại đường làng số 22 Phú Nhuận.

— 1 đại đội cầu Tân Thuận, Khánh Hội

— 1 trung đội khu trường Pétrus Ký

— 1 trung đội bót Hàng Xanh Thị Nghè

— 1 trung đội bót Hoàng Hưng đường Bùi Chu

— 1 trung đội bót Nguyễn văn Cư, Phú Thọ Hòa

Ngoài các đơn vị trên, Bình Xuyên còn có:

— 1 toán thiết giáp gồm 5 xe dodge 4×4 bọc sắt gắn đại liên 12,7 và 13,2

— 10 tàu LCVP, vỏ dét.

— Tàu Cybrèa mũi nhọn, sơn trắng làm tổng hành dinh cho Bảy Viễn.

— 1 số tàu thường.

c. Đảng viên mặt trận bình dân.

Có tất cả 43 chi bộ trong đó có cả những chi bộ người Bắc di cư với một ban chấp hành mặt trận được đặt tại Hố Nai.

3. NGUYÊN DO GÂY HẤN.

Khi thủ tướng Ngô đình Diệm lên chấp chánh, công việc đầu tiên của ông là thống nhất quyền hành, thống nhất quân đội và diệt trừ mọi tệ đoan xã hội.

Do đó, trước nhất ngày 1-1-1955, ông Diệm đã buộc Bảy Viễn phải đóng cửa hai sòng bạc Kim Chung, Đại Thế giới và nhà chứa Vườn Lài. Ông bằng lòng bồi thường cho Bảy Viễn một số tiền lớn để khuếch trương công việc làm ăn đứng đắn.

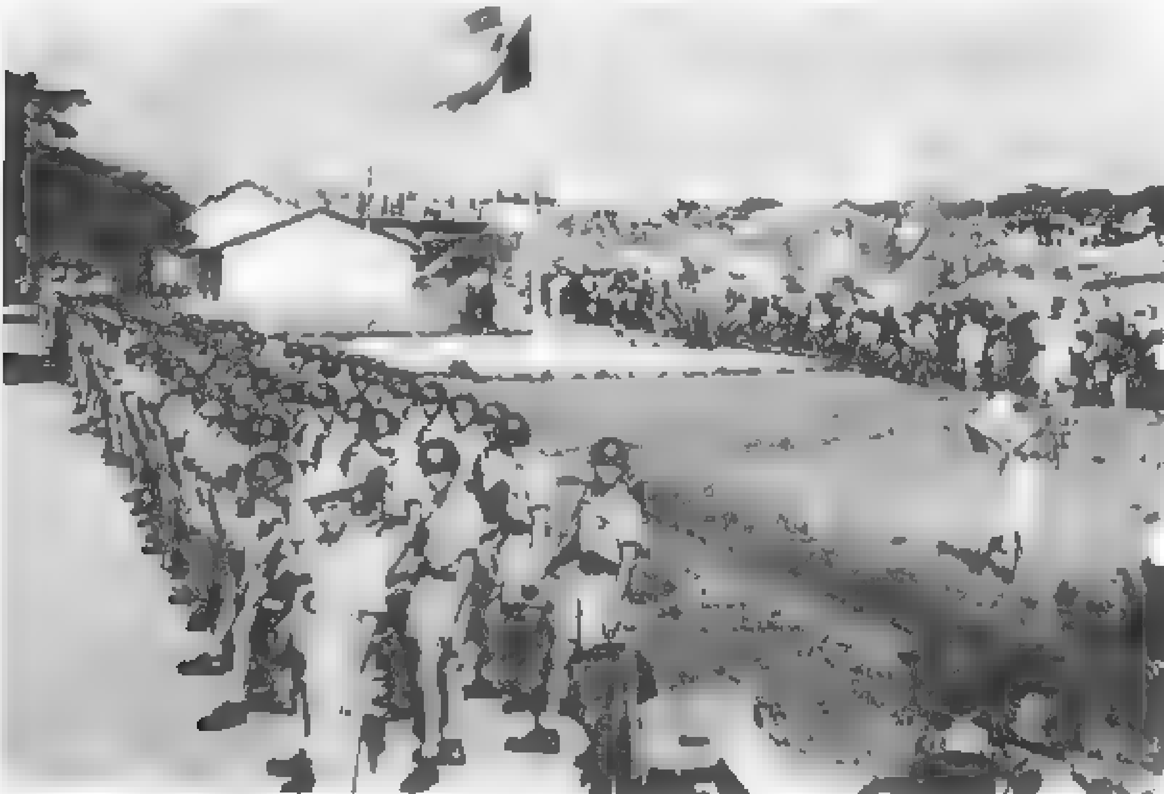
Từ việc làm ăn bất chánh một cách dễ dàng, kiếm tiền như nước, Bảy Viễn và tập đoàn đã sống một cuộc đời đế vương, xa xỉ. Cho nên, khi quyền lợi này bị va chạm, Bảy Viễn bắt đầu bất bình với ông Diệm.

Từ khi quyền lợi bị va chạm đến việc quyền hành mỗi ngày bị hạn chế, Bảy Viễn đã sẵn sàng liên kết với những ai cũng có quyền lợi bị xâm phạm như mình, để gây nên một thế lực lật đổ chính quyền.

Thiếu tướng Viễn tiếp thủ tướng Tâm ở Tổng hành dinh Bình Xuyên (1952).



Một đơn vị CAXP dàn chào trong một buổi lễ của tỉnh Augen (1951)

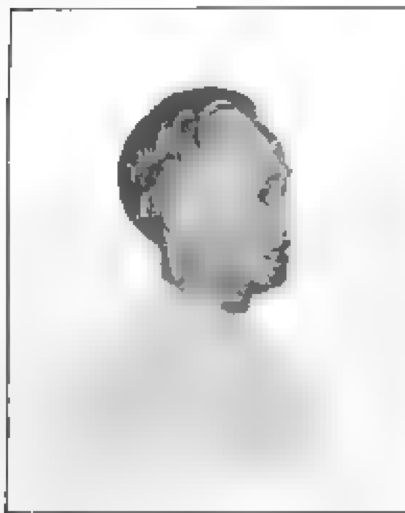


Trước hết là Pháp, Pháp không muốn ảnh hưởng và quyền lợi bị trao sang tay Mỹ, nên đã xúi giục và hậu thuẫn ngầm cho những cá nhân và đoàn thể chống đối lại chánh quyền của thủ tướng Diệm.

Kế đến là những phe nhóm thân Pháp và đối lập với chính quyền, những người này không muốn chính quyền Diệm được duy trì. Bởi vì nếu chính quyền này vững bền thì họ mất hết quyền lợi.

Sau rốt là các lực lượng giáo phái Bởi vì thủ tướng Diệm đã đề nghị cắt những khoản tiền tài trợ cho các giáo phái mà còn muốn biến các lực lượng võ trang của họ thành một quân đội duy nhất, đồng thời còn muốn xóa bỏ tất cả những đặc quyền địa phương do Pháp trước đây dành cho họ.

Hiệu quả của sự liên kết này là việc thành lập ra « MẶT TRẬN THỐNG NHẤT TOÀN LỰC QUỐC GIA ». Trong một cuộc họp báo ngày 4-3-1955, Hộ Pháp Phạm công Tắc, giáo chủ Cao Đài, công bố là đã có sự liên kết của các giáo phái thể hiện trong mặt trận trên



Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC

Ngày 21-3, trong một bản kiến nghị được xem như một tối hậu thư, Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia yêu cầu thủ tướng Ngô đình Diệm trong kỳ hạn năm ngày phải cải tổ toàn diện nội các. Bản kiến nghị đã được ký bởi các ông . Hộ Pháp Phạm công Tắc, trung tướng Trần văn Soái, Nguyễn thành Phương, thiếu tướng Lê văn Viễn, Lâm thành Nguyên, Lê quang Vinh và Trịnh minh Thế

Riêng thiếu tướng Trịnh minh Thế, là người về hợp tác với chính phủ Diệm ngày 13-2-1955 đã có lời ghi thêm trong bản kiến nghị này như sau « — Tôi là thiếu tướng quân đội quốc gia cố nhiên không có quyền làm chính trị. Nhưng vì nhận rõ nguy cơ chung của dân tộc, tôi tán thành bản quyết nghị này ».

Phản ứng đầu tiên của thủ tướng Ngô đình Diệm đối với bản kiến nghị này là ông xác nhận lại lập trường của chính phủ

« — Phải thống nhất quân đội sau khi chiến tranh chấm dứt — Không còn lý do tồn tại của các lực lượng võ trang riêng biệt — Phải thống nhất hành chánh, không thể nào duy trì tình trạng địa phương tự trị... »

Ngày 24-3, ngày áp chót của thời hạn trong tối hậu thư của mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia, thủ tướng Diệm lên đài truyền thanh đọc một bản tuyên bố kêu gọi đồng bào và tỏ lời với các giáo phái, ông nói

« . . . Trong thời kỳ người Pháp còn giữ quyền điều khiển chiến cuộc ở Việt Nam, vì những quan niệm về hoàn cảnh hồi đó, nên bên cạnh đạo quân viễn chinh Pháp, ngoài quân đội quốc gia còn có những lực lượng bộ tác. Nhưng nay nước nhà đã độc lập. Dù ai lãnh đạo chính quyền, cũng phải hợp nhất các lực lượng võ trang hiện nằm trên lãnh thổ để tạo thành một quân đội quốc gia duy nhất, dưới một quyền chỉ huy duy nhất. theo ý tôi, những đoàn thể võ trang, sau khi tuyên bố hợp tác, nếu vẫn kiểm soát những khu vực, những địa điểm riêng biệt trên lãnh thổ ta, là trái với nguyên tắc thống nhất quân đội và quyền lợi của quốc gia ».

Thủ tướng Diệm nói rõ .

« — Hãy giải quyết dứt khoát vấn đề thống nhất quân đội, rồi sau đó sẽ giải quyết các vấn đề chính trị ».

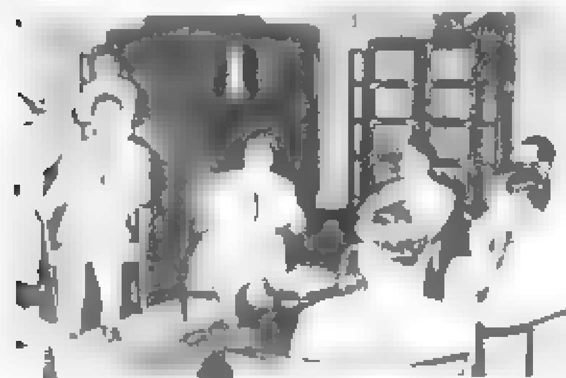
Sau cùng bản tuyên bố, thủ tướng Diệm mời các lãnh tụ giáo phái và đoàn thể võ trang đến dinh Độc lập thảo luận.

Ngày 25-3, ngày cuối cùng của tối hậu thư, mặt trận họp phiên đặc biệt để nghiên cứu bản tuyên bố của thủ tướng Diệm.

Buổi hội này đã chia ra làm ba phe rõ rệt : — Một phe ôn hòa chủ trương thương thuyết với chánh quyền. Phe này gồm các tướng Trịnh minh Thế và Lâm thành Nguyên — Một phe đệ dặt ít phát biểu ý kiến là tướng Nguyễn thành Phương — và phe quyết

bệt chống chính phủ, sẵn sàng dùng vũ lực nói chuyện, đó là các tướng Lê văn Viễn và Lê quang Vinh

Buổi chiều, cuộc thương thuyết giữa mặt trận và thủ tướng Diệm diễn ra ở dinh Độc lập. Bên mặt trận chỉ có tướng Lâm thành Nguyên là người có chân trong chủ tịch đoàn, còn các vị kia thì nhờ đại diện đi thay.



Các đại diện MTTNTLQG họp với thủ tướng Diệm

Thủ tướng Diệm tuy không bằng lòng nhưng vẫn nói chuyện. Mặt trận vẫn đòi cải tổ toàn diện nội các và lập tân nội các với các thành phần được mặt trận chấp thuận. Thủ tướng Diệm nhắc lại lập trường đã tuyên bố « *thực hiện sự thống nhất quân đội xong sẽ bàn tới chính trị* ».

Cuộc thương thuyết không đi đến một kết quả nào, tuy nhiên hai bên đều hẹn nhau sẽ bàn lại trong một cuộc hội khác.

26-3, tình hình đô thành cực kỳ nghiêm trọng. Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia lại gửi cho thủ tướng Diệm một giác thư nhắc: « *đến 15 giờ hôm nay là mãn hạn 5 ngày, bắt buộc thủ tướng phải cải tổ toàn diện nội các như đã ghi trong bản kiến nghị gửi hôm trước* ».

Ngày 27-3, thủ tướng Diệm gửi một bức thư cho ông Trần văn Soái, Quốc vụ khanh ủy viên quốc phòng, đại diện Mặt trận thống nhứt toàn lực quốc gia. Trong thư, thủ tướng Diệm viết

« — *Để chứng tỏ một lần nữa rằng tôi chỉ biết phụng sự quyền lợi tối cao của tổ quốc và nhân dân, tôi tuyên bố sẵn sàng để cho các vị mà người ta ngờ rằng thân tín của tôi, rút ra khỏi chính quyền. Để loại trừ hết các đảng phái, tôi tưởng về phần các đoàn thể chính trị, quân sự cũng phải có một thái độ như vậy. Như thế, tôi sẽ lập một nội các võ-sư gồm những người có tài đức, chỉ biết phụng sự quyền lợi quốc gia và dân tộc...* ».

Phía mặt trận phổ biến thông cáo lên án thủ tướng Diệm tham quyền cố vị, và phải chịu trách nhiệm trước lịch sử và dân tộc.

Một quyết định quan trọng tiếp đó, của thủ tướng Ngô đình Diệm như có ý thách thức Bình Xuyên. Dinh Độc lập cho phổ biến sắc lệnh ngày 27-3-1955 của thủ tướng Ngô đình Diệm ký thay quốc trưởng, tách cảnh sát đô thành khỏi hệ thống chỉ huy của tổng giám đốc cảnh sát công an toàn quốc, và đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của ông đô trưởng Saigon — Chợ Lớn. Bình Xuyên chỉ có phản ứng yếu ớt : một mặt, dời trụ sở cảnh sát đô thành thường gọi là cảnh sát trung ương tại đại lộ Trần hưng Đạo sang trường huấn luyện cảnh sát kế cận, và mặt khác, ông tổng giám đốc Lai văn Sang đánh điện sang Cannes phản đối với quốc trưởng Bảo Đại.

Cùng ngày 27-3, thiếu tướng Trịnh minh Thế tuyên bố rút khỏi Mặt trận thống nhứt toàn lực quốc gia của các giáo phái. Ông tuyên bố : « — *Tôi gia nhập mặt trận này chỉ là để làm trung gian hòa giải các giáo phái và chính phủ này. Nay, sau lời cam kết của thủ tướng Ngô đình Diệm sẽ hoàn toàn cải tổ chính phủ hiện hữu, là sứ mạng của tôi chấm dứt đối với mặt trận*».

Ngày 28-3, ngoài thiếu tướng Trịnh minh Thế rút tên khỏi mặt trận, trung tướng Nguyễn thành Phương chống đối đường lối cương quyết của mặt trận, tức là đường lối chủ trương đến cùng của Bình Xuyên.

Sau đó mặt trận đã phải họp bàn và quyết định : « Chủ trương bất bạo động và dùng thế nhân dân hậu thuẫn cho chính trị». Đến 12 giờ trưa, đài phát thanh Bình Xuyên loan báo vừa thành lập ủy ban phong tỏa kinh tế đô thành. Ủy ban này khuyên đồng bào hãy chuẩn bị bằng cách tích trữ thực phẩm, nước uống để đối phó với những biến cố xảy ra

Ngày 29-3, một loạt các tổng bộ trưởng trong nội các từ chức. Ông Hồ thông Minh, tổng trưởng phụ tá Quốc phòng, từ chức vì không tán thành các biện pháp quân sự của thủ tướng Diệm nhằm đối phó với các giáo phái và Bình Xuyên.

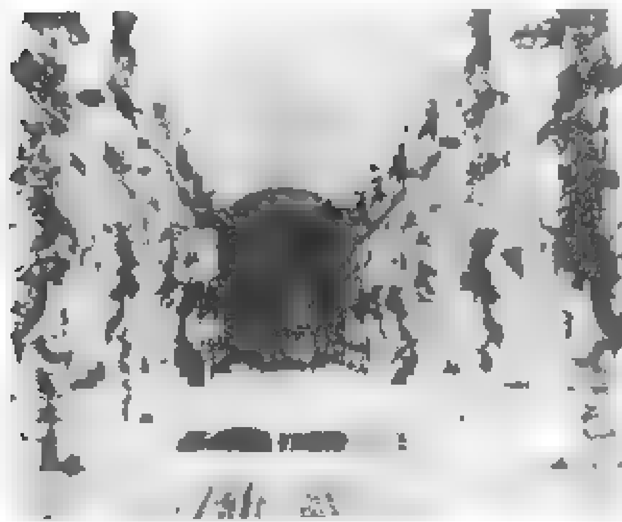
Ông Trần văn Soái, nhân danh lãnh tụ giáo phái Hòa Hảo tham chánh, gởi thư cho thủ tướng báo tin sự từ chức của bốn ông tổng bộ trưởng Hòa Hảo Trung tướng Trần văn Soái

Quốc vụ khanh kiêm ủy viên quốc phòng, ông Lương trọng Tương tổng trưởng Kinh tế ông Nguyễn công Hầu tổng trưởng Canh nông và ông Huỳnh văn Nhiệm bộ trưởng Nội vụ.

Hộ Pháp Phạm công Tắc nhân danh giáo chủ Cao Đài, gửi thư cho thủ tướng báo tin sự từ chức của bốn nhân viên nội các thuộc giáo phái Cao Đài Trung tướng Nguyễn thành Phương Quốc vụ khanh kiêm ủy viên quốc phòng, ông Phạm xuân Thái tổng trưởng Thông tin, ông Nguyễn mạnh Bảo tổng trưởng Xã hội và ông Nguyễn văn Còi thứ trưởng Nội vụ.

Thủ tướng Diệm chấp thuận sự từ chức của ông Hồ thông Minh và bốn vị Hòa Hảo, song không chấp thuận sự từ chức của bốn vị Cao Đài, viện lẽ trong thư từ chức chỉ có chữ ký của Hộ Pháp Phạm công Tắc mà không có chữ ký của bốn vị kia.

Đúng 12 giờ khuya, súng nổ tại đô thành (1).



Bên trong Tòa Thánh Cao Đài



Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc trong lễ phục



Bên ngoài. Lễ xuất quân và khánh thành Tòa Thánh (29-1-1955).

(1) Trọn phần trên này viết theo tài liệu « 15 năm chiến tranh Việt Nam » của Trần tấn Quốc.

4. SÚNG NỔ TẠI ĐÔ THÀNH : 29, 30-3-1955

Vụ khiêu khích đầu tiên của Bình Xuyên là cuộc nổ súng vào Bộ Tổng Tham Mưu, đêm 29 rạng ngày 30-3-1955 tại đường Trần Hưng Đạo, để thị uy.

Vào đêm đó, Công an xung phong bố trí ở đường Trần Hưng Đạo, từ ngã tư đường nhà thờ Chợ Quán đến ngã tư đường Kergaradec để chuẩn bị tấn công.

Tiếng nổ đầu tiên phát ra lúc 12g khuya ở đại lộ Trần Hưng Đạo. Đó là tiếng nổ của một trái lựu đạn do một công an xung phong đóng ở trường huấn luyện cảnh sát ở sát bên liệng vào sân bót cảnh sát trung ương do một đại đội thuộc Tiểu đoàn 1 nhảy dù và một chi đội thiết thiết xa đóng giữ.

Sau tiếng nổ, công an xung phong bắt đầu tràn vào bót cảnh sát trung ương và Bộ Tổng Tham Mưu dưới sự yểm trợ của một đại liên 12,7, bốn trung liên và một khẩu 57 SKZ đặt trên các tầng lầu những nhà kế cận.

Nhưng chi đội thiết thiết xa chận đứng được.

Vào lúc 0g30, viện binh của Phân khu Saigon – ChoLon đến. Sau một giờ giao tranh quân đội quốc gia không những giải tỏa áp lực đối phương mà còn chiếm luôn trung tâm huấn luyện cảnh sát vào lúc 01g30.

Đồng thời trong biến cố này, dinh Độc lập, căn cứ đóng quân của Tiểu đoàn 5 nhảy dù và Sở quân y bị pháo kích bằng súng cối 81 ly.

Lệnh ngưng bắn được ban hành vào hồi 2g30. Tuy nhiên, nhiều cuộc chạm súng lẻ tẻ còn xảy ra trong đô thành đến 5g sáng.

Kết quả

— Quân đội quốc gia 5 chết, 31 bị thương.

— Bình Xuyên 5 chết, 7 súng trường, 1 số đạn và lựu đạn để lại.

5. CÁC HÀNH ĐỘNG KHIÊU KHÍCH

Sáng hôm sau, chính phủ cho nhân dân toàn quốc biết : « công an xung phong đã tấn công các cơ sở của quốc gia và bị quân đội anh dũng đẩy lui ». Thủ tướng hứa : « sẽ trừng trị nghiêm khắc những kẻ chủ trương gây rối ». Bên mặt trận, ngược lại, ra thông cáo đổ cho chính phủ dùng võ lực khiêu khích mặt trận.

Từ hôm đó trở đi, đài phát thanh Bình Xuyên liên tiếp loan đi những bài có nội dung công kích nặng nề thủ tướng Diệm.

Để tạo cho tình thế thêm căng thẳng, sau đêm tấn công, các bót công an xung phong trong vùng Saigon rút bớt quân số về khu Bình Xuyên để chuẩn bị chống chính phủ một cách quy mô. Trước đó, ngày 26-3, Bình Xuyên ra lệnh cho 350 công an xung phong khác từ Dalat rút về Saigon để tăng cường.

Ngày 31-3, trung tướng Nguyễn Thành Phương, tổng tư lệnh quân đội Cao Đài chấp thuận việc quốc gia hóa thêm 8.000 quân Cao Đài trong một buổi lễ tổ chức long trọng tại dinh Độc lập. Ngoài việc vận động riêng với Cao Đài này, thủ tướng Diệm đã lôi kéo được nhóm lực lượng Hòa Hảo của trung tá Huệ và thiếu tá Tư Đây. Ngày 10-3-1955, một buổi lễ đã được tổ chức trọng thể tại Cần Thơ để tiếp nhận nhóm lực lượng Hòa Hảo này sát nhập quân đội quốc gia.

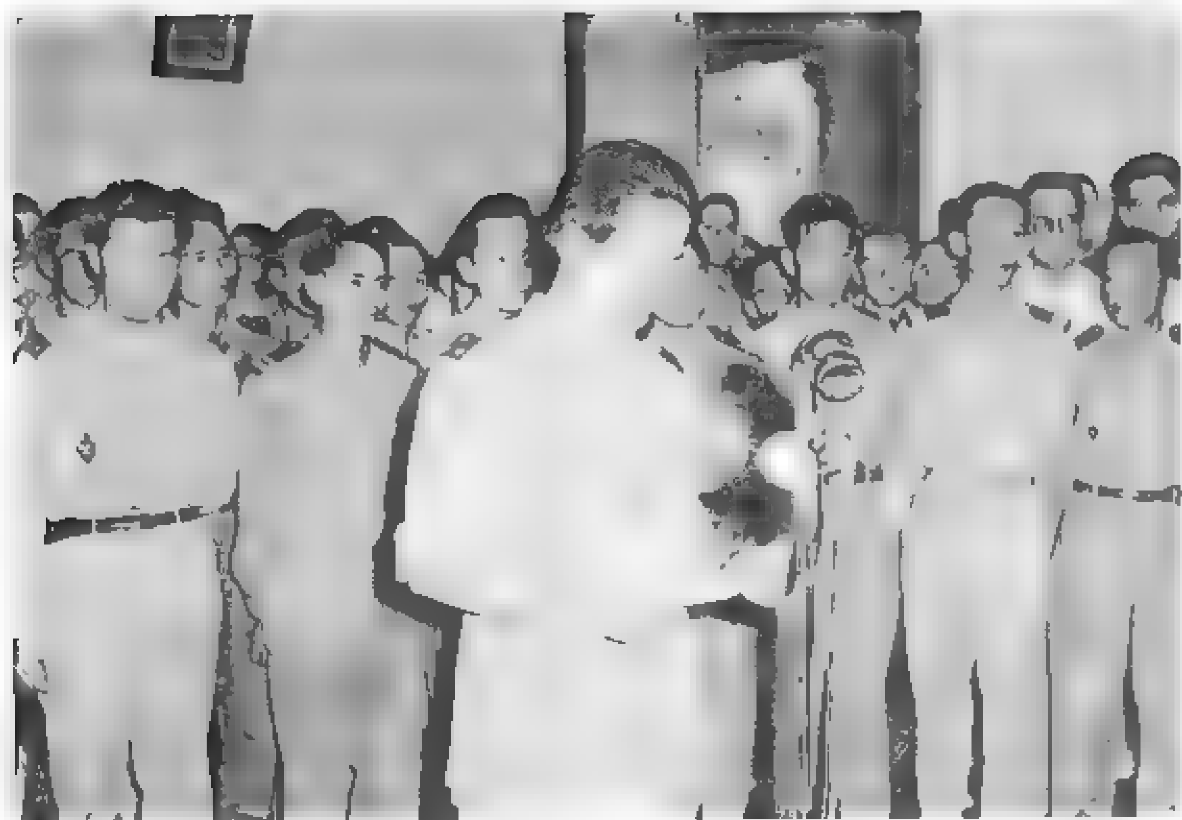
Một sự kiện xảy ra trong cùng ngày là sự từ chức của bốn vị tổng bộ trưởng Cao Đài. Trong thư từ chức tập thể, có câu : « — Chúng tôi từ chức để thủ tướng dễ dàng trong việc lập một tân nội các gồm những phần tử ái quốc chân chính... ».

Ngày 2-4, thủ tướng Ngô đình Diệm hiệu triệu đồng bào trên đài phát thanh, lên án hành động phản trắc của bọn công an xung phong Bình Xuyên, nhưng không đả động tới các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài và mặt trận, cốt ý để sau này dễ tiêu diệt nhóm Bình Xuyên mà không va chạm đến hai tôn giáo.

Ngày 3-4, Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia đang yếu thế, lại được tướng Nguyễn văn Thành rời bỏ quân đội quốc gia sang gia nhập. Tướng Nguyễn văn Thành trước là trung tướng, tổng tư lệnh quân đội Cao Đài, vì bất hòa nội bộ, được chuyển sang quân đội quốc gia nhưng chưa được giao phó nhiệm vụ gì cả.

Ngày 5-4, ông Trần văn Hương từ chức đô trưởng Saigon — Chợ Lớn.

Ngày 6-4, từ Saigon, nhiều điện văn gửi qua Pháp cho ông Bảo Đại. Phần nhiều là điện văn của mặt trận và của Bình Xuyên yêu cầu ông Bảo Đại can thiệp bằng cách bắt buộc chính phủ Ngô đình Diệm từ bỏ chính sách võ lực nhằm tiêu diệt các giáo phái và đoàn thể đối lập. Ngược lại, Phong trào cách mạng quốc gia, một phong trào mới được sáng lập, cũng gửi điện văn sang Cannes yêu cầu ông Bảo Đại chấm dứt can thiệp nội bộ sứ quân.



[illegible] Nguyễn [illegible]
Dinh Độc Lập (31-3-1955)



Ngày 12-4, Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia thành lập « Ủy ban chỉ đạo dân quân cách mạng » với bộ ba Trịnh khánh Vàng — Hồ hữu Tường — và tướng Nguyễn văn Thành lãnh đạo. Tại Chánh Hưng, Bình Xuyên làm lễ thượng cờ Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia, như một hành động chứng tỏ quyết tâm ly khai và chống lại chính phủ.

Ngày 19-4, hồi 15g30, Bình Xuyên cho một xe díp mang số IC (infanteriecoloniale) của Pháp đến bắn vào Bộ Tổng Tham Mưu ở Chợ Quán, và ba trái phóng lựu vào văn phòng Tổng thanh tra quân lực đặt cạnh Bộ Tổng Tham Mưu.

Ngày 20-4, Bình Xuyên chạy xe díp và bắn lộn với toán quân nhảy dù ở trước trường học Tôn thọ Tường, trên đường Trần Hưng Đạo.

Buổi chiều, chúng bắn vào xe chở nhân viên quân đội của Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng không gây thiệt hại gì.

Bình Xuyên ngày càng gia tăng các hoạt động khủng bố trong đô thành, nhất là nhắm vào các quân nhân thuộc quân đội quốc gia. Số binh sĩ chung cuộc bị mất tích lên đến 30 người, trong đó có 5 sĩ quan.

Cũng ngày 20-4, một vài phần tử Bình Xuyên tấn công tư thất đại tá Mai hữu Xuân tại phố Marcel Richard.

Ngày 26-4, trong lúc cuộc tranh chấp mỗi ngày thêm quyết liệt giữa chính phủ và Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia, thủ tướng chính phủ ký sắc lệnh huyền chức tổng giám đốc cảnh sát và công an quốc gia của Lai văn Sang, đồng thời bổ nhậm đại tá Nguyễn ngọc Lễ giữ chức vụ quan trọng này. Mặt khác, ông bộ trưởng nội vụ ký nghị định bổ nhậm thiếu tá Trần Vĩnh Đắc giữ chức giám đốc công an Nam Việt thay thế ông Nguyễn văn Tôn.

Lai văn Sang viện lẽ quốc trưởng Bảo Đại đã bổ nhậm ông ở chức này, thì chỉ có quốc trưởng mới đủ tư cách thay đổi. Do đó, Lai văn Sang dùng lực lượng công an xung phong chiếm giữ trụ sở công an trung ương tức bót Catinat.

Để sửa soạn chiến đấu cũng gây hoang mang và tạo sự căng thẳng tại đô thành, Bình Xuyên ra lệnh cho dân chúng sống xung quanh vùng Bộ Tổng Tham Mưu, đường Nancy, Cống Quỳnh, Xóm Củi phải tản cư để tránh các vụ pháo kích của họ.

Bình Xuyên còn kiểm soát xóm Chợ Lá khoảng giữa đại lộ Trần Hưng Đạo và các đường Lê quang Liêm, Kháng chiến và Nguyễn văn Của.

Đề phòng xa, Bảy Viễn cho di chuyển bộ chỉ huy về Bến Đò, cách cầu chữ Y ba cây số. Riêng Phòng 2 của Bình Xuyên vẫn đóng cách cầu chữ Y 200 thước. Tại khu Chánh Hưng, Bình Xuyên ra sức đào các công sự chiến đấu. Pháp đưa một đại đội nhảy dù tới đóng ở xóm Chùa Phật thuộc trong khu vực Bình Xuyên có ý cổ võ tinh thần của phe này.

Tại Saigon, Bộ tư lệnh Pháp viện lý do bảo vệ các cơ sở và Pháp kiều, đã yêu cầu chính phủ Việt Nam được tạm thời trọn quyền giữ trật tự trong một khu vực quy vuông như sau :

— Về phía Đông tới sông Saigon ;

— Về phía Bắc từ con kinh Thị Nghè, những con đường Martin des Pallières, Le Grand de la Liraye, Paul Blanchy cho tới đường Mayer ;

— Về phía Tây giới hạn bởi các đường Mayer, de Gaulle, Champagne, Verdun, Chasseloup-Laubat, Blancsubé, Catinat, Lê Lợi ;

— Về phía Nam bởi các đường Pellerin, de la Marne, Guillaume, Charles de Corps và Jean Eudel.

Xung quanh Saigon, Pháp vẫn đóng ở những địa điểm xung yếu.

28-4, việc phải đến đã đến ; quân đội của chính phủ và lực lượng Bình Xuyên đánh nhau ngay tại đô thành.

6. TRẬN ĐÁNH ĐÔ THÀNH : 28-4-1955

Tình hình đô thành Saigon — Chợ lớn thực sự căng thẳng từ khi chính phủ cất chức tổng giám đốc cảnh sát công an toàn quốc của Lai văn Sang.

Dân chúng sống trong cảnh đợi chờ. Đúng 13g00 ngày 28-4-1955, hai bên nổ súng dữ dội.

« — ... *Trước đó, hồi 12g15, công an xung phong Bình Xuyên đóng tại trường trung học Pétrus Ký đã nổ súng vô cớ vào một toán binh sĩ quốc gia di chuyển trên đường Nancy ngay trước vọng gác của họ. Một binh sĩ quốc gia ngã gục quằn quại trên vũng máu. Không một ai can thiệp ! Không một ai dám đến cứu cấp !!!* ».

Trung tá Đỗ Cao Trí, tư lệnh Liên đoàn nhảy dù tường thuật như thế, trước diễn đàn của trường Đại học quân sự vào tháng 7-1956 tại Saigon.

Trung tá Trí nói tiếp :

« — Tôi vừa ở trại về ăn cơm trưa và bất ngờ được chứng kiến vụ trên. Tôi dừng xe lại và cho máy gọi về trại ra lệnh cho tiểu đoàn ứng chiến tập họp. Bởi vì từ ngày tình hình đô thành căng thẳng, tôi luôn luôn đặt một tiểu đoàn dù ở trong tình trạng báo động để cấp thời ứng phó với mọi biến cố xảy ra. Sau đó, tôi liên lạc bằng truyền tin với đại tá Trần văn Minh, tư lệnh Đệ I quân khu báo cáo tình hình và xin ông cho quyết định hành động. Đại tá Minh còn phải đợi quyết định ở trên.

Lúc ấy, tôi cử cho tiểu đoàn dù đến chỗ hẹn và khi đến nơi tôi cho tiểu đoàn này mở ngay cuộc tấn công vào trường Pétrus Ký. Lúc đó là 13g00, để trả lời cho lực lượng của Bình Xuyên tại nơi đây biết là hành động bạo lực của họ vừa rồi phải được trừng phạt đích đáng ngay lập tức. Tôi cho rằng cần phải chứng tỏ cho Bình Xuyên biết, quân đội quốc gia không yếu hèn như họ tưởng. Và vấn đề tôn trọng kỷ luật cũng chỉ có thể giới hạn tới một mức nào thôi chứ, không thể làm mất sáng kiến của cấp chỉ huy, để quân đối phương có thể lộng hành và coi thường sinh mạng của binh sĩ như vậy được... ».

Trung tá Đỗ Cao Trí còn cho biết là ông đã hành động trước khi có quyết định của đại tá Trần văn Minh.

Tuy nhiên, hành động này cũng phù hợp đúng theo đường lối hành động của chính phủ. Bởi vì từ hơn một tháng trước, chính quyền đã chuẩn bị mang lực lượng nhảy dù ở Nha Trang vào cả Saigon. Đến khi nổ súng, cả liên đoàn dù gồm bốn tiểu đoàn đều có mặt ở quanh thủ đô.

Khi tới công trường Khải Định, tiểu đoàn nhảy dù kể trên xuống xe và lấy công trường này làm tuyến xuất phát, để mở cuộc tấn công vào trường Pé-trus Ký.

Bình Xuyên có chừng một đại đội công an xung phong, chia chiếm các khu nhà gạch của trường Pé-trus Ký và Cao sự công chánh.

Quân nhảy dù gan dạ và hiếu lính mở các đợt xung phong vào căn cứ Bình Xuyên. Song suốt cả buổi chiều vẫn không chiếm được mục tiêu nào. Có một lần, một đơn vị đã xung phong tới sát căn nhà chính do nhiều công an xung phong chiếm giữ, nhưng vẫn bị đánh bật ra.

Bên quân nhảy dù, có các chiến xa loại nhẹ được đưa tới yểm trợ, một chiếc bị bazooka bắn cháy, rốt cuộc vẫn không chiếm được mục tiêu nào khi đêm đến.

Ban đêm, vài quả bích kích pháo 81 ly bắn vào khuôn viên dinh Độc lập, không gây nên một thiệt hại nào.

Đến sáng 29-4, quân nhảy dù tiếp tục tấn công vào trường Pétrus Ký, nhưng công an xung phong đã rút theo ngả sau đường Trần Bình Trọng, về bên kia cầu chữ Y từ nửa đêm.

Trong ngày này, lực lượng nhảy dù kiểm soát trọn cả khu vực Chợ Lớn và dàn quân đối diện với quân Bình Xuyên ở Kinh Đôi.

Tại Saigon, quân chính phủ cũng làm chủ được tình hình. Các bót Théophile ở Đa Kao và Catinat bị cô lập và bị bao vây. Còn tại những bót khác, công an xung phong Bình Xuyên đều bỏ trốn hay ra quy thuận

Ngày 30-4, tình hình thật nghiêm trọng.

Quân đội và lực lượng Bình Xuyên đánh nhau tại đô thành ngày 28-4, thì ngày 29-4, thủ tướng Ngô đình Diệm tiếp nhận được hai điện văn từ quốc trưởng Bảo Đại ở Cannes gửi về.

Bức thứ nhất : Quốc trưởng mời thủ tướng Diệm và thiếu tướng tổng tham mưu trưởng Lê văn Ty sang Pháp lập tức, để quốc trưởng tham khảo ý kiến và dự cuộc hội họp đặc biệt ở Cannes.

Bức thứ hai : Đạo dụ của quốc trưởng bổ nhiệm thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ giữ chức tổng tư lệnh quân đội quốc gia.

Dư luận chính giới tỏ ý xôn xao. Dư luận bên các giáo phái và Bình Xuyên tỏ ý vui mừng.

Thủ tướng Diệm triệu tập phiên họp bất thường và quyết định :

— Giữa tình thế này, thủ tướng và tổng tham mưu trưởng không thể rời khỏi nước nhà được.

— Việc bổ nhiệm tướng Nguyễn văn Vỹ ở chức tổng tư lệnh chỉ làm cho tình thế rối thêm.

Ba tướng lãnh giáo phái Nguyễn thành Phương, Nguyễn giác Ngộ và Trịnh minh Thế ký tên trên một bản tuyên cáo chung, phản đối việc ông Bảo Đại bổ nhiệm tướng Vỹ vào chức tổng tư lệnh quân đội quốc gia.

Ngày 30-1, tới 200 người họp tại phòng Khánh tiết Saigon, lấy danh nghĩa là « Đại hội các lực lượng quốc gia » lập kiến nghị truất phế Bảo Đại. Đại hội các lực lượng cách mạng quốc gia đồng thanh cử ban thường vụ gồm có ông Nguyễn bảo Toàn chủ tịch, đại tá Hồ hán Sơn (Cao Đài) phó chủ tịch và ông Nhị Lang tổng thư ký.

Buổi chiều, thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ có đại tá Nguyễn Tuyên chỉ huy trưởng lực lượng ngự lâm quân từ Đà Lạt xuống tháp tùng, đã vào dinh Độc Lập để nhận chức mới.

Tướng Vỹ bị tướng Trịnh minh Thế và lực lượng cách mạng quốc gia (sau đổi là Hội đồng nhân dân cách mạng) áp đảo, nên hôm sau phải lên phi cơ sang Pháp.

7. TRẬN ĐÁNH CẦU CHỮ Y : 30-4-55 – 3-5-55

Liên đoàn nhảy dù bố trí dọc theo Kinh Đôi đối diện với Chánh Hưng. Trong khi đó, Trung đoàn 80 của thiếu tướng Trịnh minh Thế được đưa ở Tây Ninh về đóng tại Khánh Hội, dọc theo lộ ăn thông từ Khánh Hội tới Nhà Bè. Ngoài ra, bên quân đội quốc gia, còn có các đơn vị khóa sinh của Trung tâm huấn luyện Quang Trung và một vài tiểu đoàn của Phân khu Saigon — Chợ Lớn và Phân khu Mỹ Tho tham dự.

Đêm 30-4, quân đội chính phủ bắt đầu cho bắn đại bác vào khu Bình Xuyên.

Tin tình báo cho biết quân đội Bình Xuyên mất hẳn tinh thần. Các cấp chỉ huy đều tìm đường lánh nạn. Binh sĩ còn ở lại ngoại ô đô thành chỉ chờ có cuộc tổng tấn công của quân đội quốc gia để rút lui hoặc đầu hàng. Tất cả đều sống trong cảnh phập phồng lo sợ, không biết sống chết lúc nào. Tất cả các khí giới tối tân đều được trung tá Bình Xuyên Tư Đen tháo gỡ trong ngày 1-5 đem xuống Rừng Sát, rồi thay vào đó một số súng cũ kỹ, nhằm mục đích để kéo dài sự kháng chiến ở Rừng Sát.

Căn cứ chính và bộ chỉ huy tác chiến Bình Xuyên được đặt ở Rạch Cát. Cuộc phòng thủ từ cầu Tân Thuận chạy về cầu chữ Y sút kém rõ rệt. Bọn chúng chỉ để chút ít cầm chừng, còn bao nhiêu đều đưa về Rừng Sát.

Tại cầu Nhị thiên Đường và Rạch Cát, Tư Đen chỉ huy số sĩ quan còn lại. Các ban công tác tình báo và công an xung phong cũng đều dồn hết về nơi này.

Do sự kêu gọi bằng phát thanh của quân đội chính phủ, một nhóm Bình Xuyên cầm đầu bởi đại úy Bình Xuyên Trịnh hy Quang đã vượt sông đêm 30-4 về quy thuận. Đại úy Quang là giám đốc trung tâm huấn luyện của Bình Xuyên (2).

Ngày 1-5, quân nhảy dù tấn công đối phương theo hai mặt : — một mặt, dùng hỏa lực yểm trợ vượt thẳng qua cầu chữ Y — một mặt, cho quân xuất phát từ phía Tây Nam đô thành băng qua cánh đồng tiến chiếm khu Chánh Hưng. Tới ngày 2-5, các mục tiêu trên đều đạt được một cách khá dễ dàng.

Quân Bình Xuyên chỉ chống cự yếu ớt. Quả thực họ đã được chuẩn bị từ trước để rút xuống khu Rừng Sát.

Theo dân chúng kể lại, quân Bình Xuyên đã rút theo đường thủy bằng ba tàu LCVP, 4 vợ đét, 15 tàu nhỏ dòng theo 30 ghe chài, đi từ rừng Phước Long dài theo mương Chuối, ra sông Soài Rạp, đến cù lao An Thới, rồi từ đó đến Rừng Sát.

Kế đó, các đơn vị dù được tăng cường các đơn vị khóa sinh thuộc Trung tâm huấn luyện Quang Trung và các tiểu đoàn của các phân khu, mở các cuộc lục soát vào những nơi trú đóng của Bình Xuyên ở vùng Nam Kinh Đôi.

Một tin đột ngột đưa đến thiếu tướng Trịnh minh Thế bị tử trận tại dốc cầu Tân Thuận, buổi chiều ngày 3-5-1955, trong lúc ông từ Saigon dùng xe tới nơi đây thăm mặt trận.

Việc tử trận của thiếu tướng Trịnh minh Thế khiến cho quân đội lúc ấy luyến tiếc không ít.

Ông là một nhân vật thuộc Cao Đài nhưng lại không chịu đặt mình trong hệ thống quân đội Cao Đài hợp tác với Pháp. Ông tách riêng ra, lập quân đội gọi là « Quân đội Cao Đài liên minh » chủ trương chống cộng và chống cả thực dân Pháp.

Sau hiệp định Genève, ông Thế vẫn tiếp tục chiến đấu tại các chiến khu miền Đông. Tỏ lòng khâm phục, ông Ngô đình Diệm khi làm thủ tướng đã cho sứ giả đến thuyết phục, rồi chính thủ tướng Ngô đình Diệm đích thân lên Tây Ninh ngày 31-1-1955, để mời ông về hợp tác. Ông Thế về hợp tác, được phong cấp thiếu tướng quân đội quốc gia.

(2) Đại úy Trịnh hy Quang sau được trọng dụng trong quân đội quốc gia với cấp bậc sư khảo trung úy.

Đám tang Thiếu tướng Trịnh minh Thế tại Saigon.

Chân dung thiếu tướng Trịnh Minh Thế (truy thăng trung tướng).







Quân Bình Xuyên quy thuận với vũ khí

Thủ tướng chánh phủ chấp nhận sự quy thuận



Ngày các giáo phái thành lập mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia chống lại ông Diệm, ông Thế cũng đứng ở trong hàng ngũ đối lập này, nhưng vẫn mến ông Diệm nên chỉ ít lâu sau lại tách ra. Ông là linh hồn của Hội đồng nhân dân cách mạng, tuy ông không có tên chính thức ở trong ban chấp hành.

Trong cuộc đánh đuổi Bình Xuyên ra khỏi đô thành, ông hăng hái tham gia và mang các đơn vị bản bộ của ông về dự trận. Chẳng may ông bị tử trận bằng một viên đạn lạc. Ông được truy phong trung tướng và được quốc táng rất trọng thể. Con đường cầu dốc Tân Thuận nơi ông đã ngã gục được chính phủ đặt mang tên ông.

Cuộc hành quân vùng đô thành chấm dứt ngày 5-5-1955. Bót Catinat quy thuận ngày 8-5 với 88 công an xung phong và bót Théophile quy thuận ngày 10-5 với một vài công an, còn bao nhiêu bỏ trốn.

Quân đội Bình Xuyên sau khi bị đánh tan rã tại đô thành đã mất trên một nửa lực lượng, còn khoảng chừng 1.500 người kéo về Rừng Sát. Tại đây, họ đã có các đồ lương thực được dự trữ từ trước và một phần dường như được quân đội Pháp dùng tàu tiếp tế thêm cho (3). Các lực lượng này được tạm yên cho đến ngày chính phủ mở chiến dịch Hoàng Diệu.

Tính đến ngày 10-5-1955 có 650 Bình Xuyên về quy thuận với vũ khí đầy đủ, trên 100 bị chết.

Chính phủ công bố sự thiệt hại của dân chúng như sau:

- 7.826 nhà bị cháy hay bị phá, nhiều nhất là vùng Nancy-Chợ Quán.
- 88 thường dân chết.
- 592 thường dân bị thương.

8. CHIẾN DỊCH HOÀNG DIỆU : 21-9-55 — 24-10-55

Sau khi bị quân đội quốc gia đánh bật khỏi đô thành, tàn quân Bình Xuyên kéo về ẩn náu tại Rừng Sát. Đây là một vùng đồng bằng đầy rừng và sông ngòi, rất ẩm thấp và sình lầy. Sự quan trọng của Rừng Sát là kiểm soát đường thủy vận từ Vũng Tàu vào thương cảng Saigon.

Từ ngày rút về đây, tàn quân Bình Xuyên thường quấy rối những đồn quân chính phủ đóng bao quanh khu rừng này, làm cản trở ghe thuyền qua lại trên sông Saigon. Sở dĩ đám tàn quân Bình Xuyên có thể hoành hành trong một thời gian nữa vì chính phủ chuyển các nỗ lực quân sự xuống miền Tây để đánh các lực lượng giáo phái Hòa Hảo.

Mãi đến ngày 21-9-55, chiến dịch Hoàng Diệu mới được khởi điểm do đại tá Dương văn Minh, chỉ huy trưởng Phân khu Saigon — Chợ Lớn điều khiển.

Bộ chỉ huy chiến dịch đóng ở Rạch Cát.

Nhiệm vụ chính của chiến dịch là:

— Tiêu diệt hoàn toàn đám tàn quân Bình Xuyên, bằng cách chiếm đóng các căn cứ và hủy diệt các cơ sở, kho tàng dự trữ của đám quân này.

— Giải tỏa con sông Saigon từ Nhà Bè đến Vũng Tàu để cho sự lưu thông của dân chúng và các tàu buôn được dễ dàng.

Để tiêu diệt đám tàn quân đóng trong vùng rừng rậm và lầy lội ở Rừng Sát, trước hết bộ chỉ huy chiến dịch cho phong tỏa toàn thể khu rừng bằng một vòng đai với các cánh quân của Phân khu miền Đông:

— Một cánh là Liên đoàn Biên Hòa gồm quân số 2 tiểu đoàn có một chi đội thiết giáp tăng cường án ngữ phía Tây Bắc khu rừng.

— Một cánh là Liên đoàn Bà Rịa gồm quân số 2 tiểu đoàn, có một chi đội thiết giáp tăng cường án ngữ phía Đông khu rừng.

Một đơn vị địa phương thuộc Phân khu Mỹ Tho cũng được điều động đến, phối hợp án ngữ phía Tây Rừng Sát.

Dưới sông, có hai hải đoàn xung phong được từng tháp thủy quân lục chiến, tuần soát và chiếm cứ những đồn cũ của Bình Xuyên trên sông Lòng Tảo.

Để có khả năng tiến sâu vào đất địch, quân chính phủ đã huy động một lực lượng xung kích hùng hậu gồm có:

— Các Tiểu đoàn 1, 5 và 6 do thiếu tá Nguyễn Chánh Thi (chỉ huy phó Liên đoàn dù) chỉ huy.

(3) Ngày 25-9-55, hải quân đã bắt gặp tại khúc sông gọi là « Quatre bras » 4 chiếc LCVP của Bình Xuyên được chiếc tàu LST 106 của Pháp chuyên chở để tiếp tế. Ta đuổi theo nhưng Pháp đã cản trở trục thủy vận để các tàu Bình Xuyên chạy thoát. Cũng vào mấy hôm trước đó, Pháp còn giúp đỡ Bình Xuyên bằng cách cho phi cơ bay rà trên các tàu chiến của quân chính phủ để báo hiệu vị trí cho quân Bình Xuyên. Nhưng người Pháp chỉ giúp đỡ ngầm trong một phạm vi rất hạn chế. Họ cũng đã không tạo ra một dấu hiệu khiêu khích nào đối với quân chính phủ để có thể khiến cho mối bang giao Việt Pháp trở nên căng thẳng.

— Trung đoàn bộ binh 154 với các Tiểu đoàn 58 và 22 được tăng phái các Tiểu đoàn 33 và 809 do thiếu tá Đỗ hữu Độ (trung đoàn trưởng Trung đoàn 154) chỉ huy.

— Tiểu đoàn 3 pháo binh tăng cường 2 pháo binh vị trí 152 và một pháo đội của Tiểu đoàn 34 pháo binh do thiếu tá Nguyễn xuân Thịnh (tiểu đoàn trưởng TĐ3PB) chỉ huy.

— Một đại đội xuồng M2 công binh dùng làm phương tiện tiếp tế, liên lạc và tải nước ngọt.

Chiến dịch được sử dụng 4 máy bay quan sát

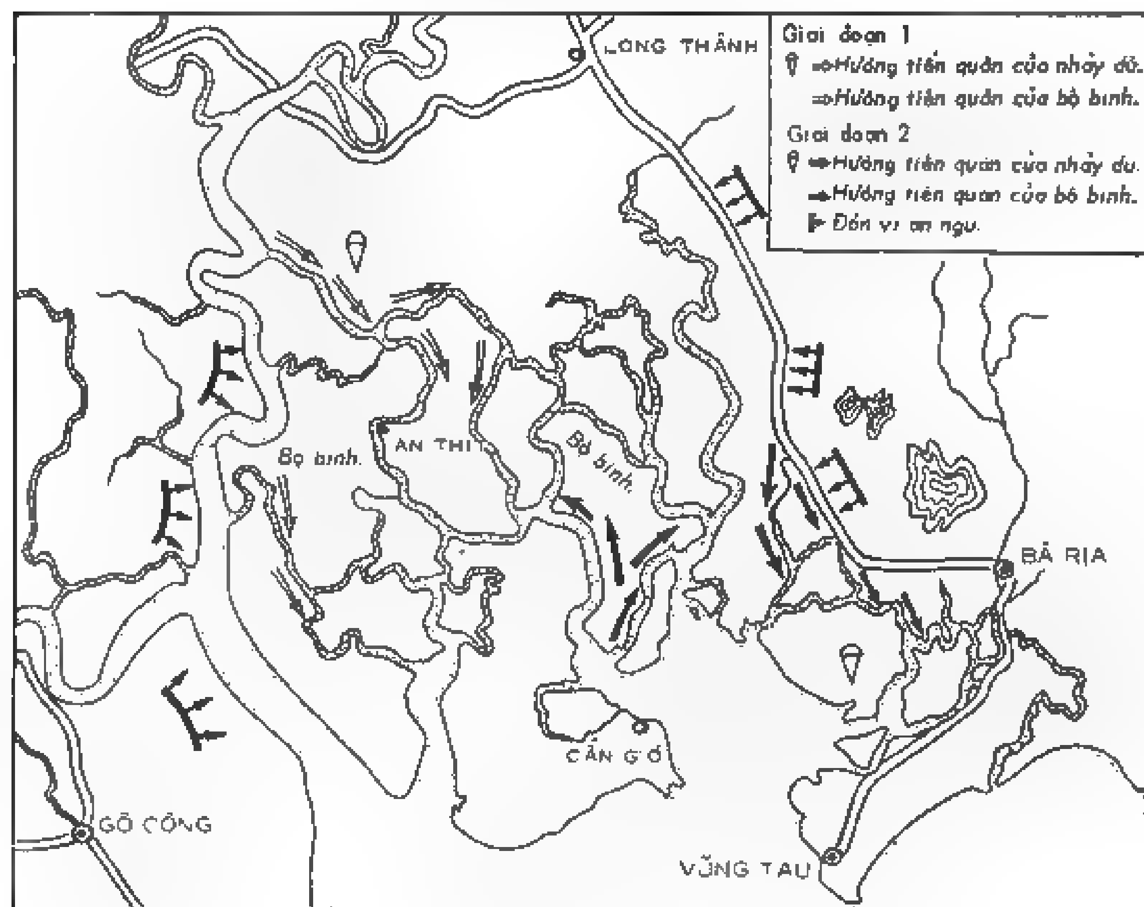
Sau khi các đơn vị án ngữ thiết lập xong vòng đai bao vây, lực lượng xung kích chia làm nhiều toán, được tàu hải quân chở đến đổ bộ lên vùng đất địch.

Các cuộc đổ quân vào Rừng Sát diễn ra trong các ngày 23 và 24-9-55 một cách an toàn, không xảy ra một vụ đụng độ nào cả.

Các cánh quân nhảy dù đổ xuống miền sông Lòng Tàu và sông Đồng Tranh. Các cánh quân của Trung đoàn 154 đổ xuống miền sông Vàm Sát. Trong giai đoạn đầu này, các cuộc hành quân diễn ra ở phần phía Tây Rừng Sát.

△ Xem sơ đồ hành quân chiến dịch Hoàng Diệu.

Sơ đồ hành quân Rừng Sát.



Quân đổ bộ men theo các cửa sông tiến vào. Sự di chuyển rất khó khăn, binh sĩ di chuyển mỗi giờ không quá 500 thước vì bị sình lún quá đầu gối. Các cánh quân chỉ đi sâu vào khoảng một hay hai cây số rồi kiếm chỗ cao đóng quân và kiểm soát các cửa sông lạch.

Theo lệnh của bộ chỉ huy chiến dịch, các cánh quân phải phong tỏa các cửa sông lạch. Hàng ngày các cánh quân này chỉ tuần tiễu sâu vào bên trong để nghe ngóng, đặt các vọng kiểm soát ở các cửa sông để ngăn chặn không cho bất cứ một thuyền bè nào ở bên ngoài được đi vào bên trong, đồng thời khám xét kỹ càng những thuyền bè từ trong Rừng Sát đi ra

Phần lớn các thuyền bè đi lại trong khu này là của dân chúng đi đốn củi đước đem về làm than. Bình Xuyên lợi dụng sự đi lại của các thuyền bè này để tiếp tế và liên lạc với Saigon.

Ngày 27-9 một trận duy nhất xảy ra ở Rạch Lá (Banc de Corail) Bình Xuyên đã dùng súng SKZ 57 bắn vào các tàu hải quân. Một tàu trúng đạn bị chìm. Sau đó một đơn vị thủy quân lục chiến đổ bộ vào chính nơi phát ra tiếng súng, một trung đội Bình Xuyên bị tiêu diệt.

Chiến thuật đánh Rừng Sát của quân đội là bao vây và dùng pháo binh ngày đêm bắn vào các cửa sông, các ngả ba sông lạch và dọc theo kinh rạch có thủy lộ tốt. Trung bình mỗi ngày đêm pháo binh bắn khoảng 700 quả đạn, phần nhiều là loại đạn nổ cao. Các phi cơ quan sát bay thường xuyên trên trời và hướng dẫn cho pháo binh bắn vào những tàu bè xuất hiện trong vùng địch. Nhiều tàu Bình Xuyên bị bắn đắm bằng hỏa lực vòng cầu của pháo binh.

Quân đội còn tạo được một ưu thế chiến thuật khác là biết sử dụng gò An Thịt làm địa điểm pháo binh. An Thịt là một gò cao ráo ở giữa khu Rừng Sát mênh mông sình lầy Một pháo đội 105 ly được tàu LCM di chuyển tới đây, và từ đó đã có thể tác xạ khắp cả khu Rừng Sát, Việc tác xạ này khiến Bình Xuyên không còn chỗ an toàn nào nữa.

Cuộc phong tỏa thi hành được một tuần thì các đơn vị Bình Xuyên lần lần ra đầu hàng. Đơn vị ra hàng đầu tiên là đồn quân đóng sâu trong cửa sông Vàm sát khoảng 2 cây số.

Những người quy thuận này kể lại, từ khi rút về Rừng Sát, họ thiếu thốn và xa gia đình nên đều chán nản. Các cấp chỉ huy nghi kỵ lẫn nhau, và chỉ những phần tử có tội lỗi mới còn ý chí chiến đấu.

Cũng theo những người này cho biết, khi về Rừng Sát, Bảy Viễn tổ chức lại lực lượng thành bốn tiểu đoàn chiến đấu mang số từ 1 đến 4 khoảng 1 200 người — 2 đại đội biệt lập và 2 đại đội bảo vệ bộ chỉ huy khoảng 250 người. Bảy Viễn thường ở trên một tàu cây (tàu Cyprès).

Những người này còn cho biết, khi rút về Rừng Sát, quân Bình Xuyên không thể ở sâu vào bên trong rừng vì vướng sình lầy, không tiện cho việc tiếp tế, di chuyển và phải ở gần sông để dễ quan sát Các vị trí của họ đều lẩn khuất vào bên trong các cửa sông, cửa lạch khoảng từ 10 đến 50 thước dưới các lùm cây. Họ phải ở trên các nhà sàn làm rất mỏng manh để tránh mưa nắng, nước sông và ẩm thấp. Bởi vậy, các điểm tác xạ của pháo binh vào các cửa sông, cửa lạch, dọc theo kinh rạch và ở những ngã ba, ngã tư sông đã rất trúng đích Vì vậy, quân Bình Xuyên mất hết tinh thần, phải ra đầu hàng một cách nhanh chóng.

Không riêng gì quân Bình Xuyên phải chịu gian khổ, mà quân đội hành quân vào Rừng Sát cũng vậy. Binh sĩ hành quân không thể ở mãi dưới sình, muốn nghỉ ngơi, họ phải chịu vất vả làm các sàn trên các cành cây để ở. Đó là chưa kể đến muỗi rừng, thiếu nước uống mỗi ngày tại Rừng Sát và phải chịu hai chiều nước lên xuống. Nước lên cũng nhanh và xuống cũng rất nhanh. Khi nước lên chỉ vài tiếng đồng hồ sau, nếu binh sĩ không kịp trèo lên cây họ sẽ bị ngập tới đầu, nếu không kịp chuẩn bị các bữa ăn trước đó thì bị đói. Khi nước xuống cũng nhanh như vậy Chỉ vài giờ sau, các bãi sình đã hết nước, các binh sĩ có thể đi tát, xúc ở những con rạch nhỏ để bắt tôm cá một cách dễ dàng.

Sự khó khăn khi sống ở trong Rừng Sát là như vậy Cho nên đã không có một cuộc đụng độ nào xảy ra giữa các đơn vị bộ binh hai bên. Các cuộc di chuyển xa phải dùng đến thuyền, tàu chứ không tài nào có thể đi bộ được. Như vậy, sống an toàn tại Rừng Sát chỉ thích hợp cho các đơn vị nhỏ, sống lén lút và di chuyển trên những thuyền con lẩn tránh trong rừng. Đằng này, Bình Xuyên mang cả những đơn vị lớn, cồng kềnh xuống Rừng Sát khiến cho sự nuôi ăn và tiếp tế nước ngọt rất khó khăn. Không những vậy

họ còn bị cô lập vì là một địa thế toàn nước, sình và rừng nên không thể hoạt động và di chuyển được. Họ lại bị phong tỏa về mọi mặt, bị pháo binh bắn trúng vào khu vực đóng quân thì làm sao còn có đủ tinh thần để chiến đấu.

Ngày 7-10, các đơn vị nhảy dù và Trung đoàn 154 được rút ra khỏi phần phía Tây Rừng Sát. Phần này được coi như bình định đã xong. Các cánh quân chuyển sang các mục tiêu phía Đông Rừng Sát để mở các cuộc lục soát.

Trong giai đoạn này, các đơn vị nhảy dù án ngữ và hành quân tại vùng núi Thị Vải. Trung đoàn 154 với hai Tiểu đoàn 58 và 22 được hải quân chở đến cửa Cần Giờ rồi từ đây tiến ngược theo sông Ngã Bảy lên phía Bắc để mở các cuộc lục soát rộng ra hai bên.

Khi các cuộc hành quân thuộc giai đoạn hai được mở, thì lực lượng Bình Xuyên đã tan rã. Đa số quy thuận. Một số nhỏ bị bắt. Trong số bị bắt này có cả các ông Hồ hữu Tường, Trịnh khánh Vàng và Nguyễn hữu Thuần. Vào cuối giai đoạn một, khi biết thất bại, Bảy Viễn có cho một phái đoàn gồm các ông Trần văn Ân, Hồ hữu Tường và tướng Nguyễn văn Thành ra thương thuyết. Đại tá Dương văn Minh, tư lệnh chiến dịch, đã được chỉ thị của thủ tướng không chấp thuận, và buộc phe đối phương phải đầu hàng vô điều kiện. Chuyện bất thành, các ông Trần văn Ân và Nguyễn văn Thành xin hồi chánh. Riêng có ông Hồ hữu Tường, một mình trở lại Rừng Sát, để rồi bị bắt như trên.

Các cuộc hành quân lục soát thuộc giai đoạn hai đã khiến những tàn binh cuối cùng của Bình Xuyên bị bắt hết.

Tuy nhiên, Bảy Viễn cùng một số cộng sự viên thân tín như các ông Lai hữu Tài, Lai văn Sang, Tư Hiều cùng con là Lê Paul đã mạo hiểm thoát ra khỏi Rừng Sát, tới quốc lộ 15, định mượn đường xe chạy thoát ra Vũng Tàu, nơi có rất đông quân Pháp trú đóng để đợi tàu về nước.

Bảy Viễn và Lai hữu Tài đã trốn thoát vô sự. Ông Lai văn Sang bị một tiểu đội tuần tiễu của Tiểu đoàn 520 phát giác ở gần đồn Ông Trinh. Tuy nhiên, ông này đã thoát hiểm nhờ quăng lại chiếc cặp da. Sang ăn mặc thường dân nên khi xem cặp mới biết chủ nhân của nó là Lai văn Sang.

Lê Paul không chạy thoát theo cha được, bị bắt ở khu rừng Hát Dịch trong khi đang lẩn trốn. Số là anh bị một cán bộ Bình Xuyên bị quân đội quốc gia bắt, phát giác, nên Phân khu miền Đông liền cho một tiểu đoàn vào sâu trong khu rừng này lùng bắt, đồng thời cho một đơn vị khác bao vây ở ngoài. Khi anh vừa định vượt một con đường mòn để lên Hát Dịch thì bị một đại đội gốc Thái, do trung úy Đèo Văn Dũng chỉ huy, bắt được. Thực ra, Lê Paul định trốn quanh quẩn ở cạnh quốc lộ 15 để tìm cơ hội quá giang xe đò ra Vũng Tàu.

Còn trung tá Tư Hiều, chỉ huy trưởng Bình Xuyên khu Rừng Sát cũng bị bắt vào ngày cuối cùng của chiến dịch. Chiến dịch Hoàng Diệu chấm dứt ngày 24-10-55.

Kết quả được tổng kết như sau :

1) Tổn thất của Bình Xuyên :

— 20 chết
— 221 cầm tù
— 1 199 quy thuận
— 11 SKZ, 6 súng cối 81 ly, 10 súng cối 60 ly, 14 bazooka, 4 đại bác 20 ly, 35 đại liên, 110 trung liên, 343 tiểu liên, 1.046 súng trường, 4 phóng lựu và 73 súng lục.
— 30 vừa ghe vừa tàu.
— 01 đài phát thanh.

2) Tổn thất của quân đội quốc gia.

— 10 chết
— 59 bị thương
— 01 tàu bị bắn chìm và 4 tàu bị hư (trận Banc de Corail).

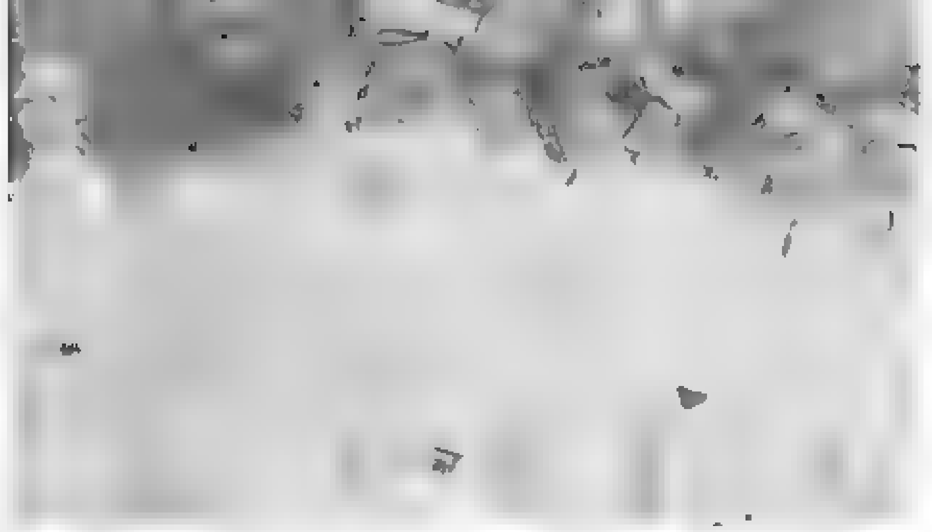
Sau chiến thắng Hoàng Diệu, Đại tá Dương văn Minh được vinh thăng thiếu tướng.

Đoàn quân chiến thắng trở về thủ đô ngày 6-11-1955, được đón tiếp rất tưng bừng và trọng thể. Đoàn quân diễn qua các đường phố trước sự hoan hô của đồng bào và trước sự chứng kiến danh dự của tổng thống Ngô đình Diệm cùng hội đồng chính phủ trước thềm dinh Độc lập (4).

Đêm đó các chiến sĩ Rừng Sát được mời tới dự tiệc vui tại vườn Tao Đàn.

---

(4) Ngày 23-10-1955, trưng cầu dân ý về việc truất phế Bảo Đại và chọn ông Ngô Đình Diệm đảm trách chức quốc trưởng — Kết quả 98% số phiếu tán thành quốc trưởng Ngô Đình Diệm tuyên bố hiến ước tạm thời tại dinh Độc Lập — Việt Nam là nước Cộng Hòa — Quốc trưởng lấy danh hiệu là Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.



Mừng tân chế độ Cộng Hòa, tổng thống Ngô đình Diệm ban gắn huy chương cho các cấp (24-10-1955).



Các sĩ quan cao cấp được tưởng thưởng trước sân cỏ dinh Độc Lập.

Trung tướng Lê văn Tỵ gắn huy chương cho một sĩ quan nhảy dù





Tân thiếu tướng Dương văn Minh, tư lệnh chiến dịch Hoàng Diệu nhận hoa của đồng bào thủ đô mừng chiến thắng



Dân chúng chào mừng chiến sĩ



Đoàn quân chiến thắng Rừng Sát diễn qua thềm dinh Độc Lập (6-11-1955).

Kể từ đây, lực lượng Bình Xuyên bị tan rã hoàn toàn sau hơn 10 năm hoạt động ngang trời dọc đất. Tất cả cán bộ cao cấp quân sự và chính trị của Bình Xuyên lớp chạy qua Pháp, lớp bị bắt bị đày ra Côn đảo cho mãi đến ngày đảo chính 1-11-1963 mới được thả về.

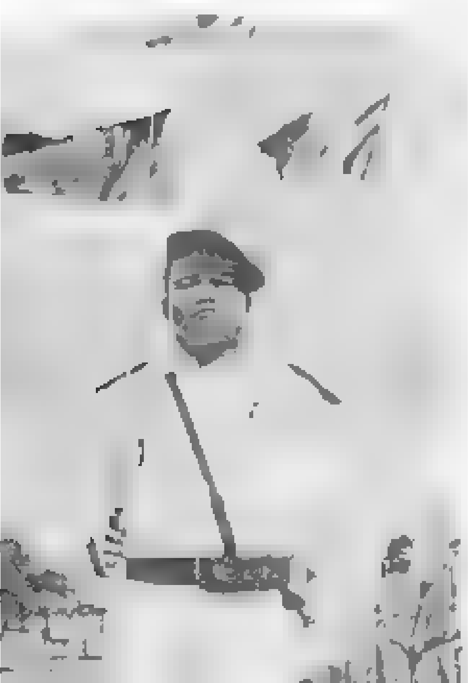


NHỮNG CUỘC HÀNH QUÂN ĐÁNH CÁC LỰC LƯỢNG VÕ TRANG HÒA HẢO

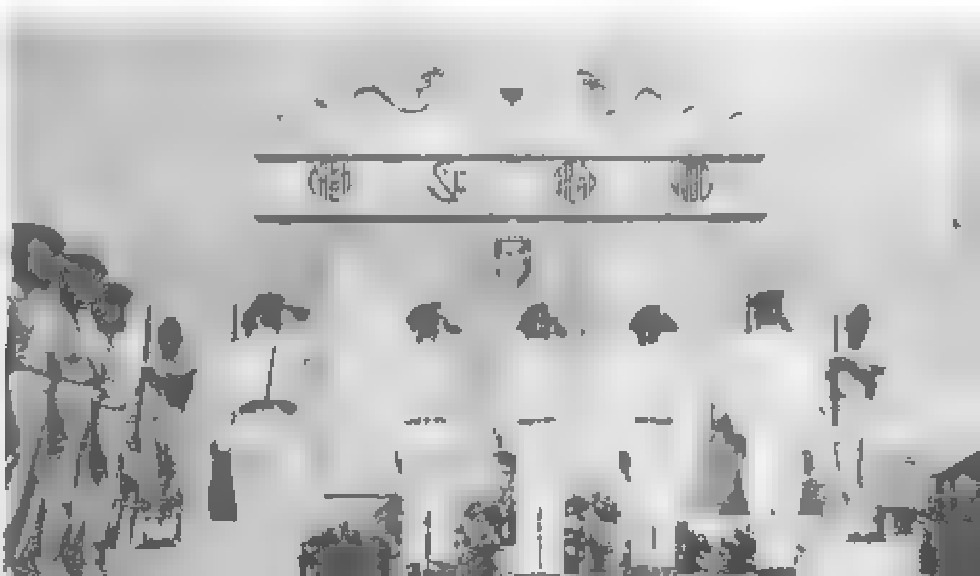
△ LƯỢC SỬ GIÁO PHÁI HÒA HẢO △ QUÂN ĐỘI HÒA HẢO △ CHIẾN DỊCH ĐINH TIÊN HOÀNG △ CHIẾN DỊCH NGUYỄN HUỆ

Thủ tướng Diệm chủ tọa lễ đặt tên khóa thứ [illegible] trường cán bộ Cái Vồn (12-12-19[illegible]).

Một khóa sinh Hòa Hảo thủ khoa



Các khóa sinh Hòa Hảo mặc niệm trước đài chiến sĩ trường Cái Vồn.



CÁC CUỘC HÀNH QUÂN ĐÁNH CÁC LỰC LƯỢNG HÒA HẢO

1. LƯỢC SỬ GIÁO PHÁI HÒA HẢO

CŨNG như đạo Cao Đài, phật giáo Hòa Hảo là một tôn giáo trẻ ở Việt Nam vì mới được khai sinh trong thời Pháp thuộc tại Nam Việt.

Xét theo giáo lý thì đây chỉ là một chi phái của phật giáo. Xét theo khía cạnh chính trị thì đây là một tôn giáo chính trị (Politico-religieux), do đó phật giáo Hòa Hảo mang một sắc thái đặc biệt là sự dấn thân của đạo vào đời.

Giáo chủ phật giáo Hòa Hảo là ông Huỳnh Phú Sổ, sinh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi tức 15-1-1920, con của ông Huỳnh Công Bộ và bà Lê thị Nhậm, quê ở làng Hòa Hảo thuộc quận Chợ Mới tỉnh Long Xuyên. Lúc nhỏ, Huỳnh Phú Sổ nhà nghèo lại mắc chứng bệnh động kinh chữa mãi không khỏi, cậu bèn lên núi Thất Sơn tìm thầy đi tu. Tại đây, cậu đã gặp một nhà sư thu nạp làm đệ tử và cùng tu với ông trong một cái am nhỏ.

ĐỨC HUỲNH PHÚ SỔ



Đến năm 1939, tức năm Kỷ Mão, nhà sư này chết, cậu bắt đầu xuống núi và tự xưng là hiện thân của « Phật thầy Tây An ». Từ đó cậu bắt đầu đến thân truyền đạo. Mọi người đều lấy làm lạ là cậu đã hoàn toàn, từ tư chất tầm thường đến một tâm hồn đầy quảng đại và thông quát.

Căn bản giáo lý của ông là phật giáo nhưng là một giáo lý đã được đơn giản hóa, bình dân hóa đến mức tối đa. Ông đề cao tứ ân là ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo (phật, pháp, tăng), ân đồng bào và ân nhân loại, như là đạo đức căn bản của đạo làm người. Ngoài tứ ân, ông còn đưa ra bát giới để cho các tín đồ làm khuôn mẫu cho đời sống.

Qua các buổi thuyết pháp như có phép nhiệm màu lôi cuốn, dân chúng miền Hậu Giang càng tỏ lòng sùng kính tôn ông lên bực « Đức Thầy », vì người như là hiện thân của Đức Phật giáng lâm tế độ chúng sanh. Vì thế ảnh hưởng của Đức thầy Huỳnh Phú Sổ ngày một thêm rộng tại miệt Hậu Giang.

Vào khoảng trung tuần tháng 8-1940, Đức Huỳnh giáo chủ bị nhà cầm quyền Pháp bắt an trí tại nhà thương Chợ Quán vì truyền giảng giáo lý và có hoạt động cách mạng. Sau đó, Thầy được ông ký Giỏi bảo lãnh trở về Bạc Liêu vào khoảng cuối tháng 6 năm 1941 và ở đây cho đến tháng 12-1942 thì lại trở lên Saigon hoạt động chính trị. Đây là khoảng thời gian quân Đức đã chiếm hoàn toàn đất Pháp và quân Nhật đã vào Đông Dương với sự bằng phục của toàn quyền Catroux.

Tới năm 1945, phật giáo Hòa Hảo có tới trên một triệu tín đồ.

Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chánh Pháp thì Đức thầy vẫn đang bí mật ở Saigon. Trước biến chuyển của tình thế, Đức thầy vội ra hiệu triệu khuyên dân chúng giữ bình tĩnh, đừng tin thời cuộc có hại cho sự kiến thiết quốc gia. Trong bản hiệu triệu, Đức Thầy nhân danh cho «Việt Nam độc lập vận động hội» kiêm cố vấn danh dự «Việt Nam ái quốc đảng» và ký tên Hòa Hảo.

Trung tuần tháng 8-1945, Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, rồi Việt Minh cướp chính quyền và cho lập ủy ban hành chánh ở khắp ba kỳ. Đức Huỳnh giáo chủ cũng tham gia Ủy ban hành chánh Nam Bộ với tư cách ủy viên trong ủy ban nhân dân.

Nhưng nhóm Trần văn Giàu vẫn tìm cách triệt hạ Đức thầy tuy tất cả đều ở trong Ủy ban Hành chánh Nam bộ. Sau cuộc họp của ủy ban ngày 7-9-1945 thì Trần văn Giàu định cho người bắt Ngài, nhưng không được, vì trong buổi họp này hai bên đã có xích mích với nhau. Vì những mối bất bình giữa Việt Minh và Đức thầy mà nhiều vụ tranh chấp đẫm máu giữa Việt Minh với giáo phái Hòa Hảo tại Cần Thơ, làm mất sự đoàn kết cần có của dân tộc trong lúc nghiêm trọng này.

Sau đó phe Trần văn Giàu lại toan ám hại nên Đức thầy phải bôn đào lên ẩn náu tại vùng Biên Hòa. Cuối năm 1945, Trần văn Giàu bị triệu hồi ra Bắc vì những sai lầm của y, thì Đức thầy trở về Chợ Lớn rồi liên lạc với các tín đồ và chiến hữu của mình ở miền Tây. Mặc nhiên từ đây, Đức thầy đã rút lui khỏi Ủy ban hành chánh Nam bộ.

Từ tháng 4-1946, Mặt trận quốc gia liên hiệp ra đời với Đức Huỳnh giáo chủ làm chủ tịch. Một ủy ban quân sự tối cao của mặt trận cũng được thành lập với ông Lê văn Viễn, tự Bảy Viễn thủ lãnh Bình Xuyên, làm chủ tịch ủy ban tức là ủy viên quân sự mặt trận. Ít lâu sau nhóm Nguyễn Bình và Ung văn Khiêm tách rời khỏi mặt trận theo lệnh của Tổng bộ Việt Minh, rồi nhân danh chính quyền Việt Minh ra lệnh giải tán Mặt trận quốc gia liên hiệp và thay vào đó, họ thành lập Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Nhưng nhóm Đức thầy từ chối không hợp tác với tổ chức mới này.

Ngày 21-9-1946, Đức thầy cùng với ông Nguyễn văn Sâm và một số trí thức thành lập đảng Việt Nam dân chủ xã hội, gọi tắt là Việt Nam Dân Xã Đảng. Chẳng bao lâu, đảng này bành trướng rất mạnh và được hậu thuẫn rất lớn tại miền Tây, tức là miền có rất nhiều tín đồ Hòa Hảo. Các đảng viên Dân Xã Đảng chính là thành phần nòng cốt trong lực lượng võ trang của giáo phái Hòa Hảo.

Tháng 10-1946, để tìm hậu thuẫn trong dân chúng và bành trướng lực lượng chống Pháp, Việt Minh lại cho mời Huỳnh giáo chủ ra hợp tác với tư cách ủy viên đặc biệt. Để tỏ rõ chủ trương đoàn kết quốc gia trong cuộc đấu tranh giành độc lập, ngài nhận lời và đi công cán ở miền Đông. Tháng 3-1947 ngài viếng tòa thánh Tây Ninh để siết chặt mối giao hảo với giáo phái Cao Đài.

Những cuộc xô xát giữa Dân Xã Đảng và Việt Minh ngày một gia tăng tại Cần Thơ, Lấp Vò, Núi Sập... nên khiến cho Đức thầy phải trở về miền Tây vào đầu tháng 4 năm 1947 để trấn an tín đồ và hòa giải các vụ xung đột.

Ngày 15-4-1947, Đức thầy cùng Trần văn Nguyên, đặc phái viên kiêm thanh tra chính trị miền Tây Nam bộ đi hiệu triệu dân chúng ở Ba Răng. Ngày hôm sau, 16-4-1947, Đức thầy đi ghe đến Đốc Vàng tìm gặp Bửu Vinh là ủy viên quân sự trong ủy ban hành chánh tỉnh Long Xuyên để cùng Vinh đến Lấp Vò, Vàm Cống dàn xếp các vụ lôi thôi vì chiều hôm trước Vinh có gặp Đức thầy và phàn nàn là anh em Dân Xã Đảng giết hại bên Việt Minh quá nhiều. Khi ghé đến văn phòng Bửu Vinh vào lúc 19g20 tối thì Vinh mời Đức thầy lên văn phòng của y ở trong một ngôi nhà ngói. Cùng đi với Đức thầy đến gặp Bửu Vinh còn có ông Huỳnh hữu Thiện, thư ký riêng và bốn vệ sĩ. Đến 22 giờ 30 đêm, 8 lính Việt Minh ở ngoài vào hạ sát vệ sĩ của Đức thầy, chỉ còn một vệ sĩ là anh Phan văn Tỷ chạy thoát, ông Huỳnh hữu Thiện nhờ nhảy xuống rạch nên cũng thoát chết. Còn Đức thầy không rõ tính mạng ra sao. Tin này truyền đi đã làm xúc động mạnh giới tín đồ PGHH. Có tin là Đức thầy sau đó đã bị Nguyễn Bình hạ sát trong một cuộc phục kích. Nhưng vì lòng tin mãnh liệt, họ vẫn tin rằng Đức thầy còn sống vì thầy là hiện thân của Phật thầy Tây An, là Phật sống thì không thể chết được.

Còn Bửu Vinh sau ngày đó đã cùng 100 người dưới quyền rút về Phong Mỹ.

Sau một tháng chờ đợi mà không có tin Đức thầy, ông Trần văn Soái qua sự trung gian của viên trung úy Campadieu đã về đầu Pháp. Pháp chịu đài thọ phí khoản cho số quân được ấn định là 100 đại đội, gọi là lực lượng bổ túc. Ông Nguyễn Giác Ngộ vẫn ở lại trong bưng kháng chiến chống Pháp và cả Việt Minh và đã về hợp tác với chánh quyền khi giải pháp Bảo Đại ra đời. Còn ông Lê Quang Vinh tự Ba Cụt thì vẫn chống Việt Minh nhưng có lúc cũng về hợp tác với Pháp, lúc lại rút ra bưng biền. Nhưng dầu sao, kể từ đây Pháp đã thành công trong việc ly gián giữa Hòa Hảo và Việt Minh, khiến cho hai lực lượng này chống đối nhau mà Pháp là kẻ hưởng lợi.

2. QUÂN ĐỘI HÒA HẢO

Lực lượng võ trang của Hòa Hảo chia làm 4 phái

1) Trần văn Soái tức Năm Lửa đặt bản doanh tại Cái Vồn (Cần Thơ). Vợ ông là Lê thị Gấm cũng là một nữ tướng cố đạo binh. Vợ chồng ông Soái chiếm vùng tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long và Sa Đéc.

2) Lâm thành Nguyên tức Hai Ngoán kiểm soát hai tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc đóng bản doanh tại Cái Dầu (Châu Đốc).

3) Lê quang Vinh tức Ba Cụt đóng bản doanh tại Thốt Nốt (Long Xuyên). Kiểm soát vùng Rạch Giá và Long Xuyên.

4) Nguyễn Giác Ngộ đặt bản doanh tại Chợ Mới, đóng tại một vài khu vực trong tỉnh Long Xuyên.

Cả bốn phái trên có một quân số võ trang khoảng 30.000 người. Thực ra, người ta không rõ lắm vì quân số của Hòa Hảo lúc là dân lúc là lính khó ai có thể kiểm điểm được.

Sau Đức thầy biệt tích, tín đồ có binh lực trong tay mạnh nhất là ông Trần văn Soái. Ông tự coi mình là tổng tư lệnh quân đội Hòa Hảo. Nhưng các phái khác không phục và sinh ra tranh chấp nhau.

Phe ông Nguyễn Giác Ngộ tự cho là đệ tử chân chính của Đức thầy và theo họ nói họ mới chính là người được Đức thầy giao nhiệm vụ chỉ huy quân lực. Và vì tự cho là chính thống nên không chịu kết hợp với ông Năm Lửa.

Vì nội bộ lủng củng, bị Việt Minh lấn át và ở bên ngoài bị quân Pháp đánh rát, Ông Trần Văn Soái đã bắt liên lạc với viên trung úy Pháp Campadieu thuộc một đơn vị Pháp hành quân tại Cần Thơ và sau đó đã về hợp tác với Pháp vào ngày 15-3-1947.

Ông Lâm Thành Nguyên đã kịch liệt phản đối ông Trần văn Soái nhưng tới tháng 2 năm 1949 cảm thấy bị cô lập nên cũng về hợp tác với Pháp.

Ông Lê Quang Vinh từ tháng giêng năm 1948 đã về hợp tác với Pháp nhưng cũng từ ngày này đến cuối tháng 6-1953, ông đã ba lần quy thuận và ba lần ly khai. Cứ mỗi lần quy thuận và ly khai như vậy, Ba Cụt lại lấy thêm được tiền tài và vũ khí để bồi bổ cho binh lực của ông.

Cũng lạ thay, người Pháp không lấy thế làm tức giận mà vẫn kiên nhẫn đón nhận mỗi lần trở về của ông, chỉ cốt kìm hãm ông không theo cộng sản, mà ngược lại còn lợi dụng quân lực của ông để đánh kẻ địch chính và lợi hại là Việt Minh.

Riêng còn ông Nguyễn Giác Ngộ không chịu về hợp tác với Pháp. Bộ đội của ông còn mang biệt danh là bộ đội Nguyễn Trung Trực là tên một liệt sĩ miền Nam hồi tiền kháng

Pháp. Ông Ngộ còn cắt đứt cả sự liên lạc với ông Năm Lửa.

Vào cuối năm 1949, nghĩa là sau ngày ông Lâm Thành Nguyên về quy thuận, ông Năm Lửa được sự hỗ trợ của người Pháp định quy tụ các phái võ trang Hòa Hảo để thành lập « Mặt trận Hòa Hảo chống Cộng ».

Ông đã được sự hợp tác của Lâm Thành Nguyên và bí mật bắt tay được với Ba Cụt, nhưng đã thất bại trước sự ương ngạnh của ông Nguyễn Giác Ngộ. Ông Soái tiếp xúc mấy phen nữa với ông Ngộ nhưng ông này vẫn không chịu hợp tác, cho rằng ông Soái đã lợi dụng danh nghĩa để bán đứng giáo hội cho Pháp.

Thất bại, Năm Lửa bèn phối hợp với lực lượng của Lâm Thành Nguyên và Ba Cụt tiến đánh quân của ông Ngộ đóng tại quận Chợ Mới.

Bị bao vây và đánh rát, ông Nguyễn Giác Ngộ đã cho người ra xin quy thuận quốc trưởng Bảo Đại.

Ngày 25-2-1950, ông Nguyễn Giác Ngộ về hợp tác với chính phủ do ông Nguyễn Phan Long làm thủ tướng hồi bấy giờ. Ông Ngộ là người đầu tiên đưa lực lượng giáo phái về hợp tác với chính quyền quốc gia.

Sau ngày ký kết hiệp định Genève, các phe võ trang vẫn chia rẽ nhau.

Ông Ngô đình Diệm đã biết khai thác những mối bất hòa này và tách được ông Nguyễn ra khỏi ảnh hưởng tranh chấp của giáo phái với chính quyền.

3. CHIẾN DỊCH ĐINH TIÊN HOÀNG ĐỢT 1 23-5-1955 — 19-8-1955

Sau ngày Bình Xuyên bị quân đội chính phủ đánh bật khỏi đô thành, các nhóm chống đối chính phủ đã cho các lực lượng của mình rút bỏ những địa điểm khó chống giữ để tập trung về những điểm then chốt. Các lực lượng này án binh bất động.

Tuy nhiên, tình hình các tỉnh miền Tây kể trên trở nên bất an. Quân chính phủ không dám đi lẻ tẻ. Các cuộc di chuyển xa phải có hộ tống. Bởi vì bên Hòa Hảo thường đe dọa cắt đứt giao thông và cô lập các tỉnh này.

Tại tỉnh lỵ Cần Thơ, thường có những vụ đụng chạm giữa quân đội và Hòa Hảo, bởi vì tại nơi đây quân Hòa Hảo đóng ngay trong thành phố. Các vụ đụng chạm đã đưa tới việc quân đội quốc gia dùng áp lực bắt tất cả các cơ quan Hòa Hảo phải ra khỏi tỉnh lỵ. Đây là một hành động đầu tiên bằng sức mạnh đối với giáo phái và đã khiến tình hình miền Tây ngày càng thêm căng thẳng.

Ngày 23-5, Khu chiến miền Tây được thành lập và bao trùm các phần đất thuộc ba Phân khu Vĩnh Long, Cần Thơ và Sóc Trăng. Trách nhiệm của khu chiến được giao cho đại tá Dương văn Đức trước đó là chỉ huy trưởng Phân khu Sóc Trăng.

Khu chiến có nhiệm vụ mở một chiến dịch nhằm tái lập an ninh trong khu trách nhiệm và giải tỏa các trục lộ giao thông

— Cần Thơ — Vĩnh Long

— Châu Đốc — Long Xuyên

Khu chiến được sử dụng 12 tiểu đoàn bộ binh ghép hai tiểu đoàn thành một liên đoàn. Tất cả có sáu liên đoàn như sau

— Liên đoàn Vĩnh Long
— Liên đoàn Huấn
— Liên đoàn Bùi
— Liên đoàn Thao
— Liên đoàn Cách
— Liên đoàn Luông (1)

Các tiểu đoàn thuộc thành phần của các liên đoàn là các BVN và TĐKQ được sử dụng như những lực lượng xung kích lùng đánh địch. Ngoài ra, các phân và tiểu khu sử dụng các lực lượng địa phương liên hệ trong việc tăng cường và án ngữ những địa điểm thiết yếu của chiến dịch.

Chiến dịch này được mệnh danh là chiến dịch Đinh Tiên Hoàng — Đợt 1.

Dưới đây là những cuộc hành quân quan trọng của chiến dịch

A. CUỘC HÀNH QUÂN ĐẦU TIÊN

Cuộc hành quân đầu tiên này mở màn đúng ngày 5-6-1955 nhằm

— Chiếm căn cứ Cái Vồn của ông Trần văn Soái

— Chiếm căn cứ Cái Dầu của ông Lâm thành Nguyên

(1) Các liên đoàn này do các trung tá Nguyễn văn Huấn, Fernand Bùi, Lê hoàng Thao và các thiếu tá Nguyễn văn Cách, Nguyễn văn Luông chỉ huy và được lấy tên của các vị này đặt tên ngay cho liên đoàn. Riêng Liên đoàn Vĩnh Long do thiếu tá Đỗ kiến Độ chỉ huy lại đặt tên theo phân khu.

- Giải tỏa các trục giao thông, phá bỏ các chướng ngại vật trên các quãng đường từ Cần Thơ đến Vĩnh Long và từ Châu Đốc đến Long Xuyên.

Quân chính phủ mở nhiều cuộc tấn công từ sáng sớm ngày 5-6-1955 trên nhiều mặt

— Một cánh quân tiến từ Vĩnh Long đến Cần Thơ. Dọc đường tiến quân, các đồn bót Hòa Hảo đều bỏ trống và không có một sự chống cự nào xảy ra.

— Một cánh quân được chuyển vận bằng tàu hải quân xuất phát từ Cần Thơ vượt sông đổ bộ lên mé phải căn cứ Cái Vồn từ khi trời chưa sáng. Cánh quân này có nhiệm vụ đánh úp Cái Vồn để bắt ông Trần văn Soái. Trong đồn Cái Vồn chỉ chừng 200 quân. Khi bị động, quân trong đồn bắn bích kích về phía quân chính phủ đang tập trung để mở cuộc tấn công vào đồn. Quân chính phủ bị lúng túng bởi một con rạch và các lằn đạn trọng pháo rất chính xác nên đã không thể mở được cuộc tấn công đúng lúc (2). Ông Trần văn Soái và gia đình cùng đại đội cận vệ mở đường máu chạy thoát. Sau khi chiếm được mục tiêu Cái Vồn, cánh quân này tiếp xúc với cánh quân từ Vĩnh Long xuống.



Căn cứ Cái Vồn bị tàn phá sau trận đánh

— Một cánh quân xuất phát từ Sa Đéc qua quận Đức Thành tới Long Xuyên. Trước sự uy hiếp của cánh quân này, hai trung đoàn Bắc Tiến và Quang Trung của ông Ba Cụt đang đóng ở rạch Cái Mít tại vùng Lai Vung đã tự ý bỏ căn cứ rút về kinh Thốt Nốt và uy hiếp thị trấn này rất nặng nề.

— Một cánh quân có chiến xa tăng cường từ Long Xuyên tiến chiếm căn cứ Cái Dầu của ông Lâm thành Nguyên. Khi cách Cái Dầu khoảng non một cây số, cánh quân này bị quân Hòa Hảo từ trong một đồn quân kháng cự lại. Chiến xa đã làm chủ tình hình và tiến thẳng tới căn cứ Cái Dầu ở ngay sát liên tỉnh lộ số 10 và bắn vào căn cứ này. Quân đồn trú trong căn cứ hốt hoảng bỏ chạy.

— Một cánh quân (một tiểu đoàn) của Phân khu Mỹ Tho giải tỏa quốc lộ 4 từ An Hữu tới Bắc Mỹ Thuận. Cánh quân này không gặp một sức kháng cự nào của địch có khoảng 200 người bỏ rút về Đồng Tháp.

Cuộc hành quân đại quy mô này kết thúc ngày 14-5-1955. Bên chính phủ đã làm chủ được tình hình trên các trục lộ giao thông của vùng hành quân.

Ông Lâm thành Nguyên cho người ra liên lạc xin quy thuận chính phủ và đã gom góp lực lượng tại núi Cấm để quân đội quốc gia tới thay thế. Ông và bộ chỉ huy đã được trở lại đóng tại căn cứ Cái Dầu.



ÔNG LÂM THANH NGUYÊN

Ông Trần văn Soái sau trận này đã cho lực lượng của mình rút vào Đồng Tháp Mười để củng cố lại.

△ HÀNH QUÂN THỐT NỐT △
15-6-55 — 19-6-55

Bên quân chính phủ huy động trên một sư đoàn quân, chia thành từng liên đoàn như đã nói ở trên để tham gia vào cuộc hành quân này nhằm tiêu diệt các đơn vị của ông Ba Cụt.

Vùng hành quân là một vùng đầy kinh rạch và sình lầy không rộng quá 10 cây số

(2) Trường hợp của Tiểu đoàn 76 BVN.

ruộng. Mục tiêu chính là vùng kinh và rạch Thốt Nốt.

Các liên đoàn chia tiến trên kinh rạch và đã không gặp một sức kháng cự nào.

Sau cuộc hành quân này, quân chính phủ mở tiếp các cuộc hành quân Tân Quới, Thới Lai và Cờ Đỏ.

Riêng tại Cờ Đỏ, Liên đoàn Vĩnh Long đã đụng độ dữ dội với đối phương. Đây là lần đầu tiên, một đơn vị của quân chính phủ chạm mạnh với một đơn vị của Ba Cụt. Họ đã nổ súng với mọi thứ hỏa lực kể cả súng cối 81 ly bắn vào hậu quân của chính phủ. Tác chiến trong vòng một giờ, đơn vị Ba Cụt trên bỏ trận địa rút lui.

△ HÀNH QUÂN RẠCH GIÁ — NAM THÁI SƠN 4-7-55 — 26-7-55

Sau các cuộc hành quân của quân chính phủ, một phần lực lượng của Ba Cụt rút về hướng Bắc vượt qua ranh giới Cao Miên, phần còn lại lui về kinh Tri Tôn cố thủ tại vùng « định cư Bắc Việt » (casier tonkinois) nằm ở khoảng giữa tỉnh lỵ Rạch Giá và tỉnh lỵ Hà Tiên. Khu định cư này gồm phần đông là dân hai tỉnh Nam Định và Thái Bình nên mới đặt ra địa danh Nam Thái Sơn. Chữ « Sơn » ở sau có nghĩa là thuộc vùng Thất Sơn.

Khu đồng bằng này là một khu địa thế hiểm trở có nhiều kinh rạch, ruộng nước ngập thênh thang và đầy rừng tràm.

Để mở cuộc hành quân này, Bộ chỉ huy Khu chiến đã sử dụng cả 6 liên đoàn kể trên tăng cường thêm một số chiến xa lội nước, ngoài ra, còn có 2 tiểu đoàn lấy từ Cần Thơ và Châu Đốc dùng làm lực lượng bổ vây để bắt các toán địch chạy lẻ tẻ về phía Nam Long Xuyên hay hoặc trở về khu Thốt Nốt.

Quân đội quốc gia chia ra làm 2 trục chính

— Một trục xuất phát từ Rạch Giá tiến theo liên tỉnh lộ 8 xuống Hà Tiên, con lộ này bị Việt Minh phá hoại chưa sửa chữa dùng lại được

— Một trục khác xuất phát từ quận Tri Tôn băng qua một khu rừng tràm ngập nước để tiến tới vùng « định cư Bắc Việt ».

Một trục phụ có chiến xa lội nước tiến vào kiểm soát núi Ba Thê

Ngoài ra, còn có hai tiểu đoàn pháo binh yểm trợ tổng quát cho các cánh quân. Những đơn vị pháo binh này chỉ có thể đóng tại ngoài đường nên tầm hoạt động bị hạn chế rất nhiều.

Cánh quân tiến theo ngả rừng tràm bị đối phương bắn súng cối 81 ly không gây một thiệt hại nào, bên dùng súng cối phản pháo lại cũng chẳng có kết quả gì.

Vì tại rừng tràm mênh mông nước, không có chỗ đặt súng, nên muốn bắn, quân chính phủ phải lấy cỏ đệm dưới bàn tiếp hậu. Làm theo cách này rất nguy hiểm vì khi bắn bàn tiếp hậu bị lún bởi không dựa vào đất cứng, đạn đi không trúng địch mà còn rớt ngay trước mặt. Tại đây, pháo binh đã quá tầm hoạt động cho nên hai bên thấy nhau mà không làm gì được nhau cả.

Bên Hòa Hảo chỉ có ý chạy để giữ an toàn nên chỉ tản rộng ra hai bên phương đường tiến cho quân chính phủ.

Cánh quân này ngay từ khi bước chân vào rừng tràm đã thiếu tiếp tế, không có gạo phải đào củ chuối trên một khu vườn hoang để ăn, lại còn thiếu nước ngọt để uống nên chẳng còn bụng dạ nào để săn giặc hầu thoát khỏi khu rừng hiểm hóc này

Khi gần tới khu định cư Bắc Việt, mới có cuộc đụng độ xảy ra. Nhờ có phi cơ quan sát báo rõ vị trí đối phương và có pháo binh yểm trợ, quân chính phủ bổ vây. Địch chỉ bắn qua loa rồi rút lui ngay

Trục quân xuất phát từ Rạch Giá đã chia quân làm nhiều cánh — cánh tiến theo trục lộ Rạch Giá - Hà Tiên — cánh dùng tàu đổ bộ từ biển vào để phối hợp tiêu diệt đối phương. Một trận đụng độ khá dữ dội đã xảy ra khiến Tiểu đoàn 66 BVN bị thiệt hại khá nặng khi hành quân đến một khoảng đất trống. Đối phương ngược lại cũng bị tiêu diệt rất nhiều.

Cánh quân tiến vào núi Ba Thê cũng đụng trận. Nhưng vì chiến xa lội nước (alligator) bị sình lún không thể hoạt động được nên hơn 100 Hòa Hảo bị vây ở núi này đã nhờ đêm tối trốn thoát.

Tuy cuộc hành quân đầy vất vả này không có kết quả khả quan nhưng quân chính phủ đã đặt chân tới các căn cứ địa của đối phương khiến họ phải phân tán dấu súng và cải trang làm thường dân để lẩn trốn.

Bên chính phủ đã để một số đơn vị nghỉ ngơi và hoạt động ngay trong kinh Nam Thái Sơn.

Một thủy lộ tiếp tế bằng xuồng máy M2

được thiết lập và liên lạc hàng ngày từ Rạch Giá vào Nam Thái Sơn.

△ HÀNH QUÂN THỐT NỐT VÀ THỚI LONG 9-8-55 — 12-8-55

Quân chính phủ trở lại hành quân ở Thốt Nốt.

Đây là cuộc hành quân chót của chiến dịch Đinh Tiên Hoàng Đợt 1.

Cuộc hành quân này chỉ có tính cách yểm trợ để giúp các đơn vị đến lập các căn cứ chiếm đóng.

✱ Kết quả hành quân Đinh Tiên Hoàng Đợt 1

— *Thiệt hại bên chính phủ* :

- tử thương : sĩ quan 6, hạ sĩ quan 15, binh sĩ 103
- bị thương : sĩ quan 24, hạ sĩ quan 89, binh sĩ 417
- mất tích : 11 binh sĩ

  Tổng cộng : 665 người
- vũ khí mất : 33 trong đó có 4 cộng đồng
- máy truyền tin : 1 AN/PRC, 3 SCR 300, 1 SCR 508

— *Thiệt hại của Hòa Hảo* :

- tử thương : 463
- bị bắt : 239
- quy thuận : 1 823
- vũ khí tịch thu trong lúc hành quân : 299 trong đó có 1 đại liên, 4 súng cối 81 ly, 2 súng cối 60 ly
- vũ khí nộp do qui thuận : 1.115 trong đó có 20 đại liên, 27 súng cối 81 ly, 3 súng cối 60 ly
- quân xa tịch thu : 25 xe nhỏ, 10 díp, 2 dodge 4x4, 21 camions
- tàu thuyền tịch thu : 2 tàu nhỏ, 2 ghe máy
- phá hủy : 10 tàu, 2 xà lan, 66 thuyền, 1 xưởng đạn dược, biệt thự của Ba Cụt.

✱ Nhận xét

Các cuộc tấn công của quân đội quốc gia vào sáng sớm ngày 5-6-55 là một sự bất ngờ. Không hiểu là Hòa Hảo có phòng bị từ trước không, nhưng quả là họ đã chống cự rất yếu ớt ngay từ phút đầu tiên của các cuộc tấn công này. Các đơn vị của ông Năm Lửa đóng theo trục Vĩnh Long — Cần Thơ đã bị tan rã ngay, một lớp quy thuận, còn một lớp theo ông lánh sang Đồng Tháp Mười. Các đơn vị của ông Lâm thành Nguyên đã cùng ông quy thuận sau khi bản doanh Cái Dầu bị chiếm. Riêng chỉ có lực lượng của ông Ba Cụt đã thoát ra vùng kinh Thốt Nốt và tổ chức lại lực lượng chống lại quân chính phủ khá lâu.

Nhằm tiêu diệt mau chóng đám quân này, bên chính phủ đã huy động trên một sư đoàn gồm có cả pháo binh yểm trợ, mở liên tiếp các cuộc hành quân quy mô. Rút cuộc những cuộc hành quân này đã không mang lại kết quả khả quan. Bởi vì, quân đội quốc gia vẫn không có những chiến thuật mới, thường để các đoàn quân tiến theo các con kinh đưa vào khu vực địch để lùng kiếm. Khu vực địch chỉ là một vùng nông thôn rộng bát ngát, kinh rạch chằng chịt, cây cỏ rậm rạp, không biết rõ địch ở tại nơi nào.

Còn lực lượng Hòa Hảo thời đương như áp dụng chiến tranh du kích mà không hẳn là du kích vì không bám vào xã ấp, mà chỉ là những đoàn quân sống lưu động nay chỗ này mai chỗ khác. Quân Hòa Hảo thường né các mũi tấn công

— Bằng cách phân tán ra hai bên bờ kinh núp vào các gò đống ở xa, khi quân đội quốc gia đi khỏi họ lại trở về ấp xã.

— Hoặc bằng cách thoát ra khỏi khu vực hành quân nhờ đêm tối và nhờ trang bị nhẹ nên đi rất nhanh.

Ngược lại, bên quân đội quốc gia đã có những nhược điểm khiến cho các cuộc hành quân trở nên không hiệu quả

— Bắt binh sĩ đi quá mệt mỏi theo các con kinh (có khi phải đi xa hàng 20 cây số một ngày).

— Không xác định rõ mục tiêu nơi nào có địch, nên các đơn vị thường tiến theo các con kinh đi cho chóng xong không cần khám phá hai bên bờ và cũng không có thì giờ để khám phá vì lộ trình hành quân quá dài.

— Binh sĩ phải mang đồ cồng kềnh theo và phải vượt qua nhiều cầu khỉ khó khăn nên địch kịp thời trốn chạy.

Khi vượt qua rừng tràm, quân chính phủ hết gạo và nước uống, không được tái tiếp tế, lại thiếu yểm trợ của không quân, ngoài tầm của pháo binh, một đoàn quân đói khát và mệt mỏi, phải vượt qua một khu rừng tràm đầy nước mênh mông, không có địa thế ẩn núp, chỉ cần một toán quân nhỏ của địch lợi dụng được địa thế thuận lợi là có thể gây khó một cách dễ dàng.

Qua một vài trận đụng độ với quân đội Hòa Hảo, nhận thấy họ đã sử dụng hỏa lực bừa phứa, nghĩa là khi chạm súng, họ bắn tối đa hỏa lực sẵn có, bắn độ một lúc rồi rút chạy. Do đó, chỉ những toán quân đi đầu của bên chính phủ chạm súng, các đơn vị đi sau ít khi phải sử dụng đến vũ khí.

Lần đầu tiên chạm một đơn vị chủ lực của Ba Cụt, một đơn vị hành quân của quân đội quốc gia đã mất bình tĩnh vì hỏa lực bắn ra rất dữ dội, tưởng như địch đang chuẩn bị cho một cuộc xung phong theo kiểu phục kích của Việt Minh. Bởi vì đối với Việt Minh lúc còn chiến tranh Việt Pháp họ rất tiết kiệm hỏa lực và chỉ khai hỏa tối đa khi mở một trận đánh quyết định còn thường thường họ chỉ bắn lẻ tẻ rồi rút lui.

Sau khi rút được kinh nghiệm này, các đơn vị quân đội quốc gia đã tỏ ra bình tĩnh mỗi lần chạm súng với lực lượng Hòa Hảo.

Một kinh nghiệm khác được rút ra trong các cuộc hành quân này là thường thường các mũi dùi phải mở sâu vào các con kinh hàng nhiều cây số và phải vượt qua nhiều cầu khỉ. Quân Hòa Hảo thường lợi dụng những chướng ngại vật này nổ súng vào quân đội quốc gia. Bên quân đội quốc gia muốn vượt qua phải bắn trọng pháo yểm trợ, cho nên khi đi hành quân các đơn vị phải mang theo bích kích pháo 81 ly và một số khá nhiều đạn dược. Vì không thể mỗi lúc mà tiếp tế được, mỗi tiểu đoàn với bốn đại đội chiến đấu, thường phải dành riêng ra một đại đội làm trừ bị và mỗi binh sĩ thuộc đại đội này phải có nhiệm vụ mang theo mỗi người hai quả đạn bích kích pháo 81 ly trong suốt các cuộc hành quân. Để di chuyển cho nhẹ nhàng, mỗi binh sĩ có một đòn tre để gánh các viên đạn.

4. CHIẾN DỊCH ĐINH TIÊN HOÀNG ĐỢT 2: 29-9-55 — 12-1955

Qua chiến dịch Đinh Tiên Hoàng — Đợt 1, lực lượng Hòa Hảo phân tán. Quân chính phủ bèn dồn nỗ lực vào hành quân Rừng Sát để tiêu diệt đám tàn quân Bình Xuyên.

Đầu tháng 9-1955, quân Hòa Hảo của ông Ba Cụt trước đó đã tản mát khắp nơi, nay đã tập trung về vùng Nam Thái Sơn và Ba Thê, uy hiếp trầm trọng khu này.

Tại Nam Thái Sơn, các Tiểu đoàn 54 và 508 bị cô lập. Quân đối phương đắp u phong tỏa và bắn vào những binh sĩ ra khỏi đồn. Ban đêm, Hòa Hảo pháo kích.

Theo tin tức, Trung đoàn Lê Quang của Ba Cụt cùng các Tiểu đoàn Hồng Ngự và Tiểu đoàn 7 đã hiện diện để mở cuộc công hãm.

Ngày 15-9, Bộ chỉ huy Khu chiến đã phải điều động hai tiểu đoàn đến để hành quân giải vây. Nhưng cuối cùng chỉ có Tiểu đoàn 713 mà vị tiểu đoàn trưởng là đại úy Nguyễn văn Tư đã xung phong nhận nhiệm vụ tấn công để giải tỏa.

Tiểu đoàn này cũng như tiểu đoàn trưởng là người gốc Lạng Sơn, mỗi lần trong các trận đánh, đại úy Nguyễn văn Tư đều đi đầu dàn quân thành hàng ngang rồi ồ ạt tiến quân tới mục tiêu theo tiếng kèn đồng mà tiểu đoàn thường mang theo. Với lối đánh của đại úy Nguyễn văn Tư, những người lính nhát sợ thường đào ngũ hết và chỉ còn lại những người thực can đảm ở lại với tiểu đoàn.

Đánh vào mục tiêu Nam Thái Sơn để giải tỏa áp lực địch cho các đơn vị bạn bị bao vây, đại úy Nguyễn văn Tư đã áp dụng chiến thuật sở trường này của mình.

Quân dàn theo hàng ngang và bỏ đường băng qua các ruộng lúa xanh che khuất, Tiểu đoàn 713 trong vòng hai ngày đã băng qua những cánh đồng của bảy con kinh xáng, tràn ngập lên các thôn làng chạy dài theo những con kinh này và đã mở những trận đánh xáp lá cà với đối phương. Quân Hòa Hảo hoảng sợ phải bỏ chạy hết.

Riêng trong trận này, Tiểu đoàn 713 tiêu diệt trên 100 quân địch và về phần mình cả chết lẫn bị thương lên tới 70 người (3).

Trước áp lực của địch đè nặng xuống nhiều khu vực của miền Tây, chiến dịch Đinh Tiên Hoàng đợt 2 đã được tái khai diễn dưới quyền chỉ huy của đại tá Dương văn Đức.

△ HÀNH QUÂN RẠCH GIÁ — HÀ TIÊN 29-9-55 — 17-10-55

Đây là cuộc hành quân đầu tiên trong chiến dịch Đinh Tiên Hoàng — Đợt 2.

Cuộc hành quân này có mục đích tiêu diệt lực lượng Hòa Hảo, đồng thời chiếm đóng trục Rạch Giá — Hà Tiên để phá hủy các cơ sở của đối phương.

---

(3) Cách đánh của đại úy Nguyễn văn Tư sở dĩ thắng là nhờ có tinh chỉ huy đặc biệt của ông. Lên tới cấp đại tá và khi chỉ huy một trung đoàn bộ binh, ông chẳng may đã phải tử thương trong trận Dầu Tiếng tại Tây Ninh năm 1966.

Tin tình báo cho biết có Trung đoàn Bắc Tiến của Hòa Hảo khoảng 400 người hoạt động trong khu vực này. Vì lúc này đang mùa mưa, toàn thể những cánh đồng tại đây đều ngập nước, đầy rẫy những rạch nước khó băng qua, nên các trục tiến quân đều phải theo sát dọc theo các con kinh xuyên qua các rừng tràm chen lẫn lau sậy.

Nhưng cũng rất may, sau trận chiến quyết liệt ở khu định cư Bắc Việt, địch đã rời bỏ khu này nên không một trận đụng độ nào xẩy ra.

Ông Ba Cụt khi được tin quân chính phủ lại tiếp tục mở các cuộc hành quân tại miền Tây, Ông quyết sống mái với quân đội quốc gia và đã thảo một bản quân lịnh gửi cho các cơ quan quân sự trực thuộc ở trong các vùng ảnh hưởng của ông, để theo thế mà thi hành. Quân đội quốc gia ít lâu sau đó có bắt được bản quân lệnh này được phổ biến dưới số 366/QL/TLB đề ngày 6-11-1955 nguyên văn như sau

«Mặt trận giải phóng quốc gia

Quân lực Dân Xã Đảng

Tổng tư lệnh bộ

gửi

Các cơ quan quân sự trực thuộc

. . . .

Quý Ông,

Xét vì bọn ngụy quyền Ngô đình Diệm sau trận tấn công càn quét ở Rừng Sát vào thiếu tướng Lê văn Viễn quân đội Bình Xuyên, địch quay mũi nhọn lại định tiêu diệt ta, địch quyết định càn quét khu Long-Châu-Hà, nhất là kinh Mốp, Ba Thê.

Nhân danh tổng tư lịnh quân đội Dân Xã Việt Nam :

Tôi quyết định chiến đấu với địch để giữ danh dự cho đảng và quân đội bằng cách chiến đấu toàn diện.

Các đơn vị khi nhận lịnh này hãy chuẩn bị hẳn hòi khi nghe tiếng súng khu Long-Châu-Hà vừa nổ hoặc thấy địch huy động binh đến thì phải lập tức thi hành theo lịnh phân công để hiệp lực với các đơn vị chiến đấu giữ gìn khu, đúng theo sự phân công dưới đây :

1) Trung đoàn Lê Quang chịu trách nhiệm mặt Mốp Văn hướng về mặt Sóc Xoài và kinh Tân Hội để chiến đấu, chiến đấu cuối cùng quyết chiến tại Ba Thê.

2) Tiểu đoàn 205 Lê Lợi chịu trách nhiệm chiến đấu tại cản ba kinh Ba Thê Mới, quyết chiến tại mặt trận Núi Tróc, Núi Tượng

3) Tiểu đoàn 210 chịu trách nhiệm chiến đấu kinh Mốp Văn tại cản ba hướng về cầu số 5, quyết tử tại cản Dừa và lần lần bỏ mặt trận tại miếu Thần Nông, cuối cùng không còn chiến đấu được thì qua tại Núi Tróc phụ lực với bộ tham mưu.

4) Tiểu đoàn 206 Lê Lợi chịu trách nhiệm phá con đường từ cầu số 5 đến ngã ba lộ cái Long Xuyên — Châu Đốc, phá cầu, đào đắp lộ và bắn « mortier » 60mm vào các ổ trọng pháo của địch. Cách đóng binh

— 2 đại đội ở Vĩnh Hanh.

— 1 đại đội đóng ở ngọn Hang Tra.

5) Trung úy Lạp có bổn phận điều động bộ phận bazooka, bắn tàu kinh Xáng Cây Dương và cầu số 5 Nam

6) Đại đội Sáu Gương và đại đội Maxime chịu trách nhiệm chiến đấu tại kinh Bốn Tổng.

7) Đại đội 30 chịu trách nhiệm từ kinh Ông Cò và Vĩnh Chánh đem súng cối bắn vào ổ súng đồng của địch tại « poste » Cái Vồn.

8) Liên đội dân quân Núi Sập, Đại đội tổng hành dinh Trung đoàn Lê Lợi và trung đội của Xua (phòng vệ) chịu trách nhiệm chiến đấu tại Ba Dầu, quyết chiến.

9) Ông Trung đoàn Lê Lợi có bổn phận tổ chức cho 2 đơn vị có súng cối bắn vào các bộ phận « Ca nông » địch tại Núi Sập và tại « poste » số 1, đầu kinh Ba Thê cũ, đến cho địch phải chịu bất lực khi nã súng đồng vào Ba Thê.

10) Chỉ huy khu vực Thốt Nốt hợp với ban tình báo Ba Keo cùng các đại đội Dân xã đào đường phá cầu lộ, đột kích xe tàu, làm chướng ngại con đường Rạch Giá — Long Xuyên, lộ Cái Sắn, đường thủy cũng như đường bộ.

11) Ông phó tư lịnh điều động Tiểu đoàn 7 và đại đội Dân xã thôn Thới Long, Thuận Hưng, Thới Thạnh, Thới Lai, phá lộ phá cầu, đánh xe nhà binh, chận xe nhà binh, chận xe đò lộ Thốt Nốt xuống Ô Môn và bắn « mortier » vào châu thành Thốt Nốt.

12) Tiểu đoàn Năm Núi đào lộ đánh xe nhà binh, chận xe đò, phá cầu làm chướng ngại sự lưu thông của địch trên con đường từ Ô Môn xuống Cần Thơ.

13) Đại đội anh Tư Liên chận xe đò, đánh

xe nhà binh, phá cầu, phá lộ từ Tân Hội xáp về Rạch Giá.

14) Tiểu đoàn 20 đem binh đóng tại Ô Long Vĩ (Châu Đốc) chịu trách nhiệm đào lộ bắn trọng pháo vào Châu thành châu Đốc và con lộ Vĩnh Tre lên Châu Đốc, từ Châu Đốc vô Nhà Bàng, từ Nhà Bàng về Xà Tón.

15) Tiểu đoàn Hồng Châu hợp với đại đội phòng vệ quận Lai Vung, chịu trách nhiệm phá cầu, đào lộ từ Sa Đéc đến Vàm Cống và nã trọng pháo vào châu thành Sa Đéc.

16) Trung úy Tre, giám đốc công an xung phong chịu trách nhiệm nã 100 trái « mortier » vô vào châu thành Long Xuyên

17) Trung đoàn trưởng Lê Lợi chịu trách nhiệm điều động đội trọng pháo 81 và «canon» 57 để bắn tàu binh đường Long Xuyên — Núi Sập và lưu động bắn các ổ trọng pháo địch để làm « canon » bất lực sự yểm hộ khi tấn công ta.

18) Tiểu đoàn 19 của Hồng tổ chức đột nhập, đốt phá châu thành Châu Đốc với mọi hình thức.

19) Đại đội 43 cùng chỉ huy khu vực Châu Đốc hoạt động trên đường Tân Châu qua Châu Đốc để làm gián đoạn con đường này.

20) Đại đội 2 phòng vệ của Triều chịu trách nhiệm huy động đào đất đào lộ, phá cầu, kích đánh xe nhà binh, chặn xe đò từ cầu xã Vĩnh Tre đến cầu chữ S gần tổng hành dinh Lâm Thành Nguyên.

21) Đại đội trinh sát của thiếu tá Khương chịu trách nhiệm huy động dân rất khéo, đào lộ đắp mô thật lớn, đánh xe nhà binh, chặn các xe đò từ cầu Cây Dương đến nhà ông Phó Quý.

22) Trung đoàn Nguyễn Huệ phải cấp tốc bố trí các đồng rừng Giồng Riềng Gò Quéo.

23) Tiểu đoàn chủ lực Thất Sơn phân ra hai bộ phận :

a) bắn trọng pháo về Xà Tón.

b) cho nã trọng pháo và đột kích kinh Tri Tôn.

24) Trung đoàn Bắc Tiến cho đột kích ngã ba kinh Tám Ngàn, liên tiếp nã trọng pháo.

25) Hiến binh đội cho đột kích và bao vây các đồn địch ở Núi Tượng.

26) Đại đội 31 cho đột kích và nã trọng pháo vô ngã ba Núi Trầu và châu thành Hà Tiên.

27) Trung đội phòng vệ Be đến bao vây các đồn địch ở Chợ Vàm, phá các cây cầu từ Chợ Vàm đến Tân Châu.

28) Tiểu đoàn đại úy Tính cho bao vây các đồn ở Hồng Ngự và đột kích dữ dội liên tiếp.

29) Đại đội cảnh sát tỉnh Châu Đốc đột kích chợ Tân Châu.

Các đơn vị quân sự trên đây có bổn phận triệt để thi hành và thi đua diệt địch.

Chiến khu Giải Phóng ngày 6-11-1955

Trung tướng Lê Quang Vinh

Tổng tư lệnh Quân Đội Dân Xã Việt Nam ».

** Cước chú :* Đọc qua bản quân lịnh này ta được biết một phần nào về quân lực của ông Ba Cụt và được biết Ba Cụt rất am tường về địa thế cũng như về sự nắm vững binh đội của ông.

△ HÀNH QUÂN VĨNH PHÚ
17-11-55 — 25-11-55

Quân chính phủ, chiếm đóng thường trực trên trục Rạch Giá — Hà Tiên và trong khu Nam Thái Sơn, buộc đối phương phải rút khỏi khu an toàn để di chuyển về Long Xuyên.

Từ trung tuần tháng 11-1955, chủ lực quân Hòa Hảo lần lượt tập trung về núi Ba Thê, Vĩnh Chánh và Vĩnh Phú khiến dân chúng trong vùng đã lục tục tản cư ra tỉnh lỵ.

Cuộc hành quân Vĩnh Phú của ta được phóng ra với mục đích tiêu diệt địch, xây dựng các cơ sở hành chánh và đóng đồn trong vùng này.

Quân Hòa Hảo đã tránh chạm súng với quân chính phủ, phân tán lẩn lút trong những vùng lau sậy hoặc giả dạng thường dân sau khi đã chôn dấu vũ khí.

△ HÀNH QUÂN CÁI DẦU
26-11-55 — 8-12-55

Một phần lớn các đơn vị Hòa Hảo lại tập trung về vùng Cái Dầu, đóng quân rải rác từ ấp Thạnh Lợi đến xóm Láng.

Bộ chỉ huy Khu chiến giao cho Sư đoàn 11 Khinh chiến tổ chức một cuộc hành quân tiêu diệt đối phương trong vùng này.

Khác với những cuộc hành quân trước, bên quân chính phủ đột nhập bằng xuồng và di chuyển ban đêm đã gây cho đối phương

một vài thiệt hại vì bị đánh bất ngờ.

Đồng thời cũng vào thời gian này, Liên đoàn nhảy dù với các Tiểu đoàn 3 và 6, có pháo binh yểm trợ đã hành quân đánh Trung đoàn Lê Quang và Trung đoàn Nguyễn Huệ của Ba Cụt ở vùng Thốt Nốt.

Sau các trận này, các lực lượng Hòa Hảo rút chạy xuống Giồng Riềng và đóng quân trong khu tam giác Giồng Riềng — Hòa Hưng — Thới Lai.

△ HÀNH QUÂN GIỒNG RIỀNG 6-12-55

Bên phía chính phủ đã sử dụng lối hai trung đoàn vào cuộc hành quân này.

Trung đoàn Lê Quang, đơn vị thiện chiến nhất của Ba Cụt lẩn quất trong vùng này. Một tiểu đoàn thủy quân lục chiến bị rơi vào một ổ phục kích của Hòa Hảo khiến đơn vị này bị thiệt hại khá nặng.

Số là vào buổi chiều 6-12-55, một đại đội của Ba Cụt núp trong một khu vườn cây xung quanh là ruộng bỏ trống. Bọn chúng đào công sự chiến đấu theo hình tam giác để để phòng thủ và yểm trợ lẫn nhau. Quân thủy quân lục chiến tới sát, đơn vị đối phương mới nổ súng vào những trung đội tiền phong. Thủy quân lục chiến cố gắng mở những đợt tấn công khác vào các phía sườn của địch, nhưng vì chiến đấu dựa theo một thế trận hình tam giác có thể bao quát được cả 4 phía, đơn vị Hòa Hảo này đã chống trả tới chiều rồi nhân đêm tối thoát đi.

Sau trận chiến thắng này, Trung đoàn Lê Quang rút theo kinh Xà No về rừng U Minh Thượng, có thể để hợp tác với Việt Cộng. Trung đoàn Nguyễn Huệ trốn về hướng đầm Cỏ Túc và lẩn theo thường dân

Cũng vào tháng 12-1955, bên chính phủ còn mở một cuộc hành quân vào Cái Cái để giải tỏa cho Tiểu đoàn 508 khinh quân bị quân của Năm Lửa về quấy rối. Một cuộc hành quân khác vào Lấp Vò cũng để giải tỏa áp lực đối phương và là cuộc hành quân chót kết thúc chiến dịch Đinh Tiên Hoàng Đợt 2.

*** Kết quả hành quân Đinh Tiên Hoàng đợt 2 :**

Thiệt hại của lực lượng Hòa Hảo :

— chết : 300 người trong đó có 4 sĩ quan
— tù binh : 202 người
— quy thuận . 24 người
— vũ khí tịch thu 382 trong đó có 14 vũ khí cộng đồng.

Thiệt hại của quân chính phủ :

— chết : 117 người trong đó có 6 sĩ quan
— bị thương : 225 người
— mất tích . 9 người
— vũ khí mất . 60 trong đó có 2 đại liên và 10 trung liên
— tàu bị bắn chìm : 1 LCVP

5. CHIẾN DỊCH NGUYỄN HUỆ 1-1-56 — 31-5-1956

a. Lý do thành lập chiến dịch Nguyễn Huệ

Vào khoảng tháng chạp năm 1955, sau những cố gắng hành quân liên tiếp của chiến dịch Đinh Tiên Hoàng, quân chính phủ vẫn không tiêu diệt được chủ lực đối phương.

Các đơn vị giáo phái đã tránh đụng độ, tản mát lẩn trốn tại khắp nơi trong các làng mạc xa xôi hẻo lánh để chỉnh đốn lại hàng ngũ.

Thêm vào các lực lượng nói trên, nhiều phần tử Việt Cộng cố tâm duy trì tình trạng bất an trong miền Nam sẵn sàng liên kết với quân giáo phái để giúp đỡ về cán bộ và chiến thuật.

Nhìn vào địa thế miền Hậu Giang, ta có thể chia làm hai vùng bị ảnh hưởng một cách rõ rệt của giáo phái.

Đó là miền Tây và miền Đồng Tháp.

Miền Tây thuộc ảnh hưởng của Ba Cụt. Mặc dù bị săn đuổi và phải chạy trốn liên miên, các đơn vị chủ lực của ông chưa bị tiêu diệt, vẫn còn khả năng khuấy rối các đồn bót và các thôn xóm, nhất là tại vùng biên thùy Miên — Việt, gây bất an trên các trục lộ giao thông bằng lối đánh du kích.

Miền Đồng Tháp Mười thuộc ảnh hưởng của ông Trần văn Soái. Từ sau khi bị tấn công, các quân của ông Soái được thâu góp về đây lập lại cơ sở mới, nhờ sự giúp đỡ của Việt Cộng và của Pháp đã chấn chỉnh lại hàng ngũ khá vững chắc.

Thêm vào, một số quân Cao Đài ly khai chừng một tiểu đoàn thuộc lực lượng Liên Minh hoạt động tại vùng Giồng (Đồng Tháp Mười) và lối một đại đội khác tại tỉnh Châu Đốc.

Tình hình lại thêm rắc rối với những đơn vị võ trang Việt Minh tái xuất hoạt động tại

Đồng Tháp và U Minh mỗi nơi tới một tiểu đoàn, phân tán mỏng và đang lợi dụng sự chống đối của Soái — Cụt với chính quyền để hợp tác tuyên truyền gieo bầu không khí bất mãn trong tầng lớp dân chúng tại nông thôn.

Hơn nữa, người Pháp vẫn còn chen lấn vào nội bộ Việt Nam, tiếp tục tiếp tế cho Năm Lửa bằng đạn dược và vũ khí qua ngả biên giới Miên - Việt và với nhiều lần bằng cách thả dù.

Do đó, ngoài vấn đề giải quyết việc Soái—Cụt, nhiều vấn đề khác không kém phần quan trọng cũng cần phải được giải quyết cấp thời như việc kiểm soát biên giới để ngăn chặn mọi sự tiếp tế từ bên ngoài vào và việc tiêu trừ các phần tử Việt Minh để tái lập nền hành chánh nông thôn

Đại tá Dương văn Đức là người được giao trách nhiệm bình định, đã không làm cho tình hình miền Hậu Giang được sáng sủa theo như mong muốn, dường như đã bị mất một phần nào sự tín nhiệm với tổng thống Ngô đình Diệm và không làm sao để ông thông cảm những nỗi khó khăn hầu giúp thêm cho phương tiện. Ông Ngô đình Diệm đã nghĩ đến việc chọn một người khác để đảm trách công việc bình định này.

Vì vậy, mới có việc chỉ định thiếu tướng Dương văn Minh xuống miền Tây, thiếu tướng Minh mới tân thăng là người vừa chiến thắng trước quân Bình Xuyên ở Rừng Sát.

Tướng Minh được chỉ thị sắp xếp lại đường lối bình định, được giao nhiều quyền hành với nhiều phương tiện được cung cấp, không phải là để thay đại tá Dương văn Đức mà còn ở trên quyền chỉ huy của ông này

Hiển nhiên, đây là một vấn đề mà chính quyền muốn dồn mọi nỗ lực để sớm giải quyết và đã dành tối đa phương tiện kể cả việc chuyển thêm quân từ miền Cao Nguyên và miền Trung vào, tăng cường cho chiến dịch mệnh danh là chiến dịch Nguyễn Huệ.

b. Nhiệm vụ và tổ chức.

Chiến dịch Nguyễn Huệ khởi diễn ngày 1-1-1956, có 3 nhiệm vụ chính

— Giải quyết vấn đề Soái — Cụt và các lực lượng giáo phái ly khai.

— Giữ vững biên giới Miên - Việt không cho loạn quân chạy sang từ Hà Tiên đến sông Vàm Cỏ.

— Cắt đứt liên lạc loạn quân giữa hai khu chiến Miền Tây và Đồng Tháp.

Ngoài những nhiệm vụ trên, chiến dịch Nguyễn Huệ còn có nhiệm vụ tiêu diệt những cơ cấu của Việt Cộng trong vùng hành quân, tái lập hành chánh khai thác vùng Đồng Tháp Mười, Cà Mau, mở mang đường xá, cầu cống và xây cất đồn bót.

Bộ tham mưu chiến dịch được thành lập kể từ ngày 29-12-1955 và đặt tại Long Xuyên.

Đặt dưới quyền chỉ huy quân sự và hành chánh của thiếu tướng Dương văn Minh, các lãnh thổ thuộc :

— Phân khu Mỹ Tho (không có với Khu chiến Miền Tây)

— Phân khu Cần Thơ

— Phân khu Vĩnh Long

— Phân khu Sóc Trang.

Vì vùng hành quân quá rộng và mỗi nhóm quân địch đều có tính cách khác nhau nên chiến dịch Nguyễn Huệ phân chia ra nhiều vùng hành quân và nhiều giai đoạn. Vùng hành quân được chia làm hai khu chiến và một trái độn .

— Khu chiến miền Tây

— Khu chiến Đồng Tháp Mười

— Khu trái độn thuộc Phân khu Vĩnh Long.

1) Khu chiến miền Tây dưới quyền chỉ huy của đại tá Dương văn Đức vẫn tiếp tục bình định miền Tây sau cuộc hành quân Đinh Tiên Hoàng đợt 2. Khu chiến này được chia ra làm 3 vùng hoạt động .

— Vùng Bắc : trục Long Xuyên — Rạch Giá — Châu Đốc

— Vùng Nam : trục Long Xuyên — Rạch Giá —Cần Thơ

— Vùng Cà Mau : trong đó chia ra khu Cà Mau Nam và Cà Mau Bắc ; Cà Mau Bắc do các lực lượng của thiếu tá Trần Thanh Bền và thiếu tá Lâm quang Phòng.

2) Khu chiến Đồng Tháp, dưới quyền chỉ huy của trung tá Nguyễn văn Là, được chia ra làm hai vùng hành quân dành cho hai giai đoạn : vùng tạm an và vùng bất an.

3) Khu trái độn tức là Phân khu Vĩnh Long, dưới quyền chỉ huy của đại tá Nguyễn văn Quan, với phương tiện địa phương của

phân khu, hoạt động ngăn ngừa mọi đột nhập của đối phương để liên lạc giữa hai khu chiến nói trên.

Để tổng hợp hoạt động hành quân và điều hòa lực lượng của hai khu chiến và khu trái độn, bộ tham mưu chiến dịch gọi là Bộ tư lệnh Liên Khu chiến miền Tây và Đồng Tháp.

Các giai đoạn chiến thuật sẽ nhắm vào những mục tiêu đặt ưu tiên theo thứ tự sau đây

1) Mục tiêu thứ nhất : giải quyết vấn đề Trần văn Soái, dùng một lực lượng hai sư đoàn bộ binh và các đơn vị địa phương bao vây và đánh bật các sư đoàn của ông Soái ra khỏi các căn cứ đóng quân hoặc giải quyết bằng tâm lý hay hoặc bằng tiêu diệt.

2) Mục tiêu thứ nhì . giải quyết vấn đề Ba Cụt sau khi giải quyết vấn đề Trần văn Soái, những hoạt động của quân chính phủ nhắm vào miền Tây để tiêu diệt quân Ba Cụt.

3) Mục tiêu thứ ba : giải quyết vấn đề Việt Cộng để ngăn ngừa hậu quả sau này. Chiến dịch Nguyễn Huệ còn trù liệu tiêu diệt những cơ cấu Việt Cộng, những cán bộ nằm vùng ngấm ngầm hoạt động trong chiến dịch nhứt là vùng Cà Mâu và U Minh.

Bên chính phủ đã huy động vào chiến dịch một lực lượng khá hùng hậu gồm cả hải lục không quân như sau

— *Bộ binh* 4 sư đoàn phân chia : — Các Sư đoàn 4 dã chiến + Sư đoàn 11 khinh chiến cho Khu chiến miền Tây — Các Sư đoàn 14 và 15 khinh chiến (lấy từ miền Trung, Phân khu Duyên hải vào) cho Khu chiến Đồng Tháp — Các trung đoàn địa phương, cảnh sát và công an lưu động trong các lãnh thổ thuộc vùng hành quân

— *Hải quân .* 4 hải đoàn xung phong số 21, 22, (4), 23, 24 và 2 LSIL, 1 LSSL, 3 LCU, riêng Khu chiến Đồng Tháp được phân chia ba hải đoàn, 1 LCU và 20 xuồng M2.

— *Không quân* · 1 phân đội của Phi đội 2 quan sát (Sóc Trang + Long Xuyên) — 3 phi cơ oanh tạc Marcel Dassault (Sóc Trang).

— *Thiết giáp :* 6 chi đoàn thám thính xa.

— *Pháo binh* · Các Tiểu đoàn 21, 22, 24, 3 và 4 pháo binh (Tiểu đoàn 3 và 4 phân chia cho Khu chiến Đồng Tháp.)

— *Trừ bị nhảy dù* 1 tiểu đoàn nhảy dù đóng tại Sa Đéc.

Ngoài những đơn vị tác chiến này, một số các đơn vị yểm trợ và chuyên môn được đặt sử dụng dưới quyền của tư lệnh chiến dịch

c. Tình hình dân chúng vùng Hậu giang trước khi mở chiến dịch.

Khối dân chúng thiên về chính phủ đều tập trung tại các thị trấn, các vùng phụ cận, các thôn xã đã được chính quyền và quân đội kiểm soát và bảo đảm an ninh cho đời sống của họ thoát khỏi những hăm dọa hay khủng bố trực tiếp hay gián tiếp của loạn quân giáo phái, ngoài ra, còn khối người nạn nhân của giáo phái hay Việt Cộng.

Khối dân chúng thiên về đối phương phần đông là những tín đồ phật giáo Hòa Hảo, dễ bị lôi cuốn vì quá sùng bái cuồng tín vào đạo, những người thuộc các vùng xa xôi mà chính quyền cũng như quân đội chưa kiểm soát chặt chẽ, và những khối dân chúng nhát sợ trước áp lực hăm dọa phá hoại mùa màng, quyền lợi của lực lượng ly khai này.

Còn có khối dân chúng thiên về Việt Cộng, phần đông là những người bị tiêm nhiễm ảnh hưởng cộng sản từ lâu ở tại các vùng Cà Mau, U Minh cùng Đồng Tháp, và những người có con em trong gia đình tập kết ra Bắc.

Những tín đồ Hòa Hảo, vẫn tiếp giúp cho lực lượng Hòa Hảo về mọi mặt, nhất là vấn đề lương thực, thuốc men. Khối dân chúng này, có thể nói chiếm gần nửa dân chúng miền Tây, phần đông thuộc các vùng Châu Đốc, Long Xuyên và Sa Đéc.

Đoàn thể võ trang Nguyễn Trung Trực của thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ tuy đứng tách ra khỏi ảnh hưởng tranh chấp với chính quyền, vẫn không dứt hẳn được tình đồng đạo. Bề ngoài vẫn tuyên bố oán ghét nhưng vẫn âm thầm giúp đỡ cho đối phương về thuốc men và lương thực (5). Sự ủng hộ gián tiếp của đoàn thể trên đây đã giúp họ một phần nào kéo dài sự chống trả với chính quyền và làm hoang mang dân chúng không ít. Phe Lâm Thành Nguyên cũng thế.

Cũng do vấn đề dân chúng, người ta thấy rằng, với chiến thuật vũ bão của chiến dịch Đinh Tiên Hoàng, tuy đem lại một vài kết quả về mặt quân sự như : — làm tan rã lực

(4) Hải đoàn xung phong 22 sau sát nhập Hải đoàn xung phong 21.

(5) Theo tài liệu của Phòng 3 Chiến dịch Nguyễn Huệ.

lượng của đối phương — làm lũng đoạn tinh thần hiếu chiến của họ — và phá hủy mọi cơ sở vững chắc của chúng. Nhưng cũng vì chiến thuật có tính cách cứng rắn này mà đã làm mất thiện cảm ít nhiều của dân chúng, vì cho rằng chính quyền đang ra tay tận diệt các giáo phái.

Vì nhận thức và rút được những kinh nghiệm quý báu này, bộ tham mưu chiến dịch Nguyễn Huệ sau này đã có những biện pháp nặng về phần tâm lý và chính trị nhiều hơn.

d. Cuộc hành quân đánh lực lượng của ông Trần văn Soái.

△ TRẦN VĂN SOÁI VÀ KHU CHIẾN ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp Mười là một vùng đồng lầy hoang vu rộng lối 70.000 mẫu tây. Đông giáp sông Vàm Cỏ, Tây giáp sông Cửu Long, Nam giáp với quốc lộ 4 và Bắc giáp biên giới Miên — Việt.

Đồng Tháp Mười rộng lớn, nhưng ít sông ngòi cho nên nước thường ngập hàng năm.

Mỗi năm lối tháng 6 nước sông Cửu Long dâng lên và đổ vào sông Sở Thượng và sông Trabek. Một phần nước đó chảy trở ra sông Cửu Long theo một nhánh của sông Sở Thượng, một phần theo rạch Cái Trốt đổ ra sông Vàm Cỏ Tây. Nhưng phần lớn nước tràn vào trung tâm Đồng Tháp theo rạch Sở Hạ và rạch Cái Cái và biến cánh đồng thành một biển nước.

Người ta có thể dùng ghe thuyền nhỏ đi băng qua suốt từ biên giới Miên — Việt tới miền tỉnh Mỹ Tho.

Đến tháng 10, mức nước ở vùng Thông Bình (Tân Thành) sâu lối 3 thước và trong trung tâm kinh Lagrange trên 1 thước. Từ tháng 12 sấp lên, nước rút xuống dần dần và đến tháng 2 hoàn toàn rút hết. Về phía Đông, vì rất thấp nên phần lớn cánh đồng còn lầy.

Vì trạng thái địa hình của Đồng Tháp, ta có thể chia ra những vùng sau đây :

1) Lưu vực sông Vàm Cỏ Tây . Một vùng có nhiều kinh rạch làm cho sự lưu thông được dễ dàng. Dân cư trú ngụ đông đảo sinh sống về nghề ruộng rẫy. Sự tiến binh của bộ binh được dễ dàng. Tàu lớn có thể lưu thông trong các kinh lớn khi nước lớn. Mực nước đồng ruộng : mùa khô độ 3, 4 tấc — mùa mưa ngập khỏi đầu người.

2) Trung tâm Đồng Tháp : Một vùng đồng lầy nhiều cỏ lác từ 1 đến 2 thước. Sự quan sát bằng tầm mắt nhiều khi bị che khuất. Trong mùa khô, sự đi bộ rất cực nhọc vì không có bóng mát và bị bùn lầy. Trong mùa nước, cánh đồng biến thành như biển mênh mông, chỉ có xuồng là phương tiện di chuyển duy nhất và tiện lợi. Tàu các loại không thể vào trung tâm được, có những « giồng » là những gò đất cao lên có cát trắng và một vài nhà dân chúng ở trên đó. Nước phèn, nhiều đỉa, muỗi, rắn là chướng ngại cho binh sĩ khi hành quân.

3) Vùng Tân Thành : Từ Thông Bình ngã ba sông Sở Hạ tới rạch Cái Cái và đến ngọn rạch này có một con đường rất khô ráo có thể đi được từ tháng 12 đến tháng 4 dương lịch. Ngoài ra, mấy tháng mùa mưa đều ngập lụt không thể lưu thông bằng đường bộ được.

4) Vùng Tuyên Thạnh : Từ trạm Bình Đông trở lên phía Bắc có nhiều sông ngòi chi chít, hai bên bờ sông có bờ khô ráo có thể đi được từ tháng 12 đến tháng 4 dương lịch. Mùa mưa không thể đi bộ được vì ngập nước.

5) Lưu vực sông Cửu Long : Từ bờ sông Cửu Long trở về trung tâm Đồng Tháp độ 10 cây số giữa khoảng Hồng Ngự tới Cao lãnh, vùng đồng khô ráo. Rất nhiều kinh nhỏ, sự lưu thông bộ binh rất tiện lợi. Về mùa khô, pháo binh điều động rất dễ dàng trên đồng áng của vùng này.

Nhờ Pháp tiếp tế và Việt Minh tiếp tay về mặt tổ chức, Trần văn Soái từ khi lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ chánh, đã chấn chỉnh lại hàng ngũ khá vững chắc.

Lực lượng Soái còn độ 3.800 người, chia vùng đóng binh ra làm hai khu vực :

— Liên khu Tiền Giang, bao gồm Đồng Tháp Mười lấy sông Tiền Giang làm ranh giới.

— Liên khu Hậu Giang từ sông Tiền Giang về hướng Tây.

Tại mỗi liên khu, Soái tổ chức một hệ thống binh bị riêng biệt. Đối với Liên khu Tiền Giang được coi như là vùng căn cứ địa, Soái bố trí 5 trung đoàn và 5 tiểu đoàn phòng vệ có một quân số cao hơn Liên khu Hậu Giang tới ba lần vào khoảng trên 3.000 người. Mỗi trung đoàn chỉ có quân số độ trên 400 người. Đó là các trung đoàn : Thiên Hộ — Lê Lợi — Nguyễn Trãi — Thường Kiệt — Quang Trung. Bộ chỉ huy, các tiểu đoàn phòng vệ 500 người, riêng Tiểu đoàn 21 là tiền thân của Tiểu đoàn 541 ly khai, 200 người

Liên khu Hậu Giang chỉ bao gồm một số quân lối 800 người. Soái định tổ chức đám quân này thành quân du kích hoạt động trong địa bàn những vùng ảnh hưởng cũ do quân đội quốc gia mới kiểm soát.

Do đó, Liên khu này được tổ chức thành nhiều chiến khu. Theo nguyên tắc, mỗi chiến khu có một trung đoàn hoạt động. Nhưng vì gặp nhiều khó khăn, Soái chỉ mới thành hình trên danh từ nhiều trung đoàn, nhưng thực lực của các đơn vị này rất yếu kém. Như tại Chiến khu 1 nằm trong vùng Cái Vồn, có sự hoạt động của Trung đoàn Quốc Tuấn với quân số vỏn vẹn 65 người. Tại Chiến khu 2 vùng Sa Đéc, có Trung đoàn Huỳnh Đức 350 người. Tại Chiến khu 3 vùng Vĩnh Long, có một trung đoàn đang được thành lập với quân số 120 người và tại Chiến khu 4 vùng Cần Thơ một số người đã được đưa về để thành lập một trung đoàn khác nhưng chưa thành.

Tuy nhiên vào cuối tháng 12-1955, sau một thời gian im lặng, quân đội của ông Trần văn Soái đã có một vài hoạt động quân sự yếu ớt, nhưng dù sao cũng chi phối được một phần khả năng của chiến dịch Đinh Tiên Hoàng vào việc tiễu dẹp.

Δ CUỘC HÀNH QUÂN TIẾN VÀO ĐỒNG THÁP . 9-1-56 - 17-2-56

Như trên đã nói, Bộ chỉ huy chiến dịch chia Khu chiến Đồng Tháp Mười làm hai giai đoạn hành quân dành cho hai vùng khác nhau

— Vùng tạm an

— Và vùng bất an

1) Vùng tạm an được giới hạn từ Gò Bắc Chiên (tỉnh lỵ Mộc Hóa) đến sông Vàm Cỏ Đông, nghĩa là vùng đất giáp ranh với tỉnh Tây Ninh, có các phần tử Cao Đài ly khai hoạt động ở vùng đất phụ cận Gò Dầu Hạ. Lực lượng Cao Đài này đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của một đại tá Cao Đài tên Đặng Thành Sử tự Phụng và đơn vị ly khai này lại mang danh hiệu là Trung đoàn Trịnh Minh Thế (?).

2) Vùng bất an được giới hạn từ Gò Bắc Chiên — Mỹ An qua tới Hồng Ngự nghĩa là vùng đất thuộc phía Tây của tỉnh lỵ Mộc Hóa.

Trong vùng này, quân Trần Văn Soái với 5 trung đoàn và nhiều tiểu đoàn đã chiếm đóng Tuyên Bình — Vĩnh Lợi — Vĩnh Thạnh — Cái Cái — vùng giồng phía Tây Mộc Hóa — và vùng Cao Lãnh. Quân Trần Văn Soái hoạt động với tính cách du kích nên không có vị trí nhất định.

Với tình hình này và địa thế hiểm trở của Đồng Tháp, Bộ tư lệnh Liên Khu chiến đã đưa ra một ý niệm điều quân như sau :

1) Thời kỳ thứ nhất . Bố trí tất cả các nẻo xuất nhập Đồng Tháp, nhất là vùng biên giới Miên — Việt hầu cô lập hoàn toàn đối phương về mặt tiếp tế cũng như tiếp viện từ bên ngoài, đồng thời cho quân tảo thanh chiếm vùng xung quanh Gò Bắc Chiên và vùng Cao Lãnh.

2) Thời kỳ thứ hai . Xoay mặt trận từ Gò Bắc Chiên sang Hồng Ngự để đánh ép đối phương dồn về trung tâm vùng bất an để dễ bề tiêu diệt hay bắt họ phải bế tắc mà đầu hàng.

3) Thời kỳ thứ ba . Sau khi giải quyết xong vấn đề Soái, sẽ xoay sang vùng Đông Bắc Đồng Tháp là vùng tạm an để tiêu diệt những phần tử Cao Đài ly khai.

Ngày 9-1-1956, Bộ chỉ huy Khu chiến Đồng Tháp và Bộ tham mưu Sư đoàn 15 khinh chiến di chuyển đến đặt tại Gò Bắc Chiên.

Quân chính phủ chia làm nhiều cánh :

— Cánh « A » gồm các Trung đoàn 43, 44 và một pháo đội di chuyển lên Gò Bắc Chiên do các Hải đoàn xung phong 21 và 23 đảm nhận. Cánh quân này từ ngày 12-1-56, bắt đầu tiến quân từ Gò Bắc Chiên về phía Tây Bắc.

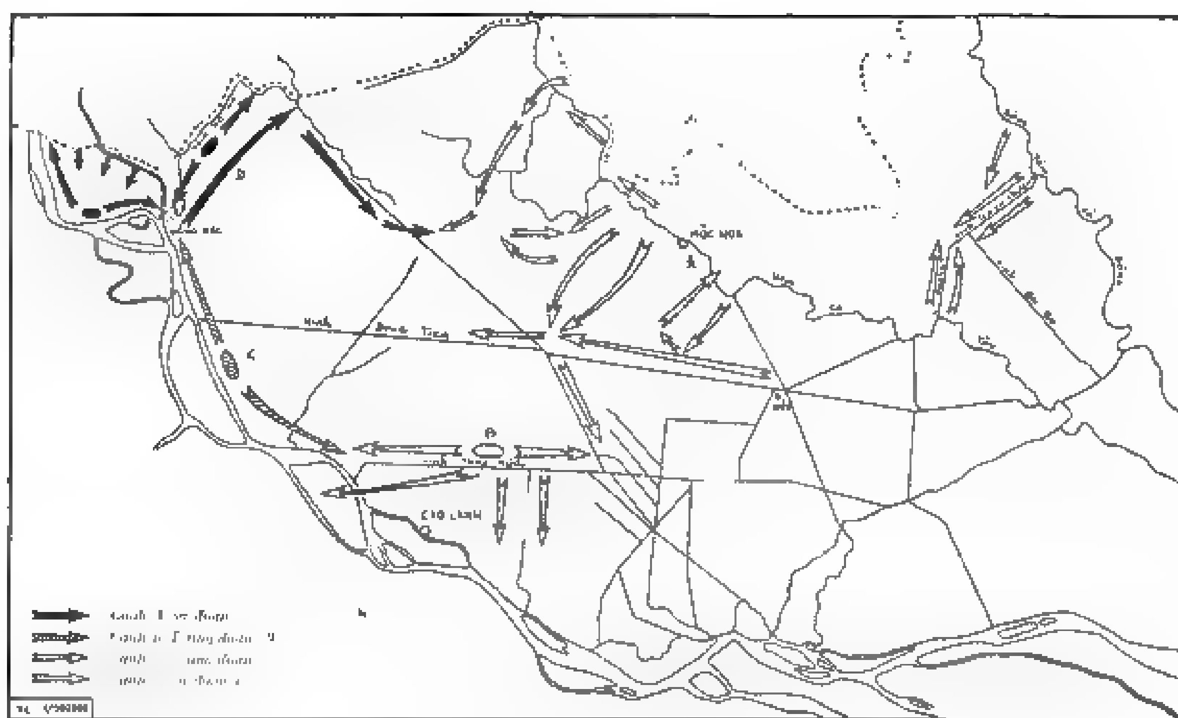
— Cánh « B » gồm có Trung đoàn 39 và Tiểu đoàn 581 tại Cao Lãnh thành lập một hệ thống án ngữ hoạt động tảo thanh quanh Chi khu Cao Lãnh.

— Cánh « C » do lực lượng của thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ và Trung đoàn 42 từ Sa Đéc di chuyển lên, án ngữ chặn đường rút lui của đối phương về miền Tây.

— Trung đoàn 45, lực lượng trừ bị hoạt động xung quanh Gò Bắc Chiên.

Cuộc hành quân đại quy mô này đã diễn tiến rất tốt đẹp, chỉ xảy ra một vài cuộc đụng độ mà phần thiệt hại đều do phía lực lượng ly khai phải gánh chịu.

Thoạt khởi, các Trung đoàn 43 và 44 tiến quân lên Bình Châu dọc theo sông Vàm Cỏ Tây. Trung đoàn 39 án ngữ dài theo kinh Đồng Tháp. Trung đoàn 44 từ Bình Châu tiến lên rạch Long Khốt. Khi toán tiền phong của Trung đoàn 44 chiếm Long Khốt, Trung đoàn 43 theo chân lên chiếm xóm Keo Gia. Quân ông Soái rút lui về Vĩnh Trị.



Sơ đồ hành quân Đồng Tháp.

Tiếp đó Trung đoàn 44 từ Long Khốt tiến quân chiếm Hưng Điền. Trung đoàn 43 từ xóm Keo Gia cũng tiến lên chiếm Lò Gạch.

Được tin đối phương đóng bản doanh tại Vĩnh Thạnh, Sư đoàn 15 thay chiều trục nỗ lực tiến về hướng Tây Nam. Cánh thứ nhất do Trung đoàn 44 có pháo binh yểm trợ dàn tại Bình Châu tiến chiếm điểm Vĩnh Trị và Vĩnh Thạnh. Cánh thứ hai do Trung đoàn 43 có pháo binh yểm trợ tiến quân chiếm Vĩnh Lợi

Trung đoàn 44 chạm trán mạnh mẽ với đối phương lần đầu tiên sau năm ngày hành quân (16-1-1956).

Trung đoàn 39 tiếp tục tảo thanh tại khu Cao Lãnh và đã chạm súng một vài lần và thu được một vài kết quả. Để phản ứng lại, đối phương pháo kích Chi khu Cao Lãnh khiến một thường dân tử thương.

Sau cuộc chiếm đóng Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Trung đoàn 43 và Trung đoàn 44 hoạt động mở rộng quanh các vị trí vừa chiếm và thường chạm lẻ tẻ.

Hai tiểu đoàn của Trung đoàn 45 được gửi lên tăng cường cho các Trung đoàn 43 và 44.

Hải đoàn xung phong 21 tuần tiễu dài theo sông Vàm Cỏ Tây từ Gò Bắc Chiên đến Bình Châu.

Ngày 23-1-1956, Trung đoàn 39 hoạt động quanh vùng Cao Lãnh bắt sống được trung đoàn trưởng Trung đoàn Thường Kiệt tên là Phùng.

Ngày 24-1-56, Sư đoàn 15 mở một cuộc tảo thanh ngược lại về phía Tây Nam Gò Bắc Chiên để chiếm địa điểm « Gậy Cờ đen » (dinh điền Phước Xuyên). Trung đoàn 43 được tăng cường di chuyển về Gò Bắc Chiên chia quân làm 3 cánh : — Cánh 1 tiến theo rạch Bắc Chan tiến quân lên Gậy Cờ đen — Cánh thứ 2 có hải quân trợ lực tiến theo kinh Lagrange cũng tiến lên Gậy Cờ đen — Cánh thứ ba để tại ấp Bắc Chan để sẵn sàng trợ lực. Cuộc hành quân này vô sự. Trung đoàn 43 tiếp tục tảo thanh ấp Tháp Mười.

Từ ngày này về sau, không ngày nào là không có đụng độ xảy ra — ngày 25-1, Tiểu đoàn 581 phục kích đụng tại Phong Mỹ — ngày 26-1, Trung đoàn 43 đụng ở ấp Tháp Mười — ngày 28-1, Tiểu đoàn 581 đi phục kích lại chạm súng — ngày 29-1, Trung đoàn 44 đã chạm súng dữ dội với quân đối phương tại Vĩnh Thạnh khiến Hòa Hảo bị loại tới 80 người chết.

Thời kỳ thứ nhất nhằm bố trí bao mặt Đông Bắc và Đông Nam khu bất an vừa hoàn tất, quân chính phủ chuyển sang thời kỳ thứ hai bằng cách đưa thêm Sư đoàn 14 khinh chiến vào tham chiến. Cánh này được mệnh danh là Cánh « D ».

Hành quân thời kỳ hai khởi diễn lúc 06 giờ ngày 5-2-56. Sư đoàn 14 từ khởi điểm Bình Thạnh ở phía Bắc Hồng Ngự tiến quân theo trục rạch Sở Hạ — Cái Cái án ngữ dọc theo biên giới Miên — Việt. Hải đoàn 21 tiến theo sông để giữ an ninh sườn phía Bắc. Quân chính phủ đã chạm trán mạnh mẽ với đối phương. Trên dọc đường tiến quân, quân Hòa Hảo gài rất nhiều mìn và có một bãi mìn dài tới 1 cây số.

Binh sĩ chính phủ chạm mìn bị thương rất nhiều. Đối phương thiết lập một vị trí phòng thủ rất kiên cố tại ngã ba Sở Hạ — Cái Cái khiến quân chính phủ không vượt sông được và đã dùng pháo binh và trọng pháo bắn phá dữ dội.

Ngày 7-5-56, chỉ huy trưởng khu chiến Đồng Tháp đã phải dùng tới lực lượng trừ bị là Tiểu đoàn 5 nhảy dù trợ chiến.

Tiểu đoàn 5 nhảy dù dùng xuồng M2 vượt sông Cái Cái tấn công thình lình, đánh thủng vị trí đối phương khiến họ phải rút sâu vào trung tâm Đồng Tháp.

Sư đoàn 14 lại tiếp tục tiến quân rượt theo. Tại rạch Cái Cái, đối phương làm nhiều rào cản, quân chính phủ phải mất công phá để cho Hải đoàn xung phong 21 tiến vào yểm trợ.

Riêng trận quyết liệt xảy ra tại ngã ba rạch Sở Hạ — Cái Cái, bên chính phủ bị thương tới 56 người phần nhiều do mìn, 13 chết trong đó có một thiếu úy. Đối phương bị chết khoảng 50 người. Đây là một cuộc đụng độ lớn nhất đối với tàn quân của ông Năm Lửa và là một trận có hầu hết các đơn vị nòng cốt của họ tham dự.

Sau khi thua trận này, tinh thần quân ông Soái trở nên rời rạc. Các đơn vị của ông bị bao vây trong khu Đồng Tháp đã bị thất thế ở giữa một vùng sình lầy và nước đọng

Tới ngày 17-2-56, qua nhiều lần tiếp xúc với đại diện chính quyền, ông Trần văn Soái đã thỏa thuận mang bộ đội ra quy thuận. Các đoàn quân quy thuận được lần lượt đưa về tập trung tại trại chiêu an của chiến dịch đặt tại Cái Vồn.

✱ Kết quả hành quân trong thời kỳ thứ nhất (9-1-56—3-2-56)

— *Tổn thất đối phương*

— Chết : 142 trong đó có 4 sĩ quan

— Quy thuận : 15

— Vũ khí tịch thu : 52 đủ loại, trong đó có 1 cối 81 ly và 3 cối 60 ly

— *Tổn thất quân chính phủ*

— Chết : 08

— Bị thương : 17

— Mất tích : 07

— Vũ khí mất : 11 vũ khí cá nhân

✱ Kết quả hành quân trong thời kỳ thứ nhì 4-2-56 — 17-2-56 :

— *Tổn thất đối phương*

— Chết : 126

— Quy thuận : 3.735

— Vũ khí tịch thu : 2.071 súng trường, 34 các bin, 85 trung liên, 85 súng cối 330 tiểu liên, 21 đại liên, 41 súng lục.

Tổn thất quân chính phủ .

Chết : 23

— Bị thương : 98

— Vũ khí : 00

a. Xung quanh vấn đề ông Trần văn Soái về quy thuận.

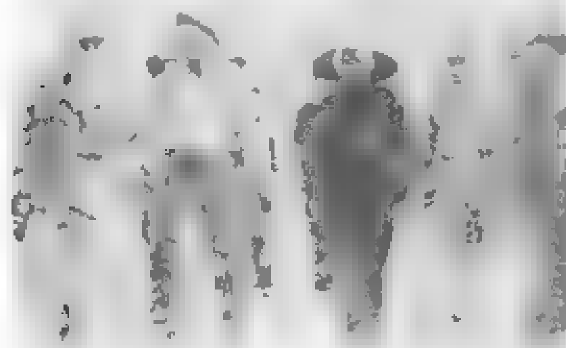
Ngay khi cuộc hành quân Đồng Tháp được điều động, Bộ tư lệnh Liên Khu chiến đã nghĩ đến việc dồn ép quân ông Soái vào một tình thế bị cô lập, để rồi lần lần dùng chính trị lôi kéo họ về.

Do đó, bên chính quyền đã thực hiện một cuộc vận động thương thuyết với ông Trần văn Soái.

Ngày 19-1-56, nghĩa là sau 10 ngày có cuộc tấn công vào Đồng Tháp, một đại diện của chính quyền đã bí mật liên lạc được với một đại diện của Trần văn Soái. Đó là ông Phan Hà, đại tá đổng lý văn phòng của ông Soái. Cuộc gặp gỡ đã diễn ra tại đồn Cây Tre làng Tân Phú (Đồng Tháp) Đại diện chính quyền đã giải bày sự khoan hồng của chính phủ và sẵn sàng tiếp nhận ông Trần văn Soái trở về với đại gia đình quốc gia. Trong việc gặp gỡ đầu tiên này, đại diện của Trần văn Soái cũng hoan hỉ tỏ bày sự ham muốn trở về của họ. Cả hai bên đều đi đến



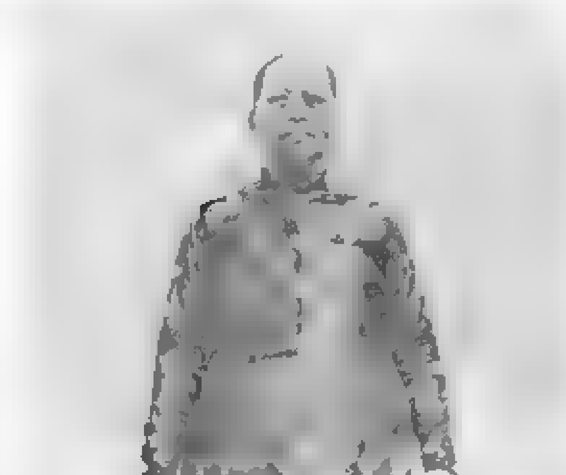
Nơi ưu tư của ông Trần văn Soái trên buổi quy thuận.



Ông Soái cùng đi với thiếu tướng Dương văn Minh (đội mũ nồi), tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ.



Thời oanh liệt của ông Trần văn Soái, và vợ bà Lê thị Gấm.



chỗ đồng ý để một đại diện chính thức của chính phủ được gặp ông Trần văn Soái để trao đổi ý kiến và quyết định những điều kiện thỏa thuận

Ngày 21-1-56, phái đoàn chính phủ không gặp ông Soái nhưng đã gặp bà Lê thị Gấm, vợ của ông để bàn luận thêm. Bà Gấm tỏ vẻ sốt sắng nên phái đoàn có nhờ bà thuyết phục để ông Soái sớm đưa binh đội trở về.

Ngày 11-2-56, sau bao lần liên lạc và thảo luận, ông Soái đã chịu cùng ông đại sứ lưu động của tổng thống là ông Nguyễn ngọc Thơ được đề cử xuống Hậu Giang tiếp xúc với ông Soái về vấn đề này. Ông Soái đưa ra một số điều kiện và những điều kiện này đã được chính phủ chấp thuận.

Ngày 17-2-56, ông Soái và bộ đội của ông đã chịu buông súng quy thuận.

Ngày 19-2-56, những điều kiện của ông đã được chính thức công bố và được các báo chí đăng tải.

Những điều kiện này đại để gồm có những điểm như sau

1) Ông Trần Văn Soái sẽ giao trọn lực lượng võ trang của ông đặt dưới quyền sử dụng của chính phủ.

2) Tài sản đã tịch thu thời thuộc về chính phủ, chưa bị tịch thu thời ông Soái được toàn quyền sử dụng.

3) Binh sĩ Hòa Hảo được tự do lựa chọn tùy theo ý muốn của mình hoặc : — trở về với gia đình làm ăn, buôn bán, an ninh tính mạng sẽ được bảo đảm — hoặc xin gia nhập hàng ngũ quân đội Cộng Hòa Việt Nam, sẽ có ban tuyển trạch lựa chọn và sẽ được đi huấn luyện tại Quán Tre

Ngày 2-3-56, lời tuyên bố của ông Trần văn Soái được chính thức phổ biến với đầy đủ nội dung như sau :

«Sau một thời gian ly khai đứng đối lập với chính phủ là vì trước đây bởi một ngộ nhận xảy ra đáng tiếc, làm lũng đoạn khối đoàn kết của dân tộc mà lỗi ấy do thực dân và Việt Cộng bày kế ly gián gây thảm họa đau thương cho đồng bào, điều mà chính phủ Cộng Hòa Việt Nam không bao giờ muốn.

Thời gian ly khai ấy, tôi đã nhận thấy sự dã tâm của bọn Việt Cộng lợi dụng đạo giáo để mưu nổi loạn, cũng như thực dân đã gián tiếp phá hoại nền an ninh và trật tự của xứ sở Việt Nam.

Đã quá rõ ràng bọn Thực-Cộng là những kẻ ngoan cố, khoác chiêu bài liên kết lợi dụng danh nghĩa đạo, phá hoại nền an ninh, chận ngăn sức tiến triển của chánh thể Cộng Hòa, thêm vào đó cố tình gây hố chia rẽ giữa chánh phủ, nhân dân và chúng tôi, để hầu có cơ hội thôn tính Miền Nam.

Tôi đã vô tình hiểu lầm bọn trên, nên đã đi trái với nguyện vọng của toàn dân. Ngày nay chính nghĩa Cộng Hòa trên mục tiêu CHỐNG THỰC BÀI CỘNG TIÊU DIỆT BỌN PHIẾN LOẠN do vị lãnh tụ cương quyết và sáng suốt NGÔ ĐÌNH DIỆM dẫn dắt đã đi đúng với nguyện vọng của toàn dân, và hợp với giáo lý chân truyền của Đức Huỳnh Giáo Chủ, vì thế tôi cùng toàn bộ sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ từ nay nhận thấy lỗi lầm ấy, nên quyết định trở về phụng sự với chính phủ.

Tôi cần phải có bổn phận xác nhận lập trường của tôi lẫn chung quân sĩ thuộc hạ đối với chính phủ do Ngô tổng thống lãnh đạo và đồng thanh tuyên bố

Trên đường kiến quốc chung bằng ý thức phụng sự Dân tộc và Tổ quốc chúng tôi nguyện hứa :

— Triệt để chống Cộng, bài Thực để đưa đồng bào đến chỗ an ninh, trật tự suốt vùng Đồng Tháp Mười và trên toàn cõi Việt Nam.

— Triệt để ủng hộ chính phủ do Ngô tổng thống lãnh đạo.

— Đập tan mưu mô hiệp thương tổng tuyển cử của bọn Việt Cộng độc tài khát máu.

— Đặt toàn bộ quân sĩ thuộc hạ của tôi dưới quyền sử dụng của chính phủ.

— Thành khẩn phụng sự cho chính phủ và nhất định thẳng tay trừng trị lẫn tiêu diệt dư đảng phiến loạn còn trong nước và ngoài ranh giới, bè lũ tay sai cho bọn thực dân và đế quốc đỏ.

— Tuyệt đối tuân hành mệnh lệnh của chánh phủ để tiêu diệt bọn người phá đạo, phản Thầy, phản cách mạng và phản dân tộc.

— Triệt để tham gia cuộc tổng tuyển cử quốc hội ngày 4-3-1956.

— Quyết tâm tranh đấu đứng trên lập trường của Ngô tổng thống để xứng đề xứng đáng là một tín đồ trung thành của Đức Thầy.

Tôi tha thiết kêu gọi anh em phật giáo Hòa Hảo hãy đoàn kết lại noi theo lời tuyên bố của Đức thân sinh của Đức Thầy, đứng sau lưng Ngô tổng thống để cương quyết thanh trừng bọn phản đạo và tiêu diệt bọn Thực-Cộng để xây đắp nền tự do dân chủ và độc lập phú cường cho đất nước ».

Tới ngày 7-3-56, một buổi lễ tiếp thâu ông Trần văn Soái và binh đội của ông đã được tổ chức tại Cái Vồn để chấm dứt cuộc đời hoạt động quân sự và chính trị của ông. Ít lâu sau, ông Soái và gia đình trở lên Saigon sống bình thường như những người dân khác.

Cuộc trở về của ông Soái đã làm cho tình hình miền Tây lắng dịu hẳn

g. Cuộc hành quân đánh lực lượng ly khai Cao Đài 11-3-56 — 24-3-56

Sư đoàn 15 khinh chiến được chỉ định mở cuộc hành quân chót về phía Đông Bắc Đồng Tháp mệnh danh là hành quân Thăng Long khai diễn ngày 11-3-56. Cuộc hành quân này có mục đích tiêu diệt những phần tử Cao Đài ly khai tại vùng bất an

Vài cuộc đụng độ khá quan trọng đã xảy ra quanh vùng Trà Cú Thượng. Ngày 15-3-56, quân đội chính phủ bắt được một trung tá Cao Đài tên Huỳnh văn Liễu

Từ ngày 19-3-56 dẫn về sau, các cuộc hành quân của quân đội quốc gia tại vùng tạm an chuyển thành các hoạt động tảo thanh địa phương và các hoạt động hành chánh nhằm kêu gọi dân chúng hồi cư.

*** Kết quả hành quân Thăng Long :**

— Tổn thất đối phương

- — Chết : 63
- — Tù binh : 60
- — Vũ khí tịch thu : 33 súng đủ loại

— Tổn thất quân chính phủ :

- — Chết : 11
- — Bị thương : 20
- — Mất tích : 2
- — Vũ khí mất : 22 súng trong đó có 1 súng cối

Ngày 24-3-56, một số tàn quân Cao Đài ly khai ra quy thuận gồm 56 người mang theo 47 vũ khí đủ loại.

Sau vụ quy thuận tập thể này, cuộc hành quân Thăng Long chấm dứt. Nhưng chiến trường Đồng Tháp chưa yên hẳn và luôn luôn sôi động với các hoạt động của Việt Cộng cấu kết với các phần tử ly khai còn lại. Tại đây, bọn chúng đã lợi dụng được miền biên giới bao la và bỏ ngỏ làm nơi trú ẩn và hoạt động. Các đơn vị quân đội quốc

gia đã phải vất vả thường xuyên để mở các cuộc hành quân tảo thanh nhưng không sao tiêu trừ hết được.

Ngoài nỗ lực quân sự, chính quyền quốc gia ra công thiết lập các tỉnh quận và các đường lộ giao thông để dễ cai trị và phát triển về nông nghiệp tại những cánh đồng bát ngát và phẳng phiu của miền Đồng Tháp vậy. Các tỉnh Kiến Tường, Phong Thạnh cùng con đường chiến lược và kinh tế từ Cai Lậy vào Mộc Hóa đã được thiết lập và mở mang vào thời gian này.

h. Các cuộc hành quân đánh lực lượng Ba Cụt : 5-1-56 — 31-5-56

△ LỰC LƯỢNG BA CỤT.

Mặc dù bị phân tán bởi chiến dịch Đinh Tiên Hoàng, quân Ba Cụt vẫn còn khả năng hoạt động và vẫn là một lực lượng võ trang đáng ngại cho chiến dịch Nguyễn Huệ.

Để chỉnh đốn tổ chức và phân định chiến trường hoạt động, Ba Cụt cho chia vùng Hậu Giang ra làm bốn khu chiến với sự bố trí lực lượng như sau :

1) Khu Giồng Riềng (Rạch Giá) : khoảng 200 người có Tiểu đoàn 21 đóng tại Bắc Giồng Riềng.

2) Khu Ba Thê : khoảng 400 người có Tiểu đoàn Hồng Châu đóng vùng Thới Long (Cần Thơ), Đại đội 30 Dân xã đóng trên kinh Bốn Tổng, đại đội đặc biệt đóng trên kinh Tri Tôn.

3) Khu Hà Tiên : khoảng 200 người có Tiểu đoàn chủ lực Thất Sơn đóng tại Vĩnh Phú.

4) Khu Châu Đốc : khoảng 400 người có Tiểu đoàn 19 đóng tại Tân An, Tiểu đoàn 7 đóng tại Phú Hữu, Tiểu đoàn 20 tại Vĩnh Ngươn, Đại Đội 31 Dân xã, Đại đội 2 phòng vệ đóng tại vùng kinh Thần Nông, Tiểu đoàn Phan Thanh Giản tại Mương Kinh dọc theo bờ sông Tiền Giang, Tiểu đoàn Lê Văn Duyệt đóng vùng rạch Sở Thượng.

Ngoài số quân trên, Ba Cụt còn bốn trung đoàn chủ lực đóng di động khắp khu vực của mình. Đó là :

— Trung đoàn Bắc Tiến còn khoảng trên 200 người.

— Trung đoàn Nguyễn Huệ gồm cả vào Tiểu đoàn 202, vì các Tiểu đoàn 201, 202, và 204 sau các lần thất bại đã bị giải thể, còn lối 200 người.

— Trung đoàn Lê Quang còn lối trên 300 người.

— Trung đoàn Lê Lợi khoảng 100 người.

Ba Cụt gọi bộ đội của mình là lực lượng Nghĩa quân cách mạng hoạt động trong Việt Nam Dân chủ Xã hội đảng gọi tắt là Dân Xã Đảng. Ông tự phong cho mình là trung tướng giữ chức tổng tư lệnh quân lực Dân Xã Đảng. Điểm này cho thấy là ông đã hoàn toàn nghịch ý với ông Trần văn Soái vì ông đã có một lập trường riêng và một tư tưởng chính trị riêng.

Vào lúc chưa xảy ra cuộc chiến tranh với chính phủ, ông đã củng cố lực lượng Dân Xã Đảng. Lực lượng này đã có ở các tỉnh đảng bộ và quận bộ thuộc 6 tỉnh miền Tây : Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sa Đéc, Rạch Giá và Hà Tiên. Nghĩa là ông đã lập đảng bộ cả tại những vùng thuộc sự thống quản của ông Soái.

Ông lại còn có tham vọng lập ra một mặt trận mang danh là Mặt trận giải phóng quốc gia Việt Nam (6) để chống đối ông Diệm. Trong sự chống đối này, ông không nhìn nhận hiệp định Genève mà chỉ yêu cầu ông Diệm phải chấp nhận quyền hợp pháp hoạt động chính trị cho toàn thể đảng phái quốc gia để qui hoàn sự chiến đấu trên mọi phương diện cho việc thống nhất đất nước. Ông được sự giúp đỡ đắc lực của người vợ thứ tên là Cao thị Nguyệt là con một nhà danh gia vọng tộc quê ở Thốt Nốt.

Sau các cuộc hành quân của chiến dịch Đinh Tiên Hoàng, lực lượng của ông bị tan rã khá nhiều, chỉ còn khoảng 2.000 người.

Đám tàn quân này đã mệt mỏi lại không nghỉ ngơi phải hứng chịu liên tiếp các cuộc tấn công của trên hai sư đoàn được tăng cường thêm nhiều phương tiện khác nữa.

△ HÀNH QUÂN GIỒNG RIỀNG
5-1-56 — 8-1-56

Sư đoàn 11 khinh chiến được giao phó mở cuộc hành quân vùng Giồng Riềng để tiêu diệt các Trung đoàn Lê Quang và Nguyễn Huệ.

Vì cuộc hành quân tổ chức quá gấp rút, thiếu phương tiện vận tải, nên cuộc tấn công bị trì chậm khiến quân của Ba Cụt nhờ thế trốn thoát.

(6) Đừng nhầm với Mặt trận giải phóng miền Nam của Việt Cộng mãi tới ngày 20-12-1960 mới thành lập.

△ HÀNH QUÂN CÀ MAU BẮC
10-1-56

Sau khi bị Liên đoàn nhảy dù truy kích ngày 12-12-55, Trung đoàn Lê Quang trốn thoát về ẩn trú tại vùng U Minh Thượng.

Trung đoàn 33 và các đơn vị địa phương cùng tiểu đoàn Bảo an đoàn của ông Lâm quang Phòng có nhiệm vụ làm một phòng tuyến chặn ngoài khu rừng U Minh Thượng không cho đối phương thoát về vùng Giồng Riềng.

Vào đêm 8-1-56, quân Ba Cụt đột nhập xóm Thầy Quân bắt mất thiếu úy Bùi quang Thừa và các nhân viên hành chánh mang đi mổ bụng.

Sáng ngày 10-1-56, Tiểu đoàn 1/36 được phái đi tìm xác, bất đồ lọt vào ổ phục kích khiến cho :

- — 40 chết trong đó có 3 sĩ quan
- — 44 bị thương trong đó có 2 sĩ quan
- — 85 vũ khí bị mất trong đó có 2 cối 81 ly, 2 cối 60 ly và 1 đại liên
- — 1 máy truyền tin SCR 300 và 3 AN/PRC 6 bị mất.

Quân Ba Cụt còn bắt được một số binh sĩ nhưng thả ngay sau đó.

Đây là trận thứ hai sau trận Giồng Riềng (tháng 12-1955), quân của Trung đoàn Lê Quang đã chiến thắng trước quân đội quốc gia. Trung đoàn này được coi là một đơn vị thiện chiến nhất của Ba Cụt và thuộc quyền chỉ huy của trung tá Hòa Hảo Nguyễn Thời Rê.

Để biện minh trước sự thất bại này, trung đoàn trưởng Trung đoàn 33 cho biết : « Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1/36 là đại úy Trần Hữu Hạnh đã khinh xuất tiến quân quá mục tiêu ấn định tới 11 cây số, nên khi bị đánh các đơn vị bạn không hay biết để tiếp viện ». Nhưng đây là một cuộc hành quân mà nhiệm vụ chính được ấn định là đi tìm xác bạn. Do đó, cấp chỉ huy thừa hành khó lường được giới hạn hoạt động của mình. Các binh sĩ dưới quyền đại úy Hạnh cho rằng vị tiểu đoàn trưởng của họ không cho binh sĩ lục soát cẩn thận nên đơn vị mới bị lọt vào ổ phục kích. Cuộc giao tranh đã diễn ra rất mau lẹ vì hỏa lực địch rất mạnh mẽ từ ba mặt bắn vào một chỗ. Bên quân chánh phủ vì bị bất ngờ nên đã bị thiệt hại nặng như vậy. Đây là một trận thua lớn của quân đội quốc gia vào thời kỳ này trước quân của ông Ba Cụt.

△ HÀNH QUÂN THẠNH MỸ TÂY
13-1-56 — 14-1-56

Được tin độ 150 quân Ba Cụt về thu thuế lúa của dân chúng ở vùng Thạnh Mỹ Tây, Bộ tư lệnh Sư đoàn 4 đã chính được giao phó tảo thanh vùng này.

Lực lượng hành quân chia làm 5 cánh theo các bờ kinh tiến vào rạch Cần Thảo.

Đây là một cuộc hành quân đêm, đi từ điểm xuất phát tới vùng hành quân phải trải qua một lộ trình dài 15 cây số.

Để giữ bí mật, cánh quân được xe chở đến điểm xuất phát lúc chiều mờ tối ngày 13-1-56 và di chuyển ban đêm không được nghỉ.

Tiểu đoàn 2/12 do đại úy Bùi Đức Điềm là tiểu đoàn trưởng đã tới mục tiêu là rạch Cần Thảo lúc lờ mờ sáng ngày 14-1-56. Trong khi đó những cánh quân khác không tới được các mục tiêu ấn định bởi vì các cánh quân này dừng nghỉ dọc đường nên đã tới trễ.

Vào lúc này, lúa vừa gặt xong. Các cánh đồng đều trống trải và khô ráo. Các đống lúa và đống rạ còn xếp ngổn ngang bên các bờ rạch.

Tại rạch Cần Thảo, một đơn vị cận vệ của Ba Cụt nằm ngủ rải rác trong những đống lúa và đống rạ, đến nỗi khi một đại đội của tiểu đoàn trên bước qua cũng không biết hoặc nếu có một vài tên biết thì cũng nằm yên cho đơn vị trên vượt qua. Thực vậy, cả đơn vị thuộc Tiểu đoàn 2/12 đi qua đầu địch mà không hay biết gì cả, vì trời còn tối.

Khi trời vừa lờ mờ sáng, đơn vị cận vệ Hòa Hảo này bắt buộc phải nổ súng vì bị lộ. Phát nổ đầu tiên của chúng đã sát hại một trung úy của tiểu đoàn. Một trận cận chiến đã xảy ra với bộ chỉ huy tiểu đoàn đi sau đại đội kể trên. Bộ chỉ huy tiểu đoàn bị có thể nhưng nhờ đại đội đi phía trên kịp quay trở lại đánh áp đối phương vào giữa. Đơn vị của Ba Cụt không chịu đựng nổi phải chạy tản ra đồng. Nhờ đồng quang, Tiểu đoàn 2/12 đã tiêu diệt gần trọn đại đội cận vệ kể trên.

Kết quả bên Ba Cụt 30 chết, vũ khí bị tịch thu 17 khẩu trong đó có 1 bích kích pháo LG 50 — bên quân chánh phủ 4 chết trong đó

có 1 trung úy, 10 bị thương.

Đây là một trận đánh đêm có kết quả nhất.

△ HÀNH QUÂN CHÂU PHÚ BẮC.
21-1-56 — 25-1-56

Trung tuần tháng 1-1956, vùng Châu Phú Bắc, khu đất phía Bắc Châu Đốc giáp ranh Cao Miên bị áp lực mạnh của quân Ba Cụt lợi dụng địa thế thuận lợi quấy rối các đồn biên giới.

Sư đoàn 4 được chỉ thị mở cuộc tảo thanh chia quân làm hai cánh mỗi cánh 1 trung đoàn.

Ngày thứ nhất tảo thanh khu vực sông Châu Đốc và khu vực dọc theo kinh xáng Châu Đốc tới quận Tân Châu.

Ngày thứ hai tảo thanh khu tả ngạn sông Bassac từ đồng Cô Vi đến kinh xáng Tân Châu.

Ngày thứ ba tảo thanh vùng phía Bắc quận Tân Châu.

Chỉ có một cuộc đụng độ nhỏ xảy ra. Cuộc hành quân coi như đã thất bại theo như tờ trình của Sư đoàn 4 đã chiến:

— Ta không đủ phương tiện để đưa quân mau đến biên giới chận hậu địch.

— địa thế lại rất khó khăn, chỗ thì toàn là lau sậy, chỗ thì sình lầy nước ngập.

Những yếu tố trên đã làm cho các cánh quân không bao giờ vây kín được quân đối phương khiến họ có đủ thì giờ vượt qua biên giới tẩu thoát hoặc ẩn núp trong các khu rừng lau rậm rạp.

Tóm lại, cuộc hành quân này chỉ đạt được mục đích giải tỏa các đồn địa phương khỏi áp lực của đối phương. Một khi chủ lực quân rút khỏi thì chỉ trong một thời gian ngắn quân địch lại từ biên giới Cao Miên kéo về hoạt động như trước.

△ HÀNH QUÂN TÂY NAM SA ĐÉC
23-1-56 — 25-1-56

Sau những cuộc hành quân đại quy mô do chiến dịch Đinh Tiên Hoàng tung ra, tình hình trong Tiểu khu Sa Đéc tiến triển rất khả quan, nhưng còn một vùng rộng lớn giữa khu tứ giác : Cái Dứa — Tân Phú Trung — Lai Vung — Hòa Long chưa kiểm soát được.

Quân Hòa Hảo có khoảng 350 người thuộc Trung đoàn Huỳnh Đức do một thiếu tá Hòa Hảo tên là Huỳnh văn Đây chỉ huy. Vùng này là Chiến khu 2 thuộc Liên khu Hậu Giang của Soái.

Ở trong vùng tứ giác này có một tiểu đoàn Hòa Hảo thuộc quyền chỉ huy của trung tá Nguyễn văn Huệ. Bộ chỉ huy hành quân được chỉ thị không được phạm vào khu vực chiếm đóng này.

Cuộc hành quân đặt thuộc quyền chỉ huy của Phân khu Vĩnh Long với một lực lượng tham chiến gồm có Trung đoàn 40 thuộc Sư đoàn 14, 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến và các đơn vị Bảo an đoàn của Tiểu khu Sa Đéc.

Cuộc hành quân chia làm hai giai đoạn :

— *giai đoạn 1* : hoàn thành vòng vây bao quanh khu tứ giác một cách âm thầm.

— *giai đoạn 2* : tấn công vào vị trí đối phương, càn quét vùng Long Thắng dài theo rạch Cái Răng và rạch Cái Chanh, thâu hẹp vào đìa Xanh để càn quét và truy nã những phần tử lẻ tẻ, giai đoạn thứ hai sẽ làm đối phương chạy tán loạn mất tinh thần và dấu súng lên trốn.

Giai đoạn hai này chia làm ba thời kỳ :

— *Thời kỳ một :* tấn công vị trí địch ở ấp Long Thắng và kinh Pellé thâu hẹp vòng vây quanh đìa Xanh.

— *Thời kỳ hai :* Càn quét và tiêu diệt địch quanh vùng đìa Xanh.

— *Thời kỳ ba :* Dừng quân ở những điểm trọng yếu, ban đêm tung ra các ổ phục kích để truy nã những phần tử đối phương lẻ tẻ và khai thác tin tức tìm vũ khí.

Để thực hiện ý định trên, lực lượng hành quân chia quân làm bảy cánh để vừa làm nhiệm vụ bao vây vừa tấn công vào vị trí của đối phương.

Trong cuộc hành quân này, quân chính phủ chỉ đụng trận có ba lần :

— lần thứ nhất xảy ra tại Tân Phú Trung khiến cả hai bên đều thiệt hại nhẹ.

— lần thứ nhì, do một cánh quân khác chạm súng tại vùng kinh Bông Súng, tịch thu được một vài vũ khí.

— lần chót, do một cánh quân hoạt động lục soát tại rạch Cái Mít tịch thu được 9 khẩu súng, thực ra không có đụng độ.

Cuộc hành quân, xem như vậy, không có kết quả khả trợ, vì các đơn vị đối phương đã kịp thời tẩu tán hết. Theo như lời nhận xét

của thiếu tá Huỳnh văn Tồn, tiểu khu trưởng Tiểu khu Sa Đéc, ông cho rằng bên quân đội chính phủ đã phạm vào ba khuyết điểm chính

1) Lệnh hành quân không được triệt để thi hành trường hợp một cánh quân nhờ GAO (7) báo cáo láo là đã đến điểm ấn định, nhưng thực ra còn cách điểm này rất xa, nên khi một cánh quân khác đụng địch ở kinh Bông Súng, bộ chỉ huy hành quân chỉ thị cánh quân ở trên tiếp ứng chặn địch. Cánh quân này đã không thi hành được mệnh lệnh để địch chạy mất vì còn ở rất xa.

2) Chiến đấu không quen của binh sĩ Trung đoàn 40 - đơn vị này ở miền Trung đưa vào hành quân ở miền Nam nên không quen địa thế, không quen chiến đấu trong miền sông rạch và lội nước nên đã rất chậm chạp làm ngưng trệ cuộc hành quân.

3) Thời gian hành quân quá ngắn không giúp ta tiêu diệt và tìm đoạt vũ khí của loạn quân.

△ HÀNH QUÂN GIỒNG RIỀNG
1-2-56 — 8-2-56

Trong các chiến dịch dẹp loạn, đây là cuộc hành quân thứ ba được mở tại đây.

Trung đoàn Lê Quang từ vùng U Minh Thượng đã rút về đóng chung với một phần của Trung đoàn Nguyễn Huệ trong khu tứ giác - Giồng Riềng — Ngọc Hà — Hòa Lợi — Chùa Thọ tạm gọi là vùng Bàn Cờ.

Vị trí của Trung đoàn Lê Quang đóng dọc theo kinh Thầy Cai và kinh Tư Thăng.

Bộ chỉ huy Khu chiến miền Tây giao phó cho Sư đoàn 11 mở cuộc hành quân.

Việc chuẩn bị hành quân và cách thức giữ gìn bí mật so với những lần trước đã có nhiều kinh nghiệm. Vị sư đoàn trưởng là trung tá Lê Quang Trọng chỉ họp hành quân sau đó, ra lệnh viết vắn tắt để bảo toàn bí mật.

Theo quan niệm hành quân, bên chính phủ cho một bộ phận quấy rối lục soát ồ ạt để đối phương chú ý và lầm tưởng chỉ có một mặt, trong khi đó các cánh quân chủ lực của chính phủ di chuyển tới bằng mặt khác. Để bảo mật lực lượng hành quân chỉ di chuyển ban đêm còn ban ngày ẩn núp nghỉ.

Các cánh quân chủ lực được chia làm ba cánh .

1) Liên đoàn Cảnh do thiếu tá Cảnh chỉ huy gồm các Tiểu đoàn 1, 19 và Tiểu đoàn Chà (8).

2) Liên đoàn Lương do thiếu tá Lương chỉ huy gồm các Tiểu đoàn 5, 13 và 3.

3) Liên đoàn Thanh do thiếu tá Thanh chỉ huy gồm các Tiểu đoàn 11, 520.

Liên đoàn Cảnh từ Cái Trầu di chuyển bằng xuồng đến ấp Hòa Đông. Liên đoàn Lương từ kinh Cái Bè di chuyển bằng xuồng đến ấp Hòa Mỹ. Liên đoàn Thanh từ Thốt Nốt dichuyển ngang Cờ Đỏ, tảo thanh vùng Thới Đông.

Tuy nhiên, chung cả cuộc hành quân cũng chỉ có ba cuộc chạm súng không quan trọng lần thứ nhất tại ấp Hòa Mỹ, lấy được 3 súng trường — lần thứ hai tại ấp Hòa An, lấy được 1 súng trường — và lần thứ ba theo kinh Ô Môn đến kinh Bảy Ngàn, giao phong khá dữ dội khiến đối phương tử thương 2 tại chỗ, bỏ lại hai súng cối 81 ly và 60 ly với một tiểu liên.

Kết quả không lấy gì làm khả qua là vì binh sĩ của lực lượng hành quân di chuyển ban đêm rất kém, không quen thuộc đường lối và không nhận định được địa hình.

△ HÀNH QUÂN CHÂU PHÚ BẮC
LẦN THỨ HAI
22-2-56 — 24-2-56

Cần nói rõ vùng Châu Phú Bắc là một khu tứ giác giới hạn bởi các sông Bassac, Mékông, kinh xáng mới Tân Châu và biên giới Miên-Việt.

Nếu tấn công từ kinh xáng mới Tân Châu lên phía Bắc, quân Hòa Hảo ở phía Đông Tân An và Núi Nổi sẽ rút qua sông sang vùng Thường Phước hay là rút về kinh Thần Nông vùng Hòa Hảo ; quân ở phía Tây sẽ rút qua biên giới Cao Miên về hướng núi Angkor Boroy.

Nếu dùng cầu đổ bộ lên hai bờ sông phía Tây sông Mékông và phía Đông sông Bassac, quân Hòa Hảo ở các vùng Phú Hữu đồng Cỏ Vi sẽ rút theo ngọn rạch Cỏ Lau sang biên giới Cao Miên.

Theo địa thế đối với tháng 2 dương lịch này, các vùng trên đã khô ráo, nên sự di chuyển bằng đường bộ của địch quân rất dễ

(7) Phi cơ quan sát liên lạc và hướng dẫn cho các đơn vị bộ binh theo chỉ thị của bộ chỉ huy hành quân.

(8) Tiểu đoàn Chà là một đơn vị quy tụ những hồi chánh viên. Họ ăn mặc như địch để dễ bề hoạt động trong vùng địch.

dàng. Tuy vậy, sự rậm rạp của cây cỏ rất nhiều, đã hạn chế sự quan sát của tầm mắt.

Sau cuộc hành quân ngày 21-1-56, tình hình vùng này vẫn còn nghiêm trọng. Các đơn vị Hòa Hảo từ biên giới kéo về tiếp tục uy hiếp các đồn bót. Quân trong đồn ít khi đi ra ngoài được. Cách trước cuộc hành quân trên một tuần lễ, loạn quân đã bắn chết viên thiếu úy đồn trưởng Tân An, là một đồn ở sát biên giới trên bờ sông Mékông, khi vị sĩ quan này vừa rời khỏi đồn ra tới chợ chỉ cách đồn có 200 thước.

Tuy tình hình nghiêm trọng như vậy mà hàng ngày chợ vẫn họp đông, sinh hoạt dân chúng bình thường như không có gì xảy ra. Đây là xứ mà dân chúng sống nghề chăn tằm dệt cửi. Suốt dọc sông Mékông từ đồn biên giới tới quận Tân Châu đều trồng dâu. Các luống dâu luôn luôn xanh mơn mởn vì đất phù sa màu mỡ vun bón; trong làng các cô con gái hiền dịu suốt ngày ngồi trên khung cửi. Nghề chăn tằm dệt cửi là nghề chính tại nơi này.

Có ai ngờ đâu giữa những khung cảnh đẹp và nên thơ này, một cuộc chiến tranh khủng khiếp đã diễn ra.

Cuộc chiến tranh khủng khiếp này là một thứ chiến tranh du kích mà Hòa Hảo đã áp dụng như sau:

— Nếu quân chính phủ dùng bộ binh tiến vào vùng này, họ dùng ghe thuyền đánh cá trốn ra các cù lao trên sông Mékông.

— Nếu quân chính phủ dùng đường thủy, họ từ các cồn trốn lên đất liền, và nếu chính phủ mở một cuộc hành quân lớn gồm cả thủy bộ, họ kéo qua biên giới.

— Nếu quân chính phủ đóng đêm ở trên mảnh đất này thì phải coi chừng các phần tử Hòa Hảo núp trong các luống dâu rậm rạp để bắt cóc các quân nhân đi lẻ tẻ, hay họ còn bò tới vị trí đóng quân để bắt hay ám sát những binh sĩ ngủ mệt. Thực là khó đóng đêm tại nơi đây nếu không nhẫn tâm phá những luống dâu của dân.

Để mở cuộc hành quân vào vùng Châu Phú Bắc lần thứ hai này, Sư đoàn 4 đã chiến do đại tá Tôn Thất Xứng làm tư lệnh lại được chỉ định nhận lãnh nhiệm vụ. Rút kinh nghiệm thất bại lần trước, lần này sư đoàn trù liệu thêm nhiều quân để có thể chặn hậu địch tại biên giới.

Cả ba trung đoàn cơ hữu được điều động tham dự, chia quân làm ba cánh:

— Trung đoàn 10 xuất phát từ phía Tây kinh xáng mới Tân Châu tiến lên phía Bắc.

— Trung đoàn 11 xuất phát từ phía Đông kinh xáng mới Tân Châu cũng tiến ngược lên phía Bắc.

— Trung đoàn 12 chia làm hai toán. — 1 toán được tàu hải quân chuyên chở đổ quân lên phía Đông khu tứ giác gần đồn biên giới Tân An; — 1 toán được đưa xuống đổ quân lên Tây sông Bassac ngang phía biên giới. Cả 2 toán quân này có nhiệm vụ tiến dọc theo biên giới rồi mở cuộc càn quét về phía nội địa.

Mục đích của cuộc hành quân này là bao vây và lùa đối phương vào khu trung tâm tứ giác để tiêu diệt.

Nhờ địa thế rậm rạp khó di chuyển, quân đối phương đã kịp thời lẩn trốn, chỉ có một cuộc đụng độ khá quan trọng xảy ra tại rạch Cỏ Lau.

Thực ra, cuộc đụng độ này xảy ra do một sự tình cờ buộc họ phải giao chiến, chứ không phải lực lượng hành quân đã bố vây được để buộc họ phải chấp nhận giao tranh.

Câu chuyện đã xảy ra như sau:

« *Một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 12 được đổ quân lên phía Tây khu tứ giác, tiến theo dọc biên giới, binh sĩ đi theo một con đường mòn đã có nhẵn vết chân người để vừa làm chuẩn khỏi bị lạc sang bên kia biên giới và để vừa dễ đi.*

Khoảng 10g sáng, đơn vị tới rạch Cỏ Lau sau hơn hai tiếng đồng hồ di chuyển, và chia quân tiến theo hai bên bờ rạch về phía nội địa. Một toán tiền phong gặp một vài bóng địch chạy, nhưng vì cỏ lau dày đặc che khuất tầm mắt nên bắn không trúng. Tuy nhiên, những người bỏ chạy này đã ném lại các xách vải đựng toàn đạn dược. Cuộc hành quân theo con rạch vô sự. Các cánh quân được thu về đóng sát biên giới để chờ lệnh.

Buổi trưa khi cơm nước xong xuôi, vị tiểu đoàn trưởng thấy khúc ngọn rạch Cỏ Lau ăn về phía Cao Miên chưa được khám phá. Ông liền ra lệnh cho một đại đội làm công việc này. Đại đội này vừa xuất quân khỏi nơi đóng chừng 300 thước, bất đồ súng nổ tới tấp. Đại đội bị bất ngờ nhưng nhờ được súng cối 81 ly của tiểu đoàn cấp thời yểm trợ nên thoát hiểm. Các làn đạn trọng pháo tuy vậy cũng không dám bắn vào mục tiêu bởi vì các mục tiêu bị che khuất trong lau sậy nên chỉ bắn phía xa

sự lầm vào quân bạn. Một đại đội khác được chỉ định vượt bên bờ đối nghịch với bên bờ đang tác chiến để bọc hậu. Nhờ được sự rậm rạp của cỏ lau che khuất, đại đội này đã tiến tới nơi địch một cách dễ dàng. Từ ngọn rạch Cỏ Lau bên này không thể băng qua được, đại đội tiếp cứu đã đặt được một khẩu đại liên bắn chận hậu vào địch một cách hiệu quả.

Trước tình hình này, đám quân Hòa Hảo nao núng. Bỗng nhiên, bên quân chính phủ thấy một người đàn ông vạm vỡ bên địch cầm muỗng vải trắng phất ra hiệu đầu hàng. Rồi trong đám sậy, người đàn ông này xuất hiện nguyên hình bên cạnh một người đàn bà mặc đồ đen và một con chó bẹc giê. Một số người khác lố nhố ở phía sau.

Bên quân đội cho ngưng bắn để bắt đầu chuẩn bị cho một sự tiếp nhận đầu hàng.

Đám Hòa Hảo nhờ một vài phút ngưng bắn này đã thoát khỏi vùng đạn đạo nguy hiểm của khẩu đại liên trên. Những người đứng lộ ra phất cờ sau đó cũng lẫn vào cỏ lau trốn mất sang biên giới. Người đàn ông nhanh trí trá hàng của đối phương là ông Trương Kim Cù, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 7 Hòa Hảo. Cũng khen thay cho ông này can đảm.

Tuy nhiên, trong trận này, đối phương cũng bỏ lại trận 11 xác, 2 vũ khí bị tịch thu cùng nhiều đạn dược và thuốc men, có lẽ số người chết còn nhiều hơn vì các đơn vị quân đội không thể vượt biên giới để phối kiểm. Bên chính phủ có 1 chết với 10 người khác bị thương.

I. Các cuộc thương thuyết với ông Ba Cụt.

Những nơi nào có tin loạn quân Hòa Hảo tới là lập tức quân chính phủ mở ngay cuộc hành quân vào. Những cuộc hành quân này thường ít chạm súng nhưng đã gây cho tinh thần quân đối phương hết sức căng thẳng, những binh sĩ Hòa Hảo nhát sợ dần dần đào ngũ về quy thuận để cầu an.

Ba Cụt cảm thấy lực lượng của mình mỗi ngày một suy yếu xuyên qua những cuộc hành quân mỗi lúc một gia tăng của quân đội quốc gia.

Sự quy thuận của khối ông Trần văn Soái làm cho khối nghĩa quân cách mạng của ông càng thêm hoang mang.

Cũng như đối với ông Trần văn Soái, chính phủ quốc gia vẫn tìm cách đưa Ba Cụt về.

Do đó, giữa hai bên chính phủ và ông Ba Cụt đã có những sự liên lạc để tìm cách đưa quân của ông về hợp tác.

Một mặt, Ba Cụt tiếp tục điều đình.

Nhưng một mặt với đầy tự ái và kiêu hãnh cá nhân, ông vẫn nuôi dưỡng một ý chí chiến đấu tích cực, vẫn bí mật cho đi một số chủ lực về khu Đồng Tháp chiếm lại một số đất đai do quân của ông Soái vừa bỏ về quy thuận. Tại đây, ông cho thiết lập một khu chiến thứ 5 mang tên là Khu chiến Đồng Tháp Mười do ông Nguyễn thời Rê, trung đoàn trưởng nổi danh của Trung đoàn Lê Quang phụ trách thành lập.

Những đơn vị được di về Đồng Tháp gồm có Trung đoàn Lê Quang, một tiểu đoàn của Trung đoàn Lê Lợi, Tiểu đoàn Lê Văn Duyệt, Đại đội 43 Dân xã, các Đại đội 1, 2, 3 và 4 phòng vệ phối hợp với những đơn vị cũ như Tiểu đoàn 7 của Trương Kim Cù v.v... thường trú đóng trong các vùng Châu Phú Bắc và Thường Phước. Nhờ địa thế, quân của ông có thể lợi dụng sự rậm rạp của rừng sậy ở cạnh biên giới để tẩu thoát khi quân chính phủ điều động tới và còn có thể lợi dụng được lằn ranh giới không địa hình địa vật thiên nhiên và khó nhận định này để quân đội của chính phủ phải dè dặt không dám xâm phạm hầu tránh những rắc rối có thể xảy ra với nước láng giềng.

Sau bao nhiêu ngày vận động, lần đầu tiên tức là ngày 29-2-56, ông Ba Cụt đã đến gặp đại sứ Nguyễn ngọc Thơ tại Cồn Tảo nằm trên sông Mékông cách quận Tân Châu lối 15cs về hướng Bắc.

Như trên đã kể, một số lớn các đơn vị của Ba Cụt được dồn về khu vực này để ủng hộ cho cuộc thương thuyết. Dường như bộ chỉ huy của Ba Cụt được đặt tại Thường Phước là một địa điểm ở sát biên giới. Tại đây họ dễ dàng vượt qua Cao Miên nếu quân chính phủ hành quân tới.

Về phía quân đội quốc gia, Bộ tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ cũng mang quân bố trí một vòng đai bao vây để chận các đường rút lui của quân Ba Cụt và để sẵn sàng tấn công vào khu Châu Phú Bắc—Thường Phước một khi cuộc thương thuyết trở nên bất thành.

Bên chính phủ đã huy động hai trung đoàn và một số tàu bè của hải quân vào nhiệm vụ này.

Cuộc hội thứ nhì được định vào ngày 4-4-56, nhưng cuộc hội này đã bất thành và ông Ba Cụt đã đưa ra những đòi hỏi quá đáng khiến bên chính phủ không thể chấp nhận

được.

*** Bản điều kiện của ông Ba Cụt.**

Ông Ba Cụt đưa ra một bản « điều kiện » để hưởng ứng sự quay trở về với chính phủ quốc gia nếu những điều nêu ra này đều được chấp nhận.

Nguyên văn bản « điều kiện » được viết như sau và do chính ông Lê quang Vinh tức Ba Cụt ký tên

1) Chánh phủ thừa nhận đảng VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI là một chánh đảng hợp pháp, được quyền hoạt động chánh trị theo nguyên tắc tự do, dân chủ trên toàn lãnh thổ Việt Nam (có tuyên ngôn, chương trình, điều lệ, mộc và cờ đính hậu) và ban hành chỉ dụ toàn quốc.

2) Chánh phủ và Dân Xã Đảng cùng nhau thỏa thuận công bố một bản thông cáo về lý do sự hợp tác. Thông cáo này được đăng tải trên Việt tấn xã, phát thanh và báo chí quốc nội cũng như quốc ngoại, thời gian một tuần lễ trước khi làm lễ hợp tác.

3) Chánh phủ bảo đảm an ninh cho toàn thể cán bộ chánh trị của đảng VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI.

4) Phóng thích tất cả chánh trị phạm do đảng V.N.D.C.X.H. nhìn nhận.

5) Không nhìn nhận hiệp định Genève, tống ban kiểm soát đình chiến ra khỏi nước Việt Nam. Tích cực chiến đấu trên mọi phương diện để qui hoàn nền thống nhất quốc gia Cộng Hòa, từ Cà Mau đến ải Nam Quan.

6) Với số vũ khí hiện có của lực lượng D.X.Đ. chánh phủ bổ sung thêm, để thành lập hai sư đoàn, đúng theo biên chế tổ chức hiện hành của Quân Đội Cộng Hòa Việt Nam.

— 1 sư đoàn Bắc Tiến.

— 1 sư đoàn địa phương lấy danh hiệu là Bảo an đoàn chịu trách nhiệm đóng đồn, giữ an ninh, trật tự và lưu thông khắp Miền Tây để dẹp cộng sản địa phương.

Hai sư đoàn này chịu dưới sự chỉ huy trực tiếp của trung tướng Lê Quang Vinh và trung tướng Lê Quang Vinh chịu hệ thống trực tiếp Bộ Quốc phòng.

7) Chánh phủ thừa nhận các cấp bậc thượng, hạ sĩ quan và cấp hiệu huy chương của quân lực Dân Xã Đảng thay vào cấp hiệu huy chương của chánh phủ hiện hữu và sĩ quan trực thuộc sư đoàn Bảo an đoàn cũng được mang cấp bậc, phù hiệu y như sĩ quan sư đoàn chánh quy Cộng Hòa Việt Nam.

8) Chánh phủ cung cấp số sĩ quan chuyên môn do trung tướng Lê Quang Vinh đề nghị xin, để bổ sung thành lập hai sư đoàn kể trên.

9) Thiết lập trung tâm huấn luyện tại Miền Tây để huấn luyện binh sĩ hai sư đoàn này, số sĩ quan Dân Xã Đảng được giới thiệu từng học tại trường Quân Chính thống nhất của chánh phủ mới có đủ số sĩ quan thành lập hai sư đoàn.

10) Khi đã thanh toán vấn đề cộng sản ở miền Tây, sư đoàn địa phương sẽ được luân phiên thay thế cho Sư đoàn Bắc Tiến.

11) Chánh phủ nhìn nhận trung tướng Lê Quang Vinh là là sĩ quan quân đội quốc gia V.N.C.H kiêm ủy viên trung ương đảng V.N.D.C.X.H

12) Lương bổng của hai sư đoàn này, chánh phủ phải cung cấp ngay kể từ ngày ký kết và cấp riêng một tháng tiền lương cho hai sư đoàn này, để an ủi binh sĩ.

13) Tái võ trang cho một số Bảo an Hòa Hảo để giữ an ninh trật tự vùng thánh địa. Hòa Hảo, Hưng Nhơn, Hiệp Xương, Bình Thạnh Đông, Phú An, gọi danh là Bảo an thánh địa Hòa Hảo.

14) Chánh phủ trợ cấp cho gia đình các tử sĩ và thương binh đã chiến đấu chống Thực Cộng dưới quyền chỉ huy của trung tướng Lê Quang Vinh, từ năm 1945 tới ngày nay.

15) Hưu chiến ngay khi có cuộc thương thuyết chánh thức của đôi bên chánh phủ và Dân Xã Đảng.

16) Bản doanh trung tướng Lê Quang Vinh đặt tại Long xuyên và Saigon và một bản doanh lưu động.

Ngày 2 tháng 4 năm 1956

Ký tên :

Trung tướng Lê Quang Vinh

Tổng tư lệnh Quân Lực Dân Xã Việt Nam».

k. Ba Cụt bị bắt : 13-4-56.

Sau cuộc thương thuyết bất thành, bên chính phủ mở cuộc hành quân Sở Hạ.

Một trung đoàn của quân chính phủ bố trí trong khu Châu Phú Bắc và một trung đoàn khác tấn công vùng Thường Phước xuất phát từ Hồng Ngự đi lên

Cuộc tấn công này mở ra ngày 8-4-56. Trung đoàn được lệnh tấn công vào Thường

Phước là Trung đoàn 41, tiến quân làm ba cánh : — 1 cánh từ rạch Sở Thượng tiến lên để khóa vòng vây : — 1 cánh khác bọc hậu tiến dọc theo sông Tiền Giang càn quét vùng kinh Bùi văn Bùi — và cánh thứ ba tấn công vùng kinh Thường Phước.

Cuộc tấn công này chỉ gặp một vài tiếng súng lẻ tẻ.

Tuy nhiên, các trung đoàn trên đã kéo dài sự đóng quân đúng một tháng mãi tới ngày 8-5-56 mới chấm dứt.

Trong suốt thời gian trên, lực lượng hải quân tuần tiễu thường xuyên trên sông Tiền Giang từ Hồng Ngự đến biên giới Miên — Việt.

Từ những ngày đầu của cuộc hành quân, ông Ba Cụt đã vượt ra khỏi vòng vây để bị bắt tại Chắc Cà Đao cách Long Xuyên 7 cây số vào ngày 13-4-56



Tướng Ba Cụt đang bị tạm giam tại bộ tư lệnh chiến dịch.

Người ta bảo rằng do kết quả của cuộc hành quân vây bắt này mà ông Ba Cụt đã bị sa lưới chính phủ. Thực ra, đây chỉ là một cuộc hành quân tảo thanh thông thường như những cuộc hành quân đã diễn ra từ trước đây, chỉ có một điều khác là bắt được ông giữa lúc có cuộc hành quân này và do ông từ khu vực hành quân này thoát ra.

Việc ông bị bắt hoàn toàn là một sự ngẫu nhiên, ngoài vòng phong tỏa của quân chính phủ.

Theo báo cáo của Bộ tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ, cuộc bắt Ba Cụt này đã được thuật như sau :

« ... *Cuộc thương thuyết thất bại, Ba Cụt len lỏi cùng một số sĩ quan cận vệ và tùy tùng trốn thoát vùng phong tỏa của quân ta. Từ vùng Thường Phước, Ba Cụt rút xuống Đồng Tháp và trú ẩn với lực lượng quân sự nghĩa quân cách mạng đóng tại vùng rạch Ba Răng.*

Ngày 11-4-56 vào lúc tối lâu, Ba Cụt và Thế Xương (đổng lý văn phòng Dân Xã Đảng) thiếu úy Vĩnh (bí thư của Ba Cụt), thiếu úy Tốc (sĩ quan cận vệ) và một số nhân viên cận vệ rời Đồng Tháp để về khu vực Long Xuyên với mục đích trốn thoát vùng phong tỏa.

[illegible] bọn dùng một xuồng và một ghe khởi hành từ ngọn rạch Ba Răng và tiến về phía Nam dọc theo sông Hậu Giang đến đồn Hòa Hảo (7 cây số Tây Bắc Chợ Mới) vào lúc 24 giờ và số cận vệ được để nghỉ đêm tại nơi đây.

Sáng ngày 12-4-56, Ba Cụt cùng Thế Xương qua sông, ngừng tại Xẻo Bưng (ấp Mỹ Thuận) để gặp người cậu ruột tên là Hoành và một số người khác bàn luận việc mua vũ khí và đạn dược.

Chiều hôm đó vào khoảng 18g, toán cận vệ còn lại rời khỏi cồn Hòa Hảo để theo Ba Cụt.

Khi toán này rời khỏi cồn Hòa Hảo độ 2 cây số và đang qua sông thì bị nhân viên biệt động đội Phòng Nhì trông thấy, xả súng bắn theo. Được báo động, quân đội quốc gia đóng ở Chợ Mới liền tổ chức ruồng bố để tìm bắt toán quân.

Bị động, Ba Cụt cùng đoàn tùy tùng rút xuống phía Nam vào lúc 21g00, riêng Thế Xương được lệnh Ba Cụt trở lên Đồng Tháp.

Xuồng và ghe chở Ba Cụt cặp theo hữu ngạn sông Hậu Giang và đúng nửa đêm thì cả bọn rẽ vào Đồng Xúc (Mỹ Hòa).

Nghỉ lại nơi đây, coi rằng đã ra khỏi cuộc ruồng bố của quân đội chính phủ, không ngờ đến 6g00 sáng 13-4-56, Ba Cụt và toán cận vệ bị quân đội quốc gia truy kích, nên vừa băng qua sông ngang vàm Chắc Cà Đao (trên bản đồ gọi Chắc Căn Đảo), vừa cập bến thì bị tiểu đội tình báo Bảo an bắt được.

Biết trước không thể chống cự được, Ba Cụt ra lệnh đầu hàng.

Ngoại trừ một sĩ quan và một binh sĩ chạy thoát, quân ta bắt được Ba Cụt với toán cận vệ gồm hai thiếu úy và sáu nhân viên, tịch thu được 3 súng lục, 4 các bin, một số tài liệu quan trọng với một số bạc tới bốn trăm ngàn đồng. »

Tại sao Ba Cụt lại để bị bắt một cách khá dễ dàng như vậy ?

Có lẽ trước hết, ông không ngờ rằng ở đây chỉ có một tiểu đội. Là một chiến sĩ gan dạ như ông, lại còn có những người cận vệ, theo nghĩa mà nói, phải là những phần tử thật dũng cảm để bảo vệ ông, chẳng lẽ ông chịu buông súng một cách dễ dàng như vậy.

Ít ra phải có một nguyên nhân nào đã thúc đẩy ông sớm có thái độ ấy.

Có thể tâm thần ông đã từ lâu bị mệt mỏi sau bao nhiêu ngày chinh chiến và lẩn trốn gian lao.

Có thể tâm óc ông còn bị ám ảnh bởi hình bóng của các cuộc thương thuyết vừa qua, tuy chưa thành tựu, nhưng cũng có thể thành tựu nếu ông chịu dẹp tự ái quay về với chính phủ quốc gia.

Bởi vậy, ông đã buông súng và nói với trung sĩ I Giầu là tiểu đội trưởng tiểu đội Bảo an đã bắt ông, là ông là trung tướng Lê quang Vinh về Long Xuyên để thương thuyết.

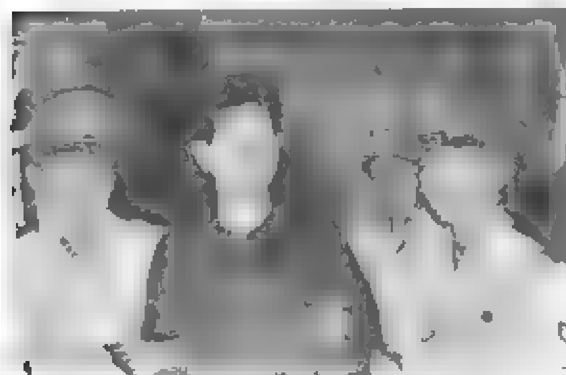
Do đó, mới có tin đồn trong hồi bấy giờ là ông về thương thuyết rồi bị bắt.

Bộ tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ xác nhận ông chỉ là một tù binh vì không có một cuộc thương thuyết nào với ông được trù liệu trong lúc ấy.

Tuy nhiên ông Ba Cụt vẫn tin tưởng với thành tích là một chiến sĩ quốc gia chống Cộng, sẽ được hưởng khoan hồng rộng rãi của chính phủ, nhưng có lẽ vì thành tích về thành ra bưng của ông quá nhiều khiến ông phải lên máy chém tại Cần Thơ sáng thứ sáu ngày 13-7-1956 sau ba lần ra trước tòa đại hình và tòa án quân sự (9).

Sau khi ông Soái trở về với chính phủ, ông Ba Cụt bị bắt, tình hình Miền Tây lắng dịu rõ rệt

Ông Ba Cụt vào những giờ phút chót



Sự an ninh đã được bảo đảm. Ngoại trừ những vùng xa xôi hẻo lánh, Việt Cộng còn hoạt động lẻ tẻ và chúng cố gắng vận động cho bằng được để len lỏi vào các cơ quan hành chánh, tìm mọi cách trực tiếp hay gián tiếp bảo vệ cho khối cán bộ của chúng ngấm ngầm hoạt động và âm mưu phá rối chính quyền

Do đó, vào những ngày cuối của chiến dịch Nguyễn Huệ, quân chính phủ đã mở một cuộc hành quân trong vùng U Minh để tranh thủ nhân dân và tái lập hành chánh cho vùng này.

Về phần quân Ba Cụt, ngày 24-4-56, Phan công Cần tức Ba Bụng phó tổng tư lệnh quân đội Ba Cụt và một số đồng bọn bị quân chính phủ bắn chết tại Châu Đốc khiến cho nội bộ đã lủng củng lại lủng củng thêm vì rắn bị mất đầu. Lại thêm Nguyễn Văn Ca, chánh trị bộ chủ nhiệm nghĩa quân cách mạng bị bắt tại kinh Thần Nông và Dương Thế Xương đổng lý văn phòng của Ba Cụt bị bắt tại Bảo Mỹ Thuận sau đó. Các cấp chỉ huy chẳng ai chịu nhường nhịn ai, tranh nhau làm thủ lãnh Các đơn vị mạnh ai nấy tự lo lấy chẳng cần liên lạc với nhau. Cũng vì vậy, mà chính họ đã tự phân tán nhau và tự tạo cho mình một tinh thần chán nản.

Cho nên đám tàn quân này hoạt động yếu ớt, chỉ còn một số các đơn vị khoảng 600 người ẩn náu tại vùng biên giới Miên — Việt, còn những người khác thời tự ý bỏ hàng ngũ về nhà làm ăn, một số ra quy thuận với quân chính phủ (10) và cũng có một số bị Việt Cộng lôi cuốn vào hàng ngũ của chúng.

Chiến dịch NGUYỄN HUỆ chỉ là một chiến dịch bình định nhắm vào công tác chính là tiễu trừ lực lượng giáo phái ly khai được coi như thành công rực rỡ trong nhiệm vụ giao phó. Chiến dịch này chấm dứt ngày 31-5-56 để đánh dấu một mục tiêu đã hoàn thành, đó là việc mang ông Soái về quy thuận và việc bắt được ông Ba Cụt tại trận tiền.

---

(9) Sau cuộc cách mạng 1-11-1963 lật đổ chế độ của tổng thống Ngô đình Diệm, vụ án Lê Quang Vinh tự Ba Cụt được đưa ra tái thẩm theo đơn của thân nhân đương sự và được tòa án phán quyết hủy bỏ vào năm 1964

(10) Trong suốt chiến dịch Nguyễn Huệ có 918 người (11 SQ + 803 HSQ và BS) của lực lượng Ba Cụt về quy thuận.

MỤC LỤC

Tài liệu tham khảo

BERNARD FALL — *Điện Biên Phủ, un coin d'enfer.*
— *The two Việt Nam.*
— *Street without joy.*

BỘ THÔNG TIN — *Hình ảnh.*

BOYER DE LA TOUR — *De l'Indochine à l'Algérie « Martyre de l'armée française ».*

CLAUDE PAILLAT — *Le dossier secret de l'Indochine.*

ĐẶNG QUỐC BẢO — *Việt Cộng và Pháp trong chiến tranh diện địa tại đồng bằng, bài trong Tập San Quân Sự số 22.*

HENRI NAVARRE — *L'agonie de l'Indochine.*

INDOCHINE SUD-EST ASIATIQUE (Revues) — *Hình ảnh và tài liệu.*

JEAN FERRANDI — *Les officiers français face au Vietnam.*

JEAN LE ROY — *Un homme dans la rizière.*

JEAN SAINTENY — *Histoire d'une paix manquée.*

JULES ROY — *The battle of Dien Bien Phu.*

LUCIEN BODARD — *La guerre d'Indochine « L'enlisement ».*
— *La guerre d'Indochine « L'humiliation ».*
— *L'aventure, de Lattre et les Viets.*

LOUIS SAUREL — *La guerre d'Indochine.*

MICHEL CAPLY — *Guérilla au Laos.*

NGHIÊM KẾ TỔ — *Việt Nam máu lửa.*

PHILLIPPE DEVILLERS — *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952.*

TRẦN TẤN QUỐC — *15 năm chiến tranh.*

TRẦN VĂN ĐÔN — *Việt Nam qua 20 năm biến cố.*

TRUNG TÂM VĂN KHỐ QUÂN ĐỘI — *Hình ảnh, hồ sơ và văn kiện quân đội.*

VÕ NGUYÊN GIÁP — *Chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân.*

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Cột	Giòng	Thay vì	Đọc là
107	3	5	tòn	tới
177	3	15	đương kiêm	đương kim
209	1	21	thiếu úy	thiếu tá
216	1	26	Lê Thăng tổng trưởng	Lê Thăng bộ trưởng
278	1	16	có trên 200 người	có trên 2000 người
279	1	10	Đinh Ngô tỉnh trong đơn độc	Đinh Ngô ở trong tỉnh trong đơn độc
280	2	40	để chỉ công tác	để chỉ toàn công tác
318	1	21	722, 724	722, 723, 724
323	3	19	557	555
334	2	10	19.000	19.200
343	3	39	khinh binh	khinh chiến
344	1	4	Việc thành lập hai sư đoàn dã chiến và khinh chiến	Việc thành lập các sư đoàn dã chiến và khinh chiến
344	4	31	3 trung đội chiến đấu giống nhau với mỗi trung đội 3 tiểu đội	3 trung đội chiến đấu giống nhau với mỗi trung đội 28 người gồm 3 tiểu đội
344	1	35	273 người	2371 người
411	2	19	tàu Cybres	tàu Cypres

3245 — 5
3236 5

